

# TỨ PHẦN LUẬT SAN PHỒN BỔ KHUYẾT HÀNH SỰ SAO



Sa-môn Thích Đạo Tuyên trụ Chùa Sùng Nghĩa, ở Kinh Triệu soạn Thuật  
Việt dịch: Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh  
Hội Văn Hóa Giáo Dục Linh Sơn Đài Bắc Xuất Bản

---o0o---

Nguồn

<http://daitangkinh.org>

Chuyển sang ebook 02-05-2017

Người thực hiện:

Nguyễn Ngọc Thảo - [thao.ksd.hng@gmail.com](mailto:thao.ksd.hng@gmail.com)

Nam Thiên - [namthien@gmail.com](mailto:namthien@gmail.com)

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

## **BÀI TỰA TỨ PHẦN LUẬT SAN PHỒN BỔ KHUYẾT HÀNH SỰ SAO QUYỀN THƯỢNG**

### **PHẦN 1**

**THIÊN THỨ 01: NÊU TÔNG BÀY ĐỨC**

**THIÊN THỨ 02: TẬP TĂNG THÔNG CỨ**

**THIÊN THỨ 03: CÁC TƯỞNG ĐỦ SỐ**

**THIÊN THỨ 04: THỌ DỤC ĐÚNG SAI**

**THIÊN THỨ 05: NÓI CHUNG VỀ YẾT MA**

### **PHẦN 2**

**THIÊN THỨ 06: PHƯƠNG PHÁP KIẾT GIỚI**

**THIÊN THỨ 07: GIỀNG MỎI LỚN CỦA TĂNG CHÚNG**

**PHẦN 3**

**THIÊN THỨ 08: DUYÊN NHÓM HỢP THỌ GIỚI**

**THIÊN THỨ 09: THẦY TRÒ NHIỆP GIỮ NHAU**

**PHẦN 4**

**THIÊN THỨ 10: THUYẾT GIỚI CHÁNH NGHI**

**THIÊN THỨ 11: AN CƯ SÁCH TẤN TU HÀNH**

**THIÊN THỨ 12: TÔNG YẾU TỰ TỰ**

**QUYỂN TRUNG**

**PHẦN 1**

**THIÊN THỨ 13: THIÊN TỰ DANH BÁO**

**THIÊN THỨ 14: TÙY GIỚI GIẢI THÍCH TƯỞNG**

**PHẦN 2**

**TRONG THIÊN TĂNG TÀN**

**PHẦN 3**

**TRONG 90 GIỚI**

**BỐN PHÁP ĐỀ XÁ NI**

**GIỚI CHÚNG HỌC**

**PHẦN 4**

**THIÊN THỨ 15: PHÉP TẮC TRÌ PHẠM**

**THIÊN THỨ 16: PHÁP SÁM HỎI SÁU TỰ**

**QUYỂN HẠ**

**PHẦN 1**

**THIÊN THỨ 17: SỰ CHUNG VÀ RIÊNG CỦA HAI Y**

**PHẦN 2**

**THIÊN THỨ 18: THỌ THANH TỊNH BỐN THỨ THUỐC**

**THIÊN THỨ 19: BÌNH BÁT CHẾ THÍNH**

**THIÊN THỨ 20: ĐỐI THÍ HƯNG TRỊ**

**PHẦN 3**

**THIÊN THỨ 21: ĐÀU ĐÀ HẠNH NGHI**

**THIÊN THỨ 22: TRÍ KÍNH TƯỢNG TĂNG**

**THIÊN THỨ 23: PHÉP TẮC THƯA THỈNH**

**THIÊN THỨ 24: ĐẠO TỤC HÓA PHƯƠNG**

**THIÊN THỨ 25: CHỦ KHÁCH ĐỐI ĐÃI NHAU**

**PHẦN 4**

**THIÊN THỨ 26: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH VÀ ĐƯA TIỀN LÚC QUA ĐỜI**

**THIÊN THỨ 27: CÁC HẠNH QUAN TRỌNG**

**THIÊN THỨ 28: SAU DI BIỆT HÀNH**

**THIÊN THỨ 29: NI CHÚNG BIỆT HÀNH**

**THIÊN THỨ 30: SỰ HÀNH TRÌ RIÊNG CỦA CÁC BỘ**

---o0o---

**TỨ PHẦN LUẬT SAN PHỒN BỔ KHUYẾT HÀNH SỰ SAO**

*Sa-môn Thích Đạo Tuyên trụ Chùa Sùng Nghĩa, ở Kinh Triệu soạn Thuật*

*Viết dịch: Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh  
Hội Văn Hóa Giáo Dục Linh Sơn Đài Bắc Xuất Bản*

**BÀI TỰA TỨ PHẦN LUẬT SAN PHỒN BỔ KHUYẾT HÀNH SỰ SAO**

*Sa-môn Thích Đạo Tuyên trụ Chùa Sùng Nghĩa, ở Kinh Triệu soạn Thuật.*

Giới đức khó nghĩ hết được, nó vượt ngoài các pháp, là quỹ đạo của năm thừa, là thuyền bè của Tam bảo. Công đức y theo giáo pháp kiên tu định tuệ, công chẳng có gì bằng. Trụ trì Phật pháp các sách từ đây mà khởi xướng. Từ khi Đại sư truyền bá rộng sách này ở thế gian. Cho đến tứ y để lại phong thái không gì thay thế được. Đến thời Tượng quý càng nhiều ngoa ngụy, thật là miệng lưỡi sắc bén, đánh trống luan bàn việc vô hình, cho nên làm rung chuyển truyền giáo, chín đời đều nghe. Vượt ngoài loại tri thuật mà thôi. Muốn làm sáng tỏ hành nghi, để giúp nhiếp tượng giáo, lưu truyền phép tắc này để dạy bảo người học đời mạt pháp. Buộc lại giềng mối nhiệm mầu đã dứt, dựng day ngọn cờ cao đã ngã, có thể hiểu rõ mà phê bình, đâu chẳng nhờ vào sự đối đời luông đời để thanh hình. Việc khuôn phép để khó hiển bày sự tinh khiết. Cho nên trước tu phải nương vào Luật tạng, chỉ sự vạch văn mà dùng, thì đối với văn tin tưởng ghi chép thật. Và nhờ duyên lành có sự ràng buộc nhiều hơn lại nữa cái học chẳng phải tinh ròng rộng lớn nói theo tuồng bụng thí càng nhiều, mà chọn loại thì ít thảo luận. Bình thường thì các chấp khác lạ gom nhóm thành tập này này, cho đến làm cho bội phần tách bộ phận khinh trọng, các giềng mối giữ gìn, đồng khác phân biệt. Tự chẳng phải sự hưng phế của ý thông giáo. Khảo xét về sự hư thật của các thuyết, ai có thể khai mở lớp nghi ngờ để thông suốt sự hệ lụy. Bao gồm di ký bộ chấp giải thích hành tướng, thường hận chỉ luận văn sơ các sự đời trước, phép tắc để lại, do phé lập hỏi đáp yếu sao, cho đến bày rõ việc lưu hành ở đời để cậy nhờ. Trăm quyền không còn một. Bây giờ, có Nhuệ

Hoài Hành sự, mà văn thì ở nghĩa tập. Hoặc lại bày nhiều từ ngữ hay mà hợp cơ chưa đủ. Hoặc đơn đề yết-ma thành tướng mà chẳng tuyên bày. Y văn sử dụng thì không bàn việc trước, đồng thời nói rõ, muôn sự muôn vật rối loạn, chưa thể chia sẽ xem xét, cho nên người tìm cầu không chứa nhóm sự học thì không biết. Người lãnh hội chẳng tinh luyện thì không thấu suốt, tôi nhân nghe những điều hay, lúc rảnh rỗi đọc các thiên sách, thấu suốt những điều chẳng thuộc về ý, đều có tâm hơn kém. Rõ ràng có động cơ thẳng bút hoài mái. Bao gồm dị bộ thành văn tổng quát gồm các kinh tùy thuyết. Và sự để lại của bậc hiền Thánh cõi Tây, phong văn của bậc tiên đức cõi này, tìm tòi bác bỏ đồng khác, đồng thời đều nghiên cứu tốt cùng. Mãi thấy chắc chắn ghi chép để phụ vào sự biết rộng. Nói rộng chắc chắn xét dùng làm ý chung. Hoặc văn rườm rà để nói lên sự dụng. Hoặc bày sơ lược để so sánh chỉ theo nhau, hoặc cắt văn để nghĩa liên lạc, hoặc tìm từ vá mượn để hỏi. Như thế từ đầu đến cuối soi sáng qua lại, ẩn hiển lẫn nhau. Đồng thời thấy các việc đúng sai về thực hành yết ma, đạo tục chánh nghi, xuất gia tạp pháp, và name rõ là cái thấy của tông này, phí công để cứu người mới học. Nhưng đồng với ta thì đã kích đại tiết này. Thuyết khác thì bác bỏ văn rườm rà, văn rườm rà không ai thích, là do sự không nắm được, vì sao? Vì nếu lược bớt chọn lấy điều then chốt, dụng sự hằng có không đủ, chắc chắn bình ngang lời nói không vội. Đối với sao bèn thành điều cấm kỵ. Nay suy tính về việc chọn lấy gồm tinh ước, giúp đỡ được đầy đủ tốt đẹp, ghi thành ba quyển.

Nếu suy nghĩ không đủ về thời sự, cố nhiên có thiếu sót về giải thích, thì lược nêu ý chỉ để làm rộng ra ở sau.

Nhưng văn nghĩa toàn bộ chia làm ba quyển.

– Quyển thượng gồm các việc thành dụng có khuôn phép

– Quyển trung vâng theo giới thể trì phạm để lập sám

Quyển hạ tùy cơ yếu hành, nương vào sự mà khởi

Đồng thời như văn theo đầy đủ, tưởng không rối ren, nhưng cảnh sự thật nói nắm khó phán đoán. Nay lấy vật loại theo nhau để nêu danh đứng đầu. Cho đến hợp lại giềng mối ấy, sợ dòng nhánh chưa lớn mạnh, lại dùng mười môn bao gồm điều lệ mới hiển bày rõ ràng sâu xa.

Thiên thứ 01 - Nêu tông bày đức

Thiên thứ 02 - Tập Tăng thông cục

Thiên thứ 03 - Túc số chúng tướng (phụ pháp riêng chúng)

Thiên thứ 04 - Thọ dục đúng sai

Thiên thứ 05 - Nói chung về yết-ma

Thiên thứ 06 - Phương pháp kiết giới

Thiên thứ 07 - Đại Cương về giềng mối của Tăng

- Thiên thứ 08 - Thọ giới duyên tập (phụ pháp xả giới sáu niệm)
- Thiên thứ 09 - Thầy trò thuộc nhau
- Thiên thứ 10 - Thuyết giới chánh nghi
- Thiên thứ 11 - An cư sách tiến tu hành (phụ pháp thọ nhật)
- Thiên thứ 12 - Tự tứ tông yếu (Phụ pháp y ca-hy-na)
- Thiên thứ 13 - Thiên tự danh báo
- Thiên thứ 14 - Tùy giới thích tướng
- Thiên thứ 15 - Khuôn phép Trì phạm
- Thiên thứ 16 - Pháp sám sáu tự
- Thiên thứ 17 - Nhị y chung riêng
- Thiên thứ 18 - Bốn thứ thuốc Thọ tịnh
- Thiên thứ 19 - Bát khí chế thính (phụ pháp phòng xa ngũ hành điều độ các dụng cụ)
- Thiên thứ 20 - Đối thí hưng trị
- Thiên thứ 21 - Hành nghi đầu-đà
- Thiên thứ 22 - Tăng Tượng trí kính
- Thiên thứ 23 - Kế thỉnh lập bày khuôn phép
- Thiên thứ 24 - Đạo Tục hóa phương
- Thiên thứ 25 - Chủ khách đối đãi nhau (phụ pháp bốn nghi)
- Thiên thứ 26 - Săn sóc bệnh, lo lắng mọi việc lúc qua đời
- Thiên thứ 27 - Các hành tạp yếu (pháp tỷ khéo xuất thế chánh nghiệp nương tựa)
- Thiên thứ 28 - Sa-di biệt pháp
- Thiên thứ 29 - Ni chúng biệt hành
- Thiên thứ 30 - Các bộ biệt hành

1. Thứ nhất là tựa, giáo hưng khởi ý, hễ là bậc chí nhân làm hưng thịnh thế gian, lợi ích muôn vật. Có nơi tùy cơ nói giáo, lý không truyền trao suông. Y vào môn đại từ nói về Tỳ-ni, cho nên luật nói: Vì Thế Tôn từ bi mà nói pháp.

2. Thứ hai: vì đối với ngoại đạo tự hiển bày Phật pháp, người tôn trọng bậc cao đức. Cho nên chế giới này. Xem trọng luật, hễ những điều chế lại hoài bão dị thuật. Cho nên văn nói: Nếu không soạn phép tắc, kiết giới thì làm ngoại đạo lắm lời.

3. Vì đối với dị tông, tông thì có nhiều sự khác nhau. Lại như Bộ-Tát-bà-đa nói: Giới bốn rườm rà lược chỉ thể chứa viên dung. Y cứ vào tục khai định ở thời số,

ngự pháp lệ thông đôi có không chuẩn. Nay bộ Đàm-vô-đức nhân pháp có tựa, quỹ tắc được nhiều nơi dùng, đề khởi thấu suốt chỉ tồn tại thiện sinh, lập giáo ý để hiển bày điều ước.

Trên thế thông minh giáo hưng khởi. Nay y cứ vào tông đương thời để giải thích. Giáo không sinh khởi, tự nhiên nhất định phải có người làm nguyên nhân. Nhân (người) đã không đồng thì giáo cũng chẳng phải một, cho nên nhiếp thấu hoàng thế quỹ tắc dùng nhiều, quý ở chỗ được bốn thuyên kia, thật khó suy xét đầu mối ấy. Cho nên y cứ vào khai để chế nghiệm; chỉ hiển bày trì phạm cho người, ý rõ ràng còn không lỗi. Nay hạn chế một Luật tạng dùng năm lệ phân thì giáo hưng khởi, ý có thể thấy.

1. Dùng già tánh thường phân tánh ác, thì chung ở hóa chế, già giới do lỗi mà sinh khởi. Nhưng văn của tánh giới thông thả mà nghĩa vội vàng, nghĩa là tùy các giới trọng mà có khai văn. Văn tuy là khai, khai thật kết phạm, dù cho thành trì.

Trì giữ thật khó. Như dâm thì ba thời không vui, hủy báng thì đầu cuối từ cứu. Đã là căn bản tham sân, làm sao có thể cấm tâm không buông lung. Cho nên biết nghĩa còn cấp hộ. Giá giới thường chế chỉ có lợi ích mới khai. Khai nó lỗi phát khởi rồi lại chế. Há chẳng phải là còn hóa tục, sợ đọa khổ đau. Bậc Đại Từ lập giáo ý chỉ xét lỗi. Cho nên luận Tỳ-ni Mẫu lập hai nghi nhanh chậm để tìm nó, chung cho mong cầu.

2. Để khai chế thường trung cầu, Giác thì chung cho hai đời, cho nên văn dưới nói: Thế Tôn là bậc Nhất Thiết Trí, chế rồi lại khai, khai rồi lại chế. Ở đây chung cho cả giáo đời vị lai.

Như luật Ngũ Phần chép: Tuy những điều chế của ta đối với phương khác chẳng phải người thanh tịnh thì không ứng dụng.

Tuy chẳng phải điều ta chế ở phương khác thì nhất định người nên thực hành, chẳng được không thực hành. Điều này là khi Như lai còn tại thế. Nhưng hai giáo dung nhau, bao gồm tất cả.

3. Vì ứng báo có mạnh có yếu. Giáo cũng trọng về nghe, thì chế là phần phòng ngừa hạn chế. Y cứ vào hành thì núi đời khác nhau.

4. Lấy cơ ngộ làm đầu, giác môn khinh trọng dẫn đến cách xa, năm bộ đi chấp há không vậy hay sao?

5. Vì sự pháp đối nhau. Pháp chỉ có cách thức, trái yếu chỉ thì sự không thành. Sự thông, tình tánh cho nên tùy cảnh mà chế ra sự được mất ấy. Hoặc nhờ duyên của ba tánh, hoặc tùy thời cơ mà sinh khởi. Lại lược dẫn các sự điều biết cạn mới đến. Tổng nhiếp gồm nêu, không ai chẳng tiếp nhận, tâm người thường âm áp câu nệ, do đó mà hưng giáo.

Cho nên văn chép:

Vì sao Đức Thế Tôn lại chế thêm giới học?

Vì điều phục ba độc. Sao gọi là Học? Vì cầu bốn quả.

1. Trong các môn ở dưới những điều thuật chế ý chỉ tùy sự trước làm cho người sau tiến tìm điều trị bốn.

2. Là Ý chế giáo khinh trọng, hai ý khinh trọng cắt đứt thật khó. Vì sao? Vì vốn giáo kia có thể thi hành, người của giáo chủ cùng có. Lại suy nghĩ những việc làm này, mọi người chỉ ứng với bình thuốc. Cho nên thuốc và bình khớp nhau, lợi nhuận thấm khắp nơi. Há có thể tình đoạn, đâu lại dùng lời luận bàn. Tuy nhiên, lại suy xét về mục tiêu sâu xa ấy, thật được con cháu đời sau ở nơi văn tự hiển bày, đâu nhờ chứng thành. Nay đại lược này, tựa gồm có bảy loại:

- a. Hưng yếm tiệm đốn
- b. Kết chánh nghiệp khoa
- c. Quả báo khác nhau
- d. Nhiếp các đường hơn kém
- e. Khởi tình hư thật
- f. Khai chế dựng lẫn nhau
- g. Ước hành chương dị

Như hai nghi thức về nghị tĩnh, các trường hợp này, bốn hoài của việc chế giáo y cứ theo Tông thể để đoán.

3. Ý nghĩa đối sự ước giáo phán xử. Từ khi Phật pháp truyền về phía Đông sáu trăm năm, các sư xuyên tạc, cắt xén đúng sai, đua nhau đầy sự đồng khác, không thể xưng nói. Do đó, người tìm thảo luận không biết tông chỉ. Người hành sự mê mờ nơi hướng đi. Cho nên phải học sự nhất định, y cứ về hành thì xa, chấp giáo nhất định khâm phục văn chân chánh, việc gì mà bị hủy báng, há lại bị cười trách. Nay san định trì phạm, lại y cứ vào thọ thể này. Thể đã bốn phần mà thọ, lại chỉ bày phần ấy ngang bằng. Nghĩa là đem sự học của mình san định sự trì phạm của người. Thoát là diễn mất, điều này chỉ có kẻ ngu si không học, nay lập chung định cách cùng thành khá chuẩn, vừa vạch ra điều lãnh, thích nhiên đại quán.

4. Ý dùng văn của các bộ, đều nói rõ Luật tạng. Bốn thật một văn. Nhưng vì cơ ngộ khác nhau dẫn đến làm cho các sự tính toán được đứng vững. Cho nên, tùy theo sự ưa thích mà thành lập tông mình, đua nhau chọn số đông, văn dụng tập điển của một nhà, cho nên có thể khác về khinh trọng. Trì phạm chia rõ, có sự phát xuất vô cùng, phé hưng cùng hiển. Nay lập bốn phần làm gốc. Nếu khi hành sự nhất định phải dùng các bộ, chẳng thể không dùng. Cho nên luật Thiện Kiến chép: Tỳ-ni có y pháp, các Đại đức có thần thông sao để cho người biết.

- a. Bốn nghĩa là tất cả Luật tạng
- b. Tùy bốn

c. Pháp sư ngữ nghĩa là Phật trước nói bốn.

Năm trăm vị A-la-hán phân biệt lưu thông rộng rãi, tức là luận chủ, bốn ý dụng nghĩa là dùng ý phương tiện độ dụng và Ba tạng để nói rộng khắp. Trước xem căn bản, kể là cú nghĩa, sau quán lời Pháp sư, dùng với câu văn. Bất đẳng nghĩa là chẳng lầy. (pháp luật sư nói rộng trong quyển 6). Chánh văn như thế, nhưng việc hành tàng thật khó. Nghĩa lầy bỏ chẳng dễ. Lại nói về sự giải thích ấy để trình không mê hoặc. Nghĩa là văn nghĩa trong tông này đều viên dung y cứ vào sự không thiếu, bộ đương thời tự đủ, đâu nhờ tìm bên ngoài. Ngoài ra, còn có văn của luật không hiểu, Sư còn bỏ nghĩa trước thì không có văn, không có văn thì có sự. Như các lệ này chọn lầy tông bên ngoài để thành một bộ này. Lại điều dẫn bộ loại nhất định, chọn sự tương quan về thế nghĩa có thể dùng chứng thành. Nhất định loại chậm nhanh, nặng nhẹ, đúng sai điều y cứ theo luận không chọn lầy.

Cho nên văn bày ra bốn thuyết để so sánh.

Thập Tụng mặc ẩn nghĩa cũng đồng.

Như thế để làm rõ thì tâm cảnh chiếu nhau. Đồng hợp với quy cách, rườm rà, lược bỏ trong sự chọn lựa, lý đâu tối tăm. Nếu không xem rõ các bộ thiên chấp một lãnh vực, liên quan đến Sự, sự thì không khắp. So văn thì văn khó có y cứ. Lòng sư cảm thấy mỗi người đua nhau phải quấy, cũng chỉ vì mê, thật do không có giáo. Nếu Tứ phần san văn có hạn thì sự không thể thông hành. Lại dùng văn của bộ khác để thành sự của bộ khác. Hoặc văn nghĩa trong hai bộ luật đều rõ thì không do đâu mà lầy bỏ, bèn đều phát xuất ra chánh pháp. Tùy ý tìm dụng nhưng hành dụng chánh giáo tự mình mở xem vì sợ truyền nghe lạm chân.

Lại trong thế gian, trì luật lược có sáu:

1. Chỉ chấp một bộ Tứ phần, không cần tông ngoài  
(Như trì y thuyết được, văn không chỉ bày nhưng tùy trì mà thôi)
2. Đương bộ khuyết văn chọn bên ngoài để trích dẫn sử dụng  
(Tức là loại dùng Thập Tụng trì y và thuốc)
3. Đương tông có văn nghĩa không rõ. (nghĩa là loại cuồng điên, đui điếc đủ số)
4. Bộ này văn nghĩa đều rõ mà bị dị tông bác bỏ  
(như xả tịnh địa, nói thẳng thuyết giới)
5. Gồm chọn năm tạng thông hội Luật tông  
(như trong văn trường hàng không lạnh mà thử ngoại đạo).
6. Rốt cuộc trở về Đại thừa cao tột

Như Lăng-già, Niết-bàn, tạng phòng không lửa, cầm đoán rượu thịt, năm thứ rau cay, tám thứ bất tịnh tài.



Sáu loại này, mỗi người chấp vào chánh ngôn không trái yếu chỉ của bậc Thánh. Nhưng do hai sự thấy biết thông cục cho nên có dùng tham giải khác nhau. Những tông ý của sao này còn trong quyển thứ ba và thứ sáu. Ngoài ra cũng tìm hiểu mà chọn, được mất tùy cơ, vì biết thời cơ.

7. Năm là y văn nghĩa quyết chung. Phàm lý bốn mất tên, cho nên đặt tên để nêu tông ấy. Danh tùy sự hiển, cho nên đối với sự mà có văn này. Xong, xét Luật tạng này ngôn sự đều khắp. Nhưng vì niên đại quá xa, sát thái chẳng tìm, pháp vì thời chuyển, sự nhiều thiếu sót.

Hơn nữa, năm Sư thu thập tình kiến khác nhau, lại do phiên dịch mất đi yếu chỉ, vọng sinh tạo lập. Lại vì viết nhầm nên truyền thừa nhau có lạn, cho đến việc tra cứu rồi ren rất nhiều. Nay tổng hội để thông sự thấy biết lớn lao ấy. Nếu văn nghĩa bị thiếu, thì có thể nêu một để ví nhiều. Hoặc lý có mà thành thành sự trước, hoặc văn tuy đủ mà nghĩa lại thiếu, nên dùng nghĩa định nó, vì vậy luận nói: vì lấy lý làm chính. Hoặc nghĩa tuy nhất định lập đương bộ không văn, thì đều đóng gập các bộ lại để dứt sự phi báng. Nhưng văn nghĩa quyết thông thật khó phé lập. Tự chẳng phải rõ sâu về luật tướng thông đạt khai giá. Không như vậy thì lụy đến tự tâm, cố nhiên không lợi ích đến cảnh khác.

Cho nên luật nói: Văn nghĩa đều đồng, văn đồng nghĩa khác, văn khác nghĩa đồng, văn nghĩa đều dị, thoả mái tiến chỉ không nhọc sắp xếp giải thích. Xong quyết bỏ đúng sai nhất định đều thông yếu chỉ Luật tạng, đồng thời biết văn tùy kính. Như điều thấy biết của sáu sư trên mới nghiên cứu được tông tích của giáo này.

Cho nên Luật Thập Tụng chép:

Tỳ-kheo có ba việc quyết định biết tướng Tỳ-ni:

1. Bỏ khởi
2. Kiết giới
3. Tùy kiết

Phải suy nghĩ quán sát hai bộ giới luật và nghĩa giải Tỳ-ni Tăng Nhất, khai già khinh trọng, như sắc năm đại là ngăn bất tịnh, phi sắc tịnh không ngăn. Như thế đồng thọ lượng gốc ngọn đã dùng.

Luận Minh Liễu cũng chép: Tỳ-kheo có thể biết năm tướng danh giải Tỳ-ni, không xem mặt khác, văn lược đồng với trên, rộng như kia nói.

1. Ý giải thích về giáo, văn của thuyết giáo, rất là sáng rõ, toát yếu đại thú ấy, chỉ rõ trì phạm. Nhưng cảnh trì phạm, chung cho trong ngoài. Trong nghĩa là sự kết nghiệp của hành tâm. Ngoài nghĩa là sự thuận nghịch của tình sự. Nhưng làm cho giáo hành vâng theo, hoàn toàn không phạm ấy là Trì. Nếu sinh ra không học, đối với pháp không nghe, tạo ra nghĩa thiện ác bao gồm phước tội. Nay muốn buộc tội, nhưng làm cho tương ứng với giáo, bất luận sự tình, hư thật đều gọi là Phạm, ở đây gọi chung là trì phạm.

Nếu kết thiên chánh tội, cùng các trị phạt thì nhất định buộc phương tiện làm thành nghiệp quả, làm cho suy lường y cứ suy xét về thật tình, khinh trọng được về lý giáo, thì cắt đứt sự ngay thẳng. Làm sao là lạm dụng, ở đây tên khác là trì phạm.

2. Ý đạo tục bảy bộ giáo thông cục, hiển giáo về lý mới có nhiều lỗi, mà có thể lấy tính cầu, chia ra hai loại:

a/ Hóa giáo: Đây thì chung cho đạo tục. Nhưng nói rộng về nhân quả, thấu suốt chánh tà, phán đoán hành nghiệp sâu kín khó biết, hiển bày lại báo rõ suốt và dễ thuật.

b/ Hành giáo: chỉ hạn cục trong các định lấy bỏ lập ra cương yếu, hiển rõ trì phạm, giải quyết về sự ngưng trệ, chỉ cho nghĩa công, tuyên văn không lớp lang. Kết tội đoán rõ về sự có tội xét lại. Như hai giáo tuần hoàn chẳng phải không lạm nhau. Nêu tông để phán lý tự rõ, nghĩa là nội tâm thuận nghịch lấy lý làm tông thì y theo sự hóa giải. Bên ngoài dùng thi hành nhất định thân miệng liền y vào hành giáo. Nhưng người phạm vào hóa giáo chỉ thọ một báo nghiệp đạo.

Người trái với hành giáo lại tăng thêm tội về điều chế của bậc Thánh. Cho nên kinh nói: Người thọ giới tội nặng, người không thọ tội nhẹ. Văn rộng tự rõ cho nên lại phân, sợ mê vào tông thể của hai giáo, vọng nói phải quấy về nghiệp hành. Cho nên lập một môn mãi dùng phân biệt rõ.

8: Ý hai bộ tăng ni hành sự thông bát nhưng hai bộ đồng giới thì sự pháp đồng nhau. Hành dụng nghi thức xếp loại y cứ vào Pháp Tăng, đủ ở các môn. Tùy sự rõ dụng, nếu biến thành tướng phạm, giới bản tự phân, điều ẩn mà khó biết đủ ở tướng theo. Ngoài ra giới y cứ vào vị trí. Nghĩa là nặng nhẹ khác nhau, có không cùng thiếu, phạm đồng mà duyên khác. Bởi vậy đương đời thanh hành, chúng tướng khó biết và biệt hành các hạnh, pháp bình đẳng bày ra, ni có hành pháp riêng. Ở đây chỉ phân ra tông hiển. Còn chưa hiển bày giải thích, các ý có sự khác nhau đây đủ trong đại số.

9. Ý dưới ba chúng, tùy hành dị đồng khác. Đại chúng sa-di nếu y cứ vào giới thể đồng với đại tăng không làm. Chọn bốn này chỉ hiển ở mười, ngoài ra tùy hành, loại nhiều như cát bụi. Kết tội ở thiên thứ , tự vị ở đầu các giới. Tự ngoài hành pháp không đồng, lấy bỏ có khác. Mỗi mỗi phân biệt thiên đều rõ. Thức-xoa-na-na sáu pháp là học tông ấy. Giới thể lại không phát lại. Ngoài ra tùy hành đối trị đồng các ba chúng, nhất định có sự khác nhau, đủ như chỗ hiển bày pháp riêng của Ni.

10. Nói rõ về sao, ý trích dẫn chánh văn, bỏ đi sự truyền lạm suy xét đúng.

Trước nói rõ trích dẫn chánh kinh, kế nói rõ sự nói ngoa trong đời. Sau cùng nói rõ làm sao hưng khởi bốn ý.

Trước nói về chánh bản, luật Tăng-kỳ, là bộ căn bản, ngoài ra là Năm bộ như bộ Đàm-vô-đức, luật Tứ phần, v.v... Thế nào là sở tông? Tát-bà-đa là luật Thập tụng. Bộ Di-sa-tắc là luật Ngũ phần. Bộ Cadiếp-di là luật Giải thoát, có giới

bổn. Bộ Bà-Lộc-Phú-La, luật bổn chưa đến. Đây là y vào Đại tập, Luận Tỳ-ni Mẫu, Luận Thiện Kiến, luận Ma-đắc-lặc-già. Luận Tát-bà-đa đều truyền Luật Tỳ-nại-da, Luận Minh Liễu giải thích Chánh Lượng Bộ. Và Tam Tạng Chân Đế, Ngã Bách vấn Pháp Xuất yếu Luật nghi, Lương Vô Đế Chuẩn Luật Tập.

Ngoài ra các bộ khác văn rộng không trình bày. Lại kinh Đại Tiểu thừa và Nhị Luận tương ứng với luật, tên tùy kinh luật, đồng thời đủ vào Chánh lục. Như trong khai Hoàng Tam bảo Lục mươi lăm quyển của Phí Trường Phòng. Kế nói rõ dị chấp của các sư: Luật sư Pháp Thông, Luật Sư Phục, trích trong quyển sáu. Luật Sư Quang hai lần trích số, ba sư Lý, Ân, Lạc mỗi vị trích trong sao. Tôn Thống Sư số quyển tám, Uyên Luật Sư có số; Ba sư Vân, Huy, Nguyễn mỗi vị tự trích số sao; Hai sư: Hồng, Thắng có sao.

Luật Sư Thủ có số mười hai quyển, Luật Sư Lệ có số mười quyển.

Luật sư Cơ có số. Ngoài ra, các sư như: Đàm Vận, Tăng Hựu, Linh Dạ xuống Giang Biểu, Quan Nội, Hà Nam, Thục được lưu truyền. Đồng thời bao gồm nghĩa sao nhất như.

Kể nói về kinh ngự ở đời. Kinh Chư Phật Hạ Sinh, kinh Lục Dật Tịnh Hạnh Ưu-bà-tắc mười quyển, Luận Độc giác, Kinh Kim Quan.

Kinh Cứu Bệnh, Kinh Tội Phước Quyết Nghi, luận Tỳ-ni quyết chánh, Luận Ưu-ba-ly luân Phổ Quyết, A-nan thỉnh giới luật luận, luận Cadiếp vấn, luận Đại oai nghi thỉnh vấn, kinh Ngũ Tân, Luận Bảo Man. Duy Thức Phổ Quyết Luận, Kinh Số giáo, Kinh Tội báo, Kinh Nhật Luân cúng dường, Kinh Nhũ quan, kinh ứng cúng hạnh, kinh phước điền báo ứng, kinh Bảo ân, kinh Sa-di, Văn thù thỉnh vấn yếu hành luận, kinh Đề vị. Như thế những người soạn kinh luận gồm có hơn năm trăm bốn mươi quyển, đời này đời khác dần dần trích ra, văn nghĩa hạn cục phần nhiều phụ thuộc vào tình thế, tùy triều đại lâu rồi đốt bỏ, ngu si hợp lại dường như lam dụng. Lại thuật tương ứng với luật, như đã trình bày ở trước. Ngoài ra vẫn còn lược. Sau, nói rõ làm sao hưng khởi bổn ý. Phạm bộ sao cố nhiên phải toát yếu chánh văn bao gồm các ý. Trí tôi cạn hẹp, lượng nông cạn đâu dám khinh chê mà nói, động thành hý luận. Tuy nhiên, học có chỗ thừa, thừa chắc chắn biết gốc, thường trích dẫn và chọn lấy. Đối với một sự ý phé lập nhiều, các Sư còn bị tình kiến buộc ràng. Nay đồng thời san lược chỉ còn văn chứng. Và giáo thông với luân lý khác khó biết nhau. Tự đủ như tập nghĩa sao đã hiện bày. Mà sao lược chứng văn phần nhiều không đầy đủ, nhưng lấy văn nghĩa để vào Tông. Văn từ ngoài không cùng tận, ắt muốn tìm hiểu, biết cho tường tận, chẳng phải ý dựa trong sao. Cho nên vẫn nói: Các Tỳ-kheo muốn không nói đủ câu văn Phật dạy cho. Luận Tỳ-ni Mẫu nói: Phật làm cho dẫn ra yếu ngôn từ hay bày thẳng về nghĩa ấy. Ngõ hầu để cho người sơ cơ có dụng không đợi hỏi người khác, ngay nơi sự là hành, há lại nghi ở tội phước, còn sợ đời sau thêm các việc bất cập tăng thêm trong đó, làm cho Chân tông xen tạp ứ hạnh, dẫn đến mê như chim chuột, lại còn ở ngày nay.

Mười điều này tổng hết các môn, phân tách các lệ khóa. Nếu thu thập bất tận từ luận khác, thân nhà biên Phật, vị com dòng pháp, hình tăng lẫn lộn năm hạnh chỉ còn ba vị. Nên tôn trọng chánh giới, hiểu sâu trì phạm, thì trong quyền trùng thể tướng đủ rồi. Tự hành đã thành đức bên ngoài sáng dụng thì trong quyền thượng cương lãnh còn vậy, mình ta hai đức thành nhiều đường, thì trong quyền hạ mao mục hiển bày rồi.

Ba điều này nói rõ hành vô hành không thâm nhận ba quyền nhiếp văn, không có văn thì không được, nhưng sự loại lường khó suy lường. Nếu đường dài, giải thích tận mạn thì ít thảo luận. Ất tùy tương khúc phần, lỗi ở rườm rà. Nay tùy nghi uế lược, kết chung chỉ quy, để nên đề cương, lông mày tự chỉnh, vừa duỗi vừa xem, tùy việc tùy y cứ.

---o0o---

## **TỨ PHẦN LUẬT SAN PHỒN BỔ KHUYẾT HÀNH SỰ SAO**

### **QUYỀN THƯỢNG**

#### **PHẦN 1**

Thiên một: Nêu Tông bày đức

Thiên hai: Tập Tăng thông cục

Thiên ba: Túc số chúng tướng

Thiên bốn: Thọ dụng đúng sai

Thiên năm: Nói chung về yết-ma

Thiên sáu: Phương pháp kiết giới

Thiên bảy: Tăng cương Đại cương

Thiên tám: Thọ giới duyên tập

Thiên chín: Thầy trò nhiếp hóa lẫn nhau

Thiên mười: Thuyết giới chánh nghi

Thiên mười một: An cư sách tấn tu hành Thiên thứ mười hai: Tự tứ Tông yếu

---o0o---

## **THIÊN THỨ 01: NÊU TÔNG BÀY ĐỨC**

*(Trước nêu ra tông thi, sau dẫn văn thành đức).*

Nói về biên luật, sâu xa thông suốt muôn tượng. Tuy biên cả bao la không bờ mé mà nó không dung chứa thầy chết. Gò cao mây sóng mà trào không quá hạn. Cho nên hễ người dự vào cửa huyền thì phải tu giới cầm thanh tịnh, không dung chứa điều sai trái, gởi tâm nơi dòng nước đạo. Cung kính xuất yếu, không nhiễm thế gian. Cho nên có thể đức càng sáng tỏ đối với thời gian, vượt ngoài cương yếu trần thế. Bởi vậy, phi pháp không thể dùng soi sáng nghi ấy, Phi đạo

không thể hiện bày đức ấy, mà tưới vào dòng thức cạn biết thấp. Tuy danh tham mặc áo tu mà học kinh không đến nơi đến chốn, hành không y theo luật, có điều lành gì, tinh đã thô lỗ, làm sao nghiên cứu chân yếu, ôm ấp giữ gốc, chí dứt mong cầu, tâm hạn cục nói không đến. Ý tuy luận đạo, mà không khác thế tục, cùng với dòng đời, sự trái hướng chân, nghiên cứu học tập nhiều năm mà còn mê tối, hướng gì luận đời. Ai có thể thể hội điều đó. Bởi vậy để đưa đến sự lạm dụng làm loạn pháp, tùy ý buông lung, chuyên làm điều tàn bạo, còn chẳng phải là điều thế tục cho phép, có khó gì đâu đạo nghi còn mất. Dẫn đến làm cho người mới học lúng túng vụng về. Luật yếu bật dứt, nội sự kiềm chế.

Lúc đó chánh pháp huyền cương đâu không che lấp, đọa lạc ư? Cho nên biết hưng khởi thay thế ở người. Người tôn sùng hộ pháp thì lo gì mặt trời Phật không sáng soi, bánh xe pháp không xoay ư? Nay lược chỉ tông thể hành tướng, giúp cho người sau tiến hưng, khởi lập có chỗ cậy nhờ.

Giới lấy tùy khí làm công, hạnh lấy lãnh cương làm hướng đi, có thể khéo tịnh thân tâm xứng duyên mà thọ, mới tương ứng với đạo. Nếu tình không xa lìa sai hướng đi may may trung cầu, thì chính là bọn nhiễm dòng pháp, sẽ lấy gì làm tịnh khí của đạo, nghĩa ruộng tốt của đời vị lai đâu còn.

Bởi vậy, hễ muốn tịnh thân hành thì phải xa lìa nói mong đạt kết quả viên dung. Không nên vọng lập, phải chuyên tâm nhiếp ý làm cho khế nhập không trì trệ.

Cho nên kinh chép: “Tuy không có hình sắc mà có thể hộ trì”, Văn này nói rõ rồi. Vì sao? Nhưng giới tướng nhiều đường, chẳng phải chỉ một nẻo. Tâm có phần hạn, chấp trước khác nhau. Nếu theo cảnh rõ danh mới có vô lượng. Lại y cứ vào then chốt lược nêu có bốn loại:

1. Giới pháp
2. Giới thể
3. Giới hạnh
4. Giới tướng

**1. Nói về giới pháp** là nói pháp mà nói không hạn cục phạm Thánh. Nói rõ thẳng pháp này chắc chắn có thể vâng theo hành đạo xuất ly.

Muốn làm cho người nhận tin biết là có, tuy là phạm Thánh nhưng có chung pháp này, nay những điều thọ nhận. Chính đã thành lời gọi là Thánh Pháp (pháp của bậc Thánh). Nhưng làm cho trái lại sự sinh tử kia, đón nhận Tăng đồ lần lộn. Lập chí phải mong kết quả, sao dính lú bên ngoài. Nhất định sẽ nuôi lớn tâm này, làm cho theo người mà thành tựu, mới có thể theo Thánh Pháp, hoài bão học Thánh hạnh (hạnh của bậc Thánh), để nuôi thân cho nên gọi là hạnh tùy pháp.

**2. Nói rõ về giới thể:** Nếu y theo thông luận, nói rõ nghiệp thể về sự phát sinh, nay có thể hiện bày thẳng ngay tâm tướng có thể lãnh hội. Nghĩa là hai đế pháp giới và trần sa đồng là pháp lấy điều quan trọng của mình mong tạo phương

tiện, khéo tịnh tâm khí, nhất định không làm ác, suy lường tuệ sáng suốt thì hội được pháp. Dem sự quan trọng này mong tâm tương ưng với pháp màu kia. Đối với pháp kia, có nghĩa duyên khởi lãnh nạp tâm nên gọi là Giới thể.

**3. Nói về Giới hạnh.** Đã thọ đắc giới này ở trong tâm, nhất định phải rộng tu phương tiện, suy xét việc làm về oai nghi của thể khẩu, giữ chí chuyên tôn sùng kính mến bậc Tiên Thánh, giữ tâm sau đó khởi nghĩa thuận như trước gọi là giới hạnh. Cho nên kinh nói: tuy chẳng phải là độc đòi, khéo tu phương tiện mới được thanh tịnh, văn thành hiệu nghiệm.

**4. Nói rõ về giới tướng,** hành oai nghi thành, tùy điều mình làm điều xứng với pháp, đức tốt sáng tỏ. Cho nên nói là giới tướng.

Bốn điều này đều y vào gốc của xuất đạo, đông cực của thành quả. Cho nên nêu ở sau biểu thị để gợi tâm có chỗ, biết thân tâm mình hoài bão khâm phục pháp của bậc Thánh. Dưới là ruộng phước sáu đường, trên là hạt giống nhân của ba thừa. Ngoài ra, làm hạt giống Phật hưng khởi là pháp tràng. Công đức không thể nghĩ bàn, đâu chỉ luận bàn mà hết được. Dẫn thẳng lời Thánh thành chứng, làm cho bậc cao sĩ trì pháp rõ ràng tường tận. Tóm lại có hai, ban đầu nói rõ sẽ thuận giới thì Tam bảo trụ trì, làm việc Tỳ-kheo.

Nói rõ trái giới che diệt chánh pháp, lật các nghiệp khổ. Nhưng các kinh luận than giới văn nhiều, tùy bộ đều thoải mái, tướng cũng khó hết. Nay gồm chung quát nhất hóa, chánh văn nói trong phần đầu chia làm hai, trước y cứ vào hóa giáo, sau thì chế môn, phần đầu lại chia làm bốn.

**1. Kinh Tiểu thừa:** Nhưng Kinh Bát Nê-hoàn nói Đức Phật sắp diệt độ, thế gian không có thầy, A-nan khái thỉnh. Phật bảo: Nếu Tỳ-kheo vâng theo giới luật ấy là thầy, nếu ta ở đời cũng chẳng khác. Các kinh Di giáo đều đồng với sự khai thị này. Nhưng phát tâm hướng về muôn hạnh thì giới là Tông chủ. Cho nên kinh nói muôn sinh lên cõi trời thì nhất định phải giữ giới đầy đủ. Lại như mặt đất có khả năng sinh thành muôn vật. Cho nên kinh nói: Nếu không giữ tịnh giới thì các công đức lành không thể sinh. Lại nói vì có giới này mà có được định tuệ. Lại kinh nói: giới là hành căn trụ trì, tức là dụ như đất, có thể sinh thành trụ trì.

**2. Luận Tiểu thừa:** như luận Thành Thật nói: Lâu quán đạo phẩm lấy giới làm cột trụ, thành tâm thiên định lấy giới làm quách, vào nhân lành phải khâm phục giới. Bởi vậy, trì phải tôn trọng giới, trong luận Giải Thoát Đạo phần nhiều khen ngợi, văn rườm rà không bỏ phải xem, giới thì không ràng buộc. Tỳ-Ba-Sa chép: Giới Cụ túc, giới gọi là Thi-la, cũng gọi là hành, cũng gọi là Thủ tín, cũng gọi là khí, Thi-la là hạnh không phá giới, là nóng vì ba đường ác nóng. Cũng gọi là thiện mộng. Vì trì nó thì được mộng đẹp. Cũng gọi là Tập, vì khéo học giới pháp, cũng gọi là Định, nếu người trụ giới tâm dễ được định. Cũng gọi là trì (ao) vì là chỗ các bậc Thánh tắm. Cũng gọi là Kinh, vì giới thanh tịnh. Vì không có bóng ta hiện. Lại gọi là Uy thế, vì Như lai ở đời có oai lực, ấy là năng lực của thi-la, ngoài ra như việc đuổi rồng, năm trăm A-la-hán không thể đuổi ra, có một vị la-hán, nhờ năng lực giữ gìn giới nên đuổi ra được, lấy khinh trọng

đẳng trì. Lại gọi là đầu tư, có thể thấy các sắc của khổ đế, cho đến biết về sắc ấm của pháp. Vì có thể khéo giữ nên nói thứ tín. Vì có thể đến thành niết-bàn nên nói là hành sở y của công đức gọi là Khí. Tôn giả Cù-sa nói: Nghĩa không phá là nghĩa Thi-la. Như người không què chân có thể đi đến mọi chỗ. Vì hành giả không phá thi-la nên sẽ đến được niết-bàn.

**3. Kinh Đại Thừa Hoa Nghiêm chép:** thọ trì uy nghi giới pháp đầy đủ, hành sáu pháp kính, đại chúng đức độ, tâm không lo buồn, lời dạy của Đức Phật trong ba đời về chánh Pháp không trái lời dạy của Chư Phật. Có thể làm cho Tam bảo không dứt mất, pháp được còn mãi.

Kinh Đại Tập nói: Bồ-tát ở các thế giới mười phương thỉnh Phật, vì chúng sinh ăn năm thứ rau cay nồng mà chế ra giới cấm.

Như cõi Phật khác vì pháp còn mãi nên về sau Phật cho pháp, liền chế giới cấm.

Tát già Ni-kiền nói: Nếu không giữ giới thì dù cho ngàn thân ghê lở còn không được hưởng chi được thân công đức. Kinh Nguyệt Đẳng Tam-muội chép: Dù có sắc tộc và đa năng nhưng nếu không có giới trí thì giống như cầm thú, tuy ở chỗ thấp hèn ít thấy nghe mà tinh trì giới thì gọi là cõi cao quý.

Kinh Niết-bàn chép: Muốn thấy Phật tánh, chứng đại niết-bàn thì thân tâm phải tu trì tịnh giới. Nếu trì kinh này mà hủy tịnh giới thì người đó là quyến thuộc của ma, chẳng phải là đệ tử ta, ta cũng không cho thọ trì kinh này. Kinh Hoa Nghiêm chép: “Giới là gốc vô thượng bồ-đề, nên phải trì tịnh giới đầy đủ. Nếu kiên trì tịnh giới, thì được Như lai khen ngợi”, cho nên lại dẫn ra để thâm nhập vào tâm.

### **1. Luận Đại thừa**

Trí Luận chép: “Nếu cầu lợi lớn thì phải giữ giới bền chắc, nguồn gốc của tất cả công đức, là việc quan trọng của người xuất gia. Như người quý vật báu, như giữ gìn thân mạng”. Bởi vậy, giới là trụ xứ của tất cả pháp lành. Lại như không có chân mà muốn đi, không có cánh mà muốn bay, không có thuyền mà muốn qua sông, điều đó không thể được. Nếu không có giới mà muốn được kết quả tốt cũng không thể được. Nếu bỏ giới này, thì tuy ở núi khổ hạnh, uống nước suối, mặc áo cỏ, mặc y ca sa, thọ các khổ hạnh, cũng không thể đắc. Người tuy nghèo cùng mà trì giới luật, thì hương thơm bay khắp mười phương, danh tiếng bay xa, trời người cung kính, muốn gì được nấy. Người trì giới khi qua đời thì gió đao cắt thân, gân mật đứt đoạn, tâm cũng không sợ hãi.

Kinh Địa Trì chép: Muốn được năm việc lợi ích, phải thọ trì luật này, năm việc đó là:

1. Dựng lập Phật pháp
2. Làm cho chánh pháp còn mãi
3. Không ham muốn, có nghi tình thì hỏi người khác.

4. Tăng ni phạm tội làm chỗ nương cho họ.
5. Muốn đi giáo hóa các nơi không có trở ngại, đó là năm điều lợi của người thiện nam đức tin.
  1. Giới phẩm vững chắc.
  2. Khéo chiến thắng các kẻ thù
  3. Ở trong chúng quyết đoán không sợ.
  4. Người có nghi tình thì có khả năng khai giải .
  5. Khéo trì Tỳ-ni làm cho chánh pháp còn mãi.

Lại được mười lợi ích, như được tăng nhiếp thủ, v.v...

Luật Thập tụng chép: Hỏi Phật pháp còn ở đời đến bao giờ? Phật đáp: Tùy theo Tỳ-kheo thanh tịnh thuyết giới pháp không hoại, gọi là pháp trụ thế. Cho đến chư Phật ba đời cũng vậy. Trong nhị y Luật luận, luận Minh hiểu giải thích: bốn âm Tỳ-nại-da, đây lược gọi là Tỳ-ni có năm nghĩa:

1. Có công năng sinh ra các thứ lợi ích thù thắng, nghĩa là sinh ra điều lành thế gian và xuất thế gian.
2. Có khả năng dạy hai nghiệp thân, miệng thanh tịnh và ngay thẳng.
3. Có thể diệt tội chướng
4. Có thể trích dẫn thắng nghĩa
5. Người tại gia dắt dẫn họ giúp cho họ xuất gia, cho đến dẫn họ đến phạm trụ, thánh trụ, niết-bàn vô dư.

Người làm năm điều thắng này gọi là người tối thắng, là Phật, Độc giác và Thanh Văn là người tối thắng đều đi trong đó. Nếu phàm phu thực hành cũng gọi là thắng nhân, mới có khả năng làm việc này.

Bồ-tát Bà-đa nói: Tỳ-ni có bốn nghĩa: các kinh khác không có 1. Giới là Phật pháp bình địa, ruộng muôn điều thiện sinh trưởng.

1. Tất cả đệ tử Phật đều y vào giới mà trụ, tất cả chúng sinh do giới mà có.
2. Cửa đầu tiên hướng đến niết-bàn.
3. Phật pháp anh lạc có thể trang nghiêm Phật pháp, đủ bốn nghĩa này, công mạnh ở kia.

Luật Thiện Kiến chép: Phật bảo A-nan: sau khi ta diệt độ có năm pháp làm cho còn mãi.

1. Tỳ-ni là thầy của các thầy.
2. Dù chỉ có năm người trì luật ở đời.
3. Mười người ở Trung quốc (nơi trung tâm văn hóa) năm người ở biên địa đúng như pháp thọ trì.



4. Dù chỉ có hai mươi người đứng như pháp xuất tội.

5. Vị luật sư trì luật, cho nên Phật pháp trụ thế năm ngàn năm. Bộ Ngũ Bách Vấn nói: Phật sắp niết-bàn. A-nan thương xót khóc than. Phật hỏi vì sao khóc? Cho đến Phật nói: Sau chính ta diệt độ, nửa tháng một lần. Lại nói: Phật có hai thân, nhục thân tuy bỏ, nhưng pháp thân còn ở đời. Nếu người kính pháp, niệm pháp thì kính Phật niệm Phật. Nếu giữ năm giới thì thấy pháp thân. Nếu người hộ pháp chính là hộ Phật, như uống nước có sát trùng. Lại như nửa tháng nói giới tức là thấy ta.

Bộ Tát Bà-đa nói: Vì sao khi luật mới kết tập thì thù thắng, thì bí mật? Vì bí mật như các khế kinh, không chọn thời, xứ, người nói thì được gọi là Kinh; Luật thì không như vậy, chỉ có Phật tự nói cốt yếu ở trong tạng cho nên thù thắng.

Lại như luận phân biệt công đức chép: vì thù thắng, bí mật, vì người thế tục chẳng thể thực hành, nên không cho thấy.

Luận Đại Trang Nghiêm chép: kẻ ngu si thấp hèn không chịu hộ trì giới này.

**2. Nói rõ trái giới pháp diệt.** Lại y cứ vào hai giáo mà rõ lẫn lộn.

Luật Thập Tụng chép: Thời Tượng pháp có năm pháp diệt.

1. Tỳ-kheo hơi đắc tâm liền cho mình là bậc Thánh
2. Người tại gia sinh lên cõi trời, người xuất gia vào địa ngục
3. Có người bỏ nghiệp thế gian mà xuất gia phá giới
4. Người phá giới được nhiều người giúp đỡ .
5. Dù cho bậc la-hán cũng bị đánh mắng

– Lại có năm thứ sợ hãi:

1. Tự không tu thân giới, tâm tuệ lại độ người, làm cho không tu thân giới pháp
2. Nuôi Sa-di
3. Y chỉ người khác
4. Sa-di cũng ở với người thanh tịnh không biết ba tướng, nghĩa là đào đất, chặt cây cỏ, tưới nước.
5. Tuy tụng Luật tạng, nhưng trước sau lẫn lộn

– Trong Tứ Phần nói có năm loại làm cho chánh pháp mau diệt:

1. Có Tỳ-kheo không biết mà nhận tụng luật, thích vọng y cứ lại dạy người khác, văn đã không đủ, nghĩa ẩn có thiếu.
2. Vì trong Tạng, Thượng tọa thắng nhân của một nước mà phân nhiều không trì giới, nhưng chỉ tu bất thiện. Đời sau bắt chước buông bỏ giới hạnh.

3. Có Tỳ-kheo trì pháp trì luật ma-di, không dạy đạo tục, thì khi người ấy qua đời làm cho chánh pháp dứt mất.

4. Lại có Tỳ-kheo khó dạy bảo, không nghe lời hay, còn Tỳ-kheo thiện bô qua một bên.

5. Chửi bới lẫn nhau, tìm khuyết điểm của nhau, thì chánh pháp mau diệt.

Luật Thập tụng nói: Các Tỳ-kheo phé học Tỳ-ni, mà đọc tụng tu đa la, a-tỳ-đàm, Đức Thế Tôn rất quở trách, cho đến nhờ có Tỳ-ni thì Phật pháp mới trụ thế. Phần đông có Tỳ-kheo Trưởng lão, Thượng tọa học luật.

Kinh Tạp A-hàm nói: Nếu Trưởng lão Thượng tọa trung niên, thiếu niên nhỏ tuổi không thích giới không trọng giới, thấy người khác thích giới, không tùy thời khen ngợi, thì ta không khen ngợi, vì sao? Vì sợ người khác thấy vậy chịu khổ trong đêm dài.

– Kinh Trung A-hàm nói: Phạm giới có năm thứ suy hao:

1. Cầu tài không toại ý, dầu được cũng suy hao, chúng không kính ưa.

2. Tiếng xấu đồn vang, chết vào địa ngục.

Trong kinh niết-bàn nói: Do các Tỳ-kheo không trì giới chứa tám bất tịnh tài, nói là Phật cho. Người này như vậy lưới sao không cuốn lại, rộng như kinh kia nói.

Kinh Ma-da chép: Thích y phục đẹp, buông lung vui chơi, làm Tỳ-kheo nô, Tỳ-kheo-ni tỳ, không thích quán bất tịnh, hủy báng Tỳ-ni, ca-sa biến thành mâu trắng, không chịu nhuộm hoại sắc, tham dùng vật của Tam bảo, ấy là tướng pháp diệt.

Trí luận luận: Người phá giới không được người cung kính, chỗ ở như gò mả, lại mất đi các công đức. Thí như cây khô, ác tâm không sợ thí như La-sát, người không dám đến gần. Như người bệnh nặng, khó có thể ở chung, thí như rắn độc, tuy là cạo đầu xuất gia nhưng so đo tính toán thật chẳng phải Tỳ-kheo.

Như mặc pháp y, ấy là lá sắt nóng, bình nước đồng. Phàm ăn thì ăn sắt nóng, uống thì uống nước đồng sôi, chính là người của địa ngục. Lại thường lo sợ, ta là giặc của Phật thường sợ chết đến. Các thứ tướng phá giới như thế không thể nói hết. Người thực hành nên phải nhất tâm trì giới.

Hỏi. Có người nói: Tôi không tội không được gọi là giới, vì sao?

Đáp: Chẳng phải gọi là tà kiến thô tâm nói là không tội.

Nếu thâm nhập các pháp tướng, hành tam-muội không, dùng tuệ nhãn quán cho nên nói tội không thật có.

Nếu cái thấy của nhục nhãn thì chẳng khác gì trâu dê.

Nay người tụng lời Đại thừa, tự lực đã yếu, không kham giới này, tự thẹn ướ hạnh phần nhiều không học theo. Có dẫn đây làm y cứ không hiểu bản văn, cong vạy sơ xuất, rộng như trong quyển thứ 1.

Tứ Phần nói: Phá giới có năm lỗi:

- (1) Tự hại,
- (2) Bị người trí quở trách,
- (3) Tiếng xấu đồn vang,
- (4) Lúc qua đời sinh hồi hận,
- (5) Chết đọa địa ngục.

Trong Thập Tụng có mười pháp:

- (1) Chánh pháp mau diệt,
- (2) Có Tỳ-kheo vô dục độn căn, tuy tụng cú nghĩa nhưng không thể chánh thọ,
- (3) Lại không hiểu rõ,
- (4) Không thể làm cho người thọ có oai nghi cung kính,
- (5) Cho đến không thích pháp a-luyện-nhã,
- (6) Lại không theo pháp dạy,
- (7) Không kính Thượng tọa.
- (8) Người không oai nghi làm cho hàng hậu sinh không chịu học Tỳ-ni,
- (9) Dẫn đến làm cho buông lung, mất các pháp lành.
- (10) thích làm văn tụng, trang nghiêm chương cú, thích pháp thế gian. Cho nên chánh pháp mau diệt thật đáng sợ hãi.

---o0o---

## THIÊN THỨ 02: TẬP TĂNG THÔNG CÚ

Tăng lấy hòa hợp làm nghĩa. Nếu không cùng tập tướng có trái ly nự pháp thì công không quyết thành, bị việc nhất định y cứ vào vị trí sai trái. Cho nên lập đề trước, làm pháp tắc của tập tăng, sau đó nói rõ thông cục của xứ.

Văn Tứ Phần nói: phải trái tòa, đánh kiên-chùy cùng nhóm họp một chỗ.

Ngũ Phần nói: Các Tỳ-kheo khi bố tát, nhóm không đúng lúc ngăn ngại hành đạo. Phật bảo: nên xướng lên chờ đến. Nếu đánh kiên-chùy, như đánh trống, thổi ống loa thì để cho tịnh nhân sa-di cận trụ đánh, không được đánh nhiều, nên đánh ba hồi, thổi ống loa cũng vậy. Từ cây độc đen, cây đồng sắt phàm đánh cho làm. Nếu xướng hai thời đến cũng sai tịnh nhân, sa-di xướng. Trụ xứ phần nhiều không được nghe khắp. Nên ở chỗ xa mà xướng.

Còn nếu không biết nhóm họp thì nói với nhau biết, nếu không có Sa-di thì Tỳ-kheo cũng được đánh.

Trong Thập tụng: Cư Sĩ thỉnh Tăng ở trong chùa đánh chùy cho đến lúc bạn ngày đến, người nữ đem thức ăn cũng tự đánh chùy. Buổi trưa thí thực cũng vậy.

Kinh Tăng nhất A-hàm chép: A-nan lên giảng đường đánh Kiềrchùy đây là trống tin của Như lai.

Trong luật Thập tụng nói: bảy giờ, trong tăng phòng có người biết thời hạn, khi xướng cho đến đánh kiề-chùy. Lại không có người rưới quét bàn sửa sang chỗ ăn ở giảng đường, không có người tiếp tục phụ giúp, và dạy người rửa sạch trùng trong thức ăn, rau quả, lúc uống ăn không có người hành thủy, chúng nói loạn, bảy giờ không có người búng ngón tay. Phật bảo lập duy-na, luân phiên làm thứ lớp, nghĩa là thứ lớp làm Tri sự, tương truyền nói là Duyệt chúng.

Nếu trong tập văn, bảy thứ tập pháp, nếu lượng bóng, phá trúc làm tiếng, làm khói thổi, đánh trống, đánh kiề-chùy. Nếu xướng các Đại đức bố tát thuyết giới thời đến, cũng không nói Tỳ-kheo làm; Xuất yếu luật nghi dẫn Thành luận lật chùy. Đó gọi là cái khánh, cũng gọi là chuông, Văn trình bày đủ ở trên, nay cần nghĩa thiết lập. Phạm việc thí pháp, trước so lượng dùng tăng bao nhiêu, y vào số mà trải chiếu. Sau đó, y theo văn mà hô chuông, đây đủ như trong pháp nhóm tăng. Tuy người đều làm vậy, nhưng phần nhiều không có cách thức. Nếu y theo Kinh Tam Thiên Oai nghi, thì phần nhiều có cách về khoa yếu rất nhiều tiết giải, nhưng thời đồng phế bỏ, tuy dễ mà khó. Nay thông lập một pháp tổng thành đại chuẩn. Nghĩa là y cứ tăng nhiều ít thì việc nhanh chậm lượng thời mà dùng. Nếu tầm thường mà hành, bắt đầu sinh nhất định dần dần phát tiếng, dần dần ít, dần dần lớn. Cho đến tiếng dứt mới đánh một tiếng, như thế đến ba hồi. Khi Phật ở đời chỉ có ba hồi, cho nên Ngũ phần nói:

Đánh ba hồi, sau đó do người khác thỉnh mới có đánh dài.

Sinh khởi đánh dài lúc đầu cũng đồng ba hồi, trung gian bốn tiếng, chùy dứt mới đánh. Như thế dần dần đánh dồn nhỏ dần cho đến hết, mới lại sinh chùy đồng ba hồi như trước.

Đây các vị sư thời xưa dùng kinh luật tham cứu cùng lập pháp này. Cũng có tịnh chúng vẽ kiề chuông. Nhưng lúc đầu muốn hô, phải y vào kinh luận lập tâm nêu làm tất yếu có sự đồng cảm, phải đến đồ chuông lễ Tam bảo xong, đây đủ oai nghi đứng niệm. Tội hô chuông này là với chúng tăng mười phương, có người được nghe, đều nhóm họp cùng đồng hòa lợi. Lại có các chúng sinh chịu khổ đường ác đều được thoát khỏi. Cho nên trong truyện Phó Pháp Tạng nói Kế nị tra vương bị giết hại, sau khi chết làm con cá ngàn đầu, bị vòng kiếm vây quanh thân chặt ra từng khúc rồi sống lại. Nếu nghe tiếng chuông vòng kiếm đều buông. Nhân duyên như thế làm cho tin hiểu, khiến đánh dài làm cho ta dứt khổ.

Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: Nếu khi đánh chuông tất cả các khổ trong đường ác đều dứt trừ, đầy đều là tường nhân duyên vơi, lý tự nhiên không mất. Tôi đích thân thừa sự, có người đều niệm bị quý thần đọa nhập. Đòi có người lạm dụng tiếng chuông. Đây chẳng phải là lời Thánh. Các Kinh luận chỉ nói:

Đánh kiền-chùy, bất lời nói tịnh không chung với thế tục, cho đến tự làm, sớm phải phế bỏ.

1. Nói rõ chỗ đến thông cục, lúc đầu nói rõ phân bằng xứ

2. Nói rõ thông cục về dụng, trong phần đầu ý về giới. Khai chế khác nhau như trong phần kiết giới nói. Nay nói về hai thứ khác nhau ấy, nếu làm giới pháp thì có ba thứ khác nhau:

Có bốn giới trường chỗ nhóm họp tăng, mỗi người đều được hành sự.

1. Ở giới trường
2. Ở chỗ trống
3. Ở đại giới
4. Ở ngoài giới

Nếu không có giới trường, hai chỗ mỗi chỗ đều nhóm họp.

Nếu tiểu giới đã không lập tướng chỉ thẳng chỗ ngồi, không ngoài có thể nhóm họp. Nếu nói tự nhiên, tùy chỗ xa gần thì có bốn thứ khác nhau. Nghĩa là xóm làng lan-nhã nói giới hành thủy, đều không là vật tạo. Tùy chỗ ở của người mà có phân cục, cho nên nói tự nhiên. Đương luật không văn, các bộ dùng rõ. Lúc đầu trong xóm làng có hai, nếu người phân biệt được, Thập Tụng nói: ở trong xóm làng không có phòng tăng, lúc đầu làm phòng tăng chưa kiết giới, tùy giới xóm làng, là giới Tăng phòng (Văn dưới đều đi đến chỗ, ở đây chế phạm vi. Từ phần nói: giới xóm làng lấy tướng chùa viện). Trong đây không được riêng chúng.

Hỏi: Chỗ lan-nhã có tăng phòng, muốn kết giới thì nhóm tăng ở đâu?

Đáp: Thập Tụng nói tùy xóm làng tức là giới tăng phòng. Nay vòng khắp tường viện, và tướng xóm làng không phân, không cần phải năm dặm nhóm họp người. Cho nên văn dưới lan-nhã xóm làng mới khởi tăng phòng bèn nói là giới một câu-lô. Cho nên biết trước có tăng phòng, tứ đồng với giới thôn xóm. Trong luật bốn tướng thôn tăng, hai giới không biệt, ất tướng viện không khắp mới có thể y vào lan-nhã mà nhóm tăng. Nếu xóm làng có tăng thì không thể biết. Trong luật Tăng-kỳ nói; nếu thành ấp xóm làng phạm vi không thể biết thì dùng loại cây năm khuỷu tay, bảy khuỷu tay bằng bảy cây cách nhau, làm cho chúng khác thấy nhau, không phạm lỗi riêng chúng, mỗi pháp được thành tự. Y theo tướng mà thông tín, bảy cây sáu gian được sáu mươi ba bước. Không đồng giải trước bảy gian bảy mươi ba bước rưỡi. Như nghĩa sao phế lập. Hai là nói rõ lan-nhã. Nói về lan-nhã thì có nhiều loại: Nghĩa là đầu-đà gởi y giới ăn trộm, giới

Tăng, giới y, việc khó lại nói rõ về tăng giới, còn ở dưới tùy nói rõ, một giới lan-nhã các bộ không định, phần nhiều nói giới tăng đều là một câu-lô-xá. (Luận Minh Liễu số nói: khoảng một tiếng trống).

Trong Tạm Bảo Tạng nói là năm dặm. Truyền nhau dùng đây làm cố định, nếu có nạn.

Như Thiện Kiến nói: giới A-lan-nhã là bảy bàn-đà hình tròn vuông rất nhỏ, một bàn-đà là hai mươi tám khuỷu tay. Nếu người không đồng ý ở bên ngoài được làm pháp sự, tính có một trăm chín mươi sáu khuỷu tay, một khuỷu tay là thước tám tấc, tổng cộng có năm mươi bốn bước bốn thước tám tấc.

1. *Giới đạo hành*: Bộ Tát-bà-đa nói: Khi Tỳ-kheo du hành ở bất cứ chỗ nào, dù giới rộng có một câu-lô-xá. Trong đó, không được ăn riêng, Bỏ-tát riêng, cũng không nói rõ lớn nhỏ, luận giải Thập Tụng này. Văn luật nói: sáu trăm bước là một câu-lô-xá.

2. *Nói rõ thủy giới* (giới trên mặt sông)

Luật Ngũ Phần nói: Giới tự nhiên trên nước, nếu đi trên nước, trong chúng người có sức mạnh toé nước đến chỗ nào thì giới đến chỗ đó.

Bộ Thiện Kiến nói: nếu toé nước, hoặc vung cát, ngoài ra Tỳ-kheo không ngại. Lấy nước chỗ thường chảy, sâu cạn đều được làm tự nhiên, nước thủy triều không được. Nếu bỏ tát trên thuyền, phải hạ neo, không được buộc dính bờ và gốc cây trong nước, nghĩa là cho giới lục địa nối liền nhau. Nếu đá cây ở trong nước thì là giới trên mặt sông, nghĩa là lia lục địa. Nay lại luận thể chung của hai giới. Nếu ba loại tác pháp, tùy chỗ hạn cục, không y cứ góc vuông. Nếu nói về tự nhiên thì có bất định. Nếu giới trong xóm làng thì có thể biết. Tùy phạm vi cũng không vuông tròn, không thể phân biệt người hiểu khác nhau.

Hỏi: là bốn mặt của thân, mỗi mặt lấy sáu mươi ba bước, hay là một mặt thân lấy ba mươi một bước rưỡi?

Đáp: Bốn mặt mỗi mặt lấy sáu mươi ba bước, cho nên văn kia nói: giữa bảy cây chúng khác thấy nhau mà không phạm tội riêng chúng, hai chúng này nhìn nhau không nói về giới tướng.

Hỏi: Hai bên đều bình yết ma, tự nhiên định lượng là rộng hay hẹp?

Đáp: Các thuyết khác nhau. Nay giải tất cả hai chúng, mỗi mặt có ba mươi một bước rưỡi. Chung thì hai chúng có sáu mươi ba bước.

(Tự nhiên này thường có, bất luận bình pháp thì không bình pháp giới hằng tùy định). Cho nên trong luật Tăng-kỳ nói chúng khác nhìn thân hai Tỳ-kheo hai chỗ. Nay nếu ngoại giới không có người thì mặt thân mỗi mặt ba mươi một bước rưỡi, là tùy phân tự nhiên. Nếu có người, thì chỉ làm cho giới khác tự nhiên còn, ra ngoài giới tự nhiên, qua không làm, đồng thời thành pháp sự. Nay nhà hành sự sợ có riêng chúng, nhưng vì phóng sâu, về các mặt thì mỗi mặt hơn

một nửa. Thật mà nói mỗi mặt một nửa giảm là đúng. Cho nên Tát-bà-đa chép: Tỳ-kheo tùy trụ xứ du hành, có giới tự nhiên dù rộng.

Hỏi: Giới tự nhiên là vuông hay tròn?

Đáp: Xưa nói nhất định vuông, nay giải không. Nếu giới vuông bốn bề có khác, thì không dạy cũng có thể chuẩn. Nay nói: Trong giới tự nhiên không nhất định vuông hay tròn.

Nêu bốn mặt bốn phía mỗi phía không có giới khác thì giới này nhất định tròn. Nếu có giới khác thì khéo nhọn không định. Cho nên luật Thập Tụng nói: Vuông mỗi mặt một câu-lô-xá.

Nghĩa phương hướng đến thân mặt, chẳng gọi là giới hình vuông. Văn nói: Đệ tử theo thầy, về mặt du hành có thể cũng không được bốn phía.

Luật Ngũ Phần cũng nói: Cách thân một câu-lô-xá

Luật Thiện Kiến cũng nói: “Giới vuông tròn bảy bàn-đà”. Văn tự rõ ràng. Cho đến kết đại giới lấy ba do-tuần làm hạn lượng.

Luận Minh Liễu chép: “Hợp lượng gốc lấy ba do-tuần”. Cho nên rộng dẫn thành chứng, nhất định vuông phải bỏ.

Hai nói rõ dụng Tăng phạm vi, tông này có bốn thứ luận Tăng, nói rộng về nghĩa Tăng. Lại lấy bốn người trở lên có thể ngự Chánh pháp, làm được việc trước, nên gọi là Tăng.

Nếu người cuồng loạn ngu ngốc về việc làm chung cho tướng năng sở có trái xa, không vào tăng số. Thông mà biện tăng thì có bảy loại. Bắt đầu từ một người đến hai mươi người, mỗi người có thành bại khác nhau, rộng ra nữa như số sao khác. Trước nói rõ tăng bốn người tức là sự dụng về thuyết giới, kiết giới.

Kê, Tăng năm người là pháp thọ giới tự tứ ở biên địa.

Nếu theo Tăng-kỳ, xả đọa sám hối thuộc về tăng năm người.

Nghĩa là thọ sám hối chủ tác bạch và tăng, vì lượng khác không thuộc về tăng số. Nay vì đương tông không rõ, lấy Tăng-kỳ để định.

– Tăng mười người: là thọ giới ở thành phố.

– Tăng hai mươi người: là khi xuất tội Tăng tàn.

Bốn thứ tăng trước, nếu lấy danh nghĩa Tăng có thể bình pháp.

Bốn người thực biện tất cả yết ma, nay theo sự dụng cho nên phải ba điều biệt. Lại bốn người ở trước nếu y cứ tự làm vì thành tăng thể lại cần thanh tịnh. Vì phạm tội nhỏ không cần yết-ma. Nếu nói về các pháp thì có hai điều khác. Nếu là thuyết giới, sám hối, diệt tội cần phải thanh tịnh. Vì có người phạm, không được nghe giới, không được sám hối trước người phạm giới. Người phạm không được nhận giải tội cho người khác. Như trong môn sinh khéo về thọ giới chỉ lấy tướng thanh tịnh, mới chịu đủ số. Người trước kính ngưỡng liền thành

pháp sự. Cho nên khai đình chỉ hành pháp Tăng tàn. Hòa-thượng phạm giới, nhưng làm cho không biết việc thọ giới. Tát-bà-đa chép: không được dùng thiên nhãn, thiên nhĩ để biết pháp ác của người, chỉ dùng nhục nhãn, nhục nhĩ để thấy nghe. Nói rộng ra như trong pháp đủ số.

---o0o---

### THIÊN THỨ 03: CÁC TƯỚNG ĐỦ SỐ

Trên đã nói rõ nhóm họp, mà dụng tăng phải biết ứng pháp, nếu nhờ sự không trái. Tuy chẳng phải tăng thể mà thành tăng dụng. Nhất định đối với duyên khác nhau. Không ngại thanh tịnh thuộc về Phi Tăng, vì hai đường lối này, nên phân biệt làm cho hai sự khác nhau, đúng sai, lấy bỏ tự phân.

Tóm lại có bốn:

1. Trước nói rõ thể là ứng pháp, vì đối với sự có trái, cho nên không đủ số.
2. Thể cảnh đều trái, dù nhờ duyên cũng không đủ số.
3. Thể chẳng phải tăng dụng, đối với duyên thành đủ.
4. Y cứ theo duyên có ngăn ngại, không ngại thành pháp, chút phần không đủ.

Trước nói về tịnh tăng trái nhau, cho nên không đủ.

Tự phần nói không đủ số việc làm là người yết-ma. Có thần túc, ở trên hư không, ẩn mắt, lìa chỗ thấy nghe, biệt trụ, giới tường. Sáu người trên, ngoài ra đều là nghĩa này.

Cho nên trong xả giới, người điên cuồng, câm ngọng, người chết, người ngu, tự nói với những người này thì không thành xả, nghĩa là không đủ số. Nay lấy bộ khác nói rõ văn chứng thành.

Trong luật Thập Tụng chép: Tỳ-kheo ngủ say, nếu nghe bạch rồi ngủ, thì được thành tấn xuất, người chưa bạch ngủ trước thì không thành số.

Người loạn ngữ, người rối loạn, người nhập định người câm, người điếc, đủ hai người, người cuồng, người loạn tâm, người tâm bệnh hoạn, Tỳ-kheo ở trên cây, mười hai loại người, người bệnh ma-đắc-lặc-già, người biên địa, người si đốn, v.v... đủ chúng tự tứ, tất cả không thành, ngoài ra đồng với Thập Tụng.

Trong Tăng-kỳ, người gọi dục, nếu cách chướng, nếu nửa che nửa lộ, trung gian cách chướng. Hoặc nửa che nửa lộ duỗi tay không tới, chỗ trống duỗi tay không tới cho đến thực hành tác yết ma tọa thì thành khác, đi đứng ngồi nằm đều làm. Nói rộng ra như trong phân biệt chúng. Người say tự nói không hiểu, điên đảo nói ở trước người, người không luyện không hiểu giải, là không đủ nhiếp. Tóm lại, ẩn tướng khó biết, tùy theo ban đầu giải phân tích. Trước nói việc làm yết ma, vì người này là người xin pháp bị tăng lượng không xếp vào hạn tăng. Nếu thông trong bốn người sẽ nhập vào số tăng không đủ bốn người khi xướng yết-



ma, cho nên điệp nhân không vào Tăng dùng. Nếu bốn người thọ nhật bốn tăng không khác, cũng sẽ đắc thành.

Việc làm một người đáp ba chẳng phải tăng. Cho nên không thể bình pháp văn không bày ra sự đồng năm người đều là việc làm. Cho nên tăng bốn người có thể bình bạch. Không đồng việc làm thuyết giới, kiết giới thì không phải tác pháp đúng, vì tăng làm.

Thần túc, ở trên hư không: Tỳ-ni Mẩu nói: “vì trên hư không chẳng có phạm vi, khác với mặt đất, ẩn mắt nghĩa là vào trong đất, có tăng bay lên nhà là riêng, chẳng đủ số”.

Lìa thấy nghe; trong Tăng-kỳ nói nghĩa là chỗ đồng che, lìa thấy nghe.

Tướng ấy như nói ngủ trong thất, đó gọi là lìa chỗ thấy nghe không lấy sự thuyết giới, người yết-ma thấy nghe.

Như nghĩa sao nói biệt trụ.

Xưa nói đồng một giới không nhóm đủ, nay gọi là Tỳ-kheo, ngoài giới lạm đem vào số, chẳng gọi là mắt thấy ở ngoài giới.

Vì phần giới không biết, tối tăm ở ngoài tác pháp không thành, cho nên nói không đủ.

Về giới trường, do ngoại giới trước không thành, nghĩa là nói ở trong thì được. Hai giới này đồng giới tự nhiên, không đồng một tướng. Là vì biệt giới, ngủ say, nói mớ, rối loạn nhập định, v.v... do bồn vô tâm đồng bình pháp.

Trong Thập tụng chép: Chúng người khác thọ giới, mỗi mỗi nhập định, nói mớ, v.v... không biết thì yết-ma có thành không?

Phật dạy: Đều không thành, y cứ theo đây số tăng nhất định phải nhiều, cũng cho thành tựu. Dù người ở trong phòng ngủ say, nói mớ lý cũng khai cho thành. Ngoài ra đồng như trong pháp yết-ma nói.

Người điếc, câm, v.v... ba người do căn không đủ nên không thành chúng, Đại đức tăng nghe, vị nào không chấp nhận thì nói, đồng thời đều thiếu hai cho nên không đủ.

Già Luận chép: Nếu nghe tiếng nói lớn thì được thành pháp sự, ba người như cuồng, v.v... do tâm không nhớ cho nên không đủ.

Nếu y cứ vào luật nói người thường nhớ thường đến, không nhớ không đến, hai người này đã không đắc pháp. Người đầu thành dụng, người sau không đủ. Nếu nhớ lại quên đến không đến chưa được yết-ma không được thọ riêng.

Nếu được yết-ma dù để cho người bệnh sai thì chung cho không đủ. Người đau đầu (não) tâm loạn đều đồng với ba người cuồng, v.v... Người bệnh nặng, do tâm hôn mê không thích vô tình duyên pháp

Người biên địa nói cũng không hiểu, người trung quốc cũng không đủ biện. Phải sau khi biết nói cả hai thông đủ số.

Người si độn không biết nói nghĩa chưa tỏ phải trái, thì chẳng đoan hoại, phải nói yết-ma cùng văn mà thôi. Cũng khai thành đủ. Người gởi dục tâm đồng thân trái. Nói cách che nghĩa là đồng che lấp mà cách riêng không thành tướng đồng. Hoặc nói chỗ trống mà cách một nửa, che ở giữa ngăn. Nếu duỗi tay không đến gọi là một nửa dưới nhà tầng, một nửa dưới thêm tầng. Trung gian thí cách. Hoặc lại không ngăn, duỗi tay không đến, đây nói là hiện bày. Chỗ che không phải chỗ trống, pháp phải tiếp nhau.

Sư thuyết giới yết-ma đều ở trong một tâm của Tầng, để duỗi tay ra cho tới. Người làm việc tuy chẳng phải hạn số, cũng phải ở trong hai nguyên do đầy đủ cả hai, chẳng phải nhờ duyên không đủ. Các yết-ma, lấy đủ số Tỳ-kheo-ni, thức-xoa ma-na, sa-di, sa-di-ni. Người mắc mười ba nạn bị người nêu ba lần, diệt tận người đáng diệt tận hai mươi hai loại.

Hỏi: Mười tám người phạm biên tội và bốn người trong ni là tự nói cho nên không đủ hay thể không đủ?

Đáp: Giải ra có nhiều cách, ở đây đồng thể đã chẳng phải tầng.

Nếu tầng đồng biết cho nên không đủ số. Người không biết thì thành đủ. Như trong giới 'dữ dục' thì khác nhau.

Trong môn trước biết và không biết đều không đủ số.

Cho nên giữa Hòa-thượng không trì giới bốn câu lược bỏ, ba câu trước do không biết cho nên được thành.

Câu thứ bốn do biết theo người này thọ giới không được cho nên không đủ số, cho nên trong văn và Thập Tụng đều nói. Người xưa vì thể không hợp cho nên không đủ, tức xếp Hòa-thượng phá giới nằm ngoài mười người, đây chẳng phải chánh giải, vì sao? Nếu không biết phạm thì không được bèn dùng bộ khác. Vì Tứ Phần chê tăng mười người. Nếu biết người kia phạm, yết-ma mà không được điệp, vì thật biết chẳng phải Tỳ-kheo.

Trong Thập Tụng chép: Thêm một người tại gia, cũng không vào số. Trên nói rõ tướng tăng, đồng thời hình đồng xuất gia, vì tướng có lạm được cùng pháp sự, ắt mặc y phục thể tục, hình tướng rõ biết cũng không đồng nghĩa về pháp.

Trong Thập Tụng nói: Bạch y nghĩa là vốn thọ giới không được, cũng có người thọ giới sau đó nạn duyên phải mặc y phục thể tục, cũng phải đồng pháp. Do vốn là tăng liền biết khi tác pháp.

Hỏi: Người thể tục đối với giới có người từng thọ giới cụ túc mà không xả hay không?

Đáp: Không, mới không biết chúng.

Người ba lần nêu, nghĩa là không thấy, không sám ác tà không xả, nói rộng như trong các chương.

Diệt Tẩn nghĩa là phạm trọng giới đã nêu đến trong tăng bạch tứ dứt bỏ. Người nên diệt tẩn cũng phạm trọng đã cử đi đến đi tăng có nạn khởi chưa được thêm pháp. Cho nên luật gọi là vào trong thuyết Ba-ladi, như tuy phạm trọng, tăng chưa xét biết, mà trong người khác biết, chưa bị cử. Hoặc không tự nói tăng không biết một người trong chúng phạm trọng biết thì chẳng phải là số tăng, lại xếp vào trong đáng diệt tẩn. Thứ ba thể tuy chẳng phải tăng nhờ duyên thành dụng, tức người trong môn trước. Y cứ theo trước khi chưa tự nói, cùng tăng làm pháp, sự, thấy đều thành tựu. Như tuy nói xong khó có người biết cũng thành dụng tăng. Do đối với tướng không trái thì được biện sự. Cho nên trong luật nói Hòa-thượng phạm giới do không biết được thành pháp sự, cho đến biên tội đều đâu phải như đã nói.

Nhục nhãn biết người khác trì hay phạm.

Người phạm trọng tội, trộm cướp trá làm Tỳ-kheo, vốn khi người tại gia, người phá giới v.v... như trước nói có lỗi này thì làm yết ma không thành. Nếu không nói thì tất cả đều thành tựu.

Tát-bà-đa nói vì có người dùng thiên nhãn không nói xấu người cho đến như cho dùng thiên nhãn nhìn tăng tịnh hay uest. Người mà không lỗi nhưng có lớn hay nhỏ, không đến thì không thấy. Nếu khai nói thì ngại loạn sự rất nhiều, vì thể không cho nói. Tự nói: nghĩa là nói với người rằng:

Tôi phạm loại dâm, trộm, bốn thể tuy phạm pháp được thành tăng sự.

Trong Tứ Phần nói quả trách, tẩn xuất y theo cấm ngăn không đến nhà người tại gia cùng bốn người, phải yết-ma tất cả nhưng mà tăng trị, cho nên không được quả trách.

Phú tàng bốn nhật trị sáu đêm xuất tội đồng bốn người. Trong Thập Tụng nói hành phú tàng xong, bốn nhật xong, sáu đêm xong, hợp bảy người không đủ yết-ma về Tăng tàn, v.v... không ngại phải ngoài pháp sự, kể nói rõ bát chúng.

Nghĩa là đồng một giới trong trụ tường có hoa khác với tăng pháp.

Cho nên nói biệt chúng, có hai:

Trước nói rõ biệt tướng, sau nói rõ thành không

1. Trong phần đầu, Tứ Phần nói biệt chúng là người nên đến mà không đến, là thân miệng tâm đều không nhóm họp.

2. Nên gởi dục : Không mang dục đến là thân tâm không tập trung

3. Hiện tiền được quả trách người đáng quả trách, nghĩa là thân miệng không nhóm tập. Trái với ba loại này thì thành hòa chúng, nghĩa là người đầu ba nghiệp đều nhóm họp, người kế thân miệng đều nhóm họp, người sau, thân miệng nhóm họp mà tâm không nhóm họp, im lặng ngồi không quả trách cũng

gọi là hòa hợp. Cho nên vẫn nói: người đáng quở trách mà không quở trách. Lại nói: Xá- lợi-phát thấy chúng tăng gia pháp yết-ma mà tâm không đồng, nên mặc nhiên là đúng như pháp. Lại nhóm Tỳ-kheo sáu vị chỗ thuyết giới không ngồi, Phật nói là Phi pháp.

Trong Ngũ Phần nói quay lưng thuyết giới yết ma ngồi năm, v.v... là biệt chúng.

Trong Tăng-kỳ nói: Đi mà làm yết-ma ngồi thì biệt chúng.

Bốn nghi qua lại là mười hai loại người, biệt chúng nhiều tướng, lý phải rõ ràng, nhưng với trong không đủ số, giao thiệp qua lại. Lại chia làm hai, nếu thân không đến trong tăng thì xếp vào biệt chúng. Tuy đến trong tăng nhưng không đủ số người khác thì không đủ số. Nhưng người không đủ gọi chung là hai người tịnh uế.

(Tịnh tăng ngũ định thân, không đến tăng cũng không đủ).

Gọi là biệt chúng chỉ y cứ vào một sắc thanh tịnh, nghĩa bày bốn câu chọn lựa như khác.

Nếu nói về học hỏi là không đủ hạn, ắt không hiểu pháp cũng khai bình. Biệt cũng không lỗi, chính là người trung gian, kế giải thành không: Nếu riêng phạm bốn thiên dưới là xếp vào biệt chúng. Biệt phạm vào thiên đầu dù gọi là tịnh tướng cũng thành pháp sự, cuối cùng là thể hoại hết sức đồng trụ.

Văn nói: Không có Tỳ-kheo có tướng, yết mà thành mà phạm tội.

Vì tâm khác nhau, xem biết có phạm, tùy ý mà riêng người mười ba nạn, ni đồng với bốn người ba lần nêu, ba loại người cuồng cúng điếc câm. Hoặc chẳng phải Tăng, hoặc giữa đường bị phạt hình sai, bệnh báo duyên ngại cho nên khai. Phạm những người này chưa luận đủ biệt. Nếu đối thủ tác pháp trước cảnh lạm chân, lệ lấy trong tăng. Nay hành sự phần nhiều có tướng riêng, lại hiển rõ điều đó. Chúng lấy oai nghi đồng nhau, không dùng tâm thuận. Nói về oai nghi, như trong Tăng-kỳ nói: Đi làm Pháp Sự, ngồi thì phi pháp.

Luật Ngũ Phần nói: Bệnh nhân quay lưng yết-ma, Phật nói biệt chúng.

Luật Tứ Phần nói: Nhóm Tỳ-kheo sáu vị không ngồi, Phật quở trách lý chẳng phải là tướng hòa.

Trong phần biệt chúng nói: Như khi hành ăn cơm, đứng thì phạm, tức tướng đồng. Tăng-kỳ nói: Hai tâm hư thật nhưng làm cho tướng thuận tâm trái cũng thánh chúng pháp.

Văn nói: Người hiện tiền đáng quở trách mà không quở trách.

Lại nói: Thấy đúng như Pháp yết-ma mà tâm khác nhau.

Những điều trình bày như trước, nếu khi tác pháp hỏi tăng rằng:

Nay Tăng hòa hợp để làm gì?

Đáp: Yết ma việc...

Lại đợi người đáp, ngồi xong mới bắt đầu tác bạch.

Rộng ra có phé lập như nghĩa trong sao. Đến trong tăng ngồi thì cho đứng, trừ người bị trị. Cho nên người làm yết-ma. Không đủ số tăng. Ngoài ra việc làm ngồi, xin đứng như Pháp. Văn nghĩa có nói rõ. Người bình yết-ma trong đó trừ hai loại người.

1. Uy nghi sự lập bình đơn bạch, là bị tăng sai không được ngồi ngay.
2. Khai lập thuyết giới là làm cho chúng nghe, ngoài ra tất cả đều phải ngồi bình (nếu có duyên khác thì đi, nằm cũng được).

---o0o---

### **THIÊN THỨ 04: THỌ DỤC ĐÚNG SAI**

Việc xảy ra không như ý pháp xuất sinh hằng tình, cho nên đối với tình mà sinh tâm ấy. Tâm thuận thì pháp không mất, nên gọi là Dục.

Nhưng tình và sự trái nhau, cho nên lập pháp để chọn. Chọn thì có sự sẽ rõ, nêu rõ cho nên đối môn mà giải thích:

Trước nói về duyên, sau nói về pháp Dục.

Trong phần duyên có ba thứ:

1. Chế ý thích danh rõ thể
2. Có khai già
3. Định duyên đúng sai.

Trong phần đầu là chế ý, phạm tác pháp sự thì phải thân tâm đều nhóm mới thành hòa hợp. Nếu có duyên không khai tâm tập thì cơ giáo chẳng khác nhau. Lấy gì cứu tế, cho nên truyền bằng tâm miêng, phải tăng tiền sự mới biện đủ kia đây, duyên nay cho nên khai gọi dục.

Thích danh: Hễ nói về dục thì phải lấy sự mong muốn làm nghĩa. Dục nói rõ Tăng làm pháp sự ý quyết đồng nhóm hợp.

Nhưng do duyên sai không toại tình nguyện, làm cho tiếng tâm đạt, tăng biết không trái. Cho nên Ma-Đắc lạc già chép: Sao gọi là Dục? Dục là làm việc vui tùy hỷ, cộng đồng đúng như pháp tăng sự. Thập Tụng chép: Dục gọi là phát tâm, việc Tăng đúng pháp gọi dục, gọi là Dục pháp.

Biện thể: những điều về dục cần có hai:

1. Tự có Tăng riêng đồng cần, như thuyết giới, tự tứ. Vì Phật chế có thời hạn tất cả đồng vâng theo, nếu phân thì có tội. Tự cần có tăng riêng, như thọ giới, xả sám. Tăng cần ta hòa, ta không phải cần, Phật không chánh chế.

2. Nói rõ khai già

Trong luật nói: Chỉ trừ kiết giới, ngoài ra đều khai, tuy văn chẳng rõ, cho nên chẳng chế.

3. Duyên thị phi: nếu có người phạm giới sự duyên phi pháp mà gởi dục, do sự việc sai cho nên không hợp, không thành.

Nếu y cứ theo trong văn, chỉ nói tháp Phật Pháp Tăng, chăm sóc người bệnh, sáu việc là duyên. Văn trình bày đủ đúng. Mà nhóm Tỳ-kheo sáu vị may y thuyết dục. Tuy chẳng phải chánh chế, tăng nhận thực hành, Tỳ-kheo phần nhiều chê bai pháp không suy nghĩ đến nghiệp, vọng thực hành pháp của bậc Thánh. Nghĩa là không bệnh nói bệnh, bất tịnh nói tịnh, không dục nói dục, làm cho người khác nói dối, dối chúng mà truyền điều này. Nhưng nói tùy tăng bao nhiêu mỗi người biên tội bà tội ba-dật-đề.

Người huyễn biết mà nói mỗi ba tội, nghiệp ác không nhẹ vì sao tự lười biếng?

Ba nói rõ pháp dục, tự trung chia làm ba:

Trước nói về gởi pháp, hai là nói về mất pháp, ba là nói gặt duyên thành không.

Phần đầu phân làm hai

Trước nói về giới pháp

Hai là nói về nói pháp

Trong phần đầu văn của bộ Tứ Phần không đủ rõ

Nghĩa Thiết nói: Đại đức nhất tâm niệm, Tỳ-kheo mỗi giáp đúng như pháp tăng sự gởi dục thanh tịnh, vừa nói bèn thôi. Theo bộ Tăng-kỳ nói ba lần thì thành tự

Nay y cứ vào văn của bộ Tứ Phần chỉ nói liền thành văn, đều không kết lược. Ba lần nói thành pháp mới nói lần thứ hai, lần thứ ba cũng nói như thế.

Y theo pháp như thuyết thanh tịnh bạch hai lần yết ma, y văn trực thành, không cần lấy ngoại bộ khác.

Hỏi: Trong từ dục này không xưng việc Phật, pháp, tăng.

Giải rằng: Xưng là người nói, không xưng là chánh bản, hỏi nói không xưng dục pháp có thành không?

Đáp: Thành.

Vì trong Yết-ma không nhắc lại, duyên thuyết dục này. Trong luật nói, nếu không nhớ họ tên, thì phải nói tướng mạo. Nếu không nhớ thì phải nói tôi và nhiều Tỳ-kheo thuyết dục. Hỏi: Dục và thanh tịnh là đồng hay khác, vì sao?

Đáp: Dục phải yết-ma, thanh tịnh phải thuyết giới.

Nếu khi thuyết dục lại cần hai điệp, do văn chánh chế, không đồng với Tăng-kỳ còn hành phế giáo.

Nói việc Tăng đúng như pháp. Đối với việc phi pháp không cần dục.

Nếu duyên phi pháp như trong các chương ở đây chỉ nói đúng như pháp thì làm cho các pháp sự của tăng đều thông, làm cho không chướng, trên nói về tự nói, nay nói gồm người khác.

Nghĩa là thọ dục rồi chợt có duyên ngại, dục chuyển gởi cho người khác.

Tỳ-ni mẫu chép: được ngang bảy lần.

Thuyết từ nói: Đại đức Nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo... nhận dục thanh tịnh của Tỳ-kheo mỗ giáp. Người kia và tôi việc tăng chúng như pháp gởi dục và thanh tịnh, nói xong.

Hỏi: Tưởng gởi dục thì có thành không?

Đáp: Trong Tứ Phần nói: Chỉ có người bệnh nói pháp dục. Nhưng Văn có đủ thức, vì bệnh có nặng nhẹ.

Văn nói: Nếu nói tôi thuyết dục, hoặc nói cho tôi thuyết dục. Nếu nói vì tôi mà thuyết dục. Hoặc hiện thân tướng, nếu thuyết dục rộng ra trong năm loại này, bốn loại trước chỉ cho người bệnh nặng, thuyết dục rộng ra thì người bệnh, người mạnh đều dùng.

Phần đoán sự ở Ngũ Phần, trong văn thuyết dục đứng dậy đi luật nói rộng như thế tương tự, lại không lược văn.

Tất cả người hành sự, hoặc người có duyên, hoặc dẫn và nói sa-di sai truyền đến người khác. Hoặc có việc chẳng phải duyên, nói thẳng là tôi thuyết dục, lượng sợ không thành.

Cho nên trong luật Tứ Phần nói về người bệnh, nếu miệng không nói, không hiện thân tướng đều không thành.

Nay người mạnh dùng pháp người bệnh thật không nhất định, chỉ hỏi: Hiện tướng nếu là y như Ngũ Phần, người bệnh không thể miệng nói, cho nên tướng gởi dục thanh tịnh.

Nếu đưa tay, đưa tay lắc đầu cho đến mắt ra hiệu được gọi là Dục thanh tịnh. Văn luật như thế, mà người lấy dục phải biết tướng đồng hay khác mới được thành tựu. Nếu trái tâm không đồng mà hiện tướng, tuy nhận không thành đều thành biệt chúng.

Nói về đôi tăng nói pháp, nên đến trước tăng, người yết-ma nói người không đến thuyết dục.

Tức đây đủ tu hai nghi nói rằng: Đại đức tăng nghe tôi Tỳ-kheo... nhận dục thanh tịnh của Tỳ-kheo kia, Tỳ-kheo kia việc tăng đúng như pháp gởi dục thanh tịnh.

Nếu nhiều Tỳ-kheo thì người có thể nhớ cùng nói một lúc. Nếu nhận dục của người khác, thì có duyên sự đối trước tăng mà nói. Đại đức tăng xin lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo... nhân duyên bệnh hoạn, Tỳ-kheo mỗ giáp có nhân duyên Tăng sự, tôi nhận dục thanh tịnh của Tỳ-kheo ấy, Tỳ-kheo ấy và tôi thân việc tăng

đúng như pháp gọi dục thanh tịnh, nói xong liền ra. Nếu tự có duyên sự muốn nói giao Phó cho tăng, phải tự đến trong tăng nói rằng: Đại đức tăng nghe! Tôi Tỳ-kheo v.v... việc Tăng đúng như pháp gọi dục thanh tịnh. Trong Tứ Phần không có vấn.

Luật Tăng-kỳ nói: Tỳ-kheo bệnh gọi dục cho Tỳ-kheo mà Tỳ-kheo không nhận thì tự vào trong tăng, ở trước Thượng tọa nói:

Phật nói khéo làm đúng như Pháp, nhưng người không nhận dục bị tội.

Hỏi: Đến trong tăng thuyết dục, việc ấy thế nào?

Đáp: Hành pháp khác nhau, hoặc một lúc đến trước tăng, lễ xong thưa, hoặc thẳng đến trước tăng, mỗi việc nói. Hoặc ở trước Thượng tọa một lúc nói, hoặc hạ tọa mỗi việc nói. Y cứ theo văn đều thành. Nếu lấy ý nghĩa, trong luật khai thành do có quên lầm, hoặc lại vì bị tội, có thành văn nếu không chánh duyên thì không được thông dụng. Y cứ theo ngoại tông mỗi việc nói là đúng.

Luật Ngũ Phần nói: Sai đến trong tăng đúng như pháp vì tôi mà xưng danh tự nói và cầm cái thẻ. Nếu không như thế thì mỗi việc đều không thành.

Luật Tăng-kỳ nói: Không được hướng về người gọi dục và chịu có thể trì dục vào trong tăng nói, người nhận phải tự suy nghĩ mình có thể truyền dục được không.

Nghĩa Bình nói: Người nhận dục e có riêng chúng. Không nhóm họp sai họ tổng tâm tăng biết không trái mới được gia pháp. Nay một lúc đều nói, ngôn từ nào loạn, đâu được ủy biết người không đến nhóm họp. Văn nói rõ trong Tăng-kỳ và Ngũ Phần, sai ở trước thượng tọa xưng danh tự nói: ý cũng không thấy.

Văn Tứ Phần nói: phải biết rõ có người đến, không đến. Lời này hiển bày rộng.

Nói rõ (mất) pháp, nghĩa là (nhận) dục rồi gặp duyên liền mất, không thể có chỗ của người bệnh ở trong tăng, nay nói rõ mất pháp.

Tứ Phần nói có hai mươi bảy loại, nhận dục của người khác rồi tự nói, tôi là người mười ba nạn, ba lần cử, hai lần diệt, mười tám loại người. Do tự trình bày cho nên chẳng phải tăng dùng. Nếu không tự nói, trong tướng đồng thuận. Như trong túc số. Luật Ngũ Phần nói: tự nói tội người không gọi là trì dục, trái với trên thì thành. Thập tụng nói người nhận dục thanh tịnh, thì mới nhận, nếu nhận xong tự nói: Tại gia sa-di, chẳng phải Tỳ-kheo, cho đến mười ba nạn, đều gọi là dục thanh tịnh, không thành không đến chỗ tăng. Lại có bảy loại.

Nếu qua đời, hoặc đi chỗ khác, hoặc thôi tu, hoặc vào trong chúng ngoại đạo, hoặc vào bộ chúng khác, hoặc lên giới trường, hoặc mặt trời mọc.

Nói đi chỗ khác nghĩa là ra ngoài đại giới, đi đường khác. Xưa giải rằng: nhận dục xong, đi trong chùa, phòng khác thì mất Dục. Đây chẳng 36 giải. Tự tứ, văn nói rõ không đi chỗ khác, đổi thành: nếu ra ngoài giới.



Mặt trời mọc nghĩa là sau đêm nhận dục yết-ma đến lúc mặt trời mọc, cho nên mất dục.

Hỏi: Luật này, tức dục không thành. Nếu minh tướng chưa rõ, yết-ma đã xong, mà thuyết giới tự tứ chưa xong, thì có được qua sáng không?

Đáp: không thành.

Cho nên trong luật Tăng-kỳ nói: nếu bảy vạn tám vạn người tự tứ, sợ minh tướng xuất (mặt trời mọc) phải giảm chúng tự tứ ngoài giới.

Trong Tứ Phần chép: Nếu minh tướng sắp xuất hiện mà khai lược thuyết giới. Nên biết tức dục không được làm việc.

Tứ phần lại có ba loại: Nghĩa là thần túc ở trên không, ắt mất, lìa chỗ thấy nghe.

Hỏi: là đều lìa mất hay lẫn lìa nhau mất?

Đáp: Đều lìa mất, vì xen lẫn thì không nhất định.

Trong văn nói nếu các tiếng lớn, nhỏ không nghe thuyết giới. Sai đứng trên tòa cao chuyển luân nói. Đây thì thấy mà không nghe. Lại như nhiều người nói giới làm sao được thấy mặt người tác pháp. Đây thì nghe mà không thấy. Lìa hai người này thì gọi là mất dục, ắt lìa nhau có mất. Ý cứ vào duyên cách chướng trước nói lìa thấy nghe mất, thông vọng nhìn chỗ ngồi gần dần dần lìa. Như trong Ngũ Phần giải thích: Nghĩa là đồng che lấy lìa nhau, tuy nói không thành.

Luật Tăng-kỳ nói có năm loại, nghĩa là che lấp, v.v... như trong phần túc số nói. Trong Ngũ Phần nói. Khi đoán sự, nếu ở trong thất, tùy cơ qua lại. Nếu ở chỗ trống cách tăng một tầm đều mất. Nếu phòng nhỏ không nhận tăng, cho ngồi ở trước sau dưới nhà trong đình, hễ không nghe yết ma thì được thành.

Lại có bảy người, bốn người ni, ba người cuồng đều không thành Dục.

Luật Tăng-kỳ nói có nhiều loại:

1. Gởi dục ở ngoài giới.
2. Ra giới nhận dục.
3. Gởi dục rồi tự thân ra giới.
4. Gởi dục rồi tự đến trong Tăng im lặng rồi ra.
5. Nhận dục rồi đến Tăng, vì nạn sợ hãi khởi lên, không một người trụ gọi là hoại chúng nên mất, có người trụ thì không mất.

Ngoài ra đồng với đương tông.

Luật Thập tụng chép: nói với người biệt trụ thì mất dục, tức ba người che lấp những điều bày ra ở trên đều không thành dục, nói cũng không thành; biết mà cố làm, lại tự nhận tội.

Văn nói: Đều không thành gọi dục nên gọi dục cho người khác 3. Nói rõ về gặp duyên không nói thành:

Văn nói nếu người nhận dục mà ngủ, hoặc nhập định, hoặc quên, nếu không có làm như thế thì thành. Nếu cố không nói thì mắc tội, mà chẳng biết thành không, lẽ ra cũng nên thành, là khai duyên rõ. Lại gọi là ở trong tầng nếu giữa đường gọi là không đến. Tứ Phần chép: Nếu người bệnh nặng nên đỡ đến trong tầng, nếu suy nghĩ thì thêm động, tầng nên đến chỗ người bệnh vây quanh tác pháp. Nếu người bệnh nhiều, không thể nhóm họp thì tầng ra ngoài giới làm yết ma. Vì vô phương thì được biệt chúng. Nếu nhận dục rồi muốn đến trong tầng, giữa đường gặp các nạn, liền từ ngoài đến chỗ tầng gọi dục thanh tịnh thì được thành. Nhất định trong giới có nạn không đến chỗ tầng, tầng lại không biết yết-ma có thành hay không, văn nói: Có Tỳ-kheo không muốn tác pháp thì không thành.

Hỏi: Gọi dục rồi, việc xong không đến, có phạm lỗi biệt chúng hay không?

Đáp: Không phạm, vì tình hòa đến tầng mà không đem dục duyên làm việc yết-ma.

Văn nói: Nếu việc xong, đến hay không đến, đúng như pháp trị tội, chẳng nói pháp không thành tựu.

Hỏi: Nếu thọ nhật xuất giới mà việc thôi thì pháp tạ được không?

Đáp: Điệp Sự trong Văn thọ nhật. Cho nên duyên trước xong thì pháp tạ, pháp thọ dục này không có điệp sự. Cho nên duyên tạ sẽ thành.

---o0o---

## THIỆN THỨ 05: NÓI CHUNG VỀ YẾT MA

Minh Liễu Luận Sớ dịch là nghiệp, việc làm là nghiệp, cũng dịch là sở tác. Bách Luận nói là sự, nếu y cứ về nghĩa là câu.

Phiên là biện sự, nghĩa là pháp thực hành tạo tác, sẽ có thành công giúp đỡ.

Tầng là người bình ngự. Điều thống nhiếp chỉ có yết-ma, mới có công năng bạt dứt nhiều hệ lụy của quần mê. Gốc sào ở phần xuất giới, đức thật không bờ mé, uy thế lớn lao. Nhưng Thế tôn nhập diệt đã lâu, di huấn pháp cho đời, có thể được mà nghe.

Nhưng vì hun đúc phong tình nhiễm tục tệ bạc, lời nói thành vụn vặt vọng tham văn chân tịnh: Đi bụi trần thường rộng không, thấm nhuần nhiều lần. Cho đến làm cho giáo không có công biện sự. Đồng thời do nhân, pháp không có trực tông. Được mất hỗn đồng, đều quy về đó. Cho nên luật nói: Nếu làm yết-ma không đúng như bạch pháp, tác pháp, không đúng như yết-ma, tác pháp yết-ma. Như thế dần dần làm cho giới hủy hoại và diệt chánh pháp.

Nên thuận theo văn cú chớ làm thêm bớt trái với Tỳ-ni. Phải học như thế. Tuy lại tầng thông chân ngự, đối với duyên được thành việc trước, yết-ma cũng rơi

vào đúng sai, mà trái với hiệu lệnh là phi pháp. Nay muốn dẹp bỏ lời nói suông, mở mang Thánh giác, thông biện tiên hay không, đều biết chia khoa. Sau có sự đều y cứ văn chuẩn cách thức. Tựu trung chia làm hai:

### **A. Trước nói rõ tác pháp đủ duyên. Sau nói rõ lập pháp thông cục Đồng thời giải khúc chiết về yết-ma.**

Trong phần đầu đều nói rõ về yết-ma phải có nguyên do. Lại chia làm mười môn:

1. Pháp không cô khởi phải có lý do. Nghĩa là xứng lượng việc trước có ba loại, tức là người, pháp, sự.

Người nghĩa là thọ giới, sám hối, v.v...

Pháp là thuyết giới, tụng, v.v...

Sự là đất, y, v.v... Hoặc đồ ngồi, hoặc đơn, chọt lìa chọt hợp. Nhất định trình bày sớm đúng sai phải nhất định.

2. Y cứ về xứ để rõ. Nghĩa là trong giới tự nhiên chỉ có một pháp kết giới, ngoài ra yết-ma đều là giới tác pháp.

Cho nên luật Tăng-kỳ chép: Phi yết-ma, đất không được làm việc Tăng.

3. Phương pháp nhóm tăng: Nghĩa là trái tòa làm tướng lượng tăng nhiều ít xem chế độ thời.

4. Tăng nhóm hợp khác nhau: Phải biết dùng tăng tiền chỉ chọn đức hơn kém.

5. Tướng hòa hợp: Thượng tọa trong chúng lược và mọi người nói với tăng rằng: Các Đại đức tăng chớ lấy làm lạ đối với việc nhóm hợp này. Nay có việc gì đó, cần tăng đồng bình, mỗi người nguyện đồng tâm cộng thành toại. Phải biết tướng im lặng quả trách. Như nói ở trước.

6. Chọn Chúng. Nói: Người chưa thọ giới cụ túc ra liền tùy theo thứ lớp mà ra, như trong biệt pháp của Sa-di, ngoài ra có người ở phải rõ tướng, đủ số hay không đủ số. Như nói ở trước.

7. Gợi dục phải hòa, phải xét kỹ về sự đúng sai của duyên, tướng có thành không. Rộng ra như trước đã trình bày.

8. Bày chánh bản ý nghĩa là làm khát (xin) từ khước trong đó có bốn:

(1). Thuận tình là mình phải xin trước. Như thọ giới, xả sám.

(2). Người trái tâm lập trị và vô tâm lãnh thọ thì không xin từ khước, nên tác cứ ức niệm pháp chúng biết chánh.

(3). Pháp tăng sáng lập phải nhớ giới sinh thì dựng nêu xướng tướng.

(4). Chỗ Tăng thường đi: là thuyết giới v.v... hành thẻ, cáo lệnh.

9. Hỏi về sự tông: Hỏi: nói Tăng nay hòa hợp để làm gì.

10. Đáp: làm yết-ma gì đó, nghĩa là pháp về điệp sự báo cho tăng biết, không được đơn đề, như nói bố tát, thuyết giới.

Mười môn trên đây đều phải được tất cả làm yết-ma. Nếu từ sự rõ, hoặc đủ chín duyên, như kiết giới, không gởi dục. Lại như thọ nhất sai khiến, không có khát từ, ngược lại y theo mà biết. Rộng ra như trong phân biệt pháp.

Nói về lập pháp thông cục, trong đó chia thành hai:

Trước nói rõ tướng nhiếp phạm vi: là nêu riêng thành hoại. Ở phần trước nói tất cả yết-ma phải đủ bốn pháp.

1. Pháp tâm niệm
2. Pháp đối thú
3. Pháp chúng tăng

Lại bày ba vị, nói ba tên.

Pháp tâm niệm: Sự là nhỏ nhiệm, hoặc giới không người.

Tuy là chúng pháp và đối thú cũng cho bình riêng, sai tự làm không thành việc phạm giới. Phát tâm nghĩ về cảnh miệng tự truyền tình, chẳng cho là không nói mà làm việc trước.

Tỳ-ni Mẫu nói: Nhất định phải miệng nói. Nếu nói không rõ thì tác pháp không thành:

Nói đối thú nghĩa là chẳng phải duyên tâm niệm, và giới không có tăng thì sai đối thú. Ở đây chung cho hai, ba người cho đến bốn người như ở dưới nói, nghĩa là mỗi người đôi mặt đồng bình pháp.

Nói về chúng pháp, bốn người trở lên bình yết-ma, đây là việc bình của tăng cho nên nói là chúng pháp. Trên nói lược về minh tướng, nay phân tích kỹ thì có tám loại: Trước hết tâm niệm có ba:

1. Chỉ pháp tâm niệm
2. Đối thú tâm niệm
3. Chúng Pháp tâm niệm
4. Về Dẫn tâm niệm: Chỉ được tự nói, có người cũng thành.

Thường bày ba loại: nghĩa là sám Cát-la nhẹ, Thượng tọa thuyết giới phát lồ và sáu niệm.

1. Đối thú tâm niệm: Nghĩa là bốn là pháp đối thú, vì giới không có người, nên Phật khai cho tâm niệm.

Lạy trình bày bảy loại:

Trong Tứ Phần có an cư, Thập Tụng có thuyết tịnh, thọ được, thọ bảy ngày. Ngũ Phần có thọ trì ba y và xả ba y.

Thiện kiến có thọ trì bát.

2. Chúng pháp tâm niệm: Nghĩa là vốn là tăng bình nhưng giới không có người cho nên khai tâm niệm.

Tứ Phần nói: Thuyết giới, tự tứ, ngoại bộ nhận tăng được thí và y của người mất.

Trong pháp đối thủ có hai:

1. Dẫn pháp đối thủ

2. Chúng pháp đối thủ

Trong phần đầu bởi pháp riêng không khai giới cho tăng dùng. Tuy thành chúng cũng tự được thành. y cứ vào các bộ có hai mươi chín loại thọ ba y và xả. Thọ bát và xả. Thọ ni-sur-dàn và xả. Thọ bách nhật cúng thân cụ và xả. Xả thỉnh, xả giới, xả pháp y chỉ, y thuyết tịnh, bát thuyết tịnh, thuốc thuyết tịnh, thọ thuốc, thọ bảy ngày, an cư, gởi dục, sám ba-dật-đề, sám khinh-lan-già, sám đề-xá-ni, sám trọng cát-la. Phát lồ tội trọng khác, và tự phát lồ sáu nhóm. Trong Tăng tàn bạch xá hành pháp, tự thực hành hành pháp, bạch các hành pháp Tăng tàn, bạch vào xóm làng, ni bạch vào chùa tăng, ni thỉnh giáo thọ, tác pháp dư thực. Lại nói lược như vậy.

– **Chúng Pháp đối thủ:** Đồng trong chúng pháp tâm niệm, kể nói rõ chúng pháp có ba loại:

1. *Đơn bạch:* Sự hoặc nhỏ nhẹ, hoặc chỗ thường đi, hoặc là nghiêm chế. Một thuyết cáo tăng bèn thành pháp sự.

2. *Bạch nhị:* Về nghĩa phải thông hòa một bạch điệp sự cáo biết, một yết-ma lượng xử có thể không tiện làm sự trước, thông bạch và yết-ma, cho nên nói là Bạch nhị.

3. *Bạch tứ:* Thọ giới, sám trọng, trị cử quở trách, ngăn sự thông đại tiểu tình dung, trái với mình chẳng phải là bạch nhất cáo biết ba pháp có thể lượng, đâu thể biện được. Vì ba yết-ma thông với đơn bạch ở trước cho nên nói là bạch tứ. Nếu y cứ vào duyên tướng đều hợp một trăm ba mươi bốn yết-ma, nói lược như thế, nếu nói rộng nữa, đơn bạch có ba mươi chín, bạch nhị có năm mươi bảy, bạch tứ có ba mươi tám, nếu thông hai đầu trước thì có một trăm tám mươi bốn pháp.

Hỏi: Tại nghe một trăm lẻ một yết-ma, nay nêu khác nhau?

Đáp: Đây là nêu chung, chẳng nhất định như số, cũng có thể trích dẫn Thập tụng. Kia thì định có một trăm lẻ một yết-ma. Trên nói rõ phạm vi nhiếp pháp, tức phải nói rõ phi tướng, nhưng ý trong sao là làm văn hiển rõ cho người học dễ thấy, nên không có chương sự nghĩa, mỗi phân đối tán không, nếu muốn rõ thông phải xem nghĩa sao. Nay nói thẳng đúng sai. Nghĩa là ba pháp trên lia thì có tám loại. Nói rõ về tướng riêng. Nếu một sự sai không ứng tám điều lại vào

trong phần phi, không thành yết-ma. Nếu muốn thông biết, tìm kỹ bao gồm trên dưới môn này, ngõ hầu không khác nhau.

Hỏi: Pháp của biệt nhân sao gọi là Yết-ma?

Đáp: Trong Ba ngữ của Tứ Phần và trong bạch y nói pháp gọi là yết-ma.

Trong Thập tụng nói: Đối thủ tâm niệm, phân y, Phật gọi là yếtma.

## **B. Nói rõ về sự.**

Nghĩa là sự bị yết-ma không còn nói lại, tức nói về phi, trong phần bị sự thông tình, phi tình đồng thời làm cho cảnh trước không lầm, may may đều thành pháp sự. Nếu một duyên có sai thì đều không thành. Vì sao? Vì như trong Nhân, Pháp, người không che giấu cho yết-ma, che giấu bất thiện, phi pháp thì không thành. Đây gọi là pháp vô sự hữu. Như trong chiêm bao, nên cho làm quả trách và làm tấn xuất. Đó gọi là có thuốc có bệnh thì không tương đương, Phật nói không thành, cho nên người tri sự cần phải y cứ vào sự thật mới xưng là Thánh giáo. Lại y cứ vào một việc. Ngoài ra thì lệ theo đó. Như thật phạm tội mà nói không phạm, thật không phạm mà nói phạm, đều gọi là phi pháp. Nếu thật nói thật mới là tương xứng, nhưng người kia tự nói lại việc làm của thần, như phiếm thần, ngoài ra tôi không phải tự nói.

Trong phi tình sự hai phòng yết ma ngăn ngại khó khăn không thành. Lìa y, gậy, v.v... thì nhất định phải đủ cả hai, đây đều là văn trong luật, gặp việc không quên mất.

Nói rõ đôi nhân cũng có ba người.

Trước nói về tăng, trong tăng có bốn, như trước đã nói. Chỉ làm yết ma; trong giới có người, đều phải nhóm hết. Nếu người không đến thì thành biệt chúng. Như trong túc số, chỉ được ngự ở chúng pháp. Ngoài ra, pháp đối thủ tâm niệm và sự quyết định không được. Trong hai, ba người, lập đủ hai pháp, nếu tác chúng pháp đối thủ hai giới không có tăng đều nhóm họp mà làm.

Nếu số đủ bốn thì không thành tự, lại phải đối pháp.

Nếu tác pháp đối thủ, hai người mỗi người làm không ngăn ngại nhau. Nếu có người bên cạnh có điều cần hỏi, nếu 30 xả sám cần hỏi người bên cạnh, 90 đơn đọa chỉ đối thì được, cũng có điều thông thì phải hỏi. Nghĩa là đồng chỗ ngăn che, chỗ trống, tầm nội cho nên phải hỏi. Ất ở ngoài có ngăn che cũng không ở chỗ hỏi chung. Nếu trì y thuyết tịnh thì chẳng luận chung riêng. Nếu là tâm niệm thì một bề không phân tán, nếu có việc ấy thì tùy duyên làm.

Một người tâm niệm riêng ở trong giới. Nếu làm chúng pháp tâm niệm, đối thủ tâm niệm. Lại giới không người mới thành pháp này. Nếu có một người thì gọi là phi pháp biệt chúng, nếu y cứ vào điều bình. Như trong pháp ở trước, nếu tác pháp tâm niệm bất luận là đồng hay khác.

**1. Y cứ vào giới có bốn loại tự nhiên**, trong pháp yết-ma chỉ làm một pháp yết-ma, là tăng chấp ngự. Ngoài ra hai pháp đối thú, tâm niệm và trong chúng một, hai, ba người tạp pháp, bốn người tự tứ đều được bình, đều phải nhóm hết.

– Giới tác pháp nhiếp tăng cũng chung cho hai thứ Nhân, pháp, chung cho ba loại, thì trong pháp giới chia làm năm vị trí.

1. Nạn sự thọ giới tiểu giới.
2. Nhân nạn sự tự tứ.
3. Số người thuyết giới.

Ba tiểu giới này do nạn mà khai, nhưng sau khi tác pháp nhất định sẽ không khai làm, cho nên trong văn kết liền giải. Chẳng phải pháp trụ lâu.

Bốn là giới trường: Vốn là thường tăng nhóm họp, cho nên kết chỉ trừ thuyết giới, tự tứ, khát bắt, xả sám, người chết, y pháp thọ nhật giải giới, kết y giới, giải kết tịnh địa, thọ y công đức, v.v...

Năm là Đại giới, tự trung đều có thông và không thông, tùy tương có thể biết. Hai lần nêu riêng yết-ma nói rõ về sự thành hoại này pháp không khởi riêng, đều có thông và không thông, tùy theo tướng có thể biết. Hai lần nêu riêng yết-ma nói rõ về sự thành hoại này, pháp không khởi riêng, đều phải có bốn duyên. Tùy nghĩa giải thích về sai quá bảy loại, trước chỉ pháp tâm niệm để giải bảy loại sai. Cho đến bạch tứ, bảy loại có thể hiểu, trước nói về bảy loại sai:

1. Nhân sai, nghĩa là dùng pháp này đối với người mà làm
2. Pháp sai, miệng chẳng nói rõ pháp không xứng với giáo
3. Sự sai, cát-la nặng dùng tâm trách hối hận. Sự như sáu niệm, mỗi niệm đều phi pháp, vọng điệp mà tụng, không thành có tội.
4. Nhân pháp sai, không ngại sự đúng
5. Nhân sự sai, không ngại pháp đúng
6. Sự pháp sai, không ngại nhân đúng
7. Đủ ba sự sai đều đồng ở trên, tùy sự mà theo nó.

**2. Đối thú tâm niệm** cũng đủ bảy loại sai, số đồng ở trên tùy sự đối pháp, mỗi pháp có tướng riêng. Lại nêu một pháp an cư, ngoài ra thì theo nó.

1. Nhân sai, rõ nghĩa là trong giới có người, biệt chúng mà làm, tự không y vào người khác.
2. Pháp sai, miệng nói sai lầm thoát văn chẳng rõ ràng
3. Sự sai, thời chẳng phải mùa hạ, xứ có nạn duyên không y theo Phật chế.
4. Loại dưới sai rồi trước có thể biết.

**3. Về chúng pháp tâm niệm** như thuyết giới cũng có bảy loại sai:

1. Nhân sai, trong giới biệt chúng tự phạm sáu nhóm.
2. Pháp sai, không bày rõ ba thuyết, hoặc có rơi mất.
3. Sự sai, chúng ta có thiếu thì phi chánh pháp.
4. Sai rồi dưới như lệ trước.

#### **4. Chỉ đối thú như pháp trì y**

1. Nhân sai, người đối phạm giới phi pháp, có người đáng quở trách thì quở trách.
2. Pháp sai: Trình bày thọ nhận sai chánh hoặc quở trách không thôi.
3. Sự sai, năm y đại sắc và trở lên nhiễm tài là riêng về bất tịnh.
4. Trái sai đến bảy như trước nêu riêng.
5. Chúng pháp đối thú, như tự tứ, v.v...
6. Nhân sai, bốn người bình pháp, thứ năm thọ dục, hoặc phi tịnh giới biết mà đồng pháp

**5. Pháp sai:** Không bày tướng, nói không rõ. Sự sai thì chẳng cuối hạ. Các nạn không có Trở xuống sai, cũng như trước nêu.

**6. Đơn Bạch:** như pháp xả đọa, ngoài ra những trường hợp khác y theo đó mà hiểu, mỗi pháp khác nhau.

1. Nhân sai: người biệt chúng trong giới chẳng thanh tịnh, v.v...
2. Pháp sai: nặng nhẹ đồng pháp, trì phạm không phân, vọng bày nói năng.
3. Sự sai, tài vật chẳng cần xả, có lỗi không bày, giới chẳng tác pháp, y vật không nhóm, vọng nương gá người.
4. Nhân pháp sai, ở dưới có thể hiểu

#### **7. Trong phần bạch nhị đúng như pháp kết giới**

1. Nhân sai, không hết tiêu tướng mà nhóm họp.  
Trong giới biệt chúng người đáng quở trách thì quở trách
2. Pháp sai, xưng tướng không rõ, tác pháp rất thâm kín, lại quở trách không thôi.
3. Sự sai, tiêu tướng và thể ba loại phạm vị, lộn xộn
4. Loạn không phân biệt kia đây
5. Giới làm liên quan đến trong kết giao, xa xưng, loại kết xa đều không thành tựu, các thứ sai khác có thể lệ theo đây mà biết.

#### **8) Bạch tứ, như thọ giới v.v...**



1. Nhân sai, người thọ già nạn, không nhóm trong giới, số tăng có thiếu. Người tuy năm trăm, hơn năm mươi người trong mỗi người, pháp chọn lựa không trúng, đều chẳng phải số đúng.
2. Pháp sai, thọ tiền chỉ ở trước có tám loại điều lý, và luận chánh thọ chấp vẫn không sai.
3. Sự sai, giới tướng không rõ, y bát chẳng phải của mình, các thứ sai còn lại lệ theo trước.

Còn chánh pháp khác cho đến tâm niệm đương pháp tự thành, không luyện chung nhau. Biệt chúng một pháp, nhiều hoặc thông nhau. Nói rộng về tướng sai như nghĩa sau.

Kể giải thích Chánh Văn yết ma, làm cho biết cương yếu, biết giải thông hoặc không thông. Nếu không đầy đủ, thấy rõ thêm bớt một chữ gọi là phi pháp. Nhưng phi tướng ấy chỉ ở một chữ, xong phải biết chỗ không được đồng với lời sám.

Hoặc y theo văn ần tụng, không hề đối phô bày có không, hoặc thứ hai, thứ ba cũng tùy lược nói. Hoặc không có văn xung với sự, có văn không sự, đều có đều không, chưa thể thêm bớt, cho đến sai người bên cạnh đối, lại thêm lẫn lộn. Hoặc là ám tụng không vào tâm khảm. Việc đến cho đến có sai trái, liền ở trong đối chúng cảm văn xương to lên. Việc như thế lộ trình bày ra lâu dần cũng nghe. Há không vị ngu si không học tự nhân lời trách, cũng có chuyển mất tinh thần. Quán sự mới đồng ở pháp. Mà hai duyên nhân sự tối tăm hơn biển mộng. Lượng thời lấy pháp toàn là tâm sự. Y theo giáo, giáo gọi là không thành.

Kết tội tội sẽ phạt nặng, bởi vậy sự may mắn về đồng pháp nên cực thành. Nếu người làm yết-ma phải là Thượng tọa. Cho nên luật nói: Người nên làm yết-ma, nếu Thượng tọa, cho nên luật nói: Người nên làm yết-ma, hoặc Thượng tọa, hoặc thứ tòa. Nếu Thượng tọa không thể nói ra lời nói thì người trì luật làm, ngoài ra không thì được. Nay giải thích chánh văn gọi là thuyết giới, đơn bạch và thọ giới yết-ma đều giải hai văn, ngoài ra thì lệ theo đây mà hiểu.

Trong Ngũ Phần, phần đơn bạch thuyết giới pháp chép:

1. Đại Đức tăng xin lắng nghe là nói chúng sách tiền cho nghe làm cho động pháp nhĩ thức, phải là tăng đồng pháp.
2. Nay ngày 1, tháng có trăng tăng bố tát thuyết giới, chính là nói về tình sự, bạch cho chúng biết.
3. Nếu Tăng đến đúng thời, tăng bằng lòng cho, chính rõ rằng nếu tăng hòa tập tâm xét cho lượng có thể được hay không

Nghĩa là tâm hòa thân nhóm, sự thuận pháp ứng.

Bằng lòng cho khuyên sai người khác và chớ trái việc.

4. Bỏ tất thuyết giới, trọng điệp, bạch ý căn bản lần thứ 2, quyết pháp thành tựu, chấp nhận việc có thể làm.

5. Bạch như thế: Sự đã hòa biện, bạch kết nói biết kể rõ trong pháp yết-ma. Lại y cứ vào thọ giới bạch tứ ở trên đã nói rõ, sợ người mới học chưa ngộ nên lược nói lại, mỗi người đều có chí.

Trong bạch tứ còn có năm:

1. Đại đức tăng nghe đồng ở trên, nêu tai khuyển nghe

2. Sa-di... theo Hòa-thượng... thọ giới, cho đến ba y, bát, tọa cụ.

Hòa-thượng... ở đây đồng với trên, điệp duyên này tốt, chính nói về tình sự, sai chung lượng thì tiện.

3. Nếu tăng đúng thời mà đến, tăng bằng lòng cho, đồng với ở trên, tâm và sự đã hòa mong tăng đồng bằng lòng.

4. Nay tăng thọ cụ giới... Hòa-thượng... chính là rõ ràng bằng lòng có thể làm phán quyết căn bản.

Bạch như thế: bên ngoài chúng làm cho biết.

Văn bạch này nghĩa hơi giống với văn đơn bạch ở trước. Y theo đây có thể hiểu.

Kể giải thích về yết-ma Tóm lại chia làm hai:

a. Trước chánh quyết căn bản

b. Tăng đã bằng lòng dưới kết thành văn trên Trong phần trước có ba.

Trước đại đức tăng xin lắng nghe: Bảo chúng lại nghe việc đã không nhỏ, rõ ràng duyên nghe về duyên quyết phán.

5. Vị... này cho đến trưởng lão nào bằng lòng: chính nói lại về duyên và căn bản. Nghĩa là nay tăng với cho... thọ giới có thể được không.

1. Nay tăng cho... thọ giới cụ túc. Cho đến ai không bằng lòng thì nói, đơn điệp, căn bản quyết pháp thành tựu, lần thứ hai lần thứ ba cũng như vậy, một thì sự không thành biện, nhiều thì pháp có lạm sai, phép tắc làm cho định hạn đến đây.

2. Kết khuyển nói tăng đã bằng lòng cho ai đó thọ cụ, dưới đến như thế mà hành trì. Ở đây phó chúc thẳng kết quy về không thiếu yết-ma chánh thể. Tựu trung thêm ba pháp phân biệt, một là tăng giải, hai là thông không thông, ba là đúng sai.

Trong phần đầu nếu việc nhỏ nhẹ không có duyên khởi không có khát từ. Lại không có điệp sự thì trong sự bạch năm câu, trừ câu thứ hai, nhưng bốn câu thành bạch. Cho đến bạch nhị xếp vào lệ trừ. Ngoài ra thì một chuân. Trong phần hai nói về thông và không thông. Trong văn đơn bạch văn nghĩa thứ nhất. Thứ ba, thứ năm chung cho một trăm ba mươi bốn pháp. Lại không thêm bớt,

câu thứ hai, câu thứ tư do mỗi câu tùy sự cho nên xứng duyên. Mà điệp văn tùy sự hiển cho nên hạn cục. Nghĩa còn nói chúng quyết phán thành tựu cho nên thông với tất cả.

Đại đức tăng xin lắng nghe, Trưởng lão nào bằng lòng hay không bằng lòng thì nói, tăng đã bằng lòng: nghĩa văn dưới đều chung cho bạch nhị và bạch tứ. Trung gian điệp duyên, điệp sự tùy cơ khác nhau. Văn hạn cục, nghĩa thông, loại ấy có thể hiểu. Nếu rõ nghĩa này thì được duyên biện làm, không cần xem văn. Không hiểu duyên trước, văn tụng cũng mất.

Nói về đúng sai, văn nghĩa trong bạch đều chung cho ba câu. Văn nghĩa trong phần yết-ma chung đầu đuôi một lời, không thể lược thêm, chắc chắn phải tụng chung, thiếu thừa thì không thành. Ngoài ra văn cú nghĩa khác chung, nhưng làm cho thuận sự hợp nghi không trái. Thêm thì rườm rà, bớt thì đơn sơ, cô huẩn khác nhau. Mà văn nghĩa không mất thì thành chánh pháp. Xếp loại y cứ vào các bộ, yết-ma khác nhau và luận nghĩa ý cũng không có ít. Cho đến như phiên dịch, âm nghĩa Phạm Hán hoàn toàn trái nhau. Những điều xưa dạy huyền không thể không hai được, cho nên lệ thành.

Hỏi: Trong đời có bạch đọc yết-ma thì tác pháp có thành hay không?

Đáp: Không thành định này.

Tuy không rõ quyết có thể lấy nghĩa cầu, nhưng yết-ma giới bốn tác pháp tương tự, giới bốn là để tụng, yết-ma đâu được bạch đọc. Cho nên Luật Tứ Phần, luật Tăng-kỳ nói: nửa tháng không có người tụng giới, nên sai hướng đến chỗ khác tụng xong, lại trở về bốn xứ thuyết, không được thuyết lại. Cho đến một người thuyết xong, lại một người thuyết. Nếu người không thể tụng, chỉ nói pháp, tụng kinh mà thôi, y theo đó mà nói. Nếu người đọc được thì được cầm văn, đâu nên như thế thôi không đọc. Lại cách chú thuật ở đời đọc văn mắc việc đều không thành tựu. Chỉ vì pháp quý ở chỗ chuyên sâu. Làm cho trái văn tụng trì tâm miệng chuyên chánh thêm việc thì dễ. Nhất định lúc làm văn số chữ mở miệng càng tán loạn. Cho nên trong Phật pháp người chú thuật tụng thêm vật liên thành. Chưa nghe đọc chú mà có thể làm việc, yết-ma thánh giáo Phật chế tụng trì hướng chỉ chú thuật tựa luật tự hiển. Nhất định không tụng trọn đời phụ người tôi đích thân hỏi: về phiên dịch kinh ở kinh đô, các sư Ba Tạng Trung quốc nói: “Từ khi Phật diệt độ đến nay không có pháp này.

Hỏi: tăng ni lại cùng được làm mấy pháp?

Đáp: Trong Luật Thập Tụng nói ni vì tăng, thực hành không lễ bái, không nói chuyện, không kính trọng thăm hỏi. Ba yết-ma này không cần hiện tiền tự nói, tăng vì ni, cũng được ba pháp nghĩa là thọ giới ma-na đỏa xuất tội, ngoài ra không thông nhau.

Hỏi: Được đối với bốn chúng như ni, v.v... và người tại gia tác pháp hay không?

Đáp: Không được, luật bảo đưa đến chỗ không thấy không nghe mới làm yết-ma. Ngoài ra người làm yết-ma, trong Ma-Đắc-già, Thập Tụng nói: Trước bạch y thuyết giới thành, trừ là vua Bình-sa v.v..., trừ dân tướng quyền thuộc của vua, riêng vì vua nói, vì làm cho tâm thanh 8 tịnh.

Hỏi: Yết-ma được mấy người?

Đáp: Khác nhau.

Như can ngăn hòa hợp được thêm ít nhiều, trị, cử, khát, không được bốn người gọi là phi pháp.

Tứ Phần nói: chung cho các yết-ma không được hơn bốn.

Tỳ-ni Mẩu nói: Các Tỳ-kheo nhóm họp làm việc phi pháp, nếu có ba, bốn, năm người có thể ngăn, một người không cần ngăn. Vì sao?

Năng lực của đại chúng lớn, hoặc có thể tấn xuất tự bị khổ não. Cho nên im lặng không nói.

Mười lăm thứ im lặng trong Tứ Phần đại khái đồng với ở đây. Nói rộng như trong các chương.

Hỏi: khi yết-ma xong văn ấy ở đâu?

Đáp: Có nhiều cách giải thích, nay một pháp đề định nghĩa là nói lần thứ ba xong, nói tăng đã bằng lòng cho việc đó. Lúc ấy, yết-ma xong, không đồng với giải thích trước nói lần thứ ba xong gọi là xong, cho nên luật nói: Bằng lòng là im lặng, không bằng lòng là nói, nay liền nói. Ý của không bằng lòng là thành quả trách phá, nhất định bằng lòng, im lặng. Ba lần nói xong ấy cũng thành, tùy ý được cả hai, ngoài ra rộng như trong nghĩa sao.

Tứ Phần Luật san phồn bỏ khuyết hành sự sao quyên thượng.

---o0o---

## QUYÊN THƯỢNG

### PHẦN 2

#### THIÊN THỨ 06: PHƯƠNG PHÁP KIẾT GIỚI

Kiết giới nguyên thi vốn là muốn bình pháp. Do tông cương yếu tăng yết-ma cầu Phật pháp, giống như mặc cho trì công trở về ở đây. Lý hợp nghi mười phương đồng vâng theo không trái cách. Nhưng cảnh châu Diêm-phù tuyên đã xong. Mỗi kỳ nhóm tăng thật khó chế phục. Hơn nữa, tổn công bốn ba phê đạo bày sự.

Bậc Đại Thánh thương xót sự cực độ ấy, cho nên khai tùy chỗ mà kiết, tác pháp phân cách đồng giới tôn sùng, vâng theo công thành, sự bền tổng ý như thế. Tự trung phân làm bốn:

1. Bày số định lượng

2. Y vị tác pháp
3. Pháp khởi có không
4. Phi pháp mất tướng

– Ở phần một (định lượng) nói về giới pháp tổng bày ba loại.

1. Giới nhiếp y, như trong phần nói về pháp y.
2. Giới nhiếp thực, như trong phần nói về thuốc.
3. Giới nhiếp tạng, điều rõ ràng như thế.

Tóm lược chia làm hai

**1. Giới tự nhiên.** Chưa chế tác pháp, gồm thông tự nhiên. Hoặc hư không có sự khác nhau với đường thủy, đường bộ. Sau đó nhân nhóm họp khó khăn liền khai nhiếp tùy cảnh. Mỗi nơi có phần hạn chế. Chỗ người đến mặc cho giới khởi, nên gọi là tự nhiên. Y cứ vào xứ có bốn loại khác nhau. Định lượng chia làm sáu tướng sai biệt, như trong phần nhóm tạng.

**2. Giới tác pháp.** Do tự nhiên hạn cục ước chưa thể toại tâm. Giả sử có văn giáo lớn nhỏ đã định dùng thì không được. Xả thì trái với điều chế. Hoặc làm đại pháp, đất yều không hơn. Cho nên Như lai thuận theo vật tình cho tùy chỗ mà kết làm cách thức nhất định. Mặc tình cải chuyển làm thành yết-ma. Công lớn lao cứu giúp chẳng phải ở tác pháp này, ngoài ra không thể biện. Tóm lược chia làm ba:

**1. Nói về đại giới.** Nghĩa là tăng thường hành pháp thực. Nói rõ về lượng. Đồng và thuyết giới trong văn là giới xa. Cho thuyết ngày 1, ngày 13 đến trước, không được thọ dục, y theo một trăm dặm. Trong Tỳ-ni Mẫu nói giới đồng bố tát xa nhất cho một ngày về lại. Tùy có hai văn chưa rõ dặm và số. Cho nên Tăng-kỳ, Ngũ Phần. Thiện Kiến đều nói: ba do-tuần là lượng.

Luận Minh Liễu nói: ba do-tuần hợp gốc mà lượng lấy. Cũng không biết do-tuần lớn hay nhỏ. Trí Luận nói: do tuần có ba loại khác nhau, loại lớn là tám mươi dặm, trung bình sáu mươi dặm, nhỏ bốn mươi dặm.

Đây gọi là sông núi trung biên khác nhau, dẫn đến hành lý khác nhau. Luật Tứ Phần nói, trong mục pháp y, do-tuần chuẩn là tám mươi dặm, ở đây y cứ vào phẩm trên để nói. Chỗ thông dụng quy về y cứ theo văn luật phải là một trăm hai mươi dặm, lấy phẩm dưới để định.

Bộ Tát-bà-đa nói: Ni kiết giới, chỉ được một Câu-lô-xá Vương, nếu có nạn duyên có thể dùng, trong Tăng-kỳ là trong hai do-tuần, tùy ý kết lấy.

**2. Nói rõ giới trường.** Luật nói: vì số trong tăng chúng có bốn người khởi cho đến chúng hai mươi người trở lên, làm cho tăng mỗi mật. Phật cho kết giới, không nói lớn nhỏ.

Luật Thiện Kiến nói: Giới trường nhỏ nhất chứa được hai mươi một người, giảm xuống thì không cho, ngoài ra như sau mà kết.

3. *Nói rõ Tiểu giới.* Đây đều nhân việc nạn sợ phé bỏ pháp sự cho nên Phật tùy duyên trước cho khai kết, đồng thời không có lượng đúng, tùy chỗ người ngồi tức là giới tướng? Một là thọ giới khai kết tiểu giới. Trước đây y cứ theo giới trường ngoài thân có giới trường. Nay y vào văn lấy nghĩa hoàn toàn không có tướng ngoài, như trong mục chánh gia.

1. Thọ giới khai kết tiểu giới, trước đây y cứ theo giới trường ngoài thân có giới trường. Nay y vào văn lấy nghĩa hoàn toàn không có tướng ngoài, như trong mục chánh gia.

2. Việc thuyết giới ít nhất bốn người ngồi thẳng.

3. Việc tự tứ ít nhất năm người ngồi vòng tròn. Ba điều này không ngoài lượng. Bởi nạn này khai tùy người nhiều ít, nếu hạn ngoại lượng đều chẳng phải già nạn.

Cho nên Văn nói: Nay có như vậy, cho Tỳ-kheo nhóm họp. Chỉ lấy chỗ ngồi của Tăng hiện nhóm học có đất y vào đất mà kết giới. Nếu sự làm rồi thì chế giải. Không đồng với hai loại trước vì lâu cố tác pháp theo chỗ y cứ của người.

– Phần ba nói về y vì biệt giải: Vị thì có ba, như trên đã trình bày. Nếu có giới trường thì trước phải kết. Nay lại luận không có pháp kết đại giới. Tự trung chia làm hai:

1. Chọn lựa đúng sai.
2. Dụng nêu xương tướng.
3. Tập tăng dục pháp

Trong phần đầu. Hỏi “Đại giới có xóm làng có được kết không?”

Đáp: Luật Ngũ Phần nói: Các người tại gia mới làm phòng xá, hoặc được lợi tốt, hoặc bị phi nhân làm nã hại, thỉnh tăng bố tát ở đó. Tát-bà-đa nói: hễ kết đại giới thì chỗ đi chung cả xóm làng. Vì oai lực của giới cho nên ác quỷ không có tiện hại, thiện thần đến ủng hộ. Vì đàn việt cho nên kết chung xóm làng.

Trong văn luật Tứ Phần cũng kết xóm làng.

Hỏi: Trong giới có nước được kết hay không?

Đáp: Trong luật nói về sông, trừ thường có cầu, thuyền thì được kết. Nếu chỗ nước chảy, dòng chảy mạnh thì không được, phải có trụ cầu và nước cạn, không nạn, theo lý thì được. Cho nên trong luật ni nói: Chỗ nước, một mình không được qua, ở đây chung cho giới ngoài trong.

Hỏi: Một cái nêu thành hai tướng được không?

Đáp: Một khuỷu tay trở lên thì được.

Trong Minh Liễu Luận sơ nói như phía Đông Tây của một ngọn núi lớn mỗi phương kết một biệt trụ.

Lại nói: Hai dây biệt trụ, y cứ theo tường cao này đồng loại có thể phân biệt, đều được làm.

Hỏi: Nay đem cây đà làm tướng là lấy tướng trong hay ngoài?

Đáp: Nếu tròn thì lấy ở giữa làm cho giới tướng ngay và phần nêu tương đương. Hoặc lấy bờ ngoài. Nếu vật nhọn thì lấy một phần làm hạn. Ngoài ra vật khác y cứ theo đây.

Nên trước phải bảo cho biết phạm vi thước tắc, chuẩn bị thuật cho răng biết. Không được thông chỉ một ngọn núi vọng lấy tướng bên ngoài cho đến làm cho việc tìm cầu phạm vi không thể biết được.

Hỏi: Nêu giới và tướng và thể.

Đáp: Nêu gọi là vật của núi đá dùng để chỉ đích tướng là giới bờ nêu bên ngoài của thể.

Thể nghĩa là trong tướng chỗ tác pháp. Hoặc nêu tức là thể hoặc nêu là thể khác. Tướng là thể ngoài. Chỗ tạm thời chia làm ba chỗ khác nhau, đồng thời dự ỷ tất.

Hỏi: giới có được kết lại không?

Đáp: Luật nói: Không được hai giới tướng tiếp liền nhau, phải có trung gian. Nếu có người nghi, thì giải rồi kết lại, cho nên không được khai lại.

Ở phần dựng nêu xướng tướng, trước là nêu tướng.

Luật Tứ Phần chép: Giới tướng không nhất định đúng sai. Trong văn nói nếu phương Đông có núi thì xướng núi, có hào thì xướng hào.

Chỗ có nước sâu, xóm làng bỏ đi, chỗ hư không rộng đóng cọc, đất trống y cứ theo đây lập pháp thật không có tự thể. Vì sao? Vì nói về lập tướng, vì biết duyên về hạn của giới, cố tác pháp nhóm chúng phá hạ lìa y, hộ thực. Nếu lấy đất trống làm chỗ, hư không thì có tướng để chỉ. Ất có việc này tùy thời y cứ theo mà làm. Hoặc pháp một chỗ biết hư không ngại hai phần thì làm chỗ vững chắc. Y cứ vào bộ khác và bốn Tông tất cả đều dùng chung.

Luật Thiện Kiến chép: Tướng có tám loại:

1. Tướng núi, dưới đến như tướng đại (to lớn)
2. Tướng đá, dưới đến ba mươi cây, nếu đá nhỏ thì không được phải đặt đá khác.
3. Tướng rừng, cỏ trúc không được, thể rộng không chẳng thật, xuống đến bốn cây liền nhau.
4. Tướng cây, không được lấy cây khô làm tướng, xuống đến cao tám tấc như kim lớn. Nếu không tự sống thì trồng cũng được.

5. Tướng đường. Xuống đến trải qua ba, bốn thôn.
6. Tướng sông, nếu bốn tháng không mưa mà sông vẫn chảy không ngừng.
7. Tướng núi đất gồ ghề, dưới đèn tám tác.
8. Tướng nước: Nước ao tự nhiên thì được.

Y cứ vào luật, các duyên như thành hào thành tướng có thể biết. Đã biết tướng kết là chỗ y cứ của giới nhà. Kết rồi liền phải nêu bày rõ về chỗ làm cho người đời sau, chủ khách đều rõ không có lạm nghi.

Kể nói rõ hình giới.

Luật Thiện kiến và Luận Minh Liễu chép: Tùy phương cong hay thẳng, tùy chỗ biện hình không nói ý chỉ nhất định. Nói rộng ra như đại số lược nói như trong nghĩa số.

Nói về xướng tướng, cách kết thời nay không quá hai:

Hoặc ở lan-nhã nếu y vào núi, gần bên nước, cây bên đường. Hoặc ở thành áp thì tùy bờ rào, hào hồ, tường viện phần nhiều là bốn phương. Bấy giờ mà có cong thì trước phải biết lỗi, sau mới tránh lỗi và xướng. Nghĩa là trước học chưa đạt và sau tiến đến các sư như xướng phương tướng mới dễ trình bày, như từ ngoài viện xướng rằng: Từ góc Đông Nam cho đến góc Tây Nam, rồi giáp vòng. Cửa chùa chánh Nam thì có lỗi biệt chúng. Vì giới hạn từ ngoài tường thẳng qua, bên ngoài hạn cửa thì thanh trong giới.

Nếu trong chùa thì làm các yết-ma bên ngoài hạn của tường có tăng không nhóm họp há chẳng biệt chúng. Cho nên biết xướng tướng phải cong xướng ra không làm cho hối hận sau này. Cũng chẳng thể thông đồng nói theo cong. Cong cũng chung cho sâu cạn xa gần, đều thành không biết phạm vi. Nếu trong tự viện xướng tướng từ ngoài thẳng qua thì bên trong giới hạn. Là ngoài giới thì có lỗi biệt chúng, phá hạ, lìa y, nếu tác pháp trong chùa có người thuyết dục xong đến trong hạn cửa rồi lại đến, há chẳng phải xuất giới, nhập giới, là biệt chúng hay sao?

Nếu phá hạ, có người y vào giới an cư, mình tướng chưa xuất hiện đến lúc mặt trời mọc rồi trở lại, há chẳng phá hạ hay sao?

Nói mất y, y vào giới kết giới nhiếp y, mình tướng chưa xuất hiện không trì y, đến mình tướng xuất hiện ra ngoài giới, há chẳng mất y? Cho nên dạy về lỗi. Nhưng sau khi xướng tướng, trong lan-nhã cũng có lỗi này, vọng chỉ núi hang, lạm chỉ cây cối. Cho đến phạm vi đâu liền được biết. Kết đều không thành. Cho nên trong Luận Minh Liễu kết sóng nước biệt trụ. Một trượng năm thước thì lấy đá thứ lớp, giáp vòng xong rồi tùy đá mà xướng.

Luật Thiện Kiến cũng nói đá nhỏ không được, lại vẫn nói rõ ràng, không dễ lạm nói vùi lấp người, hoặc thọ giới không thành, làm cho người khác, một đời



luống uổng. Tự thân chưa đến lại gặp giới này. Cho nên kinh Đại Tập chép: Sau khi ta diệt độ Tỳ-kheo ở Diêm-phù-đề không thọ giới, lời này rất hiệu nghiệm.

Kể nói rõ xướng pháp. Trong luật nói sai người cựu trụ xướng. Khi chưa xướng đích thân đến chỗ sáng và chỗ bị che tối tưng. Chớ làm cho đôi chúng có sự ngượng nghịu.

Trước phải từ góc Đông Nam bắt đầu, giáp vòng chỉ thẳng tướng đó.

Luật nói: Phương Đông có núi, nếu y vào phương Đông mà xướng, đến góc khúc cong thì không phạm vi. Nay người hành sự y cứ dễ làm. Nếu ở chỗ đồng trống mà kết giới thì trước phải chỉ bốn (nêu) ở bốn góc, sau đó sai một người trong tăng xuống tướng, người bị sai phải đứng dậy lễ tăng rồi đứng xướng rằng: Đại Đức tăng xin lắng nghe, tôi Tỳ-kheo v.v... vì tăng mà xướng tướng đại giới bốn phương, từ góc đông nam cây táo thẳng đến phía Tây góc Tây nam cây dâu, từ phía Bắc này đến cây liễu góc Tây bắc.

Từ phía Đông này ra đến cây du góc Đông bắc. Từ phía Nam này vòng lại đến cây táo góc Đông nam. Đây là tướng ngoài của đại giới.

Một vòng xong ba lần nói đều như vậy, nếu gặp việc biệt tướng, y cứ theo sửa đổi xướng nó, không dung cho sự lầm lẫn.

Nếu chùa trong thành áp phần nhiều có tường viện thì từ bên trong mà xướng, duyên trước như trên. Sau nói:

Từ phía Tây tường bên góc trong góc Đông nam tường viện ngoài chùa, xuống đến góc đất phía Bắc mé Đông cửa nam, tùy cong phía nam ra đến bờ cửa bên góc trong bờ cửa. Phía Tây xuống đến góc trong mé Tây. Từ phía Bắc cong vào đến góc đất giáp Tây của cửa. Từ phía Tây này xuống đến góc Tây nam ngoài viện, từ phía Đông này xuống đến góc Đông bắc ngoài viện. Từ phía Nam hãy xuống đến góc Đông nam. Đây là tướng ngoài của đại giới. Giáp vòng xong nói ba lần rồi nếu có ba cửa, năm cửa và bờ rào tường hào góc nhọn, vuông cong tùy chỗ mà xưng gọi, y theo cách thức trên.

Nếu có ngăn che, muốn xuyên tường thẳng qua, nên xướng tên viện y cứ theo tường vách của viện mà xướng tướng.

– Ở phần ba nói về pháp nhóm tăng gọi dục.

Trước nói nhóm tăng. Nhất định đều là trong giới tự nhiên. Nếu là nêu rộng mà giới hẹp thì đều phải tiêu tập.

Luật Tăng-kỳ nói: Tránh nạn trong giới, trong ba do-tuần có Tỳ-kheo đều gọi đến. Nếu ra giới rồi mà tác pháp kết: có sự nói. Chỉ đều tự nhiên mà nhóm. Vì bên đất trong nêu chẳng phải giới tự nhiên, lại chưa gia pháp, nếu Yết-ma xong mới có biệt chúng.

Trong luật Tăng-kỳ nói rõ: Kia là nạn duyên, sợ thành chướng ngại cho nên phải nhóm.

Theo lý thì không đúng, đều nhóm học là cốt yếu, không có chánh giáo để y cứ theo, nêu trong (nêu) có thôn, dù trong tự nhiên cũng không muốn lấy thôn, nên vây quanh thôn xướng tướng trong, sau đó xướng tướng ngoài, tác pháp kết thành. Tỳ-kheo trong thôn không cần nhóm ở ngoài. Nếu tướng trong ngoài có giới ni và ni không ngại kết pháp, thì cả hai không nhiếp nhau. Nếu có giới tăng tác pháp, chỉ làm cho Tỳ-kheo không ra khỏi giới mình. Xướng tướng trong. Sau đó xướng tướng ngoài, tác pháp kết thành. Tỳ-kheo trong thôn không cần nhóm ở ngoài. Nếu tướng trong, ngoài có giới ni và ni không ngại kết pháp, thì cả hai không nhiếp nhau. Nếu có giới tăng tác pháp chỉ làm cho Tỳ-kheo không ra khỏi giới mình, xướng tướng trong rồi thông kết lấy. Như Luận Minh Liễu nói về lệ của biệt trụ phần hai không được nhận dục.

Có ba nghĩa.

1. Kết giới là bản lý của chúng đồng phải mau chế.
2. Giới tự nhiên yếu không hơn yết-ma, đây là chánh văn của luật Tăng-kỳ
3. Để biết bờ giới, hộ hạ biệt chúng hộ thực hộ y. v.v...

Luật Thập tụng chép: Tỳ-kheo làm yết ma chết, người khác không biết chỗ giới. Phật dạy hãy xả rồi kết lại, cho nên phải nhóm hết.

Nói về Chánh gia Chánh Pháp, Thượng tọa nói: Nay tăng hòa hợp để làm gì?

Đáp: Yết-ma kết đại giới, nên bạch nhị mà kết.

Văn nói: Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo ở trú xứ này xướng tướng đại giới bốn phương, nếu tăng phải thời mà đến, Tăng bằng lòng cho, nay tăng ở trong tướng bốn phương này kết làm đại giới, đồng một trú xứ, đồng một thuyết giới, tác bạch như thế.

Đại đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo ở trú xứ này xướng giới tướng bốn phương, nay tăng ở trong tướng bốn phương này kết làm đại giới, đồng một trú xứ, đồng một thuyết giới, Trưởng lão nào bằng lòng cho, Tăng nay ở trong tướng bốn phương này kết đại giới, đồng một trú xứ, đồng một thuyết giới, Trưởng lão nào bằng lòng cho. Tăng nay ở trong tướng bốn phương này kết đại giới, đồng một trú xứ, đồng một thuyết giới thì im lặng, vị nào không bằng lòng xin cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng đối với tướng bốn phương này, đồng một trú xứ, đồng một thuyết giới, kết đại giới rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc này nên hành trì như thế.

– Phần hai nói về pháp đại giới của giới trường.

Trước dựng ba loại tướng nêu, trong cùng là một lớp nêu trong giới tự nhiên, tướng ngoài của giới trường.

Ở giữa một lớp tướng nêu trong đại giới của giới tự nhiên, ngoài cùng là một lớp tướng nêu ngoài của đại giới. Tức phải giáp vòng, trước phải xướng nêu bên trong một lớp rồi tác pháp kết. Nhưng vì ba kết khó rõ, sợ pháp không luyện,

lược chủ dẫn biểu đồ. Sau này y vào biểu đồ để xướng tướng, làm cho người mới học hiểu lầm. Nay hành sự mù mịt rơi vào trong vẩn mà thôi, không hề uy luyện, làm cho y cứ vào vẩn đọc thì sinh phiền muộn, nhất định biết phụ sự tác pháp không thành, phải cẩn thận mới toại sự.

Khấp vòng tròn này là giới tướng tự nhiên. Nếu trước ở trong giới đàn nhóm tầng, cũng nhóm họp bốn mặt, đã trình bày trong bản đồ. Y cứ vào khi kết đại giới, tự nhóm họp tầng, tầng ngoài viên vòng tròn phía Bắc đến chỗ tầng ở giữa kết giới cách nhau sáu mươi ba bước. Tầng ở trong đó cách tầng ngoài giới châu viên cũng vậy. Tầng Nam, Bắc cách nhau một trăm hai mươi sáu bước, mỗi mỗi đặt thành pháp, ở trong không thành. Cho đến phương khác đều y cứ theo đây. Nếu tác pháp kết rồi tùy tướng nêu xa gần. Lại y cứ xóm làng không thể phân biệt làm lời nói. Nếu xóm làng có thể phân biệt cho đến giới đi đường có năm tướng xa gần nghĩa loại khác nhau, lại như chỗ sai trong phần nhóm tầng ở trước.

Biểu đồ giới này gọi là giới tự nhiên rộng đối với tác pháp tròn khấp ngoài nêu lấy giới, ắt có giới riêng cũng tùy cong nhọn. Chu vi trong đó là giới tường. Giáp vòng ở giữa gọi là giới tự nhiên. Hai bên Đông Bắc tức dùng trên dương tường nhỏ là thể của giới tự nhiên. Hai bên Nam Tây trong tướng của đại giới thì không có tướng riêng, nên đóng cọc dựng dây nêu liền nhau phân ở góc Đông nam của giới tường, cách tường đại giới tám mét đất, bên tường nhỏ đóng một cọc, lại ở góc Tây nam cong nhọn cách tường lên hai mét cho hạ một cọc. Lại ở góc Tây bắc đến tường nhỏ bên này tường nhỏ hạ một cọc.

Phía chính Tây cách tường lớn tám tấc. Đóng ba cọc rồi, vẫn lấy dây liên tiếp ba nêu, chính là giới tự nhiên. Hai bên nam Tây nêu tác 2 pháp xong. Nếu hai giới mỗi giới có pháp sự, trong đây có người không ngại hai chỗ thì tướng hai bên Đông và Bắc tướng ngoài của giới tường chính là lấy nội viện tường nhỏ làm tướng hai mặt. Hai bờ Tây và Nam thì dùng dây nêu bên trong làm tướng là tướng trong của đại giới ấy. Hai mặt Đông và Bắc lấy ngoại viên tường nhỏ làm tướng. Hai mặt Nam và Tây lấy tướng trong đại viện làm tướng. Nếu nói rõ về tướng ngoài thì ở ngoại viện xướng. Nếu ở trong tướng xướng, đến góc Tây nam bên giới tự nhiên ngoài giới tường thì với nội tướng đều hợp, không có sự khác nhau giữa đây kia. Lại không được vào tướng của đại viện xướng. Vì không thấy tướng ấy. Trên lại nhờ một duyên, lấy làm tướng mạo. Khi tác pháp thừa hấn như biểu đồ, nếu không y theo đây mà giải thích, ngoài ra xứ cũng y cứ không được, nay nói rõ cách kết, chia làm ba:

Trước lần lược duyên. Luật Ngũ Phần chép: Trước phải kết giới tường, sau kết đại giới. Nếu trước Kết đại giới, thì phải xả rồi kết lại, sau đó xướng tướng kết đại giới. Tỳ-ni Mẫu và luật Thiện Kiến cũng đồng với thuyết này. Nay còn có người trước kết đại giới, đây là do không đọc thánh giáo, chỉ nói ý lời.

Hỏi: Trước kết đại giới, thì giới tường có thành không?

Đáp: Ngũ Phần nói phải xả rồi mới kết, cho nên biết thành, nếu không thành pháp sau, cho nên phải giải.

Ngũ Bách Vấn nói rằng: Sau khi kết giới trường thọ giới trong đó e rằng không được. Lại nói không biết đồng với chưa chế nhờ có đường này thì thông suốt. Thời nay kết phần nhiều có phi pháp hoặc đem năm, sáu người đi tắt đến trong giới trường. Trong giới không nhóm họp, xướng chung ba tướng, đã đủ lại thêm hai loại yết-ma. Hoặc có giới nội thông xướng ba tướng đã tùy giới thêm pháp, hoặc ở trong đại giới kết xa.

Hoặc trước kết giới trường mà chỉ xướng tướng ngoài đại giới, không xướng tướng nội giới mà gia pháp. Những điều này, đều lạm kiết không thành, cho nên phải biết giới mỗi xướng mỗi kết mới được thành tựu.

Phần hai nói rõ xướng tướng, trước nhóm tăng trong giới tự nhiên rồi, một Tỳ-kheo sửa sang oai nghi xướng rằng: Đại đức tăng nghe tôi Tỳ-kheo... vì tăng xướng tướng bốn phương của tiểu giới trường từ bên trong nêu góc Đông Nam chỗ này, phía Tây sợi dây dưới đèn nêu góc Tây Nam. Từ phía Bắc trong sợi dây bên này xuống đến nêu góc Tây bắc, tức là bên phía Đông trong tường nhỏ. Xuống đèn góc trong Đông bắc tường nhỏ. Từ bên nam trong tường này xuống đến nêu góc Đông nam. Đây là tướng ngoài của giới trường, một vòng xong ba lần nói rồi.

Người yết-ma hỏi đề làm gì?

Đáp: Yết-ma kết giới trường.

Đại đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo ở trụ xứ này nêu tướng tiểu giới bốn phương.

Nếu tăng phải thời đến, tăng bằng lòng cho, tăng nay ở trong tướng tiểu giới bốn phương này kiết làm giới trường, tác bạch như thế. Đại Đức tăng xin lắng nghe Tỳ-kheo ở trụ xứ này nêu tướng tiểu giới bốn phương, Tăng nay ở trong tướng tiểu giới bốn phương này kết giới trường. Trưởng lão nào bằng lòng cho Tăng nay ở trong tướng tiểu giới bốn phương này kết giới trường thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng trong tướng bốn phương này kết giới trường rồi, Tăng bằng lòng vì im lặng, việc này cứ hành trì như thế.

Kết rồi, tăng khác lại ngồi, phải lấy bốn, năm người biết pháp tướng vào trong đại giới an tọa, ổn định rồi nhóm giới không người mới là đắc pháp.

Kế là cách Kết đại giới: Trước nói rõ xướng tướng có hai loại khác nhau.

Nói biệt xướng: trước xướng nội tướng ba vòng xong, kế xướng tướng ngoài, ba vòng sau đó tổng kết họp.

Hai là tướng nhất khắp trong ngoài Tổng điệp, đã tùy khắp họp.

Vấn nói rõ pháp chung, phải sai một người có oai nghi xướng rằng: Đại đức tăng nghe, tôi là Tỳ-kheo v.v... vì tăng xướng tướng trong ngoài của bốn

phương đại giới. Trước xướng nội tướng, từ phía trong góc Đông nam tường nhỏ xuyên qua phía Tây tường nhỏ. Bên trong tường lớn đến góc trong góc Tây nam. Từ bên dưới phía Bắc tường xuyên qua đầu phía Tây tường nhỏ, qua đến góc ngoài góc Tây bắc tường nhỏ. Từ bên dưới góc Đông tường nhỏ này đến góc ngoài góc Đông bắc tường nhỏ. Từ phía Nam này ra lại đến góc ngoài Đông nam. Đây là một vòng tướng trong của đại giới.

Kế xướng tướng ngoài: Từ góc ngoài góc đông nam tường ngoài chùa viện, thẳng đến phía Tây góc đất ngoài mé đông cửa Nam. Tỳ góc cong phía Bắc vào đến trong hạn cửa Tây, xuống đến đầu hạn mé Tây, tỳ hạn phía Nam cong ra đến góc đất ngoài mé Tây của cửa. Từ phía Tây này xuống đến phía ngoài góc Tây nam. Từ phía Tây này xuống đến phía ngoài góc Tây bắc. Từ hướng Đông này xuống đến phía ngoài góc Đông bắc. Từ hướng Nam này xuống vòng đến phía ngoài góc Đông nam. Đây là một vòng tướng ngoài của đại giới. Kia là tướng trong, đây là tướng ngoài. Đó là một vòng trong ngoài tướng của đại giới.

Ba lần như thế rồi nói với tăng rằng:

Đã xướng tướng trong ngoài của đại giới xong, chúng tăng làm yết-ma. Người xướng lên tòa đã lên tòa, như thường y vào trước đây mà làm.

Yết-ma đại khái đồng với trước, không có giới trường mà kết, chỉ đủ một chữ của trong.

Nói: nay Tăng ở trong tướng trong ngoài bốn phương này kết làm đại giới. Nếu y cứ vào văn trong luật cũng không thêm chữ.

Chỉ nói: Ở tướng trong bốn phương này kết đại giới, về lý cũng được tùy ý, còn đường lớn không ngại, kết giới này rồi.

Như trên yết thị hiển rõ chỗ.

Pháp ba tiểu giới ba môn phân rõ. Trước nói về nhóm tăng xa gần. Đây do giữ lại nạn mà khởi. Không đồng với đại giới nhóm tăng. Cho nên Phật tùy phương tiện khai mở giới này. Như trong luật Thiện Kiến nói lượng bảy bàn-đà nhóm tăng nên được.

Cho nên trong văn kia không đồng ý, đối với Tứ Phần này không khác, đồng thời cho là trong a-lan-nhã, ở trong xóm làng trong văn không khai. Do lan-nhã đường xa đến nạn dễ thấy. Phần hai không dựng tướng vuông. Nghĩa của giới trường đại giới bền lâu, tăng thường ở nghỉ, lý phải rõ ràng, ba tiểu giới này đều do sự mà khởi có nạn thì ngăn làm. Phật khai tạm kết, lại không có tướng, tùy người nhiều ít mà làm giới thể. Nay người hành sự nếu kết tiểu giới thọ giới, phần nhiều lập hạn của viện, thuyết giới ngồi thẳng, tự tứ ngồi vòng tròn. Hai cách này không có tướng ngoài. Điều này chưa thông báo; y cứ theo văn trong luật vì ngăn Tỳ-kheo ác nay còn ngồi ngoài có giới, đều không khởi ngăn.

Ba tướng của tiểu giới này đồng một pháp, đều chỉ chỗ ngồi của tăng nhóm họp làm tướng trong của giới.

Cho nên trước nói tăng nhóm một chỗ, giữa nói cho Tỳ-kheo nhóm. Sau nói chỗ ngồi của các Tỳ-kheo đã đủ, phân chỗ ngồi của Tỳ-kheo ngồi như thế kết tiểu giới, vẫn chỉ ở đây. Lại không có tướng trong ngoài, nếu theo Luật Tăng-kỳ vẫn kia nói: Người muốn xả y ra ngoài giới. Không có giới trường kết tiểu giới, vẫn nói: Phần ngoài chỗ ngồi tăng trong một tâm thường tác yết-ma trong đó. Đây là nói rõ vẫn có khai, nhưng đồng với pháp của giới trường, chẳng đồng với tiểu giới.

Luật Tứ Phần nói: Trong pháp giới trường cũng nói tiểu giới, có thể chính là lập tướng tiểu giới. Nếu tác pháp thọ giới, thì y theo ngoài giới của luật mà vẫn nạn. Nếu khi đến xin thọ, mười người họp lại ngồi kết trước, đủ khai phần một người, thân giới ngoài cũng y cứ theo văn Thập Tụng và Thiện Kiến đủ thành số tăng. Đây là định nghĩa, ắt y xưa dùng kết giới không thành, tác pháp chẳng đúng thì một đời thọ uổng, tâm nghi thường khởi, gọi là không có giới trọn đời, lời này rất đúng. Nói rộng ra có phé lập như trong nghĩa sao. Nếu nói về thuyết giới, theo đồng sự bạn tốt, hạ đạo đồng thời ngồi làm cho gần nhau, y vào pháp mà kết. Nếu nói về tự tứ, năm vị trở lên ngồi vòng tròn bốn mặt, có đủ năm đức, bốn mặt tự tứ người này dụng thêm, chưa hẳn như thế, cũng tùy duyên sửa đổi.

Kể nói rõ pháp kết, vì sự ít vẫn còn lược ngoài ra có ba loại giới khác nhau.

1. Thuyết giới riêng lợi dưỡng riêng, muốn đồng thuyết giới, đồng lợi dưỡng.
2. Thuyết giới riêng, lợi dưỡng riêng, muốn đồng thuyết giới, lợi dưỡng riêng
3. Thuyết giới riêng, lợi dưỡng riêng, muốn đồng lợi dưỡng, thuyết giới riêng, vì thủ hộ trụ xứ. Tăng vật bốn phương này xưng hòa pháp. Cho nên Phật lập khai kết. Trong đời sau pháp này e hết tận, ắt như họp chùa có duyên cứu giúp sự thiếu thôn, đều phải bạch nhi cùng tăng đưa đi. Không được thẳng vậy mà cho người vì tăng vật không được ra khỏi giới.

Kể là nói rõ pháp giải giới. Trước giải chỗ không có giới trường.

Tăng nhóm rồi hỏi dục, lấy hòa rồi giải rằng: Đại Đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo ở trú xứ này đồng một trú xứ, đồng một thuyết giới. Nếu tăng phải thời đến tăng bằng lòng cho giải giới, tác bạch như thế.

Đại Đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo ở trú xứ này đồng một trú xứ, đồng một thuyết giới, để giải giới. Trưởng lão nào bằng lòng Tăng một trú xứ, đồng một thuyết giới, giải giới thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng cho tăng đồng một trú xứ đồng một thuyết giới, giải giới xong, tăng bằng lòng thì im lặng, việc này xin hành trì như vậy.

Nếu có giới trường trước giải đại giới, rồi giải giới trường. Đây là thường chuẩn. Thượng tọa hỏi đáp mỗi việc phải có đơn điệp. Không đồng thọ giới một đáp được làm nhiều pháp, người kia do đồng giới nên được. Trong đó không khai vì giới tự nhiên, mỗi giới tác pháp riêng nên không thông.

Nếu tác pháp đồng như trước mà giải.

Kế giải giới trường, nên ở trong tướng, không được ở đại giới mà giải xa, đối với luật không đúng chánh pháp trong yết-ma cũ dùng pháp đại giới để giải, chỉ xưng tiểu đại là khác. Nay y cứ theo giới về nạn sự, nhưng lại kết làm giải, lý thông văn thuận.

Văn nói: Đại đức tăng xin lắng nghe: nay tăng ở trú xứ này giải giới trường. Nếu tăng phải thời mà đến bằng lòng cho giải giới trường, tác bạch như thế. Đại đức tăng xin lắng nghe; Tăng ở chỗ này giải giới trường, Trưởng lão nào bằng lòng tăng nhóm ở đây giải giới trường thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng giải giới trường xong rồi, Tăng bằng lòng vì im lặng, việc này cứ hành trì như thế.

Luật Thiện Kiến nói: Trên giới trường không được lập phòng, dẫu vua sai lập cũng có sự hổ thẹn. Tỳ-kheo gỡ bỏ gỗ cở đưa đến Tỳ-kheo ở chùa, chỉ để ở điện Phật và cây:

Giới trường nước ngoài phần nhiều ở chỗ đất tròng, như chỗ đàn tế cúng ở thế gian, cho nên trong luật hoặc gọi là giới đàn.

Trong Ngũ Bách Vấn chép: Thọ giới gặp trời mưa, nếu dòi giới trường dưới nhà, trước phải giải đại giới, kết lại giới trường và kết đại giới mới được. Giải ba tiểu giới đồng với cách giải trước.

Phần ba nói rõ pháp khởi có không. Pháp khởi do làm pháp lành mà pháp lành không làm, thuộc về hành âm thiện.

Pháp lành này và xứ tương ưng khắp tướng nêu, đều có pháp khởi, chẳng gọi là pháp lành và đất vô ký, chẳng phải là không bằng.

Luật Thiện Kiến nói: Y vào tướng kết rồi, sau mất giới tướng nêu người đào đất, đến chỗ gần nước cũng không mất giới. Cho đến ở trên khởi ba lớp nhà đều đồng một giới. Nếu có núi đá, trên rộng dưới hẹp, ở trên đó mà kết giới. Núi cao dưới tăng không ngại thường pháp và giới là sắc pháp tùy chỗ rộng hẹp dưới vào đất.

Cho nên văn nói: Nếu kết xong nước rơi thanh hàm, tùy có nước chảy, dựng nhà trong đó ở trên tác pháp đều được.

Y cứ theo nhiều văn này, pháp khởi đâu có nghi ngờ.

Xưa nói: không có pháp khởi.

Văn nói: Vì sao giới hiện tiền làm yết-ma xướng chế hạn cục.

Như thế gọi là chỗ thêm pháp, bất luận pháp khởi có không.

Tát-bà-đa nói: Vì oai lực của giới nên được thiện thần che chở, như trong Ngũ Phần có nói rõ.

Kinh Tiêu Pháp Diệt Tận chép: Khi Kiếp hỏa khởi, chỗ từng làm già-lam không bị lửa đốt. Cho đến giới kim cương là đất. Bốn là nói về tướng kết xứ phi pháp có mất hay không.

Trong phần trước nói rõ và thuật đủ, sợ có quên mất.

Nghĩa là trong hai giới tiếp nhau không có tự nhiên, cùng liên quan đến sai lầm. Cách nước không cầu, hoặc không xả giới góc mà kết chồng lên. Và giới không nhóm kết, yết-ma không thành, tướng vuông không luyện, đều chẳng phải pháp kết.

Luật Ngũ Phần nói: Không xứng tướng vuông thì không thành kết giới.

Nói mất hay không, một là quyết ý xả bỏ.

Trí luận nói: Một đêm xả bỏ thì không có giới.

Hỏi trong Thiện Kiến trước đều nói không mất

Đáp: Kia không làm mãi xả tâm cho nên không mất.

Đây nói: Mất là ý không trở về, có tâm xả giới cho nên mất.

Trong văn đều nói vì xả bỏ.

Trong Tứ Phần nói Sự cũ cho nên Già-lam không mất tịnh địa.

Lại nói: Nếu nghi thì nên giải rồi kết lại, cho nên biết chỗ giới.

Nếu tác pháp xả y, thực giới có ba loại đều xả.

Phần hai nói rõ không mất lược thuật có năm loại.

1. Tâm ác phi pháp mà giải thì không mất lệ chuẩn.

Luật nói: tâm ác giải tịnh địa không thành.

2. Tăng, ni kết với nhau. Thiện kiến nói: Tỳ-kheo ở trong giới của ni mà kết giới thì không mất, ni đồng được thành.

3. Bên trong không có tướng giải nói cũng kết chồng.

4. Mất giới tướng như trong luật Thiện Kiến.

5. Bôn xứ rộng không. Ngũ Bách Vấn nói Đại Tăng và Ni kết chung được, không được třeo nhau.

---o0o---

## **THIỆN THỨ 07: GIỀNG MỐI LỚN CỦA TĂNG CHÚNG**

Một phương hành hóa lập pháp cần phải thông, chỗ chúng đoán lượng phải nhờ luật giáo, để cho nơi xa nước lạ có chỗ phát tâm, người đi trong giới an thân tiến nghiệp. Nếu lấy đây chế ngự chúng thì việc gì không hành, đã hành chánh pháp, thì người nào không vâng theo, đâu chỉ tăng đoàn thanh tịnh dứt tục về chân mới có thể làm tỏ cây đạo, bừng sáng mặt trời trí tuệ. Nếu pháp phát ra lời nói thường tình không có căn cứ, khoa phạt đồng với bỉ tục, thì cương giáo chỉ có sự việc thô trọng, có thể thi hành những điều sai trái, nên bị nhiều tình loạn.



Bởi vậy luật nói: Chẳng phải chế mà chế, thì điều chế ấy liền đoạn dứt, như thể có thể làm cho chánh pháp mau diệt. Đòi không gặp Phật đọa vào địa ngục nhanh như tên bắn. Tam Thiên oai nghi chép: trong chúng không có người biết pháp, trăm người ngàn người không được đồng ở, cho nên biết đồng ở phải vâng theo Thánh pháp.

Nay muốn bỏ phần rườm rà thêm phần thiếu sót làm cho chế và giáo tương ưng, nghĩa cùng thời mà hợp.

Cho nên luật, điều không đáng chế thì không chế, chế ấy liền thực hành. Như vậy dần dần làm cho chánh pháp trụ mãi.

Nếu phát sinh bệnh hoạn, nói rõ tổn giảm, rõ như giới dưới đây.

Tự trung phân năm loại:

1. Ước hóa chế giáo, minh tương khác nhau.
2. Y cứ các thức ăn tăng chế để nói về thông bát.
3. Y cứ pháp y cứ thời đối người để làm rõ.
4. Y cứ vào xứ thì dùng để rõ.
5. Tương của nhiều chủ giáo thọ.

Trong phần hóa chế chia làm hai: Lại nói rõ về hóa giáo, giáo chung cả đạo tục.

Đại Tập nói: Nếu trong đời mạt thế có đệ tử của ta nhiều tài của, nhiều năng lực, vua không trị được, thì dứt mất giống Tam bảo, đoạt mất chúng sinh. Tuy vô lượng đời tu giới làm phước cũng diệt mất. Nói rộng ra như trong Phẩm Hộ pháp quyển 29 nói.

Lại nói: Nếu Tỳ-kheo phạm lỗi cần phải trị họ một tháng hai tháng chịu khổ, hoặc không cho nói chuyện chung, hoặc không cho ngồi chung, không cho ở chung, hoặc tấn xuất, hoặc ra khỏi một nước, cho đến bốn nước, chỗ có Phật pháp. Trị Tỳ-kheo ác như thế rồi, thì các Tỳ-kheo thiện mới an vui thọ pháp. Như vậy mới làm cho Phật pháp trụ mãi không diệt.

Kinh Thập Luận nói: Nếu có chúng sinh độn căn, vì muốn phát khởi nhân duyên gốc lành mà biếng nhác thiếu trí quên mất chánh niệm, tham đắm trụ xứ, y phục, ẩm thực, bốn việc cúng dường, xa lìa tất cả các thiện tri thức. Chúng sinh như thế dạy họ sai, khuyến hóa liệu lý việc Tăng và Phật pháp, Hòa-thượng Xà-lê, ấy là chỗ phước trí cả việc. Nếu đệ tử Thanh văn tâm không cung kính, không giữ chắc giới, vì pháp tồn tại lâu dài mà điều phục họ. Nếu khởi tâm niệm dạy làm cho tâm hối hận, lại phải dùng lời mà trách phạt họ, đuổi họ, làm cho họ hạ ý, cũng không nói chuyện với họ, cũng ở trong tăng khiến trách sai lẽ bái, quát mắng hiềm trách không đồng lợi của tăng. Hoặc ở trước bốn vị tăng đập đầu tự quy phục tội, hoặc thời đuổi ra không được ở chung, ta biết chúng sinh tâm sở hướng lên, vì lợi họ, cho nên nói rộng cái khổ ở các địa ngục. Vì muốn điều phục chúng sinh phá giới. Nếu các Tỳ-kheo giữ gìn giới pháp thì

được trời người cúng dường, không nên trách phạt. Trừ người học rộng và giữ giới. Nếu có người phá giới mà xuất gia, có thể chỉ dạy tám bộ trời rồng, châu báu phục tạng, nên làm mười loại thì hơn. Nghĩ Phật nghĩ tâm thí. Nếu có phá giới làm oai nghi xấu, nên dùng lời mềm mỏng, cho đến lễ dưới chân, thì đời sau giàu có, được nhập niết-bàn. Bởi vậy y vào ta mà xuất gia, giữ giới hay phá giới không cho Luân vương, Tể tướng trách phạt. Huống chi phạm nhẹ khác. Tỳ-kheo phá giới tuy là người chết, năng lực của giới này dụ như ngư hoàng, xạ hương, nhã dược. Thiêu hương, v.v... Tỳ-kheo phá giới vì không tin nên tự thiêu đốt đọa vào đường ác, có thể làm cho chúng sinh thêm lớn gốc lành. Vì nhân duyên này, tất cả người tại gia đều phải thủ hộ, không cho trách phạt. Chúng tăng bốn phương bố tát, tự tứ, ba đời vật tăng uống ăn, trải tọa cụ đều không dự phần.

Ưu-bà-tắc bạch Phật: Bạch Đức Thế tôn, nếu vật phi pháp làm sao trừ bỏ?

Phật bảo: Ta không cho người tục mắng trách, Tỳ-kheo được làm.

Lại có một loại phi pháp liền mắc đại tội.

Nếu tăng không hòa, ở trước quốc vương, trước quyền thuộc của vua, trước đại thần mà quở trách. Tăng ở trong người tại gia, phụ nữ, tiểu nhị, trước tịnh nhân, ở trong Tỳ-kheo-ni oán hiềm, trước những người như thế giả sử được cử ít tội cũng không nên nhận.

Xuống đủ pháp xuất cử, như trong luật pháp, trong niết-bàn các thứ khai thị tướng rồi nói: với người hủy pháp cho bảy yết-ma, vì muốn mở bày cho người làm các điều ác, có quả báo nên biết Như lai thi hành các chúng sinh ác không sợ hãi vì hiện tại trị tội dứt, tương lai rất sợ hãi.

Nếu Tỳ-kheo hiện Thiện bỏ qua không quở trách, nên biết người này là kẻ thù trong Phật pháp. Nếu có thể đuổi khỏi chỗ trị phạt, ấy là Thanh Văn chân chánh đệ tử của ta.

Kẻ nói về chuyện giác để rõ, tăng sai sám hối sửa đổi dấu vết liền dừng. Người thượng phẩm thấy hình y nơi đường, loại hạ lưu chống nghịch mạng tăng không chịu vâng theo, không hổ không thẹn, phá giới phạm pháp, tiếp tục làm không thôi. Tự chẳng trị tội, do đâu mà dừng được. Giống như ngựa chạy chậm phải đánh cho đau, thì có bảy loại điều phục, ngựa ác trị mặc tất không cùng nói. Gần đây Phật pháp lưu hành ở Đông độ phần nhiều không thực hành như thế. Nếu nghe nói đứng lại sinh khinh cười. Lạm dùng Phật pháp tự uế tâm tịnh. Bọn có lỗi thật đáng phạt, lại dùng pháp tục phi lý chiết phục, tương tuy đều thuận mà tâm chưa sửa bỏ, từ đó làm cho cương giáo ngày càng suy yếu.

Văn nói. Điều không đáng chế mà chế thì mau diệt chánh pháp, lời này rất thật. Nay lời vi tế kia làm sáng lại tượng vận, có sức trụ trì các chủ chuẩn mà làm nó.

Trong Tứ Phần chép: Phạm muốn trị phạt cử người thì mình phải đủ hai loại năm đức. Như Pháp tự tứ. Lại phải ba căn đầy đủ, đồ chúng trên dưới đồng tâm cộng bình, người phạm có thể cho, sau đó mới cử. Đầy đủ như trong pháp ngăn

của bốn luật nói. Nếu trái pháp trên, cử không biết thời, lại sinh ra đấu tranh, cho nên vẫn nói: Các thầy chớ thường cử tội người khác. Vì sợ hoại chánh pháp, phải đủ pháp trên. Dầu cho không trị cũng diệt chánh pháp. Nay nói rõ về pháp trị có bảy loại, chín loại.

Nói bảy pháp là:

1. Quở trách
2. Tẩn xuất
3. Y chỉ
4. Ngăn không cho đến nhà người tại gia
5. Không thấy tội
6. Không sám hối
7. Nói dục không chương đạo.

Thêm hai pháp ác mạ và mặc tẩn thì thành chín

Nói về quở trách: Trước phải nói tội họ sau mới nói rõ chánh để trị. Nói lỗi có nhiều loại.

Tổng xú trong luật như Tứ Phần có nói rõ.

Nếu đối trước Tỳ-kheo lại nói bốn việc:

1. Phá giới, phá ba tụ trước
2. Phá kiến là sáu mươi hai kiến chấp
3. Phá oai nghi là bốn tụ dưới
4. Phá chánh mạng, nghĩa là phi pháp khát cầu, tà ý để nuôi mạng sống thì có năm loại bốn loại.

Nói năm tà gồm:

1. Cầu lợi dưỡng sửa đổi oai nghi thường trá hiện tướng khác lạ.
2. Nói về công đức của mình.
3. Lớn tiếng hiện oai thế.
4. Nói sở đắc của mình để tìm lợi dưỡng, kích động sai lầm.
5. Vì cầu lợi cho nên cưỡng bói lành dữ cho người.

Nói về bốn tà gồm:

1. Phương tà: thông khắp bốn phương vì cầu cơm áo
2. Ngưỡng tà: Trên xem tướng tinh tượng bất thường
3. Hạ tà: Tức là cày ruộng trồng trọt các thứ nghề nghiệp thấp
4. Khẩu thực bốn phương. Học chút ít chú thuật để làm lợi nuôi thân mạng.

Đây đều là Trí Luận giải thích.

Trong Luật nói: Phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp, tuy có ba căn lỗi trước, nói rõ xác thực, hỏi đáp có sai thì không được cử người khác.

Văn nói: Nếu không căn, phá giới, phá kiến, phá oai nghi, chánh mạng và tác pháp quả trách. Đây gọi là yết-ma phi pháp.

Trái lại như pháp ở trên. Nhưng cách trị này không hẳn là tội lớn. Nhưng làm cho điều chế của bậc Thánh kẻ học ngu ám tự ràng buộc đều bị phạt thêm.

Văn nói: Nếu không biết không thấy năm phạm tự, nghĩa là Bala-di, cho đến Đột-cát-la và tác pháp quả trách.

Ngũ Phần nói có chín loại:

1. Tự đấu tranh
2. Đấu loạn người
3. Trước sau chẳng phải một đấu tranh
4. Gằn gũi bạn ác
5. Làm bạn với người ác
6. Thích tự làm ác
7. Phá giới
8. Phá kiến
9. Gằn gũi người tại gia

Trong luật Tăng-kỳ nói có năm loại:

1. Thân miệng quen ở gần

Thân quen ở: ngồi cùng giường, cùng ngủ, cùng ăn cơm, mặc đồ chung, cùng ra cùng vào với huynh môn, nam tử, đồng tử, đệ tử.

Miệng quen gần: Tâm nhiệm qua lại nói chuyện chung.

Thân miệng cả hai đều gần: Hai nghiệp đều làm, lại cùng với ni, người nữ duỗi tay ngồi ở trong, lấy hương hoa, quả sau đưa nhau làm lễ đi sứ, ngoài ra như trước nói.

2. Thường phạm giới của năm chúng.

3. Vào xóm làng rất sớm, mà đi về tối, làm bạn với người ác, và những người ăn trộm, gặc cướp, người đánh bạc. Đến ở chỗ quả phụ, trẻ nam, dâm nữ, huynh môn xấu ác, Tỳ-kheo-ni, Sa-di-ni.

4. Thích tranh tụng nói nhau. Có năm loại:

1. Tự cao
2. Tánh thô bạo

3. Nói vô nghĩa
4. Nói phi thời
5. Không gần người Hiền

5. Cung kính các Tỳ-kheo trẻ tuổi, độ đệ tử trẻ tuổi, lo lắng như đệ tử lo cho thầy. Như năm loại trên, mỗi Tỳ-kheo ở chỗ ngăn che phải ba lần cản ngăn, không chỉ tặng bạch tứ quả trách để chiết phục.

Luận Minh Liễu chép: Tỳ-kheo tâm công cao không cung kính mưu tính người khác, khinh mạn đại chúng, làm yết-ma bố úy. Như còn là tên khác về quả trách, trên nói rõ về lỗi. Đối trước Tỳ-kheo tặng đều quả trách trị phạt.

Phần hai gia pháp có bốn loại:

1. Nói về lập trị
2. Nói về đoạt hạnh
3. Nói về thuận theo
4. Tặng giải thích cho nghe.

Ở phần lập trị. Pháp này và yết-ma có khác

Trước nói rõ: Duyên khởi có mười loại

Như trên đầy đủ bảy pháp rồi. 8/ Trong phần trình bày ý tâm này trái, cầu tặng chứng minh, chính tội này được phục mới cho. Nên gọi vào chúng phải nêu trước.

Nghĩa là trong tặng người có đức cử nói Tăng: Nói Tỳ-kheo gì đó phạm tội, nghĩa là ở chỗ nào đó, lúc nào, người nào làm tội gì, làm cho họ cúi phục tự trình bày.

Nên cho tội: Nghĩa là ông phạm việc gì, quả trách trị.

Thượng tọa nên y cứ theo pháp ngăn hơi đầy đủ có thể cử đồ chúng thượng hạ và người lự cử. Đã cho phép cử. Như trên làm rồi, tất cả muốn hỏi và tiện làm yết-ma văn trong luật nêu việc đấu tranh. Và luận đương thời, chưa hẳn như văn. Tỳ-kheo có phân, y cứ theo phải biết dùng.

Nên nói: Đại đức tặng xin lắng nghe! Tôi và Tỳ-kheo v.v... thích đấu tranh cầu hơn thua (ưu Khuyết), làm cho tăng chưa có việc tranh cãi thì xảy ra việc tranh cãi, đã có việc tranh cãi mà không trừ diệt. Nếu Tăng phải thời mà đến, Tăng bằng lòng cho, Tăng vì Tôi và Tỳ-kheo v.v... làm yết-ma quả trách, nếu sau này đấu tranh lại mắng chửi lẫn nhau, thì chúng tăng nên tặng thêm tội để trị (nghĩa là làm yết-ma tri đuổi ra khỏi chúng) tác bạch như thế. Đại đức Tăng xin lắng nghe. Tôi và Tỳ-kheo... đấu tranh nhau tìm ưu khuyết, làm cho tăng chưa có việc tranh đấu mà nay có việc tranh đấu, đã có việc tranh đấu thì không dứt trừ. Nay tặng vì tôi và Tỳ-kheo v.v... yết-ma quả trách. Nếu sau này còn đấu

tranh, thì tăng lại thêm tội. Vị nào bằng lòng thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Đây là yết ma lần đầu (Nói ba lần)

Tăng đã bằng lòng vì tôi và Tỳ-kheo... làm yết ma quở trách xong. Vì Tăng bằng lòng nên im lặng, việc này nên thực hành như vậy. Nếu nói rõ thì không thành, luật nói:

Nếu không cử, không làm ức niệm, không cúi đầu nhận tội, hoặc không phạm mà nói phạm thì không nên sám tội.

Nếu đã phạm tội, sám hối xong, mà không hiện tiền, thì nhận và pháp cả hai đều sai, đều tác pháp không thành đắc tội.

Nói rõ về đoạt hạnh: Cho tác pháp rồi nói rằng, vì ông tác pháp quở trách rồi, nay nhận ba mươi lăm việc trọn đời không được làm, ắt có thể thuận theo không trái nghịch. Tăng phải lượng xú, ba mươi lăm việc gồm.

Có bảy loại khác nhau, năm loại trước đoạt quyền thuộc mình.

1. Không nên trao đại giới cho người
2. Không được nhận người làm y chỉ
3. Không được nuôi Sa-di
4. Không được nhận lời tăng sai làm giáo thọ Tỳ-kheo-ni
5. Nếu Tăng sai cũng không được đi

Năm loại kế đoạt tài năng trí thức

1. Không được thuyết giới
2. Nếu trong tăng hỏi đáp nghĩa Tỳ-ni, thì không được đáp
3. Nếu tăng sai làm yết ma, cũng không được làm
4. Nếu trong Tăng chọn tập người có trí tuệ, cùng bình luận việc chúng, không được xếp vào trong đó
5. Nếu tăng sai làm tín mạng thì không nên làm.

Năm loại sau đoạt về thuận theo

1. Không được sáng sớm vào thôn xóm
2. Không được trời tối mới về
3. Gân gửi Tỳ-kheo
4. Không được gân người tại gia, ngoại đạo
5. Nên vâng lời các Tỳ-kheo dạy, không được nói lời khác.

Năm thứ nữa đoạt tương tục sau mới phạm.

1. Không được phạm lại tội này, ngoài ra cũng không nên phạm, nghĩa là Tăng tàn tác quả trách, chỉ thiên dưới là còn.
2. Hoặc tương tự, hoặc theo đời này (Tương tự nghĩa là đồng một thiên tội, sống theo đây nghĩa là phạm ba-dật-đề bị trị sau lại phạm Tăng tàn).
3. Không được chê bai yết-ma.
4. . Không được quả trách người yết-ma.

Năm đoạt nữa là cung cấp

1. Nếu được Tỳ-kheo hiền thiện trải tọa cụ cúng dường thì không được nhận.
2. Không được nhận người khác rửa chân cho
3. Không được nhận người khác bày đồ rửa chân.
4. Không được nhận người khác lau chùi dép da .
5. Không được nhận người khác chà thân.

Năm loại kế nữa là chế về cung kính

1. Không được nhận Tỳ-kheo hiền Thiện lễ bái, chấp tay, hỏi han, đón nhận y bát, v.v...

Năm loại chót là đoạt chứng chánh việc người.

1. Không được cử Tỳ-kheo hiền thiện làm pháp ức niệm, pháp tụng ngôn.
2. Không được làm chứng việc người
3. Không được ngăn bố tát
4. Không được ngăn tụng
5. Không được tranh luận với Tỳ-kheo hiền thiện.

Nói rõ về sự thuận theo nên phải đối với ba mươi lăm việc trên phải vâng thuận theo không được trái.

Lúc tăng tiểu thực, phải ăn sau, nếu khi nói pháp hoặc khi bố tát nên phải sửa sang y phục và cởi giày dép, một chân đứng, một chân quỳ bạch rằng:

Đại Đức Tăng nhận sự sám hối của con, từ này về sau tự trách tâm mình rồi, không phạm lại nữa.

Tăng nên lượng xét, sau đó nhận lời.

Nói rõ về cách giải: Luật nói: nên đến trong tăng vén y bày vai phải, cởi dép lễ dưới chân tăng, chân trái quỳ xuống đất chấp tay xin rằng:

Đại Đức tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo v.v... Tăng vì tôi mà làm yết-ma quả trách. Nay tôi thuận theo chúng tăng không có trái nghịch, theo tăng xin giải yết-ma quả trách, mong tăng vì tôi mà giải yết-ma quả trách, vì lòng từ bi

thương xót. Xin ba lần rồi. (hai Tỳ-kheo kia cũng vậy) Thượng tọa như trên muốn hòa giải nói:

Đại đức tăng xin lắng nghe. Tỳ-kheo v.v... Tăng vì họ làm yết-ma quả trách. Tỳ-kheo kia thuận theo chúng tăng không trái nghịch. Nay theo tăng xin giải yết-ma quả trách. Trưởng lão nào bằng lòng, Tăng vì... giải yết-mà quả trách thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên (nói 3 lần rồi).

Tăng đã bằng lòng cho... giải yết-ma quả trách rồi, Tăng bằng lòng vì im lặng, việc này nên thực hành như thế. Trong hành pháp ấy oai nghi, chỗ ngồi chưa rõ chỗ, y theo trong Tăng tàn, xuống đi ngồi.

Nếu có một người, ba người, tùy theo danh điệp mà dùng, không được đến bốn người. Như trên rõ rồi, cho đến thời lượng.

Về phần Tẩn Xuất: Nghĩa là đối với người tục mà nói bốn việc rộng ra như trong văn luật. Lại như trong tùy giới làm hạnh xấu nhỏ nhà người, đảo loạn Phật pháp, làm nhiễm ô tâm tịnh thiện của người tục khác, lấy trái làm phải, cho nên phải đuổi ra bốn xứ, chiết phục trị, sai thế tục biết chẳng đạt chánh, không còn nghi ngờ. Lỗi này tội nhân thường có, đặc biệt phải cảm đoán. Nếu nói về pháp trị thuận theo và giải trừ, lược đồng pháp trên. Nhưng trong phần tẩn xuất đến lỗi kia đã khó, trú xứ này là khác, luật bốn có đầy đủ. Nếu thuận theo xin giải thì không được đến ngay, nên ở ngoài giới sai người đem thư đến mời.

Luật Tăng-kỳ nói: Không được bàn luận với các Tỳ-kheo.

Nếu có thừa thỉnh chỉ thuộc bốn sư, ba lần nói y chỉ.

Nếu ngồi lộn xộn với Tỳ-kheo và người tại gia, lại nói bốn việc làm hoặc loạn chánh pháp, hoặc ở trong đạo tuy lâu mà ngu si không biết gì, tùy duyên hoại hạnh, không thể tự lập, thường sám hối nhiều tội, cần tăng trị phạt. Y vào vị đức sáng suốt kia hỏi pháp huấn, vì sai làm xong lợi ích cho mình.

Pháp trị hơi giống ở trên, và y chỉ đã gần gũi người biết pháp luật, học biết tỳ-ni, rõ thấu trì phạm, nên giảng kinh niết-bàn cho họ nghe, bày yết ma, an trí chỗ có đức, ngoài ra như trong pháp thầy trò.

Phần nói về cảm được không đến nhà người tại gia, nghĩa là trước người tục có tín tâm lại nói bốn việc, phi pháp náo loạn tổn hoại tâm người thế tục, mắng chửi người tại gia rồi bỏ đi, cần tăng tác pháp ngăn đoán không để cho xa lìa, vì sai cảm ơn người tại gia.

Luật Tăng-kỳ chép: Tỳ-kheo ngày mai nhận người khác nhất định thỉnh, đến lúc không đủ làm náo loạn tín chủ thì phải thêm pháp này. Nếu được pháp phụ vào rồi, nên bạch nhị sai một vị Tỳ-kheo đủ tám pháp:

1. Học rộng
2. Nói khéo
3. Nói rồi tự hiểu



4. Có thể hiểu ý người
5. Nhận lời người
6. Có khả năng nhớ
7. Không có thiếu sót
8. Hiểu những lời thiện ác

Dem người bị trị đến nhà thế tục nói rằng: Sám hối đàn việt, Tăng đã vì Tỳ-kheo... làm trách phạt xong. Nếu cùng sám hối thì tốt. Không chịu đều có tiền tới không? Rộng như trong luật nói. Nếu người tục vui mừng thì liền giải. Lại nói Tổng quát ba yết-ma đồng khác, bốn pháp trước người chỉ hoại hạnh mình, tâm còn có tin. Luật nói đủ tăng số, phải làm yết-ma. Nhưng người bị trị không thể trách cứ.

Ba yết ma sau gọi là tam cử, tín hạnh đều hoại, bỏ ra ngoài chúng. Không tính đủ số tăng, lời càng nặng, không thể nhiếp cứu. Cho nên chế cực pháp. Luật giản sắc này đồng với phạm trọng, cho đến khi qua đời tất cả của cải nhập đồng cử tăng, vì có thể thương công.

Kinh Niết-bàn chép: Người hủy báng pháp, làm yết-ma hàng phục, lại dạy các hạnh ác có quả báo. Nay học Đại thừa lòng người chưa thấm đạo, hạnh trái Tiểu thừa, Đại thừa. Miệng nói không tội không sám, tâm dục ác đạo. Thân cũng làm ác, thuận mình là đúng, trái mình là sai, đều trị bằng cách này.

Năm điều kể nói về không thấy mà cử. Lại nói bốn việc, pháp nói phi pháp, phạm nói không phạm, không tin nhân thiện, ác, chiêu cảm quả khổ vui. Tà kiến đảng ngoài nghi che lấp làm chướng đường tu học. Hoặc do không thấu giáo, hoặc biết mà cố phạm. Tăng hỏi: Có thấy phạm không?

Đáp: không thấy.

Tăng liền ngăn cử và tác cử trị không thấy. Vì muốn chiết phục theo đạo, lại bỏ ngoài chúng không đồng việc tăng.

Về mắt ấy là cử làm chánh pháp này trị không thấy người tội. Cho nên nói không thấy cử.

Tứ Phần chép: Đây ba lần cử người, làm cho ở có chỗ Tỳ-kheo là nói nếu ở chỗ không có Tỳ-kheo thì không được vì họ mà giải.

Phần không sám cử, nhưng tội không có tánh nhất định, từ duyên mà sinh, lý phải sám hối dứt bỏ, ứng bốn thanh tịnh, mà nay phá giới có bốn pháp:

Phạm không chịu sám, vọng bày lạm nói. Nói không sám hối, cấu chướng càng sâu, tiến đạo khó thành. Cho nên phải cử, bỏ phục mới giải. Kinh gọi là diệt yết-ma.

Trị phạt trước người làm cho diệt tội.

Luật Tăng-kỳ nói: Bị cử ba lần, tâm ý người mềm mỏng, bạch Tăng rằng: Tâm tôi điều nhu, mong tăng vì tôi xả pháp.

Bạch xong lại đi lui, chúng Tỳ-kheo lượng bàn có thể được hay không, sau đó xin giải.

Phản ác kiến không xả cử, muốn chứng đạo thật mà nói không chứng, tâm tà quyết triệt, gọi là kiến. Thấy tâm trái lý mắt ấy là ác. Cũng đối với giới thấy bốn pháp, lại nói không tin, tăng cử bỏ mãi không bỏ nhiệm, thuận theo không trái mới giải.

Bảy pháp trị này thật là thuốc hay, giữ gìn chánh pháp, trách phạt người ác. Phạt pháp lại hưng thịnh, truyền bá mãi ở đời, cho nên luật nói: Như lai ra đời vì một nghĩa, chế yết ma quở trách, cho đến người tâm ác không xả cử, gọi là được Tăng nhiếp thủ, làm cho Tăng vui mừng, cho đến chánh pháp tồn tại lâu dài.

Kinh Niết-bàn luận đủ bảy pháp yết-ma.

Sau đó nói rõ ra tướng hộ pháp rằng: Có Tỳ-kheo trì giới thấy người hoại pháp, đuổi quở trách họ, y pháp mà khiển trị. Nên biết người này phước vô lượng.

Lại nói: Nay phó chúc chánh pháp vô thượng cho các vua, đại thần, tể tướng, cho đến bốn dân, phải khuyên các người học nên học chánh pháp. Nếu người biếng nhác, phá giới, hủy chánh pháp, bốn bộ đại thần phải nên xử trị.

Kinh Đại Tập nói: Nếu đời vị lai, tin các vua như bốn họ. Vì hộ pháp có thể bỏ thân mạng, thà hộ một Tỳ-kheo đúng như pháp chứ không hộ vô lượng Tỳ-kheo tội ác.

Vị vua này xả thân sống ở tịnh độ, nếu theo lời Tỳ-kheo tội ác thì vua này có lỗi, vô lượng kiếp không được làm thân người, lại hỏi: Kinh Thập Luân nói không cho trị người thế tục, kinh Niết-bàn, Đại Tập sai trị người ác?

Đáp: Thập Luân không cho trị, Tỳ-kheo bên trong ác, bên ngoài có tướng thiện. Biết nghe xong, sinh tâm rất tin, cho nên không sai trị. Nhất định kẻ ngu ám tự ràng buộc, đúng sai không rõ, mãi ở ba đường ác, đạo tục, lý phải trị. Như hai kinh sau. Lại Kinh Niết-bàn chép: Quả cùng tội ấy giáo môn quyết liễu chánh nghĩa. Dù trước không cho, y theo sau làm nhất định. Cả hai còn cũng được, bỏ trước lại là đúng.

Nói trị ngựa dữ. Luật nói: Nếu Tỳ-kheo phạm tội, bắt luận nặng nhẹ, chống cự lại nói không thấy, thì tăng nên vứt bỏ, chớ hỏi, nói rằng trụ xứ ông cũng phải cử làm tự ngôn, không cho ông bố tát, tự tứ. Như người điều phục ngựa, ngựa dữ khó điều phục, thì phải cột vào cọc vứt bỏ. Tỳ-kheo các thầy không tự thấy tội cũng giống như vậy, tất cả vứt bỏ. Người như thế không nên theo cầu mà cho, nên đúng như pháp mà đuổi ra.

Nói mặc tẩn: Luật Ngũ Phần chép: Pháp phạm đàn, tất cả bảy chúng không qua lại nói chuyện với nhau.

Trí luận nói: Nếu tâm bị bức ngặt, như cách phạm khéo trị, dùng lời cỗi dục cũng chung cỗi Sắc, không nói là phiền não, cho nên trái tình, vì vậy không nói trị. Pháp này rất quan trọng cũng có trong kinh thêm yết-ma. Tìm bản chưa được, kinh Tạp A-hàm nói: Ba cách điều phục gọi là mềm mỏng, cứng rắn. Còn người không điều phục thì giết, nghĩa là không cho nói giáo thọ, giáo giới.

Nói diệt tận: Nghĩa là Tỳ-kheo phạm tội trọng tâm không hổ thẹn, không chịu học, sám hối, vọng đi vào đại chúng thanh tịnh, lạm ở trong giới hạn của Tăng. Phải là người ba căn, năm đức cử đi đến tăng, nhớ nghĩ tội để cho tự nói và bạch tứ. Văn Ngũ Phần chép: Đại đức tăng xin lắng nghe: nay Tăng cho Tỳ-kheo... tội Ba-la-di... yết ma diệt tận, không được ở chung, không được làm việc chung, bạch như vậy: Bạch Đại Đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... phạm tội Ba-la-di... Nay Tăng cho Tỳ-kheo... tội Ba-la-di yết-ma diệt tận, không được ở chung, không được làm việc chung, vị nào bằng lòng Tăng cho Tỳ-kheo... mắc tội Ba-la-di yết-ma diệt tận. Không được ở chung, không được làm việc chung thì im lặng. Ai không bằng lòng thì cứ nói lên, là lần đầu yết ma (nói ba lần) Tăng đã bằng lòng, cho Tỳ-kheo... Tội Ba-la-di yết-ma diệt tận, không được ở chung, làm việc chung xong, vì tăng bằng lòng nên im lặng, việc này nên thực hành như thế.

Tát-bà-đa nói: Chỉ thật tội trọng, đại chúng có biết không cần tự nói và hiện tiền, ắt phải tự nói.

Như bị Mục-liên quở trách đúng, mà người đòi phần nhiều có đại chúng dung tha, mình và người đồng ứ.

– Phần hai Nói về chúng thực Tăng chế.

Trước nói rõ thế gian lập phi pháp. Sau dẫn chánh chế để chứng thành. Trong phần đầu chùa biệt lập, chế phần nhiều không y theo giáo, uống rượu say loạn, khinh khi trên dưới. Phật tiền và gạo, hoặc hàng hóa khác, đương thời đồng hòa. Sau lại chống trái không chịu vận chuyển đưa đi, do đây mà phạm trọng hoặc dùng gậy phạt, gông cùm xiềng xích, hoặc đoạt tài của để cúng cho chúng, hoặc khô sai đắp đất, chặt cỏ cây, gieo lúa thu hoạch. Hoặc quanh năm làm việc nặng nhọc. Hoặc nhân gặp mất đoạt liền sai bồi thường, hoặc tác chế phá giới, mùa khác lần lượt gieo lúa gặt lúa. Nếu chia thức ăn cho tăng và vật của tăng, bày đầy rượu thịt. Tịnh nhân gà con, mua bán tô tở và sinh sản các thứ khác. Hoặc tạo ra quy chế thuận theo thế tục, phạm trọng tù cấm, gặp tha được miễn. Hoặc từ hàng hóa phương tiện được thoát. Hoặc giặc đoạt cướp vật, nhân lợi cầu lợi, hoặc chế ra phi pháp có tội lỗi, đứng ra phát lồ ở trong tăng. Sát đất thổi tro, đối tăng đánh phạt. Những điều như thế đều chẳng phải yếu chỉ của bậc Thánh, là do giềng mối không thôi, cương pháp đồng hòa mà làm. Nghiệp ác buộc sâu không thể nào sửa đổi, hối hận, chúng chủ có lực, phi pháp bạn nhiều. Tỳ-kheo đứng như pháp thời Tượng pháp, Mạt pháp lại ít. Dù có năm, ba bạn, thế cũng không thể làm. Cho nên Phật biết trước là có, không khiến đồng pháp, như sau có dẫn.

Luật Tăng-kỳ nói: Nếu Tác chế phi pháp nên quở trách cho dứt. Nếu không thì nên nói đúng pháp, muốn đứng dậy đi.

Nếu trong chúng người có năng lực không nghe, nên nói với người bên cạnh. Đây là chế phi pháp, chỉ được ba người, không được hướng về như vậy mà làm, nên làm ở bên người hiểu biết. Nếu không được, thì nói thấy không muốn tương ưng với tâm họ, rằng người kia tự có hành nghiệp, đâu giới hạn việc tôi, như mất lửa thiêu nhà thoát thân thì thôi.

Kinh Tỳ-ni Mâu nói: thấy các việc phi pháp, một mình không cản ngăn, nên im lặng, như trên nói.

Hỏi: Trong chế phi pháp, phạt lấy tài vật, có phạm tội trọng không?

Đáp: Không phạm tội trọng, vì lúc ấy tăng chúng cùng hòa cùng làm, sau đó y vào chế mà phạt thì không phạm. Chẳng phải không phạm, tác chế phi pháp là tốt.

Kế nói rõ tăng chế đúng như pháp.

Luật Tứ Phần nói: Tăng đúng như pháp thì phải thuận theo.

Lại nói: Điều nên chế thì chế, theo chế ấy mà thực hành.

Trong Luật Ngũ Phần chép: tuy điều ta chế phương khác đều không thực hành, không được làm, nghĩa là vua vì tăng mà lập chế, không y vào Kinh này chẳng phải điều ta chế, phương pháp là người thanh tịnh chẳng được không thi hành. (Y vào pháp vua mà dùng, không được không theo).

Tát-bà-đa nói: Trái với chế của vua nên phạm cát-la.

Luận Minh Liễu nói: Nếu tăng hòa hợp lập chế, Tỳ-kheo không được vào thành thị, là việc làm này nhất định phải làm.

Hoặc khế cần lập chế này, mỗi tháng một kỳ hoặc là dứt hẳn. Nếu theo kinh Đại Tập, khổ sai không được qua hai tháng, trong Thập Luân chế rõ như trước. Hoặc sai liệu lý việc Phật, Pháp, sư tăng. Hoặc không cho nói, khiến trách sai lễ bái, hoặc không cho nói, khiến trách sai lễ bái, hoặc lại đuổi ra, bày rộng ra như trước. Trong luật Tăng-kỳ nói: Phạt Xá-lợi-phất trong ngày phải lập ra.

Trong các luật chế rất nhiều, nhưng dùng bảy pháp như nói rõ ở trên, hoặc là đoạn thực, đoạt y khiến lập nên.

Trong phần trị sa-di, phạt sai nhỏ cỡ lo liệu việc tăng, đều chẳng phải duyên có phá giới.

Thập Tụng nói: Nếu trong chùa tăng có chế hạn, nếu biết có nỗi hại mình và người, người có khả năng diệt tận, thì bạch tăng diệt tận họ, không thì cho đi chỗ khác.

Nếu chế như pháp thì nên thọ.

Luật Tứ Phần nói: Tỳ-kheo khách mới đến, Tỳ-kheo chủ trước phải nói cách thức tăng chế.

– Phần hai nói về thức ăn. Trước nói rõ ý thông hoặc bí. Sau dẫn lời của bậc Thánh, nhưng thức ăn vì người bệnh ai mà không cần. Đức Thế tôn một đời giáo hóa phần nhiều trước phải nói điều này. Cho nên hỏi: khát thực có thể được không bình đẳng. Nay biệt trụ thấy hạn cục phần nhiều che lấp thức ăn của tăng, chướng ngại đại pháp. Hiện tại là nhân đói khổ, vị lai chịu khổ dữ dội.

Cho nên các Sư xưa có pháp dạy chúng rằng: Chùa là pháp nhiếp mười phương tất cả cảnh giới chúng tăng tu đạo. Vì chùa là nơi chiêu đãi tất cả tăng từng du hóa qua lại thọ cúng. Không mình, không ta, không chủ, không khác. Lý của tăng bình đẳng đồng hộ Phật pháp. Cho nên trong đó ăn uống các thứ đều là cúng phàm Thánh mười phương, đều có đánh chuông, tác pháp nhóm tất cả tăng chúng, đồng thời cùng thọ, là ruộng sinh phước cho đàn việt, đúng lúc đúng pháp, đều không ngăn ngại. Nhưng pháp có thông và bí chúng tăng mười phương tự có phần cơm áo, đúng vào thời mà đến, không cần vờ gọi, người tại gia có thể thọ cũng được, trích trong luật Ngũ Phần. Đây gọi là thông. Không thể thọ trai phi thời, người dân không kịp với pháp gọi là bí.

Chỉ có người đồng hộ pháp mặc đi đường, không tổn việc của đàn việt, vốn chẳng phải nhân tình, lý chẳng có hướng sai. (không được nhân tình miệng gọi đến ăn và tiệc cất giữ đến tháng sau. Cho đến tâm nghĩ thân sơ, nên cho thì đóng, không nên cho thì mở). Nếu đây để rõ thì chẳng tự hiển. Người chân thành xuất gia sợ khổ nhiều về bốn oán, chán vô thường trong ba cõi, từ bỏ ân ái sáu thân, bỏ cả đem mê năm dục, là do tục luống dối đáng bỏ, đạo chân thật nên theo về, là nên hợp ý khai rộng ra, trừ bỏ các tâm niệm xấu, không tiếc thân mạng, tiền của hộ trì chánh pháp, hướng chi thức ăn của tăng mười phương đồng khắp. Người kia lấy phần mình, lý phải tùy hỷ. Nhưng tình người ganh ghét hẹp hòi dụng tâm không bằng. Hoặc có người đóng cửa hạn cục ngại khách Tăng, không phải cũng là ngậy ngô hay sao?

Bôn ý hô chuông há như vậy ư? Người xuất gia xả bỏ càng không nên như vậy, mà vì thân ốm yếu không thể ủng hộ chánh pháp, thân bọt bèo không chịu xa lìa thức ăn của tăng, trái với lời dạy của Chư Phật, tổn phước của đàn việt, thương chúng hữu tình nhất thời, tắc nghẽn đường tăng mười phương, truyền sai cho đàn hậu sinh, thì thật bại nặng nề. Sửa đổi lỗi mê trước mà quy về Đạo, không phải cũng là tốt hay sao? Tham thức ăn là nghiệp của ngã quý, ấy gọi là đại mê.

Hoặc hỏi: Việc Tăng có hạn, khác bên ngoài không cùng lấy thức ăn có hạn cúng dường cho tăng không cùng ấy, sự ắt không lập phải chăng?

Đáp: Đây chính là lượng hẹp hòi của thế tục, ôm ấp tim xấu trong lòng người, há gọi là cái thấy cao cả của bậc thông đạt về trụ thanh tịnh.

Phàm sự cúng dường của bốn người, ruộng phước Tam bảo, giống như sự thọ dụng của biển núi, sự sinh trưởng của trời đất, đâu thể nào hết.

Cho nên Tạng Kinh Phật nói: Phải nhất tâm hành đạo thuận theo pháp hạnh, chớ nghĩ những điều cần dùng như, cơm áo trong tương sợi lông trắng của Như lai, một phần cho tất cả đệ tử xuất gia cũng không thể hết. Do đây mà nói khuyên tu giới hạnh cho đến chân thành hộ pháp, do đạo mà được lợi, vì đạo thông dụng. Chùa chùa mở cửa, nơi nơi đồng ăn, ắt phải cúng đủ, chia xẻ không thiếu, lại không đoán kho lẫm trong chùa đầy ắp. Chủ nhân tâm thoảng mà bố thí rộng khắp, hoặc chùa nghèo mà vì khách, do chí hẹp nên thấy nhỏ.

Nếu người hai lời này, gọi là Tăng dùng, không cung cấp có, há là trí lực của con người được biên sự hay sao? Nếu sức người có phân, không thể cúng dường vô hạn, những hoài bão đã hạn cục điều này rõ ràng. Đây chính là đàn việt vì đạo mà phụng cấp do năng lực người đưa đến. Nếu nói về chẳng phải trí lực thì công do đạo, nhưng sự do đạo cảm lại cúng dường đạo chúng, còn nếu che lấp tương xung, thì đâu có hết.

(Nay trong thế tục có nghĩa thức ăn, phòng nhà, còn cúng đủ tất cả, từ sáng đến tối hành nhân đi lại, ăn uống no đủ, chưa nghe nói thiếu. Đây cũng chẳng phải sức người. Do nghĩa người kia hành thí rộng khắp, cũng vì nghĩa sau đó chấp trước, chấp trước và lý thông, cho nên chẳng cạn hết. Ưu-bà-tắc này vì biết nhân quả cầu phước tương lai, còn biết nghĩa như thế, thực hành không hết, nghiệp trước mắt hưởng gì đạo chúng xuất gia như pháp, thông thực mà phải không cứu giúp hay sao? Lại, lễ giáo của thế tục lo đạo chứ không lo nghèo. Hưởng chi người xuất gia vượt ngoài thế tục không lo hộ pháp, không lo uống ăn. Điều này mất đi rất lớn. Điều lo về tình người bị lậu, tham lúa gạo của tăng nát rửa ra mà không bố thí. Thế tục rất hồ thẹn, phí lúa của tăng mà không thông, chẳng phải đệ tử Phật).

Tôi chỉ thấy chứa việc mà không tồn đạo, chưa thấy đạo thông mà sự tắc nghẽn. Trong Phật pháp không có sang hèn, thân sơ, chỉ vì pháp bình đẳng đồng giúp đỡ. Người đến xin cơm một pháp cũng không cho, nếu theo tình thí cho tức là hoại pháp, người thế tục vốn chẳng nên trai thực, nhưng phải nhờ hỏi có thể bày trai phạn cho ăn. Người có thể bày trai phạn nói nhân quả để cho họ tin tội phước. Biết chẳng phải tham, lần lần khuyên họ bỏ.

(Trong đây chẳng phải là chỗ tốt của người sống, chẳng phải chỗ xấu của người sống, không được một bề sân giận người, một bề mặt tình người. Không bày trai mà ăn thì phải bỏ tình còn đạo, khéo biết lượng xú). Bởi vậy, cẩn thận giữ gìn pháp Phật, cẩn thận giữ gìn pháp tăng, ấy là người từ bi bậc nhất. Tất cả chúng sinh hiện tại vì lai lìa khổ được vui. Nếu không giữ gìn giáo pháp của Phật, thì theo tình hoại pháp.

Nghĩa là cho người thế tục không bày trai phạn mà ăn. Có người đến xin thỉnh tùy tình liền cho một, làm cho chúng sinh không biết phân rõ đạo tục, và phá hoại pháp tăng, hủy tổn ba quy y. Đã không có ba quy y (quy y Tam bảo) xa lìa Tam bảo làm cho các chúng sinh chìm trong biển tội, chảy vào biển khổ, mất đi lợi lạc, đều do hoại pháp; bởi vì không giữ gìn giáo pháp của Phật, không giữ

gìn Luật tạng, thiếu chỉ dạy chúng sinh, tự hôn mê vào thời cuộc, gọi là người không có từ bi bậc nhất. Nếu tiếp đãi bọn ác chẳng phải lý ngu phu thuyết dẫn dắt, không thể nhận sự giác ngộ. Nghĩa phải y theo giáo mà suy nghĩ, đầy đủ như trong tùy tướng.

– ***Dẫn ngôn lượng của bậc thánh.***

Trong Tát-bà-đa chép: Luật Tăng-kỳ nói khi ăn phải làm bốn tướng (nghĩa là tướng đánh kiên-chùy) làm cho trong giới nghe biết.

Nhưng bốn tướng này nhất định có thường hạn, không được lẫn lộn.

Nếu không có hạn định thì không thành pháp của Tăng, đó gọi là ăn trộm.

Luật Tăng-kỳ nói là không thanh tịnh.

Lại bất luận Tỳ-kheo trong giới có không, hoặc nhiều hoặc ít, làm bốn tướng xong, chỉ sai không ngăn cản Tỳ-kheo, hoặc đến hay không cũng không lỗi. Tuy làm tướng mà ngăn cản cũng không phạm (nên biết nếu đôi chuông khanh, nên hô chuông, nhóm tăng, nói cho biết khắp rồi, sau đó mới đổi, về sau đổi nữa cũng vậy).

Nếu trong đại giới có hai, ba chỗ, mỗi chỗ có hoàn toàn bộ Tăng-kỳ nói đồng một bố tát, nếu khi ăn nên đánh Kiên-chùy, tất cả không ai ngăn thì thanh tịnh.

Luật Thiện Kiến nói. Nếu đến chùa thấy cây trái, nên đánh kiênchùy, không có kiên-chùy thì cho đến vỗ tay ba cái, sau đó, lấy ăn.

Nếu không ra hiệu thì phạm tội ăn trộm, uống ăn cũng như vậy.

Nếu Tỳ-kheo khách đến, Tỳ-kheo cưu trụ không chịu đánh khánh, khách tăng tự đánh ăn thì không phạm.

Trong Tát-bà-đa chép: Cách ăn cơm của Tăng-kỳ tùy chỗ có người nhiều ít, nên có thường hạn, tính tăng liệu cơm, một ngày bao nhiêu được trọng một mùa. Nếu một ngày một đấu thì được hết mùa. Nên lấy một đấu làm hạn, hoặc dưới một đấu gọi là ăn trộm. Vật Tăng-kỳ nên được, vì mất cơm này. Tăng xuất ra một đấu cũng là trộm Tăng-kỳ, tức làm cho Tăng-kỳ bị cắt đứt không tiếp. Đã có thường hạn. Tùy theo nhiều ít, tất cả không ngăn. Tùy tăng nhiều ít đều cùng ăn. Nếu người ít ngoài ra có trưởng giả, giữ lại đến ngày mai lần lượt đi trước. Pháp như thế tất cả không ngăn. (phải là tiết kiệm thời cho nên pháp làm cho nhất định).

Nếu lấy bánh của tăng, làm được một lần không trả lại tăng, thì phạm tội.

Luật Tăng-kỳ nói: nếu khi hành thực, gạt cho Thượng tọa, Thượng tọa nên suy lường, được khắp nên lấy. Không được nghiêng lệch về Thượng tọa. Nếu sa-di, tịnh nhân nghiêng lệch cho Bôn sư đại đức, người tri sự nói rằng: bình đẳng cho tăng, thức ăn không có cao thấp.

Ngũ Bách Vấn nói: Thường tọa tâm tham nghiêng lệch thức ăn tăng ăn phạm theo, người không bệnh nói là bệnh để cầu thức ăn ngon thì phạm tội trọng.

Ngoài ra, tặng ăn khó tiêu. Như Tặng hộ trì, v.v... có nói, nghĩa đã nói khách khác thì mắc tội. Điều quan trọng là người trì giới không cho phạm tội, người phá giới không phạm.

Luật nói: Tỳ-kheo tội ác đến không nên cho.

Luật Thập tụng, Tát-bà-đa nói: Nếu ngoại đạo đến, chúng tăng cho ăn thì không phạm chỉ không được tự tay cho vì ngoại đạo thường dò xét khuyết điểm của Tỳ-kheo cho nên khai.

Năn trong chùa tăng có sai tăng lần lượt thỉnh mà chọn khác. Tăng này thứ lớp lần lượt gọi là vượt thứ lớp. Tức sai khách tăng nên được mà không được, chủ nhân phạm tội trọng.

Tùy người đồng tình nhiều ít thông là ăn trộm.

Lại, trú xứ này không có danh tăng, cho nên chọn bắt khách chủ, chẳng đồng nghĩa hòa tăng.

Kinh Đại Tập nói: nếu một chùa, một thôn, một rừng có năm Pháp sư ở, đánh chuông nhóm họp tăng bốn phương. Khách tăng nhóm họp rồi, thứ lớp cấp cho, không có tham tiếc. Đầu hôm, gần sáng đọc tụng giảng luận, chán ghét sinh tử, không khen ngợi khuyết điểm của người, ít muốn vắng lặng tu niệm định, thương xót chúng sinh. Hộ giới, hộ thẹn, gọi là chúng Tăng như pháp trụ trong biển công đức lớn. Nếu không suy lường Tăng phá giới, chỉ làm cho năm người thanh tịnh, đúng như pháp hộ trì Phật pháp. Thương các chúng sinh, phước không thể lường. Như trong quyển 31, ngoài ra còn có chiêu đãi vua chúa, quan lớn, làm người ác, người tục ác tặc, người thanh tịnh. Việc đã lạm nhiều, bao gồm phạm tội trộm. Rộng ra như trong phần tùy tướng.

#### – *Y cứ vào pháp.*

Luật Ngũ Phần chép: Muốn làm yết-ma riêng, Tăng không thể hòa, phải làm trước khi thuyết giới. Bởi pháp chế chúng tăng không dám tán loạn.

Luật Tứ Phần chép: Nếu có người nêu tội, không được liên tin lời người nêu tội, liền gọi người nói đến chỗ tăng đối đáp. Trước hỏi ba việc thấy nghe, nghi. Nếu nói thấy, là tự mình thấy hay người khác thấy, thấy ở chỗ nào, phạm thì phạm tội gì, là phạm giới ư? Phạm giới nào? Phá kiếp ư? Phá kiến gì? Phá oai nghi ư? Phá oai nghi gì, nếu như thế, người tội mỗi câu đều đáp được.

Người có trí mới theo điều mách bảo hỏi từ trên đến dưới chúng và cả người phạm tội, lấy tự ngôn ấy chứng chánh nêu trị. Nếu không đáp được mà có người trí theo điều sai trái ấy, liền theo tội vu báng, y theo pháp mà trị.

Cho nên vẫn nói: Nếu nêu không có y cứ, không có tội khác thì không thành ngăn. Trị về tội vu báng ấy, vẫn cũng không hiển bày thật hư của người thì kết phạm. Nghĩa phải suy xét. Nếu đến tới phạm làm việc tác pháp nhiều chỗ có phi pháp, lý phải y theo đó, đem tội, chỗ ngăn che lỗi phát khởi sẽ nhiều. Hoặc có ngủ say, hoặc lại ồn náo, oai nghi đối tiết, bèn thành biệt chúng. Hoặc không đủ



số, bỏ thiếu việc lớn không thành pháp của tăng. Là nhờ vào chỗ tối, chỗ ngăn che, không chỉ phụng pháp. Việc không làm được, ban đêm mới làm, may biết không dễ, và đến sáng mai làm phải quấy tự hiển. Mắt đối không dám có tướng khinh.

Nói đối người: Hễ thi hành pháp sự thì quý ở người thủ lãnh. Thượng tọa chủ chúng, trước thấy phi pháp thì phải chỉnh đốn khuôn phép, không được ngồi im lặng, dẫn đến vôi lấy tội lỗi. Trong Tăng-kỳ nói có nhiều loại Thượng tọa, mỗi người có một cách khai thị văn nói rộng như kia.

Luật Tứ Phần nói: có ba loại cuồng si

1. Chúng tăng thuyết giới, đến hoặc không đến.
2. Một bề không nhớ không đến.
3. Có nhớ mà đến.

Loại người thứ nhất thì phải cho yết-ma, hai loại người sau không cần.

Luật Thập Tụng nói: Nếu chưa tác pháp, không được lia người này mà thuyết giới, tác pháp rồi mới được lia.

Luật Ngũ Phần nói: Nếu tìm không được thì làm yết-ma. Trong Tứ Phần cho bạch nhị, nếu hết cuồng si thì đến xin giải, bạch nhị để giải, nếu phát lại thì y vào pháp đó. Nếu hết cuồng không đến thì không phạm. Vì trước được pháp rồi. Cũng không nên giả điên cuồng, mà thêm pháp không thành. Yết-ma đúng như luật.

. Đối với xứ rõ ràng, việc oai nghi của đồ chúng là phải nghiêm chỉnh thanh tịnh, khuôn phép, có thể xem chính là thiện tâm đời này, trời rông khen ngợi, ắt hình phục lạm ác, liền hủy nhục Phật pháp. Trong Luật Thập Tụng chép: Y phục Tỳ-kheo bất tịnh bị phi nhân quở trách.

Kinh Hoa Nghiêm nói: Thọ trì oai nghi giáo pháp đầy đủ, nên giúp cho Tăng bảo không dứt mất.

Ma-Đắc lạc già chép: Thượng tọa già-lam phải đi trước ngôi trước, xem oai nghi của các Tỳ-kheo trẻ, nói để sửa đổi cho trang nghiêm. Và bình đẳng hành thực, xướng Tăng-bạt, người tại gia đến nên cho ăn và nói pháp. Trong văn Thập Tụng nói Đại đồng. Trì luận nói: Đệ tử Phật pháp đồng ở trong hòa hợp:

1. Hiền Thánh nói pháp.
2. Hiền Thánh im lặng.

Y cứ theo đây chúng chỉ thi hành hai việc, không được nói chuyện xằng thế gian, nói văn làm nhà người. Chúng quý ở thu nhiếp các căn, không động loạn. Tụng Kinh nói pháp biết thời.

Thành Luận nói: Dù là pháp ngữ, nhưng nói không phải lúc thì gọi là ý ngữ.

– Nói về hình oai nghi phải y cứ theo Thánh giáo.

Tát-bà-đa nói: Cạo tóc cắt móng tay là điều Phật chế.

Luật nói: Nửa tháng cạo tóc một lần: Đây là cách thức thường hằng chẳng được không làm.

Kinh Niết-bàn nói: Tỳ-kheo tội ác râu tóc, móng tay đều dài bị Phật quở trách. Mặc ca-sa phải một bề đúng như pháp, không được năm màu đại chính nên nhuộm lại, các bộ chánh tông không cho mặc dùng. Nếu có rách thì tùy theo lỗ mà vá. Điều nhỏ phải y vào luật bản, rộng ra như trong pháp y. Những điều sai trái trong chùa không mặc. Khi nhập chúng hoặc lại mặc mà vào, và mặc áo dưới, hoặc mang dép gỗ, dép các luật đều không cho, rộng ra như trong pháp bình bát.

Luật Tứ Phần nói: Nhập chúng khéo biết các pháp: ngồi, đứng, dậy, v.v...

Luật Thập Tụng chép: Cách xuống giường, từ từ bỏ một chân xuống. Kế bỏ chân thứ hai từ từ mà dậy. Cách ngồi cũng vậy.

Cách vào Tăng đường, nên ở ngoài cửa đắp y bày vai phải, vén tay phải nhiếp tâm cung kính, y suy nghĩ tăng trong Tăng đường, lại nghĩ đồng với Phật, nghĩ đồng Duyên giác, La-hán. Vì sao? Vì Ba thừa đồng pháp ăn. Kế muốn vào tăng đường, nếu ngồi phía Tây cánh cửa phải từ mé Tây cửa bên ngoài cửa. Trước phải nhắc chân trái định tâm mà vào. Nếu ra cửa. Lại từ mé phía Tây trước nhắc chân trái mà ra. Nếu ngồi phía Đông cánh cửa, trái ở trên có thể biết, không được tréo chân trong cửa. Nếu khi muốn ngồi, lấy y che lại, chớ để lỏa hình, nói rộng như trong luật Tăng-kỳ.

Luật Tứ Phần chép: Không được mặc áo ngắn, khó của người thế tục. Nay có mặc áo lông bào, áo lót tay dài, dày nhọn, dày lớn, giày dai, bát đồng, bát ngói, v.v... và bình bằng gỗ đen, v.v... Phật chế cấm, lý phải đốt bỏ.

Luật Thiện Kiến chép: Nếu người học rộng biết luật thấy Tỳ-kheo khác dùng không đúng pháp, phải nên đập bẻ, không có tội, chủ vật không được đòi đền bù.

Pháp sư Chùa Linh Dụ nói: Chùa Tăng không được nuôi người nữ, hoại phạm hạnh của tăng, dù cho hiện tại không phạm, nhưng làm cho không lìa được dục, còn đắm mê nữ sắc.

Kinh Tụ rõ chúng, cách vách nghe tiếng, tâm nhiễm tịnh giới, hưởng gì trọn đời phụng cấp, sẽ thành phạm nặng.

Điều này xưa nay không được.

Trong luật Tăng-kỳ nói chùa tăng được người nữ, không được nhận.

Ni được nam tịnh nhân cũng vậy.

Xưa nay nhiều chỗ do lỗi này mà Tỳ-kheo bị hoàn tục diệt tận, lại do đời này không biết hộ pháp. Tăng cương, trừ khử cảnh ứ, lại giữ ứ bỏ tịnh. Sinh tử chưa quá nửa, lại buôn bán tội tớ xe ngựa trâu bò súc sinh buộc ràng sự đồng,

không có lợi ích đôi bên, đều thành dòng tục, chưa thấm phần đạo. Chùa Tỳ-kheo-ni thì tăng có thể biết, hoặc thuê người nam tạp làm, ni gần gũi qua lại, phá hoại phạm hạnh, diệt pháp không lâu.

Chùa nhà khổ chứa, nhà bếp phần nhiều không kết tịnh, đạo tục thông lạm tịnh uế lẫn lộn, lập chúng rất lâu, giếng mỗi không theo giáo. Bổng nghe lập tịnh, mê hoặc tai tâm sợ hãi. Há chẳng phải là Thượng tọa sự tăng vọng trụ ở tịnh, dẫn dắt hậu sinh đồng mở đường ác.

Hoặc nuôi mèo cho, v.v... để giết chuột, đánh trâu buộc ngựa ở chuồng, những loại như thế đều là luật nghi ác.

Luận Tạp Tâm nói: Luật nghi ác chứa nhóm lâu ngày mà thành, luận Thiện Sinh Thành chép: Nếu thọ nhận luật nghi ác thì mất thiện giới. Nay chùa nuôi mèo chó, lại muốn trọn đời chẳng phải là luật nghi ác hay sao?

Tất cả chúng đồng nuôi một chúng không có giới.

Kinh Đại Tập có nói: Người không giới, phá giới đầy cả Diêm-phù-đề.

Hoặc Phật đường, tháp miếu không tôn trọng sửa sang.

Chỗ Tỳ-kheo ngõ ngáo dẫm đạp phi pháp, lớn tiếng cười to, làm phi oai nghi. Tự tập ở cửa chùa, theo thời không nhóm họp, tự diệt chánh pháp, sống bên ngoài thế tục chê cười. Đều do ba sư Thượng tọa dẫn đến mà diệt pháp. Nếu tác pháp thuyết giới thường, nửa tháng hằng vãng theo, thường đến thuyết buổi sáng làm cho tri sự điếm biết Tăng chúng, ai ở ai không, bệnh lành mấy người. Ai có thể đến giúp, ai có thể gỡ dục.

Biết như thế rồi sai lau chùi tháp miếu, quét dọn chùa viện. Như cách thuyết giới trước khi đánh chùy, chúng chủ thường tọa, thân từ từng phỏng theo đó mà làm.

Người bệnh phương tiện tiếp nhận nói: Chúng tăng thanh tịnh bỏ tất, phạm thánh đồng vãng theo. Người thực hành tuy đáng nằm bệnh, có thể được một lễ hầu không, nỗ lực tự gắng. Thân tâm này không đáng tin hoặc do đây mà không khỏi, thoát cái đời sau, tùy nghiệp thọ sinh, biết vào đường nào. Muốn lại nghe giới thì đâu được nghe, như thế tùy thời tiếp dẫn, tăng khác không đến, lại y cứ theo dụ này.

Năm Tạng Giáo thọ, kinh Tỳ-ni Mẫu nói: Người có thể cản ngăn năm pháp không cần thọ.

1. Không hổ thẹn
2. Không học rộng
3. Thường bươi móc lỗi người
4. Thích đấu tranh
5. Muốn bỏ đạo.

Ất trước phải đối với người có lỗi nhận ham muốn, sau đó cản ngăn. Các pháp như thế đều cương cứng, đại đức trụ trì một chùa có năng lực hộ pháp mới được làm. Nếu thấy trong chúng có lỗi, không được quở trách ngay, phải sai đến chỗ khuất mỗi mỗi dạy rằng.

Một phương trú xứ này cùng có đạo đức. Trong thời mạt pháp, lấy oai nghi làm tăng, mới giúp Phật hóa độ. Nếu trong chúng có người một hạnh một pháp thắng diệu, sai trú xứ khác học theo, đâu được có lỗi làm cho người nghe, làm cho đời sống bất thiện, mình, người đều lỗi.

Nay đại đức có việc gì đó, bất thiện, không y vào Phật chế. Nguyên liền sửa đổi, muốn cùng nhau thẳng tiến để dẫn dắt đàn hậu sinh. Nhất định là đệ tử, quyền thuộc, đồng bạn của mình đối chúng trách cứ cũng được. Không được lập đến bốn người, và không được cử tăng, phi pháp thì phạm tội, nếu có người trái với tăng chế. Nên dạy đầy đủ rằng: Phật lấy giới pháp thanh tịnh mà nhiệm để cho bậc Thượng nhân hành trì. Chúng tôi tu tập dần dần nhiệm mà thôi. Nhưng vì thời đại khinh bạc, giáo pháp không thi hành, cho nên Phật sai lập tăng đúng pháp, muốn khuyên đồng thuận theo.

Kinh Địa Trì cũng chép: Nếu hộ Tăng chế mà không y theo, thì trái giáo phạm tội. Nay có việc gì trái với chế, nguyên tùy trách phạt phải đồng pháp tăng. Cũng làm cho tương lai có người phạm làm gương nhân duyên về giới mà thuật.

Nếu thấy người tạo tội sáu nhóm, nên ở chỗ khuất chỉ dạy: Nay cùng ở chung, đều là nhân duyên đời trước. Nhưng kiếp cuối cùng nhiều chướng ngại. Người trì giới thì ít, thấy tạo việc gì thì nói là thật không, người đáp là thật. Y vào luật đúng như Pháp mà dạy.

Văn nói: Có hai loại người si:

1. Không thấy phạm.
2. Phạm mà không sám hối.

Có hai loại người trí: Trái với hai loại trên vừa nói.

Người theo lời Phật gọi là chân cúng dường, nay không chịu thuận theo, có thể muốn theo quý ư? Tội không thể chứa nhóm, hoặc có thể chuyển nặng. (dẫn văn trong Kinh Niết-bàn dạy).

Kinh khác nói: một niệm ác có thể mở ra năm cửa bất thiện

1. Điều ác có thể thiêu đốt gốc lành của người
2. Theo ác lại khởi ác
3. Bị bậc Thánh quở trách
4. Lui mất đạo quả
5. Chết vào đường ác, các thứ dạy như vậy.

Nếu có người sắp bị phạt, Tỳ-kheo chúng chỉ y vào luật nói rằng: Chúng tăng đáng sợ, biết đủ ba tạng, có thể lực lớn. Đạo tục kính phục, còn không bỏ. Lại nói: chúng kia đã có năng lực lớn, nếu có trái phạm chánh giáo, thì nhất định nêu tội ông.

Lại không xả bỏ nên nói: Chẳng những chỉ cử tội trị

Lại nhận ba mươi lăm việc. Lại không qua lại đón rước đồng pháp sự tăng, cho đến không đủ túc số, các loại như thế dạy rồi, không chịu cản ngăn nhóm chúng và nêu tội, nhưng chúng rất tôn trọng đại đức cao tuổi đức hạnh, tự lực dẫn dắt mới có thể tiến đạo. Nhất định không tự biết vọng nhiếp quyền thuộc. Kẻ ngu tự chấp lấy không tạo lợi ích, thì gọi là tuổi nhỏ. Cho nên trong luật dạy: A-nan đầu bạc mà Ca-diếp gọi là tuổi nhỏ, quả trách rằng: Đại chúng các thầy sắp mất, vị Tỳ-kheo nhỏ tuổi, đều bất thiện đóng các căn, tham không biết đủ, đầu hôm, gần sáng không thể gắng tu, khắp đến các nhà, chỉ đi phá lúa gạo, các thầy phải mất. Lấy văn này làm chứng. A-nan khéo biết pháp tướng, là Vô học mà còn bị chê trách. Ngoài ra phạm tục bị lâu đầu thể tự khinh, ắt muốn cương chúng đối với thời trụ trì hộ pháp. Phải tự hành thanh tịnh, tiết tháo, giữ vững lòng trinh khiết, thông đạt luật tướng và rõ Nhị thừa. Khi biết phải thông đạt rốt ráo tánh tịnh, có thể y cứ theo một phương bình ngộ văn trên.

---o0o---

## QUYÊN THƯỢNG

### PHẦN 3

#### THIÊN THỨ 08: DUYÊN NHÓM HỢP THỌ GIỚI

Thọ giới là vượt lên dòng uế phạm bị, vào giai vị báu của Thánh chúng. Tâm đã cung kính bao la, cho nên duyên cũng nhiều. Vì duyên nhiều, nên pháp sự rất khó. Vì khó biết nên lý phải rõ, mà tình thế trần nhiễm thường hôn mê giáo pháp, là sự hay thợ, thật khó hay thật dễ. Nhưng do tập tục sống thường ngày, không suy nghĩ, theo cũ đổi mới, buông lung không biết, làm loạn chân giáo kia. Hoặc chỉ cầm văn kính tụng. Chẳng tướng chẳng biết, hoặc trước chịu sự ngăn cấm của pháp tăng rất mực. Hoặc kiệt giới mịt mù rơi vào thành không lộn xộn. Hoặc tăng số khinh ghét không thể sinh lòng tin, hoặc y bát mượn tự là phi pháp. Các sự như thế bình ngộ rất khó, luống uổng thọ nhận, phí công lao nhọc một đời. Đời sau còn như vậy, mãi mãi không có ngày ra khỏi, cho nên Kinh Đại Tập chép: sau khi ta diệt độ người không có giới đầy khắp thiên hạ. Lời này rất đúng, cần phải tường tận luyện một thọ đã khó không nên làm lại. Cho nên hiển bày dạy.

Cho đến căn cơ y theo.

– *Trước nói rõ về đủ duyên thọ giới, sau đó thêm giáo pháp*

Phần thọ giới cụ duyên, có năm duyên.

Có thể thọ có năm:

1. Nhân đạo. Vì chỉ có loài người được thọ, còn đường khác thành khó.

Luật Tăng-kỳ nói: Nếu dưới bảy mươi tuổi mà không thể làm việc thì không được thọ, nếu quá bảy mươi tuổi khi xuất gia lỗi, một bề không hợp.

Nói rộng như trong pháp Sa-di

2. Các căn đầy đủ. Nghĩa là thân đầy đủ các thứ ác, bệnh hoạn mù điếc trăm thứ cản ngăn.

Trong luật bày rộng ra một trăm bốn mươi bệnh đều không ứng pháp, y cứ theo đề cầu, thì người điếc câm cuồng loạn định không phát giới. Ngoài ra thông lạm có được mà không được, như nghĩa trong sao.

3. Thân khí thanh tịnh, nghĩa là người tục đã đến cho đến sắp thọ, không có lỗi tạm như mười ba nạn.

4. Tướng xuất gia đủ như trong luật nói. Phải cạo tóc, đắp cà-sa, bình đẳng với người xuất gia.

5. Được chút phần pháp, nghĩa là từng thọ mười giới.

Luật nói: Không cho giới Sa-di và người thọ cụ túc được giới, mắc tội

***Thứ hai là nói về sở đối, có sáu:***

1. Kiệt giới thành tựu. Vì yết-ma nhất định y vào pháp giới, nếu tác không thành, đó là pháp không thành tựu.

Cho nên phải rõ về giới tướng, khéo đạt thông đúng sai, hỏi nguyên kết là ai, biết rõ không lạm, mới có thể y cứ theo, không như vậy thì xả và kết lại. Trước đây, người hành sự phần nhiều không vâng theo dùng, liền kết tiểu giới ngoài chùa, như thế là phi pháp. Như trên đã rõ, phải có duyên này. Kết đại giới không sáng sửa. Theo Tỳ-ni Mẫu nói: Kết thẳng tiểu giới không lấy đại giới vây quanh, cũng không được thọ. Các sư Trung quốc hành sự thọ giới phần nhiều có tôn trọng. Cho nên trong luật nói: Hễ có người thọ, thì phần nhiều tác pháp trong sông thuyền.

Người hỏi duyên có đó là gì?

Đáp: người kết giới như pháp ít, sợ biệt chúng phi pháp không thành thọ giới. Việc khác dung tha có thể làm lại.

Không thành không nhiều lỗi mất.

Hễ muốn nói thanh hạt giống Phật, làm ruộng phước cho đời thọ giới cụ túc, không nên khinh thường. Cho nên trong chỗ tỉnh sự sẽ thành tựu.

2. Tăng được bình pháp, vì yết-ma chẳng phải người khác bình.

3. Số đủ đúng như pháp. Nếu thiếu một người thì phi pháp Tỳ-ni, nay nói thiếu, chẳng gọi là đầu số không đủ. Nghĩa là tác pháp đến lúc duyên khởi biệt chúng phi pháp như đủ số rõ ràng.

Văn nói: Từ nay về sau mười vị tăng thọ giới cụ túc. Đây là y cứ cứ vào trung quốc để rõ, phương bên cạnh không có tăng, khai cho năm vị trì luật được thọ. Nếu sau này có tăng dùng bốn khai pháp được giới bị tội. Đây đã nói trong luật Thập tụng.

4. Trong giới nhóm hết, hòa hợp.

Văn nói: Vì không phương tiện thì mắc tội riêng chúng

5. Có bạch tứ giáo pháp, thì trừ điên đảo lầm lẫn nói không rõ.

6. Duyên riêng đầy đủ: Trong văn nói không có y bát, và người muộn không gọi là thọ cụ túc.

– **Thứ ba phát tâm xin thọ.**

Trong văn nói: Người không xin, người vô tâm thì không thành.

– **Thứ tư là tâm Cảnh tương ưng:**

Văn nói: Người cuồng ngu say vô tâm mà thọ là tâm không thích đáng cảnh. Lại vì văn nói. Bạch bốn lần yết-ma không như bạch pháp tác bạch, không như yết-ma tác pháp, và tăng trước phi pháp, không làm cho người thọ khởi tâm thì cảnh không gọi là Tâm. Tát-bà-đa chép: Nếu đặt trọng tâm thọ, thì có không giáo. Nếu Kinh Tâm thọ, chỉ có giai ấy chẳng phải không giáo.

**Thứ năm: Sự thành rốt ráo bắt đầu theo thỉnh sư.** Cuối cùng đến bạch tứ, chín pháp đến đi một mảy không trái. Các giới chẳng diệt chúng, Tăng chẳng phải không đủ, yết-ma không phải sai người thọ, tâm chí thành thì thành thọ. Nếu trái với trên thì thành phi pháp, nay dẫn văn làm chứng.

Mẫu Luận nói: có năm duyên được thành:

1. Hòa-thượng đúng như pháp
2. Hai vị A-xà-lê đúng như pháp
3. Bảy vị tăng thanh tịnh
4. Yết-ma thành tựu
5. Chúng tăng hòa hợp gởi dục.

Đa luận nói: Nếu người thọ là tại gia chỉ thọ năm giới và tám giới, xuất gia thọ mười giới. Tùy năm giới, phá một giới trọng thì thọ tám giới không được, cho đến không được thọ giới cụ túc và làm Hòa-thượng, tức trong mười bà nạn thuộc về nạn đầu. Ất có người thọ trước y cứ theo duyên trên, nhất định không kham nhiệm.

Thánh giáo không cho

Trong phần hai gia pháp chia làm hai:

**1. Đầu tiên là duyên khởi phương tiện, kế là nói về thể dụng.**

Nếu phương pháp nhóm tăng yết-ma như trong thiên trước cho nên nói rõ lại.

Vì là chuyện lớn, trong duyên có mười:

Một người thọ đặc pháp và không có bốn luật nói rõ cần phải mười giới lần lượt cho thọ giới cụ túc, trong văn nói không cho thọ mười giới thì chúng tăng phạm tội.

Đa Luận nói: Sở dĩ chế ra mười giới vì để hun đúc quen với Phật pháp, không đồng với ngoại đạo thọ một cách mù mờ, Phật pháp không phải như vậy, giống như biển lớn sâu dần, vào dần.

## **2. Nói về pháp thỉnh sư:**

Trước thỉnh Hòa-thượng, lấy đặc giới làm căn bản. Nếu không có người này thì thừa học không có lý do, thiếu dẫn dắt không sinh trưởng, thì cần phải thỉnh.

Luận Thiện Kiến nói: Vì không thỉnh cho nên tạo nhiều phi pháp, các sư quở trách.

Trái lại nói: Cầu thỉnh Đại đức vì con làm Hòa-thượng Phật do đây mà chế. Nếu không thỉnh thì không được cho thọ, phạm tội.

Luật Tứ Phần nói: Thỉnh pháp không nói chỗ ngăn che, tăng tính toán lý chỗ khác dự thỉnh, đâu tổn lý lớn. Nay ở trong chúng, Thập Tụng nói: Lại người thọ giới trước phải vào trong tăng, dạy họ lần lượt đầu mặt mỗi mỗi lễ bước chân tăng rồi, sau đó thỉnh, Tăng-kỳ nói: Nay theo tôn cầu Hòa-thượng.

Luật Ngũ Phần nói: Khi thỉnh Hòa-thượng, hai tay phải nâng chân, phải sửa sang y phục như trên, rồi đến trước Hòa-thượng.

Người bên cạnh dạy rằng: Sở dĩ thỉnh Hòa-thượng, đây là căn bản đặc giới, trở về xứ, nhiều loại tùy cơ tính xong, ông tự bày tỏ không giải. Nên gọi là giáo.

Văn nói: Đại đức tăng nhất tâm niệm, con là Tỳ-kheo... nay thỉnh Đại đức làm Hòa-thượng, mong Đại đức vì con mà làm Hòa-thượng, con nương theo Đại đức mà được thọ giới cụ túc, xin từ bi (nói 3 lần).

Luật Tăng-kỳ chép: Trong chúng ba lần thỉnh rồi, Hòa-thượng nên nói làm cho tâm người kia vui mừng.

Luật Tứ phần chép: Đáp lời có thể như vậy, dạy ông thanh tịnh, chớ buông lung. Đệ tử đáp: Kính vâng thọ trì.

Văn dưới lại có mười cách đáp.

Hỏi: Sa-di giới khi đã thỉnh xong, kể đến là thọ mười giới, nay Sa-di thọ giới cụ túc, pháp thọ khác nhau. Hoặc có thể Hòa-thượng không có đức, không thể nhiếp nhau. Cho nên hai cặp thỉnh. Kể thỉnh hai thầy, luật không có chánh văn. Y cứ vào A-tỳ-đàm cũng có cánh thỉnh, văn không có đối nên không sao ra, y cứ theo lệ Hòa-thượng thỉnh chung phải đầy đủ oai nghi đến trước sư, người bên cạnh dạy nói:



Giới sư yết-ma a-xà-lê, thọ giới chánh duyên. Nếu không có người này bình thành Pháp thì Pháp giới thiện pháp không từ đâu mà sinh. Cho nên phải có tâm kính trọng tăng thượng đối với giới sư mới phát được vô tác, các thuyết đã dạy.

Đại đức nhất tâm niệm, con là Tỳ-kheo... nay thỉnh Đại đức làm A-xà-lê yết-ma, mong Đại đức vì con làm a-xà-lê yết-ma, con y theo Đại đức nên được thọ giới cụ túc, xin mở lòng từ bi (nói ba lần). Kế thỉnh giáo thọ sư cũng phải cung kính như trước, người bên cạnh dạy: Vì người này, vì ông làm giáo thọ dẫn dắt khai mở, sai đến trong tăng, phát phương tiện duyên khởi cụ giới do ông đều nhân sư này, tâm ân trọng thỉnh mới phát giới.

Văn như pháp thỉnh yết-ma sư, nhưng cho a-xà-lê giáo thọ là khác, kể nữa thỉnh bảy sư chứng minh, nghĩa chuẩn thỉnh. Vì pháp yết-ma chẳng phải thỉnh một mình, phải lấy người này làm chứng không được làm lẫn. Thập Tụng nói: Chính thì lý bày thỉnh, người thọ sẽ sinh thiện, tâm sư nặng, cả hai đều hòa, há chẳng phải đồng pháp, đòi phần nhiều người không hành theo, nhưng tự diệt pháp. Nếu luận phát công đức của giới, và đức của ba Sư bằng nhau.

Vì sao không thỉnh ư? Có thể y cứ theo ba sư bằng nhau. Vì sao không thỉnh ư? Có thể y cứ theo ba sư mà thỉnh thì đối với đại chúng phần nhiều tăng cũng chưa hạn thông, hạn cục. Lại nói rõ tướng của mười giới có thành không.

Luật Tứ Phần nói: Đệ tử biết Hòa-thượng phạm giới, biết thì không nên thọ với người như thế, nếu biết thì tuy thọ nhưng không đắc giới, biết rõ như thế thì không thành thọ. Trái lại với trên thì thành. Còn chín sư luật không có chánh văn. Y cứ theo có thể biết, nếu Hòa-thượng phạm giới trọng mà sư yết-ma biết cũng không thành thọ. Vì rõ biết với nhau về pháp phạm trọng cũng không thành. Đồng thời biết rõ người phạm thì không được ở chung, biết thì điều gì không bao gồm. Nếu y cứ vào văn trong luật, đệ tử biết Hòa-thượng phá giới, chưa rõ nặng hay nhẹ, y cứ theo nghĩa đề rõ. Cho đến phạm Đột-cát-la cũng không thành thọ, vì phạm oai nghi không xứng với đức của sư. Biết bất đắc giới cưỡng thọ thì không thành do vô tâm, đã biết thì phải thấy nghe thanh tịnh, phải chọn lựa trước.

Văn nói: làm cho chọn lựa lấy. Hòa-thượng có đức sai không đồng nhau, trong luật nêu hơn một trăm ba mươi loại:

Một hạ một loại thì phải hạn định; còn tướng đức khác như trong pháp thầy trò, cho rằng Hòa-thượng chín hạ truyền giới thì phạm tội.

Hai vị Xà-lê năm hạ trở lên, luật nói rõ hơn năm hạ, Sư khác tùy hạ bao nhiêu, đều rõ về nghĩa sư.

May có lão túc thạc đức thì sinh thiện sau này.

Ngũ Bách Vấn chép: Tỳ-kheo năm hạ không đủ để đệ tử, biết chẳng thể mà độ, phạm xả đọa. Đệ tử không biết đúng sai thì đắc giới, nếu biết thì không đắc giới.

Minh Liễu Luận Sớ nói: Nếu đã được năm hạ, vì thọ đại giới mà làm chứng nhân và làm oai nghi sư, bảy hạ trở lên được làm xà-lê yết-ma. Đã là địa vị của sư, thì không được ngồi chung một giường.

### **3. Giáo pháp giới duyên:**

Tát-bà-đa chép: hễ thọ giới pháp, thì trước phải nói pháp dẫn dắt khai giải, làm cho đối với tất cả cảnh khởi tâm thương xót, bèn được tăng lên thêm giới, vẫn như thế, nay vì sự mà cầu trước nói rõ cảnh duyên, sau nói rõ tâm lượng. Trong phần cảnh duyên có phát giới tương và có vô lượng. Do khi chưa thọ giới ác khắp pháp giới, nay muốn tiến thọ, bỏ cảnh ác trước, lại khởi tâm lành. Cho nên giới pháp do đây lại khắp pháp giới. Nếu nói theo cảnh thì đâu khác nên có hơn ba mươi trang giấy. Tóm lại, không quá tình và phi tình, không có văn tự giáo thánh Phật Thuyết hai để diệt lý niết-bàn, quyện tụ hình tướng thấp miếu, đất, nước, lửa, gió, không, thức, Pháp giới là tương đều là giới thể.

Cho nên Kinh Thiện Sinh chép: Chúng sinh vô biên cho nên giới cũng vô biên.

Tát-bà-đa chép: Về phi chúng sinh cũng được vô lượng như mặt đất ở mười phương, dưới đến không giới, nếu tổn thương như cát bụi đều phạm tội, nay trái lại là thiện giới.

Cho nên khắp mặt đất chính là Kinh Thiện Sinh nói: mặt đất vô biên, giới cũng vô biên. Cỏ cây vô lượng, nước biển vô biên, hư không vô bờ, giới cũng bình đẳng.

Tát-bà-đa chép: Người mới thọ giới đồng đức với giới của Phật. Lấy đây mà suy ra. Tăng ni xuất gia chính là nhóm tụ. Công đức pháp lành, địa vị tôn quý của trời người. Bởi như thế, bất luận là thọ và trì đều có công đức vô số. Nếu người phá hủy thì tội vô biên. Cho nên Thập Luận nói: Tỳ-kheo phá giới tuy là người chết nhưng giới ấy có năng lực có thể chỉ bày đạo hạnh cho người trời, dụ như ngưu hoàng, xạ hương thiêu hương. Phật do đây nói kệ:

*Nhìn hoa cải tuy héo*

*Hơn tất cả loài hoa*

*Các Tỳ-kheo phá giới*

*Còn hơn các ngoại đạo*

Bởi vậy, là hành giả phá giới công đức vô lượng, xa hơn có thời kỳ được ra, người không thọ giới theo dòng biển khổ mãi mãi không giải thoát.

Trí luận nói: Thà thọ giới mà phá, lúc đầu vào địa ngục, sau đó được giải thoát. Người không thọ giới trôi lăn trong ba cõi.

Kinh Niết-bàn cũng nói: Tuy được thân Phạm thiên cho đến Phi tướng. Khi chết còn vào trong ba đường ác, là do không có giới và đi trái đường. Như thế tùy cơ mà lược rộng giúp cho ngộ giải. Nếu người không biết thì tâm mê muội, thọ giới không được, khổ mình và người.

Tát-bà-đa nói: Nếu trọng tâm trong sạch thì phát ra vô giáo, nhẹ thì không phát. Há có thể hư lạm hay sao? Lý phải xem trọng, kế làm cho phát giới. Nên nói: sẽ phát tâm thượng phẩm, đắc giới thượng phẩm. Nếu là tâm hạ phẩm cho đến A-la-hán giới là hạ phẩm.

Luật Tỳ-Bạt chép: Nay ta phát tâm cầu đạo, phải dạy tất cả chúng sinh, chúng sinh đều tiếc thọ mạng, vì việc này mà thọ tâm mềm yếu hạ phẩm. Tuy được giới của Phật, nhưng chẳng phải thượng thắng, ngoài hai điều này đều nói rõ nghĩa.

Thế nào là Trung phẩm? Nếu nói nay ta chánh tâm hướng về đạo, giải nghi cho chúng sinh, ta vì tất cả mà làm trụ cột, cũng có thể tự lợi, lợi tha, người thọ trì chánh giới. Thế nào gọi là thượng phẩm? Nếu nói nay ta phát tâm thọ giới, vì thành ba nhóm giới, hướng đến ba cửa giải thoát, chánh cầu quả niết-bàn vô thượng. Lại dùng pháp này dẫn dắt chúng sinh giúp chúng sinh đến niết-bàn, làm cho pháp trụ mãi. Phát tâm như thế còn là tư tưởng tà, hướng chi không phát, định không tôn sùng. Trí luận nói: Phạm phu mới học nói trong tâm tà, người chứng quả Na-hàm nói, trong tâm kiêu mạn, người chứng quả La-hán nói danh tự. Như thế tự biết phạm vi về tâm được tịnh giới, Phật cũng có phạm vi, cho nên vẫn nói: Phật tử cũng như thế, cần cầu Phạm giới bền.

Hỏi: Giáo tông này là ở thừa nào mà phát chí Đại thừa?

Đáp: Đây là tông nghĩa Tứ Phần nên là Đại thừa.

Văn giới bền nói: Nếu có người vì tự thân mình muốn cầu Phật đạo, nên tôn trọng chánh giới, và hồi hướng cho chúng sinh cùng thành Phật đạo. Trong luật phần nhiều có thành lệ. Quang sư cũng xếp vào luật hạn Đại thừa. Cảnh duyên phát giới như thế và tâm có tăng thượng. Hai con đường này chắc chắn trước khi thọ người trí phải truyền trao, làm cho tâm tâm nối nhau, thấy cảnh rõ ràng thanh tịnh, không được đến lúc tạm thời mới nói phát tâm. Nếu y cứ đến lúc sư trao pháp tướng còn tự luống dối, đâu thể làm cho người nhận được thượng phẩm ư?

Hoặc hoàn toàn không phát há chẳng phải là việc lớn hay sao?

**4. Thứ tư, luật chép:** Phật cho người thọ giới đến chỗ mắt thấy tai không nghe. Nếu người thọ giới lìa chỗ thấy nghe, nếu ở ngoài giới, v.v... đều không gọi là thọ cụ túc. Vì sợ nghe yết-ma nên đấm trước, lìa chỗ nghe, còn sợ phi pháp nên làm cho tăng mắt thấy. Trong Luật Ngũ Phần nói vì khởi tội nên cho an lập ngoài giới trường chỗ mắt thấy.

Văn của Tứ Phần chép: Ngoài giới hỏi già nạn. Thời nay người thọ phần ở nhiều trong giới, lý cũng không tôn thượng, thuận theo văn luật trên.

Tăng-kỳ nói: Giáo thọ sư phải đến chỗ không gần, không xa. Nếu nhiều người cùng thọ thì phải an trí hai chỗ.

1. Nhiều người đi đứng làm cho nhìn thấy, tăng khởi ý kính trọng.

2. Sẽ hỏi nạn, lìa chỗ tăng và lìa chỗ sa-di. Trong đó hỏi duyên thì cùng chỗ cũng được. Sợ sau hỏi như trước tâm không tôn trọng, nên mỗi người sai đáp y bảy điều và ôm y bát đứng ở chỗ kia.

**5. Thứ năm Đơn bạch sai sư oai nghi.** Tứ Phần chép: ở ngoài giới cõi y xét, làm cho người thọ hồ thẹn, xét lại việc thọ giới. Phật nói: Không được lỏa hình xem, nên sai người hỏi việc nạn. Trong luật Ngũ Phần nói: sai Hòa-thượng nói: yết-ma Sư! Trưởng lão nay làm yết-ma. Lại nói sư oai nghi! Trưởng lão nay thọ yết-ma.

Tứ Phần chép: Giới sư kia nên hỏi: ai có thể vì giới tử làm giáo thọ sư?

Đáp: Tôi ..... có thể.

Phải tìm muốn hỏi và lời đáp. Sai giáo thọ sư đơn bạch yết ma, bốn lần đáp như thế chỉ được làm một pháp. Nếu đáp chung nói Thọ giới yết-ma, sau không cần phải hòa nữa. Cho đến nhiều người lệ thông hỏi đáp, không được qua mình tướng. Giới sư nên bạch: Đại đức tăng xin lắng nghe, vị... kia theo Hòa-thượng... câu thọ giới cụ túc. Nếu Tăng phải thời đến, tăng bằng lòng... làm Giáo thọ sư, tác bạch như thế, nên xuống tòa lễ tăng, rồi đầy đủ oai nghi đến chỗ người thọ.

**6. Nói rõ ra chúng hỏi duyên, sở dĩ như vậy,** sợ ở chúng sợ hãi có mà không sai nhau. Chỗ khuất sợ ẩn đâu xem xét được sự thật. Túc phải y theo luật mà hỏi, chỉ trong già nạn có được hay không được. Cho nên trước phân biệt rộng. Làm cho biết nhau. Làm cho người hỏi y pháp mình đoán. Làm cho hỏi đáp tương ưng không có mê lầm, nếu hỏi mà không giải thì rốt cuộc là chẳng hỏi.

Cho nên bên trong không giải lời, Phật pháp không thành. Nếu y cứ theo luật nói không hỏi mười ba già nạn thì không được thành. Cho nên trước phải giải rõ tất cả không mê lầm, hoặc do không giải không thành, há không làm việc lớn của người hay sao?

Nên Sa-di dạy làm cho bày danh hiển số biết nhau mà tụng, đây chẳng phải yết-ma, không phạm giặc trụ. Nay nói nghĩa y cứ theo trước mà hỏi nạn. Lại hỏi thể của nạn cần chỉ tướng giải, nay hỏi ông có phạm biên tội hay không? Tự chẳng rõ ràng ở trong luật, mới biết danh biết tướng, từ ngoài kinh luận tạp học ắt không hiểu rõ. Dưới mỗi mỗi đầy đủ, không đồng người cũ, tụng tập mông lung.

1. Nạn Biên tội. Nghĩa là trước thọ giới cụ túc hủy phá trọng cấm, xả giới hoàn tục lại muốn thọ giới lại. Người này tội nặng, gọi là người ngoài biển Phật, không được lại vào biển tịnh giới. Cho đến y cứ theo luận: người tại gia năm giới, tám giới, Sa-di mười giới phá trọng giới đồng gọi là biên tội.

2. Tỳ-kheo-ni phạm giới, các luật như Tứ Phần v.v... nói không còn là ni, không rõ tịnh uest. Cho nên người hành sự ở đời nói: Ông có ô phạm ni thanh tịnh hay không? Đây y theo luật Tăng-kỳ mà hỏi. Luật kia chép: Nếu cần hai quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm và phạm phụ trì giới, ni bị người làm ô nhiễm,

người trước thọ vui, là hoại tịnh hạnh ni. Người giữa và người sau phạm không gọi là nạn hoại ni.

Nếu Na-hàm, La-hán người đầu và người sau đều gọi là nạn. Cho nên biết rằng chỉ là tịnh cảnh mới thành nhiếp nạn.

Luật Thập Tụng chép: Nếu dụng vào tám việc ô nhiễm ni, nếu một người lấy tám việc phạm ni làm cho trọng phạm, người tục không thành nạn.

Luật Thiện Kiến chép: Nếu hoại ni hai chúng dưới không ngăn ngại xuất gia. Nếu hoại đại ni hành dâm ba chỗ gọi là nạn. Nếu lấy y phục của người tại gia cưỡng cho ni mặc và hành dâm thì thành nạn. Nếu ni tự thích mặc y phục của người tại gia thì việc dâm trên không chướng ngại xuất gia, ắt lấy nghĩa tìm cầu, nếu biết duyên sự thọ giới cụ túc đăm mê y phục thế tục cũng thành nạn.

Nhưng hoại tịnh cảnh bất luận là biết tịnh hay bất tịnh, rộng ra có phé lập như số nghĩa sao.

Hỏi: Sao không nói hoại Tỳ-kheo?

Đáp: Cũng thành nạn.

Trong lúc ni thọ giới lại hỏi, chính là do sự kiếm.

Cho nên Kinh Thiện Sinh nói: Người thọ năm giới, hỏi già nạn người năm giới rằng: Ông có ô phạm Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni không?

Nên biết đồng xếp vào nạn. Đều gọi là khi tục nhân phạm. Nếu thọ giới rồi phạm chỉ gọi là xếp vào biên tội.

Ba là người tâm giặc thọ giới, trong Luật nói: vì lợi dưỡng nên tự xuất gia. Nếu người chưa xuất gia chưa thọ thì không nên thọ, đã thọ đắc giới, từng thuyết giới yết mà rồi thọ nên diệt tận. Luật Tứ Phần chép: nếu đến một người, hai người, ba người, chúng tăng cùng yết-ma thuyết giới đều diệt tận. “Nghĩa rõ ràng cùng một người tác đối thủ chúng pháp đều thành chướng ngại giới, như pháp thuyết giới, tự tứ, v.v... Ất cho chúng pháp tâm niệm cũng thành nhiếp nạn. Nếu đôi ba người khác trở xuống pháp đối thủ, bốn người trở lên ngoài ra hòa hợp pháp không bình yết-ma đều không thành nạn.

Luật Thiện Kiến chép: ba loại hình trộm:

1. Không có thầy tự xuất gia. Không y vào đại tăng hạ lạc, thứ lớp không chịu lễ người khác, không vào việc Tăng Pháp, tất cả lợi dưỡng không thọ.
2. Trộm hòa hợp: Có thầy xuất gia đến nơi khác thọ mười giới. Hoặc nói mười hạ lần lượt nhận lễ vào tăng Bồ-tát, tất cả yết-ma, thọ vật của tín thí.
3. Hai người đều trộm, có thể biết. Nếu hình trộm, không làm pháp sự, không thọ lễ thí. Vì đói khát, nếu muốn xuất gia thọ giới thì được.

Ngũ Bách Vấn nói: Sa-di đâu gọi là bậc đại đạo, nhận một lễ của Tỳ-kheo gọi là nạn tặc trụ, trong Tứ Phần chỉ nói nạn tặc trụ, nghĩa là cùng yết-ma thuyết giới,

không thuyết cho nghe, không nghe, và các nhân duyên ngu si v.v... Theo Tăng-kỳ, nếu Sa-di nghĩ rằng: Khi thuyết giới, luận nói những gì: liền trộm nghe. Nếu người thông minh nhớ từ đầu đến cuối thì không được cho thọ giới, nếu người ám độn hoặc các duyên nghĩ, không nhớ từ đầu đến cuối thì được thọ giới cụ túc. Nếu người phạm tự xuất gia, đắp ca-sa chưa hề bố tát thì được thọ, trái lại ở trên thì không được.

Ma-đắc lạc già chép: Không biết mình đủ hai mươi tuổi mà thọ giới cụ túc, sau này biết không đủ, nếu từng làm tăng yết ma bố tát thì gọi là giặc trụ.

Tứ Phần nghi não giới chép: Nếu tuổi không đủ thì tác pháp không thành thọ.

Người có trí nói làm cho biết, sau này lại thọ giới, luật Thập tụng nói: Tỳ-kheo-ni xả giới, đúng như pháp thọ lại thì không được, tức gọi là nạn giặc trụ bốn pháp đạo trong ngoại. Nghĩa là vốn là ngoại đạo, đến xuất gia vào trong Phật pháp, thọ cụ túc rồi lại về lại đạo mình. Nay lại trở lại, thì hai đạo đều hoại, chí tánh không định. Trong luật nói độ xuất gia cho họ đối tăng và giới sa-di thử thách bốn tháng, làm cho chí tánh hòa nhu tin sâu Phật pháp, mới cho thọ giới cụ túc.

Hỏi Tín tà đến lâu, vì sao cho trước giới Sa-di?

Đáp: Tín này vào quy y, nếu không lấy mười giới điều nhu, trái tướng không hiển rõ Phật pháp sâu mâu, dần dần vào Phật pháp, không đồng với ngoại đạo một lần vào là không chọn.

Việc này đã ít, thuật nhiều vô ích, ắt có luật tự nói rộng.

### **1. Chẳng phải huỳnh môn: trong luật nói có năm:**

- 1/ Sinh huỳnh môn
- 2/ Kiên tác,
- 3/ Nhân thấy người khác dâm mới có tâm đồ kỵ, khởi dâm.
- 4/ Bồng nhiên biến thành huỳnh môn,
- 5/ Nửa tháng là nam, nửa tháng là nữ.

Trong đời có nhiều người tự cắt, nếu y theo Tứ Phần thì nên diệt tận.

Văn nói: Nếu khỏe mạnh lại cắt đi, thời này hoặc cắt ít phần tâm tánh chưa đổi gồm có người đại tháo đại chí, y theo Ngũ Phần thì được.

Văn kia nói: Nếu cắt đầu và một nửa thì phạm tội nhỏ, cắt hết thì diệt tận.

Luật Tứ Phần chép: Nếu rơi vào oan gia, ác thú nghiệp báo nên đồng pháp Tỳ-kheo, nếu tự cắt thì diệt tận, không rõ phạm vi.

Luật Ngũ Phần nói: Bảy giờ, có Tỳ-kheo bị lừa dục thiêu đốt không thể đè nén. Cho đến Phật quả trách: Ông là người ngu si, cái nên cắt mà không cắt, cái không nên cắt mà cắt, bảo các Tỳ-kheo: Nếu cắt hết thì diệt tận, nếu còn thừa thì y vào thiên mà sám hối, y theo đây để rõ thì chưa thọ cụ túc mà cắt, rốt cuộc không rõ giáo. Ắt phải y theo trước chọn lấy, y vào bộ khác để thọ.

6/ Giết cha.

7/ giết mẹ.

8/ Giết A-la-hán, ba nạn này rất ít, cho nên lược biết tướng vãn.

9/ Phá tăng tức Pháp luân tăng. Nếu phá yết-ma tăng thì chẳng phải nạn,

10/ là làm thân Phật chảy máu.

Hai nạn này sau khi Phật diệt thì không có.

Tăng-kỳ luật chú chép: Phật niết-bàn đã lâu, y vào cựu vãn mà hỏi.

11/ Nạn Phi nhân, nghĩa là tám bộ quỷ thần biến làm hình người mà đến thọ giới. Trong luật Ngũ Phần nói: Thiên tử, a-tu-la, càn-thát-bà hóa thành người.

12/ Nạn súc sinh: Cũng biến thành hình người mà đến.

Trong luật nói: rỗng biến hình người đến thọ giới, Phật nói: “Súc sinh ở trong pháp của ta không được lợi ích”. Đây là hai đường trên, nếu y vào hình cũ thì người này thông biết, sợ biến mà đến. Cho nên phải hỏi.

Hoặc có người thông đạt thể tục đến thọ giới. Lúc ấy nói: Ông chẳng phải súc sinh, nếu không nghe lời này sao kỳ quái vậy, dùng phương tiện chuyên hỏi như trình bày ở dưới.

13/ Người hai hình nghĩa là một thân có đủ hai căn nam nữ. Như trước thọ giới rồi sau biến hai hình còn mất giới, hướng chi bắt đầu thọ, nên diệt tận. Ở trên lược thuật tướng nạn mà ngăn việc chẳng phải một. Trong luật lược hỏi 16, ngoài ra pháp thọ có nói rộng. Đều nói không nên, cũng có người được, người không được. Nếu không tự xưng tên họ, tự xưng tên Hòa-thượng, số tuổi không đủ thì nhất định không được giới.

Luật Ngũ Phần nói: Các Tỳ-kheo độ người cắt tay chân, mũi tai, cắt đầu nam căn, moi mắt ra, người rất già không oai nghi, người cực xấu, tất cả người hủy nhục tăng đều không được độ. Nếu đã độ đắc giới, hoặc có tướng hiềm trước, vì chút việc nhỏ làm trở ngại. Như mù, què, lùn thấp, cha mẹ không cho, v.v... là trở ngại, phạm cát-la. Tăng-kỳ nói: Người mù nếu thấy chỉ trong lòng bàn tay, hoặc người chột mắt, điếc lớn tiếng nghe được. Người què cầm gúc kéo lê xương chậu mà đi, vết sẹo lồi lõm, như trị rồi mà da không lành được. Người in sẹo phá thị rồi dùng đồng xanh xâm chữ, hình thú. Người tũn mụn hoặc trên dài dưới ngắn, dưới dài trên ngắn, tất cả đều ngăn không cho xuất gia. Nếu đã xuất gia thì không nên đuổi ra. Tăng phạm tội việT Tỳ-ni, y theo các điều ngăn này đều nói không nên đắc tội. Vãn dưới lại nói. Nghĩa là không có tên thọ cụ túc, mỗi mỗi đều nói không nên đuổi ra. Trong đó, người thanh tịnh đứng như pháp có tên thọ cụ túc. Người không tên đều kết vào tội thầy. Đâu ngại co được hay không được. Như người câm, v.v... nếu có người khinh ngăn không chứng ngại giới, cho nên nói thanh tịnh ở chung như pháp.

Văn nói: người câm? Không thể nói dùng tay làm tướng. Lại nói sai việc thì dùng tay làm tướng, không hiện tiền như thế không gọi là thọ. Người câm trước trong văn không nên đuôi ra, cho làm sa-di. Thập Tụng già luận chép: người câm, điếc không cho thọ cụ túc. Nếu điếc mà nghe tiếng yết-ma thì được thọ. Người y bát không đủ, Luật Tứ Phần nói: nếu không có y bát thì không được gọi là thọ giới, nếu mượn y bát ứng cho giá trị. Ngũ Phần nói:

Lại chủ bỏ đi cũng chẳng rõ có được hay không? Nay theo Tát-bà-đa, Đắc giới Luận hỏi rằng: như thế vì sao phải cần y bát?

Đáp một là vì oai nghi, hai vì trước người sinh tín tâm cúng kính.

Như người thọ sẵn mặc ca-sa cho nay thấy, vì mặc y phục khác tâm không sợ.

Ba là vì bên ngoài tướng lạ, bên trong đức cũng khác, dẫn kia làm chứng đây, văn không thể biết. Luật Tứ Phần nói: không gọi là thọ giới, đây và bộ biệt khác nhau, phải tụng yết-ma Thập Tụng, y vào kia khai thành, chuẩn gấp không tồn. Người xưa y theo pháp Hòa-thượng của Tứ Phần, nếu biết người mượn y bát thọ giới thì không được, không đặc giới, không biết thì đắc. Đây chính là người pháp quyết. Đều trái với văn trong luật, phải kính lời Phật, thọ lại phải y vào pháp, cha mẹ có cho không? Thiện Kiến nói: nếu cõi nước khác, phương khác không cần hỏi. Tăng-kỳ nói cha con thường không cho, tự đến nhỏ bé nuôi con chỗ khác được thọ.

Mắc nợ: Các bộ đều nói không nên nghĩa chuẩn lý được.

Tôi tớ: Tăng-kỳ chép: nếu nhà buôn bán được lấy được tất cả không được. Người kia và tôi tớ tự đến chỗ tôi tớ khác cho thọ. Nay có người thả tôi tớ xuất gia. Theo Kinh Công đức Xuất gia, nếu thả tôi tớ nam nữ được phước vô lượng. Trong luật nói không rõ thả.

Nhưng nói tự đến Vào Phật pháp độ là sai. Y theo tôi tớ và trẻ con, tất cả thông thật. Trong Ngũ Bách Văn chép: Biết là tôi tớ của Phật mà độ phạm tội trọng.

Nếu trước không biết sau biết thì không tội. Cũng hỏi lại: Người này có phải là người đại nhân hay không?

Đáp: không phải, Tăng nô y cứ theo đây. Lại địa vị là nô, quan nhân.

Luật Tăng-kỳ nói có tên có ghi, có tên không ghi nước này nước kia thì không được độ. Có ghi không tên chỗ khác thì được độ. Không tên có ghi tất cả đều cho. Y theo đây người tục đến xuất gia lý phải cho thọ.

Kẻ trượng phu: là tâm mạnh mẽ, mền thanh tiết xa không chịu khuất phục, rõ ràng phong sương không đổi tiết tháo, vững chắc ưu lo chưa đạt tâm mình, chính là dáng trượng phu. Cho nên luật nói: Hai mươi tuổi mới được thọ giới cụ túc: nghĩa là có khả năng chịu đựng nóng lạnh, đói khát gió mưa, muỗi mòng trùng độc, có thể chịu được lời ác việc khổ, có thể giữ giới, có thể ăn một bữa.



Luật Tăng-kỳ nói: nếu quá hai mươi, dưới mười bảy không có sức chịu đựng thì không nên cho thọ cụ túc.

Năm loại bệnh: bốn loại trên nên được, trong cuồng si có ba loại, Nếu hoàn toàn không biết thiện ác nên không được, còn hai bệnh khác thì được.

Luật Thiện Kiến nói: Ghê lở chớ hỏi đồ trắng đen. Chỗ khuất tăng trưởng không tăng trưởng đều được, chỗ sáng trái với trên không được.

Nhưng bệnh ghê có hai:

1. Do nghiệp ác mà có
2. Bốn đại chống trái nên phát sinh

Cho nên Kinh Dục Vương nói có Tu-đà-hoàn ghê lở, A-la-hán ung nhọt.

Nếu xuất gia rồi mà bệnh ung nhọt, tất cả việc tăng cùng làm. Nếu ăn chớ sai ở chúng. Đây là Tát Bà Đa bộ giải thích.

Kể nói về việc khác, lại nói rõ lý do. Luật Ngũ Phần nói nếu trước người không biết nhau, không nên do lúc mây mù tối.

Trong Ngũ Bách Vấn chép: Trước phải đốt đèn soi. Nếu người trước từng thọ cụ túc, Thập Tụng hỏi rằng: Có từng làm đại Tỳ-kheo hay không?

Đáp: Có làm.

Hỏi: Có thanh tịnh trì giới không ? Khi xả có nhất tâm đúng như pháp hoàn giới hay không?

Trong Tứ Phần không có văn, ắt có cũng đồng biên tội, may y vào mười ba nạn của Thập Tụng, trước hỏi.

Đáp: Vì nếu có trái thì thành biên tội.

Tứ Phần chép: nếu có duyên nạn, như trong thuyết giới, phải hai người, ba người, cùng một lúc làm yết-ma, không được đến bốn người.

Luật Tăng-kỳ chép: một Hòa-thượng, một giới sư, một chúng được hai người, ba người một lúc làm yết-ma không được đến bốn người.

Luật Tăng-kỳ chép: một Hòa-thượng, một giới sư, một chúng được hai người, ba người đều thọ. Nếu hai Hòa-thượng cùng một giới sư, hai, ba người, không được một chúng thọ.

Luật Thiện Kiến nói: hai người, ba người một lúc thọ giới, mỗi mỗi đồng đẳng, hạ lap đồng thời không có tướng làm lễ. Trên lược rõ tạp tướng, nay chính ra chúng hỏi pháp giáo thọ sư đến chỗ người thọ, trải đồ ngồi mà ngồi, đã nói sai trải đồ ngồi sửa bốn góc cho ngay, tướng đối bằng nhau trong một duỗi tay.

Luật Ngũ Phần chép: Nên an ủi nói: Ông chớ sợ, chốc lát sẽ đặt ông chỗ cao.

Người kia phải lấy y bát bày ra, gởi đây cho là chắc chắn. Trước cầm y ngũ điều nói. Đây là y an-đà-hội, lại đắp vào. Đây là uất-đa-là-ăng, cầm đại y rồi, đây là Tăng-già-lê.

Trong Tát-bà-đa nói: Ba y này tất cả ngoại đạo không bằng kịp. Nay dạy ông về danh tướng, nếu y vào cả bộ, chỗ này chính là thọ y bát. Hoặc ở trong các giới sư mà thọ. Tứ Phần không có vấn; hoặc thọ rồi mới trì, cũng tùy cả hai còn. Lại cầm bát rồi nói: bình này gọi là bát-đa-la, y bát này là của ông phải không? Người kia nói: Đúng, liền bọc lại, hoặc pháp thọ thêm như trước. Nên nói: Người thiện nam lắng nghe, nay là lúc chí thành, nay tôi hỏi ông, ông theo lời hỏi của tôi mà đáp. Nếu không thật nên nói không thật, nếu thật thì nói thật. Vì sao như thế? Vì từ vô thủy đến nay khinh cuồng Thánh Hiền, chìm trong sinh tử, nay vì muốn xả bỏ luống đời, chúng pháp chân thật, làm cho ông đáp thật. Nay hỏi ông già nạn. Nếu không đáp thật thì thọ luống uổng. Luật nói: Người Phạm già nạn dù bảy Đức Phật nhất thời cho thọ cũng không đắc giới,

– Thứ nhất ông có phạm biên tội hay không?

Đáp: không.

Nói: Ông nên không biết tội này. Nghĩa là từng thọ giới của Phật mà phạm dâm, đạo, sát, vọng, người tạo bốn tội này thì không được thọ.

Nay ông phạm không?

Đáp: không có.

Lại nói: nếu ông không biết không hiểu không được vọng đáp.

– Thứ hai: Khi ông còn tại gia có làm ô nhiễm tịnh giới Tỳ-kheo-ni không?

Đáp: không.

– Thứ ba: khi ông còn tại gia, sa-di, có trá làm Tỳ-kheo trộm nghe người khác thuyết giới, yết-ma hay không?

Đáp: không.

– Thứ tư: Ông có từng làm ngoại đạo đến xuất gia thọ giới, sau đó trở lại làm ngoại đạo, nay đến lại hay không?

Đáp: không.

– Thứ năm: Ông có phải năm loại huỳnh môn hay không?

Đáp: không.

– Thứ sáu: Ông có giết cha mẹ không?

– Thứ bảy: Ông có giết mẹ không?

– Thứ tám: Ông có giết A-la-hán không?

– Thứ chín: Ông có phá tăng không?

– Thứ mười: Ông có tâm làm thân Phật chảy máu không?

Mỗi mỗi đều đáp không.

Thứ mười một: Ông có phải là con của trời, con a-tu-la, gọi là phi nhân biến hóa hình người mà đến thọ giới hay không?

Đáp: không.

– Thứ mười hai: Ông có phải loài súc sinh loài rồng có thể biến hóa, biến thành thân trời mà đến thọ giới không?

Đáp: không.

– Thứ mười ba: Nay thân ông có hai hình không?

Đáp: không

Nên khen rằng: “Này thiện nam đã hỏi mười ba việc nạn rồi, đã không có thì sẽ được thọ”. Lại hỏi mười già nạn: nay ông tên gì?

Đáp: Tên..., ai làm Hòa-thượng? Đáp: Hòa-thượng hiệu là...

Đủ hai mươi tuổi không? Đáp đủ. Y bát có đủ không? Đáp: đủ Cha mẹ có cho không? (Nếu có thì nói có, không thì nói không) Ông có mắc nợ không? Đáp: không.

Ông phải là thiện nhân khác, Phật không cho độ, chẳng phải tội tứ hay không?

Đáp: không

Ông có phải người làm quan không? Đáp: không.

Ông có phải là trượng phu không? Đáp: là trượng phu.

Có những bệnh như ung nhọt, bạch lại, gầy ốm, điên cuồng. Ông có các thứ bệnh này không? Đáp không. Nên lại nói rằng: Ông không có già nạn, nhất định được thọ. Như nay tôi hỏi ông, trong tăng cũng hỏi như thế, như ông trả lời cho tôi, trong tăng cũng phải trả lời như thế, như ông trả lời cho tôi, trong tăng cũng trả lời như thế. Nên dạy đứng dậy đắp y bảy điều ngay ngắn, sửa oai nghi nghiêm trang, mang dép xếp tọa cụ. Y bát ở trên vai bọc túi để trong tay. Nói khiến ông đứng chỗ này. Tôi đến trong tăng vì ông thông thỉnh. Nếu Tăng cho phép, tôi đưa tay gọi ông, ông hãy đến bên. Luật Ngũ Phần chép: Khi dạy đắp y, phải thăm xem có bị bệnh nặng hay không? Nhiều thứ tùy duyên rộng như kia nói.

Ngoài ra trong luật ở đây thọ y bát.

– *Đơn bạch nhập chúng*. Luật nói: Giáo thọ sư kia lại đến, đến trong tăng, oai nghi như thường, cách nhau duỗi tay và đến chỗ đứng (ở đây theo giới đàn chỗ trống ở Trung quốc, cho nên trong một duỗi tay ắt ở chỗ khuất, bất kỳ lúc nào nên phải tác bạch: Đại Đức tăng xin lắng nghe: mỗ giáp kia theo Hòa-thượng... cầu thọ giới cụ túc. Nếu tăng phải thời đến, tăng bằng lòng cho, tôi đã hỏi rồi

xin cho đem đến, tác bạch như thế, bạch rồi chớ ra trong tăng. Nếu trong tăng đường, đến trong hạn cửa, đưa tay hô nói: mỗ giáp đến đây (Nếu ở chỗ trống không được lìa Tăng ngoài một đuôi tay. Người kia đến rồi, cầm y bát sai đến trong tăng, dạy lễ dưới chân tăng rồi, đến trước giới sư, gồi phải quỳ sát đất chấp tay.

– *Nói rõ khát giới*: Giáo thọ sư kia giao y bát cho giới sư rồi, sửa sang y phục an ủi tâm người, tha thiết chí thành, nhờ vào Tăng thanh tịnh, thương xót cầu khát giới nói: giới pháp này chỉ có Phật xuất thế lập nên, vì bí mật, vì thù thắng, vì không để cho người thế tục nghe. Trong sáu đường, chỉ có người mới được thọ. Còn như bao gồm già nua thì không được thọ giới cụ túc. Nay ông đã không có, thật là chiếc bình thanh tịnh, phải thâm tâm xin giới. Trong chốc lát vào trong số Tam bảo, nếu tâm lơ đãng thì giới không thể đắc. Như thế tùy thời làm.

Luật luận nói rộng, nhưng xin giới do tự tâm ông, nhưng chưa hiểu các thức dần dần không sao. Cho nên Phật dạy ta vì ông giảng nói, nên y theo lời ta: Đại Đức tăng xin lắng nghe, tôi mỗ giáp theo Hòa-thượng..., cầu thọ giới cụ túc. Tôi... theo Hòa-thượng... xin thọ giới cụ túc. Mỗ giáp là Hòa-thượng, xin tăng cứu giúp tôi, xin thương xót tôi (nói ba lần, dạy xong lại ngồi).

– Giới sư bạch hòa pháp, người kia nên bạch rằng: Đại Đức tăng nghe mỗ giáp này theo Hòa-thượng... cầu thọ giới cụ túc. Mỗ giáp này theo chúng tăng xin thọ giới cụ túc, mỗ giáp là Hòa-thượng, nếu tăng phải thời đến, xin tăng bằng lòng cho tôi hỏi các vấn nạn, tác bạch như thế.

Hỏi: Giới sư tác bạch hòa tăng, giáo thọ đáp không, yết-ma đối tăng vấn nạn. Trước không sai cho nên sau phải hòa, giáo thọ đã bị tăng sai phụng mệnh sai hỏi, đâu cần hòa lại. Lại ở chỗ khuất không đối chúng hỏi. Hỏi giới sư không sai, giáo thọ đáp một mình sai, giáo thọ sư ra chúng hỏi nạn không sai không có, sao liền hỏi yết-ma trong chúng mà hỏi. Cho nên chẳng phai sai, lại có chọn lựa như nghĩa sao nói.

– Nói về đối vấn: Luật hỏi thẳng mười ba việc nạn, không có duyên trước, thời nay tương truyền trước hỏi y bát. Lại như giáo thọ dạy bốn tên khác xong, nên nói: người thiện nam hãy lắng nghe, nay là lúc chân thành, lúc nói thật, nay theo lời tôi hỏi ông phải đáp thật.

Tăng-kỳ nói: “nếu ông không đáp thật thì khinh xuống các vị trời, hủy phạm Sa-môn, bà-la-môn, Chư thiên người đời, cũng khinh cuồng Như lai và chúng tăng”. Tự mắc tội lớn. Nay hỏi ông mười ba việc nạn, đồng lời hỏi của giáo thọ sư ở trước. Nhưng chúng tăng sợ chỗ khuất có xem xét. Cho nên đối đại chúng mỗi mỗi hỏi ông, ông lại y vào lời đáp kia, mỗi mỗi đáp lời tôi. Ông có phạm biên tội không? Ông có phạm Tỳ-kheo-ni tịnh hạnh không? Ông có tâm giặc thọ giới không? Ông có phá nội ngoại đạo không? Ông có phải huỳnh môn không? Ông có giết cha không? Ông có giết mẹ không? Ông có giết A-la-hán không? Ông có phá tăng không? Ông có làm thân Phật chảy máu không? Ông có phải là phi nhân không? Ông có phải là súc sinh không? Ông có phải hai hình không?

Tất cả đều đáp “không”. Ông tên gì? Hòa-thượng hiệu gì? Đủ hai mươi tuổi chưa? Ba y và bát có đủ không? Cha mẹ có cho xuất gia không? Có mắc nợ không? Có phải tội tứ không? Ông có phải là người làm quan không? Ông có phải là trượng phu không? Trượng phu có các bệnh như: ung nhọt, bạch lại, gầy ốm điên cuồng, v.v... Nay ông có những chứng bệnh như thế hay không? (trên đều tùy theo có không mà đáp đủ) Đoạn lớn thứ hai chánh nói về thọ thể.

Nếu đến lúc này phải bày rộng tôn trọng phát giới chánh tông, không được chỉ nói khởi tâm thượng phẩm, thì người thọ biết gì là thượng phẩm. Như tự cột trụ hỏi. Nay coi rẻ tướng mạo, gặp việc chưa hẳn tụng văn nên nói: Người thiện nam! Các già nạn ông đều không có, tăng chúng đồng vui sẽ cho ông giới. Như giới sâu xa rộng khắp pháp giới, nên phát thượng tâm sẽ được thượng pháp, như trong duyên trước. Nay thọ giới này, là vì hướng về quả niết-bàn, hướng đến ba cửa giải thoát, thành tựu ba nhóm giới, làm cho chánh pháp tồn tại lâu dài. Đây là tâm thượng phẩm. Kế là khai rộng hoài bão của ông, pháp giới trần sa rót vào thân ông, hoàn toàn không lấy gì báo được thân tâm mà được dung thọ. Nên phát tâm làm khí lượng hư không, thân mới được thọ pháp lành trong pháp giới. Cho nên luận nói: Nếu giới pháp này có hình sắc sẽ vào thân ông làm tiếng vang, trời lở đất rung. Vì chẳng phải sắc pháp cho nên làm cho ông bất giác. Ông hãy phát tâm ân trọng thượng phẩm. Nay làm yết-ma Thánh pháp cho ông. Đây là do Như lai chế ra, phát được pháp lành pháp giới trần sa, rót vào thân tâm ông, ông phải biết. Nên nói với tăng rằng:

Đại chúng từ bi bố thí giới ấy, đồng tâm cùng bình, mong chớ duyên khác làm cho người khác không được, nên bốn lần nhìn không làm cho, chẳng có tướng khác có thì gọi là như pháp. Nói rằng: chúng tăng cho làm yết-ma. Đại đức tăng xin lắng nghe, nay mỗi giáp theo Hòa-thượng... cầu thọ giới cụ túc. Mỗi giáp này nay theo chúng tăng xin thọ giới cụ túc, mỗi giáp là Hòa-thượng, mỗi giáp tự nói thanh tịnh, không có các nạn sự, đủ hai mươi tuổi, ba y bình bát đủ. Nếu tăng phải thời đến, tăng bằng lòng truyền trao cho mỗi giáp giới cụ túc, mỗi giáp là Hòa-thượng, tác bạch như thế, tác bạch rồi hỏi tăng có thành tựu không. Trong yết-ma lần thứ nhất, thứ hai, thứ 3 cũng hỏi như vậy.

Văn trong luật Tăng-kỳ nói: y cứ trong tăng đây biết pháp đáp là thành tựu.

Luật Thập Tụng nói: vì người khác thọ giới, hoặc ngủ, nhập định, ồn ào náo loạn, v.v... Phật nói không thành thọ giới. Khi yết-ma phải nhất tâm lắng nghe. Chớ có suy nghĩ và biết điều gì khác. Nên kính trọng pháp, phải suy nghĩ, tâm tâm tương tục nhớ nghĩ, nên phân biệt nói: đây là yết-ma lần thứ nhất cho đến lần thứ 3, không nói thì phạm tội. Lại nên nói với người thọ rằng: đã tác bạch rồi, răng đều tùy hỷ, nay làm yết-ma, động giới pháp kia chớ để cho tâm trầm cử, nên dùng tâm thừa đón. Lại bạch tăng rằng: Phải cho yết-ma. Đại đức tăng xin lắng nghe, mỗi giáp này theo Hòa-thượng mỗi giáp cầu thọ giới cụ túc. Mỗi giáp này nay theo chúng tăng xin thọ giới cụ túc, mỗi giáp làm Hòa-thượng, mỗi giáp tự nói thanh tịnh, không có các việc nạn, tuổi đủ hai mươi, ba y bình bát

đầy đủ, nay tặng trao giới cụ túc cho mỗ giáp, mỗ giáp làm Hòa-thượng, chúng tặng bằng lòng nên im lặng, vị nào không bằng lòng thì nói, đây là yết ma lần đầu, hỏi tặng: có thành tựu không? Nói với người thọ rằng đã làm yết-ma lần đầu, tặng đều im lặng có thể. Nay pháp lành trong pháp giới mười phương đều rung chuyển, nên khởi tâm vui mừng, chớ có y bụng lung, biếng nhác. Kế yết-ma lần hai, như trên hỏi rồi nói với người thọ rằng: đã làm yết-ma lần hai rồi, tặng đều hòa hợp, nay pháp lành pháp giới trong mười phương, đều nhóm họp trong hư không, cho đến khi yết-ma lần thứ ba xong phải đem công đức pháp giới vào thân tâm ông. Còn một lần yết-ma, ông phải phát tâm tận hư không giới. Tâm duyên cứu nhiếp ba cõi chúng sinh, đồng thời muốn hộ trì Phật pháp ba đời. Sửa y ngay thẳng nói như thế, không đồng ở trên bày rộng.

Vấn bạch tặng rằng: Nguyện tặng đồng thời từ bi cứu giúp đời trước, đồng chấp tay giúp nêu yết-ma, liền tác bạch cho đến việc như thế mà làm. Nếu nhiều người, một người thì phải theo xong, ghi nhớ thời tiết.

Luật Tứ Phần chép: Có người mới thọ giới không đến hậu an cư, lấy số làm năm.

Phật dạy: không có, phải là Hòa-thượng, xà-lê giáo thọ thời tiết mà nói. Nếu mùa Đông, hoặc mùa Xuân, mùa Hạ, ngày tháng ấy, nếu trước khi ăn, sau khi ăn, cho đến lượng bóng, phải đem cây một thước dự trước, đến ngày thọ xong dựng lên, nhớ đầu bóng đó, năm lượng tính là thước tắc, cho là pháp thường. Luật Thiện Kiến chép: Thọ giới rồi đứng lấy chân theo thân lượng bóng, chỉ báo mùa Xuân mùa Đông, chúng số bao nhiêu. Sau đó nói bốn y, bốn trọng. Nếu người thọ nhiều nhưng thọ xong ở nơi hạ tọa tặng cho đến tất cả làm rồi, mới nhóm hết trước Thượng tọa, đồng thời vì nói tùy tướng, không hẳn giới sư.

Hỏi: Người mới thọ giới này tương đồng với người ngoài giới đến, sao không hòa lại.

Đáp: Chẳng phải ngoài đến, phải là chỗ mới dạy.

Kể nói về thuyết tướng, y cứ theo lý tùy thầy học đủ, đâu chỉ bốn điều này, vì duyên khởi có lỗi, lại chế bốn căn bản, nếu hủy chẳng phải dụng. Thiên khác nhánh tể sám lại tặng số, nhớ ở đây. Nên nói rằng: người thiện nam, ông thọ giới rồi phải vâng giữ. Nếu có người chỉ thọ giới mà không giữ, thì thọ giới không đắc, nguyện rộng không vô ích, thà khô hạnh dụng, không cần nguyện cầu, kinh luận nói như thế. Nhưng gặp Phật rất khó, chánh pháp khó nghe, thân người khó được, người vâng giữ giới lại khó hơn. Cho nên bậc cao đạt thượng phần có thể thọ, có thể trì, tu đạo hội yếu chỉ bậc thánh. Kẻ tiểu nhân hạ phẩm có thể thọ có thể phá, tâm không hổ thẹn, hiện đời tiếng xấu, không mất lợi dưỡng, chết đọa đường ác, người trung phần thiện không tự phát, hướng lên mà học, có thể y theo hạ lưu hay sao?

Nếu tâm bị lậu hủy phá giới Phật, chi bằng không thọ, phải y theo chánh giáo của Phật, thuận theo thọ học, năm hạ rồi chuyên về luật bộ nếu thông đạt trì

phạm, làm việc Tỳ-kheo, tu định học tuệ, sẽ có ngày thành công. Ngoài ra, tạp học nói ô nhiễm tịnh giới, thì định tuệ không từ đâu sinh. Phật không cho phép, vì thế luật nói. Nếu thiếu giáo thọ sư nên học chỗ khác, vì để tăng trưởng quả Sa-môn. Sau đó y theo văn để nói tướng, kể là thọ y bát, đồ ngồi. Nếu khi sa-di thuyết tịnh y bát lâu dài, lại thỉnh thí chủ đều đem thuyết tịnh. Nếu lúc sa-di không thuyết thì đã phạm rồi, nên sai đem bỏ làm sấm cát-la. Sau đó thuyết tịnh. Đồng thời Hòa-thượng ủy dạy, kể truyền trao sáu niệm (trích trong văn Tăng-kỳ).

Niệm thứ nhất biết ngày tháng, nên nói sáng nay ngày mồng 1 tháng trời sáng, đến ngày 1, để thuận đại cố không nói lớn nhỏ (đủ thiếu). Nếu tháng trời tối có (lớn nhỏ) đủ thiếu, cho nên chia ra hai phần.

Sáng nay ngày mồng 1 đến mồng tháng trời tối. Hoặc nói nay mồng 1 đến 1 thiếu trời tối. Đây nghĩa là biết đi xa gần để bố tát. Cách thức ngày tháng xuất gia như thế. Nếu y cứ theo văn trong luật nói vì người đời hỏi nên phải biết. Nếu vào xóm làng, thì trước phải biết mấy cách về ngày tháng, y theo cõi này bất luận tối sáng. Nếu đáp cho người đời chỉ được tướng chung nói: nay là tháng giêng thiếu là ngày mấy, đây thì đạo tục đều thông biết.

2/ Niệm biết chỗ ăn. Trong đó có ba loại, nếu hoàn toàn không thọ thỉnh người nói: nay tôi ăn thức ăn rồi, cố nói ăn thức ăn thường của tăng, có người nói tôi thường xin thức ăn. Nếu người thọ thỉnh nói nay tôi tự ăn không có chỗ thỉnh. Lại nói. Nay tôi ăn thức ăn của tăng không có chỗ thỉnh. Lại nói, nay tôi xin thức ăn không có chỗ thỉnh. Nếu có người thỉnh có trái hay không trái nên nói nay có chỗ thỉnh nghĩ tự đi. Nếu trái (nghĩa khác là tháng ca-đề bệnh và thí y đồng duyên. Nay có duyên gì được trái thỉnh (nếu không có duyên một ngày có nhiều người thỉnh nên đối với người nói: Ngày nay có nhiều người thỉnh tự thọ một thỉnh. Ngoài ra thí cho trưởng Lão ở chỗ nào nên tìm năm chúng xả, nếu không có người thì tâm niệm xả. Tôi tên... sáng nay đàn việt thí chánh thực cho tôi, đem về cho Tỳ-kheo... đàn việt đối với tôi không cho. Tôi được thức ăn tự tứ. (nói ba lần, cách niệm này gọi là một mình ở lan-nhã, đi xa bệnh nhiều, y vào quê nhà, người thân, trụ có năm loại Thập Tụng khai).

Thứ ba là biết hạ lạp khi thọ giới, nói: Tôi vào ngày đó tháng đó năm đó cây một thước, bóng cao bao nhiêu thọ giới cụ túc, nay tôi không có hạ. Sau đó nếu có, tùy theo hạ mà nói.

3/ Biết y bát có thọ tịnh hay không, nên nói: tôi ba y bình bát đầy đủ, có dự đã thuyết tịnh (sau này tùy có không, y bát, thuốc, v.v... tùy có mà thuyết tịnh).

4/ Niệm thức ăn đồng khác nói: nay tôi nhờ các thức ăn (ắt có biệt chúng chín duyên tùy khai) nói: nay tôi có duyên gì đó, phải biệt chúng ăn, sáu niệm mạnh yếu. Nói: Tôi không bị bệnh có thể hành đạo.

Luật Tăng-kỳ chép: Thọ giới rồi phải giữ đầy lọc nước, ứng dụng cách rửa bình như trong phần Tùy Tướng.

Ngũ phần chép: Người mới thọ giới phải tụng giới, người sợ tâm thối thì chưa thể tụng được. Luật Thiện Kiến chép: Phật độ Tỳ-kheo đã có ba y, bình bát, đồ ngồi, đầy lọc nước, kim, chỉ, dao cạo, tám việc theo thân.

Luật Tứ Phần chép: Vì Tỳ-kheo và ngoại đạo lạm nhau. Phật sai hỏi lúc nào tháng nào, Hòa-thượng, xà-lê nào, liền biết Phật pháp và ngoại đạo, người tục có khác. Suy lường hỏi biết chẳng phải giặc trụ.

Thời có ba thời, từ ngày 16 tháng 12 đến ngày 1 tháng 1 là mùa Xuân.

Từ ngày 16 tháng 1 đến ngày 1 tháng 8 là mùa Hạ.

Từ ngày 16 tháng 8 đến ngày 1 tháng 12 là mùa Đông.

Tháng có sáng tối, thiếu đủ khác nhau. Thọ giới rồi lấy ra cho, hai là nói về xả giới. Tứ Phần chép: nếu người không thích phạm hạnh thì cho xả giới về nhà. Sau đó lại muốn tu hạnh thanh tịnh trong Phật pháp lại cho xuất gia thọ đại giới. Tăng Nhất A-hàm cho bảy lần xả giới quá thì phi pháp. Thập Tụng già Luận chép: Ni không xả giới lại được thọ cụ túc.

Hỏi: Nếu không xuất gia lại, vì sao khai xá?

1. Vì không thành Ba-la-di.

2. Vì đến đi không chướng ngại. Tỳ-kheo kiến lập nghĩa cưỡng, cho nên khai cho bảy lần, ni có một nghĩa, làm cho người đời không có lỗi, không sinh chê bai, rộng như bộ kia (y cứ theo nghĩa nên được làm hai chúng dưới.)

---o0o---

## THIỆN THỨ 09: THẦY TRÒ NHIẾP GIỮ NHAU

Phật, pháp, tăng lợi ích rộng lớn là do thầy trò nhiếp giúp nhau, đôn đốc lẫn nhau, tài pháp đều giúp nhau. Ngày ngày chưa nhóm nghiệp, hành sâu đức lâu cố nhiên đều nhờ vào đây. Gần đây huyền giáo chậm lụt, gió tuệ che lấp, thế tục ôm áp hối mạn, đạo phát xuất phi pháp. Lại do thầy không có tâm dạy bảo, tư chất thiếu vãng hành.

Hai tướng kia bỏ nhau, vọng chạy theo cảnh xấu, muốn làm cho đạo sáng tỏ đâu thể nào được. Cho nên vội cứu đảo huyền, trao cho phương pháp an nguy may thay cung kính mà hành trì pháp còn mãi không diệt.

Tóm lại, trước nói rõ đệ tử y chỉ, sau đó nói về hai sư nhiếp thọ.

Trong phần đệ tử y chỉ lại chia làm hai, trước nói rõ danh tướng thầy trò, sau nói về pháp y chỉ.

Hỏi: Thế nào gọi là Hòa-thượng A-xà-lê sư?

Đáp: Đây không phải dịch đúng. Luật Thiện kiến ghi: Không tội thấy tội, quở trách, gọi là thầy ta, cùng đối với pháp lành dạy bảo làm cho biết, ấy là xà-lê của ta.



Luận truyện nói: Hòa-thượng là tiếng nước ngoài, Hán dịch là biết có tội, biết không tội, gọi là Hòa-thượng.

Trong luật Tứ Phần, đệ tử quả trách Hòa-thượng cũng đồng.

Luận Minh Liễu, Chánh bản là ưu-bà-đà-ha, dịch là y học, vì y vào người này học giới định tuệ, tức là Hòa-thượng. Địa phương quốc độ âm khác. Tương truyền rằng: Hòa-thượng là Lục sinh (đạo lục do đây mà thành).

Xà-lê chánh hạnh (làm khuôn phép chính cho đệ tử thực hành theo), chưa thấy kinh luận. Trong Tạp A-hàm ngoại đạo cũng gọi thầy là Hòa-thượng, đệ tử là người học sau ta, gọi là đệ, hiểu cũng từ ta sinh, gọi là tử.

Kế là nhiếp chung nhau. Kinh Thi-ca-la-việt Lục Phương Lễ chép: đệ tử thờ thầy có năm việc.

1. Phải nhớ sự khó khăn của thầy
2. Phải nhớ ân thầy
3. Tất cả ngôn giáo đều theo
4. Ân nghi không chán
5. Trước sau khen ngợi

– Thầy dạy đệ tử có năm việc

1. Phải làm cho mau biết
2. Làm cho đệ tử hơn người
3. Làm cho biết mình không quên
4. Có nghi thì phải giải
5. Muốn làm cho trí tuệ hơn thầy.

Trong luật Tăng-kỳ nói: Thầy độ đệ tử không được vì cung cấp cho bản thân mình, độ người xuất gia thì phạm tội. Phải làm cho người kia nhân việc mình độ cho nên tu các pháp lành đắc thành đạo quả.

Luật Tứ Phần chép: Hòa-thượng phải xem đệ tử như con, đệ tử xem Hòa-thượng như cha, y theo cách nghi con này phải đủ bốn tâm.

1. Thành thật dạy bảo
2. Có lòng từ
3. Yêu thương
4. Lo lắng áo cơm

– Nghi như cha, cũng có bốn tâm:

1. Gân gũi yêu thương
2. Kính thuận

3. Sợ khó

4. Tôn trọng

Cung kính tiếp đãi như bề tôi thờ vua, cho nên luật nói: như thế dần dần cung kính tôn trọng chăm sóc nhau có thể làm cho chánh pháp được trụ lâu, lợi ích thêm rộng lớn.

– Nói về pháp y chỉ, trước nói về ứng pháp, kế nói về chánh hạnh.

Trong phần đầu nói được hay không được y chỉ có tám người, luật Tứ Phần nói có sáu loại:

1. Thích yên tĩnh
2. Giữ gìn chỗ ở
3. Bị bệnh
4. Săn sóc bệnh
5. Đủ năm hạ trở lên, hạnh đức thành tựu
6. Tự có trí đi đến chỗ ở không hơn mình

*1. Đòi đói khát không có thức ăn.*

Luật Thập Tụng nói: Nếu sợ chết đói thì phải nhìn thấy chỗ ở của Hòa-thượng hằng ngày, sợ không được, thì năm ngày, mười lăm ngày, hoặc hai tuần rưỡi, hoặc đến lúc tự tứ, mỗi trường hợp tùy duyên như trên đến gặp Hòa-thượng.

*2. Hành đạo xúng ý*

Luật Ngũ Phần nói: Các Tỳ-kheo mỗi vị đều siêng tu đạo không có người nào cho y chỉ, nên ở trong chúng Thượng tọa Đại đức tâm sinh y chỉ kính như Pháp sư mà ở.

Kế nói phải y chỉ người, có tám loại, luật Tứ Phần chép:

1. Hòa-thượng qua đời.
2. Hòa-thượng thôi tu.
3. Hòa-thượng quyết y xả giới
4. Hòa-thượng bỏ nuôi chúng.
5. Đệ tử có duyên nạn nơi khác.
6. Đệ tử không thích chỗ ở, lại tìm duyên tốt.
7. Chưa đủ năm hạ.
8. Không hiểu rõ cương.

Văn nói: nếu người ngu si vô trí thì trọn đời y chỉ, ở đây y cứ vào hạnh giáo mà rõ.

Luật Thập Tụng chép: Thọ giới nhiều năm không biết năm pháp thì trọn đời y chỉ.

1. Chẳng biết phạm
2. Chẳng biết không phạm
3. Chẳng biết nhẹ
4. Chẳng biết nặng
5. Chẳng tụng giới lâu lâu.

Tỳ-ni Mâu chép: Nếu người trăm hạ lạp mà không biết pháp, thì nên y chỉ người mười hạ lạp.

Trong Tăng-kỳ nói có bốn pháp: Không khéo biết Tỳ-ni, không thể tự lập, không thể lập người, và trọn đời y chỉ.

1. Hoặc ngu hoặc trí. Ngu nghĩa là tánh hay khóc, si mạn thường phạm nhiều tội. Trí nghĩa là phạm rồi liền biết y theo pháp sám hối. Chí chẳng trình chánh y chỉ người.

2. Không tụng giới bốn, Tỳ-ni Mâu chép: “Người không tụng giới, hoặc có không tụng, trước tụng sau quên, người căn độn tụng không được. Ba người này không được lìa y chỉ, bảy người trước chưa đủ năm hạ, cho nên phải y chỉ. Nếu đủ thì không cần. Ba người sau hơn năm hạ, nếu đức hạnh đầy đủ mới thôi y chỉ người. Nhưng năm năm mất y chỉ, nói theo giáo tướng, thì y cứ hạnh mình, đều cần phải thầy dạy, luật nói thành lập năm phân pháp thân mới lìa y chỉ, lại thông hiểu các giáo, Phật cũng có thầy, ấy gọi là Pháp”. Nói rộng như thế.

– Nói rõ y chỉ chánh hạnh chia làm hai:

### **1. Bảy loại pháp cộng hành, hai mươi ba loại pháp biệt hành.**

1. Bảy pháp cộng hành: một chúng tăng và sứ làm trị phạt, đệ tử trong đó phải lo liệu đúng như pháp. Làm cho Hòa-thượng thuận theo tăng. Giải xử làm cho đúng như pháp, không trái nghịch câu trừ tội, làm cho tăng nay giải tội cho.

2. Nếu Hòa-thượng phạm Tăng tàn, đệ tử phải đúng như pháp khuyến hóa làm cho Hòa-thượng phát lồ, mình vì nhóm tăng mà làm pháp xuất tội che giấu sám hối.

3. Hòa-thượng bệnh, đệ tử phải chăm sóc, hoặc sai người khác chăm sóc, cho đến khi hết bệnh, hoặc qua đời.

4. Hòa-thượng không thích chỗ ở, đệ tử nên tự dời, hoặc bảo người dời. Tăng-kỳ chép: có thể nói xuất gia tu phạm hạnh quả Sa-môn vô thượng. Tuy không có y, thực, trọn đời không nên lìa Hòa-thượng. Nếu muốn du phương, Hòa-thượng nên cho đi. Nếu già bệnh nên dặn người, phải dạy rằng: Ông hãy du phương, có nhiều công đức, lễ các tháp miếu, thấy đồ chúng giỏi, thấy nghe nhiều điều. Tôi không già thì cũng muốn đi.

5. Hòa-thượng có việc nghi đệ tử, nên dùng pháp, luật đúng như pháp, để giải trừ.

6. Nếu đệ tử sinh ác kiến, dạy làm cho bỏ ác kiến, trụ chánh kiến.

7. Đệ tử nên lấy hai việc để hộ, về Pháp hộ nên dạy tăng giới, tăng tâm, tăng tuệ, học vấn, tụng kinh.

Về hộ y thực: nên cho cơm áo thuốc men, tùy khả năng làm cho xong.

Bảy pháp này các bộ phận nhiều giống nhau.

Luật Tăng-kỳ nói: Hòa-thượng, xà-lê có việc phi pháp, đệ tử không được có lời thô, phải nói lời thành thật. Nên dùng lời ôn hòa ngăn thầy, điều gì nên làm, điều gì không nên làm. Nếu Hòa-thượng không nghe lời thì nên bỏ và đi xa. Nếu là y chỉ sư thì phải trì y bát ra khỏi giới, ngủ một đêm rồi về lại. Nếu Hòa-thượng dứt bỏ ba độc: tham, sân, si thì đó gọi là đệ tử tối thượng, tối thắng, không được rời thầy, ngoài ra rộng như sau: Trong luật Ngũ Phần nói: Nếu thầy phạm Tăng tàn, cầu tăng xin yết-ma, đệ tử nên rưới nước quét nhà, trải tòa nhóm tăng cầu người yết-ma.

– Nói rõ pháp biệt hành: Có ba loại:

1. *Bạch sự lìa lỗi*. Luật nói: Phạm người làm việc phải có oai nghi chấp tay bạch sự thủ tiến. Nếu muốn đi ra ngoài, thì thầy dùng tám việc lượng nghi, đó là đồng bạn là người tốt, đi đến chỗ không lỗi, việc làm chẳng phải ác, mới sai đi. Ngũ Phần chép: Muốn đi trước phải bạch thầy trước hai, ba ngày cho thầy biết. Chỉ trừ đại tiểu tiện, dùng dương chi thì không bạch.

Theo luật Thập Tụng! Tất cả việc làm đều phải bạch thầy, chỉ trừ lễ Phật, pháp Tăng, ngoài ra đồng với Ngũ Phần. Nếu đệ rời thầy đi phải nói đến thành ấp nào, xóm làng nào, nhà nào, trong lúc bạch phi thời cũng vậy. Phải so lượng hạn biết pháp sự hội tòa bố tát yết-ma, như thế thì được đi, không chấp nhận mà liền đi, khi mặt trời mọc thì kết tội.

Luật Tăng-kỳ nói: Không bạch thầy được lấy nửa sợi chỉ, một nửa thức ăn, nếu là một sợi chỉ không bạch thì phạm tội, có thầy xuất gia đến. Hòa-thượng không còn nên bạch Trưởng lão Tỳ-kheo. Sau khi sư đến lại nói duyên trước, ngoài ra việc y cứ theo đây. Nếu đệ tử đại thí, sự lượng đệ tử trì giới, tụng tập hành đạo nên nói: ba y bát này và đầy lượt nước người xuất gia phải có, không được bỏ. Nếu có dư thì nói rằng: Ở đây thực hành pháp chẳng bền chắc. Ông y chỉ là được giúp thân hành đạo, không nên bỏ. Nếu nói tôi tự có chỗ được thì cho. Nếu muốn đi xa, không được sắp sửa đi mới bạch. Nên bạch trước một tháng hoặc nửa tháng để thầy lo liệu. Nếu không thể mỗi mỗi bạch thầy thì nên bạch chung, muốn làm việc nhuộm y cũng được.

Luật Thiện Kiến nói: Đệ tử theo thầy đi, không được lìa thầy bảy thước, không nên đạp bóng thầy, lìa thì nên bạch để biết.

Luật Tứ Phần nói có nhiều loại. Hoặc xuất giới, hoặc cho người khác vật, hoặc nhận vật người khác, cho đến giúp các việc, đều phải bạch thầy.

2. *Thọ pháp*: luật Tứ Phần nói: Người kia thanh tịnh sáng vào phòng, trừ bình tiểu khi bạch đến, phải trong sáng khác ban ngày sáng tối ba thời hỏi han Hòa-thượng chấp tác hai việc lao khổ không được từ chối. Rộng ra như trong văn khác, cần phải sao riêng để nương dùng.

Một là tự điều phục sự ngạo mạn của mình, hai là báo ân cúng dường, ba là hộ pháp, trụ trì chánh pháp tồn tại lâu dài.

Luật Tăng-kỳ chép: Đệ tử sáng thức dậy, trước phải vào phòng Hòa-thượng, đầu mặt lễ dưới chân hỏi thầy ngủ được không? Ngoài ra đồng với luật Tứ Phần.

Luật Thập Tụng chép: Nếu tắm cho Hòa-thượng, trước rửa chân, kể đến đùi cho đến ngực lưng. Nếu bệnh trước dùng vật của Hòa-thượng, nếu không thì tự dùng. Nếu theo người khác cầu, thời gian ba ngày dạy đệ tử rằng: chớ có gần người ác, người ác làm bạn. Nếu đệ tử nếu bệnh, tuy có người lo nhưng phải ngày ba lần đến nhắc nhở săn sóc bệnh, chớ mệt mỏi, việc này Phật rất khen ngợi.

Kinh Tạp A-hàm nói: Nếu Tỳ-kheo không nịnh hót, không ngoa ngụy, không khinh cuồng, tín tâm, hổ thẹn, siêng năng chánh niệm, tâm xa lìa thế tục, cung kính giới luật, trong hạnh Sa-môn, chí tôn sùng niết-bàn, vì pháp mà xuất gia.

Tỳ-kheo như thế đáng kính đáng truyền thọ, do tu hành phạm hạnh có thể tự kiến lập.

Đại môn thứ hai nói rõ pháp, hai sự nhiếp thọ. Hòa-thượng nhiếp hành và y chỉ đại đồng, phải hiểu rõ. Pháp y chỉ có bảy môn:

1. Ý y chỉ, người mới thọ giới, mới vào trong Phật pháp, mọi việc không biết, động liền trái với giáo. Nếu không nhờ thầy chỉ dạy tiên thâu tâm thân. Pháp thân tuệ mạng sẽ nhờ vào đâu. Cho nên trong luật chế: người chưa đủ năm năm, và đủ năm hạ mà ngu si thì bảo y chỉ với người có đức, để hỏi han nương pháp, dạy dỗ thành lợi ích cho mình.

2. Được thời tiết vô sự. Trong luật khai: rửa chân, uống nước rồi nói y chỉ. Luật Thập Tụng chép: Thầy không tốt thì cho đi y chỉ năm, sáu đêm. Nếu có thầy tốt cho đến một đêm cũng không được đi y chỉ, phạm tội.

Ma-đắc lặc già nói: Đến nơi khác mà không am tường, cho hai, ba ngày chọn lựa, luật này cũng vậy. Ngũ Bách vấn chép:

“Nếu không y chỉ mà uống nước, ăn cơm, ngồi nằm giường chiếu thì mỗi ngày đều phạm tội trộm”. Nếu người đã mười hạ mà không tụng giới thì tội đồng với không y chỉ.

3. Chọn thầy có đức nhân rõ các sự khác nhau:

– Tứ phần nói có năm loại:

1. Nương xà lê xuất gia mà xuất gia
2. Xà-lê thọ giới: Người khi thọ giới làm yết-ma
3. Xà-lê giáo thọ: là người dạy trao oai nghi
4. Xà-lê thọ Kinh, là thọ nhận kinh như thuyết nghĩa, cho đến bốn câu kệ.
5. Xà-lê y chỉ cho đến y chỉ ở một đêm

Hòa-thượng là người theo thọ được giới. Hòa-thượng phải hơn mình mười tuổi hạ. A-xà-lê hơn mình năm tuổi hạ, trừ y chỉ, nếu y cứ theo văn này.

4. Xà-lê phải hơn mình năm tuổi hạ mới gọi là xà-lê. Còn người chưa đủ tuy theo thọ tụng, chưa thấm thắng danh, nếu y cứ theo Hòa-thượng, chín năm đắc giới thì đắc tội. Đây tuy chưa đủ, được danh đâu tởn. Bốn loại Xà-lê trên không được nhiếp người mà thay thế chỗ y chỉ Hòa-thượng. Do một đêm tác pháp chẳng phải thông từ đầu đến cuối.

Nếu làm thầy phải cần cách thỉnh, trong luật đức hạnh hai sư có ba loại:

1. Chọn mười năm trở lên
2. Phải có trí tuệ
3. Có khả năng siêng dạy truyền trao đệ tử, có bảy loại pháp cộng hành.

Lại phải nhiếp nhau nuôi dưỡng, như trong pháp Hòa-thượng. Mà-đắc-lặc-già chép: Hễ muốn y chỉ người phải suy lường cho kỹ. Có thể nuôi lớn pháp lành, và hỏi người khác: Tỳ-kheo này giới đức thế nào, có thể dạy bảo không? Quyển thuộc thế nào? Có tranh cãi không? Nếu đều không thì mới y chỉ.

Luật Tăng-kỳ nói: không được hướng đến như vậy mà y chỉ, thành tựu năm pháp.

1. Ưa nghi
2. Cung kính
3. Biết hổ
4. Biết thẹn
5. Thích ở

Luật Tứ Phần chép: Các Tỳ-kheo liền như vậy y chỉ, không thể nuôi lớn đạo hạnh sa-môn, Phật bảo chọn lựa để y chỉ, nếu thầy có phá giới, phá kiến, phá oai nghi đều không được làm y chỉ.

Nhân có Tỳ-kheo hai tuổi hạ dẫn đệ tử một tuổi hạ đến chỗ Đức Phật. Phật quả trách nói: “thầy ông chưa dứt sữa, mà nhận người dạy dỗ làm sao mà dạy người?” Nếu thầy có phi pháp, cho người khác dẫn đệ tử đi. Ngũ Bách Vấn chép: Sư ấy chẳng điều gì không phi pháp mà dụ dẫn sa-di đi thì phạm tội trong,

nhân nói nhân duyên Tỳ-kheo già bệnh. Luật Thiện Kiến chép: nếu không hiểu luật, chỉ hiểu kinh luận không được độ sa-di và cho y chỉ. Tăng-kỳ nói thành tựu bốn pháp gọi là trì luật. Nghĩa là biết có tội, biết không tội, biết khinh biết trọng xuống đến biết hai bộ luật, và nhiếp thọ oai nghi cộng hành. Phần bốn nói rõ pháp thỉnh sư. Trong luật nói do Hòa-thượng qua đời không có người giáo thọ, phần nhiều phạm oai nghi nên Đức Phật cho y chỉ. Như pháp Hòa-thượng trên, làm cho pháp thêm lớn, được truyền bá. Luật Tăng-kỳ cũng được gọi thầy là Tôn.

Văn thỉnh rằng: Đại đức nhất tâm niệm, con là Tỳ-kheo... nay thỉnh Đại đức làm A-xà-lê y chỉ, mong Đại đức vì con làm A-xà-lê y chỉ, con y chỉ đại đức nên được trụ đứng như pháp. (nói ba lần, văn thiếu) luật nói chữ ca-sa-lê). Đại đức kia nói: cho ông y chỉ, ông chớ buông lung.

Luật Ngũ Phần chép: Tôi sẽ nhận sự dạy bảo tôn quý, nếu không thì không thành, trước đây không biết nhau nên hỏi danh tự của Hoà-thượng xà-lê, trước đây ở chỗ nào, tụng kinh gì. Nếu không đúng như pháp nên nói rằng: Ông không biết tôi, tôi không biết ông, ông hãy đến chỗ mà ông biết để thọ y chỉ. Nếu nghi nên nói ở ít. Sáu đêm xem hợp ý thì thọ nhận, nếu y chỉ sư không đáp cho phép thì không thành.

Luật Tứ Phần chép: Người kia sai thọ nhận y chỉ, sai cho y chỉ đều không thành năm phần sự nhiếp thọ, phần lớn đồng với pháp trước. Luật Tăng-kỳ nói: mỗi ngày cách biệt ba thời giáo, ba tạng giáo pháp, không thể nói rộng, dưới đến lược biết giới kinh nặng nhẹ, nhập nghĩa âm giới. Nếu khi thọ kính cùng tụng, cùng ngồi thiền gọi là Giáo thọ. Nếu không như vậy, dưới đến nói chớ buông lung. Y cứ theo đây để rõ. Nay cho người mới học giảng thiền thọ trai, đồng thời sai y chỉ, mỗi ngày giáo giới, lỗi thành kệ trong. Không hành không tụng, đây có ích gì. Phạm pháp thỉnh thầy trước đã nói rõ. Nay lại nói về ý có bốn:

1. Tác thỉnh người kia nhiếp tội, tôi sẽ y chỉ người kia, niệm từ bi cứu giúp.
2. Lấy đạo pháp vật chất, tinh thần xin làm cho giáo thọ thực hành thành trí lập.
3. Tự bày ý mình, tôi sẽ y chỉ yêu kính như cha.
4. Có thể tôn phụng hai pháp tôn phụng cúng dường hỗ thẹn trong tâm phải đủ bốn loại này mới có thể thỉnh người khác, trái với điều này thì vắng vặc luống phí mà không làm được. Gần đây, có Đại đức được nhiều người trọng vọng, mỗi năm cuối Xuân người thọ giới rất nhiều, vừa mới ngồi người đến đâu thỉnh làm Hòa-thượng hoặc mười, hai mươi, cho đến hạ tọa, riêng mình en nhiên. Đây thì vốn không có hai nhiếp. Nghĩa thành sự lược đồng với đã mã, thật mà nói thọ đồng với dương diệm. Kinh Tạp A-hàm nói: có năm duyên làm cho chánh Pháp của Như lai hoại diệt. Nếu Tỳ-kheo đối với Đại sư phải cung kính, không tôn trọng, không hạ ý cúng dường, y chỉ, trái đây thì pháp luật không lui mất.

5. Luật Ngũ Phần nói: Hai thầy cũng không được vì việc nhỏ mà để đệ tử ở lại. Nếu ở trước người tại gia phát ra y thô lục, nên làm cho hiểu biết. Nói rộng ra như trong quyển 23.

Luật Thiện Kiến nói: Hòa-thượng có nhiều đệ tử, giữ lại một người cung cấp. Ngoài ra tùy ý sai đọc tụng. Luật Tăng-kỳ chép: Đệ tử bị nạn vua, sư phải đi xem xét. Nếu bị giặc cướp lấy thì phải tìm ngay cứu chuộc lại, không như vậy thì phạm. Nay nói về pháp đệ tử già. Luật

Thập Tụng chép: Tỳ-kheo lớn, Tỳ-kheo nhỏ nhận y chỉ được tất cả cúng dường. Như việc nhỏ việc lớn, chỉ trừ lễ dưới chân, ngoài ra đều nên làm. Luật Tăng-kỳ nói: Tất cả cung cấp, trừ lễ chân xoa bóp. Nếu khi bệnh cũng được xoa bóp. Nên dạy hai bộ giới luật, ám giới nhập nghĩa mười hai nhân duyên. Tuy là một trăm năm nên y chỉ Tỳ-kheo trì luật mười năm, dưới đến biết hai bộ luật, sáng thức dậy hỏi han, đem đồ đồ đại tiểu tiện, như trong pháp hầu thầy.

6. Nói về pháp trị phạt quả trách chia làm bốn:

1. Nói về pháp hợp quả trách
2. Y theo pháp quả ngăn
3. Không nên để mất
4. Bỏ thầy ra đi.

Trong phần hợp trách, Tứ Phần nói có mười lăm loại, nghĩa là: không hổ (làm ác không thẹn) không thẹn, thấy thiện không sửa), không thọ giáo, không như thuyết kinh, làm phi oai nghi (phạm bốn thiên dưới), không cung kính, (ngã mạn cho mình hơn) khó nói (Thành Luận nói: lại đến thầy để dạy), làm bạn với người ác, thích đến nhà dâm nữ, nhà phụ nữ, nhà gái lớn, nhà huỳnh môn, tinh xá Tỳ-kheo-ni, tinh xá Thức-xoa, sa-di-ni, thích đến xem rùa, ba ba.

Văn luật như thế. Nay những điều phạm chưa hẳn như văn.

Nhưng người có lỗi thì phải y cứ để phạt, bỏ qua mà không hỏi thầy thì phạm tội

Kinh Thiện Giới chép: không xua đuổi, trách phạt đệ tử, nặng như người giết mổ, chiên-đà-la, v.v... do người này không hoại chánh pháp, không nhất định đọa ba đường ác, nuôi đệ tử ác, làm cho nhiều chúng sinh gây ra các nghiệp khổ, chắc chắn đọa đường ác, lại vì danh tiếng nên nuôi nhiều đồ chúng, ấy là người tà kiến. Gọi là đệ tử của ma. Ngũ Bách Vấn chép: có thầy không dạy đệ tử, do đó phá giới, cho nên sau này đọa vào loài rồng, lại suy nghĩ bốn duyên rồi trở lại hại thầy, rộng ra như kia nói.

Hỏi: Là đủ năm lỗi mới quả trách hay hễ phạm mỗi việc liền quả trách?

Đáp: Hễ phạm liền quả trách, mới có thể làm thành. Lại như làm lỗi này, tuy phạm tội nhỏ, tình không thẹn, lý phải quả trách. Nếu tâm thường siêng nhiếp, nếu làm mà phạm, tình lỗi có thể thông, lượng thời mà dùng, không hẳn trách



chỉ? Kinh Tạp A-hàm chép: Tỳ-kheo trẻ tuổi không quen pháp luật, hễ những điều làm vì thọ nhận y thực, tham mê buông lung, dần dần hướng đến cái chết, hoặc đồng chết khô. Xả giới hoàn tục, tổn hại chánh pháp luật. Nghĩa là đồng chết khô. Phạm chánh pháp luật. Không biết tội tướng, không biết trừ tội, nghĩa là đồng chết khô, cho nên Tỳ-kheo phải siêng học pháp luật.

– Nói về pháp quả trách: Hễ muốn trách người, trước phải suy lường nội tâm mình vui hay giận. Nếu có hiềm hận thì tự nén nhẫn, lửa từ trong phát trước tự đốt thân. Nếu khởi tâm từ bi cứu giúp lại lường lỗi nặng nhẹ. Lại y vào lời quả trách trước sự tiến lùi sinh ra lỗi làm cho biết phi pháp y vào lỗi thuận quả trách tâm phục thuận theo. Nếu tội nhẹ mà quả trách nặng, hoặc tội nặng mà trách nhẹ, hoặc tùy phần nộ mà buông lời thô bạo. Đây mới là tùy theo tâm mà dứt. Chưa y cứ theo ý chỉ của Bạc Thánh, vốn chẳng phải lợi, thầy dạy không thành, nên đình chỉ tâm thế tục thấp hèn. Y vào lỗi thanh tịnh của đạo xuất thế. Nên trong chỗ khởi từ bi dạy dỗ, ngoài hiện oai nghiêm, nhọc lời uốn nắn, làm cho sửa đổi. Y vào luật năm pháp luân lượt tội mà trách.

Luật Tứ Phần nói: Đệ tử không hầu hạ Hòa-thượng, Phật dạy có năm việc quả trách.

1. Nay ta quả trách ông, ông đi đi (do lỗi quá nặng nên bảo đi xa)
2. Chớ vào phòng tôi (được ở trong chùa, ở ngoài cung cấp)
3. Chớ làm sứ cho ta (để được tham thừa vào phòng)
4. Chớ đến chỗ ta. (ngoài những việc làm không được đến bên cạnh thầy, thầy y chỉ trách cãi nói ông chớ y chỉ ta).
5. Không nói chuyện với ông (Lỗi rất nhỏ nhẹ, tuy làm thị giả thờ thầy, nhưng Chư Phật ba đời thường dạy các điều trị phạt, chỉ có chiết phục quả trách, vốn không có cách của người trượng phu. Gần đây thấy Đại đức chúng chủ trong không có đạo phần để hầu hạ, không suy nghĩ, không có đức nhiếp người, chuyên làm phải xét rõ, hoặc đối với đại chúng, hoặc ở trong phòng, trói cột trên đầu, chẳng phân trị đánh. Bèn dẫn kinh niết-bàn dụ về ba người con.

Đây chưa đạt thánh giáo, nhưng người kia trải qua do ở một người con tâm từ bi. Cho nên tâm không sai quấy, được hành phạt này, tức kinh niết-bàn nói:

Chớ giết, chớ dùng gậy đánh, lời này có yếu chỉ gì. Không biết thông giải liền vọng dẫn văn, dù dẫn nghiêm sư đây là dẫn dụ. Không thiếu chánh văn. Như Nhiếp Luận chép: Bò-tát được tinh tâm địa, được trí phân biệt phương tiện làm mười việc như sát sinh, v.v... không có lỗi nhiễm đấm. Thời nay có người dùng cây đánh đệ tử, rồi khởi sân độc, giận dữ bốc lên, trọng mình khinh người, cố làm cho người khổ, nếu y cứ vào niết-bàn tha thứ mình là dụ thì kim châm không thể nhẫn. Lại có thầy ngu nghe dẫn kinh tịnh độ phạt ba trăm phước. Đây là Kinh ngụy do người soạn. Người trí cùng sai. Dầu như kinh kia, không khởi ba độc được y vào mà phạt phước. Nay thuận theo phiền não của mình, đâu được mong nhờ. Trong luật nói tâm sân quả trách còn tự phạm tội, cho đến súc

sinh còn không được đánh, huống chi là đánh người. Trong luận Địa Trì nói trên phạm tội phạt đuổi đi, giữa phạm thì chiết phục, dưới phạm thì quở trách cũng không đánh trị. Kinh Đại Tập chép: nếu đánh chuỗi người phá giới, không giới, ca-sa mặc thân cao tóc tội đồng với tội làm thân muôn ức Đức Phật chảy máu. Nếu làm bốn trọng không cho ở chùa, không đồng việc tăng nếu người trách phạt thối đạo rơi vào A-tỳ. Vì sao? Vì người này hấn mau vào niết-bàn, cho nên không nên đánh chửi, nói theo đây thì tự biết địa vị, sinh báo mịt mù, lạm tự khinh khi, thật là đáng thương, rộng như kinh kia. Tăng-kỳ nói: “Nếu thầy quở trách, đệ tử không nghe thì nên nói với người tri sự không cho thức ăn. Nếu người hung ác thấy tự đi xa, nếu đệ tử y chỉ thầy nên ra khỏi giới ngủ một đêm rồi về lại. Nếu đệ tử có lỗi, Hòa-thượng vì đệ tử sám hối xin lỗi người nói: cho đến phạm phu ngu si đâu thể không lỗi, đứa trẻ này học muôn thật có tội này”. Nên dạy khuyên không làm như thế mới vui được ý mọi người.

Ba là nói về quở trách phi pháp:

Luật Tứ Phần chép: trọn đời quở trách, xong an cư quở trách, quở trách luật nhân, hoặc không gọi đến hiện tiền không chỉ ra lỗi ấy mà quở trách, đều thành phi pháp, nếu bị trị chưa sám hối xin lỗi mà nhận cung cấp y chỉ, hoặc bị trách nhẹ khác mà không vì Hòa-thượng xà-lê và Tỳ-kheo khác thì người làm việc nặng nhọc mắc tội. Luật Tăng-kỳ nói: Nếu cho đệ tử cùng đi, đệ tử y chỉ, có y rồi không được giáo giới vì chiết phục, cho nên đoạt lấy. Sau khi chiết phục rồi lại cho không tội. Nếu khi cho y nói: Ông ở chỗ này nếu hợp ý ta, ta vì người trao kinh cho. Nếu muốn chiết phục mà lột y khóa hình đáng hổ thẹn. Phật bảo: không nên vì việc nhỏ mà chiết phục sa-di, nếu chiết phục thì để lại một y.

Bốn là nói pháp từ tạ, luật Thập tụng chép: Tỳ-kheo, Sa-di được Hòa-thượng biết không thể nuôi lớn pháp lành, nên bạch sư rằng, dẫn tôi phó chúc cho Tỳ-kheo..., thầy nên suy lường, Tỳ-kheo kia giáo hóa đệ tử đâu giống, chúng tăng cũng đâu giống, người tốt nên giao phó. Biết không cụ túc nên giáo phó cho thầy khác. Nếu Hòa-thượng không tốt nên bỏ đi. Hòa-thượng có bốn loại.

Cho pháp mà không cho cơm thì nên ở, cho cơm mà không cho pháp thì không nên ở, Pháp và cơm đều cho thì nên ở. Pháp và cơm đều không cho thì không nên ở, bá luận ngày hoặc đêm đều nên bỏ đi. A-xà-lê cũng vậy, tăng-kỳ cùng giống. Có khổ vui trụ diệt. Nếu thấy sai làm việc phi pháp, như gọi ông đem rượu đến, thì nên nhẹ nhàng thưa: con nghe Đức Phật dạy: “việc phi pháp như vậy không nên làm”. Trong quyển 28 có nói nhiều về hành pháp. Nếu cần thì xem. Ngũ Bách vấn chép: nếu đệ tử mà khi thầy sai mua bán làm các việc phi pháp thì được bỏ đi xa. Luật Tứ Phần nói: nếu đệ tử bị thầy quở trách, sai các Tỳ-kheo khác làm cho điều thuận. Đối với Hòa-thượng xà-lê được điều hòa để sớm được sám hối. Nên biết chiết phục nhu hòa biết thời mà thọ.

Luật nói: nên hướng đến hai thầy sửa oai nghi, chấp tay thưa: Đại đức Hòa-thượng nay con sám hối, không phạm lỗi nữa. (Ngoài ra phải tự thuật việc ra đúng thời). Nếu không cho phải mỗi ngày ba thời sám hối. Như trên mà thầy

không cho, nên hạ ý thuận theo tìm phương tiện để giải thích điều mình phạm. Nếu hạ ý không có trái nghịch, xin giải thích lỗi mình, hai thầy nên nhận. Không nhận thì đúng như pháp mà trị, nếu biết không thêm lớn lợi ích, sai người khác dắt dẫn đem đi. Nếu đệ tử thấy Hòa-thượng có năm điều phi pháp. Nên sám ta mà đi, bạch Hòa-thượng rằng: con đúng như pháp Hòa-thượng không biết, con không đúng như Pháp Hòa-thượng cũng không biết, con phạm giới Hòa-thượng không xả không dạy quở trách, nếu không phạm cũng không biết, nếu phạm mà sám cũng không biết.

Hỏi: Pháp cộng hành trước làm cho đệ tử nhiếp Hòa-thượng, nay các luật nói sao lại bỏ đi.

Đáp: Ở trên nói nhiếp, y cứ vào trước tuy đệ tử có lỗi cản ngăn, dù có thể theo toại ý. Nay ngăn mà không chịu, không đồng nghĩa pháp cho nên phải đi.

Luật Tăng-kỳ chép: Nếu thầy chịu can ngăn nói đệ tử, thì con sẽ sớm nói với thầy, thầy không biết điều gì, thì thừa dụng. Nếu thầy nói. Con nếu can ngăn thầy, thì thầy chính là con, con chính là thầy, y vào hai thầy sư trước phương tiện mà đi, bầy nói ra pháp mất thầy, một loại Hòa-thượng không có nghĩa mất. Hoặc có thể không có đức lại y chỉ người khác, vì y chỉ nên đặc giới không thỉnh pháp lại việc y chỉ xà-lê phải rõ ràng chính đáng. Có ba loại khác nhau:

1. Cách thỉnh sư
2. Pháp tướng y trụ
3. Pháp thỉnh giáo thọ

Kể nói rõ mất là trái. Nếu thầy bị tăng trị phạt, không mất y chỉ, nghĩa là không mất thỉnh pháp tướng y trụ, mất pháp thỉnh giáo thọ, vì thầy có lỗi hành pháp ở mình. Đệ tử không có nghĩa được thỉnh làm cho thầy mắc tội, để chịu ba mươi việc không được nhận người y chỉ, nghĩa là trao truyền người khác giáo giới. Cũng là bị người trị không được làm y chỉ. Nếu đệ tử bị tăng trị thì không mất, có ba loại không mất.

Muốn làm cho sư tăng giáo giới đệ tử thuận theo tăng, mau mau khai giải không thuận theo tội. Trong luật nói hai thầy và đệ tử cùng một người quyết ý ra ngoài giới ngũ thì khi về mất y chỉ.

Mất có hai cách sau đây: Không mất pháp thỉnh sư, nếu trở lại không cần thỉnh sư lại, chỉ sinh pháp thỉnh y chỉ, bèn có pháp khởi. Rộng ra có đúng sai như đại số luật. Luật Tứ Phần nói có nhiều loại:

1. Chết; 2. Đi xa; 3. Thôi tu; 4. Phạm trọng; 5. Thầy bị quở trách; 6. Vào trên giới trường; 7. Đủ năm hạ; 8. Thấy Hòa-thượng mình; 9. trở lại với Hòa-thượng, mắt nhìn xuống, nếu y cứ theo giáo thì mất y chỉ.

---o0o---

**QUYỀN THƯỢNG**

## PHẦN 4

### THIÊN THỨ 10: THUYẾT GIỚI CHÁNH NGHI

(Bồ tát, Trung quốc dịch là Tịnh trụ)

Xuất yếu luật nghi chép: Nước Kiêu-tát-la nói sáu quyển, Nê-hoàn nói là bồ tát, có hai nghĩa trường dưỡng. 1/ Trụ giới thanh tịnh. 2/ Thêm lớn công đức. Kinh Tạp A-hàm nói Bồ tát là Đà-bà. Nếu âm chính bốn nói là ưu-bồ-đà-bà. Ưu là đoạn. Bồ-đà-bà là thêm lớn, quốc ngữ khác nhau, cũng gọi là nhóm họp, là biết, là nên, là đồng, là cộng trụ, là chuyên, là thường. Tam Thiên Oai Nghi nói Bồ tát là Tịnh trụ, nghĩa là nuôi lớn. Lại nói hòa hợp. Luận Câu-xá gọi tám giới là Bồ tát hộ. Minh Liễu nói ở tâm gọi là Hộ, ở thân miệng gọi là Giới.

Luật nói: Pháp bồ tát một chỗ gọi là bồ tát kiên-độ, tức là thuyết giới.

Thuyết giới nghi quỹ đại cương Phật pháp, nhiếp trì Chánh Tượng, giữ gìn các pháp. Xong phạm tình dễ đủ, thấy không sâu nặng, mong làm khâm phục, sang nhiều hèn ít. Gần đây tuy thực hành pháp này, phần nhiều sinh kiêu mạn biếng nhác, là do hằng ngày nhiễm nghe nhiều, lại tùy tâm khinh mờ mịt. Lấy đây nói về tình, tình có thể biết. Xưa Tề văn Tuyên Vương soạn nghi thức Bồ tát tại gia, Sa-môn Phổ chiếu Đạo ân khai sĩ soạn nghi thức Bồ tát xuất gia. Chẳng được thừa dụng, văn y cứ chẳng nương. Nay tìm cầu ý kinh, tham cứu những điều nghe, thô nặng, soạn thứ lớp đầy đủ như trình bày ở sau. Nhưng sống vào thời tượng pháp, mặt pháp thì khinh bạc. Nếu không cùng đôn đốc lẫn nhau thì không thành, làm nó rất có ích. Cho nên trước dẫn khuyên dạy, sau chứng trên văn.

Luật Thiện Kiến chép: Làm sao biết được chánh pháp tồn tại lâu dài ? Nếu nói giới pháp không hoại là đúng.

Ma-đắc-lặc-già chép: Bồ tát là bỏ các điều ác, pháp bất thiện và các phiền não, chứng được pháp lành rốt ráo, phạm hạnh cao siêu nên gọi là Bồ tát.

Lại nói: Mỗi nửa tháng tự xem lại mình, từ nửa tháng trước đến nửa tháng này có phạm giới không? Nếu có phạm thì đồng ý cho sám hối.

Tỳ-ni Mẫu nói: Thanh tịnh là nghĩa Bồ-tát. Tự trung chia làm hai:

Trước tăng sau biệt, trong phần tăng lại chia làm bốn loại:

1. Thời tiết khác nhau
2. Tạp pháp chúng cụ
3. Chánh nói nghi quỹ
4. Lược nói tạp pháp

– Trong phần đầu (thời tiết) lại có năm loại 1 Ngày 1.1.16 khác nhau.

1. Trước khi ăn, sau khi ăn.
2. Hoặc ngày, hoặc đêm

3. Hoặc thêm hoặc bớt

4. Thời và phi thời

Ba loại trước trích trong văn Luật Thập Tụng, trong luật Tứ Phần nói ba ngày thuyết giới như trình bày ở trên. Lại nói: ngày bố tát nên thuyết, Ngũ Phần chép: ngày mồng 8, ngày 1 nói pháp, ngày 1 bố tát.

Luật Tăng-kỳ chép: Ăn trước cũng được, nhưng không được sáng dậy bố tát mắc tội. Sau này vì Tỳ-kheo không nghe, Tứ Phần chép: Vì Tỳ-kheo đấu tranh ngoài giới, Phật bảo tăng giảm thuyết giới. Nếu biết ngày 1 đến, thuyết trước ngày 13, nếu ngày 1 đến thuyết ngày 1, nếu đã vào giới phải sai vào tắm rửa. Tỳ-kheo trong giới ra ngoài giới mà thuyết. Nếu không được thì bạch tăng rằng: Nay không được thuyết. Sau ngày 1 phải thuyết. Lại người không đi lại tăng đến ngày 1, nếu không đi cưỡng, hòa hợp thuyết. Nhưng sáng hai lần không nói ba lần, đến ba lần phải đồng thuyết, cũng không ba lần, không thuyết văn pháp diệt, ngụy truyền đã rất lâu.

Luật nói: Nước Câu-diệm-di sáu năm không thuyết. Phật còn trụ thế ngại gì một nước đấu tranh, không được an vui, không được lên quả thánh gọi là Pháp diệt. Trong luật nói A-nan nghi Tỳ-kheo Cao Thắng phạm tội ăn trộm, trải qua sáu lần bố tát, không cho đồng pháp. Tăng-kỳ nói: Hiềm nhau hai mươi năm không thuyết giới. Tứ Phần nói: Đấu tranh đến lâu không được thuyết giới. Nay tạm hòa hợp. Tùy ngày nào tranh diệt tức ngày đó hòa hiệp thuyết, vì Tăng đủ sáu nghĩa hòa hiệp. Giới, kiến, lợi, thân, miệng, ý, nay khác nhau. Kiến giới, thì không phải nghĩa tăng, không thành pháp tăng thanh tịnh hòa hợp. Kế hai nói về Tạp pháp chúng cụ. Ngũ Phần chép: khi bố tát nhóm họp không phải lúc ngăn hành đạo. Phật sai làm thời tiết. Như trong phần nhóm tăng ở trước. Luật Thập Tụng chép: người hành trì vì đàn việt hỏi tăng không biết số, Phật bảo hành trụ không biết số Sa-di, số hành thể. Nếu người cúng dường vật bố tát, sa-di cũng được phân. Tuy không ở chỗ bố tát yết-ma vì thọ thể. Tứ Phần chép: vì thọ cúng hành thể chung với sa-di. Nếu chưa thọ mười giới cũng được thọ thể, vì đồng thọ cùng. Như trong kinh Niết-bàn nói tuy chưa thọ mười giới đã vào số tăng. Nếu thỉnh Tăng thứ tự lý không khác.

Luật Ngũ Phần Luật chép: “Thẻ ngắn nhất là năm ngón tay, dài nhất là một khuỷu tay, thô nhất không quá ngón tay út, nhỏ nhất không được giảm bằng mút đũa. Có khách đến không biết, hành thể thu lấy số, một người đi một người thu. Cho đến thu xong số, biết số rồi xướng rằng, Tỳ-kheo bao nhiêu sa di bao nhiêu người xuất gia hòa hợp bao nhiêu người. Tứ Phần nói: Cho hành xá-la, Trung Quốc dịch là thẻ. Luật Ngũ Phần chép: Nếu người tại gia rải hoa lên mình Tỳ-kheo trên tòa cao, Phật khai cho, nhưng Tỳ-kheo không được rải. Nếu người tại gia rải hoa lên y, trên thân Tỳ-kheo, Tỳ-kheo phải phủi, rơi trên tòa cao thì không lỗi. Tỳ-kheo muốn trang nghiêm chỗ thuyết giới, trao lụa rải hoa, Phật đều cho.

Luật Tăng-kỳ chép: Nếu khi muốn tụng, trước phải rửa tay rồi mới cầm thẻ, nếu có nước thơm rửa cũng được. Người khác muốn cầm thẻ cũng giống như thế. Khi tụng Tỳ-ni số câu văn lộn xộn khó giữ, cho làm thẻ đếm.

1. Có năm trăm.

2. Bảy trăm, vì thông giới bốn tăng ni. Nếu ngày bố tát phải quét tháp viện của tăng, sai người sửa sang, rưới nước thơm trên đất, rải hoa thơm, đốt đèn sáng, ai cũng phải chú nguyện tụng giới hành thẻ, để dự làm. Luật Tứ Phần nói: Tỳ-kheo trẻ tuổi phải lo đủ bình nước, đèn, v.v... Thượng tọa nên phân xử.

Luật Tăng-kỳ chép: Nếu khi tụng giới, nên tụng hai bộ luật, nếu không thì tụng một bộ. Nếu Thượng tọa, thứ tọa nên tụng, nếu không cho đến người có khả năng tụng thì tụng. Vì người chưa thọ giới cụ túc mà thuyết năm thiên thì phạm tội.

Y cứ theo Tứ Phần được nói tất cả phạm tội Đột-cát-la. Nếu khi thuyết không được che đầu che vai, nên cởi giày dép vén y bày vai phải hành thẻ, người nhận thẻ ấy cũng như vậy. Trước đi nhận thẻ đủ người, sau hành trừ sa-di, Pháp xướng như trong Ngũ Phần, Ngũ Phần chép: Thượng tọa nên thuyết giới trì luật làm yết-ma. Thượng tọa thuyết giới ngủ say lại vắt y trên lưng, mang dép da, hoặc nằm, hoặc dựa không cung kính. Đều phạm tội nhỏ. Nếu Thượng tọa thuyết giới mà quên ứng trao, chẳng những quên trao lại còn quên sai người tiếp tục thứ lớp tụng, nếu quên thì không được tụng lại. Nếu có các duyên sự, nói rõ ngày bố tát, các pháp yết-ma đều làm trước thuyết giới. Vì là pháp nhiếp tăng, nên nói giới thẳng, không được ca vịnh. Đến ngày mùng 8, 1 nói pháp, người tại gia nghe pháp vui mừng bố-thí, khí nhận vật của người tại gia sai duy-na chú nguyện. Vào ngày 1 bố tát, ni đến thỉnh giáo giới, cho đến Thượng tọa nói: Chớ buông lung, như nói ở sau.

Tứ Phần khai ca vịnh tụng giới. Đây là Ngũ Phần phé giáo. Luật Thập Tụng chép: phải nên cúng dường người biết pháp bố tát, nếu không thì phạm tội. Vì thời không có Phật người này sẽ bỏ xứ, người thuyết giới trước phải tụng thầm làm cho có lợi, chớ ở trong tăng khi thuyết giới sai lầm.

3. Chánh nói về thuyết nghi, môn này bố trí y cứ vào luật không đủ. Nay người làm việc thông lấy các bộ cộng thành một pháp, mà các nhà sắp xếp có sự khác nhau. Nay lấy bốn của hai sư Phổ Chiếu và Đạo An, ngoài ra dẫn luật thành văn san bổ có mười loại:

1/ Trước cần có chỗ nói: Trung quốc bố tát có nhà thuyết giới, đến giờ liền đi. Đây không có chỗ khác, phần nhiều ở trong hai nhà ăn và nhà giảng. Lý phải y cứ, tiếp thông đều là ngôi ở chiếu. Trung quốc có dùng võng, thường trải cỏ dưới đất, cho nên có ni-su-đàn, đều trải trên cỏ. Người xưa lúc này có giường, bậc đại phu trở lên lại trải trên giường. Dưới đại phu thì trải chiếu dưới đất. Sau thời Đông Tấn việc dùng giường mới thịnh. Thời nay, chùa viện phần nhiều

dùng giường ghé, cũng được dùng cả hai, nhưng khi hành bốn sự phần nhiều không tiện, tùy chỗ lượng pháp.

2/ Chúng cụ: Trong luật nói nhà, võng, đèn, bình nước, đồ ngồi, v.v... Tỳ-kheo trẻ phải có. Hoa hương trang nghiêm y cứ theo trước mà làm, ba ngày thuyết giới. Thượng tọa bạch tăng để cho biết. Thời nay duy-na đã tỉnh, cáo bạch rằng: Đại đức tăng xin lắng nghe! Nay ngày 1 tháng trời tối, chúng tăng hòa hợp, giờ nào, chỗ nào, thuyết giới bố tát. Ngoài ra như trong chúng võng.

Đánh chuông nhóm chúng không hạn cục sa-di, đều vào tăng đường. Nếu sa-di có duyên, y pháp gợi dục, sau đó phải đếm thẻ, nếu có tướng nghe, nghi thì cả giới thường tìm gọi. Nếu không có tướng, thì y pháp mà làm. Sa-di hai chỗ đại tăng đều thuyết giới. Khi hô chuông, mỗi người tập hợp hai chỗ, nên nói nghe kệ chuông. Tăng Nhất A-hàm nói: “Hàng phục ma lực oán, dứt kiết sử không còn, chỗ trống đánh kiền-chùy, Tỳ-kheo nghe nên nhóm.

Người muốn nghe pháp qua biên sinh tử, nghe âm hưởng màu nhiệm này phải nhóm họp lại. Kế khi vào tăng đường phải chấp tay cung kính đánh lễ nói kệ rằng: Trì giới thanh tịnh như trăng tròn, thân miệng trong sạch không vết nhơ, đại chúng hòa hợp không sai trái. Mới gọi là được đồng bố tát. Nói xong mỗi người theo vị trí của mình thứ lớp mà ngồi. Như ở luật Ngũ Phần, cung kính đủ oai nghi, đây là lời dạy căn bản để nhiếp tăng, không giống các pháp sự tầm thường khác.

5/ Nói về vật cúng: Nếu có sa-di, tịnh nhân thì sai lấy hoa hương, nước, bát, trữ năm bình, ba bình và mâm hoa bày trong tăng đường. Nếu mùa Đông hoặc tháng không có hoa, phải đủ hoa bằng lụa vải, trải vật dưới đất. Trong tăng thì bày hương, thẻ bàn, tòa cao đủ thứ, cho thật trang nghiêm.

6/ Nói rõ Duy na hành sự: Tỳ-kheo trẻ nên năm, ba vị giúp làm những điều cần, mỗi vị phải sửa sang oai nghi. Duy-na lấy nước thơm và nước nóng lần lượt rửa tay, bưng nước ấm đến trước Thượng tọa, quỳ xuống rửa tay cho Thượng tọa, xong lấy thẻ rửa. Mỗi việc đều nói kệ.

La-hán Thánh tăng nhóm, chúng phạm phu hòa hợp, nước thơm rửa thẻ sạch, Bô-tát độ chúng sinh.

Nếu Thượng tọa tuổi già, hoặc không hiểu thời việc. Duy-na từ rửa thẻ xong ngoài ra có nước thơm, tùy nhiều ít mỗi thứ đều lấy làm. Sai Tỳ-kheo trẻ một hạ lây đi, mỗi việc đều nói kệ.

“Nước tám công đức rửa cát bụi, rửa tay trừ nhơ tâm vô nhiễm, chấp trì cấm giới không thiếu phạm, tất cả chúng sinh cũng như thế”.

Theo cách xưa của Đạo An tay trái cầm khăn lên, tay phải đưa xuống, Duy na cầm thẻ xướng bạch, sai người khác làm và nước thơm, khăn sạch cũng như vậy, lại sai một người bưng nước thơm, mỗi việc đều nói kệ, nước thơm rửa sạch nhơ bẩn, pháp thân đầy đủ năm phần, Bát-nhã tròn chiếu viên mãn giải

thoát. Chúng sinh đồng dung hội pháp giới. Hai bài kệ này đều đến trước tòa nói, không được cùng lúc.

Lại, hai thứ nước thơm, nước ấm chỉ được rửa tay, vốn không có việc súc miệng, thường có tự phát xuất lão ngu. Duy na rửa thẻ xong đến trước Thượng tọa đánh tĩnh, xứ lập. Tay trái cầm thẻ, tay phải đánh chùy. Cây chùy cũng phải rửa nước thơm rồi đánh pháp tĩnh như trong Tạp Phẩm. Nên đưa tay đánh một hồi, rồi nói rằng: Đại đức tăng xin lắng nghe, trong chúng ai nhỏ, người nhỏ thu hộ (nói ba lần rồi thu), nghĩa là thu nhiếp các dụng cụ, hộ nghĩa là săn sóc Pháp sư. Có người nói đồng thời cúng dường thu thẻ, (y cứ văn trên đã đủ). Lại đánh một hồi xướng rằng: Đại đức tăng xin lắng nghe, ngoài có đại Sa-môn thanh tịnh, vào ba lần nói. Có chỗ giải thích rằng Đại Sa-môn là Tân-đầu-lô, theo luật thì sợ người không nhóm họp lại lấy, cho nên tác pháp sai. Không hạn cục Thánh Hiền, có chỗ nói: Trước thêm một bạch người chưa thọ giới cụ túc ra.

Luật Tứ Phần chép: Thuyết giới không được vọng đuổi sa-di ra, lấy giới bốn người thuyết giới tự xướng bảo ra. Nếu y theo ba bộ luật như Tăng-kỳ v.v... thì Duy-na ở trước xướng ra, cho nên giới bốn kia nói: Người thuyết giới nói người chưa thọ giới cụ túc đã ra. Nếu tòa cao tụng giới bốn của ngoại tông, Duy Na y vào trước xướng ra, không cần nói đến người không thanh tịnh ra. Vì trong lời nói dặn việc ở trong tựa tòa cao, hoặc tự phát lộ rồi nên thuyết giới. Xướng như thế xong, lại đánh tĩnh rằng: Đại đức tăng xin lắng nghe, chúng nhỏ này đã thu hộ người chưa thọ giới cụ túc đã ra. (tụng giới bốn Tứ Phần không cần nói câu này).

Bên ngoài đại Sa-môn thanh tịnh đã vào, trong ngoài vắng lặng không có các việc nạn, kham có thể hành trì rộng làm bố tát. Tôi Tỳ-kheo... vì tăng hành trì làm việc bố tát, Tăng phải nhất tâm niệm làm bố tát. Nguyên thượng, trung, hạ tọa mỗi người thứ lớp đúng như pháp mà nhận thẻ. Nói ba lần rồi. Đồng thời thọ dặn đưa cho người thẻ, lại đến trước Thượng tọa đưa thẻ, Thượng tọa vén y bày vai phải quỳ chấp tay, chư tăng cùng lúc theo nghi thức Thượng tọa, Thượng tọa nói kệ: Kim cương vô ngại giải thoát, thẻ khó được khó gặp, như nay tôi quả lãnh đội hoan hỷ nhận, tất cả chúng sinh cũng như thế, nói xong hay tay lấy đội lãnh, hoặc có thể thọ rồi đội lên đầu, nói kệ:

Người kia sau khi thu thẻ, đến trước Thượng tọa cũng đồng oai nghi, khi trả thẻ lại nói kệ rằng: Bền chắc hỷ xả không thiếu phạm, tất cả chúng sinh cũng như thế, liền trả thẻ cho người khác, không được trở lại tòa, đội cúng dường xong như thế, dần dần cho đến đại tăng xong. Người thu thẻ đi đến chỗ Thượng tọa đưa. Thượng tọa lấy rồi mới đếm biết. Duy na sau đó đến đánh tĩnh một chùy nói: thứ lớp hành trì sa-di.

Nói ba lần xong, có sa-di đi đến chỗ ngồi làm. Lại dặn người nhân, cho đến trong tăng một lần thông các rằng: Thẻ sa-di, hoặc có đại tăng sắp đến. Như vậy thu rồi, y như trước dặn rồi đến.



Lúc Duy-na lại đến chỗ Thượng tọa quỳ lạy đếm, Thượng tọa nói: Tăng có bao nhiêu sa-di, bao nhiêu đều hợp, bao nhiêu Duy-na, liền đứng dậy đánh tĩnh nói: Đại Đức tăng xin lắng nghe: một trú xứ này một bố tát, đại tăng bao nhiêu, bao nhiêu sa-di, đều phải bao nhiêu người, mỗi người ở trong Phật pháp thanh tịnh, xuất gia hòa hợp bố tát. Trên thuận giáo lý của Phật, giữa báo đáp bốn ân, dưới vì hàm linh mỗi người tụng kệ mâu nhiệm thanh tịnh trong kinh luật. Luật Tăng-kỳ nói: Thanh tịnh như trăng sáng, thanh tịnh được bố tát, nghiệp thân miệng thanh tịnh, ấy mới nên bố tát.

Nếu sa-di thuyết giới chỗ khác, như biệt pháp ở sau:

7/ Nói về thỉnh sư thuyết giới: Phật bảo Thượng tọa thuyết giới, dẫu trước đã sai riêng nhưng đều thuận thỉnh trước, nên đến trước Thượng tọa oai nghi trang nghiêm, chấp tay bạch rằng: xin Đại Đức tăng từ bi vì tăng thuyết giới, nếu người kham nói, việc thuyết giới này chánh đáng ta phải làm, liền xưng: Nếu người không kham thuyết giới này nhờ mỗ giáp, nhưng vì già bệnh lời nói không rõ. Sợ chúng phiền hà, sai thứ tọa thuyết. Liền đên Thượng tọa nói: Thứ tọa cũng từ chối không kham lãnh, Thượng tọa chuẩn bị trước biết có người tụng lan lợi, nên nói Duy-na, đến chỗ mỗ giáp nói: Tăng sai thuyết giới, người kia đến chỗ trước thuật đủ rồi, lại đến chỗ đánh tĩnh bày cáo: nếu Thứ tọa không chịu, không cần phải thứ lớp hỏi xuống, y theo Tăng-kỳ trên, chỉ được Thứ tọa. Người kia nên nói với tăng rằng: Đại đức tăng xin lắng nghe, tăng sai Luật sư... vì tăng mà tụng luật phạm âm, Luật sư... lên tòa cao. Người kia nên sửa sang oai nghi đến trong tăng bốn mặt lễ tăng rồi, quỳ xuống bạch rằng: Tỳ-kheo mỗ giáp cúi đầu kính bạch chúng tăng, Tăng sai Luật sư sợ có nhàm lẫn, mong người đồng tụng chỉ dạy, bạch xong lễ một lễ lên tòa.

8/ Nói rõ pháp cúng dường thuyết giới. Nếu có tòa cao là tốt nhất, nếu không có thì người ở trên tòa Thánh tăng, kéo tòa tăng xuống. Người thuyết giới kia ngồi rồi. Duy-na đã tĩnh người đem nước cúng dường Phạm bá. Nếu y theo văn trong luật, bá nghĩa là vâng theo đúng như pháp, trích trong luật nghi nói như thế, quốc ngữ là uất bính, dịch là chỉ đoạn. Lại nói chỉ là dừng, vì là duyên bên ngoài đã dứt, đã đoạn, lúc ấy tịch tĩnh mặc cho làm pháp sự. Năm ba vị Tỳ-kheo nhỏ kia đem nước thơm đến trước tăng, rưới nước hai bên. Chừa lại chỗ trống để đi, nước thơm và hoa cũng đồng pháp thủy. Rưới khắp rồi, còn ở giữa nên đem nước hoa hòa lại như thường, đều từ một đầu lại đi rải đến hai bên, khi bình hết lại về chỗ cũ, sai người trở lại tòa. Khi rải hoa mỗi mỗi đều nói kệ rằng:

Kinh Hoa Nghiêm nói: Rải hoa trang nghiêm tịnh quang minh, trang nghiêm hoa thật cho là tướng, rải các hoa báu khắp mười phương, cúng dường tất cả các Như lai.

Người cúng dường kia đợi rải hoa xong. Sau đó, lễ ba lễ, lạy hương xong rồi lạy kinh, hướng lên chỗ ngồi của Thượng tọa, quỳ xuống đốt hương trong lò. Duy-na nói: làm hương nói kệ. Cách này sư Đạo An thường có người nhóm tăng

cúng dường riêng. Sau này thấy rườm rà nên sai một người thay làm rộng ra như trong bốn văn.

Mỗi việc đều nói kệ rằng: Kinh Hoa Nghiêm nói: giới hương, định hương, giải thoát hương, đài mây ánh sáng khắp pháp giới, cúng dường vô lượng Phật mười phương, nghe thấy xông khắp chúng vắng lặng.

Duy-na đã tỉnh xong, người cúng dường về lại tòa. Duy-na vẫn ở vị trí của mình.

#### 9/ Nói về cách hỏi đáp

Người kia nên y cứ theo ở trên mà lên tụng, đến người chưa thọ giới cụ túc ra, các sa di theo thứ lớp mà ra, nghi thức như trong phần biệt pháp. Người không đến thuyết dục như trong pháp dục ở trước. Nếu không, duy-na phải quỳ đáp rằng: Không có người thuyết dục. Lại hỏi: Ai sai Tỳ-kheo-ni đến thỉnh giáo giới. Người kia nhận lời ni dặn đứng dậy đến trong Tăng lễ, rồi quỳ xuống chấp tay bạch, cách bạch giống như trong luật Ngũ Phần nói: Đại Đức tăng xin lắng nghe ni chúng chùa... hòa hợp tăng sai Tỳ-kheo-ni... cứ nửa tháng đánh lễ dưới chân Đại đức tăng cầu thỉnh giáo giới cho ni.

Nói ba lần xong, đến trước tăng quỳ thẳng, cúi đầu chấp tay bạch:

Đại đức từ bi có thể giáo thọ Tỳ-kheo-ni không?

Đáp: Tuổi già không có đức, cho đến hai mươi hạ đến đều phải thưa hỏi, không qua hạ tọa vì không có đức, đặc biệt có thể tỏ. Nếu không lại đến trước Thượng tọa nói: hỏi khắp năm và đức, đều từ chối không có khả năng thọ.

Thượng tọa nói: Các Đại đức đâu chỉ kham nhiệm trì, vì tiếc nghiệp mình nên từ chối thỉnh. Nếu ngày mai ni đến thỉnh có được không?

Nên y theo luật Ngũ Phần nói: ở đây không có người giáo giới ni, lại không có người nói pháp hay. Tuy nhiên, Thượng tọa có chỉ dạy ni chúng.

Luật Tăng-kỳ chép: nên siêng năng tinh tấn tu đạo đúng như pháp, cẩn thận chớ buông lung (trên lại trích một, hai văn luật, chỉ dạy thêm vào cho hợp, ngoài ra đều có y cứ rõ không nói ra đầy đủ, đọc văn một bộ này trên dưới mới luyện. Người kia nhận lời dặn lại về tòa mình. Ni hôm sau đến, y lời dạy mà truyền nói: vì nói pháp rộng, thời gian ít, cho nên lược.

Người thuyết giới nói: nay Tăng hòa hợp để làm gì?

Duy-na quỳ xuống đáp: yết-ma thuyết giới, không được nói bỏ tất thuyết giới, để nói thông dụng nêu không rõ đây kia.

Duy na về tòa của mình rồi. Sau đó, yết-ma tác bạch. Không được chưa đến chỗ tòa đã tác bạch. Vì ngồi, đứng khác nhau tức là biệt chúng. Việc này thường có. Thượng tọa không dạy dẫn đến tăng chúng đều phi pháp. Nhưng xử chúng trước đúng sai đều biết. Không được cúi đầu nhắm mắt ấy là không biết cương pháp.

Luật nghi một tông mãi thành thường chuẩn. Cho nên trong Tăng-kỳ nói: Thuyết giới, nói pháp đều có phép của Thượng tọa.

10/ Nói rõ cách thuyết giới xong, nếu đến dạy lược rồi, phải hô chuông sai sa-di nhóm họp. Sau đó, người tụng rõ có thể hộ giới. Nếu thuyết chung rồi, nài làm thần tiên năm thông kệ phạm, sau đó làm tán tụng khắp thế giới, vì sai người thuyết, từ dung đủ oai nghi từ tốn, khen trước tựa thuyết cũng là tụng tựa luật cho là tán từ chối. Người thuyết từ chối nói:

Tỳ-kheo... cung kính dưới chân chúng tăng, kính tạ chúng tăng, tăng sai tụng luật, ba nghiệp bất động, phần nhiều có quên mất, nguyện tăng từ bi chỉ dạy hoàn hỷ. Chúng tăng mỗi người nói kệ tự vui: “Chư Phật ra đời vui bậc nhất, nghe pháp vâng hành an ủi vui, đại chúng hòa hợp vắng lặng vui, chúng sinh lìa khổ an lạc vui”, liền làm lễ rồi giải tán, tự trung có tướng tạp. Nếu người ngoài giới đến thì đi tắt đến chỗ thuyết. Nếu chưa tụng tựa thanh tịnh rồi đến theo thứ lớp mà ngồi, không báo thanh tịnh. Nếu đã nói thanh tịnh, sau đó mới đến, giới sư thấy đến thì phải dừng trụ. Nếu người không trụ, quả trách sai (ở) đợi ngồi. Một người quỳ xuống bạch:

Đại đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... bao nhiêu người đều thanh tịnh, nếu có phạm lỗi, y theo lỗi mà trình bày. Vì bức bách nên thuyết giới, sau đó đúng như pháp mà sám hối, rồi y theo thứ lớp mà thuyết. Nếu Tỳ-kheo ngoài giới hoặc nhiều hoặc đồng, dù thuyết giới xong cũng đều bảo thuyết lại, nếu không thì đúng như pháp mà trị.

Tỳ-ni Mẩu nói: Nếu phạm bảy nhóm, trước người bất tịnh nên đình chỉ không thuyết giới. Văn luật nói: Người phạm không được nghe giới, không được thuyết cho người phạm. Nếu ni ba chùa, năm chùa thỉnh giáo thọ, thì tùy ý nhận. Mỗi việc trước đều trình bày tên chùa tên ni. Sau đó tổng kết thỉnh ý. Nếu trong lúc tụng sợ nhầm, thì nên nói với người gần bên dạy bảo. Không được đại chúng đồng dạy, làm cho việc tăng lộn xộn. Tứ Phần chép: Nếu ngày thuyết giới người không có khả năng tụng, thì nên đúng như pháp bố tát mà hành trì, tác bạch sai một người nói pháp tụng kinh, ngoài ra các giáo giới tụng kinh di giáo cũng được. Nếu người hoàn toàn không hiểu, luật nói: dưới đèn một bài kệ: các điều ác chớ làm, nên làm các điều lành, tự thanh tịnh ý mình, ấy là lời Phật dạy.

Giải thích văn kệ này đầy đủ như trong kinh A-hàm: thực hành như thế rồi chẳng được không nói. Nếu người không hiểu nói cẩn thận chớ buông lung. Rồi giải tán, đều là lời chúc lụy của Đức Phật, rất chí lý, giúp cho chánh pháp tồn tại lâu dài. Mà đời có người ở chùa khinh thường giáo cương này, cho nên trái không thuyết, nhiễm ô tịnh thức, dần dần đối với Đại pháp không có nhận biết. Như vậy xuất gia không có lợi ích. Miệng nói Phật là thầy ta, mà trái lời dạy của thầy, ấy là đệ tử của ngoại đạo. Nếu có phạm tội trọng, không được dự nghe giới, nếu ở trong chùa biệt chúng thì thôi, nếu trải qua sám hối thì không tùy ý. Tăng tàn trở xuống y giáo mà sám hối xong rồi được nghe. Như luật có hiển rõ.

Nếu ở tại chỗ nhớ được, thì bất luận là nghi biết, đối chúng phát lộ. Sở đại chúng náo loạn nên chỉ tâm niệm miệng nói tự trình rằng:

Tôi tên... phạm tội..., vì bức bách thuyết giới, đợi xong sẽ sám hối. Rồi được nghe giới, nếu đối với tôi có nghi, cũng y cứ theo đây trình bày.

Bốn là nói rõ lược thuyết tạp pháp: Luật Tứ Phần chép: nếu có tám nạn:

Vua, giặc, nước, lửa, người bệnh, ác trùng, phi nhân.

Nạn người, Luận Minh Liễu chép: Có người muốn trói buộc Tỳ-kheo. Duyên khác là nếu đại chúng nhóm họp mà giường ghế ít, hoặc chúng phần nhiều bị bệnh, hoặc trên tòa che lấp không khắp. Hoặc trời mưa, nếu bỏ tất nhiều đêm lâu xong (nghĩa là người sám tội trải qua rất lâu).

Hoặc việc đấu tranh, hoặc luận tỳ-đàm Tỳ-ni, hoặc nói pháp đêm đã lâu. Cho tất cả chúng chưa đứng dậy, minh tướng chưa xuất nên được lược thuyết giới. Luật Thập Tụng chép: Đi với bạn, hoặc đứng lại nói rộng, đứng lại một lát lược thuyết, không đứng thì nói ba lời. Ở trước người tại gia không được miệng nói. Tâm nghĩ rằng: hôm nay bố tát thuyết giới. Cho đến chỗ ngủ có sợ quỷ rờng, nạn mạng phạm, đều không được ra nghe. Tâm nghĩ miệng nói: “Hôm nay thuyết giới”. Luật Ngũ Phần chép: quý nhân, ác thú, đất có mọc cỏ, gai góc, hang rắn. Đêm tối đất sinh bùn ngòi không được. Luật Tăng-kỳ nói nếu ép ngắt trời tối gió mưa, già bệnh không thể ngồi lâu, chỗ ở xa đều khai cho lược thuyết. Luật Thập Tụng chép:

Cho thuyết trước các vua, làm cho tâm thanh tịnh. Trừ đại thân, binh sứ sai đi. Khi thuyết giới, giặc đến nên liên tục tụng kinh chớ để dứt. Nếu có chúng chủ một vùng dẫn dắt đồ chúng, thường đến mùa Hạ, mùa Đông y cứ theo trước lược thuyết. Lúc đến giờ tiêu thực nên bảo tăng rằng: Hôm nay thuyết giới, mười phương Hiền Thánh đều vâng theo. Đồng thời nguyện chúng tăng cùng lúc nhóm hội. Phải biết mùa Đông nóng thì phải lược thuyết, chớ theo duyên khác tự sinh nhàm chán.

Luật-tăng-kỳ quyển 3 rộng lập pháp Thượng tọa bố tát.

Luật Ngũ Phần chép: Không nên vì việc nhỏ dặn dò mà trao, nên nói ở chỗ trống.

### ***Thứ hai sẽ nói lược, pháp lược có hai loại:***

1. Lược lấy: nghĩa là lấy các đầu đề tám thiên.
2. Lược bỏ: nghĩa là theo chủng loại của thiên.

Thầy thuyết giới phải lường việc chậm hay nhanh xem thời có nên tiến hành hay không.

Không gấp thì rộng ba mươi, chín mươi lược bỏ các thiên còn lại. Vội thì thuyết tựa, ngoài ra tùy lược bỏ. Trước khi thuyết phương tiện rộng như nói pháp, đến lời tựa xong, hỏi thanh tịnh rồi nên nói. Các Đại đức ! Bốn pháp Ba-la-di tăng

thường nghe, cho đến các Đại đức ! Các pháp chúng học tăng thường nghe, mỗi mỗi đều thông kết. Bảy pháp diệt tránh dưới đúng như pháp nói rộng đến văn cuối. Trong văn Tứ Phần không rõ, chỉ nói ngoài ra tăng thường nghe. Nay y theo luận Tỳ-ni mẫu chép: Nếu nạn duyên xong đến thuyết lời tựa thì nói: ngoài ra tăng thường nghe, nếu không thuyết được tựa thì nói: nay ngày 1 bố tát, mỗi người thân miệng ý thanh tịnh, chớ buông lung, xong rồi thì tùy ý đi.

Trước nói về duyên, thêm bớt y cứ theo một việc, trước có trái lại kết chánh tội. Gần đây, người hành sự nói đã thuyết ba mươi pháp tăng thường nghe, đã nói rồi thuyết, thì đối trước chúng nói dối, đều có thể y theo trước. Lại có lược duyên dùng mà không thuyết đều thông trị tội.

Cho nên phải rõ.

Kể nói rõ một người trở lên biệt pháp. Luật nói: nếu ở một mình đến tăng đường thuyết giới, phải sửa sang chuẩn bị đợi Tỳ-kheo khách đến.

Nếu bốn người trở lên bạch thuyết giới, nếu ba người thì mỗi người sửa sang oai nghi nói với nhau rằng: Hai đại đức nhất tâm niệm, nay ngày 1 tăng thuyết giới. Tôi... thanh tịnh (nói ba lần). Nếu hai người hướng về đây kia nói ba lần như trên. Nếu một người tâm niệm miệng nói: nay ngày 1, tăng thuyết giới. Tôi... thanh tịnh (nói ba lần). Nếu một mình đi đến xóm làng, hoang dã núi rừng không người, cũng nói đồng pháp này, nếu người có tội không nên tịnh pháp. Tội nhỏ trách tâm rồi liền nói: nếu có Đột-cát-la nặng trở lên có nghi có biết, hoặc nói phát lồ, hoặc đợi người. Luật không rõ về đoạn. Nay y cứ giải thích chung rằng: phải phát lồ nói: Hôm nay chúng tăng thuyết giới, tôi phạm tội... không nên thuyết giới bố tát (nói ba lần).

Ngũ Bách Vấn chép: một Tỳ-kheo, trú xứ có giới đến ngày bố tát, trước phải hướng về bốn phương tăng mà sám hối, nói ba lần xong, một mình ngồi tụng rộng giới bốn.

---o0o---

## THIÊN THỨ 11: AN CƯ SÁCH TÁN TU HÀNH

Ở chỗ yên tĩnh suy nghĩ khuôn phép chân chánh về đạo mẫu nhiệm, phải nhờ ngày tìm công sách tán tâm hạnh, tùy duyên gởi chỗ, chỉ chỉ chuộng việc lợi ích. Không cho sa đà, tán loạn đạo nghiệp. Cho nên Luật chế chung ba thời, ý còn y cứ vào đạo, văn y cứ vào tháng hạ, tình ở ba lỗi.

1. Không có việc du hành, ngăn cản xuất gia tu đạo
2. Tồn thương vật mạng, trái lòng từ rất lớn
3. Việc làm đã trái cho nên phỉ báng đời. Vì lỗi này nên dạy hưng khởi ở đây. Nhưng các nghĩa đều quy về một nơi, vì hộ mạng, mỗi thước đất vuông trong hạ đều có trùng, tức kinh Chánh pháp niệm chép: Trong hạ trừ đại tiểu tiện thì đều ngồi thiên. Cho nên biết hộ mạng là quan trọng, Phật đã chế, ắt trái với lời của bậc Thánh, tội do không tỉnh, tự ràng buộc nghiệp mãi mãi trôi lăn trong biển

khô, sự thật như thế, y văn mà cung kính. Trong phần một (không có việc mà du hành) chia làm năm việc:

1. Duyên An cư.
2. Pháp chia phòng.
3. Tác pháp khác nhau.
4. Trong hạ gặp duyên thành không.
5. Năm lợi Ca-đề, giải giới đúng sai.

– Trong phần duyên an cư chia làm ba loại.

1. Chỗ có phải quấy.
2. Khi kết khác nhau.
3. Hạ nhuần kéo dài.

1) Trong phần chỗ có phải quấy. Tứ Phần nói không được ở trên cây, hoặc dưới cây, đứng dậy không ngại đầu, lá cây chỉ che một chỗ ngồi. Như thế cho đến phòng nhỏ, ngồi trong hang núi, hướng về chỗ dễ đầu gối, chân làm chướng ngại nước mưa. Nếu nương theo người chần trâu, người ép dầu, người chặt cây, nương vào xóm làng đều thành. nên bỏ chỗ nên bỏ, trong văn không nói rõ.

Ngũ Phần chép: nương vào những người như trên, nghĩa là trước tác ý ở được y để an cư. Giữa chừng bỗng bỏ đi, tùy tin ưa y thực đầy đủ thì xử đi (không nói mất hạ)

Nếu ở chỗ không có người hộ, giặc cướp, gò mả, chỗ quý thần, hang trùng độc đất trống. Nếu có hai nạn mạng, phạm, đều không thành an cư. Luận Minh Liễu nói có năm thứ để thành an cư.

2) Chỗ có ngăn che

3) Đầu ngày 16 hạ, nghĩa là vì thành ngày tiền hậu an cư.

4) Nếu mặt trời phương Đông đã lên đỏ, nghĩa là đêm ngày 1 hết thì phương Đông mặt trời lên đỏ, là phạm vi ngày 16

Vì phá các nhà số Thập Tụng muốn sai ngày 1 đến giới ngủ.

5) Nếu biệt trụ khởi tâm an cư, số nói. Biệt trụ là giới bố tát, tâm an cư có ba loại: 1/ Tự làm cho mình. 2/ Vì lợi người. 3/ Vì lo liệu cho Tam bảo, sửa sang phòng nhà, một chân đạp giới khởi tâm an cư thì thành. 4/ Ở chỗ không có năm lỗi:

1/ Rất xa xóm làng cầu phải bị nạn

2/ Rất gần thành phố, ngăn ngại việc tu đạo nghiệp

3/ Nhiều muỗi mòng hoặc căn người, người dẫm đạp làm tổn thương mạng chúng

4/ Chẳng thể không nương vào người, người ấy phải đủ năm đức:

Nghĩa là những điều chưa nghe làm cho được nghe, đã nghe rồi làm cho thanh tịnh, có thể giúp cho quyết nghị, có thể giúp cho thông đạt, dứt tà kiến, được chánh kiến.

1) Không có thì chỉ cúng dường cơm nước, thuốc thang. Không có năm lỗi này mới được an cư. Luật Tứ Phần và bộ Ma-đắc-lặc-già giống với luận này.

Luật Thập tụng chép: chỗ núi sâu không có người, chỗ đáng sợ không nên ở.

Luật Ngũ Phần chép: Nếu ở chỗ không người cứu, ắt biết không ngăn ngại cũng khai. Khi muốn an cư trước phải xét lường xem có nạn hay không, nếu chỗ không có nạn thì ở. Trong quyển thứ sáu của Tỳ-ni Mẫu nói rất rõ pháp dùng phương tiện an cư, vẫn không ghi chép, cho đến Thượng tọa an cư đối với tất cả khi tăng nhóm họp, khi ăn cơm, khi ăn cháo, khi uống nước trái cây ép, nên bạch rằng: Chừng ấy thời đã qua, còn dư chừng ấy thời. Nếu người thực hành các pháp hạnh này gọi là cha mẹ của tăng, gọi là thầy của tăng, v.v...

2) Hai thời kết trước sau. Do trong hạ, tổn hại nghĩa hạnh, thường bị chế giễu. Cho nên vẫn nói: Từ nay về sau cho an cư ba tháng hạ, mùa xuân lỗi ít, ắt chẳng có việc không y theo, đồng thì kết tội Đột-cát-la.

Hỏi: Vì sao chỉ kết ba tháng?

Đáp: Vì sinh tử thân hình phải nhờ vào thức ăn. Cho nên kết ba tháng trước, khai ba tháng sau, vì thành việc cúng dường y phục cho thân.

Nếu bốn tháng kết hết thì ngày 16 tháng được thành. Nếu có sai thì không được kết, giáo Pháp rất cấp dùng, khó có tiêu chuẩn nhất định.

Cho nên Như lai thuận theo chúng sinh, mới bắt đầu từ ngày 16 trước đến ngày 16 sau, trong một tháng ấy tiếp tục kết làm cho thành. Trên phân biệt chung về ba thời.

Nay chính hạ cũng có ba thời trước ngày 16 tháng là tiền an cư, ngày 17 trở đi đến ngày 1 tháng gọi là Trung an cư. Ngày 16 tháng gọi là Hậu an cư. Cho nên trong luật có ba loại an cư. Nghĩa là tiền, trung, hậu. Tiền an cư là trước ba tháng. Hậu an cư là sau ba tháng, tuy không nói giữa ba tháng, nhưng trong vẫn nói rõ số ngày trước sau. Trung gian không nói, lý tự rõ. Vẫn kết mỗi mỗi điều khác nhau, như trong pháp. Vì nói rộng về tiền hậu.

Một là thường phát trước sau ngày 16 tháng là trước, ngày 17 về sau kết đều không được năm điều lợi, nên gọi là Phạt.

Hai là phạm tội trước sau, trước ngày 1 tháng gọi là Tiền. Vì có duyên đúng như pháp, không kết không phạm, không duyên mắc Đột-cát-la.

Ngày 16 duyên và không duyên đều kết một tội. Chỉ trừ việc nạn.

Ni đồng với tăng đều phạm. Chỉ có xả đọa là khác.

Ba việc nạn trước sau.

Ngũ Bách Vấn chép: Từ ngày đầu tháng hạ có việc nạn thì không được kết, mà không ra khỏi giới cũ, đến hạ sau đều gọi là tiền tọa. Gọi là ngày 30 an cư, đồng đến ngày 1 tháng 7 nhận tuổi hạ nếu an cư ngày 16 tháng chỉ được một ngày, kết nửa tháng 7, đã có nạn thì tùy theo ngày không nạn mà tự tứ. Ấy gọi là ngày mồng 1 an cư, ngày 30 thọ tuổi hạ.

3) Hạ nhuận kéo dài: Theo an cư nhuận không có chánh văn. So với bộ Tát-bà-đa nói: Trong hạ có nhuận nhận áo tắm mưa được một trăm hai mươi ngày, y kia khai pháp còn nương vào hạ nhuận mà thọ. Hạ là chế giáo, lý phải thông hộ. Lại giới bốn kết an cư tam ba tháng không được ra ngoài. Nay hạ chưa đủ, trong lúc nhuận ra giới tức chẳng phải tương tục mà đủ, ấy gọi là Phá. Nếu không y vào nhuận đủ số chín mươi ngày bèn tự tứ, bộ Ma-đắc-lặc-già chép: an cư đủ thì tự tứ, đã thọ y ca-hy-na, tức y này thành thọ hoặc không thành thọ. Nghĩa là y theo nhuận và không y theo nhuận. Hai văn đều đủ, đến lúc tùy duyên. Đầu hạ tâm phải giữ lấy nhuận không được y theo Già luận.

Nếu trái với trước thì chung cả hai luận hai văn. Vì an cư sách tấn tu hành, ở yên có lợi ích. Thọ nhật ra khỏi giới loạn nghiệp, khai chẳng phải tu chân chánh, hạn cuộc y vào một tháng, không được quá pháp.

Hỏi: năm việc thương lao được nhiếp, tháng tháng 1 nhuận hai tháng sáu phải không?

Đáp: Thập Tụng không khai. Do khai quá pháp, nay y cứ vào tháng nhuận kết tiền không quá ba lệ. Nếu nhuận tháng tháng 6 định ở một trăm hai mươi ngày, nếu nhuận tháng , từ ngày 16 tháng đến mùng 1 tháng nhuận kết, đều ở trong bốn tháng. Nếu sau ngày mùng 2 tháng nhuận kết, dần dần chuyển ít vì vượt quá tháng nhuận lấy ngày 1 tháng thật hạ thành chánh kết. Nếu sau ngày 1 tháng kết đều ở 3 tháng, vì đủ số chín mươi ngày. Nếu nhuận tháng 7, từ ngày 16 tháng , sau đó ngày 1 tháng kết đều ở 3 tháng. Do chưa đến nhuận, ngày 2 tháng sau đó kết. Đều ở bốn tháng. Do chín mươi ngày chưa đủ vào tháng nhuận không thành số. Ngoài ra như số sao.

Nói rõ pháp chia phòng, đồ nằm. Luật Tứ Phần chép: Vì khách tăng nhận được phòng không tốt nên chê bai. Phật bảo khách tăng muốn an cư tự đến xem phòng xá, đồ nằm rồi, sau đó phân chia, bạch nhị sai một người đủ năm đức như không yêu thương, v.v... biết năm đức có thể chia hay không thể chia rồi, Yết-ma nói: Đại đức tăng xin lắng nghe; nếu tăng phải thời đến tăng bằng lòng cho tăng sai Tỳ-kheo... chia phòng xá, đồ nằm, vị nào bằng lòng tăng sai Tỳ-kheo... chia phòng xá đồ nằm thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng sai Tỳ-kheo... chia phòng xá, đồ nằm xong. Tăng bằng lòng nên im lặng, việc này nên thực hành như thế. Tỳ-kheo kia đắc pháp rồi, đứng dậy lễ dưới chân tăng, bạch rằng: Tất cả tăng mỗi người đem y vật nhóm ở tăng đường, không được để cho trú xứ có vật dư. Tăng chúng cùng một lúc trong phòng mỗi người sẽ nói đủ đến nhóm xong. Người tri sự kia y theo luật đếm



phòng xá, đồ nằm. Cái nào xấu, cái nào tốt, người nào chủ phòng kinh doanh. Trước hỏi người Kinh doanh muốn ở phòng chỗ nào, sau đó mới đếm biết số tầng. Đến trước Thượng tọa bạch rằng: Đại đức Thượng tọa có phòng xá, đồ nằm như thế, tùy ý ưa thích mà lấy. Trước cho Thượng tọa đệ nhất, phòng kế cho đệ nhị, đệ tam. Cho đến hạ tòa nếu có dư thì chia lại, bắt đầu từ Thượng tọa. Lại có dư nữa cũng chia lại như trên. Cho nên phần nhiều khai trụ xứ cho Tỳ-kheo khách. Nếu Tỳ-kheo tội ác đến thì không nên cho. Bây giờ, có phòng hư không nên nhận, Phật bảo tùy khả năng sửa sang.

Hỏi: Thức ăn của tăng trên dưới bình đẳng, phòng xá không phải như vậy, tùy Thượng tọa chọn phải không?

Đáp: Thức ăn có thể bình đẳng một vị, chung cả mười phương. Việc phòng xá, đồ nằm có tốt xấu. Lại gồm tốt đẹp không đồng, vì ngày hạn chẳng gấp, mặc tình ý Thượng tọa chọn.

Hỏi: Nếu vậy thì các vật như lợi dưỡng, v.v... đâu chế ra để người đến tham dự không thấy rồi bỏ thê đi?

Đáp: Đây là phân hiện tiền, có chung một phần, cho nên chế ra người đến tham dự loạn nép thê khuyến họ lấy.

Luật Tăng-kỳ chép: không được cho sa-di phòng. Nếu thầy nói chỉ cho tự tôi vì lo liệu thì được. Nếu phòng nhiều, một người cúng và hai lời, đã không được không nhận. Có câu: không vì thọ dụng mà cho, vì lo việc mà cho, nếu giao phòng vào mùa Xuân, mùa Đông đều chung cho cả hai, nếu Thượng tọa đến theo thứ lớp mà ở, hoặc an cư thôn phòng rồi, Thượng tọa đến không nên cho ở, phải sai ở chỗ khác. Luật Tứ Phần chép: An cư xong khách đến không nên dời. Nếu chia phòng xá không được chia ở chỗ chúng nhóm họp. Nếu có nhà tốt phòng riêng, phải trước hạ viết để biết tên họ, Hạ xong thì xóa tên mà đi.

– Ba là nói về tác pháp khác nhau, có hai:

1. Thuyết giáo đối duyên
2. Dùng phạm vi của pháp

Trong phần thiết giáo đối duyên phân bày bốn loại:

Trước là đối thú, ở đây chung cho các giới. Nay lại già-lam thêm pháp phải đối trước một Tỳ-kheo đủ oai nghi nói: Đại đức nhất tâm niệm! Tôi Tỳ-kheo... nương Tăng già-lam... tiền tam ngoạt hạ an cư. Vì phòng xá hư nên phải sửa sang (nói ba lần).

Luật Ngũ Phần chép: người kia nói rằng: phải biết chớ buông lung.

Đáp: thọ trì.

Nghĩa y vào ai để trì luật, đáp y vào Luật sư...

Nói có nghi phải đi hỏi, nếu nương vào xóm làng thôn ấp... đối trú xứ già-lam trước, tùy danh điệp mà vào. Lo liệu sửa sang, tùy việc ó hoặc không. Không đồng tụ lạc Hoàng đế Tích Ngu.

Hỏi: y vào chùa cho nên lo liệu đủ vật chất.

Đáp: sửa sang phòng tăng dùng chung ba đời. Người trước lo liệu, nay được thọ dụng. Nay lại sửa sang lo liệu để cho tương lai, nếu thiếu, không sửa sang, ba đời không nối tiếp.

Hỏi: trì luật có năm loại, định cần có gì?

Đáp: Tứ Phần nói: mùa Xuân, mùa Đông chế y có bốn loại:

1. Tụng giới đến 30
2. Đến 29
3. Tụng giới bốn Tỳ-kheo
4. Hai bộ giới bốn

– Trong hạ nhiều duyên nên phải khéo thông bát.

Chế y vào đệ ngũ nghĩa là tụng hai bộ luật. Cho nên cần.

Luật Ngũ Phần chép: Có Tỳ-kheo tự không biết luật lại không y vào trì luật an cư. Trong hạ sinh nghi mà không hiểu điều gì, cho đến Phật bảo. Đến chỗ sư trì luật an cư. Nếu phòng xá thiếu cho gần luật sự. Bảy ngày được về lại chỗ, an cư trong đó. Tâm nghĩ xa y vào có nghi đi hỏi. Nếu đã kết trước hạ, gặp duyên rồi phá, thì tùy ngày mà kết thành.

Luật Tứ Phần chép: Tỳ-kheo trong hạ không y vào Luật sư thứ năm phạm ba-dật-đề. Mùa Xuân, Đông không y vào Đột-cát-la.

Trong pháp an cư, luật có tên là Vô pháp. Trong đời thông dụng pháp hậu an cư, nhưng luật bày ra chia rõ ba thời, ba danh hiển riêng (chuẩn như lượng chế bát). Nghĩa là ba pháp chẳng thể không, đã nói rõ tiền, hậu, thì trung gian y cứ theo đây (như về chế lượng bát không nhất định, Trung gian không hiển bày mà biết). Nên nói: Tôi Tỳ-kheo... y chỗ nào đó trung ba tháng hạ an cư (nói 3 lần) là dùng cách cũ, lý cũng nên thành.

Hậu an cư vào ngày 16 tháng , đồng pháp đối trước, chỉ đối trước đặt sau một chữ.

– Nói rõ tâm niệm: Trong luật không có chỗ y vào người bạch, Phật bảo tâm niệm nên oai nghi trang nghiêm đến trước linh miếu phát nguyện xin an ổn tu đạo, tâm niệm miệng nói: Con tên... y vào phòng tăng... tiền tam nguyệt hạ an cư, sửa sang lo liệu phòng xá hư (nói ba lần).

Trú xứ có nhiều loại, y theo đối thú ở trước. Nếu trung, hoặc hậu cũng tùy theo hai trường hợp.

Ba là nói rõ vọng thành, nghĩa là trước mong muốn giới này, nay từ ngoài đến phải tương ứng với tâm cảnh. Tuy vọng khai thành, luật nói: vọng không có tâm niệm nếu vì an cư mà đến thì thanh an cư. Nên biết người ở không xếp vào khai lệ. Vì vốn vô tâm nên nếu có cần, thì lý phải thông hạn cục. Ngoài đến vì việc, không vì tu an cư, tuy vọng không khai, lấy trái làm an cho nên đến.

Bốn là nói về đến giới và vườn, một chân vào trong, minh tướng xuất hiện, Phật khai là an, đến thì thành, ngoài ra rộng như trong số. Nói rõ phạm vi của pháp, bốn pháp an cư trên y cứ theo thời thông cho ba vị, y cứ theo sứ thông cả hai giới, y cứ theo người thông cho năm chúng.

Luật Thập Tụng chép: Phật cùng năm chúng an cư, cho đến sa-di-ni, Tứ Phần cũng vậy.

Y cứ theo pháp: Đối thủ tâm niệm đầu đuôi ba mươi một ngày kết. Có nhuần thì sáu mươi một ngày, vọng thành đến giới người nói: Tuy được hai ngày tiền hậu, Trung gian hai mươi chín ngày, không được dùng. Vì pháp một, hai dễ dự mà làm.

Ngày đầu tháng kết, ngày 2 sau khai. Vì sợ mất tiền hậu cho nên hạn cục một ngày. Ngày Trung gian đã không đến trước đâu sợ mất sau. Cho nên không khai.

Lại nói: Chỉ ở một ngày sau hạ, vì Phật khai thành có ích. Nếu không kết, thì một hạ liền mất, ngoài ra tùy ý tác pháp. Vì thời dễ dự, đều chẳng phải lời bậc Thánh, lấy ý sử dùng.

Trong hạ gặp duyên có mất hay không, trước nói rõ có nạn đời hạ, sau thọ nhật gặp nạn

Trong phân đời hạ, Tứ Phần nói có hai nạn.

1. Người phạm hạnh bốn thời người đàn bà, con gái, dâm nữ huỳnh môn phục tàng, đều do người đến dụ Tỳ-kheo, sợ vì tịnh hạnh nên giữ nạn.

2. Quỷ thần, ác tặc, rắn độc, thú dữ không được như ý ăn uống thuốc thang và tùy ý sai người. Tội nếu ở đây thì mạng ta làm lưu nạn. Phật bảo cho đi, y cứ theo đây kết thành. Trước ngày đi phải tìm chỗ an thân. Nếu chưa được mà đến thì tuy qua đêm cũng không phá hạ. Vì chẳng phải tâm khinh? Trái lại không tìm thì phá an cư. Nếu được chỗ ở pháp hạ tùy thân cũng chẳng được không có duyên mà ra khỏi giới, tức là phá hạ. Kết thành sau đó bỏ bốn giới không có nạn, cũng không được đến lại. Vì đã kết hạ thành rồi. Phải có duyên và pháp.

Luật Ngũ Phần chép: Ăn không đủ cha mẹ thân thích khổ vui v.v... Nếu ở sợ mất ý đạo, cho phá an cư. Luật Thập Tụng, Luật Thiện Kiến nói: nếu trong lúc an cư có duyên, dời đi chỗ khác thì không có tội, không nói được hạ. Tứ Phần cũng vậy. Luận Minh Liễu nói: Trong hạ có tám nạn mà bỏ đi thì không phạm, số nói: tám nạn là thân tình và tri thức, v.v... dụ dễ bỏ đạo hoặc làm ác. Phạm hạnh là: Cho đến trụ xứ dễ đi lại, sợ phạm tội trọng, không nói được hạ. Đều nói

được đi. Bộ Ma-di nói: dời hạ không phá an cư. Trong phần pháp y của Luật Tứ Phần nói hai chỗ an cư, hai chỗ tùy một nửa thọ y. Luật Thập tụng, Tăng-kỳ nói hai mạng phạm, nạn dời hạ hai chỗ an cư, cho đến chỗ tự tứ lấy y. người phá an cư không được phần y, y cứ theo đây không có hạ không thành 10 thọ y, có thọ lễ ra phải được hạ.

Hỏi: Gặp duyên ra ngoài giới, quên không thọ nhật, ngủ qua đêm có phá hạ không?

Đáp: Các bộ đều không có nói. Ngũ Bách Vấn chép: Trong hạ quên không thọ bảy ngày ra khỏi giới mà đi, nhớ lại liền sám hối thì được.

Trong lúc ngồi không được sám hối quá ba lần. Sám hối quá ba lần thì không thành tuổi. (Hối nghĩa là nếu nhớ lại sám hối, tâm vốn đã quên liền trở lại giới).

Hỏi: Do đó việc nên ra khỏi giới, lục địa đường trợ ngại, v.v... không được trở lại giới có mất tuổi không?

Đáp: Luật không có nói. Xưa các Luật sư như Cao Tề, Thập Thống đều cho phép, đều nói được hạ.

Hỏi: Ngủ ngoài giới mặt trời sắp mọc, có được hạ không?

Đáp: Y cứ theo phần giới y trong luật Tăng-kỳ, nếu được thì đầu tay chân, v.v... phải. Ở trong giới. Nếu đứng ngoài thì không được. Nếu nương vào đại giới an cư, giới trường và tiểu giới trường khác, vào lúc mặt trời mọc thì phá hạ. Nếu nương vào già-lam ngoài đại giới đi thông hai giới này kia thì không mất. (nghĩa là kiết hạ ở trước, kiết giới ở sau, nếu y vào già-lam trong đại giới ra khỏi cửa liền phá hạ. Tiểu giới cũng vậy. Nếu căn bản nương chung đại giới, không biết hai giới khác nhau, hễ chỗ nào mình đi thì không mất, đều gọi là trái với bốn tâm. Bày ra hai nghĩa mất, nếu chậm y vào pháp giới, y vào chỗ phóng mà ki vượt được phạm vi của giới. Luật Tứ Phần nói: Nếu tiền hậu an cư thân có hai nạn, nên nói đàn việt tìm chỗ dời đi. Nếu cho hay không cho đều phải tự đi, phá tăng và luật tăng khai đi. Việc dời đi nếu cho, hay không cho đều nên tự đi, phá tăng và luật tăng thì khai đi. Vì việc ít nên không ra.

– Nói rõ có duyên đặc Pháp không đến. Luật Tứ Phần nói thọ bảy ngày ra khỏi giới vì cha mẹ, anh em, chị em vốn cả hai tư thông, v.v... đến ý giữ lại, qua ngày không tính tuổi. Nếu gặp các nạn. Đường cản trở, giặc có cọp sói, v.v... đồng như trước thì được thành. y cứ theo nạn này tính liền trở về lại giới, do đó liền đình chỉ phá hạ. Luật Tăng-kỳ nói: trong hạ thọ nhật hòa tăng, đi đường không xa, thẳng đường mà đi. Đến trong kia trước hòa xong, sau đó trở lại. Nếu ở lại, theo pháp tức là phá hạ.

Nói rõ pháp ca-đê-lợi, vì nói rõ pháp kiết giới, trong phần đầu nếu kiết ngày 16 tháng đến đêm 1 tháng 7 thì tất cả xong gọi là hạ xong. Đến lúc mặt trời mọc, sau ngày 16 đến ngày 1 tháng 8 gọi là tháng Ca-đê. Luận Minh Liễu nói: giới bốn nói ca-hy-na, vì lược nên chỉ nói Ca-đê, Hán dịch là công đức (vì Tọa hạ có công, năm lợi thưởng đức), rộng ra như trong thập hậu tự tứ. Kế nói rõ pháp giải

giới trong hạ. Người giải có người nói phá hạ. (Vì Phật bảo hạ xong giải kiết. Đây vọng dẫn lời bậc Thánh. Luật nói an cư xong nên giải giới, kiết giới, vì các giới đồng thọ y công đức. Mỗi mỗi xả thông, kết đồng thọ, cùng giải kết riêng. Văn rộng ra như trong Luật Thập Tụng. Lại trong sớ cũng nói rõ vốn chẳng phải là hạ có tiền được không? Người xưa nói: An cư không xong giải giới là phá hạ, cũng có thể an cư không xong tự tứ là phá hạ. Văn gồm, hai căn cả hai thông nhau. Nếu trong hạ giải giới, nay nói không ngại. Nhưng kết hạ tình hạn khác nhau cho nên phải phân biệt. Nếu vốn y vào đại giới an cư, sau giải đại giới. Không nạn y theo bốn xứ, có nạn y theo Tăng-kỳ mà khai. Nếu bốn y vào tự nhiên, sau kết tác pháp. Nếu chặt thì y vào bốn, nếu rộng thì đồng hai duyên trước. Hai là nói rõ pháp thọ nhất. Trong hạ có duyên có cho thọ nhất phải y theo lời Thánh, y vào pháp thọ thêm, vọng tự cuồng tâm thọ mà phá hạ, làm hư tổn lòng tín thì thật đáng thương, cho nên chỉ dạy. Tự trung chia làm ba loại:

1. Tâm niệm
2. Đối thú
3. Chúng pháp.

– Tông chia làm ba loại sự khác nhau

1. Chọn lựa chung.
2. Duyên đúng sai.
3. Y theo địa vị mà hiểu

– Trong phần đầu có ba loại thọ nhất, có bốn loại khác nhau.

1/ Đối với người khác nhau: bảy ngày chẳng phải tăng, riêng thành người bên cạnh, nửa tháng, một tháng chẳng phải pháp phân riêng, chỉ có tăng được thành, nếu đều không được, Luật Thập Tụng hỏi:

Thọ bảy ngày chỗ nào?

Đáp: Phật nói trong giới.

Thọ với ai?

Thọ với năm chúng.

2/ Đối với giới: bảy ngày chung hai giới, Yết-ma hạn cục tác pháp có thể biết.

3/ Trước sau. Nếu dùng yết ma thọ sau lại thọ bảy ngày thì được thành, tùy duyên ngắn dài. Không đồng pháp xưa chỉ bảy ngày trước, 12 sau đó mới yết-ma.

Hỏi: Trước được yết ma sau tùy duyên bảy ngày. Vì sao yết-ma nói thọ quá bảy ngày?

Đáp: Lời này sai. Nói yết-ma là gia pháp nhà quá bảy ngày, chẳng phải nói dùng bảy ngày xong mà nói quá.

1/ Thuộc về Minh Tướng. Nếu thọ bảy ngày dùng xong, yết-ma thọ tùy được. Nếu bảy ngày chưa dùng, hoặc chưa hết, lại có duyên khác, hoặc là duyên quá bảy ngày, lại thọ nửa tháng cách trước liền tạ, vì pháp yết-ma cưỡng nhiếp không được một thân hai pháp nối tiếp nhau.

Luật nói: không kịp bảy ngày trở lại cho thọ mười lăm ngày. Nay pháp bảy ngày ở nơi mình, ắt có duyên khác. Nên biết pháp trước hoại. Nếu trước yết-ma thọ nhật, thì phải dùng hết mới được thọ bảy ngày. Gần đây phần nhiều có vậy. Nghĩa là thọ một tháng không đủ, lại xin bảy ngày thêm đủ ba mươi bảy ngày dùng, thật không thể được.

2) Đối với duyên có tiền không? Phạm duyên thọ nhật cốt yếu là Tam bảo thỉnh kêu gọi người sinh thiết dứt ác cho đến, nếu thỉnh gọi là lợi Tam bảo, phi pháp có nạn phá giới. Tuy thọ không thành. Vọng đến là hạ, tính là đủ năm đủ đức. Xướng thọ lợi dưỡng, tùy theo có kết tội.

Luật Thiện Kiến nói:

Tự kéo dài hạ của mình để thọ trì thì phạm tội trọng

Nếu vì mình y bát, thuốc men như pháp sẽ thành

Nếu vì mưu sinh tìm lợi, mua bán sinh sống, nuôi trâu nuôi bò, v.v... dù là Tam bảo đều phá hạ mắc tội.

Ngũ Bách Vấn hỏi: mưu sinh, phá giới được tiền của, xây dựng Phật có được phước không?

Đáp: Địa ngục còn không tránh khỏi, huống gì được phước. Tát-bà-đa chép: Mưu sinh tạo Phật không nên lễ bái. Rộng ra như văn sau. Đủ duyên thì chia làm năm loại:

1. Duyên cảnh giới Tam bảo. Trong Tăng-kỳ nói vì việc tháp, trong Tứ Phần nói là việc Phật pháp tăng, Ngũ Phần cũng vậy. Y cứ theo đây, nếu là duyên các chỗ chùa lớn thì khai. Nếu mình nhận lời người khác thuê mà họa tạo tượng, viết kinh và tự buôn bán tượng Phật, hoặc là người tục. Dù là nhà tăng việc Phật, xin cầu phi pháp, đều là tà mạng, phá giới, không thành, phạm tội.

2. Đạo tục bệnh hoạn sinh thiện diệt ác, vì lợi ích người mà không vì lợi. Trong Tứ Phần cho thọ giới, bố tát sám hối, v.v...

Thập Tụng hỏi: Vì ai thọ 7 đêm?

Phật nói bảy chúng tạo phước, thiết cúng sám hối, thọ giới pháp hỏi, nghi thỉnh bị bệnh gặp nạn. Đáp phải làm cho trước thấy, rồi sinh thiện diệt ác nên đi. Nếu sai hay không sai đều được thọ. Nếu giữa đường nghe tin chết, trái với giới tám nạn sinh khởi không nên đi.

3. Cha mẹ, đại thân tin ưa hay không tin ưa đều cho.

Văn luật như thế. Ngoài ra người phạm tục sinh phước tin ưa cho đi, không tin không cho, ắt có năng lực phát sinh niềm tin. Nghĩa nên mở đi.

4. Vì cầu y bát cho đến thuốc men: Nếu mình bệnh nặng không có khả năng thọ nhật thì cho đi thẳng, không cần thọ. Như nói trong mạng nạn an cư trên. Thời nay có nhiều người vì thuốc men mà vọng xin thọ nhật, y cứ theo lối biết đủ giới. Phàm ba lần thọ ba lần kiết phạm xả đọa. Nay thì chưa tài vật nhiều ngày đầy đủ mà thiếu ba y, đây mới là xả chế lấy cho. Chưa theo Phật hóa, chưa tài của nhiều mà đồ ngồi thiếu. Y cứ theo trong giới xin y, dù bên ngoài xin vật như thuốc men cũng gọi là tự tham trụ xứ và ngày quay lại chỗ thì không cho. Nếu trái với trên thì được làm, chẳng phải là duyên không thành.

5. Vì hòa tăng hộ pháp: trong luật Tứ Phần nói có đồng giới an cư. Vì ta đấu tranh ngoài giới, tăng ni đấu hành cần có ta, hòa diệt cho đi thẳng. Nhưng tướng hòa diệt khó biết, y cứ theo duyên mà thọ, không tổn thương về lý. Vì luật không có chánh đoạn. Trong năm duyên trên, luật nói: không nên chuyên vì ăn uống, trừ nhân duyên khác. Y bát, thuốc men thì được. Nay trong hạ có nhiều người vì xin lúa gạo vọng nói là y bát. Dù xin luật kết là chánh tội, hoặc do khúc mạng biệt tình, sai người xin đều không thành. Trong luật nói các điều thỉnh, đều là sai người có niềm tin thỉnh riêng. Nếu cha mẹ người khác, đồng trong Thập Tụng, vì chẳng phải lợi cho mình.

6. Đối sự ly hợp chỉ làm cho duyên trước, là ứng pháp, tùy bao nhiêu được hợp thọ nhật. Như sám hối Tăng tàn nhiều tội đồng pháp, thì trong văn nói đủ. Nên nói nay thỉnh pháp bảy ngày ra ngoài giới vì đàn việt thỉnh lại vì Phật sự, tăng sự, trở về lại an cư ở đây.

7. Huyền thọ. Nếu việc làm duyên hiện việc điệp thì làm, thọ ắt không thật sự, hư cấu thành duyên, nhờ vào lời xưa, giống như chưa thật liền xin pháp. Không thành phạm tội. Do việc hư cấu, hạn cục lạm dụng số ngày vọng bày pháp, vì không truyền trao nhau.

8. Dùng lẫn qua lại. Nghĩa là vì Phật mà thọ bảy ngày, đã dùng ba ngày lại có pháp sự, nên thông dùng cái khác thì không được, chắc chắn phải có bốn duyên, đâu có lỗi dùng chung.

Trong luật Thập Tụng, bạch còn lại ban đêm. Nghĩa là đồng một việc chưa rõ đêm tàn bạch dùng, chẳng gọi là việc khác. Nếu vốn đều nhân việc Tam bảo thì nhận. Tùy theo việc dùng đều được. Vì đều có pháp. Nếu việc Tam bảo sau đó sinh không phải duyên trước, Tam bảo và tạp duyên khác không khai. Vì vô tâm mà thọ, cho đến vì bày vật để thí. Sau khi thọ nhật, thọ thí xong, giữ người thọ giới lại cũng không nên ở. Vì không có phép nếu một nhà duyên chung, y theo tâm cho nên được.

Hỏi: Tăng trong giới này vì người bệnh, Tam bảo chỗ khác mà thọ nhật được không?

Đáp: Vì sinh thiện thì được

Hỏi: Tăng thứ lớp thỉnh được thọ nhật hay không?

Đáp: Luật chế hai lần thỉnh cũng được thọ chung.

Hỏi: Được thọ mà người khác xả thỉnh, có thọ nhật không?

Đáp: Tăng thứ lớp nên được, thỉnh riêng không được, vì chẳng phải tâm ban đầu của thí chủ.

9. Thọ lại, xưa giải thích trong một hạ khai ba pháp, sai đây không thành.

Nay nói: Được nhiều có trung cầu, như số thuật, nhưng sự duyên đúng như pháp, bất luận bao nhiêu tất cả thông khai, nhất định là duyên phạm giới, một lần thọ không được, cho nên luật bày ra hơn hai mươi duyên.

Chỉ nói Phật chưa cho tôi bỏ việc như thế. Không nói không được lại đi. Lại y cứ làm việc. Ưa thích cha mẹ thì có bốn trọng, huống gì tạp thỉnh khác, liền bị hạn cục, Ngũ Phần chép: Nếu có thỉnh hay không thỉnh cũng phải ra ngoài giới. Tất cả cho thọ bảy ngày. Trong Thập Tụng nêu nhiều duyên bảy đêm. Văn nói: Nếu vì thân mình, hoặc vì thân người, hoặc không sai sử, hoặc sai sử thì nên đi. Cho mười bảy đêm, không cho hai mươi bảy đêm, nghĩa là một lúc hai điệp, hai mươi bảy ngày lần lượt trọng dùng. Nhưng kia có văn không thỉnh rộng ở Tứ Phần thọ lại không khai, văn không rõ, lý phải thông rõ.

Ngũ Bách Văn chép: Thọ sáu ngày đi không đủ, bảy ngày trở về giới mình, sau đó lại đi, không cần thọ lại, đủ bảy ngày rồi mới thọ lại.

Trong Luận Minh Liễu nói được thọ, số giải nói. Trước xin bảy ngày việc xong về lại trong giới, ngày thứ tám lại xin bảy ngày ra khỏi giới mà ngủ. Luận này do Tam Tạng Chân Đế dịch, Trung quốc đích thân thừa nhận việc này. Thà được tự cầm một góc nhỏ, thấy thông bát ba ngàn Phật hóa?

Tôi đích thân thấy nghe người Trung quốc dịch ba tạng kinh và người Trung quốc đến nói: Phật diệt độ không có pháp trong một hạ ba lần thọ nhật, tùy việc như pháp đều khai. Ngoài ra rộng như trong số sao.

10. Y cứ theo sự ngắn dài. Dù làm việc trước chỉ một ngày hai ngày đều phải cần pháp bảy ngày. Luật nói: không kịp thì một ngày trở về cho thọ bảy ngày rồi đi. Ở một ngày cuối hạ. Cũng tác pháp bảy ngày, lập pháp định rõ, tác pháp nên như vậy. Nếu gần được trở về, do duyên qua đêm cũng phải thọ nhật.

11. Tăng ni khác nhau, trong luật Tứ Phần nói ni khai thọ bảy ngày không nói nhiều. Tăng-kỳ nói ni không có pháp yết-ma thọ nhật. Nếu việc tháp, việc tăng du hành thì thọ bảy ngày mà đi.

Gần đây, có người lạm đồng pháp tăng. Nhưng làm cho duyên đến ba pháp thọ nhật. Trong luật Tứ Phần không có văn, Tăng-kỳ đoán rõ đủ là chỉ về, không nhọc giải riêng. Cho nên khác nhau. Ni là người nữ yếu đuối không thể đi nhiều. Ngoại đạo thế tục hóa độ nghĩa sinh thiện rất ít. Nhưng khai bảy ngày cũng giúp duyên khác.

Tám việc xong, không đến có thành công. Do điệp duyên tạ, pháp cũng không thi hành thí mất pháp, tức phải trở lại giới. Không trở lại giới thì phá hạ. Luận



Minh Liễu chép: Xin bảy ngày ra khỏi giới, rồi việc xong không trở lại, phá an cư phạm tội nhỏ. Luật Thập Tụng văn rõ không cho ở.

Ý của luật Tăng-kỳ cũng đồng.

Chánh gia pháp

### 1. Nói rõ pháp tâm niệm.

Luật Thập Tụng nói có năm loại người: là ở một mình tâm niệm thọ nhật, nếu trong giới có người chịu đến mà không đợi, thì tâm niệm không thành. Nếu đợi không được giới. Lại không có người đủ oai nghi thì tâm khởi miệng nói: tôi là Tỳ-kheo... này thọ pháp bảy ngày ra ngoài giới vì việc này, cho nên trở lại đây an cư (nói ba lần). Đây gọi là không có Tỳ-kheo khai tâm niệm. Nếu có sa-di thì tác niệm nói xong lấy duyên sự, nay xin ra khỏi giới bảy ngày, nếu xong thì trở lại. Ông biết điều đó.

Luật Thập Tụng chép: lại năm chúng thọ nhật, bên năm chúng thọ. Y cứ theo đây phải là chúng cùng nhau làm, không thì nói như trước, Sa-di ấy thọ nhật như pháp riêng ở dưới.

2. Đối thú thọ pháp, oai nghi phải nghiêm trang, đối một Tỳ-kheo nói: Đại đức nhất tâm niệm, tôi Tỳ-kheo... nay thọ pháp bảy ngày ra ngoài giới, vì việc..., trở về lại đây an cư (nói ba lần). Nhưng hai pháp tâm niệm và đối thủ các hộ có văn, chỉ khai thọ pháp. Tương truyền y cứ theo văn bạch yết-ma. Tuy chẳng phải nghĩa của lời Phật nói nhưng y cứ không mất. Nếu thọ bảy ngày mà chưa dùng, qua bảy ngày dùng cũng được, vì bốn duyên còn. Nếu không có pháp tạ, không đồng thuốc bảy ngày kia đã hạn đủ, bệnh chuyển cho nên mất. Nếu bệnh ấy còn thì pháp còn. Đáp: do Phật chế định, như luận nói: uống bảy ngày bệnh còn được tiêu.

Hỏi: Ở đây xin bảy ngày có được tính đêm không?

Đáp: Không được, vì văn nói đến ngày thứ bảy phải về, không đồng với Thập Tụng. Vì trong văn kia thọ bảy đêm. Lại không được sửa nói bảy đêm, vì bộ khác nhau không đồng, cũng không được bình Tứ Phần yết-ma. Dùng việc Tăng-kỳ xong. Đây đủ như trong pháp biệt hành của các bộ.

3. Nói rõ các pháp: Duyên làm đồng với trước dùng chung, như làm xong việc là duyên nửa tháng, một tháng mới hợp với yết-ma, không đồng với người còn đêm, do không đồng thọ thêm bảy ngày, duyên sự quan trọng nhất định phải báo. Lý không đình chỉ bèn dẫn bảy ngày để kéo dài. Dùng một tháng yết-ma. Đây tự làm nhiễm ô tâm, giáo có trị phạt. Ngoài ra đồng với việc dịch trước. Nay trong gia pháp có bốn loại khác nhau.

Văn yết-ma hai nhà ít thấy. Thứ ba là việc soạn yết ma của Quang Sư tăng thêm phần từ xin, cả thế gian đồng thực hành. Việc phải lược thuật. Nay học chánh tông phải y vào luật bốn, e rằng bên trong khát từ tăng thêm phần yết-ma.

Luật nói: Như bạch yết ma tác pháp. Nay đã không giống, nên biết chẳng phải giáo. Lại các bộ đều không có văn xin, không được y theo chấp trước, chỉ nên theo cương thuận giáo mà tụng.

Hỏi: Dùng yết ma cũ thọ nhật có được hạ không?

Đáp: Lẽ ra thành tuổi, tuy tăng thêm khát từ mà yết-ma, Thái Tông không có lỗi. Thứ tư là người y luật làm ra văn nói: Đại đức tăng xin lắng nghe, nếu tăng phải thời đến, tăng bằng lo cho Tỳ-kheo... thọ pháp quá bảy ngày, mười lăm ngày ra ngoài giới, vì việc... xong trở lại đây an cư.

Trưởng lão nào bằng lòng chấp nhận Tỳ-kheo tên... thọ pháp quá bảy ngày, mười lăm ngày ra khỏi giới, vì việc..., xong trở lại đây an cư thì im lặng, ai không bằng lòng thì nói. Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo tên... thọ pháp quá bảy ngày, mười lăm ngày ra khỏi giới, vì việc..., xong sẽ trở lại đây an cư rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc nên hành trì như thế. Pháp ngày một tháng y cứ theo trước, không được song tụng ngày 1.

4. Các tướng lựa chọn: nếu trong hạ nóng mà nhiều người thọ nhật, người đồng duyên thọ hai, ba người nên yết-ma cùng một lúc. Luật Thập tụng khai cho. Nếu nương vào đại giới an cư, giới trường va trong tiểu giới khác thì không thành thọ nhật, vì chẳng phải là chỗ quan trọng của tâm. Nếu trước không có đại giới y vào già-lam kết, nếu sau kết hai giới, tùy theo giới thọ nhật đều thành, vì chẳng phải là chỗ đất quan trọng, dù vào giới trường không phá hạ mà lìa y, nếu vốn kết đại giới, tiểu giới ở già-lam lại y vào già-lam mà ngồi. Do Phật chế giới của y, nếu có thì không thành, thọ nhật không được. Chỉ được thâm lấy giới tướng, ngoài ra rộng như trong số, trên đây là nghĩa quyết, chẳng phải văn có.

---o0o---

## THIÊN THỨ 12: TÔNG YẾU TỰ TỨ

Chín tuần tu học (1 tuần 10 ngày) siêng năng tu đạo, trau dồi thân tâm. Nhiều người mê muội không tự thấy lỗi mình. Lý phải nên nhờ vào chúng tăng thanh tịnh chỉ dạy. Dù mình có tội, lúc tự tứ tăng nêu lỗi, bên trong rõ ràng không ẩn riêng, bên ngoài hiển bày có dấu vết.

Thân miệng ý nhờ vào người khác, nên gọi là Tự tứ.

Bởi vậy, bộ Ma-đắc-lặc-già nói: Vì sao làm tự tứ?

Vì làm cho các Tỳ-kheo không cô độc, mỗi người nhớ lỗi phát lồ sám hối tội lỗi. Vì hết lời điều phục làm cho thanh tịnh, vì tự ý mình ưa thích không có tội, cho nên chế ra ở cuối hạ. Nếu nói ở đầu hạ sáng chế nhóm họp, sẽ đồng với khoản lập yếu chín tuần, đồng tu xuất ly. Nếu nghịch tướng cử phát, sợ thành oán thù tranh chấp, lần lượt đua nhau phé đạo loạn nghiệp, cho nên chế ra hạ. Cuối hạ, vì ba tháng sách tiến tu hành, đồng trụ tiến nghiệp, nhưng nói mỗi nơi riêng biệt tùy phương đến, ắt có nghiệp ác tự không thể một mình tuyên, lỗi chướng đạo sâu, nghĩa không che lấp. Cho nên phải thỉnh chỉ dạy, vì có việc

này. Cho nên luật cho an cư xong tỳ tứ. Tỳ-ni Mẫu chép: trong chín mươi ngày kiên trì giới luật và tu các điều lành đều không hủy mất hạnh trong sạch. Cho nên an cư xong tỳ tứ.

Đây là tỳ nói tha hồ cho người khác nêu tội, chẳng phải cho tỳ tứ là ác. Đây Tuy hiển bày có người không biết lạm dùng, tỳ trung chia làm ba.

1. Nói rõ tương ưng duyên nhóm họp.
2. Phương pháp tỳ tứ
3. Nói về các hạnh.

– Trong phần duyên nhóm họp lại chia làm hai

1. Nói về thời tiết: Nghĩa là có tháng nhuận, y vào nhuận an cư, ngày 1 tháng 7 tỳ tứ, không y theo tháng nhuận, theo Ma-đắc-lặc-già đủ chín mươi ngày thì tỳ tứ. Nếu tháng bảy nhuận thì tỳ tứ tháng 7 trước, chẳng phải an cư hạ trước, qua nhuận rồi đủ số chín mươi ngày thì tỳ tứ.

2. Nhân tranh luận thêm bớt tỳ tứ, như trong giới nói:

Tu đạo an vui kéo dài ngày tỳ tứ, được đến ngày 1 tháng 8. nhưng trong luật chỉ nói ngày 1, ngày 1 tỳ tứ. Cho đến trong phần y cấp thí phần thứ lớp thêm ngày 16 tỳ tứ. Trong phần thêm ba ngày trong ba tỳ tứ.

Luật nói: An cư xong tỳ tứ thì ngày 16 tháng 7 là cố định.

Luật lại nói: Tăng tỳ tứ ngày 1, ni tỳ tứ ngày 1, đây gọi là nương nhau hỏi tội. Cho nên chế ra ngày khác, và luận tác pháp ngày 3 thông dụng, khắc định nhất kỳ, nhất định ngày 16.

Nếu có nạn, như trong Ngũ Bách Vấn chép:

1/ Tháng tỳ tứ. 2/ Nói về ứng theo người đúng sai. Nếu người phá hạ không an cư, tuy không được tuổi hạ, còn cử tội nghĩa thông với lý nhất định, nương theo chúng tăng tỳ tứ, trị cử.

Luật Tứ Phần chép: Nếu người hậu an cư, theo người tiền an cư tỳ tứ trụ trì đủ ngày.

1/ Về phương pháp tỳ tứ, chia làm ba, tức ba người đến năm người trở lên, chia làm bốn:

1. Nói rõ duyên khởi tăng nhóm họp.
2. Tỳ tứ năm đức có tiến không
3. Ni đến thỉnh tội
4. Lược qua các việc

Trong phần duyên khởi tăng nhóm họp phải có từ năm vị tăng trở lên được bạch sai tỳ tứ. Phải hô chuông nhóm tăng. Mỗi người trải chiếu ngồi dưới đất, để

cùng nhau cử tội. Vì ở trên giường tướng kiêu mạn không dứt. Luật nói: Không được ở trên tòa, không được ngồi dưới đất, phải lìa tòa tự tứ.

Luật Ngũ Phần chép: Đất bùn trải tòa cỏ mà tự tứ. Lại vén y bày vai phải, gối phải sát đất chấp tay. Trước dùng nước thơm rửa thể xương số các lệnh đại đồng thuyết giới. Chỉ sửa đổi từ thuyết giới thành tự tứ. Cho đến sa-di cung phải nhóm họp ở tầng đường để đồng nghĩa với cử trị. Đợi xương xong rồi mới bắt đầu được đi.

Cách tự tứ chỗ khác như biệt pháp có nói:

2/ Nói về năm đức có tiến không, chia làm hai:

1. Pháp sáu người trở lên
2. Pháp năm người

– Trong phần pháp sáu người trở lên lại chia làm bốn:

1. Chọn người đúng sai
2. Sai pháp chánh thức
3. Hành sự năm đức
4. Nghi thức đối tòa nói

1) Trong phần chọn người đúng sai, Luật Tứ Phần lấy đủ hai hoặc năm người nghĩa là không có thương ghét, sợ si, biết tự tứ, không tự tứ, đây gọi là năm đức tự tứ. Văn luật lại sai biết thời, không vì phi thời. Như thật không vì luống dối, lợi ích không tổn giảm, nhu nhuyến không thô bạo, từ tâm không tức giận. Đây gọi là năm đức cử tội. Mục đích làm cho hòa hợp, không tranh cãi có tội, không sai lầm.

Muốn làm cho ở trước người sám hối thanh tịnh đức tốt bên ngoài sáng sủa. Cho nên có thể khuyên dụ lìa phiền não. Vì muốn xin vật cho vui không muốn phi pháp. Cho nên sai hai người. Văn trong Tứ Phần không rõ. Trong luật Thập Tụng, Tăng-kỳ đều sai hai người làm pháp. Trong Ngũ Phần thì hai người trở lên cho đến nhiều người.

Tam Thiên Oai Nghi nói: Phải sai hai người, vì tăng tự tứ xong, tự mình hướng về xuất tội, không đợi tìm cầu người khác tự tứ. Vì người khác tăng không sai. Nay người hành sự có chỗ sai riêng. Đây chưa giống với các bộ. Lại sai người trẻ tuổi đánh kiên-chùy, phần nhiều không sinh thiện. Thập Tụng và Tăng-kỳ thì sai Thượng tọa có đức, sai hạ tọa đến chỗ Thượng tọa tự tứ.

2) Gia pháp sai khiến: Phải Thượng tọa sai hai người trong chúng, cả hai người đủ năm đức, không cần phải gọi đến đứng trước mà làm. Đây là biệt chúng, thường thường như vậy, phải ngồi thẳng trên giường của mình. Người làm yết-ma cầu dục vân hòa, cách ấy nói là:

Đại Đức tăng xin lắng nghe tôi là Tỳ-kheo... nhận dục tự tứ của người kia.

Người kia việc tăng đúng như Pháp gởi dục tự tứ. Luật này tự tứ khai dục, không đồng với các luật khác. Cho nên dạy: người làm phải biết. Vấn hòa, đáp yết-ma tự tứ cũng có chung riêng như trên. Nên nói: Đại Đức tăng xin lắng nghe, nếu tăng phải thời mà đến, xin tăng bằng lòng cho. Tăng sai Tỳ-kheo... làm người nhận tự tứ, Trưởng lão nào bằng lòng cho tăng sai Tỳ-kheo... làm người nhận tự tứ xong. Tăng bằng lòng im lặng, việc này cứ hành trì như thế.

3) Pháp năm đức hành sự: Sai rồi liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, oai nghi nghiêm chỉnh đến trước Thượng tọa, duỗi tay xuống đất bạch rằng:

Đại đức tăng xin lắng nghe, ngày nay chúng tăng tự tứ. Nếu tăng phải thời mà đến, Tăng bằng lòng cho hòa hợp tự tứ, tác bạch như thế. Không nên đứng làm chung riêng thì không thành. Nếu khi tăng sai người tự tứ, đáp rằng sai người nhận tự tứ, người yết-ma không được dùng chung pháp sau. Cho đến người năm đức đơn bạch trước hòa. Đáp rằng đơn bạch hòa tăng tự tứ yết-ma. Nếu trước đáp thẳng thì thông hòa hai pháp.

Kế nói rõ pháp làm tòa cỏ. Luật Tứ Phần chỉ nói lìa tòa, không nói tòa cỏ. Luật Ngũ Phần nói trái cỏ mà ngồi. Văn rõ y đó mà dùng. Lúc tự tứ, trước phải tìm cỏ khô, mềm, tùy theo được bao nhiêu người, để trước Thượng tọa, đến chỗ người năm đức hòa rồi, sai người trẻ tuổi theo thứ lớp làm. Người kia đến trước Thượng tọa quỳ thẳng nhận rồi, cho đến hạ tọa, đại chúng đồng người, vào ba người giúp làm. Mỗi người lấy rồi trái ở trước tòa. Nếu Đại đức chúng chủ trái cũng được. Người năm đức đến trước tòa quỳ thẳng thưa: Tất cả tăng trái tòa cỏ, vén y bày vai phải, quỳ gối chấp tay. (Tăng đều y theo và xuống).

4) Pháp nói rõ đối tăng tự tứ, Tăng Nhất A-hàm nói: Như lai đồng với chúng tăng ngồi trên tòa cỏ, bảo các Tỳ-kheo: các thầy mỗi vị đến tòa cỏ, ta muốn thọ tuổi, rộng như trong kinh.

Tân Tuế: Kế đến là pháp chánh đối tăng tự tứ.

Một người trong năm đức đến trước Thượng tọa trái tọa cụ quỳ xuống. Người thứ hai trong năm đức lần đến trước thứ tọa đứng. (Đây là văn của luật Tăng-kỳ). Luật Tứ Phần chép: Nếu Thượng tọa thấy người năm đức đến liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, quỳ xuống vén y bày vai phải chấp tay, tất cả chúng tăng theo cách của Thượng tọa.

Luật Thập tụng chép: Năm đức nhất tâm niệm, ngày nay chúng tăng tự tứ, con là Tỳ-kheo... cũng tự tứ. Nếu thấy tội, nghe tội, nghi tội, xin đại đức Trưởng lão vì thương xót con mà nói. Nếu con thấy tội sẽ đúng như pháp mà sám hối (nói ba lần). Thượng tọa về chỗ của mình. Người năm đức đến trước Thượng tọa thứ ba đứng. Người thứ hai trong năm đức ấy đứng trước Thứ tọa, tác pháp đồng như trên. Như thế dần dần đến hạ tọa, tùy theo lời nói xong rồi trở về tòa của mình. Luật khai người bệnh tùy theo chỗ ở mà an trú. (Y cứ theo đây không bệnh xong phải tự tứ). Nếu hai người năm đức tự tứ. Tăng-kỳ nói người năm

đức mỗi người đến chỗ mình ngồi nên tự tứ. Không được đợi tăng xong, sau đó tự tứ, tức phá pháp của luật Thập tụng. Nếu chúng tăng nói xong, người năm đức đến trước Thượng tọa nói: Tăng nhất tâm tự tứ xong, liền như thường lễ rồi lui (văn Thập tụng). Nếu người năm đức và tăng nêu tội sáu nhóm, hoặc tự cúi đầu nói. Tăng nên xem xét kỹ càng. Mỗi người y theo thiên mà trị xong, sau đó tự tứ. Nêu người khác cử tội, suy xét đúng sai, so lường sự tình, chẳng có việc lạm dụng không. Y vào luật ngăn cản mà trị. Nếu sự thật là phạm nêu tội gốc không rõ, lại trị bằng tội (cũng như trong chúng cương). Người năm đức nêu tội, bất luận hư thật, do vì tăng sai. Lại có tính buông lung, nêu thì thành hư.

– Gốc dễ sai lầm, tuy hợp cũng bị ràng buộc. Tình ở nơi lia ác. Cho nên không vào hạn trị, không đồng người khác. Tăng không sai liền bày tội, sợ lạm đến người thanh tịnh. Lại bên trong không có đức, phần 12 nhiều không biết thời, lại sinh gốc đấu tranh, đâu thành chúng yên ổn. Cho nên hư thì kết bằng. Nếu tăng đủ hai mươi người, tùy theo phạm tội mà cử. Nếu năm người trở lên nêu việc được xuất tội, thì lại đình chỉ bạch, y cứ theo không giống như trong pháp bốn người nói.

Ba vị ni đến thỉnh pháp xuất tội, nếu không có ni chúng đến, y theo thường tự tứ, không cần đồng thuyết giới, hỏi ni có không.

Nếu ni đến, nên tự tứ, trước nói khiến đứng ở chỗ mắt thấy, tai không nghe, chúng tăng tự tứ nếu đến năm, ba người thì lượng thời sớm tối khiến ni được trở về. Thượng tọa dặn người năm đức đồng với trụ trì ni tự tứ. Phải bảo đến trong tăng lễ dưới chân, rồi sai nói ba việc thấy, nghe, nghi như trong phần biệt pháp có nói rõ. Đại chúng im lặng hồi lâu, Thượng tọa bảo ni rằng: Đại chúng thượng hạ mỗi người đều im lặng, người không nói thấy tội, là do ni trong không khuyết phạm, bên ngoài được thanh tịnh, mỗi người thanh tịnh, siêng năng hành đạo.

Cẩn thận đúng như pháp mà tự tứ, về chùa phải truyền lời dạy này nói cho ni biết, ngoài ra đồng với pháp ni. Đó gọi là pháp Bạch Nhật.

Thời nay phần nhiều ở đêm 1 hoặc đêm 1 tự tứ. Nếu ni ngày hôm sau đến hô chuông nhóm tăng, người không đến đòi dục, đại chúng nhóm họp rồi, ni đến trong tăng oai nghi như thường, thỉnh cầu ba việc. Ngoài ra, đồng như việc chỉ dạy ở trước.

Hỏi: Đây chẳng phải là phép của tăng, sao phải nhóm họp hết câu đòi dục?

Đáp: Vì ni y vào tăng sai khắp cử tội. Nếu một người không biết thì không thành tự tứ. Cho nên Luật nói: Nếu tăng không đủ hoặc không hòa hợp thì sai hỏi lễ bái, không đặc pháp tự tứ. Chỗ đã có tăng, thông phải cử trị không lạm. Cho nên phải nhóm họp. Trong phần giáo giới ở luật Tăng-kỳ, vốn không có pháp yết-ma, cũng làm cho tùy duyên thuyết dục xong, sau đó giáo giới, ấy là pháp tăng, lý không nghiêng lệch, cho nên nay tăng ni tự tứ đồng là pháp tăng, y theo dùng không nghi.

Trong Bách Ván chép: Cuối hạ ni đến thọ tuổi. Nếu hai ni trở lên thì được, còn một ni thì không được, vì ni một mình ra khỏi giới thì phạm tội trọng.

Nói rõ lược thuyết tạp hạnh, nói lược thuyết là: nếu có tám nạn duyên khác, như trong phần thuyết giới có nói. Phải lượng tăng nhiều ít, khó đến xa gần. Nếu tăng đông mà trời nóng vừa chật hẹp, minh tướng sắp mọc, thì phải sai người năm đức ở bên vài ba vị Thượng tọa nói ba lần. Ngoài ra, chúng tăng một lần nói liền thôi. Hoặc một người thọ hai người tự tứ, quỳ xuống phải ở giữa, hai bên phải trái để lấy. Đồng thời phải một lần nói chỉ dạy làm cho đại chúng nghe biết. Luật nói: Không được lén nói tự tứ. Nay hoặc hai người có năm đức cùng một lúc mỗi người tự tứ, đó là phi pháp. Trong luật nói một lúc tự tứ thì náo loạn. Phật bảo mỗi người thứ lớp từ Thượng tọa tự tứ. Luật Thập Tụng nói. Phải theo Thượng tọa tự tứ, không được nghịch làm thứ lớp và làm người bố trí như pháp ích thực, đồng thời siêu việt xướng chung, v.v...

Luật Tứ phần chép: Nếu là cấp nạn như giặc thì không thể nhàn chậm. Người năm đức đến trước Thượng tọa quỳ bạch rằng: Nay có việc nạn không được nói một lần. Nên phải làm yết-ma mỗi người, nói ba lần.

Văn nói: Đại đức tăng xin lắng nghe, nếu tăng phải thời đến, tăng bằng lòng cho tăng nay mỗi người cùng ba lần nói tự tứ, tác bạch như thế. Mỗi người liên đối với người khác nói ba lần. Văn đồng với pháp trước. Việc nạn đến gần, nếu muốn lại nói một lần cũng phải đơn bạch. Vì tự tứ này không đối với năm đức, tiến chẳng phải không có lý do. Cho nên phải yết-ma làm cho chúng đồng nghe. Chẳng phải loại trước, lược không cần cáo bạch. Vì đích thân đến chỗ người năm đức, nhiều ít lượng thời, vì được tự tại. Luật Tứ Phần nói có sáu loại được thuyết nạn thứ sáu, sơ cấp khai thẳng mà đi.

Hai là nói về tạp sự kết tiểu giới ngồi vòng tròn tự tứ. Việc đã ít, nên không xuất. Trên hết nói về pháp tăng sáu người, thuật đủ như trên. Kế nói về pháp chúng năm người đòi dục thì không khai. Hỏi hòa đáp xong liền bạch nhị sai. Một người năm đức xong, lại sai người thứ hai không được điệp hai người một lúc đồng pháp. Cho nên vì ngồi không vào số tăng. Khi lấy tự tứ một người năm đức đồng ngồi với tăng, một người năm đức chuyển dần lấy tự tứ. Nếu đến chỗ ngồi hai người cùng nói. Ngoài ra đồng với pháp trước.

Bốn người trở xuống đến đôi thú, phải họp hết cả giới trường, không được thọ dục, bốn người đối với một người nói riêng.

Các Đại đức nhất tâm niệm! Ngày nay chúng tăng tự tứ, tôi Tỳ-kheo... thanh tịnh (nói ba lần). Người khác cũng nói như trên. Nếu hai người đôi thú, chỉ nói Đại đức nhất tâm niệm, ngoài ra từ đồng với trước. Nếu phạm tội ba-dật-đề trở xuống, bất luật tự nói nêu ra sám hối trước, rồi tự tứ sau. Nếu bốn người trở lên phạm pháp thâm-lan-giá, chỉ vào trong thuyết lan-giá cho đến trong thuyết Tăng tàn. Vì trao nghĩa không trị phạt. Nếu y theo Thập Tụng bạch xong đợi tăng đủ như pháp mà trị, không nên phá tự tứ. Trong phần thuyết giới của Luật Tứ Phần nói tự 1 phạm tội, nên báo cho tăng, sợ ngăn thuyết giới, bảo tâm niệm phát lồ.

Sau đó được nghe giới. Đã đủ là tịnh hạnh, chúng pháp nhiếp trị công bằng, y cứ theo dùng không ngại, lý phải hợp với điều phạm, vì chúng không đủ thì không được trị. Người khác thanh tịnh, trong đây miệng nói. Nếu người không thật kết phạm, tùy phạm ba lần ba-dật-đề.

Không đồng thuyết giới im lặng, vọng tùy tội kết cào.

Nếu pháp một người, luật nói: nên ở chỗ thuyết giới quét rười nhà rồi trái ngồi. Dụng cụ như bình nước đầy, xà-la, v.v... đợi Tỳ-kheo khách. Nếu không đến nên đến trước tháp miếu oai nghi trang nghiêm, tâm niệm miệng nói: Ngày nay chúng tăng tự tứ, tôi Tỳ-kheo... thanh tịnh (nói ba lần), phạm khinh Đột-cát-la, tâm nệm sám hối xong tự tứ. Nếu cố phạm Đột-cát-la trở lên, nghĩa không trị phạt và phát lồ thì không hợp với nghĩa tự tứ. Ngoài ra y như trước.

Nói về tạp tướng.

Hỏi: Đối tăng tự tứ nói thấy tội sám hối đối thú tâm niệm đều nói thanh tịnh, vì sao?

Đáp: Trong tăng thông có nghĩa trị phạt, gia pháp để được đầy đủ.

Người khác tuy có cử trị, nhiếp trị chưa có khả năng được hết.

Nhưng chỉ nói thanh tịnh cử tâm ứng tăng.

Hỏi: Tự tứ xong có được thuyết giới hay không?

Đáp: Theo Luận Minh Liễu trước thuyết giới, sau tự tứ.

Luật Tứ Phần: Tự tứ tức là thuyết giới.

Hỏi: Tự tứ được tác bạch trước người chưa thọ giới cụ túc không?

Đáp: Trong Luật bảo đến chỗ không thấy không nghe làm yết-ma tự tứ. Nếu không chịu tránh đi, tăng tự đến chỗ không thấy nghe mà làm. Trong luật nói nếu người khác. Và tăng tự tứ xong có khách đến, nếu ít thì nói thanh tịnh, nhiều thì nói là thuyết.

Nếu hai người tác pháp rồi lại có ba người, pháp tăng tự tứ. Hai người đến lại đồng đối thú. Như trước trình bày rõ.

Hỏi: Ngày 1 tự tứ rồi được ra giới không?

Đáp: Không được, phá hạ lìa y vì phần đêm chưa hết, thọ nhật đủ đến ngày 1 tháng 7 cũng phải trở lại giới. Vì ban đêm không đặc pháp.

Văn nói: Đến bảy ngày trở lại.

Hỏi: Giới này an cư, tự tứ chỗ khác được không?

Đáp: Tăng-kỳ nói không được sẽ kết phạm tội.

Hỏi: Người tiền an cư tự tứ xong hạ phân chia được vật, người hậu an cư có được vật không?



Đáp: Luật bảo nhận vật, ngày khác phải đủ. Nếu chia phòng xá, đồ nằm cũng cho vì chưa đến cố nhận.

Hỏi: Một lần nói, hai lần nói tự tứ chẳng có nạn duyên có thành không?

Đáp: Không thành. Trong luật nói nhóm Tỳ-kheo, sáu vị một lần nói, hai lần nói, lén nói, nói nhanh, không ở chỗ tự tứ, đi mà không ngồi, hoặc không nói Phật quyết không nên. Luật Tứ Phần nói: Tỳ-kheo trẻ không biết pháp tự tứ. Hòa-thượng xà-lê vờ đến dạy. Nếu lại quên, thì nên nói từng câu. Hỏi tuổi trẻ dạy bảo như thế, còn người già thì sao?

Đáp: Cũng đồng với cách của tuổi trẻ.

Cho nên trong luật nói A-nan nhiếp chúng không có pháp, Cadiếp quả trách trẻ tuổi, A-nan nói: nay tôi bạc đầu sao gọi là thiếu niên trẻ tuổi?

Đáp: Ông không khéo quan sát việc, nên giống như trẻ tuổi.

Người già ngu pháp há không ví ư?

Hỏi: Trong giới tiền hậu an cư, tự tứ là thế nào?

Đáp: Từng an cư nhiều người tự tứ.

Hỏi: An cư xong cần lìa chỗ cư của mình hay không?

Đáp: Luật nói an cư xong không đi thì phạm tội.

Tỳ-ni Mâu nói: Tỳ-kheo an cư xong nên dời chỗ khác, nếu có duyên không được đi thì không phạm.

Nếu người duyên không có ra khỏi giới một đêm, về lại không phạm.

Ngũ Phần nói: An cư xong không đi dù một đêm cũng phạm xả đọa. Nếu không tác bạch thỉnh hạn, nếu không nhận chỗ thỉnh thì được ở. Tăng Nhất chếp: Bảo các Tỳ-kheo hằng một chỗ, chỉ có năm phi pháp, ý thích phòng xá, vật chất. Lại đấm trước tài sản, sợ người đoạt lấy, hoặc phân nhiều hợp tài vật tham đấm, thường cùng người tại gia đi lại, trái với điều này được năm công đức.

Pháp y ca-hy-na: Luận Minh Liễu dịch là kiên thật, có thể hoặc nhiều y, y không bại hoại. Lại gọi là nan hoạt, vì người nghèo lấy sống vì nạn. Bỏ ít tài vào y công đức này hơn. Như lấy đại y Tu-di thì cho. Hoặc nói kiên cố, hoặc gọi là ứng phú, xưa dịch là y thường thiện phạt ác. Thường người tiền an cư, hậu an cư không được. Cũng gọi là y công đức. Vì tăng chúng cùng thọ y này lại được năm lợi công đức.

Tự trung chia ra năm loại:

1. Thời tiết thọ y
2. Y thể đúng sai
3. Chọn người khác nhau
4. Phương pháp thọ y

## 5. Xả y tiếng không, đồng thời nêu ra các tướng.

1). Nói rõ lúc thọ y: Luật Tứ Phần nói: An cư xong nên thọ y công đức, thì người trên an cư ngày 16 tháng 7 thọ, đến ngày 1 tháng 12 xả. Cho nên vẫn nói: Đến tháng mùa Đông xả. Như thế cho đến ngày 1 tháng 8, hằng ngày cũng được thọ y, cho nên vẫn nói, tức ngày đến không qua đêm. Nghĩa là ngày được y liền thọ, không được qua đêm. Cho nên luật Thập Tụng nói: Nếu ngày đầu tháng (còn là ngày 16 tháng 7) được y, tức là ngày thọ. Nếu hai ngày, ba ngày cho đến ngày 1 tháng 8 cũng vậy. Ngũ Phần nói thọ có ngày 30, xả cũng là ngày 30. Người kia chỉ được lợi bốn tháng, không đồng với Tứ Phần có năm tháng lợi.

Tỳ-ni Mẫu nói: Ngày 16 tháng 7 nên thọ, nếu duyên sự không kịp, qua ngày 1 tháng 8 thì không được. Trong lúc xả cũng giống đủ năm tháng xong, yết-ma xả. Người thọ vào ngày 16 tháng 7 được lợi một trăm năm mươi ngày. Người thọ ngày 1 tháng 8 được lợi một trăm hai mươi ngày, trung gian chuyển xuống có thể so sánh mà biết.

Thập Tụng hỏi: Thọ y công đức xong, quan làm tháng nhuần, tùy số ngày an cư lấy đủ, thì không được xếp vào nhuần.

2). Nói rõ y thể. Luật Tứ Phần nói: nếu được y mới, hoặc đàn việt cúng y, hoặc y phần tảo, sếp y mới tác tịnh. Nếu đã giặt xong nhận tác tịnh, tức ngày đến không qua đêm, không vì tà mệnh mà được. Không vì dua nịnh mà được, không vì tướng mà được, không vì kích phát mà được, không xả đọa. Người tịnh ứng pháp một vòng có duyên, năm điều là mười bức. Nếu quá số điều ấy, nên tự giặt nhuộm, căng ra sửa sang cắt làm mười bức may sửa.

Lại nói: Không được y nhuộm đại sắc, cho dùng màu ca-sa. (Đây nói là không chánh sắc).

Luật Thập Tụng chép: Nếu không cắt, giảm lượng không xếp bốn góc. Nếu cũ mục nát, che đậy người chết, đến mồ mà lấy (Tứ Phần nói là y phần tảo, chẳng phải y người chết) và từng thọ làm y ca-hy-na thì không thành, nếu xếp lá y thì được thành.

Bộ Ma-đắc-lặc-già nói: thọ ba y của Tỳ-kheo qua đời, thọ dụng ba y và y cũ thì không thành. Nếu khi cấp thí y thì y thành thọ. Luật Tăng-kỳ chép: chưa hề thọ dụng ba y được làm. Luật Ngũ Phần nói nếu giặt nhuộm may không đúng pháp, hoặc nhỏ, hoặc lớn, hoặc y gấm, hoặc chưa tự tứ xong mà thọ, hoặc tham lợi dưỡng cố xả, năm việc đều không thành. Trái lại với trên thì thành thọ. Luật Thiện Kiến nói: nếu y của bảy chúng thì được thọ.

Hoặc trong ba y tùy thọ một, hai y thì được, luật Tứ Phần nói: phải vắn bên, thắt làm móc thì được thành thọ.

3) Chọn người khác nhau. Trước nói về người thọ, sau nói về người trì.

Luật Tứ Phần chép: Không ở trước tăng mà thọ (nghĩa là cho người thế tục) Hoặc có nạn, hoặc không có Tăng-già-lê, hoặc tăng thọ y như pháp. Mà người kia ở ngoài giới, đều không thành.

Thiện Kiến nói: Người trên an cư được thọ. Nếu người hậu an cư phá an cư, tăng giới trường khác không được thọ lợi. Nếu chỗ này Tăng ít không đủ năm vị, thì được dự tăng ngoài tỉnh, tăng ngoài giới đủ số thì thành thọ. Tăng giới trường khác không được thọ lợi. Nếu trụ xứ có bốn Tỳ-kheo, một sa-di an cư gần xong, vì sa-di thọ đại giới được đủ số thành thọ. Người mới thọ giới cũng được năm lợi. Một Tỳ-kheo bốn sa-di cũng lại như vậy.

(Vì sa-di hạ tọa có công) Nếu trụ xứ tuy có năm người không giải mà thọ y được thỉnh, người ở giới trường khác biết pháp tăng đến làm yết-ma thọ y. Người ở giới trường khác tự không được thọ.

Luật Thập Tụng chép: Chư Tăng ở giới trường khác muốn thọ y, không thể được. Mỗi người giải giới của mình đồng kết thọ xong. Sau đó, kết riêng người xả thành xả, người không xả y vào lợi, người phạm Tăng tàn, người ở riêng học sám hối, người tấn sa-di, v.v... không thành thọ.

– Nói về người trì y: luật Thập Tụng chép: Người giữ y đủ năm đức như không thương, v.v... nghĩa là biết được thọ hay không được thọ, phân minh rõ ràng. Luật Thiện Kiến nói: Nếu nhiều người đem đến y công đức nên thọ một y, ngoài ra đồng với vật rẽ nên phân. Vật nặng thuộc bốn phương tăng, nếu thì chủ nói trì ba y tác cho hết, người trì y tùy ý thì chủ. Nếu yết-ma y ca-hy-na cho y hư. Nếu y hư phần nhiều cho người già, trung niên y hoại. Nếu người già phần nhiều cho người lão trung nhiều hạ, không được cho người keo kiệt.

Minh Liễu Luận Sớ chép: Khi mới kiết hạ an cư, muốn thọ y ca-hy-na thì phải bạch tăng: Tôi muốn thọ y, Tăng xem người này không tham cất tài vật, có lòng từ bi, thích làm việc bố thí. Tăng có thể cho, nếu không như vậy thì không cần cho phép.

4). Phương pháp thọ y: Trước may pháp y, sau nói rõ cách thọ.

Luật Tứ Phần chép: Nếu được y chưa thành nên ở trong Tăng sai Tỳ-kheo bảo may. Nếu được thì thành. Nên thọ đúng pháp.

Luật Thiện Kiến chép: Nếu y chưa thành nên gọi tất cả Tỳ-kheo cùng may thành, không được nói đạo đức làm giữ nạn. Chỉ trừ người bệnh không được may. Phải may lộn, cho nên phải siêng năng. Y này Chư Phật đều khen. Xưa, Phật Ca-diếp có một vạn sáu ngàn Tỳ-kheo vây quanh cùng may. Các bộ nói may y phải có pháp rõ ràng. Thời nay có người nhiều là đã thành. Có lược không xuất.

Nói về chánh thọ. Nên lấy lớp ngang hai thước một xuyết. Năm xuyết như thế bỏ ở trong rương ở trước Thượng tọa. Luật Tăng-kỳ nói nên gấp lớp y bỏ trong rương rồi rưới hoa lên.

Nói về hòa tăng thọ y: Nên hô chuông nhóm tăng, chọn người phá hạ, người không an cư, người phạm Tăng tàn. Những người này bảo ngồi một chỗ. Vì không đồng thọ y. Ngoài ra người hợp thọ cùng ngồi một chỗ. Tuy ngồi riêng hai chỗ, phải đồng chúng pháp, tức phải đợi dục hỏi hòa đáp nói yết-ma thọ y ca-hy-na. Thượng tọa bạch rằng.

Đại Đức Tăng xin lắng nghe: Hôm nay, chúng tăng thọ y công đức, nếu tăng phải thời mà đến, tăng bằng lòng cho tăng nay hòa hợp thọ y công đức, tác bạch như thế. (bạch như thế xong cho hai Tỳ-kheo nên hỏi rằng ai giữ được y công đức) (Đáp: mỗi giáp giữ được.)

Nên làm yết-ma rằng: Đại đức tăng xin lắng nghe ! Nếu tăng phải thời mà đến, tăng bằng lòng cho, tăng sai Tỳ-kheo... vì Tăng mà giữ y công đức, tác bạch như thế. Đại đức tăng xin lắng nghe ! Tăng sai Tỳ-kheo... vì Tăng giữ y công đức, Trưởng lão nào bằng lòng tăng sai Tỳ-kheo... vì Tăng giữ y công đức thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì nói. Tăng đã bằng lòng sai Tỳ-kheo... vì tăng giữ y công đức rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc này nên thọ trì như thế. (Người kia đứng khỏi dậy chỗ ngồi lễ chân tăng, ở trước Thượng tọa quỳ chấp tay, phải yếtma giao y cho).

Đại Đức Tăng xin lắng nghe ! Trụ xứ này tăng được chia y, nên chia y cho hiện tiền tăng. Nếu tăng phải thời mà đến, tăng bằng lòng cho, Tăng giữ y cho Tỳ-kheo... Tỳ-kheo này phải giữ y này, vì tăng thọ làm y công đức, ở trụ xứ này giữ, tác bạch như vậy. Đại Đức Tăng xin lắng nghe. Tăng ở trụ xứ này được chia y, nên chia cho hiện tiền tăng, nay Tăng giữ y này cho Tỳ-kheo... Tỳ-kheo này phải giữ y này vì tăng thọ làm y công đức, ở trụ xứ này giữ. Trưởng lão nào bằng lòng cho tăng giữ y này cho Tỳ-kheo..., Tỳ-kheo này phải giữ y này vì Tăng thọ làm y công đức, giữ ở trụ xứ này thì im lặng. Ai không bằng lòng thì nói, Tăng đã bằng lòng giữ y này cho Tỳ-kheo... Thọ làm y công đức rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc này nên thọ trì như thế. Người kia nên đứng dậy cầm rương y đến trước Thượng tọa quỳ thẳng đội đầu rồi trao cho Thượng tọa. Thượng tọa cũng đội đầu. Như thế ba lần, lại đặt rương trước Thượng tọa. Tay trái bỏ trừ hòa rồi, tay phải cầm y bỏ trong tay trái hai thước cho phép lại lấy một lớp. Như thế bốn lớp đều đặt trong tay trái đến trước Thượng tọa. Thượng tọa thấy đến liền quỳ xuống duỗi tay ra, tay phải người ấy lấy lớp vải trao cho Thượng tọa. Lại đi thu xếp đưa cho Thượng tọa thứ hai. Như thế lại đi hết đệ tử Thượng tọa. Người kia giao phó y xong lại đến phía dưới Thượng tọa thứ hai, tay cầm y miệng nói: y này chúng tăng sẽ thọ làm y công đức. Y này nay chúng tăng thọ làm y công đức. Y này chúng tăng đã thọ làm y công đức (nói ba lần). Các Tỳ-kheo kia nên nói rằng: Người thọ này đã thọ nhận, trong đây tất cả công đức, danh xưng thuộc về tôi. Mỗi người nói như thế xong, đáp nói vậy.

Lúc đứng đây, đến trước Thượng tọa đệ tử tay phải cầm y để trong tay trái. Như thế bốn lần nhiếp lấy xong. Đến trước Thượng tọa thứ năm lại như cách của Thượng tọa đệ nhất. Như thế cho đến hạ tọa xong, trở về đến trước Thượng tọa

cảm y hướng về Tăng quỳ xuống bạch: Nay tăng hòa hợp thọ y công đức đã xong.

Nói về tạp tướng xả y, trong luật Tứ Phần chép: Cho bằng tháng tư mùa Đông nên ra. Có hai loại xả:

1. Tỳ-kheo giữ y công đức ra ngoài giới ngũ.
2. Chúng tăng hòa hợp ra.

Lại rộng rõ ra phải tầm mắt pháp xả. Nay nói người hòa hợp ra.

Luật nói: Tăng nhóm họp hòa hợp, người chưa thọ giới đã ra, người không đến có thuyết dục, nay tăng hòa hợp để làm gì ?

Đáp: Yết-ma xuất Y công đức.

Đại Đức Tăng xin lắng nghe, hôm nay chúng tăng xuất y công đức. Nếu Tăng phải thời mà đến, tăng bằng lòng cho tăng nay hòa hợp xuất y công đức, tác bạch như thế. Tăng-kỳ nói có nhiều cách xả, đến ngày 1 tháng chạp không xả, đến ngày 16 tự nhiên xả. Các bộ khác có tám loại, mười loại. Mỗi bộ hễ trái với bốn tâm đều thành xả.

Kể nói về năm lợi thông bát. Trong luật nói thọ y này nên cất chứa của cải lâu dài lìa y ngũ, trái thỉnh ăn biệt chúng.

Trước khi ăn, sau khi ăn, đến nhà người, mỗi người tùy tướng nói rõ.

Chứa y lâu, bắt đầu từ sau ngày 16 tháng 7 thọ, đến ngày 1 tháng 12 một lúc thuyết tịnh, ngoài ra có thời phi thời nhiếp nhau, cũng như tùy tướng thuyết Kinh Tư Ích chép: Bô-tát có bốn pháp, không có điều gì mà sợ, oai nghi không thay đổi.

1. Mất lợi
2. Tiếng xấu
3. Hủy nhục

Khổ não

Được lợi tâm không công cao, mất lợi tâm không lo mất, trong tám pháp tâm ấy bình đẳng, vì quyết định nói tội phước nghiệp không mất.

Tứ Phần Luật San Phồn bổ khuyết hành sự sao quyền thượng hết.

---o0o---

## **QUYỀN TRUNG**

### **PHẦN 1**

#### **THIÊN THỨ 13: THIÊN TỰ DANH BẢO**

Xuất tục năm chúng sở dĩ là ruộng phước tốt của thế gian. Thật vì do giới thể.

Cho nên Trí Luận chép: Thọ trì giới cấm làm tánh, cạo tóc xuất gia là tướng, nay nếu tâm ấy mãi mãi trong sạch, người tốt đẹp thấm nhuần đức ấy mới có thể sinh ra loại thiện, gọi là ruộng phước. Không như vậy thì dù chống cự, tự để lại sự lo lắng của y, liền chuộc tội của sáu nhóm. Quả báo vào mười sáu địa ngục, cho nên ngũ thiên nói là phạm.

Trái với phạm trì hạnh tự thành bảy nhóm. Rõ trì, thuận trì các phạm mất sâu xa. Mà người mới học phần nhiều là kẻ ngu, chưa biết điều lệ. Thà biên hiền chương tùy giới, hôn mê mờ mịt, tội báo lớn như biển.

Dẫn đến thuận dòng đi mãi, tham giọt mật mà quên đường về, trở thành nghiệp nặng, đầu siêu ngộ mà biết trở lại, cho nên luận Tỳ-ni Mẫu chép: Tăng ni hủy giới cấm mà thọ lợi dưỡng, không có người hiện tại thọ, vì hướng về địa ngục. Nhưng nghiệp tùy tâm mà kết, quả báo theo tâm mà thành, chắc chắn trước phải phô trương nhân quả, làm cho người con Phật trì giới xem quả biết nhân.

Tự trung trước nói hộ giới là tông trái mất, sau nói tướng thiên tự danh báo.

Trong phần nói về hộ giới, sợ dĩ người phạm giới quả báo tội nghiệp rất lớn là vì giới hộ sinh thiện, phải xây dựng công cương, đừng làm cho trái tổn, mà chiêu quả báo nặng. Luận Minh Liễu nói hộ giới có nhiều loại. Lại dẫn lược nói, nghĩa là ở tâm gọi là hộ, ở thân miệng gọi là giới. Có hộ không nhất định có giới, có giới hẳn là hộ. Trong kinh Phật khen người được giới hộ có nhiều chương cú. Lược thuật có tám loại.

1/ Như vua sinh con được dân kính mến, người được giới hộ sinh khởi hạt giống thánh, sau này chắc chắn được làm Thánh, như nối ngôi vị vua.

2. Như trăng sáng dần dần tròn đầy, giới hộ cũng giống như vậy. Các công đức bất cứ lúc nào cũng thêm lớn, cho đến được giải thoát tri kiến.

3/ Như người được hạt ngọc như ý, theo lời nguyện có kết quả. Người được giới hộ muốn sinh về điều lành cho đến bồ-đề, chắc chắn sẽ được.

4/ Như con của vua thích nối ngôi, người được giới hộ, vì giới hộ nên chắc chắn được thành Thánh, lý phải ưa thích không được hủy tổn.

5/ Như người một mắt rất yêu quý mắt đó. Người này cũng vậy, do giới hộ nên được lìa sinh tử, đạt được niết-bàn.

6/ Như người nghèo ở đời thích tư lương, vì thích giới này nên được tuệ mạng.

7/ Như quốc vương ba việc đầy đủ nên yêu thích nước này.

1/ Đủ tài. 2/ Dục trần. 3/ Chánh pháp. Người được giới hộ cũng như vậy: trụ trong giới hộ, vô lượng công đức, tâm an không lo phiền, chánh pháp thêm bền chắc.

8/ Như người bệnh được uống thuốc hay, giới hộ cũng như vậy, không nên xả bỏ. Do đây lìa tất cả điều ác. Nhân duyên như vậy công nghiệp rất nặng, không thể khinh phạm mà sinh ra tội lớn.

2) Bày danh thích vị, chia ra hai loại khác nhau.

Trước nói về thiên tỵ, sau đó nói về quả báo.

Trong phần thiên tỵ có năm thiên bảy tỵ, y cú nghĩa có sáu phần.

Chính kết tội khoa chỉ thọ sáu pháp. Ngày nay y vào sáu tỵ để giải thích tên.

1. Ba-la-di
2. Tăng-già-bà-thi-sa
3. Thâu-lan-giá
4. Ba-dật-đề
5. Ba-la-đề-đề-xá-ni
6. Đột-cát-la

Sáu tên gọi trên đây đều không dịch đúng, chỉ dùng nghĩa dịch, lược biết đường lối.

Trước nói về Ba-la-di, Luật Tăng-kỳ nói nghĩa phải cực ác. Dịch ba ý:

1. Lui mất do phạm giới này, đạo quả không có phần.
2. Không được ở chung, chẳng phải mất đạo mà lui lại không được vào hai loại số tăng.
3. Đọa lạc, xả thân này rồi đọa địa ngục A-tỳ.

Luật Thập tụng nói: “Đọa vào chỗ không vừa ý”.

Tát-bà-đa bộ giải thích: Do đấu tranh với quỷ, vì phạm giới này nên đọa phụ xứ.

Luật Tứ Phần chép: Ba-la-di: Thí như người bị chặt đầu, không thể mọc lại.

Nếu phạm pháp này thì không thành Tỳ-kheo, đây là theo hành pháp chẳng phải dùng làm tên.

Lại nói: Ba-la-di nghĩa là không gì bằng. Đây là theo chúng pháp không có phần làm tên, cho nên kệ nói.

Người làm các điều ác, giống như cây chết kia, không ai thêm nhận lấy, vì bởi phạm giới này.

Lại gọi là bất cộng trụ, vì không được thuyết giới yết ma ở chung trong tăng.

Hỏi: Trên đã nói nếu phạm giới này gọi là đứt đầu, y cú theo đây mà nói là không phạm trọng, giới cũng không có.

Đáp: Giới có không ở đây đi vào tranh luận, trong tâm tạp hiểu.

Có giới chẳng phải không, nếu nói về phạm trọng, luật có nói rõ, tùy phạm nhiều ít, mỗi một Ba-la-di, thiên này trước hết bốn giới đầu tiên, mỗi giới đều khác nhau. Tùy trọng phạm dâm, chúng phần nhiều là trọng phạm. Còn đạo, sát,

vọng trọng phạm cũng như vậy. Đây gọi là biệt giải thoát giới. Do cảnh duyên riêng nên được giới khác nhau, cho nên sau khi phạm lại tùy phạm riêng.

Như Tát-bà-đa nói: Thà có thể một lúc phát tất cả giới, chứ không thể một lúc phạm tất cả giới. Lại như giới dâm, trên thân người nữ phát được hai mươi một giới, trên thân người nam được mười bốn giới. Còn trong pháp giới nam nữ cũng vậy. Nay hoặc tâm tham phạm một nữ một đạo, chỉ gọi là nam nữ cũng vậy. Nay hoặc tâm tham phạm một nữ một đạo, chỉ gọi là ô nhiễm một giới, dâm thể sáng suốt trong sạch, không thực hành có thể trái, xứng bốn thọ thể. Như sám hối thiên đầu còn được thanh tịnh, không nói thọ lại. Do có bốn giới. Lại như luật nói: Tỳ-kheo phạm trọng, hủy báng đều kết tội đọa. Nếu người không có giới chỉ đồng với cát-la.

Hỏi: Phải đủ số hay không mới gọi là đoạn đầu?

Đáp: Sám hối vốn thanh tịnh, lý phải đủ số. Như được làm yết-ma tự tứ, thuyết giới, v.v... chỉ do tính lỗi sâu dầy, không đảm nhiệm Tăng dùng. Cho nên nói: Đến chỗ không vừa ý, dụ cho đoạn đầu. Đây mong mà không bước lên thêm quả Thánh.

Hỏi: Giới dâm dù bị ô nhiễm, chỉ gọi là phạm giới, trích ở văn nào? Đáp: trên đã chỉ rõ, lại bày rộng tướng, như nói trong pháp sám ở dưới, giới thể định ở thường hằng thanh tịnh. Trong đời có người phạm một giới dâm, ban đầu sợ hãi, sau đó lại nghĩ cho là mất giới, liền giận đồng theo lỗi đều phạm, há không phải do ngu si đối với giáo cương tự chôn vùi trong dòng thế tục, đâu biết chỉ phạm một giới dâm, các giới dâm đều không phạm. Thiên sát đạo thường thanh tịnh nghiêm nhiên. Năm tự dưới nghĩa đồng với lúc trước thọ, cho nên bọn đồng pháp, lý phải xét rõ.

Nếu trước trang nghiêm thanh tịnh, thức gá vào đời với năm trần dục nhiễm không sinh, do phương tiện trước. Nếu trước chẳng thu nhiếp, đối với cảnh chẳng thể không phạm. Đã phạm thì nghiệp thành, phải không ngăn che. Sớm trở lại thành vốn thanh tịnh, tiến vào các tầng. Nếu mê làm các điều trên, hoặc tự ôm ấp không tham gia việc chúng, tài pháp đều mất, lại bụng ưa thọ dụng, mình người đều đọa, há không buồn sao? Cũng không làm sao?

Hỏi: Luận Minh Liễu giải thích: bốn giới trọng này hễ hủy bất cứ một giới nào, thì các giới khác phân dùng không có lực. Như trong thân người bốn chỗ đã chết, hễ tổn một chỗ thân mạng chết ngay, do năng lực của giới yếu không phát sinh định tuệ.

Thập Luận chép: Nếu phạm bốn giới trong hủy pháp báng Thánh, khi chết đọa vào địa ngục A-tỳ. Người như thế đối với một thân không thể kết hết, chắc chắn đọa đường ác. Nếu có người ở trong pháp ta xuất gia trì giới căn bản thường siêng năng mạnh mẽ, tất cả sự cúng dường đều không luống thọ. Vì sao? Vì chí cầu giải thoát, cho đến xả thân mạng đều không hủy phạm. Vì sao? Vì bốn căn



bản, ba thừa y theo mà trụ. Trong Tứ Phần của Ni có tám giới Ba-la-di, bốn giới trước đồng với tăng, bốn giới sau như có nói riêng.

Luật Thập tụng chép: Trong phạm không đồng luật này

Tội đồng tên thì có trọng phạm. Tội đồng loại thì không trọng phạm. Đây là nói theo thiên đầu.

Văn nói: Sa-môn học hỏi phạm Tăng tàn làm cho thứ lớp trong tăng hành phứ tàng sáu đêm mới xuất tội. Ngoài ra như trong bộ khác như Luận Minh Liễu nói: Trong luật nói tội có năm bộ.

Giải rằng: Ở đây là thiên, nay y vào bốn nghĩa lập tên bộ.

Có hai nghĩa.

1. Nghĩa thành tựu căn bản
2. Nghĩa thuận theo căn bản

### **1. Thứ nhất Ba-la-di có mười sáu tội:**

Giải rằng: Mỗi giới đều có bốn bộ thành mười sáu tội.

1. Phương tiện xa: Như khi hành dâm, trước khởi tâm chưa động thân miệng trách tâm liền diệt.
2. Thứ lớp phương tiện, nghĩa là động thân thì miệng nói muốn làm. Đây là đối trước người sám hối diệt tên chung với cát-la.
3. Phương tiện gần. Đến bên người kia, hoặc muốn xoa chà đụng chạm thân, chưa giao hợp trước là Thân-lan-giá không thành Tăng tàn, nay tối đối trước người mà sám hối.
4. Thân giao hợp là căn bản

Ba phương tiện trước đều thành tựu nên gọi là tên bộ.

Nếu căn bản chưa thành ba điều trước có thể sám hối. Nếu đã thành tựu ba điều trước chạy theo căn bản đều không thể sám. Đây chính là nghĩa thuận theo. Còn ba điều lệ của bộ này, trong Tứ Phần chỉ nói thành là Ba-la-di, không thành là thân-lan-giá. Nếu y theo Thập tụng thì thân-lan-giá có chia ra nặng nhẹ. Trong Luận Minh Liễu chép: chỉ kết một phẩm. Xong, thân-lan-giá và Đột-cát-la thể là chung, tất cả đều phải biết. Như trong pháp sám có nói.

**2. Tăng-già-bà-thi-sa tỳ:** Luật Thiện Kiến nói: Tăng-già là Tăng, bà là ban đầu. Nghĩa là trước tăng cho yết ma Phú Tàng, nói thi-sa nghĩa là tàn, nghĩa là cuối cùng cho yết-ma xuất tội. Nếu phạm tội này tăng làm pháp trừ bỏ, theo cảnh mà lập tên.

Bà-sa nói: Tăng-già nghĩa là Tăng, Bà-thi-sa là Tàn. Nếu phạm tội này ô nhiễm ràng buộc hành nhân, chẳng hoàn toàn thanh tịnh. Vì tội có tàn do tăng trừ diệt. Trong Tứ Phần chỉ nói rõ Tăng tàn liền thành giải thích trên.

Lại nói: Ngoài ra vì hành pháp không dứt gọi là Danh.

Kinh Tỳ-ni Mâu nói: Tăng tàn là như người bị người khác chém, cổ họng sắp bị đứt cho nên gọi là Tàn, lý phải cứu sớm.

Cho nên giới luật nói: Nếu phạm tội này phải cưỡng cho ba-lợi-bà-sa. Vì gần với tội trọng. Nếu y cứ về loại thì có mười ba loại. Tăng như tùy tướng. Ni có mười bảy, sáu dị bảy đồng. Nói rộng như ở phần biệt thuyết.

Luận Minh Liễu giải thích: Tăng-già-bà-thi-sa thứ hai có năm mươi hai tội. Các bộ nói tội này khác nhau. Đây là Chánh Lượng bộ tên có ba nghĩa: Tát-bà-đa xứng với Tăng-già-bà-thi-sa có một nghĩa đồng với Chánh Lượng bộ.

Giải thích rằng: Do giới mà thấy mọi người hòa hợp, đây là nghĩa Tăng-già. Do hai sự không đồng không do định tuệ mà Phật lập giới.

Cho nên nói giới đồng, đồng một chánh kiến, cho nên nói kiến đồng.

Bà-thi-sa nghĩa là Tàn. Nếu phạm tội này, trong tăng nhận phòng xá, lợi dưỡng, thượng trung hạ ở ngoài ấy nên gọi là Tàn.

Ma-na-thùy dịch là Duyệt chúng ý, thuận theo tăng hay đều khởi tâm vui mừng. A-phù-ha-na dịch là Hô nhập chúng, chánh lượng bộ và Chi-thi-sa có ba nghĩa.

1. Như trước đã giải thích.
2. Nghĩa cứu: nghĩa là do tăng cứu giúp nên thoát khỏi tội này.
3. Nghĩa thắng: Khi hướng đến phạm tội thì thành người thấp hèn.

Do tăng cứu giúp lại được thanh tịnh, từ thấp hèn trở thành cao quý.

### **3. Nhóm Thâu-lan-giá.**

Luật Thiện Kiến nói: Do Thâu-lan dịch là Đại (to lớn), Già nghĩa là ngăn thiện đạo. Sau này đọa đường ác, thể là ô uế. Từ thể bất thiện để đặt tên. Vì có thể thành tội của hai thiên một và hai, lại dịch là tội lớn. Cũng dịch là thô ác. Thanh Luận nói: Chánh âm là Tát-thâu-la. Luận Minh Liễu giải thích Thâu-lan là thô, già là tội lỗi. Thô có hai loại:

1. Là phương tiện
2. Có khả năng làm cho dứt mát gốc lành, nên gọi là lỗi, vì y theo giới do Đức Phật lập ra mà thực hành cho nên nói là lỗi, như trâu đạp bờ rào phá ruộng vườn. Song lỗi trên cũng thông. Tội này trước hết phạm gọi là lỗi. Sau đó, từ ban đầu mà thọ tên. Như trâu sau theo trâu trước cũng được qua cõi.

Nhưng một tụ Thâu-lan-giá, tội gồm có chánh và tụng. Thể gồm khinh trọng. Luật bày có bảy tụ, sáu tụ đều bao gồm thâu-lan-giá. Hoặc ở trên dưới, ép có lý do. Trong luật hoặc chấp là Tăng tàn. Sau đó, do giới phân nên thâu tội gọi là trọng. Như hai thiên đầu phương tiện xa gần. Chính là loại độc đầu. Chánh tội phá tăng ăn trộm. Hoặc ở dưới đề-xá-ni, chính là oai nghi được nhiếp, tội gọi là Khinh. Như thiên thứ hai phương tiện xa là tội khinh, độc đầu nghĩa là ví dụ

khỏa thân dùng tóc. Nhưng giới và oai nghi chung riêng nêu qua lại. Chung thì giới, giới đều phi oai nghi, đều gọi là phạm giới. Nếu y cứ riêng đề luận, thì ba thiên trên lỗi tương thô, có thể trị nên gọi là giới, bốn lỗi dưới nhẹ, có thể sửa và thực hành nên gọi là oai nghi.

Nếu y cứ chia đều, thì bốn giới trước chẳng phải không có chánh quả, hai giới dưới là tạp, chung cho cả khinh và nhân. Nhưng nặng trong tạp thân-lan-giá nên xếp vào thứ năm.

**4. Bốn tụ ba-dật-đề**, nghĩa dịch là đọa, Thập Tụng nói đọa vào chỗ thiêu đốt địa ngục tối tăm. Tứ phần nói tăng có một trăm hai mươi loại phân lấy ba mươi giới. Do tài của mà sinh phạm, tâm tham lam kiêu mạn chế xả bi vào tăng nên gọi là Ni-tát-kỳ, còn chín mươi đơn hối người khác. Nếu y cứ vào thể của tội thì đồng một phần sám, ni có hai trăm lẻ tám giới. Thiên thứ ba, ba mươi xả đọa, ngoài ra nhập vào sám khác. Chúng tướng đồng khác như hiển bày riêng.

Xuất Yếu Luật Nghi nói: Ni-tát-kỳ, cựu dịch xả đọa. Thanh Luận chép: Ni dịch là tận, Tát-kỳ là xả, ba-dật-đề bốn gọi là ba dục.

Luận Minh Liễu giải thích: Ba-dật-đề, Bộ Ni-kha nói có ba trăm sáu mươi tội. Chánh Lượng bộ dịch là ứng công dụng. Giải có ba nghĩa.

1. Tội nhiều sâu kín khó biết tốt xấu

2. Tánh tội và chế tội

3. Thích huỷ phạm. Phải làm công dụng đối trị chớ để thâm nhuần khắp. Tát-bà-đa nói: Ba-la-da chất-chi-kha, dịch là ứng đối trị, thường phải suy nghĩ, nếu phạm liền biết. Thượng tọa bộ nói: Ba-chất-chi-kha, Hán dịch là năng thiêu nhiệt. Tội này đọa vào địa ngục kiêu hoán (la lồi) nhân lúc tâm có thể bị lửa nóng, quả thời có thể đốt cháy chúng sinh. Chỉ có ba bộ có hai phương tiện, ba mươi. Chín mươi nên có một trăm hai mươi tội, không có thân-lan-giá, có hai Đột-cát-la.

**5. Nhóm Ba-la-đề-đề-xá-ni**: dịch nghĩa là hướng về người kia sám hối, từ cảnh đối trị để đặt tên, luật Tăng-kỳ chép: Tội này phải phát lộ. Tức so với trong giới bốn luật nói đủ về bốn hối quá. Tăng có bốn loại như trình bày ở dưới. Ni có tám loại, hoàn toàn khác với Tăng. Luận Minh Liễu giải thích: ba-chi-đề-xá-ni bộ có mười hai tội, dịch là có đối ứng thuyết, nghĩa là những điều nói với người đều thành nghiệp.

**6. Nhóm Đột-cát-la**: Luật Thiện Kiến chép: Đột là xấu ác, cát-la là làm. Thanh Luận Chánh âm đột (dời chớ trái lại) là túc cát túc đạ.

Tứ Phần Luật giới bốn chép: Thức-xoa-ca-la-ni, dịch nghĩa Ứng đương học, vị tăng Ấn-độ nói là giữ giới, tội này vi tế, giữ rất khó. Cho nên tùy theo học, tùy theo giữ mà đặt tên.

Luật Thập Tụng nói: Dùng thiên nhãn thấy Tỳ-kheo phạm tội như mưa trút. Há chẳng chuyên quen nơi tâm. Nên gọi là giữ giới. Luật này có một trăm chúng

học, pháp ni đồng với đại tăng. Trong bảy nhóm phân một bộ này thành hai nhóm. Thân gọi là ác tác, khẩu gọi là ác thuyết. Hoặc nói Đột-cát-la ác thuyết, nhất định có giải và quyết đoàn như số thuật.

Luận Minh Liễu giải thích: Chẳng phải thuộc về bốn bộ, còn các tội khác cùng học đối, và luật Ba-tâu-đầu nói là tội. Tất cả đều thuộc về bộ độc-đa-kha thứ năm. Đây là tên Chánh Lượng bộ, vì chẳng khác thân khẩu nghiệp, ý dịch là ác tác. Hai bộ Tát-bà-đa nói: Đột là sắt-kỷ lý-đa, thân khẩu nghiệp dịch là ác tác, đồng dịch một tên mà nghĩa lại khác, chia về nặng nhẹ, nặng gọi là độc-kha-dà, nhẹ gọi là học đối. Âm Phạm là Thức Xoa-kha-la-ni, âm đời ở Trung Quốc là tức-khứ-khala-ni, đồng dịch là Học đối. Nếu không động thân miện là khinh, tâm mong cầu liền diệt.

Nếu động thân miện là trọng, đối người mới diệt. Lúc này không giải phân biệt nặng nhẹ tên thông nên người học sai lầm.

Nếu chỉ tâm địa khởi, không có phương tiện. Nếu động thân miện có hai phương tiện xa và gần. Nếu sám căn bản phương tiện theo đó diệt trong tội tâm trách nặng. Tội khinh chỉ nói không nên khởi tâm như thế. Ấy gọi là trách tâm sám pháp, cũng dùng chung ở dưới.

Tứ Phần giới luật nói: Buộc chặt hai trăm năm mươi giới làm cương yếu. Trên hết y vào thiên tự để trình bày đầy đủ. Dịch thô danh mục còn không hết.

Hai Pháp bất định ấy nhờ cảnh để nói thông sáu nhóm. Nếu nói về thể của tội thì sinh nghi không tin là Đột-cát-la. Văn rõ ràng ba tội, hai tội, lược nêu việc sinh nghi, rộng ra như số thuật. Trong bảy pháp diệt tránh tội cũng không có, chỉ cạnh đua với bốn tịnh, vì hai bên chưa hòa chế thuộc bảy ngày để dứt bỏ, văn nghĩa đã rộng, lý tướng lại sâu xa. Nhọc nhằn tuyên thích đều chưa cùng tận, cho nên lược mà không thuật, nhưng tăng ni đồng số cùng thành giới chung.

Hỏi: Năm thiên bảy tự nghĩa gì li hợp? Nay chỉ nói rõ là sáu tự?

Nói lập năm thiên, trong luật Tăng-kỳ chép: phải rõ về Tông, chỉ nói năm loại phạm, năm loại chế, năm phạm tự, sáu tự, bảy tự tức là văn dưới của Tứ Phần, nay lại chia năm, bảy loại khác nhau. Đầy đủ có ba nghĩa thì vào trong năm.

1. Danh đều
2. Thể đều
3. Rốt ráo đều.

Không đủ ba nghĩa này thì xếp vào tự, mà sáu, bảy sai phân cũng có ý nghĩa. Trong sáu hợp Đột-cát-la vì đồng thể. Trong phần bảy lia ác thuyết vì tội nhiều.

Hỏi: Tình hình bảy sáu tự gọi là thể, xin cho biết danh tướng về năm thiên bảy tự thể nào?

Đáp: nói năm thiên là:

1. Ba-la-di

2. Tăng tàn
3. Ba-dật-đề
4. Đề-xá-ni
5. Đột-cát-la

– Nói bảy tụ là:

1. Ba-la-di
2. Tăng tàn
3. Thâu-lan-giá
4. Ba-dật-đề
5. Đề-xá-ni
6. Ác tác
7. Ác thuyết

Lại bày rõ hai tên, rộng như trong giới bốn số nói

Hỏi: Trong luật tăng bày ra hai trăm năm mươi giới, giới bốn đầy đủ.

Ni thì có năm trăm, lời này hư hay thật?

Đáp: Hai bộ bày ra định số là nói theo chỉ, các bộ đều nói không hẳn y vào số. Nói về giới thể thì chỉ một điều không lạm, y cứ vào cảnh minh tướng là lượng trần sa. Lại chỉ hai trăm năm mươi giới, trì phạm là lỗi tất. Trong Luật ni có ba trăm bốn mươi tám giới, có thể được chỉ ở đây mà phòng ngăn, nay theo Trí luận nói: Ni thọ giới pháp lược thì năm trăm giới, nói rộng có tám vạn, Tăng thì lược có hai trăm năm mươi giới, rộng cũng đồng với luật nghi của ni, nói rõ điều phạm, quả báo tựu trung chia làm hai:

1/ Liễu giảm khởi nghiệp nặng nhẹ

2/ Dẫn văn chứng thành quả

Trong phần khởi nặng nhẹ phải nhờ ba độc (tham, sân, si) mà sinh

khởi. Nhưng độc khởi lên ở tâm ta là gốc. Nghĩa này rất rộng, Hành nhân phải biết. Như trong pháp sám nói rõ tướng nghiệp. Nay lược thuật khởi tội chắc chắn y cứ vào ba tánh mà sinh ra. Thọ báo nhiều ít đều do ý nghiệp làm gốc. Cho nên Luận Minh Liễu giải thích rằng: phá giới mắc tội nặng nhẹ không nhất định. Có tâm trọng phá giới khinh thì mắc tội trọng, không có tâm hồ thẹn làm điều gì cũng không sợ nạn. Hoặc do kiến khởi nghĩa cho rằng không có nhân quả. Hoặc do bất tín sinh khởi, cho là không phải Phật chế giới này, hoặc không tin phá giới này mất quả báo này. Hoặc do nghi sinh khởi, cho rằng điều Phật chế là chẳng phải, là định được quả báo hay không định được quả báo. Nếu do tâm phá như thế thì mắc tội càng nặng. Nếu không do tâm này, tình cờ phá giới, cho rằng như trong luật Tăng-kỳ nói Tỳ-kheo Tri sự mà mờ ám về giới tướng,

cùng dùng vật của Tam bảo, hề phạm điều gì đều là Ba-ladi. Hoặc thấy người chán sống, cho họ dụng cụ để họ chết, thấy thế tục sát sinh, xúi giục cho họ chết sớm, chẳng sinh khổ não. Đây đều là lòng từ tạo tội, trái với cảnh trước rất nặng, chẳng thể không biết liền khai không phạm. Do đó phải học đều kết căn bản, tức văn luật nói: ngu si thành Ba-la-di, cho đến Đột-cát-la cũng vậy.

Lại như Tát-bà-đa nói: Tỳ-kheo trẻ không biết giới tướng, cắt cỏ trên tháp tội phước đều có, nếu nói về quả báo chịu tội thì nhẹ, do vốn khéo niệm nên không tăng thêm khổ nữa. Không khỏi địa ngục, do trái với thọ thể. Nếu phạm tánh giới thì thọ đủ hai tội. Nghĩa là nghiệp đạo. Cho đến trái với quy chế. Nếu phạm giá giới như hoại cỏ cây, chỉ mắc một tội. Vì trong sự giáo hóa vốn không như chế, vô tình có thể phiền não. Nếu sau đó sám hối rồi rửa tội được thanh tịnh trở lại, không đồng với tánh phạm, rộng ra như trong Trí luận nói.

2. Tâm bất thiện, nghĩa là hiểu biết về giới tướng, hoặc lại ám học khinh mạn lưới giáo. Chê bai lời Phật. Như Luận Minh Liễu nói. Có bốn loại về lời thô ác phạm tội.

1. Tâm Tham, sân, si thô trực
2. Không tin nghiệp báo
3. Không thích thọ giới
4. Khê chê lời Phật.

Có tâm gây ra thì bị quả báo nặng, lấy văn này làm chứng. Do không hổ thẹn, ban đầu không hối hận tâm bất thiện này. Cho nên Thành Luận nói có tâm hại giết con kiến tội nặng hơn có tâm tứ giết con người.

Do nghiệp căn bản nặng, quyết định thọ báo, dù sám hối cũng

mắc tội, nghiệp đạo không dứt, như Thập Tụng chép. Đê-Bà-Đạt-Đa phá tăng phạm thâm-lan-giá, Phật bảo sám hối trước tăng, thế mà nghiệp đạo còn đọa A-tỳ, cho nên Kinh Địa Ngục nói.

1. Nhất định tạo nghiệp
2. Nhất định thọ quả.

Oai thần của Chư Phật không thể nào chuyên, rộng ra như quyển cuối nói

1. Tâm không nhớ phạm, nghĩa là vốn chẳng nhiếp hộ, theo dòng mặc tánh, ý chẳng thiện ác, nổi trôi như vậy mà gây ra. Như Tỳ-kheo ngồi lớn tiếng, luận bàn rộng suông, phí thời gian tổn đạo nghiệp, buông thả thân miệng, hoặc chân tay làm tổn thương cỏ cây đất cát, cùng tăng cưới hỏi, vọng dùng vật của tăng. Chưa y quá hạn, phi thời đến nhà người thế tục, tay dụng chạm bình của tăng, hoại oai nghi thân miệng khẩu, các ví dụ như thế đều phạm.

Chỉ trừ thường khởi tâm hộ trì nhâm lẫn mà gây ra. Điều này chẳng phải tâm sai sử không chiêu cảm nghiệp tương lai. Chẳng phải như trên, trước làm phương

tiện. Về sau ngủ, cuồng say bèn thành nghiệp quả, chung với kết chánh ở trước, lại như trong luận vô ký chiêu cảm quả báo.

Hỏi: Vô ký chung có nghiệp sao có quả báo?

Đáp: Giải thích có hai cách.

1/ Nói chiêu cảm quả báo: Trước có phương tiện, sau vào vô ký, nghiệp thành ở trong tâm vô ký cho nên nói chiêu cảm quả báo, mà thật ra vô ký chẳng nhớ quả báo.

2/ Không cảm quả báo chung: chẳng thể không thọ riêng, như trong kinh nói Tỳ-kheo đầu-đà, bắt giặc sát sinh, sinh mạng người kia đọa vào loài heo rừng, trên núi lăn đá, do núi lở lăn xuống lại giết Tỳ-kheo.

Ngũ Bách Vấn chép: Tri sự đưng nhằm tịnh khí, chết làm loài quỷ ăn phân

Như trong Thành Luận nói: Ngủ nghỉ thành nghiệp là nghiệp vô ký.

Hỏi: Như trước nói vô ký, có người không phạm, tướng ấy thế nào?

Đáp: Trước đã lược rõ, nay lại chỉ rộng, cho là học biết giới tướng khéo thông đạt trì phạm tâm thường cân nhắc. Bồng quên, mê mờ duyên do chẳng phải ý. Cho nên khai không phạm. Như chứa y, quá hạn, quên không thuyết tịnh, khéo nhiếp căn môn, bèn ngủ, ra chất bất tịnh, nâng đỡ cây đá, lỡ tay làm chết người, các duyên như thế đều chẳng kết hạn. Trái với trên đều kết chánh phạm, thế nhưng nghiệp khổ chứa nhóm, sinh báo chẳng cùng. Dù thân miệng ô nhiễm trần cảnh, đã không có ba điều lành có thể phụ giúp, chỉ thêm ba nghiệp ác chuyên xoay khổ cực.

Do kinh nghiệm này sống có thể than thở.

Hai là dẫn chứng thành quả báo, như kinh Mục-liên Vấn Tội Báo nói. Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, không có tâm hổ thẹn, khinh chê lời Phật, phạm Đột-cát-la, tội giới chúng học, như Tứ Thiên Vương thọ năm trăm tuổi, đọa vào ngục nê-lê, bằng số ngày ở nhân gian là chín trăm ngàn năm.

Tội Ba-la-đề-đề-xá-ni: như tầng trời ba mươi ba thọ mạng một ngàn năm, đối với nhân gian là ba triệu sáu mươi ngàn năm, đọa vào địa ngục.

Tội Ba-dật-đề, như trời Dạ-ma thọ mạng hai ngàn năm, đối với nhân gian là năm mươi ức sáu mươi ngàn năm.

Tội Thân-lan-giá, như trời Đâu-suất thọ bốn ngàn tuổi, đối với nhân gian là năm mươi ức sáu mươi ngàn năm.

Tội Tăng-già-bà-thi-sa: Như trời Bất Kiêu Lạc thọ tám ngàn năm. Đối với nhân gian là ba trăm ba mươi ức bốn mươi ngàn năm.

Phạm tội Ba-la-di, như trời Tha Hóa Tự Tại thọ mười sáu ngàn năm đọa vào địa ngục nê-lê, đối với nhân gian là chín trăm hai mươi một ức sáu mươi ngàn năm. Trong kinh Niết-bàn nói phạm tội Độtcát-la như ngày tháng năm ở cõi trời Đạo

lợi, là tám mươi vạn năm, đọa trong địa ngục, không giống với văn kinh trên. Đây cho là số có lớn nhỏ, tức vạn vạn là tượng của ức, tự dẫn văn kinh trên đều là dịch đúng Phật Thuyết. Chẳng cho là mất tên người dịch, nghi ngại, chớ được buông tâm tội cảnh, từng không biết một điều phạm còn vào trong chốn hình phạt, phạm nhiều lý phải nhiều kiếp. Thời nay, người không biết giáo, phần nhiều tự hủy làm tổn thương nói: giới luật này cấm chỉ, là pháp của Thanh Văn, ta là Đại thừa, bỏ như đóng phân. Giống như lá cây vàng, trâu ngựa gỗ, cuồng cấm chỉ trẻ con. Giới pháp này cũng lại cuồng như thế, ông là đệ tử Thinh Văn. Vốn là đại tiểu nhị thừa, lý không phân cách đối cơ. Giả sử thuốc trừ bệnh là trước, trước tâm ở vườn nai xướng gốc là Thanh Văn, tám vạn vị trời liền phát đại đạo. Ở hai cây sa la nói nhập diệt, cuối cùng hiển bày Phật tánh mà có thính chúng đắc quả thành La-hán. Từ đây suy ra, ngộ hiểu có tâm không chỉ là giáo chỉ. Cho nên ở đời, thấu đạt căn cơ, chúng sinh, những điều đáng làm thì làm, ắt ấy oai nghi làm chính, nhưng do thân miệng mà phát ra việc, dùng giới đề ngăn ngừa, ba độc khởi lên phải do tâm sai sử. Nay trước phải dùng giới ngăn ngừa, kế lấy định ràng buộc. Sau đó dùng tuệ giết, lý là như vậy. Nay có người hư hỏng, không biết địa vị của mình vọng từ bày nói là Đại thừa, khinh chê chân kinh, tự trọng giáo mình, tức Kinh Thắng-man nói Tỳ-ni chính là học Đại thừa.

Trí Luận nói: Tám mươi bộ chính là Thi ba-la-mật: kinh luận như thế không lọt vào tai, há không buồn sao?

Cho nên Kinh Ma-da nói: Nếu Tỳ-kheo trẻ tuổi ở trong chúng hủy báng tỳ-ni, phải biết đó là tướng pháp diệt.

Kinh Niết-bàn nói: Nếu nói, Như lai nói phạm Đột-cát-la như số tuổi ở trên nói đọa vào địa ngục. Lại là Như lai phương tiện, rõ người như thế, phải biết chắc chắn là kinh luật của ma.

Chẳng phải lời Phật nói. Lấy văn này làm chứng, Như lai đoán biết vị lai có việc đó. Cho nên trước nói dạy bảo để định tà chánh, không có sự lạm dụng, mà có đồng quần đảng ở trước, có thể gọi là dân ma. Lại kinh như Di Giáo, v.v... đều cho Tỳ-ni là Đại sư, nếu ta ở đời cũng không khác, thế nhưng cố trái nghịch thì tự chuộc ương họa, cho nên kinh Bách Dụ nói:

Xưa, có một vị thầy nuôi hai người đệ tử, mỗi đệ tử phải thường xoa bóp chân cho thầy. Đệ tử lớn ghét đệ tử nhỏ, bèn bẻ gãy chân người kia đang bóp, đệ tử nhỏ ghét lại bẻ gãy chân người kia đang bóp. Ví dụ người mới học Phương đẳng ngày nay chẳng phải là Tiểu thừa, người học Tiểu thừa lại chẳng phải phương Đẳng cho nên làm cho pháp điền đại thánh hai đường đều mất. Lấy đây làm chứng để biết, nay tự mất thấy. Lại Bồ-tát lập giáo thông đạo cứu tục có duyên thì làm, không nhiễm bụi trần. Bạc Đại sĩ sơ tâm, đồng với luật nghi Thinh Văn, chê bai tánh giới trọng không khác, tức trong kinh Niết-bàn, La-sát xin một chút phao nổi, Bồ-tát cũng không cho, thí dụ cho hộ trì giới Đột-cát-la.



Lại Trì Luận nói: Bồ-tát xuất gia thủ hộ giới cho nên không cất chứa tài vật. Vì công đức của giới hơn sự bố thí. Như ta không giết mà bố thí mạng cho tất cả chúng sinh. Lấy văn này làm chứng. Nay người lạm học Đại thừa, thực hành chẳng thể nói sự thật, thẹn mình hủy phạm nhằm lẫn, tự khen ngợi.

Ta có nói rằng: Giới là pháp nhỏ có thể xả bỏ, liền không chịu có thể giữ gìn. Lại không chịu há chẳng hợp với phiền não. Cuối cùng khó ngăn dụ lại đáng thương. Nay tăng ni đều thuận giáo, y theo pháp thọ giới, lý phải hộ trì, đây thì thành thọ, nếu không hộ thì theo thọ vẫn không thành. Hình nghi có thể trụ trì Phật pháp.

Cho nên Tát-bà-đa nói: không có tâm ân trọng, không phát khởi không làm, dù cho thành thọ, hình nghi có thể trụ trì Phật pháp, lý phải đồng hộ. Thời nay thế phát xuất gia, bốn tăng yết-ma, già-lam lập bày dẫn dắt đạo tục, hễ làm những điều toàn là giới luật, nếu sinh thiện thọ lợi cần phải thân bình ngự, miệng nói ta sẽ làm. Nếu ô nhiễm giới khởi lên sai trái. Trái phạm lưới giáo, liền nói ta là Đại thừa không quan hệ gì đến Tiểu giáo. Cho nên Phật lập dụ Tỳ-kheo chim chuột, lừa mặc da sư tử, hủy báng chê trách, đâu đợi trình bày hiển lộ. Sợ sau này người mới học không biết, bị trần làm nhiễm cho nên dẫn ra bày tỏ, còn sợ đồng nhiễm, buồn thay.

---o0o---

## THIÊN THỨ 14: TÙY GIỚI GIẢI THÍCH TƯỚNG

(Thiên này dùng ý y theo luật điều. Nhưng vì chánh bốn trì phạm chưa đủ, lại trình bày ở dưới. Nay vì các thiên chưa đủ, sinh riêng một vị, làm cho các điều lý tùy tướng chỉ cho quỹ cách nhất định.

### TỶ-KHEO CÓ 250 GIỚI

Trí Luận nói: Nếu chỉ nói danh tự thì có hai trăm năm mươi giới, trong Tỳ-ni thì lược nói có tám vạn bốn ngàn, nói rộng ra có vô lượng vô biên. Cho nên người xuất gia có vô lượng vô biên luật nghi, người tại gia không đủ thì ba-la-mật. Người xuất gia thì đủ giới độ.

Y theo đây tu hành, khéo biết chủng tướng, thì phát sinh định tuệ, chế phục phiền não. Nếu mờ tối duyên theo dòng nhiễm mê hoặc thì đâu thể ngược dòng sinh tử, mới bị trôi lăn trong đường khổ. Cho nên y vào giác xuất tướng hiển bày rõ trì phạm. Nhất định y theo đây thực hành. Ngõ hầu không có họa hại. Nay chỉ tùy theo giới chỉ riêng, bày tỏ thẳng tiến, nếu thông rõ tâm cảnh, đầy đủ trong khuôn phép trì phạm. Nhưng giới là con thuyền ra khỏi sinh tử, là tông yếu của người xuất gia. Người thọ lấy pháp giới làm lượng, người trì sùng vầy càng nhiều, là do mê muội bôn thuyền, tùy đắm nhiễm theo trần sa. Đây dù là được Bạc Thánh Hiền đồng khâm phục, nhưng sao được tránh né không luận bàn.

Cho nên thẳng bút ghi, lược chia bốn thứ khác nhau:

1. Giới pháp, đây tức lá thể, đạo chung cho xuất ly.
2. Giới thể, tức là gốc sinh ra các hạnh.
3. Giới hạnh, nghĩa là phương tiện tu thành, thuận theo thể bốn thọ.
4. Giới tướng, tức thiên này nói rõ, bày chung thiên tu. Trước là pháp giới thọ duyên đã rõ. Nay lược nêu hiển rõ biết nguyên do lỗi tắt. Lại chia ra bảy môn.
5. Nền tảng gốc của Thánh đạo. Như Thành Thật nói: giới như bắt giặc, định như trói giặc, tuệ như giết giặc, ba điều này thứ lớp bậc Hiền thánh thực hành. Tức kinh nói, nương vào giới này được sinh thiên định, dứt được các khổ, phát sinh trí tuệ.

Lại luật nói: Vì điều phục ba độc hết nên chế tăng giới học.

Lại nói: giới là đầu mắt của hạnh căn, nhóm các pháp lành, thành tựu tam-muội. Lại Trí Luận nói: Nếu không có giới này, tuy hành các khổ đều gọi tà hạnh. Tức kinh nói, các công đức lành đều không sinh được. Ngoài ra rộng như trong giới bốn số nói.

6. Giới có đại dụng: Chư Phật lập giáo đều có công năng cao quý, giải thích nghĩa mỗi mỗi đều khác, lý phải lược nêu. Phạm bậc Tam Hiền sở dĩ được an, chín đạo sở dĩ thầy dạy, các hành quy về y chỉ vào Hiền Thánh, nhất định là tông và giới, cho nên luật nói:

Các Phật tử như thế, tu hành cấm giới bốn, đều không theo dòng tà, chìm trong biển sinh tử. Lại giới kinh chép: Nếu có người tự mình vì thân muốn cầu Phật đạo, phải tôn trọng chánh pháp. Đây là lời Chư Phật dạy, cho nên khi kết tập Ba tạng, lời dạy này được nói trước hết.

Luật Thiện Kiến nói: tạng Tỳ-ni, là mạng sống của Phật pháp. Tạng Tỳ-ni còn Phật pháp mới còn, cho nên trước hết kết nguyên do như vậy. Còn kinh chỉ nói rộng về sự giáo hóa hiển bày nhân quả. Sự tùy theo lý mà thông, lời nói không có gởi nhờ. Ý thật sâu xa, người hôn mê chưa thông đạt, tuy muốn tiến tu, ít được yếu chỉ, dính mắc vào tướng, do mê giáo chỉ. Nay giới luật đại tạng trụ trì công đức, những điều tạo ra đều thô hiện, vì người thì hình phục khác đời, pháp thì khuôn phép dùng có oai nghi, ở đã không giống tạp hạnh thế tục, rõ ràng tự khác. Do đời theo hướng có pháp chạy theo liền thành, bèn có thể cương yếu không đọa vào địa ngục. Lại vì pháp có thể làm tư lương cho người, đích thân thành các hạnh, giúp cho người hoằng được pháp, cho nên luật nói: vì chúng hòa hợp nên Phật pháp được tồn tại lâu dài.

7. Lược giải danh nghĩa. Y theo bản phạm lập đủ ba tên gọi.

1) (Trước) nói về Tỳ-ni (hoặc nói tỳ-nại-da, hoặc nói tỳ-na-da)

Hán dịch là luật, tức trong mười tám pháp của Tứ Phần, Tỳ-ni và luật hai tên không đi chung. Lại Tăng Nhất nói có bảy thứ luật, nghĩa là bảy Tỳ-ni, hoặc vì

diệt mất, phiên từ công năng để gọi, chứ chẳng phải chánh dịch, cho nên lấy luật dịch nói mới phải chính nghĩa.

2) Nói về Thi-la, Hán dịch là Giới, tức sáu độ đã nói làm chứng tốt có thể biết.

3) Gọi là ba-la-đề-mộc-xoa, Hán dịch là Xứ xứ giải thoát, hiển bày ba loại thứ lớp tức là một hòa đầu đuôi. Luật thì y cứ vào giáo, giáo thì không cô khởi, nhất định nói rõ hành tướng giới thì do đó mà lập. Giới chẳng phải là nhân rộng không, ắt có quả rõ ràng. Cho nên giải thoát dứt ràng buộc đặc ở cuối.

Nói rõ về nghĩa của nó

Trước nói luật là pháp, nghĩa là phạm hay không phạm các pháp nặng nhẹ, và luật nói rõ tức là giáo thuyên.

Hỏi: Ngoài ra hai tạng cũng nói về hành pháp, sao không nêu tên gọi?

Đáp: Trí luận nói: Ngoài Tạng nói ý cũng còn định tuệ.

8. Trong đây hiển bày giới hạnh làm nền tảng của muôn điều lành, cho nên trước lấy tên pháp phát sinh hai điều sau. Cho nên trước nêu luật. Do năm chúng xuất gia, hình tướng y phục khác thế gian, hiển bày pháp bên trong cũng khác. Mà ngoại đạo thế tục lạm dụng đồng với Thánh tích không do đâu có sự màu nhiệm đặc biệt, vì pháp trừ cho nên sáng lập tên gọi luật, dùng để hiển bày tri pháp, ngoài ra như thường giải thích.

9. Giới nghĩa như tạp tâm nói, nghĩa là thông pháp giới, rộng ra như Trí Luận nói giới, đời Tần dịch là tánh thiện.

Lại Kinh Thiện sinh nói: giới là điều chế, chế pháp bất thiện.

Hoặc nói: tánh hẹp hòi không dung ác, hoặc nói: mát mẻ, ngăn lửa phiền não, hoặc gọi là thượng (lên), có thể lên cõi trời, đến đạo vô thượng. Đây chỉ từ công năng mà rõ tên. Hoặc nói theo tâm, như kinh nói học, học tâm điều phục v.v... Hoặc thành tựu thể, hiểu được giới làm, không làm. Như Tạp Tâm nói: Biệt giải thoát điều phục, vì thể là thiện, chẳng phải ác, vô ký. Nhân Minh Chánh nghĩa nói giới là tánh. Vì tánh có cả thiện lẫn ác. Loại ác luật nghi cũng chung khắp. Cho nên nói: bất luật nghi. Nếu lập tên giới này phải cấm. Pháp ác cấm pháp lành gọi là Luật. Đời trước thích giết thực hành thuận theo pháp này, gọi là nghi. Y cứ vào luật nghi trái với lời giải, đây là lấy giới theo giáo mà đặt tên.

Lại luật nói: Mộc-xoa nghĩa là giới, nhân này từ quả mà được gọi tên.

10. Nghĩa giải thoát. Gắn thì rõ tên tùy phần quả, nghĩa là bảy điều thân miệng chẳng phạm duyên chẳng phải một, mỗi việc ngăn ngừa theo tướng giải thoát. Xa thì lấy giới đức, do giới mà thánh thành. Mong

người kia dứt lụy do vâng theo giới bốn. Cho nên luật nói: dứt trừ Kiết sử không ngại ràng buộc chấp trước. Do đây mà tiêu, ngoài ra như nói ở sau.

## 11. Cụ duyên khác nhau.

Nếu nói về thời mạng pháp. Chỉ nói về yết-ma một lần thọ, chắc chắn nhờ vào nhân duyên mới có thể đứng vững lâu dài. Tướng của sự duyên thọ ấy như môn trong quyển thượng, nhưng thọ là cội gốc Phật pháp đại cương của Tỳ-kheo. Lại lược nêu: Theo luận Tỳ-ni Mẫu nói có năm duyên.

a) Hòa-thượng đúng pháp

b) Hai A-xà-lê đúng như pháp: Nghĩa là việc mà đệ tử thấy nghe không phá giới, chịu làm nghĩa sư, là được giới hạn.

c) Tăng thanh tịnh: Nghĩa là người thọ ba căn không nhiễm, thông vọng thật sự. Tất cả trong sự thấy, nghe, nghi không phi pháp. Mới được thành thọ. Có ba căn cảnh không đủ số, tâm không đủ pháp, biết rõ sai trái. Cho nên thọ không thành.

d) Yết-ma thành tựu. Trong luận nói: Nếu ngôn ngữ không đủ trước sau không thứ lớp, nói không rõ ràng đều không thành thọ.

e) Chúng tăng hòa hợp giới dục. Nếu có tướng riêng chúng, như trong pháp túc số có nói, thọ cũng không được.

Lại nói: Nếu người tại gia thọ năm giới, tám giới cho đến mười giới, tùy theo hủy phá một giới trọng, người như thế, sau này xuất gia không đắc giới, không được làm Hòa-thượng. Tức là thuộc về nạn trước tiên trong mười ba nạn, còn mười hai nạn đồng. Tát-bà-đa nói: nếu người thọ năm giới phá giới trọng, về sau xả năm giới lại thọ năm giới, tám giới, mười giới, giới cụ túc, thì tất cả giới vô lậu thiên đều không được, cho đến phá giới trọng trong tám giới không được như trước. Kinh Tỳ-ni Mẫu nói: Không ra ngoài giới trường, lại không kết đại giới, kết tăng tiểu giới thì không được thọ giới cụ túc. Nay có người gặp nạn nhân duyên Kết tiểu giới thọ cũng là phi pháp. Đa Luận lại nói: Nếu tâm ân trọng, thì có làm và không làm. Người tâm khinh chê không phát, không làm. Lại như thọ, sau đó trì đủ có thể là nguyện hạnh tương ưng, nhờ luận đắc giới có thọ không trì, chỉ có nguyện rộng sông, không có hạnh để phụ, thì không đắc giới.

Luật nói: đồng giới với Tỳ-kheo, vì thọ trì đồng, có thể có đắc giới, người phạm giới trái với trên thì không có giới, cũng không có phạm.

Đa Luận nói: Khi yết-ma xong là do tâm thiện đắc, hay do tâm bất thiện đắc, hay do tâm bất thiện và vô tâm mà đắc?

Đáp: Thông là đắc giới.

Hỏi: Nếu vậy vì sao luật nói: Sân, si cuồng loạn, người như thế không gọi là thọ cụ túc?

Đáp: Khi tác bạch, đủ bốn tâm trên, không gọi là đắc giới, nghĩa là duyên rộng ngoài ra tâm thiện, vô tâm duyên giới, lại không xếp vào loại vô tâm.

12. Hơn kém: Do lập môn này mà biết, giới là cốt lõi duyên lành để vào đạo, mới có thể giữ gìn không mất tướng. Bà Luận nói:

13. Giới mộc-xoa, Phật tại thế có ít, nay nhiều hơn xưa, tất cả thiên vô lậu giới thời có hai:

14. Mộc-xoa hữu lậu có cả hữu tình và vô tình, vì rộng cho nên nói thẳng, ngoài hai hạn cục về tình, vì hẹp nên không biết.

15. Mộc-xoa hữu lậu, vì từ lòng từ phát khởi công năng cao siêu, lấy Phật đạo làm nhân.

Bốn giới mộc-xoa. Đến bảy chúng, kể nối Ba thừa, Tam bảo, Tam Đạo, trụ trì công cương, ngoài điều hai không có công năng cho nên thấp kém. Năm giới mộc xoa chỉ đệ tử Phật mới có, còn thiên giới thì ngoại đạo cũng có. Luật Thiện Kiến nói: người cụ túc, mộc xoa trong các ánh sáng, các núi các sự học trong sự học của Tu-di, ánh sáng mặt trời, mộc-xoa là hơn hết, nên cho là cao siêu. Nếu không có Phật ra đời thì không có người đứng lập pháp này.

Sáu thọ tại y: Y theo tông của Tát-bà-đa nói giới không phát tri cũng không thọ tri, tội cũng không phạm tri, y bản thường định. Cho nên trong tâm A-la-hán hạ phẩm như vậy. Vì sao giới có mạnh và yếu phải không?

Đáp: Đây đối với tùy hành vi, không luận thọ thể, cũng có thể làm giới tại một niệm tùy tâm một phẩm định, không làm vô tâm trọn đời tùy hạnh có thêm bớt.

Thành Luận chép: Có người nói: Ba-la-đề-mộc-xoa có phát tri không?

Đáp: Trong một ngày thọ bảy thiện oai nghi, tùy chỗ đắc đạo lại được luật nghi mà vốn được không mất cao quý được tên.

Bảy thiện oai nghi: nghĩa là năm giới, tám giới, mười giới, cụ giới, thiên giới, định giới, đạo cộng giới.

Như Tát-bà-đa Sư Tư Truyện nói: Trọng thọ tăng là thượng phẩm, vốn hạ không mất.

Tăng truyện nói: niên hiệu Nguyên Hy năm thứ mười đời Tống,

Tuệ Chiếu chùa Kỳ Hoàn, v.v... cho đến vị Tăng người Thiên-trúc như Tăng-bạt-ma xem trọng việc thọ đại giới. Hoặc hỏi lý do ấy.

Đáp: Vì nghi thức thọ, hoặc trung hoặc hạ, vì cầu tăng sự cao quý. Nên phải trọng thọ, y vào bốn tháng chạp.

Bảy chánh nham thọ duyên; tôi nghe có người nói: Đất này thọ giới trước không theo như vậy. Dù người nay thọ ít, trái với duyên đủ lý được nghi gì?

Chỉ là tâm vâng giữ giới, phải chăng là hạn cục đắc giới. Bỗng nghe lời này không học bụi ngủi, há là long trời lở đất người điếc không nghe.

Trời sáng người mù không thấy, đã đồng với sự biết, đâu vọng điều để nói. Cho nên trích dẫn Thánh giáo minh bạch rõ ràng. Đã duyên thành thọ hay không đủ

không được. Đất này thọ giới cụ túc tăng truyền hiển rõ dù duyên cảnh có lạm, y theo pháp cũng có quyết rõ.

Như trong phần thọ ở quyền trước, có người đời Hán nói cảnh thọ duyên.

Từ lúc bắt đầu Hán Minh nằm mộng, Ca Trúc truyền pháp đã đến, lúc sắp đến Tào Ngụy, tăng đồ rất thanh hành chưa có bảm quy y thọ giới. Chỉ vì lợi lạc hơn thế tục. Thiết bày trái sám đồng miếu thờ. Sau đó có vị tăng người Trung Thiên-trúc là Đàm-ma-ca-la, Hán dịch là Pháp thời, tụng các bộ Tỳ-ni, đến niên hiệu Gia Bình đời Ngụy đến lạc Dương, lập yết-ma thọ pháp. Giới luật bắt đầu hình thành. Y cứ theo dùng mười tăng đại hạnh Phật pháp sửa đổi trước vọng học, trích từ Tăng-kỳ giới tâm. Lại có Sa-môn Đàm đế nước An-túc cũng biết về luật trích ở Đàm-vô-đức Yết-ma. Chính là bắt đầu đại tăng thọ pháp, duyên đầu tiên Tỳ-kheo-ni thọ giới cụ túc. Đến niên hiệu hiệu nguyên gia năm thứ 7 đời Tống, có Sa-môn nước Kế-tân tên Cầu-na-bạt-ma đến Dương Châu dịch các kinh như Kinh Thiện giới, v.v... Sau đó có tám người ni nước Sư Tử đến nói: đất Tống chưa có kinh mà có ni, đâu được hai chúng thọ giới.

Bạt-ma nói: Ni không làm bỗ pháp, Đắc giới đắc tội, tìm chế ý của Phật pháp xuất đại tăng. Chỉ làm cho tăng pháp thành tựu, tự nhiên đắc giới. Cho nên bảo trước phải làm bỗ pháp, chính là muốn phát sinh niềm tin làm phương tiện thọ giới. Đến khi đắc giới, khi đại tăng yếtma, các ni khổ cầu lại thọ.

Đáp: Lành thay ! Tất cả giới định tuệ từ sự mâu nhiệm mà đến. Nếu muốn thêm rõ thì tùy hỷ. Lại bảo Ni phương Tây học nói, lại đến Trung quốc thỉnh ni đủ mười vị. Đến niên hiệu Nguyên gia năm thứ 10 có Tăng-già-bạt-ma, Hán dịch là Chúng Khải, giải thích Luận Tạp Tâm, vượt sa mạc đến Dương Châu, trước Cầu-na hứa cho ni thọ lại, chưa đủ đã qua đời. Không lâu, có ni nước sư tử ba người như Thiết-tácla, v.v... đến Kinh đủ mười vị liền thỉnh. Chúng Khải làm thầy, ở trên đàn vi ni truyền lại. Trích ở cao Tăng, danh tăng, tăng sử, Tăng lục, và Tạp lục đời Tấn, Tống, cho nên lược xuất duyên khởi để làm khuôn phép mãi mãi.

– Giới thể, chia ra bốn môn:

1. Tướng trạng giới thể
2. Thọ tùy đồng khác
3. Duyên cảnh rộng hẹp
4. Phát giới số lượng

– Trong phần tướng trạng giới thể có năm môn.

1. Biện thể nhiều ít
2. Lập hai nguyên do tức giải danh nghĩa
3. Nêu ra thể trạng
4. Trước sau sinh nhau

## 5. Không làm nhiều ít

Trong phần biện thể nhiều ít nguyên do biệt giải thoát giới, mọi người đều thọ, và luận biết rõ chỉ có thể năm, ba người đều do trước không thông đạt, không hỏi rộng ra. Dẫn đến chánh thọ nhiều mà mù mờ thể tướng, mù trong mộng duyên thành mà thôi, luận được không man mác đồng hà hán. Cho nên trước đến với tùy tường. Các môn chỉ rõ, y cứ biết mình đắc giới thành không, sau đó trì phạm mới có thể tu là.

Hỏi: Giới biệt giải thoát có mấy loại?

Đáp: Nói về thể y cứ cảnh thật có vô lượng, giới vốn phòng ác. Vì duyên ác nhiều, phát giới cũng nhiều.

Cho nên kinh Thiện Sinh chép: Chúng sinh vô lượng, giới cũng vô lượng. Nay lấy nghĩa suy ra chỉ có hai loại: Tác và vô tác, hai giới đều thu, không có cảnh, không cùng tận. Hai lập hai nguyên do đều giải danh nghĩa.

Hỏi: Trong phần đầu sao không lập một và ba loại?

Đáp: Nếu đơn lập tác, tác thể tạ thì không thể ngăn quấy, lại không thể thường làm, cho nên phải vô tác, mãi ngăn quấy nếu đơn lập vô tác thì khởi không có sự bắt đầu, không thể có khởi phải nhờ làm mà sinh.

Hai pháp tướng nhờ không được lập một sao không lập ba?

Chỉ do đạo lý thể tướng trái nhau

1. Tác khác với vô tác

2. Tâm và phi tâm tánh khác, không thể hợp chỉ được lập hai, nếu sự phòng ngừa, tùy cảnh vô lượng, hai dẫn chứng:

– Như Bộ Tát-bà-đa nói: Nếu thuần trọng tâm, thân miệng không giáo.

1. Một niệm sắc đầu có thân khẩu giáo và vô giáo.

2. Trong niệm thứ hai chỉ có vô giáo, không có giáo ấy (giáo là tác không thể dạy người (khác)).

– Kinh Niết-bàn nói: Giới có hai loại:

1. Giới tác

2. Giới Vô tác

Người này chỉ có tác, không có vô tác, nên gọi là giới, không đầy đủ tức như trên nói. Vì không tâm thuần trọng, không thể vãng hành, ý có không phát giới.

Lại Kinh Thiện Sinh nói. Mười pháp ác này hoặc có sắc tác, không có sắc vô tác. Hoặc có sắc tác và sắc vô tác, dụ như người tay cầm hương thân, vật hôi, ngói, gỗ, v.v... Các văn trên có hai chẳng phải rỗng suông. Kế là giải thích danh nghĩa.

Hỏi: Đã biết hai giới, xin giải thích tên ấy.

Đáp: Nói làm, như người thợ gổm luôn tay làm gọi là Tác.

Cho nên Tạp Tâm chép: Tác là thân động, thân phương tiện nói không làm, một khát tiếp tục hiện trước sau thường có. Bốn tâm ba tánh không nhờ duyên biện. Cho nên Tạp Tâm nói: Thân động diệt rồi, và thức khác đều là pháp tùy sinh, nên gọi là Vô tác.

Phẩm Vô tác trong Thành Luận nói: Do tâm sinh tội phước, ngũ nghi, chết giắc là thời thường sinh, nên gọi là Vô tác.

Thế nào gọi là giới, giới ngăn pháp ác.

Kinh Niết-bàn chép: Giới là ngăn tất cả pháp ác. Nếu không làm ác thì gọi là trì giới.

Trong kinh Thiện Sinh nói rõ năm nghĩa, như trước chế ra cho người học cao giải. Ba là nêu ra xuất thể trạng, hai luận khác nhau. Nay y theo bốn tông, y cứ vào Thành Luận để giải thích Trước nói về tác giới thể, luận chép:

Dùng nghiệp thân miệng tư duy làm thể, nói về thân miệng chính là dụng cụ tạo thiện ác. Vì sao?

Như người vô tâm sát sinh không phạm tội sát, nên biết lấy tâm làm thể. Văn nói: ba loại nghiệp này đều chỉ là tâm. Là tâm không suy nghĩ thì không có nghiệp thân miệng. Nếu chỉ sắc là thể của nghiệp thì nghĩa này không đúng, mười bốn loại sắc đều là vô ký chẳng phải tánh tội phước, lại có Luận sư lấy hai nghiệp thân miệng tương tục thiện, sắc thình làm giới thể, lấy sắc thanh tương tục nhập vào nhiếp sở đắc ý thức, đây là tánh tội phước.

Nói giới vô tác, lấy phi sắc phi tâm làm thể.

Phi sắc nghĩa là chẳng phải trần mà thành, dùng năm nghĩa chứng minh

1. Sắc có hình dáng, nơi chốn.
2. Sắc có mười bốn, hai mươi loại khác nhau.
3. Sắc có thể não hoại
4. Sắc là chất ngại
5. Sắc là sở đắc của năm thức, Vô tác đều không có nghĩa này, nên biết là phi sắc.

Nói phi tâm: Thể chẳng phải duyên lự, nên gọi là phi tâm, cũng có năm loại để chứng minh.

1. Tâm là suy nghĩ biết
2. Tâm có sáng tối
3. Tâm chung ba tánh
4. Tâm có rộng lược



5. Tâm là pháp báo. Vô tác cũng không đủ nguyên do này Lấy tụ thứ ba phi sắc phi tâm làm thể. Văn nói.

Như trong kinh nói: người tinh tấn được tuổi thọ lâu dài, theo tuổi thọ dài mà được phước nhiều. Vì người này chẳng thường có tâm lành, lại ý không có giới luật nghi. Nếu người tâm bất thiện vô ký cũng gọi là trì giới, cho nên biết lúc ấy không có làm.

Kinh Niết-bàn chép: giới tuy không có hình tướng mà có thể giữ gìn, tùy chẳng phải xúc đối, nhưng khéo tu phương tiện thì có thể được giới cụ túc.

Thập Trụ Bà-Sa nói: giới có hai loại.

Tác là sắc, vô tác là phi sắc, bởi vậy dùng học rộng chứng thành phi sắc.

– Nói rõ hai giới trước sau.

Trước giải thích rằng: Như trâu hai sừng sống thì đồng thời. Cho nên, Đa Luận nói: một niệm đầu giới có đủ hai giáo. Trong niệm thứ hai chỉ có vô giáo.

Sau giải thích rằng, vì trước sau mà khởi. Kinh Thiện Sinh chép: Pháp thể gian có nhân thì có quả. Nhân như cái kiếng khi soi thì có mặt hiện. Cho nên biết giới tác sinh trước, giới vô tác khởi sau. Luận nói: khi làm đủ tác vô tác, đây là tác đủ vô tác, đều là nhân của giới. Đến yết-ma lần thứ ba xong nghiệp thì ấy đủ số.

Vì hai giới này tròn đầy, cho nên nói có tác, vô tác chẳng ngại, hình cụ vô tác chỉ là đời sau, cũng là lúc một niệm xong, hai giới rồi sau đó vô tác sinh.

16. Giải rộng nhiều ít, y như Đa Luận có tám loại vô tác.

a) Tác chung với vô tác, như làm hai nghiệp thiện ác, và làm phương tiện để sống.

b) Hình đều vô tác. Như thí vật không hoại, Vô tác thường tùy theo các vật công đức thường sinh, trừ ba nhân duyên.

c) Việc trước hủy phá

d) Nếu người này chết

e) Nếu khởi tà kiến

Không có ba loại này, thì việc thường có, duyên ác đồng với nó.

f) . Từ dụng vô tác, như mặc thí y, nhập các thiên định, thì làm cho thí chủ được phước vô lượng. Duyên ác như năng lực của cây cung. Ví dụ ở đây có thể biết.

g) . Di duyên vô tác, Như thân tạo khẩu nghiệp phát khẩu vô tác, khẩu tạo thân nghiệp phát thân vô tác, v.v... Nếu theo Thành Luận thì thân miệng tạo lẫn nhau.

h) Trợ duyên vô tác. Như dạy người sát sinh, trộm cắp, tùy theo mạng đoạn, là chỗ dạy phạm tội.

15. Mong mỏi vô tác, cũng gọi là vô tác, như người phát nguyện mở hội, may y, v.v... để bố thí, vô tác thường sinh.

16. Tùy tâm vô tác: có tâm định tuệ, vô tác thường sinh, cũng gọi là tâm đi chung.

Thành Luận chép: Ra vào thường có thiện tâm vì chuyển dần lên cao hơn. Ở đây nói tùy tâm, tùy tâm sinh tử thường có vô tác. Chẳng gọi là tùy định tuệ, biệt giải thoát không phải như vậy, chỉ tùy theo thân.

Kinh Niết-bàn chép: Sơ quả sinh nước ác, đạo đức không làm ác.

Trong tám loại trên, bảy loại trước chung cho pháp thiện ác ràng buộc trong cõi Dục, một loại sau là vô tác. Nếu là thiên thể gian thì hạn cục hai cõi trên. Nếu là pháp xuất đạo thì chẳng phải nghiệp của ba cõi.

– Thọ tùy đồng khác: hai loại vô tác có năm nghĩa đồng:

a) Danh đồng: Thọ theo chung gọi là Vô tác. (Thọ là giới thể của giới trường. Tùy nghĩa là thọ, sau đó đối cảnh mà hộ. Tâm của giới, phương tiện khéo thành, gọi là vốn thanh tịnh).

b) Nghĩa đồng: Đồng ngăn bảy thứ phi pháp.

c) Thể đồng. Đồng lấy phi sắc tâm làm thể

d) . Đối địch ngăn ngừa sai trái. Trong phần đồng thọ vô tác làm thể, đối với việc ngăn ngừa, bằng với vô tác.

e) Đa phẩm đồng như Thành luận, giới được phát lại hơn kém không nhất định.

Khác có bốn loại:

1. Trong thọ phát chung, lấy tâm nguyện tình vô tình tất cả cảnh đều được. Trong tùy vô tác phát riêng, hành không đốn tu, thứ lớp dần thành.

2. Ngăn dài khác nhau. Trong thọ vô tác có hình tướng nhất định. Trong phần tùy vô tác từ phương tiện có đủ sắc tâm. Việc dừng liền không, nên gọi là ngăn.

3. Rộng hẹp khác nhau. Trong thọ mặc cho ba tánh hằng có, tùy hạn cục tánh thiện, cả hai đều không gọi là hẹp.

4. Căn điều cả hai khác nhau: Thọ làm căn bản, vì tùy y vào thọ khởi nên gọi là chi điều, hai loại làm có năm thứ đồng.

(1) Tân đồng. (2) Nghĩa đồng. (3) Thể đồng. (4) Ngăn đồng. (5) hẹp đồng.

Chỉ hạn cục tánh thiện cho nên y theo để biết.

Có bốn loại dị:

a) Trong thọ dứt chung, trong tùy dứt riêng.

b) Thọ vốn tùy điều.

c) Thọ là ngăn ngừa, trong tùy đối trị.

d) Thọ là một phẩm cuối cùng đến Vô học, tùy một phẩm định. Trong tùy làm giới nhiều phẩm. Do cảnh có hơn kém, vì tâm có sâu cạn. Tâm chia ba phẩm không ngại. Vì vốn thọ là hạ phẩm.

Tạp Tâm chép: La-hán có giới hạ phẩm, Tỳ-kheo trẻ có giới thượng phẩm.

– Nói về duyên phát giới, cảnh rộng hẹp.

Phần duyên thọ ở quyền thượng đã lược về phương pháp phát giới.

Nhưng vì tâm khởi theo cảnh, nay nói rộng để biết được chỗ cao rộng của giới đức. Cũng làm cho người trì có sự cố gắng mạnh mẽ. Tỳ Trung có bốn loại:

1. Tâm năng duyên. Duyên trong tâm hiện tại nối nhau.

2. Cảnh sở duyên: cảnh chung cho ba đời, như cảnh kẻ thù, tuy quá khứ đã khởi tâm ác chặt đứt thân chết kẻ thù, hiện tại kẻ thù có nghĩa đáng hoại, các cảnh vị lai có thể y cứ theo mà biết, cho nên duyên ba đời mà phát giới.

Thành Luận hỏi: Chỉ vì ở hiện tại được luật nghi, theo chúng sinh ba đời được ư?

Đáp: Chúng sinh ba đời được, như cúng dường bậc tôn túc quá khứ cũng có phước, luật nghi cũng như vậy.

3. Được phát giới trong tâm hiện tại nối nhau.

4. Phòng phi: chỉ ngăn ngừa lỗi quá khứ, vị lai, hiện tại, không ai có khả năng ngăn ngừa.

Lại giải thích rằng:

1. Chuyên tinh tấn không phạm giới, ngăn tội chưa khởi.

2. Phạm rồi có thể sám hối, làm cho giới thanh tịnh trở lại, tức trừ lỗi đã khởi. Ngoài ra như trong giới bốn số lược. Như thế thì duyên cảnh ba đời có tội ở hiện tại, hai cảnh quá khứ vị lai. Chỉ có thể khởi tâm, nói ba đời phát. Nếu y cứ đắc giới, chỉ một niệm ở hiện tại.

Thành Luận chép: Từ bi bố thí có phước, giới cũng có như vậy, vì chung ba đời, đều cùng thích ý.

Lại nói: công đức từ bi chúng sinh đầy đủ, chỉ thông hiện tại. Quá khứ, vị lai đã tạ. Giới thì không như vậy, điều cốt yếu tâm phải cùng khắp. Nếu làm nghiêng lệch hạn cục một bề thì không được, cho nên Đa Luận chép: Vì tâm ác tùy giới có thêm bớt.

Hỏi: Giới theo ba đời phát, chỉ ngăn lỗi hai đời?

Đáp: Nếu nói về thọ thân một mình không thể ngừa, chỉ là dụng cụ ngăn ngừa, phải cần hành giả bình trì.

Vì tùy theo vật chất thọ, mới thành ngừa tội, không phòng hiện tại vì không thể được. Nếu không giữ tâm thì thành tội nghiệp. Nếu có chánh niệm thì quá khứ

không sinh. Nhưng vì tùy theo vật chất thọ, làm cho tội vị lai phát khởi, vì không khởi nên ngừa lỗi vị lai. Nếu không có sự thọ ấy, thì tùy theo không có chỗ sinh. Đã khởi nghiệp ác gọi là lỗi quá khứ. Vì hộ thân không làm cho trần nhiễm, sám hối dứt trừ nghiệp xưa. Gọi là lỗi quá khứ. Nếu giới hản là ngăn ngừa điều sai, thì điều sai làm sao khởi?

Đáp: phải có hành giả, ở trong tùy phương tiện bình trì chế kháng mới gọi là ngăn quấy. Thí như thành ao để đánh giặt, ngoài ra như trong giới bốn số giải.

– Nói phát giới nhiều ít, lược nói như trên. Nay lại nói, vì thế tục phần nhiều mê mờ, cho nên thứ lớp cần nhắc.

Vì ý còn biết tướng, biết pháp, tự cứu giúp cả người. Nhưng con số phát giới tùy cảnh vô lượng. Tóm lại, chẳng qua tình và vô tình hai để có không nhiếp tướng đều hết, mặc cảnh hiện rõ. Nói lược thì giới: đất, nước, lửa, gió, không thức, và năm trần sắc, thanh hương, vị, xúc. Cho đến pháp như thế pháp giới v.v... trong ba đời quá khứ, vị lai, hiện tại. Và chúng sinh sáu đường hướng ngoài bốn sinh trung âm cũng phát được giới.

Câu-xá nói: giới từ tất cả chúng sinh mà được định, phần nhân bất định, vì sao? Vì không được từ một loại chúng sinh mà được?

Phần bất định: Có người từ tất cả phân đặc giới, nghĩa là thọ giới Tỳ-kheo, có người từ bốn phần được, nghĩa là thọ các giới khác, tức năm giới, tám giới, mười giới.

Nhân bất định, có hai nghĩa.

1. Nếu lập vô tham, sân, si làm giới sinh nhân, từ tất cả mà được vì không lìa nhau.

2. Nếu lập ý thượng trung hạ phẩm từ giới sinh nhân, thì không từ tất cả mà được. Nếu không từ tất cả chúng sinh mà đặc giới thì không có, vì sao? Vì khắp chúng sinh khởi điều lành mới được. Khác ở đây thì không được. Vì sao ác ý như thế mà không phạm, cho nên nếu người không làm năm loại phân biệt thì được giới mộc-xoa.

a) Đối với chúng sinh nào đó, tôi lìa sát sinh, v.v...

b) Đối với phân nào đó tôi giữ gìn.

c) Đối với chỗ nào đó giữ gìn.

d) Lúc nào đó tôi giữ gìn.

e). Duyên nào đó không giữ gìn, trừ sự chiến đấu.

Người thọ như thế được thiện mà không đặc giới.

Đối với cảnh không phải sở năng làm sao đặc giới.

Do không hại mạng tất cả chúng sinh nên mới đặc giới.

Nếu từ cảnh sở năng mà đắc giới, thì đây có lỗi tổn giảm. Vì năng chẳng phải năng cùng chuyển sinh. Như thế thì lìa bỏ nhân duyên đắc xả, đắc giới, xả giới. Nghĩa này tự thành. Dù lìa nhân duyên đắc xả, ở đây có lỗi gì? Vì tâm ác không chết cho nên không thành dùng khắp.

Luận Tỳ-Bà-Sa hỏi: Nếu như cỏ cây, v.v... chưa có, có khi sinh diệt, há chẳng phải thêm bớt, chúng sinh nhập niết-bàn là chẳng bớt, giải nghĩa thành bốn câu.

1. Tâm xong cảnh không xong, bậc Thánh không phiền não. Vì cảnh bất tận, giới không mất.
2. Cảnh xong tâm không xong, nhập niết-bàn cỏ chết giới không mất, vì còn tâm tội lỗi.
3. Tâm cảnh đều không xong, có thể biết.
4. Tâm cảnh đều xong.

Khi căn chuyển không đồng giới mất.

Tát-bà-đa chép: Trên chẳng phải chúng sinh cũng được vô lượng giới công đức lành. Như Tam thiên thế giới, dưới đến mé đất, tôn thương như bụi, đều phạm tội. Đồi ác thành thiện, mỗi chỗ bụi đều được thiện giới. Cho đến một cọng cỏ, một lá cây, một cành hoa, trái lại tội thuận theo phước, đều vào cửa giới, nên kinh Thiện Sinh chép:

Đại địa vô biên, giới cũng vô biên, cỏ cây vô lượng, giới cũng vô lượng. Hu không biên lớn, giới đức cao sâu cũng giống như vậy. Lấy văn này để làm chứng lý chung cả pháp giới, nghĩa phải tôn kính.

Đa Luận Lại nói: Đối với Tam thiên đại thiên thế giới, dưới đến A-tỳ, trên đến tầng trời Phi tướng, đối với tất cả chúng sinh đáng giết, không đáng giết, cho đến đáng khinh, không đáng khinh. Mỗi loài chúng sinh này cho đến Như lai có mạng sống, vì ba nhân duyên mỗi duyên đều đắc giới. Lại đây suy ra, tăng ni xuất gia và ba chúng dưới vâng giữ giới đức, tôn trọng chánh tín, địa vị cao như trời người đều đo đây mà ra. Vì đích xác tự giữ phước đức hằng trôi chảy.

Luận Minh Liễu nói: bốn vạn hai ngàn sông phước thường chảy, giải thích rằng: nghĩa là bốn vạn hai ngàn chỗ học tất cả thường chảy. Giống như nước sông, gội trừ phiền não, phá giới.

Nói bốn vạn hai ngàn là: giới căn bản có bốn trăm hai mươi giới, cho nên như vậy.

Như luật Bà-Tâu-Đầu chép: giới có hai trăm, phần nhiều nói về giới khinh, Ưu-Bà-Đề-Xá nói: Có một trăm hai mươi một giới, phần nhiều nói về giới trọng, Tỳ-kheo-ni biệt giới có chín mươi chín giới, hợp thành bốn trăm hai mươi giới. Mỗi giới này có nhiếp mười công đức của tăng. Mỗi công đức có công năng sinh ra mười thứ chánh hạnh, nghĩa là năm căn: tín, tấn, niệm định, tuệ; Ba thiện căn: Vô tham, vô sân, vô si. Và thân miêng.

Một giới tức là một trăm giới, hợp thành bốn trăm hai mươi giới, há chẳng phải là bốn vạn hai ngàn ư? Lại giải thích rằng: Người vô nguyên Tỳ-ni, nghĩa là khi yết-ma lần thứ ba xong, bốn vạn hai ngàn chỗ học một lúc cùng khởi. Không có một giới nào không sinh, nên gọi là vô nguyên. Y cứ vào đây để tìm giới đức thường trôi chảy.

Hỏi: hai chúng tăng ni số giới có khác nhau, vì sao vô nguyên Tỳ-ni nói thẳng có bốn vạn hai ngàn?

Giải: Ở đây nêu chung hai chúng để nói, lấy lý thật mỗi chúng đều tùy theo bốn giới.

Lại giải thích: Lấy nghĩa chuyển căn làm chúng, Tỳ-kheo phát khởi được ni giới đều được bốn vạn hai ngàn.

Kê đối với bảy chúng phát giới nhiều ít.

Theo Tát-bà-đa thì năm giới: đối với tất cả chúng sinh. Cho đến Như lai đều được bốn giới, vì không có ba độc. Gốc lành được mười hai giới. Đồng thời một thân hoàn toàn trong Tam thiên thế giới, tất cả rượu vào cổ họng đều được ba giới. Vì khi thọ tất cả đều đoạn dứt, dù cho rượu diệt tận, La-hán nhập niết-bàn, giới thường thành tựu. Y theo nghĩa này để suy ra trên thân người nữ có ba chỗ dâm. Trên thân người nam có hai chỗ dâm, phát sinh là do ba độc. Phối hợp riêng thì người nữ được mười tám giới, người nam mười lăm giới, loài vô tình một giọt rượu cũng được ba giới.

Phát tám giới chúng sinh đồng với ở trên. Vô tình được năm giới, mười giới của ba chúng hữu tình và vô tình, đồng với Đại tăng phát.

Văn luật Tứ Phần đều phát bảy chi giới. Văn giới dưới đều kết tội cát-la.

Như vậy vì sao bày ra mười, đây chỉ dạy điều căn bản thích làm. Nói về tướng thì biết sớm. Ngoài ra, Hòa-thượng dạy kỹ, cho nên ba quy y yết-ma đều không có văn về số giới. Trong phần thuyết tướng mới nêu mười bốn, hai loại giải: Nếu y cứ vào tăng ni, y cứ theo Luận Bà-Sa thì mỗi chúng sinh thân và miệng có bảy chi. Vì tham sân si khởi nên thành hai mươi một giới.

Nay nghĩa y theo ba độc sinh khởi lẫn nhau, chia đều hai, ba phần lẽ ra có bảy môn. Người nữ có chín xứ, nam có tám xứ, bảy độc trải qua như vậy, trên thân người nữ có sáu mươi ba giới. Trên thân người nam có bảy trở lên não hại người, có năm mươi sáu giới. Giới của vô tình mỗi loại được bảy giới, lấy đây mà chia ra làm bảy. Trong pháp giới địa hữu tình và vô tình mỗi loài được các giới vô lượng vô biên.

Cho nên trong Kinh Thiện Sinh có năm loại làm lượng

Chúng sinh, đất đai, cỏ cây, biển lớn và xứ không dụ cho giới đức lương như phân tuyết ở trước.

Hỏi: Bảy chi nhiếp giới có hết không?

Đáp: Hết, nếu có nhiếp mà không hết vào trong bảy chi như phối hợp loại giới để nói.

Lại nói: Nhiếp giới bất tận vì tánh tội khác nhau. Như giết, đánh cả hai đều khác. Có thể phòng thể khác. Cho nên Kinh Thiện Sinh nói:

Trừ giới thiện ác rồi lại có nghiệp giới, gọi là pháp thiện ác, nên biết căn bản bảy chi điều thu nhận. Chứng loại nghiệp giới được nhiếp nên làm thành bốn câu.

1. Thiện mà chẳng phải giới, nghĩa là trong mười giới là ba giới sau, luật không chế riêng tâm phạm.
2. Giới mà bất thiện, tức luật nghi ác.
3. Vừa thiện vừa ác, trong mười điều lành là bảy chi trước. Vì không phải mong cầu. Do tu hành nên gọi là Thiện, trái lại ở đây sách tấn khuyên răn nên gọi là giới.
4. Cả hai đều sai trái, thân miệng vô ký.

Hỏi: Giới và hành tướng của luật nghi khác nhau thế nào?

Đáp: thông hành không bờ mé là luật nghi, đối cảnh cấm ngăn là giới nghi. Như Tỳ-kheo đủ duyên, thọ rồi thấy sống bất sát. Nhìn một cảnh này gọi là giới trì sát.

Nhìn bốn cõi khác gọi là giới trì sát. Mạng sống khác không giết thì không phạm luật nghi. Nếu thành tựu luật nghi ác thì giải. Muốn giết một con dê gọi là ác trì giới, mong các loài khác có sinh mạng đều tội là trì luật nghi.

3) Giới hạnh: nghĩa là thọ tùy theo hai giới, y cứ bên ngoài chẳng phải phương tiện thiện giới, nên gọi là giới hạnh. Cho nên thọ là suy nghĩ mong cầu. Xứng theo lời nguyện mà tu hành, thí như xây dựng nhà cửa, cung điện, trước phải lập tường viện khắp vòng tức là đàn tràng thọ thể. Sau đó tùy chỗ mà xây dựng hết ở một đời. Nghĩa là sau khi thọ tùy vào hạnh. Nếu chỉ thọ mà không có tùy, chính là nguyện suông, không khỏi ngăn che chỗ suông. Nếu chỉ có tùy mà không có thọ hạnh này, hoặc tùy sinh tử, thì là hạn hẹp không cùng khắp. Thí dụ đồng không có viện nhà thì không khỏi giặc cướp đục khoét. Phải cần thọ tùy tướng tự chất mới có sự đưa đến.

Hỏi: Nay thọ giới cụ túc vơi lấy quả vui là Thọ hay Tùy?

Đáp: Thọ là duyên giúp, chưa có công hạnh, phải nhân tùy đối cảnh phòng định, vì tùy hạnh này đạt được quả Thánh không đích thân thọ thể. Cho nên biết, một khi thọ rồi thì suốt đời về sau phương tiện chánh niệm giữ gìn gốc đã thọ. Chảy vào tâm hành ba thiện làm thể, cho nên nói giới hạnh tùy tướng để tu.

Nếu chỉ có thọ mà không có tùy hạnh thì lại là khinh giới, trôi vào biển khô, chi bằng không thọ, không có giới để trái. Bởi vậy hành giả phải khéo biết nghiệp tánh rõ ràng, chẳng nên lạm thuật.

4) Nói về giới tướng: nói về tướng, thì có cảnh đây là duyên, miên mật hằng nhiếp, tâm cùng khắp. Nay y cứ vào giới bốn thì mọi người đều tụng trì, tướng văn dễ rõ, trì phạm chẳng lạm. Ngoài ra, muôn cảnh đâu được rơi rớt, nói y theo lệ tướng, thừa biết cương lĩnh. Giới dâm thiên đầu trở xuống được chia làm ba:

1. Gọi là phạm cảnh
2. Thành tướng phạm
3. Khai pháp không phạm

Lược biết trì phạm, rộng ra như thiên dưới. Ngoài ra nghĩa đều như trong giới bốn số.

Trước nói về cảnh phạm, luật Tăng-kỳ chép: Thật đáng sợ không gì hơn người nữ, làm hư hoại chánh đức đều do người nữ mà ra. Người tâm nhiễm xem, phạm tội việT Tỳ-ni, Thanh văn khởi nhiễm cũng vậy.

Trí Luận chép: Dâm dục tuy không nào loạn tâm chúng sinh. Vì tâm ràng buộc nên phạm tội lớn, vì vậy trong luật nói dâm dục đứng đầu.

Lại, pháp Tỳ-kheo thời nay chấp trước niết-bàn, cho nên trong luật Tứ Phần nói phạm cảnh, nghĩa là, người chẳng phải người, (Thiên tử, quý thần) súc sinh ba cõi. Y cứ vào báo ứng thì nam nữ hai hình; y cứ vào xứ thì người nữ ba đường. Nghĩa là đường đại, đường tiểu và miệng, nam thì hai đường, đây là chỗ dâm. Nếu thức, ngủ, hoặc chết chưa hoại, hoặc hoại phần ít, nhưng cho vào chỗ dâm một chút như đầu sợi lông đều phạm Ba-la-di, Luật nói:

Thuộc về trâu, ngựa, heo, chó, bất luận tâm khởi tưởng nghi, nhưng chánh đạo này đều trọng. Ngoài ra, Ma-đắc-lặc-già nói rõ đủ về phần phạm. Nhưng lỗi dâm thô hiện, người đều biết sai, trong luận hỏi phạm, phạm đều kết chánh. Y cứ vào tướng nói lỗi thì tai không muốn nghe. Hoặc dẫn đến khinh cười sinh nghi, sinh lạ. Cho nên, Luật Thiện Kiến nói: Pháp sư nói lời bất tịnh này người nghe nói chớ kinh sợ, sinh tâm hổ thẹn, dộc lòng đối với mới Phật. Vì sao? Vì Như lai từ bi thương xót chúng ta, Phật là vua của thế gian, lìa á nhiễm, được thanh tịnh. Vì thương xót chúng ta nên nói lời ác này là kết giới. Cho nên lại quán công đức của Như Lai không có tâm chê bai ghét bỏ. Nếu Phật không nói việc này, thì chúng ta làm sao biết được tội Ba-la-di. Có người cười đuổi ra.

Kế, tướng thành phạm có hai duyên:

1. Tự có tâm dâm hướng về cảnh trước. Dù có nhưng bên trong ngăn cách nhau, chỉ vào chùng sợi lông kết thành đại trọng, đủ bốn duyên thì thành.

- a) Cảnh chính (nam thì hai đường, nữ thì ba chỗ)
- b) Khởi tâm nhiễm (nghĩa là chẳng phải lúc ngủ say, v.v...)
- c) Khởi phương tiện
- d) Hợp với cảnh liền phạm



2. Nếu bị kẻ thù ép buộc hoặc đem đến trước cảnh, hoặc đến chỗ thân Phật khai thân biết chế ngự làm cho không nhiễm, cũng đủ bốn duyên.

a) Chánh cảnh (bất luận mình, người)

b) Bị kẻ thù ép buộc

c) Hợp với cảnh

d) Thọ lạc liên phạm

Luật Thiện Kiến chép: Người dâm không thọ vui, như đũa nam cắm vào miệng rắn độc, vào lửa, là tướng không nhiễm.

Hỏi: Giới dâm này kết phạm chung cho cả đũa cười, không phải như lấy nam căn của đũa bé giõn đũa vào miệng, cố nhiên không có tâm dâm?

Đáp: Tâm dâm khó biết.

Theo luật nói: Tâm ái nhiễm là ý dâm dục, đều phạm tội trọng.

Luật Ngũ Phần nói: Nếu người xúc chạm mà vui thích thì phạm thân-lan-giá.

Nếu không phải đùa giỡn thọ chạm vào cũng vậy.

Luật Thập Tụng nói: Trong miệng nếu quá răng là thành phạm, còn hai đường thì không có khai.

Luật Tứ Phần chép: Nếu kẻ thù cưỡng cầu nam căn cho vào ba phạm cảnh, trong ba thời tâm không có vui thì đều không thành phạm, tùy theo mới vào, vào rồi, khi ra trong mỗi lúc có ý dâm đều phạm nặng, nếu là kẻ thù cưỡng nắm Tỳ-kheo, hai chỗ hành bất tịnh, mới vào biết ưa thích phạm trọng, cho đến cách bên trong bốn câu cũng vậy. Hoặc có trong việc này, chỉ răng trong miệng. Chỉ có cảm giác ngón tay đau thì khỏi tội trọng. Như trước nói trong lửa, trong miệng rắn độc.

Luật nói: Thân chết hoại một nửa, hoại phần nhiều, và bộ xương mà hành bất tịnh phạm thân-lan-giá. Giới dâm này kết phạm không đờ xuất tinh. Chỉ khiến hành trong xương thịt đều phạm thân-lan-giá. Nếu vốn ý làm xuất tinh, tinh xuất phạm Tăng tàn.

Như giới bốn số nói vốn chẳng phải ý Tăng tàn, mà chỉ là đường thẳng đều phạm, cho nên Luật Thiện Kiến chép:

Dù bị chặt đứt đầu và hành dâm trong cổ, trong miệng của người chết cũng phạm trọng.

Luật nói: Nếu tăng ni dạy nhau, làm không làm đều phạm cát-la làm thì người dạy phạm thân-lan-giá, không làm phạm cát-la, ba chúng dưới dạy nhau làm hay không làm đều phạm Đột-cát-la, làm thì diệt tận, phạm cát-la là khác. (cho đến thiên dưới đồng phạm cát-la).

3) Nói về không phạm: Nếu ngủ say không hay biết (nghĩa là khai cho kẻ thù đến ép buộc thân phận) không thọ vui (nghĩa là khai cho kẻ thù sẽ tạo cảnh khác) tất cả không có ý dâm (vì không có tâm ái nhiễm ô) đều không phạm.

Giới thứ hai là ăn trộm, tánh giới bao gồm nặng nhẹ. Trong tánh trọng vì ăn trộm khó che chở cho nên các bộ đều nói rõ. Còn giới khác y cứ nói chung mà thôi. Nói về giới này đều thuật trong quyển 3 và quyển , nhất định khéo thêm vào mới có thể khỏi hoạn. Có chỗ nêu riêng: Giới trộm này dùng vào sao riêng, đề nén cũng là ý khuyên răn. Cuối cùng đều phải xem khắp, thứ lớp trình bày rõ ràng, trong cảnh phạm trước. Nghĩa là sáu trần, sáu đại, vật có chủ. Người khác tiếc giữ phi lý đưa đến tổn hoại, pháp này thành phạm. Nếu vật không có chủ và vật của mình, hoặc duyên sai cảnh đoạt tâm lương nghi chuyển, tuy có tâm trộm lấy mà trước chẳng phải cảnh trộm, đều không kết phạm.

Chỉ có bốn tâm phương tiện.

Hỏi: Thế nào gọi là vật vô chủ?

Đáp: Luật Thiện Kiến nói: con cái làm việc ác, cha mẹ đuổi đi, sau đó cha mẹ chết, vật ấy là vô chủ, dụng thì không tội. Bộ Tát-Ba-Đa nói: Giữa hai nước, hai bên đóng kín ranh giới, nơi ấy chỗ đất trống có vật gọi là vô chủ.

Lại nói: nếu nước tan, vua bỏ chạy, vua sau chưa thống lãnh, trong đó có vật là vô chủ, tức như người thế tục làm cho núi sông rừng rậm rạp không ai giữ gìn, nếu trước thêm công sức thì không được trộm cắp.

Trong phần thành tướng phạm, duyên chung có sáu thứ:

1. Vật có chủ.
2. Nghĩ là chủ.
3. Có tâm ăn trộm.
4. Vật quý giá.
5. Làm mọi cách.
6. Nêu lừa chỗ cũ thì đủ thành phạm.

Nay y vào duyên phạm lần lượt giải thích.

– Trong phần duyên đầu (vật có chủ) lại chia ra ba loại:

1. Ăn cắp vật của Tam bảo
2. Ăn cắp vật của người
3. Ăn cắp vật không cất giữ

Trong phần vật của Tam bảo trước nói sự đúng sai của người tri sự.

Sau đó giải thích về trộm cắp khác nhau. Vì vậy, nếu không biết tường tận về luật nghi, khéo thông dụng cho, đồng thời tâm thấy xử phân phần nhiều ăn cắp tổn hại, tướng như ở sau sẽ nói. Cho nên các kinh như Bảo Lương Đại Tập,

v.v... nói: Vật của Tăng khó giữ, Phật pháp vô chủ, tôi cho rằng hai loại người giữ vật của Tam bảo:

a. A-la-hán

b. Tu-đà-hoàn. Sở dĩ như vậy, vì các Tỳ-kheo khác giới không đầy đủ, tâm không bình đẳng, không cho người này làm Tri sự lại có hai loại:

a. Có thể trì giới thanh tịnh, hiểu biết về nghiệp báo

b. Sợ tội đời sau, có tâm hổ thẹn và tâm hối hận.

Hai người này không có mụn nhọt bảo hộ ý người khác. Việc này rất nói, đồng với Thánh giáo như thế tức là lời khuyên răn lớn.

Nhân tức phạm, vì ngu si kiêu mạn, cho nên luật nói:

Ta nói người này ngu si phạm Ba-la-di (đều không nương vào lời dạy của Phật, lòng sư mịt mù phạm đại tội)

Nay nói về vật của Tam bảo, chia ra bốn môn khác nhau:

1. Trộm dùng
2. Dùng chung với nhau
3. Xuất ra cho vay
4. Dem vật Tam bảo đãi đẳng đạo tục

Trong phần một (trộm dùng), trộm vật của Phật, đứng nhìn bên Phật không phạm tội ăn trộm. Vì Phật đối với Phật không có tâm ngã sở, không có não hại. Cho nên chỉ phạm thâm-lan-giá. Vì đồng nghiệp với vật của phi nhân.

Thập Tụng nói: Trộm tượng thiên thần kết tội thâm-lan-giá.

Kinh Niết-bàn lại nói: Xây dựng chùa Phật, dùng hoa báu cúng dường, không hỏi mà lấy, hoặc biết hay không biết đều phạm thâm-langiá. Nếu có chủ giữ gìn vật của Tam bảo đều kết tội trọng. Không có chủ giữ gìn muốn đoạn phước của thí chủ đều kết tội. Cho nên Tỳ-nại-da nói: Nếu trộm cờ phước lọng báu trong tháp Phật và tháp Thanh văn đều mong đoạn phước của thí chủ thì kết tội, cho nên trong Ngũ Bách Vấn nói:

Trên tháp quét rác cho sạch sẽ, không được ác dụng Bộ Ma-đắc-lặc-già nói: Trộm vật trong miếu của phi nhân có người giữ gìn phạm tội trọng.

Thập Tụng nói: Trộm vật trong tháp Phật, đồ cúng dường trong tịnh xá, nếu có người giữ gìn thì tính giá trị thành phạm.

Trong Kinh Thiện Sinh chép: Cũng từ người giữ tháp mà phạm tội trọng.

Không nhìn bên Phật mà kết, cho nên y cứ theo người giữ vật mà kết, như phân biệt trộm vật của người, nếu trộm đồ cúng dường thì không phạm.

Luận Tát-bà-đa chép: Trộm tượng Phật.

Thập Tung chép: Trộm xá-lợi đều tịnh tâm cúng dường, tự nghĩ người kia cũng là thầy, ta cũng là thầy, ý nghĩ như vậy không phạm. Trong bộ Ma-đắc-lặc-già nói: Trộm tượng Phật, Xá-lợi không đủ năm tiền phạm thân-lan-giá, đủ năm tiền phạm tội trọng.

Tát-bà-đa nói: Chuyên bán, là nếu trong tháp Phật có chim chết, và được vật khác, chỉ để tháp dùng, dùng các vật khác đều phạm tội trộm, về trộm pháp thì pháp là vô tình, không có tâm ngã sở.

Trong luật kết tội trọng, y cứ vào người chủ giữ mà kết.

Văn nói: Bảy giờ, có Tỳ-kheo trộm quyển kinh của người.

Đức Phật bảo tính giấy mực mà kết tội trọng, vì Phật nói vô giá.

Thập Tung, Ma-đắc-lặc-già, Tát-bà-đa đều y cứ vào người chủ giữ vật mà kết phạm.

Luật Ngũ Phần nói: Trộm kinh, tính giấy mực, công việc, đủ năm tiền phạm tội trọng.

Ma-đắc-lặc-già nói: Trộm kinh đủ năm tiền phạm trọng, không đủ phạm khinh.

Trong Ngũ Bách nói: Không được dùng miệng thổi bụi bặm trên kinh, trên tượng chuẩn theo đồng. Nếu đốt kinh cũ phạm tội trọng như thiêu đốt cha mẹ, người không biết có tội phạm khinh.

Thập Tung chép: Mượn kinh mà chống cự không trả, khiến chủ sinh nghi phạm thân-lan-giá, đó là do tâm chưa bỏ cho nên như vậy.

Kinh Chánh Pháp Niệm nói: Trộm phương pháp bí mật chép tay phạm tội trọng.

Hỏi: Như trong luận nói: Trộm tượng Phật, Xá-lợi cúng dường không phạm, trộm kinh cũng như vậy, một bề kết tội trọng?

Đáp: Phật được ở xa tâm lễ bái cung kính, pháp phải cầm văn đọc tụng, cho nên kinh Địa Trì nói: Không cúng dường hiện tiền gọi là đại đại cúng dường. Nếu muốn cử lẫn nhau cũng kết phạm lẫn nhau.

Như người tạo tượng chuyên tâm vì mình, không vì người khác, có thể không kết trọng, tạo kinh vì người tùy theo khả năng thọ dụng, đâu thể kết tội.

Trộm vật của tăng, có chủ giữ gìn đồng với trên kết tội trọng. Nếu chủ giữ gìn tự trộm cắp, theo Luật Thiện Kiến thì trộm vật của tăng phạm tội trọng, nhưng tăng có bốn loại:

1. Thường trụ thường trụ: nghĩa là kho lẫm, chùa viện của tăng chúng có hoa quả, cây cối, ruộng vườn, v.v... vì thể chung cả mười phương, không thể phân dùng, nhìn chung chúng tăng như luận đoán trọng.

Luật Tăng-kỳ chép: Dù tất cả Tỳ-kheo nhóm họp cũng không được chia, ở đây một bề xếp vào tội trọng.

2. Thập Phương thường trụ: Như nhà tăng cúng dường thức ăn mà tăng thường dùng, chung mười phương, chỉ hạn cục bốn xứ. Nếu có người giữ gìn y cứ theo chủ thì kết trọng, người cùng trộm thì phạm tội khinh.

Luật Tăng-kỳ chép: nếu đem thức ăn lâu dài ở nhà tăng về phóng phạm thâm-lan-giá.

Luật Thiện Kiến chép: Nếu lấy vật của tăng như vật của mình để dùng cho người phạm thâm-lan-giá. (y cứ theo cùng trộm thức ăn của tăng). Nếu tâm trộm lấy tùy giá bao nhiêu mà kết, đó gọi là đại giặc thứ năm (y cứ theo như có chủ).

Tỳ-ni Mẩu cũng như vậy, Tát-bà-đa, Thiện Kiến chép: Không đánh chuông, mà ăn thức ăn của tăng phạm tội trộm. Lại, trong chùa trồng khách tăng, thấy thức ăn trộm ăn, tùy giá bao nhiêu mà kết tội. (theo như trên đây thâm-lan-giá).

3. Hiện tiền Hiện tiền: nhất định ăn trộm vật này, xét theo bốn chủ mà kết tội. Nếu nhiều người mà một người giữ vật cũng y cứ vào chủ mà kết trọng.

4. Thập Phương hiện tiền: Như vật khinh của năm chúng đã qua đời.

Kinh Thiện Sinh chép: Trộm vật của Tỳ-kheo qua đời, nếu chưa yết-ma, theo tăng mười phương phạm tội khinh (tính người không đủ năm tiền, chỉ phạm thâm-lan-giá). Nếu đã yết-ma, y cứ tăng hiện tiền mắc tội trọng. (số người có hạn, thì có thể đủ năm tiền).

Nếu khi qua đời tùy theo người chết di chúc trao vật, trộm vật của người cho kết tội.

Luật Tứ Phần chép: Vật của bốn phương, hoặc tăng, hoặc rất nhiều người, hoặc một người, không nên phân chia, không nên bán, không nên đem về cho mình, đều phạm thâm-lan-giá. Nhân có người nói:

Nếu trộm vật của tăng nói không thành trộm, liền đoạt lấy. Điều này chưa thấy văn rõ ràng trong các bộ. Nếu đoạt lấy thì thành phạm trọng.

Luật Tứ phần chép: Tạm trở ngại Tăng dùng cho nên kết khinh.

Nếu nhập hẳn đồng với của mình, thì Thiện Kiến cho là tội trọng.

Luật Ngũ Phần chép: Tâm trộm, đổi vật tốt của tăng, giá năm tiền phạm Ba-la-di, một tiền trở lên phạm thâm-lan-giá.

Kinh Đại Tập chép: Trộm vật của tăng tội đồng với năm tội nghịch.

Nhưng tội trộm chung cả ba ngôi báu, vật của tăng rất quý, hễ hao tổn một hào thì y cứ vào phạm thánh mười phương mỗi mỗi mà kết tội.

Cho nên các bộ, như trong Ngũ Phần chép: Có nhiều người cúng dường vật cho tăng. Phật đều đáp: “Hãy cúng dường cho tăng, ta ở trong số tăng, cúng dường tăng được quả báo lớn”.

Lại, kinh Phương Đẳng chép: Năm tội nghịch, bốn tội trọng ta có thể cứu. Trộm vật của tăng ta không cứu được. Ngoài ra như trong các kinh Nhật Tạng Phần, Tăng Hộ truyện, v.v... có trình bày rộng.

Ngũ Bách Vấn chép: Lấy vật của Phật, pháp, Tăng dù hoàn lại thì vẫn đọa vào địa ngục A-tỳ nhưng được ra sớm, huông chi không bồi hoàn, mãi mãi không có lúc mong ra. Nhân đó nói việc Pháp sư Tam Tạng hoàn nợ.

1) Nói rõ dùng chung, lại chia làm bốn:

1. Tam bảo dùng lẫn nhau.
2. Đương phần dùng lẫn nhau.
3. Tượng cùng vật báu dùng lẫn nhau.
4. Mỗi vật dùng lẫn nhau.

Y cứ vào phần đầu, như Tăng-kỳ nói: Chủ chùa là Ma-ma-đế cùng dùng vật của Phật pháp Tăng, cho rằng không phạm. Phật nói phạm Bala-di. Nghĩa là người Tri sự lấy lương thực, dụng cụ của tăng và trâu ngựa làm tượng Phật, nhà kinh doanh việc sai sử đều chánh trọng, đem vật của Phật, pháp, tăng dùng cũng vậy. Văn rộng ra như trong luật kia. Các kinh như Bảo Lương, v.v... nói: hai vật của Phật, pháp không được dùng qua lại. Vì không có người, vì vật của Phật pháp mà làm chủ, lại không thể thưa hỏi, không đồng với vật của Tăng, cho nên thường trụ tăng, chiêu-đề-tăng cũng có những điều cần Tỳ-kheo coi về việc hòa tăng, đòi hành thủ, người hòa hợp được dùng. Nếu muốn dùng vật của tăng, sửa sang tháp Phật, y theo pháp mà lấy. Tăng hòa hợp được dùng. Người không hòa hợp, khuyên người tục tu bỏ. Nếu pháp Phật có vật cho đến một tiền, vì thí chủ chú trọng tâm thì phạm xá-ni.

Các vị trời và người đối với vật này, sinh tướng là Phật, tướng là tháp, cho đến gió thổi, mưa rửa ra, không được trao đổi vật báu cúng dường. Vì vật trong tháp của Như lai không có người làm giá cả. Nếu y cứ theo đây ngăn tăng thọ dụng, đều là dùng qua lại. Nếu không ngăn tạm an trí, lý được không tổn.

Văn nói: Không được đặt Phật ở phòng dưới, mình ở phòng trên.

Hỏi: Chiêu-đề tăng, thường trụ tăng là gì?

Đáp: Trung A-hàm chép: A-nan nhận phòng riêng để cúng dường chiêu-đề tăng. Cô gái Am-bà cúng vườn lên Phật trước tiên và chiêu-đề tăng, trong văn không rõ. Y cứ theo phòng nhà này là vật của chiêu-đề tăng. Hoa quả, v.v... là vật tăng man.

Ngũ Bách Vấn nói: Vốn chẳng phải chùa viện mà thờ tượng trong đó, Tỳ-kheo cùng nằm ngủ làm chướng ngại, ngăn cách thì không phạm, vì Phật tại thế cũng cho để tử ngủ cùng phòng.

Luật Thập Tụng nói: Phật cho tăng phòng nuôi sứ nhân, tượng Phật sứ nhân. Cho đến voi, ngựa, trâu, dê cũng vậy. Mỗi mỗi đều có sở thuộc, không được dùng chung.

Tát-bà-đa chép: đất của Tăng bốn phương không hòa hợp thì không được làm tháp Phật, trồng các thứ hoa quả cho Phật. Nếu trong tăng phân hành được rồi thì cho tùy ý cúng dường. Hoa nhiều vô hạn tùy ý dùng cúng dường. Nếu qua sự đói khát, mất mùa, ruộng vườn của Tam bảo, không có phân biệt, không thể thừa hỏi, nếu tăng hòa hợp tùy ý xử phân, hoặc nước của tháp, dùng công sức của tháp mà được, Tăng dùng phạm trọng. Nếu công sức của Tăng, phải so lường bao nhiêu chớ sai làm quá hạn, quá thì kết trọng.

Luật Thập Tụng chép: Cây hoa trong vườn của tăng, cho lấy cúng dường tháp Phật, nếu có trái cây sai người lấy ăn, cây lớn cúng dường ruộng cột cho tăng, lá và vỏ cây tùy ý Tỳ-kheo dùng, cũng được nhờ tăng đực đẽo bình chậu để dùng.

Tỳ-ni Mâu chép: đã phân chia phòng xá, đất trồng cây, sau đó lấy cây sửa sang phòng, không cần bạch tăng.

Cây của tăng để sửa tháp và tăng, được cây củi trong viện tăng, phải y cứ nhiều ít. Cúng dường nhà suối, nhà trừ, nhà tắm, phòng riêng. Không được lấy quá. Nếu không định hạn, tùy ý nhiều ít nên lấy cây khô. Nếu tăng cần cần cây để dùng, hoặc có cây đang ngăn đất mà thí chủ không cho chặt, liền sai tịnh nhân trộn xương cá với tro, rưới lên cho chết. Sau đó, nói cho thí chủ biết, rồi mới chặt dùng.

Nếu ruộng nhà của tăng liên tiếp với ruộng, nhà của người dữ, được nói đàn việt chuyên dòi.

Trong Tứ Phần chép: Vua Bình-sa cúng dường vườn cho Phật, Phật bảo cúng dường cho tăng, biết Tam bảo không được dùng qua lại, liền khuyên cúng cho Tăng, Tăng cũng được cúng dường Phật pháp. Nếu người vốn cúng dường chung cho Tam bảo thì tùy thiên lệch mà dùng hết, không được chia vật này làm ba phần, vì trái với tâm cúng dường.

Luật Thiện Kiến chép: Vật che đậy nếu là Tam bảo trai giảng thiết hội thì được lấy không tội. Trong luật trên, cho đến người khác được dùng củi cỏ của tăng. Đây phải cần cụ giới thanh tịnh đúng với pháp của tăng. Như luật đã xử đoán, tài pháp đều đồng. Nếu thực hành thiếu trái với đồ dùng của tăng phạm tội vô lượng. Rộng như trong kinh trước. Lại như truyện nói: do lấy lá, cây của Tăng nhuộm làm tạp dụng, tội bị đọa vào trong hang đá, thân đều vào địa ngục chịu khổ. Đây đều do giới chẳng đầy đủ, không có tâm hổ thẹn. Người có tâm hạnh, tự ẩn mà tham lấy.

2) Phải chia dùng với nhau: Nghĩa là vốn tạo hình Thích-ca đổi thành Di-đà, vốn làm Đại phẩm đổi làm Niết-bàn, vốn làm phóng tăng đổi làm xe cưỡi, đều vọng nhìn cảnh trước, lý nghĩa dễ thông. Nhưng trái với tâm cúng dường, phạm tội dụng qua lại.

Luật nói: Cho phép chỗ này cho chỗ kia, và hiện tiền trực đường đổi làm năm y đều phạm tội. Nếu vốn làm Phật lại làm Bồ-tát, bốn kinh chưa luận v.v... thì tình lý đều trái gốc.

Soạn chánh lục, tạp lục, giá kinh và tạo người nhóm họp kinh nguy nhân quả hoàn toàn trái, pháp quyết phạm trọng, phước không có phước riêng. Vì tà chánh xen lẫn, cho nên nếu đông tây hai nẻo, tài vật Phật pháp có chủ thì không được, không chủ thì dùng chung, nếu vốn thông các sư và chúng cúng dường, lý thông được làm, nhưng không thông người phi nghĩa, nuôi ngựa dê lẫn lộn.

Ngũ Bách Vấn nói: Dùng màu sắc của Phật làm hình chim thú thì phạm tội, trừ ở trước Phật vì cúng dường.

Luật Thiện Kiến nói: Nếu thí chủ định cúng dường vườn cây, y phục, thuốc thang, v.v... Người có tâm trộm cắp chia ăn, tùy theo tính giá trị mà kết trọng. Nếu định làm phóng xá tăng mà lại làm thức ăn cho tăng phạm trâu-lan-giá. Hoặc trụ xứ này thiếu lương thực, mọi người muốn giải tán đi, không có người giữ gìn, hòa tăng giảm dùng, các vật trong như vườn cây v.v... làm thức ăn. Chủ lãnh giữ gìn, cho đến phòng Tăng bốn phương cũng được. Nếu phòng bị phá hoại, bán những vật thô để sửa sang, hoặc thời giặc loạn cho giữ tùy thân. Khi giặc đi rồi bình yên về lại chỗ cũ. Muốn cúng dường tượng này, lại cho tượng kia, phạm Đột-cát-la. Trong quyển 8, 9, 10 nói về giới trộm rất vi tế kín đáo. Thập Tụng và Lạc-già nói; giữ vật của tăng bốn phương này, tâm trộm cắp đưa cho chùa khác phạm Đột-cát-la, nếu lấy trả lại cho tăng thì không phạm trọng.

Luật Tăng-kỳ nói: Nếu ở chùa gần bên bị phá không có chỗ nằm và đồ cúng dường, thông kết một giới hai bên cùng dùng.

Trong Ngũ Bách Vấn nói: người tại gia bạch tăng cho thức ăn những người mà Tỳ-kheo chưa độ, hoặc vì tăng mà bạch xin tăng cho đem thức ăn của tăng để giữa đường, hoặc tăng không cho, hoặc không bạch trả lại thì phải bồi hoàn. Nếu không thì phạm trọng, nếu cúng dường trai tăng, tăng đi trai chủ cúng dường cho tăng sau, đánh Kiênchùy được ăn. Nếu không dành mỗi người ăn no phạm trọng. Y cứ theo trên không được, liền đem thức ăn của tăng ra khỏi giới mà ăn không hoàn lại, người có tâm thì phạm trọng.

Tuy là đánh chuông còn không khỏi tội, vì vật thể thuộc về xứ định.

Trong luật nói: Cùng lợi dưỡng thuyết giới riêng phải làm yết-ma hòa tăng mới được. Nếu được đầu cần đồng giới đồng pháp.

Nếu vì Tăng sai đi xa, trên đường đi không có chỗ khát thực, hòa Tăng đem thức ăn để giữa đường cũng không nhất định làm tướng.

Theo văn giữ chùa của luật Thiện Kiến. Nếu chùa trang nghiêm vững chắc không cần hòa Tăng. Hai bên trụ xứ dùng chung, mỗi trụ xứ hô kiên-chùy để cùng ăn. Nếu đến chùa ngoài, có người riêng giữ vật của Tăng, dùng thì phạm



trọng. Vì thí chủ định cúng tăng trú xứ này, không cúng loại riêng khác chẳng phải ruộng phước, cho nên người nhà tăng cất giữ phạm cát-la.

3) Tượng cúng báu qua lại: nghĩa là trụ trì Tam bảo và lý của báu qua lại. Tát-bà-đa hỏi: Khi Phật tại thế, trong các vật cúng dường Tam bảo thường nhận phần của một người, vì sao sau khi Phật diệt độ khắp nơi lấy phần của một người?

Đáp: Phật tại thế, sắc thân thọ dụng, nên lấy một phần của một người, sau khi Phật diệt độ cúng dường pháp thân công đức hơn Tăng nên lấy một phần báu. Lại khi Phật tại thế nói cúng dường Phật thì sắc thân thọ dụng, nói cúng dường Phật bảo đặt trong tháp thờ móng tay, tóc cúng dường pháp thân. Vì pháp thân thường còn ở thế gian.

Nếu cúng dường Pháp chia làm hai phần, một phần cho kinh pháp, một phần cho người tụng kinh nói pháp. Nếu cúng dường pháp bảo thì treo trong tháp. Nếu cúng dường Tăng bảo cũng để trong tháp, cúng dường tăng đệ nhất nghĩa đế, hoặc cúng dường chúng tăng phạm thành đều lấy phần, vì nó không đáng. Y cứ theo lúc thọ thí này, khéo biết thông bít, chớ dùng qua lại mà gây ra lỗi lầm.

Trong phần thứ tư vật tùy tướng, tự qua lại trước y cứ theo vật của Phật, có bốn loại:

1. Vật Phật thọ dụng không được chuyển qua lại, nghĩa là các vật như giảng đường, y phục, giường màn, v.v...

Vật Phật từng dùng, cúng dường để trong tháp, không được dời qua lại như kinh Bảo Lương ở trước đã nói. Ngũ Bách Vấn chép: Không được bán lụa trên thân Phật cho Phật làm y, lại cột trụ chùa viện bị hư hoại, thí chủ đổi xong, cột củ cúng dường cho tăng, tăng không được dùng. Trong luật Phật nói nếu giường tọa cụ của Phật, tất cả trời người cúng dường không được dùng, vì đều là tháp, cung kính như tượng tăng, cho đến cung kính trong pháp.

2. Cúng dường vật thuộc của Phật, Ngũ Bách Vấn chép: vật của Phật được mua lấy cúng dường, đầy đủ cúng dường. Luật Thập Tụng chép: lấy vật tháp Phật xuất lời, Phật nói cho. Ngũ Bách Vấn chép: vật của Phật không được dời đến chùa khác, vì phạm tội khí. Nếu chúng tăng đều đi, bạch tăng tăng cho đem đi thì không tội.

Khách Tỳ-kheo làm tượng Phật, viết kinh được vật thì không được lấy, nếu được nhà Phật nuôi trâu bò, cũng không được thường sai trâu bò của Phật vì phạm đại tội.

3. Cúng dường vật lên Phật. Luật Tăng-kỳ nói cúng dường hoa cho Phật nhiều thì cho chuyển mua hương đèn cúng Phật.

Còn vật cũ nhiều chuyển bán để làm vô tận tài của Phật.

Ngũ Bách Vấn chép: Cờ, phước của Phật phần nhiều muốn làm Phật sự khác, nếu thí chủ không đồng ý thì không được, vì y cứ theo đây đổi làm, không chuyển biến bản chất. Như Đại Luận chép: như họa làm tượng Phật.

a) Vì không tốt nên cố hoại thì được phước.

b) Vì ác tâm hoại thì phạm tội.

4. Vật hiến cúng Phật. Luật nói: Cúng dường tháp Phật, thức ăn để sửa sang tháp người được ăn. Luật Thiện Kiến nói: Trước Phật dâng cơm, Tỳ-kheo hầu Phật ăn. Nếu không có Tỳ-kheo, người tại gia hầu Phật được ăn. Y cứ theo đây, bàn Phật của nhà thế tục vốn không thuộc về Phật, không còn nói chuộc kinh nguy.

Kể nói vật của Pháp cũng có bốn thứ khác nhau:

1. Pháp thọ dụng, như thuộc về sương hộp, khăn, màn, v.v... vốn là vật bày biện không thể sửa đổi lại, còn ba điều không y cứ ở trên có thể biết.

Nói rõ vật của tăng. Nếu hai loại thường trụ hạn cục chỗ đã định không thể chuyển dời, như trên có nói. Nếu giúp đỡ chung các chùa khác, yết-ma hòa thì được.

Thường trụ thường trụ chỉ được thọ dụng, thập phương thường trụ hô kiền-chùy đồng thời liền dự phần ăn. Nếu ác giới kịp thời, có đức phi thời, phi pháp mà dùng đều kết tội thâm-lan-giá.

2. Hai loại cùng dùng qua lại thông hòa thì được, không y cứ ở trên có thể biết, người thường trụ cất chứa không được mua bán. Y cứ theo kinh tội trọng, các luật không có văn. Cho nên trong luật Tăng-kỳ nói cùng dường tội tứ cho tăng đều không được nhận, ý có thể biết. Nếu nói hai loại tội hiện tiền qua lại như trên, thì hai vật khinh trọng cất dứt chẳng trái với văn, đều kết hai tội.

3. Vật Tam bảo xuất ra cho vay: Luật Tăng-kỳ nói: Tháp Tăng hai vật cùng cho vay, khoán nhớ rõ ràng. Lúc nào vay lúc nào trả, nếu tri sự thay thế phải ở trong tăng đọc số, xướng rõ ràng rồi ghi phó chúc cho người sau. Trái điều này kết phạm.

Thập Tụng, Tăng-kỳ nói: Vật của tháp xuất cho vay lấy lời, hoàn lại đặt trong vật tháp vô tập tài. Vật của Phật xuất cho vay hoàn lại cho vào vô tập tài của Phật. Định cúng dường tháp, vật của tăng trong văn ví dụ đồng, không được liên can lẫn lộn. Thập Tụng nói: Người khác được cho vay vật của tăng. Nếu chết thì bồi hoàn, tính theo giá cả để vào tháp tăng. Luật Thiện kiến nói: Lại được vay mượn tài vật của tăng làm phòng riêng. Kinh Thiện Sinh chép: người bệnh vay vật của Tam bảo hoàn lại gấp mười, còn người không bệnh lý không cho vay, không đồng với luật nghi là hai chúng thế tục, văn giống như năm chúng xuất gia.

Ngũ Bách Vấn chép: Vật của Phật người cho vay lấy lời tự dùng, đồng với hoại pháp thân. Nếu có người cúng dường trâu bò, tội tứ cho Phật không được thọ

dụng và bán đổi. Nếu cúng dường vũ khí cũng không được nhận, ngoài ra đều như giới thứ tư cất chứa của báu, pháp chiêu đãi đạo tục.

Luật Tứ Phần nói Ưu-ba-ly đến một trụ xứ, không ai đón tiếp liền trở về. Phật bảo: Nếu người biết pháp, biết luật, biết ma-di, hễ đến chỗ nào đều phải đón rước cúng cấp cơm nước. Cũng không nói vật hiện tiền bốn phương tăng. Theo việc cho y người tri sự, thì vật mười phương hiện tiền cho nên biết chẳng phải vật của thường tứ phương.

Luật Thập Tụng nói: Vì người này thay vào chỗ ta cho nên phải cung cấp.

Luật Ngũ Phần nói: Nếu người tại gia vào chùa, tăng không cho thức ăn liền khởi tâm chê bai. Phật bảo nên cho, liền cầm bình xấu đựng đầy thức ăn cho, lại sinh tâm chê bai. Phật bảo lấy bình tốt đựng. Đây gọi là người tục suy nghĩ thấy lỗi của tăng. Nếu hai chúng tại gia và người thông đạt thế tục phải nói phước, ăn khó tiêu, chẳng phải là tiếc. Như trong pháp chúng vãng có nói.

Luật Thập Tụng chép: cung cấp củi lửa, đèn đuốc cho quốc vương, đại thần, cho dùng mười chín tiền, không cần bạch tăng.

Nếu đòi lại, bạch tăng cho, ác tặc đến, bất cứ lúc nào suy nghĩ quyết định, không hạn lượng nhiều ít. Luật Tăng-kỳ nói: Nếu ác tặc đàn việt, thợ mộc cho đến quốc vương, đại thần, v.v... người có công năng làm tổn ích nên cho cơm nước.

Đa Luận nói: Người có thể làm tổn hại thì cho họ, người có ích không được thì làm nhiệm ô nhà. Nếu hai bên biết pháp như luật cũng được rộng, như hai thiên dưới nói.

Luật Thập Tụng nói: Về cách chiêu đãi tịnh nhân, niều phân thứ lớp trên dưới, thì phải trên cho y thức ăn, dưới lần lượt không được nhiều. Sứ giả cung cấp y thức ăn. Luật Thập Tụng nói: Khách làm người thuê được toàn ngày, cuối cùng gặp nạn duyên, không được khế hợp. Phật bảo lượng công mà cho y theo pháp thế tục. Từ sáng đến trưa trước có việc nạn, cho ăn một bữa. Không cho thì làm đúng giá, sau đó đi rồi có nạn không sai, thì cung cấp làm công trọn ngày. Lại phải y theo lời Phật nói lượng theo công lao xem siêng năng hay lười biếng. Tuy lại sai đi trai qua nửa ngày. Mà công y theo toàn phu cũng cho giá cũ, nhất định người lười biếng cũng bớt. Ngoài ra, như trong quyền thượng cũng có về thông cục thức ăn của tăng.

Đại môn thứ 2, trong vật người trộm cắp do nhất định có chủ, mong hai chủ kết, một tôn chủ chánh, hai tôn chủ giữ gìn, thì vật của chủ chánh phải có ba câu.

1/ Có tâm ngã sở, có giữ gìn, như trong ruộng có các tài vật giấu lùa, v.v...

2/ Có tâm ngã sở, trong ruộng không có người giữ ngũ cốc.

3/ Không có tâm ngã sở, không giữ gìn các kho báu trong lòng đất.

Nếu trộm ba loại này đều tổn chánh chủ, kết tội.

Còn chủ giữ gìn hai câu khác nhau.

1. Có tâm ngã sở, giữ gìn riêng, như tăng có thể phân chia vật sai người giữ gìn.
2. Tâm vô ngã sở, giữ gìn riêng. Như cửa ải đoạt được vật cấm, kết nay tổng hai chủ chia làm bảy loại:

a) Giữ gìn chủ tổn mất. Luật Thiện Kiến chép: Tỳ-kheo giữ gìn tài vật cho người khác hoặc Tam bảo, nếu cẩn thận để trong cửa kín mà giặc Tỳ-kheo từ trong nhà, trong kẻ hở trộm lấy, hoặc áp bức, cưỡng lấy. Chẳng phải chủ giữ gìn có thể cấm hạn, y theo bốn chủ mà kiết, không được giữ vật của người (nếu trung cầu thì phạm trọng). Nếu chủ thường lười biếng, không siêng lấy cất, bị giặc trộm cắp, Tỳ-kheo giữ vật phải đền. Không mong vào bốn chủ. Nếu không hoàn lại, giữ gìn thì kết phạm. Gởi chủ bị tổn thất. Luật Thập Tụng nói: Tỳ-kheo ở nơi xa gởi vật mà bị tổn phá. Phạt bảo nếu người tâm tốt làm hư thì không bồi hoàn, người tâm ác phá thì phải bồi thường. Tỳ-kheo gởi vật cho cư sĩ, người không tốt xem cố làm mất, nên đòi lại. Nếu gởi vật cho cư sĩ, cư sĩ gởi vật cho Tỳ-kheo, hai thuyết như trên; Nếu mượn vật của người khác bất luận hai tâm tốt xấu, nếu tổn thất tất cả phải bồi thường. Nay có người rửa bình bát cho người khác và nhầm làm bể, phần nhiều đòi thường lại, tùy theo đó mà kết trọng.

b) Chủ bị trộm vật: Thập Tụng chép: Nếu trong chúng có người mất vật, chúng chủ không được lấy, mà lấy cất tụng chú rồi lấy. Nghĩa trình bày hai loại.

Không hiện tiền chủ bị trộm vật giữ gìn tâm nghĩa yếu đuối.

Người lấy được tướng quyết lấy, chủ tuy có tâm không xả bỏ. Sau đó thấy vật này không được đoạt lấy vì lìa đất thuộc thành nghĩa giặc, nếu đoạt lấy phạm trọng. Cho nên Luật nói: Bây giờ, có Tỳ-kheo cướp đoạt lấy phạm trọng. Vì thế luật nói: Bây giờ, có Tỳ-kheo cướp đoạt vật. Phạt nói phạm Ba-la-di, Tăng-kỳ nói: mặt không hiện tiền.

c) Bốn chủ không xả bỏ.

d) Người đoạt chưa làm.

Tướng được sau đó đoạt lấy được, trái với hai duyên trên, đoạt lấy phạm tội trọng. Dù tâm mình không buông bỏ, trước người quyết định lấy, chính là thành trộm tổn thất, không được đoạt lấy, nếu trước xả bỏ vì không có chủ, cũng không được nhất lìa rồi sau đó lấy.

3) Đối diện hiện tiền đoạt lấy, do nghĩa giữ gìn mạnh.

Đoạt còn do dự muốn được chưa nhất định. Vốn tâm của chủ yếu, mà người chưa xả bỏ cũng được đuổi theo đoạt lấy.

Luật Tăng-kỳ nói: Giặc cướp đoạt vật rồi đi, Tỳ-kheo đuổi theo cướp đoạt được vật ấy thì không phạm. Lại trời tối đuổi theo giặc, giặc cất vật rồi đi, Tỳ-kheo liền lấy đem đi. Lại giặc lần lần đến gần thôn xóm, Tỳ-kheo đuổi theo giặc. Nếu

hòa bảo rõ thì được, nếu sợ la mắng thì không phạm. Biết có việc chết không nên nói cho người biết. Các câu như trên đều là đối diện bị cướp. Nếu mình tưởng là mất, bất luận là người cướp lấy, quyết định hay không quyết định, sau đó lấy lại thì chính là giặc. Lại đoạt lấy vật của giặc, đều do quyết thuộc về giặc, dù không có ý tưởng mất, mà tâm giặc quyết lấy không sợ, cũng là thuộc về giặc. Không được đuổi theo đoạt lấy.

Tỳ-Nại-Da nói: Nếu mất vật, các quan lấy lại được, trả lại cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo được lấy không phạm. Y theo mặt không hiện tiền cho đến trộm cắp tượng, vàng, v.v... tuy biết chỗ cất giấu cũng không được lấy.

Luật Thập Tụng chép: Tỳ-kheo bị giặc tranh giành, tự thân trộm đồ của giặc không phạm, nếu thầy đoạt đệ tử đem đến phạm tội trọng.

#### 4) Giặc bắt thí cho Tỳ-kheo vật có chủ

Luật Thập Tụng chép: Giặc trộm vật đem đến, hoặc cúng dường với lòng tốt, hoặc do người khác đuổi theo sợ hãi mà bắt thí, được lấy vật này, không được theo giặc xin, tự cho thì được lấy. Lấy rồi nhuộm hoại sắc mà mặc. Có chủ biết, nếu đòi lại, hoặc giặc mua được y của Tỳ-kheo, bản chủ thấy y không được đoạt thẳng, phải trả lại với giá cũ.

Nay hoặc có người trộm vật của Tam bảo và vàng bạc, kinh tượng, v.v... rồi hủy hoại đúc thành bình mà Tỳ-kheo xin, y theo văn trên được nhận. Căn cứ theo lý đã từng thọ dùng kinh Phật, chỉ có thể lấy, y vào bốn xứ dùng.

#### 5) Thâu tù trói giặc chủ.

Luật Tăng-kỳ nói: Quan chưa nhận lấy, chưa viết tên vật mà gọi cho Tỳ-kheo, thì được lấy, hiện lộ cầm ra không được che giấu, nếu có người hỏi, thì nói là y vật của Phật, của tăng, của ta. Nếu người không cho thì trả lại.

e) Người cuồng thí vật chủ: Bộ Ma-đắc-lặc-già nói: Nếu người cuồng tự lấy vật cúng dường, không biết cha mẹ, thân quyến, Tỳ-kheo được lấy. Nếu cha mẹ biết, không tự tay cho thì không thể lấy.

f) Người giữ nhìn làm chủ: Luật Thiện Kiến nói: Người trộm không có tội, nghĩa là chủ nhân làm roi, đưa gọi cho cha mẹ. Nếu cha mẹ qua đời, hoặc người mắc nợ đem đi thì không tội. (y theo đây riêng đưa thuế cho vua, người có phước không tội). Tôi tớ ăn trộm phạm tội trọng.

Thập Tụng nói: có người cất giữ y cho Tỳ-kheo, nghi chẳng biết có thành chủ không. Phật bảo, chỉ theo sự cúng dường mà nhận, không được theo xin. Luật Tứ Phần chép: người khác giữ kỹ, người cho y vật Tỳ-kheo, Phật bảo: Đây nếu là chủ thì được nhận, cho nên không được theo xin, vì vật là chủ khác, nếu nói nhận rồi cúng dường, liền dạy người khác trộm lấy vật. Luận Minh Liễu chép: Nghĩa trộm cắp rất nhiều, lại y cứ vào mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm, buông bỏ sáu trần, hành không đúng như Pháp. Hoặc phạm trọng, hoặc phạm khinh. Nếu

người ăn thức ăn độc, hoặc bị rắn cắn, phạm tội như thế, nếu người trộm đất, nước, lửa, gió, không đại. Cũng phạm Ba-la-di đều từ giới trộm.

Giải thích rằng: Có các vị tiên, trong lòng thực hành thầy thuốc rắn độc, vị tiên viết chữ, người thấy đều lành bệnh.

Người muốn thấy phải thường giá tiền. Tỳ-kheo bị hại trộm tính theo giá tiền phạm trọng, cho đến người khác học được trộm xem cũng vậy. Nếu muốn học tụng chú trị bệnh, cần giá cả, Tỳ-kheo thăm nghe tính theo giá phạm trọng. Trộm ném ngửi xúc chạm cũng giống như thế, biết bí mật mới cần chú thuật.

Người bệnh tâm duyên theo liền hết bệnh, được nghe viết thẳng.

Tỳ-kheo thọ pháp y cứu vào tâm thầy duyên được hết bệnh không cho giá cả.

Cho nên phạm trọng.

Kẻ là y cứu vào sáu cõi ba điều trước có thể biết. Có thuốc chú thuật bôi lên, Tỳ-kheo trộm quấy nhiễu không cho giá cả, nếu khởi công lâu các đến không giới khác ngăn ngại người khác khởi tạo, gọi là trộm hư không.

Luận chép: Đồng là đồng với thức giới, trí tuệ thuộc về thức, người có nghề khéo chẳng phải rỗng không, đưa người khác phải cho giá cả.

Tỳ-kheo phương tiện đến chỗ người kia học được không cho giá cả, tức là ăn trộm hiểu biết (nghĩa là trộm trí để dùng) từ các duyên ngoài không được lấy hết. Nhưng biết phi lý, tổn tài, biết trộm cắp là vô nghĩa nên không nhận. Rộng ra như trong giới bốn số nói.

Đại môn thứ 3 trộm vật phi súc: Trước nói vật của phi nhân, nếu có người giữ gìn, thì y cứu vào chủ mà kết.

Ngũ Phần nói: Lấy y trong miếu thần, cờ phướn lọng báu do người khác cho để trên mộ, người giữ vật tâm họ chưa xả bỏ, giá trị năm tiền thì phạm tội trọng.

Luật Tăng-kỳ nói: Trộm vật trong tháp của ngoại đạo, vật trong nhà thờ tự phạm tội trọng. Nếu không có người giữ gìn tùy trường hợp mà kết.

Cho nên luật Thập Tụng chép: trộm cắp y, tượng của Thiên Thần và tràng hoa, phạm thâm-lan-giá.

Luật Thiện Kiến nói: lấy vật của các quỷ thần, và vật người buộc ở trên cây, không có người giữ gìn không phạm (nghĩa là phi nhân cũng không gìn giữ).

Bộ Tát-bà-đa nói: Lấy vật của phi nhân giá năm tiền trở lên phạm trọng thâm-lan-giá, bốn tiền trở xuống phạm khinh thâm-lan-giá.

Nay có nhiều người lấy vật của các Thần y cứu vào lý phạm không giống như ở trên. Ất không có giữ sợ thần hộ. Có thể bói biết xả bỏ sự keo kiệt. Về trộm vật của súc sinh, Tứ Phần không có văn, có người đoán đồng với đại trọng.

Cho nên luật nói: Con chuột ăn trộm đào của người Hồ gom thành một đồng to, Tỳ-kheo trộm, Phật bảo phạm Ba-la-di.

Cho nên có giải thích: Chẳng phải y cứ vào súc sinh, mà y cứ vào bốn chủ vì chuột trộm cắp nghi do dự chưa quyết là trách người còn là bốn chủ. Cho nên lại chính là người kết phạm trọng. Ngoài ra như các bộ khác.

Luật Thập Tụng chép: lấy thức ăn dư của hổ phạm cát-la, vì không dứt trông mong, thức ăn thừa của sư không phạm.

Tát Bà Đa chép: Tát cả thức ăn dư của chim thú, lấy phạm cátla.

1. Nói rõ tướng có chủ. Nếu tướng là không có chủ, từ đầu đến cuối không chuyển thì không phạm tội, trước sau chuyển qua lại, phạm khinh trọng qua lại, rộng như trong phân trì phạm.

2. Nói rõ tâm trộm cắp: Nhưng môn này người thật đức chưa tránh khỏi. Nhưng ở đời trộm cắp do tâm kết, không y cứ vào sự thị phi của cảnh. Cho nên: luật Tăng-kỳ nói: chủ chùa tâm ưa thích dùng vật của Tam bảo qua lại. Đây cũng là trộm, phạm Ba-la-di. Lý đã khó biết. Cho nên có chỉ đủ ở trong sao.

Luật Thập Tụng chép: có sáu thứ tâm trộm cắp, đó là: Lấy một cách khổ cực, khinh mạn mà lấy, mượn danh người khác, xung đột lấy (giả mượn không trả) nhận gởi lấy, do đó lời mà lấy. Trừ một loại có lời, ngoài ra đều kết trọng.

Ma đặc lạc già nói: có ba thứ tâm cướp.

1. Cường đoạt lấy, dùng lời êm dịu lấy, cho rồi lấy lại (trong kinh

Thiện Sinh nói cũng đồng với tội trộm) Luật Ngũ Phần nói có bốn loại:

1. Dùng tâm nịnh hót
2. Tâm cong vạy
3. Tâm tức giận
4. Tâm sợ hãi mà lấy vật của người, tức là tâm trộm.

Luật Tứ phần nói có mười thứ tâm giặc:

1. Tâm đen tối: nghĩa là tâm si, người ngu dạy cũng học, tùy theo mê muội mà kết tội trọng.

Luật Tăng-kỳ nói: Chủ chùa chính là việc này

2. Tâm tà, nghĩa là tâm tham, miễn được lợi. Nói pháp tà mạng bị tài vật che lấp.

3. Tâm cong vạy, tức tâm sân. Cho ít thì chê giận, nhờ sân mà được của cải. Hoặc chỉ bảo dùng uy nộ một cách rỗng tuếch, mục đích vì tài lợi mà được vật, phạm trọng.

4. Tâm làm cho sợ hãi, hoặc lá hét ép buộc, hoặc nói pháp sợ hãi để lấy, hoặc tự khởi nghi ngờ sợ hãi mà lấy tài vật.

5. Thường có tâm trộm vật của người, hằng khởi tâm đoạt lấy.

6. Quyết định lấy, trong tâm do dự, phương tiện rồi thành ắt có kết quả, động đến vật thành phạm.

7. Gởi vật rồi lấy: Hoặc hoàn toàn xung đột, hoặc lấy chút ít rồi trả cho người.

8. Tâm sợ hãi: Nghĩa là chỉ bảo tướng thân miệng, vì sợ hãi nên cho vật.

9. Thấy tiện liền lấy, thừa cơ khác sơ hở, do lợi mà cầu.

10. Cây thế mà lấy: Hoặc cậy vào tiếng tăm oai đức, hoặc dùng danh tự phương tiện, hoặc cậy vào bạn thân mà cưỡng bức. Nghĩa là nhờ oai thế của người khác mà lấy, hoặc dùng ngôn từ biện thuyết, hoặc nhờ vào sự suy xét đầu mối, phù hoa dẫn dắt, làm cho khác trước đây, mong lấy tài lợi, nói cuồng hoặc mà lấy, phi pháp nói pháp, pháp nói phi pháp, chỉ vì lợi mà mê hoặc bao người, cho nên các văn dẫn chứng biết được nghiệp của tâm. Tướng ấy lược hiển bày đủ được phòng ngừa vững chắc, vọng cảnh có bốn vật trọng. Nghĩa là năm tiền hoặc giá trị năm tiền, tức các vật lặt vặt khác. Bộ Tát-bà-đa hỏi: Trộm năm tiền thành trọng. Tiền ấy phải thế nào?

Đáp: có ba cách giải thích:

1. Y vào phép nước Vương-xá dùng tiền thế nào, y theo tiền đó làm hạn.
2. Tùy theo chỗ có Phật pháp dùng tiền thế nào thì lấy đó làm giới hạn.
3. Phật y theo nước Vương-xá trộm năm tiền phạm tội chết.

Theo đó mà kết giới, nay tùy theo nơi có Phật pháp, theo phép nước trộm bao nhiêu vật thì phạm tội chết, lấy đó làm giới hạn. Tuy có ba thứ giải thích, luận sư sau này nghĩa thích ứng với điều này, xong nghĩa về năm tiền luận giải thích khác nhau, phán tội nên thông, nhiếp hộ phải gấp.

Cho nên luật nói: Dưới cho đến cây cỏ, hoa lá cũng không được trộm cắp, nay các sư thanh hành phân nhiều y theo Thập Tụng.

Luật ấy nói: trộm năm tiền, là đồng tiền lớn thời xưa, phạm trọng.

Nếu trộm ít tiền, tùy theo chỗ trộm hễ năm tiền thì phạm trọng.

Luật Tăng-kỳ nói: Phép vua không nhất định, nên xử tội trộm không nhất định.

Phải lấy pháp xưa của vua Bình-sa bốn tiền ba giác thì kết trọng.

Luật Tứ Phần nói: Chỉ nói năm tiền. Y cứ theo đây mà phé bỏ luật luận trên, về sau là hơn. Dù bốn tiền ba giác, Thiện Kiến giải thích, cũng đồng năm tiền.

Luật Thiện Kiến nói: Nếu trong tháp trộm lấy của báu trong tay, lấy rồi ra rời miệng tháp phạm Ba-la-di.

Lại giải thích: Chỉ rời khỏi chỗ phạm Ba-la-di, chưa ra khỏi miệng tháp. Pháp sư nói: Trong giới luật theo sự khẩn cấp. Lại quán năm việc: Xứ thời, mới, cũ, v.v... gọi là Luật sư, dùng văn này làm chứng năm tiền làm tiêu chuẩn.

2) Vì nghĩa môn sáu câu khác nhau:



1. Thập Tụng già luận chép: Tiền có lúc đắt lúc rẻ không ngại.

Tiền đắt mà trộm một tiền cũng tội trọng, gặp lúc giá tiền rẻ tới một trăm, một trăm chỉ phạm khinh.

2. Tứ Phần, Ngũ Phần, Thiện Kiến nói: trộm vật ở chỗ đắt bán lại chỗ rẻ, y vào chỗ mình ăn trộm tính giá trị vật ấy bao nhiêu.

3. Luật Thiện Kiến nói: trộm vật ở chỗ đắt bán chỗ rẻ, nếu định tội phải trả lại y cũ.

Ba câu trên trái nhau, đều phạm tội khinh.

4. Trong Ma-đắc-lặc-già nói: Lấy năm ngàn không phạm tội trọng; lấy bốn tiền thường làm đoạn tâm, hoặc không được vật cũng phạm trọng như Tứ Phần nói: Thiêu đốt cho hoại sắc, dạy người khác làm.

5. Không đủ năm tiền phạm trọng: Như luật Tứ Phần nói: Nhiều người sai một người trộm năm tiền nhiều người cùng phân chia. Hoặc nhiều người cùng trộm thông làm một phần. Chỉ làm cho đủ năm tiền. Tất cả đồng trộm kết trọng, hoặc trộm quá bốn tiền kết tội khinh. Như luật Thập Tụng nói: Nhiều người trộm cắp, chưa chia vật là vậy. Tức như loại vật rẻ của người chết.

6. Trộm năm tiền, mỗi người một tiền kết phạm

Như luật Tăng-kỳ nói: năm người trộm mỗi người lấy một tiền, sai một người giữ. Nếu trộm cứ mong vào người giữ gìn kết tội.

Luật Thiện Kiến nói: Muốn biết tướng trộm cắp, như thầy trò bốn người dạy nhau cùng ăn trộm, một người một tiền thì mỗi người phạm một Ba-la-di và một thâm-lan-giá, nghĩa này nên biết.

3) Lìa chỗ cũ, luật Tứ Phần nói: Nếu kéo chôn cát tùy theo làm một việc, phương tiện không thành đều kết thâm-lan-giá.

Luật Ngũ Phần chép: vật ở trong lòng đất mà khởi tâm trộm cắp phạm cát-la, nếu đào đất phạm đề-xá-ni, cầm vật thì phạm Đột-cát-la, động đến vật phạm thâm-lan-giá, lìa chỗ mới kết tội trọng. Nghĩa của lìa chỗ chia ra mười câu.

1. Văn viết thành: Nói về lìa chỗ như số của luật sư phán quyết lấy nhập tội trọng vào khinh. Phi pháp phán quyết dùng loại vật của tăng. Thiện Kiến chép: vẽ trên đất làm chữ, một đầu thì khinh, hai đầu thì trọng.

2. Lập ngôn giáo: Luật Thiện Kiến chép: Nếu tâm trộm xưng lên rằng: nhất định là đất của ta, nếu chủ đất sinh nghi phạm thâm-langiá. Nếu tâm quyết định mất phạm tội trọng. Nếu cùng nhau tranh chấp ruộng vườn trái với lý phán quyết, và trái với lý phán quyết mà được, cho đến miệng xử đoán nhiều mối, trộm hạ xưng lên được nhiều vật đều phạm trọng. Tức như trong Tứ Phần nói: nếu dùng ngôn từ biện luận, nói cuồng mê hoặc người mà trộm đều phạm trọng.

3. Dời nêu: Thiện Kiến nói: dựng một cây nêu phạm thân-lan-giá, dựng hai cây nêu phạm tội trọng (lượng theo cảnh) cho đến bằng sợi tóc, hạt thóc đều phạm trọng. Đất sâu vô giá chừng dây đàn cũng như vậy.

4. Đọa trừ: Tứ Phần nói: trộm cắp thềm nhớ mấy thể phân vật thể, cho đến thiếu ít.

5. Sắc khác: Thập Tụng, Tát-bà-đa nói: Trên nệm chăn có hoa lá cành cây. Nay từ trên lá cây trộm cắp kéo đến trên hoa cây phạm tội trọng. Nghĩa là vì bản sắc khác lạ. Hoặc như mượn y bát người khác phi lý dùng tổn giảm năm tiền của người khác cũng kết tội trọng.

Luật nói: Vì làm cho hoại sắc.<sup>6</sup>

6. Chuyên tuổi: Như Thập Tụng nói đánh bạc, đánh cờ, v.v... Ngũ Phần nói: Chơi cờ bạc phạm Đột-cát-la.

7. Lìa chỗ nói không lìa chỗ. Như Tăng-kỳ chép: trộm cắp trâu ngựa của người nhưng nghĩ là không hề làm được, tuy nhắc bốn chân không thành cũng phạm trọng.

8. Không lìa chỗ nói lìa chỗ. Như Luật Thiện Kiến chép: chỗ yên tĩnh trộm cắp chắc chắn được không nghi, như ném gậy lên hư không nhất định rơi xuống, cho nên động thì thành tội trọng.

9. Không lìa chỗ nói lìa chỗ. Như Luật Tứ Phần chép: trộm ruộng vườn nhà cửa của người, công kích phá thôn, đốt chôn hoại sắc đều phạm tội trọng.

10. Lẫn lộn nói lìa chỗ: Như trên hư không thổi vật trộm cắp chim bị tên bắn, ngăn dòng nước chảy, v.v... đều không nói hết, rộng như trong bốn số. Nhưng tướng của giới trộm rất khó phân rõ. Nếu nói về tướng bên ngoài đủ như trong sách vở, cho đến vạch ra tìm hiểu sẽ rườm rà. Cho nên lược bày duyên phạm biết thô đại khái mà thôi, ý vẫn còn bỏ bớt việc. Người biết đủ tâm lo nghĩ về đạo, duyên cảnh đã hạn cục, ít thì nên trong sạch. Nếu người nhiều việc mà muốn thăng cao sẽ bị tâm trộm vây quanh không thể nào ra được. Vì sao do tâm khởi thắng, riêng tưởng điên đảo chưa khuynh. Sơ quả vô học, mới có thể tính việc, người có tâm lo đo, đọc kỹ phụ vô việc, suy nghĩ sâu mới biết. Cho nên luật Thiện Kiến chép: Giới luật phải theo mà hộ, giới trọng thứ hai này sự tướng khó hiểu, chẳng thể không lộn xộn khi giải thích nghĩa lý ấy, ông nên khéo suy nghĩ, luận văn như thế, vì y cứ theo sự trình bày trên còn sợ người không ra gì. Cho là rườm rà, tâm tôi thật chưa nói hết y cứ như trước cho nên lại lược bỏ.

Trong phần ba nói về không phạm. Luật Tứ Phần chép: tưởng cho, lấy rồi, tưởng phần tạo, tưởng lấy tạm, ý thân thiết hậu đãi đều không phạm. Trong luật nói đủ bảy pháp gọi là thân hậu:

1. Khó làm mà làm được
2. Khó cho mà cho được

3. Khó nhẫn mà nhẫn được
4. Việc kín đáo nói với nhau
5. Cùng che giấu cho nhau
6. Gặp khổ không xả bỏ
7. Nghèo hèn không khinh

Bảy pháp như thế, người thực hành được là bạn thân tốt, cứ theo đây để lường.

– **Giới thứ ba: Giới giết người**, có năm duyên thành phạm:

1. Là người
2. Nghĩ là người
3. Khởi tâm giết
4. Làm mọi cách
5. Mạng sống bị cắt đứt.

Trong duyên thứ nhất (là người). Luật nói: Trước đây biết, đến sau này biết mà mạng sống bị cắt đứt. (Trước biết nghĩa là: trước biết ở trong thai, còn tự nghi là chỗ nương của thức. Cho đến một niệm sau cùng lúc qua đời, chưa xả bỏ giữ lấy, tùy theo điều hoại).

Tướng ấy dễ biết, cho nên nói lược.

Tứ Phần chép: giết có hai loại:

1. Tự giết, nghĩa là thân hiện tướng, miệng khen ngợi chết, đào huyết đặt bầy, hoặc đặt dụng cụ để giết, nhẫn đến cho thuốc, v.v...
2. Xúi giục người giết: Tùy theo sự sai bảo trước, hoặc dạy giết, khen giết, sai người giết, sai đi tới đi lui, cứ sai lần lần. Sai người nam dạy tìm người nam, viết thư, dạy viết thư đưa, đều mặc phương tiện chỉ làm cho chết mới vừa ý muốn của mình.

Trong ba tánh có thể dạy thì phạm trọng. Ngoài ra như thiên sau.

Luật Thập Tụng chép: Không được làm tổn thương thân mình, cho đến đứt ngón tay cũng phạm tội.

Già luận nói: Người bệnh không muốn ngồi dậy, không muốn đi đứng, nếu ngồi dậy sẽ chết, người săn sóc bệnh cưỡng cho uống thuốc, người bệnh chết phạm *thâu-lan-giá*. Ung nhọt chưa muối mà cưỡng phá làm cho chết cũng vậy.

Không cho ăn, không trị liệu, do đó mà chết cũng phạm *thâu-langiá*. Tát-bà-đa nói: Tỳ-kheo biết âm dương lành dữ, do Tỳ-kheo nói, chính phục các nước khác, giết hại để được tài lợi, đều phạm hai tội Ba-la-di là: trộm cắp và sát sinh. Trong kinh Ưu-bà-tắc cũng đồng như vậy.

Luật Thập Tụng chép: Làm hãm hổ bầy người chết mà súc sinh chết phạm thâu-lan-giá. Vì súc sinh làm hãm hổ, súc sinh chết thì như luật, người chết phạm Đột-cát-la, hoặc tâm vốn bao la tùy cảnh khinh trọng.

Bộ Tát-bà-đa chép: Nếu khen một người chết, người này không hiểu, người bên cạnh hiểu dùng cách này mà chết thì không phạm. Nay có nhiều người tự đốt thân mình, có nhiều người ngu, bầy chúng từng lâm, khen ngợi người này làm cho sống lại vui thích, đều như luật bản Kết trọng. Lại như Tỳ-kheo bị quan chém chặt, nhân đó mà theo người, xin dây, khăn để làm dây thòng lọng thắt cổ.

Cũng có năm chúng không biết, cho các dụng cụ để tự sát, nếu chết phạm tội trọng.

Luật Tăng-kỳ chép: Cha mẹ bị phép vua, Tỳ-kheo nói giảm hình phạt xin cho một nhát dao, tìm cách nói cũng phạm trọng.

Ngũ Phần, Tứ Phần nói: tự giết phạm thâu-lan-giá, nghĩa là kết phương tiện ấy.

Về không phạm, luật nói: nếu ném dao gậy, ngói đá, cây gỗ nhằm vào thân người khác mà chết, và lo lắng nâng đỡ người bệnh mà chết, hoặc lấy thuốc uống, và ra vào qua lại mà chết, tất cả không có tâm hại thì không phạm. Cho nên luật của thế tục nói: Lỗi giết người mà dụng lý luận chuộc (nghĩa là chỗ mắt không thấy, chỗ tâm không có ý cùng nêu, vật nặng có chứa sự nguy hiểm).

Thứ tư là giới nói dối, có chín duyên để thành.

1. Cảnh đối diện là người
2. Nghĩ là người
3. Cảnh hư dối
4. Tự biết cảnh hư dối
5. Có tâm dối người khác
6. Thuyết pháp nói dối người
7. Tự nói mình đã chứng
8. Nói văn chương rõ ràng
9. Người đối diện hiểu

Tứ Phần, Thập Tụng và Đa Luận nói: Bắt đầu quán bất tịnh trở lên đến bốn quả. Nếu nói tôi đặc đều phạm trọng. Nếu hiện thân tướng trước người, không nghi đồng trọng tội, nghi thì thâu-lan-giá.

Luật Thập Tụng chép hỏi: Bất tịnh này là gần với pháp nhỏ, vì sao phạm trọng?

Đáp: Là cửa đầu tiên của cam lộ. Tất cả bậc Thánh từ đây mà vào. Lại Tứ Phần nói, cho rằng trời rồng quỷ thần đến cúng dường ta, cũng đồng phạm trọng.

Lại nói: muốn nói với người này mà lại nói với người kia, tất cả đều phạm trọng.

Bộ Ma-đắc lặc già chép: Tự xưng là Phật, thầy của trời người, phạm thâm-lan-giá. Ngoài ra như số bốn thuyết.

Về không phạm, như luật nói: Tự biết có được pháp quán bất tịnh nên nói với vị đại Tỳ-kheo, hoặc đùa giỡn, hoặc nói nhanh, nói một mình ở chỗ khuất, nói nhảm, đều không phạm trọng mà phạm Đột-cát-la. Vì chẳng phải nghi thức quý tặc của lời nói. Tứ Phần luật SAN PHỒN bỏ khuyết hành sự sao quyển trung hết.

---o0o---

## QUYỀN TRUNG

### PHẦN 2

#### TRONG THIÊN TĂNG TÀN

**Giới thứ nhất: Cố làm xuất tinh**, giới này mọi người đều ưa phạm, cho nên đặt ở đầu.

Đa Luận nói: có ba nghĩa cho nên Phật chế ra giới này:

1. Làm cho chánh pháp tồn tại lâu dài.
2. Vì muốn dứt sự phi báng
3. Vì muốn làm cho trời rồng thiện thần tín tâm cung kính

Trong luật, Phật quả trách rằng: Vì sao lại dùng tay bất tịnh này nhận của người tín thí, đủ ba duyên.

1. Nêu tâm làm ý rất ráo
2. Phương tiện động chuyển. (trong luật có sáu thứ: 1. nội sắc, nghĩa là thọ sắc; 2. ngoại sắc, nghĩa là không thọ sắc; 3. nội ngoại sắc nghĩa là giữa hai sắc; 4. trong nước nghịch dòng, thuận dòng; 5. trong gió cùng với cách trong dòng nước; 6. Hư không: từ hư không động thân cho đến cảnh khác.

3. Thễ phần đầy dòng liền phạm Luật Ngũ Phần chép: Khi ngủ nếu xuất bất tịnh, nếu khi thức dậy khởi tâm động thân, phạm thâm-lan-giá. Thân không động mà tâm động phạm Đột-cát-la.

Luật Thiện Kiến chép: Nếu tay cầm nam căn, ngủ định cho xuất tinh, trong khi ngủ say nếu xuất tinh, phạm Tăng tàn.

Trong luật nói: Hết mộng mà xuất tinh thì không phạm. Nếu loạn tâm ngủ say có năm lỗi.

1. Gặp ác mộng
2. Các vị trời không che chở
3. Tâm không nhập pháp
4. Không nghĩ tướng sáng.

## 5. Thích xuất tinh.

Ngũ Phần nói: nếu đủ cả năm phạm cát-la, vì mộng không phạm Tăng tàn.

Luật nói không phạm là nếu trong lúc ngủ xuất tinh, thức dậy sợ dơ thân dơ y nên lấy vật che lại và dùng tay đè bỏ ra. Nếu dục tưởng xuất tinh, hoặc thấy sắc đẹp không xúc chạm mà xuất tinh. Hoặc khi đi tự cọ vào hai đùi mà xuất tinh, hoặc xúc chạm vào y mà xuất tinh, hoặc khi tắm mà xuất tinh, hoặc lấy tay xoa mà xuất tinh, như thế tất cả không có ý làm xuất tinh mà xuất tinh thì không phạm.

Luật Thập Tụng chép: Gánh nặng đi xa, đi xe, đi thuyền, gân cốt rã rời nên có các thứ xuất tinh này.

Luật Thiện Kiến chép: Vì tinh ở khắp trong thân.

Trong Già luận nói: cố làm xuất tinh người khác phạm thấu-langiá, vì người khác làm cảnh giới.

### ***Giới thứ hai: Xúc chạm thân người nữ.***

Đa luận nói có sáu nghĩa:

1. Người xuất gia, lang thang không nơi nương tựa, nay chế giới này để làm bạn có nơi nương tựa.
2. Và dứt sự đấu tranh, vì đây là căn bản cạnh tranh.
3. Vì dứt sự chê bai, không chỉ là bắt ép mà thôi, nghĩa là vì làm việc đại ác.
4. Vì dứt nguồn gốc của đại ác, vì cấm sự vi tế ngăn ngừa đấm trước.
5. Vì giữ chánh niệm, nếu xúc chạm vào thân người nữ sẽ mất chánh niệm.
6. Tỳ-kheo xuất gia, lẽ ra phải vượt qua trần nhiễm, dứt tâm lụy bên ngoài làm khuôn phép cho đời, nếu xúc chạm thân người nữ thì sẽ mất tâm cung kính của người thế gian. Đủ năm duyên thành phạm.

1. Người nữ
2. Nghĩ là người nữ
3. Có tâm nhiễm
4. Thân xúc chạm nhau
5. Đấm trước liền phạm.

1) Người nữ: Luật bốn nói có bốn loại người nữ, như trong giới dâm, người có tâm dâm, tâm ác nhiễm ô.

Thân từ đầu đến chân. Nói xúc chạm nhau có ba loại:

1. Tỳ-kheo thường xúc chạm người không có ý biết là người nữ.

Người ngủ say, mới chết hoại một phần ít. Chỉ sai người đến xúc chạm, bất luận thọ lạc hay không thọ vui đều phạm Tăng tàn.

2. Người nữ đến xúc chạm Tỳ-kheo, không nhất định là có tâm dâm mà Tỳ-kheo lại động thân, thọ vui phạm Tăng tàn. Văn luật này không rõ. Nay y theo Thập Tụng nói phạm Tăng tàn. Nếu không động thân mà, thọ vui, luật này nói phạm Đột-cát-la. Nếu trước có tâm nhiễm với người nữ trước, sau đó người nữ đến đụng vào Tỳ-kheo, Tỳ-kheo không động mà thọ vui phạm thân-lan-giá, thân động thì phạm Tăng tàn. Như trên đều nói cả hai không có mặc y, nếu một người đều có mặc y phạm thân-lan-giá, cả hai có mặc y phạm Đột-cát-la. Nếu lấy hai hình đụng chạm nhau phạm thân-lan-giá. Luật văn này không rõ, như luật Thập Tụng, Già Luận chép: Ý ở người nữ phạm Tăng tàn, ở người nam phạm thân-lan-giá. Trong luật nói: Nếu tâm dục, xúc chạm bình bát, y, tọa, cụ, cho đến tự xúc chạm, tất cả phạm Đột-cát-la.

Thiện Kiến nói: Nếu xúc chạm tóc nhau, xúc chạm móng tay nhau đều phạm thân-lan-giá, vì không biết xúc chạm, biết cảnh bắt giáo làm bốn câu.

Luật Thập Tụng chép: Tỳ-kheo và người nữ thân căn đều hoại xúc chạm nhau phạm thân-lan-giá. Nếu dùng móng tay, răng, lông, bị bệnh không có xương thịt xúc chạm thân người nữ phạm thân-lan-giá.

Theo giới bốn của Tứ Phần, nếu nắm tóc thì phạm Tăng tàn, nghĩa và dùng biết xúc chạm không biết.

Trong Luật Tăng-kỳ chép: nếu xúc chạm loại súc sinh cái tất cả phạm cát-la, nữ phi nhân cũng vậy, cho là không có tâm dâm.

Luật Thập Tụng chép: Nếu xúc chạm vào người không thể là thân nữ, nam đều phạm thân-lan-giá.

Luật Tăng-kỳ chép: Ý cho là người nam, huỳnh môn mà là người nữ xúc chạm phạm Tăng tàn, vì trước có tâm phương tiện, sau xứng với cảnh.

Luật Thiện Kiến chép: Tướng xúc chạm có năm tội là: Ba-la-di, Tăng tàn, thân-lan-giá, Đột-cát-la, xúc chạm ngón tay phạm ba-dật-đề.

Vì không phạm, trong luật chép: nếu có chỗ lấy xúc chạm với nhau, hoặc đùa giỡn, hoặc khi biết nhau, xúc chạm nhau tất cả không phạm, nhưng chẳng phải không phạm tội khác.

Luật Tăng-kỳ chép: Nếu cùng cầm vật với người nữ, chú nguyện cầm bình, hành thực cầm dây, đầu đuôi cầm gậy trúc, cây đều chẳng có oai nghi, người có dục tâm phạm cát-la, dục tâm làm động vật và bình khí dây, hoặc nước tung toé thấm dính người nữ đều phạm thân-lan-giá. Nếu mẹ, v.v... lâu ngày không gặp nhau, ôm Tỳ-kheo, Tỳ-kheo phải chánh niệm thì không phạm.

Luật Thập Tụng nói: Nếu mẹ con, chị em bị bệnh, và bị nước lửa đao binh, chôn sâu, hoặc bị thú dữ khó cứu thì không phạm, chỉ là tâm vô nhiễm. Nếu bị chết chìm thì khai cho Tỳ-kheo nắm tay, tuy tâm dâm khởi, chỉ nắm một chỗ không buông ra, đến bờ không nên cố xúc chạm nữa, nếu cố xúc chạm phạm Tăng tàn.

Nếu người nữ rót nước chảy trên tay Tỳ-kheo, nước chảy không dứt, đối với người nữ sinh tâm dâm phạm thâm-lan-giá.

Luật Tăng-kỳ nói: Nếu đến cửa thành, giữa đường gặp người nữ ồn ào, phải đợi hết rồi qua. Nếu người nữ có điều cần thì sai tịnh nhân cho, không thì cầm chặt trên ghế giường nói lấy. Nếu gánh nặng không lên nổi, bên cạnh Tỳ-kheo không có tịnh nhân, Tỳ-kheo nên lấy lên để ở chỗ cao sai tự gánh. Nếu khi khát thực, có người nữ xinh đẹp đem thức ăn đến, nếu Tỳ-kheo khởi tâm dâm, thả bát xuống đất, bảo người khác trao nhận, y theo đây nếu người nữ lấy các vật như: Kim chỉ, bình chén, v.v... sợ người đường đột xúc chạm, nên nói để dưới đất. Sau đó, Tỳ-kheo tự lấy, ngoài ra đều bày ra để biết.

Luật Thập tụng chép: Tứ Phần nói: Khai chỗ còn nhiều, nếu y cứ vào Tăng-kỳ nạn duyên chìm nước đến chết mà không khai, phải biết ý mau chậm. Lỗi chứa nhóm càng tăng đều do đây.

***Giới thứ ba: Nói lời thô với người nữ, có bảy duyên thành phạm:***

1. Người nữ
2. Nghĩ là người nữ
3. Có tâm nhiễm
4. Nói lời thô
5. Nghĩ là nói thô
6. Lời nói rõ ràng
7. Người đối diện hiểu biết

Già Luận nói Tỳ-kheo tính thích nói thô phạm thâm-lan-giá.

Trong Luật nói: Người nữ phải có điều biết rõ lời nói dâm dục. Nói thô ác là phi phạm hạnh, chưa hẳn tướng nói nghe có thô xấu, gọi là thô ác không đề phòng, liên quan đến việc lành mà ý biểu thị dâm dục.

Cho nên luật nói: Nếu lại nói lời khác, như luật nói: Nhân Tiêu Tô mặc áo đỏ, hình người nữ lộ ra, liền hỏi tiêu Tô đẹp không? Nếu tinh người nữ biết nhau, luật kết phạm Tăng tàn. Nếu người không hiểu, như Tăng-kỳ nói: Tỳ-kheo thấy người nữ mới nhuộm y mặc lộ hình thể Tỳ-kheo nói màu đỏ đẹp. Nữ nữ nói. Vì mới nhuộm nên như vậy. Tỳ-kheo sinh nghi bạch Phật. Phật sai một Tỳ-kheo hỏi người nữ. Người nữ đáp đầy đủ như trước. Phật nói nghĩa vị đều hiểu phạm Tăng tàn. Tứ Phần nói hiểu lời không hiểu nghĩa phạm thâm-lan-giá.

Đây chỉ nói về tâm nhiễm nói lời thô với người nữ. Nếu theo Luật Ngũ Phần hai bên đều nói lời thô với nhau thì phạm. Giới khen ngợi thân ở dưới cũng đồng. Trong luật nói không phạm là nói cho người nữ nghe về bất tịnh xấu lộ ra quán chín chỗ ung nhọt, chín lỗ bài tiết, chín nhập chín lậu chín lưu mà người nữ kia cho là lời nói thô. Nếu khi nói Tỳ-ni nói thứ lớp đến đây. Hoặc nói kinh thọ



kinh, hoặc hai người đồng thọ, hoặc người kia hỏi người này đáp, hoặc cùng tụng, hoặc tụng nhằm nói chỉ là tâm vô dục, tất cả không phạm.

***Giới thứ tư: Hướng về người nữ khen thân để được cúng dường.***

Có bảy duyên thành phạm:

1. Người nữ
2. Nghĩ là người nữ
3. Trong có tâm nhiễm
4. Khen ngợi thân nói lời thô
5. Nghĩ là lời thô
6. và Đồng như giới trước

Luật nói: khen thân nghĩa là nói đoan chánh xinh đẹp, dòng họ xuất gia trì giới tu pháp lành, thực hành mười hai hạnh đầu-đà, v.v...

Người không đòi xin cúng dường dâm dục phạm thân-lan-giá. Thuyết dục lại tự khen phạm Tăng tàn, nếu nói thẳng, nói lời thô phạm giới như trên. Không phạm: hoặc nói pháp cho người nữ nghe, và khi nói Tỳ-ni nói thứ lớp đề cập đến điều đó mà người nữ cho rằng tự khen thân mình đều không phạm.

***Giới thứ năm: Làm mai mối cho người, có sáu duyên thành phạm:***

1. Người nam, người nữ.
2. Nghĩ là người nam, người nữ
3. Làm việc mai mối, cưới hỏi
4. Nghĩ là mai mối cưới hỏi
5. Lời nói rõ ràng
6. Nhận lời rồi quay lại báo cho biết, liền phạm

– Luật văn nói: Phải đủ ba thời mới kết thành Tăng tàn

1. Nhận lời
2. Đến người kia nói rõ
3. Quay trở lại báo cho biết.

Nếu đủ cả hai phạm thân-lan-giá, chỉ một thì kết Đột-cát-la. Nếu nhận lời qua người bên kia nói, nhưng nói rồi cưới hỏi hoặc chết, hoặc giặc đem đi phạm thân-lan-giá.

Nếu nói bệnh bạch lại rồi trở lại báo cho người kia biết, phạm Tăng tàn, vì sau đó được mai mối cưới hỏi. Trừ hai đường rồi mưu tính phần thân khác, phạm thân-lan-giá. Nếu mai mối người nam, súc sinh, đều phạm cát-la. Luật Ngũ Phần nói: không cho phép mà báo cho biết phạm thân-lan-giá. Luật Thập Tụng

chép: bất năng nam, bất năng nữ, hoặc hai đường hợp một, gái bất dục, v.v... tất cả phạm thâm-lan-giá. Trong luật này nói: Các Tỳ-kheo bạch nhị yết-ma, sai người mai mối tất cả phạm Tăng tàn, nay tri sự bạch tăng, mai mối, tịnh nhân cung cấp dụng cụ hôn lễ.

Vấn tăng đồng hòa tất cả phạm Tăng tàn, nếu dụng vật của tăng đồng phạm trọng.

Luật Tăng-kỳ nói: Vì người khác tìm cầu ngựa tốt, các thứ hòa hợp phạm thâm-lan-giá, chứa dư phạm cát-la.

Luật Ngũ Phần nói: Nếu vì người nam tỏ tình, người nữ, sai khiến phạm thâm-lan-giá. (sợ sau này hòa hợp) Vì người nữ tỏ tình với người nam cũng vậy. Thập Tụng Già Luận nói: Nếu chỉ vào bụng làm mai mối và tự mai mối phạm thâm-lan-giá. Tứ Phần nói: Pháp mai mối dùng lời, thư từ, sai khiến, chỉ tình hiểu rõ nhau, tham gia nói lời đều phạm. Nếu Tỳ-kheo cầm thư của người đi không xem, mà vì người tại gia làm việc sai sử khác đều phạm cát-la.

Luật Tăng-kỳ nói: Khuyên cưới vợ sớm trở về, phạm thâm-langiá.

Luật nói không phạm: là nếu nam nữ trước đã thông, sau đó chia tay, lại hòa hợp khai thông phạm.

Luật Thập Tụng nói: Làm giấy tờ nói chẳng phải vợ tôi, còn cố chưa xưng đi ra phạm thâm-lan-giá. Nếu cưới vợ rồi mà dứt bỏ không qua lại, và hòa hợp phạm Tăng tàn.

Trong luật nói: Khai cho đem thư, nếu là cha mẹ và ưu-bà-tắc tín tâm tinh tấn bị bệnh, hoặc vì việc đang bị ngục tù trói buộc, và việc Phật pháp tăng và việc Tỳ-kheo bệnh, xem thư rồi đem đi không phạm, không có chủ, tăng không xử phân.

### ***Giới thứ sáu: Phòng quá lượng. Đủ năm duyên:***

1. Cần người kinh doanh, ngăn ngại việc tu đạo nghiệp.
2. Đa luận chép: vì tham cho mình, hoại sự ít muốn biết đủ.
3. Xin tìm khắp nơi, náo loạn hai cõi người và phi nhân, không sinh tín tâm, hoại diệt chánh pháp, làm cho không tồn tại lâu dài.
4. Tùy ý tự do không xin phân xử, dễ chướng ngại việc tăng, phần nhiều náo loạn.
5. Hoặc tự làm tổn, trái với đạo từ, vi phạm phạm hạnh.

– Có sáu duyên thành phạm:

1. Không có chủ.
2. Vì mình.
3. Tự xin cầu.
4. Quá lượng không xử phân.

## 5. Phòng thành thì kết phạm.

Tát-bà-đa nói: Hai năm bần cuối cùng làm chưa xong phạm khinh râu-lan-giá, còn một năm bần phạm trọng râu-lan-giá.

Luật Thiện Kiến nói: Nếu để lại một năm bần, sau đó phải làm thành phạm râu-lan-giá.

Tâm quyết bỏ phạm Tăng tàn.

Luật Tăng-kỳ nói lấy ngôi cây, đá tro, bần cỏ che lên. Cho đến sau cùng một năm cỏ che xong liền phạm Tăng tàn. Nếu tự mình thọ dụng phạm Đột-cát-la. Nếu khi chết thôi tu mà cúng dường phòng cho Tăng thì được nhận dùng. Trong luật chép: nếu làm phòng này, trước biết không có ngại nạn, sau đến trong tăng xin pháp. Nếu không thể tin thì tất cả tăng cùng đến xem. Nếu tin thì phải cho làm.

Luật Thiện Kiến chép: Chỗ đất bằng không ngại nạn sửa sang bằng phẳng như mặt trống. Sau đó đến trong tăng xin chỗ đất dài sáu gang tay, rộng bốn gang tay trở xuống, không cần xin xử phân. Luật Tứ Phần nói: Dài mười hai gang tay Phật, rộng bảy gang tay. Nhưng gang tay Phật thước lượng không nhất định. Nay hội chúng các bộ so sánh đúng sai.

Luật Tăng-kỳ nói: Một gang tay của Phật dài hai thước bốn tấc.

Luận Minh Liễu nói đồng với Tăng-kỳ.

Luật Thiện Kiến nói: ba gang tay người thường (vừa) bằng một gang tay Phật

Đa luận nói: một gang tay Phật bằng một khuỷu rưỡi người thường.

Luật Ngũ Phần chép: một gang tay của Phật dài hai thước. Ở trên nói chung về thước tấc, phân lượng không nhất định. Do sự phát sinh dịch kinh Ba Tạng Nam bắc khác nhau, cho nên có nhiều sự khác nhau mâu thuẫn.

Nay y cứ theo nghĩa Phật lớn gấp bội người thường, thân lượng đồng như vậy. Đây là cách của nước Chấn Đán thước tấc tùy phong tục không đồng ma dùng luật niên đại nhất định so sánh, thì lấy thước tấc Cơ Chu làm hạn định. Vì thông cô xưa cùng vâng theo trăm vua không dễ tùy theo, Dương Đế lập đấu thước cân y cứ theo kiểu lập xưa. Tôi đích thân thấy Đường triều vua lên ngôi theo thế gian dùng cả hai, không trái với cổ điển, cho nên vua Đường bảo rằng: Thước tức là lấy một thước hai tấc làm thước, hai loại đấu cân lệ càng thêm, là nói theo luận.

Người xứ này cao tám thước, Phật thì một trượng sáu, lấy đây làm so sánh, một gang của Phật, theo Ngũ Phần hai thước làm quy định lúc ấy luật không có văn, để y đứng, sau này tiến đến người chưa biết trước tu mù mờ về giáo, đã không trái với hai quy chế đạo tục, tùy lời nói mà làm, lộn xộn biết bao, tức Đường triều nước lớn khuôn phép văn không hai, và luận dùng năm loạn khác nhau, nhất định lấy thước cân thời Cơ Chu, để định theo quán chợ đong lương, không

có sự bất bình. Đây chính là Diêm-phù thông dụng, đâu chỉ có phép xưa của Cơ Chu cho đến tám lượng ba đấu là trên, dưới là nửa đấu. Lấy văn so sánh thước cây y theo vua Di Chương xưa nói. Cho nên nay thước cân theo cách xưa không đổi, sáu thước là một bước. Tư nhẹ là trước tiên, như thế y cứ tưởng định cương chỉ. Tôi từng đến đất Tấn, Ngụy và luật trình bày các phương ở quan phủ, thường chắc chắn dự diên.

Còn nói về sự hưng phế của thước tắc đều chưa đầy đủ.

Cho nên liền san bổ lại chín đời. Nay dùng thước tắc của Ngũ Phần để làm lệ chuẩn. Rộng là hai trượng bốn thước, dài một trượng bốn thước. Luật Thiện Kiến cho là đều nói vào đời Minh.

Luật Tăng-kỳ nói vách bên cao một trượng hai thước, hoặc là nam, hoặc là nữ, tại gia xuất gia đều là chủ phòng. Không có những chủ này nên nói là vô chủ.

Chỗ nạn: Trong Tứ Phần nói, từ cạp sói cho đến loài kiến.

Luật Thiện Kiến chép: Dưới cho đến như có hang kiến không được làm.

Nếu kiến đi tìm thức ăn đuổi nó đi rồi thì được làm. Vì sao? Vì Như lai từ bi thương chúng sinh.

Luật Ngũ Phần chép: Ngã tư đường nhiều người nhóm họp đùa giỡn với dâm nữ ở chợ, thả thú dữ ở chỗ hiểm, ruộng vườn, xã ấy, phần mộ, thôn xóm gần đường là chỗ nạn.

Về chỗ chướng ngại, luật nói: cho đến không được dung chứa chỗ

xe cỏ trở đầu xoay lại, hoặc chỗ kẻ thù, chỗ rừng thi-đà, chỗ vua ghi chép giữ gìn, bốn bề xung quanh không thông, khoảng mười hai bậc có một khuỷu tay nhỏ. Thập Tụng nói là bốn bên nhà trong một tầm đất, có đất tháp, đất quan, đất cư sĩ, ngoại đạo, Tỳ-kheo. Nếu là khối đá to, dòng nước chảy, cây cối cao to, hồ sâu v.v... là chỗ ngại.

Luận Minh Liễu nói: Hoặc là cây, núi thoảng vách đá, bóng mát, v.v... được đi, đứng, ngồi, nằm. Nếu làm phòng nhà. Sở nhiếp giải thích như trên. Muốn ở trong đó thì phải cách đoạn. Phải dẫn Tỳ-kheo yết-ma sửa sang đất. Sở dĩ như vậy, vì nếu không y vào lượng thì dùng công rất nhiều. Nếu có chỗ ngại, tự mình tổn não người khác, biết hai đất của tăng riêng đều nên xin làm.

Luật Tăng-kỳ nói: Nếu trong Tăng không có người để làm yết-ma, thì tất cả Tăng đến chỗ làm kia, một người xướng nói: Tất cả tăng vì Tỳ-kheo... chỉ trao cho phòng, ba lần nói cũng được. Nếu chỗ xa cách nước. Lạnh nóng, mưa tuyết, bệnh nhiều không được đến, phải sai hai, ba người, không được yết-ma bốn người, đến người kia chỉ cho biết có một loại người.

1/ Vượt năm. 2/ Tăng giới trường khác. 3/ Nhiều người làm phòng riêng. 4/ Chướng nạn, hai chỗ ắt đều không thành. Luật này nói sai người đáng tin đi xem.

Tát-bà-đa nói chỗ xử phân được làm, chỗ khác không được. Người khác đến trên phòng này làm phòng tốt, chủ phòng cho thì được, đều phân xử tội.

Luật Thiện Kiến chép: Giảm một gang tay người bậc trung, người cao, khách rộng dài một gang tay giảm quá phạm Tăng tàn. Nếu phòng chưa thành mà hành khách làm thành thì không tội, vì người không có phân một phòng, nếu phân tính người đủ quá lượng cũng phạm.

Hỏi: Sao không đồng với y dư đều thành lỗi phạm?

Đáp: Phòng này vì tạo tác cho nên phạm, chứa y dài ngày cho nên phạm.

Tứ Phần chép: Nếu dạy người khác làm, người thọ giáo quá lượng thì phạm. Nếu là chủ phòng thì phạm Tăng tàn. Thầy khéo léo phạm thâm-lan-giá, chỗ nạn, chỗ ngại mỗi chỗ mỗi phạm Đột-cát-la, quá lượng mà không xin phạm hai tội Tăng tàn.

Luật nói không phạm là: giảm lượng không nạn, không ngăn ngại, làm tượng Phật giảng đường hay tăng phòng nhiều người ở, am tranh nhà nhỏ dung thân.

***Giới thứ bảy: Phòng có Tăng chủ không xử phân, chế y đồng như trước, có sáu duyên thành phạm.***

1. Có chủ.
2. Làm cho mình.
3. Phòng dài sáu gang tay Phật, rộng bốn gang tay Phật trở lên.
4. Không xử phân.
5. Nghĩ là không xử phân.
6. Làm thành liền phạm

Phòng này thuộc về thân mình. Nếu chết hoặc đi xa không trở lại tùy ý xử phân. Nếu cúng dường Tam bảo, cho bạn bè, người tại gia tự bán lấy tiền, tùy tâm tự tại. Nhưng không được bán đất, đất là vật của tăng, tăng không cho mà bán tăng phòng phạm tội. Nếu chủ phòng không tự xử phân thì thuộc về bốn phương tăng, thứ lớp mà ở. Trong luật nói ngăn, nạn phạm Đột-cát-la, không xin một bên phạm tội Tăng tàn.

Khai thông: nếu xử phân làm am tranh, am là nhà nhỏ dung thân (không quá lượng). Vì nhỏ không cần xin xử phân, hoặc làm chỗ nhiều người ở, v.v...

***Giới thứ tám: giới phỉ báng người khác trọng tội không căn cứ.***

Đa luận nói: một vì bảo hộ hạnh mình làm cho pháp trụ lâu.

Hai vì dứt sự phỉ báng để cho người phạm hạnh an vui tu đạo.

Hỏi: Phỉ báng người khác là nói dối phạm mấy tội

Đáp: Luật Thiện Kiến chép: Không khác với tội đề-xá-ni, vì phỉ báng hư cấu mà thành. Nay lấy nghĩa chung, nếu vốn ý chuyên phỉ báng mà không nói dối thì

phạm tội đọa, nếu gồm khi dối tăng, nói dối người trước phạm Tăng tàn. Mong tăng hư giải phạm tội đọa.

Như giết cha, giết La-hán, nói dối, nói hai lưỡi, nói qua lại với nhau, ngoài ra như giới bốn số. Đủ tám duyên phạm.

1. Là Đại Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni, trừ ba chúng dưới
2. Tâm tưởng cho là tịnh, không ngại thật bất tịnh, như đã phá giới phạm tội đọa.

Văn nói:

1. Nếu ngăn việc vô căn cứ, ngoài ra không điều gì làm thì không thành ngăn, trị tội phỉ báng này
2. Nghĩ là bậc Đại Tỳ-kheo.
3. Trong có tâm sân
4. Không có ba căn cứ
5. Dưới đến nói với một Tỳ-kheo.

Luật Tăng-kỳ nói: Đối với sự phỉ báng là mắng chửi phỉ báng trước Tỳ-kheo, mỗi lời nói phạm Tăng tàn.

1. Việc trọng như vụ không
2. Lời nói rõ ràng
3. Người đối diện biết thì phạm.

Luật Thiệt Kiến chép: Nếu có người xin pháp quyết phỉ báng người khác ở trong tăng, tăng chưa đáp ứng pháp quyết. Nếu người kia nói tăng hoặc chẳng phải tôi liền không thọ. Tăng nên nói: Ông hãy lễ Phật đi, tôi sẽ nói pháp cho ông nghe, sau đó phán quyết việc này. Nếu kéo dài đến tối nên nói ngày (sáng) mai đến, ba lần như thế.

Còn người ngang bướng thì nói: Chỗ này ít luật sư, không thể xử đoạn, hãy đi chùa khác. Tăng chùa kia biết người như thế cũng nói: ở đây không có luật sư, như thế tìm chùa không được, về lại chùa cũ, tâm hèn yếu chiết phục, tùy tăng dạy đi, bèn hỏi tăng bị phỉ báng, y vào pháp mà quyết đoán.

Luật nói không phạm, nói thật ba điều thấy, nghe, nghi. Thật có năm loại

1. Chân thật.
2. Nghĩ là thật.
3. Sự thật.

– Như giết vua lại nói giết vua.

4. Ba căn cứ không thật lẫn nhau.

5 . Bốn giới không thật lẫn nhau. Nếu trái năm điều này phỉ báng người khác phạm Tăng tàn.

Luật Thập tụng chép: Bốn trọng nói với nhau thành phỉ báng, Tứ Phần nói cũng đồng

**Giới thứ chín: Mượn căn cứ phỉ báng.** Giới này mượn việc khác thấy căn cứ. Lấy sự thấy căn cứ của việc kia nói thấy việc này phạm. Việc không tương đương gọi là mượn căn cứ. Cho nên chia hai giới, duyên phạm đồng với ở trên. Trong luật nói có năm loại giới khác.

1. Đối với đường khác
2. Tội khác
3. Người khác. Lúc khác
4. Mượn tiếng

Nói phần khác, luật Thiện Kiến chép: phần dư, lấy một việc nhỏ là con dê của người ấy tương đương với việc dâm, tương khác có thể biết.

**Giới thứ mười: Là giới phá tăng trái sự can ngăn:** Giới trái can ngăn này kịp đến thiên giới. Việc này ít pháp, ăn đương thế ít dùng (như phỉ báng tăng, chống cự tăng, muốn không ngăn đạo). Hoặc chỉ có nhân dùng không biện quả, hạn cục lúc Phật còn tại thế. Sau khi Phật diệt độ thì không còn (tức là phá tăng trái lời can ngăn). Các giới như thế, tương nó rất nhiều, hoàn toàn không thấy dùng, chỉ tốn phí sao lược đều chưa trích rõ. Còn như làm ô nhiễm nhà người, tấn xuất phỉ báng, do đó bày ra sự can ngăn. Việc can ngăn là khó, các thời đều phế bỏ, không ngại hành hạnh ác, thật do đầu mối này sinh ra. Hoặc biện sự tương có thể thông hành. Hoặc khai duyên chính là cốt yếu của đương thời. Cho nên lược thẳng việc làm ấy. Để bỏ sung mà dùng. Phạm duyên phá tăng, lý không thể phạm, nhất định trình bày đủ. Ngõ hầu người mới học biết giáo tướng ấy, đủ năm duyên thành phạm:

1. Trước nói rõ lập tà Tam bảo
2. Hành hóa đối với thời
3. Tăng can ngăn đúng như pháp
4. Cổ chấp không xả bỏ
5. Ba lần yết-ma xong thì phạm

Trái với sự can ngăn phạm Tăng tàn, tội phá tăng phạm thâm-langiá. Trái lời can ngăn người khác phạm ba-dật-đê. Phương pháp khác rộng như giới bốn số.

Luật nói không phạm: Nếu phá bạn ác, hoặc tri thức ác và hai, ba người muốn làm yết-ma phi pháp. Hoặc vì tháp tăng, Hòa-thượng xà-lê tri thức, bạn thân, làm tổn giảm nơi không có chủ. Nếu phá người này không phạm.

**Giới thứ mười một: trợ giúp phá tăng trái lời can ngăn,** có năm duyên thành phạm.

1. Nói rõ có người làm việc phá tăng
2. Chúng tăng đúng như pháp can ngăn
3. Tăng bạn trợ giúp phá can ngăn tăng.
4. Tăng đúng như pháp can ngăn
5. Tác pháp ba lần xong liền kết phạm.

**Giới mười hai: Làm như nhà người tấn xuất phi báng trái lời Tăng can ngăn,** có sáu duyên thành phạm.

1. Làm hạnh ác như nhà người
2. Tâm không sửa đổi sám hối
3. Làm pháp tấn xuất
4. Phi báng tăng phi lý
5. Tăng đúng như pháp can ngăn
6. Ba lần làm pháp xong thì phạm.

Làm như nhà người chẳng phải duyên của giới bốn, mà chính là phi báng tăng. Tứ Phần nói: Có bốn thứ làm như nhà người.

1. Y vào nhà mà làm như nhà người
2. Từ một nhà được vật cho một nhà khác, nơi được không thích nghe, nơi được cho suy nghĩ để đền ơn.
3. Y vào lợi dưỡng làm như nhà người. Nếu Tỳ-kheo đúng như pháp được lợi cho đến các vật khác trong bát, hoặc cho cư sĩ rỗng, không cho một cư sĩ khác. Người được cho kia suy nghĩ phải đền ơn, liền nói:

Người kia cho tôi vật, tôi phải cúng dường, người kia không cho tôi vật, tôi làm sao cúng dường được.

4. Y vào bạn thân làm như nhà người. Nếu Tỳ-kheo y vào thế lực của vua, đại thần, hoặc làm cho cư sĩ này, không làm cho cư sĩ khác. Người được làm nghĩ cách để đền ơn bèn không cúng dường vật cho Tỳ-kheo khác.

- 1). Y vào tăng già làm như nhà người.

Nếu Tỳ-kheo lấy cây lá, hoa quả của tăng hoặc cho cư sĩ này, không cho cư sĩ khác, cư sĩ được cho kia tâm nghĩ: Người kia có cho tôi vật, tôi phải cúng dường, người kia không cho tôi vật, tôi không cúng dường. Người làm hạnh ác tự trồng cây hoa quả, cho đến nước tắm gội, tự hái hoa tự làm thành vòng cho người khác. Và dạy người làm các việc trên. Nếu trong hàng xóm, xã ấp đồng



ngồi một giường với người nữ, đồng ăn một bình bát, nói cười ca múa xướng hát, làm tiếng qua, hoặc gọi hoặc đáp làm trò cười.

Luật Tăng-kỳ nói: Y vào xóm làng được cúng dường bốn thứ cần dùng, hoặc khởi các nạn đều gọi là y nghĩa. Nếu y vào lũng xóm xã ấp, làm phi phạm hạnh, uống rượu, ăn phi thời, không gọi là như nhà người, hoặc người thế tục trước đây có tín tâm, cúng dường chúng tăng, xây dựng chùa viện, phòng xá, làm cho người kia thôi tâm gọi là như nhà người.

Đa Luận nói: Nếu làm các nghiệp ác, phá thiện tâm kính tin của người gọi là làm như nhà người, làm hạnh bất tịnh, ô uế cấu trược lại chuộc quả xấu ác gọi là hạnh ác.

Lại Tỳ-kheo, hễ có sự tìm cầu, hoặc lấy các vật của tín thí vì Tam bảo, tự thân, cho đến tất cả mà cho đại thần, đạo tục, v.v... đều gọi là như nhà người. Vì sao? Vì người xuất gia là vô vi vô dục, thanh tịnh tự giữ, lấy tu đạo làm tâm. Nếu vì người tục sai đem thư đến phé loạn chánh nghiệp, vì chẳng phải xuất ly. Vì lấy vật tín thí cho người tại gia, tức phá tâm tốt bình đẳng của người, đối với người được vật thì vui mừng ưa thích, người không được vật, dù đối với bậc hiền thiện cũng không có tâm yêu kính, mất đi ruộng phước sâu dày của người khác. Lại vì đảo loạn Phật pháp. Phạm người thế tục tại gia thường với Tam bảo tìm cầu ruộng phước thanh tịnh, cắt bớt màu thịt để gieo trồng gốc lành. Nay người xuất gia lại đem vật của tín thí tặng cho người tại gia, người thế tục lại đối với người xuất gia sinh tâm mong muốn. Lại nêu lấy một ít vật tặng cho người tại gia đây mà xây được tháp bảy báu, tạo lập tịnh xá cho đến cúng dường, bốn thứ cần dùng cho tất cả thánh chúng đây cả Diêm-phù-đề. Cũng không bằng tinh tọa thanh tịnh trì giới, tức là cúng dường pháp thân chân thật. Nếu có sức gượng ép có thể phá hoại tượng, đối với tăng có tổn giảm, được lấy vật tháp, vật của tăng bất cứ lúc nào.

Luật nói không phạm. Nếu cho cha mẹ, người bệnh, trẻ con, đàn bà nghén chữa, người ở trong lao ngục, khách làm công trong chùa thì không phạm. Hoặc trồng cây hoa quả cho đến dạy người xỏ hoa đem cúng dường Phật pháp tăng, tất cả không phạm. Hoặc người muốn đánh, chỗ bị giặc cướp sợ hãi, nếu gánh trái đường đến trong đó tránh đi. Không phạm là hoặc qua sông, ao hồ, hầm hố, nhảy qua không phạm.

Hoặc bạn đang đi, quay nhìn phía sau không thấy kêu lên thì không phạm.

Hoặc vì cha mẹ, người bệnh, người nhốt trong lao ngục, hoặc đốc thúc niềm tin cho ưu-bà-tắc bị bệnh, hoặc xem thư đến trong ngục. Nếu là việc tháp, Tăng Tỳ-kheo bệnh thì khai cho.

Đem thư đến trả lại, tất cả không phạm

***Giới thứ mười ba: Tánh ác chống tăng trái lời can ngăn***, đủ năm duyên thành phạm.

1. Tự thân không thể lìa ác, muốn gây ra tội.

2. Các Tỳ-kheo hiền thiện đúng như pháp khuyên can.
3. Không nhận sự can ngăn cậy thế lẳng mạ người.
4. Tăng đúng như pháp sắp đặt can ngăn.
5. Ba lần tác pháp xong liền phạm.

Cạnh bên người này lược dạy chỉ tự quán thân không cần thấy lỗi, Phật bảo can ngăn họ.

Trong Đa Luận, hỏi: Như trong kinh nói: Tự quán thân hành thấy rõ thiện, bất thiện. Nay văn của giới dần dần dạy nhau, há chẳng trái kinh hay sao?

Đáp: Phật nhân thời mà chế giới. Nói trái đường phải không trái nhau, có sáu loại khác nhau.

1. Trước người có tâm thương ghét, vì phát lời can ngăn có tổn giảm, nói chỉ tự quán thân hành, hoặc là lòng từ người có lợi ích thì cùng nói can ngăn nhau.
2. Nếu người độn căn vô trí, lời nói không có ích thì đình chỉ. Nếu kẻ thông minh lợi trí phát ngôn có ích thì can ngăn.
3. Nếu ít thấy nghe nói lời vô bổ thì thôi, nếu nghe rộng thấy nhiều có lợi ích lớn thì can ngăn.
4. Nếu vì lợi dưỡng, tiếng tăm thì thôi. Nếu lợi ích chúng sinh, mở mang Phật pháp thì can ngăn.
5. Vì hiện pháp lạc chỉ muốn nhiếp mình thì thôi, nếu muốn hóa độ lợi ích làm cho thiên hạ đồng với mình thì dần dần can ngăn nhau.
6. Nếu vì người mới xuất gia luyện ái vợ con bèn nói chỉ tự quán thân hành. Nếu người có năng lực thâm nhuần Phật pháp đã lâu thì làm cho dần dần dạy nhau.

Luật nói không phạm, trước là can ngăn liền bỏ, nếu phi pháp luật, nếu vì người vô tri quả trách can ngăn, nói với họ rằng:

Hòa-thượng A-xà-lê của ông việc làm cũng như vậy, ông hãy học hỏi tụng kinh, nếu việc ấy có thật như vậy, hoặc nói lầm, tất cả không phạm.

2) Trong bất định, văn số đã bày ra lâu rồi, trong giới bốn giải lược thuật đại ý.

Đa Luận nói chế ý bốn loại:

1. Vì dứt sự phỉ báng
2. Vì dứt sự đấu tranh
3. Vì làm cho Phật pháp thêm rộng lớn
4. Vì dứt nghiệp ác chướng đạo thứ lớp

– Trong phần bất định đầu có bốn duyên phạm

1. Là chỗ che khuất

2. Người nữ
3. Không có người thứ ba.
4. Tùy việc làm mà phạm.

Tứ Phần nói người nữ, người nữ có trí chưa chết. Một mình là một Tỳ-kheo và một người nữ.

Ở chỗ che khuất có hai loại:

1. Thấy bị che khuất, hoặc bụi, mù; hoặc trong đêm tối không thấy nhau.
2. Nghe bị che khuất, cho đến thường nói chỗ không nghe tiếng.

Chỗ che: trên có che đây.

Chỗ có thể dâm: chỗ chứa được sự hành dâm.

Luật Tăng-kỳ nói: Nếu mẹ con, chị em, thôn thân quan, thôn chẳng thân quen, hoặc già hoặc trẻ, tại gia xuất gia là người nữ. Nếu có người khác, hoặc ngủ, hoặc đưa trẻ cuồng, v.v... đều gọi là một mình.

Luật Thiện Kiến chép: Chỗ che khuất thấy nghe nghĩa là người không có mắt, người điếc, người ngủ, và nhiều người nữ, các duyên như trên đều là phạm. Rộng ra như thiên trước. Giới bất định sau hơi giống với trước, chỉ có chỗ trống là khác.

– Pháp sám ba mươi xả đọa như ở sau: Nói thẳng về chúng tướng

**Giới thứ nhất: Trước là giới chứa y quá hạn.** Đa Luận nói có ba y:

1. Nhân khai chưa dài ngày tham lợi đối với người thế tục, phá hoại đạo, công đức, tiền của.
2. Tỳ-kheo cất chứa không khác với thế tục, mất tâm kính tin trái với bốn y của Phật. Vì chẳng phải hạnh tiết kiệm. Đủ sáu duyên thì phạm:

1/ Y dài ngày nghĩa là tài của ngoài ba y, Tứ Phần nói y dài hạn dài tám ngón tay của Như lai, rộng bốn ngón tay của Như lai.

Đa luận nói: bề mặt ngón tay Phật rộng hai tấc, y cứ theo thước của Cơ Châu dài một thước sáu tấc, rộng tám tấc. Nếu dài, rộng giảm quá không kết phạm, phải cả hai đều quá.

Đa luận nói: Ngoài ra không cần lượng: quá hạn phạm xả đọa, làm pháp sám hối cát-la phải nói đủ. Thập tụng nói có bảy loại y không làm tịnh thí ba y, tọa cụ, áo mưa, y che ghế. Thứ 7 và 101 vật để giúp thân.

Đa luận nói: Ba y tuy không thọ quá ngày không phạm, chỉ có hai tội thiếu y, hoại oai nghi. Nếu bốn thuyết tịnh nay làm ba y tức mất bốn tịnh. Vì ba y không dài ngày có thể phòng. Lại xả y này thọ y khác trước y thuyết tịnh nếu không phạm dài hạn. Lại Tỳ-kheo có duyên, được áo lót mình chỉ làm ba y thì không phạm. Nếu một y ba khuỷu tay, năm khuỷu tay, ngoài ra có thuyết tịnh.

Hỏi: Ngày rằm y không cắt may quá ngày có phạm không?

Đáp: Trong đó trước có cũ, vì chịu thọ trì, phải làm tướng y mới khỏi lỗi dài hạn. Văn luận trên chỉ trước không có ba y. Vì các văn ở trên căn thứ nhất là y dài hạn của mình.

Tỳ-nại-da nói: vì một ngày đã thành cho nên cả hai tuy biết là dài hạn, nêu duyên như quên, v.v... thì không có tội.

2/ Nói thuộc về mình nhất định.

3/ Tài của đúng lượng, (loại gấm lông, làm lễ chẳng thuộc về y, không hợp.

4/ Không thuyết tịnh.

5/ Không có nhân duyên, nghĩa là tháng 1, tháng ca-đề.

6/ Quá mười ngày thì phạm.

Đa Luận chép: được ứng lượng, không ứng lượng y, tức thuyết tịnh càng tốt. Nếu không thuyết đến mười ngày không lỗi. Nếu không tác tịnh, không thọ trì đến ngày 11 lúc thấy rõ mặt đất. Ứng lượng là xả bỏ, làm đề sám, không ứng lượng đồng như trước. Luật Thiện Kiến chép: Nếu một chỗ buộc một tội, hoặc không bó buộc, chấp y mỗi đoạn minh tướng xuất, tùy theo chỗ mà phạm tội.

Hỏi: năng nhiệm ứng lượng với sở nhiệm, vì sao ?

Đáp: Chung cho ứng và bất ứng, như túc thực xong, chánh và bất chánh đều phạm túc thực.

Hỏi: Nếu năng nhiệm là bất ứng lượng tài, thì nhiệm có ứng lượng không?

Đáp: Lớn nhỏ tuy khác, nhưng xả sám một nghĩa. Luật kết đại đê-xá-ni. Luận Kết tiểu cát-la, cho nên đều một nhiệm.

Luật Tăng-kỳ nói: Nếu hai người cùng một vật chưa phân, nếu cúng dường vật cho tăng chưa vào tay, vật người bệnh dặn chưa trao.

Nếu nghe đệ tử thọ giới, tri thức đưa y chưa vào tay, hoặc đổi y quyết giá cả chưa vào tay, hoặc dệt y chưa vào tay, tuy quá mười ngày đều không phạm xả đọa. Y lâu dài vào tay mười ngày mới phạm. Y cứ theo đây thì phương khác chưa hẳn dùng tay nắm mới phạm.

Già Luận nói: Y mười ngày thế nào là phạm ? Nghĩa là vào tay, hoặc trên gối, trên vai tưởng là vật của ta, từ con số quá mười ngày.

Luận Minh Liễu nói: có vật nhìn không đến được, chẳng phải thân đến được.

Nhận toán số một như người thí y, dầu tô. Chỉ làm ý thuộc về mình quá ngày thì phạm. Có thân đến được, mắt chẳng thể nhìn thấy được. Có mắt, thân đến được chẳng phải toán số. Nếu người không cho mà tự thọ nhất định cúng dường Tam bảo, có mắt chẳng phải thân đến được cũng phải toán số.

Trong luật Tứ Phần nói: Nếu ngày đầu được y, ngày thứ hai không được, cho đến ngày 11 đều không phạm.

Những loại như thế đều có tám môn; chung cho không nhiễm nhau. Ngoài ra, không duyên với pháp là phạm.

1. Trung gian tịnh thí
2. Để lại cho người
3. Mất y
4. Cũ hoại (nghĩa là gió, lửa, nước thấm ướt tùy duyên rõ ràng)
5. Làm chẳng phải y (nghĩa là chẳng mặc dùng, thuộc loại mũ, vớ)
6. Ý thân hậu (vì chẳng phải vật của mình)
7. Hoặc quên đi (vì tâm mê, hoặc quên của cải, hoặc quên gia pháp đều khai mười ngày).

Luật lại nói: Nếu y xả đọa, không xả lại trao đổi y khác phạm một ni-tát-kỳ ba-dật-đề, và Đột-cát-la. Xưa vì tài vật chứa thì tâm nhiễm nên phạm. Trong luận nói không như vậy.

Đa luận nói: Hoặc trước ứng lượng vật xả đọa, tức là làm y ứng lượng, không ứng lượng. Y này xả hết để làm đề sám. Nếu trước không ứng lượng vật xả đọa, làm hai y trước, đều xả làm sám cát-la.

Nếu trước ứng lượng vật xả đọa lại trao đổi được y tài của tức làm hai y, y này không sám, trước sám tội đề-xá-ni. Y theo đây y sau không nhuộm, nếu không ứng lượng trao đổi được hai y không phạm xả đọa vì đã nhập tịnh. Trước sám Đột-cát-la. Luật trên kết một ni-tát-kỳ ba-dật-đề, nghĩa là y trước phạm tội đọa. Đột-cát-la: Nghĩa là vì không sám hồi liền trao đổi trái lời Phật dạy. Luật nói: y ni-tát-kỳ không xả không nên cho người, cho đến làm ba y.

Không phạm trong mười ngày nếu chuyển tịnh thí, hoặc tặng cho người, hoặc tưởng giặc đoạt, vật này thật ra cho là giặc dim đi, tuy trải qua nhiều ngày, vì vô tâm chứa thì không phạm.

Luật Thập Tụng chép: lại được mười ngày khai cho. Nếu tưởng là mất cũng đồng với luật trên.

Nói đoạt y, mất y, cháy y, trôi y (nghĩa là y của bị mất sau đó được lại, lại được thuyết tịnh mười ngày, lại thọ trì trước).

Lấy mặc (nghĩa là trước đoạt mất ba y, nhưng có phạm y dài hạn, vì ba y thể là không, tức thuộc về y chánh, đoạn tâm nối tiếp sám hồi tội trước).

Trong Già luận, hỏi: Bỗng có y quá mười ngày, tức lìa ngủ một đêm.

Đáp: Nghĩa là y quá mười ngày, làm ba y thọ ra ngoài giới trường.

Hỏi: Minh tướng xuất: cố biết mà làm, vì sao trước nói phạm xả

đọa không được làm ba y ?

Đáp: Đây y cứ vào ba y có bốn, nay đây do đủ sắc y tội phải sám. Như Thiện Kiền nói: gặp giặc được đắp y năm màu. Và trong Tăng-kỳ nói mượn y của thế tục thọ trì.

Luật nói: Nếu người khác cho làm thì không phạm, cho vật quý này không phải là của rẻ, vì không được thuyết tịnh, nhưng không thấy chánh văn khai).

Luật Thập Tụng nói: Cúng dường nệm chiếu cho tăng, tăng và một người cũng được thọ.

Luật nói: Y mặc trong thôn (nghĩa là ngăn ngại được nói, hoặc đường thủy lục bị hỏng, v.v... không tịnh thí, không cho người đều không phạm.

**Giới thứ hai: lìa ba y ngữ:** Đủ sáu duyên thành phạm.

1/ Là ba y, 2/ Thọ trì thêm, 3/ Y người khác ngại, 4/ Không xả hội, 5/ Không có nhân duyên, 6/ Minh tướng xuất liền phạm. Ba y, năm y phạm ba-dật-đề. Y khác phạm đột-cát-la, chẳng phải là chứa y dư. Đây là một trăm lẻ một y phục giúp thân. Phật bảo thọ trì nếu trái phạm Độtcát-la. Y dài hạn tịnh thí có người khác để nhờ đó mà biết, có lỗi gì mà khác với xưa giải thích.

Lại ba y là chế chung thượng, trung, hạ, nếu trái thì phạm trọng.

Một trăm lẻ một y giúp thân khai ở phẩm trung. Trái thọ thì phạm tội khinh. Dài hạn thì loại dưới cúng dường người khác. Vì tự không chứa để nên hoàn toàn không phạm. Ngoài ra như giới bốn số.

2/ Phương pháp thọ y, lại pháp may y, v.v... đều như trong pháp y quyền hạ.

3/ Y và người khác ngại: Tứ phần chép: các bộ khác cũng thành bốn: tức nhuộm cách tình giới, ba y trên ngại thông giới đều có. Nếu nói về giới ngăn ngại thì kia đây không thông.

Văn nói mất y: Trong Tăng-già-lam có hoặc ở nơi giới (ba ngăn ngại trên ở trong viện già-lam, cho nên y có nhiều giới).

Không mất y: Trong Tăng-già-lam có một giới (không có ba điều ngại trên).

1) (Trước) nói rõ về ngăn ngại nhiễm, luật chép: Tỳ-kheo cởi y ở chỗ nhà thế tục lộ hình thể, Phật bảo trừ bỏ thôn, thôn có năm nghĩa. Cho là phải báng sinh nghi, vì hộ trì phạm hạnh. Tức người nữ này đồng ở với Tỳ-kheo, tánh tướng trái nhau phần nhiều dẫn đến chê bai. Phật không cho phép ngồi chung nhà, đi chung ở chung. Điều sinh nhiễm, nếu lấy y giữ sợ hoại phạm hạnh, nhất định cho đồng chỗ y phải theo thân.

2) Cách ngại: luật nói: Nếu nạn như thủy lục, đường hư hỏng lìa y khai cho không có tội.

Luật Tăng-kỳ nói: Ngoài cửa chùa, không cầm chìa khóa cửa, không có mười hai khung cửa, gọi là lìa y.

3) Tình ngại: Luật nói: Nếu tướng đoạt, tướng mất, hoặc các duyên như giặc, thú dữ, mạng nạn, phạm hạnh nạn, v.v... Tăng-kỳ nói: Chỗ huynh đệ ngang bằng.

Đa Luận nói: Vua đến trong giới, chỗ đi đại tiểu tiện gần bên Vua, đều chẳng phải giới y, và người làm huyền làm nhạc. Vào giới cùng như pháp vua, vì tình cách, vì ngại sự đi lại nên gọi là mất y.

4) Ngại giới: Giới có hai loại.

1. Tác pháp tự nhiên, ba ngại trên vào giới này chung cho giới mất y, đều chẳng phải là giới y, nếu không ba việc ngại, hai giới mỗi giới chung riêng được hộ y.

Luật Ngũ Phần chép: Nếu giới y tác pháp và giới y tự nhiên, Tỳ-kheo ở trong đó không được đi lại tự tại, gọi là biệt giới. Trái với trên thì đồng giới. Nếu nói về tác pháp thì quyền hạ có nói rõ. Nay nói về giới tự nhiên, có mười lăm giới.

Luật Tứ Phần chép: có mười một loại.

1. Giới Tăng-già-lam.

2. Giới thôn, mỗi thứ có bốn loại. Nghĩa là giáp vòng tường vách bờ rào; tường vách bờ rào không khắp, bốn bề xung quanh có nhà. Các tướng này không khắp về sự hoại tướng của già-lam, các giới như cây cối, xe cộ v.v... từng sinh. Cho nên nói hoặc bao nhiêu giới. Đây chỉ là biệt giới, không gọi là hai chỗ thôn tăng, nay nói bao nhiêu giới, có ba thứ ngại trên cùng phát sinh qua lại, nạn đến đi chê bai cho nên mất y.

Trong luật Tăng-kỳ, Ngũ Phần nói đồng giới là tăng yết ma làm giới không mất y, được qua lại tự tại trong đó.

Giới khác: là không được qua lại tự tại, cho đến giới phòng nhà, chùa ni xóm làng, đi xe, chỗ đất trồng, giới tướng đi đường cũng vậy.

3. Giới cây, che mát cho mọi người như ngòi thiên (Tướng cây như thế trở lên có giới y, để hộ). Đây chỉ nói rõ tiểu tướng, luật Thập Tụng nói: Cây không liền nhau thì lấy mặt trời đang giữa trưa, chỗ có bóng râm che, hoặc chỗ khi mưa xuống nước không đến thì bày y ở cây này thân ở chỗ khác. Nếu không lấy y đều phạm. Nếu cây liền nhau cho đến một câu-lô-xá, tùy theo chỗ mà đắp y thì không phạm.

Luật Thiện Kiến nói: khi mặt trời giữa trưa, chỗ có bóng che đồng ở trên. Nếu cành cây nghiêng một bên, y ở chỗ bóng mát con đầu người ở nơi gốc cây cũng không mất y.

Giới rừng: Y ở trong rừng, trong mười bốn khuỷu tay không mất y, rừng này có người qua lại, không có giới y nên (mang theo thân), không mang theo thân thì mất y.

Trong Thập Tụng nói giới rùng một câu-lô-xá nghĩa là rùng lớn không có nạn, đây nói mười bốn khuỷu tay, nghĩa là thể của bốn cây liền nhau không rộng kịp. Cho nên giới y hẹp nhỏ.

Luật Tăng-kỳ nói: giàn nho leo, giàn dưa bầu, v.v... mỗi giàn bốn tướng, là hai mươi lăm khuỷu tay, gọi là giới y.

Luận Minh Liễu giải thích: Nếu y ở dưới lầu, dưới cây, thân ở trên thì mất y, nếu y ở trên, thân ở dưới cây, dưới lầu thì không mất y, vì ở trên được rơi xuống.

4. Giới trường: Luật nói: Ở trong đó sửa sang ngũ cốc, nghĩa là ngoài thôn, chỗ yên tĩnh.

5. Giới xe.

6. Giới thuyền: đều ở lục địa. Luật nói: Chỗ xe thuyền trở đầu. Đây chỉ nói ở xe. Luật Thập Tụng chép: xe trước hướng về xe giữa quơ gậy đụng đến. Xe giữa hướng về xe trước sau quơ gậy đụng đến. Xe sau hướng về xe giữa quơ gậy đụng đến. Nếu không đến thì gọi là giới khác.

Luật Tăng-kỳ chép: Ngồi thuyền trên nước có nhiều chỗ ở. Nếu tự tại qua lại, không biết thì không phạm, trái với trên thì phạm.

7. Giới nhà: Luật Tứ Phần nói không có tướng, đây gọi là nhà riêng ngoài thôn nếu y cứ vào tướng của thôn, xóm làng sau này sẽ nói rộng.

Luật Tăng-kỳ nói: Nếu lầu gác thêm bậc ngoài đường dài hai mươi lăm khuỷu tay gọi là giới y, nếu máng y ở trên gác, ngủ dưới gác có cầu thang thông thì không phạm. Y cứ theo Tứ Phần nói giới nhà kho, căn cứ ở bên trong sáng vì nói mưa không thể thấm được. Đối với giới nhà nhân đó giải thích về xóm làng. Luật Tứ Phần nói là giới thôn, Luật Thiện Kiến nói không có chợ là thôn, có chợ gọi là xóm làng.

Tát-bà-đa chép: bốn câu đối nhau:

1. Là xóm làng chẳng phải giới nhà, như hai làng, mỗi làng có một nhà.
2. Chẳng phải là nhà, chẳng phải xóm làng, như một làng lớn, lại không có làng khác mà có nhiều nhà.
3. Cũng có hai giới.

Xóm làng có hai, mỗi làng có nhiều người.

4. Cả hai chẳng phải nghĩa là giới lan-nhã.

Xóm làng: Thập Tụng và Đa Luận nói: Người dân cùng ở gọi là giới tụ lạc, nói biệt giới: nghĩa là nơi gà bay không đến, nơi bỏ đồ phân tảo, nơi bắn tên tới gọi là biệt giới.

Nói đồng giới: bốn bên xóm làng, mỗi bên có một nhà, hoặc nơi có xe quay trở đầu và ra vào được, thân nằm ở dưới góc thang mà y bỏ ở bốn xóm làng thì



không mất y, vì cầu thang liền nhau không cách ngăn. Xóm làng chỉ có một nhà. Y ở trong nhà mà nằm ở trên, dưới cầu thang xe thì không mất y (vì không có nhà riêng để đến).

Hoặc ở trong giới tự nhiên, chỗ bắn mũi tên, đến minh tướng xuất hiện thì không mất y. Hoặc y ở ngoài mà thân ở trong nhà cũng vậy. Hoặc nhiều nhà mà y ở trong nhà, thân ở dưới thang xe thì mất y, vì giới nhà mỗi nhà đều riêng khác. Nhà có một giới khác, giới khác là: Cha mẹ, anh em, con cái, hoặc thức ăn riêng, hoặc nghiệp riêng. Tuy ở cùng một chỗ mà việc thì khác nhau, gọi là một tộc.

Nếu đồng ăn, đồng nghiệp gọi là giới một nhà. Tộc cũng có một giới, biệt giới. Giới biệt có trụ xứ giới biệt, gọi là một giới.

Giới biệt: là làm chỗ ăn, chỗ lấy nước, chỗ tiện lợi. Nếu ở hai chỗ đều mất y.

Luật Tăng-kỳ chép: Bốn xóm làng liền nhau y gói đầu nằm. Đầu và tay chân mỗi thứ ở một giới, y ở trên đầu, đến khi minh tướng xuất hiện y lia đầu phạm xả đạo. Nếu tay chân quơ đến chỗ y thì không phạm.

Thập tụng, Đa Luận nói: Nếu để y ở trong hai giới, nằm ở trên hai giới thì mất y, mỗi giới có phần thân. Cho nên Thập tụng nói là giới nhà. Nếu là chỗ nhà vệ sinh, trong nhà ăn, nhà của ngoại đạo, y ở trong nhà của ngoại đạo, thân ở nhà khác thì mất y. nếu đồng thấy đồng luận thì không phạm. Nếu là chỗ đùa giỡn, chỗ làm việc, như chỗ lấy nước ở trước thì mất y, nếu đồng thuộc về một chủ thì không phạm. (Đây gọi là tình ngại).

Đa luận nói nhà nhiều tầng của một chủ, người và y cùng ở trên hoặc dưới thì không mất y, nếu là chủ khác, y và người ở trên, dưới giữa không thông cho nên mất. Những điều nói trên đây trong Tứ Phần không có văn, lý phải thông đủ.

8. Giới giảng đường: Luật nói phần nhiều rộng thoáng.

9. Giới nhà kho: là nơi cất chứa vật mua bán như xe cộ, v.v...

10. Giới lẫm: nơi chứa cất lúa gạo.

11. Giới a-lan-nhã. Luật nói: Lan-nhã không có giới. (Nghĩa là ở chỗ hoang vắng không phân biệt các giới, lấy cây để lượng lớn nhỏ).

Giữa một cây trong tám cây là bảy cung, cung dài bốn khuỷu tay, tính phỏng là năm mươi tám bước, bốn mươi tám tác gồm cả thể của nó chia ra hơn bảy mươi.

Kế nói rõ điều bất túc: Chọn lấy các bộ mà sử dụng.

12. Giới đi đường: luật Thập tụng chép: Tỳ-kheo câu y cho thầy, đi giữa đường trước sau trong bốn mươi chín tầm thì không mất. Đa luận nói: Dù rộng cung được bốn mươi chín tầm tay thì không mất. Đa Luận nói: Dù rộng cung được bốn mươi chín tầm không mất. Trong Tăng-kỳ nói: Giữa đường nằm mà giữ ba y kê trên đầu, minh tướng xuất hiện mà lia y thì phạm.

Y theo lan-nhã thân phải ở nơi cây.

Luật Thiện Kiến nói: Nếu bảo sa-di, người thế tục giữ y vào giới trước, Tỳ-kheo vào giới sau không biết, cho rằng mình tướng ngoài giới xuất hiện, cho rằng mất hay không mất y, y chỉ cũng như vậy.

Luật nói: Tướng mất ngoài giới mà nói: Nếu đệ tử chưa đủ hạ, giữ y cho thầy, gặp người nói pháp, vì ham nghe pháp, mình tướng xuất hiện không phạm. Là thầy Hòa-thượng thì phạm tội lìa y.

Luận Minh Liễu chép: Chỗ tiểu tiện do người khác nên khó đi. Vì thương xót mà làm nghĩa này nói rộng trong giới chuyên đầu xe.

Giải rằng: Đại tiểu tiện, bệnh, sợ hãi, nạn ép ngặt đêm ra khỏi giới chưa được về mà trời sáng cũng không mất y.

Lại hai người cùng ngủ, ba y cũng đắp một chỗ, một người có việc gấp phải đi ban đêm, không lấy y mình, lấy nhầm y người ở lại mà đi đến sáng, hành nhân mất y, do hành nhân lấy nhầm cho nên mất không do người ở, cho nên không mất y, người đi ý sáng sửa, cho nên nói đi thêm. Còn người ở này là nạn, cho phép nạn này không mất y.

13. Giới châu: Luật Thiện Kiến chép: Trong mười bốn khuỷu tay không mất y, nếu có người qua lại mà y không theo bên mình thì mất.

14. Giới trong nước. Thiện Kiến nói: ngồi thiền ở chỗ lan-nhã trời sắp sáng giải y để trên bờ xuống ao tắm gội, mình tướng xuất hiện phạm xả đọa.

Tỳ-ni Mâu nói: Đẻ y ở trên bờ, một chân để xuống nước không phạm mất y. Tăng-kỳ nói giới trong nước là giới đi đường.

Hai mươi lăm khuỷu tay, nếu ở trên thuyền, xuống nước liền xả.

15. Giới giếng: Luật Tăng-kỳ nói ngủ ở chỗ đường đi, chỗ trống, bên giếng, lan-nhã mà y để cách đó hai mươi lăm khuỷu tay, thân ở ngoài thì mất y. Y ở trong giếng phải có dây liền nhau, duỗi dây cầm trên tay vào trong giếng đựng được y, khác với giới trên giếng. Lấy dây làm ví dụ trừ mười lăm giới tự nhiên hàm hồ v.v..., lớn nhỏ như trên. Nếu y theo Tứ Phần, thêm ở thế phần. Văn nói: Giới tăng-già-lam ở bên già-lam, mà người ở trong nếu ném cục đá tới gọi là Giới. Cho đến giới khi cất chứa cũng vậy. Các bộ đều không có thế phần. Trong Thiện Kiến nói không có, kia có văn ném đá, riêng là việc khác. Văn kia nói: người ở trong đó ném đá, người không mạnh không yếu, dùng hết sức ném đến chỗ nào thì giới đến chỗ đó, không lấy chuyên chỗ. Các sư phê bình rằng mười ba bước, là lấy mười lăm giới tự nhiên này lượng thông. Chỉ không thông giới pháp, phải vào giới mới biết y.

Luật Tăng-kỳ nói; Có duyên đến chỗ khác, chỗ đó giữ lại ngủ. Chỗ ấy có Tỳ-kheo và ni, y có dư nên mượn thọ trì, nếu không thì người thế tục có áo ngủ nên mượn lấy, tác tịnh ở nút, sau đó thọ trì. Lại không có y thì gần sáng nên mau về lại chùa, chớ leo thành. Ra đến cửa chùa chưa mở thì đến dưới nhà cửa (vì cột

nhà cửa liền nhau, luật kia không có thể phần, bởi vậy làm giới tự nhiên, không đồng với Tứ Phần nên biết).

Nếu không đụng tay vào lỗ cửa, trong ao nước, trước lấy vật khuấy động, chớ đụng trùng độc. Lại không có lỗ này thì nên leo tường vào, chớ làm cho người nghi. Nếu vào không được thì phải xả y, thà không có y phạm tội nhỏ, vì khinh mà chuyển thành trọng. Nếu y theo lối này hẳn trong giới có ba thứ ngăn ngại trên, không được ngoại hộ. Vì nhất định mất trì y. cho nên vẫn nói.

Nếu ngủ ở chỗ khác, minh tướng chưa xuất hiện, hoặc chỗ ném đá đến (nghĩa là trong giới không có ba việc ngăn ngại). Hoặc lấy tay cầm y, (Nghĩa là trong giới có nhiệm tính ngại). Hoặc xả y (nghĩa là trong giới cách ngại và việc ngoại giới). Hoặc không làm ba việc như trên, mình tương xuất hiện tùy theo việc lìa y phạm xả đọa.

Giới y tự nhiên ở trên vì mỗi giới khác nhau không chung cho nên có tên khác. Luật nói: Giới già này chẳng phải già-lam kia, cho đến cây, xe khó cất mỗi mỗi cũng vậy. Nhưng hai giới tăng thôn tương nhiếp nghĩa nó mạnh. Tuy có nhà cây ẩn danh không hiển các giới nhìn vào nhau bất luận mạnh yếu. Cho nên dưới cây có xe, có giới xe riêng, ngoài xe có cây cũng có giới cây rằng không có thể phân riêng.

Nếu hai giới tăng thôn thể phân có giới cây, v.v... liền ở hàng giới tăng, giới cây mà chia thể phân. Ví dụ như thế, ngoài ra y theo đó mà biết. Nếu nhà giảng, nhà kho có xe thuyền thì theo giới nhà giảng, nhà kho.

Luật nói: Kho là chỗ cất chứa xe cộ. Vì nhà kho kia y mặt thu nhiếp vốn chương ngại nên gượng không đồng với cây, chỗ để xe, v.v... không ngoài để nhiếp. Như tịnh địa không thông khắp đều để y thì không phạm xếp loại tướng của các giới khác chưa đủ nhiếp. Nếu cùng làm thì mỗi nơi có giới riêng, như trong giới bốn số.

**Giới thứ ba: Không có nhân duyên,** có duyên nêu ra bảy loại.

1. Người khác tác pháp, hoặc đối thú, hoặc tâm niệm (không gọi là tác pháp khai lìa, lấy khinh chuyển trong, đối tăng tác pháp, lìa có hai).

2. Có duyên xin được, Tứ phần nói: Tỳ-kheo già bệnh (ba mươi trở lên gọi là già).

3. Y nặng được yết-ma lìa y, pháp như trong số nói. Hai người cùng làm y ca-hy-na, ba người đối chỗ tác pháp, lìa giới thì không mất y.

4. Lan-nhã sợ hãi mà lìa.

5. Đường của vua không thông, mạng nạn, phạm hạnh nạn, v.v...

6. Ca đề thương nhọc mà lìa

7. Như trong Ngũ Phần nói các duyên như tháp, tăng và việc quan trọng khác cho sáu đêm lìa y không tội. Nếu việc xong không trở lại phạm Đột-cát-la.

Trong bảy phần lại chia ra: ba loại trước được phép lìa, bốn loại sau không được phép lìa, bốn loại sau không phép lìa. Lan-nhã chung có không, sáu đêm đưa vào thôn không pháp lìa, sợ mất xa bỏ là có pháp lìa, phân biệt phạm tội thứ hai, thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy, một bề không có tội. Vì có duyên. Trong phần thứ năm vì không thông hoặc mong đoạn nên mất y.

Không mất như sau: trong giới nhiếp y thứ ba, vì không có ba điều ngăn cho nên khai thông qua lại. Nếu có ba điều ngăn ngại thì không tránh khỏi mất y.

Loại thứ hai là đối tăng tác pháp, khi có duyên thì không mất, hạn đủ liền mất phạm tội. Ngoài ra, mỗi việc y cứ theo đây suy nghĩ biết mà hội thông.

Trong luật nói không phạm: tưởng là đoạt y, y bị mất, bị cháy, bị nước cuốn trôi, y bị hư hoại. (y thật thất vọng khỏi tâm tưởng, trải qua đêm ngủ mất thọ lại thì không tội. Quyết tâm cho mất tức là có tâm xả, vì lỗi vô tình không phạm xả. Thiện Kiến nói không mất: thấy chủ có tâm nghi sợ ở ngoài giới, đó gọi là mất thể khác nhau. Luận nói y không mất thọ.

Hoặc đường thủy lục hư, hoặc cướp bóc, thú dữ, mạng nạn, phạm hạnh nạn. Nếu không xả y thì không phạm. Đây là tình cách hai ngại mất thọ không có tội. Nếu trước kiêu mạn, không nhiếp, sau tuy trải qua các duyên mất y phạm xả đọa. Hoặc các nạn bỗng nhiên phát sinh đến dự hội không được thường khỏi tâm lãnh thọ, nhất định không mất pháp. Do nạn bỗng phát sinh lỗi vô tình lìa cũng không phạm tội, như trong giới việc thọ dục có nạn đem ra ngoài giới, trở lại không mất. Ở đây cũng đồng với điều đó. Trước nói việc mất thọ ngăn cách không biết, mà qua minh tướng mất thọ cũng không tội. Hoặc người nữ qua lại, nhiệm ngại sự tiến lùi, so với hai ngại hai có thể biết, lại có người không lập nhiệm ngại, chỉ là tình nhiếp, ở đây không chung với các bộ.

Hỏi: Quên không cầm y mà đi ra ngoài, đến trời tối mới biết, lấy hội không có duyên, vậy có mất hay không?

Đáp: Người kia thường tự đem theo bên mình, bỗng quên thì đồng với y dư khai cho. Trên lại giải thích như thế, bất tận rất nhiều, rộng như trong giới bốn.

Hàm chú sơ và trong san bồ yết ma có nói rõ điều này, giới ba y nguyệt vọng, giới này là chỉ ba y, vì tài của ít nên đổi y cũ. Vì không đủ. Phật khai một tháng, quá hạn mà chưa cho nên chế. Tỳ-kheo cất chứa y dư được thuyết tịnh, không cần giới này có sáu duyên thành phạm.

1. Cố hoại ba y
2. Của ít không đủ
3. Vì đổi ba y định thay loại cũ
4. Không thuyết tịnh làm ba y
5. Không có nhân duyên
6. Quá hạn thì phạm

## 7. Giới này chia ba giai vị

Trước mười ngày thường khai, nếu ngày 11 đến ngày 29 thì được. Tùy theo ngày làm thành, không được khai lại, đến ngày 30 hoặc được hoặc không được, hoặc đồng hoặc không đồng, một bề hạn chế.

Luật Tăng-kỳ chép: mười ngày tức làm. Khi làm y người khác giúp đỡ giặt nhuộm cát, khâu dài khâu ngắn nấu nhuộm. Tác tịnh rồi thọ trì. Nếu sợ không xong thì làm cho mau mà thọ trì, sau đó khâu cẩn thận lại. Luật này nói chỉ cắt sợi chỉ thì khỏi lỗi chứa dư. Hoặc ba y đều cũ và thiếu không đồng đều khai một tháng. Nếu đại y đồng đủ thời hạn, hai y dưới của tài thiếu không đủ. Cũng nhuộm phạm quá thời hạn, do có cố hoại ba y, chẳng phải là chính thay loại cũ. Cho nên vẫn nói: tùy y bao nhiêu đều xả. Ngoài ra đồng với y dài hạn khai cho.

***Giới thứ tư: lấy y chẳng phải là Tỳ-kheo-ni bà con***, đủ năm duyên.

1. Là Tỳ-kheo-ni, chọn hai chúng dưới lấy được phạm cát-la.

2. Chẳng phải bà con.

Luật nói: ba con là cha mẹ bà con bảy đời.

Luật Thiện Kiến nói: Thân phụ là chú bác anh em con cháu.

Mẫu thân: cô dì cho đến con cháu. Đều gọi là đồng khí nghĩa thân, không có lẫn lộn họ khác.

Lại nói: vợ của người xuất gia chẳng phải bà con.

Vợ của chú bác cũng đồng. Thập Tụng nói: nếu là bà con có chút ít còn đem cho, hưởng gì không đủ mà lấy. Luật Ngũ Phần nói nếu ni bà con phạm giới, người lấy y phạm Đột-cát-la.

3. Y đúng lượng: Trong Luật nói: trong năm y lấy một y cố làm duyên phạm.

Luật Tăng-kỳ nói: Nếu lấy bát và các vật nhỏ khác thì không phạm.

4. Tâm rộng rang đưa cho, trừ xin được không phạm. Luật Tăng-kỳ chép: ni mượn y của Tỳ-kheo được đắp hư rồi trả lại, không phạm. Nếu ni cho hai chúng dưới và thế tục y nói: cố giữ y này cho Tỳ-kheo..., sẽ được phước đức. Người lấy không phạm.

5. Lãnh thọ rồi. Già Luận nói ni để y dưới đất gọi Đại đức, tùy ý dùng liền bỏ đi, Tỳ-kheo đồng ý dùng thì không phạm.

Luật Tăng-kỳ nói: sai người thọ đồng phạm.

Thập Tụng, Đa Luận chép: mười Tỳ-kheo tăng lấy một y của Tỳ-kheo-ni, mười vị tăng đều phạm tội đọa, mười vị ni cầm một y cho một Tỳ-kheo tăng phạm mười tội đọa.

Thập Tụng nói: Nếu Ni trước thỉnh, hoặc nói pháp cho tất cả nghe thì không phạm.

Luật Ngũ Phần nói: Chư ni cúng y bát cho Tỳ-kheo, nếu trước vô tâm tìm cầu; người kia tự cúng dường, phải quán có loại dư được lấy. Y cứ theo đây phạm giới chỉ do tâm tham, ý của chế giới có thể thấy.

Tứ Phần chép: Phật bảo các Tỳ-kheo-ni rằng: phải chứa năm y cho chắc chắn. Còn y khác tùy ý tịnh thí. Nếu cho người thì nói đã cho người, thì đâu thể chọn đạo hay tục.

Trong luật nói không phạm nếu theo Tỳ-kheo-ni bà con lấy y (theo luật cha mẹ bầy đời là bà con. Lại y cứ vào thân cha có mất đời khác nhau).

1. Cao tổ
2. Tăng tổ
3. Nê tổ
4. Cha
5. Minh
6. Con
7. Cháu

Nếu trao đổi làm tượng Phật hoặc tặng lấy đều không phạm.

**Giới thứ năm: Giới sai người ni chẳng bà con nhuộm y cũ.** Nhuộm giặt thật ra ba giới này đồng do một y mà phát sinh. Giới này nghiệp nặng.

Luật nói: nói sai giặt nhuộm, hoặc làm phạm, ba tội ni-tát-kỳ badật-đề, có năm duyên thành phạm.

1) Là Tỳ-kheo-ni, nếu là hai chúng dưới, thì luật kết tội nhỏ 2) Chẳng phải bà con.

Luật Thiện Kiến chép: phụ nữ có chồng xuất gia cũng phạm.

Nếu sai Tỳ-kheo-ni kiếm củi, nhóm lửa, nấu nước, tất cả phạm Đột-cát-la.

Luật Ngũ Phần chép: Sai Tỳ-kheo-ni không bà con giặt mà Tỳ-kheo-ni bà con giặt, qua lại năm câu như vậy phạm xả đọa.

Luật Tăng-kỳ nói: nếu bảo Tỳ-kheo-ni giặt y cho thầy phạm Độtcát-la.

Nay hoặc có người nuôi nhiều đệ tử ni, sai giặt may vá vì chẳng phải người bà con đều phạm xả đọa, hoặc nhầm đệ tử do đó đưa cho nhuộm thì phạm tội trọng, phải hết sức cẩn thận.

3) Là y cũ của mình.

Luật nói: dù chỉ trải qua một lần mặc trên thân.

Luật Tăng-kỳ nói: Cho đến một cái gói.

Luật Thiện Kiến chép: Nếu là dây đưng dày dếp thì không phạm.

Du già nói: Cho đến ni-sur-đàn cũng phạm xả đọa.

#### 4) Tự sai giặt

Luật Tăng-kỳ nói: Tự cho, sai cho v.v... bốn câu đều phạm. Nếu sai Tỳ-kheo-ni bà con giặt mà đệ tử giặt thì không phạm.

Hoặc nói: Bảo đệ tử ông giặt y cho tôi thì phạm, hoặc mặc y dơ vào Chùa ni để giặt thì không phạm.

Nếu trước người có tâm phương tiện thì phạm xả đọa.

Luật Thập Tụng nói: Nếu phạm xả y, đưa cho giặt phạm tội nhỏ.

Y cứ theo đây không phạm trọng, một y không hơn có phạm trọng.

Luật Tăng-kỳ nói: Nếu bị xe cộ làm dơ rồi bảo Tỳ-kheo-ni giặt phạm xả đọa, không được cắt bỏ hết y cũ.

#### 5) Giặt nhuộm xong liền phạm

Luật Tứ Phần chép: Lại giặt y mới, cho đến sai hai chúng ni đều phạm Đột-cát-la.

Luật Thiện Kiến chép: Nếu giặt xong, Tỳ-kheo bảo chưa sạch sai

Tỳ-kheo-ni giặt lại phạm ni-tát-kỳ ba-dật-đề và Đột-cát-la.

Không phạm là: Luật nói: nếu bị bệnh, hoặc vì Phật pháp Tăng, hoặc mượn y người khác mà Tỳ-kheo-ni giặt thì không phạm.

#### ***Giới thứ sáu: Xin y người thế tục không bà con.***

Đa luận nói: chế ra không cho phép xin có bốn điều lợi ích.

1. Vì làm cho Phật pháp Tăng thượng.
2. Vì dứt sự tranh tụng.
3. Vì dứt bất tâm bất thiện trước người.
4. Vì làm cho chúng sinh tin ưa đối với chánh pháp.

Ngũ Bách Vấn Luận chép: xưa, có Tỳ-kheo xin nhiều, cất chứa không chịu làm phước, lại không chịu hành đạo. Do đó, sau khi qua đời biết thành một khối thịt trên núi lạc đà lớn mấy mươi dặm. Bấy giờ, gặp lúc thời đói khổ, dân trong nước này hằng ngày đến lấy thịt đó ăn, cất chỗ nào lại sinh lại chỗ đó.

Một hôm người nước khác đến, thấy vậy liền cắt lấy thịt đó, liền có tiếng kêu lớn chấn động cả mặt đất. Người kia hỏi lý do, mặt đất đáp. Tôi vốn là người tu hành, vì tham lam của cải không chịu bố thí, vì mắc nợ vật của người nước này nên phải làm khối thịt để trả nợ cũ. Tôi đâu có mắc nợ gì ông, cho nên kêu to như vậy. Phật bảo Tỳ-kheo tham lam là họa lớn, xả bỏ là hợp với pháp Tỳ-kheo.

Lại nói: Nếu người xin vật của Tỳ-kheo nói: đây là tốt hay xấu, nếu thật tốt thì nói tốt, được vật phạm xả đọa. Không tốt nói tốt phạm tội khí. Nếu Tỳ-kheo

nghèo thiếu, vào buổi sáng được dẫn người tại gia, sa-di vào chợ xin tiền, sau ngọ không hợp. (lẽ ra không có giới của sa-di). Dù sáu duyên thành phạm:

1. Đủ ba y (dù không đủ phải xin lấy y, nếu xin ngũ cốc luật kết phạm cát-la).
2. Có nhân duyên: Nghĩa là đoạt mất ba y, chẳng phải giữa tháng ca-đề theo người khác xin y, nhất định không giao thiếu, không cứu giúp. Mùa đông tùy theo lượng xin y, không được cất chứa nhiều.
3. Chẳng phải bà con.

Luật Ngũ Phần và Đa Luận nói: xin y tốt ở người bà con, hoặc nghèo thiếu, hoặc cho ít đòi nhiều tất cả phạm Đột-cát-la.

#### 4. Xin ứng lượng y cho mình

Luật Thập Tụng, Tăng-kỳ nói: xin được bốn khuỷu tay trở lên thì phạm. Nếu tự mình xin hoặc bảo người xin, ra tướng làm nóng lạnh. Hoặc vì phương tiện nói pháp tất cả đều phạm xả đọa.

Trừ xin dây lọc nước, vật nhỏ để vá y, vải buộc đầu, vải bó vết thương, một dải buộc chân, đũa đựng dao, khăn lau tay, lau mặt, lau thân thể v.v... đều được. Nếu khi xin vật này thí chủ cùng toàn bộ y tài, thì được lấy. Vốn người có tâm lợi dụng chỉ xin ít, hoặc dung chứa được nhiều thì phạm xả đọa.

#### 5. Người kia cho.

#### 6. Lãnh thọ liền phạm.

Luật Tứ Phần chép: Nếu bị giặc lột y lỏa hình, Phật dạy: nên lấy cỏ mềm, lá cây che thân đến chùa, hoặc lấy y dư, hoặc lấy của bạn thân. Nếu không có thì đến trong tăng hỏi xin. Có thể phân y, nếu không thì hỏi lấy y được chia tăng.

Nếu người không cho thì tự mở kho xem, hoặc là mềm, nệm, chăn mở tháo ra cắt làm y, ra ngoài xin nếu được rồi nên trở về giặt nhuộm may vá lại để ở chỗ cũ. Nếu không để lại chỗ cũ thì đúng như pháp mà trị.

Luật Thập Tụng chép: Chỗ cũ trống rỗng, thì để ở chỗ gần. Ngoài ra như trong Tạp pháp nói.

Luật nói không phạm: Nếu đoạt mất ba y thì xin người không phải bà con. Ngũ Phần khai cho khi y dư được xin, chung với năm duyên trước.

Luật lại nói: Hoặc xin cho người khác, hoặc người khác xin cho mình, hoặc không cầu mà được, hoặc xin người bà con, hoặc xin người cùng xuất gia thì không phạm.

Luật Ngũ Phần nói: Phi pháp cầu thí, thí phi pháp cầu, cả hai phạm tội.

#### ***Giới thứ bảy: Lấy y quá phần.***

Có sáu duyên:

1. Tỳ-kheo bị cướp mất ba y.



2. Cư sĩ chẳng phải bà con.

3. Bị cướp mất cho nên bỏ thí.

Nếu không bị mất thì tùy theo sự thọ nhận, không phạm.

4. Tỳ-kheo biết người kia bị mất nên thí y.

5. Lỗi biết đủ.

6. Lãnh thọ liền phạm

Luật nói: Nếu mất một y không nên nhận lấy, nếu mất hai y còn có y nhiều lớp, hoặc hai lớp, ba lớp, bốn lớp nên tách ra làm tăng-già-lê và an-đà-hội.

Luật Thiện Kiến nói: Nếu cả ba y đều mất, lấy hai y trên dưới, còn một y xin chỗ khác.

Luật Tứ Phần nói: Nếu tự tứ cho nhiều y, hoặc y mềm, y mỏng, hoặc không bền chắc nên lấy làm hai, ba, bốn lớp viền ở trên vai, nên phụ vào chỗ bản, nên đặt khuy nút. Nếu vải còn dư nên nói với cư sĩ: Đây là vải dư, để làm gì đây?

Nếu người kia nói: Tôi không bị mất y cho nên cúng dường. Chúng tôi tự cúng dường cho Đại đức mà thôi, nếu người kia muốn nhận liền lấy. Giới trước vì người khác không phạm. Giới này nếu vì người khác xin nhận thì phạm.

**Giới thứ tám: Khuyên cư sĩ thêm giá tiền may y.**

Luận nói có sáu duyên thành phạm:

1. Người thế tục chẳng phải bà con có tâm rộng lớn chuẩn bị giá tiền.
2. Cúng dường có thời hạn
3. Biết thời hạn cúng dường
4. Chê ít khuyên thêm
5. Người kia vì tăng thêm giá tiền tơ dệt
6. Lãnh thọ liền phạm

Luật Tứ Phần chép: Cư sĩ cúng dường y, Tỳ-kheo chê ít lại xin thêm, dù chỉ thêm một phần trong mười sáu phần của một tiền, hoặc thêm sợi tơ cho đến một sợi chỉ.

Luật Thập Tụng chép: Khuyên thêm giá cả, lượng, màu sắc phạm ba tội xả đọa.

Luật nói không phạm: là trước nhận tha hồ thỉnh mà đến cầu biết đủ. Đối với việc tìm cầu làm giảm ít. Nếu xin người quen biết, xin người xuất gia, mình vì người khác, người khác vì mình, không cầu mà tự được thì không phạm, ngoài ra như trong sớ.

**Giới thứ chín: Khuyên hai gia đình thêm giá tiền may y.**

Duyên chế giống như trước, chỉ khác là khuyên hai nhà chung lại.

Luật Ngũ Phần chép: Cho đến khuyên vợ, chồng hợp làm một y cũng phạm xả đọa

Luật Tăng-kỳ nói: Biết đủ là nếu cho y đẹp thì nói: “Tôi là người ở trong rừng, luyện-nhã, đầu-đà”. Xin không không vừa ý, thứ thô đều phạm xả đọa (vì miệng tự thuật đức của mình).

***Giới thứ mười: Đòi giá y thí gấp quá hạn.***

Có năm duyên thành phạm:

1. Thí chủ tặng vật báu
2. Vì trao đổi y để dùng
3. Giao cho người chuyển trao
4. Đòi quá phần
5. Được vào tay liền phạm

Luật nói không phạm là: Nếu sai sứ báo cho biết, hoặc người kia nói không cần liền bố thí cho. Khi Tỳ-kheo này dùng lời dụ dằng phương tiện xin y được, thì không phạm.

***Giới thứ mười một: Xin tơ tằm làm ca-sa***

Đa luận nói có bốn ý:

1. Vì dứt bật sự phi báng.
2. Vì làm cho tâm kính tin thêm mạnh mẽ.
3. Vì tu tập được an vui.
4. Vì không hại mạng chúng sinh

Luật Tứ Phần nói: Vì Tỳ-kheo đến nhà nuôi tằm xin loại tơ chưa thành, tơ đã thành làm ngọa cụ, liền đội xem, khi phơi kén có phát ra tiếng, nhân đó Đức Phật quả trách chế giới này. Nếu thuận làm, hoặc tạp, hoặc lấy lông mịn, hoặc gai và cá tổ tạp khác làm thành. Hoặc cắt nhỏ ra hòa với bùn trét lên tường.

Đa Luận chép: Kiền-xá-da, dịch là tơ tằm, như cách nuôi tằm ở nước Tần. Hoặc xin kén, xin bông, xin tơ dệt vải thành y phạm xả đọa.

Nói ngọa cụ là ba y, (tức ba y gọi chung là ngọa cụ, kiểu giống như tấm chăn ở Trung Quốc, cho nên lấy chung một tên).

Ngoại quốc may y gồm có hai thứ:

1. Tách vải ra nhỏ cắt giống như cách làm chăn nệm.
2. Bông làm tổ dệt thành y, cũng được làm ba y, vì thọ trì nên được xin, làm thành phạm xả đọa.

Luật Thiện Kiến chép: Cho đến một sợi lông tạp liền phạm.

Kiều-xa-da là sợi nhỏ trong tơ, Tằm mới nhả ra gọi là hốt.

Luật Tăng-kỳ chép: xâu tạp vào khuy gấp sợi dọc ngang, tất cả phạm xả đọa; thợ dệt phạm viết Tỳ-ni, lấy sợi dọc ở giữa, vật da bằng tơ lụa, nếu lần lượt đến, lia khỏi tay người giết cúng dường cho người giữ giới, không nên thọ nhận ấy là pháp Tỳ-kheo. Nếu người nhận, không có từ bi, không phá giới.

Kinh Niết-bàn chép: Giày dép, y kiêu-xá-da, y phục như thế đều không chứa cát. Đây là đúng với kinh luật.

Ngày nay có nơi thiên chúng đều mặc vải đẹp, há không thuận với giáo hay sao?

Luật Ngũ Phần chép: Nhà nuôi tằm bố thí bông tơ, thợ rồi cúng dường cho tăng, không được tự vào. Vì các bộ này đối nhau cho nên biết, nhưng điều chế ra ý rất quan trọng, tằm hoang dã còn phạm, huống gì tằm nhà, tạp hốt còn phạm, huống gì làm thuần bằng tằm. Có người xin và làm ba y, hợp với điều này thì dứt bỏ, như các luật có nói, mặc thì phạm tội. Như luật dạy không được đến nhà người giết mổ xin huyết, thịt và đến nhà làm sữa xin sữa ăn đều phạm.

Cho nên Đa Luận chép: Nếu nhà không có tằm xin kén tự làm bông tơ thì không phạm. Vì để bán nên có trùng phạm đột-cát-la, nếu xin thành sợi chứa y không phạm. Nếu trùng hoại lấy làm ngọa cụ thì không phạm, làm không đúng lượng y, tất cả dụng cụ để trải đều phạm Đột-cát-la.

Luận chép: Nếu vì người khác mà làm, tất cả phạm Đột-cát-la.

Không phạm là: nếu được loại làm thành rồi dùng kéo cắt nhỏ ra trộn với bùn trét lên tường, ngoài ra như trong số bốn.

### ***Giới thứ mười hai: Làm Ngọa cụ bằng lông thuần đen.***

Bốn giới ngọa cụ này đều gọi chung là ba y, người xưa nghi ngờ đến nay vẫn chưa quyết định.

Luật Tăng-kỳ chép: Làm nệm, làm già-lê cho đến tọa cụ, v.v... có bốn duyên thành phạm.

1. Thuần là lông đen
2. Làm ca-sa
3. Vì mình
4. Làm thành liền phạm

Luật chép: tự mình làm, dạy người khác làm đều phạm xả đọa như trên.

Không phạm là: nếu được ngọa cụ đã làm thành rồi, hoặc cắt rọc ra cho hư hoại (vốn làm đo cắt).

Hoặc thừa, mỏng gấp làm hai lớp (nguyên ý về sau được)

Nếu làm mền, hoặc làm ngoạ cũ góc nhỏ, hoặc làm nệm nằm, hoặc làm đồ đựng bát, làm đồ đựng dao, làm mũ, áo, làm khăn trùm cho ấm, làm khăn để giày dép, tất cả không phạm.

***Giới thứ mười ba: Làm ba y bằng lông trắng.***

Nhân duyên như giới trước. Phạt chế làm xen vào, trái với lời Phật thì phạm.

Có năm duyên thành phạm:

1. Xen làm ba thứ lông
2. Định làm ba y ngoạ cụ
3. Vì mình
4. Thêm tốt bớt xấu dưới đến một lạng
5. Làm thành liền phạm

***Giới thứ mười: Làm ba y dưới sáu năm*** có sáu duyên thành phạm:

1. Có ngoạ cụ cũ dưới sáu năm
2. Không bỏ cái cũ cho người khác
3. Tặng không cho phép
4. Làm lại cái mới
5. Vì mình
6. Làm thành liền phạm

Tặng-kỳ chép: Vì già bệnh, mang theo nệm Tăng-già-lê không đủ sáu năm không được lại làm. Nếu thân khỏe mạnh, nhan sắc tươi tỉnh, bạch yết-ma trong chúng mỗi mỗi không thành.

Tứ Phần nói không phạm là: Tặng cho bạch nhi và đủ sáu năm, nếu dưới sáu năm xả cái cũ làm lại, hoặc được cái thành rồi, hoặc không, hoặc làm cho người khác tất cả đều được.

***Giới thứ mười lăm: Tọa cụ không xếp chồng.***

Có năm duyên thành phạm:

1. Trước có tọa cụ cũ
2. Lại làm tọa cụ mới
3. Vì mình
4. Do vô tâm mà dùng cái cũ gấp thêm vào
5. Làm thành liền phạm

Ở đây cùng với chín mươi câu ở giữa, bốn câu đối nhau.

1. Làm mới đúng lượng không gấp vào thì phạm giới này

## 2. May lượng quá cái cũ thì phạm

Luật nói: làm tọa cụ mới, nếu tọa cụ cũ chưa hư, chưa lũng lỗ, nên đem giặt nhuộm, phơi kéo ra cho thẳng, cắt lấy một miếng dọc rộng một khuỷu tay, lót vào trên cái mới, hoặc một bên, hoặc ở giữa. Vì hoại sắc cho nên chỉ cần nói giúp thêm vào, không nói vải nệm, tùy theo chung cho cả mười loại y.

Luật Tăng-kỳ nói: làm nệm vuông một khuỷu tay, khi lấy nệm cũ không phạm.

Theo người nghe ít phạm giới, người không nghe, người ở phòng hư không sửa sang, người tiếng xấu, người đoạn kiến xa lìa hai thầy, người không thích hỏi han, người không phân biệt được việc ma không nên nhận, nhận thì trái với ý trên.

Lúc mặc không có góc nhọn, lồi lõm, thiếu góc, lũng, hư hoại, dơ nhớp làm cho vuông vắn.

Đa luận nói: Không dài, ngắn cũng nên dùng.

Luật Thiện Kiến nói: Cũ nghĩa là: Dưới đến tọa cụ không cần gấp thêm vào.

Luật nói: không phạm là cắt lấy gấp vào tọa cụ cũ, nếu người kia tự không có chỗ, lại làm cái mới (phải có được chỗ như luật luận trên). Nếu làm cho người khác, hoặc được, hoặc loại thành rồi, hoặc thuần là cũ làm lại thì không phạm.

### ***Giới thứ mười sáu: Mang lông dê quá hạn***

Có bốn duyên thành phạm:

1. Là lông dê tốt, trừ loại rẻ.

Luật nói: Lông đầu, cổ, chân không phạm.

Luật Tăng-kỳ nói: Mang lông lạc đà, lông con rái cá, lông heo phạm việT Tỳ-ni, thành đồ dùng không phạm.

Luật Ngũ Phần nói: Cho dùng lông lạc đà dồn làm mền.

2. Là vật của mình

3. Tự mang

Luật Tăng-kỳ nói: Cả ba người cùng có, mỗi người mang chín dotuần, gánh nặng đều phạm.

4. Luật Tứ Phần nói: Nếu đi đường được lông dê nên lấy tự mang đến ba dotuần, nên sai người mang đến chỗ kia.

Nếu ở giữa chỗ đó không được giúp, nếu mang thì phạm Đột-cát-la. Sai bốn chúng Tỳ-kheo v.v... cũng phạm. Nếu mang y khác, hoặc gai v.v... đều phạm Đột-cát-la. Hoặc vác vật quảy trên đầu gây cũng phạm Đột-cát-la. Hoặc mang những thứ trang sức mịn, dây mịn và lông chỗ khác, hoặc làm mũ, làm khăn v.v... thì không phạm.

**Giới thứ mười bảy: Sai Tỳ-kheo-ni không bà con giặt nhuộm lông dê:** chế ý duyên phạm, đồng với giới giặt y.

Đa luận nói: Vì làm Tăng thượng Phật pháp nên Phật chế ra.

Nếu các chúng Tỳ-kheo-ni nhận việc giặt nhuộm, bỏ bê việc tu tập chánh nghiệp, chính là không có oai nghi, phá pháp tăng thượng.

Lại đình chỉ pháp ác, nhân duyên thứ lớp, mỗi mỗi làm cho thanh tịnh. Ngoài ra như trong số có nói.

**Giới thứ mười tám: Chứa tiền của báu.**

Đa luận nói: Đức Phật chế giới này có ba điều lợi

1. Vì dứt sự phỉ báng
2. Diệt sự tranh cãi
3. Vì thực hành tiết kiệm, thành tựu thánh chủng

Báu là tám thứ của bất tịnh. Lại nhân đây chia ra bốn môn.

1. Nêu số bày lỗi
2. Khai chế khác nhau
3. Kết tội nặng nhẹ
4. Trao đổi tội nhiều tội ít qua lại

Trong phần nêu số:

1. Ruộng vườn rừng nhà
2. Trồng các loại cây
3. Cát chứa lúa, lùa
4. Nuôi kẻ tội tó
5. Nuôi loài cầm thú
6. Tiền, của, vật báu
7. Mền nệm, búa khoan
8. Vàng, trang sức và các vật quý

Tám thứ này kinh luận và luật nêu nhiều thông số. Hiển lỗi không đúng thứ lớp so sánh thuật đủ như trên, không trích trong kinh Phật. Hai là nói về lỗi. Các giới không chế ra đối với người thế tục. Chỉ có ở đây, làm cho đạo tục đều giữ gìn. Thấy người chứa cất biết chẳng phải là đệ tử Phật.

Trong kinh luật: Đề nói Sa-môn có bốn hoạn lớn chính là giới này. Nếu có người cất chứa thì chẳng phải đệ tử ta.

Luật Ngũ Phần cũng nói: Nhất định không tin pháp luật của ta cũng do tám loại này, đều làm lòng tham thêm lớn, làm hư hoại đạo pháp, ô nhiễm phạm hạnh, có đắc quả uế gọi là bất tịnh. Ngoài ra, như trong chánh giải.

Hai là nói về khai cho chứa, trong kinh nói cấm trọng như ở sau nói rõ. Trong luật về việc cơ nhỏ ý hẹp nên phân nhiều cho khai chứa trong loại bất tịnh thứ nhất. Do đó, ngăn đạo người khác thì không khai cho.

Một cửa phòng nhỏ có đường thiết yếu, nhờ vào ở trên khai cho chứa.

Tỳ-ni Mâu nói: Tất-lăng-già được người trong nước cúng dường rất nhiều. Một là ngôi chùa nhỏ, lưới võng, xe kiệu, lừa, v.v... cất giữ tất cả những thứ đó để sửa sang lại chùa viện Đức Phật khai cho thọ nhận.

Trong luật Tăng-kỳ chép: Vì chúng tăng cho nên được nhận.

Luật Thiện Kiến chép: Nếu có cư sĩ cúng dường ruộng đất, cúng riêng cho người khác thì không được lấy, nếu cúng dường cho chúng tăng thì được nhận.

Trong Đa luận nói: Nếu có Đàn việt muốn xây dựng phòng lớn nên chỉ bày cho họ hiểu rõ, khiến xây cất phòng nhỏ tùy theo pháp biết đủ. Nếu muốn làm phòng chứa được nhiều người thì nên làm, không nên trái ý.

Luật Ngũ Phần chép: Có người cúng dường ruộng vườn, nhà cửa, quán tiệm cho chúng tăng thì cho nhận, nhưng phải bảo cho tịnh nhân biết.

Luật Thiện Kiến chép: Nếu có người đem áo cúng dường chúng tăng, cung cấp đồ giặt giũ và tất cả chúng sinh, cho phép sử dụng, tùy theo ý muốn được thọ dụng.

Hai là trồng trọt, cắt tỉa, như trong luật Tăng-kỳ chép: Vì tăng kinh doanh việc đó thì được, còn vì người khác thì chẳng khai, tức trong pháp làm như nhà người, tự mình trồng hoa hay dạy người khác trồng hoa tất cả đều không được. Trừ cúng dường Phật pháp tăng, ngoài ra như Tạp pháp nói.

Ba là cất chứa lúa thóc, lúa là. Kinh Bảo Tích chép: Mát mùa thiếu thốn thì lấy ra ba mươi thạch lúa, rút ra từ kinh Thiện Sinh, ta tự mình nhận được hai bản tánh chân và ngụy đều không, cả nước truyền mộng.

Kinh Niết-bàn chép: Thanh Văn tăng không có việc chứa để tất cả các thứ như: tôi tó, sứ giả, kho tàng, lúa gạo, muối, chao, hồ ma và các thứ đậu lớn nhỏ. Nếu tự tay làm, tự mài, tự giũa, tất cả đều phi pháp. Nếu có nói thì nói Đức Như lai cho phép chứa vật phi pháp, thì lưới sẽ bị rút lại.

Trong luật Tăng-kỳ nói: Nếu Tỳ-kheo khi mua lúa, bấy giờ tự nghĩ, sau này sỡ đất, nay mua lúa này, ta sẽ nương vào đó mà được tụng kinh, ngồi thiền, hành đạo, thì chẳng nói nhiều ít. Y cứ theo lương thực trong một mùa hạ, cũng tùy thời là lo liệu về sự đầy đủ hay thiếu thốn kia. Muối thì y cứ vào lượng thóc trước, gia pháp trong tận hình được cũng được.

Trong bốn luật nói: Tỳ-kheo khát thực được lúa, mì nhiều, ít, ban phát đậu, gạo tẻ, Đức Phật khai cho nhận, để vào trong túi, cần phải tịnh thí. Cho nên, trong văn nói: các Tỳ-kheo trên đường đi được thức ăn, nên mang về chia cho tịnh nhân cùng hưởng, quyển sáu có nói đầy đủ về pháp thuyết tịnh.

Phần bốn là nuôi các tội tở. Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: Trưởng giả đem con gái cúng dường Đức Phật, Ngài không nhận, nếu Ngài nhận thì dần dần sinh ra tội nặng, nhân đó nói về lỗi của la-sát nữ.

Luật Tăng-kỳ: nếu có người nói, cúng dường tội tở cho chúng tăng, hoặc cúng dường người đi sứ, hoặc cúng dường người làm vườn, tất cả không được nhận. Nếu cúng dường tịnh nhân để lo liệu cho chúng tăng, thì người khác được nhận. Nếu cúng dường Ni tăng cho đến người khác trái lại ở trước, chỉ nói nữ tịnh nhân là khác, ngày nay các chùa phần nhiều nuôi người nữ, hoặc mua bán tội tở. Trong đó uestap làm sao có thể được? Đâu chỉ phạm giới dâm trộm cấp cũng không phạm. Đã biết điều Đức Phật chế ra mà không cho phép, tất cả há cường lại hay sao!

Luật Tăng-kỳ có chép: Tất-lăng-già ở trong xóm làng kia, tự lấy đào đất làm phòng, vua cùng người sứ ba lần ngăn cản nhưng ông không chấp nhận, nói: Nếu trọn đời giữ gìn năm giới, vâng theo trai tịnh, sau sẽ nhận.

Trong luật Thập Tụng chép: Giữ chùa Trúc Viên có năm trăm người. Trong thành Vương-xá cũng có mười hạng người cúng dường không có phước.

1. Cúng dường người nữ.
2. Cúng dường đồ chơi.
3. Cúng dường tượng vẽ trai gái giao hợp.
4. Cúng dường rượu.
5. Lời nói phi pháp.
6. Cúng dường vũ khí.
7. Dao lớn.
8. Thuốc độc.
9. Trâu dữ.
10. Dạy người khác làm.

Như thế trong phần bố thí năm thứ súc sinh, trong luật nói Tỳ-kheo nuôi mèo, chó, cho đến các loài chim thú đều không được.

Luật Tăng-kỳ nói: nếu có người cúng dường tất cả chúng sinh cho chúng tăng, chúng tăng đều không được nhận. Chúng sinh đó là: Ngựa lừa, heo dê, hưu nai, tất cả các loại như thế, ngoài ra còn có chim thú rừng. Nếu thấy Tỳ-kheo không nhận bèn nói: “Tôi sẽ giết nó”, thì nên nói làm cho họ tự thí cho cỏ nước để



chăm sóc chúng, không để bị thương tổn, không được chặt cánh, nhốt chúng vào lồng. Nếu chúng có thể bay đi kiếm sống thì thả đi, chớ bắt.

Luật Thiện Kiến chép: Nếu cúng dường trâu dê không được nhận, hoặc nói cúng dường năm món như sữa chua, v.v... thì được nhận, ngoài ra tất cả súc sinh cũng như vậy.

Trong kinh Niết-bàn chép: pháp của Tỳ-kheo, không được mua bán các thứ để mưu sinh, Già Luận nói vì xây tháp được nhận lạc đà, ngựa lừa. Nay có người cúng dường súc vật cho chùa mà Tri sự có người bán cũng đều không hợp với Thánh giáo.

Bộ Thập Luận chép: Nếu có người cúng dường ruộng vườn, đất đai cho bốn phương tăng không cùng tịnh nhân giữ giới, ngược lại cùng tịnh nhân phá giới. Tự ý thọ dụng và ăn chúng với người tại gia. Do đây mà cư sĩ sát-lợi đều đọa vào địa ngục A-tỳ.

Nhật tạng phân chép: Ở trong giáo pháp của ta giả sai làm giáo pháp như: Bắt đầu từ một người cho đến bốn người, không cho nhận vật của thường trụ tăng như ruộng vườn, nhà cửa, cây kiềng, xe cộ, ngựa, tôi tớ, v.v... Nếu đủ năm người mới được nhận, kinh Đại Tập cũng nói giống như vậy.

Luật Tứ Phần dựa vào trong giới bốn mà khai, người già bị bệnh được nhờ người nam, người nữ, người gần gũi, đúng như pháp chăm sóc bệnh.

Trong luật Tăng-kỳ nói: Nếu nương vào thuyền, xe, trâu, ngựa, v.v... người không bệnh không được dùng, chỉ có người nhờ thuyền đi qua sông được lục súc, tiền bạc, của báu. Nếu muốn tự ý cất giữ thì không được. Nếu muốn tịnh thì cho người khác, y theo văn luật mà khai. Trong luật Tăng-kỳ, Thập tụng và Thiện Kiến có nói. Nếu người bệnh thì được thọ, bảo tịnh nhân cất giữ, vì để đổi thuốc. Nếu có nhiều người cúng dường thuốc giá trị bằng tiền được đặt ở dưới mền, khi mắt chưa thấy, tay dụng vào đều không phạm. Lại nói: phu nhân Mạt-lợi cúng dường tiền cho tăng vào ngày Bố tát, Đức Phật cho phép nhận. Y cứ theo nghĩa giao cho người khác. Lại cư sĩ đưa tiền bạc cho chúng tăng làm chùa, nhà ăn, vườn rau, Tỳ-kheo không được nhận. Nếu nhận phạm tội Đột-cát-la, nên giao cho tịnh nhân chia theo đầu người. Nếu cúng dường làm thức ăn, y phục, thuốc thang, ngọa cụ cũng không được tự nhận. Nếu nhận sau đó may y phục dùng phạm tội Đột-cát-la, nên giao cho tịnh nhân.

Trong kinh Tạp A-hàm nói: Từ nay về sau, cần cây trực tiếp xin cây, cho đến cần công nhân, v.v... cũng trực tiếp xin. Cần thận đừng vì mình nhận lấy vàng bạc, của báu, thế nói thẳng ra để cho mọi người hiểu rõ luật Tứ Phần.

Bốn luật nói: nếu vì làm phòng ốc, xin gỗ, tre, rơm, vỡ cây thì được nhận, không nên vì mình mà nhận (nếu vẫn không rõ nên dẫn kinh rõ hơn), ngoài ra hiểu đúng như vậy.

Ở mục bảy cho phép cất giữ nhiều vật. Trong Tỳ-ni mẫu chép: Người khác cho phép nhận khắc chạm giường lớn, chỉ trừ vàng bạc, châu báu. Nếu là nệm bông cho người khác thì được, luật Thập Tụng khai cho nhận.

Tỳ-ni mẫu, luật Tứ Phần nói: Các thứ như nệm, v.v... cúng cho người khác thì cho phép nhận. Rộng ba khuỷu tay, dài năm khuỷu tay, giữ gìn tịnh thí. Nếu có người cúng dường tất cả cho người khác như sắt, ngói, bình, v.v... bồn bằng đồng, mũ bằng đồng, v.v... thì được nhận.

Tám là Đức phật không khai. Trong luật Thiện Kiến chép: không được cầm giữ tất cả lúa, trừ gạo. Nếu có người cúng dường vũ khí, chúng tăng nên hủy bỏ, không được bán. Nếu là nhạc khí không được giữ, được phép bán.

Trong kinh tạng nhất A-hàm chép: nếu được vàng bạc, châu báu của thí chủ, chú nguyện xong nên trả lại cho thí chủ.

Kinh Niết-bàn chép: Nếu có người nói: Như Lai thương xót tất cả chúng sinh khéo biết đúng thời giảng nói, nhẹ cho là nặng, nặng cho là nhẹ, quán xét biết các đệ tử ta, có người cung cấp đầy đủ những đồ cần dùng không thiếu, người như thế Đức phật không cho phép chứa tất cả tám vật bất tịnh. Nếu những đệ tử không có người cung cấp, bấy giờ đói khát, thức ăn uống khó được, vì muốn hộ trì, xây dựng chánh pháp, ta cho phép các đệ tử thọ nhận các tội tứ, vàng bạc, xe cộ, ruộng vườn, nhà cửa, lúa gạo, bán đổi những thứ cần thiết. Tuy ta cho phép chứa những vật như thế, nhưng phải tịnh thí, một lòng tin tưởng đàn việt, bốn pháp như thế cần phải y chỉ, ta dùng nhục nhãn nói bốn pháp là chỗ cần nương cho chúng sinh, cuối cùng không dùng tuệ nhãn nói. Nếu có người nói ở trong tạng nhưng ngược lại lời nói trên cũng không nên nương theo. Lại nói về tám bất tịnh tài.

Phần mười văn chỗ khác đều hủy phá không cho giữ y phục. Lại nói: Nếu Ưu-bà-tắc biết Tỳ-kheo này phá giới thọ nhận chứa tám pháp, không nên cúng dường, lại không nên duyên vào áo cà sa cung kính lễ bái. Nếu cùng làm việc tăng chết sẽ đọa địa ngục.

Trong kinh Thập Luận chép: Y cứ vào người không biết trì, phạm đều phải cung kính.

Kinh Niết-bàn chép: Trọn đời không dùng giáo lý cùng tội, cũng được vì hộ pháp, mà điều nhỏ nhất không cần.

Phần ba nói về tội chứa đồ nhẹ hay nặng: Trong phần tám, nếu lấy sáu, bảy tiền bạc, mệm mền phạm tội xả đọa, vì trái với tịnh thí, ngoài ra phạm Đột-cát-la, dù chứa đồ cũng thiếu.

Bốn là trao đổi nhẹ nặng: Nếu đem tám thứ này đổi y phạm tội xả đọa. Lấy y thì còn được vật quý giá, đem cũng phạm xả đọa. Nếu được sáu thứ khác phạm tội Đột-cát-la. Nếu lấy y báu trao đổi cho nhau đều phạm tội xả đọa, trao đổi sáu thứ khác phạm Đột-cát-la.

Phần sáu tự trao đổi cho nhau phạm Đột-cát-la, người được y báu đều phạm tội Đê-xá-ni. Đây nghĩa là thêm, bớt cho người phạm tục, với năm chúng phạm tội nhẹ.

Trong Đa Luận nói: Nếu thuyết tịnh tiền bạc, châu báu, sau đổi y phục của làm ba y, bình bát, xếp vào trong số một trăm lẻ một vật, thì không cần thuyết tịnh. Ngoài ra phải nói, nếu người phạm tội phải ở trước tăng sám hối, đã lấy tiền bạc châu báu, trao đổi y phục của cải và một trăm lẻ một vật, không cần bỏ nó, vì đã tịnh thí, ngoài ra thành y hay không thành y, tất cả thuyết tịnh không phạm tội, giải thích đúng như giới bốn. Đây là giới chứa của báu thứ 9.

Mười là giới cầm giữ châu báu, văn chép: Tay cầm nắm là ý thời khác. Đầy đủ bốn duyên thành phạm:

1. Tiền bạc, châu báu
2. Biết đúng
3. Vì mình
4. Nhận lấy liền phạm.

Đây là một giới mà người bị bệnh này thì nhiều, nhưng bên trong không có lòng cao thượng, bên ngoài thành bỉ ổi, không nhớ lời dạy của bậc Thánh, nghiêm trì một cách mạnh mẽ, chỉ vì tham sân si từ vô thi.

Trong bốn luật nói: Chẳng phải đệ tử ta, y cứ vào đây mà phá giới này.

Lại nói: Đức Phật bảo vị Đại thần: Nếu thấy Sa-môn, Thích tử cho ta là thầy, mà nhận vàng bạc, tiền, châu báu, thì nhất định biết chẳng phải Sa-môn, Thích tử.

Lại, kinh Tạp A-hàm nói: Nếu là Sa-môn Thích tử, người tự nhận cất chứa, nên biết công đức năm dục sẽ thanh tịnh.

Lại, Tăng Nhất A-hàm nói: Sách thuật của phạm chí, nếu Như lai không được nhận châu báu, cho nên lược dẫn nhiều văn, chứng minh thành thật chẳng lạm dụng. Phật, Thế tôn muốn đệ tử mình tăng thượng, nếu bỏ nghiệp thô bỉ, xa lìa ba cõi, được gần gũi với khuôn phép ở đời. Ngày nay trái lại tự mình rơi xuống hố, tự chứa, tự giữ, người lái buôn nhanh chóng vào chợ, tin mù mờ về Phật pháp, lại tự khoe khoang vọng bầy pháp luật nói. Chỉ cần tâm không tham lam, đâu thể phạm tội. Người phát ra lời này tự đánh mất mình, không nghĩ suy, ở địa vị thấp hèn này mà khinh chê bậc thánh, một phần lợi lộc còn tính toán, không bằng kẻ phạm tục ần dật, đâu khác gì trí tuệ của con bò, con ngựa, chống lại người tài năng, không khác tài năng của con bướm bay vào đồng lửa. Đâu chỉ vì cất chứa, nắm giữ, tham lam là nguồn gốc mới sinh ra trộm cắp, lược thuật ra để răn dạy người có trí tuệ, đứng trước hoàn cảnh phải suy nghĩ kỹ càng.

Trong kinh Niết-bàn chép: Nếu xa lìa được tám pháp răn độc, đó là ruộng phước thánh chúng thanh tịnh, đáng được trời người cúng dường. Quả báo thanh tịnh nhục nhãn chẳng thể phân biệt được. Lại nói: Tỳ-kheo Kỳ-hoàn không cho nhận vàng bạc, cùng ở chung chỗ thuyết giới tự tứ, uống nước trong một sông, vật lợi dưỡng đều không cùng với họ. Nếu người cùng việc tăng, sau khi qua đời đọa đại địa ngục.

Luận Trí Độ nói: Bồ tát xuất gia vì giữ gìn giới không chứa tài vật, vì giới là công đức cao quý hơn việc bố thí.

Lại Văn dưới quyển 11 của kinh Niết-bàn chép: Bồ-tát trọn đời chê bai giới, thì không khác với tánh, rộng ra có văn rõ, người giữ giới trọn đời tức đã được bạch bốn lần yết-ma, các văn như thế thường phải đọc kỹ.

Luật Tứ Phần chép: Về tiền, có tám thứ tiền như vàng, bạc, v.v... giống như văn trên.

Luật Tăng-kỳ chép: làm sinh màu sắc, tự màu sắc đều được cầm nắm. Sinh sắc, vàng giống như màu sắc bạc, tiền tùy theo nước sử dụng, tất cả không được cầm giữ, cầm giữ phạm tội đê-xá-ni, nên ở trong tăng sám hối.

Đa luận nói: có bảy thứ châu báu như: vàng, bạc, ma ni, châu báu, san hô, xa cừ, mã não, lấy phạm tội xả đọa. Chẳng phải tự tay lấy, đúng như pháp thuyết tịnh không phạm. Nếu như châu báu, đồng, sắt, hổ phách, thủy tinh, ngọc châu, du thạch, v.v... vì người lấy năm thứ để giữ gìn phạm Đột-cát-la, không nên tự mình lấy, đúng như pháp thuyết tịnh thì được, nếu cất giữ ít vàng giống tượng vàng, tự trao châu báu cho người khác đều phạm Xả đọa. Không phạm giới này, là giống như châu báu xếp vào một trăm lẻ một vật, không cần tác tịnh, đều được giữ một vật, ngoài một trăm lẻ một vật ra đều là vật quý. Nếu không xếp vào một trăm lẻ một vật, thuyết tịnh cũng như trước.

Trong Luật Tăng-kỳ chép: Vật bất tịnh như vàng, bạc, tiền thì không được đụng vào, còn các châu báu khác được lấy, nên gọi là Tịnh. Không được đấm trước nên gọi là bất tịnh. Nếu vật bất tịnh mà tự nắm giữ, hoặc bảo tất cả mọi người nắm giữ đều phạm Đê-xá-ni. Nếu thành tựu cõi nước không dùng phạm tội Việt Tỳ-ni. Nếu được tiền và giá trị y an cư, không được tự tay lấy mà bảo cho tịnh nhân biết, không có người chỉ đất ở bên chân mà nói: “Biết trong đó dính đất”, tự mình lấy lá, gạch, ngói v.v... ném ra xa, lấp lên trên. Sau đó, đưa tịnh nhân đến bảo cho biết rồi mang đi, người không đáng tin bảo họ đi trước. Nếu người tin được, thì tùy ý sử dụng. Luật Tứ Phần trong đó xả bỏ, bảo người đáng tin đến rồi nói. Đây là vật của tôi, không phải của ông, nên biết như vậy. Nếu người kia trả lại cho Tỳ-kheo, nên coi là vật của người kia, cho nên bảo tịnh nhân giữ nó. Nếu người kia là Tỳ-kheo trao đổi y bát, v.v... nên giữ gìn trao đổi thọ trì. Nếu Ưu-bà-tắc kia nhận rồi cho Tỳ-kheo tịnh thì y bát, nên nhận giữ gìn nó. Nếu không nói cho người kia biết để trông nó thì phạm tội Đột-cát-la.

Trong luật Tăng-kỳ chép: Nếu người biết việc của Phật, pháp, Tăng, có tiền bạc, châu báu muốn đưa cho giữ, nếu là đất hoang thì bảo cho tịnh nhân biết, vùng đất chết chỗ ngăn che thì sai Tỳ-kheo đào. Nếu tịnh nhân là người không đáng tin, mắt xoay ba vòng, sau đó, biết là đất ở trong hố tiền, nếu rải rác thì được lấy gạch ngói ném vào, làm như vậy xong, như trước xoay mặt ba vòng sai đi, về sau khi cần thì làm như phương pháp trước, đến chỗ tiền của vật báu, tịnh không đáng tin, lại xoay mặt ba vòng, tương lai lấy nó. Nếu thí chủ làm bát vàng, bảo Tỳ-kheo thọ dụng vì được phước nên phải giữ gìn, lúc mang thức ăn đến, duỗi tay ra lấy bát nên nói nhận, nhận, nhận, nói ba lần xong rồi ăn, không được đụng vào xung quanh bát, khen rồi đưa tay nắm giữ. Đây là trong giới 90 ở sau.

Trong Đa luận nói: có năm cách nhận:

1. Dùng tay nhận
2. Dùng y nhận
3. Dùng bình nhận
4. Nói đấm trước ở trong đó
5. Nếu nói cho tịnh nhân đều phạm xả đọa.

Ba chúng dưới không được cất chứa, cất chứa phạm Đột-cát-la. Luật Tăng-kỳ chép: Hoặc thân, hoặc tất cả phần thân, cho đến tay, chân v.v... nếu thân tương tục nghĩa là buộc chỗ ba tà áo cho đến trong bình bát đều phạm tội xả đọa.

Trong Đa luận chép: Có năm loại vật quý

1. Châu báu quý trọng
2. Giống như châu báu
3. Nếu y, y tài, ứng lượng trở lên.
4. Tất cả không ứng lượng y và y tài .
5. Tất cả lúa gạo.

Châu báu quý trọng xả bỏ cho tịnh nhân đồng ý, tội phải sám hối trong tăng, nếu là tiền bạc, vật báu thì Tỳ-kheo không được chứa, nếu ở trong tăng lần lượt hành thuyết tịnh, các thứ giống như châu báu khác và trong số một trăm lẻ một vật, cùng đồng ý với tịnh nhân xả bỏ tất cả, phạm tội Đột-cát-la, phải sám hối ở trong tăng.

Thuyết tịnh về tiền bạc, châu báu có hai cách: Nếu người tại gia mang đến cúng dường Tỳ-kheo. Tỳ-kheo nói: Vật bất tịnh này tôi không nên giữ gìn, nếu thanh tịnh thì nên nhận, liền nói tịnh. Lần thứ hai, tịnh nhân nói đổi cất giữ vật thanh tịnh, liền nói tịnh. Nếu hai bên không nói nhận phạm tội xả đọa, nếu xả thì cho người tại gia, không được cho Sa-di.

Luật Tăng-kỳ chép: Mục-liên dẫn Sa-di Chuyên-đầu đến ao Anậu-đạt, lấy vàng, đá vụn định rải xuống nơi nào Phật tắm, cho đến Tỳ-kheo lâu năm, dẫn Sa-di trở

về làng cũ, quyến thuộc vì khát thực không được thức ăn, cột tiền trong áo ở giữa đường, đồng thời phi nhân đi vòng quanh bên trái, vì bụi bặm nên chửi rửa đây không may mắn, mỗi việc đã rõ ràng đều khiến cho bỏ. Phi nhân lễ bái, nhiều quanh bên trái mà đi qua, giống như ở đây có thể trừng trị, cho nên gặp nhau âm thầm trách móc, như loại thần sông quở trách. Ngoài ra, có người chưa sám hối chắc chắn sẽ bị giết, cùng một loại như nhau.

Trong luật nói không phạm, khai duyên như trên. Nếu người kia không chia cho y, Tỳ-kheo khác nên nói. Đức Phật có dạy: Vì thanh tịnh nên cho, nên trả lại người khác, nếu lại không cho thì tự mình đến nói. Đức Phật dạy Tỳ-kheo, thực hành pháp tác tịnh nên cho ông không trả lại ta, vật này nên cúng dường chúng tăng, tháp Hòa-thượng, bậc tri thức và thí chủ cũ, vì không muốn mất tín thí kia.

### ***Giới thứ mười chín: Trao đổi châu báu.***

Trong Đa luận chép: Đây là thuyết tịnh châu báu, trao đổi cho người khác để cầu lợi, khi cho người khác phạm tội xả đọa. Ở đây cho trao đổi y có năm loại khác nhau, như giới có nói.

Trong luật nói: Vì lấy tài vật đổi tiền bạc, châu báu cho nên phạm.

Nhưng không có y và thức ăn là khác. Có năm duyên thành phạm:

1. Là tiền bạc châu báu
2. Trao đổi qua lại
3. Quyết định giá cả
4. Vì mình
5. Thọ liền phạm.

Luật Ngũ phần chép: Nên đổi trước tăng sám hối, không hướng đến trước một, hai người thì trong luật nói không phạm. Nếu lấy tiền đổi anh lạc đều vị Phật pháp, tăng. Nếu đem tiền đổi tiền cũng vì Phật, pháp, tăng thì được.

### ***Giới thứ hai mươi: Mua bán***

Trong Đa luận nói chế ý có bốn nghĩa:

1. Vì làm cho Phật pháp tăng thượng
2. Vì ngưng đấu tranh
3. Vì thành tựu bốn thánh chủng
4. Vì làm tăng trưởng lòng kính tin, không sinh phi báng.

– Trong luật nói có sáu duyên thành phạm:

1. Hai chúng tại gia
2. Trao đổi với nhau
3. Quyết định giá cả

4. Vì mình .
5. Tự mình trao đổi
6. Lãn thọ liền phạm.

Trong luật bảo tịnh nhân trao đổi, y cứ theo hai bộ khác mà khai. Luận Tứ Phần chép: Trao đổi thuốc men, tranh giá cả chân thật, tăng lên giảm xuống đều phạm.

Đa Luận chép: Ở đây buôn bán phạm Xả đọa, lệnh này nặng nhất trong tất cả Xả đọa, thà làm người giết mổ. Vì sao? Vì người giết mổ chỉ hại một đời, còn mua bán tất cả đều hại, bất luận kẻ tặng người tục, ngu hiền giữ giới hay phá giới, không đến, không khinh khi, thường khởi tâm ác độc.

Nếu chứa đê lúa thóc, thì thường mong thiên hạ đói khổ tai họa, như sương muối, mưa đá, v.v... Nếu chứa đê thì thường muốn cho khắp nơi phản loạn ngăn đường, vua đi trở ngại, phần nhiều mắc lỗi này. Mua bán tài vật này làm tháp, tượng thì không được lễ bái.

Lại nói: chỉ nghĩ là Phật mà làm lễ, giả sử làm thức ăn cho chúng tăng và phòng của bốn phương tăng thì tất cả không được ở, Tỳ-kheo giữ giới, không nên thọ dùng, thọ thì phạm tội, nếu chết thì được, yếtma phân chia. Sở dĩ như vậy, vì nghiệp mua bán này tội lỗi sâu nặng. Nếu lúc còn sống, chúng tăng được dùng, Tỳ-kheo này nói: Tuy mua bán có tội, còn được làm phước, làm mãi không thôi. Nay không cho phép tặng thọ dùng, không cúng dường ruộng phước cho tăng. Về sau phạm tội nặng vì nhân duyên này, không dám làm nữa.

Tỳ-kheo đã chết, không người quản lý, cho nên được phân chia. Nếu buôn bán thức ăn uống phạm tội Xả đọa. Người làm y mà đấm trước phạm tội Xả đọa, làm ngọa cụ tùy theo sự chuyển biến phạm Xả đọa, cho nên kết tội nặng.

Ngũ Bách Vấn chép: Chữa lành bệnh mà được vật người khác thì phạm tội xả đọa. Nếu khốn cùng không có thức ăn, bảo người tại gia làm thức ăn, đạo sĩ trị bệnh, bạch trong chúng rằng. Đây chẳng phải vật của ta, người được thức ăn không phạm tội Xả đọa. Nếu bố thí cho người thế tục, người thế tục cúng dường chúng tăng không phạm.

Trong luật Tăng-kỳ chép: Nếu khi mua lúa, nghĩ sau này lúc thóc mắc sẽ bán ra, lúc mua phạm tội Việt Tỳ-ni, lúc bán phạm tội Xả đọa. Nếu sợ sau này giàu, định tự mình đi khất thực. Đến lúc lúa đắt, ăn lâu dài, hoặc làm công đức cho chúng tăng. Ngoài ra bán để được lợi thì không phạm. Các loại cỏ thuốc, v.v... cũng như vậy, (y bát không vì lợi, sau này bán không phạm).

Luật Thập Tụng chép: Nếu tương tự đối tương tự, trao đổi các thứ như y bát, bồn tắm, bình, móc cửa, bốn loại thuốc, trao đổi qua lại.

Không tương tự là: Đem y đổi bát tất cả phạm Xả đọa. Nếu xả bỏ tài vật, tiền bạc mua lúa, hoặc dùng lúa mua vật. Nếu để ăn thì mỗi miếng phạm một Đột-cát-la. Có thể làm y mà đấm trước phạm Đê-xá-ni.

Bộ Ngũ Bách Vấn hỏi: Có cầu lợi, mua bán, làm phước có tội hay không?

Đáp: Người này không tránh khỏi địa ngục, hưởng chi được phước, không theo lời Phật dạy, cho nên chẳng cúng dường. Trong Luật Tứ Phần nói: ba việc mua bán, chỉ vì lợi cho nên mua bán đều phạm tội Xả đọa.

Luật Thập Tụng chép: Nếu y của chúng tăng, chưa xướng ba lần thì được tăng giá cả. Nếu xướng ba lần rồi không nên tăng, vì thuộc về người khác. Nếu trong chúng xướng ba lần được y, thì dù hối hận cũng không nên trả lại.

Luật Thập Tụng chép: Nếu mua bán phải sám hối người đối diện, trong bảy ngày thì trả lại, nếu quá thì không nên trả. Văn luật Tứ Phần không rõ ràng, đây là mua bán riêng.

Luật Ngũ Phần chép: Lúc bảo tịnh nhân đổi nên có tâm niệm, thà người kia được lợi mình, mình không nên được lợi người kia, Tỳ-kheo trao đổi với chúng tăng, phải theo người nên bảo giá cả phải chăng. Sau đó trao đổi, nếu nghèo không thể cùng dường chúng tăng, thì cần phải biết bậc hiền thiện, khéo biết đủ cho phép cúng dường thẳng.

Trong phần y pháp của luật Tứ Phần: Ý có giá đắt, sai tịnh nhân trao đổi, không có tịnh nhân cho đến bảo Tỳ-kheo trao đổi, theo đây mà khai. Nếu có tịnh nhân cũng chế cho tội.

Luật Tăng-kỳ nói: Nếu tự mình hỏi giá cả, hoặc sai người hỏi giá cả, nói lời bất tịnh, tranh giá cả cao thấp đều phạm tội Việt Tỳ-ni. Nếu được vật phạm xả đọa. Bốn thứ thuộc tùy theo vật nhẹ hay nặng, vật tịnh hay bất tịnh, tất cả trao đổi cho nhau phạm tội Đề-Xá-Ni. Cho nên có ý trên, giá cả đã định, Tỳ-kheo mang giá tiền đến cho chủ vật, lắc đầu làm tướng cho, Tỳ-kheo cũng phải nói đây biết vật này. Nếu khách bán vật giá trị năm mươi mà đòi một trăm tiền. Tỳ-kheo năm mươi tiền cho biết nó, người cầu như vậy chẳng gọi là thấp. Nếu người trước muốn mua vật này, Tỳ-kheo không được tịch thu ở chợ. Nên hỏi: Ông dừng chưa?

Nếu đáp rằng: Tôi đã dừng, thì Tỳ-kheo mới nói: Tôi dùng giá tiền này để mua vật này được không?

Tỳ-kheo tự trao đổi hay tịch thu ở chợ phạm tội Việt Tỳ-ni. Nếu mua vật trong chúng tăng được giá trên thì lấy. Nếu Hòa-thượng A-xà-lê lấy không được sao chép lại trên. Nếu doanh sự, mướn thợ nói lời bất tịnh, cho đến vì chúng tăng hằng tháng đến chợ xin dầu, mì, v.v... nói lời bất tịnh phạm Việt Tỳ-ni, tự mình được vật trong tay phạm Xả đọa. Nói tịnh, lấy giá cả vật đó, biết là tốt không nói lời bất tịnh, người phân biệt giá cả đòi bao nhiêu, v.v... nếu vật mua ở chợ bị người chê trách nói thật là vật của người trước, đây tốt, đây xấu, thô, tế, đầu xướng lớn, nhỏ, thơm, hôi, không có tội.

Ngũ Bách Vấn chép: Nếu tự mình nêu ra giá cả của vật, người đối diện tin tưởng quý lấy, nên phạm tội trộm.



Trong Luật Tăng-kỳ: Nếu thức ăn hết giữ lấy nhiều bơ, dầu v.v... nói lời bất tịnh phạm tội Xả đọa. Thuê người sửa giày da, nói lời bất tịnh phạm tội Việt Tỳ-ni. Nước trước cho thức ăn, sau trị, trước chữa trị, sau cho thức ăn không có tội. Cho đến hết thức ăn, mượn người chăm sóc cây cỏ, v.v... theo bộ Đa Luận trước như trong giới mua bán vật, hoặc phương tiện có tội, quả ban đầu không có tội. Như vì lợi ích mà chứa muối, lúa, sau được tâm tốt liền cúng dường chúng tăng làm phước. Hoặc quả ban đầu có tội làm phước như mua gạo không bán, sau thấy lợi mới bán, vì lợi mà thu vào tức là phương tiện không có tội. Nói được thì nghĩa là tất cả đều bỏ sám hối, trong luật không phạm, cho phép năm chúng xuất gia trao đổi với nhau, nên tự định đoạt, không chân thật với nhau như bọn lái buôn, không cho đổi chác với người khác, bảo tịnh nhân trao đổi. Nếu họ hối hận thì cho phép đổi lại. Hoặc bơ, dầu đổi chác với nhau không phạm, theo y pháp trên được bảo tịnh nhân làm. Nghĩa là y cứ theo lời người kia nói.

Luật Thập Tụng chép: Nói ba lần đòi không được, tìm tịnh nhân sai mua, tịnh nhân không biết chợ trao đổi, nên dạy đem những vật như vậy, mua vật đó, phải biết tốt xấu, người suy lường được không phạm, vật này rẻ vật kia đắt, có lợi không phạm.

### ***Giới thứ hai mươi một: Chứa bát dư quá hạn***

Có năm duyên thành phạm:

1. Trước có thọ trì bát
2. Lại được
3. Bát đúng pháp, chẳng phải bình dầu khác, v.v...
4. Bất tịnh thí. Luật Thiện kiến nói: Mua bát chưa trả giá tiền chẳng thành thọ. Chủ nói chỉ nhận cũng không thành nhận, không phạm tội dư. Nếu đã đặt ra giá cả, nung xong bảo lấy, nếu quá hạn thì phạm.
5. Quá mười ngày thì phạm, ngoài ra như giới chứa y dư.

***Giới thứ hai mươi hai: Xin bát***, có sáu duyên thành phạm:

1. Trước có thọ trì bát
2. Đủ năm chỗ hàn không chảy
3. Theo xin người chẳng phải bà con
4. Vì mình
5. Xin bát đúng như pháp 6. Lãnh thọ liền phạm.

Đủ năm chỗ hàn không chảy phạm Đột-cát-la, vì giảm bớt sự mong muốn, rộng ra như trong giới sớ. Trong luật nói không phạm: Đủ năm chỗ hàn bị chảy, chảy thì xin bát mới. Nếu xin người bà con, xin người xuất gia, hoặc xin người khác, người khác vì mình, không cầu mà được, tự mình mua cát giữ đều không phạm.

***Giới thứ hai mươi ba: Tự mình xin sợi tơ, sai người chẳng phải bà con dệt.***

Đa Luận nói: Có ba nghĩa để chế.

1. Vì trừ pháp ác
2. Dứt sự phỉ báng
3. Vì thành tựu bốn thánh chủng.

Có bốn duyên:

1. Tự mình xin sợi tơ
2. Sai người chẳng phải bà con dệt
3. Chẳng cho giá cả
4. Dệt thành thì phạm.

Trong luận Thập Tụng nói: Nếu vì không có y, xin tơ người không bà con, muốn làm y cũng phạm Đột-cát-la. Nếu thiếu y chỉ được xin y, thiếu sợi tơ chỉ được xin sợi tơ.

Luật Ngũ phần chép: Tự mình đi xin sợi tơ, thuê người dệt y cũng phạm tội Xả đọa.

Luật Tứ Phần chép: Nếu thợ dệt cho chỉ và người bà con cho thì không phạm, người cho chỉ dệt chẳng quen thuộc, xem thợ dệt kéo chỉ, tất cả đều phạm Đột-cát-la.

Không phạm: Nếu tự mình dệt làm túi đựng bát, túi đựng giày da, để kim đồ ngồi thiền, thắt lưng, làm mũ, làm vớ, lấy khăn trùm cho âm, khăn gói giày da, tất cả không phạm.

***Giới thứ hai mươi bốn: Khuyến thợ dệt tăng thêm chỉ sợi*** (nói về phạm có sáu duyên)

1. Cư sĩ không bà con tâm rộng lớn sắm sửa chỉ sợi sai dệt.
2. Thời gian có hạn
3. Biết có hạn
4. Khen dệt y tốt đẹp rẻ, trả thêm giá
5. Người kia làm thêm sợi tơ
6. Lãnh thợ liền phạm.

Trong Tứ Phần nói: Nếu xin y được phạm Đột-cát-la, không phạm là: giảm bớt sự mong cầu, hoặc xin người không bà con, xin người xuất gia, người khác vì mình.

***Giới thứ hai mươi lăm: Đoạt y, có năm duyên thành phạm:***

1. Đại Tỳ-kheo so với chúng dưới, v.v... chẳng phải hạnh loại.

2. Quy tắc đồng với hạnh.

3. Không được quyết định cho. Vì người trước quyết định lấy phần nhiều sinh phần nào. Hai câu trong bốn câu. Một nhận đều quyết định cho, hai quyết định cho và nhận phạm tội bất định. Nếu đoạt lấy phạm tội trọng, nếu nhận cho không lấy phạm Đột-cát-la.

4. Vì tức giận đoạt lại

5. Được thuộc vì mình.

Trong luật Tứ Phần chép: Không phạm là không tức giận nói. “Tội hối hận không cho cô y nữa, hãy trả y lại cho tôi”. Nếu người kia biết người này hối hận liền trả lại, nếu người khác nói liền trả lại, hoặc mượn y người khác đắp, người kia lấy y không có đạo lý, lấy lại thì không phạm, hoặc sợ mất, sợ hư, hoặc người kia phá kiến, phá giới, phá oai nghi, hoặc đáng bị diệt tận thì nên diệt tận, hoặc vì việc này có nạn mạng sống, nạn phạm hạnh, tất cả đoạt lấy không cất giữ.

***Giới thứ hai mươi sáu: Chứa thuốc quá thời hạn bảy ngày.***

Nói rõ thể trạng thuốc bốn tháng, lập nghĩa thêm pháp phải quấy, rộng ra như quyền hạ và giới bốn số có năm duyên thành phạm:

1. Thể thuốc bảy ngày, nếu tự tay lấy, tay lấy nhưng miệng chẳng nói.
2. Nói làm thì hai ngày nhận làm xong
3. Không thuyết tịnh
4. Chứa quá bảy ngày
5. Không có duyên có mà phạm.

Trong luận nói: Không phạm là: Nếu thuốc quá bảy ngày, lấy bơ, dầu trét lên cánh cửa, mật, mật ong cho người giữ vườn, đến ngày thứ bảy thì xả thuốc để cho. Còn thức ăn của Tỳ-kheo, nếu chưa đủ bảy ngày, trả lại cho Tỳ-kheo kia, Tỳ-kheo dùng để bồi chân, đốt đèn.

***Giới thứ hai mươi bảy: Quá thời gian trước xin áo tắm mưa, quá thời gian trước dùng để tắm*** (hai giới đều do quá thời gian trước cho, nên hợp lại chề ra).  
Quá thời gian trước xin có năm duyên thành.

1. Áo tắm mưa
2. Quá thời gian trước xin
3. Tự xin cho mình
4. Xin cho người khác
5. Lãnh thọ liền phạm

– Dùng quá thời gian trước thành bốn duyên

1. Là áo mưa
2. Trong thời gian thì được
3. Thọ quá thời gian trước.
4. Dùng quá thời gian phạm

Luật Tứ Phần: Y có mười loại, Tỳ-kheo dùng y này tắm mưa. Người kia nên đến ngày 16 tháng 3 xin áo tắm mưa, ngày 1 tháng nên dùng tắm. Nếu quá thời gian hai tháng xin dùng phạm xả đọa.

Luật Tăng-kỳ chép: Y này không được nhận, nhận phải ba y không được tịnh thí, không được mặc tắm trong ao hồ, lúc mưa nhỏ không được dùng, không được lỏa hình tắm, nên mặc xá-lặc, hoặc mặc y cũ khác, không được mặc làm các việc, không được mặc ở chỗ trống, nên giữ gìn, dùng bức màn che các việc không thấy y này, nghĩa giống như loài múa rối. Ngày nay không giống thứ ấy, giống như ba y dùng để đắp mặc.

Luật Tăng-kỳ chép: Thường dùng khoác tắm lúc mưa to. Nếu mưa từ sáng sớm mặc để ngăn vết nhơ, được mặc vào tắm trong các dòng nước khác.

Đa luận nói: ngày 16 tháng 3 nên xin, phải làm cho đến ngày 1 tháng cũng giống như vậy.

Cách chứa là: Được dùng tắm giữ gìn để đi đường, dài hai thước, rộng sáu thước, vì mùa hạ trời hay mưa cho nên được giữ ba y hộ thân. Nếu trên đường đi cảm thấy trời sắp mưa, lấy y này che thân. Nếu trên đường mưa lớn phải cởi ba y gấp lại, mặc y này đi, trong lúc mưa tắm để lộ thân hình cũng mặc y này. Nói lúc mặc y tắm này vì bị ướt khắp mình nên gọi là Dục, chẳng phải chỉ riêng mặc để tắm gội. Nếu mặc y khác tắm phải dùng nước dội lên y này, làm cho ướt, không được để khô phạm Đột-cát-la, do vì tắm mặc y này.

Trong luật Tăng-kỳ nói: Ngày 1 tháng dùng tắm, đến ngày 1 tháng 8 phải xả bỏ.

Luật Ngũ Phần nói: nếu quá hạn không may y khác, thọ trì tịnh thí không cho người khác phạm Đột-cát-la.

Luật Tăng-kỳ nói: Đến lúc xướng, Đại đức tăng xin lắng nghe:

nay tăng xả áo mưa, nói ba lần xong, không được để đến ngày 16 (y theo lúc nhận nay cũng nên xướng chung).

Luật nói không phạm là: Nếu xả bỏ làm việc khác, hoặc mặc tắm, hoặc giặt, hoặc phơi.

**Giới thứ hai mươi tám: Nhận y cấp thí quá thời gian trước, chứa quá lâu** (đó cũng là hai giới hợp lại chế ra, không giống một giới).

Quá thời gian trước có năm duyên thành phạm.

1. Y thí gấp, trong luật nói: Vốn là y an cư xong, vì nhân duyên khai cho nhận trước. Nếu nhận liền được, không nhận thì mất.

2. Biết là y thí gấp.
3. Quá thời gian trước.
4. Không có nhân duyên.
5. Nhận liền phạm.

Quá thời gian sau có năm duyên thành phạm:

- 1/ và 2/ đồng với duyên trên
- 3/ Trong mười ngày
- 4/ Không tác tịnh
- 5/ Quá hạn thì phạm

Việc ít pháp ần, lược biết cách khác, ngoài ra nói rộng như trong số bốn, pháp thời và phi thời lan-nhã có nạn.

***Giới thứ hai mươi chín: Lìa y***, có sáu duyên thành phạm:

1. Thọ trì ba y
2. Mùa Đông phân chẳng phải thời
3. Nghi có sự sợ hãi
4. Để ý ở trong xóm làng.
5. Không có nhân duyên
6. Quá bảy ngày thì phạm

Trong luật tứ phần chép: Nghi ngờ là sợ có kẻ trộm. Trong luật Thập Tụng nghi mất một bình đựng nước. Người sợ hãi là cho đến sợ Tỳ-kheo tội ác. Nói trong xóm làng, Luật Tăng-kỳ chép: gửi nhà thế tục đáng nghi ngờ (vì biết nhà này bắt lương, Tỳ-kheo này không có y tùy thân).

Luật Ngũ Phần chép: Trong hai y trên tùy theo lớp, cho phép gửi một y, không được gửi y hạ ( điếu), vì để tùy thân, vào chùa lễ bái, đi khát thực không được mặc áo mỏng, chỉ được gửi một y, nói rõ có hai nhân duyên.

Trong luật Tăng-kỳ nói: Ba tháng hạ ở chỗ A-lan-nhã có sợ hãi, khai cho được gửi một y trong xóm, không được quá thời hạn.

Luật Ngũ phần nói: Trong mùa hạ không cho phép lìa y, phải đợi sau khi an cư xong, vì nhân duyên sợ nạn giặc, được gửi nhà người tại gia, không được quá thời hạn. Chỉ cần mười ngày đến xem một lần, sợ có lỗi như ẩm ướt, mỗi một cần rách, v.v...

Trong luật Thiện Kiến chép: Chỗ A-lan-nhã, tăng phòng chắc chắn kín đáo không cần gửi y, nếu không thì được gửi, sáu đêm phải đến xem y một lần, rồi trở lại chỗ A-luyện-nhã. Trước nay các bộ luật, sợ có hại giặc nạn nguy cấp, sợ

hãi, thì khai cho gửi y, không được quá thời hạn, nhất định có nhân duyên khác, mới chế sáu đêm.

Duyên đầu trong Luật Tứ Phần, do ở A-luyện-nhã có giặc cướp, Đức Phật cho gửi một y ở trong xóm, không chế ra thời hạn, về sau do Tỳ-kheo ở trong thôn xóm phạm lỗi, Phật bèn khai nhân duyên cho sáu đêm, mà không hiển bày tướng trạng, nhân duyên, đưa đến tình trạng làm cho các sư thời xưa vọng chấp. Nay y theo các bộ văn rõ ràng, có nhân duyên đều khai.

Luật Ngũ Phần nói: Có người sợ hãi, không giới hạn bao nhiêu ngày, như trên liền khai cho việc tháp tăng, việc Hòa-thượng, A-xà-lê, việc người khác, cho phép trong sáu đêm gửi một y ở chỗ người tại gia.

Trong luận Minh Liễu chép: Tỳ-kheo Lan-nhã trong ba tháng an cư, phải đến chỗ khác nghe pháp không thể thường xuyên mang theo ba y, cho phép gửi lại chỗ khác sáu đêm không mất, đến ngày thứ bảy trở lại lấy y, quá đêm thứ bảy rồi gửi nó như trước. Nếu trong lúc việc chưa xong thì thường chấp nhận.

Trong luật nói: Không phạm là. Đã gửi sáu đêm đến đêm thứ bảy lúc minh tướng chưa xuất hiện, hoặc đến chỗ y, hoặc tay cầm y (chỗ Tỳ-kheo A-lan-nhã ở nhà thế tục, chỗ có người nữ chắc chắn phải cầm y theo) hoặc chỗ ném đá đến, hoặc xả y giống như giới lìa y ở xóm làng khác.

***Giới thứ ba mươi: Xoay vật của tăng về cho mình đủ bốn duyên thành phạm:***

1. Là tính chung vật của tăng
2. Nghĩ là hứa làm
3. Xoay về cho mình
4. Vào tay liền phạm

Trong luật nói vật của tăng có ba loại

1. Đã hứa cho tăng (nghĩa là thông suốt, cúng dường cho tăng và chia riêng cho tăng hai thứ khác, ở đây phạm xả đọa).
2. Vì tăng làm chưa hứa cho tăng (nghĩa là nhà thế tục vì tăng làm các vật như giường, nệm, đồ dùng cúng dường cho tăng, ở đây phạm Đột-cát-la).
3. Đã cho tăng, đã hứa cho tăng, đã xả cho tăng, (ở đây quyết định cúng dường đối với tăng không hứa cho riêng người nào, phạm tội khí).

Trong luật Tăng-kỳ nói: nếu người đem vật đến hỏi tăng: Cúng dường chỗ nào? Ông cung kính nơi nào thì cúng dường nơi đó.

Hỏi: Chỗ nào quả báo nhiều?

Đáp: Cúng dường cho Tăng.

Hỏi: Người nào giữ giới thanh tịnh?

Đáp: Tăng không phạm giới, chẳng có vị nào không thanh tịnh

Hoặc nói “tôi đã cúng dường cho tăng, nay cúng dường Tôn giả” thì được phép nhận không tội.

Hỏi: Vật này đặt ở chỗ nào? Để tôi thường thấy thọ dụng.

Đáp: Tỳ-kheo nào đó ngồi thiền, tụng kinh, giữ giới, cúng dường người ấy thường thấy thọ dụng.

Luật Tứ Phần nói: Nếu vật hứa cho tăng chuyển cho tháp, hứa cho bốn phương tăng chuyển cho hiện tiền tăng, hứa cho Tỳ-kheo tăng chuyển cho Tỳ-kheo-ni, hứa cho chỗ này chuyển cho chỗ khác. Cho đến hứa cho chỗ khác chuyển cho chỗ này, tất cả đều phạm Đột-cátla. (Đều gọi là chưa quyết định, nếu quyết định cúng riêng thì tùy theo trước mà phạm).

Luật Tăng-kỳ nói: Chuyển vật này kia càng hồi hận.

Luật Thập Tụng, Đa Luận chép: Nếu Đàn Việt cúng dường vật tự tứ cho vị tăng này chuyển tự tứ cho vị tăng kia, vật nên trả lại cho người này, Tỳ-kheo làm phép sám hối. Nếu không trả lại cho vị tăng này, thì tính tiền thành ra tội nặng, cho đến vật một người này kia, chuyển cũng thành tội nặng. Theo đây nhất định thuộc về thứ lớp của tăng, chuyển cho người khác thành tội nặng.

Trong luật nói không phạm là: Nếu không biết, hoặc đã cho phép làm không cho phép nghĩ tưởng, hoặc người cho vật xấu khuyên cho vật tốt, tất cả không phạm.

Tứ phần luật san phồn bỏ khuyết hành sự sao phần hai của quyển trung.

---o0o---

## **QUYỂN TRUNG**

### **PHẦN 3**

### **TRONG 90 GIỚI**

***Giới thứ nhất: Là Tiểu Vọng Ngữ.***

Giới này nhiều người ưa phạm, đúng là do vọng nghiệp huân tập trong tàng thức rất nhiều. Cho nên tùy theo trần cảnh khởi lên sự hư cấu, không suy nghĩ sự bắt đầu ngược dòng, chỉ nguyện suốt cuộc đời cho cuộc sống an vui này là điều cốt yếu. Lúc sắp chết nhất định chẳng phải nghiệp sắp đặt, thật là đáng thương. Lại cho rằng phạm tội không phải cảnh, khởi lên thì sẽ nương vào tâm, thường làm cho trái với tâm tưởng bên trong. Bất luận là ngoại duyên giả hay thật tất cả đều phạm tội xả đọa. Có sáu duyên.

1. Là người, không phân biệt kẻ tăng, người tục.
2. Nghĩ là người.
3. Trái với lời nói.
4. Biết trái với lời nói.

5. Nói rõ.

6. Nghe hiểu.

Trong Đa Luận chép: nói dối, nói hai lưỡi, ác khẩu trải qua thành bốn câu: một là nói dối chẳng phải nói hai lưỡi ác khẩu, đem lời nói của người này đến nói với người kia. Vì không thật nên gọi là nói dối. Vì tâm không có chia rẽ cho nên chẳng phải nói hai lưỡi, lời nói mềm mỏng cho nên chẳng phải ác khẩu. Câu khác giống như trên có, không thể biết được.

Thành Luận chép: Ngoài ba nghiệp ra, hoặc hợp hoặc ly, ý ngữ là một loại nhất định không lìa nhau.

Kinh Thiện Sinh chép: Có người đối với mười nghiệp đạo, cùng một lúc làm hai, ba, bốn cho đến tám việc, không được làm mười việc, vì tham, sân không được cùng một lúc khởi lên. Nói còn tám việc sáu nơi sai bảo nói tự làm hai việc.

1. Hành dâm vợ người khác.

2. Nghĩa là không có nghiệp đạo.

Trong luật Tứ Phần và Ngũ Phần chép: Do Tỳ-kheo Pháp sư thường thích luận nghĩa, cho điều đúng là sai, cho điều sai là đúng, người khác hỏi lý do.

Đáp: Ta biết thật, chẳng hồ thẹn đọa phụ xứ, ở trong tăng nói dối tội trọng trước một trăm vị La-hán.

Đa Luận nói: Pháp không nói dối là: Nếu nói pháp nghĩa luận truyền lời, tất cả đúng sai đừng tự cho là đúng, thường phải suy nghĩ kỹ nương vào phép tắc thì không có lỗi. Nếu không như thế thì bùa ở trong miệng.

Luận nói: Thấy nghe, xúc chạm, biết trái với tưởng nói, cho đến những điều thấy nghe khác, những điều nhãn nhục khác, những điều nghĩ tưởng khác, đều là nói dối.

Lại có ba thời lần lượt đều biết rõ là nói dối phạm Đột-cát-la. Chính miệng nói dối phạm xả đọa. Hoặc lúc tăng thuyết giới, ba lần hỏi nhớ mình có tội mà không nói phạm Đột-cát-la.

Kinh Thiện sinh chép: Nếu có tâm nghi ngờ hoặc không có tâm nghi ngờ, hoặc thấy nghe, xúc chạm, biết hoặc hỏi, hoặc không hỏi, âm bản khác gọi là nói dối. Hoặc nói chẳng thấy nghe rõ cũng phạm, hoặc nói phá tướng, nói không che giấu chẳng phạm. Hoặc nói âm khác trước người không hiểu, hoặc nói lời đảo điên, hoặc phát ra tiếng lớn mà chẳng rõ lời, hoặc có nói mà người đối diện không hiểu cũng phạm.

Luật Tăng-kỳ nói: Kẻ giết mổ đuổi theo con vật.

Hỏi: Có thấy con vật không? Không được nói dối, không được chỉ chỗ, nên làm cho nhìn theo hướng mình chỉ (phải phương tiện dẫn đường để cho súc vật chạy xa).



Trong luật Thập Tụng chép: Nếu nói người họ cao, nói là người họ thấp, phạm xả đọa, hoặc nói người có hai mắt, vọng nói ông được một mắt phạm tội Đê-xá-ni.

Lại khinh bỉ xúc não Tỳ-kheo, cho đến phạm tội Đê-xá-ni, hoặc nói người một mắt, hoặc nói ông là người mù, khinh bỉ, xúc não người khác phạm xả đọa.

Luật Tứ Phần nói: Không phạm là chỉ khen, nhớ tưởng nói không phạm. Như Văn trong giới bốn chú thích.

### ***Giới thứ hai: Mắng chửi***

Luận Trí độ nói: Có một người sinh ở trong nước đều có chung một nhân duyên. Nghĩa là làm nhân duyên cho nội pháp và ngoại pháp, như vì nghiệp ác khẩu cho nên sinh vào nơi gai góc. Tâm nịnh hót quanh co cho nên sinh vào chỗ cao thấp không bằng phẳng. Người nhiều san tham nên nước khô không hòa hợp, đất đai sinh sạn sỏi. Người không làm các việc ác thì đất đai bằng phẳng. Như thời Đức Phật Di-lặc, người thực hành mười điều lành đất sinh ra nhiều châu báu.

Trong luật, Đức Phật nói: Phạm những điều nói ra nên nói dịu dàng, không nên nói hung ác, lại tự mình phiền não, cho đến xúc sinh nghe lời hủy báng còn hồ thẹn, huống gì đối với con người.

Có sáu duyên thành phạm:

1. Là Tỳ-kheo: Luật Thập Tụng và Ngũ Phần chép: Hủy nhục bốn chúng dưới đều phạm Đột-cát-la.
2. Tự đưa ra chê và khen. Trong bộ luận Du-già truyền lời nói của người khác làm cho họ mắng chửi phạm tội Đột-cát-la.
3. Biết là khen chê
4. Làm nhục ý người.
5. Nói rõ.
6. Nghe biết.

Luật Thập Tụng nói: Vốn có sáu duyên thành luận như: tức giận, tánh xấu, tham lam, ganh ghét, nịnh hót, không hồ thẹn tà kiến.

Luật Tứ Phần chép: Các pháp như khen chê có sáu phạm.

Nói dòng họ thấp kém, làm việc cũng thấp kém, nghệ thuật khéo léo cũng thấp kém, hoặc nói ông là người phạm lỗi lầm (y theo sự thật cũng phạm). Ông là người nặng về kiết sử, hoặc nói ông là người mù, hoặc ông là người mắt chột. Mắng chửi có ba cách.

1. Mắng chửi trước mặt, ông là kẻ sinh ra từ đồng phân, v.v...
2. Ví dụ chửi: Ông giống như đồng phân, v.v...

3. Tự mình so sánh để mắng họ: “Tui chẳng phải đồng phân”, cho đến tui chẳng phải kẻ mua bán, giết trâu, dê, người què chân, v.v... đều phạm tội Xả đọa.

Hai người dùng lời khéo léo mà mắng chửi cũng có ba hạng: Chửi trước mặt, ông là A-lan-nhã cho đến người ngồi thiền, còn cách chửi thứ 2 như đã biết, nói rõ đều phạm Đột-cát-la.

Trong luật Tăng-kỳ chép: Nếu dùng pháp ác trên chê bai Tỳ-kheo khác và cha mẹ, nói cha mẹ ông phạm tội Đê-xá-ni. Hòa-thượng, A-xà-lê của ông là phạm tội Thâu-lan-giá, đồng bạn của ông phạm tội Việt Tỳ-ni. Ngoài ra hành pháp ác chửi bậc trung hạ, cha mẹ, Hòa-thượng, đồng bạn, v.v... đều giảm dần, so sánh chửi trước mặt càng thêm nhiều, trong đây có người như thế cũng phạm (Tỳ-kheo họ Tiểu cùng với họ Đại ở chung, nói trong đây có Tỳ-kheo họ Tiểu).

Lại nói ở đây có cất giấu vàng, thích bảo người đấu tranh.

Trong luật chép: Ca-diếp nêu lỗi xây cất phòng cho tăng, tức ban ngày ra ngủ ngoài thành. Đức Phật quả trách chỉ đưa những loài khác như phi nhân, v.v... không được đưa Ca-diếp, vì có tâm giúp đỡ người, trong luật không phạm. Vì lợi ích cho nên nói, vì pháp cho nên nói, vì luật cho nên nói, vì giáo thọ cho nên nói, vì bạn thân nên nói (ở trên vì bên trong không có chê bai ganh ghét, lòng từ cứu giúp nên biểu thị ác ngữ). Hoặc đùa giỡn (chỉ phạm Đột-cát-la), hoặc do đây nói kể đến lỡ lời, hoặc ở riêng một chỗ nói, hoặc nói làm đều không phạm. Luật Thập Tụng nói: Có Tỳ-kheo nói tội người khác, các Tỳ-kheo biết thân nghiệp người đó bất tịnh, có thể đối với bốn giới trọng uống rượu, cắt cỏ, ăn phi thời, nói dối, nên nói chớ tức giận, tranh cãi nhau.

### ***Giới thứ ba: Nói hai lưỡi***

Có sáu duyên thành phạm:

1. Là Tỳ-kheo
2. Nói việc xấu
3. Truyền việc đây đến kia và ngược lại
4. Có ý chia rẽ
5. Nói rõ
6. Nghe biết

Hai lưỡi là: hai bên tranh cãi sai người khác phá. Luật Tăng-kỳ nói: Dùng pháp ác bảo rằng: Ai nói ông không có pháp thượng, trung, hạ, muốn làm cho lìa người kia đến với mình, nếu bên kia lìa, không lìa đều phạm xả đọa.

Đa luận nói: Nói rồi lại nói nữa phạm xả đọa, hoặc không chuyển lời người kia đến người này, chỉ nói hai bên làm cho họ xa lìa, tất cả phạm Đột-cát-la.

Trong luật nói không phạm là: phá người ác, bè đảng xấu, Hoà thượng, cùng thầy, bạn thân. Đối với tăng, tháp, miếu làm không có ý nghĩa lợi ích, tất cả những trường hợp phá như thế không phạm.

### ***Giới thứ tư: Ngủ chung một nhà với người nữ***

có năm duyên thành phạm:

1. Là người nữ
2. Phòng đã làm thành
3. Cùng ngủ chung một nhà
4. Biết ngủ chung một nhà
5. Tùy theo sự trôi lăn phạm tội xả đọa.

Trong luật nói người nữ là: Người có trí, mạng sống chưa cắt đứt. Phòng có bốn loại.

1. Bốn phía ngăn che, ở trên có che (tức cùng ở trong một nhà, trong có ngăn cách, y theo luận thì không được)
2. Trước mở mà có bức vách (tức đi dọc dưới mái nhà, hai đầu có che)
3. Tuy có che mà không che hết (tức bao quanh giống như cửa viện, ở trên che, ở giữa mở).
4. Tuy che khắp mà có chỗ mở (nghĩa là ngăn che tất cả, nhưng ở trên mở một lỗ nhỏ để ánh sáng lọt vào).

Bốn phòng này Tỳ-kheo và người nữ ngủ chung, hoặc người nữ đến sau, hoặc Tỳ-kheo đến sau, hoặc hai người cùng đến, hoặc nằm nghiêng, tùy theo lưng chuyển mình, mỗi hành vi đều phạm Đột-cát-la, hoặc cùng súc sinh. (theo luật Tăng-kỳ, súc sinh lớn cũng phạm tội xả đọa). Hoặc huỳnh môn, hoặc người hai căn cùng ở một nhà, tất cả phạm Đột-cát-la.

Tỳ-kheo suốt ngày nằm, người nữ đứng, phạm Đột-cát-la. (nếu người nữ ngồi phạm tội đọa).

Luật Thập tụng chép: Cho đến bậc A-la-hán không được ngủ chung một nhà với người nữ, như những điều ham muốn về thức ăn uống chín của con người, người nữ thèm muốn người nam cũng giống như vậy.

Luật này lấy A-la-hán làm duyên khởi, bậc A-la-hán còn bị dâm loạn phiền não, còn kẻ phạm phu đâu cần chống cự lại.

Đa Luận, luật Thiện Kiến nói: nếu tất cả nhóm họp chung một tăng đường bên trong có ngăn che, nêu trong tăng đường có các phòng nhỏ, tuy các phòng làm riêng nhưng chung tăng đường cho nên giống như một phòng. Hoặc nhiều phòng mà chung một cửa cũng phạm tội xả đọa (tức cùng một cái dẫn ra nhiều cái, giống như nhà và phòng), che nghĩa là: Cho đến lấy y mạn làm phòng.

Vách nghĩa là: Cho đến cao một khuỷu tay rưỡi cùng chung một nhà đều phạm, hoặc phòng lớn nối nhau, cho đến một do-tuần chung một cửa ra vào đều phạm.

Về cảnh sở đôi nghĩa là cho đến giới cùng đi, v.v... đều nghĩa là người nữ có thể thọ sự dâm loạn, còn gái bất dục, bé gái, v.v... chỉ phạm tội Đột-cát-la.

Luật Thập Tụng nói: Người ở trong phòng suốt đêm ngồi không phạm, phải nhiều người ở chung một chỗ, có người nói chuyện không được ngủ.

Luật Tăng-kỳ chép: Một phòng mà có cửa ngăn cách thì không phạm, hoặc ngày Đức Phật Đản Sinh và ngày Đức Phật xoay bánh xe pháp, cho đến đại hội nói pháp suốt đêm, hoặc giữa trời gió, mưa lạnh, tuyết rơi, phải vào trong nhà ngồi ngay thẳng. Nếu người già, người bệnh không thể ngồi được, phải ngăn che không được dùng vật thô sơ. Cao ngang tầm vai, nách trở xuống.

Lỗi không được nuôi chứa mèo. Nếu khát thực vào làng xóm ngủ, phải có phòng riêng, ngăn riêng, hoặc không có phòng, cho đến làm như trước (đều nghĩa là dùng y phục phủ, từ bức vách trong phòng giăng đường thẳng đến giữa cửa, ngăn ra đến mái hiên phía trước, để cho hai đầu tương đương. Đó gọi là hai nhà không chỉ rèm cửa giường).

Nếu không ngăn che là: người nữ có thể tin nên nói với người nữ: Cô ngủ trước còn tôi ngồi, đến lúc Tỳ-kheo muốn ngủ thì nói cho cô ta đứng dậy, tôi muốn ngủ cô chớ ngủ, nếu cô ngủ thì cô là người không có phước đức (theo như cán bộ người nam bầu bạn của mình).

Đa Luận chép: Cùng với mười người nữ ngủ mười đêm phạm tội Xả đọa, tùy theo một người đứng hay nằm, tùy theo một người xoay chuyển, tất cả phạm mười tội xả đọa. Nếu ở nhà người tại gia, cho người nữ ngủ cùng phòng không mở cửa phạm Đột-cát-la.

Luật Ngũ Phần nói: Cùng che mà ngăn cách riêng, hoặc nói pháp trong đại hội, hoặc tai họa gần gũi với chị em của mẹ, biết có người nam bầu bạn với mình, không nằm không phạm.

Trong luật nói không phạm là: Trước biết có một người nữa ngủ trong phòng, hoặc trong phòng che mà không ngăn, hoặc che hết mà ngăn một nửa, hoặc che hết ngăn một ít, hoặc ngăn hết không che, hoặc ngăn hết che một nửa, hoặc ngăn hết che một ít, hoặc che một nửa ngăn một nửa, hoặc che một ít ngăn một ít, hoặc không che không ngăn ở giữa trời không phạm.

Nếu ở trong phòng này, hoặc đi hoặc ngồi không phạm, hoặc bệnh nằm, bị trói, bị nạn mạng sống, nạn phạm hạnh v.v... đều không phạm.

***Giới thứ năm: Ngủ chung với người chưa thọ đại giới quá thời hạn.***

Có năm duyên thành phạm:

1. Người nam hay nữ chưa thọ giới cụ túc, ý nghĩa khác hình như riêng biệt. Luận Du-già nói: Đã hai đêm ngủ chung với sa-di, đêm thứ ba ngủ với người nữ phạm hai tội Đề-xá-ni. Duyên hai, ba, bốn như giới trước.

2. Quá ba đêm thì phạm

Trong luật nói: Ngủ chung đến ba đêm, minh tướng chưa xuất hiện, đứng dậy bỏ đi (theo đây không đi phạm Đột-cát-la). Đến đêm thứ tư hoặc tự mình bỏ đi hoặc bảo người kia đi.

Luật Thiện Kiến chép: Đến đêm thứ ba khi mặt trời chưa mọc không tránh đi cũng không phạm (nghĩa là không phạm đề-xá-ni). Ngủ đến đêm thứ tư, đầu hôm hông dính chiếu liền kết tội đọa.

Luật Thập Tụng nói: Nếu ngồi suốt đêm, hoặc bị bệnh được cho sa-di ngủ quá thời hạn, người bệnh nằm thì khai cho, còn Tỳ-kheo không bệnh không nên nằm.

Kinh Tỳ-ni Mâu nói: Ngủ đến đêm thứ ba không có chỗ đi, Tỳ-kheo không nên nằm phải ngồi kiết già đến lúc minh tướng xuất hiện, đến đêm thứ tư không có chỗ đi, khi mặt trời sắp mọc, bảo người kia đi, hoặc tự mình đi (theo đây chắc chắn ngủ đến đêm thứ tư phải rời, hoặc đêm đầu thì ngồi, không thành được khai cho).

Luật Ngũ Phần nói: Cho ngủ chung không phạm, thường ngồi không được nằm, hoặc nằm xen kẽ nhau (chẳng phải nghĩa là che mặt trời, đã bốn đêm mà suốt đêm không nằm thì khai cho).

Luật Tăng-kỳ nói: Ngủ đến đêm thứ tư, nhờ vào nhân duyên, đại hội, khát thực, v.v... phải có mái che như giới trước, nếu không như vậy quá ba đêm phạm. Phạm rồi chưa sám hối, lại ngủ chung, tội xoay vẫn không đủ hai đêm thì khai cho, sám hối lỗi rồi nên ngủ phòng riêng, lại được hai đêm.

Đa luận chép: Có bốn câu. Nếu một người khác phòng, hoặc một phòng khác người, hoặc người và phòng đều khác thì đều phạm đọa.

Trong luật cho rằng súc sinh đực ngủ quá thời hạn, khai duyên giống như trước.

***Giới thứ sáu: Tụng giới với người chưa thọ giới cụ túc***

có năm duyên thành phạm:

1. Đức Phật nói pháp
2. Tự cú vị
3. Người chưa thọ giới cụ túc
4. Đồng nghe, đồng tụng
5. Nói rõ liền.

Trong luật chép: Pháp nghĩa là lời Phật nói, lời của Thanh văn, lời của các vị Tiên, các vị trời. Nếu trao bằng miệng đưa thư, nói rõ phạm xả đọa. Hoặc thầy không dạy mà nói, ta nói xong rồi ông hãy nói, thầy phạm Đột-cát-la.

Luật Tăng-kỳ nói: Nếu đệ tử Thanh Văn, người khác nói, được Đức Phật ấn chứng (trong luật Tứ Phần văn không rõ).

Luật Thiện Kiến chép: Đức Phật nói tất cả ba tạng, La-hán kết tập đồng tụng phạm xả đọa. Nếu tự mình soạn ra biên chép, văn tự cho đến sách thế tục, vì chẳng phải Đức Phật nói cho nên không phạm.

Luật Thập Tụng nói: Tùy theo một phẩm, một chương, một đoạn mỗi thứ đều phạm xả đọa. Trong luật này chỉ nói đồng tụng, bất luận là câu văn nhiều ít.

Đa luận nói: Nếu hai người cùng kinh hành, cùng tụng kinh không phạm, hoặc Tỳ-kheo không có chỗ thọ pháp, cho đến nhận được từ sadi-ni, chỉ xin giữ gìn giới đức, cùng người làm bạn chứng minh, cũng được ngày đêm thọ pháp, nhưng không được xưng là A-xà-lê, lệ theo như vậy mà biết, chỉ tin tức làm cho không mất oai nghi.

Trong luật nói không phạm là: Nói ta nói xong ông nói, một người tụng xong một người viết, hoặc hai người đồng nghiệp đồng tụng, hoặc nói sai tất cả đều không phạm.

### ***Giới thứ bảy: Nói tội thô với người chưa thọ giới cụ túc***

Đa luận nói: Thà phá tháp, hoại tượng, chứ không nói tội thô của người khác, tức phá pháp thân, bất luận Tỳ-kheo trước có tội hay không có tội đều phạm đọa, có bảy duyên thành phạm.

1. Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni
2. Phạm tội thiên thứ 1, 2
3. Biết phạm
4. Không có tăng khai pháp
5. Nói với người cho thọ cụ túc giới
6. Nói rõ từ
7. Người trước nghe biết.

Luật Ngũ Phần chép: Tỳ-kheo-ni và người tại gia nói những tội lỗi nhỏ nhất của tăng khắp nơi, như vậy đều phạm tội đọa. Luật Tăng-kỳ nói: nếu có người hỏi, Tỳ-kheo nào đó phạm giới dâm loạn, uống rượu, đáp rằng: Tự người kia sẽ biết, nêu mình tác pháp hỏi người, người kia hỏi ngược lại. Ông nghe chỗ nào?

Đáp: Nghe chỗ đó.

Tỳ-kheo nói: tôi cũng nghe chỗ đó. Nhân lúc nữ cư sĩ đến chùa, nhóm Tỳ-kheo sáu vị chỉ bày cho họ. Người này phạm Tăng tàn, nhân đó nữ cư sĩ nói kệ:

*Xuất gia đã lâu rồi  
Cần phải tu đạo hạnh  
Đồng tử cười không dứt  
Làm sao nhận cúng dường*

Luật Thập tụng chép: Có người quở trách rằng: Ở trong Phật pháp mới có người ngu si này.

Nên đáp rằng: Nhà tôi rộng lớn có đủ thứ.

Trong luật nói: Nếu nói hai thiên trên phạm đọa các thiên dưới tự nói tội mình, hoặc nói tội ba chúng dưới, tất cả phạm Đột-cát-la.

Lại có năm việc: Nếu nói tên, hoặc dòng họ, hoặc y phục, hoặc phòng nhà, hoặc tướng mạo đều phạm xả đọa.

Không phạm là: Nếu không biết, hoặc thô ác tưởng không thô ác, hoặc người tại gia trước đã nghe tội thô rồi, tất cả đều khai cho.

***Giới thứ tám: Thật đặc đạo ma nói với người chưa thọ giới cụ túc.***

Hỏi: Phạm phu chẳng phải bậc Thánh thì không thể không phạm tội. Bậc Thánh giữ giới, hễ Phật chế rồi thì không phạm, vậy dùng chế giới để làm gì?

Đáp: Bậc Thánh chế giới ra để ngăn ngừa phạm phu, nếu về sau nói liền biết là phạm phu vì không nói dối nên không để cho phạm. Há chẳng phải là điều quan trọng hay sao?

***Giới thứ chín: Nói pháp với người nữ quá hạn***

Có sáu duyên thành phạm:

1. Là người nữ
2. Biết là người nữ
3. Không thỉnh
4. Không có người nam hiểu biết
5. Nói rõ ràng
6. Nói quá năm, sáu lời thì phạm

Nếu không thỉnh cho phép đủ năm, sáu lời, hoặc thỉnh nói, hoặc hỏi nghĩa, tùy theo nhiều ít.

Luật Ngũ Phần nói: nhờ nói năm, sáu lời mà hiểu được, cho nên

Đức Phật chế giới cho nói năm, sáu lời.

Luật Tứ Phần chép: Năm lời như: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không có ngã.

Sáu lời như: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý vô thường. Vì không được lại tăng thêm một câu. Trong Luật Tăng-kỳ chép: Nói sáu câu xong làm cho ông nhanh chóng hết khổ thì phạm xả đọa.

Trong luật chép: Người nam có trí, hiểu rõ việc thô ác hay không thô ác.

Đa luận chép: Người nam có trí hiểu rõ nhân tình nói có thể làm chứng minh, hoặc người bên trong không giống nhau, không hiểu ắt là phạm phu xuất gia thì không được, vì việc giống nhau, ngay lúc bảo tăng nhóm, nếu có nhiều người nữ mà không có người nam phạm phu thì không được nói điều đó.

Người nữ: Nghĩa là có thể thọ nhận việc dâm dục, hoặc Tỳ-kheoni nói thì được.

Luật Tăng-kỳ nói: nếu người mù hoặc điếc cũng gọi là không có người, một người mù, một người điếc, hai người này phải có một người, hoặc ngu cũng gọi là không có người, hoặc chị em của mẹ, v.v... cũng phạm. Hoặc dưới bảy tuổi, hoặc quá bảy tuổi không hiểu ý nghĩa tốt xấu, cũng gọi là không có người nam hiểu biết, ngoài ra như đại số.

Trong A-hàm chép: có người thưa hỏi nghĩa giáo pháp.

Đáp: Muốn hỏi thì hỏi, ta nghe xong sẽ suy nghĩ.

Trong luật nói: Nếu nói không rõ phạm Đột-cát-la.

Không phạm là: nếu nói năm, sáu lời, trước người nam hiểu biết nói quá năm, sáu lời, hoặc trước người nam không hiểu biết thì nên đáp, nói rộng truyền năm giới và giáo pháp, truyền tám giới quan trai và nói tám giới quan trai, tám giới thánh đạo, mười pháp bất thiện, người nữ hỏi nghĩa không hiểu nói rộng ra, hoặc người làm, tất cả không phạm.

### ***Giới thứ mười: Đào đất***

Đa luận chép: không đào đất phá hoại sự sống có ba điều lợi ích:

1. Vì không nã hại chúng sinh
2. Vì dứt sự phỉ báng
3. Vì làm đại hộ pháp.

Nếu Đức Phật không chế hai giới này thì quốc vương, đại thần sai khiến Tỳ-kheo, nhờ Đức Phật chế giới, vua quan hồi tâm không còn sai khiến Tỳ-kheo được, làm cho tỉnh duyên tu, đạo pháp trí tuệ, dứt sự mê hoặc đó, gọi là đại hộ.

Có năm duyên thành phạm:

1. Là đất hoang
2. Nghĩ là đất hoang
3. Tự đào, sai người đào
4. Khi dạy người đào không làm pháp tri tịnh
5. Làm tổn thương thì phạm tội đọa.

Duyên của giới là cho sửa sang giảng đường, bị đức Thế tôn quả trách chế giới (nay nhiều người nhân phước mà tạo tội, cho là may mắn, đáng thương thay).



Trong luật nói: Đào nghĩa là: Nếu tự mình đào, trải qua bốn tháng trời mưa ngấm đất trở lại như cũ, hoặc dùng bừa, cuốc, cày hoặc nện đánh, dao chằm, dùng ngón tay cào làm tổn thương, đốt lửa trên mặt đất, nhưng sai làm đất, nghĩa là đất, tất cả đều phạm, hoặc không dạy nói “biết đó coi đó” phạm Đột-cát-la.

Luật Thập Tụng chép: Nếu tường sụp đổ, đất, đá tụ vào tổ kiến, nếu đào phạm tội Đột-cát-la. Hoặc đào chỗ đất bùn ngập đến đầu gối phạm Đột-cát-la. Trừ làm tháp tăng, chùa, vẽ trên đất làm mô hình, hoặc đất đỏ, hoặc đất sét, đá sống, sỏi đen, đất muối v.v... tất cả không phạm.

Trong Đa Luận bản đời Thục nói: đày cày, đất hoang.

Đất cày là: Nghĩa là bốn tháng và tám tháng, lúc mưa đất dính lại với nhau, làm cho đất có độ ẩm, không thể mọc cây cỏ gọi là đất hoang. Còn lúc không mưa, trời hạn hán, khô cằn, gió thổi đất bay nghĩa là không phải đất hoang. Nếu đùng vào vùng đất khô này, phạm Đột-cát-la. Xâm phạm đất ẩm ướt ở dưới phạm Đọa. Hoặc chỗ gốc tường đất ẩm ướt đất khô không phạm, vì khác với đất, tuy được xây dựng, nhưng chỗ ẩm ướt có mọc cây cỏ phạm đọa, ở trên phòng trên tường cỏ mọc, làm tổn hại cây cỏ, phạm tội đọa, tổn hại đất phạm Đột-cát-la.

Luật Tăng-kỳ chép: Nếu chuyên đá, khiêng đất, quét nhà kéo cây, lừa trâu, ngựa, v.v... muốn làm cho đất bằng, cố ý làm tổn hại bằng như chân con muỗi tất cả phạm đọa. Khối đất một người phá không nổi phạm đề-xá-ni, bới một người lại được, đóng cọc vào phòng, tường làm hại sự thành công phạm tội việt tỳ-ni, trước có lỗ không phạm. Hoặc đất bên ngoài trời mưa làm tổn hại như chân con muỗi phạm tội Đề-xá-ni. Vẽ dưới đất, viết chữ cũng phạm Đề-xá-ni: vẽ dưới đất mà không có ranh giới thì phạm, hoặc vì dọn phòng củ bảo tịnh nhân làm. Hoặc hư hoại bảo tịnh nhân dọn bùn bỏ đi. Sau đó tự mình làm, hoặc đã có bị mưa bảo tịnh nhân làm hai, ba lần. Sau tự mình làm đến khi nền móng trở lại như củ bảo tịnh nhân làm. Nước trong ao, rạch, giếng tràn ngập, sau khi mới mưa bảo tịnh nhân tháo ra, hoặc bảo khuấy đục lên, hoặc cho trâu ngựa lội trước, sau tự mình tháo ra, vì nước mưa có thể thấm vào đất. Lúc đại tiểu tiện dùng tay thấm nước chà dưới đất phạm tội đọa. Hoặc bình, đồ đựng gỗ, ngói, đá, v.v... để ngoài trời lúc mưa tạnh, không được tự lấy, nếu lấy phạm đọa. Nếu toàn cát không phạm tội, một nửa cát phạm tội việt tỳ-ni. Hoặc đất chết gặp mưa tạnh, bảo tịnh nhân lấy, gặp lúc mưa thấm ướt hết, sau đó tự lấy.

Luật Tứ Phần chép: Nếu lửa dữ đốt cháy chùa cho phép nhổ cỏ ở giữa, hoặc đào hầm, cắt đất hào thành, hoặc dùng đất dập tắt lửa, hoặc dập tắt nó cháy ngược lại.

Luật Thiện Kiến chép: Nếu đất bị cháy không gọi là đất. Nếu đất có cát dùng nước gạn nó.

Luật Tứ Phần: Cát một phần còn đất không phạm. Hoặc trên đá dày bốn tấc đất khô được lấy, hoặc lửa đến gần chùa, vì giữ gìn chỗ ở. Tỳ-kheo được cắt cỏ, đào đất để dập lửa, hoặc lửa đốt tay ném xuống đất không phạm.

Luật Ngũ Phần chép: Khi lửa dữ bốc cháy phải đánh kiên-chùy truyền lệnh, ngoài ra như các bộ khác.

Đa luận chép: Bảo Tăng Ni đào đất, nói lời tri tịnh phạm Đê-xá-ni, hoặc dạy ba chúng dưới và tịnh nhân, hoặc không nói lời tri tịnh phạm Đột-cát-la, hoặc ba chúng không vì duyên lợi ích Tam bảo, tự mình hủy hoại đất, cây, phạm Đột-cát-la. Luật Ngũ Phần nói: Chỗ lannhã không có tịnh nhân cho phép Tỳ-kheo lấy nước tưới đất, cắt cỏ, lấy chân dẫm lên làm cho thành bùn rồi lấy dùng.

Trong luật Tăng-kỳ nói: Chỗ đất ngăn che được tự mình đào (văn trong luật Tứ Phần không rõ).

Trong luật không phạm là: Nếu nói “thấy đây, xem đây”, hoặc kéo gỗ, tre, cây, hoặc đỡ hàng rào cho ngay thẳng, hoặc lật gạch đá lên, hoặc phân bò, hoặc lấy đất bờ sông đổ, hoặc chuốt đào, v.v... hoặc qua lại kinh hành, hoặc quét nhà, hoặc lấy gậy chổng xuống đất, hoặc tất cả không có ý đào không phạm.

### ***Giới thứ mười một: Làm hư mầm cây cỏ.***

Có đủ duyên như trên

Luật Tứ Phần nói: người làm hư làng xóm của quý thần phạm Ba-dật-đề. Quý là phi nhân (77), thôn là tất cả cỏ cây (nói cỏ cây là nơi nương tựa của phi nhân, cho nên các bộ dẫn ra đầy đủ để hiểu rõ, sợ người không biết lạm dụng).

Luật Thập Tụng chép: Thôn là các côn trùng như muỗi, bướm, kiến lấy đó làm nhà.

Trong luật Tăng-kỳ và giới bốn nói: Người làm hư hạt giống, phá làng xóm của quý thần phạm tội đọa (ở đây sẽ chung với nhau như gương sáng).

Luật nói: Thôn có năm loại: Loại sinh từ rễ, loại sinh từ cành, loại sinh từ đốt, mắt, loại sinh từ phú-la (ở đây nói giống lai) loại sinh từ hạt. Nếu phá chặt phạm tội đọa, hoặc rang, đóng đinh, đóng cọc, tất cả phạm tội đê-xá-ni. Hoặc chặt nhiều phần cỏ cây sống phạm tội đọa, nửa cây khô nửa cây sống phạm Đột-cát-la.

Luật Tăng-kỳ chép: Nếu loại sinh từ gốc, loại sinh từ thân cây dùng dao phá tịnh (làm cho bẽ).

Loại sinh từ mắt, đốt dùng dao chẻ ra, dùng nĩa chần vụn ra, nha mục tịnh (răng, mắt).

Loại sinh từ tâm như: cây rau é, cơ lục, v.v... Nhũ tu tịnh.

Loại sinh từ hạt giống có bảy thứ như lúa thoát (bóc vỏ) bì tịnh, hỏa tịnh có năm loại, ở trong năm quả. Loại hạt ở trong như táo, quả mơ. Trảo giáp tịnh: bỏ hạt mà ăn, hỏa tịnh rồi ăn (hỏa tịnh nghĩa là cả hai hạt táo chín và sống).

Loại sinh từ quả da: hỏa tịnh rồi ăn như (sậy, rế cỏ, đậu, quả dâu, lê nạy). Nếu lúc chín rơi xuống đất làm tổn thương chân con muỗi gọi là sang tịnh, bỏ hạt rồi ăn.

Loại sinh từ hạt lúa là hỏa tịnh (thuộc loại cây dừa, cây hạch đào, cây lựu).

Loại sinh từ quả hạt là (loại có mùi thơm, cây trử, cây tía tô, cây bạch tô) chưa có hạt nhu tu, có hạt phải hơ lửa.

Loại sinh từ quả, một góc là tịnh pháp như pháp hạt quả (hạt đậu lớn nhỏ, v.v... y cứ theo đây. Trong cây ngải tây có chứa hạt nên phải hỏa tịnh, nhưng chỉ chạm vào liền được tịnh pháp như cũ).

Lại nói: Chủ chùa có kho lúa mà chưa tịnh thí, sợ Tỳ-kheo trẻ không biết giới tướng, trước bảo tịnh nhân hỏa tịnh xong, cho đến tất cả mọi người đến thường nói bỏ vào giã không phạm. Các việc khác đều biết. Nếu ném năm loại còn sống xuống ao, giếng nước, trong chỗ đại tiểu tiện, trong hầm phân phạm tội Việt Tỳ-ni. Nếu chết phạm Đề-xá-ni, hoặc đi trên cỏ làm cho cỏ chết phạm việt tỳ-ni, tổn thương chừng như chân con muỗi phạm tội Đề-xá-ni. Trên đá sinh rêu, trên y sinh mốc, trên thức ăn như bánh sinh mốc bảo cho tịnh nhân biết. Hoặc ban ngày phơi nắng biết khô rồi được tự mình bóc bỏ, sau lúc mưa treo trên cây phạm tội Việt Tỳ-ni, tổn thương cây cỏ phạm tội đọa. Tịnh nhân trước cử Tỳ-kheo, sau giúp đỡ không phạm tội (trong luật Tứ Phần, khai cho nhổ cây đá, trước không biết dính trên cỏ). Trong mùa hạ mà đi, sợ lạc đường nên lấy vật khác buộc vào cây cỏ cho nhớ, đến khi trở về biết rõ đường không phạm. Trong lúc mưa bị trơn ngã, nắm lấy cây cỏ kéo, đất lại nằm cũng không đứt, đều khai cho, bèo ở trong nước không được vạch ra, chỗ xe và ngựa chạy được thì không phạm. Ném đất đá lên hư không, nói lên đến cõi trời phạm thiên. Nếu về sau rơi xuống nước, khai cho được dùng (ở đây gạn hỏi về tịnh pháp của Sa-môn). Nếu khi lấy bùn làm mà người muốn uống nước, được uống nước trong lá, không có tịnh nhân lấy, được đến uống nước trong lá ở trên cây, không được kéo xuống đất. Cao với không tới mà lấy lá khô hoặc lá vàng rụng xuống phạm tội việt tỳ-ni. Cây nở hoa phạm tội Đề-xá-ni, hoặc đập bèo ở trong nước phạm tội việt tỳ-ni, ném lên bờ phạm tội đọa. Nếu khi xuống nước rửa, nước và cỏ dính vào thân, lấy nước rưới làm cho chảy xuống sông, hoặc sáng sớm cắt nắm phạm Đột-cát-la.

Luật Thiện Kiến chép: Nếu cầm hoa, quả, vịn lấy cành làm cho tịnh nhân biết, cũng được vịn chặt lấy tịnh nhân.

Trong Luật chép: Tỳ-kheo đi trên đường bị cỏ ngăn ngại, cho phép lấy cây tre đè lên cỏ, hoặc đè lấy cây đá (tạm thời y theo trước).

Luật Ngũ Phần chép: các cỏ cây nếu cần dùng thì nên nói với tịnh nhân: “Ông biết đây”, nếu người không hiểu lại nói, “ông xin đây”, nếu không hiểu lại nói, “tôi cần đây”. Nếu không hiểu nói: “cho ta đây làm hoại đất cũng như vậy” (đều bảo cho biết, đích thân Tỳ-kheo không được làm tổn thất, miệng không bảo chặt đào, mới là tịnh duyên, tâm tịnh).

Nếu cỏ phủ đường, vì mở đường, cố chặt cành, làm cho lá rụng, không cố làm thị không phạm.

Luật Thập Tụng chép: “Cùng một lúc làm hỏng năm loại phạm năm tội Ba-dật-đề. Luật này nói: Một lá làm hư nhiều loại, tùy theo nhiều ít mà kết tội, cho đến giới trước bảo tịnh nhân đào, tùy theo chỗ đào mà phạm tội đọa. Không giống như luật Tăng-kỳ có thể lấy đình chỉ việc trước mới kết tội.

Luật Tứ Phần chép: Nếu năm loại sinh sống giống như cây liễu thạch dừa, cần đất lia đất thì hoại đều phạm đọa. Chẳng phải năm loại sinh sống như thuộc loại cây hòe, cây nui, cây du, cây bá, đã tàn thì được gắn liền với đất, phạm tội Đọa. Nếu lia đất mà màu sắc chưa đổi phạm Đột-cát-la, gọi là hoại tướng.

Không phạm là: Nói “xem đây, biết đây”, nếu chặt cây cỏ khô, hoặc ở trên cây cỏ còn sống kéo gỗ, kéo trúc, dựng hàng rào cho thẳng, hoặc lật đá, hoặc lấy phân bò, hoặc cỏ một lan ra ngoài đường, lấy cây gậy rẽ lối, hoặc lấy ngói đá chống mà làm tổn thương đến cây cỏ, hoặc đất trên chỗ kinh hành, hoặc quét dọn chỗ kinh hành, hoặc lấy gậy chống xuống đất, lỡ chống đứt cỏ cây sống không phạm.

### ***Giới thứ mười hai: Thân miệng thù dật***

Có bốn duyên thành phạm:

1. Tự mình làm cho thân nghiệp, khẩu nghiệp thù dật
2. Nhiều phiền não không dứt
3. Bị Tăng đơn bạch quả trách
4. Vừa làm liền phạm

Luật Tứ Phần chép: Nói lời khác là ông nói với ai, bàn luận việc gì v.v... tất cả phạm Đột-cát-la, bạch rồi nói phạm tội đọa. Nỗ hại người khác là thân thù dật, nên đến hay không đến, nên ngồi hay không ngồi, ngoài ra như cách thù dật của miệng.

Thành Luận nói: Tuy là lời nói thật, nhưng vì chẳng phải thời tức gọi là lời nói thù dật, có người nói tuy phải thời, vì tùy theo sự phiền não không có lợi ích. Mặc dầu có lợi ích nhưng lời nói vốn không có nghĩa lý, không có thứ lớp đều gọi là ý ngữ. Tức trong luật nói: “Nói pháp cho người không cung kính nghe”.

Luật Thiện Kiến nói: Sợ thành đấu tranh, tăng im lặng thì được, trong luật nói: Nếu Thượng tọa gọi đến mà không đến phạm Đột-cát-la.

Không phạm là: Lại nghe nhiều lần mà không hiểu lời nói trước có nhàm. Lại hỏi “ông nói với ai, bàn luận việc gì?” Cho đến “tôi không thấy tội này”. Hoặc muốn làm pháp yết-ma ma phi pháp không lợi ích, không cho hòa hợp, gọi đến không đến thì không phạm, hoặc làm pháp yết ma phi pháp, hoặc không muốn biết ngôn giáo, không đến lại đến thì không phạm. Hoặc cùng ngồi ăn, hoặc không làm pháp thức ăn dư mà ăn. Nếu bệnh gọi dậy, không đứng dậy không phạm. Hoặc tâm ác hỏi không cho nói, hoặc làm những việc phi pháp liền nói, hoặc nói nhỏ, hoặc nói lầm tất cả không phạm.

### ***Giới thứ mười ba: Chê mắng vị trí sự của Tăng***

Có sáu duyên thành phạm:

1. Được Yết-ma sai
2. Biết là được tăng yết-ma sai
3. Làm việc như pháp
4. Nói pháp chê trách mắng chửi
5. Nói rõ từ
6. Người đối diện nghe biết.

Luật Ngũ Phần chép: Nếu đơn bạch, bạch nhị sai người khác phiền não phạm tội đọa. Tăng sai không yết-ma, và người khác nói lời vu khống này phạm tội Đột-cát-la.

Luật Tứ Phần chép: Duyên khởi bạch nhị có khác nhau.

Luật Tăng-kỳ chép: Mắng chửi người đang lễ bái, nhờ người khác làm, nhờ người khác làm lại nhờ người khác làm, cả ba đều phạm tội đọa. Nhân đây nói cá lớn có trăm đầu, mỗi đầu mỗi khác, vì trước kia làm Tam Tạng thích dùng lời ác mắng chửi.

Luật Tứ Phần chép: Nếu chê bai (gặp mặt không có chỗ nghe, nói có thương, giận, sợ, si).

Người mắng chửi: Ngược lại trên phạm tội Đọa, hoặc không nhận lời Thượng tọa dạy mà chê mắng phạm Đột-cát-la. Không phạm là: Thật có việc đó, sau đó sợ hối hận nói làm đúng như pháp sám hối, lại nói có thương, giận, v.v... hoặc đùa giỡn nói làm, tất cả không phạm.

### ***Giới thứ mười bốn: Ở chỗ đất trống trải vật của tăng***

Có sáu duyên thành phạm:

1. Trải giường cho bốn phương tăng
2. Biết là trải giường cho bốn phương tăng
3. Ở ngoài trời
4. Tự trải hoặc sai người trải
5. Khi bỏ đi không tự cất, không nhờ người cất
6. Ra khỏi cửa thì phạm.

Luật Ngũ Phần nói: Thấy ngọa cụ của tăng ở ngoài trời, vì không tự trải cũng không bảo người trải mà chẳng cất cũng phạm tội Đề-xá-ni. Người tại gia vào chùa nên mượn ngọa cụ của tăng thọ. Lại người thế tục mượn ngọa cụ của tăng, ăn xong Tỳ-kheo không dọn phạm tội đọa. Nếu vị Tri sự bày ngọa cụ của tăng ở một bên, hoặc ngồi thiền hoặc ngủ phạm Đột-cát-la.

Luật Tăng-kỳ nói: Nếu trên giường của tăng để pho tượng Tỳ-kheo lễ bái, tay đụng vào không cất phạm đọa. Nếu nhiều người lễ bái chắc chắn sẽ đụng vào, thuộc về người cuối cùng phạm tội đọa. Nếu tháng mùa Xuân trái giường, sau đó bảo cho người biết là xả bỏ thì không phạm. Hoặc đi trên đường kéo cỏ ra ngồi, lúc đã đi tụ họp rồi nên đi.

Đa luận nói: Trái giường ở chỗ trống rồi không dặn người, dạo chơi các phòng phạm Đột-cát-la.

Luật Tứ Phần nói: Người kia lấy vật của tăng giao cho vị Tri sự nói: “Nay tôi giao cho ông, ông giữ gìn coi sóc”. Nếu không có người nên để ở chỗ kín. Nếu không có chỗ kín nên biết chỗ không bị hoại, nên lấy vật thô xấu che lên vật tốt, hoặc về ngay nên đi liền, tuy theo mưa đi nhanh về kịp thì nên đi. Người kia theo thứ lớp làm phương tiện như vậy, liền nên đi, nếu không làm trước mà ra khỏi cửa phạm tội đọa. Hoặc mới đi bèn hối hận trở lại phạm Đột-cát-la. Nếu hai người cùng giường thì vị hạ tòa phải dọn, không dọn phạm (hai tội) đọa và Đột-cát-la. Còn Thượng tọa phạm một tội Đê-xá-ni, nếu cả hai không dọn thì cả hai phạm tội đọa.

Ngoài ra giường rộng rãi, giường ghé, v.v... không dọn, và ngoại cụ trong ngoài tất cả phạm Đột-cát-la. Nếu ở chỗ trống, trái vật của tăng mà đi vào phòng ngồi thì phạm Đột-cát-la.

Không phạm là: Nếu lấy vật của tăng trái ở chỗ trống, khi đi nói với người ở lại, người Tri sự nói với người giúp việc trong chùa khiến cho họ biết, phương tiện như trên, tất cả không phạm.

### ***Giới thứ mười lăm: Trái vật của tăng ở chỗ có ngăn che***

có năm duyên thành phạm:

1. Là vật của tăng
2. Nơi có ngăn che
3. Tự bảo người trái
4. Mình không cất, không dạy người cất
5. Hoặc ra ngoài giới, hoặc quá năm đêm.

Trong luật nói: Vị kia nên nói với Tỳ-kheo ở lâu rằng. Cất giùm tôi ở chỗ chắc chắn. Nếu không có người không sợ mất nên dời giường lìa khỏi vách kê chân giường lên cho cao, đem gối, mền, ngoại cụ, để trong đó, lấy vật thô xấu khác đẩy lên. Nếu sợ hư hoại nên treo ngoại cụ trên giá y, dựng giường đứng lên mà đi. Nếu không làm như vậy ra khỏi chỗ phạm tội đọa. Nếu trở lại hoặc không lâu cho phép ngủ ngoài giới hai đêm, ngủ đến đêm thứ ba khi mặt trời chưa mọc, hoặc tự vào trong phòng, hoặc sai nói với vị Tri sự. Nếu không đi, mặt trời mọc phạm tội đọa.

### ***Giới thứ mười sáu: Dùng sức mạnh chiếm chỗ***

có năm duyên thành phạm:

1. Người khác mượn trước an trì rồi thiên định
2. Biết người khác ở trước
3. Có ý làm nhiễu loạn.
4. Cường trái ở giữa
5. Hễ ngồi nằm thì phạm.

Trong luật nói: Ở giữa, bên đầu, bên chân, hai bên hông.

Ngọa cụ nghĩa là: Trái trên cỏ, trên lá, cho đến trái dưới đất làm thảm nằm. Nếu biết người khác được trước mà cưỡng ép ngủ, phạm tội đọa.

Luật Thập Tụng chép: Vì làm xúc nhiễu người khác, mà mở cửa, đóng cửa, đốt lửa, dập lửa, hoặc tụng chú, tụng kinh, nói pháp, tùy theo việc làm người khác không vui mỗi việc đều phạm tội đọa.

Trong luật nói không phạm là: Trước không biết, hoặc nói rồi ở, trước cho trái ở giữa, hoặc ở giữa rộng không trở ngại nhau, hoặc người ở cũ nói rằng cứ trái, tội tự nói với chủ, hoặc bị ngã, hoặc bị bệnh té dưới đất, nạn mạng sống, nạn phạm hạnh v.v... tất cả không phạm.

### ***Giới thứ mười bảy: Kéo người khác ra khỏi phòng***

có bốn duyên thành phạm:

1. Phòng mùa xuân, mùa Đông của tăng lấy làm phòng mùa hạ của mình, kéo người ra khỏi phòng phạm Đột-cát-la.
2. Trước an trí rồi định.
3. Có ý làm nhiễu loạn
4. Kéo ra thì phạm.

Trong luật nói: nếu tự mình kéo bảo người khác kéo, tùy theo chỗ kéo nhiều ít, tùy theo kéo ra phòng tất cả phạm tội đọa, kéo nhiều người ra một cửa phạm tội đọa, hoặc kéo một người ra nhiều cửa phạm nhiều tội đọa. Hoặc ném vật của người khác ra ngoài cửa, đóng cửa lại để họ ở ngoài cửa, phạm Đột-cát-la.

Luật Tăng-kỳ chép: Khi kéo người khác ra khỏi cửa, hoặc ôm cột trụ vịn cửa dựa vách mỗi việc đều phạm tội đọa. Hoặc mắng nhiếc, tùy theo lời mắng mỗi lời phạm mỗi tội đọa. Nếu tức giận đuổi răn chuốt ra, phạm tội việt tỷ-ni, hoặc nói vật này không có ích lợi đuổi ra không phạm tội.

Luật Thập Tụng nói: Nếu thích ngủ nghỉ nên đứng dậy đi kinh hành, không thể đi kinh hành thì nên đứng ở chỗ vắng, không nên nhiễu loạn người khác.

Luật Ngũ Phần chép: nếu hàng phục đệ tử mà kéo ra thì không phạm. Hoặc dẫn người không thích đến muốn bảo tự ra, ra hoặc không ra đều phạm Đột-cát-la, kéo bốn chúng dưới cũng phạm Đột-cát-la.

Trong luật nói không phạm: là không có tâm tức giận, theo thứ lớp mà ra, ngũ chung quá thời hạn sai người chưa thọ giới cụ túc ra. Hoặc người phá giới, phá kiến, phá oai nghi bị người khác đưa ra và đáng tẩn xuất nên tẩn xuất. Do nguyên nhân này có nạn phạm hạnh, nạn mạng sống, tất cả không phạm, giới trước là thế tục ở không lựa chọn tịnh uế, đây là chỗ của tăng ở cho nên phân biệt chỗ dơ.

***Giới thứ mười tám: Ngồi giường gãy chân***

có ba duyên thành phạm:

1. Là phòng lớn
2. Giường gãy chân
3. Nằm ngồi trên giường đó thì phạm.

***Giới thứ mười chín: Dùng nước có côn trùng***

có bốn duyên thành phạm

1. Là nước có côn trùng
2. Biết có côn trùng
3. Không làm cách lược (nước)
4. Hễ dùng thì phạm.

Trong luật chép: Nếu ném cỏ đất vào nước có côn trùng hoặc sữa, tương đông và sữa tương đông trong đó có trùng, hoặc tương ngâm lúa mạch, hoặc giấm có trùng, đem tưới lên bùn cỏ, hoặc ném cỏ đất vào đó, tất cả đều phạm đọa, dạy người khác làm cũng giống như vậy.

Trong luật nói: Nếu ném cỏ đất vào nước, tùy dưới sông, ao, có cá, côn trùng đều phạm Đề-xá-ni.

Bộ Đại Tập chép: Thân súc sinh nhỏ bé giống như một phần mười của con vi trùng cho đến lớn cả trăm ngàn muôn do-tuần.

Luật Tăng-kỳ chép: Trùng nhỏ có lược phải ba lớp, nếu có thì phải bỏ. Nếu lấy nước hàng ngày phải xem kỹ, không có trùng mới dùng, vì côn trùng sinh ra không nhất định, hoặc là trước không có nay có.

Luật Ngũ Phần nói: Trong nước có trùng là lấy túi lược lược đi, nên dùng mắt thật mà nhìn, nếu dùng nước có nhiều côn trùng phạm tội đọa. Không có đây lược nước không được đi nửa do-tuần. Nếu không có đây thì lấy một góc y lược nước.

Trong luật nói không phạm là: Nếu có trùng tưởng không có trùng. Nếu trùng lớn, dùng tay khuấy động cho trùng dang ra, hoặc lược nước bằng đất rượu, hoặc dạy người lược tất cả không phạm.

***Giới thứ hai mươi: Lợp nhà quá ba lớp***



có bốn duyên thành phạm:

1. Tự làm cho mình
2. Tự che, bảo người khác che
3. Đến lớp thứ ba chưa xong, không cách chỗ thấy nghe.
4. Đến lớp thứ tư xong rồi thì phạm

***Giới thứ hai mươi một: Tăng không sai mà dạy Tỳ-kheo-ni***

có bốn duyên thành phạm:

1. Không vì tăng sai
2. Nhóm họp trong ni chúng
3. Nói pháp, giáo giới
4. Nói rõ thì phạm.

Trong luật nói: Tăng không sai mà nói tám pháp kính đều phạm đọa, sai ngày phạm Đột-cát-la.

Luật Tăng-kỳ chép: Ba ngày trước (ở trong kinh nói giới ba ngày sau ngày 1) hai ngày sau (bỏ hai ngày bố tát). Bỏ ngày này gọi là sai ngày, chỉ cần đủ mười vị tôn túc, thực hành bố tát rất ít. Nay chỉ là pháp lược như San Bồ yết-ma có nói.

***Giới thứ hai mươi hai: Nói pháp cho Tỳ-kheo-ni đến tối***

có sáu duyên thành phạm:

1. Là tăng sai
2. Chúng Tỳ-kheo-ni đến nhóm họp
3. Giáo giới nói pháp
4. Đến tối
5. Biết là trời tối
6. Nói pháp không dứt thì phạm.

Trong luật nói: Trừ giáo thọ, nếu trì kinh, tụng kinh, hoặc hỏi, hoặc làm việc khác cho đến tối và trừ Tỳ-kheo-ni, nếu là người nữ khác mà tụng kinh đến tối, tất cả phạm Đột-cát-la.

Không phạm là: Giáo thọ ni đến lúc trời chưa tối liền nghỉ, trừ phụ nữ, mình vì người khác, hoặc chỗ thuyền tế nói pháp cho ni nghe, hoặc cùng đi với khách buôn, ban đêm đến chùa Ni nói pháp, hoặc nhờ người thỉnh, gặp nói thì được nghe, tất cả không phạm.

***Giới thứ hai mươi ba: Chê bai người giáo thọ Tỳ-kheo-ni***

có sáu duyên thành phạm:

1. Là tăng sai
2. Tâm vì pháp
3. Trong lòng ganh ghét
4. Nói vì ăn uống
5. Nói rõ ràng
6. Người dối diện nghe biết.

Không phạm là: Việc đó có thật như vậy, vì cúng dường, dạy cách tụng kinh, trì kinh. Hoặc hỏi, hoặc đùa giỡn, hoặc nói lầm, tất cả không phạm

***Giới thứ hai mươi bốn: Cho y Tỳ-kheo-ni chẳng phải bà con***

có bốn duyên:

1. Là Tỳ-kheo-ni
2. Không phải bà con
3. Cho y
4. Nhân thì phạm

Trong luật nói: Trừ sự trao đổi. Nếu cho tháp, Phật, tăng tất cả không phạm.

***Giới thứ hai mươi lăm: May y cho Tỳ-kheo-ni không phải bà con.***

Đủ ba duyên thành phạm.

1. Là ni
2. Không phải bà con
3. Hễ may thì phạm

Trong luật nói: Tùy theo kéo cắt nhiều hay ít, tùy theo đường may mũi kim đều phạm tội đọa. Nếu lại khoác, mặc, ủi hay dùng tay vuốt, hoặc nắm một đầu góc kéo xếp cho ngay vuông, hoặc do nhân duyên xin chỉ, tất cả phạm Đột-cát-la.

Không phạm là: là cho Tỳ-kheo-ni bà con, hoặc làm vì Phật, pháp, tăng, hoặc mượn đắp. Dùng xong phải giặt, nhuộm, sửa sang trả lại cho chủ.

***Giới thứ hai mươi sáu: Một mình ngồi chỗ vắng với Tỳ-kheo-ni.***

Có bốn duyên thành phạm:

1. Là Tỳ-kheo-ni
2. Không có người thứ ba
3. Ở hai chỗ khuất và chỗ trống.
4. Cùng ngồi thì phạm.

Luật Thập tụng nói: Chỗ vắng cách nhau một trượng phạm tội đọa, một trượng rưỡi Đột-cát-la, hai trượng hoặc quá không phạm.

Luật Tăng-kỳ chép: Cùng một Tỳ-kheo-ni ngồi ở chỗ khuất, hoặc ni mời một Tỳ-kheo ăn, một Tỳ-kheo-ni ngồi chung với một Tỳ-kheo, một ni đem thức ăn đến, khi vị ni này đi thì Tỳ-kheo phạm tội đọa.

Lúc ấy Tỳ-kheo nên đứng dậy nói: “Tôi muốn đứng dậy, đừng để người kia nghi làm việc phi pháp”, nếu Tỳ-kheo-ni bỏ đi thì không phạm. Tát-bà-đa nói: Tỳ-kheo ngồi chỗ khuất kín, chỗ không biết hở thẹn, chỗ có thể hành dâm; trong luật nói hai chỗ khuất đối với sự thấy và sự nghe như đã nói trong hai giới bất định; hoặc chỗ không thấy mà nghe, không nghe mà thấy, hoặc đứng chung tất cả phạm Đột-cát-la. Không phạm: là nếu khi ấy Tỳ-kheo có bạn, hoặc có người trí, chẳng phải chỗ không thấy không nghe hay không nghe không thấy, hoặc đi ngang qua bị té dưới đất, hoặc bị thế lực bắt buộc, hay nạn mạng sống, nạn phạm hạnh.

### ***Giới thứ hai mươi bảy: Tỳ-kheo hẹn với Tỳ-kheo ni cùng đi chung một đường***

Đủ năm duyên thì phạm tội: một/ là Tỳ-kheo-ni; hai/ hẹn nhau đi chung; 3/ không có duyên sự; bốn/ cùng một đường; năm/ từ chỗ này qua chỗ khác.

Trong luật, không phạm: là không hẹn hò nhau, hoặc có nhiều bạn bè cùng đi, hoặc chỗ có sợ hãi, nghi ngờ; hoặc đến nơi đó được an ổn, hay nạn mạng sống, nạn phạm hạnh v.v... thì không phạm. Luật Thập Tụng Khai cho Tỳ-kheo gánh vải qua đường hiểm dùm Tỳ-kheo-ni.

### ***Giới thứ hai mươi tám: Tỳ-kheo và Tỳ-kheo ni đi chung một thuyền***

Đủ bốn duyên thì phạm tội: một/ đó là Tỳ-kheo-ni; hai/ hẹn hò nhau; ba/ cùng chung một thuyền ngược dòng, xuôi dòng; bốn/ vào trong thuyền. Trong luật, trừ khi qua đò, người chèo thuyền lạc hướng, đi thuyền ngược dòng xuôi dòng thì không phạm.

### ***Giới thứ hai mươi chín: Tỳ-kheo nhận thức ăn do Tỳ-kheo ni khuyến hóa***

Đủ bốn duyên thì phạm tội: một/ thức ăn do ni hoặc ba chúng dưới khuyến hóa mà được; hai/ biết; ba/ thọ nhận; bốn/ mỗi miếng ăn phạm một tội đọa. Trong luật chép: khuyến hóa rằng: Vị này sống ở A-luỵennhã chỉ trì ba y, khát thực để sống, hoặc khen ngợi Pháp sư học rộng, trì luật, ngồi thiền.

Thức ăn: thức ăn được nhận từ sáng đến trưa, mỗi miếng ăn phạm tội đọa (Ba-dật-đề). Trừ thức ăn ra, biết các thứ khác do khuyến hóa mà được như: áo lót, đèn, dầu phạm Đột-cát-la. Luật Tăng-kỳ trừ Đản-việt cũ thì được. Cho đến lúc đang ăn xướng lên cúng dường, có Tỳ-kheo khác đến, Tỳ-kheo-ni nói có Tỳ-kheo đến, thí chủ nói: “Tốt thay!” thì không phạm. Nếu Tỳ-kheo-ni nói đây là người tu mười hai hạnh đầu đà thì phạm tội đọa; nếu nói thức ăn nhiều và ngon, bình đẳng cúng dường không phạm, nếu nói đồ chúng học rộng tinh tấn, nên thỉnh chung một chúng, tất cả phạm tội đọa; hoặc nói người chủ của chúng kia tinh tấn, vì Tỳ-kheo này nên thỉnh chung hai mươi vị; tiếng tăm một người kia được khen ngợi, những người khác không phạm.

Nếu có khen ngợi được thức ăn như thế không được bỏ đi, nên lần lượt đổi chỗ ngồi, nếu chỗ ngồi bên cạnh dơ bẩn, không sạch, không thích đổi chỗ, nên nghĩ rằng: “Thức ăn trong bát này là của Tỳ-kheo... đã chấp nhận, tôi sẽ ăn”, thì không phạm; nếu nói Tôn giả... có thể thường đến đây khát thực thì không phạm. Trong luật Ngũ Phần, nếu trước không biết, lúc ăn Tỳ-kheo-ni nói thích cúng dường Tỳ-kheo thì không phạm. Trong luật, không phạm là hoặc không biết, hoặc Đảnviệt có ý trước, hoặc tưởng không có giáo hóa, hoặc Tỳ-kheo-ni tự làm đản-việt, hoặc Đản-việt nhờ Tỳ-kheo-ni phụ trách, hoặc không cố ý giáo hóa mà được thức ăn thì không phạm.

### ***Giới thứ ba mươi: Tỳ-kheo hẹn đi chung một đường với người nữ***

Có mấy duyên thành phạm giống như giới hẹn Tỳ-kheo-ni đi chung đường. Nhân duyên trong luật, ngài A-na-luật là bậc Vô học giáo hóa chúng sinh còn bị đánh gần chết, huống gì phạm phu. Cho nên nói: Nếu đi chung trong phần giới của xóm làng phạm Đột-cát-la.

Không phạm là không biết trước, hoặc không hẹn hò, hoặc việc cần đến chỗ đó được an ổn, hay nạn mạng sống, nạn phạm hạnh.

### ***Giới thứ ba mươi một: Chỗ thọ cúng dường một bữa ăn mà thọ quá***

Đủ năm duyên phạm tội: một/ thí chủ chỉ cúng một bữa; hai/ biết như vậy; ba/ thọ quá một bữa; bốn/ không có nhân duyên; năm/ thọ thực thì phạm.

Trong luật khai cho người bị bệnh, nếu đi khỏi thôn đó thì bệnh càng trầm trọng. Không phạm là ngủ một đêm nhận một bữa ăn, bệnh được nhận hơn một bữa ăn, hoặc các cư sĩ mời các đại đức ở lại để cúng dường, hoặc thứ lớp mời lại để cúng dường, hoặc đường thủy, đường bộ gặp nguy hiểm thì không phạm.

### ***Giới thứ ba mươi hai: Xoay vần thọ thực***

Luật Thập Tụng nói là ăn nhiều lần, Ngũ Phần cũng vậy. Luật Tăng-kỳ nói là ăn chỗ này đến chỗ khác. Tổng Nhất Minh nói là trái với lời thỉnh cầu cúng dường của thí chủ.

Đủ năm duyên thành phạm: một/ Trước mời thọ năm thứ thức ăn chính, bất luận đạo-tục, bà con, không bà con; hai/ chỗ ăn đảm bảo được no; ba/ không có duyên sự, nghĩa là bệnh v.v...; bốn/ lại nhận thí chủ khác cúng dường thức ăn chính; năm/ hễ nuốt vào liền phạm. Trong luật thỉnh có hai loại: thỉnh theo thứ lớp của tăng và thỉnh riêng. Thức ăn: cơm, lương khô, cơm khô (cháo đặc cũng vậy). Luật Tăng-kỳ chép: cháo mới trong nồi ra, vẽ ngang qua không thành chữ là không phải thức ăn chính. Luật Tăng-kỳ nói nếu nhà thế tục nói: “Thưa thầy! Hôm nay mời thầy thọ trai ở nhà con”, liền gọi là chỗ thỉnh. Nếu thức ăn chưa chín, muốn đến nhà khác nên nói rồi đi, không nói mà đi đến chỗ khác được thức ăn chính thì phạm hai tội đọa: một là không nói với nhà thỉnh; hai là trái với lời thỉnh cầu. Điều này rất giống luật Tứ Phần. Lại nữa, luật chép: lúc bệnh, không thể ngày ăn một bữa mà đủ được.

Lúc thí y trong mười hai tháng, tùy theo chỗ thỉnh cúng y thực thì khai cho trái với lời thỉnh cầu. Nếu một ngày nhận nhiều người thỉnh, mình chỉ thọ một nhà, còn các nhà khác nhường cho các vị khác nói rằng: “Thưa Trưởng lão, lẽ ra tôi đến đó, nhưng nay xin cúng dường cho Ngài”. Nếu Tỳ-kheo không xả như vậy, trái với lời thỉnh cầu của nhà trước, mỗi miếng ăn phạm một tội đọa, trái với lời thỉnh cầu của nhà sau, mỗi miếng ăn phạm một tội Đột-cát-la.

Ngũ Bách Vấn chép: nếu chủ nhân không thích ý thay đổi ý kiến thì không phạm. Luật Thập Tụng, luận Tát-bà-đa nhà mời trước không được tùy bệnh mà ăn; ngược lại đến nhà thứ hai, thứ ba được ăn từ từ, đến ngõ không được đến nhà thứ tư. Trong luật, không phạm là khi bệnh, khi thí y, hoặc nhường lại cho các Tỳ-kheo khác, hoặc thỉnh chẳng phải thức ăn chính (nghĩa là cháo, bánh không phải thức ăn chính), hoặc ăn không no (thức ăn chính nhưng ít quá ăn không no), hoặc không thỉnh, hoặc ăn xong lại nhận được thức ăn thì không phạm.

### ***Giới thứ ba mươi ba: Ăn riêng chúng***

Về ăn riêng chúng, theo văn trong luật này chỉ nói thỉnh riêng, chẳng nói về không tập hợp, cho nên nói rằng: “Các thí chủ chỉ thỉnh ba người ăn, chúng tôi không được ăn riêng chúng”. Nếu theo duyên khởi thì nói khát thực, cho nên nói: “vì khó thu nhiếp người khó điều phục, nên tự kiết chúng riêng”. Nếu theo luận Tát-bà-đa thì không nhóm họp trong nội giới, cũng nói thỉnh riêng, khát riêng có tập hợp, không tập hợp. Thỉnh thứ lớp của tăng có tập hợp, không tập hợp. Nay chia ra ba tướng để nói về duyên phạm của mỗi tướng; đưa ra chứng cứ để chứng minh là riêng chúng.

***I. Nói về bảy duyên thỉnh tăng theo thứ lớp:*** một là có thí chủ; hai là thỉnh theo thứ lớp; ba là năm loại thức ăn chính trong buổi trưa; bốn là chỗ ngồi ăn thành chúng; năm là biết trong giới, có Tỳ-kheo tài đức chưa ăn không tập hợp; sáu là không có các duyên; bảy là mỗi miếng phạm một tội đọa. Luận Tát-bà-đa nói: nếu thí chủ vào trong nội giới của tăng, bày thức ăn hai chỗ, nên thỉnh tăng ăn chỗ Bồ-tát, hoặc đưa một phần thức ăn, chỗ đó không cần xoay vần.

Nếu trong giới xóm làng không có giới của tăng, hai thí chủ, mỗi người thỉnh bốn vị trở lên, ăn hai chỗ nên đánh kiền-chùy, cùng nhau thỉnh một người, đưa ra một phần thức ăn. Lại có Tỳ-kheo khác vào, cũng phải xoay vần, nếu trước thỉnh tăng theo thứ lớp, sau thành thỉnh riêng, có khách ngăn không cho vào, nếu không ngăn, tuy trước thỉnh riêng sau thành thỉnh tăng theo thứ lớp, lập pháp như trên, ở đây nói về tăng thứ lớp. Khát riêng: bốn câu trong luật Thiện Kiến: bốn người cùng khát thực, hoặc khát thực riêng, mỗi người không biết nhau, cùng một thí chủ thọ thực cùng một lúc thì phạm. Trong luận Tát-bà-đa, nếu bốn người mỗi người tự khát thực, cùng ngồi ăn một chỗ không có lỗi vì chẳng phải của một nhà. Nếu thỉnh riêng một người nên ở ngoài cửa tác pháp, chỉ được một người thì gọi là thanh tịnh. Nếu không tác pháp, không có người trong nội giới, tất cả tăng bị ngăn không cho thọ thực, vì tội không thanh tịnh.

Nói theo đây thì không nương vào nội giới, không nhóm họp. Nếu nhóm họp hết cũng kết tội này. Cho nên nói: “Thỉnh cùng một vị với tăng, mỗi miếng đều phạm. Nói theo đây, loại thỉnh tăng theo thứ lớp tăng chỉ hạn cuộc không nhóm họp kết tội, còn khát thực thỉnh riêng nhóm họp hay không nhóm họp đều kết tội. Nay lại nói chung theo duyên tùy tướng, khiến người biết được những lỗi thường có; về có thí chủ, luật Tứ Phần, luận Tát-bà-đa nói bất luận đạo-tục đều gọi là Thí chủ, tức nói tăng thực không có lỗi riêng chúng. Cho nên luận Tát-bà-đa nói: nếu lấy thức ăn của tăng, ăn riêng một mình, không ăn với chúng tăng, hoặc ngăn khách tăng, hoặc không làm phép, đó là ăn trộm. Luật Tăng-kỳ nói chẳng phải tội riêng chúng, có nói rõ trong quyển thượng.

**II. Ba loại: Tăng riêng, khát riêng, thỉnh riêng.** Trước nói tăng riêng: tức là thứ lớp của tăng, luật Ngũ Phần nói thỉnh tăng theo thứ lớp: phạm phu, bậc Thánh đều ngồi thiền tụng kinh, khuyên người khác giúp nhiều việc, cùng xuất gia vì mục đích giải thoát, nên được tính vào thứ lớp của tăng, chỉ trừ người ghét giới.

Nói thứ lớp thượng tọa là theo thứ lớp của tăng, lại không biết bao nhiêu trai giới là thượng tọa. Phật dạy: người không còn ai trên mình đều gọi là Thượng tọa, dùng pháp thu nhiếp người, hoặc nói thiền sư, v.v... là thỉnh riêng. Nếu nói mười vị thiền sư, trừ pháp sư, luật sư, vì chọn lựa người khác nên không gọi là thỉnh tăng theo thứ lớp. Trong Thập tụng, Thiện Sinh nói vì pháp La-hán, người thỉnh không xưng tên, còn gọi là thỉnh riêng, bị Đức Phật quở trách, như trong pháp phó thỉnh. Luận Tát-bà-đa nói nếu thí chủ thường xuyên thỉnh Tỳ-kheo, hoặc giới hạn trong một ngày, trước tùy theo ý người thỉnh, mỗi việc khiến họ xác định, đến ngày nhóm họp đầu tiên, trước không được thỉnh riêng, tất cả không ngăn thì rất tốt, không có lỗi. Chẳng thể không ngăn, nên đánh kiền-chuỳ, đợi chúng tăng nhóm họp xong, người thỉnh riêng trước hãy ở một chỗ khuyến hóa cho Tỳ-kheo khác. Nếu thí chủ cúng dường nên đứng chỗ cao cất tiếng nói lớn, người sáu mươi tuổi hạ vào, hoặc nhiều hoặc ít, chỉ được một người thì gọi là thanh tịnh cho đến xướng đến vị một hạ và Sa-di v.v... nếu không xướng như vậy cũng gọi là thanh tịnh. Nếu ngày đầu không xướng, nên xướng hằng ngày, theo pháp ngày đầu, nếu ngày đầu xướng xong, ngăn hay không ngăn tất cả đều không có lỗi. Nếu không làm hai pháp này, hoặc ăn có ngăn Tỳ-kheo trong nội giới cho đến một người, thí tất cả tăng ở đây mắc tội riêng chúng. Nếu nội giới không có Tỳ-kheo, nên có ngăn thọ thực cũng không thanh tịnh. Nếu thỉnh chín mươi ngày, hoặc thỉnh thường xuyên như xướng ở ngày đầu chín mươi ngày hạ xong, nếu thí chủ có tiếp tục cúng dường một tháng, hoặc nửa tháng, thì đúng như pháp xướng trước được thanh tịnh, không cần thay đổi cách xướng. Chỉ có tăng phòng, ngọa cụ, xong chín mươi ngày, hằng ngày xướng, không xướng mắc tội. Nếu thí chủ đến trong giới của tăng làm thức ăn cúng dường, mà phòng xá chật hẹp, nên thứ lớp ra chỗ khác thọ thực cũng được, hoặc trong một đại giới có hai chỗ thì tốt. Luật Tăng-kỳ, trong một ngày hai chỗ đều cúng dường thức ăn, chỗ bố tát không mắc lỗi, chỗ không

bổ tát, một người không đưa một phần thức ăn thì tăng ở đây phạm tội đọa. Nếu thí chủ thỉnh riêng, theo thứ lớp tăng, bốn người vào trong một giới bổ tát ăn, hoặc đem thức ăn vào trong giới, Tỳ-kheo thỉnh riêng nên đến chỗ bổ tát, thỉnh tăng theo thứ lớp, một người đưa một phần thức ăn. Nếu hai chỗ, ba chỗ cũng vậy. Chỗ của người được thỉnh không cần xoay vần, chọn một người đưa thức ăn, nếu người được thỉnh đưa thức ăn, bên ngoài không có Tỳ-kheo khác, thì ngăn không cho ăn phạm tội đọa. Nếu không làm như vậy, ba người trở xuống, mỗi người ở chỗ khác được ăn. Nếu một người trong tăng có ý thỉnh, bỗng quên thỉnh, trước nên làm một phần thức ăn, để phía Thượng tọa đưa cho vị tăng kia. Nếu đường đi xa trước nhận thức ăn rồi thứ lớp đi. Trong giới xóm làng tuy không có giới của tăng, nhưng nếu có hai Đàn-việt thỉnh bốn người trở lên, ở hai chỗ ăn nên đánh kiên-chuỳ một người đưa một phần thức ăn. Nếu có Tỳ-kheo khác nên mời vào, cho đến một người, nếu không đưa thức ăn đều phạm tội đọa, nếu ngăn không cho một người ăn cũng phạm tội đọa. Nếu một chỗ muốn đứng như pháp, nên xem xét rõ biết Tỳ-kheo xóm làng có đủ hay không, chẳng có nghi ngờ thì được, không làm như vậy nên đánh kiên-chuỳ, nếu không đánh biết có một người không đến ăn phạm tội đọa, nghi có người không đến phạm Đột-cát-la. Không có tâm nghi, hoặc đánh kiên-chuỳ, bất luận có hay không tất cả đều không phạm. Nếu trước theo thứ lớp của tăng đến, có Tỳ-kheo khách ngăn không cho vào thì thành riêng chúng; hoặc trước thỉnh riêng có Tỳ-kheo khách đến, Tỳ-kheo giáo hóa khiến đàn-việt cúng dường, không ngăn thì thành thỉnh theo thứ lớp của tăng. Nên phải ngăn cho đến xuống một người vào v.v... Bốn câu trong luật Thiện Kiến: một/ hoặc bốn người ăn một lúc, hoặc khát thực riêng, mỗi người không biết nhau, nhưng cùng một lúc cùng một thí chủ mà đến thọ thực phạm tội đọa; hai/ mỗi người đi thọ thức ăn một chỗ (trong luật Tứ Phần không phạm tội đọa); ba/ mỗi người tự đi, mỗi người thọ thỉnh, mỗi người ăn thì không phạm; bốn/ hoặc khát riêng, đi riêng nhưng thọ thực một lúc phạm tội đọa. Nghĩa là người thỉnh tăng theo thứ lớp đến nhà thỉnh rồi, ngoài cửa có Tỳ-kheo không cho vào nội giới, sẽ thành thỉnh riêng. Giả sử sau khi ăn, không có người đến cũng phạm tội đọa. Nếu tăng trong nhà và tăng ngoài cửa đi với nhau sáu mươi ba bước ra ngoài, lúc ăn tăng ngoài mới gọi là thỉnh riêng, riêng chúng, không gọi là thứ lớp tăng, riêng chúng. Bốn người ăn một chỗ thành một chúng. Luật Thiện Kiến, cần phải thỉnh riêng bốn vị đều thọ thực thì thành chúng, một Tỳ-kheo tại tòa, đập bát không ăn đợi ba người kia ăn xong một người ăn sau không phạm. Luật Tứ Phần nói nếu hai người, ba người tự ý thọ thực. Nếu bốn người hoặc hơn thì nên chia thành hai bộ thay nhau vào ăn. Luận Tát-bà-đa nói ba Tỳ-kheo và một người tâm cuồng, ba Tỳ-kheo và một người bị diệt tận, ba Tỳ-kheo ở trong giới và một người ở ngoài giới. hai người tâm cuồng và diệt tận không kể số tăng, tuy bốn người nhưng không thành chúng; cương giới khác nhau không tính tức số, không thành riêng chúng. Vì phải là một vị Tỳ-kheo hoàn hảo. Luận Tát-bà-đa nói ăn thức ăn của tăng hoặc thức ăn của thí chủ, mỗi người lấy phần ăn của mình, tuy bốn người trở lên ăn ở chỗ khác hoặc cùng ăn một chỗ không phạm riêng chúng. Nếu bốn người, mỗi

người tự khát thực ngồi ăn cùng một chỗ cũng không riêng chúng (ăn riêng chúng). Luật kết phạm: một là nhà gồm bốn người đến khát thực, thọ thực cùng một lúc, tức trước sau mỗi người tự ăn phần của mình phạm tội, là do ăn thức ăn của mình. Lại có bốn câu: một, chủ ý thức ăn là một người, tập hợp tất cả không lỗi; hai là ăn một chỗ chia làm hai chúng, đó đây thành khác nhau, và dùng thức ăn giống nhau nên không phạm. Nếu nội giới có Tỳ-kheo khác, cả hai đều phạm; ba là ăn riêng nhưng một chỗ, như tăng đều chưa ăn thức ăn của tăng, hoặc có thức ăn của thí chủ, một thí chủ thỉnh riêng bốn vị ở trong tăng cùng ngồi thọ thực, không thọ thực với tăng, mỗi miếng phạm một tội đọa. Nếu bốn người kia, trước lấy một phần ăn rồi, sau được thêm thì không phạm (đây nghĩa là chỗ trống phải ở trong cánh tay, nếu ở chỗ có che không cần gần nhau); bốn, nghĩa là khác thức ăn, khác chỗ, hai chúng này, kia cùng thỉnh một người, cùng đưa một phần thức ăn, nếu không làm như vậy thì cả hai đều phạm tội đọa; năm, trong giới không tập hợp hết. Luật Ngũ Phần nói, nếu thỉnh Tỳ-kheo tăng nên cho Tỳ-kheo và sa-di đến. Nếu thỉnh hai bộ tăng, năm chúng nên đến. Luận Tát-bà-đa chép: ăn riêng chúng thì phải ở trong nội giới.

Giới nghĩa là giới do chúng tăng kiết và giới xóm làng, giới nhà, giới chỗ hoang vắng, chỗ cách thôn một lô-xá. Trong các giới này không được ăn riêng chúng, bố tát riêng. Nếu tăng ăn rồi, có Tỳ-kheo khách đến, đàn-việt cúng dường, bốn người trở lên không phạm tội, vì tăng đã ăn xong, không cùng một món thức ăn, không trái với lỗi ăn riêng chúng. Nếu tăng chưa ăn có Tỳ-kheo khách đến trong giới, nhận thức ăn của đàn-việt mỗi miếng thành phạm. Riêng Tỳ-kheo cuồng suy, diệt tận và sa-di không phạm, (sa-di, sa-di-ni, thức-xoa) ba người trở lên chẳng phải ăn riêng chúng. Nếu Tỳ-kheo không ăn với tăng đó là trộm. Luật Tăng-kỳ, nếu sa-di đó là thỉnh theo thứ lớp của tăng đến thì bốn Tỳ-kheo trở lên khỏi phải phạm tội ăn riêng chúng vì họ đều là những bậc ruộng phước)

Luật Tứ Phần và các luật đều nói: vì thỉnh riêng, khát riêng nên phạm (chẳng nói không nhóm hợp). Luận Tát-bà-đa cũng nói thỉnh riêng, khát riêng đúng như luật, lại thêm chỗ ăn không nhóm hợp, tuy thỉnh theo thứ lớp của tăng, đến nhưng không nhóm hợp cùng một giới, lại thêm riêng chúng (ăn riêng chúng). Luật Thiện Kiến nói có năm thứ đủ bốn người không phạm:

1. Không thỉnh đủ bốn người, thí chủ thỉnh riêng, thỉnh bốn người một người không đi, chủ nhân thấy gần đến giờ ăn mà thiếu người, thấy một Tỳ-kheo đến liền mời vào cúng dường. Đó gọi là thỉnh theo thứ lớp của tăng (không có gì riêng)
2. Khát thực đủ bốn người: cũng thỉnh riêng, một người không đi, đến giờ ăn Tỳ-kheo khát thực đến, theo thứ lớp cúng dường.
3. Sa-di đủ bốn người.
4. Bát đủ bốn cái (thỉnh riêng bốn vị, ba vị đích thân đến, còn thỉnh bát của một vị).



5. Người bệnh đủ bốn người không phạm (đây nghĩa là người cuồng si) tất cả đều chẳng phải ăn riêng chúng, cho phép được ăn. Trong luật, Khai không phạm có bảy duyên: một là khi bệnh nhẹ cho đến gót chân bị nứt. Luật Thiện Kiến nói: gót chân nứt bị đất dính vào trong đó không thể đi được; hai là khi may y, tự tứ xong không có y công đức thì hưởng được một tháng, có y công đức thì được năm tháng; ba là lúc thí y: như giới trái với lời thỉnh ở trước; bốn là khi đi đường; năm là khi đi thuyền: dưới cho đến trong nửa do-tuần qua lại, xuôi dòng ngược dòng; sáu là đại chúng nhóm họp, ăn đủ bốn người, dư một người là lỗi, cho đến một trăm người dư một người bị lỗi (đây nghĩa là gặp lúc thiếu kém cho hai nhà (nhà này, nhà kia), mỗi nhà bày thức ăn cúng dường, nhà này thành chúng, nhà kia một người nói chõ ăn thành chúng, nhà kia một người vốn có lỗi ăn riêng chúng, lẽ nào lúc có sự thiếu thốn nên khai như vậy. Lại nữa, cúng dường đầy đủ, hay giới hạn không hứa đưa từng phần và bên ngoài khát thực khó được nên khai như vậy)

Nay kinh nói thiết trai cúng dường, thường không y theo thỉnh tăng theo thứ lớp, tăng đến đông ở ngoài cửa, nhà thỉnh từ chối, đóng cửa không cho vào. Đại đức Anh Đạt an nhiên ngồi ăn, biết ngoài có Tỳ-kheo mà không mời vào, tự thân tôi thấy việc này quá xấu xa, mong các vị hành quả thấy nghe mà xét lại. Luật Ngũ Phần chép: ngoài cửa có Tỳ-kheo khách mà không được vào, cho đến nói về bốn tự lấy thức ăn v.v... rộng như trong pháp phó thỉnh.

Bảy là lúc Sa-môn thí thực: nghĩa là các người xuất gia ngoài hàng Sa-môn Thích tử. Lại nữa, theo trong luật thỉnh tăng theo thứ lớp không phạm. Trong luật Ngũ Phần, khi thời của y thì không phạm. Tất cả gộp lại thành chín duyên không phạm.

Kinh Tăng nhất chép: Trưởng giả Sư Tử thỉnh riêng năm trăm vị La-hán.

Phật dạy: “Này trưởng giả! Trưởng giả thỉnh như vậy không bằng thỉnh một Ni tăng theo thứ lớp phước không thể lường”. Do đó Đức Phật nói: “Nhu uống nước biển lớn thì uống nước của các dòng sông” Trưởng giả Sư Tử đáp:

-Bạch Đức Thế Tôn! Từ nay về sau, con sẽ không thỉnh riêng.

-Ta cũng không cho các ông cúng dường riêng, vì không có phước.

Trưởng giả Sư Tử nghe Phật dạy, từ đó ông cúng dường bình đẳng, cũng không nói người này trì giới, người kia phạm giới. Đức Phật khen: “Lành thay! Cúng dường bình đẳng được phước vô lượng”. Thí bình đẳng là bậc nhất trong các cách thí.

Trong Kinh Hiền Ngu, có người cúng dường Phật tám bạch điệp, Phật nhường lại cho tăng, ý nghĩa giống ở đâu. Cho dù mai sau chánh pháp diệt tận, Tỳ-kheo có vợ con, một người trở lên gọi là chúng tăng danh tự, khắp nơi mời cúng dường, phải nên kính trọng như các vị đệ tử lớn của Phật như: ngài Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, v.v...

Luật nói về khai duyên, duyên thịnh tăng theo thứ lớp công đức lợi mình, lợi người, còn các duyên khác như bệnh v.v... chỉ lợi mình (nghĩa là thịnh riêng ba vị, có một người do duyên bệnh, hoặc đi đường mà vào, những người trước vì lợi ích được khai, người ấy(sau) phạm riêng chúng.

Trong luật, nếu người không có các duyên như trên, nên bạch rằng: “Con không có nhân duyên ở trong chỗ ăn riêng chúng này, nay con muốn ra ngoài”. Người khác không có nhân duyên cũng vậy. Nếu có nhân duyên ăn riêng chúng mà muốn vào nên bạch: “Con có duyên ăn riêng chúng, con muốn vào”. Bạch rồi theo thứ lớp đi vào. Nếu có duyên, không bạch phạm Đột-cát-la. Không phạm là: các điều đã khai như trên.

### ***Giới thứ ba mươi bốn: Tỳ kheo nhận thức ăn của người sắp về nhà chồng và khách buôn***

Đủ năm duyên thành phạm:

1. là thức ăn của người sắp về nhà chồng và của người đi buôn. Hai, biết rõ như vậy. Ba, không có duyên sự. Bốn, nhận quá ba bát. Năm, ra khỏi nhà thí chủ.

### ***Giới thứ ba mươi lăm: Giới ăn no***

Đủ năm duyên thành phạm:

Một/ ăn đã no. Hai/ biết ăn đã no. Ba/ xả oai nghi. Bốn/ không có duyên sự. Năm/ ăn thêm nữa.

Trong luật, cơm, bún, cơm khô là chánh thực, có thể ăn no, nên gọi là ăn đã no.

Năm duyên: Một/ biết đó là thức ăn(là những thức ăn như cơm v.v... ). Hai/ biết mang đến (biết vì ta mang đến, nhưng đã ăn no). Ba/ biết ngăn (biết ăn chưa no, chỉ ăn không ngăn người đem đến, hoặc ăn nhiều được no, chỉ ăn một miếng thì ngăn không cần nữa). Bốn/ biết uy nghi (biết bốn uy nghi đi, đứng, ngồi, nằm; hễ phá một oai nghi thì phạm giới (ăn đã no). Năm/ biết xả uy nghi (hoặc ngồi giường ăn, đã biết no, bồng cúi đầu lấy phân sau rời khỏi giường ăn), biết no rồi, xả uy nghi, không làm pháp dư thực mà ăn (ăn sau hoặc thức ăn chính, hoặc thức ăn phụ như: nhánh, lá, hoa, trái, bột mịn, bánh, dầu, đường, v.v... tùy theo mỗi hạt vào miệng) mỗi miếng phạm một tội đọa.

Trong luật Tăng-kỳ, xả oai nghi: có tám oai nghi: đi, đứng, ngồi, nằm, giường dài, giường ngắn, thuyền, xe.

Nếu ngồi trên giường thấy Sư Tăng, tượng Phật ở sau lưng thì xoay mình ngồi tránh đi nhưng thân không được lìa giường, nếu thân lìa giường gọi là xả oai nghi. Nếu lúc đang ăn, trời mưa phải lấy đồ che nếu không có gì che thì cùng nhau khiêng giường đến chỗ khác. Nếu lúc khiêng ngã xuống đất và các duyên khác mà lìa chỗ cũ lại vào ăn nữa thì phạm tội đọa.

Luật Ngũ Phần, có năm việc gọi là túc thực: Một là có thức ăn. Hai là có trao cho. Ba, có nhận ăn. Bốn là không nhận thêm (thời nay có người thọ thức ăn

chính, chỉ ăn thiếu một miếng bèn nói: “ăn không no”, liền đến chỗ trước theo nghi thức muốn ăn nữa. Đây chẳng phải là chánh lượng, ăn không biết no, y cứ theo sự no mà định tội đã phạm). Năm, thân lia chỗ cũ. Thân lia chỗ cũ lại ăn nữa, mỗi miếng phạm tội đọa. Ở nước nào sáng sớm không có cháo, khai cho ăn bún, bánh và nước trái cây.

Trong năm loại thức ăn của luật Thập Tụng thì bí nghĩa là cơm khô, còn các thứ khác giống với luật Tứ Phần.

Năm loại thức ăn gần giống thức ăn chính là hạt kê, lúa mì, cỏ vục, thố mạch, ca su.

Năm loại thức ăn phụ (thức ăn không phải chính thực) là củ, nhánh, lá, thức ăn bột và quả. Trong luật Tăng-kỳ, năm thức ăn chính cũng giống ở đây. Năm loại thức ăn chẳng phải thức ăn chính như luật Tứ Phần gọi là Khư-Xà-Ni: canh, lá, hoa, quả và thức ăn bằng bột. Luật Tăng-kỳ nói lúa mạch, gạo, đậu làm bánh sữa, dầu và viên hoan hỷ tất cả làm thành bánh. Trừ thịt ra, các thức ăn khác chẳng phải là ăn riêng chúng vì nơi đâu cũng có những thức ăn này. Luật Thiện Kiến chép: Khư-Xà-Ni là tất cả các loại quả. Thức ăn chính: gạo, lúa mạch, làm cơm và cốm; Cháo mới múc ra gạch ngang bát thành chữ không được ăn, hoặc gạo hợp với thuốc làm thành cháo cũng vậy, hoặc cơm ít hòa với nước nhiều.

Vì lia oai nghi phải làm pháp dư thực, cho đến cơm thịt lẫn vào chỉ lớn bằng hạt cải cũng làm pháp dư thực. Tất cả rau, củ và thân hạt làm thức ăn hoặc dùng đậu làm thức ăn thì không cần làm pháp dư thực. Dùng rau cải và vớ thức ăn chính, thức ăn không chính làm cháo, nếu nói chánh danh thành ngăn, không nói chánh danh không thành ngăn, v.v... nghĩa chép đủ ở đây là trước ăn no, chẳng phải ăn no gọi là đủ. Cho nên trong luật chép: lúc ấy, có Tỳ-kheo thấy vị Thượng tọa đến nên người nào thọ thực không làm pháp dư thực thưa: “con thọ thực không làm pháp dư thực” liền được ăn. Trong giới Tỳ-kheo-ni không kính tăng cũng vậy. Nên biết, nếu đứng dậy phải làm pháp dư thực. Do chỗ đó có thể ăn no nên không đứng dậy liền, huống gì luật Tăng-kỳ có tám điều ngăn. Trong luật Tứ Phần nói thức ăn dư của người bệnh không cần làm pháp dư thực. Luật Thiện Kiến nói rõ thức ăn dư của người bệnh, người bệnh ăn hoặc không ăn đều thành thức ăn dư. Luật Tăng-kỳ, nói một người làm pháp dư thực tất cả những người khác được ăn, luật này cũng vậy.

Trong luật đối với tăng tục đều có thể làm pháp dư thực, gồm mười tám cách khác nhau:

– Điều kiện để làm pháp dư thực có ba: Một là Tỳ-kheo, hai là trước ăn đã no, trừ không phải thức ăn chính và ăn chưa no. Ba là thân khoẻ mạnh, trừ thân bệnh.

-Đối với pháp cũng có ba: Một là lúc đầy đủ, trừ lúc thiếu thốn; Hai là người được cúng dường là Tỳ-kheo; Ba là ăn chưa no.

-Thế của thức ăn, có ba: Một là giờ ăn và thanh tịnh, luận Tátbà-đa nói thức ăn không thanh tịnh tác pháp không thành. Hai là thức ăn mới thanh tịnh, chẳng phải thức ăn dư của người bệnh. Ba là thức ăn không có phủ thức ăn dờ lên trên.

-Tự làm, có ba cách: Một, Tự nói tôi hiện tiền đã được tịnh nhân dâng thức ăn, ăn no rồi lại đối với Tỳ-kheo chưa ăn no cùng quỳ nói: “Bạch Đại đức tôi ăn đã no, Đại đức hãy biết và thấy như vậy, xin làm pháp dư thực cho tôi”. Hai là trao cho người trước. Ba là ở chỗ cách nhau một duỗi tay.

-Người kia làm, có ba cách: Một là người kia nhận thức ăn, hai là miệng nói “Tôi ăn no rồi! Thầy hãy dùng đi, ba là đưa lại cho người trước.

Đây là năm loại ba pháp (1 pháp) đều y cứ theo văn trong luật.

Trong luật Ngũ Phần, Phật dạy: để thức ăn vào bình bát, rồi bung trên tay, đắp y chừa vai phải, gồi phải chাম đất, bạch rằng: “Thưa Trưởng lão một lòng nghĩ, tôi tên là v.v... ăn đã no”; các việc khác như nêu trên. Vị kia hoàn toàn không ăn, chỉ bung rồi đưa lại nói: “Đây là thức ăn dư của tôi, thầy dùng đi”. Như thế cũng gọi là pháp tàn thực. Luật Tăng-kỳ nói: nếu bung bát, tác pháp nhưng chỉ ăn thức ăn trong bát thì trong bát thành pháp tàn thực, còn trong chén không thành.

Nghĩa chép: nay có người ăn cơm chưa xong, gọi người ăn đã no đến đưa thức ăn nói: Đây là thức ăn dư của tôi nên thành vô ngại, nếu khuyên dụ ép uống không thành pháp tàn thực phạm vào giới sau. Trong luật, không phạm là ăn tưởng chẳng phải ăn, không nhận làm pháp dư thực, không phải thức ăn, không làm pháp dư thực, vì bệnh không làm pháp dư thực, thức ăn thừa của người bệnh không làm pháp dư thực, làm thì phạm dư thực rồi.

### ***Giới thứ ba mươi sáu: Khuyên người khác ăn thêm***

Đủ năm duyên thành phạm: Một là họ đã ăn no rồi. Hai là biết họ ăn no rồi. Ba là khuyên dụ ép uống. Bốn là không làm pháp dư thực. Năm là người kia ăn.

### ***Giới thứ ba mươi bảy: Ăn phi thời***

Trong luận Đại Trí Độ,

Hỏi: Nếu pháp không có thời gian vì sao cho thời thực mà ngăn phi thời thực?

Đáp: Ta đã nói thế giới vẫn tự pháp chẳng phải thật, ông không nên vặn hỏi, nên pháp kiết giới trong Tỳ-ni là trong thế giới thật có. Vì sự chê trách của mọi người, cũng muốn bảo vệ Phật pháp, khiến Phật pháp ở đời lâu dài, nên qui định đệ tử Phật phải lễ kính pháp này.

Hỏi: Đức Phật Thế tôn kiết các giới, không cần cầu danh tự gì tương ưng hay bất tương ưng v.v... Nếu vậy, tại sao chỉ nói thời giả danh?

Đáp: Thời thật trong luật không nói, vì người tại gia, ngoại đạo không được nghe. Vì sợ nghe sinh tà kiến nên nói thời giả danh để thông dụng cho phần đông. Nay có người nói dối ở học pháp Đại thừa, phần nhiều tham đắm ăn phi

thời. Ở đây nêu ra đầy đủ để răn dạy họ. Trong kinh nói: “Sáng sớm các vị trời ăn, buổi trưa Chư Phật ba đời ăn, buổi chiều súc sinh ăn, buổi tối quỷ thần ăn. Đức Phật chế giới này nhằm dứt trừ nhân sáu cõi, được đồng với Chư Phật ba đời.

Bốn giải thích trong luận Tát-bà-đa:

1. Từ sáng đến trưa, lúc đó ánh sáng chuyển động mạnh gọi đó là Thời. Từ buổi trưa về sau ánh sáng từ từ mất đi gọi là phi thời.
2. Từ sáng đến trưa làm giờ ăn, đi khát thực không sinh phiền não. Buổi trưa về sau, trong việc đi lại có thể biết được.
3. Trước buổi trưa người đời công việc quá nhiều nên phiền não chưa phát khởi. Sau buổi trưa người đời nhàn nhã, Tỳ-kheo vào xóm khát thực dễ bị huỷ báng.
4. Trước buổi trưa khát thực nuôi sống thân mình, qua buổi trưa thanh tịnh các duyên nhóm họp, chẳng phải là thời gian khát thực, nên gọi là phi thời.

Lại nói: Ngày đêm mỗi phần chia làm chín thời. Về sự cùng tính tu-du. Ngày thì mặt trời lặn tánh nóng dần dần trở thành lạnh, đêm thì dài hơn. Thời, phi thời trong kinh A-hàm, kinh nói đầy đủ hai mươi bốn giờ và tương nửa tháng, y cứ theo hai mươi bốn khí lượng của thể tục. Luật Tăng-kỳ, phải biết thời tiết hoặc tính theo bóng (mặt trời), cũng như tính tu duyên như trên, hoặc tính theo khắc lậu.

Ngày dài nhất: ngày mười tám tu-du, đêm mười hai tu-du. Đêm dài thì ngược lại. Đủ bốn duyên thành phạm: Một là phi thời. Hai là nghĩ rằng phi thời. Ba là thời thực. Bốn là mỗi miếng phạm mỗi tội đọa. Luật chép: Thời từ lúc minh tướng xuất hiện cho đến giữa ngày, theo thời này vì pháp của bốn thiên hạ cũng vậy. Phi thời từ giữa ngày cho đến lúc minh tướng chưa xuất hiện. Luật Tăng-kỳ lúc giữa ngày gọi là Thời, nếu ăn phi thời phạm Đột-cát-la, qua lúc đó chỉ bằng một nháy mắt hoặc quá một sợi tóc mà ăn phạm Ba-dật-đề. Luật chép: nếu Tỳ-kheo thọ thực phi thời, mỗi miếng phạm một tội đọa. Nước phi thời để đến minh tướng xuất hiện, thuốc bảy ngày để quá bảy ngày đều phạm tội đọa. Thuốc (thức ăn) trọn đời không có nhân duyên mà dùng phạm tội Đột-cát-la (đã từng cho thêm phép tác tịnh bằng miệng, không bệnh không cho ăn, phạm có nhẹ có nặng đều có nghĩa là đã cho thêm phép tác tịnh bằng miệng. Nếu không cho thêm phép tác tịnh bằng miệng phi thời ăn bốn thứ thức ăn đều phạm tội đọa, giới bốn chỉ tìm nước và canh dương). Luật Ngũ Phần nếm thức ăn nhưng không được nuốt. Luật Thập Tụng nói: nếu dạy người ăn phi thời, thương tổn cỏ cây, đốt lửa ở chỗ trống, tay cầm vàng bạc, đào đất, ăn thức ăn cách đêm, vì mình hay không vì mình, người làm người dạy đều phạm tội đọa. Ngũ Bách Vấn chép: Sau buổi trưa, tất cả những thứ có hình không được ăn. Ăn xong dùng nhánh dương hoặc tro súc miệng thì không phạm tội đọa. Trong luật nói: không phạm nếu làm đường đen hòa với gạo vì cách làm như vậy nên không phạm. Bây giờ có Tỳ-kheo bệnh uống thuốc xỏ, thời gian sắp qua, nên nấu lúa

mạch bóc vỏ, lọc nước uống thì không phạm. Thức ăn trong cổ ối ra nuốt vào phạm tội đọa.

### ***Giới thứ ba mươi tám: Ăn thức ăn cách đêm***

Đủ ba duyên thành phạm: một là thức ăn cách đêm. Hai là biết rõ như vậy. Ba là ăn vào. Trong luật, thức ăn cách đêm: nhận được hôm nay để đến ngày mai. Tất cả Sa-môn Thích tử đã thọ đại giới mà ăn những thức ăn này đều không thanh tịnh. Bốn thứ thuộc quá hạn phạm Đột-cát-la như giới trước. Luật Thiện Kiến, Thập Tụng, Ngũ Phần nói Đại Tỳ-kheo thọ thực rồi thức ăn ăn hoặc chưa ăn trải qua đêm gọi là thức ăn cách đêm.

Hỏi: tàn thực và túc thực là một loại hay khác loại?

Có bốn câu trả lời:

1. Tàn mà không phải Túc (thọ bốn loại thuốc, không phép tác tịnh bằng miệng, quá giữa ngày phạm Đột-cát-la)
2. Túc mà không phải tàn cũng phạm Đột-cát-la.  
(Nghĩa là thức ăn chưa ăn, nhưng ngủ chung với thức ăn ấy phạm Đột-cát-la. Không ngủ chung không phạm).
3. Vừa tàn vừa túc phạm Ba-dật-đề .
4. Phi tàn phi túc có thể biết rõ.

Tàn túc, nội túc cũng có bốn câu:

1. Chính là tàn túc không phải nội túc (ngày nay nhận thức ăn để ngoài cương giới; không ngủ chung với thức ăn nên chẳng phải nội túc) phạm tội đọa.
2. Chính là nội túc không phải tàn túc.
3. Bốn từng câu biết rõ.

Có người nói: Tịnh địa không có nội túc. Văn chép: vì trừ việc Tỳ-kheo cất chứa nên biết rõ là có.

Trong luật, giới không ăn thực phẩm cách đêm, duyên khởi do Tỳ-kheo ngồi thiền. Mục đích là ngăn ngừa các Tỳ-kheo tội ác ở tương lai. Bên trong họ không quán đạo, chưa hàng phục được phiền não, dối chấp vào đạo nghiệp mà khinh chê thánh giới. Đây là tâm còn vương vào yêu ghét, chưa dứt được ngã. Cho nên những người tu đạo trong ba thừa đều không khinh thường giới, vì chặt hết gốc ngã sâu chắc, bẻ gãy cờ kiêu mạn, kiết sử. Kính trọng giới để làm cho đạo nghiệp thêm lớn. Có thể nào lại không tôn sùng?

Luật Thập Tụng, bát dính bơ, mỡ rửa không sạch, khi nhận thức ăn nên rửa sạch trong bát. Nếu bát bị nứt lấy giầy khăng lại, để đựng cháo. Nếu mỡ chảy ra, chỉ bỏ chỗ dơ, còn chỗ khác ăn được. Nếu bát màu đen mới, cho đến tay bị bơ, mỡ, dầu dính dùng nước đậu rửa hai, ba lần nếu chỗ dơ không hết cũng gọi là Tịnh.

Ăn muối cách đêm không sạch phạm Đột-cát-la (giống với cách phạm tội của luật Tứ Phần).

Già luận nói: chỗ dơ có rửa không sạch thì không làm dơ thức ăn. Luật Thiện Kiến chép: có nhiều Tỳ-kheo và một sa-di cùng đi, mỗi vị Tỳ-kheo tự gánh thức ăn, đến giờ mỗi người tự chia phần. Chia phần xong, sa-di thừa với Tỳ-kheo: “Thưa Đại đức! Con lấy phần con đổi cho Đại đức”. Lại được đổi với Tỳ-kheo thứ hai cho đến vị hạ tọa. Nếu Sa-di không hiểu, Tỳ-kheo tự cầm thức ăn đưa cho Sa-di và dạy cùng đổi thì không phạm (không phải tàn túc, ác xúc... ). Cho đến đem gạo đi theo, Sa-di và Tỳ-kheo nhỏ được nấu cơm, chỉ không được nhóm lửa hoặc khi cơm sôi không được thổi, khuấy, nếu làm phạm Đột-cát-la. Cơm chín rồi thì chia như trên, lần lượt đổi thì được (nghĩa là ngày nay ăn thức ăn dư cho người đời. Nếu quá thì cho người khác, còn ác xúc bất tịnh vì tâm không dứt bỏ nên bất tịnh).

Luật Thập Tụng nói: Tỳ-kheo đưa thức ăn cho Sa-di, Sa-di đưa thức ăn trong bát cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo rửa tay ăn nữa. Vì một lòng thật cho Sa-di nên tịnh. Đi xa chỗ khó được thức ăn, cho phép tự đem thức ăn đến chỗ người khác đổi, tịnh thực rồi được ăn. Nay có người đem thức ăn xin của tịnh nhân, tịnh nhân kia lại theo xin lấy, hai người kia đều không chịu xả, chẳng gọi là trao đổi tịnh (theo luật Thiện Kiến đó là ham thích). Có Tỳ-kheo sai Sa-di cầm bát, Sa-di ăn xong rồi đưa bát dư cho thầy. Phật dạy: “Không có việc cần thì chẳng nên sai sa-di cầm bát, nếu sai cầm bát nên theo sa-di thọ thực”. Trong luật Thập Tụng, ở những chỗ khan hiếm nước, trên nước có thức ăn, bỏ phần trên uống phần dưới. Nếu phần dưới của nước có thức ăn thì uống phần trên. Cho đến tô, dầu v.v... thổi đi rồi uống nước, nước trong ao trong suối có thức ăn cũng như vậy. Luật Tăng-kỳ, luận Tát-bà-đa, Tỳ-kheo khát thực ăn xong còn thừa đem bỏ trên hòn đá ở chỗ hoang vắng. Hôm sau, Tỳ-kheo khát thực không được, không tình cờ trở lại đường cũ, trên đá vẫn còn thức ăn, không có tịnh nhân thì Tỳ-kheo tự lấy, chỗ có quạ hay chim ăn thì gạt bỏ đi rồi tự lấy ăn.

Trong Ngũ Bách Vấn chép: nhân duyên giống như trước, vì vậy khai cho. Vì coi trọng của tín thí, lại vật đó không có chủ. Như pháp của người Uất-Đan-Việt lấy thức ăn nên cho phép.

Theo luật Ngũ Phần, Tỳ-kheo dùng trái cây còn thừa đưa cho tịnh nhân rồi không trả lại nhưng sau đó tịnh nhân đưa lại cho Tỳ-kheo.

Phật dạy: vật lia khỏi tay rồi gọi là tịnh thực.

Luật Tăng-kỳ, nói bất luận thời, phi thời thọ thực, nếu qua phi thời như nháy mắt mà ăn phạm tội đọa. Nếu để quá tu-du lại ăn thức ăn đó phạm tội đọa (nghĩa là thọ thực từ sáng đến giữa quá giữa chỉ một tu du, nếu quá hai thì gọi là phi thời).

Tỳ-kheo sáng sớm thức dậy nên rửa tay sạch sẽ, rửa từ cổ tay trở về trước, không nên rửa một cách thô tháo, nên rửa sạch năm đầu ngón tay, trước phải

dùng tro, đất rửa thật sạch lau chùi cho phát ra tiếng. Nếu rửa sạch rồi lại xoa hai tay vào nhau thì chẳng phải sạch nên rửa lại (nay có để bánh, trái trên khăn tay nếu khăn có dính mỡ dơ bẩn, v.v... thì phạm tàn, túc, ác, xúc v.v... nếu khăn sạch thì không có lỗi). Luật cho lấy khăn tay đựng đầy quả thức ăn. Thập Tụng nói: khăn tay mỗi ngày phải giặt sạch. Luật Tăng-kỳ, nếu rửa bát sạch rồi, không được lau chùi, nên để vậy một thời gian khiến nó tự khô. Tỳ-kheo lúc muốn thọ thực nên giữ tay cho sạch sẽ, nếu tay gãi đầu hay sờ miệng thì như cách rửa mà rửa cho sạch sẽ như trước, nếu cầm cà-sa phải dùng nước rửa lại.

Luật Thiện Kiến nói: nếu Tỳ-kheo khát thực gặp mưa gió, bụi bặm rơi vào bát, nghĩ rằng: “phải khát thực cho sa-di”. Tỳ-kheo được thức ăn trở về nói với sa-di nhân duyên như trên rồi. Sa-di nhận rồi thưa: “Thưa Đại đức! Đây là thức ăn của con, nay con cúng dường Đại Đức”. Tỳ-kheo được ăn, không phạm.

Trong luật không phạm là nhận thực phẩm dư cách đêm để dành cho cha mẹ, cho người làm tháp, phòng xá, tính toán công của họ, trả bằng thực phẩm. Sau đó, Tỳ-kheo lại khát thực ở người ấy làm được thức ăn. Nếu bát bị nứt, thức ăn dính vào nên đùn như pháp mà rửa, nếu còn những chỗ rửa không ra thì được dùng. Nếu ban đêm nhận sữa dầu để nhỏ vào mũi, nếu chỉ nhỏ vào sữa, dầu chảy ra nên bỏ đi, tất cả không phạm.

### ***Giới thứ ba mươi chín: Không nhận thức ăn***

Chia làm mười môn: Một là ý chế thọ. Hai, người năg thọ. Ba, cảnh sở thọ thực. Bốn, thức ăn đã thọ. Năm là chỗ thọ thực. Sáu là pháp thọ thực. Bảy, phải thực quán. Tám, pháp thọ thực thức ăn. Chín, mất pháp thọ thực. Mười là đối văn giải.

Phần thứ nhất, luật Ngũ Phần chép: trước khi Đức Phật chưa chế giới này các Tỳ-kheo đều không thọ thực, người tại gia chê trách rằng: chúng tôi không thích thấy các người mặc áo hoại sắc, cắt rọc không thọ thực mà ăn, đó chính là lấy của không cho.

Luận Tát-bà-đa vì năm nghĩa: một, vì dứt trừ nhân duyên trộm cắp. Hai là vì để chứng minh. Ba là vì ngăn ngừa sự huỷ báng. Bốn là vì muốn thành tựu pháp ít muốn biết đủ. Năm là vì chúng sinh sinh niềm tin, khiến ngoại đạo được lợi ích.

Xưa, có Tỳ-kheo cùng đi với ngoại đạo lúc dùng nghỉ dưới một gốc cây có đầy quả, Tỳ-kheo không trèo lên cây, không hái quả, cũng không chịu nhặt quả dưới đất. Ngoại đạo hỏi: “Tại sao các ông không hái quả?” Các Tỳ-kheo đều trả lời: “Đức Phật không cho phép làm như vậy”. Ngoại đạo biết được pháp của Phật thanh tịnh bèn xin xuất gia theo Phật liền được lậu tận.

Phần hai, người thọ thực, chính là Tỳ-kheo. Liễu luận, người có thể thọ thực là Tỳ-kheo đầy đủ giới luật, trụ vào tự tánh cầu được như thế. Giải thích rằng: Người có thể thọ thực là Tỳ-kheo thanh tịnh, trì giới không thiếu sót, nên nói trụ tự tánh, muốn cầu ăn uống gọi là được cầu. Thọ thực như thế đưa cho các Tỳ-kheo khác, không ăn lại thì gọi là Tỳ-kheo có thể thọ thực. Nếu Tỳ-kheo phá



giới bị diệt tẫn, biệt trụ mười ba nạn: ba lần cử tội diệt tẫn nên diệt tẫn, người học hỏi (dữ học) v.v... không được thọ thực.

Phần ba, cảnh thọ thực, liễu luận giải thích rằng: “Trừ mình và đồng loại, còn ba loại chúng sinh khác, tùy theo mỗi loài được dạy hay không được dạy. Biết Tỳ-kheo không được tự lấy thức ăn để ăn, lại biết đây là vật có thể ăn được, biết Tỳ-kheo là người được cúng dường, bèn trao thức ăn cho Tỳ-kheo. Nếu không hiểu nghĩa này, tuy trao cho Tỳ-kheo nhưng không thành thọ thực. Luận Tát-bà-đa nói, vì chúng minh, nếu ở trong loài người mà phi nhân, súc sinh trao cho thì không thành thọ thực.

Luật Ngũ Phần, ở chỗ hoang vắng không có tịnh nhân thì cho phép phi nhân và súc sinh dâng thức ăn được nhận. Tỳ-kheo tự rửa sạch nồi đồ nước vào đun, tịnh nhân để gạo tự mình nấu. Khi cơm chín, Tỳ-kheo đến họ làm phép thọ thực.

Luật Tăng-kỳ, đi giữa chỗ hoang vắng, được để thức ăn trên lưng bò, thức ăn đựng trong một cái túi dài đặt trên lưng bò, vì Tỳ-kheo không được đụng vào thức ăn, thời đến một Tỳ-kheo kéo dây, một Tỳ-kheo lấy thức ăn để ăn nói nhận.

Luật Thập Tụng chép: ruồi không thể ngăn, nên chẳng phải đụng vào thức ăn. Nếu chim đến mổ một miếng rồi đi, thì chỉ cần bỏ chỗ chim mổ còn các phần khác thì được ăn.

Luật Thiện Kiến, trời người, quỷ thần, súc sinh đều được dâng thức ăn cho Tỳ-kheo.

Luật Ngũ Phần nói trời Đế-thích dâng thức ăn cho ngài Ca-diếp. Luật Tăng-kỳ, khi dâng mật cho Tỳ-kheo. Luật Thập Tụng, cuộc sống trong địa ngục lớn, nhỏ cũng được thọ thực. Ý cứ theo đây, người hiểu biết thì trong sáu đường cũng nhận được thức ăn. Ngược lại người không hiểu biết thì không thành thọ thực.

Phần thứ tư, thức ăn được ăn: Một là nói rộng về nên thọ không nên thọ. Hai là nói về chuyển biến.

1. Trong Thập Tụng nói có năm thứ dơ bẩn không nên thọ nhận. Đó là thức ăn dơ, ngũ cốc dơ, y dơ, nước dơ, gió rơi bụi (nếu vật mịn hoặc thô thì nên thọ nhận).

Luật Thiện Kiến, nếu bụi rơi nhiều vào trong bát thức ăn thì nên bỏ đi phần bụi, còn các phần khác ăn không phạm. Vật mịn (bột) có thể ăn lại (như trong Thập Tụng đã nêu trước đó hoặc chỗ không người hoặc đã nói trong phần các thứ dơ. Lúc đang ăn hai Tỳ-kheo ngồi cạnh nhau, nếu thức ăn dư đổ vào bên bát người ngồi bên mình, thành thọ thực.

Luật Tăng-kỳ, tất cả những thứ dơ nếu bỏ phần dơ thì ăn lại được, chỉ trừ thứ dơ do súc sinh rùng mình, nếu có tác ý thành thọ thực. Cho đến ăn bánh, cơm, cốm... phải rửa sạch hộp đựng và phần bị bắn dính trong hộp. Nếu không có tác

ý, thì không thành thọ thực, ngược lại thành thọ thực. Tăng ni cùng làm sạch cùng thọ thực.

Luật Thiện Kiến, nếu bị bệnh gấp được dùng đại tiểu tiện, lấy tro, đất (làm thuốc để uống). Luận Minh Liễu gọi là đại khai lượng, giống như quyển hạ có nói. Trong luật, than, đất, bùn v.v... nên nhận chỗ có người, Thập tụng cho phép vác thức ăn đi không để cho mọi người thấy. Nếu lúc ăn nên ở bên đường, lấy một nắm không thọ mà ăn. Lại cho qua đằm lớn vác lương thực theo người khác đổi thức ăn thanh tịnh (đây là chỗ có người, trước là chỗ không người).

Luật Tăng-kỳ, luận Tát-bà-đa, Tỳ-kheo thấy thức ăn ngày hôm qua còn trên đá, không khai cho được thọ thực như giới trước. Có việc gấp, nạn khai tám việc giống như lúc thiếu kém.

Ngũ Bách Vấn chép: chỗ núi rừng không có người, suốt ngày không có người qua lại, nên tự làm thức ăn bảy ngày, trước lấy gạo sạch, v.v...

Luật Tăng-kỳ, nước dơ nên thọ, nước có màu vàng không phạm. Luật Ngũ Phần nói: nước muối có tính mặn, không bỏ muối vào cho phép không thọ lại. Già luận nói muối dơ, nước tro dổi diện không nên thọ.

Luật Thiện Kiến nói: khi ăn nếu mồ hôi trên đầu, cổ chảy xuống giọt vào bát, thì phải thọ lại. Nếu cánh tay có mồ hôi chảy vào bàn tay không cần thọ lại (theo đây nếu tác ý mồ hôi đầu cổ giọt vào thành thọ).

Luật Tăng-kỳ nói cảnh dương nếu khi Tỳ-kheo bị hơi nóng làm cho lở loét, thì nên dùng cảnh dương, khi nước yết hầu tiết ra nên nuốt vào hoặc nuốt nhâm thì không phạm. Muốn dùng nước đá không có tịnh nhân, rửa tay sạch tự lấy thức ăn, nếu có người thì phải thọ thực. Luật Tứ Phần, nói giới bồn trừ nước và nhành dương không nói nuốt hay không nuốt, y theo luật Tăng-kỳ thì tốt hơn.

## 2. Nói về chuyển biến:

Luật Thiện Kiến chép: nếu thọ gừng sống, sau đó mọc mầm pháp thọ không mất. Nếu sau khi hỏa tịnh rồi sau đó mọc mầm, chỗ mọc mầm nên tác tịnh, chỗ chưa mọc mầm được ăn. Nếu biến muối biến thành nước được dùng.

Luật Tăng-kỳ chép: Tỳ-kheo tự nấu lại thức ăn không mất pháp thọ (luật Tứ Phần cũng vậy) như: bơ, sữa, mía, đường phèn, dầu mè v.v... vì trước đã nhận biết rồi nên xoay vần không mất pháp thọ...

Phần thứ năm, chỗ thọ thực. Luận Minh Liễu cầu được chỗ ở đây là đất và trong nước, ở trong không thì không thành, như đã nói trong phần thọ thực ở trước.

Phần thứ sáu, nói về pháp thọ thực

1. Khí thực đối nhau: luận Minh Liễu nói đến bên vật có ba loại:

a) Thân trao nhận, nghĩa là cư sĩ lấy vật thực đi trong tay Tỳ-kheo.

b) Vật trao vật nhận nghĩa là người đời gánh vật thực, khiến Tỳ-kheo tự tay lấy vật.

c) Bát trao bát nhận, cư sĩ lấy bát đựng vật thực trao cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo cầm bát thọ đều được.

## 2. Thân tâm đối nhau:

a) Thân thọ chẳng phải tâm thọ: tâm duyên theo việc khác, chỉ đưa bát ra thọ nhận.

b) Tâm thọ chẳng phải thân thọ: thí chủ đặt thức ăn rồi bỏ đi, chỉ có ý tác thọ.

Kinh Tỳ-ni Mẩu chép: vì có cư sĩ ghét Tỳ-kheo không dâng thức ăn, bỏ thức ăn dưới đất. Phật dạy: “Thức ăn lia khỏi tay thí chủ là đã trao cho rồi”. Nếu theo luật Tăng-kỳ, thêm cách thọ nhân thứ ba, thân tâm bình đẳng không có gì ngăn ngại. Nếu Tỳ-kheo ăn no rồi không làm pháp tàn thực thì không thành thọ.

3. Chỉ tâm niệm thọ: Theo luật Tăng-kỳ, thì người tà kiến không cho Tỳ-kheo thức ăn, Tỳ-kheo nên làm đàn tràng quy định một khu vực, nếu lúc lá rơi vào bát, miệng nói: “nhận, nhận, nhận”.

Giới cất chứa của báu trước, bát báu của thế tục Tỳ-kheo không được cầm, lúc thọ thực cũng nói: “nhận, nhận, nhận”, điều này rất giống nhau. Luận Minh Liễu, luật Thập Tụng cũng vậy. Không rõ các tướng... thì giống như vậy. Luật Ngũ Phần, chuồng ngựa bị đốt cháy, người buôn ngựa không kịp trao thức ăn, bèn để thức ăn dưới đất cũng vậy. Theo Luật Tăng-kỳ, Tỳ-kheo ngồi thiền, hoặc ngủ có người dâng thức ăn, nếu Tỳ-kheo không biết thì không thành thọ, nếu Tỳ-kheo không muốn ăn cầm đưa cho tịnh cũng nhân không ngưng ngại gì. Luật Tăng-kỳ nói nếu cột bình bát liền nhau không đứt đưa cho Tỳ-kheo thành thọ nhưng trái oai nghi. Cho đến tịnh nhân ở trên cây hái trái ném xuống Tỳ-kheo lấy y, bát hứng hoặc dùng tay chân miệng thả trái cây, khi trái rơi xuống chạm cành lá Tỳ-kheo sinh tâm nói: “nhận, nhận”. Luật Thiện Kiến nói dùng dây buộc nhiều thả xuống không thành thọ vì không thêm phép tác tịnh bằng miệng. Luật Tăng-kỳ nói ở trên thành thọ nhưng trái oai nghi. Luật Tứ Phần nói, nếu vật quá xa người cho và người nhận đều biết ở giữa không có gì ngăn ngại nếu vật rơi vào tay thì được thọ. Luật Tăng-kỳ nói, ở trên giếng buộc thức ăn thả xuống đáy giếng cho Tỳ-kheo, Tỳ-kheo miệng nói: “nhận, nhận”. không nên đào, nhổ những cây, cỏ sống ở thành giếng hoặc ở trên nhà, nên buộc thức ăn đưa lên, Tỳ-kheo nhận lấy miệng nói: “nhận, nhận”. Luật Thập Tụng nói, nếu lót sữa, dầu vào trong bát, tuy không hết cũng thành thọ vì lót chảy xuống bát. Luật Tăng-kỳ, nếu tịnh nhân đưa trái, muối, rau, Tỳ-kheo nên nói treo quả thòng xuống, nếu quả rơi trên cỏ họ bỏ đi thì không gọi là thọ nhưng nếu họ dừng lại một chút thì là thọ (pháp ăn của người hành đạo nước Trung quốc, hoàn toàn dựa vào ngồi ăn ở bàn do người khác cúng dường, lấy cỏ để trên bát như vậy là thọ nhận) nếu không có tịnh nhân, Tỳ-kheo nên lấy cơm, bánh, trái, rau cũng thọ nhận như thế. Nếu tịnh nhân đưa thức ăn không khỏi mặt đất cũng gọi là thọ nhưng trái oai nghi, khi ấy Tỳ-kheo nên nói với tịnh nhân: “Ông đưa dần dần cho tôi”, nếu thức ăn đang nấu trên chảo nóng không cầm được, nên dùng hai

miếng gỗ kẹo ngang đặt dưới đất rồi Tỳ-kheo dùng chân đạp trên chảo, lúc ấy miệng nói: “nhận. nhận”

4. Tâm cảnh tương đương thọ: tịnh nhân làm ba pháp, Tỳ-kheo làm ba pháp ăn thức ăn không quá bảy ngày, v.v... nói rõ như trong pháp bốn loại thuốc (thức ăn).

5. Chẳng phải tâm cảnh thọ: như các duyên khai cho trong phần khát thực, tự lấy thức ăn lúc khan hiếm đã nêu ở phần trước, không nhọc tâm cảnh tự lấy vô tội.

6. Lúc ăn nên quán năm điều:

a) Xét công lao mình nhiều ít và ước lượng thực phẩm của người kia đưa đến.

b) Nghĩ kỹ đức hạnh của mình đủ thiếu để nhận sự cúng dường đó.

c) Đề phòng những lỗi lầm do tham-sân-si v.v... gây nên.

d) Đây chính là thuốc hay trị bệnh khô gầy;

e) Vì thành đại nghiệp nên nhận phước báo này, cho nên trong luận Minh Liễu chép: tất cả câu văn cú, lời nói ngang dọc khác nên biết. Giải thích rằng: “Người xuất gia lúc thọ thực hoặc thọ thực xong trước nên quán thức ăn, sau đó mới ăn, như có nói trong quyển hạ phần đối thú hưng trị. Mỗi ngày thường nên nghĩ như vậy, sợ không thấy văn sau nên lược sơ y chỉ, nếu không nhớ nghĩ như thế thì uổng công mặc áo, ăn cơm của đàn na, cuối cùng bị Phật quở trách. Trong Tỳ-ni-mẫu, Tỳ-kheo độn căn một niệm suy nghĩ đủ điều, Tỳ-kheo lợi căn thường làm việc gì biết rõ đang làm việc đó, như: đắp y nghĩ đang đắp y, vào phòng biết vào phòng, nếu ăn mà không nghĩ như vậy thì thức ăn khó tiêu, cũng như quyển sau trình bày.

7. Pháp chánh thọ thực, pháp thọ thực của luật Tứ Phần có năm loại: tay trao tay mà nhận, tay trao dùng vật mà nhận, dùng vật đựng trao qua và dùng tay mà nhận, trao qua vật và nhận qua vật, vật để quá xa như đã nói trên.

8. Lại có năm loại: trao qua thân và nhận qua thân, trao qua y và nhận qua y, cánh tay này co lại để trao cánh tay kia để nhận, dùng đồ đựng để cho và dùng đồ đựng để nhận; ngoài bốn cách thọ thực trên hoặc có nhân duyên để dưới đất cho, (như trên miệng nói: “nhận, nhận”).

Luật Thập Tụng nói, tịnh nhân không biết dâng thức ăn, một nửa để trong bát, một nửa để dưới đất, hoặc để trên cỏ cũng nên nhận, gắp thức ăn bị dính đất thì thổi đi rồi dùng, nếu dính nhiều thì lấy nước rửa sạch rồi dùng.

Luật Tăng-kỳ, khi rơi thì biết, vào trong bát thì không biết; khi bắt đầu rơi thì không biết, vào trong bát thì biết, cả hai trường hợp này đều gọi là nhận nhưng trái oai nghi.

Luật Thập Tụng, lúc dâng thức ăn, tịnh nhân xem thường Tỳ-kheo, nên cố tình đưng tay vào Tỳ-kheo thì không nên nhận nếu tịnh nhân không có tâm xem thường thì được nhận.

9. Nói về mất pháp thọ:

-Tỳ-kheo có ý bỏ thức ăn đó là mất pháp thọ. Luận Minh Liễu nói, nếu người không cần thức ăn này thì nhất định bỏ thức ăn đó, cũng mất pháp thọ, nếu ăn lại phạm tội.

-Xả giới mất pháp thọ. Luận Minh Liễu chép: trước thọ thực rồi sau xả giới, Tỳ-kheo khác nếu cần có thể ăn nữa.

-Xả thọ mạng mất pháp thọ. Tất cả những người đã chết thì đồ đựng thức ăn bất tịnh của họ không cần xem xét dơ bẩn.

-Thứ thuộc quá thời hạn hoặc quá thời hạn không thọ lại, như trong luật đã nêu.

-Chuyển biến mất pháp thọ. Như mè chảy ra dầu, nước trái cây thành rượu, rượu biến thành giấm, sớng thành chín đều mất pháp thọ. Hỏi: như vậy trong luật Tăng-kỳ tại sao nói xoay vần không mất pháp thọ? Đáp: đây nghĩa là trong lúc biến đổi thêm sự nhận biết, sau được thì không phạm lỗi, nếu trong lúc biến đổi không biết, thì đều mất pháp thọ.

– Gặp duyên va chạm mất pháp thọ: Theo luật Tát-bà-đa, tịnh nhân chạm tay mất pháp thọ, phải rửa tay thọ lại. Luật Tăng-kỳ cũng vậy (nay có thọ lại mà không rửa tay cũng thành thọ vì cho rằng lúc chạm không có sự dơ bẩn).

10. Theo văn giải nghĩa: theo luật Tứ Phần, năm loại Bô-Xà-Ni: cơm, cơm khô, bánh (bún, mì, cốm), cá, thịt; năm loại Khư-Xà-Ni như trên đã nêu. Năm loại Tà-Xà-Ni: bơ, dầu, sữa, đường, đường phèn. Tất cả những thức ăn trên, nếu không có người dâng Tỳ-kheo tự lấy ăn mỗi miếng phạm mỗi tội đọa. Phi thời được dùng quá phi thời phạm tội đọa, thất nhật được quá thất nhật được cũng phạm tội đọa. Tận hình thọ được, không có nhân duyên thọ phạm Đột-cát-la. Không phạm là lấy nước sạch và tắm xia răng, tô dầu dùng để nhỏ mũi còn thừa không mời dùng được. Lúc khát thực chim ngậm thức ăn rơi vào bát hoặc gió thổi rớt vào bát có thể bỏ thức ăn này cho đến chỉ nhỏ bằng ngón tay cũng bỏ đi, phần còn lại dùng không phạm.

***Giới thứ bốn mươi: Đòi thức ăn ngon***

Đủ bốn duyên thành phạm: một là thức ăn ngon (sữa, bơ, cá, thịt); hai, không bệnh (có thể ăn một lần no); ba, vì mình đòi hỏi ăn ngon; bốn là ăn vào.

Luật Tăng-kỳ nói: Tỳ-kheo không được đến nhà hàng thịt xin nước thịt, những nhà có tám loại: sữa, bơ... cũng không được đến khát thực vì sợ chuốc lấy sự chê bai, nhà nuôi tầm Tỳ-kheo đến xin tơ cũng vậy. Ngũ Bạch Văn nói, không bệnh đòi hỏi thức ăn ngon phạm tội trọng (Ba-dật-đề). Trong luật không phạm: người bệnh tự xin hoặc xin cho người bệnh, mình xin cho người, người cho lại mình, không đòi hỏi mà được cho.

### ***Giới thứ bốn mươi mốt: Cho ngoại đạo thức ăn***

Đủ năm duyên thành phạm: một là ngoại đạo; hai là biết rõ là ngoại đạo; ba là tự cho thức ăn; bốn là tự đưa tận tay (chẳng phải bỏ dưới đất hay sai người); năm, người kia đưa tay nhận được thức ăn.

Luật Ngũ Phần nói: nếu có người đến xin, trẻ con đến xin, cho đến xin lượng thức ăn của mình giảm bớt một phần để cho. Luật Thập Tụng nói ngoại đạo tìm tòi chỗ hay dở của Tỳ-kheo rồi cúng dường thức ăn không gọi là ô gian. Luận Tát-bà-đa, nếu không có người thấy thì không phạm. Nếu chúng tăng cho ngoại đạo thức ăn không phạm nhưng không được tự tay đưa cho.

### ***Giới thứ bốn mươi hai: Vào xóm làng không dặn các tỳ-kheo khác***

Đủ năm duyên thành phạm: một là trước đã nhận lời thỉnh của người khác vì Tỳ-kheo không nhận lời thỉnh nên Phật khai vào xóm không dặn các Tỳ-kheo khác; hai là trước hay sau bữa ăn; ba là không dặn lại người khác; bốn là đến nhà người khác không có lý do; năm là vào đến cửa.

Luật Tăng-kỳ nói nếu Tỳ-kheo khát thực, thứ lớp khát thực đến nhà Đản-việt, Đản-việt thỉnh ở lại cúng dường lại đến nhà khác phạm hai tội đọa vì trái với lời thỉnh như trên đã nêu. Nghĩa y cứ theo, nếu một người thọ thỉnh khác nhau, người được thỉnh nên nói với nhà thỉnh mình hoặc nói với tịnh nhân sau được đi đến chỗ khác. Tỳ-kheo hoàn toàn không phải chê thức ăn, thí chủ đến hỏi thì biết chỗ. Lại nói: nếu hai vị Tỳ-kheo, mỗi người thọ thường thỉnh thì hai người đổi nhau đến thọ thực cũng vậy, nên nói với thí chủ. Luật Tứ Phần chép: trước bữa ăn từ lúc minh tướng xuất hiện đến giờ ăn. Sau giờ ăn từ giờ ăn cho đến giữa ngày. Nhà nơi có nam nữ ở nói với các Tỳ-kheo khác là những người sống chung một cương giới. Nếu Tỳ-kheo báo đến thôn mà giữa đường trở về, hoặc đến nhà khác, hoặc đến nơi nhà kho, hoặc đến chùa và tăng phường, hoặc đến chùa ni hoặc đến nhà người tại gia rồi về liền đều mất đi lời báo trước, trước dặn rồi phải dặn lại người khác, không dặn vào cửa phạm tội đọa.

Không phạm là khi bệnh có thừa với các Tỳ-kheo khác, tháng Ca-đề, thời gian thí y hoặc không có Tỳ-kheo để báo đến các nơi khác, nhà kho, và chùa ni báo cho Tỳ-kheo khác biết, hoặc nhiều nhà chuẩn bị thỉnh Tỳ-kheo.

Luật Thập Tụng nói: hoặc ăn không no, hoặc chẳng phải thức ăn chính nên đến chỗ khác khát thực: thì không phạm. Luận Tát-bà-đa nói: ngày mai chủ nhân cúng dường, hôm nay Tỳ-kheo đến phạm tội đọa. Các chủ khác mời có nói rõ như trong quyển hạ.

### ***Giới thứ bốn mươi ba: Cố ý ngồi lâu trong nhà có của báu***

Trong bốn loại thức ăn thì đây là xúc thực. Do nhãn căn tiếp xúc với sắc nên gọi là xúc thực. Luật Ngũ Phần, nam nữ tình ái giao cảm làm thức ăn của nhau. Luật Tăng-kỳ, do thấy sắc sinh ưa thích nên gọi là thực.

Đủ bốn duyên thành phạm: một, là thực gia; hai, biết rõ như vậy luật Thập Tụng hoặc dứt trừ sự dâm dục của người trong nhà hoặc nhận sự cúng dường của gia chủ, hoặc nam nữ đều thọ bát quan trai thì không phạm; ba, cố ý ngồi chỗ khuất, luật Ngũ Phần nói ngồi biết làm trở ngại việc của họ mà cứ ngồi, luật Thập Tụng nếu nhà đó có nhiều người ra vào thì không phạm; bốn là không có người thứ tư, luật Tăng-kỳ đối với mẹ, chị, em cũng phạm. Luật chép: có của báu là luận Tát-bà-đa xem trọng việc của báu là vàng; xem nhẹ nói về sự phát khởi ham muốn (hành dâm) của họ.

***Giới thứ bốn mươi bốn: Ngồi chỗ khuất với người nữ***

Đủ bốn duyên thành phạm: một là người nữ thế tục; hai là chỗ khuất; ba là không có người thứ ba; bốn là ngồi chỗ tay không đụng đến cửa. Luận Tát-bà-đa nói cửa đóng không có tịnh nhân phạm tội đọa, mở cửa ngoài có tịnh nhân phạm Đột-cát-la, trong cửa có tịnh nhân không phạm. Luật Tăng-kỳ nói hoặc mẹ, chị em, hoặc tịnh nhân lớn nhỏ; còn người ngủ say, còn người cuồng si, ở trẻ nít tuy có người nhưng gọi là độc (một mình) vì người phạm nhiều nên trước nói rồi nay nói lại. Nếu tịnh nhân có công việc qua lại không ngót hoặc lâu trên, lâu dưới tịnh nhân xa nhìn thấy được thì không phạm. Trong luật không phạm là ngồi chỗ đuôi tay ra đụng cửa, Tỳ-kheo khất thực ngang qua có thể nhìn thấy, hoặc có hai Tỳ-kheo làm bạn với nhau, hoặc có người hiểu biết ở cạnh bên và các nạn duyên đều khai cho.

***Giới thứ bốn mươi lăm: Ngồi một mình với người nữ***

Đủ bốn duyên thành phạm: một là người nữ thế tục; hai là ở chỗ trống (chỗ trống vắng tịnh nhân nghe thấy); ba là không có người thứ ba; bốn, ngồi với tư thế hai bên có thể nắm tay nhau.

Luật Thập Tụng nói, Tỳ-kheo ngồi chỗ trống với người nữ, tùy theo đứng dậy lại ngồi, tùy theo như vậy mỗi lần phạm một tội đọa. Tỳ-kheo và người nữ cách nhau trong một tầm phạm tội đọa, một tầm rưỡi phạm tội Đột-cát-la, hai tầm hoặc hơn thì không phạm. Không phạm giống với trong nhà ăn có của báu cố ý ngồi lâu đã nêu ở trước. Hoặc hai người (vợ chồng) cùng thọ giới bát quan trai thì Tỳ-kheo phạm Đột-cát-la.

***Giới thứ bốn mươi sáu: Đuổi Tỳ-kheo khác ra khỏi xóm làng***

Đủ bốn duyên thành phạm: một, là Tỳ-kheo; hai là hẹn cho họ thức ăn; ba, không có các duyên trở ngại; bốn là đuổi họ đi chỗ khác.

Trong luật không phạm là đưa thức ăn xong rồi bỏ đi, nếu Tỳ-kheo đó hoặc bị bệnh, hoặc không có oai nghi, người thấy không vui thích, Tỳ-kheo nói: “ông hãy đi đi! Tôi sẽ mang thức ăn đến cho ông”; nêu vị kia phá giới, phá kiến hay thấy có nạn mạng sống, nạn phạm hạnh, Tỳ-kheo phương tiện bảo họ đi không phải bảo đi vì tâm ganh ghét.

***Giới thứ bốn mươi bảy: Thọ thích thuốc bốn tháng quá hạn***

Đủ sáu duyên thành phạm: một là thuốc đã được thỉnh; hai là thí chủ cúng với thời gian hạn định; ba là biết thời hạn; bốn là thọ quá hạn định; năm, không có duyên sự; sáu, dùng thì phạm.

Trong luật Tăng-kỳ, mùa Xuân, Hạ, Đông nếu thọ quá đều phạm hoặc một tháng, nửa tháng không được quá hạn.

Trong luật không phạm là trừ bốn duyên như giới bốn, nếu thuốc quá hạn phạm tội đọa, quá một đêm phạm Đột-cát-la.

### ***Giới thứ bốn mươi tám: Xem quân trận***

Luận Tát-bà-đa có ba ý: một là vì tôn trọng Phật pháp; hai là vì dứt trừ sự huỷ báng; ba là vì dứt bỏ các pháp ác, làm cho các pháp lành thêm nhiều.

Đủ bốn duyên thành phạm: một là quân trận; hai là cố ý đến xem; ba là không có duyên sự; bốn là đến xem.

Theo Luật Tứ Phần, trận là quân trận, Tỳ-kheo hoặc ưa thích, hoặc xem chăm chú đều phạm tội đọa. Nếu quân trận trước sau nên tránh sang bên đường nếu không phạm Đột-cát-la. Tìm phương tiện xem phạm tội đọa. Nếu bị mời đến, thế lực bắt buộc, đường bị cắt v.v... thì không phạm.

Luật Tăng-kỳ nói: nếu gặp quân trận Tỳ-kheo không cố ý xem thì không phạm; nếu cố ý ngăn đầu xem phạm tội đọa. Nếu thiên vương xuất binh tác ý xem phạm tội Việt-tỳ-ni, cho đến xem súc sinh cắn nhau và người cãi nhau cũng phạm Việt-tỳ-ni.

Luật Thập Tụng nói, vì xem sự vô thường, tuy xem không phạm.

### ***Giới thứ bốn mươi chín: Có duyên sự ở trong quân trận nhưng quá hạn***

Đủ bốn duyên thành phạm: một là họ mời. Luận Tát-bà-đa nói khai cho đến vì quả vi Sa-môn, vì nuôi lớn Phật pháp, vì tăng thêm niềm tin cung kính, lại Đạo-Tục giúp nhau thành tựu Phật pháp, cho đến vì có lợi ích; hai, đã ở quá hai đêm; ba là đêm thứ ba không rời khỏi chỗ thấy nghe; bốn là minh tướng xuất hiện.

### ***Giới thứ năm mươi: Xem quân trận chiến đấu***

Đủ bốn duyên thành phạm: một là có duyên sự ngủ lại trong quân trận; hai là quân lính bày trận đánh nhau; ba là tìm cách đến xem; bốn là xem thì phạm.

### ***Giới thứ năm mươi một: Uống rượu***

Đủ ba duyên thành phạm: một là rượu; hai là không có nhân duyên bị bệnh nặng; ba là uống vào khỏi cổ họng.

Luật chép: nếu thờ ta làm thầy, thì không được dù chỉ dùng cỏ nhúng vào rượu để nếm, do đó nói về mười lỗi của rượu. Luật Ngũ Phần nói, một Tỳ-kheo vì hàng phục được rồng dữ, người ta cho uống rượu say sưa, y bát vung vãi lung tung. Phật và A-nan khiêng Tỳ-kheo đến bên giếng, Phật tự múc nước dội, còn A-na rửa cho ông ấy rồi mặc y vào để nằm trên giường, đầu hướng về Đức Phật.



Trong giây lát Tỳ-kheo chuyển mình duỗi chân đạp vào Phật. Phật bèn nhóm hợp chúng tăng dạy rằng: “Tỳ-kheo này trước đây kính trọng ta, nay không còn kính trọng, trước đây hàng phục được rồng dữ, nay không hàng phục được dù là con ếch ương”. Do nhân duyên này, Đức Phật chế giới cấm uống rượu cho đến đồ đựng thơm mùi rượu cũng không được dùng. Luận Tát-bà-đa chép: giới này rất nặng có thể gây ra bốn tội nghịch, chỉ trừ phá tăng lại có thể phá tất cả giới và gây ra các việc ác khác. Trong luật Tứ Phần, chỉ cần là rượu cho đến rượu nấu từ cỏ cây không có sắc rượu, hương rượu, vị rượu hoặc chẳng phải rượu mà có màu rượu, hương rượu, vị rượu đều không nên uống. Nếu Tỳ-kheo nấu rượu, hòa hợp rượu để uống, ăn thì phạm tội đọa. Nếu Tỳ-kheo uống rượu có vị chua, ngọt, ăn men rượu, hèm rượu tất cả phạm Đột-cát-la. Luật Thập Tụng nói nếu Tỳ-kheo uống những thứ gần như rượu có vị chua, rượu có vị ngọt, hèm rượu hoặc men rượu có thể làm người say thì mỗi miếng phạm tội đọa. Luận Tát-bà-đa, ăn men rượu phạm nghĩa là men để hòa hợp rượu, nếu men khác thì không phạm. Luật Tứ Phần nói nếu rượu, tác ý tưởng là rượu, hoặc nghi ngờ là rượu, hoặc không phải rượu mà tác ý tưởng là rượu đều phạm tội đọa.

Luật Thập Tụng nói, vì sợ bệnh lạnh phát sinh hòa rượu cho uống, người kia không xem kỹ, uống liền nên chế giới này. Nếu xem biết chẳng phải làm như vậy, mà phải làm như trên có khai.

Trong luật nói không phạm là: nếu bị bệnh các thuốc khác trị không hết phải dùng rượu làm thuốc, hoặc dùng rượu xức vào vết thương, tất cả đều không phạm. Ngũ Bách Vấn nói nếu thầy thuốc nói cần phải có rượu mới lành bệnh thì cho hòa rượu làm thuốc trị bệnh, không được không phải để trị bệnh khuyên ép người uống, nếu họ không uống phạm Đột-cát-la, uống phạm tội đọa. Luật Thiện Kiến nói nếu nấu rượu làm thuốc mà có hương rượu, vị rượu phạm Đột-cát-la. Nếu không có hương rượu, vị rượu thì được uống. Luật Tăng-kỳ nói tất cả nước trái cây khiến người ta say uống phạm Việt-tỳ-ni nếu trộn men rượu và cơm mà ăn phạm Ba-dật-đề, ăn thân cây rơm rạ phạm Việt-tỳ-ni.

### ***Giới thứ năm mươi hai: Đùa giỡn trong nước.***

Luận Tát-bà-đa nói có bốn ý: một là tôn trọng Phật pháp, người tu hành đáng được kính trọng nếu chúng ta đùa giỡn trong nước thì tổn hại niềm tin rất nhiều; hai là làm mất oai nghi, thế gian chê cười; ba là hại cho chánh nghiệp; bốn là mất chánh niệm.

Đủ ba duyên thành phạm: một, đúng là nước; hai, là không có duyên sự; ba, giỡn trong nước.

Trong luật nói giỡn trong nước buông lung theo ý muốn khoa tay vẽ trên nước hoặc tạt nước qua lại với nhau cho đến dùng bình bát đựng nước đùa giỡn, tất cả phạm tội đọa. Ngoài nước ra, đùa giỡn trong nước trái cây, rượu phạm Đột-cát-la.

Luật Tăng-kỳ nói, Tỳ-kheo ở dưới nước và Tỳ-kheo ở trên đất tạt nước qua lại phạm Việt-tỳ-ni, cả hai Tỳ-kheo đều ở trong nước phạm Ba-dật-đề, luật Ngũ Phần, nói nếu vắt tuyết cho đến thối sương trên đầu ngọn cỏ để giỡn phạm Đột-cát-la. Trong già-lam cho đến giỡn một giọt nước cũng phạm Đột-cát-la.

Trong luật nói không phạm là: Đi trên đường phải qua chỗ có nước, lặn xuống nước lấy cát, đá và các vật, học bơi vươn tay khuấy động trong nước.

### ***Giới thứ năm mươi ba: Thọc léc***

Đủ bốn duyên thành phạm: một, là vị đại Tỳ-kheo; hai, là có ý gây phiền não; ba, là dùng mười ngón tay, mười ngón chân; bốn, là chọc vào thân.

Luật Tăng-kỳ nói, nếu dùng một ngón tay thọc léc phạm một tội Ba-dật-đề, dùng năm ngón tay thọc léc phạm năm tội Ba-dật-đề, cho đến dùng tay chỉ người khác bảo đi cũng phạm tội đọa. Nếu Sa-di nằm ngủ, Tỳ-kheo muốn gọi dậy nên kéo y cho họ biết, luật Ngũ Phần nói, Tỳ-kheo thọc léc sa-di cho đến súc sinh cũng phạm Đột-cát-la.

Không phạm: là không có ý làm, người đang ngủ đung vào họ để đánh thức.

### ***Giới thứ năm mươi bốn: Không nghe lời khuyên***

Đủ năm duyên thành phạm: một, là tự mình muốn làm việc phi pháp; hai, là người khác khuyên can đúng như pháp; ba, biết hành động của mình là sai, lời khuyên can của người khác là đúng; bốn, là chống lại lời khuyên không nghe theo; năm, là tùy hành động của mình không theo lời khuyên của người. Đây nghĩa là lúc khuyên can không nghe phạm Đột-cát-la, sau hành động trong sáu tụ phạm tội đọa.

### ***Giới thứ năm mươi lăm: Doạ nhất Tỳ-kheo***

Đủ năm duyên thành phạm: một, là đại Tỳ-kheo; hai, là có ý nhất người kia; ba, là dùng sự việc theo sáu trần: sắc, thanh v.v... để nói ra; bốn, là mỗi việc đều hiện tướng; năm, là vị ấy thấy nghe liền phạm. Bất luận người đối diện doạ nhất hay không doạ nhất đều phạm tội đọa.

Trong luật, nếu doạ nhất, người kia nghe thấy không rõ phạm Đột-cát-la.

Không phạm: hoặc chỗ tối không có ánh đèn lửa hoặc chỗ đại tiện tiện cho rằng thú dữ nên họ sợ hãi cho đến nghe tiếng động, tiếng ho, v.v... mà sợ hãi hoặc dùng sắc, thanh v.v... biểu hiện nhưng không có ý doạ nhất hoặc thật sự có việc ấy hoặc trong mộng thấy người ấy sẽ chết, thôi tu, mất tài sản, Hòa-thượng cha mẹ bệnh nặng sẽ chết, liền nói với người ấy cho họ biết, hoặc nói đùa, nói lẫn lộn, tất cả đều không phạm.

### ***Giới thứ năm mươi sáu: Dưới nửa tháng tắm***

Đủ năm duyên thành phạm: một, là đã tắm gội xong; hai, là chưa đủ nửa tháng; ba, là không có duyên sự; bốn, là tắm rửa lại; năm, là tắm nửa thân.

Luật Tứ Phần nói, trừ lúc trời nóng: bốn mươi lăm ngày cuối Xuân và tháng đầu mùa hạ. Bệnh: là cho đến thân thể hôi do lúc làm việc cho đến việc quét đất trước phòng, khi mưa gió cho đến một trận gió lốc, một giọt nước mưa rơi trên mình, lúc đi đường cho đến chỉ nửa do tuần kể cả tới và lui. Không có các duyên trên tắm quá nửa thân phạm tội đọa. Phương tiện tắm rồi biết lỗi không tắm phạm Đột-cát-la. Luận Tát-bà-đa nói, nước Thiên-trúc mùa nóng đến sớm từ đầu tháng ba đến nửa tháng năm cho phép tắm. Tùy theo mỗi nước nóng sớm hay muộn, dùng theo đây để giới hạn việc tắm gội. Luật Thập Tụng nói, mưa lớn ở trong hư không tắm cũng cho phép. Nếu Tỳ-kheo có duyên sự không nói với Tỳ-kheo khác mà tắm phạm Đột-cát-la. Tỳ-kheo không được tắm chung phòng với người tại gia. Tỳ-kheo biết người tại gia tín tâm, không nhiều chuyện thì cho tắm phòng của Tỳ-kheo. Tỳ-kheo lau chùi cho người tại gia phạm Đột-cát-la. Như pháp Đầu-đà không được để người khác lau chùi, cho nên đan dây lại tự mình lau chùi thân thể là tốt nhất. Luật Ngũ Phần nói, Tỳ-kheo và người tại gia tắm chung phòng phạm Thân-la-già. Luận Tát-bà-đa nói, tất cả những chỗ tắm khuất kín hay trông trái, Tỳ-kheo không được tắm chung với người tại gia, nếu thân thể kiệt sức nhờ người tắm phải biết hổ thẹn và biết người khác sinh tâm ưa muốn. Do đây, Phật nói thân La-hán mềm mại có người thấy khởi tâm đắm nhiễm liền mất nam căn, sau đó sám hối mới được lại thân cũ. Luật Ngũ Phần nói, Tỳ-kheo tắm cho thầy và người bệnh, thân thể họ đã bị ướt, do đó tắm thì không phạm. Luật Tăng-kỳ, tùy theo tính đủ mười lăm ngày lúc tắm chuẩn bị nước nóng xong, sau đó đánh bằng khiến cho tất cả các chúng tăng biết thứ lớp vào tắm. Nếu không có duyên sự tắm theo phép nhà thợ gồm trước rửa hai bắp đùi, hai chân, sau gội đầu đến mặt, eo, lưng, cánh tay, khiu tay, ngực, nách và các việc khác như quyển hạ.

### ***Giới thứ năm mươi bảy: Nhóm lửa chỗ đất trống***

Đủ bốn duyên thành phạm: một, là chỗ đất trống; hai, là không có duyên sự; ba, là đốt cỏ cây và các loại cháy được; bốn, là cháy lên.

Luật Ngũ Phần nói, nếu Tỳ-kheo vì sưởi ấm mà nhóm lửa, ngọn lửa lên cao bốn ngón tay phạm tội đọa. Luận Tát-bà-đa nói, người khác đốt lửa rồi sau đó làm bất cứ việc gì đều phạm tội đọa. Luật Tứ Phần nói, bệnh cần lửa sưởi ấm được tự nhóm lửa, hoặc bảo người nhóm (nghĩa là ở trên đá cứng và các vật khác). Nếu không có duyên sự đốt cỏ, cây, trấu, phân, tất cả đều phạm tội đọa. Nếu Tỳ-kheo quăng khúc cây bị cháy phân nửa vào lửa và không nói với người khác “biết cho, xem cho” tất cả phạm Đột-cát-la. Luật Tăng-kỳ nói, nếu Tỳ-kheo cầm lửa xoay vòng tròn hoặc trong lửa có cỏ, cây banh ra hay nhóm lại tất cả đều phạm Ba-dật-đề. Nếu Tỳ-kheo chặt thân cây nẩy mầm phạm hai tội Ba-dật-đề: một, là làm hại mầm cây; hai, là đốt lửa; nếu mầm cây ở dưới đất phạm một tội đọa.

Luật Tăng-kỳ nói nếu giữ lửa lớn trên tro, trên ngói, không được giữ trên đất có mầm sống.

Trong luật nói không phạm: là nên nói “biết như vậy, xem như vậy” hoặc người bệnh tự đốt hoặc bảo người đốt; có duyên sự người nuôi bệnh vì người bệnh đốt lửa nấu cháo, canh, cơm; nhóm lửa trong nhà bếp, trong phòng tắm; xông bát; nấu nước nhuộm y; đốt đèn; đốt nhang.

### ***Giới thứ năm mươi tám: Giấu y bát của người khác***

Đủ ba duyên thành phạm: một, là y bát của đại Tỳ-kheo; hai, là có ý gây kinh động cho họ; ba, là lấy giấu.

Luận Tát-bà-đa chép: nếu Tỳ-kheo giấu y chưa nhuộm, y bất tịnh của Tỳ-kheo khác phạm Đột-cát-la. Bát chưa xông, y bát đã tác tịnh giấu đều phạm tội đọa (theo năm màu sắc này chẳng phải Phật khai cho)

Trong luật nói không phạm: là biết thật vật đó về chất lượng, hình tướng là của người kia nên đem cất hộ; vật của người để nơi đất trống sợ gió mưa làm ướt và trôi nên cất dùm; chủ vật là người bừa bãi để y bát lung tung vì muốn răn họ nên cất; mượn y của người khác mà không biết gìn giữ vì sợ mất nên cất; nếu vì y bát này mà xảy ra nạn mạng sống, nạn phạm hạnh v.v... nên cất (theo đây ngày nay quan không cho đi đường trái phép, có y bát tự cất giữ nên không phạm tội).

### ***Giới thứ năm mươi chín: Tịnh thí chân thật không nói mà lấy dùm***

Đủ bốn duyên thành phạm: Một là vật của mình, hai là làm tịnh thí chân thật, ba là không nói cho chủ biết, bốn là thuận tiện lấy dùm thì phạm. Giới bốn thì liệt kê có loại để nói rõ nghĩa phạm, không phạm và trình bày đầy đủ các tướng. Nếu lần lượt làm pháp tịnh thí thì hỏi và không hỏi đều được

### ***Giới thứ sáu mươi: Đắp Y Mới***

Gồm có duyên: một, là ba y; hai, là vật của mình; ba, là không nhuộm hoại sắc; bốn, không duyên sự lấy mặc.

Luật Thiện Kiến nói, nếu gặp các duyên như giặt v.v... được tạm thời mặc y có năm màu chính. Luật Tứ Phần nói, y mới là y mới hay hoặc y mới nhận từ người khác. Luật Thập Tụng nói, được y cũ của người khác vì mới được nên gọi là y mới. Luật Tứ Phần chép: Hoại sắc nhuộm thành màu xanh, đen, mộc lan. Tỳ-kheo nhận y mới không nhuộm ba màu trên mà mặc thì phạm tội đọa. Nếu Tỳ-kheo có y dày, y mỏng không tác tịnh mà cất chứa phạm Đột-cát-la. Nếu chẳng phải y mà đây đựng y bát, đây đựng guốc dép, túi đựng kim chỉ và các loại khăn, nếu Tỳ-kheo không tác tịnh mà cất chứa phạm Đột-cát-la. Nếu y chưa nhuộm Tỳ-kheo gởi ở nhà người tại gia phạm Đột-cát-la (theo đây nói Tịnh nghĩa là làm cho y thành hoại sắc hoặc dùng vật khác thiếp lên, hoặc làm dấu gọi là điểm tịnh và đều nên nhuộm màu hoại sắc. Chẳng phải cho rằng ba y phải nhuộm, các vật khác chỉ điểm tịnh mà thôi. Nếu theo văn, tất cả vật không nhuộm đều phạm Ba-dật-đề, tất cả vật không điểm tịnh phạm Đột-cát-la.

Luật Ngũ Phần, sở dĩ điểm tịnh vì để khác với ngoại đạo vì y phục của Tỳ-kheo khác với thế tục. Nhờ có ba dấu hiệu để nhận biết nên khi mất dễ tìm lại được. Luận Tát-bà-đa nói, y có năm màu sắc chính không thành thọ nhận. Màu vàng dùng rễ uất-kim nhuộm thành màu vàng lam, màu đỏ dùng lạc-sa nhuộm, màu xanh dùng than nhuộm. Nếu Tỳ-kheo tự nhuộm phạm Đột-cát-la, không thành phép thọ nhận, đúng lượng hay không đúng lượng tất cả không được mặc, nếu thiếp thêm vải khác mặc phạm Đột-cát-la (luật này phạm Ba-dật-đề); thay đổi lại màu sắc đúng như pháp thì thành thọ, nếu trước màu sắc đúng như pháp, sau dùng năm thứ sắc chính, điểm tịnh phạm Đột-cát-la. Còn dùng ba màu xanh, đen, mộc lan thì tác tịnh lại cho nên các màu: tử cỏ, vỏ cây nai, vỏ cây bách, vàng đất, đỏ thẫm, đỏ vàng, cây hoàng lộ đều không phải màu sắc đúng pháp. Nếu màu sắc đúng pháp thì thành thọ. Luật Tăng-kỳ, y Kiền-xà-da, y Khâm-bà-la mềm mại nếu thấm nước sẽ thô rít hư hoại, Phật dạy: y tốt như vậy có hai thứ tác tịnh: một, là cắt may tịnh; hai, là điểm tịnh. Các y khác có ba cách tác tịnh: cắt may, điểm tịnh, thêm pháp nhuộm.

Màu xanh: đem đồ đựng bằng đồng để lên rượu đắng, đồ bằng đồng đặt lên đó là màu xanh lam, xanh bã chàm, xanh đá, dùng các màu trên tác tịnh.

Màu đen: nước các loại quả đỏ chung vào một cái bát sắt, dùng điểm tịnh để phân biệt với các y khác.

Luật Thập Tụng, màu tác tịnh nghĩa là dùng màu sắc riêng để điểm tịnh, y như màu xanh dùng bùn sạn điểm tịnh. Các màu khác điểm tịnh cũng vậy (sạn màu đỏ, màu đen giống như vỏ cây mộc lan trong luật Tứ Phần. Luận Tát-bà-đa trừ ủng và giày, còn tất cả đều điểm tịnh. Luật Thập Tụng nói, nếu y không tịnh thì, lấy mặc phạm Đột-cát-la. Luật Ngũ Phần, nếu được giày da, khiến chủ cũ mang đi năm, sáu bước rồi dùng. Luật Tăng-kỳ nói, dấu tác tịnh lớn nhất bằng bốn ngón tay, nhỏ nhất bằng hạt đậu (luật Thiện Kiến nói điểm nhỏ nhất bằng hạt mè lớn). Không được làm thành số chẵn, mà làm thành số lẻ một, ba, năm, bảy, chín, điểm tác tịnh không được có hình đoá hoa. Hoặc khi giặt vá có bùn rơi lên làm dơ và dấu chân chim dẫm lên làm dơ, thì cũng gọi là tác tịnh. Nếu may Tăng-già-lê mới thì phải tác tịnh một góc cho đến tất cả y mới cũng vậy. Nếu được nhiều y vụn, gom chung một chỗ, thì chỉ cần tác tịnh một chỗ, nếu để riêng thì tác tịnh từng cái.

### ***Giới thứ sáu mươi một: Giết hại súc sanh***

Luận Tát-bà-đa nói, không giết hại loài vật vì: một, là người xuất gia có (bốn tâm vô lượng) là hoài bão của mỗi người, mà lại giết hại súc sinh, trái với lòng từ bi thương xót; hai, là tự mình tổn não người khác, đó là nguồn gốc sinh tử và nghiệp ác chướng đạo; ba, là làm cho lòng tin thêm vững chắc, dứt trừ sự huỷ báng.

Năm duyên thành phạm, giống như giới trước đã nêu (giới Ba-ladi thứ ba: giết người)

### ***Giới thứ sáu mươi hai: Uống nước có côn trùng***

Giới trước đã có phần giới hạn, đây là ngăn ngừa chắc chắn, không để cho cắt đứt mạng sống chúng sinh.

Đủ năm duyên thành phạm: một, là nước có côn trùng; hai, là nghĩ nước có côn trùng; ba, là nước không lượt; bốn, là uống; năm, là vào cổ họng.

Luật Tỳ-nại-da chép: có hai vị Tỳ-kheo đi đến chỗ Phật, một người nhịn khát, chết sinh lên cõi trời, gặp Phật đắc đạo. Một người sau khi uống nước có côn trùng đi đến chỗ Phật. Phật hỏi lý do xong, bèn hỏi y Uất-đa-la-tăng hiển bày cho Tỳ-kheo thấy thân vàng ròng, nói: “ông là người ngu, phải quán thân bốn đại toàn là những đồ hôi thối, ông thấy pháp thì thấy ta”.

Luật Tăng-kỳ nói, Tỳ-kheo thọ giới cụ túc rồi, cần phải sấm đầy lượt nước, tắm gội đúng như pháp. Nếu không có đầy lượt nước thì phải dùng một góc Cà-sa để lượt nước. Đi chung với bạn bè mà tất cả đều không có đầy lượt nước, thì cả chúng có tội. Nếu hết nước không có để rửa tay, đắp y, Tỳ-kheo hãy dùng lá cây lau chùi, sau đó đắp y. Luật Tát-bà-đa nói, Ngài Xá-Lợi-Phất dùng thiên nhãn trong sạch thấy vì trùng trong nước, trong hư không, chẳng chỗ nào không có trùng liên tục thực không ăn uống. Phật dạy: nên dùng mắt thường để thấy, rồi lấy đầy lượt đi có thể dùng được, cho đến ba lớp nước đều có trùng thì bỏ chỗ đó mà đi. Luật Thập tụng nói: không cầm đầy lượt nước đi hai mươi dặm phạm tội. Nếu nước suối, biển, sông trong xanh, đi từ chùa này đến chùa kia (không đem đầy lượt nước) thì được.

Luật Tăng-kỳ nói, nếu lượt nước rồi, không được xem qua loa, không được nhờ người mù xem, mà phải bảo người thấy đường chỉ nhỏ trong bàn tay xem. Khi xem không được quá nhanh, quá chậm, mà phải bằng thời gian con voi lớn quay đầu lại, hay chiếc xe chở tre quay đầu, biết nước không côn trùng thì được uống. Nếu thí chủ thỉnh Tỳ-kheo cúng dường thức ăn, nên hỏi: “ông đã lượt nước chưa?”, nếu họ trả lời chưa lượt, thì tự mình đến hướng dẫn họ lượt, hoặc sai người đáng tin cậy dạy họ lượt nước. Nếu xét người ấy không đáng tin, Tỳ-kheo nên tự lượt, không được nói chớ giết hại sinh trùng. Tỳ-kheo nên đổ nước có trùng vào bát, rồi đem đổ lại chỗ cũ. Nếu chỗ lấy nước quá xa, mà gần đó có hồ nước trải qua bảy ngày không khô cạn thì đem nước có côn trùng đổ xuống hồ đó. Nếu biết nước có côn trùng Tỳ-kheo không được cầm bát nhờ người múc. Nếu nước trong ao sâu có côn trùng không được la lên: “đây là nước có côn trùng”. Nếu có người hỏi: “Nước có côn trùng hay không?”. Đáp: “Trưởng lão tự xem lấy”. Nếu người đó là bạn tri thức cùng thầy nên nói: “nước này có côn trùng, nên lượt rồi dùng”. Giới này mọi người cũng hay phạm, giống như giới dùng nước để tưới, nên chép ra đầy đủ, ngoài ra còn ghi trong phần y pháp.

### ***Giới thứ sáu mươi ba: Làm cho Tỳ-kheo nghi ngờ, phiền não***

Đủ năm duyên thành phạm: một, là đại Tỳ-kheo; hai, cố ý xúc não; ba, là dùng sáu việc để nói; bốn, là lời nói rõ ràng; năm, là người đó nghe được.

Trong luật, nói sáu việc xúc não: là sự sinh, tuổi tác, thọ giới, Yếtma, phạm sáu tụ, phạm các thánh pháp. Tùy theo mỗi việc đều phạm tội đọa.

Luật Tăng-kỳ nói, ngay lúc thọ giới cụ túc, nên nói khiến cho họ biết. Sau khi thọ, không được gây cho họ nghi ngờ, hối hận (dùng lời nói mà luật đã khai).

Trong luật nói không phạm: là sự thật như vậy, không tác ý, người kia chẳng phải sinh như vậy, sợ sau có nghi ngờ hối hận, vô cố thọ lợi dưỡng người, nhận sự lễ kính của đại Tỳ-kheo liền nói: “ông chẳng phải sinh như vậy”. Nếu thật không phải tuổi ấy, sợ sau người kia hối hận, thọ lợi dưỡng và sự cung kính của người, liền nói: “ông chưa đủ tuổi ấy”. Nếu người kia thật chưa đủ hai mươi tuổi, lại thọ biệt chúng trong cương giới, tác bạch không thành, yết-ma không thành, phi pháp riêng chúng, sợ sau nghi ngờ, hối hận, nhận sự cúng dường và lễ kính của người, nên nói cho người kia biết để về chỗ cũ thọ giới lại (theo đây, muốn thọ giới lại Phật bảo về chỗ cũ, để xét hỏi lại được hay không). Nếu người kia thấy phạm Ba-la-di cho đến các ác thuyết, sợ sau này họ nghi ngờ hối hận, thọ lợi dưỡng và sự lễ kính của Tỳ-kheo giữ giới, muốn họ đứng như pháp sám hối, nên nói cho họ biết về phạm sáu tụ. Lại vì người kia tánh tình thô sơ, không biết nói năng, thì nói: “ông tự xưng chứng pháp thượng nhân v.v... nếu nói lầm lẫn, nói giỡn chơi, tất cả đều khai.

### ***Giới thứ sáu mươi bốn: Che dấu tội thô của người khác***

Đủ năm duyên thành phạm: một, là đại Tỳ-kheo; hai, là biết phạm từ thiên thứ hai trở lên; ba, có tâm che giấu; bốn, là không phát lộ; năm, là minh tướng xuất hiện.

Luật Thiện Kiến nói, che giấu tội của người khác, trăm ngàn người cùng che giấu một người, tất cả đều phạm Ba-dật-đề (luật Thập Tụng chú: hướng về một người nói liền dứt). Luật Tăng-kỳ nói, nên hướng về Tỳ-kheo hoàn thiện nói, không được nói với bất cứ ai. Nếu người phạm tội hung bạo, sợ xảy ra nạn duyên, nên nghĩ rằng: “người kia gây nên tội lỗi, chắc chắn sẽ chuốc lấy quả báo. Giống như bị hỏa hoạn, ta chỉ nên tự cứu lấy mình, cần gì biết đến việc khác”. Thế rồi, lo giữ tánh mạng mình thì xem là không tội. Luận Tát-bà-đa nói, nếu nghi ngờ, chưa rõ thì không nên nói với người khác. Trong luật nói nếu biết một người phạm tội thô, lúc tiêu thực biết đến sau khi ăn xong mới nói phạm Đột-cát-la, sau bữa ăn biết đến đầu hôm mới nói, đầu hôm biết đến giữa hôm mới nói, tất cả đều phạm Đột-cát-la. Nếu giữa đêm biết đến gần sáng, mà chưa nói, đến khi minh tướng xuất hiện phạm tội đọa. Trừ tội thô, che giấu các tội khác, tự mình che giấu tội thô, trừ Tỳ-kheoni che giấu tội thô của người khác, tất cả đều phạm Đột-cát-la.

Không phạm: là trước không biết là tội thô, tưởng không phải tội thô, hoặc nói với người khác, hoặc không có người để nói, hoặc định sẽ nói nhưng chưa nói thì minh tướng đã xuất hiện, hoặc nói sợ xảy ra các nạn duyên.

### ***Giới thứ sáu mươi lăm: Cho người chưa đủ tuổi (20 tuổi) thọ giới cụ túc***

Đủ bốn duyên thành phạm: một, là người chưa đủ hai mươi tuổi; hai, là biết rõ; ba, là cho thọ giới cụ túc; bốn, là sau ba lần yết-ma.

Luận Tát-bà-đa chép: người sáu mươi tuổi không cho thọ đại giới, nếu chưa tăng truyền giới đến, cũng không đắc giới, vì họ không kham nổi đạo khổ hạnh, tâm trí dần độn, nên cho họ làm Sa-di. Người bảy tuổi trở xuống cũng không cho thọ giới cụ túc. Dưới hai mươi tuổi không cho thọ giới cụ túc, vì tính tình họ còn nóng nảy, bị đói lạnh làm cho khổ não, nếu cho thọ đại giới bị nhiều người quở trách, cho thọ Sa-di thì không bị người quở trách. Luật Tăng-kỳ, nếu người dưới bảy mươi tuổi mà không kham được các việc, nằm ngồi phải có người dìu đỡ thì không cho thọ giới cụ túc. Người quá bảy mươi tuổi và dưới bảy tuổi không nên cho xuất gia v.v... đã nói rõ như trong hai quyển thượng và hạ. Luật và luận nói có mâu thuẫn nhau, giữa hai bên đều thông nhau không ngại. Trong luật nói không phạm: là không biết, tin lời người thọ giới, có người ngoài làm chứng, tin lời cha mẹ họ, thọ giới xong nghi ngờ, Phật dạy: cho tính số năm tháng còn trong bào thai, số tháng nhuần và chỉ tính mười bốn ngày để thọ giới, lấy đó làm năm tuổi. Đủ tuổi thì không phạm, không đủ tuổi mà khai cho thọ thì Hòa-thượng phạm tội đọa, người khác phạm Đột-cát-la. Nay lấy sự hội thông của các bộ, xem xét các lịch thuật khác, chọn tổng quát như trong đại số, nhưng chép ra đây vì người chưa học. Tôi tuy rõ về những điều khúc mắc, phải trình bày đầy đủ vì sợ hậu học không hiểu, chỉ nêu lược chung một câu, dùng tham giải quy định xưa nay, nghĩa là lấy Sa-di nhỏ nhất sinh ngày 30 tháng 12. năm đủ hai mươi tuổi cho thọ giới cụ túc ngày mồng một tháng giêng, ngày mồng hai thật đúng mười tám tuổi cho tính nhuần trong bào thai để tăng thêm, thì đúng hai mươi tuổi còn chờ đến ngày mồng một tháng năm. Đây là Trường A-hàm tính cho thêm tháng. Tính thật đúng dưới mười chín tuổi, năm tháng đều không đủ, đến ngày chín tháng tám, nếu thọ trước là không đủ hai mươi tuổi thì mắc tội và không đắc giới, thọ sau ngày chín không mắc tội và đắc giới. Nhưng các nước dùng lịch khác nhau. Vào đời Đường có sáu, bảy nhà làm lịch, đây chỉ là y cứ một nhà làm lịch mà lược nói như trên. Ngoài ra những lịch khác thay đổi trái với lịch theo luật nên không thuật lại. Cho đến theo các bộ không đủ tuổi đắc giới, có đầy đủ như số đã trình bày.

### ***Giới thứ sáu mươi sáu: Gây ra tranh cãi***

Đủ năm duyên thành phạm: một, là bốn việc tranh cãi, nếu vì việc riêng tư tranh cãi phạm Đột-cát-la; hai tăng đã giải quyết đúng như pháp; ba, biết rõ; bốn, khơi trở lại; năm, nói rõ ràng.

### ***Giới thứ sáu mươi bảy: Hẹn đi chung đường với giặc***

Đủ sáu duyên thành phạm: một, là giặc; hai, là biết rõ; ba, là hẹn nhau; bốn, đi cùng một đường; năm, không cách xa chỗ thấy nghe (gần nhau); sáu, rời khỏi cương giới.

Trong luật Tăng-kỳ, nói Tỳ-kheo đi với người mắc nợ, phạm tội Việt-tỳ-ni. (trái luật)



Luật Thập Tụng nói, Tỳ-kheo hẹn với các Tỳ-kheo cùng đi phạm Đột-cát-la.

***Giới thứ sáu mươi tám: Không bác bỏ ý kiến chống lại lời can ngăn***

Đủ năm duyên thành phạm: một, là ác kiến, nói dâm dục chẳng phải là pháp chướng đạo; hai, là khuyên can riêng; ba, là không nghe theo; bốn, là tăng khuyên can đúng như pháp; năm, là sau ba lần Yếtma.

***Giới thứ sáu mươi chín: Theo người bị cử tội***

Đủ bốn duyên thành phạm: một, là người có ác kiến bị cử tội; hai, là biết rõ như vậy; ba, là cùng sinh hoạt với họ; bốn, là tùy tùng sự việc mà kết tội.

***Giới thứ bảy mươi: Chứa Sa di bị đuổi***

Duyên phạm đại khái giống như giới trước.

***Giới thứ bảy mươi một: Chống cự lại sự khuyên học giới***

Đủ năm duyên thành phạm: một, là có ý nghĩ không chịu học; hai, là người kia đúng như pháp khuyên răn; ba biết mình sai họ khuyên là đúng; bốn, có ý không nghe theo lời khuyên; năm, nói lời chống đối rõ ràng.

Luật Thập Tụng chép: Từ bốn việc (bốn Ba-la-di) mỗi việc cho đến bảy pháp diệt tránh, nếu Tỳ-kheo nói tôi không học cái này mỗi việc phạm một tội đọa. Không nên nói Tỳ-ni cho năm hạng người như nêu trong quyển sau.

***Giới thứ bảy mươi hai: Khinh chê giới luật***

Luận Tát-bà-đa, chế giới này vì: một là tôn trọng Ba-la-đề-mộc-xoa (giới); hai, là làm cho giới thêm vững chắc; ba, diệt pháp ác. Lại nữa, luận Tát-bà-đa chép mười hai năm trước ta thường nói một bài kệ, nay nói năm thiên gọi là tạp toái.

Đủ năm duyên thành phạm: một, là giới luật; hai, là trước mặt Tỳ-kheo đang tụng giới; ba, có ý diệt Phật pháp không muốn tồn tại lâu dài. Luật Ngũ Phần, Tỳ-kheo khiến người xa lìa giới luật, không đọc, không tụng mà hủy báng phạm tội đọa. Luật Thập Tụng chép: Tỳ-kheo nói cần gì nói những giới như vậy khiến người nghi ngờ, sầu não không vui, nếu nói tùy theo kinh luật tất cả phạm tội đọa. Luận Tát-bà-đa nói: nếu tụng mỗi giới, mỗi giới khinh chê, thì phạm mỗi tội đọa. Nếu khinh chê chung phạm một tội đọa. Trong bài tựa, nói nghĩa hai trăm năm mươi giới cũng phạm tội đọa. Trong luật nói khinh chê giới luật phạm tội đọa, khinh chê luận và kinh phạm Đột-cát-la.

Không phạm: nếu nói trước tụng luận, sau đó tụng luật, trước tụng các kinh sau tụng luật. Nếu bệnh thì sau khi bệnh lành tụng luật. Hoặc cần cần phương tiện chứng bốn quả Sa-môn, sau đó tụng luật. Không muốn hủy diệt chánh pháp nên khai.

***Giới thứ bảy mươi ba: Cử tội nên nói trước***

Đủ bốn duyên thành phạm: một, khi tụng đủ văn giới; hai, là ở trong chúng; ba, là không chú ý nghe; bốn, là nói xong năm thiên, liền nói tôi mới được nghe.

Luật Tăng-kỳ chép: Tùy theo mỗi giới trung gian không nghe

phạm Đột-cát-la, nếu tất cả không nghe phạm tội đọa. Thọ Tỳ-kheo rồi nên tụng hai bộ luật, người không có khả năng thì tụng một bộ, nếu không có khả năng nữa thì tụng năm chúng giới (tức là năm thiên), hoặc bốn, ba, hai chúng giới như câu đầu, nếu không thể tụng hai chúng giới nên tụng một chúng và bài kệ. Tỳ-kheo khác đến, không được ngồi thiên, nên chuyên tâm lắng nghe.

***Giới thứ bảy mươi bốn: Cùng nhau Yết ma sau hối hận***

Đủ bốn duyên thành phạm: một, là tăng được thí vật; hai, là cùng Yết-ma thường cho người ấy rồi; ba, sau đó nói ngược lại phỉ báng tăng; bốn, là nói rõ ràng.

***Giới thứ bảy mươi lăm: Không gợi dục***

Đủ năm duyên thành phạm: một, là việc tăng đúng như pháp; hai, là biết rõ; ba, là không gợi dục; bốn, là bỏ đi; năm, là ra khỏi cửa.

Luật Ngũ Phần nói: có duyên sự gợi dục rồi đi, nếu không gợi dục, ba lần yết-ma xong, Tỳ-kheo ra khỏi chùa, tùy theo đi ra mỗi lần phạm một Ba-dật-đề, đến chỗ trống cách tăng một tầm phạm Ba-dật-đề. Trường hợp tăng không yết-ma mà chỉ xử đoán việc thôi thì mỗi việc phạm một tội Đột-cát-la. Luật Tăng-kỳ nói, nếu tăng đang nói pháp, tụng luật, có duyên sự không thể chờ hết, không bệnh mà bỏ đi phạm Việt-tỳ-ni. nếu muốn đại tiểu tiện, nên đi nhanh rồi trở lại, không bỏ dở việc tăng nên không phạm. Nếu Tỳ-kheo nghĩ rằng: “có thể trở lại trễ”, thì nên bạch và gợi dục rồi đi. Cho đến khi nghe người khác đọc tụng kinh đều nên như vậy. Nếu người tụng kinh ngừng tụng nửa chừng, nói sang chuyện khác, thì đi ra không phạm. Luật Ngũ Phần nói: nếu không yết-ma, mà Tỳ-kheo ở trong tăng xử đoán việc Sa-di, đứng dậy phạm Đột-cát-la. Trong luật nói không phạm: là gợi dục rồi đi, hoặc yết-ma phi pháp, Tỳ-kheo cùng chung một thầy làm việc tổn hại, cho không gợi dục mà đi.

***Giới thứ bảy mươi sáu: Gợi dục sau hối hận***

Đủ bốn duyên thành phạm: một, là yết-ma đúng như pháp; hai, là gợi dục đúng như pháp; ba, là sau đó liền hối hận, nói (yết-ma) không thành; bốn, là nói rõ ràng.

Luận Tát-bà-đa nói: nếu tăng làm yết-ma phi pháp, lúc đó sức mình không biến chuyển được, thì im lặng không ngăn, sau đó nói không thể làm như vậy, không phạm; Nếu tăng làm pháp đúng theo luật thì phạm tội đọa. Tỳ-kheo không thuận theo pháp chế của vua phạm Đột-cát-la.

***Giới thứ bảy mươi bảy: Ở chỗ vắng nghe bốn việc tranh cãi***

Đủ năm duyên thành phạm: một, là bốn việc tranh cãi đã phát sinh; hai, là trước những chuyện các người bàn bạc riêng; ba, là cố ý sinh tranh cãi; bốn, là đến chỗ người kia lén nghe; năm, là nghe rõ.

Không được nghe lén người khác nói, trong luật nói: nếu hai người nói chuyện ở chỗ tối, ở chỗ kín nói chuyện hoặc đi trước cùng nói chuyện, nếu Tỳ-kheo không búng ngón tay, tăng hắng để cảnh giác họ phạm Đột-cát-la.

Không phạm: là nếu sợ họ làm các việc không lợi ích nên lén nghe.

### ***Giới thứ bảy mươi tám: Giận đánh Tỳ-kheo***

Đủ bốn duyên thành phạm: một, là đại Tỳ-kheo; hai, là đánh với tâm tức giận; ba, là muốn đánh; bốn, là đánh vào người.

Trong luật nói: Tỳ-kheo đánh Tỳ-kheo khác cũng phạm tội đọa, hoặc dùng tay, đá, gậy, v.v... cũng phạm tội đọa. Nếu Tỳ-kheo dùng các thứ khác như: chìa khoá cửa, móc câu, chuỗi cán phạm Đột-cát-la. Luật Thập Tụng nói, nếu Tỳ-kheo cầm một nắm cát, đậu vãi trúng nhiều Tỳ-kheo, tùy theo trúng bao nhiêu Tỳ-kheo phạm bấy nhiêu tội đọa. Già luận nói Tỳ-kheo vì tâm dục đánh người nữ phạm Tăng tàn. Luật Tăng-kỳ nói nếu có các loài thú hung dữ như: voi, ngựa, trâu, dê vào trong chùa tháp, làm hại đến hình tượng, phá hoại hoa quả cây cối, Tỳ-kheo được dùng gậy đánh vào cây, đá cho chúng sợ bỏ đi; không được nghĩ là súc sinh đánh nó, mỗi mỗi phạm Đột-cát-la. Trong luật nói không phạm: là bị bệnh cần người đấm bóp, ăn mặc cổ phải vỗ vào gáy, nói chuyện với nhau, họ không nghe, vỗ họ họ để họ nghe, cho đến đung gằn nhau. Xét trong các kinh luật, không có các Tỳ-kheo vì việc dạy dỗ mà dùng roi vọt đánh đập. Một đời giáo hóa của Phật đều không sử dụng roi vọt. Thời Mạt pháp thường thấy có lỗi giáo dục này, quyền trước đã nói rõ, đó là tướng trạng Phật pháp bị tiêu diệt. Kinh Đại Tập chép: nếu đạotục v.v... đánh Tỳ-kheo phá giới, Tỳ-kheo không phá giới, tội nặng như làm muôn ức thân Phật chảy máu. Vì sao? Vì các người ấy có thể chỉ bày mọi người con đường xuất thế cho đến Niết-bàn. Luận Đại Trí Độ nói, trong luật, kết giới này vì việc thế gian, vì Nhiếp tăng, vì ủng hộ Phật pháp, có người có chúng sinh nên tùy theo giả danh mà kết giới, không quan sát về tội nhiều ít của đời sau. Nếu đạo nhân dùng roi đánh, giết trâu dê tội nặng mà giới nhẹ; khen ngợi người nữ, tội đều nặng, mà đời sau xem là tội nhẹ.

### ***Giới thứ bảy mươi chín: Đọa đánh Tỳ-kheo***

Trước là phần giới hạn, giới này để phòng ngừa chu đáo vì chỉ cần nghĩ đến tìm cách đánh Tỳ-kheo là phạm. Già luận nói, Tỳ-kheo đưa tay hướng đến nhiều Tỳ-kheo đọa đánh đều phạm Ba-dật-đề.

### ***Giới thứ tám mươi: Vu cáo người khác phạm Tăng tàn không có căn cứ***

Nói chung giống giới Tăng tàn thứ tám (vu báng người phạm giới Baladi không căn cứ) chỉ khác là tội đọa.

### ***Giới thứ tám mươi một: Đột nhập cung vua***

Đủ bốn duyên thành phạm: một, là vua Sát-đế-lợi; hai, là vua cùng phu nhân ngồi một chỗ; ba, vua chưa ra ngoài, vật báu chưa cất (luận Tát-bà-đa, thể nữ mặc y quý báu chưa cất); bốn, vào trong cửa cung vua.

Trong luật, nếu vào trong các nhà Túc Tán tiểu vương, Trưởng giả hào quý tộc phạm Đột-cát-la.

### ***Giới thứ tám mươi hai: Cầm nắm vật quý***

Đây là giới cầm nắm vật quý, luận Tát-bà-đa nói do Tỳ-kheo nhặt của rơi làm duyên khởi, không dùng lời xưa, đủ năm duyên thành phạm: một, là vật báu đối với mình mà người; hai, vật để trang sức; ba, không phải chỗ và chỗ ngủ trọ; bốn, không có ý trộm cắp chỉ lấy để đưa cho chủ của vật; năm, là cầm lấy. Luận Tát-bà-đa, Tỳ-kheo cầm bảy báu phạm tội đọa. Tên gọi của bảy vật báu như trong giới ba mươi. Nếu Tỳ-kheo cầm vật gần như của báu là: đồng, sắt, chân nhiều màu... phạm Đột-cát-la, nếu không lấy, đúng như pháp nói thanh tịnh thì không phạm. Nếu cầm vàng trang sức, vàng quặng cất giấu, hoặc cầm vật quý của người tự nói quý báu thanh tịnh phạm tội đọa. Vật tương với vật quý lẫn lộn trong một trăm lẻ một vật thì được cầm, không cần nói thanh tịnh. Luật Tăng-kỳ, cho đến biết người trong tăng có của báu không được tự lấy. Nếu ngày tám tháng tư và lúc đại hội cúng dường, đúc tượng vàng, tháp bạc và tượng Bồ-tát, có người cúng dường vàng, bạc để tháp lên, Tỳ-kheo nên sai tịnh nhân cầm. Nếu rơi dưới đất thì cầm giúp họ đặt lên chỗ không có vàng bạc, hoặc bao tay cầm đứng bên ngoài đang thiếp tượng. Nếu đúc Bồ-tát bằng vàng bạc, Tỳ-kheo sai tịnh nhân (tắm), cho đến nhờ tịnh nhân cầm, Tỳ-kheo chỉ phụ giúp. Nếu trước mình cầm không được sau bỏ ra. Luận Tát-bà-đa nói, nếu Tỳ-kheo cầm những thứ tương tự như vật quý làm đồ trang sức cho phụ nữ phạm Đột-cát-la. Đồ trang sức của người nam, trừ mâu tiêu, binh khí, nhạc cụ, ngoài ra tất cả được cầm không phạm. Nếu Tỳ-kheo sai Tỳ-kheo khác cầm vật quý cũng phạm tội đọa. Trong luật khai cho: nếu là vật quý cúng dường chùa tháp, vì muốn giữ gìn chắc chắn, Tỳ-kheo lấy cất không phạm (nghĩa là chỗ không có tịnh nhân). nên Ngũ Bách Văn chép: Vị trí sự cầm vàng, bạc, tiền của Phật pháp cũng phạm tội đọa. Luật Tứ Phần chép: nếu ở trong chùa, hoặc chỗ tạm ngủ qua đêm, có của báu, Tỳ-kheo nên tự cầm hoặc dạy người khác cầm, nên biết tướng trạng của cái dây, hình dáng vật dụng, phải mở ra xem bao nhiêu cái tròn vuông, mới cũ. Nếu có người tìm hỏi, mình xem họ nói hình dáng giống thì trả lại cho họ. Nếu họ nói không giống Tỳ-kheo nói rằng: “tôi không thấy vật này”. Hoặc có hai người cùng đến lấy vật, đều nói giống nhau, Tỳ-kheo đem vật ấy ra để trước mặt họ nói: “các ông tự lấy đi”, Tỳ-kheo làm như thế phạm Đột-cát-la. Nếu ở các chỗ khác, Tỳ-kheo cầm vật người ta đánh rơi phạm tội đọa. Luật Tăng-kỳ nói, nếu thấy y, vật của người đánh rơi, Tỳ-kheo nên xướng lên để họ biết. Nếu vật không chủ, Tỳ-kheo nên treo ở chỗ cao làm cho người ta dễ trông thấy. Nếu người đến lấy, Tỳ-kheo hỏi: “ông mất ở chỗ nào?” Họ trả lời đúng thì đưa cho họ. Nếu không ai đến hỏi, Tỳ-kheo nên giữ lại đến ba tháng. Nếu vật đó nhặt được trong vườn tháp, thì nên dùng để làm tháp. Nếu nhặt được trong vườn

tặng, thì nên làm vật dùng cho tặng bốn phương. Nếu là vật quý giá như vàng bạc v.v... không được phơi bày ra, Tỳ-kheo nên ở chỗ kín xem xét kỹ lưỡng về hình tướng. Nếu có người đến tìm nói đúng, Tỳ-kheo nên tập hợp nhiều người rồi đưa vật báu ra, dạy họ thọ ba quy y, nói rằng: “nếu Phật không chế giới này thì mắt ông muốn nhìn lại cũng không được”. Nếu không có người đến tìm, Tỳ-kheo giữ đến ba năm rồi tùy theo được vật đó ở đâu, dùng làm việc đó như trên đã nêu. Nếu Tỳ-kheo thấy vật họ đánh rơi, trước có ý nói cho họ biết, sau biết chỗ nên lấy ra, sau biết được lấy vô tội. Y, bát của Tỳ-kheo khách để lại, chủ nhân dời đi nơi khác, nếu Tỳ-kheo cất giấu phạm tội trọng. Y bát kia chủ nhân nhớ đến lấy thì không phạm tội. Nếu đào đất được của báu, mà tịnh nhân không đáng tin cậy, Tỳ-kheo nên tâu lên vua. Nếu tịnh nhân đáng tin cậy thì giữ đến trong vòng một, hai năm, rồi làm các việc về tháp. Nếu nhà vua biết, hỏi Tỳ-kheo, Tỳ-kheo trả lời: “có được mà đã dùng để làm tháp”. Nếu có người đến tìm nói đúng, Tỳ-kheo nên lấy vật của tháp trả lại. Nếu vua hỏi: “Trong giới luật của Phật như thế nào?” Tỳ-kheo nên trả lời: “Phật dạy: tùy theo vật được trong đất của tháp, của tặng, thì sử dụng vật đó làm tháp hoặc cho tặng. Nếu trên kho báu có miếng sắt ghi rõ họ tên, cũng được dùng, tiến thoái như trên. Luận Thành Thật, có người nói: vật báu phục tặng trong đất thuộc về vua, Tỳ-kheo lấy vật này, phạm tội trộm. Đáp: chỉ những vật trên đất mới thuộc về vua; không kể vật trong đất, vì sao? Vì bậc Thánh như Ngài Cấp-cô-độc v.v... cũng lấy những vật này, nên biết là vô tội. Lại nữa, tự nhiên mình được vật, không thể gọi là trộm cướp được. Luật Tăng-kỳ nói, Tỳ-kheo vào trong thôn xóm, thấy vật rơi dưới đất không được lấy. Nếu có người lấy đưa cho Tỳ-kheo thì được. Vì người đó chính là thí chủ. Nếu ở chỗ đường vắng không người có vật rơi thì được lấy. Nếu thấy trên y có châu báu, nên dùng gót chân đập bỏ châu báu, cầm bày ra khiến cho người ta nhìn thấy. Khi được y, về đến trú xứ mới thấy của báu, nên giao cho tịnh nhân lo việc y, thuốc. Ngũ Bách Vấn chép: vật Tỳ-kheo gửi người tại gia quá hạn không đến lấy, người tại gia cầm đến cúng dường, Tỳ-kheo nhận không hợp lệ vì nếu Tỳ-kheo còn sống thì đó là vật có chủ, nếu Tỳ-kheo chết thì vật đó thuộc về Tăng.

### ***Giới thứ tám mươi ba: Phi thời vào làng xóm***

Đủ năm duyên thành phạm: một, là thời gian phi thời; hai, là không có duyên sự; ba, không dặn lại Tỳ-kheo khác; bốn đi đến nhà Cư sĩ (tức là nhà của tịnh nhân trong chùa); năm, là vào cửa.

Luật Thập tụng nói, nếu Tỳ-kheo vào làng xóm, tặng phùng (chùa ni nên bạch), vào chỗ lan-nhã, vào trú xứ cũ không phạm.

Luật Tứ Phần nói phi thời: từ quá giữa trưa đến lúc minh tướng chưa xuất hiện, trong thời gian đó Tỳ-kheo không dặn Tỳ-kheo khác, bước vào trong xóm làng phạm tội đọa.

Nếu có việc tặng, tháp, chùa và bệnh nên dặn Tỳ-kheo khác. Nếu Tỳ-kheo ở phòng riêng nên dặn với Tỳ-kheo gần phòng.

Luật Thập Tụng nói, nếu ở chỗ mình không có Tỳ-kheo, đến ngã tư đường gặp Tỳ-kheo nên bạch. Nếu không có Tỳ-kheo nên nói với Tỳ-kheo-ni và ba chúng (Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sa-di ni).

Luật Tăng-kỳ nói: ăn buổi sáng xong là phi thời. Muốn vào làng xóm, Tỳ-kheo nên thưa: “Thưa trưởng lão! Tôi phi thời vào xóm làng”. Trưởng lão đáp: “Được”. Nếu đường đi ngang qua xóm, trong xóm có tháp miếu, Tỳ-kheo nên tiện đường đi thẳng qua, nếu hai bên đường có quán trọ đi qua phạm tội đọa.

Luận Đại Trí Độ nói, tất cả nhà của người tại gia đều gọi là xóm làng.

Theo đây, phòng nhà của tịnh nhân trong chùa vì sao Tỳ-kheo không cần nói? Cần thận thay! Cần thận thay!

Luật Ngũ Phần chép: nếu Tỳ-kheo đang đi trên đường gặp chiều tối nên đến xóm làng ngủ lại.

Có tám nạn khởi lên và các duyên khác Tỳ-kheo không cần thưa.

Luận Tát-bà-đa nói: Tỳ-kheo có thể thưa một cách chung chung chỗ đi đến, hoặc thưa cụ thể thì càng tốt. Nếu Tỳ-kheo trước không thưa, gặp Tỳ-kheo chùa khác thưa thì không phạm.

Luận Minh liễu nói, nếu có nhân duyên Tỳ-kheo nên chọn lựa việc này, nghĩa là thưa với người cùng giới quan sát chánh hạnh.

Trong luật nói, nếu Tỳ-kheo quan sát chánh hạnh Tỳ-kheo kia, nếu có oai nghi thì cho phép đi, không oai nghi thì không nên cho đi.

Không phạm: là đường đi phải qua xóm làng, có việc đã thưa với Tỳ-kheo khác, nếu có thọ thỉnh không cần dặn cứ việc đi, có duyên sự của Tam bảo thì khai như trên.

### ***Giới thứ tám mươi bốn: Làm giường cao quá quy định***

Đủ năm duyên thành phạm: một, là giường; hai, là giường của tăng hay của mình; ba, là quá mức qui định; bốn, là tự làm hoặc bảo người làm; năm, là làm xong.

Nếu Tỳ-kheo làm xong phải chặt bớt, không chặt bớt mới phạm.

Luật nói: giường cao bằng tám ngón tay của Như lai.

Luận Tát-bà-đa nói, tất cả giường cây cao rộng đều phạm, giống giới thứ tám của người tại gia (tám quan trai).

Tám ngón tay: một ngón dài hai tấc, thước đời nhà Chu, một thước bằng sáu tấc, thước nhà Đường dài, một thước ba tấc.

Luật Ngũ Phần nói: cho phép Tỳ-kheo được nhận giường cao do thí chủ cúng dường. Tỳ-kheo trước nghĩ: “sẽ chặt bớt” thì được nhận. nếu không nghĩ thế, Tỳ-kheo phạm tội đọa. Luật Tăng-kỳ nói: nếu giường của tăng cũng phạm. Sợ thí chủ không vui, Tỳ-kheo đào đất chôn chân giường xuống, cho đến chặt bớt

chân giường, rồi kê thêm dưới chân cũng phạm. Tùy, theo Tỳ-kheo ngồi xuống đứng dậy mỗi lần phạm một tội đọa. Nếu chỗ ẩm ướt dùng gỗ bằng tám ngón tay để kê chân giường thì được.

(Theo đây, chỗ ẩm ướt kê chân giường nên khai cho, nếu ở trên đó lễ Phật, mà kê cao quá thì không được).

Nếu Tỳ-kheo ngồi trên giường của nhà thế tục thì không phạm. Luật Tứ Phần cũng nói giống như vậy.

Luật Thập Tụng chép: Tỳ-kheo chặt bớt chân giường rồi đến trong tăng sám hối tội. Tám ngón tay: là dùng ngón tay mình để tính. (phần khai trên, lấy gỗ kê chân giường bằng tám ngón tay người thường).

Phần thứ ba của luật Tứ Phần, chỗ tra vào thành giường, theo luật Thập Tụng, nếu nhà không bà con thì đo bằng tám tấc, chia ra bốn phần bằng nhau. Lại nói: giường dài nhỏ nhất đủ cho bốn Tỳ-kheo ngồi. Giường nằm hơn ba khuỷu tay, khoảng đủ đưa bé bốn tuổi ngồi, nếu dưới mức đó không được ngồi. Giường rộng một khuỷu rưỡi tay được hai người ngồi. Giường kê không được cao quá tám ngón tay.

Luật Tứ Phần nói không phạm: là giường cao bằng tám ngón tay, hoặc dưới tám ngón tay, hoặc giường cao chặt bớt thì không phạm.

#### ***Giới thứ tám mươi lăm: Đòn bông gòn làm nệm***

Đủ năm duyên thành phạm: một, là bông (Đâu-la-miên) (luật nói là bạch dương, hoa liễu nở tròn); hai, là đòn làm nệm; ba, là làm cho mình; bốn, là tự làm hoặc bảo người làm; năm, là làm xong.

Luật Ngũ Phần nói, tùy theo Tỳ-kheo ngồi kết tội đọa. Nếu Tỳ-kheo làm rồi trước phải moi bông ra, sau đó sám hối.

#### ***Giới thứ tám mươi sáu: Làm ống đựng kim bằng xương, ngà, sừng***

Đủ năm duyên thành phạm đồng như trên.

Luận Tát-bà-đa chép: vì những vật nhỏ này không tính vào trong ba mươi thứ nên phá đi. Nếu trả lại chủ không nhận, hoặc cho chủ khác thì buồn, đưa vào tăng thì phi pháp, Tỳ-kheo nên huỷ bỏ đi.

Luật nói không phạm: là dùng đồng, sắt, chì, sáp, trúc, gỗ, cỏ lau, cỏ xá-la làm ống đựng kim hoặc dùng ngà voi, sừng bịt đầu tích tượng, bịt cán lọng, cán dù, cán dao để khoét, hoặc bịt cán thìa, cây như ý cán gáo, cây móc y, que bôi thuốc đau mắt, dao nạo lưỡi, cây xia răng, cây móc tai, thiên trần, ống để xông mũi, tất cả đều không phạm.

#### ***Giới thứ tám mươi bảy: Làm toạ cụ quá quy định***

Đủ năm duyên thành phạm: một, là làm toạ cụ; hai, là quá cỡ quy định; ba, là làm cho mình; bốn, là tự làm hay bảo người làm; năm, là làm xong.

Trong luật, toạ cụ làm dài bốn thước, rộng ba thước (thước nhà

Chu) viên phía ngoài dài, rộng mỗi bên tăng thêm một thước, đó là đúng cỡ qui định (các việc khác như trong phần pháp y có nói)

Lại nói: nếu Tỳ-kheo làm quá qui định, hoặc ít hơn, hoặc nhiều hơn, tự mình làm hay bảo người khác làm, tất cả phạm tội đọa. Nếu không thành, hoặc làm cho người khác, thành hay không thành, tất cả phạm Đột-cát-la.

Không phạm: là làm đúng cỡ, hoặc dưới cỡ qui định, hoặc toạ cụ người khác may xong cho đúng như cỡ qui định, hoặc làm hai lớp cũng không phạm. (nay có qui định cỡ chung, nhưng hai bộ không chấp nhận, luật Tứ Phần, là luật do bảy trăm vị Tỳ-kheo kiết tập cũng không chấp nhận)

Luật Tăng-kỳ nói: nếu muốn sám hối Tỳ-kheo phải cắt bớt bên ngoài, cho đúng cỡ quy định, rồi sám hối đúng như pháp. Những cái còn dư thì thuyết tịnh. Nếu quá mười ngày, Tỳ-kheo theo pháp chứa y dư mà xả, hoặc theo y pháp trong luận Tát-bà-đa.

### ***Giới thứ tám mươi tám: May y che ghe quá cỡ quy định***

Luật nói: y này dùng để che các thứ ghe trên thân, hoặc trên Niết-bàn tăng, được làm bằng vải mềm mại quý giá, dài tám thước, rộng bốn thước (thước đời nhà Chu).

Không phạm: gần giống giới trước, luật Thập Tụng nói: đến khi ghe hết, quá mười ngày, Tỳ-kheo phạm tội đọa.

### ***Giới thứ tám mươi chín: May áo tắm mưa quá cỡ quy định***

Văn giống như trong giới thứ ba mươi, không giải thích cũng có thể biết.

### ***Giới thứ chín mươi: May y lớn bằng y Phật.***

Luận Tát-bà-đa chép: cỡ của Phật là một trượng sáu, người thường chỉ bằng một nửa, nên Tỳ-kheo làm y dài rộng chỉ bằng một nửa mà thôi.

Luật Thập Tụng chép: lượng y của Tỳ-kheo bằng y của Đức Phật là chiều dài bằng chín gang tay Phật. Hai bộ luật: luật Tăng-kỳ và luật

Ngũ Phần giống nhau. Có bản chép mười gang tay Phật là sai. Y Đức Phật dài một trượng tám, rộng một trượng hai, người thường dài chín thước, rộng sáu thước (tính theo thước đời Chu). Việc này rất hiếm thấy nên không cần nói rõ, nên biết như vậy.

---o0o---

## **BÓN PHÁP ĐỀ XÁ NI**

### ***1. Nhận thức ăn của Tỳ-kheo ni không phải bà con tại nhà cư sĩ***

Có năm duyên thành phạm: một, là tại nhà cư sĩ; hai, là Tỳ-kheoni không phải bà con; ba, là không có lý do; bốn, là tự tay nhận thức ăn; năm, là ăn vào.



Luật Tứ Phần nói thức ăn có: thức ăn chính, thức ăn phụ. Nếu Tỳ-kheo không bệnh tự tay nhận thức ăn mỗi miếng đều phạm. Trong văn bát luận thức ăn đó của mình hay của người, theo duyên để biết.

Luật Ngũ Phần nói: Tỳ-kheo ở tại ngã tư đường nhận thức ăn của Tỳ-kheo-ni không bà con phạm tội, nhận trong nhà không phạm. Duyên khởi như vậy.

Trong luật nói không phạm là: nhận thức ăn của Tỳ-kheo-ni bà con; hoặc bị bệnh; hoặc lấy thức ăn để dưới đất hay người khác trao cho, hoặc nhận tại chùa, ngoài xóm, chùa ni tất cả đều được.

## ***2. Nhận thức ăn do tâm thiên vị tại nhà cư sĩ***

Đủ bốn duyên thành phạm: một, là tại nhà cư sĩ; hai, vì sự thiên vị không theo thứ lớp thọ thỉnh; ba, là đại chúng yên lặng thọ nhận, không chê trách; bốn, là ăn vào.

Luật Ngũ Phần nói, nếu Tỳ-kheo-ni bảo thí chủ thêm thức ăn cho Tỳ-kheo, Thượng tọa thứ nhất nên quở trách. Nếu lời nói của Thượng tọa thứ nhất không có tác dụng, thì thứ lớp quở trách cho đến Tỳ-kheo mới thọ giới cũng được quở trách.

Luật Tăng-kỳ nói, Tỳ-kheo quở trách ba lần mà họ không dừng thì Tỳ-kheo ăn không phạm.

Luật Thập tụng nói, nếu hai tăng trụ xứ ngòai riêng, ăn riêng, cũng nên hỏi riêng theo lời Thượng tọa ngăn chưa xong, người chưa ăn không được ăn. Người ngòai sau cũng vậy.

Trong luật nói không phạm: là Tỳ-kheo có nói: “Này cô! Hãy thôi đi! Để yên cho các Tỳ-kheo ăn xong”, nếu Tỳ-kheo-ni tự mình làm đàn-việt, hoặc đàn-việt thiết trai nhờ Tỳ-kheo-ni lo liệu, hoặc không có tâm thiên vị đối với các Tỳ-kheo thì đều không phạm.

## ***3. Thọ thức ăn của nhà học gia quá quy định***

Sự việc này rất hiếm nên không nói lại. Ngày nay có gia đình tin tưởng Phật pháp, cúng dường chúng xuất gia. Năm chúng xuất gia cũng nhận sự cúng dường quá nhiều. Theo đây, chúng ta nên tự tiết chế. Há chẳng phải là phán đoán sáng suốt hay sao?

## ***4. Thọ thực tại lan nhã có thời hạn***

Đủ năm duyên thành phạm: một là chỗ lan-nhã có sự nguy hiểm; hai, là không cho đàn-việt biết trước; ba, là không bệnh, không duyên sự; bốn, là tự tay lấy ăn, trừ để dưới đất và sai người lấy; năm, là ăn vào.

---o0o---

**GIỚI CHÚNG HỌC**

Trong giới chúng học, chủ yếu nói về oai nghi. Nó có mặt đầy đủ trong các môn, tóm lược gần hết. Nay trích yếu vài mươi giới thường hay phạm, nên tập hợp theo thứ lớp.

### **1. Mặc niết-bàn tăng ngay ngắn**

Luật nói: không ngay ngắn có nghĩa là lúc mặc dưới thấp, cột dây lưng dưới rón. Mặc cao là mặc trên đầu gối, vòi con voi: phía trước thông xuống một góc. Lá cây Đa-la: là phía trước thông xuống hai góc. Xếp nhỏ lại: xếp quần quanh lưng eo nhãn nhỏ.

Nếu Tỳ-kheo cố ý làm phạm, nên sám hối Đột-cát-la. Do cố ý làm nên phạm phi oai nghi Đột-cát-la. Nếu Tỳ-kheo không cố ý làm chỉ phạm Đột-cát-la. Bốn chúng Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di, Sadi-ni cũng phạm Đột-cát-la, cho đến thiên cuối cũng giống như ở đây.

Không phạm: là hoặc khi bị bệnh, trong rón sinh mụn nhọt nên mặc thấp, hoặc nơi ống chân có ghê nên mặc cao, hoặc ở trong Tănggià-lam, hoặc bên ngoài thôn xóm, hoặc lúc làm việc, lúc đi đường.

### **2. Mặc ba y ngay ngắn**

Luật nói: không ngay ngắn: mặc thấp: thông xuống quá khuỷu tay, trông bên hông. Mặc cao: mặc cao quá ống chân. Vòi con voi: phía trước thông xuống một góc. Lá cây Đa-la: phía trước thông xuống hai góc, phía sau vén cao lên. Xếp nhỏ lại: là xếp nhỏ làm thành viền của y.

Không phạm: gần giống giới trước.

### **3. Đi lật ngược y .**

Nghĩa là: vắt ngược y hai bên trái và phải lên vai, nếu bên hông bị bệnh (ghê), hoặc ở trong già-lam, hoặc trên đường đi, hay lúc làm việc thì cho phép.

### **4. Ngồi lật ngược y lại**

Văn tương tự có thể biết. Từ đây về sau, y cứ vào lượng mà giải thích không ghi số nữa.

Luật nói y quần cổ: năm hai chéo y, quần lên vai. Khai duyên:

giống như giới trước. Che đầu: hoặc lấy lá cây, hay dùng vật bị xé từng mảnh, hoặc lấy y che đầu. Không phạm: là hoặc bị bệnh lạnh đầu, hay trên đầu có ghê, nạn mạng sống, nạn phạm hạnh trùm đầu để chạy thì không phạm. Đi nhún nhảy: nghĩa là hai chân nhún nhảy. Không phạm là hoặc bị bệnh như vậy, hoặc bị người đánh hoặc có thú dữ, hoặc bị gai chích, hoặc lộ qua mương, qua hầm phải nhảy qua.

### **5. Ngồi chồm hóm**

Ngồi trên đất hay trên giường mà mông không chạm đất. Không phạm là hoặc bị bệnh như vậy, hoặc bên mông có ghê, hoặc cần đưa vật cho người khác, hoặc

lễ bái, sám hối, hoặc nhận giáo giới. Chống nạnh: chống hai tay lên hông, khuỷu tay thành góc vuông. Khai duyên: như giới y quần cổ. Lắc mình: thân nghiêng bên phải, bên trái khi rảo bước. Không phạm: là hoặc bị bệnh như vậy, hoặc bị người đánh phải nghiêng mình để tránh, hoặc qua hầm phải nghiêng thân để lướt qua, hoặc khi mặc y nghiêng mình nhìn xem. Đánh đằng xa (vung tay): là thòng cánh tay đưa ra trước mà đi. Không phạm: là bị bệnh như vậy, hoặc bị người đánh và các duyên khác phải đưa tay để ngăn lại, hoặc lội qua sông, hoặc đưa tay vẫy gọi bạn. Che thân: là khắp cơ thể trông tròn phải che kín. Không phạm: là hoặc bệnh, hoặc bị gió thổi bay y, liếc nhìn hai bên: ở trong xóm làng nhìn khắp mọi nơi. Không phạm: là bị bệnh như vậy, hoặc ngược mặt xem thời tiết, hoặc gặp nạn duyên phải liếc nhìn mọi hướng để tìm đường thoát thân. Yên lặng: là không lớn tiếng la lối. Không phạm: là bị bệnh như vậy, hoặc có người bị điếc phải nói to, hoặc lớn tiếng dặn dò, hoặc lớn tiếng thí thực, hoặc nạn mạng sống, nạn phạm hạnh lớn tiếng gọi nhau để chạy. Cười giỡn: cười để lộ răng. Không phạm: là bị bệnh như vậy, hoặc môi bị đau không che được răng, hoặc nghĩ đến pháp hoan hỉ mà cười. Chú ý nhận thức ăn: không được để rơi cơm canh. Không phạm: là bị bệnh như vậy, hoặc bát nhỏ bị rơi rửa ngoài, hoặc rơi trên bàn. Nhận thức ăn vừa ngay bát: không tràn bát, không để tràn chảy ra ngoài. Không phạm: là giống như giới trước. Nhận canh vừa ngang bát: không để chảy tràn ra ngoài. Về không phạm: giống như trên. Cơm canh cùng ăn: chẳng phải cơm đến canh hết, cơm chưa đến canh đã hết. Không phạm: là bị bệnh như vậy, hoặc lúc cần cơm không cần canh, hoặc gàn quá giữa ngày, hoặc có nạn mạng sống, nạn phạm hạnh cần ăn mau. Theo thứ lớp mà ăn: nghĩa là trong bát không được moi đủ chỗ để lấy thức ăn mà ăn. Không phạm: là bị bệnh như vậy, hoặc sợ nóng moi lấy chỗ nguội mà ăn, hoặc sắp quá giữa trưa, hoặc có nạn duyên. Không nên moi giữa bát mà ăn: nghĩa là chừa xung quanh, moi giữa bát xuống tới đáy bát. Không phạm: là bị bệnh như vậy, hoặc sợ nóng nên moi ở giữa cho nguội, hoặc quá giữa trưa, hoặc nạn duyên. Khác được đòi hỏi thức ăn cho mình. Không phạm: là vì bệnh, hoặc đòi hỏi cho người khác, người khác đòi hỏi cho mình, không đòi hỏi mà được. Cơm phủ lên canh: Không phạm: là bị bệnh như vậy, hoặc được mời ăn, hoặc khi chỉ cần canh, lúc chỉ cần cơm, không nhìn bát của người bên cạnh: xem ai nhiều ai ít. Không phạm: Tỳ-kheo bên cạnh bị bệnh, hoặc mắt bị mờ, nhìn xem họ được thức ăn chưa, tịnh hay bất tịnh, thọ hay chưa thọ, hoặc mình bị bệnh. Chú tâm vào bát mà ăn: nghĩa là không nhìn xem xung quanh. Không phạm: là bị bệnh như vậy, hoặc Tỳ-kheo ngồi gần mình mắt mờ như giới trước, hoặc quá giữa trưa hoặc nạn duyên. Không được vắt cơm lớn: tức là miệng không chứa hết. Không phạm: là bị bệnh như vậy, hoặc lúc quá giữa ngày, nạn mạng sống, nạn phạm hạnh phải ăn mau. Há miệng lớn đợi cơm: nghĩa là vắt cơm chưa đến đã há miệng lớn đợi cơm. Không phạm: là như giới trước. Ngậm cơm nói: thức ăn trong miệng thì lời nói không rõ ràng, khiến người nghe không hiểu. Không phạm: là bị bệnh như vậy, hoặc bị nghẹn kêu nước, hoặc nạn duyên. Vắt cơm thả từ xa vào miệng ăn. Không phạm: là bị bệnh như vậy, hoặc bị trối phải thả thức ăn vào

miệng. Thức ăn rơi vãi: nghĩa là phân nửa vào miệng, phân nửa trong tay. Không phạm: là hoặc ăn bánh trắng, hoặc ăn cơm cháy, hoặc ăn dưa, rau trái. Ăn phòng má: tức là đưa thức ăn vào miệng khiến cho hai má phồng lên giống như hai mà khi. Không phạm: là bị bệnh gì đó, hoặc quá giữa ngày, nạn duyên phải ăn mau. Không nhai thức ăn lớn tiếng: trừ bị bệnh, ăn bánh khô, ăn cơm cháy, ăn dưa trái (không có vãn khai ăn rau cải). Húp thức ăn: há miệng rộng từ xa húp thức ăn vào. Không phạm: là bị bệnh gì đó, hoặc miệng đau, hoặc ăn nhanh, sữa lạc, rượu đắng. Không liếm thức ăn: nghĩa là không le lưỡi liếm thức ăn, trừ bệnh, hoặc bị trối tay, hoặc bị bùn, đất nhóp, mồ hôi tay nên dùng lưỡi liếm thức ăn. Không rảy tai trong lúc ăn, trừ bệnh, hoặc trong thức ăn có cỏ, côn trùng, hoặc tay có chất bất tịnh muốn rảy bỏ đi, hoặc khi chưa ăn tay xúc chạm vật bất tịnh cần phải rảy. Nhặt thức ăn rơi mà ăn: tức là cơm rơi bỏ đi. Khai như giới trước. Không được tay dơ cầm đồ đựng thức ăn: tay dơ nghĩa là trên tay có dính cơm. Trừ bệnh, hoặc nhận thức ăn trên cỏ, trên lá, hoặc rửa tay nhận. Nước rửa bình bát là nước có lẫn cơm. Trừ khi bệnh, hoặc rửa bàn rồi hứng nước đó đổ đi. Không được đại tiểu tiện trên cỏ tươi, trừ người bệnh không thể tránh, hoặc nước chảy đến nơi đó, hoặc chim ngậm rót xuống nơi đó. Không được đại tiểu tiện, khạc nhổ xuống nước. Trừ bệnh hoặc ở trên bờ đại tiểu tiện nước chảy xuống đó, ngoài ra như giới trước. Không được đứng đại tiểu tiện, trừ bệnh, hoặc bị trối, hoặc chỗ đứng có bùn dơ. Không được nói pháp cho người không cung kính nghe. Trừ bệnh, hoặc vua, đại thần của vua. Không được ngủ nghỉ trong tháp Phật, trừ bệnh hoặc vì giữ gìn nên ngủ nghỉ đó, hoặc bị thế lực bắt buộc, hoặc nạn mạng sống, nạn phạm hạnh mà ngủ nghỉ trong đó. Không cất chứa tài vật trong tháp. Trừ bệnh, hoặc vì muốn cho chắc chắn nên cất chứa, các nạn duyên khác như trên. Không được mang giày da vào tháp Phật. Trừ bị bệnh như thế, hoặc bị cưỡng bức bắt phải vào trong tháp. Không được ngồi ăn dưới tháp, để lại thức ăn bữa bái, trừ Tỳ-kheo ăn với một oai nghi, và không làm pháp dư thực, Tỳ-kheo bị bệnh, cho phép hoặc gom lại một chỗ để bên chân, lúc ra ngoài đem đi bỏ. Không được khiêng thầy chết đi qua dưới tháp. Trừ bị bệnh phải đi đường này, thế lực bắt buộc phải đi. Không được đem tượng Phật đến chỗ đại tiểu tiện. Khai duyên cũng giống như vậy. Không được ngồi duỗi chân về phía tháp. Trừ bệnh, hoặc ở giữa có vật ngăn cách, hoặc bị thế lực bắt buộc. Không được nắm tay nhau cùng đi. Trừ bệnh, hoặc Tỳ-kheo mắt mờ cần dìu đỡ để đi, giới khác hoặc bị bệnh duyên nên khai chung. Không nói pháp cho người không cung kính, chỉ khai cho nói pháp cho Vua và Đại thần, vì Phật pháp lưu bố rộng khắp trong thiên hạ, nhờ vào sức mạnh của Vua. Ban đầu khai cho vì muốn chánh pháp được đến với người dân, về sau thì bắt buộc mọi người phải kính ngưỡng nên không có pháp khai. Ngoài ra chung với các bộ khác rất quan trọng, ý ở đây tức mở tức hành, mà lại y vào luật nói lại. Cho nên nếu vâng theo điều này thì không thiếu sót, nên xem xét bao gồm lại. Như quyền riêng thường dùng trong oai nghi quyết chánh pháp.

## QUYỀN TRUNG

### PHẦN 4

#### THIÊN THỨ 15: PHÉP TẮC TRÌ PHẠM

Trước phân chia tùy tướng ước sự, cho đến nói bao gồm cũng chưa thể hiểu được. Cho nên phải phân biệt điều đó. Nếu lấy việc lý lẽ làm đầu, sợ kẻ sơ học không hiểu nổi.

Tông chỉ của luật nói trì phạm, tướng trì phạm thật sâu xa, người học nhiều chẳng hiểu rõ hết lý lẽ tốt cùng thì nghĩa này khó biết được. Cho nên trải qua nhiều đời luôn vâng theo không thể nói khác được. Tuy ít nhiều có chia ra nhiều cách nhưng ý chính không sai khác. Nhưng về sau các vị mới học chưa hiểu rõ hệ thống giáo dục, chỉ qua thời gian chăm chỉ học tập làm sao biết được? Nhưng vẫn nói về trì phạm xuyên suốt một bộ. Chính là bộ Cảnh Chương. Đã y theo sự tướng, nay thử theo nghĩa bàn luận chung, chỉ ra vấn đề quan trọng của nó. Đưa ra sự việc để hiển bày, khiến cho việc nguyên cứu được dễ dàng. Trong đó phân biệt các môn: một, biết về hai chữ trì phạm; hai, là giải thích về thể trạng; ba, là nói về thành tựu; bốn, là nói về thông bát; năm, là nói về tiêm đốn; sáu, là nói về hơn kém; bảy, là chọn lựa trong nhiều khoa.

#### **1. Nói về hai chữ Trì phạm:**

Trước giải nghĩa hai chữ Chỉ trì: phương tiện chánh niệm giữ gìn những điều đã thọ nhận, ngăn ngừa thân miệng không gây ra các nghiệp ác, xem đó là chỉ. Chỉ mà không trái phạm, giới thể trong sáng, thuận với những điều đã thọ, gọi đó là trì. Trì do chỉ mà thành nên gọi giới là Chỉ Trì, giống như thiên thứ nhất.

– Tác trì: sau khi đã lìa ác rồi, việc cần là phải tu điều lành, phải sách tấn ba nghiệp tu tập giới hạnh. Có làm điều lành gọi là Tác. Trì như trước đã giải thích. Cho nên có chỉ trì và tác trì. Luận rằng: giới tướng là chỉ, hành tướng là tác. Lại nói: ác dứt thiện làm, là nghĩa thứ tự của nó.

Kế đến giải thích hai thứ phạm, phạm đầu trong năm chúng xuất gia có đầy đủ Ba độc (tham, sân, si), chúng ta tâm ý điên đảo, xúi dục thân miệng làm trái lý, gây ra các cảnh gọi đó là Tác. Tác mà sai trái, làm do bản những điều đã thọ nhận, gọi là Phạm. Phạm do Tác mà thành, nên gọi là Tác phạm.

Đây là đối với hành pháp ác làm chính. Đã làm ác chắc chắn không tu điều lành. Cho nên tiếp theo nói về chỉ phạm. Chỉ phạm: vì tâm si mê, ngã mạn làm những việc trái với những điều đã thọ nhận, nên gọi là Phạm. Đây là đối với không tu pháp lành nói làm chính.

**2. Nói về thể trạng, còn các nghĩa khác bỏ đi.** Giải thích rõ ràng, thể có hai: năng trì nà sở trì.

– Năng trì: dụng tâm là thể, thân miệng là dụng cụ. Nên nói rằng: ba nghiệp này đều chỉ do tâm. Lại luật nói: đề phòng ba nghiệp, nên quan sát kỹ những ý này, sau sẽ giải thích lại.

– Sở trì: hai thứ trì phạm đều đối với hai giáo mà nói. Chế giáo có hai: chế tác, làm thì không có lỗi, không thuận theo có tội và chế chỉ mà làm thì có lỗi, chỉ thì không trái phạm.

Thính giáo, làm và không làm tất cả đều không có tội. Vì sao phải có hai giáo, vì nếu chỉ chế không khai thì hạng trung, hạ thực hành nhờ đâu mà tiến đạo. Nếu chỉ khai, không chế thì bậc thượng chỉ mong cầu tự độ, tự khuyến khích mình. Cho nên cần có hai giáo, bao gồm cả giáo mới phát sinh đầy đủ ý nghĩa. Nay chia ra hai giáo, nhiếp pháp chia bằng nhau. Chỉ trừ tác phạm, chỉ đối với sự trong hai giáo đã nói. Tác trì chỉ phạm, chung cho cả pháp và sự trong hai giáo. Cho nên trước không chung cho cả pháp, vì pháp chỉ có tiến tu mới biết được. Còn sự chỉ cần xa lìa lỗi lầm là tự nhiếp họ được, nên được nói đến. Chính là chỉ trì trước đối với trong hai giáo. Sự trong môn chế có hai:

– Có thể học nên chế chỉ: như dâm dục chung cho ba cảnh, trộm cắp chia làm bốn chủ, v.v... Chế tác: như thể lượng của y, bát, v.v...

– Việc không thể học: do tâm mê mờ điên đảo chạy theo cảnh nên không hiểu rõ v.v... đây là bỏ nghĩa xưa (xưa, cho rằng sự không thể học, nay do tâm mê mờ điên đảo vọng tưởng không thể học, tất cả tâm cảnh đều có thể học được, nhưng do mê mờ nên không học được, vì vậy Đức Phật khai cho tất cả, đó cũng là thính môn (cho phép).

Sự chung cho hai thứ trên. Có thể học là như phòng xá thược tác dài ngắn, chứa y dư nhiều ít. Không thể học: việc giống như trước đã nói, chỉ do mê vọng về giáo nghĩa nhưng không trái phạm. Trước sau tương chuyển nên kiết bất định.

Tác trì: đối với pháp sự trong chế môn.

Pháp: nghĩa là giáo hành. Giáo nghĩa là luật nghi. Hành nghĩa là đối trị. Sự chỉ có thể học: như thể lượng của y, bát v.v... là y cứ vào Thính môn, cũng đối với pháp sự. Pháp: nghĩa là xử phân, thuyết tịnh, v.v... sự chỉ có thể học: như y dư, phòng xá, v.v... cho nên không thông. Không thể học là do tâm mê vọng, không học mà làm được, sau sẽ nói đầy đủ. Ở đây nghĩa là theo luật nghi mà làm, không trái phạm, đều gọi là Tác trì.

Tác phạm: ngược với Chỉ trì, không nương tay vào giới tướng, gây ra các hạnh xấu, gọi là Tác phạm.

Chỉ Phạm: ngược lại với tác trì, đối với pháp sự biếng nhác không chịu học.

### **3. Nói về thành tựu nơi chốn**

Trước là nói theo tâm, Chỉ trì có hai: một, là nói về không có xấu ác làm ô nhiễm. Chỉ trì: trước hành ba tâm có được chỉ (nghĩa là thức, tướng, thọ, v.v... ba phi nghiệp này lưu nhập tâm hành mới thành nhân riêng, nên chia làm hai). Nhờ có giới thể trong sáng, không trái phạm gọi là Chỉ Trì. Thọ thể là ký, ba tâm là vô ký. Hai, nói về hạnh đối trị. Chỉ trì, tác trì: đều do tâm hành mà thành tựu. Ba tâm trước thì không nếu tánh thiện có thì ác, vô ký không.

Chỉ phạm, tác phạm, thành tựu do tâm hành (trước là ba hành vi tham v.v... trong trì. Nay chính là ba hành vi tham, sân, si trong phạm). Ba tâm trước cũng không (tức là ba tâm: thức, tưởng, thọ) chỉ có tánh bất thiện. Tâm trước sau khác về trì phạm, cho nên có thể biết. Sau nói về ba nghiệp thành tựu. Thân có hai trì: lìa sát (giết hại) v.v... gọi là thân chỉ trì. Nhân thức ăn ăn, v.v... gọi là thân tác trì. Miệng có hai trì: lìa bốn lỗi của miệng gọi là Chím biết nói năng đúng đắn gọi là Tác. Thân-miệng mỗi thứ có hai phạm. Ngược lại điều trên nên biết. Chỉ có trong ý nghiệp không thành trì phạm. Nếu thân miệng hành động thì suy nghĩ cũng thành trì phạm. Sau sẽ nói lại.

#### **4. Nói về thông bút** Chia làm bốn môn:

– Môn nhất tâm: chỉ nói về tác nghiệp, chỉ có bút không thông vì tâm không và lưu cảnh không hiện ra ngay.

– Dùng tâm thấy cảnh: có thông có bút, bút thì trì phạm không liên hệ nhau, thông thì trì phạm liên quan nhau. Như trong chỉ trì có tác trì, trong tác trì có chỉ trì. Chỉ phạm, tác phạm cũng như vậy, vậy làm sao biết riêng khác? Đáp: trong chỉ có tác, thâu tóm Tác thành Chỉ. Trong tác cũng vậy. Đưa ra chủ ý rõ ràng, sao lại không thông suốt? Một, là chỉ tác trì tâm biệt; hai, là chỉ tác trì cảnh biệt; ba, là chỉ tâm đối cảnh; bốn, là tác tâm đối chỉ cảnh. Nếu lấy việc tu hành để giải thích chỉ trì, như không sát (giết người) trộm cắp, trước phải tu hạnh từ bi, ít muốn, v.v... nhờ hạnh đó mà thành tựu nên gọi là Tác trì. Đối với vọng cảnh không khởi tâm xấu gọi là Chỉ trì, tức là trong chỉ có tác. Nếu lấy việc tu hành để giải thích Tác trì, như muốn yết-ma tụng giới thì trước phải ngừng dứt các duyên bên ngoài. Mong lìa các lỗi gọi là Chỉ, sau nhờ hạnh lành mà thành gọi là Tác, tức là trong tác có chỉ. Bên cạnh tâm tác phạm có chỉ phạm. Như người làm ác, trước do không học các pháp lành. Trong tâm Chỉ phạm có Tác phạm. Như người chứa y dư quá hạn, xây phòng không xin phép. Nếu không mong học tập thì Chỉ phạm, không có Tác phạm. Nếu không thì tướng thành sai trái, sau không học tập được.

**5. Nói về tự dạy người:** bốn câu đều Chung, như tâm trước sai người lướt nước cho mình dùng là Chỉ trì; sai người đem dục nói trong tăng là Tác trì; bảo người giết hại lại không xin phân xử; sau người làm phòng, làm bốn việc. Về sau tâm tác ý, xa lìa các tội lỗi tức trong chỉ trì có chỉ trì, cho đến chỉ phạm. Cho đến trong tâm chỉ phạm cũng có hai thứ trì phạm. Như trước sai người làm bốn tướng rồi, sau ngừng không học. Pháp hành có bốn thứ trước sau, tự nghiệp thành nhau, có có thông. Bút: giải thích dễ dàng. Thông: phải có phương tiện.

– Bốn lần bốn mươi sáu: Như trước không khác, gá vào tướng ít sai khác; như trước tự làm đồ lướt nước, giam cầm Sa-di, làm dụng cụ giết hại, đóng cửa, hiện tướng không gởi dục, làm bốn việc này rồi, sau tu hành chỉ trì, cho đến chỉ phạm. Hai môn sau này đều đối với sự tu hành, tạo nghiệp để nói về chỉ phạm.

– Nói về tiệt đốn:

1/ Theo tâm chung cả tiệm đốn, nếu tâm nghĩ dứt trừ tất cả ý ác, gọi là tâm đốn chỉ trì. Nếu muốn gây ra tất cả nghiệp ác, gọi là tâm đốn tác phạm. Nếu tu tất cả nghiệp lành gọi là tâm đốn tác trì, nếu không chịu tu các nghiệp lành gọi là chỉ phạm tâm đốn. Hoặc nói về tâm lành, vì giống nhau nên có thể biết được. Có lẽ ở chỗ thọ lãnh giới thể có trái, thuận nên chia ra hai phần trì phạm.

2/ Đối với hạnh đã nói: chỉ có tiệm không có đốn, vì trong một hạnh không thể tu đầy đủ các hạnh khác, tác trì gọi là tiệm. Về Chỉ trì tiệm: như đang tu tâm từ không được tu các đối trị khác. Tác phạm chỉ có tiệm, vì không thể một lần phạm tất cả các giới. Lấy việc thân người nam mất do tâm nghĩ giết, hoặc vi tâm tham giết, nhưng chỉ phạm một giới, hoàn toàn không phạm vào sáu giới không giết hại, như giới bốn mươi chín, giới năm mươi sáu, v.v... đều giống như trước đã nói.

3/ Lấy chỉ phạm giải thích riêng: chia làm bốn câu: một, là giải thích tương đối tiệm đốn về không học vô ttrước. Tội không học sinh khởi trước, tội vô tri, vì không hiểu rõ ràng. Tội vô tri sinh khởi sau cho nên tiệm. Văn chép: Tăng năm tuổi hạ không biết cách yết-ma tụng giới mới phạm tội; hai, là giải thích riêng tội không học có chung tiệm đốn. Nếu tâm nghĩ có thể học nhưng đối với cảnh lại tác ý không học, thì đối với mỗi pháp sẽ phạm tội không học. Vì lúc mới thọ giới tất cả đều phát tâm học, nay lại trái với lời nguyện liên phạm. Thế nào là tiệm? Nếu tâm nghĩ không học yết-ma, mà học các việc khác, lại mong biết được yết-ma, phạm tội chỉ phạm gọi là Tiệm. Nếu nói về vô tri, chỉ có tiệm nghĩa là vì không hiểu rõ mới kết tội vô tri. Nhất tâm không đầy đủ duyên nên chỉ có Tiệm.

Hỏi: Hai tội không học và vô tri là tội gì?

Đáp: Có người nói cả hai tội đều là tội Đột-cát-la.

Nay giải thích, không học tội Đột-cát-la, vô tri có hai: Nếu không biết hoàn toàn những điều căn bản phạm tội nặng. Cho nên luật chép rằng: tăng thêm vô tri tội Ba-dật-đề. Nếu có nghi ngờ phạm tội nhẹ là Đột-cát-la. Ba, là phạm vi giới hạn: ba điều riêng khác y cứ vào giáo đối trị từ gốc, y cứ vào giáo thì: Học, là căn cứ từ đầu đến cuối, không học thì kiết tội. Tội vô tri, sau năm hạ mới kiết tội. Đối hạnh sợ tâm phóng đãng, ý lại sự hiểu biết kém cỏi của mình, mong bằng các bậc hiền thánh, nên học chung một loại, hơn kém chiếu cố nhau. Văn chép: Tỳ-kheo trí tuệ năm hạ theo y chỉ Tỳ-kheo trí tuệ mười hạ, cho đến thành lập được năm phần pháp thân mới lìa y chỉ. Tụng căn: Nếu lợi căn dễ ngộ trước sau hai tội, vì không học nên có tội vô tri. Nếu độn căn khó tỏ ngộ từ đầu đến cuối không học, không có tội vô tri, vì không có khả năng phân biệt. Luật chép: Tỳ-kheo ngu si suốt đời phải y chỉ.

4/ Có thể sám hối hay không? Cả hai tội đều có thể sám hối. Nếu ý ngừng không học, sau vì không hiểu rõ, kết tội vô tri. Nếu tâm nghĩ học, mà chưa biết, không kết tội vô tri. Trước đây tội không học và vô tri có xác nhận đều được sám hối.



## **6. Nói về sự hơn kém của trì phạm:**

Trước nói về mười môn của chỉ trì, tác trì.

1. Nói theo pháp, có bốn loại khác nhau:

- Oai nghi giới.
- Hộ căn giới.
- Định cộng giới
- Đạo cộng giới.

Đầu một ngoại phạm giả Tăng giới, giữa hai nội phạm hòa hợp Tăng giới, cuối một bậc Thánh chân thật tăng giới. Đức hạnh hơn kém có ba phẩm riêng biệt. Trì oai nghi hộ căn yếu, trì là thù thắng, vì chế ngự được tâm, cho đến đạo cộng giới là cao quý.

2. Tụ vị (theo địa vị): Người vô học công đức tròn đầy nên giới hạnh cao quý. Ba quả vị mong cầu chưa dứt, giới hạnh là kém. Ngoại phạm nội phạm theo nhau dần dần suy yếu.

3. Tụ nhân (theo người): bảy chúng theo nhau cho đến giới vô nguyền của Đại Tỳ-kheo. Tỳ-ni (luật) là cao siêu.

4. Tụ hành (theo việc làm): chỉ trì lia tội trọng là cao quý, tác trì lia tội nhẹ là kém. Nặng nhẹ ở đây theo nhau. Nếu dứt trừ được việc làm, chỉ trì đối với tội thô, trừ được việc làm dễ thành tựu nên kém. Tác trì đối với tội tế, trừ việc làm khó khăn cho nên hơn.

5. Tụ tâm (theo tâm): có ba

– Tâm thiện trì giới: nghĩa là tu hành xa lìa sự ô nhiễm hạnh thanh tịnh, đối với việc xấu xa căn bản, oán bức v.v... không làm việc ô nhiễm.

– Tâm ác: vì danh lợi nên chịu quả báo trong đời.

– Tâm vô ký: như cuồng loạn, tâm thức hôn trầm v.v... Nếu lấy tác trì để xét nó thì có Thượng, Trung, Hạ không bằng nhau. Nếu theo thuận giáo, ai cũng trì giới thì không phân biệt ba tâm.

6. Theo bốn loại sở cầu:

– Vệ Tặc: Nịnh hót tà mạng hơn các danh lợi khác.

– Vệ tội: sơ đọa ba đường ác, luận Thành Thật chép: Tâm sâu xa của hành giả không thích làm ác, gọi là trì giới trong sạch.

– Về phước: muốn sinh lên cõi trời hưởng thọ vui sướng, v.v...

– Về đạo: những trói buộc, chấp trước v.v... nhờ giới được giải thoát.

1. Y theo phương (cõi nước) nói về trì: Diêm-phù-đề trì giới là hơn vì nhiều phiền não. Phương Tây, phương Đông trì giới là kém.

2. Y theo trước và sau Phật diệt độ: Phật tại thế là hơn, sau khi Phật diệt độ là kém. Chánh pháp, tượng pháp, mật pháp dần dần suy yếu. Vì ngài Ưu-ba-quật-đa hỏi ngăn chặn cho là chúng ngộ. Nhóm Tỳ-kheo sáu vị thời Phật tại thế rất ngang ngược, người không học oai nghi sau khi Phật diệt độ cũng không bằng.

3. Theo tánh ngăn che: hai giới khác nhau, mạnh yếu giúp nhau. Mười sáu tu thượng, hạ, mạnh yếu giúp nhau.

Kế là nói về mười môn hơn kém của chỉ phạm, tác phạm:

1. Chia theo địa vị: Bậc vô học ngộ phạm cho nên nhẹ, ba quả (Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm) cố phạm nên nặng. Năng lực vô lậu của ba quả mạnh, nên tuy phạm cũng nhẹ. Nội phạm tu đạo còn yếu nên nặng. Cho đến ngoại phạm so sánh nhau có thể biết được.

2. Đối với việc làm: Tác phạm là nặng, chỉ phạm là nhẹ, cũng có thể cố làm thì nặng, vô tình làm thì nhẹ.

3. Theo phẩm của tâm nói về hơn kém giống như phân chia ở thiên Ba Tánh thứ nhất.

4. Giới oai nghi: Thượng, hạ, nặng, nhẹ của thiên tụ có thể biết.

5. Y theo tánh ngăn che chia nặng nhẹ vì tánh phạm nên không trừ được tội ở địa ngục, như luận Đại Trí Độ nói.

6. Y theo thời gian: trước sau khi Phật diệt độ chia ra phạm nặng nhẹ. Như trong phân chỉ trì, tác trì có thể hiểu được.

7. Tâm thấy cảnh: như Mẫu luận (luận Tỳ-ni mẫu) chép: phạm tội tất cả đều do cảnh. Vì chú ý nên thành nghiệp, tâm có thêm vì cảnh vi tế có hơn kém. Hoặc tâm cảnh đều nặng, người làm và nghĩ giết hại, hoặc cảnh nặng tâm nhẹ, người làm chẳng phải người nghĩ, hoặc cảnh nhẹ tâm nặng, chẳng phải người làm là người nghĩ. Ở đây luận chung cho tất cả giới, không hạn cuộc một giới nào cả. Trong giới dâm tự có nặng nhẹ, đó là súc sinh và người, trong người có người tại gia, người xuất gia, trong người tại gia có người trì giới, người phá giới; năm chúng xuất gia có người trì giới, người phá giới. Cho đến bậc Thánh phạm nặng mà quả báo khác nhau. Phạm nặng của giới trộm thứ hai, lấy vật của trời, người cho đến bậc Thánh Tam bảo phạm khác nhau. Lấy vật của tăng là nặng nhất. Giới giết hại thứ ba, luận Thành Thật chép: Như trong Lục túc Tỳ-đàm nói: giết người tà kiến nhẹ hơn giết con kiến, vì người này làm ô nhiễm thế gian, gây nhiều tổn hại. Giới nói dối thứ tư, nói với người tại gia phạm nặng, nói với người xuất gia phạm nhẹ.

8. Y cứ vào những điều chế ước theo quả báo để nói về nặng nhẹ, như Mẫu luận chép: như ba giới về làm phòng, mọi người hay phạm luật chế theo lỗi của con người nên chế nặng. Đã ngăn chặn làm ác thì cảm thọ quả báo nhẹ. Nên luận nói: pháp kiết giới khác nhau, nhẹ chế nặng, gọi là pháp đắc tội khác nhau, nhân quả tương đương, hoặc phạm nhẹ mà quả báo nặng. Như tánh tội đánh Tỳ-kheo

v.v... Nghĩa ít có nên luật chế nhẹ. Trái với lý là nghiệp, tâm nặng thì chiêu cảm quả báo cũng nặng. Nên luận nói: pháp kiết giới khác nhau. Nặng chế nhẹ, gọi là pháp đắc tội khác nhau, nhân quả tương đương, hoặc phạm và quả báo đều nặng như lỗi lầm xấu xa, huỷ báng v.v... hoặc phạm và quả báo đều nhẹ như thân, miệng không nhớ nghĩ, oai nghi không nghiêm trang, hoặc phạm tâm hồ thẹn, v.v... hai câu sau này pháp kiết giới không khác với pháp đắc tội, pháp đắc tội không khác pháp kiết giới.

9. Ba thời của đơn Tâm: xét về phạm nặng nhẹ, như trong kinh Thiện Sinh lại y cứ theo tám câu nặng nhẹ của giới sát. Theo địa vị chia làm bốn phần khác nhau.

– Một câu ba thời đều nặng: nghĩa là phương tiện đưa ra có tâm hại, khi căn bản khởi lên có tâm vui, việc thành khởi tâm tùy hỷ.

– Có ba câu hai thời nặng, một thời nhẹ. Đầu là phương tiện căn bản nặng, việc thành nhẹ; giữa là phương tiện nhẹ, căn bản việc thành nặng, sau phương tiện việc thành nặng, căn bản nhẹ.

– Có ba câu một nặng, hai nhẹ. Đầu là căn bản nặng, giữa cuối nhẹ; giữa phương tiện nặng, đầu cuối nhẹ; cuối thành việc nặng, đầu giữa nhẹ.

– Có một câu: ba thời đều nhẹ.

Như luật Tăng-kỳ, ngài Ma-ha-la không biết giới tướng, dạy người khác giết người vì thương xót. Thiện Sinh trong luật Thập Tụng gào khóc khi cha mẹ bị giết vì lo sợ và đau đớn, đã hại đến tính mạng của cha mẹ. Luật y cứ người nghĩ đến tám việc đều phạm nặng, vì việc làm theo tâm nghĩ, nên tội báo khác nhau.

Luận Thành Thật chép: Vì sợ oan nghiệt sâu xa mà giết một con kiến nặng hơn từ tâm giết người.

10. Có tâm, không có tâm đối nhau có tám câu: bốn vị như trước.

– Một câu ba thời đều có tâm.

– Có ba câu:

1. Đầu giữa có tâm, cuối không có tâm phạm bốn tội trọng;

2. Đầu không có tâm, giữa cuối có tâm cũng phạm bốn tội trọng;

3. Đầu cuối có tâm, giữa không có tâm phạm, giới đầu tiên phạm nặng, ba giới sau phạm Thâu-lan-giá hoặc Đột-cát-la.

– Có ba câu:

1/ Giữa có tâm, đầu cuối không có tâm, phạm bốn tội trọng;

2/ Đầu có tâm, giữa cuối không có tâm, phạm giới đầu nặng, ba giới sau Thâu-lan-giá hoặc Đột-cát-la;

3/ Cuối có tâm, đầu giữa không có tâm, giới dâm phạm trọng vì việc xong có cảm thọ dục lạc, ba giới sau phạm Đột-cát-la.

– Có một câu: ba thời đều không có tâm nên không phạm.

Cho nên trong luật, nếu nghĩ rằng ta sẽ nói dối, ví dụ như tám câu sau, vì tâm có mặt hoặc không nên phân biệt phạm và không phạm, không giống với tám câu trước đều có tâm.

Sau nói về không có tâm: hoặc không có tâm ưa thích, tâm giết hại, trộm cắp, v.v... hoặc cuồng loạn, không hiểu biết v.v...

Chọn lựa trong nhiều khoa: có năm phần.

1. Theo không học, vô tri phân biệt địa vị rõ ràng.
2. Phân biệt phương tiện kết quả.
3. Phân biệt đủ duyên thành phạm.
4. Phân biệt cảnh tượng.
5. Phân biệt tạp tượng.

\* **Không học vô tri:** Tướng này rất nhỏ nhiệm, không rõ ràng, trước kiết theo thứ lớp, sau đó khai cho tất cả giới.

Phạm tướng: nghĩa là từ lúc thọ giới về sau, phải siêng năng học Ba tạng (kinh luật luận). Đối với cảnh mê vọng, gặp duyên sẽ gây ra các nghiệp. Tùy theo tướng mà cảnh tượng hiện ra. Nếu vì không học, không biết sự pháp, khi tiếp xúc liền trái phạm. Phật dạy: “Tùy theo việc làm mà kiết tội căn bản, lại tăng thêm tội vô tri”. Đã lược kiết theo thứ lớp, phải phối hợp với vị trí của pháp. Nay lập hai cái chín câu, làm khuôn phép trì phạm. Và lại, y cứ vào một việc để thông với các giới khác. Trước theo chỉ trì nói về sự phân chia ra tội có, không, nặng, nhẹ. Thứ nhất nói về sự nên học. Gồm chín câu, chia làm ba phẩm. Thượng phẩm một câu: biết sự biết phạm, Trung phẩm bốn câu: biết sự nghi phạm; biết sự biết phạm; biết phạm nghi sự; biết phạm không biết sự. Hạ phẩm bốn câu: nghi sự nghi phạm; nghi sự không biết phạm; không biết sự nghi phạm; không biết sự không biết phạm. Kế là giải thích nói Trung, Thượng không biết: phạm cho là không phạm, mê muội nhẹ cho là nặng. Trong phần nghi cũng vậy, nghi có nghi không, nghi nhẹ, nghi nặng, vì Thượng phẩm biết sự biết phạm, nên chẳng có tội không học và vô tri; Trung phẩm vì chấp vào sự hiểu biết, đối với tội và sự sinh nghi không biết, nên có tám tội, mỗi tội có không học và vô tri, bốn câu hạ phẩm là mười sáu tội. Hai mươi bốn tội trong đây có sáu Ba-dật-đề, mười sáu Đột-cát-la (vì vô tri nên phạm tội nặng. Ngoài ra, có nghi mà không học đều phạm Đột-cát-la. Nhưng tất cả đều không phạm tội căn bản, gọi là chỉ trì. Thượng phẩm biết sự biết phạm nên gọi là chỉ trì thượng phẩm. Trung phẩm tội ít, gọi là chỉ trì trung phẩm. Hạ phẩm tội rất nhiều nên gọi là chỉ trì hạ phẩm. Tất cả đều chỉ đối với một việc, kế là đối với sự không thể học để nói về chín câu chỉ trì. Theo sự theo tội, mỗi việc đều có ba tâm.

Thứ nhất, có ba câu: biết sự biết phạm; biết sự nghi phạm; và biết sự không biết phạm.

Thứ hai có ba câu: nghi sự biết phạm; nghi sự nghi phạm; và nghi sự không biết phạm.

Thứ ba có ba câu: không biết sự biết phạm; nghi phạm không biết sự; và không biết phạm. Trong ba câu thứ ba này, hai câu sau, mỗi câu có nghi và không biết. Riêng mỗi câu, có hai tội không học và vô tri, cộng chung hai mươi tội, cũng không phạm tội căn bản, gọi là Chỉ trì. Nhưng sự thì có thể học, vì tướng nghi không sinh, tuy duyên không rõ ràng. Bậc thánh thì không phạm những điều đã chế.

Hỏi: Như giới giết hai và trộm cắp v.v... người tướng chẳng phải, có chủ tướng vô chủ, luật kiết vô tội. Vậy có phạm điều đã chế hay không?

Đáp: Hoặc theo cảnh tội, người chẳng phải người, liền kiết tâm phạm. Hoặc theo chẳng phải cảnh tội, vì vật vô chủ, người kia tâm mê muội nên không kiết tội chính. Tất cả đều theo tội mà kiết cho nên có phạm, không phạm khác nhau. Lại không giống với đoạn trước vì pháp sự đều biết. Đó là sự đáng học, có nghi không biết đều chế tội. Nếu vậy, sau theo pháp cũng có suy nghĩ thay đổi. Như không phân xử tướng phân xử và nghi, cũng không phạm tội nặng, vì sao chế tội?

Đáp: Ở đây y cứ vào phần chỉ trì, nói theo sự, thì đều như đã đưa ra. Đối với pháp có hai lần chín câu, trong phần tác trì sau sẽ nói lại. Kế là trong phần tác phạm, pháp sự đáng học như chín câu trước pháp sự không đáng học như chín câu sau, giống như phần trước, chỉ có phạm tội căn bản là khác. Ở đây, trong căn bản không biết sự, hoặc không phạm: nghĩa là từ đầu đến cuối đều không có tâm. Như giết người nhằm lẫn v.v... trừ giới dâm và giới uống rượu. Nếu khoảng giữa thay đổi ý nghĩ, nghi sự, không biết sự, vì tâm sai sử đó là phương tiện, nếu không sai sử kiết tội căn bản, thì hoặc không gây tạo việc trước. Chín câu sau này, biết sự có ba câu là tác phạm thượng phẩm. Nghi có ba câu là tác phạm trung phẩm. Không biết sự có ba câu là tác phạm hạ phẩm. Hoặc vì vô tội, đối với pháp biết đại khái có thể giải thích được. Sở dĩ trong chín câu trước, thượng phẩm có một câu, vì sự pháp đều rõ biết, chưa thể luận tội, chín câu sau chia làm ba phẩm, mỗi phẩm có ba câu. Tất cả đều do một việc bao gồm nghi và không biết, nên kiết tội thay đổi rõ ràng.

Cho nên chia làm hai lần chín câu. Nếu nói theo tội, hai tâm sau nghi và không biết gồm mười hai tội đều phạm rất ráo, vì tội đáng học do không học nên không biết. Cho nên văn chép: chẳng phải vì vô tri mà miễn tội cho, nếu phạm tội cứ đúng như pháp mà trị, lại chòng thêm tội vô tri. Vô tri và nghi đều là rất ráo. Nếu không nghi và biết, hoàn toàn không phạm, thì không có quả vị nào để đến. Trước nói vô tội: nghĩa là chẳng có tội không học và vô tri, chẳng phải nói không có tội căn bản.

Hỏi: Trong căn bản không biết sự có ba câu vô tội, thì thành sáu câu, vì sao nói tác phạm có chín câu?

Đáp: Nếu theo căn bản chỉ có sáu câu, nhưng dưới ba câu trên không biết và nghi cũng có phạm.

– Nếu như vậy ở dưới đây nghi v.v... chính là không học, thuộc về chỉ phạm, chẳng phải tác phạm, tại sao nói tác phạm chín câu.

– Vì theo tội căn bản nên được gọi là Tác phạm, lại chắc chắn do tạo nghiệp trước, nên gọi chung là tác phạm.

– Nếu vậy không biết sự, không biết tội tức là vô tội, đúng ra có tám câu, không thể có chín câu.

– Như trước đã giải thích theo nhau mà biết. Lại giải thích, nếu theo việc có thể học, sinh mê có thể học vẫn có chín câu đều phạm tội căn bản. Nếu sự đáng học, sinh mê không đáng học, chỉ sáu câu có tội, trừ hạ phẩm. Nếu thay đổi ý nghĩ kiết tâm trước là Thâu-lan-giá. Có được chín câu đều là phương tiện tội. Nếu suy nghĩ mê lầm thì tâm sau chỉ có được sáu câu. Như có chủ tướng vô chủ, vì thế vô tội. Hoặc chín câu, người mà tưởng chẳng phải người, tâm sau là Đột-cát-la. Nguyên nhân sinh tội, nếu bao gồm chỉ phạm có tám câu, theo nhau tạo ra nghiệp, cũng nói chín câu, đã cố gắng phân biệt, chẳng biết người đọc có rõ không? Cần suy nghĩ thêm.

Kể là nói về chín câu tác trì: Nếu phân biệt theo đối với sự pháp thì thật cũng có hai lần chín câu. Nhưng nói về tác dụng sai biệt thì không khác. Nên gộp thành một lần chín câu, chỉ nói về cái đáng học. Nay sở dĩ đưa ra các câu như trong phần sự có thể học của môn chỉ trì ở trên, vì đây chỉ thuận theo giáo tác sự khác với trước. Trong đây chia làm ba. Thứ nhất có một câu: biết pháp (nghĩa là biết làm phòng phải bách nhị để xin) biết phạm (nếu không làm pháp xin thì phạm tội Tăng tàn). Trung phẩm có bốn câu: biết pháp nghi phạm; biết pháp không biết phạm; nghi pháp biết phạm; và không biết pháp biết phạm. Hạ phẩm có bốn câu: nghi pháp nghi phạm; nghi pháp không biết phạm; không biết pháp nghi phạm; và không biết pháp không biết phạm. Vì mê pháp không đáng học cũng có chín câu, như chín câu sau của đoạn trước đã nói.

Kể là nói về chỉ phạm: hoặc chín câu, hoặc tám câu.

Chín câu: Thượng phẩm bốn câu có mười sáu tội, Trung phẩm bốn câu có tám tội, Hạ phẩm một câu chỉ phạm một tội căn bản. Như không xin chỗ mà làm phòng chỉ phạm một tội Tăng tàn. Vì biết pháp biết phạm nên không có tội không học và vô tri. Vì điên đảo nên chín câu trước không giống, môn phạm giải nghĩa, tội nhiều là thượng phẩm.

Phạm bốn tội căn bản (Ba-la-di) và Tăng tàn, mỗi tội đều thêm tội không học và vô tri, như trước đã kể, không cần nói nhiều làm gì.

Tám câu: Nói theo giáo hạnh không học thì hạ phẩm một câu:

không biết pháp biết phạm. Nói theo sự thì cũng có hai lần chín câu. Nghĩa là mê đáng học và mê không đáng học. Như không thuyết tịnh, thấy phạm không phát lồ, tức là đáng học. Nếu mê hoặc quên tức là không đáng học. Biết rõ ràng như vậy, tùy theo chỉ ra một giới nào để hiểu được tất cả, dường như cùng khắp pháp giới.

Phương tiện đến kết quả: Tạo nghiệp tu hành đối với cảnh hiện tại tất cả đều có ba thời. Cho nên Đức Phật tùy thời mà chế, cốt để người trí quyết chí không làm, đã lược dẫn ra như trên.

Tiền phương tiện là gì? Nói chung về các tụ, trong luận Minh Liễu, thiên thứ nhất, thiên thứ hai có ba phương tiện. Thiên thứ ba, thiên thứ tư lập ra hai phương tiện. Trong thiên thứ năm chỉ có tâm nghĩ, thân miệng hành động, nên chỉ có tội căn bản không có phương tiện. Nếu ý nghĩ, thân miệng hành động cũng có phương tiện gần xa; nhưng trong luật chỉ nói thành tội Ba-la-di, không thành tội Thâu-lan-giá, cũng không chia ra nặng nhẹ như đã nói ở đầu quyển. Nay hợp chung cả nặng nhẹ.

Nói theo giới dâm trong thiên thứ nhất, thì nếu trong tâm có ý dâm mà thân miệng chưa biểu hiện, gọi là Phương tiện xa, như vậy phạm Đột-cát-la, cho nên văn chép: hoặc phát tâm làm, hoặc tâm nghĩ làm.

Hỏi: Nếu vậy chỉ có tâm làm sao phân biệt?

Đáp: Luật chế tâm nghĩ, thân miệng hành động gọi là kỳ nghiệp, nếu chỉ có tâm thì chế định do Đại thừa.

Luật Thiện Kiến chép: người phạm thường chạy theo cảnh dục, còn bậc Thánh thì thường chế ngự tâm giới, không có kỳ hạn lợi lỏng cho nên trong luật, nếu tâm khởi mà thân miệng chưa hành động, chỉ cần nhanh chóng tự trách mình rồi trở lại tâm tốt, ấy gọi là không phạm. Thân miệng hành động chưa đến cảnh hiện tiền, gọi là phương tiện gần, phạm Thâu-lan-giá. Đến chỗ cảnh hiện tiền nếu hai thân xúc chạm chưa đến chỗ phạm, trở về sau gọi là phương tiện gần, đó là phạm Thâu-lan-giá nặng.

Các tụ sau tuy nặng nhẹ nhiều ít khác nhau, nhưng có thể y theo tướng rõ ràng.

Thế nào gọi là Phương tiện? ba duyên trở lên gần đến kết quả, hoặc bảy duyên trở ngại không thành nên tội là căn bản theo phương tiện (nghĩa bảy duyên nói như sau) nếu không có bảy duyên thì đưa đến kết quả. Vậy tướng như thế nào? Nghĩa là từ đường vào đường, vào chỉ như đầu sợi lông gọi là Dâm. Dời vật khỏi chỗ cũ gọi là trộm, cắt đứt mạng sống con người gọi là Giết hại.

Nói biết rõ ràng là dối, như thế đã nói theo tướng rồi, nên lúc kết tội đều lấy nhân trước cộng lại thành một quả, khác với nhân thành quả của bộ khác. Đã có phương tiện lúc đầu, vậy phương tiện sau là thế nào? Nghĩa là việc đã làm nhất định hợp với lòng mình, tâm trước sinh vui vẻ chưa suy nghĩ sửa đổi, lại kết tội đó nói chung là phạm Đột-cát-la.

Ba duyên thành phạm: trước nói ý thành phạm, nghiệp không tự thành, nếu thành nhờ tu tạo các duyên đầy đủ mới kết tội phước. Nếu có một chút trái ngược ngăn cản, thì kết đó là Phương tiện, cho nên trong luật phạm tướng đều nhờ nhân duyên, vì tội ở sáu tụ pháp sám hối khác nhau, khác với lời dạy chỉ luận về thành nghiệp. Ngoài kết phạm, không nói trái với những điều đã chế ra. Nay y theo hai duyên chung riêng của các giới. Duyên khác đủ phạm tướng, như trước đã tùy theo giới giải thích xong, có người lập chung năm duyên dùng để giải thích các giới đều là nghĩa này. Những duyên sau chưa biết, nay lập duyên chung bao gồm sáu nhóm có bảy loại khác nhau.

1/ Người trong năm chúng xuất gia: ngoài việc lựa chọn ra, người mắc mười ba già nạn không được thọ giới, vô tội có thể được, hoặc người trong năm chúng gây ra cảnh chưa đến quả, hoặc tự cắt đứt mạng sống, hoặc giết người, vì người khác hoặc xả giới đã thọ, hoặc sinh tà kiến, hai hình v.v... đều không phải là người trong năm chúng. Việc làm có suy nghĩ thì thông suốt không có giới nào để trái phạm.

2/ Người tuy thọ giới của năm chúng nhưng vì bệnh nặng, điên cuồng, suy loạn, khổ não ràng buộc v.v... dù họ tạo ra những việc trước, đều không có lỗi. Nếu tâm rõ biết đó là Tỳ-kheo thì tùy theo việc làm trước phạm tội.

3/ Tâm mong cảnh hiện tiền: chẳng phải nói lúc đối cảnh hoặc có cảnh mê làm có sai trái, hoặc các duyên khác vô ký, như hoặc ngủ say không biết đều không phạm tội chính. Nếu trước làm phương tiện, sau tùy theo ba tánh của tâm đều kết tội. Luật Thập Tụng, Già luận nói: nếu trước làm phương tiện giết mẹ rồi, tự mình ngủ, mẹ chết là tâm vô ký phạm tội nghịch và trọng. Bạc A-la-hán vô ký phạm giới, nếu thức dậy phải sám hối ngay, phạm phụ phải y theo đây. Luận Đại Trí Độ, nói bạc A-la-hán không phải ngủ say, chỉ vì mang thân bốn đại nên phải nghỉ ngơi một chút mà thôi.

4/ Không có nạn mạng sống: nghĩa là không vì các duyên kẻ thù, phi nhân, thú dữ cắt đứt mạng sống, thì phạm giới trước. Nếu tánh giới nhất định không khai, huống chi giết người khác, đối trá người khác để tự nuôi sống thân mạng. Chỉ có một giới dâm khai cho cảnh hợp ba thời không nhiễm ô vì cảnh không tồn giảm, các giới khác thì có chế. Văn chép: ta vì các đệ tử kết giới rồi thà chết không trái phạm, nếu nói về già giới thì có khai và không khai. Đạo lực đã thành đến chết không huỷ bỏ như các Tỳ-kheo bị cột bằng giây cỏ, như bè để qua biển v.v... (xuất xứ từ luận Đại Trang Nghiêm). Những ý chí kém hèn khác, nạn mạng sống, nạn phạm hạnh khai cho thiên thứ ba về sau, thiên thứ hai trở lên là gốc của phạm hạnh.

5/ Không có nạn phạm hạnh: nghĩa là hoặc có bé gái, quả phụ ẵm núp, dưới nước trên cạn nhiều côn trùng nhỏ nhít, cùng ở với nhiều bạn ác, những việc như vậy đều là duyên phạm.

Văn chép: nếu ở lại chỗ này chắc chắn ta sẽ bị nạn phạm hạnh.



Phật dạy: “Vì việc nay nên đi”. Nói theo đây, đối với thiên thứ ba về sau thể là oai nghi, không khai tánh giới, theo trong già giới, hoặc là ngăn chặn việc ác, hoặc việc nhẹ, hoặc dùng nhẹ ngăn chặn nặng. Nếu không khai thì ngược lại phần trên có thể biết. Tỳ-ni mẫu chép: phạm tội có ba: một là duyên, hai là chế, và ba là trùng chế, hoặc một là chậm, hai là nhanh, ba là xử lý quyết đoán, đó gọi là Luật sư.

6/ Xứng với bốn cảnh: nghĩa là phi đường tưởng là đường, vật vô chủ tưởng có chủ, phi nhân tưởng nhân, như thế mỗi việc chẳng phải là điều mong muốn, khác với cảnh nên tội chỉ ở phương tiện.

7/ Tiến đến kết quả chính: nếu dùng tức là thành phương tiện. Tướng có bốn phần: – Nhờ pháp ngăn cản nên thành phương tiện, tất cả các giới can ngăn, bạch xong mà xả, nhờ can ngăn nên dùng, không thành kết quả.

– Lười biếng mà dùng, muốn làm việc trước vì phá hoại ngăn cản, hoặc sức mạnh không thể xâm phạm nên huỷ bỏ bốn tâm.

– Vì tâm tốt mà dùng, nghĩa là định gây ra tội bỗng nhớ lại mình đã thọ giới sợ ô nhiễm điều mong ước của mình, nên chống lại ngăn chặn khiến cho việc ác không tiếp tục.

– Tâm nghi mà dùng, tâm tưởng khác nhau, dẫn đến kết quả khác nhau. Nghi ở đây là nghĩ đúng là người, nghi chẳng phải người, tâm nghi không quyết định được sợ giết chẳng phải người liền dùng.

Trước đã trình bày các duyên chung, lại tùy theo trong giới lấy duyên riêng.

\* **Nói về tác phạm chỉ phạm**: biết được tướng nhân quả nhẹ nặng, phạm không phạm, mới được pháp sám hối, không nên chung chung thì sám hối không hết tội. Bốn cảnh tưởng khác với năm môn:

– Phải chế ngự

– Nói rộng về cảnh giới

– Có-không

– Quyết định nhiều ít

– Giải thích nặng nhẹ.

Chế ngự ý: Nếu không chế ngự cảnh tưởng thì phạm tội, nặng nhẹ chung chung không phân biệt vì có không chẳng rõ ràng. Ở cuối các giới Đức Phật đều khai mở đầy đủ, dù có thiếu văn, nhưng phần nhiều là lược.

\* **Nói về cảnh phạm**: theo thứ lớp cũng có năm:

– Nội báo

– Ngoại sự

– Y theo pháp

– Đối thời

– Y theo tội

Nội báo: nghĩa là người, trời chẳng phải súc sinh. Nếu bốn cảnh đều phạm, đó là như giới dâm, hoặc mỗi cảnh lên xuống như giới trộm v.v... lại theo loài người mà phân biệt đạo-tục. Tục như buôn bán, nhà có cửa báu v.v... Nói là như phỉ báng, che giấu, nói năng, đánh đập, nghi tạng, v.v... Chung cho đạo-tục; hai đêm dâm xúc chạm, hai lời nói thô ác, v.v...

Nhưng trong đạo có nội ngoại, ngoại hạn cục ở y thực, nội như huỷ hoại cả hai. Lại trong nội chung cả lớn nhỏ, lớn như phỉ báng, cướp đoạt, nhỏ nghĩa là dưới năm; lại trong làm có hình báo, thuận theo điều đó hạn cục là Tỳ-kheo. Như chung đường, chung thuyền, may y, khuyến hóa thức ăn, việc này riêng ni chúng; như phỉ báng che giấu nói nghĩa bao gồm cả hai chúng. Còn những thứ chung khác có thể biết. Lại trong hình báo có sắc phân biệt, như dâm chỉ có sắc, dâm với thân chết cũng phạm. Văn chép: Đường nghĩ là đường, ở đây chung cho bốn chỗ, lỗi lầm cũng vậy. Cảnh vẫn là rộng rãi, tự có theo tâm làm cảnh, nên quán như thế v.v... tương tâm nhiệm y thực sơ lược, nên biết không phân chia cụ thể.

– **Ngoại sự:** trong ngoại sự như đào đất cỏ cây, không thọ thức ăn cách đêm, khuyến uống rượu, v.v... cũng có thể như y, bát dư. Chung cho nội ngoại: như trộm cướp, nước có côn trùng, v.v...

– **Pháp có bốn:** – Tự xưng, làm mai mối, nói lời thô ác

– Đối trá, huỷ báng v.v... vì người khác làm pháp phân xử, các cách can ngăn, v.v...

– Pháp trị nghĩa là tùy theo cử tội mà trị, v.v...

– Pháp tướng đạo lý, nghĩa là mười tám pháp, v.v...

– **Y cứ theo thời:** như trưa, chiều, phi thời, hạ, năm, cách hai, ba đêm, nội túc, ban đêm tính theo mặt trời, v.v...

– **Theo tội:** như che giấu, nói năng, v.v...

Môn thứ ba Có-Không: Theo bản luận tăng, gồm hai mươi sáu giới có, còn các giới khác là không. Đó là bốn giới đầu tiên, sáu giới trong thiên thứ hai, một giới trong ba mươi Ni-tát-kỳ-Ba-dật-đề, mười lăm giới trong chín mươi Ba-dật-đề. Đối với có ba mươi năm, nghĩa là hai giới làm phòng, gồm có bảy: trộm, mai mối, nói thô ác, hoại sự sống, mỗi thứ có hai trọng. Trong luật Ni chẳng phải không, lại lược bớt, như ban đầu đã nói.

Kê là nói không: chung với năm phần trước.

1. Nội báo không, hoặc lý không, như giới về lỗi lầm thiếu sót, gặp duyên thành phạm, cần gì cảnh tượng vì đều phạm như nhau. Hoặc có thể lược vô vì tương là đường, nếu nghi chỉ phạm tội thân-lan-giá. Cho nên điều bộ luật chép: Tương

chẳng phải đưng, không nghi phạm Tăng tàn nên biết đó là lược, hai pháp bất định lược vô. Biết phỉ báng, chiếm đoạt nói hai lưỡi, chê bai, mắng nhiếc v.v... giới hạn ở cảnh phạm này, nên có cảnh tướng. Văn không có.

2. Ngoại sự: lược vô như chỗ khuất kín, chỗ trống, trái ở chỗ trống, cát chứa y, v.v...

3. Pháp: Trong pháp lý không vì không có cái gì đối với pháp như giết, trộm, v.v...

Nói lược không: như hai giới nói đối lớn nhỏ và can ngăn tùy cử, v.v... Như luật tăng-kỳ, hai tùy đều có cảnh tướng. Vì vậy mỗi giới, thô ác, v.v... ngược với ở đây, nên có pháp tướng, cũng có thể quán tác, quán tướng, gián tác, gián tướng, phi pháp v.v... đều là lý có lược vô.

Thời như tắm gội, vào xóm làng cũng là lược vô tội, lược vô như giới che giấu của ni. Các giới khác lý vô vì không đúng với tội.

4. Nói về ít nhiều: pháp của cảnh tướng hoặc bốn hoặc năm, sợ người chưa thành thạo cho nên dựa vào giới sát mà lập tướng trình bày.

Câu một người nghĩ là người (tâm cảnh tương đưng); câu hai người nghi chẳng phải người (cảnh định tâm nghi); câu ba mà người nghi chẳng phải người (cảnh định tâm khác); câu bốn chẳng phải người tưởng là người (cảnh khác tâm định); câu năm chẳng phải người nghi là người (cảnh khác tâm chuyển) năm câu như vậy, sở dĩ nhiều ít chỉ do câu thứ ba người mà tưởng chẳng phải người, vì một câu bất định này hoặc bốn hoặc năm. Sở dĩ như vậy vì xưa giải thích nếu nặng nhẹ đối nhau, xác định có ba câu nên tức thành năm câu. Như giới dâm, thay đổi tướng và mê đều phạm Ba-la-di và thâm-lan-giá. Nếu giới sát, vọng, xúc chạm, nói lời thô ác v.v... thay đổi tướng phạm Thâm-lan-giá, Đột-cát-la, vốn mê muội cũng phạm Đột-cát-la, cho nên phải là câu thứ ba để thành năm bậc. Nếu hai cảnh phạm, và không phạm đối nhau như không phân xử, trộm v.v... giới trộm có bốn (vì vật có chủ tướng vô chủ) không phân xử đầy đủ có năm (không phân xử tướng có phân xử). Năm nghĩa là chuyển tướng có tâm trước phạm Thâm-lan-giá. Bốn là y theo vốn mê muội, hai cảnh hoàn toàn vô tội. Vì năm nghĩa này, hoặc phạm, không phạm, hoặc bốn hoặc năm, lại giải thích trong nặng nhẹ, vị trí có ba loại, nếu chuyển tướng thì xác định có năm, mê thì hoặc bốn hoặc năm, thế nào là hoặc bốn hoặc năm? Nếu đối với hai chỗ cảnh phạm khởi mê vì có tội cát-la, thành ở đây đủ năm. Tướng đối với những việc vô tình tất cả đều không phạm, vì vậy chỉ có bốn, tương tự như phú thuyết, giống như trước cũng vậy. Nếu đối với ba giới sau nặng nhẹ đủ năm, nhưng lại vào phần khai thông. Đây là hoàn toàn chẳng phải tội, vì phú thuyết không phạm. Nhưng đó vốn là mê muội thì bốn hoặc năm, nếu y theo nghĩa này phạm, không phạm vị trí phân biệt cũng có ba thứ nặng nhẹ như trên, nên trước đây xác định là năm, vì tiền đến không phạm tức thành bốn hoặc năm. Nay phạm, không phạm như trong giới trộm, trước là bốn hoặc năm, nay trong phạm giảm xuống, đối với không chứa hai vật, tướng, mê đều có năm và cũng thành ba vị trí. Đây tức cả hai đối

với lý ngang nhau. Trong văn nói lời thù ghét, đó là sát, vọng, xúc v.v... lấy nặng nhẹ để phân tích. Trộm là nói theo phạm, không phạm cho nên giết hại có năm, trộm cướp có bốn. Lại ở đây nói trong phạm có nặng nhẹ như trước đã bàn. Trong phạm như đào đất, không phân xử, phi thời khuyên ăn no v.v... không có nghĩa nặng nhẹ, chỉ có hoặc bốn hoặc năm. Các giới khác y theo đây có thể biết, lại nữa từ trước đến nay giải thích như vậy, y cứ chung hai cảnh bốn dị để luận bàn, nên nói xác định năm câu hoặc bốn, năm câu. Nếu chỉ theo bốn cảnh phạm có không thì tất cả cảnh tương bốn, tức bằng bốn. Nói vốn mê muội nên có năm, tức đầy đủ năm câu. Nói chuyển tương, chỉ trong văn nói với nhau, còn những việc phạm này đều y cứ vào bốn cảnh bốn tương. Nếu dị cảnh tâm sau luật đều không kiết tội, như nghi tương chẳng phải người phạm Thâu-lan-giá, đó là bốn tương Thâu-lan-giá, lúc sau nghi tương chẳng phải người chỉ phạm Đột-cát-la. Dù năm duyên, giết chẳng phải người phạm Thâu-lan-giá. Nay tương là người cũng phạm Đột-cát-la cho nên y cứ trình bày tất cả nghĩa của cảnh tương, có thể đối với các loại giới nói về trì phạm.

Kể đến giải thích văn này, vị trí năm bậc như trước đã trình bày, vì phạm chẳng thể không do cảnh quan hệ với tâm mới thành nghiệp. Nhưng vì cảnh có hơn, kém, đúng, sai, tâm có sâu cạn, sai lầm, hoặc tâm cảnh tương ứng. Nên phạm cùng một phẩm mà nghiệp có nặng nhẹ tám phẩm không đều nhau. Hoặc tâm không hợp với cảnh (người mà tương, nghi là phi nhân, phi thời mà nghi, tương là thời), hoặc cảnh không hợp với tâm (phi nhân tương là nhân, vô chủ tương có chủ). Cảnh phạm, tâm không phạm (chẳng phải đất tương là đất). Có sự khác nhau về cảnh tương này, nên phải rõ vị trí của nghiệp, đã định nặng nhẹ trong bốn câu, cũng phải phân biệt năm vị trí. Đối với năm bậc trên, một đủ bốn thiếu. Một câu, tâm cảnh tương đương, phạm rốt ráo. Câu hai nghi là người và câu năm nghi chẳng phải người. Nghi trước nặng vì bốn duyên, lòng người không xả bỏ, đến lúc giết người có bán duyên và lòng người. Nghi sau nhẹ, một phần của tâm chưa xả bỏ, vì lúc giết cảnh chẳng phải mình mong muốn. Câu ba, người mà tương phi nhân, câu bốn phi nhân tương là người. Tương trước nặng, kết làm phương tiện căn bản, tâm cảnh tương đương. Tương sau nhẹ vì lúc giết chỉ có bốn tâm không có bốn cảnh. Lại nói về nặng, trong bốn cảnh nghi nặng, tương nhẹ, vì tâm cảnh tương xứng nên nhẹ, chỉ có cảnh không có tâm cho nên nhẹ. Trong dị cảnh ở sau tương nặng nghi nhẹ, vì sinh khởi tương là người không khác với phương tiện cho nên nặng, nhẹ vì cảnh và tâm đều thiếu hai duyên. Phi nhân thiếu duyên cảnh, tâm nghi thiếu điều mong muốn, nên chia làm hai vị trí. Kết tội thuộc về bản tâm, tạm thời giải thích như vậy. Câu năm trong việc chọn lựa nhiều khoa, chỉ dùng trì phạm chung chung, không thể một pháp mà bao gồm được tất cả, nên đưa ra sự dòi dào của các môn, cũng có thể từ cái thô sơ mà biết chỗ trở về. Môn này đã nói cặn kẽ, không thể trình bày ra, thử nêu ra các tên để tự nghiên cứu, hoặc theo sự phê bình chung, hoặc theo sự sai lầm, hoặc tùy theo mình và người, hoặc chia ra Thân-miệng, dạy người tự thành hai nghiệp, nhiều người cùng làm nhưng duyên khác nghiệp giống. Như

các ví dụ này, chưa trình bày được. Sao cốt ý để cho người đọc dễ hiểu để thực hành. Bàn luận như trước rất khó hiểu, người đọc ít dùng nên y cứ theo đó mà lược bớt.

---o0o---

## THIÊN THỨ 16: PHÁP SÁM HỎI SÁU TỰ

Nói về đã kết thành tội chung, lý cần phải sám hối để dứt trừ, thì thân tâm thanh tịnh, mới giống pháp của tăng. Nên luận Tát-bà-đa chép: không có một pháp lỗi lầm nào về tâm, không thể vì việc xấu tạm thời mà mãi mãi bị bỏ đi, cho nên phải sám hối. Kinh Niết-bàn cũng chép: Ta quả trách người phạm giới cấm, khiến họ tự trách mình và giữ gìn giới cấm. Nói ba đường ác vì muốn họ tu điều lành. Vì thế các bậc Thầy xưa đều thực hành sám hối có thêm, bớt, ẩn, hiện, ước đoán nhiều thời khoá. Theo giáo thì không có vãn, xét hạnh thì trái với luật. Nên Đức Phật dạy: người có phạm không thể sám hối, sám hối lại không thể sám hối đúng như pháp. Đó là người ngu. Thánh giáo rất rõ ràng, chỉ tại mình không tin nhận. Nay muốn định ra cương vị đổi mới tâm cảnh, khiến cho ta thấy đúng sai rõ ràng, được mất nói về năng sở của nó, thì lo gì vọng nghiệp không dứt, vọng tâm không mất, lại được bậc Thánh khen ngợi. Cho nên văn chép: có hai hạng người trí: 1/ Phạm tội mà thấy phạm tội; 2/ Thấy tội mà sám hối đúng như pháp. Nay pháp sám hối, đại khái có hai: một là lý sám, hai là sự sám. Hai pháp sám hối này chung cho đạo và tục. Nếu nói về sám hối trong luật thì chỉ giới hạn cho chúng xuất gia (đạo). Do phạm vào các giới đã thọ, sinh nhiễm ô bản thể thanh tịnh, nên phải làm cho thanh tịnh. Nương vào các giới đã thọ ban đầu theo thứ lớp mà trị. Lập nghi thức sám hối các thiên tự y cứ theo đây, đều như trình bày ở phần sau. Nếu y cứ vào pháp sám hối chung, lý sự khác nhau. Lý dành cho những người lợi căn, quán sát tội tánh kia, do vọng che lấp tâm tánh nên kết thành vọng nghiệp. Và lại phải hiểu bản tánh của vọng là bất sinh, niệm niệm làm cho tâm tán loạn, nghiệp bị mê muội sai sử. Nếu nói về sự thì thuộc những người căn tánh chậm lụt, do chưa thấy được lý, vì sự điên đảo của mình tạo thành vọng nghiệp. Tâm bị che lấp nên bị cảnh lôi cuốn. Động thì có hành động, hành động thì đọa vào ba cõi. Vì nói chân, quán tâm trí mê mờ, chỉ được nghiêm tịnh đạo tràng, khen ngợi kính ngưỡng. Hoặc nhờ lễ bái, hoặc nhờ tụng đọc, thọ trì, hành nhiều, hết lòng thành khẩn duyên với thắng cảnh. Vì thế nghiệp có nặng, nhẹ, định, bất định khác nhau. Hoặc có thay đổi quả báo, hoặc có nhận chịu nhẹ, đều như Phật có nói trong các kinh Phương đẳng, v.v...

### ***Lý sám (sám hối về lý):***

Đã nói lý sám dành cho người trí, thì có rất nhiều phương tiện tùy theo đó mà thực hành. Thường quán vô tánh, vì vô tánh, nên vọng ngã không có chỗ nương gá, sự chẳng phải do ngã sinh ra. Tội phước vô chủ, thấy rõ và tư duy như thế, tất cả tội chướng sẽ tiêu trừ. Như người tỉnh giấc thì không còn ngủ say. Nhưng lý cốt yếu không đưa ra ba loại:

1/ Tánh không của các pháp vô ngã. Lý này theo tâm gọi là Tiểu thừa.

2/ Bản tướng các pháp là không, chỉ có tình chấp vọng kiến, lý này theo dụng, thuộc Tiểu Bồ-tát. 3/ Ngoại trần của các pháp vốn không, thật chỉ có thức. Lý này sâu xa màu nhiệm, chỉ có ý theo trí, đây là hạnh chứng, quả Phật của Đại Bồ-tát. Cho nên Nhiếp Luận chép: chỉ có thức chung cho bốn vị... theo ba lý này, tùy trí mạnh yếu mà theo sự quán duyên, tất cả tội lỗi tiêu trừ. Nên kinh Hoa Nghiêm chép: tất cả biển nghiệp chướng, đều từ vọng tưởng sinh. Nếu muốn sám hối, nên tìm tướng chân thật. Sám hối như vậy, thì các tội nhiều như mây cũng tiêu tan hết. Nhưng sự sám tội nghiệp phước là thuận sinh; lý sám trái với bốn đạo, thì một ra một vào ngược dòng. Điều khoản rõ ràng tự phân biệt, ngu trí khác nhau, hư thật hiển bày, cho nên các học giả đều hiểu. Nếu lúc tự tâm thích tạo tội nên tu sự sám, nếu lúc thích tạo phước nên tu lý quán. Lý gồm có sáu nạn như trên đã nói. Nếu năm chúng phạm tội thì phải theo lý, sự để sám hối. Sự thì thuận với giáo không trái Duy thức. Lý thì hiểu được vọng, ngoại trần vốn không. Cho nên luận chép: nghĩa của Duy thức không mất, cũng chẳng thể không có năng thủ, sở thủ. Nếu không phải năm chúng, hai đường phước đạo, nếu muốn nói về điều này, chẳng phải là ý sao? Đây đủ như trong quyển hai mươi nói về hành pháp của phạm thánh. Kế là nói về y theo luật, theo sự lập pháp sám hối. Pháp sám hối thì nhiều, chủ yếu chỉ có sáu vị.

**1. Pháp sám hối tội Ba-la-di:** kinh Quán Phật Tam-muội chép:

Có bảy tội, mỗi tội trải qua tám muôn bốn ngàn kiếp ở trong địa ngục A-tỳ. Bảy tội là:

1/ Huỷ báng không có mười phương Phật;

2/ Bỏ học Bát-nhã;

3/ Không tin nhân quả;

4/ Dùng rất nhiều vật của tăng và vật thuộc về Tam bảo;

5/ Xâm phạm của tín thí quá nhiều;

6/ Làm ô uế Tỳ-kheo-ni;

7/ Gần gũi với những người phạm hạnh bất tịnh. Tất cả đều nói rõ như trong kinh Quán Phật Tam-muội. Kinh Niết-bàn chép: phạm bốn tội trọng, đời sau phải chịu quả báo. Nếu cởi bỏ pháp phục nhưng vẫn còn chưa lui sụt đạo Bồ-đề, thường hổ thẹn, lo sợ, tự trách mình, sám hối sửa đổi khởi tâm hộ pháp, xây dựng chánh pháp, vì người giải thích cho họ. Ta nói người này chẳng phải là người phá giới. Nếu phạm bốn tội trọng, tâm không hổ thẹn, sợ hãi, phát lộ sám hối thì đối với chánh pháp mãi mãi không có tâm giữ gìn, kiến lập. Chê bai, khinh miệt, thường nói tội lỗi, hoặc nói không có Phật-pháp-Tăng, đều gọi là hướng đến tội Nhất-xiển-đề. Thế nào là nghiệp có thể chịu quả báo hiện tại, không chịu quả báo ở vị lai. Đó là sám hối phát lộ, cúng dường Tam bảo, thường tự trách mình. Nhờ nghiệp lành này, đời nay đầu mắt v.v... không bị

đau đớn hành hình, đến chết không bị đánh đập, đói khát. Nếu không tu thân giới tâm tuệ, ngược lại các pháp trên thì sẽ làm cho nghiệp địa ngục thêm lớn. Luật Tứ Phần chép: nếu Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni phạm Ba-la-di rồi, hoàn toàn không có tâm che giấu, chúng tăng dạy họ sám hối đúng như pháp. Các thầy phé lập có đúng sai lẫn nhau. Nay bao gồm điều đó, theo việc thấu hiểu lý không chấp vào kết tội, chỉ tính che giấu và không che giấu. Lúc đến xin pháp Bala-di, Tỳ-kheo hoàn toàn không che giấu, Tăng cho suốt đời học hối, khác với thiên Tăng tàn, phạm nhiều tội rồi vẫn có thể sám hối. Che giấu được đến xin một lần không chứng pháp sự. Thiên thứ nhất phạm tội căn bản, không phải hoàn toàn trong sạch, có thể cho sám hối. Nếu muốn sửa đổi lỗi làm người phạm tội phải sám hối xuất phát từ tâm mình. Dù không bị nêu tội, không ngại pháp của tăng, nhưng làm cho giới đầu tiên không còn nữa, vì thế phải tha thiết khẩn cầu để thọ học hối. Thiên Tăng tàn không phải như vậy, vì tội này là hữu dư. Tuy trước vô tâm được cưỡng gia pháp, bất luận rõ hay không, tùy theo xin bao nhiêu thì sám hối bấy nhiêu. Có sự khác nhau này nên lập hai nghi thức để sám hối. Trước phân biệt nên trị như thế nào, sau nói về lập pháp. Luật Tăng-kỳ, nói nếu người phạm tội Tăng tàn rồi than khóc, không muốn lia áo giải thoát, có niềm tin sâu sắc đối với Phật pháp. Tăng nên cho Yết-ma học hối. Tỳ-kheo ăn thức ăn bất tịnh, thì người đó ăn cũng bất tịnh, người đó ăn thức ăn bất tịnh, Tỳ-kheo ăn cũng bất tịnh, người đó được thọ thực với Tỳ-kheo, trừ hỏa tịnh năm loại sống và tiền bạc. Người đó nên theo Sa-di để thọ thực. Thập tụng nói, nếu người phạm giới trọng, như pháp xin Yết-ma, tất cả giới Phật chế phải thực hành, ngồi sau các vị Đại Tỳ-kheo, không được ngủ chung với đại Tăng quá ba đêm, không được ngủ với người tại gia, Sa-di quá hai đêm. Cho phép người đó vì tăng làm hại Yết-ma bố tát và tự tứ, nhưng không được tính đủ số, ngoài ra tất cả Yết-ma không được làm, được tính tuổi hạ. Luận Du-già chép: “Người phạm tội không thể làm các pháp Yết-ma, được làm hai pháp trước”. Luận Tỳ-ni Mẫu chép: “Cho bạch bốn pháp hối rồi, gọi là trì giới thanh tịnh, nhưng đời này không được thoát khỏi sinh tử, tuy nhiên ngăn không bị rơi vào địa ngục”. Kinh Trị Thiên Bệnh chép: người phạm tội trọng sám hối, cõi Tăng-già-lê, mặc An-đà-hội, tâm hổ thẹn, hết mình phục dịch chư tăng như: dọn vệ sinh, gánh phân v.v... người thực hành sám hối nên làm như vậy. Trong luật, nên dạy xin rằng: “Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe! Tôi là Tỳ-kheo... phạm giới dâm Ba-la-di không che giấu, nay đến tăng xin giới Ba-la-di, mong tăng cho con giới Ba-la-di, xin thương xót tôi” (ba lần). Xin xong, tăng phải vân hòa đáp: “cho Yết-ma giới Ba-la-di”. Nên nói: “Bạch Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... này phạm giới dâm Ba-la-di không che giấu, nay đến tăng xin giới Ba-la-di. Nếu tăng phải thời mà đến, tăng chấp thuận tăng nay cho Tỳ-kheo giới Ba-la-di” (tác bạch).

Bạch đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... này phạm giới dâm Ba-la-di không che giấu. Nay đến tăng xin giới Ba-la-di, nay tăng cho Tỳ-kheo... giới Ba-la-di. Trưởng lão nào bằng lòng cho Tỳ-kheo... giới Ba-la-di thì im lặng, ai

không bằng lòng thì cứ nói lên (đây là Yết-ma lần thứ nhất, lần thứ hai, lần thứ ba cũng giống như vậy).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo... giới Ba-la-di rồi, tăng bằng lòng vì im lặng. Việc này nên hành trì đúng như thế.

Đức Phật dạy, cho giới Ba-la-di rồi, phải thực hành pháp tùy thuận, làm ba mươi việc, hơi giống trong pháp tăng cương, chỉ thêm không được ở trong chúng tụng luật, nếu không có người nào tụng được thì cho phép. Cho giới Ba-la-di rồi, lúc tăng thuyết giới và Yết-ma, người thực hành pháp thuận theo đến hay không đến tùy ý, nếu phạm lại thì diệt tận. Nếu phạm Tăng tàn và các thiên sau thì y theo tự mà trị. Luật Thập tụng, cho học Sa-di (giống như Tỳ-kheo sám hối tội trọng). Người phạm Tăng tàn rồi xin ở riêng, sáu đêm ý hỷ xuất tội, Tăng theo thứ lớp mà cho họ. Còn Thiên đầu (Ba-la-di) thì y cứ theo giới dâm làm phương pháp. Ngoài ra giới trộm cướp theo pháp luật để trừ, không giống người xưa chỉ khai sám hối giới dâm.

## **2. Nói về pháp sám hối tội Tăng tàn, lược biết pháp đối trị có bốn:**

Tu trị phú tàng tình quá: nghĩa là Ba-lợi-bà-sa, Hán dịch là phú tàng, hoặc biệt trụ. Luận Tỳ-ni-mẫu chép: Tại sao gọi là biệt trụ? Là ở riêng một phòng, không được ở chung với Tăng, tuy ở trong tăng, không được nói chuyện, cũng không được trả lời.

Trị tội phú tàng: nghĩa là Đột-cát-la, sau đó chánh sám hối (pháp sám hối ở trước, sau cho pháp che giấu ở riêng).

Trị Tăng Tàn tình quá: nghĩa là Ma-na-đoả. Luận chép: Đòi Tàn dịch là ý hỷ. Trước tuy tự ý vui mừng, người ấy vừa hổ thẹn vừa khiến chúng tăng vui mừng. Do trước vui mừng nên cho họ ít ngày, nhờ ít ngày nên mới được gọi là (ý) hỷ. Chúng Tăng vui mừng nói: người này nhờ sự sám hối này không còn khởi phiền não, thành người thanh tịnh, nên gọi là hỷ.

Trị tội Tăng tàn: nghĩa là A-phù-ha-na, luật Thiện Kiến dịch là Yết-ma gọi nhập chúng, hoặc gọi là nhổ bỏ gốc tội. Luận Tỳ-ni-mẫu chép: giới thanh tịnh sinh giải thoát thanh tịnh, vì khéo giữ gìn giới sẽ dứt trừ được tội.

Nói về phép tắc lập pháp sám hối, tội Tăng tàn ở trong chúng lập pháp sám hối, chánh pháp nên lập, đầu tiên dẫn văn, sau trình bày cách thức sám hối.

Trong phần đầu, theo kệ trong luận Minh Liễu chép: “Năm pháp thượng khởi tội”. Giải thích: nếu người phạm Tăng tàn cầu được xuất ly, và người muốn làm Yết-ma Đề-xá-na cho người kia, thì người ấy nhất định trước phải nhớ lại năm pháp thượng khởi tội, sau mới làm Yết-ma.

Quán sát tướng của tội Tăng tàn.

Chọn người biết tướng che giấu tội, không che giấu tội.

Xem việc làm thuộc học xứ nào, để chọn lựa bốn bộ chúng, v.v...



Xem việc làm phù hợp học xứ (giới) nào để thực hành Yết-ma bạch tứ, v.v...

Xem trong ba mươi pháp Tăng tàn, phạm một ngày một đêm v.v... che giấu hay không che giấu. Để hiển bày chỗ có che giấu hay không che giấu, lập cho ở riêng Ma-câm-đa, v.v...

Năm pháp này, tăng nên quan sát, mới khởi tội người khác được. Chữ phương giống chữ pháp.

Giải thích năm pháp này tức là năm môn, nên gọi là thượng khởi. Trước kia đọa vào phạm tội nên gọi là hạ (dưới). Vì tướng tội liên tục, ngăn theo giới vô tác bất sinh; nay nếu sám hối theo việc ngăn chặn sự nối nhau, thì trở lại thọ trì thanh tịnh đối trị bảo vệ, nên giới pháp tiếp tục phát sinh, gọi đó là khởi. Bạch pháp thứ hai, ngược lại trong lúc phạm tội trước, nên gọi là Thượng. Cho nên sám hối gọi chung là thượng khởi. Lại biết, Đề-xa-na, Hán dịch là Phát lộ, nghĩa là sám hối này là phát lộ. Vì vậy muốn hành thượng khởi (sám hối) phải biết năm pháp.

1. Đó là biết xem xét là tội Tăng tàn hay không phải Tăng tàn, tức biết nghĩa đầy đủ hay thiếu sót. Đủ duyên thành tội trọng. Thiếu duyên thành tội nhẹ. Cho nên luận chép: “Xét tội tướng của tội Tăng tàn”. Đối với tướng căn bản trong tội cố ý xuất bất tịnh, nếu người đã thọ đại giới hoặc Đức Phật đã chế giới này, hoặc người không nghi pháp, hoặc người có dục tâm xuất bất tịnh, hoặc bất tịnh đã xuất v.v... người này phạm tội Tăng tàn. Đối với các tướng khác, lược thuyết tướng cũng như vậy, nói rõ như trong luận Ba-la-đề-mộc-xoa. Y cứ theo luận giải thích luật. Trước hết là hai duyên chung riêng: nghĩa là từ không nghi pháp về trước là duyên chung, từ sau phân người có tâm dục là duyên riêng. Nếu đủ duyên liên phạm Tăng tàn, thiếu duyên thì phạm Thâu-lan-giá. Bởi vậy tất cả ba mươi pháp, mỗi pháp đều có duyên riêng, để xem, xét trước phạm phương tiện rốt ráo và không phạm, vì sợ không tội lại thêm hình phạt thành phi pháp. Luật Tăng-kỳ chép: Tỳ-kheo trì luật, lúc xuất tội cho người khác. Có tội cũng biết: nghĩa là biết rộng tội của năm chúng, không tội cũng biết.

2. Luận chép tướng che giấu: nếu người ở trong tội Tăng tàn, thấy tội Tăng tàn lại không muốn theo người khác sám hối. Vì không có tâm phát lộ, che giấu một đêm, đối với người này tội đó đã bị che giấu. Đây là nhớ biết mà không phát lộ, không sám hối. Nếu người không biết không nhớ, hoặc nghi hoặc khởi chẳng thầy tội, nên che giấu tội này thì tội này không bị che giấu. Y cứ theo luận giải thích luật, nên có các môn phân biệt, gồm mười loại khác nhau.

– Hình tướng khác nhau: trong luật người phạm Tăng tàn che giấu rồi thôi tu, thôi tu rồi trở lại thọ đại giới. Lúc phạm trước nên trị, bỏ đạo không cần trị.

– Pháp khác nhau: xả giới làm Sa-di, như bỏ đạo phần trước.

– Bệnh khác nhau: người bị bệnh như: tâm loạn, cuồng si v.v... phạm nhiều tội Tăng tàn thì cũng hoàn toàn không phạm tội. Hoặc người trước phạm Tăng tàn, đã che giấu sau bị bệnh cũng không thành phạm.

– Lỗi khác nhau: bị nêu tội trị phạt nên không tính đủ số tăng.

– Người khác nhau: luật Thập Tụng, nếu cùng người tặc trụ, người bị tấn, người ở riêng, các người bắt cộng trụ, người cuồng tâm, người câm, người điếc, người biên địa, Tỳ-kheo-ni cho đến sa-di-ni, Ưu-bà-tắc v.v... ở chung không gọi là che giấu, nên hướng về người khác phát lộ cũng không thành. Luật Du-già, người phạm tội Tăng tàn cho biệt trụ Ma-na-đoả, biệt trụ Ma-na-đoả rồi ở chỗ người tại gia cũng không gọi là che giấu. Luật Ngũ Phần, nếu ở xứ này nhiều người biết trọng, không muốn để cho người khác biết không gọi là che giấu, còn ở xứ khác che giấu thành che giấu.

– Nghiệp dựa vào thời gian khác nhau: Luật Tăng-kỳ nói: nếu người nhập định không thành che giấu, nếu nghĩ rằng: “Ta đợi thời gian nào đó, đợi người, đợi pháp nên làm đúng như pháp, đó gọi là chẳng phải che giấu, chẳng phải phát lộ.

– Kính nạn sai khác: luật Ngũ Phần nói tất cả tội che giấu, gọi là che giấu, nếu ở chỗ Hòa-thượng, A-xà-lê và các bậc kính sợ nhân gian, che giấu không gọi là che giấu; đối với các người khác thành che giấu.

– Che giấu vô tâm khác nhau: luật Tăng-kỳ chép: che giấu cũng biết, nghĩa là biết tội khởi tâm che giấu, không che giấu cũng biết, không khởi tâm che giấu, chưa phát lộ được. Nếu quên hoàn toàn không thành che giấu.

– Không có tâm hổ thẹn khác nhau: nếu phạm Tăng tàn rồi, không có tâm che giấu, gặp người liền nói tâm không sợ sệt.

– Tâm mê nên khác nhau: trong luật nói, không nhớ có nghi không biết v.v... đều không thành che giấu. Văn chép: nếu người không tác ý Tăng tàn, không thành che giấu, nên cho Ma-na-đoả. Nếu người tác ý Tăng tàn che giấu thành che giấu. Trước nên dạy họ sám hối tội Độtcát-la rồi, cho Yết-ma che giấu.

3. Xem việc làm thuộc học xứ nào để chọn lựa bốn bộ chúng, bốn bộ nghĩa là bốn vị tăng. Tăng tuy bốn vị, nay sám hối cảnh này trước hai hoặc bốn vị tăng, sau một đến hai mươi người, nếu khác ở đây thì không thành. Nếu lúc làm nương vào cảnh mà nói, trước dưới đến một người, kể là bắt buộc phải đối với tăng, pháp xuất tội cùng một chỗ.

4. Xem việc làm phù hợp với học xứ nước nào để thực hành Yếtma bạch tứ. Pháp tuy có ba, nhưng pháp sự trị Tăng tàn đều là thượng phẩm. Vì thế đều phải bạch tứ. Trong đây dùng pháp có bốn, đó là biệt trụ, sáu đêm ý hỷ, Bản nhật trị và xuất tội, như trước đã nói.

5. Xem trong ba mươi pháp Tăng tàn, phạm một ngày một đêm, che giấu không che giấu, v.v... để hiển bày chỗ có che giấu hay không che giấu, lập cho ở riêng hoặc Ma-cấm-đa v.v... Địa là tên gọi nơi chốn. Nghĩa là bốn vị Ba-lợi-bà-sa v.v... ở trong vị này, nếu có che giấu thì cho ở riêng. Đó là pháp biệt trụ. Người phạm tội phải trải qua việc thực hành pháp biệt trụ, nên gọi là ở riêng. Nếu người phạm tội không che giấu nên cho Ma-na-đoả, cho nên gọi là có chỗ che giấu, không che giấu lập ở riêng, Ma-cấm-đa, v.v... tức là có che giấu hành ba

pháp, không che giấu hành hai pháp, là pháp tương đối giới hạn phạm vi của dùng thuốc.

Chánh thức lập nghi thức sám hối, chia làm chín phần:

1. Biết chủng tướng của tên tội: như pháp thứ nhất đã giải thích.

Danh là Tăng tàn, chủng loại là lỗi lầm xúc chạm. Tướng nghĩa là phạm nhiều ít. Luật chép: một tên mà nhiều loại khác nhau.

2. Biết thành che giấu hay không: như pháp thứ hai chọn lựa mười môn uỷ luyện.

3. Biết dùng số tăng nhiều ít: tức pháp thứ ba có thể trị những điều tương đối, trình bày rõ như trên.

4. Biết dùng thánh giáo: tức bốn pháp bạch tứ: xem việc làm tương ứng với học xứ.

5. Biết trình bày nghi thức sám hối: tức pháp thứ năm nói về ngũ đêm khác nhau.

6. Che giấu mau theo đó mà trị. Trong luật phạm nhiều tội Tăng tàn, tuy nhớ số tội, không nhớ số tội, chỉ nhớ số ngày lâu mau, nói chung nên theo số ngày lâu mà trị. Nếu không nhớ số ngày thì theo lúc thanh tịnh để trị, nghĩa là theo lúc đàn tràng thọ giới để trị. Luật Thập Tụng không nhớ số ngày tháng, nên tính theo ngày thọ đại giới để trị, cần phải nói xin thanh tịnh về sau. Che giấu năm năm, mười năm, không được nói thẳng xin thanh tịnh về sau, vì biết đầy đủ phải phân chia. Luật Tăng-kỳ chép: người không nhớ số đêm nên hỏi không có năm phạm sao? Nếu người phạm im lặng thì tùy theo năm mà cho pháp trị. Nếu nói không đúng thì nên hỏi phạm một, hai, ba, bốn năm phải không? Nếu người phạm im lặng thì tùy theo chỗ im lặng mà cho pháp trị. Luật Thập Tụng nói, trong chúng ba lần can ngăn, người phạm Tăng tàn rồi liền ở trong tăng tự xưng lên phạm tội Tăng tàn. Nếu không nói ngay đó gọi là che giấu. Nên biết nhiều người tuy biết phạm, cuối cùng phải nên phát lộ.

7. Nói về pháp sám hối chung và riêng. Trong luật biết số ngày không biết số ngày v.v... che giấu không che giấu, v.v... Một tên nhiều loại, v.v... cùng dùng một Yết-ma sám hối. Lại nói: có Tỳ-kheo phạm nhiều tội Tăng tàn, hoặc có che giấu một ngày cho đến mười ngày. Phật bảo sám hối chung theo mười ngày. Luật Tăng-kỳ nói, sám hối chung, riêng mỗi thứ đều được. Nếu một ngày trong tháng phạm một tội che giấu cho đến mười ngày phạm một tội che giấu. Hoặc có che giấu một đêm cho đến mười đêm, nên cho mười lần biệt trụ, cho đến một lần che giấu. Ví dụ như sáu đêm ý hỷ xong xuất tội v.v... luật Thập Tụng nói, trong sám hối Tăng tàn, nói đầy đủ số phạm và che giấu bao nhiêu ngày...

8. Nói về chính thức Yết-ma, gồm hai phần: trước nói về oai nghi của người sám hối. Giáo thọ quả trách xin. Kế là nói về đầy đủ Yết-ma.

Trong phần đầu, trước người phạm tội phải cởi bỏ các y sạch mới, mặc An-đà-hội và các y phục thô sơ, trên mặc Uất-đa-la-tăng, vén y bày vai phải, cởi bỏ giày dép, chấp tay, gập mình, cúi đầu đến trong tăng tự mình than thở tội này sẽ đọa vào đường dữ. Như trong luận chép: phạm tội Tăng tàn như người bị chặt đầu còn lại cổ họng chưa đứt, có thể sống lại. Như lai rủ lòng thương xót, khai lập pháp sám hối. Lại nữa, ta tự vui mừng, mình được phát tâm rộng lớn, biết hổ thẹn. Nếu không biết sám hối tội này thì năm mươi ức sáu mươi ngàn năm chịu khổ địa ngục. Những duyên như thế lấy làm vừa vui, vừa buồn, làm phương tiện tự than thở trách mình, hổ thẹn nhiều tội lỗi của mình. Trừ sạch bụi trần khuyến nhủ tâm mình không gây lỗi lầm như thế, người phạm tội lễ dưới chân chư tăng xong, đến trước người Yết-ma quỳ gối chấp tay, hoặc xin trình bày, người bên cạnh nhận lời trình bày của họ cũng được (nhưng người phạm cho đến nhiều không quá năm, ba lần, nay lấy phạm lần đầu tiên làm pháp quỳ).

– Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... phạm ba tội Tăng tàn cố xuất bất tịnh, xúc chạm, và nói lời thô ác. Mỗi tội không nhớ số lần (nhớ thì nói ra), hoặc che giấu một đêm cho đến một trăm đêm (thời gian dài ngắn, từ ít đến nhiều tùy theo lúc mà gọi). Nay đến tăng xin Yết-ma che giấu một trăm đêm, xin tăng cho Yết-ma che giấu một trăm đêm, xin thương xót cho (xin ba lần).

Kế là nói về tăng cho pháp, trước phải vấn hòa, đáp rồi thưa rằng:

– Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo v.v... phạm ba tội Tăng tàn cố xuất tịnh, xúc chạm, và nói lời thô ác; mỗi tội không nhớ số lần, hoặc che giấu một đêm cho đến một trăm đêm. Nay đến tăng xin Yết-ma che giấu một trăm đêm. Nếu tăng phải thời đến tăng chấp thuận, tăng cho Tỳ-kheo v.v... Yết-ma che giấu một trăm đêm, đây là lời tác bạch.

– Bạch đại đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... phạm ba tội Tăng tàn cố xuất tịnh, xúc chạm và nói lời thô ác; mỗi tội không nhớ số lần, hoặc che giấu một đêm cho đến một trăm đêm. Nay đến tăng xin Yết-ma che giấu một trăm đêm. Nay tăng cho Tỳ-kheo v.v... Yết-ma che giấu một trăm đêm. Trưởng lão nào bằng lòng, tăng cho Tỳ-kheo... Yết-ma che giấu một trăm đêm thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì nói lên đây, là Yết-ma lần thứ nhất (Yết-ma lần thứ hai, lần thứ ba cũng vậy). Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo v.v... Yết-ma che giấu một trăm đêm rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, nên việc này nên thọ trì như thế. (Người thực hành y theo Yết-ma trong bản sao này, tác pháp được thành tựu theo văn trong luật, y theo Yết-ma cũ nên sửa đổi, không thể kính cần đọc theo)

9. Nói về Yết-ma đoạt quyền lợi của một Tỳ-kheo, răn dạy thực hành ba mươi lăm việc. Nói rằng: bạch tứ Yết-ma này là thuốc hay của thánh giáo. Tự tâm người phạm tội phải vâng theo, đoạt quyền lợi ba mươi lăm việc là pháp chiết phục. Người phạm tội chớ làm trái nghịch, phải siêng năng khổ nhọc làm việc chúng, phục dịch các Tỳ-kheo thanh tịnh. Đó là pháp điều phục. Mỗi việc đều phải chấp hành đầy đủ. Tám việc như thưa bạch v.v... đây là pháp phát lộ, phải

cộng thêm hổ thẹn và tự trách mình, đứng theo pháp mà bạch, không được mất đêm. Người phạm tội từ từ nói với người khác, nói rồi nhân lúc tăng nhóm bạch cho tăng biết. Tăng nên thưa rằng: Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo phạm tội Tăng tàn cố xuất tinh (các tội khác nữa thì thêm vào) không nhớ số lần, che giấu một đêm cho đến một trăm đêm rồi đến tăng xin Yết-ma che giấu một trăm đêm. Tăng đã cho tôi Yết-ma che giấu một trăm đêm. Tôi Tỳ-kheo... từ ngày nay bắt đầu thực hành. Bạch Đại đức tăng biết cho tôi hành che giấu (nói ba lần).

Đoạt ba mươi lăm việc như trong pháp chúng cương.

Luật chép: người kia thực hành che giấu, phải một ngày ba thời gặp Tỳ-kheo thanh tịnh nên thưa, tất cả đều đúng như pháp, không được trái nghịch. Đến ngày bỏ tát người đó nên quét dọn, rưới nước chỗ bỏ tát, cung cấp các vật cần thiết. Cho đến mình ở trong phòng nhỏ, có Tỳ-kheo khách đến, có người đuổi ra, nên đáp rằng: “không được hai người ở chung”. Nếu chúng tăng chia y vật, người phạm tội tùy theo thứ lớp mà nhận, đi sau Tỳ-kheo, ngồi trước Sa-di, không được đứng chung, ngồi chung với Tỳ-kheo thanh tịnh. Nếu cùng một giường, một ván, giường dài ván dài phải cách đoạn sau đó mới ngồi, cho đến cung cấp cho Tỳ-kheo thanh tịnh giống như pháp Hòa-thượng. Văn giống nhau nên không nêu ra. Luật Thập Tụng, ít nhất phải đủ bốn Tỳ-kheo thanh tịnh mới làm biệt trụ, hai người biệt trụ không được ngồi cùng một giường, không được ở chỗ khuất vì sợ Tỳ-kheo đến không thấy. Luật Thiện Kiến nói, nếu người thực hành biệt trụ có người thỉnh, hoặc cho người thọ giới được đình chỉ việc hành pháp, việc xong tiếp tục hành pháp. Lúc xả, người hành pháp nên nói: “nay tôi bỏ Ba-lợi-bà-sa” (nói ba lần), văn như sau sẽ nói. Nếu trong chùa có nhiều Tỳ-kheo đến đi khó thưa, ngày được xả hành pháp, khi minh tướng chưa xuất hiện, nên thưa lại mà thực hành. Luật Thập Tụng nói, cho đến pháp sáu đêm, thưa tăng đình chỉ được hai mươi lăm đêm. Luật Tứ Phần, hoặc đại chúng khó nhóm họp, hoặc không muốn thực hành, hoặc người đó yếu hèn, thường hổ thẹn nên đến chỗ Tỳ-kheo thanh tịnh thưa rằng: “Bạch Đại đức Thượng tọa, ngày nay xả bỏ lời dạy bảo không thực hành”. Nếu lúc muốn thực hành lại đến chỗ Tỳ-kheo thanh tịnh thưa rằng: “ngày nay con thực hành theo lời dạy bảo” người kia được tự mình làm việc của mình, lễ bái đón rước, cũng được nhận sự lễ bái, phục dịch của Sa-di, tịnh nhân. Luật chép: tám pháp mất đêm.

1. Đến chùa khác không thưa.
2. Có Tỳ-kheo khách đến không thưa.
3. Có việc ra ngoài giới không thưa.
4. Người đi bộ trong chùa không thưa.
5. Bệnh không sai người thân tín thưa.
6. Hai, ba người ngủ chung một nhà.
7. Ở chỗ không có Tỳ-kheo

## 8. Không thừa lúc nửa tháng thuyết giới.

Tùy theo một thời thiếu đều mất một đêm (đã được thì không mất, chưa được thì không thành).

Pháp bạch Tỳ-kheo thanh tịnh (văn luật không đủ, y cứ theo nghĩa mà bạch). Người phạm tội oai nghi nghiêm trang bạch rằng:

Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo... phạm một tội Tăng tàn cố xuất tinh (các tội khác theo đây mà biết) không nhớ số lần, che giấu một đêm cho đến một trăm đêm. Tăng đã cho con Yết-ma che giấu một trăm đêm. Con Tỳ-kheo... đã thực hành bao nhiêu ngày, còn bao nhiêu ngày chưa thực hành, xin Đại đức biết cho con thực hành che giấu (nói ba lần).

Nếu năm người, mười người đều đến nhóm họp một chỗ, người thực hành thừa chung bạch rằng: “Bạch Chư Đại đức tăng xin lắng nghe! Các lời khác giống như trên. Nếu không nhóm họp hết cũng không biết chúng, đây là pháp phát lộ biệt nhân. Nếu có bậc Đại đức xuất chúng đến chùa, nên an trí trong phòng để bạch, không nên đứng trước cửa, khiến thành khinh dễ. Ngoài ra các tác bạch khác, bạch thuyết giới v.v... đều giống như văn trên, chỉ đổi ngày và tăng là khác mà thôi. Luật Thập tụng nói, nếu lúc muốn thực hành, trước nên nghĩ, nay ta có đến trước Tỳ-kheo không? Nếu nghĩ đến liền đi. Luật Ngũ Phần, nếu không xả hành pháp, ra ngoài giới gặp Tỳ-kheo, nên thừa chung rằng: “Tôi Tỳ-kheo hành biệt trụ bao nhiêu ngày, còn bao nhiêu ngày, xin Đại đức nhớ cho. Nếu không như vậy, xả hành pháp rồi thì gặp Tỳ-kheo không cần thừa. Đến chỗ khác, nên cầu tăng ở đó tác pháp thực hành lại. Luật Tứ Phần, có Tỳ-kheo đi bộ trong chùa không bạch liền mất đêm. Nếu có muốn thừa, nhưng Tỳ-kheo đó đi nhanh ra ngoài giới, tuy không bạch mà không mất đêm, không có tội. Luật Thập tụng, nói Tỳ-kheo khách đi ra ngoài giới, nên đứng như pháp thường hành, không nên đi theo, nên ở trong giới. Nếu người hành biệt trụ sáu đêm, lúc bệnh phải sai người đến bạch tăng: “Tỳ-kheo biệt trụ... bị bệnh không đến được, xin thừa với tăng để tăng biết cho. Pháp bạch tăng nên đầy đủ như luật Tứ Phần. Luật Ngũ Phần nói, một Tỳ-kheo như pháp được hành pháp biệt trụ, như đã nói trong năm pháp trên. Bản sao chép: Phật pháp ở phương Đông, người hành pháp này cũng ít. Dù có hành sám hối thì bỏ nhỏ lấy lớn, y theo các danh hiệu Phật mà sám hối. Nếu ý mình chưa an, trong lòng còn buồn phiền thì chưa hợp với đại đạo. Chỉ có thiên tự y theo giáo pháp mới tự tiêu diệt. Nghiệp đạo tùy mình suy nghĩ, đều chê phát lộ là điều đáng hổ thẹn. Nhưng nghiệp do sự hổ thẹn đó mà kết thành. Đây chính là thuốc hay để trị bệnh, chẳng được không thực hành. Lại nữa, người hành che giấu phần nhiều không đủ ngày. Các Ngài lập lý có chỗ khác nhau giống nhau. Nay lấy sự thịnh hành của các sư. Đây là pháp y theo giáo pháp mà sám hối. Trong Đại thừa, Tiểu thừa, xét về tâm hành chiết phục là đầu tiên. Nếu xét về sự nghiệp biệt trụ thì thành quan trọng. Như theo luật Thập tụng không hành biệt trụ sáu đêm xuất tội, Đức Phật đều thành thật phán đoán đắc tội mới được xuất tội. Dùng đó để làm chứng ở đây, lý cần

phải y cứ vào nhau. Tuy nhiên, sợ sự không xứng đáng với pháp thì nên thay đổi tập quán cũ. Người Yết-ma nói: “Tỳ-kheo... đã thực hành số ngày che giấu, nay xin tăng xin sáu đêm ý hỷ. Nếu các cách bạch Yết-ma sau đều nên y cứ theo đây mà thay đổi. Nên xin sáu đêm, trước Thượng tọa tập tăng rồi bạch rằng: “Tỳ-kheo... này thực hành che giấu tội Tăng tàn, đã thực hành được bao nhiêu ngày, chưa thực hành thì đã trình bày với tăng, nay tăng đã nhận rồi, có thể bỏ những ngày còn lại”, hòa tăng rồi, nếu chúng im lặng, nên cho pháp sáu đêm. Nếu thực hành đủ số ngày thì theo pháp mà đọc.

Nói về cho pháp Ma-na-đoả.

Nói về cách xin:

Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe! Tôi là Tỳ-kheo... phạm ba tội Tăng tàn: cố xuất tinh, xúc chạm và nói lời thô ác. Mỗi tội không nhớ số lần, hoặc che giấu một đêm cho đến một trăm đêm. Đã đến tăng xin Yết-ma che giấu một trăm đêm, Tăng đã cho tôi Yết-ma che giấu một trăm đêm. Tôi Tỳ-kheo... đã thực hành che giấu (nếu xong nên nói xong), nay đến Tăng xin sáu đêm Ma-na-đoả, xin tăng tôi con sáu đêm Ma-na-đoả, xin thương xót tôi (xin ba lần).

Thượng tọa tác pháp như trước, an ủi xong bạch rằng:

– Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... này phạm ba tội Tăng tàn cố xuất tinh, xúc chạm, nói lời thô ác. Mỗi tội không nhớ số lần, hoặc che giấu một đêm cho đến mười đêm, đã đến tăng xin Yết-ma che giấu một trăm đêm. Tăng đã cho người đó Yết-ma che giấu một trăm đêm, người ấy đã thực hành ngày che giấu. Nay đến Tăng xin sáu đêm Ma-na-đoả. Nếu tăng phải thời đến, tăng chấp thuận, nay tăng cho người ấy sáu đêm Ma-na-đoả, (tác bạch) như thế.

– Bạch Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... này phạm ba tội Tăng tàn cố xuất tinh, xúc chạm và nói lời thô ác. Mỗi tội không nhớ số lần, hoặc che giấu một đêm cho đến một trăm đêm, đã đến tăng xin Yết-ma che giấu một trăm đêm. Tăng đã cho Tỳ-kheo... Yết-ma che giấu một trăm đêm, Tỳ-kheo... này đã thực hành số ngày che giấu, nay đến tăng xin sáu đêm Ma-na-đoả. Nay tăng cho Tỳ-kheo... sáu đêm Ma-na-đoả. Trưởng lão nào bằng lòng tăng cho Tỳ-kheo... sáu đêm Ma-na-đoả thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Đây là Yết-ma lần thứ nhất (Yết-ma lần thứ hai, lần thứ ba cũng vậy).

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo... sáu đêm Ma-na-đoả rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc này nên thực hành như thế.

Người kia được Yết-ma rồi, ở trong tăng bạch rằng:

Bạch Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi là Tỳ-kheo... phạm ba tội Tăng tàn cố xuất tinh, xúc chạm và nói lời thô ác. Mỗi tội không nhớ số lần, hoặc che giấu một đêm cho đến một trăm đêm, đã đến tăng xin Yết-ma che giấu một trăm đêm. Tăng đã cho tôi Yết-ma che giấu một trăm đêm. Tôi Tỳ-kheo... đã thực hành số ngày che giấu, đã đến tăng xin sáu đêm Ma-na-đoả. Tôi Tỳ-kheo... đến xin tăng thực hành từ ngày hôm nay, Bạch Đại đức tăng biết cho tôi hành Ma-

na-đoả (nói ba lần). Nếu đã hành một đêm, các lời khác giống như phần trên, cho đến tăng đã cho tôi sáu đêm Ma-na-đoả. Tôi Tỳ-kheo... đã thực hành một đêm chưa hành năm đêm. Bạch Đại đức tăng biết cho tôi hành Ma-na-đoả (các đêm khác theo đó mà thêm bớt). Nếu Tỳ-kheo khách đến, chỉ đổi Đại đức tăng là khác, còn các từ khác đều giống như trên. Luật chép: Tỳ-kheo thực hành sáu đêm cũng giống như pháp hành che giấu biệt trụ. Chỉ có thường ở trong tăng, ngày nào cũng bạch là khác (không cho rằng cùng ở chỗ với Tăng). Luật Tăng-kỳ, vì Tỳ-kheo thường phạm Tăng tàn, như sám hối Ba-đề-dật cho đến Việt-tỳ-ni, Đức Phật chế sám hối sáu đêm, xong sáu đêm ở trước hai mươi vị Tỳ-kheo để xuất tội. Trong hai cách thực hành trên đây, nếu che giấu cho pháp trước, không che giấu cho pháp sau và cùng xuất tội. Nếu phạm lại trong hai pháp. Mỗi pháp hoại hai pháp, đều cho lại bản nhật trị, còn lại như đã trình bày riêng.

Pháp cho xuất tội: Trước dạy người phạm tội xin rằng: “Bạch Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tôi Tỳ-kheo... phạm ba tội Tăng tàn cố xuất tinh, xúc chạm và nói lời thô ác. Mỗi tội không nhớ số lần, hoặc che giấu một đêm cho đến một trăm đêm, đã đến trước tăng xin Yết-ma che giấu một trăm đêm, tăng đã cho Tỳ-kheo... Yết-ma che giấu một trăm đêm. Tôi là Tỳ-kheo... đã thực hành số ngày che giấu, đã đến tăng xin sáu đêm Ma-na-đoả, tăng đã cho tôi sáu đêm Ma-na-đoả. Tôi là Tỳ-kheo... đã thực hành sáu đêm Ma-na-đoả rồi, nay đến tăng xin Yết-ma xuất tội. Xin tăng cho tôi Yết-ma xuất tội, xin thương xót cho tôi (nói ba lần).

Người Yết-ma: như tác pháp trước, vấn hòa xong, bạch rằng:

– Bạch Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... này phạm ba tội Tăng tàn cố xuất tinh, xúc chạm và nói lời thô ác. Mỗi tội không nhớ số lần, hoặc che giấu một đêm cho đến một trăm đêm, đã đến tăng xin Yết-ma che giấu một trăm đêm. Tăng đã cho Tỳ-kheo... Yết-ma che giấu một trăm đêm. Tỳ-kheo... này đã thực hành số ngày che giấu, đã đến Tăng xin sáu đêm Ma-na-đoả. Tăng đã cho con sáu đêm Ma-na-đoả. Tỳ-kheo này đã thực hành sáu đêm Ma-na-đoả rồi, nay đến Tăng xin Yết-ma xuất tội. Nếu Tăng phải thời mà đến, Tăng chấp thuận, nay tăng cho Tỳ-kheo... Yết-ma xuất tội, (tác bạch) như thế.

– Bạch Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo này... phạm ba tội Tăng tàn cố xuất tinh, xúc chạm và nói lời thô ác. Mỗi tội không nhớ số lần, hoặc che giấu một đêm cho đến một trăm đêm, đã đến trước tăng xin Yết-ma che giấu một trăm đêm. Tăng đã cho Tỳ-kheo... Yết-ma che giấu một trăm đêm. Tỳ-kheo này đã thực hành số ngày che giấu, đã đến trước tăng xin sáu đêm Ma-na-đoả. Tăng đã cho tôi sáu đêm Ma-na-đoả. Tỳ-kheo này... đã thực hành sáu đêm Ma-na-đoả rồi, nay đến trước tăng xin Yết-ma xuất tội. Nay tăng cho Tỳ-kheo... Yết-ma xuất tội, Trưởng lão nào bằng lòng Tăng cho Tỳ-kheo... Yết-ma xuất tội thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Đây là Yết-ma lần thứ nhất (lần thứ hai, lần thứ ba cũng vậy).



Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo... Yết-ma xuất tội rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc này xin thực hành như thế.

Theo luật Tăng-kỳ cho xuất tội rồi, nên dạy rằng: “Này người thiện nam! Tỳ-kheo lúc Phật còn tại thế được thọ giới, được trì giới, có khả năng đắc quả thánh. Tỳ-kheo sau khi Phật diệt độ được thọ giới, có thể phá giới, có thể rơi vào đường ác. Hành giả trong không hộ tâm, ngoài buông lung thân-miệng, nay phạm tội này, sắp đến chỗ chết, còn có nhân cao quý sửa đổi tâm tánh bằng cách sám hối. Đại chúng tùy hỷ, ông hãy tự vui mừng”. Cho nên văn chép: từ nay về sau, hình tướng tâm hồn thanh tịnh như hoa vô ưu, chớ phạm lại. Nếu tiếp tục phạm lại thì tâm sợ hãi khó sinh. Tâm sợ hãi khó sinh thì không thể sám hối tội được. Cho nên luận chép: “Nếu hai mươi Tỳ-kheo thanh tịnh xuất tội Tăng tàn, pháp của ta không diệt. Đời ác trước ngày nay còn không thích nghe tiếng phạm tội, lẽ nào phải nghe lời sám hối của ông như thế. Nhiều nhân duyên để nói dứt trừ và dẫn kinh Niết-bàn, vì tham dục chứa nhóm, lúc chết đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, ra khỏi các đường ấy lại làm bồ câu, chim sẻ, v.v... ”

### **3. Pháp sám hối tội Thâu-lan-giá:** chia làm hai phần:

Trước nói về tội tướng, sau lập nghi thức sám hối. Trong phần đầu chia làm hai:

Thâu-lan-giá Tùng sinh: đó là phương tiện sau thiên thứ nhất và thiên thứ hai. Nếu theo luật Thập tụng, thiên thứ nhất sinh nặng, đó là phương tiện gần. Nghĩa là tướng thân- miệng chưa được thoả mãn, nên sám hối trong tất cả tăng. Nếu thiên thứ nhất sinh nhẹ, thiên thứ hai sinh nặng phải sám hối trước bốn Tỳ-kheo ở ngoài giới. Nếu Tăng tàn sinh nhẹ nên sám hối trước một Tỳ-kheo. Pháp sám hối này giống với sám hối Ba-dật-đề.

Thâu-lan-giá Tự tánh: cũng gọi là độc đầu Thâu-lan-giá chia làm ba phẩm.

Thế nào gọi là Trọng: đó là lấy dụng cụ và thức ăn của tăng, vật của mười phương tăng, hiện tiền tăng, trộm bốn tiền, và vật quý của phi nhân, phải sám hối trước đại chúng.

Thế nào gọi là Trung: đó là phá Yết-ma tăng, trộm ba tiền trở xuống, lấy vật riêng của tăng, một người có mặc y và một người không mặc y xúc chạm nhau làm cảnh giới Tăng tàn. Những loại như thế đối với chúng ít người sám hối.

Thế nào là Hạ: như luật chép: cạo lông ở ba chỗ, lộ thân mà đi, mặc y ngoài đạo, chứa bát đá, ăn thịt huyết sống, v.v... luật Tăng-kỳ nói, do tâm sâu phá y bát, phá tháp v.v... đều phạm Thâu-lan-giá chỉ sám hối với một người.

Trong luật, sau thiên thứ nhất và thiên thứ hai dạy người, phạm Thâu-lan-giá đều là rất ráo, nặng nhẹ cùng sám hối như trên. Tránh pháp sám hối chia làm ba, đó là pháp sám hối trước chúng nhiều người, chúng ít người và một người.

+ Nói về pháp sám hối trước chúng nhiều người: trong đây chia làm bảy phần: Cách xin trong luận Tát-bà-đa bất luận khinh trọng, tất cả đều theo tăng xin ba lần, sau đó thỉnh chủ sám hối. Người nhận sám hối đôn bạch rồi, đối thứ

sám hối ba lần. Văn như Ba-dật-đề. Nay nói về lập pháp sám hối trước chúng nhiều người: phải đủ năm người trở lên mới được thực hành sám hối. Tất cả đều ở trong giới tăng nhóm xong, người phạm tội oai nghi nghiêm trang đến trong tăng, đánh lễ rồi, trước trình bày lỗi lầm với tăng, sau đó xin rằng: “Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe! Tôi là Tỳ-kheo v.v... phạm tội Thâu-lan-giá phương tiện nặng, không nhớ số lần, nay đến trước tăng xin sám hối, xin tăng cho tôi là Tỳ-kheo... sám hối, xin thương xót tôi (nói ba lần).

1. Nói về thỉnh người nhận sám hối: người phạm tội nên đến chỗ Tỳ-kheo thanh tịnh, chấp tay quỳ gối thỉnh:

Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ! Tôi là Tỳ-kheo... nay thỉnh Đại đức làm người nhận sám hối tội Thâu-lan-giá. Xin Đại đức vì tôi làm người nhận sám hối tội Thâu-lan-giá, xin thương xót tôi.

2. Sám chủ đơn bạch cần phải vấn hòa. Người đáp: phạm tội nặng Thâu-lan-giá. Đơn bạch thọ Yết-ma sám hối, nên bạch rằng:

– Bạch Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... này phạm tội Thâu-lan-giá phương tiện nặng, không nhớ số lần, nay đến tăng xin sám hối. Nếu tăng phải thời mà đến, xin tăng chấp thuận cho tôi là Tỳ-kheo... nhận sám hối của Tỳ-kheo... tác bạch như thế.

3. Nên nói tên tội, tội tướng, phá giới, các tập nhiễm khác của họ như trong phần trước và sau của việc sám hối.

4. Chính thức nói về xả tội. Văn chép: Bạch Đại đức một lòng nghĩ! Tôi Tỳ-kheo phạm tội Thâu-lan-giá phương tiện nặng, không nhớ số lần, nay đến Đại tăng phát lồ sám hối, không dám che giấu, các lời khác như nói trong phần xả đọa ở sau.

5. Quở trách rằng: hãy tự tách tâm ông, nên sinh nhàm chán, người phạm đáp: xin vâng.

6. Bảy tướng trên, luận luật đều có nói nhưng không chỉnh đốn. Nay dẫn chung để không lộn xộn. Hơn nữa y cứ vào một tội, còn các tội khác theo đây.

+ Sám hối chúng ít người: luật Thập Tụng nói, bốn người là tiêu chúng. Nếu nhận sám hối của người khác thì không đơn bạch, chỉ được hỏi người bên cạnh trong pháp diệt tránh của luật Tứ Phần, Tiêu chúng là chúng hai người, ba người. Dù có bốn người chỉ giống pháp Tiêu chúng. Vì luật Tăng-kỳ quyết định năm người là phạm xả đọa như quyền thượng đã nói. Lập pháp có bảy. Phải xin pháp sám hối (còn các phần khác giống như trên).

Nói về thỉnh người nhận sám hối.

1- Như pháp chúng nhiều người;

2- Người nhận sám hối hỏi người bên cạnh lấy sự hòa hợp, giống như trong xả đọa;

3- Nói tội danh, tội tướng của người phạm;

4- Chính thức xả tội. Người phạm tội thưa: Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ! Tôi Tỳ-kheo... phạm tội xúc phạm người nữ thân có mặc y phạm Thân-lan-giá, không nhớ số lần (nhớ thì nói), nay đến Đại đức phát lộ không dám che giấu. Các từ khác như thường trình bày.

5- Quở trách;

6- Lập thệ cũng giống như trên.

+ Sám hối với ba người, một người có năm pháp:

1/ Tỉnh người nhận sám hối;

2/ Nói tội danh tội chung v.v...;

3/ Chánh thức xả tội, nhắc lại hạ phạm tội ở trước gọi là trình bày;

4/ Quở trách;

5/ Lập thệ đều đồng.

Ba việc sám hối trước đã quá ít chẳng phải gọi là việc phạm hiểm (có), vì tội nhiều mà sám hối ít. Nhưng người trí phạm lỗi suy nghĩ, sám hối nhất định rất nhiều. Nếu giấu diếm không nói ra thì thành sơ lược. Văn đã rườm rà sự thật còn thiếu sót. Nếu sám hối đầy đủ làm chuẩn lượng, vì bốn thiên sau, người hay phạm phải nên thiên đầu tiên là đầu mỗi, nghĩa là trong luật phạm giới phải sám hối, cần biết rõ không nghi ngờ, khéo biết danh tội, chung tội, để y theo tự rõ ràng phân biệt. Cùng thiên thì sám hối chung, khác tự sám hối riêng. Lại nữa, tính tội vào pháp, tùy theo số để gọi, nếu quên không biết thì nói không nhớ, lại thấy người sám hối đúng sai chưa rõ ràng. Vì thế, người nhận sám hối phải ngồi ngay thẳng thọ nhận sám hối. Người trước không hiểu nên tỉnh người khác làm, hoặc nói các tội chung học, hoặc nói tham dự tội này, hoặc có mê vọng, hoặc hai thiên cùng sám hối, hoặc không phạm mà nói phạm, hoặc phạm nặng nói nhẹ. Như thế mất pháp mà tội lỗi không thoát, trái lại thành khổ lụy cho mình, làm sao có lợi cho người khác, cho nên phải thông suốt. Sám hối tội sáng hơn kính nước, khiến mọi người không còn ẩn khuất riêng. Tình sự có tương ưng thì xứng đáng là đệ tử Phật thuận theo giáo pháp. Tại sao dùng luật tông y cứ theo tướng, trái tướng tâm sự đều sai, không giống như ba quả báo của Đại thừa đều cùng một sám hối. Ngoài ra sơ thuật như giới bốn Yết-ma.

**4. Pháp sám hối Ba-dật-đề** chia làm hai:

1. Trước nói về ba mươi pháp xả đọa, sau y cứ theo chín mươi đơn đọa. Phần trước chia làm ba phần. Đó là: pháp Tăng, pháp chung nhiều người và pháp đối thú. Lại trong phần pháp Tăng chia làm bốn phần: 1- Nói về xả tài vật; 2- Nói về xả tâm; 3- Nói về xả tội; – Hoàn y tạp tướng. Trong phần xả tài vật chia làm bốn phần: xác định nên xả hay không. Phần này lại có hai phần: nói chung là xả pháp khác nhau và luận về tính chất tài vật đúng sai. Trong ba mươi giới, lại y

cứ theo tăng phạm. Ni cũng phải sám hối. Tâm trong sạch là ít có. Trong tăng xả đọa có hai phần mình và người: tự xả: như xin tởm làm y phục, chỉ tự tạm thời làm hoại không cần đối cảnh; đối với người khác: đọa tục chia làm hai, hai loại bảo giới nhất định xả cho người thế tục, hai mươi bảy giới còn lại thì xả cho người xuất gia. Thông tục chia làm hai, một giới xin bắt phải ở trụ xứ mình, lại thêm pháp hành bát ở trong Tăng. Nếu làm trái lại thì không thành. Còn hai mươi sáu giới chung tất cả, người đời và tăng khác nhau, mỗi mỗi đều có ý trí chẳng phải bản hoài của người sao chép.

2. Xác định tính chất của tài vật: các vật xả chính là sự việc xảy ra năm ba lần. Ba việc: chứa y dư, lìa y ngủ và buôn bán; xin y thọ y, nghĩa chung cho phạm, không phạm, đều theo tướng. Trong trường hợp phạm chứa y dư. Trước nói về tính chất chứa y dư, sau nói về tướng nhiễm lỗi. Tướng y dư không quá năm loại:

(1) Thuộc y thọ trì nên không cần nói, vì không nói nên chẳng phải là thời hạn chứa y dư. Như ba việc: ba y, tọa cụ và bình bát nhất định phải thọ trì. Tùy theo có vải bịt đầu, những mảnh vải nhỏ đều không thuyết tịnh. Hoặc thọ một trăm lẻ một vật dụng cũng nên thọ trì. Không thọ thì có thuyết hay không thuyết như trong quyển hạ.

(2) Tùy theo một trăm lẻ một vật dụng cung cấp cho thân cũng không cần nói, như mười sáu vật dụng: ủng, giày da, giày cỏ, tất, bình, chén bát, bát chưa quá năm lần vá, v.v... Ni phải thuyết tịnh, tăng đáng được chứa.

(3) Tùy theo vật quan trọng nên không cần thuyết, như tám vật bất tịnh, thế chẳng phải tùy đọa, luật khai cho chứa đầy đủ nên chẳng phải giới hạn của thuyết tịnh. Cho đến những vật lớn như thảm, mền, màn, v.v... y cứ theo trọng thì không cần thuyết tịnh. () Ngoài ra nhập vào xả đọa tức vật bất tịnh không hợp với pháp tịnh, cũng không thuộc về chứa dư, không giống như cách giải thích xưa như nhận y của Ni và mua bán tài vật. Tự tay lấy phạm, lấy quá hạn, lại phạm chứa dư. Nay giải thích không giống như vậy, tài vật không xả hai lần, tội không kết hai lần, phạm một lần thì xả riêng, không giống như luật khác. Luật Tăng-kỳ nói, lìa y mười ngày lại phạm tội chứa dư. Luật Tứ Phần, luận Tát-bà-đa chỉ có một lỗi.

(4) Tuy nhập vào giới hạn chứa dư, nhưng đó là Phật khai duyên. Nghĩa là phụ trách chưa nhập, gởi người khác chưa lấy, đổi chưa lấy, hoặc khi đã lấy mà quyết định xả cho người khác, hoặc vật chung chưa chia, những ví dụ như thế, v.v... là khai cho giới hạn nên cũng không phạm chứa dư. Văn nói về tướng nhiễm như trên đã nói.

Lìa y ngủ tùy theo hai, ba lần là xếp vào phạm lỗi, trong văn chắc chắn biết số lần, chẳng phải chung cho cả ba y.

Mua bán tài vật. Ba việc nên phân chia rõ ràng, tùy theo giới như trên. Đó là như mua bán tài vật, Phật chế cho người thế tục trao đổi tài vật. Người thế tục

lấy y thực, vật dụng, tất cả y bát, bình, chén, giấy, bút, mực... bất luận vật nặng nhẹ, nhiều ít đều có giá trị cao thấp, miệng tự định giá. Tuy không phạm chứa dư, cho đến việc buôn bán trao đổi đều phạm xả đọa. Nếu mua ruộng nhà nuôi người, chứa bàn ghế, giường tòa, chỉ sám hối cát-la, không xếp vào xả đọa. Nếu chứa tài vật, buôn bán tài vật, đổi y vật rất nhiều, nên tùy theo vật để xả riêng. Tội đó trị chung một chỗ, trị tội xong, đến trả y lại, tuy xả y hết hay không hết phạm chứa dư và nhiễm tướng. Còn các cách xả khác nói chung thành xả. Quên nhìn vật của mình có thành xả không? Đó là quên nhiều y để xả thích tướng nhiễm. Nếu xả y rồi, hoặc trả y lại rồi, thuyết tịnh xong, bỗng nhớ là quên vật thì hai pháp xả trước thuyết tịnh đều thành. Những vật sau đó mà quên thì thành xả đọa. Nếu trả lại tài vật chưa thuyết tịnh mà biết quên vật đều là tướng nhiễm.

Nói chung sẽ rơi vào phạm chứa dư xả đọa. Tài vật trước tuy là xin được y trao đổi trả lại, giống như mới được, đúng như pháp thuyết tịnh, chỉ vì chứa dư quên tướng nhiễm nên không được nói tịnh, trở lại phạm chứa dư xả đọa. Nếu nói quên rồi thí cho người khác, như vậy cũng không thành. Vì trước thuộc về mình, sau sợ nhiễm mà xả. Đây chẳng phải là tịnh thí, Đức Phật không chấp nhận. Văn chép: nếu xả rồi sau còn sót lại, các vật quên, hoặc là mua bán, các cách xả khác không có tướng nhiễm. Nói về tướng nhiễm; một tháng mười ngày phải cấp thí, nếu quá ba giới sau tướng thông nhau nhiễm nhau. Vì việc này phiền đến xả tài vật y, trước dự định xả, vật này nhất định thuộc về người khác, của Tam bảo thành xả. Nếu sau lấy lại thì phạm tội trộm nặng, không thuộc về giới này. Nên biết ba tu xả oai nghi. Ba chỗ y vật: chứa khăn trùm đầu, lia y và xả các tạp vật. Nếu y vật nhiều phần, nên mỗi phần đều xả, nay gom tất cả lại. Luận chép: một lần xả thành xả, lại sợ quên vật tướng nhiễm nên phải phân biệt rõ ràng. Đó là chứa dư có nhiễm trước, xả tạp vật thì xả chung. Lia y một thứ nhiễm cũng không được. Vì thế, đời sau trong tăng gom lại một chỗ, Tỳ-kheo phạm tội đập y bày vai phải, khom mình chấp tay cúi đầu, cởi bỏ giày dép, lễ tất cả tăng; rồi quỳ xuống, khom mình chấp tay cúi đầu cầm y.

Chính thức nói lời để xả: Vị Thượng tọa trong tăng không được nhận lời ngay, phải chờ người báo cáo Tỳ-kheo không đến thuyết dục và thanh tịnh, được hòa hợp rồi sau đó mới xả. Vì trong luật nói y xả đọa này nên xả cho tăng, hoặc chúng nhiều người hoặc một người, không được xả riêng chúng. Nếu xả không thành mà đắc tội. Văn tướng như vậy. Gặp việc phân nhiều quên, sau đó xả thừa rằng:

Bạch Đại đức Tăng xin lắng nghe! Con là Tỳ-kheo... cố chứa nhiều đồ vật (nếu ít thì nói số bao nhiêu) chứa y (hoặc tài vật) quá hạn không tịnh thí phạm xả đọa. Cố lia Tăng-già-lê phạm xả đọa (còn những y khác y theo pháp sau không cần nói lại), mua bán được y vật (nhiều bao nhiêu) phạm xả đọa (việc khác tùy theo việc mà nói). Nay tôi xả y vật này cho tăng.

Một là nói tội; hai là nói về xả tâm. Pháp trước nói xả tài chính là lia duyên gây tội. Pháp sau nói về xả tội, trừ quả báo cảm ứng. Nay nói về xả tâm chính là trừ

nguyên nhân của tội. Vì cất chưa hoài không có tâm xả tịnh thí nên phạm tội. Xả rồi còn chất chứa tâm tham càng kết tội. Tội nhân không trừ, tuy sám hối vẫn còn phạm. Đây gọi là tội chứa tài vật xả không giống các tội khác. Nếu theo lý chung, phải dứt sự tích chứa sau làm việc đầu tiên. Cho nên trong văn cho xả cho người khác, người kia không xả chỉ phạm tội nhỏ, chỉ là tội mất pháp. Luật Tứ Phần, một luật tông là Đại thừa, rộng không thông suốt chẳng quan hệ. Cho nên lời nói thành sự việc không dính mắc. Nếu theo bộ khác, thì xả rồi sau không cầu trả lại, tùy tăng xử đoán, hoặc nhập vào cửa thường trụ, hoặc nhập vào cửa bốn phương tăng, hoặc cần tu sửa chỗ nào, hoặc bỏ trên núi dưới sông, tức giống tạm thời làm hoại của luật này, hoặc nhập vào nhà trụ, cúng dường chư tăng, bố thí cho người thế tục. Nên biết, hành giả nếu muốn xả đọa, trước nên xả tâm, nếu tâm không xả, hai tướng sẽ nhiễu loạn. Chỉ người tánh hẹp hòi chẳng phải rộng rãi sâu xa. Nay nếu không xả thì sẽ đến chết xả thân tùy theo nghiệp. Một tý cũng không theo mà không nghĩ đến việc lớn, đến lúc qua đời theo đây mà thọ sinh, sinh rồi cũng phạm lỗi làm luống đời. Nên biết Tăng có khả năng trừ tội, nói gót Chư Phật. Tại sao lấy tài vật phù du, nhọc tâm suy nghĩ. Há chẳng phải lời răn hay sao? Văn thánh nói quá rõ ràng nên biết. Luận Tát-bà-đa chép: y đã xả, tội đã sám hối, tâm cất chứa đã dứt trừ. Ngày nay được tài vật của mình và tài vật ngoài ý mình đều được nhận.

Y đã xả, tội chưa sám hối, tâm chứa đã dứt, nay được bốn tài và ngoại tài phạm Đột-cát-la.

Y xả cho người khác, tội đã sám hối, tâm chứa chưa dứt, ngày nay ngày khác được bốn tài và ngoại tài đều phạm xả đọa. Câu này chính là nói về tâm xả là điều quan trọng, câu khác như đã trình bày rõ ràng.

Nói về pháp xả tội có bảy.

1. Xin sám hối với tăng, người phạm tội ở trong tăng oai nghi như trước chấp tay thưa:

Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe! Tôi là Tỳ-kheo... có chứa nhiều tài vật, không thuyết tịnh phạm xả đọa (nếu quá hạn thì có nói, ngoài ra không quá hạn chỉ đọc lời trên) lia tăng-già-lê mà ngũ phạm xả đọa. Y này đã xả cho tăng. Trong đó mỗi tội đều có tội Ba-dật-đề (chứa y dư nhiều thì tội, không nhớ số lần là bao nhiêu). Nếu nói một, hai cũng nên kể ra nhiều ít. Nếu ba y trước biết số, hoặc mượn y thọ trì, chỉ sám hối tội, còn y không cần xả. Nếu phạm nhiều thì nói phạm xả chứa tài vật đã dùng hoại hết. Mỗi việc phạm căn bản, tội Ba-dật-đề. Không nhớ số hoặc nhớ số tùy theo mà nói, ngoài ra mua bán được tài vật, v.v... dùng hết cũng vậy. Nay đến tăng xin sám hối, xin Tăng cho tôi Tỳ-kheo... được sám hối, xin thương xót tôi (pháp này xuất xứ trong pháp tránh của luật. Văn không đầy đủ, cần phải trình bày đầy đủ). Nói ba lần như vậy rồi, Thượng tọa nói với tăng: Đại chúng nhận sám hối của người ấy.

2. Thỉnh người nhận sám hối, cần phải căn bản là người thế tục trước không phá năm giới, tám giới, sau vào trong Phật pháp không phạm mười giới, đầy đủ giới

trọng. Bốn tụ sau, đã từng y pháp sám hối trong luật, sau đó nhận lời thỉnh của người khác, cho nên cần phải xem xét. Phật dạy: “Người có phạm tội không được nhận sám hối của người, không được giải tội cho người phạm tội, cũng không giống với xưa, dưới cho đến không đồng phạm”. Ở đây vọng dẫn chánh văn của Ngũ Phần. Trong đó khai đại duyên nạn mạng sống, bất luận đồng phạm hay không đồng phạm đều khai. Nay nhân rồi dự vào việc này là phi pháp. Trong luật dạy phải tìm Tỳ-kheo thanh tịnh, nếu không thì chẳng được thuyết giới, sám hối. Chính thức nói về pháp thỉnh, luật tuy không đưa ra sự việc nhưng cần phải lập nghĩa. Người đó phải đến trước người thanh tịnh quỳ gối chấp tay nói rằng: Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ! Tôi là Tỳ-kheo... thỉnh Đại đức làm người nhận sám hối tội Ba-dật-đề. Xin Đại đức vì tôi làm người nhận sám hối tội Ba-dật-đề, xin thương xót tôi. Ba lần thỉnh xong, người nhận sám hối không được trả lời được hay không.

3. Người nhận sám hối đơn bạch hòa tăng, vẫn hòa, đáp rồi người nhận sám hối bạch rằng:

Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... có chứa nhiều tài vật, không thuyết tịnh phạm xả đọa lia Tăng-già-lê mà ngũ phạm xả đọa. Các y vật này đã xả cho tăng. Trong đó, phạm tội Ba-dật-đề chứa dư không nhớ số. Lia Tăng-già-lê phạm một tội Ba-dật-đề, phạm chứa dư, xả tài vật đã dùng hoại hết cũng có tội Ba-dật-đề căn bản, không nhớ số lần. Nay đến chúng Tăng xin sám hối. Nếu tăng phải thời đến, tăng chấp thuận, cho tôi là Tỳ-kheo... nhận sám hối của Tỳ-kheo... tác bạch như thế.

Tác bạch như thế rồi, đến chỗ người sám hối, nếu người lớn hơn mình thưa: Dạ vâng, nếu người nhỏ hơn mình nói: Tôi sẽ nhận sự sám hối thầy.

4. Vì họ nói tội danh chủng tướng phá giới và các thói quen: trước nói tướng trì giới phá giới, sau phân biệt nặng nhẹ, đưa ra pháp sám hối, nên xét trước việc để báo với người phạm. Nếu là người phạm chứa dư nên nói: “pháp của Tỳ-kheo vốn không chứa để. Văn trong kinh Niết-bàn chứng minh không phải là tăng. Nay vì tâm phạm phụ trái với giáo lý Phật thật đáng hổ thẹn. Nếu người là y nên nói: Phật dạy: Ta vì các đệ tử kiết giới, các ông thà chết chứ không trái phạm. Tỳ-kheo chỉ có ba y và bình bát, đi đâu không được lia thân, giống như chim bay không có chỗ nào quyên luyến. Nay khinh mạn chánh pháp của Phật, không chế tùy thân. Người chế còn mặc lễ nào thành con Phật. Nếu người là y này gọi là phá giới, vọng ăn của tín thí thì bát mà mình cầm tức là vật bằng đồng sôi, y mặc là sắt nóng, xuất xứ từ Đại luận há là lời người phạm ư! Cho đến người phá giới và các thói quen khác, phá giới vì y thực cho nên đọa vào đường súc sinh, mỗi người chịu khổ làm côn trùng, chim không lông ăn phân chúng sinh, v.v... tùy theo căn cơ như thế, y cứ nêu ra năm, ba câu, đưa ra sự tai hại cho mọi người rõ. Nhưng lúc phạm tội chứa dư, tâm trí ngu độn, tuy nghe nói khổ cũng không đủ. Người động tâm cũng không cầu răn dạy, cũng không

một nhọc chịu khổ là vì việc đó liên tục. Kế đến vì họ nói tên tội. Danh có ba loại:

1/ Căn bản Ba-dật-đề, đây cũng là sám hối sau cùng;

2/ Từng sinh căn bản ba Đột-cát-la, sám hối căn bản trước;

3/ Từng sinh phú tàng sáu phẩm cát-la, sám hối trước nhất. Sáu phẩm là gì?

1/ Căn bản che giấu cát-la: qua một đêm một phẩm, qua hai đêm một phẩm. Các thói quen khác, mặc dù; im lặng, giả dối mỗi thứ có hai phẩm, chung với hai phẩm trước thành sáu phẩm. Tất cả đều nói theo việc phạm. Nếu không có chín phẩm này cũng không được căn tụng. Phần nhiều thấy người tụng cho nên nói lại. Còn sợ có người tụng biết, lại làm thế nào, sẽ làm thế nào? Nay chính thức bắt đầu sám hối sáu phẩm che giấu. Văn trong luật ở trước không được hợp chung xả đọa mà nên thỉnh một vị Tỳ-kheo. Người phạm hướng về người được thỉnh cũng được nói rằng:

Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ! Tôi là Tỳ-kheo... thỉnh Đại đức làm chủ sám hối tội Đột-cát-la. Xin Đại đức vì tôi làm người nhận sám hối tội Đột-cát-la, xin thương xót tôi, (thỉnh ba lần).

Chính thức sám hối tội, nên nói: Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ! Tôi là Tỳ-kheo... cô chứa nhiều y dư, không thuyết tịnh phạm xả đọa. Là Tăng-già-lê mà ngũ phạm một xả đọa. Tất cả đều không phát lộ, phạm tội Đột-cát-la che giấu qua đêm, lần lượt che giấu theo đêm đều mặc dù, trước phạm xả y Đột-cát-la che giấu qua đêm, tùy theo đêm xoay vòng che giấu. Trải qua tăng thuyết chín chỗ, ba lần hỏi im lặng mắc tội nói dối phạm Đột-cát-la che giấu qua đêm, tùy theo đêm lần lượt che giấu. Sáu phẩm như vậy, mỗi phẩm đều phạm Đột-cát-la. Mỗi việc không nhớ số lần. Nay đến Đại đức xin sám hối, không dám che giấu. Xin Đại đức nhớ cho tôi. Người nhận sám nói: “ông tự trách tâm ông, hãy sinh nhàm chán”. Người phạm đáp: “dạ vâng”.

Kế là sám hối ba tội nhỏ căn bản trước dụng xả đọa, trong luật Thiện Kiến đều kết tên tội. Lúc nói giới im lặng, phạm tội nói dối, Văn cũng giống như vậy. Như trước thỉnh rồi, không cần nói lại, chỉ chính thức sám hối tội gốc nên nói: Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ! Tôi là Tỳ-kheo... cô chứa nhiều tài vật, không thuyết tịnh, phạm nhiều tội Ba-dật-đề, là Tăng-già-lê phạm một tội Ba-dật-đề. Mỗi việc đều che giấu qua đêm phạm tội Đột-cát-la, nhiều ít như trên. Lại trải qua Tăng thuyết giới chín chỗ ba lần hỏi im lặng phạm nói dối tội Đột-cát-la, không nhớ số lần, lại mặc dù y không đúng như pháp, phạm nhiều tội Đột-cát-la; nay đến Đại đức sám hối, xin Đại đức nhớ nghĩ cho tôi.

Người nhận sám hối: “Ông hãy tự trách tâm mình, sinh nhàm chán” người phạm đáp: “Dạ vâng”.

Kế là sám hối ba tội nhỏ căn bản trước dụng xả đọa, trong luật Thiện Kiến đều kết tội danh. Lúc nói giới im lặng, phạm nói dối, Văn cũng giống như vậy. Như trước thỉnh rồi, không cần nói lại, chỉ chính thức sám hối tội gốc cho nên nói:



Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ! Tôi là Tỳ-kheo... cố chứa nhiều tài vật, không thuyết tịnh, phạm nhiều tội Ba-dật-đề. Mỗi việc đều che giấu qua đêm phạm tội Ba-dật-đề. Mỗi việc đều che giấu qua đêm phạm tội Đột-cát-la, nhiều ít như trên. Lại trải qua chín chỗ ba lần hỏi im lặng phạm nói dối tội Đột-cát-la, không nhớ số lần, lại mặc dù y không đúng pháp, phạm nhiều tội Đột-cát-la nay đến Đại đức sám hối, xin Đại đức nhớ cho tôi (nói một lần). Người nhận sám hối quả trách. Người phạm lập thệ như trước. Song pháp sám hối dài dòng rắc rối, người sinh thiện chí rất khó, sợ mệt nhọc tăng chúng, nên thường pháp xả y trước, rồi ở chỗ khác sám hối chín phẩm tiêu tội. Người phạm đến trong tăng chỉ nêu lên tội căn bản, nói chung là phần quan trọng.

#### 5. Chính thức sám hối bốn tội:

Theo pháp nên đến trước người nhận sám hối, oai nghi nghiêm trang nói rằng: Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ, tôi là Tỳ-kheo... Cố chứa nhiều y dư, không thuyết tịnh phạm xả đọa: cố lìa Tăng-già-lê mà ngủ phạm xả đọa. Y vật này đã xả cho tăng, mỗi việc phạm tội Ba-dật-đề căn bản, không nhớ số lần, (nếu không mặc dù y thì từ trước đều không nên dùng). Nay đến Đại đức phát lồ sám hối, không giám che giấu. Sám hối thì an vui, không sám hối thì không an vui. Nhớ phạm nên phát lộ, biết mà không dám che giấu, xin Đại đức nhớ cho tôi thanh tịnh, giới thân đầy đủ, thanh tịnh Bồ tát (nói ba lần)

6. Người nhận sám hối quả trách tự phạt, nên nói rằng: “thầy tự trách tâm mình, nên sinh nhàm chán”.

#### 7. Lập thệ nói: “Vâng”

Đại đoạn bốn môn, hoàn y tạp pháp, ban đầu chọn lựa sự phải trái, năm giới chứa dư trong ba mươi pháp, cần phải dứt trừ sự chất chứa, sau đó được trả lại. Không phải năm giới chứa dư, vốn lấy giữ trai pháp không do lỗi chất chứa, nên vị đương tòa nên trả lại. Nay người hành sự, sợ tâm chứa không đoạn, nên phải qua đêm rồi trả lại. Nay không giống như vậy, chắc chắn không dứt được tâm tham, nhiều ngày cũng phạm. Nếu xả mà đoạn được tâm tham thì ngay ngày đó được trả lại, văn luận như trên. Nay y theo pháp cũ, năm pháp chứa dư: đó là chứa y dư mười ngày, y dư một tháng, chưa bát dư, chứa thuốc quá bảy ngày, chứa y cấp thì quá hạn... Để qua đêm rồi trả lại. Luật chép: nếu chúng đông khó nhóm họp, Tỳ-kheo kia có duyên sự muốn đi xa, thì nên trả lại y cho người kia. Người kia được y rồi, ở chỗ vắng như pháp chia vật nhe của người chết. Thêm rằng: nay tăng đem y này giao cho Tỳ-kheo..., Tỳ-kheo... Nên trả lại cho Tỳ-kheo... tác bạch như thế.

Các lời khác đều giống như pháp trực tiếp giao phó. Luật chép: nên hỏi người kia rằng: y này giao cho ai, người kia cho người nào thì Tỳ-kheo nên cho người ấy. Nếu chẳng phải năm phép chứa dư và năm pháp chứa dư này thì ngày mai mới trả lại. Trực tiếp làm Yết-ma trả lại. Chúng hòa hỏi các duyên, đợi đáp xong, bạch rằng:

– Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... Cố lia tăng-già-lê mà ngũ phạm xả đọa (buôn bán tài vật tùy theo đó mà nêu ra). Các y vật này đã xả cho tăng. Nếu tăng phải thời mà đến, tăng chấp thuận, nay tăng đem y vật này trả lại cho Tỳ-kheo... tác bạch như thế.

– Bạch đại đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo cố lia tăng-già-lê mà ngũ phạm xả đọa. Y này đã xả cho tăng. Nay tăng đem y này trả lại cho Tỳ-kheo. Trưởng lão nào bằng lòng, nay tăng trả y này lại cho Tỳ-kheo... thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên, tăng đã bằng lòng trả lại y cho Tỳ-kheo... Rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc đó nên thực hành như thế. Trong luật nói nếu người không trả y lại phạm Đột-cát-la. Nếu theo bộ khác thì đã giải đầy đủ như trước, lại như các tội hành sự khác nhau của các bộ trong quyền hạ. Hỏi: trước sám hối tội căn bản, sau sám hối tội Đột-cát-la, tội có tiêu trừ không? Đáp: như tội Tăng tàn thì tội không xuất được. Hỏi: bốn người đơn bạch được nhận sám hối hay không? Đáp: trước đã nói về việc này rồi, đến phải năm người trở lên mới được thực hành Yết-ma, nếu bốn người làm thì chỉ được đối thú, như trong quyền thượng. Ngoài ra có các cách xả tài vật, như các thiên riêng đã trình bày, nên không cần nói lại.

Nói về xả trước chúng nhiều người có ba:

Pháp xả đối với bốn người. Xả tài vật trả lại tài vật, giống với pháp tăng ở trước. Xả tâm cũng giống. Cho đến một người lẽ nào cần cất chứa. Nếu nói về xả tội thì có sáu loại. Trước phải xin sám hối, còn đối với Tăng, vì đối biệt nên không có văn bạch, còn các lời khác giống như trên, chỉ đổi đơn bạch thành hỏi người bên cạnh: Thưa các Trưởng lão, nếu Trưởng lão cho tôi nhận sám hối của Tỳ-kheo... thì tôi sẽ nhận. Người kia nói: Vâng. Ngoài ra như San bỏ Yết-ma. Đối với pháp ba người, hai người cũng giống như thế. Đã là hoàn toàn khác nhau, ban đầu xả y thưa: “Thưa các Đại đức một lòng nghĩ!” Sau đó từ trình bày rằng: xả cho các Đại đức. Trong xả tội hỏi người bên cạnh giống như phần trên. Các pháp khác đều giống, hai bộ hoàn y, trước cần phải Yếtma. Mình và người là tăng, sau là pháp riêng của mỗi người, khẩu hòa được trả lại. Pháp đối với một người sám hối, đại lược có thể biết. Xả tài vật, hoàn y chỉ trực tiếp đối với Tỳ-kheo mà thôi. Nếu nói về trừ tội, không có người bên cạnh nên chỉ đủ năm pháp, cẩn thận y như trên, để biết nên không trình bày.

### **5. Nói về pháp sám hối chín mươi đơn đọa:**

Nên tùy theo phạm nhiều ít, bao gồm sám hối chung, riêng, phương pháp giống như trước, sợ hậu sinh chưa biết, lại phát sinh một vị, lại nhờ nói đối làm duyên. Ngoài ra có phạm, tùy theo tên gọi mà ghi vào. Nếu có tội từng sinh thì sám hối như cách sám hối tội căn bản ở trước. Hoặc chín phẩm, sáu phẩm, bốn phẩm, ba phẩm, hai phẩm, theo đó mà biết Có – Không. Như toạ cụ quá lượng, ba y mới, vì đều có mặc dùng, nên trước sám hối đều giống trước đã trình bày.

Pháp chánh thức sám hối: trước thỉnh một vị Tỳ-kheo thanh tịnh đến trước tượng Phật, oai nghi nghiêm trang để thỉnh. Phân biệt ba loại tội danh, tội

chúng, tội tướng. Lại vì họ nói hai tướng trì và phá, khiến họ sợ hãi. Sám hối đầy đủ như trên rồi, sau mới sám hối pháp căn bản, nói rằng: bạch đại đức một lòng nghĩ! Tôi là Tỳ-kheo... Phạm một tội Ba-dật-đề, có nói dối, nay đến tăng xin phát lộ sám hối. Ngoài ra nói như trước. Luật Thiện Kiến chép: “nếu sinh thời chửi mắng người kia. Người kia nhập Niết-bàn, người chửi mắng muốn sám hối, nên đến chỗ Niết-bàn sám hối, sám hối rồi, thì cửa thiên đạo không đóng.

Nói về pháp sám hối tội Đề-xá-ni.

Xưa nói giống với Ba-dật-đề, một thuyết nói thì khác, nay y theo giới luật, tự lập pháp sám hối, không theo lời người nói. Tùy theo tướng của bốn tội, trong văn đã nói đầy đủ. Trước thỉnh một Tỳ-kheo thanh tịnh. Văn chép:

– Nay thỉnh Đại đức làm người nhận sám hối Ba-La-Đề-Đề-XáNi. Ngoài ra văn trước sau giống phần trước. Kế đến vị nhận sám hối phân biệt tội tướng cho họ rõ. Còn chính thức nói xá tội, Văn chép:

– Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ! Tôi là Tỳ-kheo... Không bệnh, theo Tỳ-kheo-ni không bà con, tự tay lấy thức ăn để ăn. Bạch Đại đức con phạm pháp đáng quở trách: việc không nên làm, nay đến Đại đức xin sám hối tội (nói một lần).

Người nhận sám hối quở trách xong, người phạm lập thế nguyện. Pháp sám hối của luật Tăng-kỳ chép: các từ khác rất giống Tứ Phần.

Người nhận sám hối hỏi: thầy có thấy tội không? Người phạm đáp: Dạ thấy.

– Cần thận chớ phạm lại

– Tôi sẽ đem cung kính thọ trì.

### **5. Pháp sám hối tội Đột-cát-la:**

Nghi thức sám hối của thiên này có nhiều khác nhau. Trước đưa ra phép tắc sau lập điều lệ. Tội Đột-cát-la, theo trong văn luật có hai loại khác nhau.

1. Cố làm, cố phạm phải sám hối Đột-cát-la, lại phạm phi oai nghi Đột-cát-la.

2. Nếu không cố làm phạm Đột-cát-la phi oai nghi, cũng không chia làm hai pháp sám hối. Nếu theo luận Ma – di nói, người cố làm đối với người khác một lần nói sám hối. Người vô tình làm thì sám hối trách tâm, luận Minh Liễu, luận Tát-bà-đa cũng như thế. Đó là hai cách sám hối rõ ràng thông suốt tự hiển bày. Gần đây các thầy truyền nhau theo cách giải thích xưa, theo văn cần tụng đồng đều nói là trách tâm. Lại dẫn văn luật, tội nhỏ không sám hối với người khác. Văn này chưa rõ, cần phải luận giải về nó, nên luật nói hai pháp cố làm và vô ý làm. Các luận nói về hai cách sám hối khác nhau. Theo chánh lý tự rõ, không nên cố chấp. Lời nói con người dễ hủy hoại thánh giáo, luận thì khó mà trái phạm. Nay lập luận luật hai loại sám pháp. Trước đưa ra tội chúng, sau nói về nghi thức sám hối.

– Nói về tội các thiên che giấu

Do biết nên che giấu, chẳng phải nghi không biết thì không thành che giấu. Tâm dơ uế đã nặng nề, lẽ nào gọi là vô ý, kể đến nói về phương tiện của các thiên. Như giới dâm, phát tâm dục khởi mà chưa đông, phương tiện cho đến tội cát-la. Khi phát tâm dục khiến thân mặc ba y không ngay ngắn v.v... Bất luận nặng nhẹ, đều phải đối với người khác sám hối. Vì cố phát ra tâm dục bất thiện làm động thân, miệng của mình thuộc về cố làm. Hoặc đọc đầu cát-la, như một trăm pháp chúng học. Hậu sinh không theo các thiên, các loại rất nhiều, đều có hai loại phạm cố ý và vô ý, cũng như hai phép sám trước.

Hỏi: nếu phương tiện thiên thứ nhất phạm trọng Đột-cát-la, phương tiện thiên sau phạm khinh Đột-cát-la, vì sao đều trách tâm. Nói một lần với người khác để sám hối.

Đáp: Tội danh tự nó giống nhau, nghiệp theo tâm khởi. Nặng thì sám hối nặng, nhẹ thì tự nhẹ: cùng tự ở một thiên. Nên sám hối cát-la không có thứ lớp như quyền đầu đã nói qua. Lại chép: tội bao gồm sáu tụ dùng chung cho cả hơn kém. Tâm theo sau cạn, nghiệp sẽ nặng nhẹ, lý phải sám hối riêng, nghĩa chỉ được chấp nhận.

Kế là nói về pháp sám hối.

– Đối với cố ý làm chia làm hai:

Trước sám hối Đột-cát-la, như trong pháp xả, không được dùng cùng tên Đột-cát-la, cùng sám hối với tội căn bản. Văn luật chia thành sáu tụ, không thể gán ép.

Kế là sám hối tội căn bản, lại theo phương tiện của giới dâm, ngoài ra giống như thường lệ. Trước thỉnh một người nhận sám hối, lời thưa như trong pháp xả đọa. Ba lần thỉnh rồi, người nhận sám hối vì họ nói tội danh tội tướng, ba lần xong chính thức xả tội. Văn chép: Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ! Tôi là Tỳ-kheo... Phạm Đột-cát-la phương tiện xa đưa đến giới dâm, không nhớ số lần, nay đến Đại đức phát lộ sám hối, xin đại đức nhớ cho con, một lần nói ngừng ngay. Các lời khác giống như trên. Văn này, luật Tứ Phần không có, nay theo hai pháp sám hối Ba-dật-đề, nhiều ít có khác nhau. Tội Đột-cát-la rất nhỏ, không thể nói rộng như pháp đọa, không giống luật tăng-kỳ gộp chung cả tội đọa.

Nói về vô ý làm: trước nêu ra tướng của nó, cho rằng tâm không chánh niệm, gặp duyên khởi lên làm sai trái. Bên ngoài sửa đổi oai nghi, lý cần phải sửa đổi sám hối. Như mặc ba y phải xoay nhìn xem ngay ngắn mới ra đường. Các tướng phi pháp như: cười giỡn, nói dối, v.v... Đều do trước không nhiếp niệm, nên khởi lên lỗi lầm. Luật chép: Đức Phật chế nhiếp từ uy nghi, Tỳ-kheo hoặc vào hoặc ra: co duỗi; cúi ngược. Nhiếp giữ y bát, hoặc uống hoặc ăn, hoặc thuôn men đại tiểu tiện lợi, hoặc ngủ, hoặc ngủ say, hoặc tỉnh giấc, hoặc đến, hoặc đi, hoặc ngồi, hoặc nằm, hoặc nói, hoặc nín, thường phải chú tâm. Nếu trái với điều

chế này thì kết phạm. Kế là nói về tác pháp: trước sám hối tội tùng sinh, sau nói về tội căn bản. Người phạm oai nghi phải trang nghiêm đến trước điện Phật cung kính quỳ xuống chấp tay nói rằng: “Tôi là Tỳ-kheo... Phạm tội Đột-cát-la vô ý mặc Uất-đa-la-tăng không ngay ngắn, không nhớ số lần, nay xin phát lồ sám hối, không dám tái phạm (nói một lần). Ngoài ra đều y cứ theo đây. “Biết tội phát lồ đến chỗ một Tỳ-kheo thanh tịnh oai nghiêm trang chỉnh thưa rằng: bạch Đại đức như cho tôi là Tỳ-kheo... Phạm tội... Nay đến Đại đức xin phát lồ, sau sẽ đúng như pháp mà sám hối” (nói ba lần). Đây là phạm lỗi, đừng để đến minh tướng xuất hiện. Thực hành được pháp này, nếu đã che giấu, sau tùy theo ngày phát lộ, tức tội không che giấu. Tuy nói rồi, sau lại che giấu, lại thành che giấu, phải nên phát lồ tội. Nếu người phạm Tăng tàn minh tướng chưa xuất hiện, liền đối thú phát lồ thì khỏi phạm tội Đột-cát-la, không thành che giấu. Ngoài ra năm tụ khác đều khỏi sám hối Đột-cát-la. Pháp nghi tội phát lồ, các phần khác giống như trên. Nên nói rằng: “Thưa đại đức nhớ nghĩ cho, tôi là con Tỳ-kheo... Đối với phạm... sinh nghi, nay đến Đại đức phát lồ, sau lúc không còn nghi sẽ sám hối đúng như pháp. Đại luận chép: Giới luật tuy vi tế nhưng sám hối thì thanh tịnh. Phạm mười thiện giới, tuy sám hối nhưng tội ba đường ác không khỏi. Như Tỳ-kheo giết súc sinh, tội báo vẫn còn. Trước đã đưa ra đây đủ, sợ kinh giới cho rằng sám hối rồi không còn nghiệp. Ngoài ra như hành pháp đã nói. Luật Thiện Kiến chép: đối với người lớn, sám hối gọi là Đại đức, đối với người nhỏ, sám hối thưa Trưởng lão.

Luật Tứ Phần nói: đối với Thượng tọa sám hối phải đầy đủ năm phép, đối với người nhỏ sám hối chỉ đủ bốn. Pháp, vén ý bày vai, cởi bỏ giày dép, gối phải sát đất, hai tay để xuống chân Thượng tọa (nói ba lần) như pháp hồi quá và đứng như pháp giới dục thanh tịnh, thọ tuệ, xuất tội v.v... oai nghi cũng như vậy. Có bốn hạng người thường phạm tội, thường sám hối:

- (1) Người không biết hổ thẹn;
- (2) Người khinh giới;
- (3) Người không sợ hãi;
- (4) Người ngu si; Trong sao nói; quyền này là giới thể của chánh tông, năm chúng đều nên mở quyền này xem nhiều lần.

Sự ý chưa tận, mong người cao siêu, kẻ thấp hèn vạch ra chỗ sâu kín.

**Tứ phần luật sao phiền bổ khuyết Hành sự sao (quyển trung) hết.**

---o0o---

**QUYỂN HẠ**

**PHẦN 1**

**THIÊN THỨ 17: SỰ CHUNG VÀ RIÊNG CỦA HAI Y**

Hình tướng trên đời này phải nhớ oai nghi, để che đậy những thứ dơ bẩn xấu xa không gì hơn y phục. Nếu thọ dùng có phép tắc thì không sinh lỗi lầm, nhất định được nhận lãnh. Còn nếu trái với cách thức thì tự rơi vào tội lỗi. Cho nên trước nói về phép chế, cho phép sau theo môn mà giải thích. Chế là thế nào? Nghĩa là một trăm lẻ một y áo, tài vật, tùy theo quả báo khai cho, nghịch thuận không có lỗi, cung cứu giúp người thiếu thốn.

Loại thứ nhất chia làm ba: đó là ba y, toạ cụ, đũa lượt nước.

Trong phần sau chia làm bốn: đó là một trăm lẻ một vật, y chưa dư, y phân tảo, y người thế tục cùng đường, y người chết, y của năm chúng tốt xấu, v.v...

Ở đây giải thích sơ chế: trước nói về ba y, chia làm hai phần:

– **Nói về pháp của y sau đó nhiếp pháp y.**

Trong phần này chia làm bốn phần:

1. Y chế giải thích trên, công dụng.
2. Cách thức may y.
3. Thêm pháp thọ trì.
4. Đưa ra nhiều chọn lựa.

Nói về ý chế: Luận Tát-Bà-Đa chép: vì muốn xuất hiện pháp vị tăng hữu, nên tất cả chín mươi sáu phái ngoại đạo không có ba tên này, để khác với ngoại đạo, Luận Phân Biệt Công Đức nói, vì ba thời nên chế ba y. Mùa đông thì mặc y dày, mùa hạ thì mặc y mỏng, mùa xuân mặc y vừa. Vì các loại côn trùng, nên luận Đại Trí Độ chép: đệ tử Phật ở Trung đạo nên mặc ba y. Ngoại đạo lõa hình không biết hổ thẹn, người tại gia tham nhiều về ăn mặc. Luật Thập Tụng, vì để khác với ngoại đạo, nên dùng dao cắt rọc để may y, đó mới biết là y của người hổ thẹn, Tạp A-hàm chép: người tu bốn tâm vô lượng đều cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y xuất gia tu hành. Theo đây mà gọi thì từ bi là pháp phục. Kinh Hoa Nghiêm chép: người mặc ca-sa xa lìa ba độc... Luật Tứ Phần chép: Nếu người con nhiều kiết sử không xứng đáng mặc cà-sa.

Luận Tát-bà-đa, chế ba y có năm ý.

- Một y không thể chống được lạnh, ba y ngăn được lạnh.
- Không thể có hổ thẹn.
- Không thể vào xóm làng.

Cho đến đi đường không sinh điều tốt đẹp.

Vì oai nghi không thanh tịnh.

Cho nên chế cho chứa ba y, đầy đủ như nghĩa trên.

Luận Tăng-kỳ chép: ba y là ngọn cờ tiêu biểu cho hiền thánh, Sa-môn. Bất là vật dùng của người xuất gia, chẳng phải việc làm của người thế tục. Nên chấp trì ba

y bình bát tức là ít muốn, ít việc, v.v... Các tông và bộ khác phần nhiều nói vì thời tiết lạnh nên chế ba y. Luật Tứ Phần chép: các Đức Phật ba đời đều mặc y như thế.

Kế là giải thích tên gọi: kính Tăng Nhất A-hàm chép: y Như lai mặc gọi là ca-sa, thức ăn gọi là pháp thực (y ca-sa này theo màu sắc mà gọi tên. Văn sau đây nói về nhuộm màu ca-sa, vị có vị ca-sa, nếu y cứ theo sự phiên dịch của Trung quốc, thì gọi chung là ngoạ cụ, tức là ngoạ cụ trong ba mươi vật, ba y gọi chung, như trong văn. Luật Tứ Phần chép: cho phép dùng dao cắt may thành. Y Sa-môn không bị kẻ thù cướp lấy. Nên mặc an-đà-hội trong thân, mặc uất-đa-la-tăng, tăng-già-lê vào xóm làng. Nhưng ba tên này các bộ không có phiên âm chính thức. Nay lấy nghĩa để dịch. Kinh Tuệ Thượng Bồ-tát nói năm điều là y mặc trong, bảy điều gọi là thượng y, đại y gọi là y khi chúng nhóm họp. Nghĩa dịch nhiều loại, đại y gọi là y tạp toái, vì số điều nhiều. Nếu theo cách dùng gọi là y vào cung vua, xóm làng. Bảy điều gọi là y giá trị trung bình, theo cách dùng gọi là y nhập chúng. Năm điều gọi là y hạ, theo cách dùng gọi là y đi lại trong chùa, làm nhiều việc. Nếu theo số điều thì gọi là y mười chín điều, mười bảy điều, cho đến chín điều, năm điều... Trong luật không gọi y năm điều, bảy điều, chín điều, nếu theo tướng chung cũng có Tăng-già-lê bằng lụa thì tùy theo sức mình có mà làm. Theo cách dùng chia làm ba, phần lớn đều theo tông thế.

Nói về công dụng: kinh Đại Bi chép: chỉ khiến cho tánh là Sa-môn làm nhiệm ô hạnh sa-môn. Thân là Sa-môn mặc ca-sa, từ ở chỗ Phật Di-lặc cho đến chỗ Phật Lô-chí, được nhập Niết-bàn vô dư. Kinh Bi Hoa chép: Như lai ở chỗ Phật Bảo Tạng phát nguyện, lúc tội thành Phật ca-sa của tăng có năm công đức:

1. Vào trong pháp của ta, nếu bốn chúng phạm tội trong, tà kiến, v. v... Ở trong một niệm tâm cung kính tôn trọng, chắc chắn được thọ ký ở trong ba thừa.
2. Trời, rồng, người, quỷ thần nếu cung kính người mặc ca-sa này một chút, liền được bắt thoi trong ba thừa.
3. Nếu có quỷ thần và mọi người được ca-sa cho đến bốn tấc thì ăn uống no đủ.
4. Nếu chung sinh chống trái nhau, nghĩ đến thân lực của ca-sa, thì liên sinh lòng từ.
5. Nếu ở trong binh trận được một chút phần ca-sa này, cung kính tôn trọng, thường được thắng người khác.

Nếu ca sa của ta không có năm công đức này thì sẽ khinh thường Chư Phật trong mười phương. Luật Tăng-kỳ chép: Tăng, ni có giới đức, người thế tục tìm mảnh ca sa bị rách của họ để trừ tai ương, nên cho họ một ít.

Về pháp may y: có tám môn khác nhau.

1. *Cầu tài vật đúng như pháp*: nghĩa là chẳng phải do bốn tà, năm tà, khởi tâm vì lợi, mua bán mà được thì không thành, luật chép: không vì tà mạng mà được, khuyên khích được, tướng đặc pháp y xả đọa, không được may, v.v...

2. *Tính chất cầu tài vật đúng như phép*: cần phải dày, nặng, bền chắc. Nếu chất nhẹ mỏng như gấm vóc, lụa là, v.v... đều là vật phi pháp. Luật chép: y có thêm văn vẽ không được thọ từ. Luật Tăng-kỳ, tất cả y bằng lụa là, lông tóc, vỏ cây, cỏ, da đều không được thọ trì, Ngũ Bách Vấn chép: lụa sống không được may y, chắc chắn không vì thân mình thì được, vì làm thành đúng như pháp. Luật Tăng-kỳ, rỗng mặc ca-sa được thoát nạn chim cánh vàng ăn thịt. Nếu không thuận với giáo pháp thì ca-sa không có sức trùng khắp.

3. *Sắc đúng như pháp*: luật Tứ Phần chép: các y nhuộm màu như trên không được chứa, nên làm hoại thành màu ca sa (ở đây nói: nhuộm không phải bằng sắc chính, có phiên âm đúng). Nếu làm y ngũ nạp, được sắc hoại như trên thì cắt may ngũ nạp cũng được. Kinh Niết-bàn chép: cho phép thọ y phục bằng da, vỏ cây, v.v... Tuy cho chứa các thứ y nhưng phải là y hoại sắc. Luật thập tụng chép: tất cả y một màu như xanh, vàng, đỏ, trắng, đen không được mặc, trừ nạp y, giới bốn nói ba màu chính không thành thọ. May ba y rồi được may y dư, mặc nó phải điểm tịnh ba chấm, dùng màu đỏ tím, tất cả y nhuộm màu xanh đen, mộc lam thì được thọ. Nếu hoàn toàn màu xanh, xanh nhạt, xanh biếc... Phải điểm tịnh, được dùng làm y, nếu y không hoàn toàn màu trắng, đỏ, vàng mà nhiều màu thì cũng được thọ. Nếu dùng màu không đúng như pháp nhuộm, rồi lại dùng màu đúng như pháp nhuộm thì được thọ trì. Ca-sa: đời Tần dịch là nhuộm, như kiết ái, v.v... cũng gọi là nhuộm, chân tửu sắc, tô phương địa, hoàng nại, hoàng hoa, hoàng sắc đều là phi pháp.

Luật Tăng-kỳ chép: uất-kim đỏ tươi nhuộm hồng, lam nhuộm đen, xanh nhuộm vàng đều không cho dùng. Cho phép dùng củ, lá, hoa, vỏ cây, dưới cho đến nước cự ma... Giới bốn chỉ nói màu xanh đen, mộc lan, văn sau nói rõ thêm pháp nhuộm. Xanh nghĩa là xanh đồng, đen nghĩa là bùn dơ, v.v... Mộc lan nghĩa là nước của các loại quả v.v... (người dịch luật này, phương Bắc là pháp nhuộm mộc lan, luật Tăng-kỳ dịch tại đất Ngô nên không thấy) tôi ở đất Thục đích thân thấy vỏ cây mộc lan màu đỏ đen sáng đẹp, có thể làm chất để nhuộm, nó cũng có ít mùi thơm nên người tăng dùng làm hương như luật Thiện Kiến đã nói. Trong kinh luật để lại có năm sắc màu, ở đây chẳng chép đúng. Người không biết nên dùng nó, luật Tứ Phần chép: hoặc xanh, hoặc đen, hoặc mộc lan, trong mỗi sắc tùy ý mà hoại. Luật Thiện Kiến chép: Thiện lai Tỳ-kheo bình bát mang bên vai trái, ca-sa màu xanh sắc đỏ tươi đẹp. (theo màu sắc của mộc lan này). Nếu thấy Tỳ-kheo mặc y năm màu chính, người cớ trí tuệ nên nói: đây là Tỳ-kheo làm giặc bị mất y (theo đây màu đỏ không dùng chung). Theo luật, luận và kinh đều nói không được dùng y một màu, phải làm cho hoại màu chính. Không hoại thì không thành thọ trì. Mỗi lần mặc mỗi lần phạm tội, như trong tùy tướng tư lương đúng sai. Luật Tứ Phần chép: An-đà hội dài bốn khuỷu tay, rộng hai khuỷu tay. Uất-Đa-La-Tăng dài ba khuỷu tay rộng ba khuỷu tay. Tăng-già lê cũng vậy, nhưng ở đây y hạ thành quá nhỏ hẹp nên dung văn chung. Luật nói ăn biết vừa đủ, mặc vừa kín thân, chỉ cần đủ mà thôi. Theo đây không định lượng, tùy thời mà thêm bớt. Tuy như vậy cũng nên y theo phép tắc này.



Cho nên trong Thập Tụng, Tăng-kỳ, mỗi bộ lập ba phẩm. Nay theo luận Tát-bà-đa, trong ba y, y vừa dài năm khuỷu tay, rộng ba khuỷu tay, y nhỏ nhất dài bốn khuỷu tay rộng hai khuỷu tay rưỡi, đều như pháp. Y hoặc hơn, hoặc kém cũng thành thọ trì, vì có thể cắt may tiếp theo. Nếu cắt hơn kém thì không thành thọ trì. Vì không thể cắt làm thêm được. Nếu y quá lượng nên thuyết tịnh, không thuyết tịnh phạm xả đọa. (thuyết tịnh trước, thọ sau, ngoài pháp y được chứa) luật Ngũ Phần, số lượng khuỷu tay dài ngắn không nhất định. Phật cho tùy theo thân thể mà phân lượng không bắt buộc phải theo khuỷu tay, số nhiều ít của y năm điều chỉ có số lẻ như trong số sao. Luật Tứ Phần chép: từ chín điều cho đến mười chín điều, năm điều mười bức... Luật Thập Tụng chép: hoặc năm điều, bảy điều, chín điều, mười một điều, hoặc mười lăm điều, hoặc hơn nên cắt thành miếng để may. Luận Tát-bà-đa chép: y Tăng-già-lê ba phẩm: chín điều, mười một điều, mười ba điều gọi là phẩm trung; mười lăm điều, mười bảy điều, mười chín điều gọi là phẩm trung; hai mươi một điều, hai mươi ba điều, hai mươi lăm điều là phẩm thượng. Luật Tứ Phần, cho phép đến mười chín điều, nếu quá không được chứa. Thời nay có y ba mươi ba điều, v.v... Không có sự chế khai của chánh giáo, Thành tích ghi rằng: Như lai mặc đại y mười ba điều. Luận Đại Trí Độ chép: đó là y Tăng-già-lê bằng vải thô, theo đây lấy đó làm tiêu chuẩn, tùy theo sức mình mà may số dài ngắn của sáu bờ đê. Văn luật Tứ Phần không rõ, y năm điều bảy điều mình định đây đủ lượng dài ngắn, đại y cũng y theo đây. Luận Tát-bà-đa chép: đại y hai dài một ngắn, trung y ba dài một ngắn, thượng y bốn dài một ngắn, gọi là may đúng như pháp. Nếu thêm bớt lẫn nhau thành thọ thì mặc dù phạm tội, cho nên phải cắt rọc ra. Luật tứ phần chép; y này không bị oán tặc cướp lấy. Luật Thập Tụng nói, y này khác với y ngoại đạo. Trong luật nói y Sa-môn gồm ba thứ thấp hèn: một là dao thấp hèn (để cắt hoại); hai là mâu thấp hèn (không phải mâu chính); ba là thể thấp hèn (đó là y phần tảo, y người đời bỏ đi) y Sa-môn bảy lớp tùy theo số nhiều ít, luật Tứ Phần giống với luật chép: không được mặc y quá mỏng, đại y hai lớp, hai y còn lại một lớp, đây y bốn lớp, y bảy điều, năm điều, v.v... hai lớp. Luận Tát-bà-đa chép: nếu đại y mới thì ba lớp, gồm một lớp mới hai lớp cũ, ngoài ra như luật Thập Tụng. Cho nên luật kia chép: may đại y phần tảo tùy ý được may nhiều. Luận Tát-bà-đa chép: may lại ba y nếu có nhân duyên, lấy phần mình mang đến chỗ khác, gọi là ngủ không lìa y. Nếu người chết trước nói cho người trong nội giới này, sau nói nên cho người nuôi bệnh vì vốn là một y cùng thọ trì. Luật sư nói: lời nói sau là đúng.

**Về cách may y:** Theo luật Tứ Phần thì đại y, y bảy điều phải cắt rọc, y năm điều được xen. Luật Tăng-kỳ, nếu may y người khác giúp đỡ sợ một ngày không thành, nên may gấp cho xong để thọ trì, sau đó may lại tỉ mỉ hơn. Trong A-hàm chép: Đức Phật tự tay may ba y cho ngài A-na-luật Tứ Phần nói, Tỳ-kheo-ni may y tăng-già-lê năm ngày không xong thì phạm tội đọa, Tỳ-kheo phạm cát-la, Tát-bà-đa nói có nhân duyên được một tấm vải chỉ may ba y thì không phạm chứa dư. Nếu thiếu một y tấm vải chỉ may ba y thì không phạm chứa dư. Nếu

thiếu một y ngoài năm khuỷu tay, hoặc thiếu hai y ngoài mười khuỷu tay, có chứa thì nên thuyết tịnh, luật Tứ Phần nói được may y dài rộng đầy đủ, nếu lọc cắt để may y bị thiếu thì cho, điệp thêm vào để may. Cùng được y cắt rọc thành y ngũ nạp. Luật Ngũ Phần nói, nếu nhuộm man y thành năm điều, lại may y từng miếng (thời nay may thêm nhiều mảnh). Hoặc thêm từng miếng để may y (Tứ Phần khai cho hạ y được đắp thêm. Nếu dùng nửa miếng trên nửa miếng dưới để may y, tất cả phạm đột-cát-la. Nếu dùng chỉ nhiều màu may y, may điều bằng vải của xứ khác. Đây là pháp ngoại đạo, phạm thâm-lan-giá. Ngài A-nan vâng lời Phật dạy, nói cách may cho các Tỳ-kheo. May điều trái hướng về hai trái, điều phải theo bên phải, điều giữa hướng về hai phía. Nếu được vải không đủ, cho đến may một dài một ngắn. Nếu còn thiếu cho phép thêm các miếng để may, đến vẫn không đủ thì cho phép may man y An-đa-hội thành y. Vì theo đây vốn là ky thiếu, nên sau đưa ra để may thành y. Pháp thọ chính thức theo hai phẩm, lẽ ra phải dùng theo loại. Luật Tăng-kỳ nói, không được vẽ thành miếng, may giáp đầu nút. Nên cắt rọc thành mảnh, rộng nhất bốn ngón tay, hẹp nhất như hạt lúa mạch. Không được dùng mảnh ngang bằng nhau... Nên may y như răng ngựa, phía dưới y bị hư nên viền xung quanh và phải may lại. Lúc gấp phân biệt như trước tác tịnh, đơm nút rồi thọ trì. Luật Thập Tụng nói Phật dạy Tỳ-kheo thực hành pháp làm móc, trước cách viền bốn ngón tay, sau cách viền tám ngón tay, nên làm như vậy. Y cứ theo đây lấy trên vai trái làm thường lấy góc vải của y làm phúc, xuất xứ từ trong luật Tỳ-nại-da. Luật Thập Tụng lại chép: may lại điều Phật cho phép, chứa dùng đúng như pháp. Không được may thẳng vì đó là y của thế gian. Vì muốn khác với y thế tục, lại ngăn ngừa ngoại đạo nên phải may lại. Nếu may thẳng, y quá chủ mạng nên trích vật này cho tặng và cho người nuôi bệnh. Luật Tứ Phần chép: ba y phải may chông thêm bốn góc, luật Thập Tụng cũng nói như vậy. Luật Tứ Phần nói, kéo góc làm móc cho ngay ngắn rồi may chông lên. Lại nói: nên làm móc trên vai, may chông lên ngăn chỗ dơ uế. Luật Thập Tụng, Tỳ-kheo mặc y phản tảo, vì Phật chế Tỳ-kheo không được mặc y cắt rọc vào xóm làng, các Tỳ-kheo liền may chông thêm, làm móc may viền xung quanh. Phật dạy: phải cắt rọc, trên đặt móc thành rồi thọ trì. Luật Thập Tụng, vẫn nói khai cho, mặc, vào xóm làng.

Về pháp thọ y, trong đó chia làm hai phần: đối thú và tâm niệm. Trong phần đầu, luật Tứ Phần chỉ nói ba y phải thọ trì. Nếu nghi thì xả rồi thọ lại. Có mà không thọ phạm Đột-cát-la, nhưng không có văn nói. Xưa, có người theo pháp của luật Tăng-kỳ, người đó giữ gìn y khác với luật Tứ Phần (Tăng-kỳ nói chung là qua qua đêm, Tứ Phần chỉ đối với minh tướng). Nay theo Thập Tụng (vì thọ từ giống nhau), nếu trong đại y chánh có mười tám phẩm, từng có sáu phẩm. Y bảy điều chánh có hai phẩm, từng có mười hai phẩm. Y năm điều chánh có ba phẩm, từng có hai mươi một phẩm, nói chung ba y có bảy mươi hai loại. Man y chung ba chỗ hợp thành một. Còn lại như trong số sao. Nay trước nói pháp thọ, nên thọ an-đa-hội trước. Y này chánh có ba phẩm, nghĩa là cắt rọc xen thêm mảnh, chông thêm mảnh. Gia pháp nói: Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ! Tôi là

Tỳ-kheo... Xin thọ y An-đà-hội năm điều này một dài một ngắn cắt rọc may thành y thọ trì, cũng nói trì y may xen mảnh (nên may chông thêm làm cho tướng bên ngoài giống như cắt rọc, may một bên khai một bên nói) trì y may chông thêm, ngoài ra giống với Thập Tụng (nếu hai bên đều may thì chỉ giống man y) nếu nói về từng thì dùng đại y mười tám phẩm, y bảy điều hai phẩm...)

– Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ! Tôi là Tỳ-kheo... xin thọ y An-đà-hội hai mươi lăm điều, bốn bức dài, một bức ngắn cắt rọc may thành y (may chông thêm y theo giống như vậy cho đến bảy điều hai phẩm...)

Nếu mạn y (trên nói từng là nói theo An-đà-hội, nếu Uất-đa-latăng, Tăng-già-lê đều y theo đây mà cải cách. Man y đổi gọi là biệt (riêng), nay y cứ theo đại y). Luật Thập Tụng chép: Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ! Tôi là Tỳ-kheo xin thọ trì man y Tăng-già-lê này (hai y còn lại khác đây mà thay đổi). Nếu y từng thì nói: Bạch đại đức một lòng nhớ nghĩ! Tôi là Tỳ-kheo... xin thọ trì. (may chông thêm mảnh theo đây mà thay đổi, nếu y trung phụ từng, thì theo pháp trước mà thay đổi). Nếu y thượng thì nói: xin thọ Tăng-già-lê bao nhiêu điều này, dài bao nhiêu, ngắn bao nhiêu cắt rọc may thành y thọ trì (may chông thêm theo đây, vì thông chín phẩm điều, bờ đê khác nhau. Tùy theo y mà thay đổi nên không nhất định, không giống hai y trung-hạ thiếu tướng để nói hơn.) Phần trên nói về thọ ba y đã xong. Luật chế đều nên nói ba lần. Luật kia nói: trước lúc thọ giới nên dạy thừa rằng: tôi là Tỳ-kheo... y tăng-già-lê bao nhiêu điều này xin thọ, hoặc cắt rọc, hoặc chưa cắt rọc, là y thọ trì (nói ba lần) cho đến An-đà-hội cũng vậy. (Ở đây y chưa cắt rọc là man y. Nếu hoàn toàn chưa cắt rọc, lẽ nào tương lai được vào thọ giới). Luận Tát-bà-đa chép: năm màu chính không được thọ. Vì thế tăng thích mặc ca-sa màu trắng... là phi pháp. Trình bày như thế nhưng phần nhiều có năm màu: đen, xanh, đỏ, vàng; phần nhiều không có màu trắng, nói đúng như trên thì không thành. Ngày nay vì kẻ phạm tình thọ trì một cách khó nhọc, cho nên một đời không có áo che thân, khi chết lại trách bậc thánh, vì sao không lo rơi vào đường ác, thật đáng thương thay!

**Kế là nói về pháp xả:** (y cứ theo luật Tăng-kỳ, luật Tứ Phần không có văn này).

– Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ! Tôi là Tỳ-kheo... Tăng-già-lê này là tính vào ba y của tôi, trước thọ trì nay xả, hai y còn lại cũng giống như vậy, cùng lúc thọ cùng lúc xả phạm tội việt tỳ-ni. Nếu Tỳ-kheo-ni thọ hai y khác, luật Thập Tụng chép:

– Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ! Tôi là Tỳ-kheo-ni... Xin thọ y Quyết-tu-la này (nói ba lần) (so sánh với nước Kỳ-chi thì khác nhau) y này là y che vai dài bốn khuỷu tay, rộng hai khuỷu tay rưỡi, xin thọ trì y che vai này (nói ba lần) (nay thì thay đổi tướng y dài không giống bốn pháp, chỉ nói làm đúng như pháp, không nói lượng khuỷu tay may thành). Luật Tăng-kỳ chép: nên may y che vai, gọi là y Phú kiên. Lo may phạm tội Việt-tỳ-ni, y Tăng-kỳ-chi phạm Ba-dật-đề. Tăng-kỳ-chi của Tỳ-kheo-ni dài bốn gang tay, rộng hai gang tay Phật. Nếu hơn thua qua lại cũng phạm Ba-dật-đề. Năm y của Tỳ-kheo-ni: y che vai, y tấm và

ba y (theo bộ này thì khác nhau, luật Tứ Phần cho phép may y che vai và quần nhỏ.

### ***Về pháp tâm niệm,***

Theo luật Ngũ Phần, Tỳ-kheo ở riêng trong ba y cần có sự thay đổi, nhưng phải đầy đủ nghi thức. Tỳ-kheo tay cầm y tâm nghĩ miệng nói: “Tôi là Tỳ-kheo v.v... Tăng-già-lê này bao nhiêu điều, nay xin xả (nói bà lần), sau đó thọ y tốt, cũng oai nghi như trước, nói rằng: tôi là Tỳ-kheo... Xin thọ y Tăng-già-lê bao nhiêu điều này, hai y còn lại cũng y cứ theo đây. Tập liệu giản chia làm ba phần.

Luật Thập Tụng chép: xưa, Tỳ-kheo lìa y ngủ chỉ sám hối tội đọa, không được xả y. Luật Ngũ Phần nói, các Tỳ-kheo trước không xả mà thọ trì y, lại thọ y khác thành thọ. Ba y trước thuyết tịnh cũng được, nếu cố ý không xả phạm Đột-cát-la. Luật Thiện Kiến, Tỳ-kheo muốn thay ba y, không có người để thừa thì tay cầm y tự nói tên của các y là thành; nếu không cầm, không nói thì không thành. Các y thọ trì tuy bị rách, lủng lỗ cũng không mất thọ trì. Nếu hai y trên chiều rộng rách bằng tám ngón tay, chiều dài rách nhỏ như móng tay thì mất y thọ trì. Có áo cũ rách ngang thì không mất y thọ trì. Y An-Đà-Hội chiều rộng rách bằng bốn ngón tay, chiều dài rách bằng một gang tay không mất thọ trì, còn các chỗ khác rách thì mất y thọ trì, khi vá xong thành y thọ trì. Luật Thiện Kiến chép: nếu người từ y bị giặc cướp, hoặc mất, hoặc thôi tu, làm sa-di, hoặc xả, hoặc lìa y mà ngủ đều gọi là mất y thọ trì, (bị rách thì mất y thọ trì như trên). Trong luật Tứ Phần, hoặc mất, hoặc tưởng dường bị đoạn, hoặc nạn duyên, v.v. . Điều mất y thọ trì, gồm có bốn cương giới ngại, nhiễm, chác, tình; mất, không mất, phạm không phạm, đều như tùy tướng và số sao! Luận Tát-bà-đa nói, ba y tuy không thọ trì qua ngày không phạm tội lìa y. Nhưng có hai tội hoại oai nghi và thiếu y (khác với luật Thiện Kiến). Nếu đã thuyết tịnh, nay may ba y tức mất thuyết tịnh. Lại nữa, xả y này rồi lại thọ y khác, y trước thuyết tịnh không phạm chứa dư.

***Nói về may vá và nhuộm y:*** luật Thập Tụng chép: lấy vật nhỏ gắn để vào y, nếu có chằm lại thì không cần thuyết tịnh, điềm tịnh. Nếu may thẳng, từng đoạn phải nói. Không nói mỗi đoạn phạm hai tội. Tỳ-ni Mẫu chép: nếu y dư chưa đủ mười ngày, chưa tác pháp tình thí. Khâu rồi tác tịnh, đang may các mảnh khâu rồi được chứa. Nếu khâu chưa tát tịnh, may rồi tác tịnh. Đây là y hòa hợp tịnh, chung hai pháp tác tịnh (trong văn may y theo trước lúc khâu). Luật Thiện Kiến nói, nếu y gần hư hoại nhưng chưa rách, hoặc một điều, hai điều; trước lấy vải vá vào, sau cắt lại như cũ thì không mất y thọ trì. Chỗ sau lưng của ca sa gần rách, nên đối qua hai bên, trước khâu chung với nhau rồi may, sau đó lấy ra. Rồi khâu viên lại, không mất y thọ trì (luận Tát-Bà Đa nói, viên bị đứt liền mất y thọ trì). Ca-sa nếu quá giảm hoặc nhỏ lấy vải thêm vào đều không mất y thọ trì. Nếu nhuộm tăng thêm màu sắc. Hoặc màu sắc mất đi đều không mất y thọ trì. Luật Ngũ Phần nói, nếu y bị rách cho phép may và sửa lại, dùng chỉ đột để khâu, cũng được may thẳng(luật Thập Tụng không cho may, việc cần thiết chỉ khâu

một mũi) trong luật Tứ Phần ba y hư hoại cho phép may vá, may lại viền bên, tùy theo lỗ lớn, nhỏ, vuông, tròn mà vá. Không được lỗ lớn dùng vải nhỏ vá, làm cho nhỏ lại. Phải lỗ nhỏ rộng bằng hai ngón tay thì vá miếng vải lớn, nên cuộn lại hoặc trương ra để sửa lại. Luật cho phép y hư nên mau vá lại, giống với Luật Thiện Kiến. Luận Tát-bà-đa nói bất luận lỗ lớn hoặc nhỏ, nếu viền không đứt thì không mất y thọ trì. Ở đây nói chung cả hai loại (lỗ nhỏ, lỗ lớn đều dùng không tổn hại). Luật Tứ Phần nói: may y sợ cong lấy đất sét đỏ vạch lên vải để may Luật Thập Tụng chép: y phúc thường phải sạch sẽ đúng như pháp, nếu không người sẽ bị và phi nhân chê trách.

**Cần nhắc về việc thọ dụng:** luật Thập Tụng nói, Tỳ-kheo giữ gìn ba y như giữ da thịt mình, bình bát như trông mắt. Mặc đại y không được khiêng đá, cây, đất, cỏ. Phải quét đất sạch sẽ rồi trải ngọa cụ, tọa cụ, v.v... Không được bước chân lên tọa cụ, không được chỉ mặc áo lót. Nếu Tỳ-kheo vào xóm không được kéo y lê thê. Tỳ-kheo đi phương xa phải vắt y trên vai, gần xóm có ao nước, vũng nước nên lấy nước rửa tay chân, nếu không có thì lấy cỏ cây phủ bụi, sau đó mặc y rồi vào xóm. Nếu gặp xe, ngựa chạy qua, nên đứng trên gió để tránh bụi. Nếu gặp đường có bùn, gai góc ngăn chặn, không được khoét vào lau chùi. Vào cửa nhỏ Tỳ-kheo phải nghiêng mình, đi xuống chỗ thấp phải cong mình lại. Vì cách sám hối tội nặng, trong kinh Trị Thiên Bệnh nói: Tỳ-kheo phạm tội, cởi Tăng-già-lê mặc an-đà hội, làm việc nặng nhọc phục vụ chư tăng, cho đến quét dọn chùa tháp, làm vệ sinh. Trải qua tám trăm ngày mới thôi. Rồi Tỳ-kheo mặc tình đến tháp chùa lạy Phật, v.v... Chẳng có gì luyến tiếc, giống như chim bay không để lại dấu vết, nếu không mặc ba y mà vào làng xóm, chỗ của người thế tục thì phạm tội. Luật Tăng-kỳ cũng chép: Tỳ-kheo phải thường mang theo ba y, bình bát bên mình. Trái lại, ra khỏi giới kết tội, trừ bệnh. Tỳ-kheo phải cung kính ba y như chùa tháp. Luật Ngũ Phần nói, Tỳ-kheo phải giữ gìn ba y như da mỏng trên thân mình, thường mang theo mình như hai cánh của con chim, đi đâu cũng ở bên mình; Luật Tứ Phần nói, Tỳ-kheo đi đâu phải biết thời, không biết thời không đi, đi đến chỗ nào y bát phải mang theo bên mình. Giống như chim bay cánh luôn bên mình. Các bộ đều chế y bát phải theo thân. Ngày nay chỉ giữ tội lìa y ngủ, không đúng với giáo pháp. Luận Minh Liễu nói, Tỳ-kheo thọ y công đức mặc một y cởi một y, vào xóm làng được giữ một y. Trong phần về pháp y của luật Tứ Phần có năm duyên giữ lại Tăng-già-lê.

1. Giữ Tăng-già-lê, nếu có sợ hãi và nghi có sợ hãi.
2. Nếu mưa hoặc nghi sẽ mưa.
3. Tăng-già-lê đang may.
4. Tăng-già-lê đang giặt nhuộm.
5. Nếu y Tăng-già-lê cắt quá kỹ thì cho cắt mà vào xóm, nói chung Tỳ-kheo vào xóm thì phải mặc y cắt rọc.

Luật Thập tụng nói, nếu y bá nạp bị hư mốc, thì Tỳ-kheo nên mặc y cắt rọc vào xóm, luật Tăng-kỳ cho phép Tỳ-kheo mượn đại y đến nhà thế tục. Bộ Ngũ Bách Vấn chép: không được mặc đại y vào xóm, chỉ khoác trên vai mà đi cũng không phạm. Luật Tăng-kỳ nói, nếu mặc và cởi ba y, thì phải nắm giữ y để gần thân mình, sau đó mới cởi hoặc mặc. Tỳ-kheo không được cởi y ở trong vườn, mặc một nội y vào xóm, từ xóm đi ra rồi nên lấy y trong vườn gần chỗ mình, giặt cho sạch rồi vào xóm, mặc y thường dung xong, rồi mặc y trong vườn. (đây là nói về y Tăng-già-lê).

**Pháp mặc nội y:** Tỳ-kheo không được cởi y trong vườn, mặc y vào xóm, rồi mới tìm y trong vườn, cởi y trong vườn, mặc y vào xóm cũng vậy. Tỳ-kheo cũng không được mặc nội y vào xóm, sau đó khoác nội y ra khỏi xóm. Tỳ-kheo nên mặc một bên, ra một bên. Không mặc nội y thì không được phanh ra. Vì gió thổi y rơi xuống, Đức Phật chế Tỳ-kheo mặc y vào xóm cần phải móc và cột ngang eo mới đi, nếu không khâu vá, không có đồ ghim, dưới cho đến tay phải cầm y, nếu Tỳ-kheo mặc y không có móc thì hễ vào nhà thế tục liền phạm Việt-tỳ-ni, phải sám hối tâm mình. Nếu có mà Tỳ-kheo không mặc, vào nhà thế tục phạm tội Việt-tỳ-ni. Lúc mặc y phải mặc qua vai, móc ở hai góc bằng nhau. Lúc tay trái cầm y, không được trong tay đưa múi góc ra bằng tai dề. Luật Ngũ Phần cũng cho phép Tỳ-kheo xếp bốn lớp đại y để gói đầu. Văn nhiều chỗ trong Trung A-hàm chép: Tỳ-kheo gói đại y, đắp y bảy điều; trong luận Bà-sa cũng vậy. Kinh Tam oai nghi, Tỳ-kheo không mặc Nê-hoàn-tăng, không được mặc Tăng- Kỳ- Chi; các lớp như thế cho đến mặc Tăng-già-lê sau cùng. (nên biết mặc thứ lớp trên dưới của ba y). Luật Ngũ Phần chép: Tỳ-kheo mặc y trái vào xóm, người đời thầy không vui, trách rằng: Tỳ-kheo mặc như vậy, chẳng khóc gì y không cắt rọc. Thế tôn biết được quả trách rồi kết tội. Nếu ra vào xóm làng, y và móc bằng cỏ cây sợ hư hoại, hoặc gió mưa bụi bặm làm đỏ các mảnh vải, hoặc nắng gắt làm y phai màu, hoặc chim làm dơ cho phép mặc ngược y lại vào xóm để giữ gìn y. Nếu dưới y bị hư hoại cho phép đảo ngược mà mặc. Viên trên dưới, móc và dây lưng, lúc mưa không nên mặc ngược. Luật Tứ Phần, Tỳ-kheo mặc y trái cũng giống như vậy. Kinh Xá-lợi-phất Văn, ban đầu cho phép để hở một bên, cho rằng chấp sự cung kính, sau cho phép mặc y qua vai vì biết thị tướng ruộng phước. Trong luật, Tỳ-kheo đến trước Phật hoặc bậc Thượng tọa mới để hở một bên. Trong kinh, nếu Tỳ-kheo mặc y trùm hai vai, trong năm trăm đời đọa vào địa ngục mặc áo giáp sắt. Bộ Tam Thiên Oai Nghi, nếu chỗ không có chùa tháp, không có Tỳ-kheo tăng, lại có nhiều trộm cướp, vua không kính mến Phật pháp; cho phép đến nước đó không mặc ba y. Không được mình ngồi chỗ cao, ba y để chỗ thấp, theo quyết định 398 của hai bộ luật và luận, thì Tỳ-kheo mặc đại y vào xóm, gặp sư tăng, Thượng tọa và các người khác không được lễ bái. (vì cung kính tôn trọng nên trình bày ý này). Bộ Tam Thiên oai nghi chép: Tỳ-kheo mặc ba y không được hướng về tháp Phật, bậc Thượng tọa và ba thầy (thầy Bôn sư, thầy Yết-ma và thầy giáo thọ, cũng không được xoay lưng lại; không được miệng ngậm thức ăn và hai tay cầm cái gì đó. Luật chép: không

được thông ba y ở góc trước. Chú: không được xếp ở trên vai, gọi là vôi voi) trong bộ Ngũ Bách Vấn chép: lúc không có y trung, được mặc đại y lên giảng và lễ bái: Nếu tiểu y sạch sẽ không sát thân thì không có y bảy điều, năm điều cũng được nhập chúng, thọ thực, lễ bái... (theo đây thì đi giữa đường gặp tháp, nếu mặc hạ y không được làm lễ, Tỳ-kheo không mặc ba y thọ thực phạm tội đọa; mượn ba y của người khác mặc không được ra ngoài giới qua đêm, ở trong giới thì không giới hạn số ngày. Luật Thập Tụng cũng chép: Tỳ-kheo không mặc ca sa thọ thực phạm tội; không nói là ba y. Luật Ngũ Phần nói, Tỳ-kheo được y mới, nếu Tỳ-kheo có đức mặc tạm thì Tỳ-kheo kia được phước. Luật Tăng-kỳ nói, Tỳ-kheo xin được miếng vải nhỏ cho người thể tục tiêu trừ tai ương. Tập A-hàm, Phật bảo lấy uất-đa-la-tăng cho bà-tứ-sát-nữ mặc, kinh Hiền Ngu nói, sư tử cung kính người mặc ca sa nên thành Phật.

**Nói về tác pháp giới nhiếp y:** Trong đó giới nhiếp y tự nhiên có mười lăm loại khác nhau như trong tùy tướng, ở đây chỉ nói thêm phần Yết-ma, nói chung nghĩa như sau, khác với số. Nay trình bày sơ lược về nó. Tất cả đại giới gồm có ba loại. Nếu giới phần lớn không có chùa chỉ có nhà ở, ở đó nên kiết giới. Nghĩa là trong phần ngoài tăng viên được giữ y, trong giới phía bên ngoài không tránh khỏi mất y. hai giới và tăng-già-lê v.v... Và giới nhỏ trong già-lam, hai giới này không cần kiết giới. Khi kết giới xong trong phần ngoài viên ngược lại thành mất y. Các nhà lập pháp khác nhau. Có người lập pháp không co thôn kết giới. Nay hiểu rằng, bất luận có thôn hay không có thôn đều nên kiết giới. Vì kiết giới trừ được các chướng ngại. Nếu có thôn, gần không kiết, kiết xa, (vì sau đó cách thôn tùy theo khoảng cách mà để y). Nếu không có thôn, kết gần trừ kiết xa (sau này có thôn lo được để y, nếu thôn khác xa thì được để y). Vì trước đã thành kiết. Chính do nhiệm ngại, tinh ngại, cách ngại, giới ngại nên mất y; không phải do có thôn hay không có thôn, vì thế khiến cho cương giới của y có thêm bớt. Đây là định nghĩa. Nói về văn trong các luật Ngũ Phần v.v... Tùy theo sự tình mà suy xét, trong luật Tát-bà-đa nói, sở dĩ trừ thôn vì có năm nghĩa:

1. Thôn xóm không nhất định, cương giới của y thì nhất định.
  2. Vì trừ sự phỉ báng, trừ sự tranh cãi, giữ gìn giới có thôn trụ, sau nhân vì co duyên sự mới nói trừ thôn, thêm phép.
- Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe! Trú xứ này cùng một trụ xứ, cùng một thuyết giới; nay tăng kiết giới không mất y trừ thôn và ngoài thôn. Trưởng lão nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng, trú xứ này cùng một trụ xứ, cùng một thuyết giới, kiết giới không mất y trừ thôn và ngoài thôn rồi. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc này nên hành trì như thế.

### **Pháp giải cương giới của y.**

Luật chép: nên giải giới y trước, sau giải đại giới. Luật Thập Tụng nói, giải đại giới trước thì y cũng mất.

Văn chép:

– Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe! Trú xứ này cùng một trụ xứ cùng một thuyết giới, nếu tăng phải thời mà đến, tăng thuận cho, nay tăng giải giới không mất y, tác bạch như thế.

– Bạch đại đức tăng xin lắng nghe! Trú xứ này cùng một trụ xứ, cùng một thuyết giới, giải giới không mất y. Trưởng lão nào bằng lòng, tăng cùng một trụ xứ, cùng một thuyết giới, giải giới không mất y thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên (Yết-ma). Tăng đã bằng lòng cùng một trụ xứ, cùng một thuyết giới, giải giới không mất y rồi, tăng đã bằng lòng, việc đó cứ hành trì như thế.

### ***Nói về toạ cụ:***

Luật Tứ Phần nói, vì thân, vì y, vì ngọa cụ nên chế ra ngọa cụ, dài hai gang tay Phật, (sát-cách-phản: nghĩa là rộng bằng ngón tay cái và ngón tay giữa, chữ này hợp với pháp. Chữ túc bên chữ cách cũng là chữ cách. Si-cách phản: nghĩa là bước một bước là kiệt, hai bước là bộ. Hai nghĩa này khác nhau) rộng một gang rưỡi tay Phật. Dài rộng tăng thêm nửa gang tay. Các bộ nói về gang tay không nhất định. Nay theo Ngũ Phần, một gang tay Phật dài hai thước (thước Trung quốc), theo đời Đường một thước hơn sáu tấc bảy phân. Dùng hai tấc này làm gang tay theo thước Cơ Chu. Vấn đề này chung cả âm dương, các nước thường y cứ theo không thay đổi (tức đời Đường nói là thước, dùng một thước hai tấc làm thước). Nhưng tùy theo phong tục mà kích thước không nhất định. (điều này đúng là đời Đường nước Trung quốc dùng thước năm, sáu loại khác nhau). Luận Minh liễu chép: người thường cao tám thước, Đức Phật cao gấp đôi là một trượng sáu thước (dẫn chứng nhiều để biết thước lớn nhỏ) luật Thập Tụng chép: ngọa cụ mới hai lớp, ngọa cụ cũ bốn lớp. Già luận cũng đồng. Luật Tăng-kỳ chép: không được dùng, vải da cũ làm toạ cụ. Toạ cụ nên làm hai lớp. Nếu khâm-bạt-la thì một lớp, kiếp bồi hai lớp. Không được gấp hai đầu, xếp gấp lại, ngâm nước, muốn đến khi khô rồi sẽ dài rộng ra. Nếu như vậy được ngọa cụ phạm tội đọa, dùng phạm việt-tỳ-ni. Tỳ-nại-da chép: toạ cụ mới, cũ phải viền xung quanh để làm hoại màu sắc của nó. Nếu may toạ cụ nên viền xung quanh. Luật Ngũ Phần nói, nên may chõng thêm bốn góc, không chõng thêm cũng được. Luật Tứ Phần chép: nếu may dưới hạn lượng quy định, may chõng hai lớp cũng được (nghĩa là hai lớp là đúng, sợ quá lượng nên cho chõng lên). Luật Thập Tụng, không được thọ toạ cụ một lớp, lia toạ cũ ngũ phạm Đột-cát-la, bộ Ma-đắc-là-già chép: Tỳ-kheo lia ngọa cụ mà ngũ không phạm xả đọa, vì không phải do Phật chế: nhưng cũng không nên lia ngọa cụ mà ngũ. Luật Tăng-kỳ chép: tăng cho hai lớp, ba lớp may chõng lên nhau, bớt hay quá đều phạm Ba-dật-đề. Các luật thêm là do duyên ngoài. Luật Tứ Phần, trong luật nói bảy trăm vị Tỳ-kheo kiết tập được chứa toạ cụ không cắt. (pháp có đúng sai nên khéo chọn mà thực hành) y cứ theo tướng càng nhiều sợi thì không cắt rọc không phạm. Toạ cụ quá lượng không cắt rọc mà chứa, lẽ ra cùng không tội. (việc này



do Bát-Xà-Tử tùy tiện làm mười việc làm đoạn tăng côi Diêm-phù-đề) điều đó nên bỏ từ lâu. Nay khắp nơi trung hưng thì dùng phép sai lầm của Bạt-xà-tử. Luật Thập Tụng nói, may toạ cụ không chòng nhiều lớp xung quanh là Tịnh. Già luận nói hai đầu của toạ cụ không dính liền phạm tội đọa. (thời nay thường xét theo văn tăng thêm, thì dài năm thước v.v... đều phạm tội Ba-dật-đề). Đúng như pháp: là y theo lượng ba đầu mà cắt rọc may viền xung quanh. Nếu lúc ngồi đầu gối chấm đất thì theo lượng tăng thêm, may một đầu một bên liền với toạ cụ nhỏ. Đây là chánh văn của định giáo. (không y theo pháp này, trọn đời không có được chỗ ngồi đúng như pháp) luận Tát-bà-đa, lúc Phật còn tại thế, Tỳ-kheo thường ngồi thiền nhiều nên làm ngoạ cụ nhỏ. Về sau khai cho may thêm các góc, may theo một bên duy nhất.

Còn thêm một cách thủ, khiến cho Tỳ-kheo nằm trên ngoạ cụ của chư tăng. (nay thì có giới bốn ghi). Nhất cách là luật Thập Tụng, vì Tứ Phần là thác dụng. Nếu y theo luật thì hễ dài sáu thước rộng ba thước (đo theo thước Tàu) ngoạ cụ của tăng phải dài tám thước Tàu, rộng bốn thước Tàu). Luật Tứ Phần nói: toạ cụ và pháp (nếu muốn chuẩn dụng cũng phải nuôi dưỡng nó, không thành thọ thì cũng phải nói tịnh).

Tăng-kỳ toạ cụ: đây là y áo, toạ cụ đem theo: không được tịnh thí và lấy cỏ, củi đầy cụ-ma, Hán dịch là ngư thi (cút trâu). Chỉ được trải ngồi.

Luật Thiện Kiến chép: nên thọ trì không nên tịnh thí vẫn không ngoài văn này. Nghĩa Gia nói: Đại đức một lòng nhớ nghĩ! Tôi là Tỳ-kheo... ni-sư-đàn này là vừa cỡ. Xin được thọ trì (ba lần) dùng pháp ấy rất giống pháp bình bát. Đúng theo lệ, thêm pháp giữ gìn. Văn đồng pháp thọ, phần sau đôi là: nay xả bỏ. Tăng-kỳ thì được trải ra ngoài. Ở trên đường đi thì được gấp làm hai rồi xếp đôi lại nữa mặc áo, bỏ vào túi đeo lên vai phải hoặc vắt lên vai. Nếu để ở chỗ ngồi thì phải trải ra để ngồi. Nếu để ở bốn xứ thì nên cất vào trong, sau từ từ mở trải ra mà ngồi. Hễ ngồi, thì theo đúng pháp nên trước đè xuống rồi sau đó mới ngồi.

Trong kinh Hiền Ngu ghi: Ngài Xá-lợi-phất vắt ni-sư-đàn (toạ cụ) lên vai phải, vào trong chúng hàng phục tà đạo.

Trong Tỳ-nại-da, văn dài dòng: vắt lên vai vào núi ngồi thiền, nay ở để trên cánh tay trái, nhập định là phí pháp.

**Về pháp đẩy lượt nước:** Vật tuy nhỏ nhẹ nhưng có tác dụng rất lớn. Người xuất gia từ bi cứu độ chúng sinh chắc chắn là ý từ đây. Nay trên phẩm hạnh cao còn uống nước có côn trùng, huống gì chẳng những mất mát, lòng sao không nói được! Cho nên trong luật vì xem trọng sinh mạng côn trùng nên thiên chế uống dùng hai giới. Vì việc thường hiện còn và có tác dụng nên đa số phải dùng đẩy lượt nước. Còn những điều khác thì giống như trong giới tướng. Nay vì luận bày sáng tỏ theo ý Phật.

Luật Tát-bà-đa nói: Muốn làm trụ xứ, trước nên xem trong nước có trùng hay không? Nếu có thì nên đào giếng khác, nếu đào giếng khác mà vẫn có trùng thì nên bỏ đi.

Pháp sử dụng nước: phải sạch sẽ giống như pháp lượt nước. Đổ nước vào chậu, đủ cho một ngày dùng, lấy một tấm vải mịn dài khoảng một khuỷu tay làm túi lượt nước đưa cho người trì giới xem xét. Lượt xong nên đổ nước vào bồn sạch, đưa ra mặt trời nhìn cho thật kỹ, nếu có trùng thì thực hành như trước đã nói.

Trong Luật Tăng-kỳ ghi: côn trùng lớn, nhỏ lượt nước phải may ba lớp, nếu lọc qua mà vẫn còn côn trùng thì liền đến giếng nhìn thật kỹ xem. Nếu trong giếng có nhiều côn trùng thì nên bỏ đi.

Luật Tứ Phần nói may cái túi lọc nước giống như hình dáng cái thìa, hoặc có ba góc như cái quách lớn. Nếu làm bình đựng nước lượt mà lo các côn trùng nhỏ nhít bò ra thì cho phép đặt vào trong túi cát, khi lượt xong thì để lại trong nước.

Chẳng được không có dây lượt nước mà đi nửa do-tuần, nếu không có dây lượt nước, thì dùng góc y Tăng-già-lê (chính xác là phải giấu trong cái dây vì dơ sạch đều nhuộm nhau). Trong nước này, phần nhiều đều dùng lụa để làm. Tôi đích thân lấy lọc rồi. Bên trong bình có màu đen, có rất nhiều côn trùng nhỏ nhít giống như nước cặn.

Kinh Niết-bàn chép: bụi chăng? Côn trùng chăng? Hán dịch là Tín. Về sau dùng lụa trắng dày làm túi lọc nước mới hết. Nên hiểu rõ điều này. Nay không cần dụng công phu người cố chấp nói là luật học chỉ ở các dây lượt nước. Nhưng họ không thương tổn sinh mạng chúng sinh. Kẻ hại đạo thì không cất giữ đất lượt nước. Cho dù có giữ cũng không dùng, dù có dùng nhưng khi lọc qua không lật ngược túi lại. Tuy có lộn túi ra nhưng vẫn làm tổn thương sinh mạng chúng sinh. Còn giới sát sinh, vẫn không thể vâng giữ, ngoài ra suy nghĩ kiến mạng thường mất trong đó.

**Nói về thính môn** chia làm bốn phần:

1. Một trăm lẻ một các vật dư.
2. Y phân tảo.
3. Đàn-việt thí.
4. Vật của người qua đời.

Trong phần đầu chia làm hai là:

– Một trăm lẻ một thứ giúp thân, khiến cho thọ trì.

– Vật dư và những thứ khác nói: là thanh tịnh giữ gìn. Ban đầu trong luận Tát-bà-đa nói trong một năm lẻ một vật, mỗi người được gìn giữ. ngoài một trăm lẻ một vật đó tất cả đều là vật dư. Nó giống như vật báu được đưa vào số một trăm lẻ một vật. Cho nên không cần phải nói là thanh tịnh. Ngoài ra, tất cả các vật

dụng và chẳng phải vật dụng đều là một. Ngoài những vật này ra đều phải tác tịnh (nghĩa là cho người thế tục).

Luật Tăng-kỳ chép: Đệ tử ta mặc ba y phục là đủ chống lại cái giá rét, nếu người không chịu lạnh nổi cứ mặc thêm các áo rách vào.

Luật Ngũ Phần chép: ba y, (áo lót), (áo khoác ngoài), (áo tắm mưa), (áo che ghè), y trái chỗ kinh hành, y che rậm trên vách, (có thể là bốn góc thả xuống bốn bên của giường, mỗi góc dài một thước Tàu, bên trong đặt ngọa cụ), quần, vớ, mũ, nón, khăn lau mình, khăn lau tay, khăn lau mặt, túi đựng kim chỉ, túi đựng bình bát, túi đựng giày dép. Những y như thế thì giống như y đều phải thọ trì. Văn dưới cho phép giữ ba cây kim.

Luật Thập Tụng luật thì như pháp được dùng y. Tăng-kỳ chỉ gọi nê-hoàn-tăng là tên của Y Ba-lợi-ca-la (nói đủ là y giúp thân) vì sao phải nói: màu kia là Y Ba-lợi-ca-la? nên tôi được dùng. (phải năm chúng mà thọ, nghĩa là nên đúng như pháp mà nói). Trong luật Thiện Kiến nói, ba y, y tắm mưa, ni sư đàn-việt đều phải thọ trì: nếu không đúng cách thì thuyết tịnh thí, tuy mặc vào mà bị rách thì chẳng được không nhận, phải nói danh tự của nó. Khăn tay phải giữ hai cái. Tạt y thì mang theo bao nhiêu tùy mình, còn những y khác tuy được nhận nhưng mỗi thứ chỉ giữ một cái, không được hơn.

Luật Thập Tụng nói có bảy loại y không được làm tịnh thí: ba y, tọa cụ, áo tắm mưa, áo che ghè là sáu thứ. Thứ bảy là một trăm lẻ một vật cần dùng.

Luật Tát-bà-đa nói: trong một trăm lẻ một vật thì ba y, bình bát cần phải thọ trì. Nếu nhận từ bên ngoài thì được mà không cũng chẳng có lỗi. Tăng-chi thì phải giữ gìn, bảo vệ không quá hai y. Đồng thời phải giữ Nê-hoàn-tăng, Tăng-kiệt-chi-phú-la và mang nó theo bên mình để lúc sử dụng. Mỗi người được sử dụng một y. Tất cả những vật từ bên ngoài đều là tài vật dư. Ngoài trừ tiền và lúa gạo, đậu mè. Tất cả y dư thì giống như pháp của Đại tăng, nghĩa là trong mười ngày phải may xong. Tuy bỏ làm cát-la hồi nên khác. Kê là pháp chứa y dư. Có hai sơ minh trưởng tướng: Sau khai là thuyết tịnh. Trong đây, Tỳ-nại-da chép: y dư là vì may một ngày xong. Cách thức trong Tăng-kỳ-chi (Đây là âm phạm của Trung quốc, dịch là Thượng hiệp hạ quảng y). Luật Tứ Phần nói phải mặc Tăng-kỳ-chi khi đi vào xóm. Nếu may dây đai vào thì được y Thượng hiệp hạ quảng, nên dùng làm Tăng-kỳ-chi.

Luật Thập Tụng nói vì đi vào xóm để bày hông ngực nên phải mặc Tăng-kỳ-chi. Vì gió thổi bay rớt y nên phải buộc dây đai, người không mặc thì phạm Đột-cát-la.

Luật Ngũ Phần nói: không mặc Tăng-kỳ-chi khi đi vào xóm, phạm Đột-cát-la. Luật Tăng-kỳ chép: Tăng-kỳ-chi là cái áo che vai dài bốn khuỷu tay, rộng hai khuỷu tay. Như thế mà thọ trì. Đúng theo chiều dài của y này đủ che vai (Ngày nay người mặc thì giống như trong luật trên hẹp dưới rộng. Đây là ở đời Hậu

Ngụy có thầy sửa lại cách may) còn viết số giải thích thật rõ. Pháp tăng trong kinh Niết-bàn (đây nói là áo lót).

Luật Tăng-kỳ chép: Phật ở trước chùa Tăng mặc nội y (áo lót trong) để dạy chúng Tỳ-kheo, do đó chế giới.

Luật Thập Tụng chép: Lúc làm nên mặc tiểu Nê-hoàn-tăng. Tam Thiên nói: pháp của Nê-hoàn-tăng:

1. Không đem dưới mặc lên trên.
2. Làm cho bốn góc bằng nhau.
3. Gấp đầu mới lại gần mặt trái.
4. Thắt dây đai mặt phải.
5. Phải quấn ba vòng, không thả hai đầu thòng xuống. Những pháp khác giống như kia.

Ngũ Bách Vấn chép: trời lạnh quá thì mặc dài đến gót chân. Luật Tứ Phần nói không được mặc ngược nếp gấp vì nhà người tại gia thấy rõ phải may dây buộc đeo vào. Không được lấy vải màu gôm trắng để may, nên may màu ca-sa rộng ba ngón tay quấn quanh lưng ba vòng. Nếu may xong phải hai, ba, bốn điều. Nếu may bị lộn, cái ngắn thì nối thêm. Nếu nhỏ nhất mau rách thì làm nửa vòng thân (đây gọi là lấy y quấn quanh thân rồi dùng dây đai buộc gọn lại) (Ngày nay, tăng của nước Ngô Thục phần nhiều mặc quần).

Luật Thập Tụng, Ngũ Phần chép: lúc may y nên may từ sau qua đường giữa. Nếp gấp mặc ở phía trước, pháp mặc y dưới hạ y), bên trái che phần trên, hai bên, hai nếp gấp, phải gấp làm hai ở mặt sau.

Luật Thập Tụng chép: Nê-hoàn-tăng bị rách thì phải khéo sửa lại thành câu-tu-la. Nếu Tỳ-kheo có thân thể mềm mại thì lau phần dưới bị rách, cho phép hở năm tấc được thọ dùng. (đây gần giống như cái quần tròn trong thân).

Luật Ngũ Phần có nói về việc mặc y câu-tu-la. Người thế tục chê bai rằng: “khác gì chúng tôi mặc áo dây chui đầu”, nên luật không cho mặc. Y An-đà-hội hư cũ thì cho phép vá lại để dùng tạm (đây là loại quần người nữ mặc). Thời nay mặc Dẫn-tụ-bác mới là quần, các quần áo cánh, áo chằng hề là chánh văn đáng y cứ.

Luật Thập Tụng chép: y có năm màu chính, nhất thiết mao y, thiên tụ y, phúc y, nhất thiết điệp y, nhất thiết quán đầu y, lưỡng tụ y, nhất thiết Nang y, nhất thiết sam khó quần bạch y, y phục đều không được mặc. Nếu mặc thì phạm Đột-cát-la.

Luật Tứ Phần chép: không được mặc áo cánh quần đùi mà đi. Áo đặng thủ, áo cỏ, áo da, mũ da, áo lông chim, áo lông trâu ngựa, các thứ áo như thế đều không được mặc. Người ngu cầm lại còn làm việc khác. Từ nay trở đi tất cả các thứ áo

của người tại gia và ngoại đạo đều không được mặc. Nếu mặc thì đúng như pháp trị.

Trung A-hàm ghi: Tăng nói tất cả y phục, thức ăn đồ uống, giường tháp, vườn rừng, người dân cúng cho thì được cất giữ. Cái không được cất giữ thì không nhất định. Nếu nói cái được cất giữ, nếu ngược lại với điều ta nói thì không được cất giữ.

Luật Tứ Phần thì khai cho chúng tăng được cất chứa nhiều loại y áo. Nếu có Tỳ-kheo nào cần thì cho họ mượn mặc. Nếu chỗ ở đó bị hư hoại thì dời đi chỗ khác, còn trở về chỗ cũ thì phải y theo sự sắp xếp cũ. Nếu mặc tăng y thì phải yêu chuộng, giữ gìn nó, đừng để dính bụi bặm, không được mặc sần y, làm xong thì tắm giặt.

Luật Tứ Phần do đó khai cho Tỳ-kheo được mặc y của đàn-việt cúng, vì thế vua Bình-sa đem dâng cúng cái quý giá ông đang mặc và tắm thơm quý giá ông đang dùng. Phật cho phép rộng ba khuỷu tay, dài năm khuỷu tay lông dài ba ngón tay, phải tịnh thí rời mới được, cất giữ. Nếu tắm thơm lông rộng dài quá thì không được. Nếu áo quá quý giá, thơm trải quá sang thì không được đi trên đó.

Luật Thập Tụng thì cho phép ngồi trên áo gấm lụa là nhưng không được đi trên đó.

Luật Ngũ Phần nói trải lụa gấm sắc sỡ đủ màu, phạm Đột-cát-la (trong nhà thế tục).

Luật Tứ Phần chép: khai cho Tỳ-kheo ở trong phòng ngồi trên lụa màu sáng đẹp, nằm trên lụa màu sáng đẹp, phủ sần thể y, chiên bị ba y, phòng y và thuốc men v.v... nếu không ở thì cúng dường tất cả cho tăng. Lại nói: tháng quá lạnh vì sợ lạnh nên cho phép cất giữ áo dày, còn khai cho Tỳ-kheo được mang túi đựng bình bát, túi đựng giày dép, ống đựng kim chỉ, áo đơn, dây thắt lưng (dây đai) mũ, khăn lau chân, khăn hút nhiệt, khăn để trong giày dép. Và khăn lau mặt, khăn lau mình, khăn chặm mồ hôi. Còn tất cả những y phục gởi ở nhà người tại gia cần phải nhuộm màu hoại sắc làm pháp y Sa-môn.

Luật Tứ Phần nói: không được ngồi trên tấm da, trụ ở biên địa, được phép đắp y hoại sắc trên y gấm lụa, không được cất giữ y gấm lụa, y hoại sắc thì được cất giữ cùng với mũ da. Nếu sợ bị ghẻ thì được cất giữ y che ghẻ còn người không bị gì thì đưa những vật dụng ấy cho tăng giữ. Nếu sắp đi ra ngoài thì được giữ lại để dùng, bệnh ghẻ lành thì trở về bản xứ.

Kinh Trung A-hàm nói: hiếm khi áo quý của nhà vua mà lót đường cho Phật bước lên rồi sau đó lại mặc tiếp. Việc này làm cho thí chủ được phước lớn (những y khác thì y cứ theo đây).

Luật Tứ Phần chép: Tỳ-kheo ở vùng biên địa thì linh động khai cho năm việc:

1. Năm người trì luật thì được thọ đại giới vì Tăng ít nên ba năm mới nhóm họp.
2. Mang giày da thuộc hai lớp (vì cát đá nhiều).
3. Thường tắm gội (vì sinh đời lành).
4. Ngoa cụ làm bằng da dê xám, dê trắng, da nai (vì vùng ấy không có vật khác để làm ngoa cụ).
5. Cho phép Tỳ-kheo y vào tay đủ số mười ngày (vì không có người có khả năng đối đáp).

Luật nói: phương Đông có nước tên Bạch Mộc Điều, vì ở bên ngoài nên cho phép (theo đời Lương Cống hiến chức đồ. Nói nước Tây thiên Bạch Mộc Điều đến công thì (nước) này ở phía Đông (nước) kia, mà tăng ở vùng biên địa phần nhiều dùng bốn khai pháp, luật kết chánh tội, hẳn là không có Tăng để đắc, dùng theo thì không có lỗi).

Luật nói: không được cất chứa da su tử, cạp, beo, khi, chồn và những tấm da dơ xấu khác. Lại không được nằm ngồi trên giường cao, rộng. Nếu một mình ngồi trên giường dây, giường cây, giường ngà voi, lấy da voi, da ngựa che lên, tọa cụ, đệm làm bằng gấm màu để làm đệm thì tuyệt đối không được dùng. Nếu không có cái gì khác ngoài những giường trải lụa thì có thể khai cho ngồi, trừ giường báu. Không được xin da sống. Nếu xách nước mà dây bị đứt thì cho phép dùng da làm dây. Nếu dây cửa bị hư thì cho phép dùng da để sửa lại. Nếu then cửa không xoay chuyên, hoặc bị hư thì cho phép dùng da để sửa lại. Nếu dùng da làm dây đai lưng, áo đơn, mang theo những đồ dùng (vật dụng) bằng da thì không được. Nếu dùng làm tấm màn che hiên thì không được. Đi đường sợ nóng bức dùng y làm vật che.

Tam Thiên chép: phải khéo giữ gìn, hỗ trợ nghĩa là dây áo đơn rộng một thước (Tàu), dài tám thước, đầu có cái móc, ba lớp dùng da thuộc. Những pháp khác như đây, phải mặc nó ở chỗ riêng. Nước lạnh có tuyết phải có vớ, cho phép xin những người thế tục không bà con, không được dùng những vật khác. Kinh Tỳ Mẫu chép: ở chỗ lạnh quá, cho phép mang ủng của người thế tục.

Luật Ngũ Phần chép: làm ủng sâu lắm cho phép trên hoặc bằng mắt cá chân. Tỳ-kheo làm ủng thì không được làm kiểu quá đẹp. Nếu ở nước khác thì mang phú-la, nếu chỗ có giày dép thì tùy ý mang.

Tỳ-ni Mẫu nói: sở dĩ cởi giày dép đi nhiều quanh Phật là vì sợ người đời quở trách khỏi tâm nhạo báng.

Ngũ Bách Vấn chép: giày ủng thật sạch sẽ thì được mang lễ bái.

Luật Ngũ Phần chép: được đôi giày mới khiến tịnh nhân mang đi bảy bước.

Luật Tứ Phần cho phép mang giày dép vì bảo vệ chân, bảo vệ y, bảo vệ ngoa cụ v.v... Ở trong chùa nên mang giày da một lớp. Nếu như mang bị hư thì lấy vỏ

cây, lấy da, lấy gân, lấy lông làm kim chỉ vá lại. Nếu được một tấm da sống thì cho phép tự làm cho mềm mại. Nếu bảo người làm cho mềm mại xong thì cắt ra may thành đôi giày một lớp và không được mang nó vào xóm. Trong văn vì có bỏ phần ở trong đạo, ở tự lạc vén y bày vai, Phật nói: Nếu có chỗ lấy cho thì tùy thời (y cứ theo đây khai: vào trong xóm không cởi giày dép và vén y bày vai. Văn đã nói rõ điều này). Lại không được dùng da nhiều màu sắc. Nếu giữ lụa là thì nên cho làm dải giày dép. Nếu đan đường biên thì hoặc màu sắc xanh. Nếu giữ lụa là thì nên cho làm dải giày dép. Nếu đan đường biên thì hoặc màu xanh, vàng, đỏ, trắng, v.v... làm giày dép, v.v... đều không hợp. Nếu được giày dép màu gấm mà đã bạc màu thì cho phép cất giữ. Nếu lấy cỏ gai, v.v... làm giày dép cũng không được. Nếu ở trong chùa cho phép mang giày cỏ bò. Nếu hư thì dùng da cây và lại. Không được chứa bốn loại giày quý báu. Nếu guốc bằng gỗ thì khi vào nhà đại tiểu tiện ra phải rửa chân, rửa guốc. Vì ngoài tất cả guốc ra không được cất chứa. Nói rõ ràng sáu môn trong phép làm tịnh thí:

1. Chế giới ý.
2. Hai thí chủ khác nhau.
3. Khai thuyết có tiền hay không.
4. Cách dùng của thuyết.
5. Vì giải thích lý do còn mất của thí chủ.
6. Nói về mất pháp khác nhau.

Trong phần đầu, luận Tát-bà-đa hỏi rằng:

– Pháp tịnh thí này là thật hay giả?

– Vì lòng đại bi và năng lực phương tiện nên Phật bảo làm tịnh thí. Đây là phương tiện thí, chẳng phải là chân thật thí, khiến cho các đệ tử được giữ vật lâu dài mà không phạm giới.

Hỏi: Phật lấy gì không ngay thẳng khiến cho cất giữ tài vật lâu dài mà cưỡng cho kết giới, bày ra cách thức, lấy ít muốn làm gốc? Đáp: kết giới cấm chế khiến cho không được cất giữ. Nhưng chúng sinh căn tánh khác nhau, ngộ nhập mỗi mỗi đều khác. Như ngày xưa nhất thời khai phòng xá bằng bảy báu, Tỳ-kheo vào trong đó liền chứng thánh đạo. Cho nên tùy căn cơ báo ứng, trước chế sau khai. Vì sao khai mười ngày?

Đáp: Phật biết trước các pháp không chậm, không gấp, đáng khai khiến cho người tính lượng phát thể bỏ thí may vá sửa sang y áo và nói pháp thanh tịnh.

Kinh Tỳ-ni Mẫu chép: Nếu bỏ thí thì khỏi phải thuyết tịnh, vì tâm ác, nên không đủ mười ngày, đều phạm tội xả đạo. Trong trì Địa, Pháp Bồ-tát cũng có pháp tịnh thí. Kinh Niết-bàn cũng vậy. Nhị Giản thí chủ pháp thì trong y phục, thuốc, bình bát, vật báu, ngũ cốc, lúa đậu, cần đến thí chủ, trước nói Thượng Tam thí chủ.

Luật Tăng-kỳ chép: năm chúng được làm.

Luật Thiện Kiến nói: xoay vần lần lượt trong năm chúng theo một người làm thí chủ. Người chân thật, đến chỗ một Tỳ-kheo không so sánh với một Sa-di.

Luật Ngũ Phần nói: Năm hạng người không nên làm:

1. Không quen biết nhau.
2. Chưa am tường nhau.
3. Chưa tiếp cận lẫn nhau.
4. Chẳng phải là bạn thân cùng thầy.
5. Chẳng phải lúc.

– Lại có bốn hạng người không nên làm:

1. Người không thể khen ngợi.
2. Không thích khen ngợi điều tốt của người.
3. Nên tịnh thí cho năm chúng.
4. Không được cho người tại gia.

Luật Thập Tụng chép: Không được nói hai, ba người tác tịnh, nên cho một người. Nếu giữ vật tịnh thí của người kia mà không trả lại nên đòi lấy người không được thì cưỡng đoạt lấy, nói: Phật có dạy: vì thanh tịnh nên cho ông, nay ông mang đi đi, phạm Đột-cát-la. Từ nay trở đi thuyết tịnh thí thì phải có thể cho một người tốt (gọi là đối thú nhận tịnh thí).

Luật Tát-bà-đa nói: Tìm người giữ giới, học rộng có đức để làm, trừ bốn trọng tà ác. Đắc giới sa-di, mù loà, đui điếc, câm ngọng, tâm điên cuồng, hành biệt trụ sáu đêm, người có pháp v.v... Vì khiến cho thanh tịnh nên làm chứng minh, không gây đấu tranh. Những người như trên thì không đúng như pháp, không phải những người này thì dùng làm thí chủ, sau thí chủ mà thuyết tịnh: tiền của, vật báu, lúa đậu đều lấy người thế tục làm thí chủ, Kinh Niết-bàn nói: tuy cho phép nhận và cất giữ nhưng phải tịnh thí để làm cho đàn-việt vững lòng tin.

Luật Tát-bà-đa nói: trước tìm người tại gia biết pháp, sau mới được nói ba lần hỏi có nghe pháp hay không? Ở trước nói phải thỉnh.

Luật Tát-bà-đa nói: phải tìm những người học rộng, nếu đến nước kia chết thì phải tìm người thanh tịnh làm. Muốn làm chứng minh thì nói đúng như pháp. Cho nên biết đối diện thỉnh. Cho đến tiền bạc, vật báu cũng nói khiến biết pháp của Tỳ-kheo. Nay lấy đàn-việt làm tịnh chủ. Văn này đã nói rõ là khai thỉnh. Kế đến nói dường như không cần thỉnh

Luật Ngũ Phần chép: ở trong năm chúng tùy ý cho (giống như phải thời chỉ bày nên không có văn. Tùy nhị bộ dùng mong đức cao rộng không thể đề cập đến, y theo dụng của Luật Ngũ Phần, nếu thỉnh mời thì được.



Thỉnh pháp nên đầy đủ nghi thức, đến chỗ Đại đức, trước phải nêu bổn ý của mình, nếu cho phép thì sau nói: Đại đức một lòng nhớ nghĩ, tôi là Tỳ-kheo v.v... nay thỉnh Đại đức làm người triển chuyển tịnh thí các thứ y phục, thuốc, bình bát. Xin Đại đức làm người triển chuyển tịnh thí của y phục, bình bát, thuốc, vì lòng thương xót(thỉnh ba lần)

(Y cứ theo văn trong luật Thiện Kiến, năm chúng đều hiểu được).

Nếu đến chỗ Tỳ-kheo-ni, nói: nay tôi thỉnh Tỳ-kheo-ni làm người triển chuyển tịnh thí, mong cô làm việc đó(Ba chúng dưới cùng giống như vậy, pháp thỉnh không thêm văn nghĩa).

Về chân thật tịnh thí, (Luật Thiện Kiến đối với Tỳ-kheo vì đích thân đối thuyết tịnh, Tỳ-kheo-ni và bốn chúng đều phải làm pháp nghĩa, không khai).

Văn rằng: Đại đức một lòng nhớ nghĩ! Nay xin Đại đức làm người chân thật tịnh thí các thứ y phục, thuốc, bình bát. Xin Đại đức vì còn làm người chân thật tịnh thí, vì lòng thương xót, xin Đại đức làm người chân thật tịnh thí (nói ba lần).

Luận Tát-bà-đa nói: Trước phải tìm người tại gia biết pháp nói điều đó. Nếu người không biết thì nói cho họ hiểu. Đến chỗ người kia nói Tỳ-kheo biết pháp không được cất giữ tiền bạc, vật báu, vàng bạc, lúa gạo, đậu mè, v.v... Nay đem đàn-việt làm tịnh thí chủ, sau được tiền bạc, vật báu đều thí cho đàn-việt. Kế đến hỏi có thích hợp hay không?

Luận Tát-bà-đa nói: tiền bạc, vật báu, lúa gạo cũng giống như y dư mười ngày thuyết tịnh. Kinh Niết-bàn, v.v... nói về pháp tác tịnh, luật Ngũ Phần nói Tỳ-kheo ở một mình, tâm nghĩ miệng nói: đầy đủ uy nghi cầm y, tâm nghĩ miệng nói: y dư này tặng tịnh thí cho... từ người kia nhận dùng, đến ngày thứ mười một, lại giữ uy nghi như trước, nói:

Đã đến mười ngày rồi, tôi lấy lại cái y dư của tôi từ người kia. Lại như lần đầu thuyết tịnh thí cho người nào đó, từ người đó lấy dùng xả như thế thọ lại cái mới khác vào ngày thứ mười một.

Luận Tăng-kỳ nói: tâm niệm thuyết tịnh mà miệng không nói.

Đây gọi là phi pháp tịnh việt, nếu miệng nói thì không tội, trong luật nói xả cái cũ, thọ cái mới đến ngày thứ mười một. Đúng là không thuyết tịnh (hoặc có thể vì thuyết tịnh khiến cho xoay vần). Đối mặt xoay vần, đầy đủ uy nghi, tay cầm y, miệng nói: Đại đức một lòng nhớ nghĩ, đây là y dư của tôi giáp chưa tác tịnh, vì vậy muốn làm tịnh thí. Xin Đại đức vì tôi xoay vần tịnh thí (người kia nhận thỉnh), nói:

Đại đức một lòng nhớ nghĩ: thầy có cái y dư này chưa tịnh thí, vì tịnh thí cho tôi, nay tôi nhận (phải nói thầy tịnh thí cho ai?). Đáp rằng: tịnh thí cho người (nào đó) (làm tịnh chủ, tên họ...)

Đại đức một lòng nhớ nghĩ, ông có cái y dư chưa tịnh thí nên tịnh thí cho tôi. Nay tôi thọ nhận, vậy thầy cho (mỗ giáp) hãy khéo giữ gìn. tùy nhân duyên để mặc (nếu bình bát, thuốc đều y cứ theo đây), ngoài ba luật. Do trước đối diện tác tịnh mà sinh ra cạnh tranh. Do đó chế giới không được đối diện khiến cho biết. Lại thí chủ biết sau sợ phạm dư, Phật dạy:

Luật Thiện Kiến chép: người đối diện tác tịnh đều bảo họ mặc y đến chỗ Tỳ-kheo quỳ thưa: tôi có chiếc y dư này, vì là tịnh thí nên nay tôi thí cho thầy, thầy nên giữ gìn, không được dùng, vì sao nói được dùng?

Nếu nói đây là y của tôi thì tùy Trưởng lão dùng. Nếu thầy được dùng thì chính là tác pháp giống với nghi thức trước.

Đại Đức một lòng nhớ nghĩ! Tôi (mỗ giáp) có cái y dư này chưa làm tịnh thí. Vì là tịnh xả cho Đại đức làm chân thật tịnh thí (hai tịnh y, văn viết trong Tứ phần) hai tịnh thành tựu.

Luật Thiện Kiến chép: thí cho Đại đức, xả cho Đại đức, cho Đại Đức... đều thành tịnh thí. Nên nói xin Đại đức nhận y này, đều thành.

Người chân thật thọ nói: “Tôi nhận, tôi thọ” thì thành, nếu nói “tôi phải lấy, muốn lấy” đều không thành thọ, phải nói ba lần.

Luật Ngũ Phần nói: Mạn tiêu nói, đủ uy nghi đến chỗ Tỳ-kheo nói: Trưởng lão một lòng nhớ nghĩ, tôi là Tỳ-kheo(mỗ giáp), tài vật lâu dài này ở chỗ bên Trưởng lão làm tịnh thí.

Người kia nên hỏi: Trưởng lão! Y này Trưởng lão tịnh thí, tôi đem cho ai.

Đáp: ở trong năm chúng, muốn cho ai cũng được. Người kia liền nói: nay tôi cho mỗ giáp, nếu cần thì đến người đó lấy dùng, nên yêu mến và giữ gìn nó (gọi là triển chuyển tịnh thí, pháp tịnh thí này thường phải nhớ thí chủ và tài vật sở thuộc). Lại nói: giày guốc nếu sạch sẽ thì người mang vào sạch sẽ, đối với tiền bạc vật báu, (lúa gạo v.v... cũng nói như vậy).

Luật dạy: Nên đem đến chỗ vị ưu-bà-tắc đáng tin, hoặc người vườn nói: Đây là việc tôi không nên làm, thầy nên biết đó, trong văn không bảo tịnh nhân giữ, nên làm cho người thế tục biệt là vật.

Theo Luật Tăng-kỳ, người thế tục không có lòng tin khiến ở trước đi đến chỗ tịnh nhân làm pháp như trước. Nếu tịnh nhân kia được vật thanh tịnh đến thì phải nhận lấy, giữ vật thanh tịnh đến thì phải nhận lấy, giữ gìn vật đó. Trừ có đến mà không theo trong ba mươi tùy tướng đã nói rộng: năm việc còn mất có biết chăng?

Luật Tăng-kỳ nói: ngang với ba do-tuần biết sự còn mất.

Luật Ngũ Phần nói: biết nó ở đời, hay ở đạo?

Luận Tát-bà-đa nói: Nếu thí chủ chết, hoặc đến nước khác thì phải tìm thí chủ khác.

Luật Tứ Phần thì không có văn, tùy ý chọn dùng. Nhưng phép làm thí chủ thì phải y theo luật luận, gọi là hạnh cao thượng, làm cho xa gần đều thông hiểu. Như phỉếm nhĩ hằng nhân, đồng chùa liền trở thành mất pháp (vì không biết hành nghiệp nên không đáp).

Nghĩa sáu tác pháp có mất hay không?

Luật Tăng-kỳ nói: Sa-di ở vùng biên địa tác pháp tịnh thí, nếu nhận đủ thì gọi là Tỳ-kheo vô tuế. Nếu chết thì được giữ lại mười ngày, lại phải thuyết tịnh, có người nói: người chân thật tịnh thí mất thì mất, nếu xoay vần thì không mất. Đây vì chưa đọc văn trong chánh luật. Rõ ràng cả hai tịnh thí chủ đều mất thì chẳng phải là chủ chính. Nếu không biết thí chủ còn hay mất thì liền thành pháp thất tịnh, không được quá mười ngày.

Luận Tát-bà-đa nói: nếu thí chủ chết thì phải tìm tịnh chủ, trừ vàng bạc, vật quý và tất cả những tài vật giá trị. Tất cả năm chúng ở vùng biên địa tác tịnh (hai thí chủ giữ vật quý giá cũng nội trong mười ngày lại xin).

Luật Thập Tụng chép: nếu tịnh thí chủ là đệ tử, người bị thầy quở trách thì luật không được tác tịnh, nên đổi thí chủ. Ngoài ra, nếu thí chủ chết thì cũng tìm thí chủ khác. Tài sản thuộc về người khác, người khác giả danh mà cho. Ở đây y theo, sự xoay vần ở trước người không triền chuyên thì sai lầm, lại văn trên nói; một người làm chủ không được hai người làm chủ, lại cho Ngũ Phần là xa vời có điều sai, hoặc là lập pháp. Nếu trong năm chúng lấy thì đến tác pháp thường chỉ một người).

Luật Thiện Kiến nói: Nếu vì phương tiện tịnh thí mà giấu không trả thì tính thẳng là phạm tội (vì biết thuộc về chủ cũ).

Luật Tăng-kỳ chép: Nếu y áo nhiều mất không biết thì nên gom tất cả y áo lại một nơi để xả, nên nói: các y áo này tôi tịnh thí cho (mỡ giáp), nay tôi lại bỏ.

Nên đáp lại rằng: “Luật Tứ Phần nói: nếu quên thì khai cho quên sau mười ngày (ở đây gọi là có thể phân biệt).

Luận Tát-bà-đa chép: nếu thuyết tịnh của báu và y phục mà người kia bán trả lại tiền cho đến y phục, vật báu cũng trả lại tương đương thì không cần thuyết tịnh, Nếu trả lại vật không tương tự thì phải thuyết tịnh (vì chẳng khác tham lam cất chứa từng chút).

Kinh Tỳ-ni Mầu nói: Nếu y phục đã thuyết tịnh và điếm tịnh mà may y mặc thì gọi là Y hòa hợp tịnh (điếm tịnh giống như trong tùy tướng). Năm màu chính đều là màu gấm ở phần trên, tuy y hoà hợp tịnh không thành. Nếu trước nhuộm màu sắc chính hoặc không chính, sau dùng màu khác hòa với màu chính để nhuộm, gọi là màu hòa hợp, được cất giữ, những thứ khác đầy đủ như trong tùy tướng.

Hai y phần tảo thì chế mặc, ý này người thề tục đã bỏ không tin dùng nữa. Nghĩa giống như phân tảo.

Luật nói rằng:

1. Thể là vật tiện, xa lìa sự tham đắm.
2. Không bị vua bị giặc tham lấy, tài sản của mình thường được lâu dài. Lại nữa, ít ham muốn, thường suy xét sự việc để cứu giúp những hình khổ, cho nên bậc thượng sĩ mặc y này.

Thập Trụ Bà-sa nói: mặc y phẩn tảo có mười điều lợi:

1. Không dùng y vì cho người tại gia hòa hợp.
2. Không dùng y vì hiện xin tướng y (hình dáng của y).
3. Cũng không dùng phương tiện nói để được tướng y.
4. Không dùng y vì bốn phương không có cách tìm cầu.
5. Nếu không được y cũng không buồn.
6. Được y cũng không vui.
7. Vật tiện đổi được thì không có lỗi.
8. Thuận hạnh, ban đầu nhận từ y pháp.
9. Thường vào trong số y thô.
10. Không bị người tham đoạt lấy.

Nói về thể của y: Luật Tứ Phần nói có mười loại: Y trâu nhai, y chuột cắn, y lửa đốt, (đây là ban y nước kia, có người dịch, có người bỏ), y nguyệt thủy, y sản phụ, y trong miếu thần, y bị chim gắp, gió bay đến chỗ khác, y lượm được ở gò mả, y cầu nguyện, y vãng hoàn (đến trên mộ rồi đem trở về) giống như trên. Không dùng màu sắc mới đẹp, phải nhuộm thành màu ca-sa rồi mới thọ trì. Lại không được lấy y của người chết mà thân thể chưa hoại (khéo nhìn ở dưới đến một cây kim thì gọi là hoại) giống như phần trên.

Nếu ở trong chiêm bao lấy được ngọc cụ bằng gấm hoa, giày lót nỉ, gôi, thảm không trải giường tòa, trừ dây da, dây tóc, ngoài ra tất cả đều được cất giữ. Lại cho phép cất giữ mái che trên xe kéo bộ, bình nước, bồn tắm, gậy, quạt, cuốc, móc, dao, khoá. Được đồng tiền hư thì đem về làm đồng để dùng, lúc lấy vật phẩn tảo vốn không yêu cầu, đòi hỏi. Đến mộ lấy y, không được ở xa nói với là: “cho tôi”, phải theo người đến trước để được (nếu y đã dòi chỗ thì người đến trước để được (nếu y đã dòi chỗ thì thuộc về chủ dòi trước (nếu y đã dòi chỗ thì thuộc về chủ dòi trước). Không được lấy y trong miếu thần, những người đi đường thường đem nhiều phẩm vật tốt vào trong miếu dâng hiến, Phật chế: không được lột y trên tượng, bó cột cờ phướn, lọng và hàng tơ lụa, vì lý rất sâu xa. Nếu nghi mà liền lấy, phạm tội ăn trộm. Đã biết mà còn làm việc đó, chẳng thể không gây phiền hà lẫn nhau, thậm chí có người tàng thân lách mặt chủ thân để cướp đoạt, phạm tội Ba-la-di, như tùy trong tướng.

Luật Thập Tụng nói: lấy y của người chết thân thể chưa hoại, phạm thân-lan-giá.

Luật Thiện Kiến chép: người chết có vết thương nhỏ như đầu cây kim, da chưa đứt ra thì bảo người thế tục lấy.

Luật Thập Tụng nói: có bốn loại y phẩn tảo:

1. Người chết trong mộ.
2. Y của người chết đem đến cho Tỳ-kheo.
3. Y vô chủ.
4. Y đất.

Luật Tứ phần nói: phẩn tảo giữa những đồ vật tẻ xấu ở gò mả, giữa bờ ruộng hẹp thì giặt nhuộm bốn góc, tác tịnh rồi cất giữ. Nếu lượm được dép guốc quý, có giá trị tuy đã khai cho được cất giữ, Phật nói là Phẩn tảo.

Đàn việt thì y có hai thứ:

1. Đứng thời.
2. Phi thời.

Nói đứng thời nghĩa là cuối hạ không có y ca-hi-na thì một tháng hoặc năm tháng sau mới có y. Phật vì muốn làm lợi ích cho các Tỳ-kheo nên lúc ấy dùng năm điều lợi để thưởng công, nên gọi là thời thí, chỉ riêng cho người tiền an cư.

Nói phi thời thí, nghĩa là các tháng trong một năm không chỉ là đông, hạ, hễ có duyên là cúng dường vì bất kể thời tiết nào, nên gọi luật là phi thời thí: Nay lần lượt khai vị thì có bốn thứ khác nhau:

Trong phần thời thí có hai:

**1. Sơ thời hiện tiền:** thí chủ đem y phục phẩm vật đến trú xứ an cư, bao nhiêu người an cư thì được bấy nhiêu phẩm vật, không cần phải Yết-ma mà chia thẳng cho tăng chúng, nên định ra bốn loại:

1. Xác định thời gian: giống như ngày 16-7, nếu hạ chưa xong, nhận y thì đắc tội.
2. Xác định nơi chốn: như người tiền an cư trong giới hạn này.
3. Xác định người được nhận: chẳng phải người ngoài giới mà người hiện tiền ở chung.
4. Xác định pháp: tính số người, phát thẻ và đặt phẩn y ngay người đó.

Luật Tứ Phần chép: Không được an cư một nơi nhận y một chỗ, nhận đến an cư chưa xong cũng không được xin y, nhận y.

Lại nói: tăng được phép phân phát y an cư cho hai bộ, bao nhiêu người an cư được bấy nhiêu phần.

Lại nói: Dâng ba y cúng dường Phật, các Tỳ-kheo được nhận tấm chăn, vì an cư, nếu còn thức ăn trong hạ thì nên chia ra. Phật dạy: thức ăn tùy theo ý thí chủ, không nên chia.

Nhị thời Tăng đắc thí: nghĩa là thí chủ cúng dường nên thông báo cho người an cư biết là chúng tăng đều được vật phẩm cúng dường Yếtma.

Luật nói: Được y mùa hạ nhưng chưa chia mà Tăng lại đi, cuối hạ đem y chia phần cho tăng nhưng lại quên không để dành phần cho người đi. Phật nói: Thành phần.

Lại nói nếu một Tỳ-kheo an cư được tăng chia cho y tốt hơn, rộng hơn, nên tâm nghĩ, miệng nói là nhận nó. Nếu trong lúc đó không chia thì nên để ngày 16-8 phi thời phân chia: tức là tác phi thời tăng được pháp thí vì tiền an cư dời đến nơi khác. Nếu không được chia phần y thì Phật phạt những người ở lại, bảo họ chia phần bằng nhau.

Luật Tăng-kỳ chép: nếu y trong lúc an cư, Sa-di trì giới được tác tịnh, được Tỳ-kheo tùy ý cho.

Luật Ngũ Phần chép: gặp việc khó khăn phá an cư vẫn được nhận y an cư, ở trong một ngày nhận nhiều nơi.

Trong thí thời cũng có hai:

**1. Sơ phi thời hiện tiền:** thí chủ mời tăng đến nhà, đến chùa thiết lễ cúng dường, vật phẩm cúng dường tùy theo số người mà cúng.

Luật nói: các đàn-việt muốn cúng dường y tốt cho các Tỳ-kheo. Phật bảo tính xem bao nhiêu người, nếu mười người thì chia thành mười phần, cho đến một trăm người thì chia một trăm phần, tốt xấu xen nhau, khiến cho người không thấy ném thê. Nếu y quá giá trị không thể chia thì cho phép cắt ra để chia. Nên dùng dao cắt y.

Luật Thập Tụng chép: Thời y hoặc phi thời y tăng thí cho đến y của người chết, tất cả phẩm vật bố thí, Sa-di hoặc đứng hoặc ngồi đànviệt theo thứ lớp tự tay bố thí bao nhiêu phần thuộc về Sa-di. Nếu đànviệt không phân biệt, chia làm bốn phần: ba phần cúng dường Tỳ-kheo, phần thứ tư chia cho ba chúng dưới. Nếu đàn-việt chia làm năm phần thì một phần của Tỳ-kheo cúng cho ba Sa-di, cũng giống như vậy.

Luật Tăng-kỳ chép: Sa-di đắc pháp thì được nhận phần bằng phân nửa (y cứ theo hiện tiền hai bộ tăng này, cùng cho hai loại tăng, được theo tăng hòa hợp) phẩm vật chia bốn phần hay năm phần đã nói: tăng được vật thí hay năm phần đã nói. Tăng được vật thí đến tịnh nhân cũng được vật thí thì nên nhận phần của mình (như dưới đây phẩm vật của người đã chết đem chia cho chúng).

**2. Phi thời tăng được nhận vật cúng dường.** Nghĩa là thí chủ có lòng nghĩ tới, chu cấp phẩm vật đồ dùng đầy đủ cả ba thời không có giới hạn. Có người đem phẩm vật đến chùa dâng cúng, có người thỉnh tăng theo nghi lễ về nhà mình để

dâng cúng tài vật. Tăng liền Yết-ma quyết định điều đó, Như pháp phân vật bình thường của người chết.

Luật dạy: có chư tăng hiện tiền ở trú xứ được nhiều phẩm vật, y phục thì nên chia phần vật có thể chia. Lúc có Tỳ-kheo khách đến thì nên đếm số khách để chia y nên rất cực nhọc.

Phật dạy: sai một người bạch nhị Yết-ma rồi chia. Hai bộ hồ chánh cũng có bốn pháp.

Luật Tứ Phần, Luật Thập Tụng chép: nếu cúng dường Tỳ-kheo tăng nhẫn đôn không có một Sa-di; nếu cúng dường Ni tăng nhẫn đôn không có một Sa-di-ni. Như thế năm chúng đều nhận. Nếu thí chủ đên chùa không phân biệt tăng ni thì tăng hiện tiền đều được nhận (phải đều là ruộng phước nên mỗi người trong chúng đều được nhận).

Ngũ Bách Vấn đáp: có người cúng dường chúng tăng phẩm vật, sau lại có Tỳ-kheo đến vào trong chúng, nếu bỏ thí thì không được. Nếu có dư những vật cúng mà người bỏ đi đã đi, người sau nên hỏi thì sẽ không hợp. Nếu mãi không đến thì chú nguyện mà lấy. Có người đến nên không lấy được, phạm xả đạo. Biết chết mà lấy phạm khí tăng vật.

Nói về mất thì phân chia tài vật cho năm chúng, đã là tài vật thì người lớn nhỏ gì cũng lợi dưỡng, chẳng là chỗ đạo sĩ hằng mong, sau xuất gia, thì cứu giúp những người đi xa cực khổ đều được an vui. Được người đời khen ngợi và hết lòng yêu mến. Chỉ có bậc xuất đạo mới kính cẩn nghiêm trang biểu hiện ở đời không có lợi là gần gũi hoàn toàn không có chỉ đạo. Nhưng hai hạng sĩ bậc thượng thông đạt lập pháp để cứu độ chúng sinh. Hạng sĩ bậc hạ thông đạt thọ pháp nhưng tùy theo hoài bão. Cả hai đều phải thuận theo Phật pháp dụng thông nhất đạo tịnh hạnh.

Tăng đã chết, y phục, đồ vật dư nhiều thì đem tất cả ra bạch với đại chúng. Nhưng do sự giáo dưỡng có nhẹ, nặng, căn cơ chúng ngộ có cạn sâu, như đã nói rõ trong bài tựa, còn khai cho dùng mười môn hay không?

1. Không được vào trú xứ của tăng khác.
2. Đối với người chết, pháp phân chia khác nhau.
3. Cùng sống chung nhưng tài vật không giống nhau.
4. Giao lại tài vật cho người nào là không đúng.
5. Mắc nợ mà không trả.
6. Xác định vật nặng hay nhẹ.
7. Đầy đủ phước đức thì được thưởng công.
8. Phân chia tài vật theo thời tiết.
9. Chành đáng thì thêm phân pháp.

## 10. Tập minh thọ vật.

Ý chế định ra pháp môn đầu: Vì năm chúng mất đều nhập vào Tăng. Khi còn sống thì nương vào Tam bảo xuất gia mà tài vật không đưa vào Phật pháp. Vì người xuất gia đều phải vâng theo pháp xuất yếu, hòa lạc. Tất cả những hành động, việc làm của thân đều thuộc về Tăng pháp. Cho nên người cúng dường Phật pháp thì Tỳ-kheo không có phần. Nếu cúng dường cho Tăng thì y cứ vào giai vị mà được thọ nhận cũng không thuộc về người thế tục, vì không phải ruộng phước.

Luật Tăng-kỳ chép: Ngài A-Nhã-Kiều-trần như ở trong chốn không lâm nhập niết-bàn, những đứa trẻ chăn bò đem y áo, tài vật cho vua, vua liền đánh giá phẩm vật đáng năm tiền. Y cứ vào Pháp, quyết định trả lại cho Sa-môn, cho đến Phật nói thuộc về Tăng.

Luật Thập Tụng chép: Bạt-nan-đa qua đời, y áo phẩm vật trị giá đúng bốn mươi vạn lượng vàng, quốc vương dòng Sát-lợi và những người thân trong làng ai ai cũng muốn thâu lấy.

Phật bảo: vua không được ban tặng cho các quan, Tỳ-kheo, cho đến những người thân trong làng hội hợp lại cũng không được kê la. Tài sản của tăng, theo pháp phải chia đồng, người thế tục không có phần, đây thuộc về vật của tăng.

**2. Pháp nhân chia tài sản của người chết thì không giống nhau,** được chia thành nười loại:

1. Lấy y phản tảo. Như luật Ngũ phần nói y người chết nổi trôi trong nước, nước trôi, gió thổi, y của người treo trên cành cây người thấy thì lấy nó.

2. Đưa vào chúng chia cho tăng hiện tiền. Như luật Thập Tụng chép: Học Hối sa-di-chết, Tỳ-kheo bị tấn chết, Tỳ-kheo giữ giới chết thì theo sự luân phiên liên lấy.

3. Nhập đồng kiến Tăng: Như Luật Tứ Phần chia ra hai bộ tà- chánh, mỗi mỗi đều chấp đúng sai. Người ấy ở trong đạo chết, cho đến người ở đây chết, ai cũng đều thấy thì tự phân chia.

4. Nhập vào công năng Tăng: luật Tứ Phần nói: Tỳ-kheo bị cử chết, y phục tài vật của người ấy nên cử tăng đồng Yết-ma rồi đưa vào công đức tăng.

5. Nhập vào hai bộ tăng: luật Ngũ Phần chép: Tỳ-kheo ở riêng một nơi qua đời, giữa hai giới Tát-bà-đa qua đời. Luật Tứ Phần nói: không chết ở trụ xứ mà chết ở nhà người tại gia trong năm chúng, người nào đến trước thì được.

6. Nhập vào mặt hướng về chỗ tăng: Nhiều lời bàn luận trong hai giới, Tỳ-kheo mặt hướng về chỗ tăng thì nên lấy.

7. Nhập vào Hòa-thượng: trong luật Tăng-kỳ nói, Sa-di qua đời hết thì y phục và tài sản đưa vào chùa của thầy Hòa-thượng. Nghĩa là khiến cho Hòa-thượng



phân biệt tài thể đem tài vật của thầy tự nhập vào, còn tài vật của Sa-di đưa vào trong tăng (luật Thập Tụng phán quyết giống như Tỳ-kheo. Luật Ngũ Phần cũng như vậy. Bất luận có giữ luật, có giữ giới hay không đều quyết định đưa vào Tăng, y theo pháp mà phân chia để mọi người đều đồng lợi dưỡng).

8. Đưa vào chỗ bạch y thân gồm: Luận Tát-bà-đa nói: Tỳ-kheo bị diệt tận qua đời, giao y bát cho những người có duyên còn sống (ví sống không đồng tài pháp).

9. Tùy ở chỗ mà được: Luật Thập Tụng chép: có một Tỳ-kheo gởi y cho A-nan. Ba chỗ tranh nhau, nghĩa là chỗ gởi vật của người, người nhận gởi.

Phật dạy: Thuộc về tăng của A-nan, hiện tiền tăng trong nội giới cũng có phần. Vì người gởi chứ không phải chỗ gởi (y theo đây chỗ gởi không phải là người gởi thì chỗ tài vật tăng được nhận. Chín loại trên đây là phân chia thẳng theo tăng hiện tiền.

10. Thứ mười là Nhất Hòa thanh chúng tử: mới đưa vào Yết-mam ba là cùng sống chung nhưng tài của bố không giống nhau. Nếu bản ý của thầy phải cho tẻ tử cơm áo, y phục, không cùng sống chung. Nếu đã cho thì được giữ, còn nhưng thứ chưa cho thì sau khi thầy mất, tất cả tài của đều nhập vào tăng. Thực chẳng đồng sinh hoạt, giả như lấy tài vật của chúng tăng, phạm tội nặng. Nếu hợp với thầy Bôn Su thì tất cả tài vật đều quyết tâm đồng phân chia giống như ý muốn của trẻ con, không hề có phân cách. Đây nếu giúp cho người chết thì suốt đời đem bao nhiêu vật dụng tùy thân của người ấy, tất cả đều nhập vào tăng. nếu thầy trò cúng phôi hợp, tài của cùng có thì mỗi người đều có phần riêng. Còn có người ở một nơi sông riêng lẻ rồi trở về đạo thì được phân nửa, đây gọi là cùng sinh hoạt. Nếu phân chia các tài vật ấy thì y cứ theo tục mà chế đạo.

Đã mặc y phục, đã dùng vật dụng, mỗi thứ đều thuộc về vật tùy thân, đồng thời chưa cần phân chia. Còn những tài vật dư khác thì y cứ vào phương thức chia một nửa, nếu không cùng sinh hoạt lại chẳng chung tài sản mà nói dối để nhận phần thì người chia và người nhận cả hai đều phạm tội trọng, nhẹ thì phạm tội thâm-lan-giá.

Trong kinh Thiện Sinh cũng có hai đoạn, đều y cứ vào vật nhẹ.

Bôn là gởi gắm đúng sai, chia làm bốn câu:

1. Gởi gắm thiện ác.
2. Người vật khác nhau.
3. Trùng đơn gởi gắm.
4. Tướng có thành không.

Trong phân đầu có bốn:

1. Gởi gắm điều lành tự biết xưa nay chứa nhóm phi pháp, chỉ kết những điều bất thiện. Nếu hôm nay qua đời thì chẳng đem theo vật gì, chỉ bằng phá chấp xả

tham, thuận bốn sơ thọ, lại quyết thế nguyện: giao phó tài của cho người sinh vào nơi phước đức cao, nên thuộc về thiện.

2. Bất thiện: sợ tài của này sau khi mình chết đi chúng tăng sẽ hưởng, theo thói tham lam, keo kiệt của người thế tục đối trao cho người tại gia. Gọi là lời nói thắng thiện, lời dăn dò này phi thiện (chẳng phải thiện).

3. Bất chúc thiện: Nếu lúc bệnh nặng, tuy vẫn còn ở trong đạo xuất thế nhưng thân thể này trống rỗng, chẳng phải vô lậu, nên ở đây than tiếc. Thương biết của cải đã tạo vốn chẳng phải chân thật. Cho dù có khuyên răn dăn dò thì lại thường tăng thêm ái nhiễm. Nhưng nói về con đường nghiệp, phước thì tài của này Phật đã dứt bỏ, như thế mà qua đời. Công dăn dò cũng tốt.

4. Bất chúc bất thiện: nghĩa là tâm trước muốn xả bỏ nhưng sau lại tham lam che giấu lần lượt chuyển cho người xấu, không thể tự quyết, liền xả bỏ thân mạng, đây là bất thiện. Trong Ngũ Bách Vấn, Tỳ-kheo yêu thích bát đồng và tham lam y phục. Như vậy, nếu nói theo tướng thì mỗi thứ đều khác nhau:

1. *Người vật đều hiện*: dăn dò, trao cho tôi tớ. Ruộng dẫy, nhà cửa, xe cộ, trâu bò, vườn tược và những vật nặng vật nhẹ không thể chuyển dời được (như thảm trải vải gấm) gọi là dăn dò.

2. *Có thể trao cho người nào đó*: Như gấm lụa, y phục và những vật quý báu thì trao lại.

3. *Người và vật cùng hiện, hoặc cùng hiện tiền*: thì dăn dò nhưng không trao cho. Vì người ở nước khác, vật ở nơi khác, v.v...

4. *Không dăn dò*: Tin theo phương pháp của tăng đã nói ở trước. Dăn dò ba lần rồi mới trao cho người.

Luật Tăng-kỳ chép: dăn dò cho nhiều người trong chúng thì người sau cùng được. Trao cho nhiều người trong chúng thì người ở trước được. Ý cứ theo đây quyết phạm. Như quyết tâm cho người, tự mình nói trước ra, hoặc phân trần với người khác nhưng cuối cùng lại thiếu sót. Lý thì tài của của người khác, nhưng vì không giao phó cho người hoặc chuyển cho vật bố thí khác thì người chủ tài vật phạm tội trọng (vì quyết tâm cho người thì vật đó thuộc người khác quyết định. Sau trái với bốn ý chuyển đến cho người khác là làm thương tổn người, phạm tội nặng. Người sau nhận vật bố thí này là nhận được từ tay kẻ giặc, vì vật khai cho lấy dùng.)

Kinh thiện Sinh chép: trước hứa cho người một cái y, sau đó Đại đức khác đến nên chuyển cúng y đó cho người thì phạm tội thân-langiá. Nếu đã bàn luận kỹ càng quyết tâm xả bỏ rồi thì không phạm.

Bốn là thành bất tướng: Hễ dăn dò giao phó chính là tâm tương ưng với việc xả bỏ tài của, quyết định sinh vào phước đức trang nghiêm, tâm vững chắc không thay đổi, hối tiếc thì chẳng được thành tựu. Nếu nói: Vật này sau khi tôi chết hãy dùng làm mộ cho tôi, mua quan tài, khắc văn bia mà tạc tượng, viết kinh,

cúng dường Tăng thì đều không thành tựu. Vì lúc chưa chết chủ tài vật quyết định không phân chia, sau khi chết đôi chủ để phân xử, quyết đoán không căn cứ theo phương pháp trước.

Nếu phạm pháp vua, biết chắc chắn ngày mai mình sẽ chết nên nội trong ngày hôm nay tùy lúc phân chia, tất cả đều thành tựu vì trước lúc chưa biết chủ quyết tâm phân chia tài của nên thành tựu.

Nếu đem tài vật bảo người tạo tượng, cúng dường chúng tăng khiến chính mắt tôi thấy nhân đó liền qua đời đều thành tựu, vì giống phù mạng ở trước, nên các luật có dạy rõ.

Luật Từ Phần chép: nếu lúc qua đời giao phó tài lộc cho Phật, pháp, Tăng, nói: nếu khi tôi chết, tất cả tài vật nay giao cho các ông. Phật dạy: Tất cả đều thuộc về tăng, vì tăng không quyết định.

Luật Thập Tụng cũng rất giống ở đây, chỉ có ba y sáu vật không nên tự phân xử.

Luật Tăng-kỳ chép: nếu chưa giao phó tài vật hoặc đã giao phó rồi nhưng chưa tác tịnh còn để bên cạnh người bệnh đều không thành. Nếu đã tác tịnh [11] mà đặt một bên người bệnh thì được. Nếu nói: “tôi chết, sẽ cho các ông tài vật”, nếu lúc hết bệnh mà không xả bỏ thì đều không thành.

Luật Ngũ Phần chép: nếu lúc sống đã hứa cho người mà người chưa mang đi, tăng nên bạch nhị Yết-ma để trao cho.

##### *5. Người mắc nợ không trả.*

Trước nên phân biệt nghĩa. Nếu một người ở trong Phật pháp mắc nợ tài vật với người đã chết hoặc người đã chết mắc nợ tài vật với người khác, ở trong Phật pháp bao gồm cả vật nặng nhẹ. Nếu có thì trả lại cho người, còn không có thì hẹn ngày trả. Nên y cứ vào tài vật đã mượn mà thu tất cả, nếu nặng thì đưa vào thường trụ, nhẹ thì nhập vào hiện tiền tăng.

Nếu trước mượn vật nhẹ (thường), nay tìm được vật nặng (giá trị) thì lúc trả nên bán vật giá trị vì nhận vật nhẹ (thường) rồi y cứ theo pháp để phân chia.

Nếu tài vật đã mượn vốn là vật nặng (giá trị) mà lúc trả lại trả vật nhẹ (thường) thì nên đưa vào thường trụ tăng, không giống với pháp cộng Tăng.

Nếu thường trụ tăng mượn người chết vật nặng (giá trị) thì không cần trả lại (vì trả lại cũng đưa vào thường trụ tăng).

Nếu mắc nợ vật nhẹ (thường), lúc tìm lại nên đưa vào hiện tiền Tăng, nếu được vật nặng (giá trị) thì trả lại, y cứ theo trước nên đòi lấy vật nhẹ (thường) để phân chia

Nếu hoàn toàn không thể được thì thôi.

Luật Thập Tụng chép: Nếu Tỳ-kheo lúc sinh tiền mượn tài vật của Tam Bảo thì nên trả lại. Nếu Tam bảo bán tài vật của Tỳ-kheo thì nên đòi lấy đưa vào hiện

tiền tăng (do biết nên đòi hết, y cứ theo giới thứ tư mà đoán định) dẫn đến hiện tiền khách bốn phương và cụ Tỳ-kheo v.v... cũng giống như trên.

Nếu mua chịu rượu, chưa trả liền, chết lấy y bát trả lại. Nếu không có vật gì thì lấy vật trong tăng bồi thường vì sợ đồn đến tai những Tỳ-kheo xấu ác (hư hỏng). (cũng không phân biệt Thường trụ tăng hay hiện tiền Tăng, tùy lúc tùy duyên).

Nếu trước cho người y quý báu lúc chết đòi lại nhưng y của người kia ít giá trị hơn, nếu chết trả lại y cũ, nếu không có vật gì thì bán y bát để trả lại.

Còn mắc nợ mà đi ở chỗ khác có năm câu:

1. Y bát gởi ở chỗ, chết một chỗ thì vật theo chỗ gởi, tăng được hưởng.
2. Chỗ mắc nợ, chỗ chết thì tăng ở chỗ người ấy mắc nợ mà được.
3. Nơi chết, nơi để đồ vật, nơi giữ gìn thì tài vật tăng được phần.
4. Nơi chết, nơi giữ đồ vật, nơi giữ tiền. Tài vật nơi giữ đồ vật tăng được.
5. Nơi chết, nơi giữ tiền, nơi giữ sổ sách hợp đồng, nơi giữ sổ sách hợp đồng tăng được. Văn trong đây không rõ ràng. Nếu để đồ vật ở nhà thế tục mà đòi chưa được thì có thể y theo sổ sách hợp đồng để thu lấy.

Nếu tài vật ở bên tăng thì sau khi chết, tài vật ở chỗ nào tăng cũng đều được. Cuối cùng không được dùng sổ sách hợp đồng vì thâm nhiếp tăng vật của giới khác. Như trong câu đầu đã quyết đoán, vì tài vật của đây kia là của tăng. Nếu nói về vật nặng, nhẹ cũng không lấy được. Vì không cho phép dời đồ vật, vì tăng này đến vị tăng kia, trừ có Yết-ma.

Nếu mượn tài vật ở trong nhà thế tục thì cũng giống như không có trú xứ, trong năm chúng ai đến trước thì được. Vật nặng (quý giá) tùy theo người thấy đem về chùa. Nếu nhiều người biết được tranh cãi với nhau, không ai giải quyết đoán thì y theo năm câu trong luật để giải quyết. Trong luật Thập Tụng hoặc giống như hai nơi gởi của người trước mà giải quyết.

Kính Tỳ-ni Mâu chép: Sinh thời có để vật ở bên ngoài thì sai người đem vào trong chùa.

Luật Tăng Kỳ chép: tịnh nhân tìm được lấy nó đem vào làm vật thường trụ tăng của chùa này.

Ngũ Bách Vấn chép: “Tỳ-kheo mượn vật của người, người ấy qua đời thì phải bạch tăng mới được lấy vật đó, không bạch mà lấy là đắc tội. Nếu tăng không cho mà cưỡng lấy, hoặc tăng biết mà không trả cả hai đều phạm tội.

Luật Tăng-kỳ chép: nếu người đòi nợ thì phải xét: nếu họ là người trì giới đáng tin cậy thì nên trả, còn không đáng tin cậy thì không nên trả. Nếu tin người chứng minh thì nên trả, còn không tin người chứng minh thì không nên trả.

## 6. Quyết định nặng nhẹ.

Vật của người đã chết này trong các bộ luật chưa rõ ràng, tùy theo tình cảnh nên khó tin, lý cũng phải theo bản thể đã nhận thọ giới luật nào thì lấy luật đó để quyết định nặng hay nhẹ. Nếu người chết hoặc người nuôi bệnh chưa biết thì chỗ ở riêng, thực hành theo bộ luật nào thì lấy bộ luật đó để xử đoán đúng sai. Không được dùng tâm vẫn đục của mình đối vui mừng đoạt lấy. Nên thực hành theo luật Tứ Phần mà thọ nhận, nhà chùa đang thi hành việc đó theo long tham muốn nhiều lần phán quyết là vật nhẹ (thường) nên đưa vào tăng, lại y cứ theo luật Thập Tụng. Đây vì lòng tham mà phạm, chẳng phải do sự giáo dưỡng là tội. Nay quyết đoán cái hại trước để vui với địa vị chung, nhưng tùy theo sáu thứ trì luật khác nhau. Như đã nêu trong bài tựa, và bài luận về việc phụ.

Ba giai đoạn quyết định:

1/ Chỉ dùng một bộ luật Tứ Phần, có thì y cứ theo văn mà dùng, không có thì lấy ngoài tông phái. Cho nên ba mươi chương trong luật đều phán quyết tất cả mọi vật, chỉ có phân biệt nặng hay nhẹ. Nếu người phán quyết: tất cả y bát, y tốt, vật đựng, ống đựng kim chỉ, đồ đựng câu-dạ-la, thảm trải nên đúng lượng, dao cạo tóc và các đồ vật, v.v... đều nhập vào vật nhẹ (thường) còn tất cả những đồ vật khác không kể tên trong đây đều xếp vào vật nặng (quý trọng).

Nếu có y phục của đạo tục thì cũng xếp vào vật nhẹ, y cứ theo lượng cù-lâu, quá thì xếp vào vật nặng. Đây một nhà, cũng không cho hai, không thể cưỡng đoạt.

2/ Trước chuyên theo luật Tứ Phần, các bộ loại phân nghĩa quyết định có hay không, chia ra nặng nhẹ. Đầu tiên lược chia làm ba:

a. Phật đã ngăn cất giữ: như sáu vật tu đạo cần thiết xưa nay vẫn xếp vào vật nhẹ.

b. Ngăn không cho phép cất chứa: như ruộng vườn, tôi tớ, cất giữ vật báu, vàng giả, lúa đậu, thuyền xe, chướng đạo ở giai đoạn giữa và sau cũng không cho tự quản, phán quyết xếp vào vật nặng (hai phán quyết này chung cho tất cả luật).

c. Phật khai cho phép ở giai đoạn giữa, nghĩa bao gồm cả nặng, nhẹ, như y dư. Một trăm lạng một vật, cho đến các đồ vật tùy thân điều đầy đủ. Dùng tài vật là ngăn ngừa sự dung chứa thêm nhiều để cứu thân hình, nuôi lớn đạo pháp. Ở đây phán quyết không giống nhau. Nay còn dựa vào bản sao, nhất ý chia làm ba loại:

a/ Tánh trọng: như tất cả các vật đồng, sắt, cây, đá, bồn, bình, chỏ, vạc, xe, đồ vật vì thể là vật nặng, không đem theo được nên quyết định xếp vào vật nặng.

b/ Tánh khinh: một trăm lạng một vật có thể đem theo bên mình như vải vóc, lụa là bất luận là bao nhiêu điều quyết định xếp vào vật nhẹ.

c/ Từ vật dụng khinh trọng; có người sự việc nặng mà dùng vật nhẹ, như hộp dao cạo tóc, bồn đá y, đồ vật cất chứa và ống đựng kim chỉ, chén đồng, muống, đũa, xe cộ và tất cả vật dùng điều xếp vào vật nhẹ. Hoặc việc nhẹ dùng nặng, như màn lớn nhỏ, những vật gây chướng ngại cho việc đi lại, quạt, mền mùng,

giường tòa, y phục của người thể tục. Tất cả điều gây chướng ngại nên xếp vào vật nặng để quyết đoán. Nhưng vì lời dạy đầy đủ rộng khắp nên lời văn phải rõ ràng bái chia làm bảy tụ loại. Sau hẳn có việc thì y cứ vào môn để tự phán quyết (chính xác dùng trong Luật Thập Tụng những màu sắc của ngói, cây thì theo việc phân chia vật dụng, nay việc phụ cũng nói rõ).

Luật Thập Tụng chép: Người bệnh chết, người nuôi bệnh lấy y và vật dụng của họ nên giặt rửa cho sạch, phơi khô rồi chia ra cuốn hoặc gấp lại từ từ đem vào trong chúng.

Kinh Ty-ni Mẫu nói: Lấy y phục và đồ vật ở trước tăng rồi bảo một người phân xử, vật có thể phân chia, vật không thể phân chia, mỗi mỗi đều phân biệt ở một nơi. Như vậy thì sao gọi là vật nặng? Vì vật nặng thì tướng khác đầy đủ rõ ràng. Như kia nói: sợi lông tơ tầm thứ nhất được làm.

Luật Tứ Phần chép: nệm ngò, chăn mền đều đưa vào vật nặng đồng thời nói là trong ngoài có vải lụa trải lên, thảm trải sàn nhà dài năm khuỷu tay, rộng ba khuỷu tay, lông nhung dài ba lóng tay đưa vào vật nhẹ. Ở nước có tuyết phương tiện khai. Thảm trải nệm có hình dáng giống ca-sa đều điệp đầy đủ trong ngoài cành lá hoa nhẵn đến da cũng làm như vậy, cho nên khai cho lấy ra làm toạ cụ. Đây là ba y, nên là vật nặng, không thể xếp vào đây, vì trong luật Tăng-kỳ Tăng-già-lê có dư một tấm chăn nên y cứ theo đây để phân lượng. Chăn và chăn đơn xếp vào vật nặng. Những cái mềm mỏng nhẹ, chất thành nhiều lớp có thể chia ra xếp vào vật nhẹ. Thảm trải nệm, vải lụa nhiều màu v.v... thì phân biệt rõ ràng xếp vào vật nặng (giá trị), luật dạy phải làm cho nó thành màu hoại sắc rồi mới mặc, giống như màu của ba y. Lụa là nhập vào vật nhẹ, luật khai xếp nhận cài y rất giá trị của nhà vua và nhiều y tốt đẹp của thí chủ. Trong văn không rõ ràng bao gồm luôn cả vật quý giá. Còn những y phục khác xếp vào vật nhẹ. Văn dưới cho phép mặc y giá trị.

Luật Tăng-kỳ chép: Áo che ghê, áo che mưa, túi lượt nước hai loại dây nịch. Lưng, ngọa cụ xếp vào phần nhẹ.

Luật Ngũ Phần nói kiếp cụ, đơn phu, sấm thân y, túi đựng kim chỉ, túi đựng dép guốc xếp vào vật nhẹ. Y cứ theo đây, mền đơn tuy là mềm nhưng giống như sấm nhân đơn phu không khác. Có thể xếp vào loại nhẹ gấm vóc, lông mịn như mũ dạ, áo mặc che muỗi, v.v... đều xếp vào vật nặng, theo Luật Tứ Phần giảm lượng đưa vào vật nhẹ, hẳn y vào lượng dày cứng mà xếp vào vật nặng không thể phân tích để mặc. Không giống như pháp phục ca-sa dài mà nhẹ có thể mặc. Pháp tăng giống như gấm lụa năm màu.

Tuy là cái chăn nhỏ nhưng thuộc về giường ghé theo tướng xếp vào vật nặng y có năm màu chính xếp vào vật nhẹ. Trong luật nói y màu sắc tươi sáng, y màu gấm đẹp cho phép nhuộm thành màu ca-sa cất giữ. Nếu là lụa đỏ thì nên xếp vào vật nặng, lụa vàng, trắng không nên xếp vào vật nhẹ. Phật chế không được mặc màu trắng, xếp vải vào vật nhẹ ví dụ: màu vàng, màu xanh, v.v... cũng

phải phân biệt, thảm trải đất, Phật giới đúng kích thước xếp vào vật nhẹ. Hỏi màu sắc gì, phân biệt, xếp vào vật nặng?

Đáp: Người kia rời tám vải lụa nhiều màu, bên ngoài giống với ba y, vì điều diệp điều đầy đủ cho nên xếp vào vật nhẹ.

Nếu y cứ theo văn trong Luật Ngũ Phần thì phải thuần một màu, nếu y theo vật thì chẳng phải vật nặng. Chỉ tơ, sợi tơ bất luận là bao nhiêu, y theo nghĩa trong luật, xếp vào trong luật thì bao gồm cả cỏ cây, rơm, rạ, liền xếp vào màu sắc đôi (trùng sắc). Túi đựng y (trước đến rốn, sau đến ngang lưng) y theo Luật Ngũ Phần xếp vào vật nhẹ. Dây túi, dải túi, cài bọc ngoài của túi v.v..., túi, xếp vào vật nặng. Tất cả các loại áo choàng, áo ngắn của người thế tục đã hoại sắc phai màu), rách cũ, xếp vào vật nhẹ. Vì y phục của người thế tục màu trắng, người sử dụng y phục xếp vào vật nặng. Những đôi hài may chỉ nhiều màu và những y phục của nam nữ khác vá vuông vắn, khăn túi v.v... đều xếp vào vật nặng. Lụa là, túi đựng bình bát thì theo bát mà xếp vào vật nặng. Các vật thứ hai: Ngói, đá, sắt, cây, trúc được làm; Luật Tứ Phần nói bình đồng, bô đồng, giường dây, giường cây, bình nước, bồn chứa nước tắm, gậy sắt, quạt búa, đèn, đài, xe cộ và năm loại làm đồ dùng bằng sắt, da, trúc, đất nung, cây gỗ xếp vào vật nặng. Năm loại làm khí cụ này đều gọi là vật cụ có thể làm, cho nên luật dạy: Lấy cây làm đồ dùng bừa bãi không để vào đúng chỗ nên Phật cho làm túi da để đựng, chẳng gọi là đồ vật được tạo ra (thì có cả nặng nhẹ, Phật không phân quyết), da cao tốc xếp vào vật nhẹ, tiền bạc, vật báu xếp vào vật nặng.

Văn dưới nói lược được tiền ở trong mộ mà thân thể đã hoại thì dùng làm đồng.

Luật Thập Tụng chép: quạt cho khô mồ hôi, xo vào đầu móc câu, trán trủy, bát chi và bát tiêu, bát bán, bát kiện diện, tiểu kiện diện, kiếm, nhiếp, dao xẻ dưa, dao cắt rọc y, biển cửa, khác hộ, câu v.v... xếp vào vật nhẹ. Nếu răng sừng dùng làm đồ vật đựng nước sạch thì như vật nhỏ trước xếp vào vật nhẹ, còn những vật quá nửa đầu trở lên xếp vào vật nặng (nửa đầu, Cơ Châu sử dụng đầu) tất cả đều nhuộm màu. Nếu nấu hoặc chưa nấu không nên chia.

Luật Tăng-kỳ nói: tiền, vàng, bạc, châu báu, lưu ly, kha cụ, san hô, phả-ly (pha-lê) xa cừ, mã não, ngọc, đá xếp vào vật nặng. Ngoại cụ, giường nằm, giường ngồi, bàn gỗ, bình gỗ, bồn gỗ, giỏ trúc sọt tre cũng vậy. Bát trắng, ngói nung, sắt v.v... quá lượng xếp vào vật nặng. Y cứ theo đây bát tốt quá lượng cũng xếp vào vật nặng Phật chế; không được dùng Luật Thiện Kiến nói: Kim chỉ nên phân chia. Nhập Lăng-già nói: Vì cắt rọc ca-sa nên cho phép giữ dao bốn tấc, đầu cong như lưỡi hái, v.v... nếu sử dụng quản lý nó suốt đời thì xếp vào vật nặng. Tủ, hòm bình, vật chắn gió và những chìa khoá xếp vào vật nặng. Vì ngăn sự lớn lên. Móc cửa y theo luật xếp vào vật nhẹ cũng tuỷ theo cái mà xếp vào vật nặng.

Luật Tứ Phần chép: Đồ vật bằng câu-dạ-la thì nên đúng lượng, chén bát thì giảm lượng. Luật Thập Tụng xếp những thứ này vào vật nhẹ. Nếu là vải gai khô hẹp, bát đồng, v.v... cũng nên phân biệt xếp vào vật nặng. Cúng dường ló

huong nhẹ có thể đem theo bên mình, đưa vào vật nhẹ là y theo Luật Thập Tụng, ở trên có đồ trang sức quý báu xếp vào vật nhẹ. Vì trong giới nắm cầm vật báu có chế. Nếu trọng đại thì xếp vào vật nặng. Căn bản vì Phật pháp mà làm không tự thân nhiếp, tùy theo bốn xứ an trí, không được truy tìm đoạt lấy. Nếu tùy duyên đổi bán thì không xác định, phân chia như trên những vật thuộc về giá kinh, bàn hương, hòm kinh nhẹ có thể đem theo bên mình thì giống như trên xếp vào vật nhẹ. Mỗi mỗi đều có phân biệt, thuộc loại nào cũng tùy theo bốn vị. Những vật như giường Phật, khăn lau kinh cũng tùy theo bốn xứ xếp vào Phật Pháp. Cái không xác định xếp vào vật nặng, đếm số hạt châu xếp vào vật nặng (loại khác).

Thứ ba: ruộng vườn, nhà cửa, đất đai, v.v... Luật Tứ Phần chép: già-lam và những phòng riêng, cây quả thuộc về già-lam, phòng ốc đồ vật thuộc loại khác. Nếu bỏ vải lụa sống để xây phòng riêng cho mình, né đã đổi được vật nặng thì xếp vào vật nặng. Lúc chết vì là vật nhẹ nên cho phép phân chia. Nếu xả vật nặng nhẹ xếp vào Phật Pháp, không truy tìm lấy, vì Phật Pháp có chủ khác rồi trở lại theo chỗ người chết má phân chia. Nếu xác định là phòng xá đẹp đẽ như bức màn ngăn che dính bụi thì thuộc về phòng ốc, đồ vật.

Nếu ngay bốn xứ ba thời chia phòng, không phân định khách, chủ thì y cứ vào bốn xứ sắp xếp. Nếu cái không đúng pháp mà tăng trích lấy đưa vào làm vật dùng của thường trụ.

Luật Thập Tụng chép: Đất đỏ nhuộm màu nên xếp vào vật nặng, theo đây, đất sét trắng, vàng lợt thì cũng giống như vậy.

Thứ lớp da thú v.v... Luật Tứ Phần chép: áo da, áo cỏ cây v.v... tất cả đều không được mặc thì xếp vào vật nặng.

Luật Thập Tụng chép: đồ vật bằng da, túi đựng dầu nhân nữa trở xuống, giày da, ủng da, hàm lọc da, da thuộc, da lót chân v.v... thì nên chia, ngoài những thứ đó ra nên xếp vào vật nặng, ủng bằng, ủng xiên xếp vào vật nặng, vì áo mặc của kẻ phi đạo. Những vật khác nên xếp vào vật nhẹ.

Kinh Tỳ-ni Mẫu chép: Kinh luật trước có phó chúc phân xử là: giao phó cho người kia. Nếu không phó chúc thì tùy theo người mà thọ mà giao cho họ. Không nên phân chia, bán chác tục thư, xếp vào vật nặng. Giấy bút, mực v.v... y theo luật, đưa vào vật nhẹ. Vì cam giữ đạo pháp.

Đậu thanh thảo chỉ là vật dùng nên y theo Luật Thập Tụng quyết đoán, .

Về năm thứ vật nuôi, Kinh Tỳ-ni Mẫu chép: Lạc đà, lừa, ngựa v.v... cho ở trong chùa, tăng thường trụ. Nếu thuộc về bồn, bình, phòng ốc, trai đường, hoa quả, vườn tược của chùa nhỏ đủ cho chùa sinh sống, hiện tiền tăng này không nên phân chia. Vì thuộc về bốn phương Tăng.

Vì sao gọi là đủ để cho chùa sinh sống? Vì người giữ những vật cần dùng, không đủ để sinh sống thì không phải người giữ vật cần dùng.



3/ Nhân dân, tôi tớ: Luật Tứ Phần chép: Người trong Tăng-già lam nên xếp vào vật nặng có ít vật riêng, bất luận nặng nhẹ, đều lấy làm của riêng. Nếu Tăng hay tôi tớ chết, y phục vật dùng đem cho người thân thì thường trụ Tăng dùng. Tôi tớ riêng chết nghĩa có hai: Nếu cùng y phục ăn uống và tài vật của tự lấy cho mình thì tùy theo việc dùng mà phân chia. Nếu không sinh hoạt chung thì chủ trâu lấy. Người cho y phục, thức ăn chết thì tài vật thuộc về người thân của họ. Nếu không có người thân mà trong nội viện tăng không có chủ trì vật đưa vào thường trụ (thuộc về người thân là y theo vị Tỳ-kheo diệt tận, nếu chết, y phục, đồ vật thuộc về người thân, còn nếu tăng cung cấp thì khác).

Kinh Tỳ-ni Mẩu chép: Nếu có tôi tớ thì nên giải phóng cho về. Nếu không giải phóng thì làm tịnh nhân Tăng-kỳ (theo đây mà giải phóng, gọi là ban cho họ tốt, rất ráo y theo luật).

– Tứ dược: bất luận là lúa đậu sống hay chín, com, tương, nước thuốc, viên thuốc cao v.v... đều đưa vào vật nặng (giá trị). Tuy có tàn ác xúc nhưng cũng không mất. Rõ ràng, luật Tát-bà-đa nói: Vì lúc chết tâm rất thanh tịnh cho nên không tiếp xúc, tranh cãi với việc luôn bán xưa.

Thập tụng, Già luận chép: Nếu trong tăng thỉnh thọ thực mà người đó đã qua đời thì giống như pháp phân chia y phục (khíên cho chỗ hiện tiền xếp vào vật nặng, trước đã qua đời, sau được thức ăn).

Trở về bốn xứ nhận y phục của người khác cho cũng vậy. Văn nói không hết, việc cũng không thể bỏ bớt, đủ như trong việc phân chia vật nặng, nhẹ, cũng cần biết loại để giải bày rành mạch. Ba điều thông dụng luật giầu, bỏ lập chánh văn là việc quan trọng. Không gán nung vào dụng của luật Tứ Phần để quyết định. Như đồ dùng dân nước tắm gậy sắt, quạt, kim chỉ và các con dao, luật còn phân biệt những vật khác xếp vào vật nhẹ thì cũng là loại đồ dùng. Văn nghĩa rộng rãi, bao gồm như quyền thuật khác còn y cứ vào đệ nhị tức là quy cảnh.

Đủ bảy đức thượng công. Luật Tứ Phần chép: có hai mươi lăm đức, năm đức đầu tiên nói người bệnh rất lấy làm hổ thẹn nhưng cũng bày tỏ với người nuôi bệnh là có phước đức.

1. Vật không nên ăn mà muốn ăn, không chịu uống thuốc.
2. Người nuôi bệnh có tam tốt nhưng không bằng lời nói thật.
3. Nên làm hay không nên làm, nên ở hay không ở.
4. Thân đau nhức không thể chịu nổi.
5. Ít có khả năng chịu đựng, không làm mà lại ép người khác làm.

Lại không thể tranh ngôi, chỉ để trong lòng. Kế là nói năm đức của người nuôi bệnh, có đầy đủ phẩm hạnh.

1. Biết vật người bệnh ăn được hay không ăn được, nếu ăn được thì nên cho.
2. Chẳng góm đồ đại tiểu tiện ói mửa của người bệnh.

3. Có lòng thương xót, không vì cơm ăn áo mặc.
4. Có thể chữa trị bằng thuốc thang cho đến chết.
5. Thường nói pháp cho người bệnh nghe, làm cho họ vui vẻ, đối với pháp lành thiện lớn lợi ích. Có năm pháp này nên cho người bệnh y phục đồ vật, nếu trẻ nhỏ nuôi bệnh, Phật nói là không được.

Luật Ngũ Phần chép: nếu nhiều người nuôi bệnh thì nên cho người nuôi cuối cùng.

Luật Tăng-kỳ nói có bốn hạng:

1. Tạm làm
2. Tăng sai nuôi bệnh
3. Tự thích phước đức
4. Tà mạng mà làm, đều không được.

Nếu người nuôi bệnh phạm pháp luật của nhà vua mà chết cũng không được ban thưởng. Nếu muốn người bệnh được lợi ích, muốn cho họ mau lành bệnh thì đốt một ngọn đèn, sẵn sóc đến cùng thì được đồ vật này (ngoài ra giống như trong pháp nuôi bệnh).

Kê là nói rõ đồ vật để cho. Trong luật bất luận là đức bậc thượng hay bậc hạ vẫn cho nhận, giữ y phục, đồ vật. Nếu không biết người nhận lãnh, giữ gìn thì nên ưu tiên cho người nuôi bệnh hết lòng, cho họ ba y tốt, người nuôi bệnh bậc trung, bậc hạ thì cho y loại vừa và loại thường.

Luật Thập Tụng chép: trước hỏi thợ trị y bát nào, mỗi thứ phải hỏi kỹ.

Luận Tát-bà-đa chép: ba y may nhiều lớp nếu không dùng kim khâu lại thì không đem đến cho người nuôi bệnh. Nếu trước đã khâu rồi thì có duyên thợ trị, người chủ y chết cũng phải nên thưởng cho họ.

Luật Tứ Phần nói sáu vật:

Ba y, túi đựng y, túi đựng bình bát, túi đựng toạ cụ, ống đựng kim chỉ, nghĩa y cứ theo đức, đủ sáu vật không đủ (bốn câu). Ban đầu đức và vật đều đầy đủ, y cứ theo pháp mà ban bố cho. Nếu đức đầy đủ mà vật (dung cụ) không đầy đủ, cho đến cả hai đều thiếu thì cùng theo sự việc mà thương lượng. Nếu đức khuyết thiếu, vật dụng đầy đủ, nếu xét theo lý thì chẳng phải là pháp khen thưởng nhưng nếu xét theo sự thì những người dày công làm việc cực nhọc cũng nên khen thưởng cho họ, đồng thời xếp vào hiện tiền để Yết-ma, tùy theo đức (hạnh tốt) có hay không, giữ đồ vật để phân lượng việc làm, và tăng xin thì nên cho, sự tình thông suốt.

Người được chọn có đến không?

Luật Ngũ Phần, Luật Thập Tụng nói có bảy chúng, chỉ có hai chúng được nuôi Tỳ-kheo bệnh là: Tỳ-kheo và Sa-di, còn lại năm chúng thì không được nuôi.

Trong ni chúng ba người thì được, hơn bốn người thì không được. Tuy là cha mẹ, anh em cũng không nên cho nuôi (vì nuôi nặng cực nhọc cho khi bệnh hết thì họ không bằng lòng).

Ma-đắc-già chép: Người tại gia nuôi Tỳ-kheo bệnh thì phải cho một Sa-di theo để trông coi, ba chúng ni cũng như vậy. Sa-di phải hết lòng cùng họ trông nom.

Luật Ngũ Phần và Luật Thập Tụng chép: cho Sa-di đồng với Đại Tăng. Y cứ theo đây, nếu chúng nhiều Tỳ-kheo thì Sa-di là người nuôi bệnh cuối cùng, nên cùng với một người đã được bốn xứ phân chia.

Luật Thập Tụng chép: nếu người nuôi bệnh ra đi, xin y phục, thuốc men cho người bệnh cẩn thận đem về đưa cho người bệnh thì cũng có thể xếp vào hiện tiền xướng hoá rồi giao phó cho. Nếu an cư ở chỗ khác, người đến nuôi bệnh thì được thưởng.

Già Luận chép: người nuôi bệnh ở ngoài giới cũng nên thưởng cho họ. Thời tiết bát phân, năm chúng nếu chết, Luật Tứ Phần nói không nên lập tức đóng cửa.

Nếu người kia có đệ tử đi chung hoặc người trì giới đáng tin thì cho móc cửa lại. Nếu không đáng tin thì nên giao cho tăng giữ móc cửa.

Vị Tri sự đã cúng dường Xá-lợi, lo liệu xong. Nếu người đệ tử trì giới đáng tin thì sai cõi y. Nếu không đáng tin, thì nên bảo vị Tri sự cõi y, sau đó tăng phân chia.

Luật Thập Tụng chép: nếu các Tỳ-kheo ở bên thầy chết chia y, thầy chết đứng dậy giữ gìn đồ vật, Phật khiến cho thầy chết đi ra sau. Nếu tăng ở chỗ khác thì nên chia.

Kinh Tỳ-ni mẫu chép: chia tài vật của Tỳ-kheo trước khiêng xác chết đi chôn cất xong rồi, tăng trở về chùa đem y phục tài vật của người chết đặt ở trước tăng, sau đó chia như trên. Y cứ theo pháp nhóm họp tăng để phân chia tài sản.

### ***Pháp chia cửa mình có hai:***

– Trước gom tiền tài, y phục lại.

#### ***a/ Phân chia tài sản.***

Đầu tiên, người nuôi bệnh đem những đồ vật nặng (giá trị) nhẹ (bình thường) của người đã chết, đồng thời nhóm tăng. Nếu không giữ gìn nổi thì đem tất cả những tài vật như giường tòa, lu, nhà cửa, phòng ốc, vườn tược trâu bò, tôi tớ đối trước tăng thưa rành mạch rõ ràng để tăng chúng biết những tài sản ấy là nhiều hay ít.

Ban đầu rành rẽ pháp lập, ba pháp Yết-ma, đối thú, tâm mê.

Trong phần đầu nếu năm người thì được làm hai pháp: thưởng công và phân chia y phục. Nếu bốn người thì dùng ngay pháp phân chia giống như sau nói rõ điều này. Pháp của tăng từ năm người trở lên (cho đến một người tâm niệm, duyên trước giống ví dụ này). Trước đã gom của cải lại rồi, sau đánh chuông

nhóm tăng chúng khắp nơi về. Việc này rất giống phương thức trong tăng, không được đóng cửa, mượn có trời tối, giới hạn khách đến, ý ngăn cản khách tăng mười phương đến đồng thời trái với pháp chúng, trái với các duyên trên, nên tự làm cho tâm mình trong sạch.

Tăng chúng đã nhóm rồi, người nuôi bệnh kia ở chỗ đồ vật, y phục, đầy đủ nghi thức xả bỏ.

Đại đức tăng cho phép tất cả những đồ vật như y phục và chẳng phải y phục của Tỳ-kheo mỗ giáp đã qua đời này, nay hiện tiền tăng ở trú xứ này nên phân chia (nói ba lần, trong luật đã nói rõ sáu vật, theo luận không cần phải nhóm họp). Vị Thượng toạ trì luật trong chúng phải phân xử giải quyết điều này.

Trước hỏi trong tăng: Ai biết người đã chết này? Lo việc Tam Bảo và tài vật của vị ấy. Lại ai biết người khác lo việc Tam Bảo và lo phân chia tài vật của người đã chết, mỗi mỗi phải xét hỏi. Nếu có người biết thì phân xử như phần trên.

Kế đến phải phân biệt rõ hai điều người đã chết nói, giao những tài vật lạc vật cho ai và người cùng sống chung, cùng chung tài sản, để y theo trên giải quyết.

Kế là xác định tài vật thuộc loại nặng hay nhẹ rồi phân chia như trên.

Nếu vật nặng thì những người ở cùng trú xứ ghi lại tên của đồ vật. Nếu vật nhẹ thì những người ở cùng trú xứ cũng ghi lại tên của đồ vật, đồng thời hỏi người nuôi bệnh có đem những đồ vật nặng nhẹ của người chết để tống táng theo họ không? Nếu có thì tìm giúp, nhập tháp xướng họa ba lần rồi trở về. Nếu không thì trước nên thưởng công cho người nuôi bệnh nhưng năm đức khó đủ.

Nếu không đủ năm đức thì không y cứ vào phương cách thưởng công. Ngày nay việc làm và sự việc đều hỏi chúng: người đó có đủ năm đức hay không? Nếu đáp là đầy đủ thì đó là tự khoe khoang công lao của mình bị người đời chê cười. Nếu không đáp là đầy đủ thì có công mà không được thưởng trái với điều Phật chế và đoạt đi công lao của người xuất phát từ trong tăng. Cho nên luật nói: Tăng được tự tại thì buộc hay không buộc đều tùy ý. Nay cũng chưa cần hỏi, trong luật không có chánh văn, nếu biết người có công chịu đắng cay thì bậc Thượng toạ nên nói:

– Trưởng lão có công nuôi bệnh, Phật cho phép ưu đãi và thưởng công, nên quý thẳng để được Yết-ma.

Người nuôi bệnh khiêm tốn từ chối là không có đức, nên hổ thẹn không dám nhận trọng thưởng tăng phải thuyết phục khiến cho họ nhận, sau đó hỏi dục vấn hòa.

Đáp: Yết-ma thưởng sáu vật cho người nuôi bệnh, tức là bạch nhị Yết-ma để cho người nuôi bệnh đó.

Đại Đức Tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo mỗ giáp đã qua đời, tất cả tài sản, ba y, bình bát, toạ cụ, ống đựng kim chỉ, bọc đựng y, bọc đựng đồ vật (tùy theo cái

mà nói) hiện tiền tăng ở đây nên phân chia nếu tăng phải thời mà đến, tăng chịu cho, nay tăng cùng với Tỳ-kheo mỗ giáp nuôi bệnh, tác bạch như thế.

Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo mỗ giáp đã qua đời, tất cả tài sản như đại y, bảy điều, toạ cụ (những vật khác cũng giống như trên) hiện tiền tăng ở đây nên phân chia, nay Tăng cùng với Tỳ-kheo mỗ giáp đã nuôi bệnh, các Trưởng lão nào chịu tăng cho Tỳ-kheo mỗ giáp nuôi bệnh y bảy điều, năm điều, bình bát và túi đựng y (những vật khác giống như trên) thì im lặng, ai không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo mỗ giáp đã nuôi bệnh, y bát, toạ cụ, ống đựng kim chỉ, túi đựng y, túi đựng đồ vật rồi. Tăng bằng lòng vì im lặng, việc này nên hành trì như thế.

(Thanh y tức là bọc đựng y, trữ khí tức là bọc đựng bình bát, nếu có nhiều rương, bọc khăn, túi đựng kim chỉ nên lấy đồ vật, y phục thường dùng để thưởng cho người nuôi bệnh, nếu ba y mỗi y đều có bọc thì ba cái bọc ấy nên cho người).

### ***Kể là phân chia vật nhẹ.***

Luật dạy bạch nhị Yết-ma sai người phân chia. Hành sự thời nay vẫn giữ việc trì sự trong tăng hoặc đến lúc chỉ sai bằng miệng chứ không bạch Yết-ma. Đây là trái với pháp, người trì luật trước phải biết người không có đức là pháp của Sa-di, phân nhiều luận rằng ba y ở chỗ khác thì đem đến đây để thưởng, nếu đức này không đủ thì tùy theo chỗ kia phân chia (nên biết rộng sử dụng với hiện vật). Nếu ngoài ba khuỷu tay, năm khuỷu tay thì tùy theo độ dài cũng nên bạch cho tăng biết, nếu Tăng hòa hợp thì tốt.

Luật Thập Tụng chép: nếu Sa-di chết thì những y phục bên ngoài và bên trong nên cho người nuôi bệnh, còn những vật nhẹ thì Tăng nên phân chia, nên Yết-ma rằng: Sa-di mỗ giáp đã chết, tất cả những y phục bên trong, bên ngoài và những đồ vật chẳng phải y phục đều giống với pháp tăng, nay người thực hành pháp bảo, vị trì sự ở trước Tăng quỳ thẳng bạch nhị Yết-ma để trao cho (văn trong luật ít, không đầy đủ, nay y theo phi thời tăng thí pháp).

Văn nói Đại đức tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo mỗ giáp đã qua đời, tất cả tài sản như y phục (nghĩa là có thể dùng để mặc) và chẳng phải y phục (những vật dụng như bình bát, túi đựng y và tài vật v.v... ) hiện tiền tăng nên phân chia. Nếu tăng phải thời mà đến, tăng bằng lòng cho tăng nay cho Tỳ-kheo mỗ giáp y phục, tài vật này, Tỳ-kheo mỗ giáp nên trả lại cho tăng, tác bạch như thế.

Đại đức Tăng xin lắng nghe, Tỳ-kheo mỗ giáp đã qua đời, tất cả tài sản như y phục và chẳng phải y phục, hiện tiền tăng này nên phân chia, nay Tăng đem cho Tỳ-kheo mỗ giáp, Tỳ-kheo mỗ giáp phải trả lại cho Tăng, Trưởng lão nào bằng lòng Tỳ-kheo mỗ giáp đã qua đời, tất cả y phục, tài vật hiện tiền tăng nên phân chia, nay tăng giao y phục và tài vật cho Tỳ-kheo mỗ giáp, Tỳ-kheo mỗ giáp phải trả lại cho Tăng thì im lặng. Ai không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo mổ giáp y phục và tài vật này, Tỳ-kheo mổ giáp phải trả lại cho tăng, tất cả tăng đã bằng lòng vì im lặng, việc này nên hành trì như thế.

Tác pháp rồi thì đếm Tăng đếm số lượng y phục, tài vật rồi cùng nhau xem xét, bỏ thẻ để phân chia.

Luật Ngũ Phần chép: Nếu có một y rất tốt mà đại chúng đều đã có y (theo luật phân chia, phá việc đó) nên theo bậc Thượng tọa phân chia việc đó, người cần thì trao ngay cho họ, nếu y phục và tài vật nhiều đồ chúng đều đã có pháp nên y theo thánh giáo mà phân chia. Đây là phi thời tăng được thí, công đức cùng khắp mười phương tăng, không cần tạo giống như thiết trai cúng dường còn sinh quả hữu lậu. Vì người xuất gia tu trí, phân biệt nghiệp không lấy phước phần làm bồn hoại mặc sức làm trái giới bốn Phật chế. Các bộ chỉ nói rõ phân dụng, trí phạm không hơn tâm thánh, nếu không nhóm họp ở ngoại giới. Luật Tăng-kỳ chép: vì người bệnh mà tìm cầu y phục, thuốc men và xây tháp, làm Tri sự trong tăng, tuy lúc này không có ở đây nhưng cũng nên phân chia người trông coi đây gọi là người được sai chúng, nếu quản lý riêng về Phật pháp thì không đúng. Đến hôm sau phải phân công Sa-di và tịnh nhân trông nom.

Luật Tứ Phần cũng chép: nếu Tăng hòa hợp thì cùng cho, nhẫn đến cho bốn chỉ cho một, trong năm tịnh nhân chỉ cho một, nếu không cho thì chẳng phải là phân công, hoặc phân chia đắc tội, tự mình phế bỏ ngôi vị khác như trong số sao. Như vậy tính tổng số lại ghi tên, ghi số, sau đó phân phát phẩm vật cho họ. trong luật không có pháp bán đồ vật để phân chia, thời nay phân chia mà bán đồ vật là phi pháp trái luật, là bị chê cười, sao mà dày mặt quá vậy? Phật bảo phân phó vì muốn dứt bỏ tư tưởng tham lam, khiến cho mỗi người tự cảnh tỉnh chính mình, nay thì ngược lại chỉ vui cười không vì chung thí, nhóm họp đời thường này thì không thay đổi mong các bậc tri thức xem xét kỹ lỗi lầm này.

Nếu năm người ở chung mà một người qua đời thì y bát chia thẳng cho ba người và thưởng công lao cho một người, còn những đồ vật nặng nhẹ khác thì y cứ theo Mẫu luận, bốn người làm pháp Yết-ma phân chia.

Trong văn, ngoại trừ tăng cho mổ giáp y phục, tài vật này, mổ giáp nên trả lại cho tăng v.v... ngoài ra giống như pháp trước. tác pháp rồi chưa được chính tay phân nêu có khách tăng đến nên cho vào nội giới đồng thời phải cùng tác pháp phân chia cho họ vì trong luật phi thời tăng thí cũng vậy, vì khiến cho một người phân chia, nay vì không có người nên phải phân chia, nếu có người không nhớ thì không thành.

### ***b/ Thứ hai là nói rõ pháp đối thú.***

Kinh Tỳ-ni mẫu chép: bốn người cùng ở chung mà một người chết thì ba người phải lần lượt phân chia, hai người nên hòa hợp thưởng y cho người nuôi bệnh, còn những vật khác ba người kia đây cùng nói rằng: hai Đại đức nhớ nghĩ! Những vật này sẽ thuộc về chúng tôi, hai người kia cũng nói như vậy ba lần.

Nếu trong ba người có một người chết thì trước phải lấy y bát giao phó ngay, còn những vật khác hai người nên lần lượt thực hành như pháp trên.

Trong văn Luật Tứ Phần chép: kia đây nói liền ba lần nói cùng phân chia, thọ nhận, văn từ như luận thuyết, ba lần nói là pháp tâm niệm.

Kinh Tỳ-ni mẫu chép: Tương ứng với pháp hai người ở chung, một người chết thì người còn sống nghĩ rằng Tỳ-kheo này đã qua đời, tất cả tài vật của thầy ấy thuộc về tôi, nói như vậy rồi sau đó có người đến cũng không được chia.

Luật Tứ Phần chép: một người được thọ nhận trong tăng thí nên tâm niệm miệng nói đây là phần của tôi được phân chia, trong văn vấn Yết-ma hỏi vật chẳng phải y đó là y gì?

Đáp: Luật không nói về tướng.

Văn nói: Bây giờ, có người dùng vật chẳng phải y phục làm túi đựng bình bát và túi đựng giày dép. Phật nói: không nên làm như vậy.

Lại nói: cho Tỳ-kheo-ni các vật chẳng phải y cũng không biết là y gì, nay chỉ thông qua mà nói lại việc đó, không ngại kia đây đều thâm nhiếp pháp thập minh tạp phân vật. Nếu ở chùa riêng (tư trang) mà chết hoặc làm sứ giả cho tăng, ở chùa Tư Trang mà chết nếu có người vào nhà và chùa của Tỳ-kheo thì những vật nặng xếp vào bồn tự của người chết, vật nhẹ tùy hiện vật mà phân chia cho tăng, cũng không được phân chia cho ni chúng, cho dù khiến cho vị tăng ở gần đến thâm nhiếp vật nặng cũng không cần cho, vì trái với chánh giới Phật chế, nếu người chết không có chỗ ở mà theo chỗ có của thường trụ, tùy theo chỗ gần mà thâm nhiếp (chùa không có tăng pháp cũng không được lấy).

Nếu chùa không có Tỳ-kheo giữ thì giống như pháp của người tại gia.

Luật Tứ Phần chép: nếu Tỳ-kheo không có chỗ ở nhất định, chết ở nhà người tại gia, nếu đàn-việt kia có tín tâm nên ghi vào sổ những vật này. Trong năm chúng, chúng nào đến trước thì nên cho nếu không có ai đến thì nên cho Tăng-già-lam nào gần nhất, y cứ theo văn này nếu Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni đồng đến thì theo chỗ đồng chúng qua đời, mỗi người tự lấy phần, không được cùng nhau phân chia những vật này. Bộ hiện tại cũng không cần thêm pháp, cứ nhiếp thủ thẳng như vậy.

Nếu không ở chung nhân dự gia pháp, vật nặng quý giá cũng như trên. Lượng về vấn đề đó tùy theo tình cảm xa gần, nếu đến nhà người tại gia biết có vật của người đã chết thì phải cầm lấy, trong ý nghĩ là thuộc về của mình thì mới thành, dù thấy cũng không được, dù cầm vào tay mà người thế tục tự gom về mình. Đây thuộc về người thế tục quyết định, trộm của tăng thành tự cũng không được đoạt lại, nên khuyên dạy họ cúng dường cho tăng để họ không mất đạo nghiệp (tăng được thọ nhận vật cúng dường của người thế tục).

Luật Tăng-kỳ chép: Tỳ-kheo ôm y phục của người khác mà đi.

Người chủ y qua đời, liền đem y thọ dụng riêng không cho Tỳ-kheo đồng giới và đàn-việt (theo Luật Tứ Phần thì không thành, có Tỳ-kheo mà không nhớ nghĩ) nếu làm pháp Yết-ma rồi thì lượng cảnh, sợ Tỳ-kheo khách đến. Nên biết trước và sau Yết-ma (nghĩa là thâm nhiếp giới lớn của tăng không biết tăng có hay không) trong luật có Tỳ-kheo không nghĩ nhớ biệt chúng chia y đều không thành.

Hỏi: Nếu đem đồ vật của người chết ra khỏi giới rồi phân chia có thành không?

Đáp: Luật Tứ Phần chép: nếu y phục tài vật khó phân chia thì phải nói nơi nào, lúc nào phân chia, nếu gọi người đến hoặc tự đến thì nên cùng nhau phân chia các bộ có kết là phạm tội không? Đáp: Đắc thành (Luật Tăng-kỳ thọ y như pháp hoặc cùng sống chung, chung ý).

Luật Thập Tụng chép: Tỳ-kheo gọi y bát cho ni nên đòi lại phần của Tỳ-kheo, ni gọi tài vật cho Tỳ-kheo cũng như vậy (không giống như gia pháp của người tại gia).

Hỏi: Đem tài vật của người chết vào giới, Tỳ-kheo trong giới ấy không biết nên đem ra ngoài giới, người nào thấy trước có được phần không?

Đáp: được nhận, vì đang trong giới không biết lúc phân chia vì đồng pháp.

---o0o---

## **QUYỂN HẠ**

### **PHẦN 2**

#### **THIÊN THỨ 18: THỌ THANH TỊNH BỐN THỨ THUỐC**

Thân quả báo được duy trì là nhờ thuốc, thuốc đều gọi là Thông, được chia làm bốn, gọi là thời dược.

Từ sáng đến trưa Thánh cho phép uống, việc thuận với pháp thì nên làm không sinh tội, nói thuốc phi thời là những tạp vật như các thứ nước trái cây ép, đối với người bệnh mà lập thời khai cho uống, giới hạn không trái luật.

– Thuốc bảy ngày: ước thúc có thể thành tựu pháp tất cả đều phân đều hạn dùng từ số ngày điều trị rất lợi ích.

– Thuốc suốt đời: thể lực đã sâu kín nên cho phép uống lâu mới trừ được bệnh.

Thân có ba loại:

1. Thân tận dược
2. Thân tận bệnh
3. Thân tận báo

Rõ ràng luận rằng: có thân thì có bệnh, tuy ít sai tổn, sau hẳn trọng phát, thêm vào khâu pháp có năng lực trọn vẹn nên thọ nhận trong bốn loại này, Luật Ngũ Phần có nói rõ:



1. Nói về thể của thuốc
2. Nói về nơi chốn tịnh địa
3. Hộ tịnh khác nhau
4. Tịnh pháp khác nhau
5. Hai thọ có khác

Trong phần đầu nói được có bốn thứ là nói theo bốn thứ thuốc, thì thời được có hai. Trong Luật Tứ Phần có năm loại Bồ-xà-ni (Hán dịch là chánh thực) nghĩa là thức ăn sơi, thức ăn khô, cá thịt. Năm loại khư Xà-ni (Hán dịch là bất chánh) là cành lá hoa quả xay thật nhuyễn để ăn (như trong tùy tướng).

Luật Tăng-kỳ chép: thời thực là củ cải, củ hành, ngó sen, củ cải trắng, diệt trừ rễ cỏ độc (tức là gốc cỏ Tề-ni căn).

Thời tương là tất cả nước gạo, nước bột, sữa lạc, các luật đều có nói cá thịt là thời thực, đây là bỏ giáo điều trước.

Kinh Niết-bàn chép: từ hôm nay về sau không cho đệ tử ăn thịt, phải quán sát như thịt của con mình, người ăn thịt dứt trừ mất hạt giống đại bi, tất cả các loài vật ở trên cạn, ở trong nước, hay bay trên hư không đều có thân mạng, đều có oán thù, cho nên Phật không cho ăn, rộng như kia đã nói.

Kinh nói: trước bỏ ăn thịt gọi là chẳng phải của bốn loài sinh nhưng hiện hóa vì độ chúng sinh.

Kinh Lăng-già chép: không có xét nhân duyên thì không nên ăn thịt, tóm lại có mười loại:

1. Tất cả chúng sinh từ vô thị đến nay thường là sáu thân, vì nghĩ đến người thân nên không ăn thịt.
2. Chồn, chó, người, ngựa, heo vì đổi thay lẫn nhau.
3. Sinh ra và lớn lên ở nơi bất tịnh.
4. Chúng sinh nghe mùi sẽ sinh sợ hãi.
5. Vì khiến cho người tu hành có tâm từ bi, không sinh tâm ưa thích.
6. Hễ ngu muội huân tập những xú uế bất tịnh không lành thì được ngợi khen.
7. Vì làm cho chú thuật không thành tựu.
8. Vì ăn thịt nên thấy hình khởi thức đắm nhiễm các mùi vị.
9. Bị các vị trời bỏ đi, thấy nhiều ác mộng, cạp beo nghe mùi.
10. Vì ăn nhiều loại thịt nên ăn luôn cả thịt người. Như kinh Ban Túc Vương nói: Nay có người ngu muội phân đông ưa thích thịt, trong các tội tội này là lớn nhất, cho nên kẻ giết mổ buôn bán chỉ là người ăn thịt, nếu không ăn thịt thì

không phải là kẻ hàng thịt chém giết, cho nên biết kẻ ăn thịt giống như kẻ giết mổ tạo nghiệp, giới sát sinh có thể không răn giữ hay sao?

Luật Tăng-kỳ chép: nếu là Tỳ-kheo giết thì tất cả bầy chúng không nên ăn, cho đến Ưu-bà-di giết bầy chúng cũng không nên ăn, nay người học giới phần nhiều không ăn thịt, tăng chúng thuộc hệ Đại thừa ở Trung quốc cùng theo lệ này, người học Đại thừa mà lấy uống rượu, ăn thịt làm hành vi hiểu biết thì cả hai giáo phái Đại thừa và Tiểu thừa không thu nhận, tự họ vào chỗ giết mổ để làm thịt, thiên ma ngoại đạo còn không ăn thịt uống rượu, đây là tướng sù của Diêm-la.

Luật Tứ Phần chép: nếu người sát sinh này thực hành mười nghiệp ác nên mới vì mình mà giết hại sinh vật cho đến thịt ở những nơi cúng tế lớn cũng không được ăn vì xét cho kỹ thì người đến tâm không chủ định, hôm nay kẻ hàng thịt thông với kẻ giết hại thì y cứ theo giáo pháp không ăn loại thịt nào, đây chính là chấm dứt việc ăn thịt, kinh Tỳ-ni mẫu rất giống ở đây.

Luật nói: nếu giữ mười điều lành thì người kia không bao giờ vì mình mà cắt đứt mạng sống chúng sinh, y cứ theo đây thì đâu có thịt gì để ăn chỉ có chúng tự chết, chim chóc tàn hại, giống như bắt tội.

Kinh Lăng-già chép: rượu thịt thuộc về hành, hạ, tội, nên ắt không ném qua, trong nhân gian còn nói không uống rượu ở chợ búa quán xá, hưởng gì bậc cao tăng xuất gia học đạo, lấy rượu thịt làm ý chỉ ư? Đây là bản hoài có thể thấy.

Ma-đắc-lặc-già chép: nếu dùng rượu nấu là thuốc phi thời một ngày, được uống nghĩa là không có tánh rượu được uống, nay rượu thời được khiến cho đủ mùi vị say sưa, vì tham uống thêm khổ độc, cũng chẳng phải khoái khẩu ngon miệng, nghiệm qua hai đường này để biết được tánh tịnh là hoàn toàn cách xa đạo.

Về Phi thời tương, luật Tăng-kỳ chép: lúa, đậu, lúa tẻ nấu cho đặc lại, nếu bơ dầu, mật, thạch mật, mười bốn loại trái cây làm tương sống, nước trái cây thì phải dùng nước tác tịnh, nếu dưới còn một ít nước dưới đáy thùng chứa nước bị mưa ướt cũng gọi là tịnh.

Luật Thập Tụng chép: nếu nước quả nho không dùng lửa hơ qua để tác tịnh, vì trong nước nên không dùng nước để tác tịnh thì cùng là bất tịnh, không nên uống, nếu cả hai đều tịnh thì được uống, theo đây chung với bốn thứ thuốc vì phá mùi vị để trừ tham.

Luật Thiện Kiến nói nước trái cây ép Xá-lâu-già nghĩa là gốc sen giả vắt nước lắng trong tất cả, tất cả lá ngoài trừ rau cải tất cả hoa, tất cả quả của cỏ, ngoài trừ quả ngọt, bí đao, dưa ngọt, dưa, ngoài ra được uống phi thời.

Kinh Tỳ-ni Mẫu nói: được nhiều loại quả quá ăn không hết thì bỏ ra vắt nước uống, nếu chưa hết đầu hôm mà nước trái cây đã biến thành rượu thì không được uống vì lượng rượu đã thành. Luận có nói rõ, gạo rang cho cháy đen, bỏ thuốc dư vào trong để làm tương, cũng gọi là phi thời tương.

Luật Tứ Phần chép: có tám loại tương, xưa không cho các vị tiên uống là quả lê, táo chua, mía ngọt, nho, xá-lâu-già, v.v... làm tương, nếu người say thì không nên uống, nếu uống thì như pháp mà trị.

Già luận chép: phải sái tịnh ngoại trừ lông trong cho nước, nếu có chất nước đặc dùng cho thời tạp thực, nếu nuốt xuống khỏi cổ thì tùy theo đó phạm Ba-dật-đề.

Thuốc bảy ngày là, Luật Tứ Phần nói năm loại: bơ, dầu, bơ sống, mật, thạch mật, người đời đã biết thì nên ăn đúng thuốc như ăn cơm, hết cơm không để bám dính.

Già luận chép: đường tương cũng thọ được bảy ngày, cho đến không bỏ tự tánh.

Luật Tăng-kỳ chép: thêm một loại sáp (chất béo)

Luật Tứ Phần nói: ngài Xá-lợi-phất bị trúng gió, thầy thuốc bảo uống năm loại mỡ: gấu, heo, lừa, beo, v.v...

Luật Tăng-kỳ nói thuốc này thanh tịnh không phải khí thời thực, một lúc thọ uống bảy ngày, có bốn trăm lẻ bốn loại bệnh, phong đại dùng một trăm lẻ một loại dùng mỡ để trị. Hỏa đại bệnh nặng dụng bơ để trị, Thủy đại bệnh dùng mật để trị, tạp bệnh dùng ba loại thuốc trên để trị.

Luật Ngũ Phần nói thầy làm thạch mật giả gạo bỏ đường vào, Phật nói tác pháp cũng như vậy, nếu pháp hợp thuốc như vậy thì chp phép uống phi thời.

Luật Thập Tụng nói Thạch mật không được nuốt liền, trừ năm hạng người: người đi xa, người bệnh, người ăn ít không đủ, người không ăn được, nếu chỗ cho nước thì hòa với nước để ăn.

Luật Ngũ Phần chép: hai thời đói, khát thì hòa với nước để ăn.

Luật Tăng-kỳ chép: ăn như trên phần nhiều được nước hoa quả đông lạnh, ăn không hết. Động thành bơ sống được uống bảy ngày, nếu bơ nấu cho nhừ, được thọ dụng bảy ngày (nghiêm biệt bơ dầu mỗi thứ đều thọ tác pháp, được hơn bảy ngày không gọi là thọ lại) nếu lúc khát thực phần nhiều được bơ, Tỳ-kheo bệnh nặng nên lấy tám tấm mịn dày sái tịnh rồi lấy bơ để lên, được thọ dùng trong bảy ngày, nếu có duyên sự không được ở trước, trong lúc tác tịnh nên đối trước một Tỳ-kheo ghi nhớ nói trong đây vật tác tịnh để sinh hoạt tôi phải làm thuốc thọ dụng bảy ngày nếu quên nhầm thì đừng thọ, đừng tác tịnh, quá thời gọi là bất tịnh, nếu được nhiều dầu như trong tô nói, được Hồ-ma ăn còn sót lại, không hết thì nấu lấy dầu, dùng trong bảy ngày. Nếu có duyên sự thì không được tác tịnh, nếu mỡ gấu mỡ heo, v.v... như phần trên có 0 dùng không? Được mía ngọt và quả cũng giống như trên.

Luật Thiện Kiến nói, thọ dùng sữa đông đặc ghi trong phần sữa đông đặc, bơ là thuốc bảy ngày, đến ngày thứ bảy hợp lại được thì nên uống trong ngày, đến ngày thứ tám thì phạm nên xả bỏ dầu, mật cũng vậy.

Ma-đắc-lặc-già chép, phi thời thọ mĩa ngọt tác pháp không thành trong thời đồng thành, nhưng mật mùi vị ngon gấp hai, phạm thánh thường nói tham phá hoại việc làm, trước tiên là ở đây, cả hai đều cưỡng ép cướp bóc làm việc đó, nếu không phải bệnh nặng thì hiếm khi để vào miệng, cho nên luật Tăng-kỳ nói Phật thọ nhận thức ăn của loài khỉ chứ không dùng mật ngon của loài ong...

Tận hình thể: Luật Tăng-kỳ nói, hoa rễ của cây Hồ tiêu, Ha-lê-lặc... Đây là thuốc phi thời, Tỳ-kheo bị bệnh, thở hổn hển nên uống cả đời.

Luật Tứ Phần nói không tin là thức ăn thì tất cả những vị mặn, đắng, cay, ngọt v.v... cũng không đảm nhận là thức ăn, gọi là thuốc suốt đời.

Luật Thiệt Kiến nói tất cả cây cối và cỏ, gốc, rễ, cành, lá là thức ăn, người không tin là mình trọn đời ăn những thứ đó. Còn cây cối, cỏ lá bất luận là gốc rễ đều là thời được, hoặc gốc là thời được, cỏ là thuốc suốt đời, mọi thứ đều có lẫn nhau nên không thể chỉ tên riêng lẻ được, nhưng có thể ăn thời được là gồm nhiếp được tất cả.

Người không tin thuốc suốt đời, luận số đã rõ ràng rằng nếu bệnh, uống thuốc bảy ngày thì tùy theo bệnh mà lượng thuốc nếu hết bệnh thì phải xả bỏ, nếu không bị bệnh, không đói thức ăn phi thời thì phạm tội ăn phi thời; dầu, mật, cao cũng vậy, cho nên trong luận đưa ra bơ, v.v... thuốc cả đời thì không như vậy, có thân thì có bệnh, Phật cho phép uống thuốc này để phòng hộ thân quả báo trong một thời kỳ, nếu không có khách bệnh, lại không có đói khát thì phi thời không được uống.

Luật Thập Tụng nói rượu trong đắng, không có hơi rượu, không làm bằng hèm đến quá trưa được uống. Bây giờ bàn luận, tất cả kinh luật tùy việc mà bàn bạc về thể, giống như tông này thì đầy đủ ví dụ như trên, nay có người ngu phi thời vọng ăn gọi là nước trái mơ, nước táo tương làm bằng quả gồm cả cặn, củ sen, nước gạo, càn địa hoàng, ngọn phục linh, các thuốc rượu nấu chẳng mặn, đắng mà vừa miệng thì ăn nó lúc phi thời, đồng thời khi ăn đã vượt ngoài tự tâm, vọng dựa vào Thánh giáo không bằng ăn cơm, việc này chưa hẳn làm cho tâm ác thêm lớn, dẫn dắt kẻ hậu sinh vào tội lỗi nhâm lẫn để lưu tiếng xấu muôn đời.

Kê đến là xác định hai mươi sáu vị. Số ghi rằng: thuốc có năm loại, trong vật có vị ngọt, trừ cỏ ngọt, đường cát, bơ dầu còn vị ngọt của đường khác thì phải lượng, vị chua trừ nước quả A-ma-lặc v.v... còn những vị chua khác thì đủ lượng, trong vị cay trừ gốc rễ tiêu ớt A-lê-lặc còn những vị cay khác thì nên đủ lượng, tất cả những vật có vị đắng, chát thì đừng ăn, làm thuốc trọn đời, ngoài thuốc bảy ngày ra, tất cả những vật (thức ăn) có thể ăn gọi là y thời lượng thực, từ sáng sớm đến giữa trưa là thời thực, quá giờ ngộ không được ăn.

Tất cả nước mĩa ngọt gọi là y canh lượng mỗi ngày đêm chia ra năm thời, từ sáng sớm thọ đến canh hai, quá thì không được uống cứ xoay chuyển như thế đến canh năm, thời gian này ngâm cơm làm tương thuộc thời lượng bơ, dầu, mật, đường cát v.v... gọi là y thất kỳ lượng. Cỏ ngọt, v.v... gọi là y nhất kỳ

lượng, từ sau lúc thọ giới đến lúc sắp mãn báo thân gọi là một thời kỳ, vào lúc này bất luận là ngày hay đêm thường được ăn uống. Tro, đất, nước, nước tiểu, phân, các thứ này gọi là y đại khai lượng, không cần thọ, tùy ý lấy uống. Đây là vật thế gian vất bỏ, chẳng đáng yêu tiếc.

Luật Tứ Phần nói phải thọ các thứ như tro, đất, v.v... (đây là y cứ chỗ có người thì chắc chắn không có ai dùng).

Thứ ba là nói về chuyển biến.

Trung luận nói giống như nước nho ép, người trì giới nên uống, nếu nó đã biến thành rượu thì không nên uống, nếu biến thành rượu đắng thì vẫn còn uống được.

Luật Thập Tụng nói mía ngọt là thuốc đúng thời, nước trái cây lã trong là thuốc phi thời, chia làm thạch mật bảy ngày đốt thành tro là thuốc suốt đời, thịt là thuốc đúng thời, rán lên cho chảy mỡ là thuốc bảy ngày, nếu đốt thành tro là thuốc suốt đời, hồ gai cũng giống như cách của thịt, lã là thuốc đúng thời nước trái cây lã trong như nước là thuốc phi thời, tảo thành bơ là thuốc bảy ngày, đốt thành tro gọi là thuốc suốt đời.

Bốn tướng hòa hợp.

Luận Tát-bà-đa nói tướng của bốn thứ thuốc hòa hợp từ bên ngoài mà uống, nếu lấy thuốc đúng thời và thuốc trọn đời trộn thành thuốc bảy ngày để uống bảy ngày vì do thể lực của thuốc bảy ngày nhiều nên giúp tạo thành, giống như dùng bơ nấu thịt, nước của thịt bơ này được làm thuốc bảy ngày, nếu dùng thuốc đúng thời, thuốc bảy ngày, trộn lại tạo thành thuốc suốt đời để uống cả đời, giống như lấy tô, sữa hòa với rau đay làm thành viên. Lại như phụ tử, chim và các thứ độc ngâm với đậu, lúa mạch gọi là thuốc suốt đời, nếu lấy thuốc bảy ngày ược và thuốc suốt đời trộn lại thành thuốc đúng thời, đến giờ ngộ thì uống, giống như ăn mì với bơ, dầu, gừng, tiêu, nếu phân số đều bằng thể lực tương tự tùy dược thủ mà đều gọi là tiêu mục, còn những phần khác thuốc phân cho tương xứng với nó như thạch anh, chung không, hoàng ký, bạch mộc, hoàn tán, thang, cao tiễn v.v... đều nêu ra cho biết công dụng của nó.

– **Chỗ để thuốc thì kết tịnh**, lược chia ra bốn môn:

Ché ý: Đều do quả báo của chúng sinh không đồng, có thượng, trung, hạ khác nhau, nếu thân được bậc thượng thì khoẻ mạnh, chế thuốc cho tùy duyên đi khất thực ít ham muốn để cứu thân mạng, chí giữ vững đạo nghiệp không cậy người giữ giúp, các hạng hữu tình bậc trung, hạ thì giống như thượng sĩ, nhưng sức yếu không kham nổi, phải giúp sức mới có thể siêng năng, vì thế bậc đại thánh thương xót vì đồng giới khốn khổ, đói chết mới khai kết chỗ giải thích riêng. Tịnh Danh lấy việc ăn uống là đồng chỗ với cấu uế sinh hoại. Nay đã kết riêng, tình vô dư sức, ăn không sinh tội, cho nên danh là tịnh, nếu đồng một chỗ làm cho lòng tham thêm lớn, trái với giáo pháp thì thọ nghiệp, nghiệp là uế nên danh bất tịnh, đây là từ duyên nói tịnh chẳng phải nói đối với uế.

Phân số tác pháp có bốn thứ tịnh:

– Ly tường bất chu tịnh:

Luật Tứ Phần chép: một nửa có hàng rào làm chướng ngại, phần nhiều không có hàng rào chướng ngại, đều không có hàng rào chướng ngại nghĩa là hiển bày trên mặt đất, phi tướng trừ tích cho nên khai ra (hẳn là ba mặt có viện, khai một mặt nhiếp thực nghĩa cương cũng giống như có tội, nhà trừ cô lập có viện cũng giống như vậy) tường, thành, hào, nương cũng giống như vậy (cũng không phải bức tường là vòng tròn mà tùy tướng chung thành).

– Đàn-việt tịnh, có ba:

1. Thực cụ là vật của người khác, Luật dạy:

Từ nay trở đi nên làm thức ăn của đàn-việt khiến tịnh nhân ban cho, không được tự thọ nếu có điều cần thì tìm lấy. Hai chỗ là vật của người khác, cho nên nói nếu vị tăng làm giả làm mà chưa cúng dường cho tăng, tuy thức ăn ở trong cũng không có phạm.

Tam thực xứ đều gọi là nơi chốn người có thức ăn đầy đủ là người khác chứ không phải thuộc về tăng dùng. Ba điều này gọi là tha vật tịnh, cần phải thật, không được giả. Nay phần nhiều gói bụng, tự lừa dối, tự phụ, trái với pháp, đắc tội.

Luật Thập Tụng nói, Vua Bình-sa cúng dường ruộng trồng lúa cho chúng tăng, Tỳ-kheo lên đạo tràng, Phật dạy người chưa phân nên lên, nếu phân rồi không nên lên, nếu lên phạm Đột-cát-la.

Vua băng, Tỳ-kheo thấy không có đàn-việt, cho là phạm túc chữ, Phật dạy: Xà Vương đã thay thế chỗ không gọi là có phạm tội (y theo đây nêu những thứ khác đều phạm).

Luật Tăng-kỳ chép: Bà-la-môn cúng dường cháo trắng cho Phật và tăng, vì tăng ở cùng một trú xứ mà làm. Thịt để qua đêm, thịt hầm, không cho phép ăn (vì biết thuộc về tăng thì giống pháp tăng, chẳng phải đàn-việt tịnh thí)

– **Tam Xứ Phân Tịnh**

Luật Tứ Phần chép: nếu đàn-việt tính toán, làm già-lam cho tăng chúng, phân chia khu vực, nói như vậy: Chỗ này tăng làm tịnh địa, Luật Tăng-kỳ chép: nếu làm chỗ ở mới, Tỳ-kheo làm việc và tăng chưa ở thì đầu hôm lấy dây đo lường để phân chia cho đều. Người xây cất cho tăng ở, chỗ đó cho làm tịnh thất thì nên nhận, không được vào lúc đầu hôm (Luật Tứ Phần nói mặt trời đã mọc). Nếu đàn-việt nói: không chuẩn bị chỗ, chia cho tôi chỗ chưa cúng cho tăng, đây là đồng với vật tịnh của người khác.

Luật Ngũ Phần nói, làm một trú xứ mới mà chưa có tịnh thất, trước nên chỉ chỗ này làm tịnh địa, đặt thức ăn vào đó, sau đó tăng ở. Nếu đến ngày mai, mặt trời mọc thì không thành.

Luật Thiện Kiến chép: vì sao kết tịnh ốc? Lúc đầu dựng trụ nói chỗ này là tăng làm tịnh ốc. Nói ba lần như thế rồi dựng lên, còn những việc khác cũng làm như thế. Nếu không làm như vậy thì đến một cây trụ rồi thêm pháp vào đó cũng thành. Nếu đã thành rồi gọi bốn chủ đến nói khiến họ chỉ một chỗ nào đó để tăng làm tịnh ốc. Nếu không có xóm làng có một vị lão túc thì mới đến bảo làm nếu họ không hiểu thì chỉ cho họ hiểu.

Tứ bạch nhị kết: nghĩa là chu vi của viện tăng-già-lam, Tỳ-kheo ở trong tăng-già-lam phạm lỗi nấu đêm không kể là người ở gần xa, lâu mau, đều tùy xứ kết tịnh, đuổi Tỳ-kheo đó đi.

Kinh Tỳ-ni Mâu chép: Trong đại giới không có tịnh trừ, tất cả các thức ăn để qua đêm không được ăn, cho đến cỏ thuốc cũng như vậy.

Luật Tứ Phần chép: Vì Tỳ-kheo đói chết, nên cho phép ở phòng bên chỗ yên tịnh trong Tăng-già-lam kết làm (phải là ở trong phạm vi tác pháp, không giống chỗ phân chia như trên)

Luật Ngũ Phần chép: Các Tỳ-kheo muốn Yết-ma, một phòng, nửa phòng, nửa góc, sân giữa hoặc kết chung trong phường làm tịnh địa thì đồng cho phép. Nếu người kết chung, Yết-ma rằng trụ xứ này cùng ở cùng bố tát, Tăng nay kết tịnh địa, trừ chỗ này (nghĩa là tăng ở, tới lui phòng xá, y theo đây tất cả rau quả ở khắp nơi đều không có lỗi, nếu hái, mặt trời mọc ở phía dưới nhà)

Lại nói, phải nương vào đất để đứng, không đứng trên xà nhà.

Luật Tăng-kỳ chép: nếu một lớp, cách chung cách riêng, lợp riêng lợp chung, cách chung lợp riêng, một bên, hai bên, ba bên, cách đạo, hai bên thì tác tịnh, ở giữa không tác tịnh. Như vậy tất cả đều được. Y theo đây tác pháp Yết-ma, trong văn thì cần phải rõ ràng, chỉ ra những điểm khuất mắc. Kết giới rồi chỉ rõ chỗ để, khiến cho chủ, khách đều biết rõ ràng (trong luật, khách hỏi, chỗ nào là tịnh địa, chỗ nào là bất tịnh địa).

Trong Ba gia pháp, bốn tịnh có hai loại không làm (như đã nói ở phần trên) xử phân một pháp, người khác chỉ bày, như trước đã nói. Người Yết-ma kết giới, ở trong giới tăng trước chỉ chỗ nơi, chỉ xa kết thủ, cho nên không được ngồi ở giữa mà kết giới.

Các Sư ngày xưa nói vì thức ăn mong chờ tăng là thâm nhiếp, là ngăn ngại (cho nên phải ở xa kết, ở giữa nhiều tạp tướng) vì tăng mong chờ Tăng thì chẳng thâm nhiếp, chẳng chướng ngại (Tịnh địa có tăng không khỏi riêng chúng). Trong luật bảo xướng lên nơi chốn, cho nên một tùy kheo khởi xướng rằng:

Đại đức tăng xin lắng nghe, con là Tỳ-kheo vì tăng xướng nơi chốn tịnh địa, hoặc phòng, hoặc xứ, ôn thất, trai đường. Về sau ngồi rồi cũng không phải là người cầm điệp xướng mà gọi là Yết-ma. Kế là tác dục vấn hòa rồi bạch nhị Yết-ma rằng:

Đại đức tăng xin lắng nghe: Nếu tăng phải thời mà đến, tăng chấp nhận cho tăng nay ở chỗ này kết tịnh địa, tác bạch như vậy.

Đại Đức tăng xin lắng nghe, nay tăng kết chỗ này làm tịnh địa, các Trưởng lão nào bằng lòng, tăng kết chỗ này làm tịnh địa thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng kết chỗ này làm tịnh địa rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc này nên hành trì như vậy.

Luật Tăng-kỳ chép, tác tịnh trừ không nên để nước chảy ra bên ngoài bình nước chাম, người có duyên thì nên bằng lòng. Trong luật không có văn, ý nghĩa y cứ theo sự phản kết liền tạo thành, nên nói:

Đại đức tăng xin lắng nghe, nếu tăng phải thời mà đến, tăng chấp thuận cho, nay tăng bằng lòng chỗ này làm tịnh địa, tác bạch như vậy.

Đại đức tăng xin lắng nghe, nay tăng đồng ý chỗ làm tịnh địa, các Trưởng lão nào đồng ý chỗ này làm tịnh địa thì im lặng, vị nào không bằng lòng thì cứ nói lên.

Tăng đã bằng lòng chỗ này làm tịnh địa rồi, tăng bằng lòng vì im lặng, việc này nên hành trì như thế.

Tứ tạp xuất liệu giản:

Đàn-việt tịnh, bát chu tịnh hai nơi này không kể trong, ngoài, đêm ngày đồng tá túc, nấu nướng đều không phạm lỗi. Nhưng không được xúc chạm. Yết-ma xử phân hai chỗ tịnh (đàn-việt tịnh và bát Chu tịnh) cho một Tỳ-kheo ở trong xem xét hộ minh tướng. Nếu cho đồng một nơi thì chỉ phá hoại thức ăn, lại cần một đồ vật dùng để đảo đồ ăn để cho thanh tịnh. Nếu ban đêm nấu thức ăn thì phạm tội. Nếu xử trị, trú xứ làm người phân xử, luật Tăng-kỳ nói:

Tăng ở trong chùa phạm lỗi, vì đầu hôm mà muốn làm xử phân thanh tịnh. Trụ xứ hư hoại, đất nước loạn lạc, vua mới chưa lên ngôi, lúc bấy giờ được phép thọ làm. Nếu không có duyên này thì khiến cho trụ xứ và tụ lạc đình phế hai năm gọi là xử phân.

Nếu không chịu tác xử phân, ngưng kết tịnh có thể ăn đồ vật, nội túc nội chử. (ở bên trong, nấu bên trong)

Hỏi: Kết tịnh rồi được vào bên trong xem nấu nướng. Vì sao nấu bên trong mà không phạm?

Đáp: Nấu là tùy theo chỗ đại giới, không có người cũng phạm. Tá túc là người đến nướng ở. Hai giới (khu vực) không có người thì không phạm.

Ba hoạch tịnh pháp, có năm môn.

- Phiên tịnh
- Hộ tịnh
- Tội thông tác



– Hồ minh tịnh nhiễm

– Kiệm duyên khai tám việc

Trong phần đầu, nếu ở riêng một nơi duy trì Phật pháp thì phải kết thực giới đồng hộ tịnh thực. Đây là chung cả phạm thánh con đường của chúng tăng phải thuận theo bản hoài của Chư Phật. Nay tự cùng ở chung nắm bắt cái khoảng cách tham nhiễm, là cái mà người thế tục thường xấu hổ, hướng chi là tịnh tăng, nhẹ nhàng với việc ăn uống thường cần kiệm, chẳng lẽ vì đó mà nhiễm ô. Về sau nếu có duyên thì vô lý phải chấp tay, vẫn là việc tiếp xúc với bản tâm, ban đầu không hôi tiếc. Nếu không tin tâm này thì phải là bậc sư tượng (thầy giỏi), muốn y cứ theo lời của bậc thánh để dứt bỏ cấu uế thì có bốn thứ khác nhau:

1. Duyên tịnh
2. Thể tịnh
3. Duyên bất tịnh
4. Thể bất định

Nói duyên tịnh là cái búa, đồ vật úp ngược lại để giúp cho việc lo liệu. Phật khai cho là duyên, ở đây không cần phiên dịch.

Nói thể tịnh là không chứa hai đồ vật, Phật cho phép tự đặt nước lên lửa để nấu, cho đến đồ vật của Chư tăng chứa đầy thức ăn.

Nói thể bất tịnh đây là trị sinh hưng khởi lợi dưỡng dùng để tạo tượng Phật, cúng dường các Tỳ-kheo tăng nên ngăn cấm không cho lễ nhận. Tuy không nắm giữ qua đêm, dịch cũng không được ăn, vì tâm xấu ác. Ba câu trên cùng là chánh kinh. Văn rộng như sao cũng không cần dịch.

Duyên bất tịnh vốn là tịnh nhưng vẫn gặp duyên nhiễm cho nên phải đổi uế thành tịnh.

Luật Ngũ Phần chép: có các đồ vật bất tịnh như gỗ, hòm tẩy rửa đi. Vì sợ người phá hoại dùng nước sôi tẩy rửa nó.

Luật Tăng-kỳ chép: tịnh nhân làm thức ăn, đồ vật sạch rơi xuống vào trong bát Tỳ-kheo, tìm liền nhặt lên gọi là Tịnh. Nếu đình trệ trong giây lát gọi là Bất tịnh.

Nếu là đồ vật bằng đồng thì rửa sạch nên dùng đồ vật bằng gỗ. Nếu bên trong dơ quá thì gọt bào nó đi. Cái nào không dùng được thì nên bỏ.

Luật Thập tụng nói tùy kheo – có – cái – bồn – dơ, hai ba phen dùng đựng nước tắm gội vì không bệnh nên phải lấy cây vót, sau đó tắm gội hai ba lần, là tịnh. Ngoài ra có mà không dùng hết. Lấy gạo, mì, dầu, tương ở trong chùa ni, người thế tục, Sa-di, tịnh nhân, từng tảng, từng tảng lại rộng lớn ngang nhau. Tuy được vật chính, dùng hai tay bung bỏ vì khéo nhìn. Nhiều Tỳ-kheo cùng làm với một Sa-di, mỗi người tự vác thức ăn, đến thời tự phân chia.

Sa-di nói với Tỳ-kheo rằng: nay đổi thức ăn của tôi cho Đại đức, cứ lần lượt đổi như vậy cho đến vị hạ tọa. Nếu không có người đồng ý dạy điều đó cũng được. Y theo đây lần lượt đổi ược thành chúng quả. Nếu chậu, lu và những đồ vật có thức ăn bản thì để thức ăn vào nồi hơ qua lửa, trong ngoài đều nóng, chất dơ xuất ra thì thức ăn tịnh. Hòm hương bằng gỗ thì bào vót rồi trét bùn lên, hằm đất, tùy theo đồ vật mà trét lên đồ vật bằng đá, hoặc dùng nước rửa hoặc khắc rửa. Nếu sạch rồi thì thôi.

Luật Tứ Phần: được cầm cái móc cửa của chúng tăng, hoặc gậy, hoặc vòng, hoặc thìa, hoặc thìa bằng sừng hoặc thìa bằng đồng hoặc bồn tắm, giường nằm thì không xúc tịnh (nghĩa là chẳng phải y phục thường dùng)

Hỏi: Xúc tịnh là lỗi gì mà Phật phải nhọc sức chế ngăn nó?

Đáp:

1. Phật muốn tăng thượng, đệ tử khiến cho việc làm hơn mọi việc khác. Bên trong có thắng pháp bên ngoài có việc làm cũng vậy. Giống như ở thế gian, người sang ngồi yên để thọ thực, không làm việc cực nhọc và thân hình đẹp đẽ.
2. Vì hiện tượng đại nhân. Tam thánh ba đời cũng không tự làm. Nay nếu ban đêm va chạm vì mất pháp bậc thánh.
3. Chư Phật lập giáo chung cho cả Đại thừa, Tiểu thừa đều không nấu ban đêm. Giống như kinh lãng-già, Luật Thập tụng đã nói.
4. Thêm lớn lòng tham, phá hoại đức tin.
5. Phê bỏ việc tu, nghiệp ác có cơ hội phát sinh.
6. Chết đọa vào hầm phân.

Kinh Hộ Tịnh nói có người ban đêm cầm nắm v.v... chúng tăng ăn thức ăn bất tịnh. Sau đọa trong ao phân hôi thúi, năm trăm muôn đời chịu khổ, hết tội khổ này lại đọa vào loài heo và bọ hung, mỗi loài phải trải qua năm trăm muôn kiếp, thường ăn thức ăn bất tịnh. Sau được sinh làm người, nhưng phải làm hạn người nghèo cùng cơm áo thiếu thốn. Phật bảo các Tỳ-kheo: chúng tăng ở nơi này làm thức ăn bất tịnh, nếu không đủ thì đi xin ăn, như pháp mà ôm bát xin thức ăn của người tại gia. Đó gọi là mạng sống thanh tịnh. Do đây nói Tỳ-kheo tri sự vì xúc chạm đồ vật thanh tịnh nên đọa vào trong loài ngọc quý hơn năm trăm năm, không nhìn thấy nước trái cây ép. Khi muốn vào nhà xí, bị quỷ thần hộ nhà xí đánh không cho đến gần. Nói rộng nhân duyên như vậy. Luận Đại Trí Độ nói:

Nếu bậc Sa-môn ruộng phước dùng tay dơ bản sờ vào thức ăn, hoặc ăn trước, hoặc lấy vật bất tịnh bỏ vào thì đọa vào địa ngục Phân Sôi, rộng như trong quyển 17. 18. 19. Trong phẩm Phân Tề Long của kinh Đại Tập nhật tạng có nói rộng, Tăng ăn khó gần, khó dùng. Các kinh như kinh Tăng Hộ, v.v... .. đến ngày mai là phi pháp thọ dụng tang vật. Văn rộng không ghi đủ. Nói cho thông với đây là: nếu không có hổ thẹn, khinh mạn lời Phật, chính bản thân đồ vật còn

phạm hưởng gì vật 8 của tăng. Nếu nói sâu xa hơn thì phải tự dứt bỏ mới vượt khỏi kỳ hạn.

Ngũ Bách Vấn chép: nói về trì giới, vị Tri sự chỉ đồ vật của vị tăng, La-hán đại diện sám hối khổ duyên, như thế mà rộng biết.

Hai điều hộ tịnh pháp, trước tiết lộ ác xúc.

Luật Thập tụng chép: Tỳ-kheo ăn rồi lấy bát và thức ăn bản của mình cho Sa-di và người tại gia. Sa-di rửa bát rồi lại đặt vào trong đồ vật của tăng. Đây gọi là Tịnh, một lòng qua cho thì không phải là ác xúc. (y theo đây, dưới đồ vật còn sót thức ăn bảo tịnh nhân trao cho là có lỗi xúc chạm)

Luật Ngũ Phần chép: Nếu không có tịnh nhân để tay bản (nghĩa là trước cầm thức ăn của Tỳ-kheo làm cơm, mì cho tăng, bậc Thượng tọa, một người được bắt tịnh còn những người khác gọi là Tịnh. [121] Tịnh nhân đem tịnh mạch vẽ cái bắt tịnh mạch lên trên, được lấy qua phần trên. Nếu bắt tịnh mạch vẽ lên trên một cái tịnh mạch thì tất cả đều là bắt tịnh. Nếu lấy cái tịnh ở trong cái đồ đựng bắt tịnh thì cái tịnh đó phải được treo ở giữa.

Như những đồ vật đầu, du, khuôn v.v... tất cả đều là bắt tịnh.

Luật Thập tụng chép: Đặt thức ăn bắt tịnh vào thức ăn sạch thì phải bỏ nó ra. Ngoài những món ăn khác như bánh, trái cây cũng vậy (y theo đây, những thức ăn khó tiêu, hình dạng có thể khác nhau tương ứ, tính cũng nhiều thì nên đổi).

Luật Tăng-kỳ chép: nếu lúc phơi lúa đậu, Tỳ-kheo ở trên, hành giả ở dưới bảo tịnh nhân bung đi. Nếu việc khó gấp tuy có lao vào cũng không có tội. Nếu biết chắc là trời mưa, không có tịnh nhân từ xa được ném vật tịnh phủ lên trên rồi cầm những viên sỏi, ngói, đá sạch chấn lại. Nếu là đồ đựng thức ăn cũng nhớ làm như vậy. Nếu trong nhà trừ có những thức ăn như bình, bơ, dầu, mía ngọt, trúc, bó trúc, bó lau, Tỳ-kheo lấy bình dầu bảy ngày mà lại cầm nhằm bình tịnh dầu đem đến, người khác thấy không được liền nói mà đọi người (tri khó) đến hỏi:

– Đây là dầu gì?

Đáp: Dầu bảy ngày. Người kia nên bảo ông đặt bình dầu này dưới đất không được nêu tên họ, bảy ngày sau trở lại lấy (vì đã đựng nhằm nên không thành).

Nếu bảo lấy tịnh dầu nhưng người thế tục không hiểu cầm nhằm dầu bảy ngày đem đến thì cũng làm như pháp có mất). Nếu tự mình cầm nhằm những vật khác cũng như vậy.

Nếu nói xem xét tất cả đồ vật, xem bình tro đã đem đến. Cái bình trong tay Tỳ-kheo này là nhằm lẫn, nên xem xét nên gọi là Tịnh. Nếu thả cái bình trong tay ra thì gọi là bắt tịnh (những vật khác cũng giống ví dụ này).

**Khí trung minh xúc:**

Tất cả những lá xanh cuốn lại là đồ vật, duỗi ra thì chẳng phải đồ vật. Cái bàn vì không có đồ vật để đặt miếng bún lớn vào để ăn, cho nên lấy cái giường dài, tọa cụ, giường dây, giường dệt mịn sít làm đồ vật để ngồi ăn. Thuyền ở trên sông, xe làm trâu sợ hãi thì chẳng phải là đồ vật. Nếu lúc ăn không có cái gì làm đồ vật thì nên lấy một tấm ván dài đặt lên giường rồi ngồi lên trên đó ăn, hoặc đặt mía ngọt, củ cải, lúa đậu v.v... lên trên đó rồi mời Tỳ-kheo đến ngồi, không nên động thân, nếu hỏi thì tất cả đều là đồ bất tịnh (vì có duyên nên khai cho ngồi, nếu động thân, hỏi thì thành xúc chạm).

Nếu máng y lên cái giá ở trên gác kho thức ăn thanh tịnh và y bát. Nếu lấy đồ vật làm đưng vật đưng thức ăn đã thanh tịnh thì tất cả đều trở thành bất tịnh. Nếu cái gác chắc chắn không lung lay thì được. Nếu ở trên thuyền chở mười bảy loại lúa đậu, bên trên phủ cỏ lên thì Tỳ-kheo được ngồi lên nhưng không được gọi danh tự. Nếu bị gió thổi, sóng cuốn đến bờ thì tất cả đều thành bất tịnh. Nếu dây thuyền, cây sào để chèo thuyền không rời khỏi nước thì gọi là tịnh. Trên xe lớn chở nhiều lúa đậu, Tỳ-kheo được ngồi lên để giữ nhưng không đi. Nếu xe nhỏ có vật thanh tịnh. Nếu lúa lấy y bát động xe thì tất cả đều trở thành bất tịnh, nên bảo tịnh nhân lên trước, Tỳ-kheo lên sau. Nếu lúc xuống thì Tỳ-kheo xuống trước, tịnh nhân xuống sau. Nếu ở trong xe chở đồ vật, sợ ý thì xe lật trâu lia khỏi xe, tất cả đồ vật đều trở thành bất tịnh. Nếu cái đuôi dây buộc trâu chưa lia khỏi xe thì gọi là tịnh.

Luật Thập Tụng chép: tùy kheo cho Sa-di thức ăn để ở mái hiên nhà. Trên đường đi đến giờ ăn thì cho Sa-di thức ăn, nhưng Sa-di trả lại cho Tỳ-kheo. Nếu trước không cùng ăn mà ngược lại với ở đây thì không được bảo Sa-di mang thức ăn ở bên ngoài hiên lội qua sông vì sợ chìm, cho đến được hưởng thức ăn ở ngoài hiên đó. Tuy có cầm nhưng không phạm, đã qua đến bờ không cầm nữa. Nếu nhận com đưng trong đồ vật bất tịnh thì tất cả không nên bỏ. Nếu là cái chén thì bỏ, còn chừa lại những vật khác, giống như trong luật Tăng-kỳ, được ăn. Nếu lúc ấy dây buộc bát nhận cháo nóng, bên trong có mỡ chảy ra thì nên bỏ ngay chỗ mỡ chảy, còn những món khác thì được ăn. Đồ vật đưng com, cháo, canh bị nghiêng qua một bên, cho phép tịnh nhân làm giúp, sửa cho ngay rồi thì thôi không được sờ vào nữa. Nếu người giúp tịnh phủ cũng vậy. tịnh nhân vẽ bình bơ dầu nghiêng qua một bên cũng vậy, xe người kéo hay lừa trâu kéo chở thức ăn bị nghiêng qua một bên cũng vậy. Lúc trời mưa gió đồ vật thanh tịnh để trên đất trống, nên rửa tay thật sạch cầm tấm che đặt lên chỗ có đồ vật (đây là thể tịnh).

Luật Tứ Phần chép: nếu bình bơ dầu mà không đầy, hoặc không có tịnh nhân thì tự tay cầm đồ vật che lên (gọi là duyên Tỳ-kheo, nếu cư sĩ cầm thức ăn thưởng cho Tỳ-kheo, sau tìm trả lại cho Tỳ-kheo, thì Tỳ-kheo nên rửa sạch tay để nhận. Nếu chín bát có lỗ xay thức ăn để vào trong, tùy theo cái có thể rửa thì rửa. Còn những thứ khác không đưa ra, không phạm. Nếu vào trong tăng để ăn mà không có bình bát thì cho phép chọn chỗ ngồi, nếu trong tăng có bát thì mượn dùng (cũng là thể tịnh).

Luật Thiện Kiến chép: Tỳ-kheo dùng hơi thở thổi đồ vật thanh tịnh gọi là xúc chạm.

Luật Ngũ Phần chép: bình bơ dầu bị nghiêng nên sửa lại cho ngay, không được lìa khỏi đất ném vào gạo tịnh thì có thể phân tích lấy nó ra. Nếu không thể phân tích thì bóc bỏ ra một nắm.

Luật Tứ Phần nói: có thể tự hái hạt nếu rau mọc lên thì cho phép ăn, nhỏ cây con trồng lại cũng cho phép ăn (rau quả khác cũng giống như vậy). Nếu Sa-di nhỏ cầm thức ăn thanh tịnh qua sông thì phải đặt ở giường vải trái cam, khiến cho từ trên xuống dưới.

Luật Thập Tụng chép: Tịnh nhân lấy thức ăn để lên phía trên, Đại Tỳ-kheo tự tay sờ vào thức ăn phạm Đột-cát-la.

Nếu bị bệnh uống thuốc thì đừng để cho người thấy.

Luật Tỳ-nại-da nói được lúa gạo lấy cho khách (nghĩa là bảo tịnh nhân nhận lấy).

Hai là nói về tự nấu:

Luật Tăng-kỳ nói: nếu ở chỗ a-lu-yên-nhã, tịnh nhân bị bệnh, không có tịnh nhân mà tỳ-kheo có lúa thanh tịnh thì Tỳ-kheo tự giã nấu cháo cho tịnh nhân, tịnh nhân ăn không hết, Tỳ-kheo không được tự ăn (theo Luật Thập Tụng trước không đồng tâm đồng lòng cho cũng được).

Luật Tăng-kỳ chép: nếu tịnh nhân khó tìm được thì Tỳ-kheo phải tự làm thức ăn, phải tự rửa cho thật sạch, không được đổ nước vào vật dư bản để đun sôi (đây là thể tịnh, không được đun đồ vật của tăng bị bản trên lửa, phải giữ điều đó). Nếu đã sai tịnh nhân bỏ gạo vào nước rồi thì không được đun vào, bảo tịnh nhân đun sôi. Cho phép đặt cây ngang dưới đất, Tỳ-kheo ở trên bảo tịnh nhân đặt nồi cơm lên trên cái cây ngang, miệng nói thọ thọ, sau đó tự mình nấu cho chín để cho người bệnh ăn. Chớ bảo là đừng thọ nhận đồ vật đã rót vào trong, cho đến luộc rau phải để cho chín tác pháp giống như trên. Nước gừng cũng không được nấu, vì biến sinh. Nếu trời lạnh, xin được tự hâm cho nóng, không phạm.

Lúc làm thức ăn, tịnh nhân còn nhỏ thì cầm tay nó dạy vo gạo, chặt nước cơm.

– **Nói về ở trong đêm:**

Luật Ngũ Phần chép: Nếu sai tịnh nhân rửa rau ở chỗ bất tịnh, rửa chưa xong, mặt trời mọc thì không phạm.

Luật Tứ Phần chép: có một Tỳ-kheo mang thức ăn đến tìm tịnh địa, tìm chưa được mà mặt trời mọc thì không phạm.

. Nói về nấu trong nội giới, ở trong nội giới vốn là người khác nấu, có dư được chút ít thì rửa sạch sẽ rồi thọ thực.

Ba minh thông bát chia làm hai:

1. Bốn thứ thuốc: nếu là thời dục thì quyết định có nấu đêm để dùng riêng làm ba cương năm thường phải làm cho nên uống.

Ba dục không thêm pháp:

a. Thuốc đồng thời: nếu về bệnh mà thêm nghe pháp thì có thông cục.

b. Thuốc phi thời: qua giờ ngộ, mặt trời chưa xuất hiện uống đều được. Nếu minh tướng xuất hiện thì mất khẩu pháp, thức ăn thừa ác xúc là phi thời sinh.

c. Thuốc bảy ngày: khai cho tác pháp thêm vào nội tịnh trừ. Đêm chưa tàn đầu phải qua ngày thứ tám, sáng sớm hôm sau thức dậy thì đủ tội như sau.

2. Thọ suốt đời thọ: Tất nhiên là chín rục không thể nảy mầm được, luật khai cho tự nấu trong đêm.

Luật Tăng-kỳ chép: tự nấu nước gừng bị kết phạm, nghĩa là có sinh sôi. (theo đây quyết định khai ba tội thuốc bảy ngày không giống như nấu đêm).

Luật Thập Tụng chép: nước thạch mật, khai cho người bệnh ban đêm được uống (phải là nạn duyên).

Luật Tứ Phần chép: dầu, bơ đêm tàn khai cho nhỏ vào mũi, những thuốc bất tịnh khác không được gia pháp.

Chánh văn của Luật Thập Tụng chép: đầu hôm có ba hạng giống như trên thêm vào thức-xoa-ma-na-ni.

Trong Luật Tứ Phần nói Thức-xoa được cùng với đại ni ăn nhưng không được ngủ chung (có nơi vì không có Sa-di nên khai cho). Trong đêm kết tịnh địa rồi thì trong phòng tăng được cùng ăn đêm. (không nói tịnh địa có Tỳ-kheo).

Nấu đêm: kết tịnh địa rồi trong phòng tăng được nấu đêm.

Tự nấu: Đại Tỳ-kheo tự làm, không nên ăn như ba hạng người trên.

Ác tróc: tự tay cầm quả đưa cho tịnh nhân rồi lại lấy ăn (không quyết định xả bỏ, cho người rồi lấy lại ăn giống như ác tróc).

Luật Tát-bà-đa chép: cùng ăn đêm có ba hạng: đã nhận thức ăn rồi còn tự làm thức ăn nghĩ là cùng ăn đêm.

Không cùng ăn đêm mà để qua đêm phạm Đột-cát-la, nếu ăn phạm Ba-dật-đề (vì đêm tàn, trong Luật Tứ Phần cũng giống như vậy). Nếu tự cầm ăn gọi là ác tróc. Nếu làm thức ăn tự nghĩ là để qua đêm, phạm Đột-cát-la. Nếu ăn, không thọ nhận, không cầm, tự làm thức ăn, nghĩ để qua đêm rồi ăn, phạm Đột-cát-la. Nếu người ở chung với mình ăn đêm thì mình không có lỗi.

Dùng bốn lỗi này đối trước một người:

Hẹn giờ đến chỗ mong được thức ăn để ngày mai.

Tướng thứ nhất là trong đêm đến trú xứ, không thông qua hết hại tịnh, xử phân nên bạch nhị Yết-ma và chung cả nội giới. Đèn giờ thì phải đợi mặt trời xuất

hiện. Y cứ người chỉ y cứ vào ba Tỳ-kheo, biết là phạm lỗi này. Trong luật hỏi tịnh địa, mặt trời chưa mọc chó mang thức ăn đến, gió thổi trái cây rụng, luật nói không biệt không phạm. Ni thì chung cả bốn người, cũng giống như vậy.

Người đến ăn, vật cách mặt đất tất cả đều phạm, chưa cách đất, người chưa trưởng thành thì không phạm.

Người đã trưởng thành gặp sương cũng là thời hạn ban đêm, đối với bốn thứ thuốc luận bàn như trên.

Hai là Nấu trong đêm: Đối tịnh địa đều lấp kín, đối thời chung cho cả ngày đêm, đối với người chung cho cả bảy chúng, y cứ lượng thức ăn chung cho cả sống, chín. Đối với bốn loại thuốc mà nói, giống như pháp suốt đời, cho phép trong giới ban đêm nấu đồ ăn, còn ba pháp khác thì không thích hợp, cho nên Luật Tăng-kỳ nói: Ngài A-nan vì Phật hâm cơm ở bên cửa tịnh xá Kỳ-hoàn, nên biết không được ở trong giới nấu nướng đồ ăn.

Ba là Tự nấu: đối xử chung cả tịnh địa và bất tịnh địa, đối chung cả ngày và đêm. Đối nhân, hạn cục ba vị đại tăng. Trong ni có bốn người. Đến để ăn mà đồ ăn còn sống Phật khai cho nấu lại, không phạm. Trong pháp bốn thứ thuốc cũng khai thêm cho pháp suốt đời.

Luật Thập Tụng chép: nếu thức ăn còn sống hơ qua lửa làm pháp tịnh rồi được nấu.

Thế nào là Tịnh? Cho đến hơ qua lửa (nhẫn đến hái rau cũng y theo đây), thức ăn lạnh hâm lại cho nóng.

Ngũ Bách Vấn chép: nếu chần, thuốc thanh tịnh, Tỳ-kheo được tự dùng.

Bốn là ác xúc: y cứ theo xứ chung cho cả tịnh địa và bất tịnh địa.

Y cứ theo thời, chung cho cả ngày và đêm.

Y cứ theo người, đại tăng có nhiều loại.

1. Vừa đến không chịu cầm liền.
2. Nị thể tương liên (như y, bát, khăn không sạch, đem giặt để nhuộm).
3. Nhậm vận mắt thọ (bốn thứ thuốc không thêm pháp phần giữa và sau đều mất thọ, nếu thêm pháp ba thứ thuốc, mỗi thứ tùy theo thời hạn thì mất thọ).
4. Gặp duyên mất thọ (tịnh nhân tiếp xúc với giường, đồ vật).
5. Quyết ý xả thật (như đã thọ rồi trong ý không muốn ăn. Sau không thọ mà lấy đặt xuống đất).

Nếu Sa-di, tịnh nhân vẫn có nị xúc (nghĩa là cầm bát của Tỳ-kheo đã ăn xong ở trên tay không rửa mà cầm đồ vật của tăng)

Đại tăng lại có bốn loại, không thành ác xúc

1. Vì thọ nhận mà cầm nắm (như trong đồ vật của người thế tục đã đựng đầy thức ăn đem dâng cúng cho Tỳ-kheo. Tỳ-kheo đưa tay nhận lấy nên không thành ác xúc. Cho nên thức ăn trong bát cũng vậy).

2. Gặp duyên mắt thọ (tịnh nhân xúc thật, đúng như pháp chớ tiếp xúc, Tỳ-kheo rửa tay rồi nhận từ tịnh nhân, tịnh nhân không cần rửa tay)

3. Người trì giới cầm nhầm.

4. . Người phá giới cố xúc chạm cũng gọi là Tịnh thực, lại dùng ba câu phân biệt.

5. Xúc chạm mà không có ác ý.

Luật Thập Tụng chép: Quên không nhận trái cây mang đi. Nếu thấy tịnh nhân nên đặt bát xuống đất rửa tay, nhận lại.

1. Ác mà không xúc chạm. Luật Thập Tụng chép: Tỳ-kheo phá giới cố xúc chạm gọi là Tịnh. Luật Tứ Phần nói các Tỳ-kheo chê ghét lẫn nhau cố ý xúc chạm thức ăn đã tịnh của người khác khiến cho thức ăn trở thành bất tịnh. Phật nói, không xúc chạm thì tịnh, xúc chạm thì bất tịnh, phạm Đột-cát-la.

2. Vừa xúc chạm, vừa xấu ác: Luật Thập Tụng nói Tỳ-kheo trì giới, Tỳ-kheo biếng nhác cố xúc chạm thức ăn gọi là bất tịnh. Luật Ngũ Phần nói, ở trên cây gọi là ác xúc. Nếu đến lúc ăn nói chung cả xanh và chín.

3. Cùng che rơi xuống. Luật Tứ Phần nói: thức ăn nào ở trên cây cũng từ gốc cây mà giải quyết. Nếu gốc cây ở chỗ đất dơ bẩn, cành lá che đất sạch sẽ, thì quả sẽ rơi xuống chỗ đất sạch sẽ, hoặc vì gió thổi, mưa đánh, chim thú ăn làm rơi xuống chứ không ai đụng đến làm cho nó rơi. Cho nên biết những quả này gặp duyên mà rụng. Tuy mặt trời đã lặn nhưng không thành trong đêm, nghĩa là quả đã đủ lớn. Nếu rau quả ở trên đất dơ bẩn chưa đủ lớn, vận trùng sinh thì chẳng phải là trong đêm. Tùy theo lúa mà hái nó đưa vào tịnh trù. Nếu rau quả đã rời khỏi bồn xứ. Nếu Tỳ-kheo biết mặt trời đã lặn thì không được ăn (ở đây nghĩa chỉ ước lượng chứ trong luật văn không rõ).

Luật Ngũ Phần chép: gốc cây ở nơi đất sạch sẽ hoặc dơ bẩn, Tỳ-kheo cũng ở chỗ đất sạch sẽ hoặc dơ bẩn, quả rụng vào trong ấy thì bảo tịnh nhân nhặt gom lại để qua đêm, nếu không biết chỗ dơ bẩn thì cho phép dùng; còn nếu biết chỗ dơ bẩn thì không được ăn.

Luật Tăng-kỳ nói cây ở chỗ đất sạch sẽ hay dơ bẩn, quả rơi xuống đất sạch sẽ thì lượm lúc nào cũng được.

Nếu cây ở chỗ đất sạch sẽ hay dơ bẩn, quả rụng xuống chỗ đất dơ bẩn thì phải sớm đem vào tịnh trù. Nếu dưa, bầu mọc ở chỗ đất dơ bẩn thì hái lấy mau mang vào tịnh thất.

Nếu có lúa thóc, đậu mè chờ đến thì cũng y cứ theo trước; đồng thời nếu Tỳ-kheo không biết ở chỗ đất dơ bẩn thì những thứ ấy trở thành sạch sẽ. Nếu đã



biết là mọc ở chỗ đất dơ bẩn (Luật Tứ Phần nói biết hay không biết đều rất giống luật này).

***Thứ năm là năm mất mùa khai cho tám việc:***

Luật Tứ Phần nói, vì lúa đậu quá hiếm hoi, người dân đói kém, việc khát thực gặp khó khăn. Tuy xin được chút ít thức ăn nhưng bị giặc lấy đi, vì vậy Phật thương xót nên khai cho trong giới cùng ăn chung, được nấu ban đêm, tự mình nấu, tự lấy ăn hai loại thức ăn của tăng tục, trái cây hoặc ở dưới nước hoặc ở trên đất liền đều không tác tịnh, còn những món ăn khác thì cứ làm đúng như pháp, nếu định tội thì phải khai tám tội: nấu ban đêm, tự nấu, ác xúc, không thọ nhận đủ, ba tội ba-dật-đề, bốn tội kiết-la. Thêm vào nghĩa làm hư hoại mạng sống, giống như quả trên đất liền hoặc dưới nước không thọ nhận mà ăn, há phải tác tịnh hay sao?

Luật nói: Nếu thế nghèo khổ thì y cứ theo đó khai cho tám việc, Phật nói: không được đúng như pháp trị họ.

Luật Thập Tụng chép: nếu lúc mất mùa đói kém, thức ăn đã hết thì được mang những gì còn sót lại đi, nói cho thí chủ biết.

Đại môn thứ tư là tịnh sinh chủng pháp, trong đó có ba, nghĩa là chế ý, xứ nhân và Tịnh pháp.

1. Chế ý: Luật Tứ Phần đã luận số rõ ràng những người thế tục và ngoại đạo cho rằng tất cả cỏ cây đều có mạng căn, vì thế Phật không chế giới này. Nếu Tỳ-kheo làm thương tổn cỏ cây, bị người khác quở trách, khiến cho Tỳ-kheo kia đắc tội không khác với người tại gia, không sinh tâm cung kính. Cho nên Luật Thập Tụng nói chánh pháp mau diệt, lại phải phương tiện chế giới. Ngoài ra, giống như giới phá hoại mạng sống đã nói.

2. Nói về xứ nhân: nếu bảo tịnh nhân tác tịnh thì có bốn câu:

3. Người và trái cây đều ở chỗ đất sạch thì thành thanh tịnh, rất tốt.

4. Người và trái cây ở chỗ đất dơ bẩn, thành thanh tịnh thì không được ăn (vì bên trong đã chín quá còn bốn chúng khác thì được ăn).

Còn lại câu xuất xứ từ Luật Thập Tụng. Cho nên văn nói: quả ở chỗ đất dơ bẩn, hoặc sạch sẽ, lấy lửa, dao tác tịnh, thành tịnh được gọi là tịnh, được ăn.

5. Nói về pháp tịnh: Luật Tăng-kỳ nói, mỗi khi ăn bậc Thượng tọa nên hỏi:

Rau quả đã tác tịnh chưa? Không bị sâu phải không? Hỏi đáp đúng như pháp: Vị Duy-na cũng vậy.

Luật Tứ Phần nói có mười loại:

Năm loại đầu là: Hỏa tịnh, đao tịnh, thương tịnh, chim mổ nứt tịnh và bất trung chủng tịnh, trong năm loại này, đao, thương chim tịnh thì bỏ hạt mà ăn.

Năm loại kếp: là lột da, gọt vỏ, đậu hủ, hoặc bề vỏ, hoặc mọng nước, khô ráo. Như vậy phải thanh tịnh căn chủng.

Lại nói: nước rửa tưới lên gốc rau quả thì gọi là tịnh căn chủng.

Luật Tăng-kỳ chép: củ cải rau răm thì vỏ để tác tịnh, loại rau có thân thì hái bỏ rau rìa cho sạch, những loại quả có hạt như dưa, bên trong ruột đã sạch sẽ. Những loại quả thì dùng hỏa tịnh, quả chưa có hạt thì nên nhồi để tác tịnh. Nếu có hạt thì dùng lửa tác tịnh.

Luật Tứ Phần chép: Hỏa tịnh chung cho năm loại.

Kinh Tỳ-ni Mẫu nói: Nước trôi sạch bụi bặm, đây hiện ra tướng hoại.

Luật Tăng-kỳ chép: nhiều quả để trong một cái rổ thì nên lấy một quả ra tác tịnh thì các quả khác đều được tác tịnh. Nếu mỗi quả đựng riêng trong mỗi rổ thì tác tịnh từng quả.

Thân mía ngọt còn lá thì lấy thân để tác tịnh, còn không có lá thì bỏ lại tác tịnh (y theo đây, các loại quả không làm pháp tác tịnh).

Nếu là lúa tẻ (đây gọi là thượng đả bì lạc do cám trắng bên trong vỏ. Loại này có thể sống. Hoặc như Luật Thập Tụng nói Tỳ-kheo nấu cơm trước phải vo gạo cho sạch. Củ cải dùng hỏa tịnh, đao tịnh rồi thì thôi, nếu chưa dùng thì nó sống lại, nên phải tác tịnh nữa.

Luật Tứ Phần chép: Tỳ-kheo không nên tự tác tịnh, phải đặt thức ăn dưới đất bảo tịnh nhân làm, rồi rửa tay thọ nhân. (đây là đối với nơi có người, nếu không có người thì Tỳ-kheo tự làm). Luận đã nói rõ rằng: được tự làm thêm việc, số giải không nói được tự tác tịnh nhưng tự làm thì có lợi ích. Giống như gom một đồng quả hạt. Nếu chưa có người tác tịnh mà vẫn ăn da, thịt, mỗi việc phạm một Đột-cát-la.

Nếu ăn hạt, mỗi hạt phạm một tội Ba-dật-dề, lấy lửa hơ qua một lần rồi thôi, phạm Đột-cát-la. Nếu làm cho một đồng quả hạt đều trở thành tịnh khỏi phải nhiều tội, há không phải là lợi ích hay sao?

Luật Thập Tụng chép: sao phải tác tịnh? Cho đến dùng lửa hơ qua một lần? Nếu dùng lửa đốt thành tro và than v.v... thì không thành tác tịnh. Tỳ-kheo tự tác tịnh, còn những món khác Tỳ-kheo không nên ăn (nghĩa là đã được hơ qua lửa). Nếu dùng dao xẻ dưa, tác tịnh thì được ăn.

Luật Tứ Phần chép: hai loại rễ và thân dùng lửa tác tịnh.

Luật Tăng-kỳ ghi: Trái cây bị lửa đồng thiêu đốt thành tro, rải quanh đồng lúa đậu sọ phi nhân trộm, cũng gọi là tác tịnh. Nếu quả và hạt đã dùng hỏa tịnh rồi thì cho phép ăn. Nếu quả sạch dùng lửa tác tịnh thì ăn lửa hạt ra (đây là pháp tướng chứ không làm hư giống).

Nếu dùng lửa tác tịnh những quả vỏ không sạch thì đều được ăn. Cả vỏ lẫn hạt đều không sạch cái lửa ra cái nuốt vào đều không phạm. Nhưng pháp dùng lửa

tác tịnh thì chung cho cả chủng tướng, còn những món khác thì tùy tướng. Luận số đã nói rõ phương pháp tác tịnh này không chỉ gói gọn trong một vật để tạo thành như một đồng đào mạn, mà chỉ dùng một quả trong đồng quả đó hơ qua lửa một lần thì tất cả đều thành tịnh. Giống như dùng dao bổ dưa, một quả bên ngoài đã tác tịnh thì tất cả các quả khác đều gọi là tịnh. Thể của phương pháp tác tịnh này vốn đã lấy đây làm pháp, không làm cho thực vật chết đi, nên gọi là Sa-môn tịnh. Y cứ vào gạo có vỏ như trên đã bỏ vỏ tác tịnh, những thức khác phải y theo đây.

Hỏi: làm sao phân biệt được chủng tướng?

Đáp: Tướng là trên tất cả rau quả có lông màu trắng, nên y theo gốc xanh thắm không thay đổi màu sắc của nó, nó gắn liền với đất.

Luật dạy: nay chính là bảy loại màu sắc của cây cỏ.

Nói là Chủng, nghĩa là (Trồng), có loại nhổ từ chỗ này đem đến chỗ khác trồng. Luật nói: gốc có năm loại rộng như tùy tướng.

Thứ năm, là cách thọ khác nhau, thọ từ tay và miệng khác nhau hàng ngày thường dùng. Nếu không nói rõ, thì giáo tướng khó hiển bày.

Sơ lược nét chính lấy làm, tám môn.

1. Ý nghĩa chế ra nhị thọ.
2. Thọ chung cho bốn thứ thuốc.
3. Đối nhân khác nhau.
4. Gia pháp cũng khó.
5. Thuyết tịnh thông cục.
6. Hai thọ rộng hẹp.
7. Lại thêm tân tới hay không.
8. Nói về tướng tội.

### ***1/ Môn đầu tiên dùng tay thọ nhận.***

Như trong luận Tát-bà-đa chép:

1. Dứt nhân duyên trộm cắp
2. Vì làm chứng minh
3. Vì dứt phỉ báng.
4. Vì để ít muốn, biết đủ.
5. Vì làm cho người khác sinh tâm cung kính khiến cho ngoại đạo được lợi ích, nay đủ như trong tùy tướng.

Luật Ngũ Phần chép: do chưa chế giới nên mỗi người đều phạm một sai lầm, bị người tại gia quở, chúng ta không vui khi thấy những người ác này, đáp y cắt rọc, hoại sắc mà không nhận thức ăn để ăn, nói là không cảm lấy.

Kế là khẩu thọ, ý là phòng hộ thọ nhân bằng tay. Nếu không có khẩu pháp thì quá ngộ liền mất. Vì có khẩu pháp cho đến rời xuống hai bên, vì ngăn ngừa phạm nhiều lỗi, dùng tay để thọ nhận chỉ ngăn ngừa hai lỗi nên dưới đây sẽ giải thích rõ điều này.

## **2/ Thọ có chung cho bốn thứ thuốc không?**

Dùng tay thọ nhận chung cho cả bốn thứ thuốc. Vì ngăn ngừa tương trộm. Dùng khẩu thọ có cục ba: Trừ thời dược, cũng có khẩu thọ không chung với thủ kho. Chỉ có cục giữa và trước. Còn ba loại thuốc khác dùng tay thọ nhận cũng như vậy, nếu thêm khẩu pháp chung với thuốc đúng thời và thuốc phi thời.

Lật Thập Tụng chép: Thời phần là tên khác của thuốc phi thời, thuốc bảy ngày, thuốc suốt đời, là ba loại thuốc phải có khi bệnh. Luật không nêu lên ban đêm ác tróc. Hai thứ thọ nhận: bằng tay và bằng miệng đều được dùng, hai chỗ trao cho người:

Dùng tay thọ nhận chia làm năm nghĩa, trừ đồng loại ngoài ra sáu chúng, ba đường đều thành.

Luận Tát-bà-đa chép: hễ thọ nhận thức ăn là làm chứng minh. Nếu ở chỗ có người mà toàn là phi nhân, súc sinh và trẻ con không hiểu biết thì đều không thành thọ nhận. Nếu ở chỗ không người chỉ có thiên thần, súc sinh thì thành thọ nhận. Nay đủ như trong giới tùy tướng Bất thọ thực.

Luật Thiện Kiến chép: có ba thứ chỉ thực: Tay, miệng, mắt; còn pháp bốn thọ có khác nhau. Nói về pháp thọ thì tâm cảnh phải tương đương. như trong luật nói: nhận làm bơ dầu đều không thành thọ, v.v... phải ngừa tay nhận lấy (Luật Ngũ Phần đã nói: từ bên tịnh nhân khác, sao cho tan ra để lấy là phi pháp. Tình tương lãnh đương (nghĩa là hai bên Tăng tục đồng một duyên sự). Trừ mắt mờ và bất hỷ Sa-môn, có duyên gấp, sợ hãi thì để dưới đất mà thọ. Đã biết tình sự nhiều ngang trái mà vẫn sẵn lòng nhận cả. Trong Luật Tứ Phần: pháp thời dược thọ đã tính đối pháp cũng nhiều. Đủ như trong giới bất thọ thực và đối thí hưng yếm đã nói rộng. Đây vẫn nói về pháp gia khẩu còn ba thứ dược thì nói riêng.

Đầu tiên nói về thuốc phi thời, có bốn loại:

1. Thuốc thọ nhận.
2. Người nãg thọ
3. Người thọ nhận.
4. Pháp chánh thọ

Đầu tiên nói về thể của thuốc, không có tám tai hoại thì được pháp gia khẩu:

1\* Nội túc. 2. Nội chủ. 3. Tự nấu. 4. Ấc xúc. 5. Tàn túc. 6. Không hề nhận bằng tay. 7. Thọ rồi ngưng trong giây lát. (Luật Tăng-kỳ nói: thọ phi thời thì nhận nhưng bảo họ để dưới đất) 8. Tay thọ rồi biến động vì những vị ngọt chua mất bốn vị).

2. \* Người năng trao, có bốn pháp.

- a. Mầu nước lượt trong khỏi ăn phi thời.
- b. Nấu sôi sau để cho nguội dần, sinh khát không cần.
- c. Nhỏ nước lên để tác tịnh làm mất mùi vị.
- d. Tịnh nhân có long cứng dường, thì ngửa tay cầm

3\* Người thọ nhận: Tỳ-kheo làm ba pháp.

- a. Trước và trên hết phải tự mình giải thích, phân biệt loại nước trái cây ép cho tịnh nhân hiểu.
- b. Ngửa tay thọ nhận không phải là tướng ăn trộm.
- c. Ghi chép, hiểu biết, nói năng, đây gọi là hàm thời thực, nếu nước đơn thanh thì không cần).

\* Chánh thức pháp gia khẩu các bộ đều bảo là thêm, không rút ra văn nghĩa trong luật đã thành lập), nên đến chỗ Tỳ-kheo đầy đủ lễ nghi bạch rằng:

Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ, tôi là Tỳ-kheo... nay vì nhân duyên bệnh khát. Đây là nước gừng, vì muốn để nửa đêm uống, cho nên nay xin thọ với Đại đức (nói ba lần; nếu nhận ngay thì uống không được đồ, không cần như pháp) nếu quả nho, lê, mật, tương, tùy theo bệnh mà nêu tên loại tương gì để uống nhưng phải đổi thành chữ thuốc.

Thuốc bảy ngày có bốn pháp cũng giống như trên.

**1. Nói về thể của thuốc:** nếu không có tám thứ hoạ hoạn thì chỉ đổi thành thứ tám. Chẳng phải là thuốc bảy ngày của Tỳ-kheo khác. Có người đã phạm còn làm hồng thức ăn (thuốc). Còn những thuốc bảy ngày khác cũng giống như trên.

**2. Tịnh nhân năng trao có bốn pháp.**

1. Tịnh sát dữ thời thực biệt (nghĩa là mỡ đã bỏ thịt, dầu đã loại bỏ cặn).
2. Nấu bằng lửa.
3. Nhỏ nước để làm tịnh.
4. Thí tâm trao cho tâm lĩnh thọ lẫn nhau.

**3. Tỳ-kheo sở thọ** có hai:

1/ Tự mình không có năm lỗi:

2/ Tương tục xúc. (giữ liên tục): nếu giữ tới bảy ngày thì không thành ngày thọ thuốc. Luật Tăng-kỳ chép: Tỳ-kheo có ngày thứ bảy thọ thạch mật, tức là ngày được dùng thạch mật trở lại, cho nên gọi là tương ô.

Hỏi: việc này chưa thành lỗi sao gọi là nhiễm nhau?

Đáp: do bảy ngày trước đã uống và đã hết bệnh rồi, bây giờ lại uống nữa thì không có lợi ích, tác pháp không thành. Nếu có được thuốc 60 khác thì cho giữ thêm bảy ngày nữa.

1. Tương tục xúc: Đã từng cất thuốc đến tám ngày, phạm tội chứa dư, tức là ngày cầm thuốc trên tay tác pháp bị nhiễm, lại không chịu uống.

2. Từng uống thuốc để đến ngày thứ bảy của người khác). Tức là ngày tự mình tác pháp không thành, vì chung với vị của thuốc. Luật Tăng-kỳ nói như vậy.

3. Tương tục thọ: Luật Tăng-kỳ chép: trong bảy ngày, ngày nào Tỳ-kheo cũng thọ nhận thuốc không được thọ nhận lại, phải thọ nhận hàng ngày, không được thọ nhận lại, phải thọ nhận hàng ngày, không được gián cách mà nhận. Nghĩa là tham nhiều quá thọ lại không uống để trị bệnh (Luật Tứ Phần không có văn, y cứ theo đây mà dùng, cũng tốt).

4. Tương tục phạm:

Luật Tăng-kỳ chép: Tỳ-kheo vẫn thường uống thuốc bảy ngày, đến ngày thứ tám thì cũng có thể uống, hết ngày thứ tám thì không được uống nữa, cứ nhận những thứ thuốc khác. Trên đã nói rõ pháp tương tục đối với thuốc mật. Nếu được dầu cũng là gia pháp.

Luật Tăng-kỳ chép: bơ sống, bơ chín, đề hồ lần lượt đổi khẩu vị trong bảy ngày được thọ nhận.

Tự tác, có bốn pháp:

a. Ngừa tay nhận

b. Phân biệt nói ý tưởng làm dầu bảy ngày. Nếu bồn tâm làm đốt đèn, đồ xúc để thọ nhận thì không thành như trong Luật Tăng-kỳ có nói.

c. Nhớ biết nói: trong đây những vật đã tác tịnh mà còn sống, tôi nên thọ nhận (nếu thời gian đã quá xa thì ăn mà không cần phải nói lời này).

d. Triển chuyễn thọ bơ sống làm bơ chín nên bảo tịnh nhân nấu nướng đã có tịnh nhân nhận làm. Tuy trước đã nhận rồi đặt vào một nơi đừng bảo tịnh nhân đựng vào. . Chánh gia khẩu pháp Nên cầm thuốc, nói:

Đại đức một lòng nghĩ, tôi là Tỳ-kheo... nay vì nhân duyên bị bệnh gió. Đây là thuốc bảy ngày dầu ô ma, vì muốn để qua bảy đêm để uống. Cho nên nay thọ nhận với Đại đức. (nói ba lần rồi đặt xuống chỗ đất sạch, người cần thì tự cầm lấy).

Ngoài ra tùy theo việc đối trị nên y theo loại trước.

Thuốc suốt đời, có bốn loại.

a. Thuốc không có tám họa hoạn, như đã nói trong phần nước trái cây ép.

b. Trao cho người làm (thường đưa cho người làm) có ba pháp:

b1. Hỏa tịnh rồi, không còn lỗi sinh.

b2. Khác với thuốc còn dư (nghĩa là hợp thời, thức ăn bằng với thuốc).

b3. Thi tâm trao cho tình tương lĩnh đương. Tỳ-kheo thọ nhận được làm ba pháp.

1. Ngửa tay thọ nhận tâm cảnh đồng với tịnh nhân.

2. Nhớ biết như pháp trên: nếu một mình thì không cần

3. Phân thể phần: Gọi tử uyển hoàn là thể của thuốc. Nhưng có thận di là phần thuốc. Hai pháp nhận riêng, gọi chung là đến để nhận (đến hợp thọ).

Bốn pháp gia khẩu nói:

Đại đức một lóng nhớ nghĩ, tôi là Tỳ-kheo... vì nhân duyên khí bệnh, đây là (vỏ gừng, tiêu, quýt và tử uyển hoàn), là thuốc suốt đời, vì muốn để uống suốt đêm, nên nay thọ nhận với Đại đức (ba lần).

Nếu trong hoàn tán, y theo căn bệnh của mình mà uống, năm ba màu sắc khác nhau, mỗi loại y cứ vào địa phương mà nêu tên nhập pháp.

Như trước đã phân biệt. Nếu mua thuốc chưa đủ thì cứ tiện tay bốc một nắm tức là pháp gia khẩu. Nhưng thể thì suốt đời. Y cứ theo bốn danh gia pháp, nếu là thuốc đúng thời, thuốc bảy ngày (như đại táo, rau, mì, đậu, tương, dương cất, hồ nhân đầu bạch, các loại mật, bơ, dầu). Gặp duyên không được thọ dùng chung với thuốc suốt đời, chỉ được dùng trong nhất thời. Phải nói thêm: nay vì nhân duyên khí bệnh, đây là dương cất, thuốc suốt đời tử uyển được phân vì muốn để qua nhiều đêm, những từ ngữ khác cũng giống như trên (còn những thứ khác y cứ theo đây để thí dụ).

Nếu đến chợ mua thuốc thì bảo tịnh nhân trả giá, Tỳ-kheo y cứ theo danh mục tự chọn lấy nhiều hay ít. Nếu một chỗ có thuốc thì bảo cân rồi thứ lớp nhận lấy, không được đặt xuống đất. Tức là tìm Tỳ-kheo thêm vào. Không được quá hạn, nay vâng theo pháp ít có một, hai. Phần nhiều mặc theo tâm ngu si chèn ép Phật pháp. Hễ được thì liền nhai không kể là dơ hay sạch, nói chuyện lớn tiếng, bàn luận vô ích. Chuyện đời thì tỏ ra mình biết nhiều, nhưng nếu nhiếp tâm thuận giáo thì một việc cũng không thấu suốt. Đâu biết là tương lai sẽ đọa vào đường ác nên vẫn cứ thích thú sự tha, si ở hiện tại. Người có hiểu biết thì tự soi sâu vào tận tâm ý mình (tự hiểu lấy mình).

c. Thuyết tịnh:

Thuốc bảy ngày làm khẩu pháp rồi thiên tâm thuộc về mình, phải thuyết tịnh để chứa.

d. Thể của thuốc quý trọng, tâm tham chứa nhiều.

1. Nghĩa thời gian lâu dài không có biến động.

2. Khí vị khác thường, năng lực giúp thân mạnh mẽ. Quy chế, thuyết tịnh phải bỏ sự bao bọc bên ngoài.

3. Dùng tay thọ nhận thuốc bảy ngày thì rất hiếm nên cũng không cần nói: ngoài ra ba loại thuốc khác ngược lại với cái trước không đầy đủ cho nên không phải tịnh.

4. Pháp tịnh rất giống pháp y, chỉ có thuốc lâu dài là khác.

5. Hai thọ thông bít.

Tay nhận thọ ngăn ngừa tội trộm. Một người đã thọ nhận thông qua người khác, khẩu thọ cũng vậy. Nếu xét thấy đúng bệnh, ghi tên thật cũng không thông. Chẳng có gì không dùng khẩu pháp ấy, thêm vào pháp dược khác là nhị thông (dược vị thông, chủ thọ thông). Cho nên xả bỏ, người trước thọ pháp thì không mất. Vì sao biết được? Vì Luật Tứ Phần nói: Thuốc để đến ngày thứ bảy cho các Tỳ-kheo uống. Ngoài ra ý nghĩa giống như số sao đã nói. Đến ngày thứ bảy có thêm nữa hay không?

6. Nếu đã nói dụng tay sờ vào, thọ nhận mà mất cái mình vốn được thọ thì phải thọ lại. Tuy nhận lại không có lỗi nhưng trong khẩu pháp, luận Tát-bà-đa chép: Đã năm ngày rồi vẫn còn xúc chạm thì thêm cho pháp bảy ngày. Chẳng dùng pháp hai ngày, không theo thể thuốc mà phải theo đúng pháp bàn luận. Nếu đã qua sáu ngày rồi thì bỏ không được thêm nữa, vì thuốc nước đã vào tịnh.

Luật Tăng-kỳ chép: thể thuốc nói tiếp nhau, bảy ngày có thể biết. Như trên, tịnh nhân sờ nhầm vào dầu bảy ngày thành mất.

Thành Luận chép: như cách uống đủ bảy ngày mới yên tâm là bệnh được hết.

7. Nói về các tướng: Luận Tát-bà-đa nói: nếu Tỳ-kheo có bệnh cần thuốc bảy ngày nhưng nếu không nhờ tịnh nhân thì khó kiếm được nên phải thọ nhận từ tay tịnh nhân, từ miệng Tỳ-kheo thọ nhận. Đã gom về một chỗ thì trong bảy ngày phải lấy dùng. Nếu làm khẩu pháp rồi, từ một ngày đến năm ngày.

Tịnh nhân đến đựng vào, hoặc vì cho, không nhận thuốc để lẫn lộn. Nên thêm hai cách thọ thủ thọ, khẩu thọ thì được uống bảy ngày.

Nếu đến ngày thứ sáu đã đến tịnh nhân, bảo sờ vào những thứ thuốc lẫn lộn khác thì đều không thành thêm.

Nếu thuốc nhiều không biết người nào là chủ của nó thì nên thọ nhận bằng hai cách: tay thọ, miệng thọ, sau đó mới uống.

Nếu bệnh nặng không thể dùng miệng nhận thì được uống ngay.

Nếu như Tỳ-kheo nuôi bệnh dùng hai cách: Tay nhận, miệng nhận thì cũng thành pháp thọ, phải gọi tên Tỳ-kheo bệnh và thọ nhận.



Hỏi: hai cách nhận: tay nhận và miệng nhận này để ngăn chặn điều gì?

Đáp: Luật Tứ Phần nói: thuốc thì bàn luận riêng. Như thuốc đúng thời, tay nhận thọ phòng hai tội, nhận sự xúc chạm thô thiển. Khẩu thọ cũng giống như vậy.

Phi thời tương, dùng cách tay nhận để ngăn hai tội.

Một là ngăn tội đến mà không thọ nhận.

Hai là ngăn ngừa không thọ nhận mà cầm nắm thô thiển (các xúc).

Miệng nhận ngăn ngừa hai tội. Một là người lỗi quá ngộ mất thọ, hai là người lỗi quá thời mất thọ, ác tróc.

Thuốc bảy ngày tay nhận ngăn ngừa hai tội, giống như trong pháp thọ thuốc mới, miệng nhận ngăn ngừa ba tội. Một là ngừa quá thời mất thọ. Hai là ngừa lỗi quá ngộ ác xúc. Ba là đem tàn. Xưa nói ngăn ngừa nội túc. (đây không có văn trong luật, lấy suốt đời làm chứng, lệ theo mà biết, không khai).

Thuốc thọ suốt đời, dùng cách tay nhận giống như trên.

Miệng nhận ngừa sáu tội.

Một là quá thời mất thọ, không thọ, hai là ác xúc, ba là đem tàn, bốn là nội túc, năm là có người nấu trong đem. Sáu là tự nấu (vì biến sống thành chín). Rõ ràng là nhân sinh tội (vì chưa thọ nhận nên không có các lỗi lầm, nay đã đưa ra hai cách thọ nhận thì lỗi lầm sinh)

Thuốc đúng thời dùng cách tay nhận, nếu quá ngộ phạm hai tội.

Mất nhận ác xúc: Trải qua đem sinh ra đem, hai tội tàn túc và tác xúc.

Nếu phi thời, dùng cách tay nhận, phạm hai tội cũng giống như trong thuốc đúng thời.

Dùng cách miệng nhận, phạm ba tội. Minh tướng xuất hiện có thuốc phi thời, đem tàn ác xúc. Thuốc bảy ngày dùng cách tay nhận, phạm hai tội, giống như trên. Dùng cách miệng nhận, phạm năm tội.

8. Mặt trời mọc thì nói: Đem tàn, phi thời phạm xả đoạ. Ác xúc phạm Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề. Bất xả dục phạm Đột-cát-la.

Hỏi: vì sao bất sinh bất thọ?

Đáp: thuốc vốn là bất thọ, giống như thêm khẩu pháp mất không thọ, đến sáng ngày thứ tám thức dậy, nếu có vẫn mặc tình mất thọ, không gọi là năng sinh bất thọ, không giống như đem tàn, vốn chẳng phải đem tàn vì có cách miệng nhận, tám ngày có phạm lỗi đem tàn, thuốc phi thời cũng vậy.

Thê của thuốc chưa có pháp, không có thời và phi thời. Thọ suốt đời là phương cách tay nhận giống như trước, phương cách miệng nhận cũng phạm sáu tội.

Không bệnh mà uống phạm Đột-cát-la. Ngoài ra nói nay đừ như trong ba giới tùy tướng, phi thời, bất thọ tàn đem.

Hỏi: Trong bốn thứ thuốc, vì sao tội bảy ngày nặng hơn ba tội khác?

Đáp: Thuốc đúng thời hễ nuốt xuống khỏi cổ thì phạm bảy tội, phi thời, tàn đêm bất thọ, phạm Ba-dật-dề. Nội tức, nội chữ, ác xúc phạm Đột-cát-la. Đây gọi là qua đêm rồi không qua trao cũng không thể không chịu tội, những tội khác thể theo đây mà có hay không.

---o0o---

## THIÊN THỨ 19: BÌNH BÁT CHẾ THỈNH

(phòng xá của tăng chúng có đủ năm việc. Phụ: Điều độ dưỡng sinh vật)

Chúng dưỡng sinh đã nhóm họp đầy đủ, đông đúc. Tùy theo sự khai báo mà cho phép tự tạo lập. Tuy được yên rộng nhưng vẫn chưa theo pháp chế. Nếu trái thì mới chế, phạm thì không tha. Vì đã khó phân biệt tướng mạo và thể chất nên chia ra điều cách. Đại ý khai riêng như sau:

Trong khi trước nói về Bình Bát là chế giáo vì đầu tiên nói về nó, ngoài ra có chúng dưỡng sinh đầy đủ, cho phép thâm nhận như sau, trong đây chia ra làm bảy. 1. Chế ý. 2. Thể như. 3. sắc. 4. Lượng. 5. Pháp thọ. 6. Mật thọ tướng. 7. Thọ dụng hành hộ pháp.

1. Chế ý: Luật Tăng-kỳ chép: Bát là đồ vật của người xuất gia, không thích nghi với người thế tục.

Luật Thập Tụng chép: Bát là cờ nêu của Hằng sa Chư Phật, không được dùng vào việc xấu.

Luật Thiện Kiến chép: Bạc thánh Ba thừa đều cầm bình bát bằng đất, ăn xong giữ gìn làm của tùy thân cả đời. Vì không có nhân, lấy bốn biển là nhà, cho nên gọi là Tỳ-kheo. Kinh Trung A-hàm chép: Bình bát còn gọi là ứng khí.

2. Thể như: Luật nói: Đại ý có hai: đất sét và sắt.

Luật Ngũ Phần chép: có sử dụng bình bát bằng đồng thau. Phật nói: đây là pháp của ngoại đạo. Nếu cất giữ, phạm tội. Phật tự làm bình bát bằng đất để làm cách thức cho đời sau.

Luật Thập Tụng chép: Cất giữ bình bát bằng gỗ phạm thâm-langiá.

Luật Tăng-kỳ nói: là cờ nêu của ngoại đạo, cho nên thọ nhận dơ bẩn. Nay ở đời có bát mạch trữ, bát gạch, bát tát, bát từ v.v... đều là phi pháp. Nghĩa là phải bỏ đi.

3. Màu sắc đúng sai:

Luật Tứ Phần chép: nên nung thành màu đen hay màu đỏ.

Luật Tăng-kỳ chép: nung bát thành màu giống màu (cổ) chim công, hay chim bồ câu là đúng pháp. Nếu theo văn trong luật thì phải nung để bảo quản. Văn trong luật đã nói đủ về cách nung. Có người trước nung bát sắt, bát đất cho bong ra nhưng bát còn thì không bền vì màu sắc nhợt nhạt, rơi xuống bị dơ bẩn. Có

người dùng dầu gai trét lên, tất cả đều phi pháp. Chính tôi hỏi ngài Tam Tạng dịch kinh rằng.

Trung quốc không dùng bát trét dầu, nếu đi qua lãnh thổ này, dùng qua một lần thì đập bể, không cho dùng lại. Trong Ngũ Bách Vấn nói: Không cho nhận giữ, theo đây thì bồn tắm bằng đất nghĩa giống như bát trét dầu.

Luật Thiện Kiến chép: Bát đất qua năm lần nung mới dùng. Bát đất qua hai lần nung rồi sử dụng thọ trì. Các bộ luật có nói cách nung, xứ này dùng để nung, qua hai lần đưa vào khuôn vẫn chưa đổi màu. Nhưng cách thức xử dụng thì không giống.

4. Lượng: chẳng phải Tứ Phần, Bát lớn đựng được ba đấu, bát nhỏ chứa nửa đấu. Loại trung thì có thể đoán biết. Đấu thăng này không xác định. Luật này dịch vào đời Diêu Tần. Nước kia dùng đấu của Cơ Chu (đấu này dùng chung cả nước, nhất định không đổi cách cân đong).

Người đời tính có tám loại, giải thích là: Khuê, Sao, Chước, Cáp, Thăng, Đấu gọi là nhân tâm pháp). Y theo đấu đời Đường, Bát bậc thượng chứa được một đấu; bát bậc hạ đựng được năm thăng. Luật Thập Tụng nói, lượng của đấu giống với Tứ Phần.

Lại nữa, luật kia nói: Bát bậc hạ thọ nhận một đấu, bát khác nhận được nửa đấu com, bát khác nữa nhận được bốn thăng). Luận Tát-bàđa nói chung lượng của bình bát các Luận sư nói rất nhiều thuyết khác nhau. Nhưng lấy một nghĩa làm chính. Nghĩa là một bình bát, người khác thọ nhận mười lăm lượng com. Đời Tần cân là ba mươi lượng com v.v... đây là nôi com gạo thơm ít nhựa ở Thiên-trúc. Bây giờ, mọi người đều bàn tính với nhau. Bát của bậc Thượng tọa nhận được ba đấu, bát của người khác nhận được một đấu com, bát của người khác nhận được một đấu canh, ngoài ra những món khác có thể là một đấu, hoặc hai đấu đời Tần. Bình bát thọ nhận canh của người khác, thức ăn có thể là nửa đấu lại bằng một đấu đời Tần.

Bát của bậc Thượng tọa chứa được ba đấu. Luật sư nói: không có vật khác để đựng thức ăn. Nói thăng là bát của thượng tọa chứa được ba đấu. Bát của người khác được một đấu com, bát của người khác nữa đựng canh. Nếu lại trên hư không thì thức ăn không mắc vào trong. Hai loại bát trung và hạ thì có thể cứ vào đó mà đoán biết.

Gặp một cái bát tốt ở ngoài chợ quán, tròn trịa rất dễ thương. Luật sư bảo tăng chúng xuất gia trong giáo đoàn của Phật ban đầu không có bát. Phật ban sắc lệnh xuống Đế-thích, Đế-thích bảo những người thợ khéo ở cõi trời làm mười vạn cái bát. Bát ở chợ dưới thế gian chính là bình bát ở cõi trời kia chứ không phải do con người làm ra.

Kinh Tỳ-ni mẫu nói: không đầy một đấu rưỡi quá ba đấu thì không

thành thọ trì. Như vậy các bộ định lượng tuy không phải là một ngón tay nhưng phần nhiều lấy ba đấu, một đấu rưỡi làm giới hạn. Tên vật này là ứng khí, phải y

theo giáo mà lập. Luật nói: lượng bụng mà ăn, đo thân mặc áo, chân bước rồi thôi. Nói chung với thêm bớt phải y theo chánh giáo. Người ôm bình bát nhỏ thì nhiều. Bình bát lớn rất hiếm người ôm. Há chẳng phải là hạn cuộc tham đắm tính số người nhận được nhiều lợi ích hay sao? Đã gọi là phi pháp thì không được thuyết tịnh thọ trì.

5. Pháp gia thọ: (Luật Tứ Phần không có văn, nhưng nói nên thọ trì. Nay dùng văn trong bộ khác. )

Luật Thập Tụng chép: Bạch Đại đức một lòng nhớ nghĩ, tôi là Tỳ-kheo... Bát-đa-la đúng lượng này, nay thọ thường dùng (nói ba lần).

Luật Thiện kiến chép: nếu trong mười ngày xả để nhận bát mới thì đến ngày thứ mười một phải đổi. (xem ý văn này giống như pháp độ trụ Tỳ-kheo).

6. Nói về các tướng mất pháp:

Luật Thiện Kiến chép: Tuy trước thọ trì nhưng vì bị lung như hạt lúa, hạt gạo nên mất thọ trì. Nếu bát méo mó, bể cũng không thành thọ.

Luật Thiện Kiến chép: nếu mua cái bát khác nhưng chưa về thì không thành thọ, tuy chủ bát có nói nhưng thọ trì cũng không thành. Nếu quá mười ngày thì không phạm hua dư. Nếu mua bát định giá rồi, bát của chủ đã nung rồi thì báo cho Tỳ-kheo biết. nếu không đến để nhận, quá mười ngày phạm, phải xả. Luật Tứ Phần chép: nếu bình bát bị rạn nứt, thức ăn lọt vào nhưng rửa không khều ra hết, vì không rỉ ra nên không mất thọ.

Hỏi: Vẫn cất giữ một bình bát, không thêm phương pháp thọ trì, quá thời hạn, phạm có nên xả không?

Đáp: không phạm, vì chế cho cất giữ, sự việc giống như ba y. nhưng phạm tội vì không thọ trì bình bát. Nếu có nuôi dưỡng thì y cứ theo y mà thuyết tịnh.

7. Nói về cách thọ nhân, sử dụng và giữ gìn. Ngũ Bách Vấn chép: nếu một ngày không dùng bình bát để ăn, phạm xả đọa, người bệnh nặng khai cho không dùng. Nếu ra ngoài giới qua đêm thì không mất.

Luật Ngũ Phần chép: nếu các Tỳ-kheo húp cháo trong bình bát nhưng khô vì nóng không thể bung thì cho phép làm vật đựng cháo riêng để húp.

Kinh Tỳ-ni mẫu chép: không được dùng đậu thô rửa làm phai màu. Phải giã cho thật nhỏ, ray rồi dùng nó. Cho đến bệnh cũng không được dùng tạp hương thảo đậu để tắm. Đến lúc khát thực nên làm túi lưới đựng bình bát, bát nay thì chính tay mình ôm lấy. Vì cho tịnh nhân ôm bát đi khát thực, ngoại đạo bỏ thuốc vào bình bát, Tỳ-kheo ăn chết nên ngăn ngừa.

Luật Tăng-kỳ chép: nếu rửa bát mà không có chỗ ngồi thì khom lưng ngồi xổm cách mặt đất khoảng một khuỷu tay. Không được dùng tro rửa, khiến cho phai màu. Nên lấy nước lá cây rửa, không được dùng Sacry kỳ cọ (nghĩa là cứt trâu), không được đến chỗ bờ cao nguy hiểm.

Trước nên rửa bát của thầy, sau rửa bát mình. không được rửa bát của mình vào nước cạn rồi tẻ vào trong bát thầy. Cho đến rửa rồi nên ngồi xôm, đeo cái túi đựng bình bát lên vai, sửa nó cho ngay ngắn.

Về nhuộm y: trước phải nhuộm y của thầy. Đừng ngâm chung y mình với y thầy. Nếu bát bị ràng vì bề thì ăn rồi nên mở ra, rửa sạch phơi khô cho khô ráo rồi dùng day ràng lại đem để ở chỗ bằng phẳng trên mặt đất. Thậm chí không có vật gì lấy nước rửa thì nên để yên đo.

Luật Thập Tụng chép: Bình bát là cớ nêu của Chư Phật, không được dùng bừa bãi. Bát mới nung nên phết bơ lên, nhất tâm rửa ba lần, gọi là tịnh, không được giữa trưa nướng thức ăn khiến cho người chảy nước miếng, phạm Đột-cát-la.

Kinh Tỳ-ni mẫu chép: không được rửa tay trong bình bát. ở tất cả mọi nơi không được dùng bát, trừ bệnh. Phải kính trong bát như trông mắt.

Luật Ngũ Phần chép: giữ bình bát như giữ trông mắt. Nếu rửa bát bằng sắt thì cho phép cách mặt đất năm, sáu thước. Rửa bát đất thì cho phép cách mặt đất năm sáu tấc, nên để ở chỗ tốt. Không lau mà phơi ở giữa trưa nắng. Nếu để trên đất đủ một đêm rồi lấy ăn, dùng nước nóng rửa rồi đựng thuốc, phạm tội.

Luật Tứ Phần chép: nên giữ gìn bát này. Không được để ở chỗ đất đá rơi, hoặc tựa vào dưới dao, gậy, hoặc treo dưới đồ vật, hoặc để ở giữa đường, hoặc ở trên đá, hoặc ở dưới cây đang có quả, hoặc ở chỗ đất không bằng phẳng, hoặc ở trong kẹt, cửa hoặc ở dưới cánh cửa, hay dưới giường dây, giường gỗ (trừ để tạm) hoặc ở giữa giường, góc giường, trừ để tạm, hoặc đựng nước nóng, v.v... đều không được. Không được một tay cầm hai cái bát, trừ có cách ngón tay giữa, hoặc một tay cầm hai cái bát mở cửa, trừ dụng tâm, cho đến chân làm cho bát bể, v.v...

Luật Tăng-kỳ chép: có tâm ác làm bể bát, rách ba y, phá tháp, tượng, giải giới, phá phòng Tăng đều phạm thâu-lan-giá.

(người có tâm tốt mà lỡ làm hư trong văn đều khai).

Luật Tứ Phần chép: không được làm đồ vật chằng phải bình bát để dùng. Tất cả những đồ vật dài không được để trong bát, hoặc vẽ vào trong bát, họa tượng, chữ Vạn và tên mình, tất cả đều không được. Bát bể không được sơn phết lên rồi ràng buộc bốn phía lại, hoặc nên sơn phết một nử trên miệng bình bát. Hoặc nếu có nhiều đốm nhỏ thì nên sơn lên đó một lớp (dùng bạch Lạp, chì, thiếc). Không được để dưới đất, vì nung hư, nên dùng bùn, nước rây nước đặt lên, hoặc lá, hoặc cỏ, hoặc bát chi. Người có làm hư lấy bạch Lạp trét ở đáy thì không được rửa, trộn với cát và cứt trâu. Lấy một cái chậu đựng nước, tằm cứt trâu để cát lắng xuống dùng để rửa. Vì bên ngoài dùng lá, dùng hoa như nước trái cây để rửa cho sạch chất dơ, nếu cầm trên tay mà thấy khó cầm thì làm một cái túi may miệng đeo lên vai. Từ trong bình bát xuống tới ngoài miệng bình bát. Không được làm cái hòm đựng bình bát, e ràng ngăn ngại nhau. Nên lấy y và lá cây ngăn cách nó, đặt bình bát trên một cái cọc.

Ngũ Bách Vấn chép: không được úp bình bát trên tường, phải để khăn vào trong, treo lên trên tường, v.v...

Luật Thiện Kiến chép: bình bát đất nên lấy dây màu xanh buộc lại và mang vào cánh tay trái. Trong Thỉnh giáo có nói: chúng cụ, cho nên nêu ra. Luật Tứ Phần khai 16 trọng khí là: Chỗ lớn, chỗ có nắp đậy, bồn nhỏ, bồn lớn, gáo, chỗ nhỏ, chỗ có nắp đậy, bình nước rửa, bình có nắp tay, bồn, muống tăng cũng được giữ: nếu bình bát không ngay thẳng thì làm lại bằng cành cây. Nếu bát bị bụi bám dính thì làm một cái lồng trùm lại. Nếu bát mới nhuộm bằng cứt thảo ngu ru v.v... Ở chỗ không có người thì được cầm, thấy người tại gia thì đặt xuống đất. Nếu ở trong chùa, được tự dời đất đá, cây gỗ, v.v... giã thuốc phải có chày, cối, cái ky, chổi bằng trúc để quét cho sạch. Tất cả đều khai cho vì trị mắt. Được cất giữ lược dày bằng lưu ly hoặc ống quán ty, ống yên (khói), ống thổi lửa, hoặc kiềm, hoặc lửa thì lấy bình nước nóng chế vào ống. Đồng thời người rửa chân tay thì cung cấp cho họ cái chậu rửa hoặc đồ vật dùng để rửa chân, những vật cần dùng nên cung cấp cho họ. Nếu có được bao nhiêu đậu, lúa mạch, hồ gai, gạo thơm thì nên lấy bình bát làm lượng. Không được cất giữ cái thăng, đầu, can, nếu cần cân lường bơ, dầu thì cho phép khắc gỗ làm bát để cân lường, lượng bốn, năm bát bằng nhau. Y cứ theo đây xác định số cân. Luật Ngũ Phần ban đầu giống Luật Tứ Phần, về sau cho những vật khác tuy nhiều nhưng vẫn còn một chút tức giận. Cho nên Phật bảo Tăng cất giữ riêng. Đầu giải thích là thăng, hạp và cân.

Luật Tứ Phần chép: cúng dường Hòa-thượng thì cho phép dùng bàn đồng, giống như bàn, ghế. Tất cả các thứ thức ăn đều đem ra đặt trên bàn để chia cho mọi người cùng một lúc. Nếu trái cây nhiều thì nên ép lấy nước uống, khai cho cất giữ phải cần tới đèn; Tháp đèn bằng sắt thì cái chụp đèn bằng sắt, bật ngọn đèn chuyên luân, củi lửa trong bếp lò, cái chụp đèn, chổi quét quạt đều có người khác chịu trách nhiệm.

Nếu vì gìn giữ y, trong chùa cho phép lấy vỏ cây như lá trúc làm đồ vật che giữ. Cung cấp đồ che, tọa cụ, tất cả đều được cất giữ. Vì vá giày da nên cho phép cất giữ cái đồ dùng, trừ cách ngón tay ở giữa để dùi lỗ. Nếu có được da đã thuộc để làm giày thì cần dao để rọc, tấm gỗ nhẵn, hoặc đá mài, đều khai cho dùng. Nếu dao, dùi, gân, lông, sợi bị văng tứ tán thì cho phép làm túi đựng lông, cho phép lót lông bên ngoài và bên trong, mười loại y cũng được dùng làm túi đựng. Nhưng không được làm bằng da. Nếu da hư thì cho phép lấy lông măng, kiếp cụ đại bì v.v... để trong dao. Nếu tóc dài, khai cho dùng dao cạo và làm vỏ bao dao lại. Nên dùng kiếp cụ và chướng vật khiến cho hư hoại để trên đá phủ lên, mài thì dao ấy bén, khai cho cất giữ con dao cạo gọt, tóc rơi tứ tán thì lượm để vào cái bọc. Cho dùng kéo, nhíp, dao xẻ dưa, dao xắt gọt hình lưỡi gà. Những vật bằng răng sắp xếp như răng lược. Cung cấp phòng ở cho Tỳ-kheo như trong pháp. Cho phép sắp xếp móc cài cửa, nắp đậy, bình nước, bình nước rửa, đồ dùng đựng nước, nhà tắm, giường, dao gọt đất bùn và giường dây lớn nhỏ, móc, cửa không được cất giữ. Nếu đi đường sợ rắn hay côn trùng cắn thì nên rung

tích trượng. Nếu ống đựng đầy đá vụn, hoặc sa vào cành trúc phát ra âm thanh, không được cầm gậy rồng ruột. Nếu cất chứa thì đúng như pháp làm quạt lớn. Nếu làm quạt may thì bảo Sa-di may. Nếu làm bánh, làm mì đậu, cân lường mì, đồ vật đựng mì đã ruy (những chữ này sai, nên viết là như bình rượu gỗ, nước thơm, ghé, muống thìa, chén... Đều khai cho giữ. Nếu ăn uống nhiều, không điều độ thì dễ sinh ra bệnh hoạn. Khai cho làm nhà tắm nếu ở trong phòng có mùi hôi khó chịu thì trét hương lên vách, cho đến bốn góc đều treo hương. Ngài Tăng Nhất nói:

Nếu bốn chúng làm nhà tắm thì được năm việc tốt.

1. Tránh gió. 2. Bệnh chóng lành. 3. Tẩy trừ bụi dơ. 4. Thân thể nhẹ nhàng. 5. Da trắng. Tỳ-kheo nên tìm cách làm.

Luật Thập tụng chép: chỗ khuất nên làm nhà tắm, các điều cần thì nên bàn luận. Luật Tăng-kỳ chép: Khi tắm, nếu không bệnh thì bảo người lau dùm. Năm chúng tự lau cũng được, lau chùi cho nhau cũng được. Kinh Tỳ-ni mẫu chép:

Trong nhà tắm, bậc Thượng tọa nên vì nhân duyên tăng tắm mà thuyết tịnh, không vì thân thể sạch sẽ, đẹp đẽ mà khiến cho thân thể chống lại gió, lạnh, được an ổn hành đạo. Nên vì chán ghét thân pháp mà điều phục tâm pháp. Nên phát khởi tâm từ bi vì ít muốn biết đủ, như vậy, mỗi việc đều có nghi thức nói pháp của bậc Thượng tọa, tùy việc mà dạy bảo, không phải đầy đủ tất cả. Kinh Tỳ-ni mẫu cho phép giữ sáu loại dao.

1. Dùng kéo để cắt da; mổ mụn ghẻ, cắt vải; trên y cắt rọc có lớp lông; dùng để làm sạch trái cây, cho đến lúc ăn, tất cả mọi việc đều cần có dao. Luật Ngũ Phần cho phép cất giữ cái nhíp để nhổ lông mũi.

Đại luận chép: cúng dường cho chư tăng rồi thiên, pháp thiên, gậy thiên, cúc thiên, trần cốt nhân thiên, kinh hảo sư, hảo chiếu y phục, v.v...

Kinh Tỳ-ni mẫu chép: Tỳ-kheo chỉ được giữ ba y, bình bát, tọa cụ, túi đựng kim chỉ, bình bồn, v.v... Dưới được giữ vàng bạc của người nữ, tất cả vật báu, tất cả những khí cụ chiến đấu, bình rượu, v.v... vì người đời sinh tâm nghi ngờ chê bai. Luật Ngũ Phần chép: giường có chạm trổ, vẽ vôi, không được ngồi. Phàm những đồ dùng như bồn, chậu, những cái để kê đồ vật không được bảo người làm cất giữ để mô phỏng, sau bỏ mất. Luật Tứ Phần chép:

Lúc nhuộm thì phải có chỗ đồng, bồn đồng, vạc, chõ, dây, giấy ghi chép đều được cúng dường, tất cả giếng nước, ao nước, lan can, trời mưa, sợ ẩm ướt thì leo lên giường ở cho yên. Đất trống, nếu có củi thì làm mái che.

Kinh Tăng Nhất chép: phòng cúng cho tăng gọi là chiêu-đề tăng thí. Luật Tứ Phần chép: đàn-việt làm thiên đường như cung điện vua ở cúng dường cho tăng, tất cả những thứ cần khai cho thọ nhận.

Các Tỳ-kheo muốn làm phòng, Phật cho phép làm phòng đúng theo pháp, tất cả đều cho thọ nhận. Văn trong luật có nêu đầy đủ tất cả mọi việc, tóm lại không

rõ. Nếu phân chia cho đầy đủ thì không chịu nhận. Phật bảo, tùy theo khả năng của mình mà sửa chữa, tất cả những thứ cần thì cung cấp.

Luật Thập tụng chép: chính tay Phật cầm cây sửa lại cánh cửa chùa, tăng được cất giữ tất cả những dụng cụ. Tăng phùng hư hoại thì được phép bán để sửa sang lại, tăng phùng của Thượng tọa, tư phòng của Thượng tọa mỗi thứ đều hư hoại, lẫn lộn mọi thứ thì trước tự tay làm, ngài Ca-diếp thường đập bùn trét lên tăng phòng, v.v... Tỳ-kheo được tự làm nhà trên cây. Luật Tăng-kỳ chép:

Tỳ-kheo làm phòng muốn tự lấy bùn trét lên vách đủ năm màu đều được, chỉ trừ cánh tượng nam nữ hòa hợp, ngoài ra tất cả cánh tượng núi rừng, người, ngựa đều được.

Luật Tứ Phần chép: không được dùng các thứ tơ lụa năm màu đường nét không tương ứng để trang hoàng. Cho phép dùng các màu lẫn lộn khác, đường nét cầm thú. Ngài A-nan có được phòng riêng, khai cho nhận. Nếu làm phòng riêng trong đất chư tăng, có khách đến nên khởi công làm. Nếu không khởi công làm thì trả lại đất cho tăng (không lấy đất Tăng làm của riêng mình. Người trông coi phòng ốc cuối cùng không thành công và không bền chí. Nếu làm thiên đường, phòng xá thật to lớn thì cho phép trông coi trong mười hai năm. Còn những điều khác thì tùy theo sự lớn hay nhỏ. Nếu Tỳ-kheo quản sự làm tăng phòng đã xông hương trang hoàng đẹp đẽ và đầy đủ những thứ cần dùng thì cho ở chín mươi ngày, sau nhà cửa có hư hao, không được nhận phòng khác. Nếu người thế tục có thể sửa sang căn phòng hư, thì bạch nhị Yếtma cho họ sửa.

Luật Ngũ Phần chép: trên các phòng nên đề tên đàn-việt cúng.

Luật Thập tụng chép: phòng cúng cho Tăng rồi chuyển sang cúng dường cho ni là trái pháp, sử dụng trái pháp. Nếu cúng cho ni về sau chuyển cúng cho Tăng cũng vậy. Nếu phòng xá, ngoại cụ có đàn việt ở đó thì chỉ được xem, không được chiếm đoạt để cho.

Sửa sang lại phòng hư hoại thì trước đổi hướng cửa, hai hoặc ba năm, tùy công phu nhiều hay ít mà cho ở.

Nếu phòng trống trải không thể ở thì tạm thời sửa sang lại để ở. Nếu giường, chiếu, gối chăn, rách dơ thì nên giặt giũ cho sạch rồi vá lại dùng tạm.

---o0o---

## THIÊN THỨ 20: ĐỐI THÍ HƯNG TRỊ

Phước có ra từ thừa ruộng thanh tịnh, đạo bắt đầu từ ít muốn. Người tạo phước chỉ chú trọng làm cho nhiều, người thọ thí phải tiết chế. Cúng dường nhiều không biết chán là phương cách làm phước, ít thọ nhận hoặc thọ nhận có chừng mực, có hạnh nghị. Luật chép: Tuy đàn-việt cúng dường không biết chán nhưng người thọ nhận nên biết đủ, còn người xuất gia, thân đã khoác y phục của bậc thánh, mà đợi chờ có của cải tạm bợ riêng của mình mới quyết định. Lúc cho thì không lấy, sau cần khó kiếm được. Nếu khéo ứng xử theo pháp thì cả hai



của cúng dường và người được cúng (năng sở) đều không tỳ vết hẳn là không y cứ theo sự việc. Đâu bảo là nhờ quy tắc đã được thành lập. Nếu người thí khéo tinh giắc thì nhận được một công sức lớn lao, có thể gọi là duyên đạo lập hạnh từ đời này. Vì sao? Vì tâm tham đã bày tỏ ra tình cảm do tự mình tiết chế. Tâm buông lung thì chẳng thường thức được mùi vị, sinh khởi mê lầm. Nếu ý thức những món ngon vật lạ đều sinh tâm nhàm chán. Cho nên thiện, ác còn áp ủ bên trong, nổi chìm phó thác cho trái tim. Cho nên, người làm việc không nên xem thường, không lo nghĩ đến thời duyên. Gặp việc thì sinh trì trệ đều do không xem xét để thoát ra, giống môi sâu xa của lậu hoặc há chẳng đáng thương hay sao? Nhưng sự khát ái thì ít khi biết đủ, giống như biển sâu nập tất cả các dòng. Nếu dùng pháp để giải quyết thì mọi người đều dứt lòng ham muốn. Thân đã khoác y phục khác với người thế tục mà còn mơ mộng những điều cao xa. Nếu dung chứa những vết dơ bẩn này thì được việc gì? Dù có chín dòng nước chảy, thì người đời vẫn còn cảm thấy hồ thẹn về y phục và ăn uống. Đã gieo hạt giống Thánh Tam Bảo mà còn trì trệ, lún vào vũng lầy, sao quá lắm như vậy! Nay nói lược và dần dần trở thành văn. Làm cho kẻ sỹ có đoái hoài đến đạo, hoặc rõ và thâm gom những dấu vết này. Ở đây chia làm năm phần.

1. Nói về người nhận thí
2. Nói về nhàm chán phương tiện
3. Nói về lập quán hữu giáo
4. Nói về phương pháp tác quán
5. Nói về tùy trị tạp tướng.

**1. Luật Thiện Kiến chép:** Tỳ-kheo thọ dùng vật thí có bốn loại:

- a. Trộm dùng: nếu Tỳ-kheo phá giới nhận vật thí là trộm dùng
- b. Mắc nợ dùng: lúc nhận vật thí thì phải nghĩ: không tinh tấn tu học là chịu tội mắc nợ tín thí.
- c. Dùng của cải của bạn bè, bà con: Gọi là bảy học nhân thọ cúng dường.
- d. Chủ dụng A-la-hán, kinh Tỳ-ni mẫu nói: người nhận phẩm vật của tín thí mà không dùng đúng như pháp, tâm buông lung bỏ việc tu hành đạo nghiệp thì đọa vào ba đường chịu tội khổ nặng. Nếu không chịu khổ báo, thì ăn của tín thí thì liền bẻ bụng, y phục lìa khỏi thân v.v... nếu biết người trước buông lung mà vẫn cúng dường cho họ thì cả hai năng sở (người thí, người nhận) đều bị đoạ lạc.

Trí luận chép: người bố thí thanh tịnh, người thọ nhận không thanh tịnh, như bốn câu này; nếu người xuất gia không giữ giới, không có trí tuệ mà ăn của tín thí thì bị đoạ vào địa ngục, chịu hai nỗi khổ ăn hoản sắt nóng và uống nước sắt sôi.

Luật Tứ Phần chép: cho đến phạm Đột-cát-la trở lên đều là tội, không vì thọ lợi dưỡng của người khác, đến kính lễ Tỳ-kheo trì giới đều không được nhận.

## **2. Nói về yếm trị phương tiện:**

Như trong kinh Đại Tập chép: Vì sao Tỳ-kheo quán sát y áo đã được mặc mà sinh ý tưởng không vui thích?

Nếu may y, thấy y, sờ y, mặc y, cởi y nên quán sát như huyết đồ, da rửa hôi thối đáng ghét là nơi ở của côn trùng. Như lúc quán sát y phục mà tâm tham khởi lên thì liền dứt bỏ. Vì sao tu hành mà không thích thức ăn? Nếu lúc Tỳ-kheo ôm bình bát, giống như huyết đồ như đầu lâu thối rửa đáng ghét là chỗ của côn trùng ở. Nếu được thức ăn thì nên quán: thức ăn như xác chết côn trùng. Nếu thấy mì sợi thì nên nghĩ như xương vụn. Nếu được nước cơm thì nên nghĩ như cứt sệt. Nếu được bánh thì nên nghĩ như da người. được cầm tích trưng thì nghĩ là như bộ xương, được sữa, lạc thì nghĩ là máu, mỡ, mồ hôi. Nếu được rau quả thì nghĩ là lông tóc. Đây gọi là đối với thức ăn mà sinh ý tưởng không ưa thích.

Vì sao ở trong phòng xá mà sinh ý tưởng không ưa thích. Vì nếu bước vào phòng thì nên nghĩ giống như chịu khổ não trong địa ngục. Như vậy phòng xá là do sự hòa hợp mà có. Cây gỗ thì nghĩ là xương người. Đất là thịt người, cho đến tất cả giường chiếu, chăn mền cũng như vậy. Quán sát như thế gọi là không sinh ý tưởng ưa thích tài sản của thế gian. Nếu thường quán sát như thế thì người ấy được pháp như thật. Luật Tứ Phần chép:

Thà rằng sắt nóng làm y phục thiêu đốt toàn thân chứ không tham đắm y phục của thiện nam, tín nữ. Thà ở giường sắt đốt tan thân thể chứ không nhận phòng xá để nghỉ đêm trong đó. Thà nuôi hoàn sắt nóng đốt cháy ngũ tạng, tuột từ trên xuống, ra bên ngoài chứ không chịu ăn uống của tín tâm đàn-việt. Thà lấy cái kích xia vào chân chứ không thọ nhận tín tâm đàn-việt đánh lễ bên chân mình. Thà lấy búa nung đỏ tự chém vào thân mình chứ không chịu để tay của tín tâm đàn-việt sờ mó vào thân mình. Vì sao? Vì không do nhân này mà doạ vào ba đường ác.

Nếu không phải Sa-môn, không phải tịnh hạnh mà tự nói là Samôn, tịnh hạnh. Phá giới, ác hạnh, không giữ oai nghi, giới luật, tà kiến. Ở chỗ thật tạo tội, bên trong rỗng tuếch thối rửa, ngoài hiện tướng hoàn toàn thanh tịnh để thọ nhận thức ăn của người bố thí, vì của tín thí khó tiêu nên phải doạ vào ba đường ác, chịu khổ trong đêm dài tăm tối. Cho nên thọ nhận tất cả những vật cần dùng của thí chủ thì phải giữ tịnh giới mới làm cho thí chủ được quả báo lớn mà người xuất gia làm sa-môn cũng thành tựu. Nếu nói về ác báo thì như trong kinh Tăng Hộ đã nói đầy đủ năm mươi sáu việc. Kinh luận Đại, Tiểu thừa như A-hàm, Niết-bàn đều đã nói vô số phương cách quán sát để sinh tâm nhàm chán v.v...

## **3. Nói về lập quán hữu giáo.**

Trí luận chép: nếu không quán sát mà tâm cứ mãi mê đắm vào phẩm vật cúng dường thì phải doạ làm trùng ở chỗ bất tịnh, nước đồng rót vào miệng, nuốt hoàn sắt đỏ.

Luật Thập Tụng chép: mỗi khi ăn đều sinh ý tưởng không ưa thích nhưng vì giữ gìn thân mạng, Ma-đắc-già chép: Từ trong kho chui vào trong đất, lấy phân cứt hòa hợp (trộn) với hạt giống để được sinh ra, rồi lại nuôi dưỡng thân cứt đái, v.v...

Kinh Tỳ-ni mẫu chép: nếu Tỳ-kheo lúc được thức ăn, khi đưa thức ăn vào miệng thì thường quán tưởng; lúc được y phục, mặc y phục luôn quán niệm, lúc vào phòng, cũng luôn quán tưởng. Còn Tỳ-kheo độn căn thì khi được y phục, thức ăn, phòng xá đều nhất niệm.

Kinh Phật Tạng nói: xin được thức ăn trong xóm làng rồi thì ra khỏi làng ấy, đến đứng bên sông, nơi có thể tu đạo. Đặt thức ăn một bên, ngồi kiết già phải quán thức ăn đó có vô số điều đáng nhàm chán, quán tự thân mình là vật chứa đồ dơ, rộng như kinh kia đã nói.

#### ***4. Nói về phương pháp tác quán:***

Bốn món cúng dường: y phục, thức ăn phòng ốc, thuốc men là người thí chủ xả bỏ lòng san tham, người nhận phẩm vật phải trừ lòng tham. Như thế thì cả hai người thí và người nhận (năng sở) đều thanh tịnh được nhiều phước lợi. Nếu cả hai (người thí và người nhận) đều theo thói buông lung, biếng nhác thì phải chịu đọa lạc, đều trái với thánh hiền.

Cho nên kinh Niết-bàn nói: hoặc khiến cho giảm bớt quả báo của thí chủ hoặc không được quả báo. Tuy lợi dưỡng giống nhau nhưng ít có người thanh tịnh, ăn bị hoại lớn. Lúc bỏ vào miệng vì quá khoái khẩu nên ăn thô tháo, muốn sửa lại cho hợp pháp thì cũng khó. Nếu không mau sửa đổi, điều tiết tâm mình, phần nhiều phải giam hãm mình trong cơn say mờ mịt. Ôi, Sa-môn thì nên khác tục. Vì lập hạnh bền chắc, đồng với việc sâu muợn mê mờ của thế tục. Còn những hạnh khác cũng đã biết rồi.

Cho nên Thành Luận chép: Hiện thấy ở trong đồng phân hôi thối mà sinh ra chứ chẳng phải sinh ra từ một tảng đá to. Vì tham đắm hương vị. Nếu kiềm chế được lòng tham, lập quán để khai tâm đạo, lược chia làm năm môn bàn luận rõ như vậy.

#### ***1. Xét tính công đức của mình nhiều hay ít mà thọ nhận phẩm vật của thí chủ kia đem đến.***

Trí Luận chép: nên suy nghĩ những món ăn này, thí chủ đã vận công rất nhiều khai hoang, trồng tía, làm cỏ, từ lúc thu hoạch gặt, đập lúa, sắn sậy đất cát, thổi lửa nấu mới thành cơm. Tính xem thức ăn trong một bình bát người nông phu đã đổ biết bao nhiêu mồ hôi. Nếu gom lại mà tính thì thức ăn tuy ít nhưng mồ hôi thì nhiều. Chỉ trong thoáng chốc đã biến thành đồ dơ bẩn, nếu ta có lòng tham thì phải đọa vào địa ngục nuốt hoàn sắt nóng. Ra khỏi địa ngục thì phải

làm thân súc sinh để đền nợ cũ. Hoặc làm heo chó thường ăn phân dơ để trừ nợ cũ. Cho nên đối với món ăn nên sinh tư tưởng nhàm chán.

Luật Tăng-kỳ chép: nếu các Tỳ-kheo tính được tất cả những hạt gạo này thì dùng cả trăm công sức mới thành. Họ vì cầu phước mà bố thí, vì sao ta bỏ nó.

### **2. Suy nghĩ xem đức hạnh của mình đầy đủ hay thiếu sót.**

Kinh Tỳ-ni mẩu chép: nếu không ngồi thiền, tụng kinh, không trông coi những việc trong Phật, pháp, Tăng mà thọ nhận của tín thí thì bị đọa. Nếu không biết tu tập ba nghiệp mà bố thí thì cả hai đều bị đọa. Tỳ-kheo đã đầy đủ thức ăn, thí chủ cúng thức ăn với ý kiêu mạn, hoặc tự ăn, đã ăn no rồi cố ăn quá phần thì bị đọa, bởi thức ăn đó cũng từ thí chủ mà có được. Vì sao? Vì Phật nói: chúng sinh ở trong đêm dài thường than thở nhưng rốt cuộc ăn uống không điều độ (cuối cùng phải giảm phần ăn). Người bố thí, trì giới thường thọ nhận phẩm vật của tín chủ nhưng phẩm vật vẫn thường tiêu hóa. Quả báo của sự bố thí, trì giới rất lớn, quả báo của người phá giới rất ít (quả như vậy, vẫn trong luật giống như trên).

Ăn no rồi lại ráng ăn thêm, không tăng thêm sức khỏe lại rước thêm họa vào thân, vì thế không nên ăn quá lượng.

### **3. Ngăn ngừa tâm tham lam để lìa bỏ tội lỗi.**

Minh Liễu Luận sơ có ghi rõ, trong luật nói: người xuất gia nhận thức ăn trước phải quán sát thức ăn, sau mới được ăn. Thức ăn có ba loại, thức ăn ngon thì khởi lòng tham, phải xa lìa bốn việc.

– Ưa thích sinh tội lỗi: tham đắm hương vị, thân tâm hưng phấn, tự do ăn cho sướng miệng.

– Xa lìa thức ăn có chất kích thích làm cho say người, sinh ra tội lỗi: ăn rồi thân tâm khỏe mạnh, không kể gì người khác.

– Lìa bỏ sự tìm cầu nhan sắc xinh đẹp mà sinh ra tội lỗi: ăn xong thì khoái thích hơn cảnh lúc bình thường. Không nên có tâm này.

### **4. Lìa lỗi cầu cho thân trang nghiêm.**

+ Ăn thì vui vì được no bụng.

+ Thức ăn ít thì chê ghét tức giận, thường bị đọa vào ngạ quỷ, tìm kiếm cũng không thấy thức ăn.

+ Trong bữa ăn, không phân biệt được, phần nhiều khởi lên tư tưởng nghi ngờ, đổ bỏ. Khi chết đọa vào loài súc sinh ăn các thứ cứt, làm côn trùng thích ăn cứt đá.

+ Vì quá tham ăn nên phải đọa vào địa ngục, đại khái cũng như vậy. Nếu trái ngược với ba độc này thì trở thành gốc rễ của ba điều lành, được sinh lên ba đường lành. Vì không tham lam nên sinh lên cõi trời. Hạng trung và hạ cũng nên biết.

### **5. Việc chính là vì thuốc hay, quán sát chia làm hai:**

- Vì dứt bệnh cũ: Không trị đói khát thì bỏ bê đạo nghiệp.
- Không sinh bệnh mới: ăn uống có chừng mực, bỏ việc ăn đêm.
- Như dầu mỡ trong xe vẫn làm cho xe chuyên chở được đồ vật, đâu cần hỏi dầu mỡ đó tốt hay xấu.
- Muốn vượt qua đường hiểm: đưa con đã chết, người nghèo cùng đói khát quá liền ăn thịt con mình, hẳn là không tham đắm mùi vị.

### **6. Vì thành đạo nghiệp, quán sát ba loại:**

- Vì làm cho thân sống lâu hơn: thân ở cõi dục phải nhờ đoàn thực mới được ở lâu (sống lâu) vì đạo duyên không nhờ giới.
- Vì mạng sống liên tục: nhờ báo thân giả tạm này mà thành pháp thân tuệ mạng.
- Vì tu tập giới, định, tuệ để chiết phục, dứt trừ phiền não. Trì Thế chép: “Nếu không trừ được điên đảo của chính mình thì đây là ngoại đạo, không được phép thọ nhận của người một chén nước. Trong Phật Tạng cũng vậy, phải nhàm chán bản ngã điên đảo. Đối với y bá nạp và thức ăn thô, không nên sinh tâm mê đắm trước. Theo Ngũ Minh để sửa đổi những hình tướng lộn xộn (tạp tướng).

Kinh Hoa Nghiêm chép: nếu được thức ăn thì nên nguyện cho chúng sinh được pháp cúng dường tâm chí giữ gìn Phật đạo.

Luật Ngũ Phần chép: người xuất gia nếu không vì giải thoát thì không được nhận thỉnh. Nếu ngồi thiền, tụng kinh, coi sóc việc tăng chúng, tất cả đều là sự giải thoát của người xuất gia, cho phép theo thứ lớp thọ nhận.

Luật Thập Tụng chép: nếu đến chỗ ăn nên im lặng, nhất tâm tịnh trì oai nghi để làm cho người phát sinh tâm lành, phải vào chậm rãi, ngồi khoan thai. Nên quán là thức ăn khó tìm, khó được, khó thành, lúc đưa vào miệng nên quán là ở nơi sinh tạng, thực tạng, sau khi ra ngoài chỉ là thứ bất tịnh dơ bẩn. Vì thức ăn này làm nhân duyên sinh khởi vô số phiền não, tạo nghiệp tội lỗi, chịu quả báo khổ.

Ngũ Bách Vấn chép: vì ham thích y phục tốt đẹp, đêm ngày đắm nhiễm nên bệnh đến chết sau hóa thành rắn trở về quán y. Chúng tăng chôn cất vị Tỳ-kheo ấy rồi lấy y tác pháp, rắn liền trương cổ phun nọc độc. Chúng tăng ai cũng thấy. Trong đó, có một vị tăng đắc đạo, ông nhập pháp quán bốn thứ bình đẳng nói chuyện với rắn, và bảo nó đi. Rắn liền bò vào trong đám cỏ, vì tham độc hãy hừng nên lửa phát ra thiêu đốt thân rắn. Sau khi chết bị đọa vào địa ngục. Kinh Tỳ-ni mẫu chép:

Được y phục nên nghĩ rằng: vì khỏi sự lạnh nóng nên hổ thẹn thọ nhận. Được phòng ốc thì nên nghĩ rằng vì che gió che mưa, được thức ăn nên nghĩ rằng vì trừ nhân duyên đói khát. Truyện nói hễ ăn thì không được quá ba muống.

- Muống thứ nhất: vì dứt bỏ tất cả điều ác.

- Muỗng thứ hai: vì tu tất cả điều lành.
- Muỗng thứ ba: vì độ tất cả chúng sinh.

Cho đến hồi hương về Phật đạo và từng ngọn rau ngọn cỏ. Còn những thứ khác như sau: luật Tứ Phần chép: lường bụng mà ăn, đo thân mà mặc y phục biết vừa đủ. Lại nói ăn biết vừa đủ. Cho nên khổ cũ tiêu diệt, khổ mới không sinh. Có công phu mà vô sự khiến cho thân được an ổn. Ngài Tăng nhất nói: ăn nhiều có năm thứ khổ.

- Đại tiện nhiều lần.
- Tiểu tiện nhiều lần.
- Ngủ nhiều.
- Thân thể nặng nề không thể tu đạo nghiệp.
- Thức ăn không tiêu hóa, sinh ra nhiều bệnh hoạn.

Cho nên Phật dạy khi ăn nên tiết chế, do đây Phật nói kệ:

*Ăn nhiều đến nỗi bệnh.*

*Ăn ít sức khỏe suy.*

*Ăn ở mức trung bình.*

*Như cân không cao thấp.*

Trong kinh Tạp Bảo Tạng nói: có vị vua thử tài ngoại đạo và Tỳ-kheo. Nhà vua dùng hai món ăn ngon và dở để thử nghiệm đạo pháp.

Tỳ-kheo cho đến nói kệ:

*Thân này như xe*

*Không lựa tốt xấu*

*Dầu thơm mỡ hôi*

*Thấy đồng hòa trơn*

Trung kinh A-hàm nói: Phật dạy các Tỳ-kheo: những người bậc trung bậc hạ cho đến những kẻ biên địa đang sinh hoạt trong giáo đoàn đều gọi là đi khát thực. Thế gian rất kỹ làm kẻ đầu trọc đội trời tay bưng bình bát đi khát thực. Con của dòng họ kia vì nghĩa cúng dường nên thọ nhận. Vì chán ghét những sự khổ não của sinh, già, bệnh, chết. Nếu người ngu xuất gia mà làm những việc riêng tư, giới luật bê trễ thì cũng giống như lấy chất dơ rửa chất dơ, làm sao giải thoát được? Trước đã nêu đủ chánh giáo, phải y cứ theo đó mà dùng. Lúc sắp ăn thì luôn lầm nhảm năm pháp quán trong đầu, vừa được liền mất, bị các chất độc như tham v.v... xâm đoạt.

---o0o---

**QUYÊN HẠ**

**PHẦN 3**

**THIÊN THỨ 21: ĐÀU ĐÀ HẠNH NGHI**

Năng lực quả báo Tăng thượng, hạnh thành tinh khiết, cho nên thường cao siêu ngút ngàn, vượt trội quần chúng. Vì vậy Đức Phật Thích-ca, một đời giáo hóa khen ngợi đức này. Giới đã được chế ra đều vì quá nhiều tham vọng. Hễ khai, trong giáo trước đề cao hạnh này, vì muốn cho khách trần đánh bật sự biếng nhác hướng đến ngôi thành thiên định. Thúc giục kẻ nhiễm trần chứng lên giai vị thi-la, chính là đại ý ở đây. Trí Luận chép:

Ý của Phật là bảo đệ tử theo đạo hạnh, xả bỏ cái vui thế tục, cho nên mới khen ngợi mười hai hạnh đầu-đà, lấy đây làm căn bản. Nếu có nhân duyên cũng không thôi mà cho phép làm những việc khác, v.v..., tựu trung chia làm bốn:

1. Giải thích tên gọi chung.
2. Bày số nêu thể.
3. Các bộ đệ hành
4. Nêu ra các pháp.

1. Giải thích tên chung bày đức, luật Thiên Kiến chép: Đầu-đà đời Hán dịch là Đầu tẩu, nghĩa là tích cực dứt bỏ phiền não, xa lìa những thứ vướng mắc tâm ý thánh thiện.

Kinh Thiên Tử chép:

Đầu-đà là phỉ dữ, nghĩa là tích cực dứt bỏ các tham dục, sân nhuế, ngu si trong ba cõi sáu nhập. Mỗi mỗi đều bàn luận riêng, lại nói:

Ta nói người này thường khéo tu hạnh phỉ dữ. Như vậy, hạnh phỉ dữ này không lầy, không bỏ, không tu, không dính mắc.

Vì thế, ta nói người này khéo giảng nói hạnh đầu-đà, kinh Tăng Nhất A-hàm nói: trong đây có người nào chê bai mỗi hạnh trong mười hai hạnh đầu-đà thì chính là chê bai ta. Ta thường khen ngợi hạnh này, pháp này. Do vậy mà ta trụ ở đời, chánh pháp của ta còn mãi ở thế gian.

Thập Luận chép:

Hủy phá giới cấm là mất hạnh đầu-đà vì tội nghịch, trái pháp làm cho chánh pháp của ta diệt. Như Đức Phật đời quá khứ đã nói: người phá tịnh giới thì không được xếp vào số chúng.

Kinh Hoa Thủ chép: vì ngài Ca-diếp thực hành hạnh khổ đầu-đà nên đến chỗ Phật Đức Thích-ca nhường nửa tòa cho Ca-diếp ngồi, nhưng ngài Ca-diếp từ chối không nhận.

Trong kinh Tạp A-hàm chép: chính Phật nhường nửa tòa, và chính tay Phật trao Tăng-già lê đôi cái đại y mà Ca-diếp đang mặc. Ở trong đại chúng Phật khen ngợi đại hạnh đầu-đà.

Luật Tứ Phần chép: Phật tĩnh tọa trong ba tháng không cho một ai cúng dường. Lúc đó, có sáu mươi người tu hạnh đầu-đà đến chỗ Phật, khen ngợi Ngài, đây gọi là người cúng dường Phật.

Thập Trụ Bà Sa nói tỳ- kheo ở chốn A-lan-nhã lược nói qua điều lợi ích, trọn đời không nên bỏ.

1. Đến đi tự tại.
2. Không có ta và của ta.
3. Tùy ý không chướng ngại.
4. Tâm thích tu tập ở chỗ vắng.
5. Ở chỗ ít muốn, ít việc.
6. Không tham tiếc thân mạng vì đầy đủ công đức.
7. Xa lìa nơi ồn náo.
8. Tuy làm việc công đức nhưng không cầu báo ân.
9. Thuận theo thiên định dễ dễ nhất tâm.
10. Ở chỗ vắng vẻ vì dễ sinh ý tưởng vô chướng ngại.

Nếu có nhân duyên, cho phép vào chùa tháp, có thông, có hạn cục, không giống như ngoại đạo, trọn đời ở chỗ vắng vẻ. Nói rộng như trong phẩm Đầu-đà.

Đầu-đà là tên gọi chung tự lạc, không dã:

Nhập định ở trong gò mả và nơi vắng vẻ, xuất định thì đến thành ấp. Còn mười hạnh khác huyền tĩnh thông hành.

**1. Nêu số:** phẩm vị chia làm bốn:

– Y phục, thức ăn, chỗ ở và uy nghi.

– Trước xuất tướng sinh thứ lớp, sau mỗi hạnh có một cách bàn luận.

– **Y phục:** y là duyên đạo của riêng mình, chủ yếu là dùng để hộ thân. Cho nên trước khi ra ngoài thì khoác nó vào vì biết đủ. Đối với y này không được chọn cái mới, vì sinh nhiều tội lỗi, bị nghiệp ác ràng buộc, ở mãi trong ba đường, không có lối ra thì chẳng phải hạnh đầu đà. Cho nên Phật dạy các Tỳ-kheo khoác áo kia bên ngoài để phải ít muốn biết đủ. Thọ nhận có thể dùng để che thân và nuôi lớn đạo tâm thì đó chính là hạnh đầu-đà vì lìa tham lam, trong phần y chia làm hai.

– **Ba y:** Tuy được y che thân, trong bụng trống, đói nhưng các phiền não đã lắng đọng thì mới tiến tu đạo nghiệp được, cho nên riêng trong phần ăn chia làm bốn hạnh đầu-đà.

– Khất thực.

– Không làm việc khác.



– Ngồi một chỗ.

– Vo thành từng viên.

Như vậy, có y phục và thức ăn mới lập đầy đủ nghĩa tu đạo, nếu ở chỗ ồn náo, tâm nhiều xao động thì chắc hẳn nhờ tĩnh duyên mới thành chánh tiết. Vì thế, đối với chỗ ở lập ra năm chỗ đầu-đà: Lan-nhã, gò mả, dưới cây, ngồi chỗ đất trống, ngồi ở bất kỳ chỗ nào. Ba chỗ đầu đều là trợ duyên. Nếu buộc niệm suy nghĩ để chặt đứt sợi dây ràng buộc, điều quan trọng là không còn phải ràng buộc trong cách ngồi cho nên đối với uy nghi lập ra một cách ngồi thông thường.

## **2. Nêu danh hạnh thế:**

– Về nạp y, luật Tứ Phần chép: xả bỏ y phục của đàn-việt cúng dường để đắp y phần tảo.

Thập Trụ Tỳ-bà-sa nói: Tỳ-kheo muốn đầy đủ phẩm hạnh trì giới, nên mặc hai loại y.

– Cư sĩ cúng dường y phần tảo thì được mặc vì có mười lợi ích:

1. Hồ thẹn.
2. Ngăn được nóng lạnh và muỗi mòng cắn.
3. Nói lên hình thức và uy nghi của Sa-môn.
4. Tất cả trời người thấy pháp y đều tôn kính như tháp.
5. Người có tâm nhàm chán xa lìa thì nhuộm y, không tham y tốt.
6. Theo hạnh vắng lặng không đốt thêm lửa phiền não.
7. Vì đắp pháp y nên dễ nhìn thấy những thói hư xấu.
8. Không cần tô điểm thêm những vật khác.
9. Không tiếc nuôi bất cứ chỗ ở nào.
10. Thuận theo đạo hạnh, tâm không bị nhiễm ô dù trong khoảnh khắc.

Kinh Bảo Lương chép: Sa-di Châu-na giặt y phần tảo, các vị trời lấy nước giặt y đó để tắm

– Ba y: Luật Tứ Phần chép: xả bỏ những y dư, đắp ba y.

Luận chép: Nếu có ba y không cất chứa những y khác có mười lợi ích.

1. Ngoài ba y không phải khổ nhọc tìm cầu.
2. Không phải nhọc mệt giữ gìn.
3. Ít cất giữ đồ vật.
4. Áo được mặc trên thân là đã đủ.
5. Giới hạnh đầy đủ.
6. Đi đến đâu cũng không bị chướng ngại.

7. Thân thể nhẹ nhàng.
8. Ở nơi A-lan-nhã.
9. Ở rồi đi không tiếc nuôi nơi nào.
10. Thuận theo đạo hạnh.

### **3. Pháp khát thực:**

Luật Thiện Kiến chép: bậc thánh Ba thừa đều đi khát thực.

Luận Tát-bà-đa nói: người được pháp khát thực:

1. Vì nhiều nhân duyên phiền não làm hại.
2. Vì đánh đập vô lượng nhân dân và hiện tượng tức giận, phần nhiều là trái pháp luật, thức ăn không thanh tịnh.
3. Vì quán thấy tâm ý người khác bất an.
4. Ít muốn biết đủ, tu bốn thánh đạo. Thọ nhận đàn-việt cũng có lỗi, nhân duyên xin, trước thô, sau tinh tế. Nếu ít thì khuyến răn cho nhiều. Nếu không hợp mùi vị, dạy dọn thêm nhiều thức ăn, tâm có hy vọng thì trái với pháp thánh chúng ít muốn, thường có tâm được mất, ta người. Nếu khát thực thì đương nhiên không bắt buộc, không thêm bớt.

Lại các thứ ăn có cùng tận. Phật dạy các đệ tử tu pháp vô tận. Luật Tứ Phần chép:

Tỳ-kheo Lan-nhã vào xóm khát thực thì rửa tay thật sạch, đến bên giá treo y, một tay cầm y, một tay kéo lấy y phần tảo, đắp y bảy điều. Đã đắp đại y rồi, vắt cái túi đựng bình bát trên vai, cầm cây tích trượng đi đường, thường nghĩ về pháp lành. Nếu gặp người, trước hỏi han khen lành thay. Nếu gần đến xóm làng thì đắp đại y đến đầu làng nên xem hình dạng của ngõ tắt, không xú, hình dáng của cửa thứ nhất, cửa thứ bảy, tay phải cầm tích trượng, tay trái ôm bình bát đi một bên đường khát thực theo thứ lớp.

Nếu người thế tục đưa thức ăn không nên đón lấy, ngoại trừ gọi đến lấy, không được nài nỉ xin. Nên biết cái đáng được thì đứng chờ. Được thức ăn thì nên nghĩ: đây là giặc ăn, thức ăn này ta ăn. Khi ra khỏi thôn đặt bình bát xuống đất, đắp lại tăng-già lê như trước để đi đến nơi vắng vẻ (lan-nhã) mới cùng ăn.

Luật Tăng-kỳ chép: Lúc khát thực không được nói rằng: “Cho tôi thức ăn thì được phước lớn”, nên đứng im lặng.

Luật Thập tụng chép: khát thực được thì vào cửa tam trùng, đến giữa sân búng ngón tay ba lần, không được đi ngay.

Lúc ăn, trước ăn những món chín mềm, sau ăn rau quả xanh.

Thập Trụ chép: khát thực có mười điều lợi.

1. Những vật dùng trong cuộc sống thuộc về mình không lệ thuộc người khác.
2. Người cho ta thức ăn, khiến họ vào trong Tam bảo, sau đó mới ăn.
3. Người cho ta thức ăn nên sinh tâm từ bi.
4. Thuận theo hạnh của Phật giáo.
5. Dễ đầy đủ, dễ nuôi dưỡng.
6. Tu hạnh dứt bỏ sự kiêu mạn.
7. Góc lành vô kiến đánh.
8. Thấy ta khát thực, những người tu pháp lành khác liền bắt chước ta.
9. Không có các duyên sự lớn nhỏ với người nam.
10. Khất thực theo thứ lớp, khởi tâm bình đẳng với tất cả chúng sinh.

Luật Thiện Kiến chép: Phân-vệ là khất thực.

Luật Tăng-kỳ chép: Ngài Ca-diếp phát nguyện khất thực, lúc đầu được thức ăn thì cho tăng ni, sau đó nếu được thì tự ăn.

Trí Luận chép: Phật dắt các Thích Tử đến thành Ca-tỳ-la, đi được năm mươi dặm thì đứng lại, khi đến vào thành khất thực đều nói là khổ. Do đó nói không ngủ nghỉ mới biết đêm dài, đường xa thì mệt mỏi. Người ngu mãi chìm đắm trong sinh tử.

Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: Ngài Đại Mục-liên khất thực bị các Phạm chí vây quanh ném đá, xương thịt tiêu tan vì nghiệp xưa. Ngài Xá-lợi-phất trở về liền nhập định diệt độ. Trước khi Ngài Xá-lợi-phất nhập diệt độ, lại bị hoạ, vì thế các vị trời trong ba cõi rơi lệ như mưa. Thế mới biết nghiệp thường theo đuổi ta đến bậc thánh cũng không tránh khỏi.

Tuy dứt trừ tất cả những nghiệp ác quả báo rồi nhưng nghiệp riêng cũng không mất.

#### ***4. Không làm những thức ăn khác:***

Vì ăn nhiều, không độ lượng thì có hại cho đạo pháp.

Trí luận nói do tham cầu ba bữa ăn: Tiểu thực, trung thực, hậu thực thì mất hết nửa ngày công phu. Phật pháp vì hành đạo chứ không vì lợi ích bản thân, giống như ngựa mẹ nuôi dưỡng ngựa con.

#### ***5. Ngồi ăn với một oai nghi:***

Luận rằng: Chỗ trước nhận thức ăn sau không được đến nhận nữa.

Vì vậy có mười lợi ích.

1. Không mệt nhọc mong cầu món ăn thứ hai.
2. Được thọ nhận nhẹ nhàng.

3. Cái cần dùng không phải mệt nhọc tìm kiếm.
4. Trước khi ăn không mệt nhọc.
5. Cách ăn đưa thức ăn vào miệng nhai nhuyễn.
6. Sau khi ăn, thức ăn được tiêu hóa.
7. Ít hoạ hoạn.
8. Ít bệnh tật.
9. Thân thể nhẹ nhàng.
10. Thân vui sướng.

Trí Luận chép: Có người tuy ngồi một chỗ ăn nhưng trong lòng tham ăn, ăn cho căng bụng thờ không muốn nổi, bỏ phép đạo hạnh, cho nên nhận lượng thức ăn vừa phải.

Bộ Tam Thiên chép: không được ăn nhiều lần, nên ăn một bữa. Vì kết tập nuôi lớn sự dâm nộ, ngu si chẳng khác người thế tục.

**6. Vô tròn lại để ăn là số thọ nhận giảm, vì lấm lòng tham.** Nay tổng nhận trong bình bát thì phải châm chước lượng để lấy cho đủ lại thọ nhận thêm. Trong luận giải thoát đạo chép: Phải tiết chế lượng thức ăn, dứt trừ tâm tham lam buông lung cho nên chỉ lấy đủ hai mươi mốt năm. Như vậy trong mười hai phẩm hạnh đầu-đà kia có rộng đối trị.

Trí Luận chép: tiết chế lượng thức ăn, tùy theo thức ăn để ăn, trong ba phần để lại một phần thì thân thể nhẹ nhàng an ổn, dễ tiêu hóa không bệnh hoạn. Trong kinh nói Xá-lợi-phất bảo:

Nếu ta ăn năm miếng, sáu miếng thì đủ để nuôi dưỡng toàn thân. Người nước Tần cho phép ăn mười miếng.

**7. Ở chỗ A-lan-nhã:** Trí luận gọi là chỗ xa lìa, gần nhất là ba dặm, thường xa lìa thì càng tốt. Trừ những tạp hạnh như trong quyển thứ sáu mươi tám.

Luật Tứ Phần chép: chỗ yên tĩnh vắng vẻ, cách xa làng xóm năm trăm cung. Cung dài bốn khuỷu tay, dùng khuỷu tay để đo lường.

Một khuỷu tay dài một thước tám tấc, sáu thước là một bộ, gom lại thì có ngàn ấy dặm. Chùa tăng Trung quốc đều ở ngoài thành, chùa ni ở trong thành.

Luật Thập Tụng chép: Hồ bao quanh thành Kỳ-hoàn rộng, chùa này cách thành xá vệ một nghìn hai trăm bộ về hướng Nam.

Luận Tát-bà-đa chép: cách thôn một câu-lu-xá (đây gọi là một tiếng trống) là chỗ yên tĩnh vắng vẻ, không nghe được tiếng trống trong thành. Vì sợ loạn tâm các Tỳ-kheo ngồi thiền. Như trước đã nói hai loại tăng y ở chỗ vắng. Luật Tăng-kỳ nói: Tỳ-kheo ở chỗ vắng vẻ (lan-nhã) không được xem thường Tỳ-kheo ở xóm làng. Nên khen rằng:

Các thầy ở trong xóm nói pháp giáo hóa, vì pháp, giữ gìn hộ vệ, che chở chúng tôi. Những Tỳ-kheo trong xóm làng không được khinh chê Tỳ-kheo ở A-lan-nhã: “Các thầy mong được danh lợi cùng ở một chỗ với cảm thú từ sáng đến chiều như vậy có thể tính năm”, nên khen ngợi rằng:

Các thầy xa lìa xóm làng ở nơi yên tĩnh, suy nghĩ về các nghiệp thật đáng tôn kính. Đây là chỗ khó làm, các thầy thường ở đây để dừng tâm ý.

### **8. Ngồi trong gò mả:**

Luật Thập Tụng chép: ở chỗ người chết vì thuận theo tâm chán lìa. Thường nghỉ đêm ở chỗ người chết có mười điều lợi ích:

1. Thường nghĩ đến vô thường.
2. Được tưởng về cái chết.
3. Được tưởng về bất tịnh.
4. Tất cả thế gian không thể tưởng ưa thích
5. Thường được xa lìa những người thân ái
6. Thường được tâm từ bi
7. Lìa bỏ sự vui đùa.
8. Tâm thường nhàm chán xa lìa
9. Siêng năng tinh tấn tu hành
10. Trừ được sự sợ hãi.

### **9. Ngồi dưới tàn cây:**

Trí luận nói: Dưới gốc cây tư duy như Phật. Sinh ra, thành đạo, xoay bánh xe pháp, nhập diệt đều ở dưới tàn cây. Hành giả theo phương pháp của Chư Phật, thường ở dưới tàn cây. Luận rằng: thích ở chỗ không

có vật gì che ở trên đất có mười lợi ích, gọi là không có phòng xá, ngọa cụ, những cái ưa thích thọ dùng mệt nhọc và theo pháp bốn y thì không lỗi lầm và không có nhiều ồn náo. Thập Trụ gọi là lộ địa.

Trí Luận chép: ta xem dưới tàn cây giống như nửa tòa nhà không khác, che chở cho ta được mát mẻ an vui, còn sinh tâm yêu thích, liền thọ nhận lộ địa (chỗ trống). Ánh sáng mặt trời chiếu khắp trong không gian, sáng suốt trong sạch, dễ nhập vào không định.

Kinh Tăng Nhất A-hàm chép:

Này các Tỳ-kheo! Vì nhân duyên hòa hợp mới có thân này, xương có sáu trăm sáu mươi đốt, lỗ chân lông có chín mươi chín nghìn, mạch có năm trăm sợi gân, cũng có năm trăm côn trùng, tám vạn cánh cửa ở dưới tàn cây. Nếu ở chỗ đất trống, cho đến không được lấy ca-sa làm thất, không được đem ngọa cụ của tăng thọ dùng ở bên ngoài.

Nếu yêu chuộng giữ gìn cho đến ca-sa che phủ không bị ướt, cái được thọ dụng của người tu hạnh đầu-đà.

Lúc không mưa thì ở ngoài chỗ trống. Lúc trời mưa thì ở trong nhà dùng ngọa cụ của Tăng.

Luận rằng: Vì mười điều lợi ích.

1. Không mong cầu ở dưới tàn cây.
2. Xa lìa những cái ta có.
3. Không có tranh cãi kiện tụng.
4. Nếu có dư thì đi, không tiếc nuôi.
5. Ít giận cười.
6. Chịu được gió mưa, trùng độc, lạnh nóng.
7. Không bị âm thanh, gai góc châm chích.
8. Không làm cho chúng sinh tức giận.
9. Chính mình cũng không có buồn phiền.
10. Chỗ tu hành không có nhiều ồn náo.

Đức Như lai nương ở trong rừng Đại Úy, mưa gió giao nhau, ngày vào trong rừng, đêm ngồi ở chỗ trống, có những người trong làng lấy cành cây gác lên tai mũi, có người bôi cứt đá, bùn đất nhưng cuối cùng cũng không khởi ý hướng về người kia.

#### **10. Ngồi bất cứ chỗ nào:**

Luận rằng: Tùy theo chỗ ngồi không bảo người kia đứng dậy, có mười điều lợi ích:

1. Không mệt nhọc mong ở tịnh xá tốt.
2. Không mệt nhọc mong cầu ngọa cụ đẹp.
3. Không phiền bậc Thượng toạ.
4. Không làm cho bậc hạ toạ buồn.
5. Ít ham muốn.
6. Ít việc.
7. Hễ được thứ gì thì dùng thứ ấy.
8. Ít dùng thì ít việc.
9. Không khởi nhân tranh giành.
10. Không đoạt các vật dụng khác.

#### **11. Thường ngồi, không nằm:**

Luận Tát-bà-đa nói: Ngồi kiết già thì tâm sẽ ngay thẳng, ban đầu thân phải thẳng, khác với ngoại đạo vì khiến cho người phát sinh tín tâm. Bạc Ba thừa đều dùng cách ngồi này mà ngộ đạo.

Luận Giải Thoát Đạo nói: Ban đêm thường không ngồi. Trong kinh Quyết Định Vương có bốn pháp:

1. Cho đến búng ngón tay, đối với chúng sinh không sinh tâm tức giận.
2. Không để cho ngủ nghỉ che tâm dù trong khoảnh khắc.
3. Công đức dẫn dắt chúng sinh khiến được vào A-lan-nhã.
4. Ngày đêm không lìa niệm Phật.

Ngoài ra, như luận nói, luận Thập Trụ nói có mười lợi ích:

1. Không tham ưa thân
2. Không ham thích ngủ nghỉ
3. Không ham thích ngọa cụ
4. Không có cái khổ khổ lúc nằm hông dính chiếu.
5. Không theo sự đòi hỏi của thân
6. Dễ được ngồi thiền
7. Dễ đọc tụng kinh
8. Ít ngủ nghỉ
9. Thân thể nhẹ nhàng dễ đi đứng
10. Tâm ít mong cầu đồ ngồi, y phục.

Trong luật Tứ Phần chép: Tỳ-kheo ở chôn vắng vẻ trái ngọa cụ tốt nên ngủ ngon. Phật nói: không nên như vậy.

Đầu hôm, gần sáng phải cảnh tỉnh tâm ý, suy nghĩ những việc đã làm.

Người xuất gia vì còn những điều quan trọng, quán hạnh pháp như sau:

Trí luận chép: Thân có bốn uy nghi, ngồi là uy nghi thứ nhất, ăn dễ tiêu hóa, hơi thở điều hòa. Người cầu đạo, việc lớn chưa thành thì giấc phiền não thường rình chờ cơ hội làm lại. Không nên yên giấc nồng, nếu lúc ngủ thì hông không dính chiếu. Các bộ đều thực hành khác nhau:

Trong Tỳ-ni mẫu chép: Nếu không dùng tâm tức giận thì ta không ăn, đợi tức giận dứt rồi mới ăn.

Trong Trí Luận chép: Sau giờ ngọa không uống nước trái cây ép, vì duyên này nên sinh tâm đắm trước, không nhiếp tâm tu tập pháp lành.

Kinh Bảo Vân chép: ăn một trong bốn phần. Hễ xin được thức ăn thì chia thành bốn phần: một phần cho người đồng phạm hạnh, phần thứ hai cho người nghèo

đi xin ăn, phần thứ ba cho các quý thần, phần thứ tư mình ăn để nuôi dưỡng bản thân. Nhưng niệm tu đạo, đối với thức ăn không sinh tâm tham đắm.

Nếu lúc xin thức ăn thì thường buộc niệm, giữ uy nghi không hề xem thường, thô tháo. Mắt nhìn thẳng về phía trước không quá một tầm, thứ lớp khát thực, trừ có chó dữ, bò dữ.

Trước phá giới cấm chỉ có người uất ức thường ưu não, đều không đến chỗ có thể chê bai, cũng không đến chỗ kia. Ngoài ra như trong mười hai hạnh đầu-đà ấy đã nói.

Thập Trụ Bà Sa chép: có người mặc áo lông sau khi ăn không chịu ăn uống phi thời. Mỗi việc có mười lợi ích như kia đã nói.

Trong Giải Thoát Đạo có mười ba hạnh đầu-đà, y phục có hai, thức ăn có năm, chỗ ở có năm. Hạnh thứ mười ba là thường ngồi mạnh mẽ.

Luật Thập Tụng chép: Nhiều hai nước, bốn tháng ở chỗ trống, tám tháng ở chỗ có mái che. Ít Hai nước thì ngược lại. Trên đã nêu mười hai hạnh đầu-đà là nói theo luật Tứ Phần. Tổng hợp những điều đã nói trong kinh luận để viết, đồng thời không đề cập đến đạo giải thoát, lần lượt nói rõ ràng. Chánh hạnh đã thành, Định tuệ mới lập. Kia đã bàn luận rộng, có pháp khát thực theo thứ lớp. Ở đây lược bớt không viết ra. Tứ tạp pháp, Tứ Phần nói Tỳ-kheo lan-nhã khát thực đến trong lan-nhã, đến chỗ thường ăn quét dọn rẫy nước sạch sẽ với đầy đủ bình nước, đồ đựng thức ăn dư, giường, tòa, đá rửa chân, bình đựng nước, khăn lau chân. Nếu thấy Tỳ-kheo ở lan nhã khác đến thì nên đón rước từ xa, thông thả ôm bình bát, cầm y cho họ. Nếu có chỗ dơ thì nên lau chùi những tạp như găng tây trừ bụi như, mới cùng ngồi để ăn và đem đến cho người kia bình đựng nước và nước rửa chân, đá rửa chân, khăn lau chân. Đem đôi giày cỏ để bên trái, đừng để nước ngâm vào. Người kia rửa chân rồi, những đồ vật dùng để rửa chân cất lại chỗ cũ, đem bồn tắm đến, rửa tay sạch sẽ, riêng giữ lại thức ăn của giặc liền trao nước cho Tỳ-kheo kia, rồi lần lượt trao thức ăn.

Cung cấp những thứ cần dùng như rượu, muối, rau, nếu trời nóng thì nên quạt, nếu quá trưa thì nên cùng ăn, nếu không như vậy thì đợi người kia ăn rồi lấy bình bát đó mình ăn, nếu còn dư thức ăn thì nên cho người khác, hoặc phi nhân.

Nếu ở chỗ đất sạch không có cỏ, không có trùng sống trong nước thì những thức ăn dư nên rửa sạch để lại chỗ cũ, quét sạch thức ăn trên đất, có giặc đến thì nên nói: “Đây là nước, đây là thức ăn, để riêng sạch sẽ cho các ông, nếu muốn ăn thì ăn đi”.

Ban đêm thì phải giỏi biết tên các vì sao và hình dáng của sao ấy ở phương nào, sợ giặc đến hỏi đáp câu đợc câu mất. Luật Thập Tụng khai cho Tỳ-kheo ở lan-nhã đọc tụng kinh.

Nếu thấy người đến, trước hỏi thăm, vẻ mặt vui hòa, không nên cúi đầu, nên nhớ nghĩ chân chánh, ngoài ra như trong luật Tứ Phần.



Luật Tứ Phần khai cho dùi cây để phát ra lửa, ở chỗ khuất cũng khai cho dùng hỏa châu.

Luật Thiện Kiến chép: nếu Tỳ-kheo tu hạnh đầu-đà tuy ở trong chùa cũng không ở trong tăng phòng, không ăn thức ăn của chúng. Thí chủ tự làm phòng, tăng không được sai làm Tri sự. Nếu Tỳ-kheo giỏi đọc tụng, giáo hóa, nói pháp làm lợi ích cho tăng cũng không được sai làm Tri sự. Phòng xá, y phục, bình bát tốt phải cung cấp cho họ trước, thức ăn uống trái cây thì phải thêm phần cho họ.

Luật Ngũ Phần chép: nếu không xả mười hai hạnh đầu-đà ở nhân gian thọ thỉnh thì mỗi việc phạm một Đột-cát-la, nếu khác thể thì nên xả pháp đầu-đà.

---o0o---

## THIỆN THỨ 22: TRÍ KÍNH TƯỢNG TĂNG

### CHƯƠNG: KHI KHUÔN PHÉP BAO TRỪM THÌ LẬP RA CẢNH NGŨƠNG, CHƯƠNG KHIÊM CUNG LIỄM KÍNH TỰC LỄ MỆNH

Đầu tiên là tôn kính, thận trọng, nhiếp phục uy nghi, tôn sùng đạo, há lấy hình phục nêu khác mà ngạo mạn vô tri ư? Vì chí kính có nơi nên thường sửa đổi thật thanh tịnh.

Kinh Tăng Nhất A-hàm chép:

Có hai pháp hổ và thẹn trụ ở thế gian thì cung kính nhau, cho nên Tỳ-kheo nên siêng năng cùng học, lúc đó những tình cảm lạnh nhạt đổi thành lễ nghĩa gọi là Vong, khinh bỉ tiêu tăng vọng tham chúng thủ. Ở bên bậc Đại đức tuổi cao liền bước xuống đi, lấy vũ lực làm trí năng, chỉ văn hoa là sản phẩm đẹp, giống như bao tử này trống không thì ai có thể nói ư? Cho nên liền nêu đại ý dẫn thành lời răn. Trong đây chia làm hai phần như tựa đề đã nói: phần đầu chia làm ba.

1. Chế tướng kính ý.
2. Đối kính lập duyên hợp bất hai tướng.
3. Nghi thức lập kính.

– *Trong phần đầu, Trí luận chép:*

Chư Phật không lấy sinh thân làm lễ kính. Nếu lấy pháp thân thì gọi là cúng dường. Giống như Đức Phật từ cõi trời Đao-lợi giáng sinh xuống trần gian. Ngài Tu-bồ-đề ở trong hang đá quán vô thường, không nên được gặp Phật trước. Ni Liên Hoa Sắc trước thềm bán lễ Phật, Phật không nhận. Cho nên cung kính lẫn nhau vì trừ mạn pháp. Trong luật Tứ Phần nói: Vì các Tỳ-kheo không biết lớn nhỏ. Phật quả trách rồi hỏi:

Các thầy cho ai là người đáng nhận tòa bậc nhất? Nước là bậc nhất, thức ăn là bậc nhất; cho đến đứng dậy đón rước, lễ bái, cung kính, hỏi han ư?

Các Tỳ-kheo đáp:

Mỗi việc đều không nhất định được, hoặc có người tu mười hai hạnh đầu-đà, hoặc có người dòng họ cao quý, có pháp sư học rộng, Thiên sư trì luật...

Phật nói: các ông mỗi vị đều quá ngạo mạn nên mới nói như thế.

Nói rộng pháp ba chim thú cung kính lẫn nhau, liền nói kệ rằng:

*“Cung kính bậc Trưởng lão*

*Người ấy thường hộ pháp*

*Hiện đời được danh dự*

*Tương lai sinh đường lành”.*

– Giáo hóa người dân đều theo giáo pháp.

Các thầy ở trong pháp luật của ta xuất gia, lại cung kính nhau thì Phật pháp được lưu bố. Từ nay trở đi cho phép theo lớn nhỏ cung kính lễ bái, đón rước thăm hỏi bậc Thượng tọa.

Đại Bi chép: Phật thời quá khứ, nếu gặp Tam bảo, xá-lợi, tháp, tượng, sư tăng, cha mẹ, anh em, chị em, bậc Trưởng lão, bạn tốt, ngoại đạo, các tiên, Sa-môn, Bà-la-môn thì chẳng thể không nghiêng mình cúi đầu kính lễ. Cho nên được quả báo sau khi thành Phật đến sơn lâm, những người đi qua gặp Phật ai mà không nghiêng mình cúi đầu lễ bái.

Kinh Tăng Nhất chép: Tâm không cung kính Phật thì phải sinh vào loài rỗng rỗng, vì quá khứ từ trong đó ra. Nay do không cung kính lại ngủ nhiều. Tạp A-hàm chép: Bảo các thầy Tỳ-kheo, nếu thấy bốn chúng nhiếp giữ các căn, thì đêm dài an vui.

Trí Luận chép:

Ngoại đạo là pháp khác cho nên xem thường Phật, đến chỗ Phật tự ngồi, người tại gia như khách nên bảo ngồi. Tất cả [pape 132] năm chúng xuất gia, thân tâm thuộc về Phật nên đứng. Nếu đấng đạo A-lahán như ngài Xá-lợi-phất thì ngồi, ba đường trở xuống đều không cho phép ngồi, cho nên chưa luận đến, giặc kiết sử chưa phá.

Lại nói: Đức Phật Thích-ca Mâu-ni vì không khác Bồ-tát tăng. Văn-thù-sư-lợi, Di-lặc vào trong hàng Thanh văn tăng ngồi theo thứ lớp.

### ***1. Nói về đối duyên đúng sai.***

Trong luật Tứ Phần có bốn:

1. Không nên lễ tất cả người tại gia và người nữ.
2. Người thọ giới trước không nên lễ người thọ giới sau.
3. Không nên lễ người phạm biên tội, mười ba già nạn, bị đuổi thì phải đi.
4. Không lễ bái tất cả những người nói lời phi pháp.

Kinh Bảo Lương nói:

Nếu tỳ-khep phá giới nhận người trì giới cung kính, lễ bái thì bị tám khinh pháp.

1. Làm người ngu si.
2. Bị ngọng câm.
3. Mặt mũi xấu xí.
4. Mặt méo, người thấy chê bai
5. Chuyển thọ thân nữ, làm người nghèo khổ, bị người sai khiên.
6. Thân thể gầy yếu, yếu mạng.
7. Bị người xem thường, thường gọi tên xấu.
8. Không gặp Phật ra đời.

Người phá giới này cho đến mặt đất không có chỗ hỉ nhỏ, ngoài ra như thiên trên.

## **2. Người đáng lễ bái chia làm hai:**

– Vô duyên phải kính.

Trong luật, tiểu Sa-di-ni lễ đại Sa-di-ni, như thế lần lượt cho đến Như lai và pháp. Ngoài ra, như nói ở phần sau.

Luật Tứ Phần nói có mười thứ phi uy nghi. Không nên lễ bậc người lớn nhỏ, nhỏ khóa thân, hoặc cạo tóc, hoặc nói pháp, nhãn nhành dương, súc miệng hoặc uống nước, ăn cơm hoặc ăn trái cây.

Tăng Nhất A-hàm nói: trong tháp không nên lễ.

Luật Ngũ Phần nói: ở chỗ vắng tức giận nhau, không nên lễ.

Luật Thập Tụng chép: lúc ngủ, lúc may y, ở trong chúng, lúc đi đường, lúc bệnh không được lễ.

Luật Tăng-kỳ chép: y dơ thì giặt cho sạch, khi rửa tay chân mặc một y, khi đi mau không nên lễ.

Luật Thập Tụng chép: Trước tháp Phật, tháp Thanh văn, kia đây không được lễ nhau.

Ngũ Bách Vấn chép: trước tháp Phật lễ Tỳ-kheo, phạm tội đọa.

Luật Tăng-kỳ chép: lễ tháp tụng kinh, đọc kinh, viết kinh, trao kinh trong am không được lễ, đều cho là có sự cung kính riêng.

## **3. Lập giáo nghi thức, chia làm ba:**

Phần đầu là kính Phật pháp, phần thứ hai là kính tăng pháp, phần thứ ba là Đại Tiểu trí lễ pháp. Trong phần đầu kính pháp trong tháp Phật.

Những vật của tháp miếu, chi-đề thọ dùng cho đến nghi là tạo điện đường, điện Phật, giường, tòa, tài thạch v.v... đã thọ dụng kinh, tượng Phật. cho dù gió thổi, mưa làm hư hoại cũng nên cung kính như cung kính hình tượng chẳng khác. Cho nên trong luật Tứ Phần nói vua đem cúng dường vườn cho Phật, Phật không nhận, bảo ông cúng dường cho tăng. Vì sao? Như vườn của Phật và những vật trong vườn, phòng xá và đồ vật phòng xá, y bát, tọa cụ, ống đựng kim chỉ, là tháp miếu thì tất cả các trời, loài người, Sa-môn, quý phạm đều không được thọ dụng phải cung kính như tháp, (Nếu cúng cho tăng thì ta ở trong tăng).

Kinh Tăng Nhất A-hàm chép:

Bảo các Tỳ-kheo lễ Phật, kính thờ có năm công đức.

1. Doan chánh, vì thấy tượng Phật phát sinh tâm vui mừng.
2. Âm thanh hay, do thấy hình tượng Phật, miệng tự xưng hiệu nam-mô Như lai Vô sở trước Chí chân Đấng chánh giác.
3. Được phước báo nhiều tài của, vì cúng dường hoa hương.
4. Sinh vào nhà Trưởng giả, do thấy hình tượng Phật, tâm không đắm nhiễm, lòng chí thành kính lễ.
5. Khi chết được sinh lên cõi trời. Đây là thường pháp của Chư Phật, phải học như thế. Trí luận chép:

Phương pháp lễ có ba:

1. Khâu lễ.
2. Quỳ nhưng đầu gối không đến đất.
3. Đầu gối đụng đất đó là thượng lễ, Địa Trì phải là ngũ luân sát đất làm lễ.

A-hàm nói:

Hai khuỷu tay, hai đầu gối, đánh gọi là Luân. Cũng gọi là năm vóc sát đất. Trước đứng ngay thẳng, chấp tay, tay phải vén y, có hai gối, kế là hai khuỷu tay, dùng tay nâng chân, sau đó đánh lễ. Sau khi đứng dậy, kế là khuỷu tay, đầu gối cho là thứ lớp (không được lẫn lộn).

Trí luận chép: Nếu nghe công đức của Chư Phật tâm kính, tôn trọng, cung kính, khen ngợi. Vì biết rằng trong tất cả các chúng sinh không có công đức nào cao hơn nên nói là Tôn. Tâm kính hơn cha, mẹ, sư trưởng, vua chúa vì lợi ích gấp đôi nên nói là trọng, khiêm tốn sợ khó nên gọi là Cung. Vì suy tôn trí đức nên gọi là Kính, vì công đức tốt đẹp nên gọi là Tán (khen ngợi), khen ngợi công đức ấy vẫn không đủ nên xưng dương là Thán. Lại nói: gieo trồng ruộng phước Phật.

Gieo trồng là chuyên tâm bền chắc, chỉ theo những việc lành lễ bái, tụng kinh, đốt hương, tán hoa... hết lòng kính trọng Phật cho nên trí tuệ cao siêu.

Kinh Tỳ-ni Mẫu nói: không được mang giày vào tháp, nhiều tháp. Phủ là không được vào tháp, những người ở nước ấy mang giày kiêu tâm kiêu mạn nên không cho mang. Những chỗ quá lạnh thì cho phép mang giày phú-la. Tam Thiên nói: Phương pháp nhiều pháp:

- Phải cúi đầu nhìn Phật.
- Không được giẫm đạp côn trùng- Không được nhìn ngó hai bên.
- Không được nhổ nước miếng dưới đất.
- Không được nói chuyện với người.

Nên nghĩ đến ân lớn của Phật rất khó báo đền. Công đức của niệm Phật, trí kinh giữ giới, nếu tinh tấn hành trì thì sẽ đến Niết-bàn. Lại nghĩ nhớ ơn của sư tăng, cha mẹ và ân của bạn đồng học. Nghĩ đến tất cả mọi người khiến cho họ lìa khổ, giải thoát. Nghĩ đến tuệ học là trừ ba độc cầu đạo xuất thế.

Thấy cỏ mọc trên tháp thì nghĩ tay nhổ bỏ nó, không được nhổ cỏ, có bất tịnh thì trừ bỏ đi, nếu trời mưa thì cởi giày dưới tháp và lên lễ Phật.

Ngũ Bách Vấn chép: Tỳ-kheo nhiều tháp, những người nữ đi theo thì không được, có Ưu-bà-tắc thì không phạm.

Đại luận nói: như pháp cúng dường pháp thì phải nhiều quanh bên phải.

Kinh Hiền Ngu nói: Ngài Xá-lợi-phất từ già Phật, quỳ gối, đi nhiều quanh một trăm vòng.

Luật Thiện Kiến chép:

Cách từ tạ Phật, là nhiều Phật ba vòng, làm lễ bốn hướng rồi đi, chắp mười ngón tay lại đưa tay lên đỉnh đầu rồi đi, không được nhìn Như lai lại hướng về trước, làm lễ rồi đi.

Kinh Tạp A-hàm nói: Kiêu-trần-như đã lâu không gặp Phật, về sau lại đặt trán sát chân Phật để tỏ lòng chí kính.

– **Chánh nói về tượng; tượng Phật, kinh giáo, trụ trì, linh nghi** đều là chỗ tôn kính của ta thì chí chân tề quán, nay thế tục, Tăng ni phần nhiều không kính thờ Phật pháp, đồng mê muội trong lưới giáo không có chánh tín, nhìn không cao xa đến nỗi thiếu đại tiết. Hoặc ở trước hình tượng lại đùa giỡn nhau nói những lời trái pháp, giương mắt nhưong mày, chỉ chỗ thánh nghi, hoặc ngồi ngay ngắn nhưng trong lòng ngạo nghễ không e dè sợ sệt. Tuy thấy kính tượng nhưng không đứng dậy đón rước cung kính, đến nỗi khiến cho người đời cười chê bai, xem thường, làm tổn diệt chánh pháp, cho nên trong luật Tăng-kỳ nói:

Lễ người không được đối ngay Phật pháp mà lễ, cho đến treo phướn, lọng.

Không được đạp lên tượng, làm thang leo riêng.

Lấy văn này chứng minh cho chỗ tôn kính riêng, đã biết nhiều lỗi phải thận trọng đến thiên đường, điện Phật, tháp miếu, giống như giày da bị băng lấp ở

dưới sâu. Thấy hình tượng kinh giáo thì phải càng thêm kính nể. Ở đây, đạo tục đều phải biết kính thờ pháp, hiền thánh thấu đạt tín tâm này, còn đối với vua quan luôn luôn bận việc cũng có thể biết.

Phàm tình khó có thể vâng theo thánh pháp. Ở thế gian có người bước xuống giường rồi lên lễ Phật, ở đây hoàn toàn không mầu mực, đã kính người còn tự trách mình, kính Phật mà trong lòng ngạo mạn, người có tâm đạo sẽ không làm việc đó.

Tôi đích thân hỏi chư tăng ở Thiên-trúc, ở các nước không có pháp này, đến xứ này mới thấy, lại trong Tam Thiên uy nghi nói: mình ở chỗ cao, đến trước tòa thì ở sau làm lễ cũng không được ở dưới tòa làm lễ.

Luật Thập Tụng chép: cho phép cầm lò hương, kỹ nhạc đi trước Phật, Tăng. Vì Hòa-thượng truyền trao vật làm tin nên được các Hòa-thượng hiện đời kính lễ, được phép đối trước Phật ngồi kiết-già.

Luật Tăng-kỳ chép: ca hát cúng dường nếu có tâm tham đắm thì phải bỏ.

Người thế tục nhờ kết hoa, xay hương cúng dường Phật thì được, ngoài ra tất cả đều không được.

Đại Luận, kinh Trì thế cũng nói: vì chúng thân tan nát như hạt mè, hạt cải để làm cho chúng sinh cung kính, được nhập Niết-bàn.

Luật Tăng-kỳ chép: từ ngày Phật giáng sinh đến ngày Phật nhập Niết-bàn đều vì đại chúng nói pháp, xưng dương công đức của Phật.

Luận Tát-bà-đa chép:

Mùng tám tháng hai thành Phật.

– Ngày mùng tám tháng tám là ngày xoay bánh xe pháp và ngày này cũng là ngày nhập Niết-bàn. Nếu theo các kinh Thụy Ứng thì đa số nói ngày mùng tám tháng tư là ngày đản sinh.

– Kinh Niết-bàn, ban đầu nói ngày 1 tháng hai là ngày nhập Niết-bàn. Lại Độ Thập Tiên chép: hơn ba tháng nữa sẽ nhập Niết-bàn.

– Kinh Nguyệt Đức Thái tử chép: ngày 1 tháng tám nhập diệt. Đây cũng là vì sự nghe thấy khác nhau của chúng sinh, cho nên thời tiết không giống nhau.

Trí Luận nói: Thành Vương-xá có mười hai ức nhà, thành Xá-Bà-Đề có chín ức nhà, còn ba ức là thấy hoặc nghe là do nghiệp mạn Phật, Phật xuất hiện ở đời cũng vậy, huống chi thời mạt pháp, tâm luôn khinh thường, nghiệp chướng quá nặng.

Luật Tứ Phần chép:

– Làm sao biết chánh pháp tồn tại lâu dài?

Phật nói: nếu Tỳ-kheo kính Phật, pháp, Tăng, tôn trọng giới, nhờ đó nên chánh pháp không diệt, ngược lại với điều trên thì chánh pháp diệt.

– Kê là nói về pháp kính tăng.

Nếu đứng đầu chúng là Hòa-thượng, A-xà-lê thì những vị đi theo đều là đệ tử, cho dù mười người, hai mươi người đứng cung kính cũng không trái.

Truyện nói: Phật thấy tăng đến liền đứng, điều này chẳng phải chánh giáo, nếu sư tăng phạm tội Tăng tàn trở xuống, cho đến phạm tội đọa, thì phải hành biệt trụ, Phật dạy đệ tử đi qua chỗ ăn cũng phải cung kính lễ bái, vì tăng thiết lễ, chẳng phải lễ đệ tử.

– Kê là nói về pháp đại tiểu thiết lễ, kinh Tỳ-ni Mẫu nói: Sau khi ta nhập diệt, các thầy nên y theo hành pháp Ba-la-đề-mộc-xoa, mỗi việc đều phải khiêm tốn thực hành theo.

Dứt bỏ tâm kiêu mạn, an tâm tịnh pháp.

Hạ tọa phải tôn kính bậc Thượng tọa; bậc Thượng tọa khen ngợi hạ tọa là Tuệ mạng.

Luật Tứ Phần chép: năm chúng lễ bái nhau. Như lai và tháp lễ chung.

Tiểu Sa-di ni lễ đại Sa-di ni, Sa-di, thức-xoa, Tỳ-kheo, Tỳ-kheoni, Như lai và sáu tháp.

Tiểu Sa-di-ni lễ đại Sa-di ni, Sa-di, cho đến Như lai và sáu tháp.

Tiểu Thức-xoa-ma-na lễ đại Thức-xoa-ma-na cho đến Như lai và bốn tháp.

Tiểu Tỳ-kheo lễ đại Tỳ-kheo, hai vị Như lai và tháp.

Ngũ Bách Vấn chép: Được phép lễ ngoài gò má của thầy, còn tự hỏi lãnh thời thì chết thành xương khô làm sao hướng lễ?

Đáp: Vì Phật còn tại thế nên cúng dường, Phật Niết-bàn rồi cũng là xương khô, thầy cũng như thế, vì báo ân nên được lễ ngoài mộ thầy chết chưa chôn, nghĩa cũng y cứ theo đây lễ.

Luật Tứ Phần nói: Sa-di nên lấy tuổi đời làm thứ lớp, nếu năm sinh bằng nhau thì lấy năm xuất gia làm thứ lớp.

Hỏi: Sa-di có được lễ đại Sa-di-ni và nam nữ cư sĩ không? Đáp: Nay cho lễ, chưa có tên gọi chung, không có đức tốt để hiển bày, lại chẳng thuộc về thầy, chỉ được hướng lễ và tiễn thi hài ra đến mộ.

Luật Tứ Phần chép: Đến trước bậc Thượng tọa, cởi giày dép, vén y bày vai phải chấp tay, hai chân khếp lại thưa: Con xin cung kính làm lễ.

Xuất Yếu Nghi chép: Hòa-Nam là cung kính.

Thanh Luận chép: Bàn-Na-Mị Hán dịch là lễ.

Luật Ngũ Phần nói: Nếu người đông thì chỉ lễ thầy và chào chung tất cả mọi người rồi đi.

Kinh Trung A-hàm chép: Đến nhà người thế tục trước ngồi rồi, sau mới cung kính làm lễ, ngồi ra rộng như sự cung kính kia đã nói qua.

Kinh Tỳ-ni Mầu chép: Từ không hạ đến chín hạ là hạ tọa, mười hạ đến mười chín hạ là bậc Trung tọa. Hai mươi hạ đến bốn mươi chín hạ là bậc Thượng tọa, năm mươi hạ trở lên được tất cả Sa-môn, quốc vương cung kính là bậc kỳ cựu Trưởng lão.

Luật Tăng-kỳ chép: Tỳ theo không có tuổi hạ được ngồi chung với Tỳ-kheo ba tuổi hạ, cho đến tỳ theo bảy tuổi hạ được ngồi chung với Tỳ-kheo mười tuổi hạ. Nếu giường nằm thì được ngồi ba người, giường ngồi thì được ngồi hai người, giường dài một khuỷu rưỡi tay thì hai người ba tuổi hạ cùng được ngồi, nếu giảm tính thì cúng dường bậc Thượng tọa, nếu giường nằm quá ba khuỷu tay thì người bốn tuổi hạ được ngồi chung, giảm thì không được. Nếu chúng nhóm họp đông mà gương tòa thiếu thì cho phép nối liền, tiếp gương tòa, đừng làm cho giường tòa lung lay thì được cùng ngồi, nếu nền vuông dài ba khuỷu tay thì người bốn tuổi hạ được ngồi, nếu người ít tuổi hơn thì không được, nếu rải cỏ trên đất cùng ngồi thì không tội.

Già luận nói: Ni rải cỏ trên đất cùng ngồi, được dùng cho người chưa thọ giới cụ túc.

Luận Tát-bà-đa chép: Giường dài liên tiếp nhau chỉ là chỗ ngồi khác, mền khác. Bàn đá khác nếu ở trong hoàn toàn không có cái nào khác thì được ngồi với người nữ.

Luật Tăng-kỳ chép: nhân người lễ bái không được giống như dê cầm không nói, phải hỏi han nhau: có ít bệnh ít não an vui chăng? Đi đường có nhọc mệt lắm chăng? Cùng nói chuyện với bậc Thượng tọa cũng được gọi là Tuệ mang.

– **Nói về pháp đức tượng Phật, xây dựng chùa tháp:**

Đầu tiên nói về ý nghĩa của pháp tạo kinh tượng, đức Như lai xuất hiện ở đời có hai lợi ích.

Vì sinh thân hiện tại mà nói pháp.

Vì lưu bố kinh tượng đến đời vị lai, giúp cho chúng sinh ở thời Phật Di-lặc, nghe pháp hiểu ngộ siêu thăng, thoát khỏi sinh tử này, đây là ý lớn. Sợ đời sau tạo tượng không có chỗ để ngợi khen nên Tôn giả Mục-liên đích thân dắt người thợ lên cõi trời để mô phỏng theo, ba lần như vậy, mới gần chính xác. Đến khi về lại nhân gian, thì tượng này bước xuống đất đến đón rước.

Đức Thế tôn bảo:

Các ông đời sau làm Phật sự rộng lớn, do đây ban sắc lệnh: sau khi ta diệt độ tạo lập hình tượng, mỗi mỗi đều phải giống Phật khiến cho người người thấy được hình dáng pháp thân của ta, cho đến làm tràng hoa cúng dường, ở đời sau, đều được tam-muôi niệm Phật, đầy đủ các tướng tốt, tạo lập như thế là tượng Phật thể (tượng này tăng Trung quốc đem đến đất Hán, nước nào cũng yêu



thích, giữ gìn, không cho xuất cảnh, vua bảo y bản chép giữ lại, nay truyền lại bốn bản chép tay ở chùa Trường Lạc thuộc Dương Châu, cũng gọi là Long Quang thù tượng. Người đời sau tùy theo tình cảnh mà tạo tượng, mỗi mỗi đều hơi kỳ lạ. Không theo tượng Phật (hình Phật), mà còn mạnh dạn làm cho hình tượng nhiễm nét đời. Cho nên tượng được truyền ở Linh Đông, Trung quốc, đều có phong thái y nghiêm, dáng vẻ đẹp đẽ nghiêm trang đủ long trọng, có lần tượng phát ra ánh sáng khiến cho đời sinh tâm lành (Giống như tượng Trường Can Thụy, con gái thứ tư của vua A-dục, làm bài minh cước phụ rằng. Nay ở chỗ cảnh sư phát ra tướng rất linh thiêng). Đến đời Hán phảng phất đưa vào những nét thật, lưu truyền đến đời Tống thì hầu như đều gần giống tượng thật, tất cả đều do lòng tôn kính, Ý ân trọng còn kính mến phỏng theo thánh tượng, cho nên tạo ra sự linh thiêng khác thường. Nay theo thời thế những người làm tượng rất khéo, được phước cung kính nhưng mất phép tắc, nghi thức, chỉ hỏi về thuốc tặc dài ngắn, bất luận là tai mắt toàn cụ hoặc tranh giá lợi độn (nhanh hay chậm), tính toán dày mỏng (mắc hay rẻ), hoặc rượu thật thết đãi, làm quà tặng, tánh tham lam dâm dục, thân không trong sạch, tâm chỉ hợp với lợi ích. Đến nỗi tuy tôn tượng là cây còn không có uy linh, lập hình tượng Bồ-tát thì rất giống như tượng dâm nữ, tướng mạo Kiềm Cương hiển mạo thì giống như dáng vẻ phụ nữ ganh ghét, cho đến sao viết kinh quyển chỉ là việc hèn mọn, nét bút rẻ con, giấy thô thiên, thợ ác bảo dưỡng sự thấp hèn. Đến nỗi người thợ trước trong lòng ngã mạn không cung kính. Kia đây thông pháp thấp hèn mất hết dung nghi, đến nỗi khiến cho kinh tượng lấy việc giáo huấn thế gian làm đầu, ngược lại, chính mình kinh nhờn thì uy linh ở đâu? Cho nên trộm cắp, huỷ hoại, lén lách, trị nhiều chuộc lấy tội lỗi, đồng thời vì trái với thế gian và pháp xuất thế nên hiện tại, vị lai chịu vô lượng khổ, tất cả đều do mất pháp gây nên nông nỗi này. Nếu đạo tục còn giữ pháp tắc tạo được dáng vẻ chân thật thì chim thú còn không dám dẫm đạp huống chi là con người (thấy có bọn trộm cắp thụy tượng mới đưa vào điện Phật, lại hốt hoảng bồn chồn chẳng ai biết chỗ đến. Đến sáng các vị tăng trong chùa mới kinh ngạc hỏi, hồi lâu mới tỉnh.) chỉ có thể phụng thờ dung nghi của tượng thánh, Phật cũng truyền lại hình dáng hiển bày dấu vết.

Luật Thiện Kiến chép: Răng nanh bên phải của Phật ở trong cung Đê-thích, xương khuyết bên phải của Phật ở nước Sư Tử.

Kinh Tăng nhất nói: Vua Ưu-điền tạo tượng Phật bằng gỗ chiên đàn, Vua Ba-tư-nặc tạo tượng Phật bằng vàng tử ma, hai tượng này mỗi tượng cao năm thước.

Cách xây tháp:

Tạp Tâm nói: Có xá-lợi gọi là Tháp, không có xá-lợi gọi là Chi-đề, Tháp còn gọi là Tháp-bà hay Thân-bà (đây gọi là phương phần), chi-đề gọi là miếu (miếu là mạo).

Kinh Tăng nhất A-hàm nói: đầu tiên đắp tượng sửa chữa chùa cũ cũng được phước sinh lên cõi trời.

Thế nào gọi là Phạm Phước? Giống như công đức của người ở châu Diêm-phù không bằng công đức của Vua Chuyển Luân, như vậy thiên hạ ở các châu: châu Tây Ngu hóa, châu Đông thắng thần, châu Bắc câu-lô, cho đến bốn tầng trời, sáu tầng trời cõi dục, sơ thiên, phần đông đều so sánh với công đức của phạm chủ, đây là lượng phước của phạm thiên, nên học như thế.

Luật Tứ Phần nói: xây tháp thì bốn phương phải tròn, hoặc tám góc, lấy đá gạch, cây làm, rồi dùng bùn đen cho đến đá, tro, đất sét đặt theo bốn bên làm lan can treo hương hoa, cho phép sắp xếp theo những đồ vật trang hoàng lọng báu, không được leo lên tháp, leo lên lan can vì sợ thân hộ tháp nổi giận (trong đại luân nói: Mật Tích Kim Cương, trong đường quý thần, lại nói: Bồ-tát Cháp Kim Cương thường cầm kim cương hộ vệ. Luật Ngũ Phần chép: xung quanh Phật có năm trăm vị thần kim cương hộ vệ). Nếu có chỗ cháp thì cho khai kia đã an trí phước lọng không được giẫm đạp lên, làm ở chỗ khác thì phương tiện dùng cây thang đặt lên. Nếu tháp ở giữa chỗ trống thì cúng dường đầy đủ, nếu mưa tạt, gió thổi chim chóc làm bẩn tháp thì làm mái che để che. Nếu đất có bụi thì trét bùn lên, phải lấy chậu rửa chân đặt bên đường, bên ngoài an trí của ngõ, bờ tường. Nếu thức ăn đồ uống ngon ngọt bậc thượng thì dùng những đồ vật bằng vàng báu đựng, bảo người tại gia ca hát cúng dường, thức ăn, đồ uống phải cho Tỳ-kheo, Sa-di. Kinh U-bà-tắc nói: người trông coi tháp đáng được thức ăn, xá-lợi đặt trong bảo tháp bằng vàng như trong tờ lụa, nếu ô nhiễm, hoặc giữ gìn, hoặc đội trên đầu, mang ở trên vai, nếu muốn phủi bụi thì nên dùng là cây dạng đuôi chim công mà phủi, nếu có nhiều hương hoa thì nên bày trên nền, trên lan can, trên cột hướng vào bên trong tháp, dùng dây xâu lại treo trước mái hiên, nếu có bùn thơm cho đến những thứ bùn khác thì làm tượng thủ luân.

Luật Tăng-kỳ chép: Việc xây tháp, lúc bắt đầu xây thì trước phải chọn nơi đẹp để làm chỗ xây tháp, tháp ấy không được hướng về phía Nam, phía Tây phải ở hướng về Đông hoặc hướng về Bắc (vì cửa giàlam ở Trung quốc đều xoay về hướng Đông. Tháp Phật, miếu, chùa đều mở cửa về hướng Đông, cho đến nhà trù, nhà xí cũng ở hướng Tây nam, do hướng Đông bắc ở Trung quốc gió thổi nhiều. Thần châu vẫn ở hướng Tây vì chánh dương không cần phải y cứ theo pháp Trung thổ), đất Tăng không được xâm lấn vào đất Phật, đất Phật không được xâm lấn qua đất tăng, ngoài ra giống như giới trộm, tùy tướng thuyết.

Kinh Thiện Sinh chép: này người thiện nam ! Như lai là kho Nhất Thiết Trí, cho nên người trí nên cúng dường hình tượng sinh thân, diệt thân, tháp miếu. Nếu ở chốn hoang vắng, nơi không có tháp tượng, thường nên buộc niệm, tôn trọng, khen ngợi. Hoặc tự mình làm, hoặc khuyên người khác làm, thấy người khác làm sinh tâm vui mừng như công đức của chính mình có. Cần phải nói rộng cho nhiều người biết để cùng làm, chính mình đã cúng dường rồi, trong lòng không sinh ý tưởng kiêu mạn, đối với nơi Tam Bảo cũng nên như vậy. Việc cúng dường không bảo người làm, không vì hơn người mà làm thì không cảm thấy hối tiếc. Tâm không buồn phiền, chấp tay khen ngợi, cung kính, tôn trọng, nếu đem một đồng tiền, một sợi chỉ, một đoá hoa, một nén hương, một câu kệ, một

lễ, nhiều quanh tháp một vòng, nhất thời dẫn đến vô lượng bảo, vô lượng thời. Nếu một mình mình làm, hoặc cùng người khác làm, này người thiện nam, nếu dốc lòng cúng dường Phật, pháp, Tăng, như thế thì dù ta còn tại thế hay sau khi ta Niết-bàn, công đức cũng không khác. Nếu thấy tháp, miếu phải dùng dây vàng bạc, đồng, sắt, cờ phướn, lọng báu, kỹ nhạc, hương dầu thắp đèn để cúng dường.

Nếu thấy chim thú giẫm đạp hư hoại thì tô đắp, sửa sang, quét dọn cho sạch, nếu gió lớn, mưa to, lửa tấp, chỗ bị người làm hư hoại cũng phải tự sửa chữa, nếu một mình mình không đủ sức thì khuyên người khác sửa, hoặc dùng vàng, bạc, đồng, sắt, đất, cây, v.v... hoặc đất bụi bám thì nên rảy nước, quét dọn. Nếu tháp trịn dơ thì dùng nước thơm rửa, nếu làm tháp báu và đúc tượng báu thì phải lấy rất nhiều cờ phướn, lọng báu, hương hoa dâng lên cúng dường. Nếu không có châu báu, không đủ sức làm thì lấy đất, cây xây thành tháp, nếu tháp đã thành rồi cũng nên dùng phướn lọng che ở trên và dùng các thứ hương hoa kỹ nhạc cúng dường, nếu trong tháp có cây cỏ dơ bẩn, hoa héo hôi thối thì phải quét dọn, nếu có hang rắn hang chuột thì phải lấp lại, sửa sang tháp. Tượng đồng, tượng đá, tượng xi-măng và các tượng vàng, bạc, lưu ly, pha-lê thì thường phải lau chùi cho sạch sẽ. Tùy theo khả năng mình mà xoa hương và làm các thứ anh lạc, cho đến giống như tháp vua Chuyển Luân.

Trong tịnh xá cũng nên dùng hương phết hương, hoặc đất sét trắng bôi lên để làm tháp tượng rồi nên dùng lưu ly, pha lê, chân châu, tơ lụa, linh, khánh làm thành dây để cúng dường tháp. Vẽ tượng Phật trong lụa màu không được tap dán những hình chim công, gà. Nên xâu các loại hoa hoặc tán hoa đẹp, lau gương cho sáng, hương mật, hương tán, hương đốt trời các loại kỹ nhạc ca hát, đêm ngày cúng dường không ngắt. Chẳng như ngoại đạo đốt bơ đại mạch để cúng dường, rốt cuộc không dùng tô thoa lên thân tượng tháp, cũng không dùng sữa để tẩy rửa, không nên tạo nửa thân Phật, nếu hình tượng Phật mà thân thể không đầy đủ thì nên thâm giấu che, khuyên người sửa sang lại, sửa sang hoàn tất rồi sau đó mới bày cho thấy, thấy tượng hư hoại nên dốc lòng cúng dường cung kính giống như tượng nguyên vẹn không khác. Chính bản thân mình cúng dường như vậy, nếu mình không đủ khả năng thì khuyên người khác cùng làm với mình, nếu có khả năng dùng vật báu trong bốn thiên hạ cúng dường Như lai, có người dùng vô số công đức tôn trọng ngợi khen, thì hai phước đức này bằng nhau không khác.

Kinh Vô Cấu Thanh Tín Nữ Vấn chép:

Chẳng biết quét đất tháp Phật được bao nhiêu quả báo lành? Tứ tướng đồ trị, hoa hương cúng dường lại thì phước báo gì? Thiện tu phạm hạnh, ba quy năm giới cấm được phước báo gì?

Phật nói với người nữ rằng: quét nền tháp Phật có năm thứ phước.

1. Tự tâm thanh tịnh, người khác thấy cũng sinh tâm thanh tịnh.

2. Được người khác yêu mến.
3. Tâm lành vui mừng.
4. Tập hợp những nghiệp tốt đẹp.
5. Khi qua đời được sinh lên cõi trời.

Nếu người tin Phật, đắp hình viêm luân lên trên tháp, tán hoa đốt hương, cúng dường như thế, người kia qua đời sinh vào cõi Phát Bà-Đề, phước lạc tự tại, đời sau sinh lên cung trời Hóa Lạc.

Nếu người tin Phật, đắp hình nửa mặt trăng lên trên tháp, tán hoa hương thì sinh về nước Cù-Đà-Ni. Đời sau sinh lên cung trời Đâu-suất.

Nếu người tin Phật, quét dọn xung quanh bốn phía tháp Phật, rải hoa, đốt hương. Người kia sau khi qua đời sinh về châu uất-đơn việt, đời sau sinh lên cung trời Viêm-ma.

Nếu người tin Phật, đắp hình mặt người lên tháp, dùng hoa hương cúng dường, tất cả góc lành, quả báo cũng như vậy.

Nếu người nhập thiền định, tu bốn pháp hạnh, quy y Phật, pháp, Tăng, thọ trì năm giới. Người kia được vô lượng vô số góc lành phước báo, tính không thể hết, sau đó nhập Niết-bàn. Kinh Niết-bàn chép:

Không xâm phạm đồ vật của Phật và Chư tăng, sơn phết, quét dọn đất Phật và tăng, đúc tượng hoặc tháp Phật, thường sinh tâm vui vẻ, đều sinh về cõi nước Bất Động.

Trí luận chép: giới của Sa-di, không được xoa hương vào thân, làm sao cúng dường Tam Bảo?

Đáp: vì có vật quý, lúc nào cần thì nên cúng dường, hoặc lấy đất bùn tô lên thành giếng, chỗ ngồi, v.v...

Thập luân nói: nếu phá chùa, giết hại Tỳ-kheo, người ấy lúc sắp chết, tất cả các đốt xương đều đau nhức, nhiều ngày không nói được, đọa vào địa ngục A-tỳ chịu đủ các đau khổ.

– **Cách xây chùa:** riêng về việc xây cất chùa chiền, Pháp sư Thạnh Đức nói mười thiên đã nói rõ về cách thức xây dựng chùa. Giống như sơ đồ Kỳ Hoàn đã tạo lập là theo chánh giáo, thầy đều hộ trì giúp cho cương yếu giới luật của chúng tăng. Sư thì không đủ, lược dẫn một pháp tông khoa tạo tự. Nghĩa là nơi chốn phải tranh xa nơi đùa giỡn giễu cợt. Nên cách xa chùa ni và gần chợ búa, phủ quan v.v... điện Phật kinh phùng rất sạch sẽ. Tăng viện nhà trù, kho mau được đầy. Sự như thế thì sau không bị hư hoại. Nay thời mạt pháp xây dựng chùa chỉ có nơi chỗ, việc được thọ dụng, cũng dùng pháp Yết-ma. Nhưng không hạn ngoại, không nghi thức biểu tượng để cho người biết. Trong sơ đồ Tịnh xá Kỳ-hoàn hễ tạo lập thì lấy cây, đá, đất, bốn phương trên dưới đều có làm dấu hiệu, khiến cho người và các vị trời biết. Giải thích về cửa thì có nhiều cách,

cho nên che ảnh tà thuật, cầm thú sợ nghi, ẩn che hình bóng, làm cho đời khâm phục, kính mến. Nhưng tích lũy qua nhiều đời, tích lũy (cắt xén bớt phần giáo) sự còn, pháp giấu giếm, nêu ra ý chỉ lẫn lộn. Người thế tục đã không hiểu pháp, chúng tăng chưa hiểu rõ mà lại hướng dẫn chỉ lờ mờ làm hao tổn tài vật. Tranh giành tâm tinh diệu lực, chí khí hơn người. Việc phòng lan đài quan khiến cho cao rõ, hơn kia liền dùng đều không còn phép tắc, lại còn dâng tiền như nhà của mình, phòng ốc trai đường của chúng tăng bị người thế tục thọ dụng, huỷ hoại nhục hình không có điều hổ thẹn. Ép mình trong đạo, vâng theo thế tục như tôi tớ thờ chủ. Đây là pháp tạo lập chùa hoại diệt (thậm chí là: đánh mắng chúng tăng, làm rất nhiều việc trái pháp. Chọn lấy những điều quan trọng mà nói với chúng tăng. Theo tăng, ép buộc, đoạt lấy, đỏi chác, mượn xin, cho đến để thầy chết trong tăng viện làm đám tang. Trong chùa cho chôn mồ mã, tắm gội, v.v... thầy đều trai pháp). Nếu sửa đỏi lỗi làm, nhớ lại pháp tắc để đỏi mới, dạy dỗ cẩn thận thì không phạm pháp, đó là hộ trì phương pháp xây cất chùa. (Người thế tục xây chùa vốn để cầu phước, làm nhân xuất gia, được duyên đắc đạo. Chỉ nên lễ bái, cúng dường là pháp. Lúc thưa thỉnh thì yết kiến, thưa đúng như pháp xưa nay. Kia đây đều có lợi ích, ta người không phiền não, gọi là hộ trì). Cho nên kinh Tăng Nhất A-hàm nói:

Từ lúc vua A-xà-thế có tín tâm trở về sau, ông hạ sắc lệnh, bảo mọi người trong nước đều thờ Phật. Ông tính trong nước bao nhiêu hộ để đem tượng Phật biếu cho họ. Há chẳng phải là Tăng truyền chánh pháp để được lòng tin ở người ư? Vì theo mình giáo giúp cho ba y, tất cả chúng đều đầy đủ. Đồng thời giống như ý tưởng tôn kính nhiếp trì, cho đến cắt tóc, nhuộm y, giới thể chân chỉ. Đi đứng cúi ngược đều phải sửa sang uy nghi, ăn uống, làm việc, tâm thường nhớ pháp. Nhớ và vâng làm thì người thế tục không hề dám khinh thường ngạo mạn, lấn hiếp, trái pháp loạn lạc. Nếu trong đời, bậc hiền nhân bên trong tâm vững vàng ngay thẳng, bên ngoài có uy nghi thì người thấy đều tôn kính, không dám đùa giỡn khinh thường (giống như Văn Hậu kính Can Mộc, như Lưu Thị trọng Khổng Minh). Huông chi đạo sĩ xuất gia khoác pháp y Phật du hóa, uy nghi đỉnh đạc khiến người thấy sinh tâm lành thì ai không tôn kính! Nếu có người khinh thường là do mình mất uy nghi. Nên biết người có uy nghi thì chẳng ai không kính trọng. Muốn được người khác kính thì mình phải có uy nghi, đâu chỉ kính cẩn thăm với lợi dưỡng ư? (Ruộng tốt không kén giống nhưng giống tự gieo vào ruộng, đạo hản đã đầy đủ không cần lợi dưỡng mà lợi dưỡng ngầm đưa đến). Vậy nên quán xét từ đây. Bị người thế tục coi thường thì chẳng phải lỗi của họ. Vì pháp huỷ diệt do chính mình, làm cho cái sang hèn dần bị lấn hiếp. Nếu người hộ trì biết pháp tắc đều kính trọng sùng bái, đâu dám khinh nhờn ngạo mạn ư?

---o0o---

## **THIÊN THỨ 23: PHÉP TẮC THƯA THỈNH**

Ôi! Người đòi tối tăm lắm việc, khó tu tuệ quán, vì thế nên phương tiện đặt ra phân kiểm phước, dùng để tiếp độ kẻ ngu muội, Nhưng thi hành thì lộn xộn phức tạp, bày nhiều thức ăn để cúng dường, thưa thỉnh thì trái với giáo pháp, bên ngoài thì tỏ thái độ chê bai huỷ nhục, bên trong nuôi dưỡng sự ngu si ngạo mạn để chuốc lấy sự khổ đau, chưa thể trở thành vị thầy hướng dẫn. Cho nên tóm lược kinh huân, thí luân như có riêng khác. Trong đây chia thành mười:

1. Pháp nhận thỉnh.
2. Pháp đến thưa thỉnh.
3. Pháp thỉnh về nhà.
4. Pháp lên tòa dạy bảo khách.
5. Quán xét thức ăn sạch dơ.
6. Hành hương chú nguyện.
7. Phương pháp thọ thực.
8. Ăn xong thức liễm.
9. Đạt sản bố thí.
10. Gia pháp ra thỉnh.

### **1. Pháp nhận thỉnh:**

Luật Thập Tụng chép: vì biết thỉnh nên phải lập Duy Na. Xuất Yếu luật nghi dịch là tự hộ. Còn gọi là duyệt chúng. Âm chính là Bà-La, Hán dịch là Thứ đệ.

Luật Tăng-kỳ chép: nếu đến thỉnh Tỳ-kheo ngày mai đến cúng dường thức ăn thì không được quyết định.

Đáp rằng: chắc chắn đến, nên nói. Nếu không có duyên sự thì nên thông báo cho họ biết. Nếu có người thỉnh, tăng phải hỏi tên họ của người khách. Nếu thí chủ ở ngõ hẻm, làng nhỏ ngày xưa thì không được đến liền. Nên sai một người: là người dân trông coi vườn tược hoặc Sadi đến hỏi thăm trước. Vì sợ bồn chồn với Tỳ-kheo và sợ làm khó dễ, sợ tăng mất thức ăn.

Luật Ngũ Phần chép: Tỳ-kheo được phép thiết lễ nên mượn ngọa cụ của tăng.

Luật Tăng-kỳ chép: Tỳ-kheo được phép thiết lễ giúp cho nhà thế tục, giảng màn và bày đầy đủ những phẩm vật cúng dường chỉ không được ngồi chung xe với người nữ (và cùng ăn uống).

Luật Tứ Phần chép: vương tử Bồ-đề thỉnh Phật, xin Phật phước dẫm lên cái áo được lót dưới bệ thềm. Phật từ chối không nhận. Vì các Tỳ-kheo đòi vị lai.

Kinh Tăng nhất A-hàm chép: Đức Thế tôn nhận lời thỉnh hoặc là im lặng, hoặc là gật đầu, hoặc là búng ngón tay.

Ngũ Bách Vấn chép: làm Phật sự được phẩm vật, mời tăng đến cúng dường, tăng không dám ăn. Nếu trước đã hứa làm ba hội sau làm một hội, ba hành

huong. Tam thí không liễu hoàn nguyện. Nếu bố thí cho mẹ con quỷ ăn thì nên chú nguyện rồi lấy thức ăn cho chúng ăn. Không được bước vào cửa nhà bán rượu dù bất cứ lúc nào. Nếu có cửa khác thì được. Nhà đồ tể cũng vậy. Nếu không có chỗ nào khác thì được ngồi chung với thầy, không được ăn chung bàn.

Luật Tứ Phần chép: thỉnh có hai loại:

–Thỉnh Tăng theo thứ lớp. Luật khai cho thỉnh riêng, nhưng các kinh luận chế thì không thiếu. Kinh Phạm Võng chép:

–Thỉnh riêng, được thí chủ cúng dường tài vật là trộm vật của Tăng trong bốn phương, kinh Nhân Vương cũng quở trách lỗi thỉnh riêng.

Luật Thập Tụng chép: Thiện Sinh thỉnh riêng Phật và năm trăm vị A-la-hán, vì vậy không được gọi là ruộng phước thỉnh tăng. Nếu ở trong chúng tăng thỉnh thì tương tự như Tỳ-kheo cực ác, nên phải chịu vô lượng quả báo.

Kinh Tăng Nhất, Thành luận nói: như uống nước biển tức là uống nước các dòng sông, thỉnh Tăng theo thứ lớp cũng như vậy.

Luật Ngũ Phần chép: chỉ vì việc giải thoát cho người xuất gia thì được, vì tăng mà thỉnh theo thứ lớp trừ những người phạm ác giới.

Ngũ Bách Vấn chép: nhận thỉnh riêng rồi sai người đi thế, không đúng với ý chủ nhân thì được. Nếu hiềm khích, phạm tội đọa. Đã theo thứ lớp thỉnh Tăng thì được phước lớn. Nếu có người nhờ thỉnh tăng thì nên nói với họ thỉnh tăng theo thứ lớp, công năng khai ngộ cho tâm thế tục của họ, chớ bảo họ thỉnh riêng. Pháp thỉnh riêng như trong tùy tướng. Nay người thế tục có ghi tên mời thỉnh, tuy miệng nói đồng ý nhưng cần bút chú. Có người ghi là chữ Phó, đây chưa biết chữ để học, nên nêu ra chữ này, có thể chữ Chú là chữ Phó (chữ phó ở dưới, trên là chữ phó, phó ở trên, dưới là chữ kê). Đây là cái vụn vặt giúp ích gì cho tầm nhìn cao xa. Cho nên ngạn ngữ nói: “mượn thì phải nhớ trả, bán thì phải nhớ đền”. Sự là gốc của bỉ lậu, liêm sỉ.

Luận Tát-bà-đa chép: Người được thỉnh cùng đi chung với Tăng không bạch trước mà vào, mắc tội đọa, trừ khi chủ nhân gọi. Nếu sau khi ăn, chủ nhân không mời ở lại mà mình tự ở lại, thì phạm tội đọa. Người quản lý, tri sự ở trong tăng đến sau, phạm tội đọa. An chưa xong mà bỏ đi cũng phạm tội đọa. Người tự hành trực báo đồng học thì được. Tuy trong đại giới gần chùa và nhà người tại gia nhưng không thừa bạch cũng phạm. Nếu bạch mà còn chậm trễ làm cho tăng chúng phiền cũng phạm Đột-cát-la.

Luật Thiện Kiến chép: đàn-việt thỉnh Tỳ-kheo, Sa-di tuy chưa thọ giới cụ túc cũng được tính vào số Tỳ-kheo. Kinh Niết-bàn chép: cho đến chưa thọ mười giới cũng được thọ thỉnh.

Luật Tăng-kỳ chép: nếu trên đường đi, nghĩ đến tịnh xá (mỗ giáp) được ăn, nếu qua chỗ khác ăn thì ân hận. Nếu dặt theo một vị tăng kia cũng không có tội.

Luật Thập Tụng chép: không ai mời mà tự đến ăn, phạm Đột-cát-la.

Ngũ Bách Vấn chép: đánh kiên-chuỳ là đợc cúng dường thức ăn, bất luận là có thỉnh hay không thỉnh. Vì sao? Vì đánh kiên-chuỳ mục đích để nhóm họp tăng.

## **2. Pháp đến thưa thỉnh:**

Luật Tứ Phần chép: nếu muốn thọ thỉnh thì phải đến trụ xứ vào giờ tiểu thực hay đại thực của chúng tăng.

Nếu đàn-việt đến ban ngày, bậc Thượng tọa nên ở trước họ như giống chim nhận bay đi, các Tỳ-kheo vén y bày vai phải theo sau. Chắc hẳn là ở trong đó có bậc Tỳ-kheo thanh tịnh, khó phân biệt. Nếu hỏi hay không hỏi đều cho đi. Nếu bậc Thượng tọa đang trên đường đi mà ghé vào chỗ đại tiểu tiện thì nên đợi và sau đó đi giống như trước.

## **3. Pháp thỉnh tăng đến nhà:**

Nếu chưa sắp xếp đợc chỗ thờ Phật và chỗ ngồi của thánh tăng thì bậc Thượng tọa có đức nên sắp xếp, chỗ thờ Phật phải thật tinh khiết hơn chỗ chúng tăng.

Cho đến che chỗ chường ngại để cho nơi thờ Phật đợc cao ráo sáng sủa, sau đó sắp xếp chỗ ngồi cho bậc thánh tăng. Pháp ấy có năm quyển, Lương Võ Đế đã trích ra từ ba tạng kinh điển của Trung quốc, không thể ghi hết. Như kinh Thỉnh Tân-Đầu-Lô pháp chép:

Trước đã dự định, xin ở nơi vắng lặng trải những vật mềm mại làm tòa, nếu khi tôi đến thì chỗ ngồi có tướng. Đời nay đến giờ bày ra một cách dối trá không có cách thức. Đã biết không thay đổi, Tỳ-kheo môn sư y cứ theo kinh mà chỉ dạy trước, không cần tất phải do dự, sắp đến lúc dự trai, bậc Thượng tọa nên yêu cầu y phục bằng tơ lụa mới, mịn màng, trắng sáng. Bậc Thượng thủ trong tăng chúng đợc ngồi trên nệm. Nệm lót có kích thước rộng dài đợc đặt ở chỗ tòa cao. Các Tỳ-kheo ngồi theo thứ lớp sau bậc Thượng tọa. Không nên đang ngồi ăn liền phân chia chỗ thành hai chỗ, tăng và Phật không vì chỗ ngồi chật hẹp mà chen chúc nhau hoặc sắp xếp ngồi trước Phật, hoặc chỗ tòa hẹp, nhỏ mà địa vị thanh thoi. Như vậy, nếu bậc Thượng tọa chưa thấy thì cũng có thể chính mình đã không có duyên tốt kính tin Tam Bảo lại còn khiến cho tục sĩ bất kính Tam Bảo, không trải tọa cụ tốt cho bậc Thượng tọa, chỉ giường tòa đẹp cho người ít tuổi, bậc Thượng tọa nên dạy rằng: Lấy cái không tốt trải cho người ít tuổi.

Nếu thí chủ trải giường mềm đẹp cho vị Tỳ-kheo tri thức thì không đợc tranh nhau, phải theo ý thí chủ. Cho đến thức ăn đồ uống cũng vậy.

Nếu thí chủ chưa biết pháp thỉnh Tăng, vị ni nào hiểu biết pháp ấy thì chỉ dạy cho họ. Sắp đặt chỗ để hình tượng và cách dọn thức ăn rồi thì sau ngồi chỗ khác, không đợc đẹp hơn chỗ tăng.

Kinh Trường A-hàm chép: Đức Thế tôn đến hội thường ngồi trong chúng, bên trái là các Tỳ-kheo, bên phải là thanh tín sĩ.

## **4. Pháp đến tòa dạy bảo khách:**



Bậc Thượng tọa kia đã sắp xếp hai tòa: Phật và Tăng rồi, sau đó cách tòa của thánh tăng một thước, cho trải ni-sư-đàn, vì bày tỏ sự cung kính.

Luật Tứ Phần chép: không nên đứng lộn xộn, phải ngồi theo thứ lớp. Bậc Thượng tọa ngồi, rồi đến bậc trung tọa, hạ tọa. Không được chằng đứng như pháp, không khéo che thân. Nếu có người búng ngón tay thì biết. Nếu bảo người nói biết thì cũng như pháp ngồi. Bậc trung tọa ngồi rồi, phải xem bậc thượng tọa, hạ tọa chớ trái pháp. Hạ tọa ngồi rồi, cũng nên xem bậc Trung tọa, Thượng tọa.

Luật Tăng-kỳ chép: không được che thân mà ngồi. Nghĩa là mặc y phải cẩn thận che thân cho kín đáo. Ma-ha-la ngồi, y không ngay ngắn, bị quở rằng: sửa y lại cho ngay ngắn. Nếu không hiểu thì bảo rằng che thân hình ông lại. Nếu ni ngồi mà y áo không ngay ngắn thì không xem được, phải bảo cho họ biết. Vì sợ họ hổ thẹn, nên phương tiện bảo họ lấy đồ vật. Nếu dâm nữ cố làm thì nên đứng dậy tránh đi.

Luật Tứ Phần chép: Các Sa-môn được cư sĩ thỉnh về nhà thì nên hỏi nhau về tuổi tác lớn nhỏ để ngồi ăn. Nếu sợ quá giờ Ngọ thì cho phép tám vị Thượng tọa ni ngồi theo thứ lớp. Những người khác theo đó mà ngồi. Tăng cũng phải y cứ theo đây.

Luật Tăng-kỳ chép: nên thăm hỏi nhà cúng thức ăn: gia đình thế nào? cuộc sống vẫn tốt luôn chứ?

Luật Tứ Phần chép: không nên đến sau, mà ăn trước khiến các Tỳ-kheo phải đứng dậy. Được thấy người đến mà không cần phải đứng dậy. Nếu người chưa tới thì chỗ tòa của Tỳ-kheo khai cho ngồi.

Luật Tăng-kỳ chép: nếu có chuyện cười, bậc Thượng tọa nên nói: vì sao trong thánh Tỳ-ni nói lợi rớt răng còn, cười ha ha v.v... nên thuận cho, khởi lên tướng vô thường, khổ không, vô ngã tử. Do không thể nín cười được, nên lấy góc y che miệng lại, từ từ kiềm chế. Thân không yên nên tay chân cử động. Cho đến bẻ cỏ để tự kiềm chế dần. Y cứ theo nghĩa này, nhà có tang ma, thỉnh Thầy đến cầu siêu và thỉnh đến nhà cúng dường thức ăn, tất cả đều y cứ theo Luật Tăng-kỳ, thận trọng đừng cười đùa và dục đầu nói chuyện thế gian.

Luật Ngũ Phần chép: nếu khách mời ở bên ngoài, Tỳ-kheo không được vào nói với chủ nhân cho họ vào. Không chấp nhận thì nói rằng:

Cho phần ăn của tôi để cùng nhau ăn. Còn không chấp nhận thì nói: uỷ tri, phòng tăng có thức ăn thì hãy đến đó, sau đó mới ăn.

Luật Tát-bà-đa chép: Tỳ-kheo nhóm họp bên ngoài cửa, gọi một tiếng lớn thì vào. Nếu đông quá không tập họp thì cũng gọi vào. Tuy đánh kiền-chuỳ nhưng không hề ngăn mới được thanh tịnh, giống như tùy tướng:

### **5. Pháp xem xét thức ăn:**

Luật Tứ Phần chép: Bậc Thượng tọa trước phải hỏi: rau quả đã tác tịnh chưa?

Nếu trả lời là chưa thì bảo tác tịnh.

Luật Tăng-kỳ chép: Bậc Thượng tọa phải biết ai trông coi phòng ốc, ai chăm sóc người bệnh, nên bảo đem thức ăn đến cho họ. Nếu đànviệt tiếc thì nên nói pháp sống lâu, phải đem thức ăn đến cho, chẳng được không cho. Nếu buổi chiều thì nên sai người lấy đem đi.

### **6. Pháp hành hương chú nguyện:**

Trong luật Tứ phần chép: ăn xong mới chú nguyện nói pháp. Nhưng nước này lại thành hành chú nguyện nói pháp trước khi ăn. Pháp này do Pháp sư Đạo An sắp xếp, Tăng nơi này y cứ theo đó mà dùng, nếu nói theo lý thì không mất.

Nếu thỉnh tăng đến nhà, thí chủ nhờ tụng kinh thì đồng ý giúp họ. Nếu chính miệng người chủ không nói thì không cần phải hỏi, nếu hỏi thì giống như đòi mạng.

Kinh Tăng Nhất A-hàm nói: có người thiết lễ cúng dường tay cầm hương đốt, thưa rằng: Đã đến giờ.

Phật dạy: phải đốt hương cúng dường.

Kinh Hiền Ngu chép: rắn thì vàng rồi, tăng cầm hương trong tay bảo người hành, cho đến đốt hương từ xa thỉnh Phật và Tăng, như trong Phú-Na-Kỳ nói:

Nếu người hành hương không cho vợ đụng vào lòng bàn tay mình, nên bảo bà ấy tránh xa. Nếu không chịu thì liền rút tay lại, bảo đi qua. Nếu có người nam vừa đến thì bảo họ cùng đi. Pháp của ni thì ngược lại, vì thâm ngăn tội lỗi.

Ngũ Bách vấn và Tam Thiên chép:

Không được đứng nhận hương, vì Tỳ-kheo nhận hương, người nữ chạm tay vào, dục tình phát khởi mà thôi đạo.

Phật dạy: nếu đứng nhận hương, phạm tội Đột-cát-la. Lúc hành hương chú nguyện chưa thấy trong văn kinh nhưng trong các luật thì có nhiều, Tỳ-kheo thâm chú nguyện.

Luật Thập Tụng chép: vì các vị trời nghe chú sinh tâm vui mừng nên khai cho chú nguyện.

Luật Tứ Phần chép: nếu đàn-việt muốn nghe pháp bố thí thì khen ngợi pháp bố thí. Muốn nghe pháp đàn-việt thì khen ngợi pháp đànviệt, cho đến muốn nghe ông cha ở quá khứ thì khen ngợi ông cha. Cho đến khen Phật, pháp Tăng cũng vậy.

Luật Tăng-kỳ chép: Bậc thượng tọa nên biết đúng thời phải chú nguyện cho người cúng dường trước. Nếu bậc Thượng tọa không thể nói pháp thì vị thứ tọa nên thuyết. Nếu vị thứ tọa không thể thuyết, cho đến vị hạ tọa đều không thể thuyết thì tất cả đều phạm tội. Gần đây những người thuyết thường tranh nhau nói những từ ngữ bóng bẩy văn hoa, quá sự thực. Hễ áo quần bóng bẩy khen là quý tộc, nghèo khó thì khen là nồi nấu thức ăn đẹp. Lời nói ra thì trở thành

luống dối, nêu lên sự việc chỉ thêm sự dối trá. Cho nên, Thành Thật chép: tuy là nói pháp nhưng không đúng lúc cũng trở thành ý ngữ, huống chi là những chuyện phù phiếm đâu thể nói ư?

Nay lập chánh điều thì mãi phải vâng theo.

Luật Tăng-kỳ chép: Nếu cúng dường cầu phước cho người đã chết thì nên chú nguyện. Tất cả chúng sinh có sinh mạng thì đều phải chết, tùy theo hành động thiện ác của người kia mà phải lãnh chịu quả báo. Làm ác thì phải đọa vào địa ngục; làm lành thì sinh lên cõi trời. Nếu thường tu đạo hạnh, lâu hết (phiền não hết) thì được Niết-bàn. Nếu thiết lễ cúng dường cầu phước cho việc sinh con thì nên nói: Đồng tử quy y Phật bảy đời Đại thánh tôn. Thí như cha mẹ thương nhớ con mình. Nêu ra sự vui thích ở đời, tất cả đều muốn cho con mình được, đến nhà bà con quyến thuộc hưởng vui cũng không cùng. Nếu nhà mới làm xong khách khứa muốn đến để chọn vợ, khi ra khỏi nhà thì mỗi người đều phải chú nguyện. Văn như vị Thượng tọa kia nói. Nếu không biết thì đắc tội, rộng như trong quyển 3.

Kinh Trường A-hàm chép: Đức Thế Tôn chú nguyện rằng: người đáng kính thì nên biết phải kính, việc đáng làm nên biết phải làm. Bồ thí rộng rãi cùng với lòng thương là có tâm từ ân, được các vị trời khen ngợi, thường khen là chứa nhóm những việc lành.

Luật Ngũ Phần chép:

Phật chú nguyện cho người buôn bán: chân tay khoẻ mạnh, hai chân ông cứng cỏi lúc đi an bình, lúc đến bình an, giống ruộng mong gieo hạt, hạt cũng mong vào ruộng. Nay ông ra biển mong được quả báo cũng như vậy. Theo nghĩa này, đây nói Phật có bốn biện tài vô ngại. Đối với nhân duyên chỉ dừng lại ở pháp bố thí trước. Còn chính bản thân mình ngu muội quá thì cũng đâu thể cưỡng ép.

Kinh Tạp Bảo Tạng chép: có lần Xá-lợi-phất làm Thượng tọa, các thí chủ vui mừng nhóm họp, ăn xong rửa tay chân đối trước các Trưởng giả chú nguyện.

Hôm nay giờ tốt, tất cả mọi việc đều nhóm họp; tài báu tốt và những việc lợi lạc, các Trưởng lão trong làng vui mừng hớn hờ, tín tâm thêm vững chắc, liền nghĩ đến mười lực: từ đó về sau lòng tin của họ thường vững chắc.

Lúc đó, Ma-ha-la khở cầu tụng tập, Xá-lợi-phất không gắng gượng dạy cho họ. Họ liền đến chú nguyện cho người chết, dẫn đến sự tôn thất sao còn lờ mờ chất lúa mạch trên mộ? Trước mặt vợ thì sợ hãi, sau lưng thì lớn tiếng gièm chê, nên bị đánh bảy hèo, mới đến Tinh xá Kỳ-hoàn bạch Phật.

Phật dạy: nếu các Tỳ-kheo nói pháp, chú nguyện thì phải hiểu thời nào thích hợp: lo, buồn, vui, biết thời, phi thời, không được nói dối.

### **7. Các tạp pháp thọ thực, hành thực.**

Luật Tứ phần chép: nhận thức ăn khổ rồi sau đó chú nguyện. Nay ở phương này không thực hành.

Luật Ngũ Phần chép: ở những nơi khác không là người thanh tịnh cũng không thực hành. Nay y cứ theo ý mở rộng: những người đã nhận thức ăn, trước phải chú nguyện.

Luật Tứ phần chép: nếu vì cầu lợi mà bố thí thì sẽ được lợi. Nếu vì cầu vui vẻ mà bố thí thì sau sẽ được vui vẻ. Cho nên Tam Thiên uy nghi nói vì tịnh y, nên ngồi chồm hồm mà ăn. Lúc Phật mới thành đạo nhận bát cháo sữa, quan sát pháp của chư Phật, tất cả Chư Phật trong ba đời đều mặc tịnh y ngồi chồm hồm mà ăn. Nếu có đệ tử xuất gia nên đúng như pháp. Vì ngăn ngừa chúng nên chế giới. Cứ tọa (ngồi chồm hồm) vì tịnh y (y sạch) khác với cách ngồi của người thế tục. Cũng vì ngồi trên tòa cỏ để ăn, vì ngồi chồm hồm mà chế ra chính pháp.

1. Co chân lên.
2. Ngồi dang chân ra.
3. Ngồi rung chân.
4. Ngồi thẳng chân.
5. Ngồi tréo chân.
6. Ngồi thông ba y che chân.
7. Ngồi gác chân.
8. Ngồi cuốn y dưới chân.
9. Ngồi cuốn y dưới bắp đùi.
10. Tất cả đều phạm Đột-cát-la.

Kê là nói về pháp trích phần ăn của mình cho chúng sinh ăn.

Hoặc trước khi ăn đồng xướng lên rồi trích ra, hoặc sau khi ăn chừa phần lại. Kinh luận không có văn, tùy theo tình cảnh mà sắp đặt. Trong kinh Niết-bàn nói: vì quý khoáng dã mới nhận lãnh giới bất sát (giới không sát sinh). Phật nói với quý rằng:

Ta đã bảo các đệ tử Thanh văn của ta, người hãy đến chỗ có Phật pháp thì tất cả các đệ tử của ta đều bố thí cho người ăn. Nếu có chỗ nào không bố thí thì chính là bè đảng thiên quý (quý vương) chẳng phải là đệ tử của ta.

Luật Tứ phần chép: trong Tăng-già-lam lập miếu quý thần.

Truyện rằng: chùa Tăng ở Trung quốc lập miếu quý, miếu thần già-lam, miếu Tân-đầu-lô. Mỗi ngày hai bữa ăn, vị tăng lớn đều đem thức ăn cúng ba chỗ ấy, những Tỳ-kheo ấy không trích ra. Kinh Ái Đạo Ni chép: bảo trích ra lớn bằng móng tay. Nay có người chết dọn thức ăn, theo Trung A-hàm nói: vì người chết bố thí cúng tế, nếu người đó sinh vào loài naga quý thì được, còn sinh vào đường khác thì không được. Vì mỗi loài đều có mạng sống và có sự ăn uống. Trong Tạp A-hàm nói rõ về điều này. Nếu thân tộc không sinh trong nhập xứ thì chỉ bố thí cái tâm thí cũng được công đức... cho đến thí chủ đọa trong sáu đường thì

phước của bố thí thường theo. Lấy việc trì giới để được thân người thì cần phải có phước khác giúp đỡ. Trong Kinh Thí Dụ nói: năm trăm nga quý vừa đi vừa hát, cả trăm người đẹp khóc lóc đi qua.

Phật bảo: quyến thuộc con gái, cháu chắt của nga quý ấy đã làm phước hồi hướng cho họ nên bọn họ được thoát kiếp, cho nên họ ca hát. Còn quyến thuộc con cái của những hảo nhân (người đẹp) kia giết hại sinh vật không làm các phước lành, sau bị lửa dữ ép ngặt cho nên họ khóc lóc...

Trí Luận chép: Quý thần, được người cho một phần ăn mà cả ngàn muôn ức quỷ thần kéo ra.

Luật Tăng-kỳ chép: đang ngồi ở gần tòa, người mang thức ăn đi qua không được im lặng, mà xem người bên cạnh, nên nói rằng: cho người này.

Nếu người đem thức ăn đến người thứ ba, thì phải vui vẻ nâng bát lên đợi họ đến.

Luật Tứ Phần chép: Bậc Thượng tọa thấy người đem trái cây đến, nếu ít quả mà cúng cho nhiều người, nên hỏi: vì ai mà đem tới? Nếu trả lời là vì Thượng tọa thì lấy, còn nếu nói vì tăng thì bảo đưa cho tất cả chúng tăng. Cho đến tất cả những thức ăn ngon cũng vậy. Kinh Bán quả chép: Vua A-dục cúng dường cho tăng nửa quả am-la mà tám muôn vị La-hán cùng ăn.

Luật Tăng-kỳ nói: được thức ăn mà ăn ngay, thì bị người thế tục chê trách.

Phật dạy: nếu mình được thức ăn thì gọi huynh đệ đến để cùng ăn.

Luật Tăng-kỳ chép: tất cả cùng xướng lên đồ cúng dường. Nếu thời giờ sắp hết thì vừa đến ăn ngay, không có tội.

Luật Thập Tụng chép: cùng cúng dường.

Luật Ngũ Phần chép: nơi ni thỉnh đến, chưa gọi mà tùy ý mức ăn, chúng dưới phạm Đột-cát-la.

Luật Thập Tụng chép: vì Xá-lợi-phất làm Thượng tọa, liền ăn thức ăn ngon, La-hầu thừa Phật, Phật bảo:

Từ nay về sau, bậc Thượng tọa phải đợi huynh đệ đến rồi mới được ăn. Khi nghe hiệu lệnh nhóm họp, tất cả chúng tăng cùng ăn.

Luật Ngũ Phần chép: chánh y thọ thực, tay trái nhất tâm nâng bình bát, tay phải trợ duyên.

Luật Tăng-kỳ chép: trước nhận cơm để một bên bàn, sau đó nhận, rau trộn chung lại để ăn. Thức ăn còn nhai trong miệng không được xoay nhìn đồ ăn. Nếu vừa nhai nuốt thức ăn không được làm đổ cơm xuống đất. Vỏ hạt đào thì nên bỏ một bên chân.

Trong Tăng Nhất A-hàm chép: nhà vua thiết lễ cúng dường thì tự tay đi lấy thức ăn mang đến, thứ dân cũng vậy.

Luật Tứ Phần chếp: Nếu thỉnh hai bộ tăng trước phải cúng dường cho Tỳ-kheo. Sợ quá trưa thì phải cúng ngay.

Kinh Phạm Ma-nam chếp: người muốn bố thí thì phải bình tâm, bất luận là lớn hay nhỏ. Phật bảo A-nan:

Sắp đến giờ ăn nên bảo chúng tăng đến. Tăng đến thì chúng Tăng ăn, tất cả đều bình đẳng.

Luật Tăng-kỳ chếp: đến giờ ăn thì tay phải trợ duyên, nên dùng tay trái thọ nhận, rót nước tráng qua, không được ngâm lâu. Đưa bát lên cúng dường không được đưng trán mũi và phải uống hết.

Nên để một ít vào một cái chén nhỏ, chú nguyện rồi đưa cho vị hạ tọa, Sa-di. Trong lúc ăn không nên ồn ào, vì sợ làm mất tâm người tín thí. Nếu bún nước để sái tịnh thì không phạm tội lộng thủy (đùa giỡn với nước). Nếu người ngồi gần bên mình mà không được phần ăn thì nên đòi, nếu giảm phân nửa thì cũng nói. Nếu có rau quả dư cũng không được bỏ bừa bãi làm bẩn đất, nên gom lại một bên chân rồi đem bỏ.

Luật Tỳ-nại-da nói:

Không được tỳ ngón tay cái vào trong bát.

Luật Thập Tụng chếp: khi ăn nên rửa tay sạch sẽ, không được bôi ra, nên gom thức ăn lại, lấy ăn.

Luật Tăng-kỳ chếp: khi ăn không được khua chén đũa.

Luật Tỳ-nại-da chếp: không được bóc thức ăn đưa lên mũi ngửi.

Luật Ngũ Phần chếp: cơm trong bình bát không được vãi ra nhà thế tục. Nếu lúc thêm thức ăn mà trong miệng ngậm thức ăn được nói: có hay không có gì cũng được, đều không có lỗi.

Luật Tăng-kỳ chếp: nếu trong miệng ngậm thức ăn thì nên nuốt rồi mới nói chuyện với người.

Trong miệng ngậm thức ăn mà có người hỏi thì không được đáp ngay. Nếu nghe người hỏi mà trong miệng không ngậm thức ăn thì được nói.

Luật Tứ phần chếp: nếu bánh khô, bánh tiêu, rau quả thì được ăn một nửa.

Luật Thiện Kiến chếp: thức ăn trong bình bát nên vét lấy cho chúng sinh, nước đổ ra nhà cư sĩ, thì không phạm. Nên nương vào chỗ ẩm, chỗ bất tịnh.

### **8. Pháp ăn xong:**

Luật Tăng-kỳ chếp: Bậc Thượng tọa nên ăn từ từ, không được ăn mau rồi ngồi nhìn làm những người tuổi nhỏ lúng túng ăn không no. Nên xem họ ăn xong chưa, rồi mới rót nước, chú nguyện sau đó mới để bát xuống. Lại nói: chư tăng ăn xong, cư sĩ đem những thức ăn còn lại cho nhà gần bên.

Kinh Hiền Ngu chép: vẫn ở nhiều nơi nói: chur tăng ở nhà thế tục trước khi ăn nên rửa tay chân, sau khi ăn phải súc miệng. Phật và Tỳ-kheo ở nhà thế tục ăn cơm xong đều phải súc miệng, rửa bát, sau đó mới nói pháp cho gia chủ nghe.

### **9. Pháp Đại Sát:**

Luật Ngũ Phần chép: sau khi ăn bố thí y phục, đồ vật gọi là đạtsán.

Luật Tứ Phần chép: vì ăn rồi lạng lẽ ra đi làm cho đàn-việt sinh tâm nghi ngờ, chẳng biết có ăn được hay không, đủ hay không, lại nói:

Vì những ngoại đạo đều khen ngợi đàn-việt bố thí cúng dường, cho nên Phật bảo bậc Thượng tọa vì nói đại sát, dù chỉ một bài kệ (văn này giống như pháp thọ thực). Nếu bậc Thượng tọa không có khả năng nói thì bảo người nói. Nếu không nói pháp cũng không chịu bảo người nói pháp, tất cả đều kết tội. Nếu nói Đại Sát thì bậc Thượng tọa và bốn chúng đều phải đợi nhau còn những người khác thì cho phép đi.

Luận Tát-bà-đa chép: Khi ăn xong, nói pháp có bốn điều lợi ích:

1. Vì tiêu hóa được phẩm vật của tín thí cúng dường.
2. Vì báo đáp ân sâu.
3. Khiến chúng sinh sinh tâm vui mừng, gốc lành được thành tựu.
4. Người tại gia thích nên bố thí bằng tài vật, người xuất gia phải đem pháp tạng để thực hành hạnh bố thí. Trong luật nói thuyết kệ kinh.

Luật Thiện Kiến chép: Tu-đa-la nghĩa, các thứ nghĩa khai phát. Cho phép lúc nói nghĩa thì bao gồm tất cả những điều quan trọng trong văn kinh để khai.

Luật Ngũ Phần chép: Các Tỳ-kheo phá giới tà kiến, các căn không đầy đủ, thường khen ngợi sự chú nguyện nói pháp. Do đây hạng người xấu được thế lực lại thường làm nhục tăng. Phật nói: thỉnh pháp sư thông hiểu ba tạng, các căn đầy đủ.

Luận Du-già chép: Nếu không thể tụng chú thì nên sai theo thứ lớp, nếu tất cả đều không tụng được thì mỗi người nên tụng một bài kệ.

Kinh Tăng Nhất A-hàm giải thích: không làm các điều ác không gì hơn giữ giới luật trong sạch, vâng làm các việc lành, giữ tâm ý trong sạch, tự làm sạch tâm ý của mình, dứt bỏ những tà kiến điên đảo. Đây chính là lời Phật dạy, dứt bỏ tư tưởng ngu hoặc vì giới thanh tịnh, tâm ý

thanh tịnh và không điên đảo, vì không điên đảo nên dứt trừ hoặc tưởng. Ngay đời này, ban đầu không có hình thức nói pháp. Nếu ăn rồi đem tất cả tiền tài ra bố thí. Lý y cứ theo Luật Ngũ Phần, tùy lúc khen ngợi không được phô trương. Rộng như trước đã nói.

**10. Pháp thỉnh ra khỏi nhà,** Luật Ngũ Phần chép: lúc trở về bốn tự, bậc thượng tọa thì tám người cùng đợi nhau còn những người khác thì đi trước, các đệ tử

của tăng nên đứng dậy khỏi chỗ ngồi sửa lại y, bình bát và đi theo thứ tự, đến cửa chủ nhà nói rằng: đàn-việt hậu thí đúng như pháp, bản đạo đâu có đức gì mà kham lãnh. Ngoài ra tùy theo lúc mà nói rồi đi. Kinh Tập A-hàm nói: Phật và các Tỳ-kheo ăn xong vào thiên thất ngồi thiền. Sau buổi trưa từ chỗ ngồi thiền đứng dậy để nói pháp.

---o0o---

## THIÊN THỨ 24: ĐẠO TỤC HÓA PHƯƠNG

Đạo tục có tướng khác nhau nhưng có ảnh hưởng lẫn nhau. Tuy hai hình thức mà chỗ hướng về đều giống nhau. Cho nên Sa-môn xử thế đạo duyên phải lập. Nếu không nhờ bên ngoài kia hộ vệ thì không có tâm phò pháp, bản thân mình đã thường nhận của cúng dường đáng lẽ phải dùng giáo pháp cứu độ người thế tục. Cho nên mặt trời Phật được rực sáng, nắm giữ được tượng vận. Cho dù chánh pháp ảm nhưng vẫn truyền bá mãi, Tăng đồ diệt nhưng vẫn lập lại. Điều đó là ở đây ư? Tuổi tâm những thứ không cần thiết, người ít hiểu luật thật nhiều, người hiểu biết luật thì ít. Quyết thi hành giáo hóa nhưng chỉ đưa ra khỏi cỏ họng. Đối với chánh giáo kia đều không chuyên nói cho nên khởi việc phi pháp, lời nói trở thành sai lầm quá mức, sinh ra những điều bất thiện, làm sao gọi là tiếp dẫn. Tất cả đều do tâm thấy chẳng có một tác vuông kết pháp. Cho nên Luật Thiện Kiến chép: theo đuổi điều ác đều do vô trí, vọng giảng nói giải thích Phật giáo, phỉ báng Như lai, làm nhiều việc ác, sinh nhiều tà kiến. Nay vì khuyên răn việc chưa từng nghe thánh chỉ.

1. Nói về phép tác thọ giới.
2. Giải thích về sinh duyên phụng kính.
3. Nói về cách thức cư sĩ nữ vào chùa.

Trong phần đầu, kinh Đại Tập ghi:

Vô lượng chúng sinh bạch Phật hộ trì pháp. Phật khen: hay thay các đại đàn-việt, lại nói: Các Tỳ-kheo phá giới đồng ở một chỗ, nói pháp không được nhận của tín thí. Giống như cây rau đay. Người phá giới tương cho đến thọ nhận gìn giữ tám vật bất tịnh, gọi là Sa-môn Tê khúc ảo tặc tuý chiên-đà-la. Rộng như trong quyển 31 có nói.

Luật Tứ Phần chép: nói pháp cho đàn-việt thì cho phép nói khế kinh và phân biệt nghĩa lý. Được phép không nói đầy đủ câu văn. Không được hai Tỳ-kheo cùng ngồi trên tòa cao nói pháp, hoặc cùng cải vã, hoặc cùng nói nghĩa hay dở, hoặc cùng ép ngạt lẫn nhau. Hoặc hai người đồng hàm chú, khen ngợi, nghe nói pháp v.v... Bởi vì xướng ca, nghe xướng ca, có năm lỗi:

1. Tự mê đắm âm thanh.
2. Khiến người nghe sinh tâm ưa thích.
3. Khiến cho người khác học theo.



4. Khiến cho người thế tục sinh tâm ngạo mạn.

5. Vì loạn định ý.

Nếu người nói pháp còn nhỏ nên theo thứ tự thỉnh thuyết, dưới chỉ một câu kệ: “không làm các điều ác”.

Ban đêm tụ tập nói pháp thì không được ngồi trên tòa cao, tòa thấp. Trong Tam thiên oai nghi, ngồi trên tòa cao tụng kinh trước phải lễ Phật, kế là lễ kinh pháp rồi mới lên tòa. Lúc ngồi trên tòa thân mình phải ngay ngắn hướng lên tòa ngồi. Nghe tiếng kiền-chuỳ dứt trước nên khen ngợi kệ chú, đúng như pháp mà nói. Nếu không đúng như pháp hỏi, không như pháp nghe thì liền dừng.

Kinh Tỳ-ni Mầu nói: Hễ nói pháp, Tỳ-kheo nên tính lượng đại chúng, phải nói làm sao để họ nghe và hiểu được. Nếu họ nghe và hiểu được pháp sâu xa thì nói pháp sâu xa cho họ: là các Luật Ngũ phần, pháp mười hai nhân duyên, kinh Niết-bàn, v.v... Nếu họ nghe pháp cạn thì nên nói cho họ các pháp bố thí, trì giới được sinh lên cõi trời. Nếu chúng vui ít buồn nhiều, không lợi, không có ích lợi cho người gọi là ác thuyết, ngược lại với ở đây gọi là thiện thuyết. Lại nữa, nên biết câu cú, văn nghĩa, âm thanh nam nữ v.v... phải trừ khử tâm tham lam, không xem thường tâm mình, không xem thường đại chúng. Tâm phải thích ứng với tâm từ, tâm bi, tâm hỷ, tâm lợi ích, tâm bất động, tâm tự chủ. Những thứ tâm này cho đến mười bốn câu, giải thích một cách như thật trước mặt mọi người không nên khởi tâm sợ hãi. Vì sao? Vì khởi tâm sợ hãi làm cho thân mệt mỏi, chậm chạp. Âm thanh không rõ ràng, nói không có thứ lớp, nói pháp không màu nhiệm thì nghĩa lý khó hiểu. Phải học cho thật kỹ càng, có thứ lớp, nên an tâm nói pháp. Không nên nói những pháp chán chường, bệnh hoạn, xa lìa. Quán thân là khổ, không, vô thường, vô ngã, bất tịnh. Giống như trong quyển 7 đã nói. Trong kinh Niết-bàn chép: nếu Tỳ-kheo vì lợi dưỡng mà nói pháp tất cả đồ chúng cũng bắt chước. Thầy như thế là tự làm hư hoại chúng, chúng có ba loại.

1. Tạng tăng phá giới: tuy trì cấm giới nhưng vì lợi dưỡng thì cũng giống như những hành động ngồi đứng, đi lại của kẻ phá giới.

2. Tăng ngu si: ở chỗ vắng vẻ, các căn không lanh lợi, ít ham muốn, xin ăn, tự mình nói giới tự tứ, thường dạy các đệ tử hàng ngày thường thanh tịnh thuyết giới nhưng lại cùng thuyết giới tự tứ. Thế nào là tăng thanh tịnh?

3. Tăng thanh tịnh là tăng không nhiễm ô lợi dưỡng, khéo biết giới tướng. Giống như bốn giới trọng người xuất gia không được phạm. Nếu phạm thì chẳng phải là Sa-môn thích tử.

Vì sao biết là nhẹ? Ba lần can ngăn thì thôi. Phi luật chẳng chứng.

Nếu có ai khen ngợi việc thọ dụng vật bất tịnh, không cùng đồng thời. Đúng luật thì phải chứng. Nếu học giới luật, thì không gàn gỏi người phá giới, phá kiến; Người thuận theo luật, sinh tâm vui mừng, khéo được giải thoát. Đây gọi

là luật sư thiện giải nhất tự. Nếu vì lợi ích cho chúng, đến chỗ phi pháp nhưng nếu là Thanh văn thì không nên làm. Kinh Tạp A-hàm nói:

Một Pháp sư được thâu nhận sáu mươi vị Tỳ-kheo mới học để dạy bảo, nói pháp.

Phật dạy các Tỳ-kheo: có người hỏi về cái chết là uổng công, Như Lai chẳng thích trả lời điều đó. Hễ có sinh thì có chết, lấy gì làm lạ? Nên suy nghĩ về mười hai nhân duyên mau thực hành để vượt qua sinh tử này.

Luật Tăng-kỳ chép: nếu Tỳ-kheo trái phạm lời Phật dạy thì phạm tội. Người tại gia biết thì thế nào? Ngũ Bách Vấn chép:

Nếu tăng muốn làm người tụng kinh nói pháp, được phẩm vật thì phạm tội xả đọa. Nếu không có tâm tham thì không phạm. Nếu không có y thì được lấy, trong Tam Thiên oai nghi chép:

- Nếu muốn vào phòng người thì:
- Đứng bên ngoài búng ngón tay.
- Phải cởi mũ nón.
- Làm lễ.
- Đứng chánh niệm, bảo ngồi thì ngồi.
- Không quên trì kinh.
- Vào hỏi kinh có năm việc:
  1. Đứng pháp, xuống giường hỏi.
  2. Không được ngồi chung.
  3. Không hiểu nên hỏi ngay.
  4. Không nghĩ đến duyên bên ngoài.
  5. Đã hiểu rồi thì nên đầu mặt đánh lễ ra đi.

Kinh Tỳ-ni Mẫu chép:

Đã nghe mười hai bộ kinh, muốn thị bày nghĩa này lại có tâm nghi. Nếu muốn thứ lớp nói văn nhưng văn dài, đại chúng phân đông mệt mỏi chán nản. Nếu sao chép, lựa chọn được những từ hay, nói ngay thì không biết sẽ ra sao?

Phật nói: cho phép dẫn trong kinh, nói lời chính yếu, từ hay liền hiển bày nghĩa ấy.

Kinh Niết-bàn chép: nếu có thọ trì đọc tụng ghi chép giảng nói thì không được phi thời, chẳng phải đất nước, không ai thỉnh mà nói: khinh tâm khinh người, tự khen ngợi, tùy nơi mà nói. Đến Phật pháp bị tiêu diệt thì nói pháp sáng ngời ở thế gian. Vì sao? Vì không phải chỗ, không phải thời mà nói pháp thì khiến cho

vô lượng người chết đọa vào địa ngục. Thì đây là chúng sinh ác tri thức. Kinh Tập Bảo Tạng ghi: nói cho người thế tục bảy thứ pháp thí không hao tổn tài của:

1. Nhan. 2. Sắc. 3. Lời nói. 4. Ngôn ngữ. 5. Tâm. 6. Giường ghế. 7. Phòng xá, mỗi quả báo cho đến thành Phật còn vô tận.

Trong Trí Luận chép: Phật bảo các Tỳ-kheo nói pháp rồi nhập vào thiền định, những điều mình đã nói thì thân cũng tự thực hành.

Trong kinh Đại Tập ghi: Nếu Bốn chân đế thì nhất niệm chứng. Nghĩa là vì tất cả chúng sinh nói một hạnh, một pháp, cho đến vô số nhân duyên điều phục chứ chẳng phải một. Cho nên liền nói vô số pháp tám mươi bốn ngàn tụ khác nhau. Nếu vì người ở tại gia giáo hóa dạy họ làm phước có năm việc:

1. Không nên ở nhà đàn-việt.
2. Không đắm vào tâm tham lợi.
3. Nói riêng từng pháp: bố thí, trì giới, tám quan trai.
4. Không được cùng đùa giỡn.
5. Không ràng buộc tâm, thường muốn thấy nhau.

Lại còn năm việc làm đàn-việt tôn trọng cung kính.

1. Vì chỗ quá thân quen không lui tới.
2. Không nên lo liệu tình thế gia nghiệp của đàn-việt.
3. Không nên nói chuyện riêng khiến trong nhà sinh nghi.
4. Không được coi ngày tốt để cúng bái quỷ thần.
5. Không cần xin quá nhiều.

Năm pháp vào nhà thế tục.

Một: Khi vào nhà thế tục phải nói nhỏ.

Hai: Thúc liễm thân miệng ý.

Ba: Nhiếp tâm cung kính mà đi.

Bốn: Thân nhiếp các căn.

Năm: Giữ uy nghi để dạy họ sinh điều lành. Có chín việc không nên vào ngồi trong nhà thế tục.

Một: Tuy họ lễ bái nhưng tâm không cung kính.

Hai: Tuy đón rước, đưa tiễn nhưng tâm không thiết tha.

Ba: Tuy nhường chỗ ngồi nhưng tâm không thật.

Bốn: Không cung kính chỗ mình ngồi.

Năm: Nói pháp mà họ không ghi nhớ.

Sáu: Tuy nghe có đức nhưng không tin nhận.

Bảy: Biết có rất nhiều của nhưng xin thì cho ít.

Tám: Biết có thức ăn ngon mà ngược lại dọn đồ dở.

Chín: Tuy cung cấp nhưng giống như trao đổi pháp ở ngoài chợ. Gặp những việc đó không nên ngồi. Ngược lại ở đây thì được ngồi. Nếu vào làng nên hạ mình cung kính hổ thẹn. Không vướng mắc sáu trần, nhất tâm mà đi. Như núi cao từng tác cheo leo niệm niệm sinh sợ hãi, không để tâm nơi khác. Đến chỗ vực sâu cũng giống như vậy, như trăng soi khắp thế gian, dùng tay lay động hư không, bốn phương chẳng vướng mắc. Luật Thập Tụng chép:

Người nói pháp nên nhất tâm, sinh tâm thương xót làm lợi ích, thứ lớp nói lời trang nghiêm, biện tài vô tận thuận theo thật tướng các pháp. Vì pháp mà nói, không vì lợi dưỡng. Thượng tọa trong đây nên quan sát lời mình nói. Nếu không nói đúng như pháp nên im lặng. Lại nghe nghĩa kinh của Phật ngôn từ trang nghiêm, lần lượt giải thích. Kinh Phật vốn phải trực tiếp đọc tụng chớ lẫn lộn với nghĩa của luận. Luật Ngũ Phần chép: Nói pháp cho người tại gia nghe, họ vui mừng bố thí thì được nhận.

Luật Thập tụng chép:

Khi chú nguyện khen ngợi thánh pháp thì không được ăn. Tát-bà-đa chép:

Nếu đàn-việt muốn làm phòng lớn nói cho họ biết để làm nhỏ lại, thuận theo nhỏ là vì dục pháp. Nếu vì chứa nhiều người thì không nên trái ý.

Luật Tứ Phần chép:

Không nên dùng chú thuật giáo hóa người thế tục, phải dạy họ rằng: Không nên hướng về tháp của Như lai mà đại tiểu tiện, bỏ đồ dơ và nước bất tịnh. Nếu làm phòng ốc gieo cấy ruộng vườn thì nên hướng về tháp của Như lai. Lai vào những ngày 8, 1, 2, vào chùa tháp cúng dường chư tăng, thọ tám quan trai.

Phật bảo đàn-việt: Nếu người có lòng từ đem gạo, nước vo gạo, để tẩy rửa... có trùng thì khiến trùng được thức ăn, sẽ được vô lượng phước, hưởng chi là cho người.

Luận Trí Độ chép:

Phật bưng bát nhận nước cặn thổi của Lão Mẫu, nhận canh thừa của Úc-Nhĩ, độ vua Tần-bà-sa-la.

Luật Thiện Kiến nói:

Không được làm người sai khiến cho người tại gia, nếu khiến cho họ lễ Phật tụng kinh chú nguyện làm các việc lành thì không phạm, làm những việc ác khác thì phạm Đột-cát-la.

Kinh Trì Địa nói:

Nếu thấy chúng sinh phải ân cần hỏi han, sắc mặt thư thái nói lời ôn hòa chánh niệm hỏi rằng: Đi đường có bình yên không ? Bốn đại có điều hòa không ? Ngủ nghỉ có an ổn không ? Dùng lời khen ngợi, lại tùy theo thể gian dùng phương tiện chú nguyện cho vợ con, quyến thuộc, tiền tài, thóc gạo đầy đủ. Thấy người làm công đức thì khen ngợi bố thí trì giới.

Luật Tứ Phần chép:

Nếu có người tại gia bị bệnh vào chùa thì nên dùng phương tiện khiến họ ra khỏi chùa. Nếu họ khen ngợi Phật pháp tăng thì tùy khả năng mà làm. Nếu họ chết ở trong chùa thì khiến họ bỏ ra ngoài. Nếu có người bệnh nhẹ nên cầu nguyện cho họ sống lâu.

Luật Tăng-kỳ chép: Nếu vào chỗ vua không được khen chê quân trận, thuật bắn. Nên nói đồng Sát-lợi là đồng họ cao quý nhất, Như lai Ứng Cúng Chánh biến tri thường sinh vào trong nhà thứ hai: Các bậc xuất gia sinh ra trong pháp Luân vương và Chuyển luân thánh vương. Lại nhờ năng lực ủng hộ của pháp luân nên được tự tại an vui. Lại mang hình tướng được người khác cho là không ngã mạn. Nên sinh vào các cõi dưới cho đến đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh v.v... muốn nói thì nói, nói xong liền đi. Nếu họ nói rằng không có chướng ngại thì nên đến. Nếu vào nhà cư sĩ giàu không được nói rằng “ông nhờ việc buôn bán dùng cân non lường gạt người” mà nên nói “như Thế Tôn nói nhị luân được thực luân rồi mời chuyên pháp luân. Các cư sĩ cúng dường y phục thức ăn là một việc khó. Tôi nhờ các ông nên ở trong giáo pháp Như lai tu phạm hạnh vượt sinh tử, tất cả là nhờ ân đức tín tâm của các ông”. Nếu vào trong chúng ngoại đạo thì không được chê bai là tà kiến, không biết hổ thẹn, nói lỗi xấu của họ, mà nên khen ngợi sự thật, nói “các ông hãy xuất gia để giải thoát sự trói buộc, xả bỏ y phục thì tục tâm được rộng rang, là một việc rất khó”.

Hai là nói về pháp thọ giới. Trong đó có ba phần. Đầu tiên bỏ tà quy y Tam bảo. Trong phần này lại chia làm bốn. Một là chỗ ngữ ý, hai là pháp sám hối, ba là lập pháp qui y, bốn là tổng kết thứ từ trong phần đầu. Kinh Niết-bàn nói rằng tất cả chúng sinh vì sợ bốn ma sinh tử nên thọ ba quy. Gọi một nghĩa của Chư Phật chẳng phải hàng Nhị thừa biết được, loài chim cánh vàng không dám thọ ba qui y, những cái khác cũng như nghĩa sao.

Hai là pháp sám hối, do tin tà từ lâu vọng tạo phi pháp, nay trở về qui y bẻ gãy tà nghiệp. Kinh A-hàm v.v... đều khuyên trước phải sám hối. Kinh Niết-bàn chép:

Phát lộ các nghiệp, hoặc không làm đều ác từ bờ này sinh tử đã làm ra cho đến những việc mình làm đến. Như quyển 10 nói: Bất luận lúc nào sám hối, đọa tụng cũng được thông dụng. Ba là tác bạch, Luận Trí Độ nói: Quý gối chấp tay trước mặt Tỳ-kheo thưa rằng: con tên là..... tuổi đời qui y Phật, qui y Pháp, qui y Tăng (nói ba lần) liền sinh pháp lành. Lại cuối cùng nói rằng: Con tên... Nguyện suốt đời qui y Phật, qui y Pháp, qui y Tăng (nói ba lần). Tát-bà-đa nói: tâm đã thuần thực thì không cần phải dạy. Bốn là tạp liệu gián, kinh Đại Tập

chép: người nữ có thai sợ thai không được an ổn, trước phải thọ ba qui y. Khi thọ ba qui y rồi thì đứa bé được bình an. Cho đến khi sinh ra thân tâm đầy đủ, được thiện thần ủng hộ. Tát-bà-đa chép: trong năm đường đều được thọ ba qui y, không thọ giới pháp cũng được một năm. Nếu trong nửa năm thọ giới khoảng năm mươi ba ngày thì không đắc giới.

Hai là nói về năm giới, chia ra làm ba, một là chọn người đúng sai, hai là tác pháp sai biệt, ba là thư từ. Trong phần đầu Thành Luận chép: Người phạm năm tội nghịch, giặc đến làm ô nhục Tỳ-kheo-ni không cho làm, vì nghiệp ác làm ô nhục là pháp chướng đạo không nên ngăn việc lành như tu hành, bố thí, trì giới.

Nếu người nào giữ giới thì không phạm lỗi. Trong Tát-bà-đa nói nếu có người trước phạm năm giới, tám giới, mười giới mà phạm nặng thì không được thọ. Cho nên trước phát khởi duyên của giới. Kinh Thiện Sinh chép: Giới này rất khó, có thể nói là căn bản của Sa-di, Tỳ-kheo và Bồ-tát. Giới có năm loại, tùy theo thọ một phần thì được một giới. Người này muốn thọ phần giới nào? Người trí tùy theo lời nói mà thọ, hai là tác pháp. Nghĩa là thừa con tên là... qui y Phật, qui y pháp, qui y tăng, nguyện suốt đời giữ năm giới của Ưu-bà-tắc, Như lai Chí chân Đẳng chánh giác là thầy của con (nói ba lần). Con tên là... qui y Phật rồi, qui y pháp rồi, qui y tăng rồi, nguyện suốt đời giữ năm giới Ưu-bà-tắc, Như lai chí chân Đẳng Chánh giác là thầy của con (nói ba lần). Trí Luận nói chép: Giới sư nên nói rằng: này Ưu-bà-tắc hãy lắng nghe; Đa-Đà A-dà-độ A-la-ha Tam-miêu Tam-phật-đà vì Ưu-bà-tắc nói năm giới tướng, ông nên lắng nghe từ đây cho đến hết đời không được sát sinh là giới của Ưu-bà-tắc người có thể giữ được không? Thừa: "Giữ được". Từ nay cho đến hết đời không được trộm cắp là giới của Ưu-bà-tắc, ông có giữ được không? Thừa "giữ được". Từ nay cho đến hết đời không được tà dâm, không được nói dối, không được uống rượu đều theo như trên mà nói, đây là năm giới của người tại gia, ông nên suốt đời thọ, phải cúng dường Tam bảo, khuyến hóa làm những việc công đức. Sáu ngày trong một tháng, ba tháng thường tu trì trai giới, dùng công đức này hồi hướng cho chúng sinh đều thành Phật đạo. Ba liệu Giản thành nói: tùy thọ một, hoặc hai, hoặc ba đều được luật nghi. Cũng khai giới trọng, thọ giới trọng, phát được giới cũng tùy theo ngày nhiều ít mà thọ. Phần 2 nhiều nói nên thọ với năm chúng, không nên thọ với người thế tục. Trí Luận nói: do sáu ngày trai là ngày ác quỷ đoạt mạng người. Ngày đầu tiên của kiếp sợ bậc thánh dạy người một ngày không ăn là giữ trai giới. Sau khi Phật ra đời dạy rằng: ông nên một ngày một đêm giữ tám giới, như Chư Phật quá ngộ không ăn. Đó là công đức đưa người đến Niết-bàn. Hỏi: Miệng có bốn lỗi sao chỉ có nói dối. Đáp: Chỉ nêu ra nói dối thì nhiếp ba cái khác. Lại, pháp của Phật quý ở nói thật. Cho nên trước phải nhiếp. Như nói thập thiện là giới tướng chung, vô lượng thông qua thuộc về không tham. Như vậy y theo mà nói biết. Lại nói người sinh ra trong cõi nước đều cùng nhân duyên.

Nghĩa là ngoại pháp và nội pháp là nhân duyên như ác khẩu, cho nên đất sinh ra gai góc, tâm nịnh nọt cung vậy, nên đất cao thấp không bằng phẳng, sau tham

hiều cho nên lụt lội hạn hán không điều hòa với đất nên sinh ra sạn sỏi. Không làm những điều ác trên thì đất bằng phẳng. Như thời Phật Di-lặc, người thực hành mười điều lành nên đất sinh ra nhiều châu báu. Kinh Tăng Nhất nói: do làm mười điều ác nên vật bên ngoài suy hao, hưởng gì vật bên trong? Rộng như quyển 3. Trong phần 33 của kinh Thiện Sinh Trường giả chép: Người tại gia thực hành pháp và lễ bái sáu phương. Tát-bà-đa chép: Trong năm giới uống rượu là nặng nhất. Nói rộng những phần khác thì quyển bảy trong kinh Thiện Sinh nói rất rõ. Ba là nói về tám giới pháp, trong Tát-bà-đa v.v... nói: nếu từ năm chúng thọ thì không cần có người, chỉ tâm niệm miệng nói tự qui y Tam bảo, con giữ gìn tám giới cũng được. Lại nữa, về pháp thọ, Luận Trí Độ chép: Thọ giới pháp một ngày nên quý thẳng chấp tay nói như vậy: con tên... nay một ngày một đêm qui y Phật, qui y pháp, qui y tăng, làm Ưu-bà-tắc thanh tịnh (nói ba lần). Con tên... qui y Phật rồi, qui y pháp rồi, qui y tăng rồi, y trong một ngày một đêm làm Ưu-bà-tắc thanh tịnh rồi. Kế đếm sám hối: con tên... nếu vì thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp bất thiện, tham lam, ngu si, đời này, đời trước có tội như vậy, ngày nay thành tâm sám hối. Ba nghiệp thanh tịnh thực hành tám quan trai: Như vậy là Bồ-tát. Kế đến là nói về tướng. Như các Đức Phật suốt đời không sát sinh. Con tên... một ngày một đêm cũng không sát sinh như vậy. Như Chư Phật suốt đời không trộm cắp, con tên... một ngày một đêm cũng không trộm cướp như vậy. Con tên... Một ngày một đêm cũng không trộm cướp như vậy. Như Chư Phật suốt đời không dâm dục. Con tên... một ngày một đêm cũng không dâm dục như vậy. Như Chư Phật suốt đời không nói dối. Con tên... Một ngày một đêm cũng không nói dối như vậy. Không uống rượu, không ngồi giường cao rộng lớn, không đeo hương hoa anh lạc và xoa vào mình, không tự mình ca múa hát xướng và đi xem nghe cũng giống như vậy. Đã thọ mười giới rồi như Chư Phật, suốt đời không ăn quá ngọ. Con tên... một ngày một đêm cũng không ăn quá ngọ. Con tên... Thọ tám giới tùy theo học pháp của Chư Phật, gọi là Bồ tát. Nguyên suốt đời không đọa ba đường ác, tám nạn. Con cũng không cầu cái vui của cõi chuyển luân thánh vương, Phạm Thích, Thiên vương, v.v... nguyện dứt trừ phiền não chứng được Phật đạo. Tăng Nhất A-hàm nói bát quan trai phát rộng đại nguyện. Như quyển 38 nói đầy đủ như số sao. Trong luật Tăng-kỳ, Phật bảo Tỳ-kheo: Nay là ngày trai bảo Ưu-bà-tắc tắm gội sạch sẽ, mặc áo sạch, thọ pháp Bồ-tát. Thập Tụng chép: ở nơi xóm làng, Thượng toạ thấy người tại gia đến nói pháp sâu xa mâu nhiệm cho họ nghe, chỉ bày bỏ tà quay về chánh đạo. Nên dạy cho họ biết thực hành bố thí, trì giới nhẫn nhục, khéo thọ trì tám giới. Kinh Tăng Nhất chép: nếu người thọ trì tám trai giới trước phải sám hối tội, sau mới thọ giới. Nói rộng như trong quyển 16, các thánh đệ tử đa văn của Phật khi giữ tám chi trai giới phải nhớ mười danh hiệu của Như lai. Nếu có suy nghĩ ác, bất thiện thì đều diệt. Trong kinh Thiện Sinh chép: người thọ được tám giới trừ được năm tội nghịch, tất cả những tội ác đều diệt. Luận Thành Thật chép: Công đức và người vô lậu v.v... đều được tùy thọ một, hoặc hai, hoặc ba ngày và nhiều ngày hay ít ngày trong tháng đều thành. Câu-xá chép: Trang nghiêm là từ bỏ những cái không theo qui cũ, không sinh

tâm say sưa cuồng loạn. Thiện sinh thọ tám giới không phải nhiều, chỉ riêng theo Ngũ Phần, Tỳ-kheo thành tựu tám pháp. Huỷ bỏ Tam bảo và giới là muốn bắt lợi cho năm giới. Người thọ năm giới nên không kính tin. Nếu Ưu-bà-tắc giận Tỳ-kheo không đến nhà họ, xóm làng cũng như vậy. Kinh Tạp A-hàm nói: sao gọi là Ưu-bà-tắc? Nghĩa là người tại gia thanh bạch tu tập tịnh tu, người nam thành tựu nói ba lần qui y. Hai là nói sinh duyên đưa ra tin tức về pháp. Trong luật Ngũ Phần, Tát-lăng-già nói: cha mẹ nghèo khổ dùng y phục và thức ăn cúng dường. Phật dạy: nếu có người vai phải mang cha, vai trái cõng mẹ, đại tiểu trên đó trải qua một trăm năm, hoặc dùng y phục đẹp để cúng dường cha mẹ cũng không thể báo đáp ân sâu trong muôn một. Do đó, khuyên các Tỳ-kheo phải hết lòng cúng dường cha mẹ, người đó không mắc tội trọng. Luật Tăng-kỳ nói nếu cha mẹ không tin Tam bảo thì nên khuyên tin. Nếu đã tin thì phần tỳ từ của mình mang dâng cha mẹ chớ để thiếu. Nếu cha mẹ nghèo thiếu bị khinh rẻ thì nên đem vào chùa. Nếu tắm gội cho cha mẹ thì không được xúc phạm, được tự tay mang thức ăn cho cha mẹ: như pháp Sa-di không khác, tất cả đều được, kinh Niết-bàn chép: Do Phật pháp tăng thường trụ nên khai mở giác ngộ cho cha mẹ, cho đến bảy đời đều khiến vâng giữ Phật pháp. Cho đến tự mình học hỏi, rồi đem sự hiểu biết ra dạy người, thì gọi là Hộ pháp. Như vậy, sẽ được sống lâu, kinh Tỳ-ni mẫu chép: nếu cha mẹ nghèo khổ trước phải cho thọ ba qui y, năm giới, mười điều lành, sau mới thí cho.

Nếu không nghèo thì có thọ giới cũng không nên cho. Trong luật Tứ Phần: Ngài A-nan thỉnh Phật trao giới cho Ái đạo rằng vì có ân bú mớm, nuôi dưỡng được lớn khôn. Phật nói: nếu nghe được danh từ Tam bảo đã là báo ân rồi, huống chi được lĩnh tín? Kinh Tạp Bảo Tạng chép: Trưởng giả Từ Đồng nữ nhà nghèo một mình nuôi cha mẹ được duyên tốt ở đời hiện tại, chim oanh vũ hiếu thanh dưỡng nuôi cha mẹ mù được duyên thành Phật. Kinh Tăng Nhất chép: công đức hiếu thuận cúng dường cha mẹ không khác với công đức một đời bồ xứ. Văn chép: dạy hai người làm việc lành thì không thể báo ân được, nghĩa là cha mẹ. Cho nên Tỳ-kheo phải hiếu thuận cúng dường cha mẹ không mất một thời khắc nào. Nên học như vậy. Ngũ Bách Vấn chép: cha mẹ mù loà bệnh tật không người cung cấp, phần thức ăn mình xin được nên chia cho cha mẹ một nửa. Tự mình xe sợi cung cấp y phục cho cha mẹ còn phạm tội, huống gì là chứa đẽ áo quan v.v... Luật Tăng-kỳ chép: Tỳ-kheo không được gọi bố ơi! Bà ơi! Anh ơi! Em ơi! Cho đến gì ơi... Không được gọi tên tục của họ, mà phải gọi theo pháp danh của Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Kinh Tăng Nhất chép: bốn họ vào pháp của Phật rồi đồng gọi là hạt giống của Thích-ca. Không được theo họ của thế tục, Tỳ-kheo nên học. Luật Thiện Kiến chép: nên gọi người giúp việc là đại tỳ, không được gọi là tớ, a ma mẫu, ni là người nữ. Nếu cha mẹ chết tự mình được khiêng quan tài. Tăng Nhất nói: Ái Đạo mất, Phật và La-Vân mỗi vị đỡ một góc giường. Đến khi vua Tịnh Phạn qua đời, Phật cũng tự mình làm kiệu vào rừng núi cheo leo không được dùng thần thông bay lên hoặc biến mất. Tỳ-kheo không được thay đổi trang phục, mặc bình thường là đúng.



Ba nói cách nam nữ thế tục vào chùa: Trước phải giữ ý, tức tâm tĩnh lặng, không được nói tạp loạn. Bồ thí mà phạm pháp cũng phải quở trách, há dẫm lên lậu mạn ư? Và lại tâm và tướng biểu hiện xa uy nghi khác với thế tục. Quy phụng nương thú lý có khuôn phép. Cho nên phải cúi đầu nghe người dạy bảo, để thi hành công việc. Đây là cung kính nghi thức như gàn gửi pháp, đâu thể dẫm chân lên chỗ thanh tịnh, buông lỏng chẳng phải chỉ pháp lành không có nhiệm, nên phải ngược lại với nghiệp khổ, có thể không răn dè ư?

Nay nương vào pháp của Kỳ-hoàn đã nêu, sĩ dân Trung quốc hễ đến chùa ngoài cửa sửa sang y phục một lay, ung dung bước thẳng, không được ngoái nhìn hai bên, trước đến lễ Phật ba lay xong, được nhiễu quanh ba vòng, khen tụng ba lần, (nếu chưa thấy Phật cúng dường, mà thấy chúng tăng thì không được nói trước). Lễ Phật rồi đến phòng tăng, ngoài cửa lễ một lay, sau đó vào gặp Thượng toạ, thứ lớp đến hạ toạ mỗi vị đều lễ một lay, nếu thấy việc phải trái không được chê trách, nếu phát ra một lời hiềm trách, tự mình mất lợi tốt, chẳng phải hành động vào chùa (trong tăng cũng không thể biết, việc giống như thế tục, thiếu sự kiểm soát đạo ý thật chẳng phải dễ, nếu do lỗi của tăng thì sinh tâm bất tin, sinh liên chướng đạo, cuối cùng không mong ra khỏi, lại không chê bai nhân quả nghiệp báo, chỉ được chỉ dạy bỏ ác tu thiện).

Vả lại, lúc đầu vào chùa trai tăng chỉ là khách. Vì sao được nhân duyên xuất gia. Kinh nói rằng: hễ người vào chùa vứt bỏ dao gậy tạp vật rồi mới vào, người bỏ dao gậy là bỏ tâm buồn giận chúng tăng, người bỏ tạp vật, là bỏ tâm khát cầu chúng tăng, trừ được cả hai lỗi mới được vào chùa, thuận theo Phật mà thực hành. Không được làm trái, nếu duyên cản trở quay qua bên trái thường nghĩ Phật ở bên phải mình, lúc vào ra, đều chuyển mặt hướng về Phật, lễ Phật, pháp tăng thường nghĩ thể là một, chỉ hi vọng pháp giác ngộ đầy đủ, tự giác và giác tha gọi là Phật, cái để giác ngộ đạo gọi là pháp, người giác ngộ Phật đạo gọi là Tăng, nên một thể không khác (ban đầu giác ngộ gọi là Tăng, cuối cùng đầy đủ gọi là Phật, tăng thời chưa tránh được các lỗi, Phật thì tất cả ác hết, tất cả thiện đều đầy đủ. Nay tôi chưa xuất gia học đạo gọi là người thế tục, trở lại thế tục gọi là đạo khí. Như sự suy nghĩ sâu xa ta cũng có đạo phần. Vì sao lại kinh nghi hồi hận, nên dốc lòng qui y, tự làm nhân duyên xuất gia. Chỉ bày vây quanh niệm Phật (pháp, tăng). Cúi đầu sát đất, không được nhìn cao (là biểu hiện quán thân mình ở cõi tương lai thành Phật, không nên truyền bá khắp nơi, trôi nổi biến trong sinh tử).

Thấy đất có côn trùng, chớ làm tổn thương giết hại (niệm tất cả chúng sinh, đồng là nhân Phật, khởi lên không sát hành, tức là lòng tin, tin biết nhân quả, làm nhân duyên sống thọ). Không được nhổ nước bọt trên đất tăng (muốn nói về tục nhân gọi là tăng địa, miệng còn không nên quát mắng, huỷ báng, người muốn xuất gia gọi là nhổ nước bọt trên đất tăng, hướng chỉ quát mắng hỏi vặn chúng tăng, há chẳng phải đi ngược lại ư? Nếu ca tụng khen ngợi (yêu kính coi trọng nhân duyên).

Nếu thấy chướng độ tự tay xoá bỏ (sự thì với tăng trừ phần, pháp thì với tăng sạch lỗi). Nếu có nhân duyên ngủ trong chùa, không được nằm trong giường chiếu của tăng, nên lấy chiếu đệm cỏ của mình, cũng chớ lấy mền của Sa-môn đắp (nên tự đặt ra cung kính cúng dường tăng, đâu làm tổn hại người khác, cung phụng mình làm hại vật tốt). Điều hòa hợp giỡn cười nói việc phi pháp. Sa-môn chưa ngủ không được ngủ trước, vì dứt tâm kiêu mạn. Lại chớ ngồi lên giường chiếu của tăng, khinh lờn tăng, ngồi trong nhà thế tục, có đồ quý ngồi, do không cho phép người thấp hèn lên ngồi, hướng gì là cao tăng xuất thế, liền bắt chước nhau, chính là lấy trong kinh chúng tăng đồng giường nửa thân khô héo, nhân duyên như thế, như chỉ nói rộng, hoặc đến sáng sớm dậy trước Sa-môn (thực hành tu cung kính) hễ đi vào chùa là nhân khai mở tịnh độ, người cúng dường tăng là hơn hẳn xuất li, nay trong thời mạt pháp, gốc lành căn cạn mỏng, không cảm được sự chỉ dạy dẫn dắt của bậc thánh, chỉ biết có chùa mà thôi, không phải ý của thế pháp, không kính trọng Phật pháp, vượt lên nhân duyên của sự sống, cúng dường rộng phước mà đến nhà chùa (người như thế phần nhiều, chẳng phải gọi hoàn toàn không có lòng kính tin). Phần nhiều có người tình ý qua lại, chẳng phải cách nhóm họp, lại ở chùa ngủ, ngồi nằm giường mền, tùy theo ý ăn xin, tìm tòi, lấy mượn. Như tục lệ đi trở lại, thoả mãn ý thì vui vẻ, trái với tâm nhất định phải giận, lòng dạ nhiều bó buộc, hướng về hoài bão nên mưu toan lợi lộc, giống như sự xúc phạm chống cự nhau của bò và dê. Buông lung tâm thấp hèn của sự cố chấp ngu si, hoặc dùng thế lực áp bức đánh đập, bắt bớ đoạt lấy, đều tại nghiệp ác nhất định sẽ chết, còn có nghi ngờ gì?

Vả lại xương ngang, thần thức làm sao diệt được, tùy theo nghiệp mà chịu khổ, không bao giờ cứu được, có đáng đau buồn hay không? (chẳng phải Tam bảo không cứu được, mà vì người này không thể cứu được). Nếu người có trí cuối cùng không làm việc này kính trọng chùa, pháp, y theo mà thực hành, bào hộ quý trọng Tam bảo, bàn hỏi pháp, dạy dỗ, tự mình chịu lấy lợi ích lớn, nên kinh nói rằng: Ruộng phước chúng tăng tốt đẹp, cũng là vườn cỏ tạt lê, đây nói là nói thật, nên biết suy kém, lợi ích do tâm, chẳng phải cảnh tội trước, nên người nữ thánh tâm trong sạch vào chùa, nghi thức đồng với trước, chỉ không được ở trên tòa của người nam, hình tướng nói cười, phân sáp thoa mặt vẽ mày giả trang sức, giỡn cười phi pháp, cúng với tướng bác bỏ dao động, giữ tay chống đỡ người, thì phải nhiếp tâm, sửa sang dung nghi, tùy theo dạy người khiến cho nương theo, lần lượt cận hưởng nhất tâm cúng dường sám hối tự trách mình, sinh làm người nữ thường giúp cho chướng ngại dứt, đối với pháp tu màu nhiệm này phụng thờ, chẳng phải do không được tự chuyên, do người khác mà làm, sao lại khổ thế? Nên phải sinh tâm thô bỉ, trạo cử sâu xa. Nếu thấy Sa-di lễ đại tăng, chớ cho là địa vị nhỏ nên không cung kính (ở đây đối với đại tăng là nhỏ, đối với thế tục là tôn quý, xuất gia thọ giới cụ túc liền nhập vào nói pháp, nên chỉ cho phép nghe, chớ còn gọi tên mà đi).

Ở trong các nhà chùa như thế, ra sức mà lại gọi là Sư, nhưng tự biết ra khỏi cửa chùa đúng như pháp làm lễ (trước lễ Phật ba lạy, đến cửa một lạy, ngoài cửa

một lay, nếu tăng ít thì thứ lớp, đều lễ một lay, người nhiều đều lễ ba lay). Hễ do thân như ướ, vào chùa dẫm lên đất pháp đất cõi tịnh kim, phần nhiều trái với nghi thức. Nếu bỏ thời gian cần phải tự mình bỏ lỗi đó, tùy theo cho nhiều hay ít chỉ bày có không trống rỗng (nếu rải lụa, hương dâu tằm dâu có phải là hoa nước, dưới đến quét đất, bỏ được phân dơ). Đây là pháp của người vào chùa, Trung quốc truyền ra. Tôi liền nêu ra lỗi cần nói lại, nghĩa là tất cả trời, người rỗng, quý là duyên của người xuất gia tu đạo, tất cả người xuất gia làm cho trời, người, rỗng quý sinh ra cảnh giới lành. Người xuất gia đã là bốn bậc sinh ra chỗ lành, không được xem thường đối với sự tối sáng kia mà có lỗi, bốn bậc tọa đã là duyên xuất gia tu đạo, lại không được liền thấy lỗi, Phật vừa ban sắc xong, dù cho đạo nhân nuôi vợ âu yếm con, cúng dường cung kính như Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiên, v.v...

Chẳng phải sinh ra thấy lỗi tự mình làm mất, do duyên của cảnh lành, hễ người xuất gia, nêu ra sự sống lớn hướng về xa, chắc chắn có nêu ra sự trông mong cốt yếu. Ban đầu ông xuất gia bỏ thế tục có thể tránh được dấu vết, là trí sĩ nêu lấy sự chung chiếu xa, sự ước lượng lấy đạo đó, không nên đồng với người ngu kia chỉ thu thập lỗi của tăng. Cho nên trời rỗng quý thân đều có tha tâm, thiên nhãn, trợ giúp chúng tăng, chẳng phải tăng không có lỗi, do khắc chung chiếu xa. Nay trong loài người không quan sát rõ ràng, gương soi thấy lỗi, tình trí cạn hẹp, ý không diễn đạt sâu xa, tạm thấy một lỗi hủy nhục tăng chúng. Từ chương mà xuất ly, phá trái ba qui, lỗi đối với sự dẫn dắt trước, thường hành sinh tử, không dùng đạo giáo hóa, có thể gọi là mê hoặc, đưa trẻ ngu si. Thế thì bậc thánh đều có thể giáo hóa nhưng người này không thể giáo hóa, cho nên chấp tay chờ đợi thời cơ đến, như nhỏ sinh làm ác. Sở dĩ cha mẹ không dạy dỗ, chẳng phải cha mẹ không biết dạy dỗ tốt, trẻ nhỏ không thể dạy dỗ, so với kia có thể biết, các cõi đồng với pháp, đồng bạn may mắn xem kỹ mà truyền nói.

---o0o---

## **THIÊN THỨ 25: CHỦ KHÁCH ĐỐI ĐÃI NHAU**

**(Phụ bốn nghi pháp)**

Sa-môn Thích lữ là khách ba cõi, hướng gì là quán trọ tương đối còn ở đây, cho nên trong luật chỉ ra chủ khách đối đãi nhau gặp tạp hạnh, v.v... Chính là trong phần thứ tư, ban đầu cách vào chùa. Luật Tứ Phần nói: Tỳ-kheo khách muốn vào chùa, nên biết Phật, pháp, hoặc Thượng tọa, v.v... Đến cửa giữa nên mở, nếu không thể từ từ gõ cửa, thì đi nhiều tháp bên phải, trước rửa chân trái, sau rửa chân phải. Mang giày dép, Tỳ-kheo cự trụ nghe khách đến ra ngoài đón rước, nắm y bát xếp đặt nhà ở âm áp để khách kinh hành, cung cấp đồ đựng nước, v.v... hai là hỏi người chủ nhận phòng, v.v...

Luật chép: Hỏi Tỳ-kheo cự trụ, tôi chừng ấy tuổi có phân phòng chăng?

Đáp: Nếu nói có thì nên hỏi, có người ở không? Nếu không có người ở thì nên hỏi có ngọa cụ, hoặc được lợi dưỡng hoặc khí vật, hoặc phòng nhà, y phục

v.v... Có nên lấy, đến phòng được mở cửa rồi xếp giường mền v.v... quét đất sạch, nếu được kim, chỉ, dao cho đến một viên thuốc, nên nêu lên có chủ biết nên cho. Trị như vậy từ trong nhà rồi trở lại ngoại cụ bên trong trở về chỗ tháp Phật, tháp Thánh Văn, thứ nhất phòng Thượng toạ cho đến phòng thứ tư Thượng toạ v.v... Mỗi nơi hỏi riêng. Nếu không hỏi người chủ mỗi nơi bày ra nói, cho đến nói rằng; đây là đồ hi nhỏ, đồ tiểu tiện v.v... Luật Ngũ Phần chép: tru xứ hẹp không biết nhau, cho phép đồng giường ngồi, không được ngủ.

Ba là tướng biết kính nghi, luật Tứ Phần chép: khách tăng nhận phòng rồi, hỏi người chủ rồi, nên trước lễ tháp Phật, kế lễ Thượng toạ thứ nhất, cho đến Thượng toạ thứ tư. Nên vén y bày vai phải cởi bỏ giày dép, quỳ gối sát đất, xoa hai chân nói như vậy: con xin lễ Đại đức, nếu bốn bậc thượng toạ trong phòng suy nghĩ, nên tùy theo bậc lần lượt lễ phòng, người chủ mỗi mỗi bày cho biết. Luật Thập tụng chép: nếu lúc Thượng toạ thấy nên lễ, khó thấy xa thì nên dừng.

Bốn là hỏi pháp thọ lợi, vì sao tăng thọ thực khác nhau, đàn-việt thỉnh chúng tăng tiểu thực, đại thực, chỗ nào là chỗ ác, chỗ nào là người tốt, chỗ nào là người xấu. Tỳ-kheo cự trụ nên nói cho khách tất cả nhà của tăng chế hạn, nếu khách bạn đã đi, thì không được nói cho biết, nói rằng không kịp bạn nên nói, có thể nhỏ ngưng càng nên có bạn thân, người có việc gấp phải đi, nên cung cấp cho lương thực, gửi gắm làm bạn. Luật tam Thiên nói rằng: Tỳ-kheo mới đến có thể cho mười việc:

1. Nên tránh cho phòng
2. Nên cung cấp đồ cần dùng
3. Sớm tới hỏi thăm
4. Lời nói theo thói quen
5. Nên dạy tránh điều trái
6. Nói thỉnh đến chỗ
7. Nói vâng theo lời tăng dạy
8. Nên nói việc Tỳ-kheo tên... Có thể ăn
9. Chỉ bày quan huyện cấm kỵ
10. Nói nơi chốn có cướp bóc.

Hai là nói về bốn nghi pháp hễ thành tựu điều lành thì có nguyên do, bằng giáo tướng mà tâm phát, tối tâm là nhân, hiển sáng là quả, nhờ vào hình dáng, nghi thức mà lập tông, chính là dựa vào lời nói Thân tử đều nêu xưa, truyền pháp khuôn phép cũng đề ra phương sách nên kể thẳng một, đưa đến dẫn riêng các pháp v.v... Luật Ngũ Phần chép: nếu bốn oai nghi không đúng như pháp. Chẳng phải đối với đời mà làm Đại Minh, luật Tăng-kỳ chép: nếu lúc thực hành xem bằng, lúc xa hợp thân khác. Trung A-hàm chép: Phật bảo Tỳ-kheo nương theo

cách của vua đi sẵn, nếu bình thản đáp y, trì bát vào thôn khát thực, khéo hộ trì thân, nhiếp giữ các căn, khát thực xong y bát thâu lại, rửa tay chân, vắt toạ cụ lên vai, đến chỗ không phải việc hoặc kinh hành ngồi thiền, lại vào đầu hôm kinh hành ngồi thiền, tịnh tâm trung chương rồi, vào lúc nửa đêm nhập thất, muốn nằm thì trải ưu-đa-la bốn lớp trên giường. Gấp tăng-già-lê làm gối, nghiêng hông bên phải mà nằm, nên đầu mặt hướng về chỗ tượng Phật, ý là tướng tướng sáng, gần sáng nhanh chóng dậy như pháp đầu hôm. Luật Tăng-kỳ chép: đầu hướng về y Ca-sa và Hòa-thượng, trưởng lão Tỳ-kheo, đầu đêm tư duy tự nghiệp, gối tay bên phải, thong thả tay trái, thuận theo trên thân, không xả niệm tuệ tư duy khởi tướng, còn lại như trên. Luật Thập Tụng chép: lúc có đèn sáng không được nằm. Kinh Tỳ-ni Mầu chép: lúc Tỳ-kheo muốn đi trước phải phải quét dọn trong phòng, y phục giường mền, sắp đặt đúng pháp, ở trong tùy nhau, lúc đó bạch với Hòa-thượng, A-xà-lê, nếu quá mười hạ có pháp sự thì sẽ có lợi ích. Tuy thầy không cho phép, tự đi không có lỗi, lúc ra ngoài chùa, hướng về chỗ đi, mới nên suy lường đi với bạn có giống chánh kiến hay chẳng? Bị bệnh có lo lắng cho nhau không? Như tâm con đã làm không? Có thuộc về oai nghi người thường hay không, có biếng nhác không? Vì lợi ích làm suy giảm, nếu nhất định người tốt cùng đi, lại hỏi đồng bạn, các thầy y bát cho đến tất cả vật tự mình không được quên, không cùng lại răn dạy thành thật, nay sẽ cùng đi, các ông lúc nói ít lời nhiếp giữ các căn, giữa đường nơi nào cũng thấy, đều khiến cho vui vẻ phát tâm tốt. Các vị hạ toạ đều chấp tay quỳ dôi đáp: như lời dạy vui mừng vâng làm, nếu có lúc nghĩ ngợi, Thượng toạ nên nhìn khắp, không để cho rơi vật. Hạ toạ thường ở trước, thượng toạ ở sau nói cho các hạ toạ, đều tự nhiếp tâm chớ để cho tán loạn. Hạ toạ bị bệnh, Thượng toạ nên nói pháp cho nghe khiến cho thiện tâm tương tục. Có tai nạn không được bỏ đi, dùng hết sức mình khiến cho được thoát khỏi, cho đến tự mình không có khả năng thì nên trước cửa Tỳ-kheo, đại thần, quốc vương mà quận huyện đàn-việt xem trọng, lo liệu khiến cho được giải thoát, chớ để cho chịu khổ. Luật Tăng-kỳ chép: lúc đi, trước đặt gót chân, sau đặt ngón chân, ở giữa đường đi muốn ngủ, sai tân Tỳ-kheo trước tìm chỗ ngủ, xin thức ăn trước ăn sau, nên bạch phi thời vào xóm được rồi trở lại báo cho biết, nên xoay vắn nhau vào bạch. Trí Luận chép: ra vào đến đi khoan thai nhất tâm, cất chân lên nhìn đất dưới chân mà đi, là tránh được loạn tâm, vì ủng hộ chúng sinh, là tướng bất thoái Bồ-tát. Luật Tăng-kỳ chép: không được ngồi như lạc đà ngồi. Nếu mệt mỏi nên thong thả bước từng bước, nằm ngửa là tu-la, nằm sấp là ngạ quỷ, nằm nghiêng bên trái như người tham dục, đều như pháp nêu ra trong quyển 3.

Kinh Tăng Nhất A-hàm chép: nay cho phép Tỳ-kheo trước dùng tay vin vào ghết, sau ngồi đây dạy dỗ.

Luật Thập Tụng chép: không bệnh không được nằm ban ngày, nếu ưa ngủ nên đứng dạy đi kinh hành.

Luật Thiện Kiến chép: lúc muốn ngủ, trước đối với sáu niệm, niệm liên tục, toạ pháp có hai: một là quỳ thẳng tức là hai đầu gối và hai ngón chân sát đất, hai quỳ xen nhau, gần đầu gối phải sát đất (đều có chỗ lợp).

Bộ Tam Thiên chép: không được ở trước Thượng toạ ngồi xỏm, ngồi xỏm có năm pháp:

1. Chân không giao nhau
2. Hai chân không được dựng lên
3. Không được rời chân, hai bàn tay động phần cuối hai chân
4. Không được chống một chân, bỳ một chân
5. Không được ngồi trên

Năm việc đúng như cách ngồi:

1. Không được dựa vào tường vách
2. Không được tay chống trước
3. Không được dựa khuỷu tay vào giường
4. Không được hai tay ôm đầu
5. Không được dùng tay chống gò má

Kinh Tỳ-ni Mầu chép: sao gọi là ngồi? Chúng tăng nhóm họp, chỉnh tề dung nghi y phục, ngồi kiết già, nghi thức đáng chiêm ngưỡng. Lại như người ngồi thiền, thường là thân không dao động, người ngắm không nhàm chán, người phân nhiều đầu gối hẹp, gặp Thượng toạ cũng như vậy, không nên rộng rãi buông lung.

Bộ Tam Thiên chép: không ngồi chung với ba thầy.

Luật Thập Tụng chép: Lúc nghe pháp Thượng toạ đến không nên đứng dậy. Hạ toạ đứng dậy phạm đột-cát-la. Nếu Hòa-thượng, A-xà-lê vì cung kính nên tự đứng dậy, người khác không tự đứng dậy phạm đột-cát-la, cho đến nghe pháp không được ngồi chung với Sa-di trên giường.

Bộ Tam Thiên chép: muốn lên giường có bảy cách:

1. Nên ngồi từ từ.
2. Không được thót lên giường.
3. Không được làm cho giường phát ra tiếng.
4. Không được giữ mạnh phát ra tiếng.
5. Không được thổi lớn, tiếng than thở lớn gấp, suy nghĩ việc đời.
6. Không được nằm chung với đàn chó.
7. Lúc dậy điều tiết, tâm khởi lên bất định, nên tự trách mình.

Lại nghe tiếng kiền-chuỳ, liền nên đắp ca-sa ra cửa đúng như pháp, hai là đối với ở ngoài giảng đường sửa Y ngay ngắn cõi mũ, ba là có tượng Phật đầu mặt làm lễ lui về lễ tăng, bốn là nên tụy theo lần lượt hướng về Thượng toạ, nên để sót chỗ cửa Thượng toạ, năm là tùy theo cách ngồi của Thượng toạ hoặc ngồi chồm hỏm.

Luật Thiện Kiến chép: Ngủ phải dậy sớm, tám gọi xong ngủ nghỉ đầu tóc liền dậy. Như xem trăng, sao, ánh sáng, ảnh làm giới hạn.

Bộ Tam Thiện chép: nằm trên đầu hướng về Phật, hai là không nằm ngấm Phật, ba là không được cả hai chân duỗi ra, bốn là nằm không được ngó mặt vào vách tường, lại không nằm sấp, năm là không được dựng đầu đối lên, phải lấy tay bắt vào hai chân dính với hai đầu gối.

Kinh Tỳ-ni Mẫu chép: Tỳ-kheo tham đắm ngủ nghỉ, phé bỏ chánh nghiệp, không còn hành đạo, kim cương lực sĩ quả trách.

Phật nói: người ăn cơm tín thì không nên biếng nhác, hai thời trong đêm nên ngồi thiền, tụng kinh, kinh hành, trong một thời để tự tiêu nghiệp, đó gọi là cách nằm.

Luật Tăng-kỳ chép: nằm như cách nằm của sư tử đầu đàn (như trước đã nói) không được ngủ đến mặt trời mọc, lúc gần sáng phải dậy, ngồi ngay ngắn tư duy nghiệp của mình.

---o0o---

## QUYỂN HẠ

### PHẦN 4

## THIỆN THỨ 26: CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH VÀ ĐƯA TIỀN LÚC QUA ĐỜI

Tự trung có hai: Như môn phân biệt, trong phần chăm sóc bệnh ở đầu lược chia làm bốn vị:

1. Ché ý.
2. Phân biệt người đúng sai, đồng thời cúng dường pháp.
3. Xếp đặt chỗ ở.
4. Nói pháp nhiếp niệm.

Ý nghĩa chế ra giới luật là để có dựa vào thân hình thì phần nhiều có phiền lụy, bốn đại trái nhau, sáu phủ thành bệnh. Nếu không mượn tướng để dắt dẫn thì mạng người mỏng manh không có chỗ nương nhờ, thế thì tình thế chuyển biến đầu đuôi khó khăn nhất, lúc khoẻ mạnh thì thân mật, lúc bệnh bị ruồng bỏ, thói quen thấp hèn, hằng tình chưa thể quên, cho nên Như lai xem xét sâu xa người và vật, biết thiện chưa sùng kính thì điều ác nhất định dẫn dắt nhau, nên phải gần gũi thăm viếng người bệnh. Cho nên trong luật Phật nói: các thầy không

chăm sóc lẫn nhau thì ai sẽ làm việc đó ? Cho đến Thế tôn vì người bệnh phải rửa ráy đồ đại tiểu tiện, rồi quét dọn chỗ nằm, cho thật sạch sẽ rồi trải y cho nằm. Liên lập ra điều chế rằng: từ nay về sau nên thăm hỏi người bệnh, Tỳ-kheo nên chăm sóc người bệnh, nếu muốn cúng dường cho tăng thì nên cúng dường cho người bệnh. Phạt là bậc đạt đến quả cùng tốt, còn ta cùng học với nhua trong tình nghĩa sâu xa, làm sao bỏ nhau được, cho đến chăm sóc người bệnh ý nói đồng với ở đây.

Hỏi: cúng dường người bệnh đồng với cúng dường Phật, vì sao?

Đáp: Vì lòng thương xót chăm sóc người bệnh, nhổ trừ gốc khổ thì được vui vẻ, là thực hành lòng từ đồng với Phật.

Lại luận rằng: Thuận theo ta nói gọi là cúng dường Phật, một người bạn gặp phải bệnh liền bỏ cuộc, không đến chỗ Phật đều kê lại nhân duyên. Phật quở trách bằng mọi cách rồi trở lại khiến cho thắm bệnh. Lại nói: người bị bệnh được tùy bệnh mà uống thuốc, săn sóc thì hết bệnh, không thì chết, cho nên phải ưa thích xem như nhiệm vụ của mình, khiến cho như pháp an ổn. Tức là thí mạng được công đức lớn, Chư Phật tán thành. Hai là trong loài người có bốn phân, nếu người có bệnh cho phép thừa hưởng hoặc đồng với Hòa-thượng, A-xà-lê, hoặc đệ tử từ thân đến sơ, nếu đều không phải thì chúng tăng nên cùng chăm sóc người bệnh, nếu không bằng lòng nên thứ lớp khác nhau, lại không bằng lòng thì đúng như pháp mà trị, nếu không có Tỳ-kheo, Sa-di, Ưu-bà-tắc, Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, Sa-di-ni, Ưu-bà-di, thì Tỳ-kheo việc gì có thể làm thì nên làm, không nên xúc phạm Tỳ-kheo.

Luật Tăng-kỳ, luật Thập tụng dạy: hai thầy đồng học đồng phòng, ở cạnh phòng, từ thân đến sơ săn sóc bệnh, tùy theo bệnh của người nhiều hay ít ở chỗ khác, nếu không chăm sóc người bệnh thì tất cả tăng đều mắc tội.

Luật Tăng-kỳ lại chép: giữa đường gặp người bệnh, Tỳ-kheo nên tìm cách đưa họ về, nếu bệnh nặng không phân biệt được, bất luận trâu cái, cỏ ngựa, nếu không có nên phải ở lại chăm sóc người bệnh, không có người chăm sóc làm nhà am, lấy củi lửa, chú ý thuốc com, lời nói, ông khéo an ủi, chúng tăng không được nhiều tháp thăm hỏi Hòa-thượng v.v... nói rằng: ở nơi đồng trống có Tỳ-kheo bệnh cùng đón đi về. Các Tỳ-kheo nói rằng: ở đây phần nhiều là chỗ có cọp nói e rằng ăn hết, tuy nghe không được không đi nên đến kia. Nếu chết cúng dường thì hài, nếu sống sẽ trở lại trong xóm lán cúng dường Tỳ-kheo, không có Tỳ-kheo bảo đàn-việt biết cho đến thăm, và cùng đón rước người bệnh cũng như trên. Nếu giữa đường gặp Tỳ-kheo-ni bệnh không được bỏ đi, cho đến đón rước như Tỳ-kheo, chỉ trừ tay xúc phạm, phải người thanh nữ làm xoa bóp thân thể, nếu chết dùng y bát họ mượn người hỏa táng, nếu người thế tục nghi ngờ nên chịu trách nhiệm đưa đi xa, còn ba chúng dưới y cứ theo đây, đều là từ hiệu lệnh của Phật, lý luận theo việc làm, rộng có yêu ma đều như luật đã nói, lần lượt nói về cung cấp năm phần pháp, không phải chỗ tịnh nhân cho phép



Tỳ-kheo tự rửa đồ dùng, chứa nước, khiến cho người vo gạo ở khoảng giữa, Tỳ-kheo đốt lửa cho cháy, càn theo tịnh nhân thọ trì với người bệnh.

Ngũ Bách Vấn chép: bệnh tùy theo núi đằm không phải chỗ người, giữa ngày không được qua lại, Tỳ-kheo được làm thức ăn.

Kinh Bảo Lương chép: người bệnh có chín pháp thành tựu thì phải chết bất ngờ:

1. Biết ăn chẳng có lợi ích mà tham ăn.
2. Không biết tính toán suy lường.
3. Ăn cơm chưa tiêu mà lại ăn nữa.
4. Cơm chưa tiêu mà lại ói ra.
5. Đã tiêu rồi nên đưa ra mà lại giữ .
6. Ăn không tùy theo bệnh.
7. Tùy theo bệnh ăn mà không tính lường.
8. Biếng nhác.
9. Không có trí tuệ.

Lại nói rằng: nếu người bệnh ngoài y bát còn thuốc men trực tiếp lấy để cung cấp, không có chúng tăng nên cho, nếu tăng không có, người kia có y bát quý giá, thì nên đổi để cung cấp cho người bệnh. Nếu người bệnh biết y bát không đồng ý trao đổi, bạch với tăng rồi nói lời dịu dàng thuyết pháp cho hiểu rộng rãi, sau đó mới trao đổi, nếu lại không có thì nên ra ngoài xin cho, nếu trong tăng lấy thức ăn ngon cho người nuôi bệnh, lại không được yêu tiếc, tự nghiệp mà không trông nom.

Luật Tứ Phần chép: người nuôi bệnh có năm đức cho đến nói pháp cho bệnh nghe, khiến họ được vui vẻ, thân mình đối với pháp không giảm, như trong y pháp.

Luật Thiện Kiến chép: nếu bị bệnh không thuốc thang, lấy hoa quả ăn uống cho người tìm đổi thuốc thang, không phạm còn lại như trong luật Tăng-kỳ quyển 36 nói rộng cách nuôi bệnh và cách chết.

Luật Thập Tụng chép: nên tùy theo người bệnh, phải hỏi nhân duyên của bệnh tìm thầy thuốc, hằng ngày đến bếp của tăng hỏi rằng có cho người bệnh ăn không? Nếu không lấy của tăng thì được cung cấp vật trong kho, không có thì phải ra ngoài xin, nên từ nơi tốt lành tên nghe phước đức là sự tìm tòi của Tỳ-kheo.

Luật Ngũ Phần chép: mỗi khi đến nấu được cháo nên hỏi? Đã để dành cháo cho người bệnh chưa? Nếu chưa thì trước để dành cho người bệnh, sau đó mới dọn cho tăng.

Luật Thập Tụng chép: người bệnh được thuốc, hết bệnh chỉ là trong Phật tăng bất tịnh, nắm sự ô uế sẵn có thừa, không nhận vốn có bên trong, đều vâng theo.

Kinh Thiện Sinh chép: chăm sóc người bệnh không nên sinh tâm nhàm chán, nếu tự mình không có vật thì ra ngoài xin, không được vay mượn vật của Tam bảo, đã nương theo pháp khác nhau thì bồi thường lại gấp mười lần.

Ngũ Bách Vấn chép: người nuôi bệnh đem vật của người bệnh vì người bệnh, cung cấp những thứ cần dùng không hỏi người bệnh, hoặc người bệnh khởi lên lời chê trách đều không nên chấp, nếu đã lấy thì nên thường lại, không thường lại phạm tội nặng, Tỳ-kheo bệnh ngặt nghèo không được đem ba y bình bát mà làm phước, nếu lấy dùng mà thay y bát cũ cho người bệnh thọ trì phạm tội đọa.

Luận Ma-đắc-lặc-già chép: máng nước không sạch thịt lẫn lộn với muối, nấu cho người bệnh chia ra bốn phần, nếu người bệnh không thể đến chỗ đại tiểu tiện nên đến chỗ gần đào hầm để cho đại tiểu tiện, nếu không đi được thì trong nhà đặt đồ dùng cho tiện, không làm giường được thì cho phép làm chỗ tiện xuyên qua giường, đồ dùng đặt ở dưới, không được khạc nhổ đờm ô uế nơi đất. Ba là sắp đặt chỗ ở.

Luật Tăng-kỳ chép: nếu Đại đức bệnh nên sắp đặt ở trong phòng tốt, ở nơi thoáng để cho đạo tục đến thăm viếng sinh tâm lành, đốt hương bôi dưới đất, để tiếp đãi khách đến thăm.

Luật Thập Tụng chép: người bệnh cho nằm trong phòng xa, cho chứa nhận nuôi bệnh. Theo bốn truyện của Trung quốc thì: góc Tây bắc của Kỳ-hoàn là phía mặt trời lặn xây dựng viện Vô thường, nếu có người bệnh sắp đặt ở đây, thường sinh tâm tham nhiễm thấy trong góc phòng y bát các thứ đầy đủ, sinh tâm luyến ái đăm trước, không sinh tâm nhàm chán, chế lệnh đến chỗ giảng đường khác, tên là Vô thường, người đến rất nhiều, một vài người trở lại thôi, ngay nơi việc mà câu chuyên tâm niệm pháp, trong giảng đường đặt một pho tượng Phật thép bằng vàng, mặt hướng về phía Tây, tay phải tượng đưa lên, tay trái buộc cờ phướn năm màu, bàn chân rũ xuống đất, nên đặt người bệnh ở sau tượng, tay trái cầm cờ phướn chân làm theo Phật, khởi ý nghĩ về cõi tịnh. Người nuôi bệnh đốt hương, rải hoa trang nghiêm cho người bệnh, cho đến nếu có phân nước tiểu, khạc nhổ đờm thì đều dọn sạch sẽ, cũng không có tội. truyền rằng: Vốn Phật thương xót cõi Ta-bà để tiếp dẫn chúng sinh, ý ở nơi chỗ bỏ dứt trừ phiền não, không chỉ trừ phân là xấu, các vị trời thấy nhân gian hôi nhơ, giống như người thấy nhà xí, mùi hôi khó nói, còn không cho là xấu, thường đến bảo vệ, hướng gì đức của Phật mà có tâm yêu ghét, nhưng có người quay về đều được cứu giúp. Cho đến vì người bệnh mà tùy cơ nói pháp, lúc qua đời thường ở chỗ Phật không được di chuyển. Bốn là nói pháp khuyên người làm lành.

Luật Thập Tụng chép: nên tùy thời đến chỗ người bệnh, nói pháp sâu xa về con đường phải, con đường trái cho họ nghe để phát ra trí tuệ, trước đã tập học hoặc ở chốn A-luyện-nhã tụng kinh, trừ luật, làm Pháp sư Luận sư, giúp đỡ các việc, tùy theo đó hiểu, thực hành mà khen ngợi. Nếu ở nơi A-lan-nhã phải nói lời dịu dàng, lời rộng rãi, sau đó bảo rằng: nay Đại đức bị bệnh nặng như thế, chỉ nên nhớ nghĩ điều lành, không sợ đường ác. Vì sao mình bệnh rồi, trước hạnh lớn

của hạnh đầu-đà, trong đệ tử Phật chỉ có ngài Ca-diếp, Thế Tôn ở trước chúng thường khen ngợi, cho đến bỏ tòa bỏ y, gần gũi Phật, vì hạnh cao quý bậc thánh cùng tôn trọng, việc làm của Đại đức nối tiếp dấu chân của bậc thánh, thì nhất định sinh vào chỗ lành, vì sao lo sợ chết đến, nhưng e rằng mất niệm quên duyên thói quen có sẵn, đây là huyền pháp, lại chớ suy ngẫm. Nếu người tụng kinh bảo rằng: Đại đức thường tụng kinh nào cho là chánh nghiệp, hoặc là thắng hạnh, thánh phạm đồng kính trọng chim anh vũ nghe Tứ đế, còn bảy lần trở lại sinh cõi trời, sau được dấu vết của đạo, phẩm lớn có nghe qua tại kinh Niết-bàn nói: Nghe hai chữ Thường Trụ còn không đọa đường ác, huống chi nương theo giáo pháp nói rộng, lỗi không làm quá mức. Vì sao có thể rơi lún xuống, nhất định sinh vào chỗ lành v.v... hoặc người trì luật nói rằng: Đại đức giữ giới cấm, thuận theo lời ngay thẳng của Phật, có thể vào đời tượng pháp, mật pháp, ghi lại sự hưng thịnh Tam bảo, chánh pháp được lâu dài do sự nhất tâm của Đại đức, người nay tai họa bệnh tật kéo dài, e rằng đến đời sau, làm người ai không chết, nhưng sợ chẳng phải thiện, Đại đức dùng pháp lành tự giữ gìn, đến nhiếp phục người khác, chư Phật tự khen ngợi đâu chỉ bằng lời nói, nhưng phải chuyên chỉ pháp Phật, còn lại không vọng theo duyên.

Hoặc Pháp sư nói rằng: do Đại đức nói pháp giáo hóa khiến cho các chúng sinh hiểu biết Tam bảo, Tứ đế, mắt mù được mở, tâm bệnh phá được ánh sáng, hiển bày Phật pháp, khiến cho đạo tu hành sinh lòng tin. Thật là nhờ năng lực của Đại đức.

Hoặc Thiên sư nói rằng: Phật pháp cao quý nói mà được thanh tịnh, như nói nhiều tụng nhiều. Lại nói không do miệng nói mà được thanh tịnh, như nói mà làm mới là Phật pháp, đại đức thuận theo chánh giáo của Phật, nương theo giáo lý mà tu, bên trong phá được ngã điên đảo, bên ngoài bỏ được chấp trước, đây trở thành chánh nhân chớ theo nghiệp trước này, như thế v.v... Tùy theo chỗ học đó được người đời sau ngợi khen. Hoặc người giúp đỡ các việc, nói rằng: Đại đức lo liệu việc tăng, đồng bạn với thánh, nên giòng họ vua Đạp-Bà, bỏ thân La-hán làm tăng biết việc, cầu pháp bền chắc, cho đến Ca-diếp trọn bần xây dựng năm tịnh xá, suốt đêm chặt củi cúng dường tăng thọ dụng, Thân tử được quét đất, Mục-liên đốt đèn, đều là đại La-hán, đâu có nghiệp ác, chỉ bày tăng làm phước tu. Hễ người ngu không biết đều bỏ, từ nghiệp giúp đỡ các việc, xong ruộng phước lớn của tăng không đồng với pháp Phật, như trong luận Thành Thật, các người dùng y để phụng thờ Phật. Phật liền cho tăng, con ở trong tăng do đó tăng tùy theo lời con, gọi là cúng dường Phật. Vì giải thoát gọi là cúng dường pháp, chúng tăng thọ dùng gọi là cúng dường tăng. Cúng dường tăng là đầy đủ ba qui y, cho nên biết là đức lớn của tăng, Đại đức đã thuận theo chánh mạng của Phật, lo liệu cho chúng tăng được Phật khen ngợi, còn là việc làm bậc nhất, vì sao người lại tăng thêm?

Kinh nói rằng: Nhớ đến tu phước, nghĩ về tịnh mạng, v.v...

Truyền rằng: người Trung quốc lúc chết bất luận đạo tục, bà con ở gần bên xem giữ, và khi căn thức chưa mất tác dụng thì xướng đọc những việc lành đã làm được suốt một khiến cho người bệnh trong tâm vui vẻ, không lo lắng đường trước, liền được chánh niệm không tán loạn, nên sinh về chỗ tốt lành. Trong Trí Luận chép: lúc sinh ra làm lành, lúc sắp chết khởi lên niệm ác, liền đọa vào đường ác, từ lúc sinh ra gây nên nghiệp ác, lúc sắp chết khởi lên niệm lành bèn sinh lên cõi trời.

Hỏi rằng: Qua đời trong khoảnh khắc làm sao thắng được hành nghiệp trong một đời?

Đáp: vì quyết thấu suốt cho nên xả các căn là việc gấp rút, có công năng chiêu cảm khổ vui, phải xếp đặt ở chỗ khác. Cho nên Ngũ Bách Vấn chép: Xưa, có Tỳ-kheo lúc quán tưởng dính mắc vào chiếc bát bằng đồng, lúc chết làm nga quý, lúc tăng chia vật, liền đến xin bát, thân hình giống như đám mây đen, bây giờ có người đăc đạo, lấy bát đem về, đã được bát rồi liền dùng lưới kiếm để dưới đất mà đi, các Tỳ-kheo lấy bát, để dứt được mùi hôi, nên phải đúc làm đồ dùng, vì mùi hôi không thể dùng được.

Lại có Tỳ-kheo yêu quý chiếc y mà chết, hóa thành con rắn v.v... như nói trước nên phải đổi chỗ là điều cốt yếu, tâm có lanh lợi chậm chạp, nghiệp có thô tế, tình có bỏ lầy, phải y theo chí nguyện, tùy theo sau kể lại. Hoặc nương vào Phật Vô Lượng Thọ ở phương Tây, hoặc Phật Di-lặc ở Đâu-suất, hoặc Phật Bản Sư Thích-ca ở Linh Thứu, hoặc thân với không phải người, vọng tự lập làm ngã, hoặc giống như tướng bên ngoài, có thật từ nơi không của trống rỗng, như đến chỗ ngọn lửa, thì không có tướng nước, hoặc nói chỉ là thức chẳng phải cảnh, chỉ là tâm làm thấy, đều tùy theo căn cơ giải thích mà dạy dỗ dẫn dắt.

Luật Tứ Phần chép: nên hỏi người bệnh, giữ y nào? Người bệnh kia nhận y bát không tốt và đưa cho người khác, e rằng người nuôi bệnh được, nên y theo nói rằng: đây ba y bát đầy đủ, Phật cho phép chứa, có người đắp mặc, nhờ nhân duyên xuất thế, cho đến đời vị lai thọ sinh thường đắp mặc ba y mà sinh ra, như Tỳ-kheo Diện Vương không biết giữ gìn y bát, toạ cụ như thế nào, nên được chỉ bày bèn lấy đắp mặc, hiện tại vị lai được Phật khen ngợi, hoặc thấy tâm không tham vật. Người có ý chí lớn bảo rằng: y vật v.v... này đều là huyễn có, Đại đức chứa nhóm đã lâu làm thêm mệt nhọc, và đến lúc bệnh khổ mắt xem không cứu giúp được, cho đến thoát khỏi sự chết, cũng không có một vật theo thân. Đại đức sinh từ thai mà ra cũng không đem theo một tài vật nào, giải thoát đến đời sau, cũng không đem theo.

Kinh chép: Thuở xưa quốc vương bị vật báu lừa dối, đến lúc sắp chết không có một vật nào theo thân, có thể không thật u? Chẳng phải lo lắng, suy nghĩ sự huyễn giả tiền tài, chỉ cần giữ được nghiệp thù thắng mà thôi, cũng không cần cựa gửi gắm của người khác, đây là hành động sai lầm, nét mặt cuối cùng chẳng phải đưa đến cách chết của Đại đức chỉ dùng lời Phật, triệu khắp ngàn Thánh mười phương, đại chúng Yết-ma chia đúng như pháp thọ dùng, khiến cho Đại

đức nương vào công sức này, chắc chắn sinh về chỗ lành, đây là sắc lệnh của Phật, có thể không tốt, các thứ như vậy, lời nói dịu dàng can ngăn, không được trái nghịch, lại chẳng phải thuận theo ý, vì lúc sắp chết vọng nghiệp đua nhau nhóm họp, phần nhiều không hợp chí, đây là thời gian rất quan trọng, thiện ác, thăng trầm cách nhau như trời và đất, nên tay cầm quyền kinh này nêu bày danh hiệu, lại đem tượng Phật, đối với nhau quán sát kỹ, thường nói lời tốt, chớ truyền việc đời.

Bài kệ trong kinh Hoa Nghiêm chép: lại phát ra ánh sáng gọi là trang nghiêm, ánh sáng kia giác ngộ lúc qua đời, thấy được họ lúc chết khuyên niệm lành, nhờ đó mà sinh trước Chư Phật, lại tỏ rõ tôn tượng chiêm ngưỡng tôn kính, lại khiến cho quy y Phật, nhân đó được thành tựu ánh sáng thanh tịnh, lại thỉnh Đại đức thực hành, người trí thường đến chỉ bày dẫn dắt.

Luật Thiện Kiến chép: Chăm sóc người bệnh, khen ngợi người bệnh rằng: Trưởng lão trì giới đầy đủ, chớ luyến tiếc trụ xứ và y vật, người quen bạn thân, chỉ nên nhớ nghĩ Tam bảo, và nghĩ thân bất tịnh, ở trong ba cõi, cẩn thận chớ biếng nhác, tùy theo mạng sống dài ngắn mà làm, v.v...

Luật Tăng-kỳ Ni Mâu chép: người bệnh không nghe lời của người nuôi bệnh, trái với ý của người nuôi bệnh, đều phạm Đột-cát-la.

Phải nương theo sự đoán đo trước, không được tha hồ tùy ý, nếu lúc chết đánh khánh vô thường. Hai là nói về cách chôn cất người chết, nhưng pháp của tăng nghi thức, xa còn xuất li, việc chôn cất người chết theo thói quen bày ra chôn dày, nếu riêng tinh táo, tuy theo lúc thì lỗi thành không nở, ắt sẽ hư phí trang sức, sẽ đồng với nghi thức thế gian, nay nên bỏ sự bình yên, bỏ đi quy ước, mục đích là tồn tại sinh thiện, tựu trung chia làm hai:

Đầu tiên là đưa thầy chết ra, hai là nói về cách chôn, trong cách đầu nên đem theo tượng Phật để trước xe thầy người chết, đặt ở trước hành lang nhà, bên ngoài để bao vây chặn lại từ từ, bên trong liệm vào áo quan bằng lụa che thầy người chết, nên lấy cây tre làm cột, trên dùng áo thô đậy thầy người chết lại. Giường của Hòa-thượng, A-xà-lê ngồi ở bên ngoài, nghĩ người khách đến viếng an ủi, đồng học đệ tử, v.v... nhỏ đứng trên vải cỏ, lớn thì ngồi trên cỏ gần bên thầy người chết. Bộ Ngũ Bách Vấn chép: Thầy viên tịch không được khóc ra tiếng, chỉ nên khóc nhỏ mà thôi.

Luật Tứ Phần Ni chép: đấm ngực khóc sụt mướt, mỗi mỗi đều phạm xả đọa, Tỳ-kheo phạm đột-cát-la, nếu y theo Thế Tôn diệt độ ở Song Lâm chưa là được ham muốn, xoay vần ở dưới đất, đấm ngực khóc lớn, đây đều buồn rầu sâu xa không tinh ngộ, từ thân cũ mà thôi, sẽ đem đến sự chê cười cho thế gian. Nếu người tiết tháo cao thượng hơn mọi người thì do đây mà thanh cao, nên không phải cuộc thế tình, nhất định theo tình mừng giận, tùy theo thói quen chùn nổi, đến cha mẹ, hai thầy qua đời mà giữ họ không đến, tuy đến nhưng không mở lòng thương xót nỗi khổ của họ, cũng đạo đức đồng hồ thẹn, người khác bên ngoài đến viếng người nhỏ mắt, đến đã thiết lễ của thầy người chết, nắm tay đệ

tử an ủi. Nếu người vợ vàng để tang đến, đến thẳng chỗ thầy người chết lễ lạy, mờ lòng thương xót rồi thứ lớp nương theo ngôi thứ, nếu Đại đức

Thượng tọa đến viếng, nương vào oai nghi cũ, tùy theo lúc ngồi đứng, Luật Ngũ Phần chép: thầy người chết dùng y trùm gốc. Ngũ Bách Vấn chép: nên trước bạch với tăng, lấy nê-hoàn và Tăng-kỳ-chi của người chết đắp lên thầy người chết mà đưa đi, không được lễ quá năm tiền tội nặng, nếu sư tăng, đệ tử đồng học, phải ra trước quan tài đưa đi chôn, nếu vô thường chúng tăng người khác, đều vợ vét ít của cải cúng dường xá lợi, lại không phải người tha thứ cho người mất, y tạm thời đem xác trở lại, trở lại gấp nhiều lần, Yết-ma rời bạch tăng xong, đem thi hài lên xe nhẹ nhàng thăm viếng, trên bày ra rõ ràng, chung quanh vòng quần, bốn người nâng lên dẫn đường theo.

Kinh Tỳ-ni Mâu chép: chúng tăng cả chùa đều đưa đến chỗ chôn. Hai là nói bốn cách an táng của người Trung quốc: Thủy táng thì bỏ xuống sông cho trôi đi, hỏa táng thì dùng lửa đốt, thổ táng thì chôn dưới đất, lâm táng thì bỏ ở chỗ hoang vắng cho chim cất, hổ ăn thịt. Trong luật nói về hai cách an táng là hỏa táng và lâm táng, cũng có người chôn.

Luật Ngũ Phần chép: Thấy người chết nên chôn, nếu hỏa thiêu thì để trên đá không được đặt trên cỏ.

Luật Tăng-kỳ trình bày: nếu hông bên phải dính đất Niết-bàn, lại nói: nếu người chết thì muốn người hỏa táng.

Luật Thập Tụng chép: có Tỳ-kheo chết trong rừng bị chim mổ bụng, vỡ bụng loài tiền ra.

Luật Tứ Phần chép: Như lai, Luân vương hỏa táng, cho nên hỏa táng thì sẽ tàn lụi, muốn người xoay vần y cứ theo thì được.

Luật Tăng-kỳ chép: trong năm chúng của Thế tôn được xây tháp, từ tiểu Sa-di-ni trở lên đều được lễ trên ngôi mộ Thượng tọa.

Luật Tăng-kỳ chép: pháp sư trì luật, Tỳ-kheo làm việc, Tỳ-kheo đức vọng nên xây tháp.

Tướng luân: treo cờ lọng đặt ở chỗ tử vắng, không được làm ở chỗ kinh hành, nhiều người qua lại, nếu trái thì kết tội. Nếu chúng tăng không cho phép thì dạy khiến cho hoà hợp rồi làm.

Kinh Tăng Nhất chép: các Đức Như lai tự khiêng một góc giường của mẹ, A-nan, La-vân, v.v... A-la-hán đều nâng một chân, không để cho người khác khiêng thế, vì báo ân nên cho phép việc này. Hoà thượng A-xà-lê nuôi lớn pháp thân, cha, mẹ, anh, chị nuôi lớn sinh thân, thân mình tự ôm thầy chết mà đưa đi ân đức đâu thể hết.

Luật Thiện Kiến chép: không được đưa cho người tại gia mai táng, trừ vì quán vô thường, nếu tay nắm tử thi của mẹ tắm liệm không mắc tội, thánh giáo như

đây sẽ cho phép làm, lý cần phải lường theo căn cơ có thể đảm đương trong lúc này.

---o0o---

## THIÊN THỨ 27: CÁC HẠNH QUAN TRỌNG

(nghĩa là chánh nghiệp xuất thế v.v... là chỗ nương của Tỳ-kheo)

Sun la muôn cảnh việc gì chẳng giữ gìn, xem thường không hành trì bao hàm sự trách cứ sâu kín, cần mỗi việc khởi lên các thứ khuyên bảo, khuyên bảo nhất định làm. Lý cần phải biết rõ, hoặc do con đường thuộc về nhau, đầy đủ trên các môn, loại riêng gồm thâu là ba bộ dưới, lấy bên ngoài nhiều loại đức và nói, việc lật vạt lôn xộn rối loạn, phiền toái văn hợp thành khác với ở đây, trong nhiều việc lộn xộn phép tắc dẫn dắt là môn đầu tiên, ắt đều tu thánh hành theo lý, nên xem rộng khắp, thì đạt khắp các phương mà không hèn nhất, được chia ra mười thứ:

1. Phật pháp tăng
2. Các việc trong chúng
3. Người khác tự làm
4. Cùng hành đồng pháp
5. Việc quan trọng của người xuất gia
6. Pháp gặp giặc
7. Pháp đại tiểu tiện
8. Pháp thương xót cứu giúp súc sinh
9. Pháp chúng sinh tránh được việc ác
10. Pháp trị các thứ bệnh.

Trong Trí luận, Bồ-tát nói: ngày ba đêm ba thường làm ba việc, một là trong sạch vén y bày vai bên phải chấp tay lễ Chư Phật mười phương nói rằng: Con tên... . tội của ba đời, ba nghiệp, nguyện khiến cho dứt trừ, không làm lại nữa. Hai là mười phương ba đời Chư Phật, công đức nguyện tùy hỷ khuyên giúp. Ba là khuyên thỉnh Chư Phật mười phương xoay bánh xe pháp lần đầu lâu dài, đối với thế gian thực hành ba hạnh này công đức không lường được.

Luận Tát-bà-đa chép: không được đeo hoa, hương anh lạc dạng cụ trang nghiêm trên thân Phật, được rải dưới đất cúng dường, tăng cũng như vậy, không được để hương, hoa, trên thức ăn, nước uống để cúng dường tăng.

Ngũ Bách Vấn chép: trước thượng phước Phật được lấy làm, còn Phật sự hoặc thí chủ không cho không được làm.

Luân Tát-bà-đa chép: hoặc thức ăn là tuổi của Phật v.v... trước năm lấy sau mua được ăn, vì lúc năm lấy không ngừng suy nghĩ.

Luật Thập Tụng chép: nên biết việc của tăng, người nên đi tuần tăng phường, trước sửa sang tháp, lần lượt việc của bốn phương tăng, thường làm là nghĩ xin cho các Tỳ-kheo chưa đến, đã đến cung cấp bốn thứ cần dùng, không để cho thiếu thốn, dạy dỗ Sa-di, sai người cũng vậy.

Luật Thiện Kiến chép: hoặc hiềm nghi tháp chùa và các hình tượng gây trở ngại, bỏ diệt ở chỗ khác, như thuộc về người xấu, ở trong người xấu trái với phần của chúng sinh, bị thượng phẩm trị, luận câu-xá cũng vậy.

Trí luận chép: một người cho là tháp Phật xấu nên huỷ hoại, lại thích được làm phước, một người cho là tháp Phật khéo nên huỷ hoại, lại thích được làm phước.

Trí luận chép: người cúng dường nói pháp là cúng dường pháp bảo.

Luật Thập Tụng chép: người cúng dường nói pháp là cúng dường Tam bảo, quét dọn giảng đường, phòng nhà, trái giường sạch sẽ, trái cây uống ăn nhiều lộn xộn thì nên búng ngón tay, Sa-di nhiều, nên lập một Sa-di phân xử và xử trí, Sa-di tịnh nhân nhiều, chịu khó có thể phân xử, lập làm người đứng đầu,

Luật Tăng-kỳ chép: nếu đất của tăng trồng cây ăn trái. Người có công, hoặc một vườn cho phép, và vừa chín không thể cùng lấy, mỗi năm lấy một cành cây, khắp một cành cây thì dừng lại, nếu trồng dưa, rau và cắt.

Luật Ngũ Phần nói: nếu đúng tháng xem xét thức ăn, muốn biết sống, chín, mặn chua, được để trong lòng bàn tay dùng lưới nếm. Nếu người tại gia vào chùa, nên mượn ngọ cụ của tăng mà dùng, tăng có năm vật không thể mua, không thể bán, không thể chia: 1/ đất, 2/ phòng nhà, 3/ vật cần cùng, / cây có quả, / hoa quả.

Luật Tăng-kỳ chép: ruộng đất của tăng đang dùng, tất cả tăng nhóm họp cũng không được bán, không được mượn người, nếu thọ dụng riêng phạm tội việT Tỳ-ni (đều kể tổn phí vật phạm tội nặng). Nếu ruộng vườn tốt xấu người xâm lấn, nói vốn là của thí chủ dùng, thay đổi dễ dàng, giường ngọ cụ của tăng cũng như vậy.

Luật Tứ Phần chép: vật của tăng không nên mua bán phân chia, về mình rồi phạm thâm-lan-giá.

Luật Tăng-kỳ chép: hoặc ngày Phật đản, ngày chuyển pháp luân, ngày hoặc đại hội, thường đưa ra cờ xí lọng báu cúng dường Chi-đề, nếu cuối cùng gió đưa tất cả cùng gom góp lại, không được nói rằng: con là hành nhân đại đức v.v... nên tùy theo gần phòng để ở yên một chỗ, không được giữ phòng, phải hăng hái nêu ra, vì sao các ông nương theo là được sống, nếu lúc sửa sang giường mền đánh kiền-chùy, không được đi từ từ, nên cùng sửa sang lại, không được nói rằng: có đức hạnh.

Kinh Tỳ-ni Mẫu chép: Nếu sửa tháp thờ tăng, sửa sang phòng tăng người tính công nên trả bằng giá tiền, đều cần thì tính toán, so lường, trái với pháp mắc tội, tổn hại người thêm lợi ích. Nếu người kia bị bệnh có lòng thương xót, ban bố



thức ăn mắc tội, tùy theo thích hợp của bệnh, v.v... đem lòng thương xót ban bố cho họ, chớ trông mong quả báo về sau: Hai là trong chúng việc lật vật, pháp vào các giảng đường, trước phải bên ngoài cửa, yên vui tịnh tâm, trong luật nói rằng: nên dùng năm pháp: một là đem lòng thương xót (do tăng chung với Thánh phàm bước đi thô tế, chúng phải yêu thương kính trọng gọi là trọng pháp tôn kính người). Nên từ ở bậc thấp hơn như lau bụi khăn, (đối với người khác dẫn quanh co để hướng về mình, thường tỉnh lỗi mình, không khen tụng sự thiếu sót của người kia). Ba là nên biết ngồi đứng, nếu thấy Thượng tọa không nên ngồi yên, nếu thấy hạ tọa không nên đứng dậy (người nên đối với chúng cúi đầu đúng với thời). Bốn người kia ở trong tăng không được nói bàn lộn xộn việc thế tục, hoặc tự mình nói pháp, hoặc thỉnh người khác nói pháp (chúng nương vào pháp, hoạt động sẽ có cách). Năm là thấy trong tăng có việc không thể làm được tâm không yên chịu, thì nên yên lặng (do bạn bất thiện nêu ra chướng ngại phi thời, nên ôm lòng chịu đựng im lặng, quyền đóng với tăng dùng).

Luật Thiện Kiến chép: Ưu-ba-ly ngồi trên cao lấy ngà voi giả làm cái quạt, hết pháp tạng xong bỏ quạt, hạ tọa lễ tăng rồi lại ngồi.

Trí Luận chép: nếu muốn nói pháp trước lễ tăng rồi ngồi lên tòa sư tử.

Luật Tăng-kỳ chép: nếu là Luật sư, Pháp sư đến tòa sư tử, rải hoa khoảng trên rǔ bỏ không được ngồi, đánh tịnh pháp, Duy ra trước ở ngoài cửa đầy đủ oai nghi nghiêm chỉnh, chỗ gần cửa đối diện người, rồi đến đánh, đứng chấp tay, tay phải lấy chùy dựng lên, nghĩ rǎn đe xong, sau đó đánh một tiếng không được có âm vang nặng nề. Vừa mới nằm đánh tay từ đuôi dùi trống, sau đó chấp tay có một chút khởi bạch. Nếu có đặt ra và chú nguyện xuống bảo... “được”..., Duy na mở miệng nói duyên có, không được đánh chậm cho là việc đúng, trừ đi là nhiều lộn xộn một người khác tự làm.

Luật Thập Tụng chép: Thượng tọa không học giới, không thể dùng thời gian siêng năng khen ngợi, con thấy lỗi của Thượng tọa như vậy, nên không khen ngợi, e rằng còn sự học tập lớn, đêm dài chịu khổ.

Luật Ngũ Phần chép: vì biết khác nhau, lần lượt sẽ học đủ các sách, không được vì ưa thế gian bỏ chánh nghiệp, không cho phép bói tướng và hỏi về sự lành dữ.

Luật Tứ Phần chép: ban đầu học tụng học sách và học luận của thế gian, vì để đối phó ngoại đạo, trong pháp lộn xộn, nên người mới học Tỳ-kheo bắt đầu học tính pháp.

Luật Thập Tụng chép: có bốn loại thứ lớp: 1/ lên tòa, 2/ tóc dài, 3/ trước giới đầu, 4/ có duyên sự muốn đi đều cạo trước.

Luận Tỳ-ni Mâu chép: Tỳ-kheo không được cạo tóc cho người tại gia, trừ người muốn xuất gia, nếu đầu tóc rất dài, hoặc hai tháng hoặc rộng như hai ngón tay cạo một lần, móng tay dài như một hạt lúa mạch thì phải cắt không được dùng kéo dao cắt tóc, cho phép chứa nhiều đồ đựng tóc.

Luật Thập Tụng chép: Tóc nên chôn trong hố.

Kinh Niết-bàn chép: đầu tóc, râu móng đều tăng thêm lợi tướng của phá giới.

Kinh Tăng Nhất chép: Phạt bảo Tỳ-kheo: Sa-môn xuất gia có năm pháp hủy nhục, 1/ đầu tóc dài, 2/ móng tay dài, 3/ quần áo dơ bẩn, 4/ không biết thời nghi, 5/ thường bàn luận.

Do đây lại sinh ra năm lỗi: 1/ người không tin lời nói, 2/ không nghe lời/ 3/ không vui vẻ gặp, 4/ nói dối, 5/ đấu loạn kia đây, nên học như vậy.

Luật Tứ Phần nói: Thích đến nhà người tại gia có năm lỗi:

1. Không dặn dò Tỳ-kheo mà vào xóm.
2. Ham muốn người nam người nữ ngồi chung.
3. Ngồi một mình.
4. Ở chỗ che khuất.
5. Nói pháp cho người nữ quá hạn.

Lại có năm lỗi:

1. Thường thấy người nữ.
2. Đã thấy nhau liền gần gũi.
3. Càng trở nên thân thiết nồng hậu.
4. Liền sinh ra ham muốn.
5. Vì ý ham muốn có khí đến chết.

Nếu lần lượt chết khổ năm loại không nên làm thân thiết nồng hậu. Hoặc người tranh luận nhau, hoặc thích du hành không dừng, không nói pháp cho họ nghe, nói chỉ dạy cho người thiện ác.

Luận Thành Thật chép: người xuất gia bỏ năm điều lẩn tiếc: lẩn tiếc tài vật, lẩn tiếc chánh pháp, lẩn tiếc nhà cửa, lẩn tiếc chỗ ở, lẩn tiếc sự khen ngợi, tương rộng như trong luận kia.

Luật Tứ Phần chép: thế gian có năm thứ quý báu khó được:

1. Gặp Phật ra đời.
2. Nghe Phật nói pháp.
3. Nghe mà hiểu rõ.
4. Đúng như pháp thực hành
5. Được lòng tin vui vẻ

Mười luan mười việc không thành tựu, thiện pháp đả trước, lời nói phục dịch, các thứ ngủ nghỉ, đã cầu và dùng sáu trần chỉ vì lợi dưỡng, phần nhiều các tội lỗi, cho đến đọa vào ngục A-tỳ. Con nghe Tỳ-kheo thanh tịnh thọ cúng dường

bạc nhất. Nếu Tỳ-kheo ngồi thiền còn thiếu các vật dụng chỉ nhớ các điều ác, nếu các duyên đầy đủ, tâm được chuyên nhất.

Luật Tứ Phần chép: không được ở chỗ mua bán, bói xem tưng chú, phương cách trị bệnh v.v... vì lo việc không thật, chê bai người tốt, Lahán còn chán bỏ việc không đúng, huống chi là phạm phu ư?

Trong luật chép: hễ có nói ra lời thệ thì nên nói, “nếu tôi có làm việc ấy thì nam-mô Phật, nếu ông làm việc ấy cũng nam-mô Phật”, không được nói các thứ địa ngục, v.v...

Kinh Tăng Nhất chép: nếu có người làm sợ hãi, nên niệm pháp, các Như lai và thánh chúng thì đều trừ diệt.

Luật Ngũ Phần chép: không có duyên sự vào chùa ni mỗi bước phạm một tội đọa.

Ngũ Bách Vấn chép: có duyên có, có ni giới, được ngủ nhưng không được vào phòng.

Luật Tứ Phần nói: không dùng nhánh dương xỉ răng có năm lỗi:

miệng hôi, không khéo phân biệt mùi vị, không tiêu được chất nóng lạnh, không phân biệt được thức ăn, mắt không được sáng.

Luật Ngũ Phần chép: dùng nhánh dương xỉ răng rồi nên rửa sạch rồi bỏ, vì trúng ăn nhầm là chết.

Luật Tứ Phần nói: ba việc là chỗ bỏ đồ, đại tiêu tiện, dùng nhánh dương xỉ răng, và kinh hành có năm lợi ích: chịu đi xa, có thể suy nghĩ, pháp lành ít bệnh, tiêu hóa đồ ăn uống, được định lâu dài.

Luật Thập Tụng chép: nếu kinh hành nên đi thẳng, không được đi chậm, nhanh, vẽ dưới đất làm tướng, cũng có khi đi kinh hành trong giảng đường, nhà khách.

Bộ Tam Thiên chép: một là ở chỗ nhàn rồi, hai là ở trước cửa, ba là ở trước giảng đường, bốn là ở dưới tháp, năm là ở dưới nhà khách, năm chỗ để kinh hành.

Luật Tăng-kỳ chép: cách đốt đèn, không được bỗng nhiên đem vào phòng phải xướng rằng: các Đại đức tôi muốn đem đèn vào, cho đến tắt đèn cũng vậy, trước dùng tay che nói, không được dùng miệng thổi, tay quạt, y quạt, nên bẻ gập đầu đang cháy bỏ, dầu nhiều được trọn đêm, mỗi việc như trong quyển 3.

Bộ Ngũ Bách Vấn chép: nối tiếp ánh sáng của Phật ban ngày không được tắt, Phật trong vô minh tối tăm, vì vốn nói không biết suy nghĩ đều giới hạn nên tắt thì có tội.

Trong kinh Hiền Ngu chép: Mục-liên biết ban ngày chỉ khi vào tắt đèn.

Luật Ngũ Phần chép: nếu ban cho em bé, ban cho chó, ban cho chim thì nên lượng rồi ăn nhiều ít lấy chia, sau đó bớt ăn, không được lấy chia ban cho ban ngày.

Luật Tứ Phần chép: nếu lúc ăn, hoặc người, không phải người thì nên cho một nắm cơm.

Kinh Tỳ-ni Mẩu chép: nếu người không có lương thực đến chùa xin ăn các loài như trẻ con, người bị tù, đàn bà mang thai, v.v... mình bố thí không có lỗi, Tỳ-kheo nên học.

Luật Tăng-kỳ chép: đốt lửa có bảy việc không được lợi ích: 1/ hư mắt, 2/ nhan sắc xấu xí, 3/ thân gầy yếu, 4/ làm như nhóp y, 5/ ngọạ cụ hư hỏng, 6/ sinh ra các duyên phạm giới, 7/ nói thêm những lời tục.

Kinh Tuyển Tập Bách Duyên chép: quét đất có năm đức:

- 1/ Tự mình dứt bỏ được tâm dơ bẩn,
- 2/ Cũng dứt được dơ bẩn cho người,
- 3/ Bỏ tâm kiêu mạn,
- 4/ Điều phục được tâm,
- 5/ Làm cho công đức thêm lớn sinh về chỗ lành.

Bốn cùng thực hành đồng pháp, cái gọi là tụng trì chưa hẳn là phải nhiều, Đạo quý được trọng mà thân dụng chẳng chuẩn, có mạnh yếu lẫn nhau, có người nghe tụng rất nhiều, đối với nghĩa thì không rõ, cho nên vào đạo chậm chạp.

Cho nên kinh Niết-bàn chép: thà dùng ít nghe nhiều hiểu rõ nghĩa thâm thía.

Luật Thập Tụng chép: Phật pháp quý ở chỗ đúng như pháp mà thực hành, không quý ở chỗ đọc nhiều tụng nhiều, đã biết như thế, xin y theo người xưa đã dạy rằng: tụng Thắng Phát một quyển, nhiếp hết tất cả căn bản của Phật pháp (Như lai Tạng một quyển cũng đồng hướng về liền tục). Giới bốn một quyển, nhiếp hết tất cả, hạnh chỉ trì dứt (người xuất gia ban đầu thọ là đã Phật chế tức là tụng).

Yết-ma một quyển, nhiếp hết tất cả pháp tác trì (năm hạ trở lên không tụng được thì suốt đời không lìa y chỉ). Do đạo có căn bản hành riêng chỉ trì tác trì, tụng ba quyển này, xin nhiếp được giềng mối của Phật pháp, các bộ kinh tạng lớn khác nhất định phải đọc rộng, có thấy rộng lớn, cũng sửa sang giúp đỡ tâm hành, giúp cho đạo nghiệp, không để cho phân tán.

Trong thế tục có Yếu Lãm một quyển mười thiên, đều nói về pháp chí hạnh của người, cũng có thể giờ sách ra đọc, tuy không nương theo văn sinh ra kiến nghị nào do thói quen mới vào đạo, vốn bỏ ở lỗi lầm đã phạm, lúc đã lớn khôn, thì ngời thiên hỏi nghĩa, thỉnh giải thích các thứ khác... nếu nghe nhiều nghĩa thì chẳng phải chỗ luận này, thì sinh ra mà biết ở trên.

Bộ Tam Thiên chép: nghiệp của Sa-môn tụng kinh làm chỉ có sinh, chỉ có tử, hoặc có khốn cùng của sự chịu khổ.

Luật Thập Tụng chép: Tương lai người sợ hãi, nói pháp chẳng có lòng thương xót, thọ trì không lợi, thích pháp của thế gian, trang nghiêm chương cú, v.v...

Luật Thiện Kiến chép: nếu thầy do sự nghe luật tạng và nghĩa rộng phân tán, năm khác nên thọ chẳng phải một lỗi, phúng tụng thông lợi thì gọi là Luật sư cung kính đối với luật, Phật tạng năm hạ về trước thì học luật tạng, năm hạ trở lên đều biết nên học nhân pháp vô ngã.

Luật Thiện Kiến chép: vì sao học luật gọi là đọc tụng hiểu nghĩa, phần nhiều nói trong: hễ hiển bày đức có hai: 1/ danh lợi, 2/ Phật pháp, chúng sinh. Tùy theo lúc tự tại không bị chướng ngại.

Luật Thập Tụng chép: Dứt bỏ được nghi cho nên được hiện tại thông với bậc Thánh, năm yếu nghiệp của xuất gia, hai chúng đạo tục, phước trí tu khác nhau, lý phải biết chia đều, chỉ biết thông cuộc, chẳng gọi là phước trí, cả hai khác nhau, đạo tục thực hành khác nhau, nhưng do thói quen ràng buộc phần nhiều tình nghiệp khó kế thừa, cửa đạo rảnh sang vui vẻ, chuyển nhất thẳng hạnh, cho nên chia ra hai đường, sẽ y cứ theo hai con đường thông, đều cả hai vừa lòng.

Nay vả lại cả hai nói: người xuất gia lấy thân giới tâm tuệ làm gốc, không được tạo lập kinh tượng chùa nhà, v.v... nghiệp lung tung không thứ lớp, nên chỉ được dạy trao pháp tắc khuyến hóa người thế tục, có việc để làm, suốt ngày tôi do chấp theo thường khác nhau, nếu trái nghịch với pháp thì lộn xộn, làm trái ngược phép chế định của bậc thánh gọi là diệt Phật pháp, đều ở phần mình giúp đỡ nhau của cải, thành là kẻ sĩ trụ trì, người thế tục lấy vàng đá, đất cây, răng, sừng, vãi vóc mà làm tượng Phật, đạo nhân tu năm phần pháp thân, học ba hạnh của Phật gọi là tạc tượng (nghĩa là thế gian lấy việc hành đạo do pháp tạo lập). Thế gian lấy giấy trắng, tre lụa, viết mực sao chép để làm quyển kinh, người tu đạo lý văn tự tu tuệ làm tạo pháp, thế gian lấy cỏ cây tường chũ mà dùng để xây chùa, người tu đạo bồ-đề Bát-nhã trí tuệ cung điện muôn hạnh. Chỗ ở nhà Đại thừa làm chùa, tuy hình sự giao nhau mà ý người tu đạo cách biệt xa xôi. Không thể loạn nghiệp mà lộn xộn liên can nhau, người có thể giữ gìn thì biết là cốt yếu, đều thực hành tốt đẹp, hết sức mà không đạt tới, đều theo bản nghiệp. Phần trên người xưa đã để lại, nay dẫn văn làm chứng.

Trí luận chép: người xuất gia phần nhiều tu trí tuệ, trí tuệ là nhân duyên của sự giải thoát, người thế gian phần nhiều tu phước đức, phước đức là nhân duyên của sự vui vẻ. (Nên biết là vui vẻ chẳng phải bản ý của xuất gia).

Luật Tăng-kỳ chép: cúng dường xá-lợi, xây dựng chùa tháp chẳng phải là việc làm của chúng tăng; Quốc vương cư sĩ kia là người thích làm phước, tự nên cúng dường, việc của Tỳ-kheo, cái gọi là kết tập ba tạng, chờ để cho Phật pháp mau chóng bị hoại diệt. Tức là người ban đầu thọ giới bản hẹn rằng; nên khuyến hóa làm phước sửa tháp, cúng dường chúng tăng (đây là phần của phước). Nên

học hỏi tụng kinh, siêng năng cầu quả thánh. (Đây là phần của đạo). Trước sau cả hai, tu hai đường, ý khác nhau. Sáu là pháp gặp giặc.

Luật Tứ phần chép: bị giặc cướp bóc không được để lộ thân ra ngoài mắc tội, nên lấy cỏ mềm hoặc lá cây che thân, nên lấy y dư mặc vào, nếu không có mà biết phải trong tăng, giữa tìm y đắp, không có thì nên hỏi có ngọa cụ không, có thì nên cho, nếu không cho thì tự mở kho lấy đệm chăn phơi bày cất làm y. Che thân ra ngoài xin y, được rồi nên trở về giặt nhuộm may. Sửa sang xếp đặt chỗ góc, không bị kết tội.

Luật Thiện Kiến chép: đi giữa đường thấy giặc liền giao y cho người tuổi nhỏ mang đi, nếu giặc đuổi theo lấy mất y, trong chúng Tỳ-kheo được một người bẻ lá cây, đưa cho người khác, khiến cho được che thân trở về chùa, vì mất y, hoặc được y phục trắng năm màu lớn không cắt rọc, cho đến đắp y ngoại đạo thì không phạm.

Kinh Tỳ-ni Mẫu chép: khiến la lên như tiếng trống để giặc bỏ đi.

Luật Thập Tụng chép: giặc đến nên đánh chuông lắc linh, ném đá nói rằng: đá rơi, đá rơi để chúng sợ hãi bỏ đi, nếu đuổi theo mất y trước, tăng y trở về chỗ cũ, nếu không phải người hư không, tùy theo ở chỗ gần có tăng đưa về chỗ cũ, trở về đứng nên lấy lại.

Luật Tăng-kỳ chép: nếu giặc nói vật của tăng để chỗ nào, Tỳ-kheo không được chỉ bày chỗ quý báu, cũng không được nói dối, nên chỉ phòng xá, giường tòa v.v... vật của Phật chỉ vật cúng dường nơi tháp đầy đủ... Nếu đi giữa đường có sương mù thì người trẻ đi trước. Có nạn giặc, thú dữ nên để lão tăng đi giữa, nếu khiến cho giặc đi, khởi lên tâm thương xót, lão tăng đi trước.

#### – *Pháp đại tiểu tiện.*

Luật Tứ Phần chép: Không nên đại tiểu tiện lâu, nếu lúc đi cầm nắm cỏ vào nhà xí, nhà xí kia nhiều người tụ tập, cho phép ở trước, đến ngoài nhà xí búng ngón tay hoặc ho khẽ khiến người và phi nhân biết, để y đặt trên cọc hoặc trên đá, cỏ, nếu gió mưa ẩm thấm nên đắp y, tay nắm chắc để không xúc chạm hai bên nhà xí, giữ vững hai chân dần dần dang y ra, dần dần ngồi xôm, chớ để chân trước ở gần hai bên. Khiến cho đại tiểu tiện, nước mắt, nước bọt vào lỗ của nhà xí. Còn bao nhiêu như thường pháp, rồi nên đến chỗ khác rửa dơ, rửa nước còn sót lại, chớ để phát ra tiếng, lấy vật xấu lau chùi, nếu tay hôi dùng đất tro bùn, phân trâu bò, đá lau chùi gạch gỗ lau chùi đầu mỗi ngón tay, rửa cho sạch sẽ, không được ở bên nhà xí tụng kinh làm cố ý trở ngại Tỳ-kheo khác, thấy có phân thì quét cho sạch.

Luật Ngũ Phần chép: Đồ dùng tiểu tiện đem vào trong phòng kín miệng, ngoài phòng nên có đủ nước, không được khỏa thân trong nhà xí.

Bộ Tam Thiên Oai Nghi chép: không rửa chỗ đại tiểu tiện, thì không được ngồi trên tọa cụ của tăng, nếu lễ Thượng tọa Tam bảo, thì không được phước. Nên cởi ca-sa, Tăng-kỳ chỉ để đại tiểu tiện.

Pháp thương xót cứu giúp súc sinh.

Luật Tứ Phần chép: lòng từ cởi mở sự ràng buộc, ra khỏi sự đắm chìm, hiểu rõ chỗ lan-nhã giặc buộc trâu, đều không phạm.

Luật Tăng-kỳ chép: người có thần lực cướp vật của giặc, thả các cầm thú súc vật, đều vì lòng từ mà làm thì không phạm.

Luật Thập Tụng chép: người thợ săn đuổi theo súc vật vào chùa, đến xin Tỳ-kheo, Tỳ-kheo nói rằng: người kia được trả lại cho người, người kia bỏ đi sinh tâm nghi ngờ, Phật nói không phạm. Lại bắn nai chạy vào chùa, người thợ săn nói rằng con nai này trong mũi tên, nên lại bắn giết các người tránh mũi tên, các Tỳ-kheo không cùng trách cũng không cùng với nai, liền vờ trách rồi bỏ đi, sau đó nai chết, Phật nói nên trả lại cho người thợ săn, nếu buồn rầu phá hoại lưới và ngục thì chỉ phạm tội cát-la.

Con lợn bị mũi tên chạy vào chùa, Tỳ-kheo hỏi chỗ nào ? Lại ai thấy lợn ? Không có chủ lợn, thợ săn bỏ đi, sau đó bạch lên Đức Phật,

Phật nói rằng: có nhân duyên như vậy nên làm nói việc khác, không phạm.

Pháp tránh súc sinh hung dữ:

Ngũ Bách Vấn chép: Đi đường, ngủ đêm ở nhà quỷ thần không được có ý xúc nhiễu, nếu xúc nhiễu phạm tội đọa. Luật Tứ Phần chép: Nếu rắn chui vào nhà, hoặc dùng thùng đựng, hoặc dùng dây buộc, rồi đem thả đi.

Nếu học chú độc, v.v... đệ tử hộ thân, không phải vì nuôi mạng sống. Luật Ngũ Phần chép: hương thanh mộc dính y để khử trùng lúc tụng chú không được ăn muối, không được ngủ trên giường, Phật nói cách tụng chú như vậy.

Luật Tăng-kỳ chép: sinh bệnh u nhọt dùng lúa mạch nghiền nát bôi lên vết thương.

Luật Thập Tụng chép: chất mỡ muối không sạch được uống dùng.

Luật Tứ Phần nói: bơ không sạch để rót vào mũi.

---o0o---

## **THIÊN THỨ 28: SAU DI BIỆT HÀNH**

(Ở đây dịch là tức từ, nghĩa là dứt được tình ý nhiễm của thế gian, lấy lòng thương xót cứu giúp chúng sinh. Lại nói rằng: vì ban đầu mới vào Phật pháp phần nhiều còn giữ tình tục thế gian, cần phải dứt điều ác thực hành lòng thương xót).

Sa-di kiến lập sự khởi thế gian làm đầu, khai sáng nhiễm huyên, nêu tâm rộng xa, tự mình có thể thực hành giáo pháp đúng đắn, đúng nương theo mà tu, dấu vết lẫn vào giúp đỡ nhau, thế gian từng trải đã nhiều, nhưng lòng tin là nguồn gốc của đạo, là mẹ sinh ra công đức, trí chính là nhân của giải thoát thế gian, người xuất gia nhất định trước phải biết hai điều này, nếu chưa hiểu đây, chỉ có

tự mình cạo tóc đắp y, trong tâm không có đạo đức, oai nghi, bên ngoài không có phép tắc, buông lung ngu tình lại đồng với đơ bản thế tục. Sớ dĩ nhập vào pháp đến ở rạng đông, đầu chạm việc nhìn vào vách, bởi tự mình không phụng thờ lòng tin. Thánh trí không phải nhân mà sinh ra, chỉ việc nuôi dưỡng thân mình. Thà biết đưa ra cốt yếu thắng nghiệp, nên trước rõ về bản ý của ra khỏi thế tục. Sau nương theo ý tùy hiểu rõ, trong phần đầu có bảy môn:

1. Nói về nhân duyên đầu tiên của việc xuất gia
2. Khuyên xuất gia có lợi ích
3. Chương xuất gia có tổn hại
4. Hành phạm tội hành
5. Hành phạm phước hành
6. Nói về hành hạnh Thánh đạo.
7. Tướng của Đại thừa, Tiểu thừa, quyết định đồng khác.

**1. Ban đầu, trong kinh Hoa Nghiêm chép:** nếu có người không biết pháp xuất gia, thích đắm trước sinh tử, không cầu giải thoát. Cho nên xuất gia cần sự giải thoát, dùng văn này để chứng nghiệm, nên biết công đức xuất gia do Bồ-tát.

Kinh Úc Già Trưởng giả, kinh Niết-bàn v.v... chép: đều có pháp xuất gia.

### **2. Nói về khuyên người xuất gia có lợi ích.**

Kinh Hoa Thủ chép: Bồ-tát có bốn pháp, chuyển thân sẽ làm Tỳ-kheo thiện lại, hoa sen hóa sinh, hiện tại được tăng thêm tuổi thọ, một là tự mình ưa thích xuất gia, cũng khuyên giúp người khác khiến họ xuất gia, hai cần ở nơi Phật pháp, không biếng nhác mệt mỏi, cũng khuyên người khác, ba là tự mình làm và nhẫn nhục, cũng khuyên người khác, bốn là tập hành phương tiện sâu xa phát ra nguyện lớn. Công đức vô biên, lại như xây tháp bảy báu đến tầng trời 33, không bằng công đức của người xuất gia.

Trí luận chép: người xuất gia dù phá giới, phá giới đọa vào tội, tội hết được giải thoát.

Như Kinh Liên Hoa Sắc Ni Bản Sinh nói: như Phật độ cho Bà-lamôn say rượu, vì vô lượng đời cho đến nay, không có tâm xuất gia, say mà do phát tâm, sau sẽ đắc đạo, do đó nói bài kệ xuất gia.

Kinh Bản Duyên chép: một ngày một đêm xuất gia, nên hai mươi kiếp không đọa vào ba đường ác. Luật Tăng-kỳ nói một ngày một đêm xuất gia tu phạm hạnh lìa được sáu trăm sáu ngàn sáu sáu mươi năm trong ba đường khổ.

### **3. Chương xuất gia có tổn hại**

kinh Xuất gia Công Đức chép: nếu làm cản trở ức chế người xuất gia, thì người này làm hư mất hạt giống Phật, các điều ác nhóm họp trong thân, giống như



biển lớn. Hiện tại bị bệnh hủi, lúc chết đọa vào địa ngục tối tăm, không có kỳ hạn ra khỏi.

#### **4. Nói về đã xuất gia là hành hành phạm tội:**

Kinh Đại Bảo Tích chép: xuất gia có hai thứ trói buộc: 1/ kiến trói buộc, 2/ lợi dưỡng trói buộc. Có hai ung nhọt, 1/ Tìm thấy lỗi người, 2/ Tự mình che giấu tội của mình. Trong kinh lại nói: có hai mũi tên độc, cả hai bắn vào tâm, 1/ tà mạng làm lợi, 2/ thích y bát tốt.

Kinh Niết-bàn chép: sau khi ta nhập niết-bàn, lúc đối ác trước có nhiều người đối khát nên phát tâm xuất gia, gọi là người trọc đầu, thấy có Tỳ-kheo thanh tịnh trì giới oai nghi đầy đủ, hộ trì chánh pháp, thì xua đuổi đi, hoặc giết hoặc hại. Nếu nói về tội hành, lại nêu năm thứ, cái là gọi là tham, diêu, sân, nhuế, ái, gần gũi cầu lợi, năm thứ san, tật, v.v... Điều như biệt sao, tùy việc dẫn văn.

#### **5. Nói về xuất gia hành hạnh phạm phước:**

Nghĩa là có Tỳ-kheo sau khi xuất gia rồi chỉ biết trì giới, không không có chí mến tượng đạo, cho giới là trên cái khác đều không dùng, là phi đạo, bên trong thường tức giận, ô nhiễm thanh tịnh, tâm tình không thẳng tiến. Đây là giới thủ kiến, kiến thủ phiền não, Dục giới nghiệp dưới, chẳng phải hành giới trên, nếu tu thì của thế gian là nghiệp chung của giới trên, rút lui sinh tử, chưa có kỳ hạn ra khỏi, cho đến học rộng, bố thí, giải kinh, tụng học, đều là sắp có chưa thành vô lậu.

Trí luận chép: pháp thế gian là hiếu thuận cha mẹ, cúng dường Sa-môn, bố thí, trì giới, Bốn thiên, Bốn định vô sắc, niệm Phật pháp, 6 tầng, chín tướng, v.v... là đúng.

Luận Thành Thật chép: đối với sự trì giới, học rộng, thiên lợi ít này mà quên mất lợi lớn. Người trí không nên tham đắm lợi nhỏ mà quên mất lợi lớn.

#### **6. Nói về xuất gia thực hành hạnh thánh đạo:**

Nhưng ra khỏi thánh đạo, từ vô thử chưa từng, đều do quen theo thói quen của thế gian khó bỏ. Nay đã nhỏ được tập tục thế gian, thì phải thực hành hạnh nghiệp.

Trong kinh thường chia làm ba vị.

1/ Tiểu thừa nhân hành, quán việc sinh diệt, biết được tánh vô ngã, nhân thiên ác, v.v...

2/ Tiểu Bồ-tát thực hành quán sát sinh diệt, biết được tướng vô ngã, nhân, thiên, ác...

3/ Đại Bồ-tát thực hành quán việc là tâm, ý, lời phân biệt.

Cho nên Nhiếp luận chép: từ Nguyên lạc vị đến Cứu Cánh vị gọi là quán trung, duyên lời ý, phân biệt là cảnh, lìa đây không phân biệt pháp khác. Hai phân biệt hành trên như đã nói khác, nếu vào đạo phượng tiện trừ nghi, xả bỏ chướng,

phải nhỏ sạch các hành, người thường chí hành, như Biệt Hành Môn 20 quyền có phân biệt rộng

### **7. Nói về tướng Tiểu thừa, Đại thừa, quyết định đồng khác.**

Đạo hạnh Ba thừa như trên đã nói nay quyết chánh chung không nêu ra ba học, tất cả bậc thánh đều thực hành điều này, nếu y cứ vào Nhị thừa, giới duyên thân miệng, phạm thì hồi tâm, chấp thì chướng đạo, không tránh khỏi ba đường, định ước danh sắc, duyên tu hành diệt là lý, nhị thừa đồng quán sát, cũng không có để duyên khác nhau, nên luận Phật Tánh chép: người Nhị thừa y cứ theo luống dối quán vô thường, v.v... Tướng cho là chân như, tuệ lấy sự quán chiếu, và nhất định lấy theo nghĩa khác để đồng. Nếu y cứ theo giới của Đại thừa, chia làm ba phẩm, luật nghi một giới không khác với Thanh văn, chẳng phải không có hai, ba khác nhau, giữ gìn tâm giới càng có lỗi kiên trì cách thức.

Trí Luận chép: Bồ-tát trụ trong thật tướng, không đắc một pháp, có được phá giới không?

Đáp rằng: Do trụ trong Thật tướng nên không làm phước, hưởng gì tạo tác tội, tuy các thứ nhân duyên, không phá giới người.

Hỏi: Kinh Địa Trì chép: thà khởi thân kiến, chẳng ác thủ không, Phật tạng thà khởi lên đoạn diệt kiến, không khởi ngã tướng.

### **2. Nói thế nào là trái?**

Đáp: Địa Trì vì tồn tại pháp thế gian nên có nghiệp lành, người ác thủ không tiếp nhau phá hoại tâm lành của người đời, mình và người không có lợi ích. Kinh Phật Tạng khuyên đoạn diệt kiến tuy hiện tại chẳng phải lợi danh, sau nhờ vào ít tâm giữ gìn sáng tỏ, liền được giải thoát, đều có chỗ rõ ràng.

Hỏi: Bồ-tát thà khởi tâm tham, không một niệm khởi sân, do sân trái sinh, nếu vậy thì được khởi lên tâm tham không?

Trí Luận chép: như các tầng trời cõi sắc do dứt được năm triệu cái, mười bất thiện, được sinh lên cõi trời Phạm thế kia. Từ vô thủy đến nay không dứt dục ác, còn không được sinh, hưởng gì ra khỏi thánh đạo, xa lìa chỗ vốn không đắc của dục ác, nay có ham muốn làm sao được ư?

Nhiếp Luận chép: Bồ-tát được trí vô phân biệt, tất cả các trần không hiển hiện, do có thắng trí phương tiện đầy đủ, gây ra mười điều ác, như sát sinh, v.v... do trước có lợi ích, tự mình không nhiễm dơ, lỗi lầm, dầu có lợi ích nhưng có lỗi, thì không nên làm, y theo sơ địa này, đã như trên mới được dùng, đây là trí vô phân biệt, nên Địa tiền không hợp với Niết-bàn, dứt trừ thế gian chê bai, không khác với tánh của giới trọng. Nhân nói Bồ-tát trì giới tướng, La-sát xin phao nổi, dụ rõ năm thiên sáu tụ, giữ gìn không gây ra tội.

Lại chép: nếu chưa trụ vào Bất động địa, có nhân duyên nên được phá giới, ở đây thì Bất địa trở lên, hoặc có thể Tịnh Tâm địa trở lên. Nếu nói về định tuệ, tiểu quán tướng không, quán sâu Duy thức, lúc ngu độn thấy trống rỗng, không

phân biệt sắc, biết rõ Duy thức, chẳng phân biệt không. Và lại, chia ra Đại thừa Tiểu thừa, hơi biết con đường sơ lược, chỗ tương tự đạo, tương tự thiện khó biết khó học, phần nhiều rơi vào rừng tà, lý cần phải thông, học mới chịu quán sát đúng đắn. Không vì tụng ngữ mà vì đạo nghiệp, như Thập trụ Bà-sa và trong Thập địa nói.

Lại kinh chép: vì nhân học rộng được trí tuệ, nên liền nhập vào Phật pháp, không được dừng việc học, giống như biển lớn, lại thấy ba việc kiểm nghiệm ba đường, phàm phu chủ tự làm, hàng Nhị thừa tự làm gồm có cả người khác làm, Đại thừa chỉ làm ở người khác, ba phát ý này khác nhau. Nếu nói về duyên sự, tâm trái nghịch việc đồng. Và lại, biết lược rộng mà thôi, chính là trong đoạn sau, lại chia làm năm.

1. Nói về xuất gia có đủ duyên.
2. Tác pháp khác nhau.
3. Phương thức thọ giới.
4. Tùy theo giới tướng.
5. Các hạnh chỉ bày.

**1. Ban đầu trong luật Tăng-kỳ chép:** người bảy tuổi hiểu biết tốt xấu, nên cho xuất gia, tám mười, chín mười tuổi già nua, hơn bảy mươi tuổi đi đứng cần có người dìu đỡ thì không cho phép độ, nếu tu tập được các nghiệp thì cho phép xuất gia, nếu lớn già, lớn nhỏ đã xuất gia không cho phép đuổi ra, Tỳ-kheo phạm viêc hối. Ương-quật qua việc mẹ già xin Phật xuất gia, Phật dùng kệ ngăn trở: người nay tuổi già yếu, xuất gia đã quá trễ, chỉ nên sâu sắc lòng tin, dùng pháp tự tỉnh lại ngừng nghĩ. Vua Tịnh Phạn xin Phật xuất gia. Trong luật Phật dạy: chỉ quán vô thường, các hạnh đầy đủ, do đặc đạo không cần xuất gia.

Trí luận chép: nếu người hai căn, vô căn, trong Tỳ-ni nói người không có đạo căn, thì không được xuất gia, mất tướng nam, nữ, tâm họ không định, kiết sử rất nhiều trí tuệ can cọt, nên trong Đại thừa chẳng có chỗ nào không dung chứa, chỉ do tâm tà quanh co, khó có thể cứu giúp, như khu rừng dày, dẫn nước quanh co, nên không được vào trong Phật pháp.

Luật Thiện Kiến chép: người muốn đốt chùa, cho phép không bạch với cha mẹ được độ xuất gia.

Bộ Ngũ Bách Vấn chép: pháp của cha mẹ, của vua chúa không cho phép ăn trộm, độ phạm tội nặng, đây nghĩa là giáo hóa chỉ bày dẫn dắt khiến cho vút bỏ mặt trái. Như trong luận được độ, trái lời dạy của vua phạm Đột-cát-la. Người tự đến thì được.

Lại nói: nếu giặc bắt Tỳ-kheo đem bán, sau đến quăng ném Tỳ-kheo, lúc đầu được trải qua chủ không được, nếu chủ ban cho họ thả ra không có chánh văn.

Luật Tăng-kỳ chép: người mới xuất gia, trước nói việc khổ, nghĩa là ăn, một bữa, ngủ một giấc, ít ăn uống, thường học hỏi, hỏi có làm được không?

Đáp: người “làm được” thì mới nhận.

Luật Tứ Phần chép: không được nuôi hai Sa-di, nếu người nuôi thì phải xin phép nuôi chúng, đầy đủ đức như trong pháp độ người.

Trong luật Tăng-kỳ chép: không được nuôi nhiều Sa-di, cho phép nhiều nhất là ba người. Nếu nhiều vị Đại đức Tỳ-kheo cùng với trẻ em khiến cho độ khổ khuyên cho giống người, nên không tự sai khiến cùng với người khác được tự dạy bảo. Có ba phẩm bậc từ bảy tuổi đến mười ba tuổi gọi là Sa-di khu ô, từ mười bốn tuổi đến mười chín tuổi gọi là Sadi ứng pháp, từ hai mươi tuổi đến bảy mươi tuổi gọi là Sa-di danh tự.

Bộ Ngũ Bách Vấn chép: nếu xuất gia rồi, sau trộm cắp vật trong nhà cũ phạm tội khí. Vì sao? Lúc đầu xuất gia, tất cả xả bỏ chẳng phải vật của mình. Bỏ phụng tạng, bỏ trách cũng đồng nhau.

## **2. Người tác pháp.**

Người muốn xuất gia đến trong Tăng-già-lam đứng ở chỗ mắt thấy tai không nghe làm pháp đơn bạch hòa hợp tăng khiến cho đại chúng biết thấy, làm xong hỏi đáp không mắc lỗi. Như trong luật nói: độ cho người thợ khéo trẻ em, bạch Yết-ma rằng: Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe! Con... theo Đại đức... xin cạo tóc, nếu tăng phải thời đến, tăng bằng lòng cho con... theo Đại đức... cạo tóc, tác bạch như vậy.

Luật chép: nếu tăng hòa hợp là tốt, nếu không được như vậy thì đến mỗi phòng nói cho biết, tác pháp rồi nên cho cạo tóc. Trước thỉnh Hòa-thượng phải đầy đủ oai nghi, bạch rằng: Đại đức một lòng nhớ nghĩ! Con... thỉnh Đại đức làm Hòa-thượng, xin Đại đức vì con làm Hòa-thượng, nay con nương theo Đại đức, được cạo tóc xuất gia, xin dũ lòng từ bi thương xót, (thỉnh ba lần). Văn của thầy A-xà-lê cũng y cứ theo đây (nghĩa là hai thầy cạo tóc và thợ giới) nên dùng các bộ hội mình lập ra nghi thức xuất gia, lộ địa, hương, nước, rượu, khắp vòng bảy thước bốn góc treo cờ hiệu, giữa đặt một tòa cho người xuất gia, lại lập ra hai thẳng tòa cho hai thầy ngồi. Người muốn xuất gia trước vốn quen theo tập tục thế gian. Lạy từ biệt mẹ cha, tôn sư. Xong rồi miệng nói kệ rằng: Trôi lăn trong ba cõi, ân ái không thoát được, vứt bỏ ân ái nhập vào vô vi chân thật là báo ân, và thoát được thói quen của thế gian (kinh Xuất Thanh Tín Sĩ Độ Nhân).

Luật Thiện Kiến chép: dùng nước nóng thơm tắm gội, trừ đi mùi hôi của người tại gia, vẫn đắp y xuất gia, đứng ra được đắp Nê-hoantăng, Tăng-kỳ chi, chưa được đắp ca-sa liền vào đạo tràng (kinh Xuất Độ Nhân). đến trước Hòa-thượng quỳ gối, Hòa-thượng nên sinh tâm suy nghĩ, không được sinh tâm nhiễm ô, thấp hèn, đê tử đối với thầy nghĩ như cha, nên vì nói tóc, lông, móng, răng, da. Vì sao? có người đã từng quán năm thứ này, nay làm rụng tóc, tức là phát ra nghiệp trước liền được ngộ đạo. Như La-hầu-la chưa rụng tóc hết liền đắc quả La-hán.

Như Nhiệt Ung đọi châm, Liên Hoa đọi mặt trời vì họ mà nói pháp rồi ngồi trước A-xà-lê (xuất xứ từ Luật Thiện Kiến) rưới nước nóng thơm lên đánh đầu khen ngợi rằng: Lành thay ! Đại trượng phu, sẽ được đời vô thường, bỏ tục hướng Niết-bàn, ít có khó nghĩ bàn, dạy lễ mười phương rồi, hành giả nói kệ rằng: trở về nương theo Đại Thế tôn, độ được khổ ba cõi, cũng nguyện các chúng sinh đều nhập vào vô vi là vui. A-xà-lê bèn cạo tóc. Người đứng cạnh làm bài tụng xuất gia bằng tiếng Phạn rằng: huỷ bỏ hình tướng giữ chí trinh tiết, cắt đứt ái ân, không người thân thiết, lìa bỏ gia đình hoàng hóa Thánh đạo, nguyện độ hết tất cả chúng sinh (kinh Xuất Độ Nhân) lúc cho cạo tóc trên đánh đầu giữ lại năm, ba chòm tóc, lại đến trước Hòa-thượng quỳ gối, Hòa-thượng hỏi rằng: nay người cạo bỏ tóc trên đầu có được không?

Đáp rằng: “Dạ được”, liền cạo tóc. Cạo xong, Hòa-thượng trao cho ca-sa, liền nhận đọi lên đầu, nhận rồi trả lại cho Hòa-thượng, ba lần như vậy, Hòa-thượng đắp vào (xuất xứ từ luật Thiện Kiến) nói kệ rằng: “lành thay áo giải thoát, áo ruộng phước vô tướng, vâng giữ như giới hạnh, rộng độ các chúng sinh”, lễ Phật xong, đi nhiều ba vòng, nói kệ tự vui mừng: “Lành thay gặp được Phật, người nào không vui mừng. Phước nguyện hợp với thời, nay ta được pháp lợi, lễ đại chúng hai thầy”, rồi ngồi ở dưới nhận lễ của bà con mừng xuất gia lìa thế tục, tâm hoài bão xa rộng, cha mẹ v.v... đều làm lễ vui vẻ đạo ý, giữa cạo tóc trước (Xuất xứ từ kinh Độ Nhân).

Luật Tỳ-ni mẫu nói: cạo tóc đắp ca-sa rồi sau đó thọ ba quy y, năm giới cấm.

### **3. Pháp thọ giới:** chia làm ba.

Một là duyên, hai là thể, ba là tướng.

Trong phần đầu tăng đã nhóm họp ngôi an, người thọ giới ở chỗ thầy, lập ra tác pháp đồng như trước. Bạch rằng: Bạch Đại đức tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... kia theo Đại đức... xuất gia, nếu Tăng phải thời đến, Tăng bằng lòng cho... theo Đại đức... xuất gia, tác bạch như vậy.

Bộ Ngũ Bách Vấn chép: hai người được độ Sa-di, một người không được.

Luật Ngũ Phần và luật Thập Tụng chép: trước cho thọ năm giới, sau cho thọ mười giới.

Luật Thiện Kiến chép: nên lễ dưới chân tăng, đến chỗ A-xà-lê, lễ rồi quỳ gối chấp tay, thầy dạy rằng: Ông sẽ theo lời dạy của tôi, thọ ba quy y. Đáp rằng: mô Phật được. Nêu ra cốt yếu luật nghi rằng: nắm góc y của thầy, nêu ra ở nơi tình người, đời mặt pháp lưu luyến, luật văn tượng tứ như chỗ đôi tăng, lý phải sinh tâm kiến lập duyên tốt, nên hỏi già nạn, đồng nhất với Tăng pháp, nêu có thì năm giới không phát, hướng chi đủ mười giới, văn như trong tăng.

### **4. Nói về giới thể.**

Văn nói rằng: con... quy y Phật, quy y pháp quy y Tăng, nay con theo Phật xuất gia, Đại đức... làm Hòa-thượng, Như Lai Chí chân Đẳng chánh giác là Thế Tôn

của con (nói ba lần). Con... quy y Phật rồi, quy y pháp rồi, quy y Tăng rồi, nay con theo Phật xuất gia rồi, Đại đức... làm Hòa-thượng, Như lai Chí Chân Đẳng chánh giác là Thế tôn của con (nói ba lần) kể là ba minh tướng, suốt đời không sát sinh là giới của Sa-di, ông có giữ được không?

Đáp: Mô Phật giữ được !

Không được trộm cắp, không được dâm dục, không được nói dối, không được uống rượu, không được đeo vòng hoa thơm, xoa hương thơm lên mình, không được ca múa hòa tấu, biểu diễn, cũng không được đến xem nghe, không được ngồi giường cao rộng lớn, không được ăn phi thời, không được cầm giữ tiền, sinh tượng vật báu, đều y theo pháp ban đầu, mỗi giới hỏi lại. Đáp rằng: mô Phật giữ được.

Lại nói: là mười giới Sa-di, suốt đời không được phạm, truyền trao giới tướng rồi, nói công đức xuất gia, cao như núi Tu di, sâu như biển lớn, rộng như hư không, từ chỗ nói pháp khác. Tùy thời sẽ bàn luận rõ..., trong giới tướng chưa hiển bày, như giường cao nghĩa là cao trên tám ngón tay.

Kinh Tăng Nhất chếp: tám loại giường v.v... như theo trong tướng, sinh tượng nghĩa là luật Tăng-kỳ, luật Thiện Kiến nói rằng: sinh ra sắc giống như sắc tức là tượng sinh ra làm tượng ngân, hai chương hồ hán.

Luật Tứ Phần chếp: lớn nhỏ trì giới, trong Sa-di đầy đủ được bảy chi, còn lại giá giới y cứ theo hai bộ luật tăng, ni, ba chúng dưới đều kết Đột-cát-la. Cho nên biết lại nêu mười giới hay phạm trước nêu ra, còn chưa biết hai thầy dạy khác nhau, như ví dụ đại tăng bốn giới trọng.

Lại do ý chí thấp hèn chưa kham chịu được bốn chỗ nương nhờ, nên không nêu ra, hoặc đường không có, đâu được không đi. Kế là nói năm đức.

Như kinh Phước Điền nói:

- 1/ Phát tâm xuất gia vì mang ơn Đạo;
- 2/ Huỷ bỏ thân hình đẹp đẽ vì thích ứng với pháp y;
- 3/ Xem thường thân mạng vì tôn kính Phật pháp;
- 4/ Dứt hẳn ân ái không còn thân sơ;
- 5/ Chỉ cầu Đại thừa vì hóa độ mọi người.

Kế là nói sáu pháp niệm: lớn không đồng với trong tăng, không đồng với người thế tục Phật pháp Tăng... do chế chung với Sa-di, đến niệm thứ ba thì nói rằng: nay con... tuổi, ngày... tháng... năm... thọ mười giới, do luật chế lấy năm sinh làm thứ lớp, lại năm xuất gia làm thứ lớp, cả hai đều phải biết.

Luật Tăng-kỳ chếp: nên vì Sa-di nói mười pháp số.

- 1/ Tất cả chúng sinh đều nhờ vào sự ăn uống;
- 2/ Danh sắc;

3/ Nhớ nghĩ bệnh đau;

4/ Bốn đê;

5/ Năm âm;

6/ Sáu nhập;

7/ Bảy giác chi;

8/ Tám chánh đạo;

9/ Chín nơi chúng sinh ở;

10/ Mười thứ thiết nhập; pháp của Sa-di nên đếm như vậy, y theo đây mà phá được mười thứ ngoại đạo: đầu tiên là phá ngoại đạo nhĩ đối, họ dùng uống sữa cốm, chất nước đặc, ăn gió, thổi hơi, v.v... hai là phá ngoại đạo tự nhiên, như con bê uống sữa, gai nhọn chim đen, lửa trên nước dưới, gió nhẹ đất nặng, đều không phải do tự nhiên sinh ra; ba là phá phàm phu làm nhân ngoại đạo, từ nơi Phạm vương, chúng sinh, cha mẹ chúng sinh tức giận vui mừng do nơi tầng trời kia; bốn là phá ngoại đạo chấp không nhân quả, như cỏ cây bên ngoài tự sinh tự chết, con người cũng đồng như vậy; Năm là phá ngoại đạo thần ngã, chấp trong thân có thần ngã riêng, cho là chủ tể; sáu là phá ngoại đạo một thức, như một cái thớt có sáu con khỉ trải qua khắp, các căn cũng như vậy, một thức đều dạo chơi, bảy là phá ngoại đạo không tu, do khước từ điều thuận quán thấy tám muôn kiếp, bên ngoài lại không thấy, gọi là minh đế Niết-bàn, như chuyển sợi tơ, viên đạn lên núi cao tơ hết đạn dùng, vì sao phải tu đạo...; Tám là vì phá ngoại đạo tà nhân, hoặc giữ giới của chim, gà, nai, chó, bò, thỏ, v.v... hoặc tu tám thiền, hoặc tu tà tuệ, tà tinh tấn cho là chân đạo, trái với tám đường đúng đắn; chín là phá ngoại đạo sắc, vô sắc chấp Niết-bàn, vì hai cõi hữu vô tướng định, phi tướng định, chỗ tâm chìm đắm, nghĩa là cùng tốt lý, đây chính là chỗ ở của chúng sinh; mười là phá ngoại đạo sắc không, vì ngoại đạo dùng sắc phá dục hữu, dùng hư không phá sắc hữu, nghĩa là hư không đến chỗ cùng tốt. nay lập ra mười xứ, chỉ là từ tâm vận dụng nhiều ít, thật ra chỉ một thức, vốn không có cảnh trước, vọng lập ra sự đúng sai, ngã kiến không trừ, lại chịu sinh tử.

Cho nên, Trí luận chép: ngoại đạo có khả năng sinh ra thiên định, như con thuyền vượt qua biển cõi dục, cõi Sắc, còn cõi Vô sắc như biển lớn sâu rộng không thể đo lường được. vì không phá được tâm ngã, trên đây đều nêu ra phá tướng, nghĩ liền giặc qua lại hỏi.

Luật Thiện Kiến chép: nếu muốn thử biết có phải là chúng Tỳ-kheo hay không thì nên hỏi: Vì sao pháp trì ba y?

**5. Nói về tùy theo giới tướng,** việc làm của Sa-di là pháp dùng đồng với Tăng, pháp Yết-ma không được xếp vào số, từ các việc khác, đều chê ra đồng tu, như thuyết giới tự tứ là việc thường làm không được riêng chúng, ước hết nhóm tự nhiên xa gần cũng đồng với pháp của Tăng, rõ ràng trong bản luận cho đến Ưu-bà-tắc cũng có biệt giới, biệt thí, người sở đối xưa dùng Tỳ-kheo, nay hiểu

không như vậy, đều có pháp riêng, cả hai không đủ số không thể dùng chung, trở lại lấy Sa-di làm đối, không phải là đồng với tâm niệm của tăng.

Ngũ Bách Vấn chép: trong không phải Sa-di, đại Tỳ-kheo cũng đồng tác pháp, cũng tùy theo được tồn tại, kể là nói về giữ pháp loại chung chúng riêng, trước nói về cách đối đầu giữa hai y.

Tát-bà-đa chép: Sa-di thọ giới rồi nên giữ hai y thượng và hạ, một là Uất-đa-la-tăng, hai là An-đà-hội, tài thể chẳng phải là phương pháp mất y, giới hạn đồng nhất với trong tăng, chỉ thọ trì là hơi khác, nên đối với một người thọ giới không phạm Sa-di tay nắm y trên, nói rằng: Trưởng lão một lòng nhớ nghĩ, con là... Sa-di... mạn uất-đa-la-tăng này xin thọ trì (nói ba lần, y hạ y theo luật này không thọ pháp, y theo luật Thập Tụng như thế) thọ trì tám pháp, thọ trì toạ cụ đồng nhất với tăng pháp, chỉ đổi tên Sa-di là khác, cho đến hai chúng trong ni cũng đồng thọ trì.

Bộ Bách Nhất chép: vật cúng lễ theo cũng đồng không khác, nếu chứa y dư, thỉnh thí chủ của hai y, cũng đồng với tăng pháp, thuyết tịnh vốn cũng đồng, thuốc bát y cứ theo đây, hoặc được tiền, vật báu.

Bộ Tát-bà-đa nói: cũng thỉnh người tại gia làm, vì trong giới Sadi chính đồng với tăng, không được tự mình cất chứa, nếu có y bát dư, v.v... đều phạm xả đọa. sám hối tội đồng nhất với Tăng pháp, trong nội giới nhóm người tác pháp, người không thọ giới cũng không được riêng chúng, vẫn đồng với đại tăng, chỉ do phạm một tội Đột-cát-la là khác. Nếu phạm tội đề-xá rồi, trên dưới và Tăng tàn đều phải sám hối, có che giấu thì phải trị tội, chỉ lấy tội Đột-cát-la làm định, nếu tội Ba-la-di thì luật nói rằng: ba chúng phạm Đột-cát-la diệt tận, còn có an cư thọ ngày v.v... việc thí dụ đồng với đại tăng.

Luật Thập Tụng chép: Phật chế chúng an cư, năm chúng thọ ngày.

Luật Tứ Phần chép: ba thời đi dạo giới ba chúng cũng kết tội, cho nên phải biết.

– **Nói về pháp của chúng:** có hai đường thông khác nhau, nếu người thông hành, đại tăng thuyết giới ban ngày, Sa-di phần nhiều đều lấy cung cấp hoa hương, nước nóng cho tăng, chúng đầy đủ, ở chỗ Bô-tát bày ra la liệt, ô trĩ sẽ rõ, đều phải nhóm hết, có duyên giao phó trao nhận cái thẻ, đại tăng tác pháp một cách thức như thường, đến chỗ nói bài tựa giới xong, giới sư nói rằng: người chưa thọ giới cụ túc ra chưa, các Sa-di... đều theo tòa đứng dậy, cầm toạ cụ ở trước tăng lễ bái rồi quỳ gối. Thượng tọa bảo rằng: ở đây chúng tăng thuyết giới Bô-tát, ông chưa thọ giới cụ túc không được dự nghe, đều theo nghiệp cũ, tụng tập cẩn thận chớ buông lung, đến ô trĩ thì đồng chạy đến giảng đường, bảo rồi theo thứ lớp mà ra, nên người đi riêng, Sa-di có chỗ đều nhóm lại, ô trĩ xong, hai chúng đều nhóm họp (luật Thập Tụng chép: sai một Sa-di khác xem xét). Hành pháp đồng nhất trong tăng, làm thẻ xong đem đến trong tăng, giao cho vị Duy na tổng hợp xướng số, người kia đưa thẻ lại chỗ cũ sai một người. Vị sư tụng thuyết giới kinh Sa-di giới, nghĩa là kinh Ai Đạo Ni và năm đức, mười



pháp số, v.v... nếu tụng xong trong tăng chưa có người hiểu thấu, tùy theo lúc tụng kinh nói pháp, đến lúc ô tri đều chạy đến giảng đường, theo thứ lớp vào trong tăng. Ở trong giảng đường quỳ gối chấp tay. Vị sư thuyết giới kia vì nói rõ người có thể giữ gìn giới rồi vẫn sau, ở đây cho đại Tăng liên quan nhau làm dùng. Xem Tăng trong thuyết giới, nếu tự tứ y theo trong thuyết giới, giảng đường khác tác pháp, đưa thẻ hợp xướng. nếu người thông làm, Tăng tự tứ rồi, vị năm đức đến, hướng về chỗ Sa-di quỳ gối, nói văn tăng tự tứ, vì phạm đưa ra cả hai chung với nhau, nếu trong giới người ít, đối đầu tác pháp, đồng nhất chúng pháp đối đầu, chẳng phải người đồng với chúng pháp tâm niệm, năm lộn xộn lưỡng tính thẻ tre. Oai nghi Sa-di tinh tấn dừng nghỉ thẻ đã đếm tre, luật đều chế đồng với tăn, chỉ kết tội một phạm, còn lại như kinh Sa-di Oai Nghi, Tam Thiên oai nghi và tùy theo trong giới đầy đủ rõ ràng, không đưa ra lần nữa, lược chỉ là đồng.

Kinh Tỳ-ni Mẫu chép: pháp của Sa-di nên hồ thẹn khéo trụ, vâng thờ pháp thầy, trong không nên biếng nhác, buông lung nên tự cẩn thận thân miệng mình, kính trọng người, thường thích trì giới, chớ thích nói cười, không nên ý lại tài lực của mình, lại chớ xem thường nóng nảy, nên biết hồ thẹn, không nói lời loạn vô định, chỉ khoan thai hợp lý, tự biết pháp tịnh, bất tịnh, thường theo hai thầy đọc tụng kinh pháp, tất cả trong tăng, nếu có việc làm đều không được trái, nên biết rộng như vậy.

Luận Tát-bà-đa chép: Sa-di không vì duyên Tam bảo có lợi ích mà đào đất phạm tội.

Luật Ngũ Phần chép: ba chúng dưới không tạo tội cũng phạm Đột-cát-la.

Luật Tứ Phần chép: luật kết tội Đột-cát-la nghĩa là không phải duyên theo mà tổn thương. Cho đến không nhận thức ăn cũ còn lại, tự nấu v.v... không phải người thì mở ra. có tịnh nhân làm thì kết tội Độtcát-la.

Luật Ngũ Phần chép: nếu xử phạt Sa-di, trước nói với thầy, thầy cũng không nên trái pháp giúp Sa-di, nếu trị xử phạt làm các thứ khổ sở, quét đất hốt phân v.v... xử trị bậc đạo, hoặc không làm Hòa-thượng A-xà-lê và người khác làm sứ, nên nói đúng như pháp cung cấp cho Hòa-thượng chúng tăng làm sứ, lần lượt đến nên làm không cùng lợi dưỡng trong tăng, đây là vật của thí chủ.

Luật Tứ Phần chép: ở dưới đại Tỳ-kheo, thứ lớp cho Sa-di phòng xá ngoại cụ, hoặc không thể ân ái giúp đỡ không nên cho, nếu có lợi dưỡng theo thì lần lượt cho. Có người nói luật của ba chúng dưới đều chế tội nghĩa là kết còn dư lại, chẳng phải là thật tội, đây là người nói, Thánh giáo dịch đúng pháp thật, cần phải cung kính hành trì.

---o0o---

## **THIÊN THỨ 29: NI CHÚNG BIỆT HÀNH**

Luật Thiện Kiến nói: ni là người nữ, A-na là mẹ, trọng ni nên gọi.

Chúng Tỳ-kheo-ni tế hạnh rất nhiều, đồng với đại tăng, như trên đã nêu, có không, nhẹ nặng tùy theo việc đã chia, nay lược lấy chỉ người riêng, cùng làm khoa này, kiến cho đến việc vạch ra, không việc trôi nổi khắp đâu cũng có tám, cho nên là người ở sau Sa-di.

Trí luận chép: ni có vô lượng luật nghi, nên thứ lớp phải sau Tỳ-kheo, Phật dùng nghi pháp bất tiện cho nên ở sau Sa-di, chính là trong phần ba. Tức là ni ba chúng, trước nói về đại ni bảy thứ khác nhau; một là thọ giới, hai là sám hối tội, ba là thuyết giới, bốn là an cư thọ ngày, năm là tự tứ, sáu là tùy giới, bảy là các hạnh của thầy trò.

### ***1. Trong phần đầu trước nói về nuôi chúng.***

Luật Tứ Phần chép: ni đầy đủ mười hai năm, muốn độ người, nên bạch nhị Yết-ma, thỉnh ni tăng bằng lòng cho, người không xin ái cụ phạm tội đọa, nương theo Thúc-xoa, Sa-di-ni phạm Đột-cát-la, cầu pháp cho bạch hai pháp, như thường đã hiển bày, nếu được Yết-ma rồi trong một năm độ một đại ni, một sáu pháp, một Sa-di-ni, một y chỉ, cách năm lại được nghĩa, phải thận trọng khi trao pháp.

#### **1. Kế nói về pháp thọ đại giới.**

Văn dẫn khởi như thường, chỉ nêu ra trái pháp có lạm tướng, tám pháp thọ trước, ban đầu thỉnh Hòa-thượng, hai xà-lê, một là y theo trong tăng, cho nên nói rằng: nay con nương theo a-di, học Phật, được nhờ hiệu của Ái Đạo, truyền nói nhau không dứt, trong oai nghi hỏi nạn cần phải uỷ khúc, hiển bày rõ ràng nạn tướng và các điều ngăn, cũng như trong tăng, vì chánh yếu gấp rút, cho đến bốn pháp đến nay đầy đủ nương theo pháp thường, một việc hoặc khác nhau là không thành thọ, còn lại đều như trong thọ giới. Trước hai lễ đứng thọ giới, ban đầu duyên chia làm năm, đầu tiên nói về qua lại đúng sai.

Luật Tứ Phần nói nếu làm bốn pháp rồi, tức là ban ngày đến trong đại tăng, không phải phạm tội, có người đến chùa ni cho thọ giới là không thành.

Tát-bà-đa chép: Thầy trò truyền nói phi pháp, không thành như đoạn chánh nạn duyên, còn tự mình sai khiến tin, đây không phải nạn duyên, dầu cho có cũng không được. Có người đến chùa ni ở bên ngoài kiết giới mà thọ, luật không quyết định, nhưng vì tình là ni cho nên đến phi pháp có tội, nếu xét đặc giới cũng có thể chung làm.

Hỏi: Ni được đến chùa tăng làm bốn pháp hay không?

Đáp: Như đã nói rõ, trong giới của tăng, ni được lập giới, sai ni tác pháp, nương theo nghi thức kiết giới mà thọ, lý được không có lỗi.

Hỏi: Người bốn pháp gọi là làm gì? Có giới hay không?

Đáp: Chỉ là giới duyên, chưa phát ra đầy đủ, trong luật gọi là Tỳ-kheo-ni.

2. Nói về số lượng Tăng, Ni, có người làm bốn pháp rồi, đem hai ba vị ni, đem bốn pháp ni đến trong tăng mà thọ, nếu nương theo luật bốn, Tỳ-kheo-ni nên đem người thọ giới đến trong đại tăng, dẫn đến văn nói rằng: hai bộ tăng đều đầy đủ, nên biết Tăng ni hai mươi người.

Luật Tăng-kỳ chép: ni thọ giới pháp gọi là hai mươi chúng, tức là có số nhất định, trước làm phi pháp.

Luật Ngũ Phần nói rõ văn ấy rằng: Hòa-thượng, Xà-lê kia lại nhóm mười ni tăng, đến trong Tỳ-kheo tăng, ở trước thầy Yết-ma, hai giới quỳ sát đất xin giới.

3. Nói ni phải kiết giới: có người không lập pháp so sánh, nhưng ở đây một pháp hai chúng đồng giữ vững, đều có biệt chúng phi giới không phải do Yết-ma, nếu không tin phải kiết giới, nhưng tăng chỉ làm sẽ thành việc thì không nhỏ, nên biết phải kiết giới xét kỹ giao cho không nghi ngờ, nên giới tự nhiên tăng ni nhóm hết xướng tướng kiết. Bốn pháp ni tạm đặt ở bên ngoài giới tự nhiên, hai chúng dưới đồng đến không trở ngại, lại như ni sám hối tội Tăng tàn, hai chúng đều kết, thọ tùy theo đều đồng, đây là việc kết giới pháp, Phật pháp lưu hành ở Ấn Độ, có không lập ra ít, nhưng ở Trung quốc tăng đến truyền pháp đều có Thánh hiền, không chung chẳng phải đoạt.

4. Sắp đặt nghi thức, nên ở trong ba chúng đều kết giới nội, trải dài hai chiếc chiếu để giữa chỗ trống hai ba thước, khiến cho duỗi tay đụng nhau, các bốn pháp ni nhiều, xếp đặt hai chỗ, một là chỗ nhóm họp chúng nhiều, hai là mình ở trước tăng, mỗi mỗi triệu tập đến vào chúng dạy xin đắc giới, khiến cho ở đại ni xuống tòa, đợi xong rồi thuyết giới tướng.

5. Vào trong giới pháp, trước phải thỉnh giới sư, luật không phải chánh văn, y theo trước phải thỉnh, dùng thọ pháp bên ngoài hỏi nạn, giới thể tùy theo tướng, mỗi mỗi y theo trong tăng thực hành.

## **2. Nói về pháp sám hối.**

Phần đầu có phạm không che giấu, có hối hận cũng bắt đầu sám hối, đồng với pháp của tăng, phần thứ hai là pháp che giấu hoàn toàn không, sáu đêm thay đổi tăng, chế hạn nửa tháng, do ni yêu đuối tình cấu tức là phần nhiều phải nhờ vào đại tăng, thọ tùy theo đều như vậy. Nếu người muốn sám hối, thì thực hành trong hai bộ tăng, đều đầy đủ bốn vị, nửa tháng sám hối lỗi và đến lúc xuất tội đều đầy đủ hai mươi vị, nhưng đạo phong dần dần suy phế, biết phạm mà không biết phải sám hối, dầu có tâm sám hối, nhưng nhóm chúng khó được, cho nên thiếu mà không chép, phạm Thân-lan-giá rồi dưới cho đến tội Đột-cát-la đều có nghi thức sám hối, như quyển trung có nêu, chỉ nên tự kiết một phần, xưng tên đại tỷ là khác, còn lại lời bạch đều đồng.

## **3. Nghi thức thuyết giới thỉnh pháp:**

Luật Thiện Kiến chép: ban đầu vì người nữ độn căn, đều cho phép ni đến chùa tăng thọ giáo, sau vì người chê cười, bắt đầu năm người cho đến giống như dẫn đến chê cười, cho phép tăng đến chùa ni.

Luật Tứ Phần chép: không phải văn ý đồng nhau.

6. Sai người thỉnh pháp, đôi với ngày thuyết giới, bạch hai vị, sai một vị, văn nói như thường.

Luật Tứ Phần chép: bạch hai vị, sai một vị rồi, sai hai, ba vị làm bạn, đến trong chùa tăng đến chỗ người đã dặn dò, nghiêng mình cúi đầu chấp tay bạch rằng: chùa... ni chúng hòa hợp lễ dưới chân Tỳ-kheo tăng, cầu thỉnh giáo thọ cho ni (nói ba lần) nên dặn dò người chủ, người không bệnh, người trí, ngày mai nên hỏi có thể giáo giới được không? Y theo trong tăng đây đôi với ngày bố tát hoan hỉ sai một người bắt chước thọ, dặn dò trao cho mình ở ngoài phòng, đặt một cái giường cho ni đến ngồi, lúc đến có người khác thông báo, ni khác đến phòng dặn dò trao cho người đến tòa ngồi, khiến cho một Tỳ-kheo làm bạn, đứng nhận lời dạy của ni rồi bảo rằng: đợi một ngày, lúc thuyết giới là hỏi chúng tăng, chẳng biết có được không. Nhưng ni chúng muốn thỉnh riêng, là nương theo thứ lớp của tăng, tùy theo lời đáp lãnh thọ.

Lại bảo rằng: ngày mai hãy đến, đây là hỏi có được đến hay không? Ni liền từ chối thôi lui.

Luật Tăng-kỳ chép: ni hễ vào chùa tăng thì nên ở ngoài cửa, trước bạch Tỳ-kheo, nên tính lường, nếu ni hiện thiện tự lại vô sự, mặc y phục đầy đủ thì cho phép vào, trái với đây thì không cho phép, Tỳ-kheo vào chùa ni cũng như vậy. Lúc người kia đến thuyết giới, như pháp bố tát của tăng trên, hỏi đáp rồi, đến ngày mai ni đến đứng như oai nghi trước bảo rằng: đêm qua tăng nhóm đầy đủ đã thỉnh truyền giới, không có người giáo giới, lại không thể nói pháp, tuy nhiên thượng tọa có sắc lệnh nói rằng: ni chúng nên siêng năng hành đạo, cẩn thận chớ buông lung, bảo ni chấp tay nói rằng: cúi đầu thọ trì, liền lễ dưới chân từ tạ thôi lui, đến chùa tức là ô trĩ nhóm họp không đến mà thuyết dục, các ni nhóm họp đều đứng trong giảng đường y theo vị trí chấp tay, đầu yên tĩnh rồi bạch rằng: Bạch chúng tăng, tăng sai con... đến trong tăng thỉnh giáo thọ mà tăng nói rằng, không có người giáo thọ và người thuyết giới, đều truyền theo sắc lệnh của Thượng tọa rồi, các ni chấp tay cúi đầu thọ trì, sau đó lễ xướng mà lui ra, trong ba bộ luật: Thập tụng, Ngũ Phần, Tăng-kỳ, v.v... đều chép: Hỏi: đây là giáo giới, chẳng phải là pháp Yết-ma, vì sao phải nhận dục?

Đáp: Đây là tăng nhóm người giới thọ không đến là phạm tội.

Theo luật Tăng-kỳ, nếu ni già bệnh, v.v... duyên không nghe theo giáo thọ, tuy không phải giáo thọ Yết-ma, nghĩa chung với Phật cho phép thuyết dục, cho đến tự tứ khiến cho trở lại, y theo lời có thể biết.

Luật Tứ Phần chép: nếu Tỳ-kheo tăng bị bệnh nên sai người tín tâm đến lễ bái hỏi thăm, hoặc riêng chúng, hoặc không hòa hợp, hoặc chúng không đủ cũng sai người tín tâm lễ bái hỏi thăm.

Luật Tăng-kỳ chép: nếu ni đến dũ dục nên nhận, không được nói đạo đức của mình, phạm tội.

Luật Thập Tụng chép: nhận dặn dò của người, lúc ni đến ngoài cửa trái giường ngồi một mình, định sau sẽ ngồi lên. So với trong thế gian phần nhiều có thực hành pháp lược, trước do đức rộng khó đầy đủ, cũng có người thực hành pháp rộng, đầy đủ như bốn sở. Trong cách thỉnh pháp tăng ni đều năm vị trở lên, trong tăng có hai mươi năm mới thực hành hai pháp lược và rộng, nếu không đủ, chẳng phải hai mươi hạ chỉ lễ bái hỏi thăm...

#### **4. Nói về pháp an cư:**

Lớn đồng trong tăng, ni không được ở một mình, nhất định nương theo Đại tăng.

Luật nói rằng: không nương theo tăng phạm tội đọa.

Luật Tăng-kỳ chép: hoặc trong thân thuộc thỉnh ni.

An cư là trước dạy thỉnh Tỳ-kheo, không bằng lòng là không được nhận thỉnh, còn như kia nói.

Luật Thiện Kiến chép: Ni cách trụ xứ Tỳ-kheo nửa do-tuần được an cư, quá thì không được, tất cả tăng ni hai thời nhóm họp. Đầu hạ thỉnh pháp hạ rồi nói làm chứng, nếu đàn-việt thỉnh Tỳ-kheo đến mà ni kiết hạ an cư rồi, cho đến hạ xong, ban đầu Tỳ-kheo có duyên sự không đến, nên lại thỉnh Tỳ-kheo đến, nếu không được nên bỏ đi, giữa đường có việc nạn được an cư, nếu ban đầu an cư rồi, Tỳ-kheo có duyên sự đi, ni đến sau mới biết đã kiết hạ an cư thì không được đòi đổi, ở đây thì không tội, nếu hạ an cư rồi, không được không có Tỳ-kheo tự tứ nên tìm.

Luật Tăng-kỳ chép: tuy ở một chỗ với Tỳ-kheo, nửa tháng nên thưa hỏi bố tát, nếu không, trong ba do-tuần có Tăng thì đều kết chung.

#### **5. Pháp tự tứ.**

Luật Tứ Phần chép: Ni hạ an cư rồi cho phép sai một Tỳ-kheo-ni vì ni tăng đến trong đại tăng thuyết tự tứ, nên bạch hai người sai một người, vẫn như thường, lại sai hai, ba vị làm bạn đến giữa đại tăng lễ dưới chân rồi nghiêng mình cúi đầu chấp tay nói như vậy: Tỳ-kheo-ni tăng hạ an cư rồi, Tỳ-kheo tăng hạ an cư rồi, Tỳ-kheo-ni Tăng nói ba việc tự tứ thấy, nghe, nghi, Đại đức vì lòng thương xót chỉ bảo cho con, nếu con thấy tội sẽ đúng như pháp sám hối (nói ba lần, giữa tăng thượng tọa bảo sắc lệnh như trong tự tứ trên). Ni kia thọ giáo, nên ở ngày hôm sau lúc ni tự tứ, ô tri ni tăng nhóm rồi, như trong giáo giới trước, bạch ni tăng, lúc truyền tự tứ, đại tăng nói lời đó dạy bảo, dẫn đến Chư ni cúi đầu xin nương theo pháp tự tứ của đại tăng trên, sau đó giải tán.

Luật chép: Tăng tự tứ ngày mười bốn, Tỳ-kheo-ni tăng tự tứ ngày rằm, nếu đại tăng bị bệnh, riêng chúng, không hòa chúng, không đủ chúng... ni nên sai người đến thăm hỏi. Ni chúng bị bệnh cho đến không đủ chúng cũng phải đến để thăm hỏi đại tăng.

Luật Thập Tụng chép: sai hai vị biết pháp ni đến giữa đại Tăng hỏi: vì sao chế ni nương theo đại tăng?

Đáp: Kinh Ái Đạo chép: người nữ chỉ muốn cảm theo sắc lợi ích thọ mạng, nuôi đệ tử, cũng không muốn học hỏi, chỉ biết việc trong chốc lát, nên phải nương theo đại tăng.

### **6. Nói về tùy giới tương.**

Ni có tám giới trọng, bốn giới trước đồng với trong tăng nên không nêu ra, giới xúc chạm sáu duyên thành phạm: 1/ Người nam; 2/ Tác ý nghĩ đến người nam; 3/ Kia đây có tâm nhiễm ô, trong luật nói rằng nghĩa là ý đấm nhiễm nhau; 4/ Từ nách trở xuống, từ đầu gối trở lên, cổ tay để sau phần của thân, lựa bỏ cảnh nhẹ, tâm nhiễm ô sâu kín, nhất định không phải lỗi xúc chạm, ép ngặt nên phạm tội nhẹ, ni dùng cảnh nhẹ xúc chạm cảnh nặng của người nam, người nam dùng cảnh nhẹ xúc chạm cảnh nặng của ni, hai thứ đều nặng, không cần lấy hai cảnh nặng xúc chạm nhau; 5/ Thân xúc chạm nhau, trừ đi một người có y, một người không có y, cả hai đều có y không phạm tội nặng; 6/ Tùy theo xúc chạm nhiều ít, mỗi mỗi đều kết tội nặng, giới của ni xúc chạm cùng với đại tăng bốn giới khác nhau: một là đại tăng chính là phá hoại phạm hạnh bên trong đã chế, bất luận chết sống chỉ xúc chạm dính mắc liền phạm, y cứ vào có tâm dâm dục, ni chính là xúc chạm ép ngặt bên trong đã chế, người chết không phạm.

Luật chép: người nam tâm nhiễm ô, hai vị tăng thì không luận người nữ lớn nhỏ, ni xúc chạm người nam, nắm lấy có thể làm việc dâm dục

Luật Thập Tụng chép: người nam là người có thể làm việc dâm dục, ba vị tăng tùy theo xúc chạm cảnh liền phạm, ni lược ra cảnh có trên dưới, bốn vị tăng bất luận cảnh nhiễm tịnh, ni xúc chạm thì đều sẽ có tâm nhiễm ô.

Luật Tăng-kỳ chép: nếu ni ở chỗ nhẹ có ung nhọt được nhờ người nam chữa trị, trước nhờ hai người nữ nắm, khiến cho không biết tay của người nam, nếu chỗ nặng thì nhờ thầy người nữ chữa trị.

Luật Thiện Kiến chép: nếu Tỳ-kheo đụng chạm vào ni, thân ni không lay động, hễ thọ lạc thì tùy theo chỗ mắc tội.

Luật Tứ Phần chép: đồng với trong tăng.

Luật Thập Tụng chép: Không phạm là nghĩ như cha mẹ, anh em, hoặc lửa nước, dao, gậy, duyên ác... tất cả không có tâm dính mắc, đều phạm Đột-cát-la tám việc thành nặng.

Năm duyên:

1/ người nam;

2/ nghĩ đến người nam;

3/ có tâm nhiễm ô;

4/ phạm bảy việc trước chưa sám hối;

5/ tám việc làm phạm (tám việc là: nắm tay cho đến cổ tay, do sau là nặng; là nắm y, để y trên thân; là vào chỗ khuất nghĩa là lia chỗ thấy nghe; là đứng chỗ khuất nói chuyện... ba việc cũng như vậy; là thân dựa kề nhau, hai thân sát nhau; cùng hẹn hò, cùng chỗ hành dâm dục, hoặc ni và người nam đều nhiễm ô phạm bảy việc trên, bảy tội t-lan-già. Nếu không sám hối phạm tám pháp Ba-dật-đề, y theo đây phạm tám pháp, nắm tay không thành tội nặng. Nếu một người nam phạm tám pháp cùng một lúc phạm tám pháp, tám năm phạm tám pháp, tám người nam thành tám pháp, nhưng thành tám giới trọng, cũng chẳng phải thứ lớp, luật Tăng-kỳ như thế, người không phạm hoặc có bố thí cho hoặc lễ bái hoặc sám hối lỗi, hoặc thọ pháp, vào chỗ khuất, không làm việc ác không phạm, vì tâm đều không nhiễm ô, dưới đến vào nhà tối phạm đọa, do không phải việc làm liên quan đến sự chê cười xấu xa. Che giấu cho người phạm tội nặng, giới sáu duyên thành:

1/ đại ni;

2/ phạm tám giới trọng;

3/ biết người khác phạm giới trọng;

4/ tâm che dấu;

5/ không phát lồ sám hối;

6/ minh tướng xuất hiện liên phạm.

Nếu ở một mình không có người, v.v... thì không thành tội che giấu như trong phần sám tội.

Luật Thập Tụng chép: ni bị cử tội tâm cuồng loạn che giấu không phạm, nếu tâm cuồng loạn dứt, vẫn che giấu thì phạm.

luật Tăng-kỳ chép: nếu ni thấy ni phạm tội nặng, thì nên nói với người, hoặc người phạm tội hung ác có thể lực e rằng có nạn mạng sống, nạn phạm hạnh, nghĩ rằng: người kia làm nghiệp tội báo, tự mình nên biết, dụ như lửa cháy, đốt nhà, chỉ tự cứu thân, làm sao biết được việc người khác, phải bỏ tâm tương ứng, y theo đây không nhớ tâm cũng không phạm, tuy chẳng phải bỏ tâm không nhớ, không tạo tác tâm ngăn che, cho nên người ngăn che tâm không tốt, che giấu tội trước e rằng người ngoài nghe nên thành tội, nếu người muốn phát lộ thì không thành, nghĩa là người không thanh tịnh, nếu đối với việc trước biết không đồng ý phát lồ, cả hai đều có lỗi, đều phải phát lồ nên không thành, nếu hướng về người có phạm sám hối thì không thành.

Lại biết tên người, tên tội, loại tướng thì phải phát lộ, trái với trên thì không được, hoặc trước người thọ rồi, lại không cần nói, e rằng có lỗi vô cùng, hoặc người kia phạm đã phát lồ rồi, người khác che giấu không thành tội, căn bản không phải lỗi.

Luật Thập Tụng chép: ni không được ở trước Tỳ-kheo phát lộ, lại hướng đến trước ni, hoặc không biết loại tướng, đến chỗ Tỳ-kheo rộng hỏi lấy giải, lại đến bên ni sám hối.

Luật Tứ Phần chép: nếu ni biết ni phạm tám giới trọng, trước giờ ăn biết sau giờ ăn nói phạm Thâu-lan-giá, cho đến đầu hôm, nửa đêm, gần sáng chia ra không nói đều phạm Thâu-lan-giá, minh tướng xuất hiện phạm tội nặng, trong không phạm hoặc không biết hoặc không phải người có thể hướng về để nói, ý muốn nói mà chưa nói thì minh tướng xuất hiện, lúc nói e rằng có nạn mạng sống, nạn phạm hạnh thì không phạm. Trong mười bảy pháp Tăng tàn, giới mai mối, giới hai vu báng như trong đại tăng, nói nhân giới bốn duyên thành:

1/ chỗ quan thế tục;

2/ nói với người tại gia;

3/ dùng lời lẽ trình bày việc đó;

4/ hạ thủ liền phạm, là phân biệt đến quan cùng tranh cãi phải trái, nếu xú đoán việc người hạ thủ sơ suất mà miệng nói thì phạm thâu-lan-giá.

Luật Thiện Kiến chép: ni cùng cư sĩ đến chỗ quan, nói với cư sĩ rằng “ông nói lý hay nói ni” phạm Đột-cát-la. Cư sĩ nói rồi sau ni nói phạm Thâu-lan-giá, cư sĩ lại nói ni được lý, không được lý đều phạm Tăng tàn. Hoặc cư sĩ nói ni đến chỗ quan kêu, quan tự xét cho đoạt ni không phạm, hoặc ni đến chỗ quan nói người khiến cho quan hình phạt, vật tùy theo nhiều ít phạm tội, nên bồi thường, nếu bị cướp tài vật đến quan xin hộ thân, không được nói danh tự của người cướp đoạt, quan tự vu báng được trị phạt không phạm. Nếu người vào chùa chặt phá cây cối không được lấy dao búa của họ, nên trả lại cho họ.

Luật Ngũ Phần chép: Nếu bị người khinh chê, xúc phạm thì được nói với cha mẹ, bà con, hay người có thể lực biện hộ cho mình.

Luật Thập Tụng chép: người ở trước nhà cầm quyền tức giận mắng nhiếc, vốn bị người đánh đập mình thì phạm Tăng tàn, nếu đến nói với người khác thì phạm Thâu-lan-giá.

Giới thứ tư đi một mình, một mình lội qua sông, có bốn duyên:

1/ nước sông; luật Tứ Phần nói: một mình không được lội qua sông, bắt luận cạn hay sâu, nay y cứ theo giới đi đường chỉ khiến vén y lội qua nước, khác với đi trên đường bộ, oai nghi đều phạm, trong đại giới có sông cũng phạm, có cầu thì khai cho được đi như thường;

2/ một mình lội qua, như vị ni trước vội vàng lội xuống nước phạm thâu-lan-giá, đến khi hai chân bước lên bờ phạm Tăng tàn, ni đi sau một mình lội xuống nước phạm Thâu-lan-giá, lúc lên bờ gặp vị ni trước, làm bạn cùng lên thì không phạm. Luật chép: vị ni kia nên tìm một vị ni khác mà cùng lội, khi lội xuống nước tùy theo nước sâu cạn mà vén y lần lần, khi đến bờ kia, từ từ hạ y xuống, sau đó lên bờ một lúc, nếu không đợi người bạn sau phạm Thâu-lan-giá;



3/ không có lý do, trừ trường hợp có nạn mạng sống, nạn phạm hạnh, hoặc người bạn bị chết;

4/ một mình lội qua sông thì phạm, nghĩa là sau người bạn không có ai cùng đi với mình liền phạm.

Một mình vào làng xóm, có bốn duyên:

1/ làng xóm của người, bất luận giới nội ngoại, trong già-lam chỗ ở của người một mình đi vào cũng phạm.

Luật Tứ Phần chép: ni một mình đến làng xóm, tùy theo đến làng xóm nào đều phạm Tăng tàn, nếu giữa chốn hoang vắng không có đường mà đi xa nghe tiếng trống cũng phạm Tăng tàn, đi một mình vào trong phạm vi một thôn phạm Đột-cát-la (y cứ theo đây, một mình vào trong một phường, vào trong một nhà phạm Đột-cát-la).

Luật Tăng-kỳ chép: nếu ni cùng bạn đến thành ấp giới, nên đi cách nhau trong chừng duỗi một cánh tay mà cùng vào, nếu đi cách nhau xa hơn duỗi một cánh tay, qua khỏi giới hạn phạm Thâu-lan-giá;

2/ đi một mình;

3/ không có lý do;

4/ vượt qua khỏi giới hạn liền phạm. người xưa nói: nếu muốn vào làng xóm, dù chỉ có một con đường ngang, nhưng khiến cho băng qua liền phạm.

Trong các bộ không có văn đó, theo luật nói rằng: nếu không có giới hạn của thành ấp đi một mình nghe một tiếng trống, cách xa người bạn chỗ thấy nghe liền phạm. Nếu đến cổng làm, không đợi người bạn sau đến, hai chân bước vào ngạch công phạm Tăng tàn, nếu trong làng có ni ở trước thì không phạm. Vì vị ni trước là bạn, nếu đi ra ngoài làng cũng qua khỏi ngạch của làng là giới hạn đều phạm tội.

Ngủ một mình có ba duyên:

1/ Xa ngoài duỗi một cánh tay không đụng nhau mà ngủ, bất luận trong chùa hay trong thôn hai chỗ đặt giường nằm gần trong khoảng duỗi cánh tay đụng nhau, để xem xét nhau mới tránh được các tội lỗi, nếu vốn mình đã nằm trong khoảng duỗi cánh tay, sau vì ngủ mê, bỗng rời xa nhau thì không phạm, vốn mình có ý lăn ra tùy theo trần trở liền phạm.

Cho nên Luật chép: Nếu nằm duỗi tay không đụng nhau thì tùy theo sự trần trở, mỗi mỗi đều phạm Tăng tàn.

Luật Tăng-kỳ chép: nên nằm gần trong khoảng chừng duỗi một cánh tay, trong một đêm ba lần lấy cánh tay để xem chừng nhau, không được một lúc lật đặt ba lần dò xét, nên ở đầu hôm, nửa đêm và gần sáng, mỗi thời đều xem chừng nhau.

Luật Ngũ Phần chép: nếu ở chỗ duỗi tay không đụng nhau, trải qua đầu hôm, nửa đêm, gần sáng phạm thâm-lan-giá, đến lúc ánh sáng ban mai xuất hiện phạm Tăng tàn;

2/ Không có lý do, trừ trường hợp có nạn mạng sống, nạn phạm hạnh, người ưa thích thanh tịnh vắng lặng, v.v...;

3/ Tùy bao nhiêu lần nằm một mình, mỗi lần mỗi kiết tội. Đi sau một mình, hoặc ban đầu vốn đi một mình, hoặc đi nửa chừng tác ý xa rời chỗ thấy nghe của người bạn, lại người bạn không có các nạn duyên thì phạm.

Luật Tứ Phần chép: lia chỗ thấy nghe mà đi phạm Tăng tàn, lia chỗ thấy nghe xen nhau phạm Thâm-lan-giá.

Kê là nói giới lợi nước không phạm, nếu cùng người bạn dần dần lợi không mất oai nghi, đi thuyền qua, hoặc đi trên cầu, nương vai cầu đi qua, người đồng bạn ni chết, bỏ đạo, đi xa và các nạn, không được làm bạn đều không phạm.

Luật Ngũ Phần chép: nước cạn và chỗ sợ có người nam thì không phạm, khai duyên vào xóm làng như trước trong duyên đầy đủ, khai cho ngủ một mình như luật nói: hai ni ngủ chung ở chỗ duỗi tay đụng nhau, nếu một ni đi ra đại, tiểu tiện, hoặc đi ra ngoài trì kinh, tụng kinh, hoặc ưa chỗ vắng để tụng kinh một mình, hoặc vị ni bị bệnh, nấu canh, cháo, cơm cho đến các nạn duyên khác thì không phạm.

Luật Tăng-kỳ chép: nếu bệnh bị giặc loạn bao vây thành, ngủ một mình không phạm, đi một mình không phạm, tức là đi ở chỗ có thấy nghe, nếu một mình ni đi đại tiểu tiện, các nạn duyên đều không phạm.

Luật Tăng-kỳ chép: không được một mình ra khỏi giới hạn thôn xóm, trừ đi đường tình cờ gặp người thân mà lạc bạn, trong thời gian chưa gặp lại bạn thì không phạm, bệnh cũng như vậy.

Luật Ngũ Phần chép: nếu lúc sợ hãi mà chạy, già, bệnh không đi kịp thì không phạm. Trong đơn đọa một giới xe sợi, luật văn tùy theo xé vải ra dẫn quay quanh dẹt v.v... mỗi mỗi phạm đơn đọa, dẹt thành y không được sám hối rồi mặc, còn lại trên dưới giới đều là chủng tướng, hạnh ít dùng, lại lược bớt mà thôi.

Bảy tướng nhiếp các hành, ni do không có người bạn, thường độ người không biết pháp, nhưng ít lợi mình, vì không y theo đạo giới, trong luật hơn hai mươi giới kết khắp tội của Hòa-thượng.

Cho nên luật chép: độ đệ tử rồi nên lấy y thực và pháp nhiếp thủ.

Luật Ngũ Phần chép: Sư tăng nên sáu năm tự nhiếp, nếu dạy người khác thâm nhiếp đệ tử thì trái phạm đọa.

Luật Tăng-kỳ chép: Hòa-thượng-ni muốn trao cho đệ tử đầy đủ giới nên trước cầu thiện Tỳ-kheo, không được đến thời lựa chọn chúng, nếu người không được

nên cầu phân nửa chấp nhận, hoặc quá nửa mà tác pháp (người không phạm giới trọng, thỉnh pháp từ nơi khác có thể đủ số).

Luật Tứ Phần chép: thọ giới rồi không được liề lìa Hòa-thượng.

Luật Ngũ Phần chép: nên sáu năm nương theo Hòa-thượng, còn có thầy trò, giáo thọ báo ân, cúng dường, quở trách, trị phạt, đều như quyền trên, thầy trò thâm nhiếp nhau.

Kể là nói về các hạnh quan trọng, chớ vượt qua tám pháp kính.

Luật Thiện Kiến chép: lúc đầu Phật không độ cho người nữ, vì người nữ xuất gia làm hoại diệt chánh pháp năm trăm năm. Sau Phật vì họ mà nói tám pháp kính, cho phép người nữ xuất gia, nương theo giáo hạnh, trở lại một ngàn năm. Thời nay không thực hành, tùy theo chỗ mà pháp hoại diệt, cho nên phải cố gắng, nay nêu tám pháp đó:

1/ Tỳ-kheo-ni một trăm tuổi hạ thấy Tỳ-kheo mới thọ giới phải đứng dậy, đón rước lễ bái, hỏi thăm, mời ngồi.

2/ Tỳ-kheo-ni không được chê bai mắng nhiếc, vu khống Tỳ-kheo.

3/ Tỳ-kheo-ni không được cử tội nói lỗi Tỳ-kheo, Tỳ-kheo được nói lỗi của Tỳ-kheo-ni.

4/ Thức-xoa-ma-na đã học giới rồi nên theo chúng tăng cầu thọ đại giới.

5/ Tỳ-kheo-ni phạm tội Tăng tàn mỗi nửa tháng phải đến trong hai bộ tăng, ni hành Ma-na-đoả.

6/ Tỳ-kheo-ni trong mỗi nửa tháng phải đến trong tăng cầu thầy giáo thọ.

7/ Tỳ-kheo-ni không nên ở chỗ không có Tỳ-kheo mà hạ an cư.

8/ Tỳ-kheo-ni hạ an cư xong phải đến trong tăng, cầu người tự tứ như thế.

Tám pháp này nên tôn trọng, cung kính, khen ngợi, suốt đời không được trái.

Luật Ngũ Phần chép: nên sai ba vị Tỳ-kheo-ni đến trong Tăng tự tứ.

Trung A-hàm chép: trong tám pháp của tôn sư, nếu Tỳ-kheo cho phép Tỳ-kheo-ni hỏi kinh, luật, luận mới được hỏi, người không cho phép thì phạm pháp tôn sư thứ năm.

Luật Tăng-kỳ chép: Tỳ-kheo-ni vào chùa tăng trán nên lễ dưới chân Tỳ-kheo, hoặc già bệnh không kham nổi, tùy theo sức nhiều ít, người không khấp lễ chung miệng nói rằng: con là Tỳ-kheo-ni... trán lễ dưới chân tất cả tăng, nếu Tỳ-kheo vào chùa Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo-ni cũng lễ như vậy, không được nói: là phạm giới, là thầy thuốc, là ma-hala, không biết gì và tội hư thật, Tỳ-kheo được nói tội thật của Tỳ-kheo-ni, nếu Tỳ-kheo-ni kiêu mạn, không cung kính đứng dậy, đón rước lễ dưới chân thì trái với kính pháp.

Luật Thập Tụng chép: Thấy đại tăng không đứng dậy thì phạm tội đọa. Luật Ngũ Phần cũng nói như vậy.

Luật Tăng-kỳ chép: nếu bà con Tỳ-kheo-ni được nói lời mềm mại, không được quả trách, nếu thiếu niên nói rằng: nay ông không học, đợi già ư? Ông về sau nên dạy đệ tử, đệ tử cũng học như ông, cho nên phải thuận theo thọ kinh tụng kinh.

Luật Tứ Phần chép: Tỳ-kheo-ni vào chùa tăng ngay phạm tội đọa.

Luật Ngũ Phần chép: nếu đứng chỗ không thấy Tỳ-kheo, chẳng được không bạch mà vào, lúc bạch Tỳ-kheo nên trừ lượng, có thể cho phép được không, như trên nói rõ.

2. *Nói pháp Thức-xoa-ma-na* (Hán dịch là Học pháp nữ, không riêng đặc giới, trước do lập chí, sáu pháp luyện tâm làm thọ duyên).

Luật Tứ Phần chép: Đồng nữ mười tám tuổi nên cho hai năm học giới, lại nói tuổi nhỏ đã có chồng mười năm trao cho sáu pháp.

Luận Tát-bà-đa chép: người hai mươi tuổi được thọ giới cụ túc, vì bị nhà chồng sai khiến, chịu đựng những sự khổ nhọc, thêm sự nhàm chán.

Bốn sự và luật Tăng-kỳ cũng đồng.

Luật Thập Tụng chép: trong sáu pháp là để luyện tâm đọa, để nghiệm xét đại giới thọ duyên, hai năm là để luyện thêm để biết người đó có thai hay không, rộng như văn kia, cho nên trong văn nói suốt đời làm pháp, nên người không có thai hai năm thì có khả năng nhận được, cho nên phải đứng ở chỗ không nhưng thấy, bạch bốn thọ pháp, sau triệu đến nói cho tên gọi sáu pháp, cho đến trả lời “giữ được” như thường nói, đây là Thức-xoa-ma-na-ni học đủ ba pháp.

1. Học giới căn bản nghĩa là bốn giới trọng.

2. Học bốn pháp tức là Yết-ma, nghĩa là tâm nhiễm ô xúc chạm nhau, trộm bốn tiền của người, giết hại mạng súc sinh, tiểu vọng ngữ, ăn phi thời, uống rượu, trong văn có nêu, dâm dục, trộm cắp, sát sinh, nói dối, tùy theo mười giới Sa-di đã học mà nói.

3. Học pháp hành nghĩa là tất cả giới hạnh của đại ni đều phải học, nếu phạm các học pháp liền Yết-ma cho hai năm, nếu phạm giới căn bản liền bị diệt tận, phạm các hạnh khác chỉ gọi là khuyết hạnh. chỉ bảo cho sám hối sửa đổi, nếu học đủ hai năm rồi thì cho học lại hai năm.

Luật nói: Thức-xoa-ma-na phải học tất cả giới pháp của đại ni, trừ giới tự tay mình trao thức ăn cho người, nếu tự tay mình lấy thức ăn luật cũng chế phạm, không có Sa-di-ni thì không phạm, có người được trao cho Tỳ-kheo-ni, tự mình phải nhận lấy.

Luật Tăng-kỳ chép: Thức-xoa-ma-na nên học mười tám pháp:

1/ Ngồi dưới đại ni, ngồi trên Sa-di ni.

2/ Thức ăn bất tịnh của Thức-xoa-ma-na là thức ăn thanh tịnh của đại ni, thức ăn bất tịnh của đại ni là thức ăn bất tịnh của Thức-xoa-ma-na.

3/ Đại ni được ngủ với Thức-xoa-ma-na ba đêm, Thức-xoa-ma-na được ngủ với Sa-di-ni ba đêm.

4/ Thức-xoa-ma-na được trao thức ăn cho đại ni, trừ hỏa tịnh năm thứ sinh chúng, cầm vàng bạc tiền, tự mình theo Sa-di-ni thọ thức ăn.

5/ Tỳ-kheo-ni không được nói tên của bảy tự cho Thức-xoa-ma-na nghe.

6/ Được nói rằng: không dâm dục, không sát sinh, không nói dối, v.v... như vậy phải nhớ nghĩ.

7+ 8/ Đến ngày Bồ tát và tự tứ thì vào giữa tăng quỳ thẳng chấp tay bạch rằng: bạch A-lê-da, tăng, con là Thức-xoa-ma-na... thanh tịnh, xin chúng tăng nhớ nghĩ cho con (nói ba lần) rồi đi ra.

9, 10, 11, 12/ Bốn tội Ba-la-di sau, nếu phạm thì phải học lại từ đầu.

13/ Mười chín pháp Tăng tàn trở xuống, nếu phạm giới nào thì mỗi giới phải làm pháp sám hối tội Đột-cát-la, còn lại như giới trước đã nói.

Luật Tứ phần chép: không biết giới tướng tạo tác phi pháp, Phật chế cho học pháp phải học suốt đời.

Luật Thập tụng chép: vì độ cho người có thai sau có lỗi, Phật dạy hai năm học giới có thể biết.

*3. Pháp Sa-di ni đại khái đồng với pháp Sa-di.*

Nếu y theo pháp hành trụ thì Thức-xoa không được làm bạn với đại ni, vì giới không đầy đủ, tự mình không được với làm bạn Sa-di-ni, vì chẳng phải đồng học. Hoặc hai Tỳ-kheo-ni và một thức-xoa, hoặc hai thức-xoa và một Sa-di-ni được làm bạn, người khác thì không được.

---o0o---

### **THIÊN THỨ 30: SỰ HÀNH TRÌ RIÊNG CỦA CÁC BỘ**

Xưa nói rằng: Học rộng vì cứu giúp người nghèo cùng, lời này thật đúng, nếu Tứ Phần thiếu sự pháp, bộ khác tự có văn lý rõ ràng, thì sẽ y cứ theo thực hành, không nương theo hai, thế thì bỏ vôi vàng từ thông thả bỏ có cần không, tổn giảm khinh trọng, đúng sai tùy ý, người ngu có tâm lấy bỏ, đó chính là từ tâm hồ thẹn để lại gánh vác, tội đâu phải khoa của người khác nên tùy theo bản thọ để làm tông. Lời tựa của sao có hiệu bày, nếu hoàn toàn chưa dựa vào pháp thì tùy theo nhập vào một bộ để nương theo giữ gìn, thuận theo văn bản thận dùng làm mới y theo được, nhưng sự là muôn đường tìm nó khó trở lại, vả lại sơ yếu y cứ vào dụng để chỉ bày khuôn phép, bên trong chia làm bảy.

1. Nói về số Tăng nhiều ít.
2. Thánh pháp thông bát.
3. Phạm tội nặng khác nhau.
4. Nhiếp sự rộng hẹp.

5. Tâm cảnh khác nhau.
6. Xả bỏ sám hối có khác nhau.
7. Tùy tướng mà có thứ bậc khác nhau.

Trong phần đầu, luật Tăng-kỳ chép: Hòa-thượng trao giới ngoài mười người, pháp xả đọa thuộc về năm vị tăng, do sám chủ đơn bạch hòa hợp tăng, hối tăng cho có thể tự không đủ số, đến lúc trả lại tài vật, là Tăng tác pháp lại được đủ số, giống với năm người trong tự tứ.

Luật Tứ Phần chép: không phải văn, các thầy bốn vị phạm xả đọa, thứ năm cho là không phải nhập vào số tăng, vì luật nêu bốn vị tăng trong không nói, nên biết được dùng, nếu y theo thông giáo trên hiểu rõ là trái, năm người chịu sám hối từ đầu đến cuối không ngăn cản, ngoài ra như trong Hối Tự Pháp quyển trung.

Luật Thập Tụng chép: không có Hòa-thượng, người thọ giới đắc giới, tăng tác pháp phạm tội.

Luật Tát-bà-đa chép: Trước thỉnh Hòa-thượng thọ mười giới, lúc Hòa-thượng không hiện tiền cũng được mười giới, nếu nghe Hòa-thượng qua đời thì không được thọ giới cụ túc, không hiện tiền không đắc giới, nếu số Tăng đầy đủ, dù không có Hòa-thượng cũng đắc giới.

Luật Thiện Kiến chép: không có Hòa-thượng, người thọ đắc giới mắc tội, huỳnh môn làm Hòa-thượng cũng như vậy.

Luận Ma-đắc-lặc-già chép: người tại gia làm Hòa-thượng, cho người tại gia thọ đắc giới mắc tội, chẳng phải người xuất gia cũng như vậy.

Luận Tát-bà-đa chép: không cạo râu tóc, không có y bát mà thọ, đắc giới mắc tội. Nếu theo luật Tứ Phần đều không phạm.

Luật chép: Không gọi là thọ giới cụ túc.

Luật Thập Tụng chép: người nam làm người nữ, oai nghi như người nam thọ đắc giới mắc tội, tướng là người nữ thì trái lại trên.

Luật Ngũ Phần chép: nếu tự mình cắt bỏ nam căn, hoặc để lại một tinh hoàn thì được thọ, người hoàn toàn không có thì diệt tận.

Bộ Ngũ Bách Văn chép: Sư tăng trên đàn, hoặc mặc y phục thế tục, hoặc phạm giới cấm, hoặc người thọ giới biết là phi pháp thì không được, người không biết đệ tử mặc y phục thế gian, ngay lúc đó không hỏi thì được.

Luật Ma-đắc-lặc-già chép: Không biết Hòa-thượng là giặc trong Phật pháp, nương theo họ thọ giới thì đắc giới, các Tỳ-kheo phạm độn-cát-la, vốn là người phạm giới, vốn là người không phải hòa hợp, chẳng phải là người xuất gia, làm Hòa-thượng cũng vậy.

Luật Thập Tụng chép: Trong một giới bốn người cùng lúc thọ giới cụ túc, được bốn chỗ xoay vần dữ dục, hoặc một Tỳ-kheo một chỗ ngồi đầy đủ bốn chỗ số Tăng, một chỗ một người làm pháp Yết-ma được bốn chúng, như lấy gỗ cây, giường chõng liên tiếp bốn giới, ngồi trên đủ bốn chỗ số được bốn người, tất cả Yết-ma đều đúng pháp.

Luận Ma-đắc-lặc-già chép: có thể có Tỳ-kheo cho bốn chỗ người thuyết giới, thọ giới làm pháp Yết-ma là chẳng được phải không? Đáp: được, cho đến năm chỗ cũng như vậy, tám người, hai mươi người, mười lăm người, hai mươi tám người cũng như vậy.

Luật Thiện Kiến chép: Sa-di phạm giới trọng được xuất gia lại, trừ phá hoại phạm hạnh ni, không được y theo đây. nghe học sám hối, không được thọ giới cụ túc. Hai là Thánh pháp thông cuộc.

Luật Tứ Phần chép: Yết-ma lược thì có ba loại, rộng thì có tám phẩm, thêm bớt không thành, Thánh ấn nhất định, như đơn bạch không được bạch thêm bạch nhị, bạch nhị không được làm đơn bạch, v.v...

Luật Tăng-kỳ, Thập Tụng chép: thêm được thành tựu, nên làm đơn bạch, bạch nhị, bạch tứ thì càng tốt, giảm thì không thành.

Luật Tăng-kỳ chép: thêm một trung gian Yết-ma, cũng gọi là cầu thỉnh Yết-ma.

Luật Minh Liễu nói: trung gian cũng đồng.

Giải thích rằng: nghĩa là ở giữa đơn bạch và nhị bạch, lại thêm bạch Yết-ma, xướng chỗ lập ra việc, bất luận cho phép không ngăn cản, còn lại ba Yết-ma khác đồng với luật Tứ Phần.

Lại nói: Trung gian bạch thẳng, đây là hai Yết-ma ba người, v.v... cho làm, ba Yết-ma còn lại nhất định bốn người trở lên.

Luật Tứ Phần chép: Yết-ma chỉ thêm ba người, không được Tăng cử Tăng, nếu pháp can ngăn thì chung cho nhiều ít.

Luật Thập Tụng chép: trong Yết-ma được thêm bốn vị trở lên thọ giới cụ túc.

Luật Tăng-kỳ chép: không được người dữ dục nhiều, tăng ngồi ít thì không thành.

Luật Ngũ phân chép: cho phép nhiều người nhóm họp, ít người dữ dục.

Luật Tăng-kỳ chép: chuyển dục thì mất.

3/ Nói về phạm giới trọng.

Luật Tứ phần chép: giới có thọ lại, cũng có phạm lần nữa.

Văn nói: như trước, sau cũng vậy. Tỳ-kheo-ni xúc chạm gọi là tùy xúc, mỗi mỗi phạm Ba-la-di.

Luật Thập Tụng chép: không phạm giới trọng, vì giới không thọ lại, phạm giới dâm rồi phạm giới dâm phạm Đột-cát-la, phạm giới trộm cắp, sát sinh, đại vọng ngữ lại phạm ba giới trọng.

Văn nói: Ni học hồi phạm Tăng tàn, thỉnh Tỳ-kheo đến làm pháp ma-na-đỏa xuất tội, v.v... Thiên dưới tùy theo tội nặng nhẹ thiên đầu về sau phạm chỉ phạm Đột-cát-la.

Luật Tăng-kỳ cũng nói như vậy.

Bốn là nói về nhiếp sự.

Vả lại, luận về thọ giới hằng ngày các bộ khác nhau.

Luật Tứ Phần chép: có hai; ban đầu nói về hai ngày, đồng với luật Tứ phần, sau nói về sự xong, liền dùng pháp riêng trung gian, theo duyên sự trước chưa rõ pháp ở đâu, người không trở lại là được, sẽ chẳng phá giới, Tam bảo chánh duyên.

Cho nên văn nói: bạch Đại đức tăng xin lắng nghe, tôi là Tỳ-kheo... ở chỗ này an cư, nếu tăng phải thời mà đến tăng bằng lòng cho Tỳ-kheo... ở chỗ này an cư, vì tháp sự, Tăng sự mà xuất giới, xong việc trở lại ở trong đây. Chư Đại đức! Tỳ-kheo... vì Tăng sự, tháp sự, ra khỏi giới, xong việc trở lại chỗ này an cư, tăng bằng lòng vì im lặng, việc này hành trì như vậy.

Luật Thập Tụng chép: thọ nhật có hai: pháp bảy đêm đồng với luật Tứ Phần, gồm ban đêm lại dùng pháp ba chín đêm, bạch nhị Yếtma, văn không đồng với luật Tứ Phần. Cho nên luật kia chép: Bạch Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo... thọ ba mươi chín đêm vì việc Tăng ra khỏi giới, xong việc trở lại chỗ an cư tự tứ, tác bạch như thế, bạch Đại đức Tăng xin lắng nghe! Tỳ-kheo thọ ba mươi chín đêm ra khỏi giới, xong việc trở lại chỗ an cư tự tứ xong, các Trưởng lão nào bằng lòng, cho Tỳ-kheo... thọ ba mươi chín đêm vì việc tăng, ra ngoài giới xong việc trở lại chỗ an cư, tự tứ thì im lặng, vị nào không bằng lòng xin cứ nói lên. Tăng đã bằng lòng cho Tỳ-kheo... thọ ba mươi chín đêm vì việc tăng ra ngoài giới, xong việc trở lại chỗ an cư tự tứ. Tăng bằng lòng vì yên lặng, việc này hành trì như vậy.

Luật Thập Tụng chép: nhờ A-xà-lê xướng lập bày ở chỗ trống, Phật bảo bạch nhị tác tịnh bên trong, sau ngoại đạo chê bai rằng: nhà cư sĩ trợ trụ làm thức ăn và cho giở đưng cơm cùng người tại gia đâu khác gì. Phật dạy ra ngoài tăng phùng làm thức ăn, sau bị khói lửa nổi lên, người đến xin ăn ít, từ nay về sau không cho phép làm Yết-ma tịnh địa, nếu làm thì phạm Đột-cát-la, trước làm nên phạm xả đọa, nêu ra trong quyển hai bốn. Người bèn vọng dùng không cần kiết lại.

– *Tâm cảnh khác nhau:*

Luật Tứ Phần chép: tâm cảnh tưởng nghi như trong trì phạm phương quỹ.



Luật Ngũ Phần chép: Tâm không nghi, vì nghi có cả đúng sai, nên có phạm kết chính.

Luật Ấy chép: là người nữ mà nghi là côn trùng, nghi là cỏ cây, nghi đều tùy theo phạm Tăng tàn, Ba-dật-đề, tướng là quyết định thấu suốt, tâm cảnh không giống nhau là không phạm. Như luật Tứ Phần chép: phá giới dâm của tăng, thọ giới không khai, biết nghi, còn lại đều khai, ngoài ra như tùy tướng.

Luật Tăng-kỳ chép: tánh ác tội trên không nghi tướng, nên kia nói rằng: người nữ tướng huỳnh môn, xúc chạm phạm Tăng tàn, đều từ nơi cảnh chế ra, như ngăn tội ác trên được có tướng nghi.

Cho nên văn chép: sinh phải phải tướng, chẳng phải sinh nghi phạm Đột-cát-la.

Luật Thập Tụng chép: nếu trước có tâm phương tiện đều trừ tướng nghi, đều kết tội chính.

Kia nói rằng: Vật có chủ tướng không chủ và nghi phạm tội nặng cũng không luận cảnh trước ngăn tánh, nếu trước không có tâm phương tiện, đều có tướng nghi kết tội, và lại dẫn ra đường lớn, chẳng phải không có năm, ba khác nhau.

– *Xả, sám khác nhau.*

Luật Thập Tụng chép: có hai người ít vật báu, thì xả hẳn, người nhiều vật báu thì xả giao phó cho tịnh nhân đồng tâm, tịnh nhân khiến cho bỏ, làm ngọa cụ cho tăng bốn phương, tội đến trước tăng sám hối, còn lại đồng với Luật Tứ phần.

Luật Ngũ Phần chép: có năm thứ.

– Vào Tăng bỏ hẳn, hai vật báu bỏ cùng với tăng, tăng sai người thường bỏ, nếu tăng không bỏ thì tịnh nhân vì Tăng đổi trao y thực cho tăng dùng, chỉ có bốn chủ không được dùng, vì sợ thỏa nguyện bốn tâm.

– Vào hẳn trong tăng trải tọa cụ nhập vào thường trụ, chỉ có bốn chủ không được ngồi nằm.

– Vào tục tăng, bỏ thuốc cho tăng, tăng bỏ cho người thế tục Sadi, thoa chân đốt đèn, bốn chủ cũng không được dùng, tất cả Tỳ-kheo không được ăn, còn lại là đồng.

Luật Tăng-kỳ chép: có năm thứ khác nhau.

– Xả nhập vào vô tận tài của tăng, nghĩa là chứa đổi hai thứ báu, nếu sinh ra liền dứt lợi, làm phòng xả cho tăng, y tăng không được chia dùng và ăn. Vì chiết phục được tâm tham của bốn chủ, hai là xả vào tăng dùng, nghĩa là năm ngọa cụ trở lại tăng vật tùy theo Tăng dùng như thế nào v.v... trong đó kiêu-xa-da thuần đen tăng không được đắp dùng, được làm trải đất và làm hương kiêu mạn, v.v... sáu năm không được trải cỏ thi dưới đất, Tăng được đắp dùng, không được mặc vào thân, ngọa cụ lông trắng đẹp như ở trước, không đẹp như ở sau, còn lại thì đồng.

Luật Thiện Kiến chép: Vàng bạc nếu không có tịnh nhân thì hãy bảo ném bỏ. Tặng Yết-ma sai một Tỳ-kheo biết năm pháp khiến che lại, tự mình ném đi, chớ nên nhớ chỗ nào.

Luận Minh Liễu chép: nếu chuyển xe y đơi một tháng y quá mười ngày, bát qua mười ngày, y tắm mưa, gấp thì xả cho tăng rồi tăng hỏi. Nếu cần thì nên trở lại được dùng, nếu tự mình không dùng thì xả hẳn cho tăng, thọ y của ni chẳng phải bà con, y bỏ trở lại bốn ni, nếu bốn ni không bỏ cho ni, tăng sai ni giặt y trở lại tăng vật xả hẳn cho tăng. Dù chẳng phải cư sĩ là con xin một y, hai cư sĩ nên xả trả lại kia, kia nếu không còn hoặc lấy bỏ cho tăng qua đủ ba lần, tất cả phụ cụ sai thọ dết, dết y xả hết cho tăng, tâm tức giận đoạt y trả lại cho Tỳ-kheo tức giận, thuốc bảy ngày có hai công dụng, vẫn như kia đây đủ.

Luận Tát-bà-đa chép: tặng, bán vật, nếu khác với tâm tịnh nhân nên làm ngoại cụ cho bốn phương Tăng, vì chỉ phi bán, nếu ngoại đạo nhập Phật thì nên nói: Sa-môn Cù-đàm phần nhiều tham lợi, khiến cho đệ tử bỏ vật, giữ dùng tự vào, lại trừ ruộng phước của Phật, không vượt qua bốn phương Tăng, không luận thọ pháp, không thọ pháp trì giới, phá giới, nói pháp nói phi pháp, tất cả không ngăn che.

#### ***– Tùy theo giới tạp tướng.***

Luật Thập Tụng chép: phạm Tăng tàn, tùy theo che giấu tội không thực hành ở riêng sáu đêm, ngay thẳng và đưa ra tội, được gọi là xuất tội, chúng tăng mắc tội cho đến không thực hành biệt trụ ngay thẳng thực hành sáu đêm, ngay thẳng cho nêu tội, được đưa ra mắc tội, lại có sáu người hoàn toàn không tác pháp thanh tịnh ngay thẳng như vậy.

1/ Thượng tọa phạm Tăng tàn, những người sinh tâm khinh thường, Phật nói: nếu nhất tâm sinh niệm, dầu cho ngày nay lại không làm, tức là được thanh tịnh.

2/ Đại đức nhiều tri thức.

3/ Nhiều hổ thẹn, nếu khiến cho người thực hành thì thà trái lại giới.

4/ Bệnh nặng không quỳ gói được mà sức có thể sám hối.

5/ Chỗ ở không đầy đủ hai mươi vị, giữa đường gặp giặc chết.

6/ Chúng không thanh tịnh.

Đến ở phương khác, giữa đường gặp giặc chết, Phật nói: nhất tâm sinh niệm đúng như pháp sám hối, chính là người thanh tịnh được sinh lên cõi trời.

Luật Tử Chú chép: Sáu pháp sám hối này không thể dùng bừa bãi, và có câu may nói khoác tự khinh mình, tội không được trừ, quan trọng là phải hỏi rộng người biết luật, có khả năng giải quyết.

---

*Vào tháng sáu niên hiệu Võ Đức năm thứ chín đời Đường, bấy giờ, Sưu Dương Tăng, Ngũ Vô Thương Tục ngợi khen, tôi đóng cửa nường theo sự học hỏi để soạn ra thứ lớp, nhưng ý ở thực hành và dùng, thẳng bút viết thông suốt, không việc làm loạn văn.*

*Nói nhiều chậm chạp, ý tưởng có bậc thiện tri thức thông suốt, biết được sự ghi nhớ của tôi.*

---o0o---

HẾT